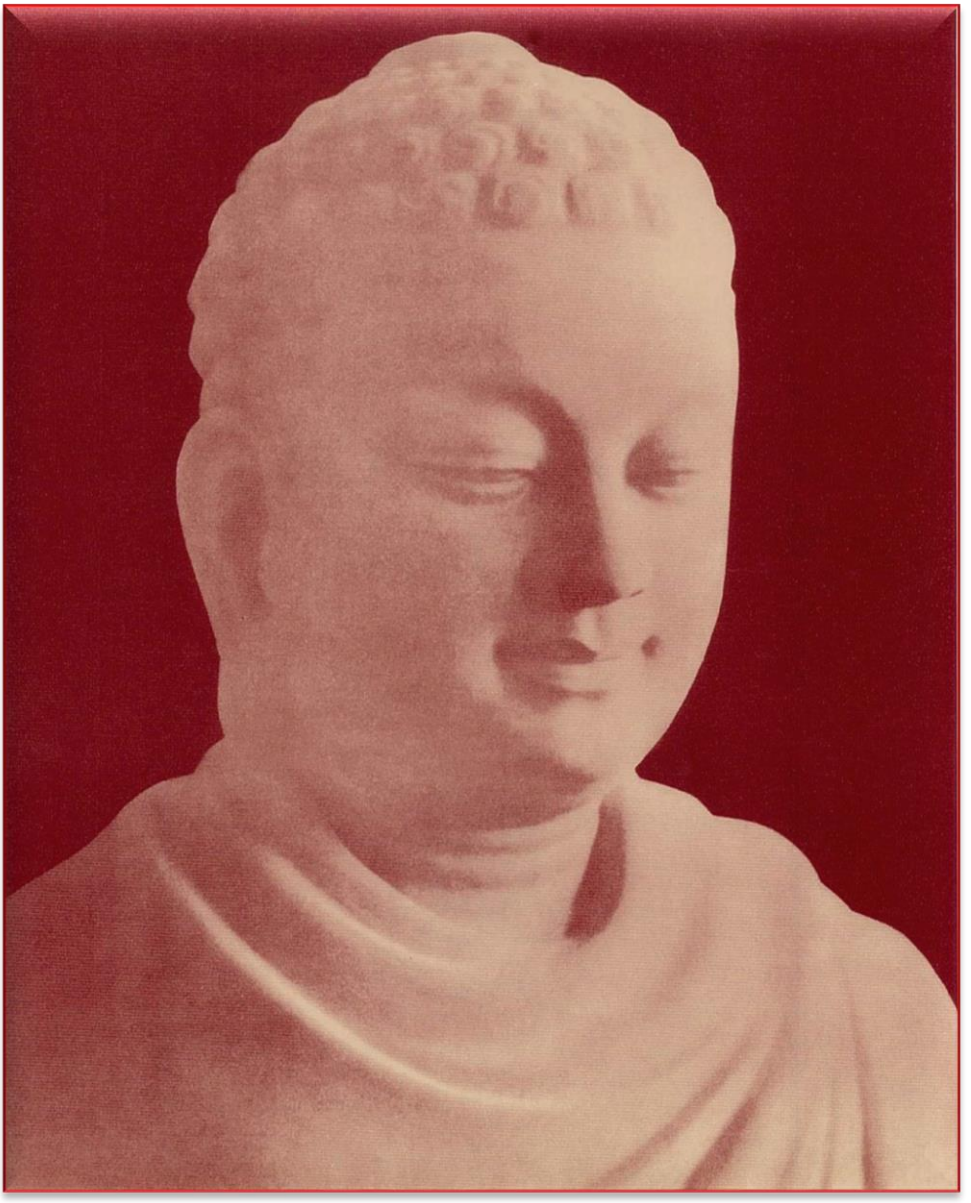


NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 58

BỘ KINH TẬP

V

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 58

BỘ KINH TẬP V

SỐ 585 → 605

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ KINH TẬP 5 – T058

SỐ 585 ..... **3**
KINH TRÌ TÂM PHẠM THIÊN SỞ VẤN **3**
QUYỂN 1 ..... **3**
Phẩm 1: Ánh sáng của Bồ-Tát Minh Võng 3
Phẩm 2: Bốn Pháp 13
Phẩm 3: Phân Biệt Lời Nói Pháp 18
Phẩm 4: Hiểu rõ các pháp 31
QUYỂN 2 ..... **44**
Phẩm 5: Nêu vấn nạn 44
Phẩm 6: Thưa hỏi 55
Phẩm 7: Đàm luận 70
QUYỂN 3 ..... **82**
Phẩm 8: Luận tịch 82
Phẩm 9: Lực hành 95
Phẩm 10: Chí nguyện Đại thừa 98
Phẩm 11: Hành đạo 107
Phẩm 12: Khen ngợi 110
Phẩm 13: Khen ngợi công đức 111
Phẩm 14: Đẳng hạnh 113
QUYỂN 4 ..... **116**
Phẩm 15: Thọ ký Thiên tử hiện bất thoái chuyển 116
Phẩm 16: Kiến lập pháp 135
Phẩm 17: Chư Thiên khen ngợi 139
Phẩm 18: Chúc lụy 144
SỐ 586 ..... **147**
KINH TƯ ÍCH PHẠM THIÊN SỞ VẤN **147**
QUYỂN 1 ..... **147**
Phẩm 1: Tựa 147
Phẩm 2: Bốn pháp 155
Phẩm 3: Phân biệt 160
Phẩm 4: Hiểu rõ các pháp (Phần 1) 172
QUYỂN 2 ..... **180**
Phẩm 4: Hiểu rõ các pháp (Phần 2) 180
Phẩm 5: Nêu vấn nạn 186
Phẩm 6: Vấn đàm 197
QUYỂN 3 ..... **211**

Phẩm 7: Đàm luận....211
Phẩm 8: Luận tịch....222
Phẩm 9: Lực hạnh....234
Phẩm 10: Chí Đại Thừa....237
Phẩm 11: Hành đạo....246
QUYỂN 4....250
Phẩm 12: Xưng tán....250
Phẩm 13: Ca ngợi công đức....251
Phẩm 14: Đẳng hành....253
Phẩm 15: Thọ ký Thiên tử bất thoái chuyển....255
Phẩm 16: Kiến lập pháp....268
Phẩm 17: Chư Thiên tán thán....272
Phẩm 18: Chúc lụy....279
SỐ 587....281
KINH THẮNG TƯ DUY PHẠM THIÊN SỞ VẤN....281
QUYỂN 1....281
QUYỂN 2....304
QUYỂN 3....328
QUYỂN 4....350
QUYỂN 5....374
QUYỂN 6....400
SỐ 588....421
PHẬT THUYẾT TU CHÂN THIÊN TỬ KINH....421
QUYỂN 1....421
Phẩm 1: Thưa hỏi về bốn việc....421
QUYỂN 2....445
Phẩm 2: Đáp về nghĩa pháp....445
Phẩm 3: Nói về pháp thuần thục....447
Phẩm 4: Nói về Thanh văn....451
QUYỂN 3....456
Phẩm 5: Nói về Vô úy....456
Phẩm 6: An trụ nơi đạo....461
Phẩm 7: Hạnh Bồ-tát....463
Phẩm 8: Phân biệt....465
QUYỂN 4....473
Phẩm 9: Kệ tán....473
Phẩm 10: Nói về các thứ đạo....477
SỐ 589....485
PHẬT THUYẾT MA NGHỊCH KINH....485

SỐ 590 511
PHẬT THUYẾT TỨ THIÊN VƯƠNG KINH 511
SỐ 591 515
KINH THƯƠNG CHỦ THIÊN TỬ SỞ VẤN 515
SỐ 592 537
KINH THIÊN THỈNH VẤN 537
SỐ 593 541
KINH PHẬT VÌ THIÊN TỬ THẮNG QUANG THUYẾT VƯƠNG PHÁP 541
SỐ 594 549
PHẬT THUYẾT ĐẠI TỰ TẠI THIÊN TỬ NHÂN ĐỊA KINH 549
SỐ 595 559
KINH TA-MIỆT-NÃNG-PHÁP THIÊN TỬ THỌ TAM QUY Y KHỎI SINH VÀO ÁC ĐẠO 559
SỐ 596 565
PHẬT THUYẾT THIÊN VƯƠNG THÁI TỬ TÍCH-LA KINH 565
SỐ 597 569
KINH LONG VƯƠNG HUYNH ĐỆ 569
SỐ 598 573
PHẬT THUYẾT HẢI LONG VƯƠNG KINH 573
QUYỂN 1 573
Phẩm 1: Hạnh 573
Phẩm 2: Phân biệt 590
Phẩm 3: Lục độ 591
Phẩm 4: Vô tận tạng 594
QUYỂN 2 600
Phẩm 5: Tổng trì 600
Phẩm 6: Tổng trì thân 605
Phẩm 7: Tổng trì môn 608
Phẩm 8: Phân biệt danh 618
Phẩm 9: Thọ ký 619
QUYỂN 3 625
Phẩm 10: Thỉnh Phật 625
Phẩm 11: Mười đức sáu độ 631
Phẩm 12: A-tu-la Yến cư được thọ ký 640
Phẩm 13: Vue Rồng vô phần được thọ ký 644
Phẩm 14: Nữ Bảo Cẩm được thọ ký 646
Phẩm 15: Trời Đế Thích 652
QUYỂN 4 654
Phẩm 16: Kim-sí-điểu (Chim cánh vàng) 654

Phẩm 17: Xá-Lợi....657
Phẩm 18: Pháp cúng dường....659
Phẩm 19: Không tịnh....668
Phẩm 20: Chúc lụy thọ trì....672
SỐ 599....681
KINH PHẬT VỊ HẢI LONG VƯƠNG THUYẾT PHÁP ẤN....681
SỐ 600....683
KINH THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO....683
SỐ 601....691
KINH PHẬT VÌ TA-GIÀ-LA LONG VƯƠNG SỞ THUYẾT ĐẠI THỪA....691
SỐ 602....701
PHẬT THUYẾT ĐẠI AN BAN THỦ Ý KINH....701
Bài tựa của ngài Khương Tăng Hội....701
QUYỂN THƯỢNG....703
QUYỂN HẠ....720
SỐ 603....739
KINH ẤM TRÌ NHẬP....739
QUYỂN THƯỢNG....739
QUYỂN HẠ....752
SỐ 604....765
PHẬT THUYẾT THIỀN HÀNH TAM THẬP THẤT PHẨM KINH....765
SỐ 605....768
KINH THIỀN HÀNH PHÁP TƯỚNG....768

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 58

BỘ KINH TẬP
V

SỐ 585 → 605

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

Số 585

KINH TRÌ TÂM PHẠM THIÊN SỞ VẤN

Hán dịch: Đời Tây tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

QUYỂN 1

Phẩm 1: Ánh sáng của Bồ-Tát Minh Võng

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn trúc Ca-lân, thuộc thành Vương xá, cùng với sáu vạn bốn ngàn Tỳ-kheo, bảy vạn hai ngàn Bồ-tát, tất cả đều là bậc Đại thánh, đã đạt được thần thông, các pháp Tổng trì, biện tài vô ngại, các pháp Tam-muội, trí tuệ vô sở úy, hiểu rõ sự vận hành tự nhiên của các pháp, đạt được pháp Nhẫn vô sinh.

Tên của bảy vạn hai ngàn Bồ-tát ấy là: Bồ-tát Phổ Thủ, Bồ-tát Bảo Sự, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Không Tạng, Bồ-tát Phát Ý Chuyển Pháp Luân, Bồ-tát Minh Võng, Bồ-tát Trừ Chư Ấm Cái, Bồ-tát Nhất Thiết Thí, Bồ-tát Thắng Tạng, Bồ-tát Liên Hoa Hạnh, Bồ-tát Sư Tử, Bồ-tát Nguyệt Quang, Bồ-tát Tôn Ý, Bồ-tát Tự Nghiêm… và nhóm của Bồ-tát Hiền Hộ gồm mười sáu vị: Bồ-tát Hiền Hộ, Bồ-tát Bảo Sự, Bồ-tát Ân Thí, Bồ-tát Đế Thiên, Bồ-tát Thủy Thiên, Bồ-tát Hiền Lực, Bồ-tát Thượng Ý, Bồ-tát Trì Ý, Bồ-tát Tăng Ý, Bồ-tát Thiện Kiến, Bồ-tát Bất Hư Kiến, Bồ-tát Bất Trí Viễn, Bồ-tát Bất Tổn Ý, Bồ-tát Thiện Đạo, Bồ-tát Nhật Tạng và Bồ-tát Trì Địa…

Bốn Đại thiên vương, trời Đế Thích và hàng tùy tùng, chư Thiên trời Đao-lợi, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, các vị trời Phạm thiên, trời Phạm thân và các vị trời khác, cùng với các chúng Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân đều vân tập đông đủ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn đang nói pháp cho vô số trăm ngàn đệ tử quyến

thuộc vây quanh, khiến tam thiên đại thiên thế giới đều cảm động, mưa xuống đủ loại hoa rải trên đại chúng.

Lúc này, Bồ-tát Minh Võng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay, đảnh lễ ngang chân Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con tối tăm có điều không hiểu rõ, kính xin Ngài rủ lòng thương cho phép, con mới dám thưa.

Đức Phật bảo Bồ-tát Minh Võng:

–Ông có điều gì nghi ngờ muốn thưa hỏi thì cứ nêu bày, Như Lai sẽ giải thích rõ để ông được vui lòng.

Đức Phật cho phép, Bồ-tát Minh Võng liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hào quang rực rỡ nơi thân của Như Lai thật khó có, sáng gấp trăm ngàn ức lần ánh sáng mặt trời, tôn nhan của Ngài oai nghiêm không ai sánh kịp, từ loài cao nhất cho đến loài hạ đẳng cùng cực không ai có thể chiêm ngưỡng kỹ càng được, sự tu hành của Ngài cũng không ai có thể suy lường. Con lại nghĩ: "Người nào được thấy oai tướng của Bậc Chí Chân và tư duy quán xét về công hạnh của Ngài đều là nhờ oai thần gia hộ của Phật Đại Thánh, có làm việc gì cũng đều được hoàn toàn an lạc."

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Minh Võng:

–Đúng như điều ông đã nói, người nào thấy thân của Như Lai chắc chắn đạt được chí nguyện và người hỏi cũng thế.

Như vậy, này Minh Võng! Thế Tôn có ánh sáng tên là Tịch nhiên ngôn sự *(lời nói và việc làm đều vắng lặng)*, chúng sinh nào nhìn thấy ánh sáng này, tức là thấy được Như Lai, xem xét các hình sắc bằng nhãn căn sáng suốt thấu rõ, chưa từng tối tăm.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Biện tài vô úy *(biện tài không sợ hãi)*, người nào thấy được ánh sáng này, có thể thưa hỏi Đức Như Lai về những điều khó hiểu.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Tích thiện đức *(chứa nhóm phước đức, căn lành)*, người nào thấy ánh sáng này, có thể thưa hỏi Phật về các đức hạnh của Chuyển luân thánh vương.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Thanh tịnh liễu *(hiểu biết thanh tịnh)*, người nào thấy được ánh sáng này, có thể thưa hỏi Phật về nhân duyên tạo tác để được sinh về cõi nước Đế Thích.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Đãi oai nhiên đỉnh, người nào gặp được ánh sáng này, có thể thưa hỏi Phật về việc sinh lên cõi Phạm thiên.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Thoát dục trần môn, người nào gặp

được ánh sáng này, có thể thưa hỏi Phật về thừa Thanh văn.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Chuyên nhất tuân đạm bạc hạnh, người nào gặp được ánh sáng này, có thể thưa hỏi Phật về thừa Duyên giác.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Nhất thiết tuệ trì tán dung, người nào gặp được ánh sáng này, có thể thưa hỏi Phật về trí tuệ của hàng Đại thừa và trí tuệ của Phật Chánh giác.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Nhạo trì dị bộ, thường phóng ra trong lúc đi dạo hay kinh hành, người nào gặp ánh sáng này, thì luôn được an ổn, sau khi qua đời được sinh lên cõi trời.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Nghiêm nhất thiết thanh tịnh anh lạc, Như Lai vào thành phóng ra hào quang này, những ai gặp được, tất cả đều đạt an lạc, ngay lúc đó, trong thành ấy, các châu báu và chuỗi anh lạc tự nhiên hiện bày, trang hoàng khắp chốn.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Hoại trừ, giả sử Như Lai hiện bày ánh sáng này, thì tạo sự cảm động đến vô lượng không thể tính kể các thế giới của Phật. Tóm tắt mà nói, lại nữa, này Bồ-tát Minh Võng! Như Lai lại có ánh sáng tên là Tích an, nếu chúng sinh trong địa ngục thấy được ánh sáng này, thì các khổ não hoạn nạn tự nhiên chấm dứt.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Siêu từ, nếu loài cầm thú gặp được ánh sáng này, thì không còn hung dữ và nguy hại.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Tế sở tạo, nếu loài ngạ quỷ trù luân trông thấy ánh sáng này thì không còn bị đói khát.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Ly cấu, giả sử người mù gặp được ánh sáng này thì mắt sẽ sáng tỏ như thường.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Nhĩ văn, người điếc nếu gặp ánh sáng này thì liền nghe được.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Hữu chí, người điên nếu gặp ánh sáng này thì liền được tỉnh.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Nhạo định, người nào thấy ánh sáng này, tự nhiên trừ bỏ các điều ác, tu hành mười điều thiện.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Thoát môn, người tà kiến nếu gặp ánh sáng này, liền đạt được chánh kiến.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Thú thiên, người tham lam keo kiệt nếu thấy được ánh sáng này sẽ ưa thích bố thí.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Vô nhiệt não, người phạm điều ác, nếu gặp được ánh sáng này sẽ giữ gìn giới cấm.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Trì tâm, những người sân hận trông thấy ánh sáng này liền có được nhẫn nhục.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Ân cần, người biếng nhác nếu thấy ánh sáng này liền đạt được siêng năng.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Chánh định, người buông lung nếu thấy ánh sáng này liền được thiền định.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Hiển diệu, người trí ác nếu gặp ánh sáng này liền đạt được trí tuệ sáng suốt.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Thanh trừng, người nghi ngờ gặp được ánh sáng này liền có lòng kính tin.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Tổng trì, người ít trí tuệ gặp được ánh sáng này liền được sự hiểu biết rộng.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Tuân cú tích, người không biết hổ thẹn gặp được ánh sáng này liền biết hổ thẹn.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Diệt trừ, người tham lam, dâm dục nếu gặp được ánh sáng này, liền tẩy sạch mọi hình tướng của tham dục.

Như Lai lại có ánh sáng tên là An lạc, người giận dữ nếu gặp được ánh sáng này thì không còn bị phẫn nộ làm hại.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Chiếu diệu, khiến người si mê trừ bỏ ngu tối.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Phổ tồn, khiến người tham, sân, si bỏ hết tham, sân, si.

Như Lai lại có ánh sáng tên là Phổ hiện sắc thân, chúng sinh nào gặp được ánh sáng ấy, tức là thấy được vô số sắc tướng, trăm ngàn hình tượng không thể tính kể của Như Lai.

Đức Phật bảo Bồ-tát Minh Võng:

–Hôm nay, Như Lai chỉ giảng nói sơ lược những điều cốt yếu này cho ông. Giả sử trong một kiếp, hoặc hơn một kiếp chỉ để thưa hỏi, cùng bàn luận về ánh sáng của Như Lai theo đấy mà mở bày kinh, pháp, thì cũng không thể nói hết về ánh sáng của Như Lai và tên gọi của các thứ ánh sáng ấy.

Bồ-tát Minh Võng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ngài là bậc vượt trên mọi chư Thiên, thật chưa từng có. Thân của Như Lai không có giới hạn, oai đức cao tột không thể nghĩ bàn, theo phương tiện thích hợp để diễn nói kinh pháp, từ xưa chưa từng nghe, hôm nay mới được như ý.

Bồ-tát nào nghe Đức Như Lai thuyết giảng về tên của những ánh sáng này mà hoan hỷ, kính tin đều sẽ được thân giống như Đức Như Lai, đầy đủ oai đức cao vời. Lại được nghe Đức Thế Tôn diễn nói về ánh sáng hiện có của chư Phật Như Lai tên là Khuyến hóa. Các vị Bồ-tát từ những cõi nước khác đều cùng vân tập đến, đến rồi họ liền vào trong chúng hội nơi cõi Ta-bà, ở đây Bồ-tát nào muốn thưa hỏi, liền đến trước Đức Như Lai để thỉnh vấn những điều còn nghi ngờ trong kinh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thấy Bồ-tát Minh Võng có điều cần thưa hỏi, liền phóng ánh sáng từ nơi thân tướng tỏa chiếu khắp đến vô lượng cõi Phật, đến vô số thế giới của chư Phật không thể nêu bày, khiến cho vô số ức trăm ngàn Bồ-tát thấy được ánh sáng ấy, liền vân tập đến chúng hội nơi cõi Ta-bà.

Lúc này, về phương Đông, cách đây bảy vạn hai ngàn thế giới của chư Phật, có nước tên là Thanh tịnh, Đức Phật ở đấy hiệu là Như Lai Nguyệt Minh. Cõi nước của Phật ấy có vị Phạm thiên tên là Trì Tâm, đã trụ nơi bậc không thoái chuyển của Bồ-tát, tự an lạc bằng diệu lực thần thông, trí tuệ của bậc Thánh, khi gặp được ánh sáng khuyến hóa rồi, liền đến chỗ của Đức Như Lai Nguyệt Minh Chí Chân Đẳng Chánh Giác, cúi đầu đảnh lễ ngang chân Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con muốn đến cõi Ta-bà để yết kiến Đức Như Lai Năng Nhân Chí Chân Đẳng Chánh Giác, cung kính, hầu hạ để lãnh thọ những điều cần thưa hỏi, giải đáp, Đức Thế Tôn ở cõi Ta-bà ấy cũng muốn được gặp con.

Đức Phật bảo:

–Này Phạm thiên! Ông nên đi đến cõi đó và biết rõ là đúng thời, hãy cùng với vô số ức chúng Bồ-tát đi đến thế giới Ta-bà.

Lại bảo:

–Này Phạm thiên! Ông đi đến cõi Ta-bà thì phải thực hành mười hạnh nguyện. Mười hạnh ấy là những gì?

1. Đối với mọi sự khen chê, tâm không thêm bớt. Nghe điều lành điều dữ, tâm không phân biệt.

2. Thực hành hạnh Từ bi.

3. Bình đẳng giáo hóa cho những hạng chúng sinh thượng, trung, hạ.

4. Ai khinh khi hay cung kính đều nhất tâm hồi hướng cho họ.

5. Không tìm tòi lỗi lầm của người khác.

6. Dùng một vị bình đẳng đối với tất cả các thừa.

7. Không sợ hãi đối với âm thanh xấu ác và âm thanh của cõi ác.

8. Đối với hàng Bồ-tát luôn cung kính xem như Phật.

9. Ở cõi đời năm trược xem như cõi nước Phật.

10. Như luôn thấy Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác.

Đó là mười hạnh nguyện.

Phật bảo Phạm thiên:

–Giữ gìn mười hạnh nguyện này, thì có thể đi đến cõi kia.

Khi ấy, Phạm thiên Trì Tâm thưa:

–Lúc ở trước Phật, con không dám phát ra âm thanh như tiếng gầm của sư tử, cũng không hiện ra hình tướng kỳ lạ với bất kỳ nhân duyên nào, chỉ muốn thanh tịnh để tu tập các hạnh nguyện, đạt được định ý mới đến thế giới ấy.

Bấy giờ, các Bồ-tát khác ở cõi Phật Nguyệt Minh đều tự khen ngợi:

–Bạch Thế Tôn! Thật là may mắn, chúng con đã có lợi ích tốt đẹp, nhờ đạt được phước đức nên không sinh vào cõi kia. Các chúng sinh ở cõi ấy, do tích chứa những thứ hoạn nạn, khổ đau nên mới chịu như vậy.

Đức Thế Tôn Nguyệt Minh bảo các Bồ-tát:

–Này các đệ tử! Đừng nói những lời như vậy. Vì sao? Giả sử ở cõi nước của ta tu tập phạm hạnh trong trăm ngàn kiếp, cũng không bằng ở cõi Ta-bà, từ sáng đến trưa không dấy khởi tâm mưu hại. Đây là việc rất thù thắng.

Lúc này, một vạn hai ngàn Bồ-tát ở thế giới Thanh tịnh đều phát nguyện:

–Chúng con sẽ thực hành đầy đủ các hạnh nguyện thanh tịnh, cùng nhau ủng hộ Đại sĩ Phạm thiên để đến chỗ Đức Năng Nhân Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác.

Trong thời gian bằng lực sĩ co duỗi cánh tay phải, Phạm thiên Trì Tâm cùng với một vạn hai ngàn vị Bồ-tát liền ẩn thân nơi cõi Phật của mình, hiện ra đến trước Đức Phật Năng Nhân ở cõi Ta-bà, cung kính đảnh lễ sát đất, rồi đứng qua một bên.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Minh Võng:

–Ông có thấy Phạm thiên Trì Tâm không?

–Bạch Thế Tôn, con đã thấy!

Đức Phật liền bảo:

–Phạm thiên Trì Tâm này đã hiểu rõ về cách thức thưa hỏi những

điều khó hiểu, thông đạt Phật pháp, biện tài khéo léo, là vị Bồ-tát đứng đầu trong chúng hội, Từ bi, dốc lòng dẫn dắt, giáo hóa chúng sinh, ở chỗ nào cũng đều đạt được an lạc.

Khi ấy, Phạm thiên Trì Tâm cùng một vạn hai ngàn Bồ-tát cung kính đảnh lễ xong, đi quanh chỗ Đức Phật ba vòng, mỗi vị đều dùng năng lực thần thông của mình hóa ra tòa ngồi, rồi an tọa trên tòa ấy. Phạm thiên Trì Tâm chắp tay, dùng kệ khen Phật:

Âm thanh vi diệu
Thông đạt của Phật
Oai đức xiển dương
Vang khắp mười phương.
Nay ở nước này
Chư vị tối thắng
Thảy đều thưa hỏi
Đức hạnh Đại Thánh.
Con ở cõi kia
Thanh tịnh không nhơ
Cõi ấy không có
Tên các đường ác.
Thảy đều giải thoát
Như cõi Phật đây
Mong được Như Lai
Ban rải lòng thương.
Nên con đến đây
Thánh tuệ của Phật
Không có tổn giảm
Tất cả Như Lai.
Từ xưa đến nay
Điều phục chúng sinh
Cứu độ bình đẳng
Các cõi nước Phật.
Hành hóa rộng lớn
Luôn luôn thanh tịnh
Nghiêm trì giới luật
Thực hành phạm hạnh.
Bị ai làm hại
Thì đem lòng Từ
Báo đáp cho họ

Tâm ý thù thắng.
Đặc biệt như vậy
Có thể thanh tịnh
Hộ trì ba nghiệp
Thân, miệng và ý.
Hôm nay vì pháp
Diệt trừ tất cả
Khổ não hoạn nạn
Trong ba đường ác.
Các Bồ-tát nào
Sinh ra ở đây
Thì chư vị ấy
Chưa từng lo sợ.
Các nghiệp đã tạo
Bị đọa đường ác
Cõi này cõi kia
Cũng đều diệt trừ.
Nếu Bồ-tát nào
Tâm có lo sợ
Phật đều ủng hộ
Đối chánh pháp này.
Chúng sinh đời sau
Ở khắp các cõi
Không bỏ chí nguyện
Không lìa trí tuệ.
Họ sẽ đoạn trừ
Kết sử trói buộc
Nếu đoạn trừ hết
Tham dục trần cấu.
Liền sẽ hộ trì
Chánh pháp chư Phật
Cũng sẽ vượt qua
Đạt đến thông tuệ.
Như cõi Phật khác
Vô số ức kiếp
Giữ gìn chánh pháp
Hoặc thuyết giảng kinh.
Không như Ta-bà

Giây lát giảng kinh
Đều rất thù thắng
Tôn quý bậc nhất.
Con cũng nhìn thấy
Thế giới diệu lạc
Và lại quan sát
Cõi Phật an vui.
Không có khổ não
Âm thanh hoạn nạn
Nếu như tu thiện
Không đủ đạt tánh.
Giả sử trừ hết
Tất cả trần lao
Bị người dữ hại
Luôn luôn nhẫn nhục.
Rồi dùng kinh pháp
Khuyên dạy cho người
Khiến họ đến đạo
Điều này thật khó.
Con kính cúi đầu
Xin Đấng Vô Thượng
Thương xót chỉ bày
Các pháp thoát khổ.
Việc Như Lai làm
Thật chưa từng có
Người có tâm ác
Ngài dùng pháp độ.
Ở giữa chúng hội
Làm bậc Đạo sư
Là bậc Bồ-tát
Tiếng lành mười phương.
Đối pháp không ngại
Giống như biển lớn
Giảng nói Phật pháp
Cho các chúng sinh.
Đế Thích, Phạm thiên
Và trời Hộ Thế
Các trời, rồng, thần

Chúng A-tu-la.
Và Khẩn-na-la
Vô số chúng sinh
Vân tập đến đây
Cầu Phật giảng nói.
Ý nghĩa kinh pháp
Tỳ-kheo tăng, ni
Cư sĩ nam, nữ
Cũng đều đến đây.
Trong chúng hội này
Kính xin Đức Phật
Giảng nói kinh pháp
Những người được nghe.
Đều đạt an lạc
Chí nguyện vững bền
Kính tin Đạo Sư
Chúng các Thanh văn.
Các vị Duyên giác
Năng Nhân biết rõ
Tùy nguyện hóa độ
Ngài vì các chúng.
Giải rõ nghi ngờ
Hôm nay con vì
Tất cả chúng sinh
Chí cầu Phật đạo.
Thưa hỏi Pháp Vương
Để họ được nghe
Những lời Phật dạy
Luôn tu lòng Từ.
Làm vô lượng báu
Chúng sinh mười phương
Nghe tiếng lành Phật
Dũng mãnh đạt được.
Trí tuệ vô lượng
Sẽ vì chúng sinh
Tùy theo chí nguyện
Hiểu biết của họ.
Giảng nói các hạnh

Không gì sánh kịp
Nếu chẳng phải chúng
Thanh văn đệ tử.
Tất cả Duyên giác
Thì không thể hiểu
Chúng con kính tin
Tối Thắng cứu độ.
Trí tuệ Thế Tôn
Không thể nghĩ bàn
Con xin quy y
Đạo Sư của đời.
Thưa hỏi Đại Thánh
Ý nghĩa pháp này
Xin không nhàm chán
Cũng không mệt mỏi
Vì con giảng nói
Cốt yếu pháp Phật.

-oOo-

Phẩm 2: Bốn Pháp

Bấy giờ, Phạm thiên Trì Tâm nói kệ tán thán Phật xong, liền quỳ gối chắp tay bạch Phật:

–Thế nào là chí nguyện kiên cường, không hề nhàm chán của Bồ-tát?

Thế nào là lời nói nhu hòa, từ tốn không phiền não của Bồ-tát?

Thế nào là cội gốc công đức đã tạo của Bồ-tát vượt trên các chúng sinh?

Thế nào là oai nghi đĩnh đạc không thô tháo của Bồ-tát?

Thế nào là pháp thanh tịnh được lợi ích lớn của Bồ-tát?

Thế nào là tự tại đi đến các cõi của Bồ-tát?

Thế nào là sự thực hành phương tiện thiện xảo đối với chúng sinh của Bồ-tát?

Bồ-tát giáo hóa khắp tất cả các loài như thế nào?

Bồ-tát có thể giữ gìn tâm đạo như thế nào?

Bồ-tát không làm cho tâm chúng sinh tán loạn như thế nào?

Bồ-tát tìm cầu căn lành nơi ý nghĩa của pháp như thế nào?

Bồ-tát hiểu rõ ý niệm, không bỏ lòng tin như thế nào?

Bồ-tát diệt trừ các phiền não như thế nào?

Bồ-tát thực hành phương tiện thiện xảo trong chúng hội như thế nào?

Bồ-tát giảng nói rõ ràng và ban bố chánh pháp rộng rãi như thế nào?

Bồ-tát biết được diệu lực báo ứng và không làm mất nguồn gốc công đức như thế nào?

Thế nào là Bồ-tát hiểu rõ nơi chúng sinh tu tập trí tuệ bất khởi và sáu pháp Ba-la-mật?

Thế nào là Bồ-tát thông đạt phương tiện để tu tập thiền định?

Thế nào là Bồ-tát không thoái chuyển đối với pháp Phật?

Thế nào là Bồ-tát chưa từng nghi ngờ đối với lời Phật dạy?

Đức Phật bảo Phạm thiên Trì Tâm:

–Lành thay, lành thay! Chính ông mới có thể thưa hỏi Đức Như Lai những ý nghĩa như vậy. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ.

–Lành thay, bạch Thế Tôn! Con xin dốc sức lãnh hội.

Phạm thiên Trì Tâm vâng lời Đức Phật rồi lắng nghe.

Đức Phật bảo Phạm thiên Trì Tâm:

–Có bốn pháp làm cho chí nguyện của Bồ-tát kiên cường, không hề nhàm chán. Bốn pháp ấy là gì?

1. Thương xót chúng sinh.

2. Tinh tấn không biết mỏi mệt.

3. Biết tất cả đều như mộng.

4. Đạt trí tuệ bình đẳng của Phật.

Lại có bốn việc để nói lời nhu hòa, từ tốn không tạo phiền não. Bốn việc ấy là gì?

1. Bồ-tát nhất tâm vì một người nên hiểu rõ về các pháp.

2. Bồ-tát nhất tâm nên không ưa thích tất cả các cõi.

3. Bồ-tát nhất tâm khen ngợi pháp Đại thừa.

4. Bồ-tát nhất tâm giảng nói các pháp thanh tịnh không làm mất nghiệp thanh tịnh.

Lại có bốn việc làm cho công đức đã tạo vượt trên các chúng sinh. Bốn việc ấy là gì?

1. Phụng trì giới cấm.

2. Học rộng nghe nhiều.

3. Bố thí.

4. Lìa bỏ thế tục.

Lại có bốn việc để làm cho oai nghi đĩnh đạc không thô tháo. Bốn việc ấy là gì?

1. Không cầu lợi dưỡng.

2. Không cầu danh dự.

3. Không cầu tiếng khen.

4. Không có khổ đau.

Lại có bốn việc làm cho nguồn gốc công đức của pháp thanh tịnh được lợi ích lớn. Những gì là bốn?

1. Có đầy đủ lòng tin, giáo hóa người khác.

2. Nếu có bố thí thì không mong đền đáp.

3. Giữ gìn chánh pháp.

4. Giảng nói rộng rãi về trí tuệ cho hàng Bồ-tát.

Lại có bốn việc để Bồ-tát tự tại đi đến các cõi. Bốn việc ấy là gì?

1. Phát khởi nguồn gốc công đức.

2. Từ bỏ các lỗi lầm.

3. Hiểu rõ và giúp đỡ.

4. Ân cần tinh tấn.

Lại có bốn việc để Bồ-tát thực hành phương tiện thiện xảo đối với chúng sinh. Bốn việc ấy là gì?

1. Thuận theo chúng sinh.

2. Khuyến khích người khác tạo nguồn gốc công đức.

3. Hối hận về những lỗi lầm đã làm.

4. Giảng nói Phật pháp.

Lại có bốn việc để giáo hóa rộng rãi khắp tất cả các loài. Những gì là bốn?

1. Thương xót người và vật.

2. Tu tập khiến cho mình được an ổn.

3. Nhẫn nhục an vui.

4. Khiêm nhường không kiêu mạn.

Lại có bốn việc để có thể giữ gìn tâm Bồ-đề. Những gì là bốn?

1. Tâm ý luôn nhớ nghĩ đến tất cả các công đức của Phật.

2. Đạt được tâm Bồ-đề.

3. Gần gũi bạn lành.

4. Thưa hỏi pháp Đại thừa.

Lại có bốn việc để chuyên tâm không tán loạn đối với chúng sinh. Những gì là bốn?

1. Không phát tâm theo hàng Thanh văn.

2. Hoặc là tâm của hàng Duyên giác.

3. Cầu pháp không nhàm chán.

4. Giảng nói lại giáo pháp đã nghe cho người khác.

Lại có bốn việc đề tìm cầu nguồn gốc căn lành nơi ý nghĩa của giáo pháp. Những gì là bốn?

1. Diệt trừ tất cả các bệnh phiền não giống như vị thầy thuốc.

2. Thuận theo nguồn gốc công đức không hề chống trái hay bỏ mất.

3. Nghĩ về đạo để diệt trừ tất cả các khổ của chúng sinh.

4. Đạt đến Niết-bàn.

Lại có bốn việc để hiểu rõ ý niệm không bỏ lòng tin. Những gì là bốn?

1. Dấy khởi nhẫn vô sinh.

2. Vượt trên nhẫn bất diệt.

3. Nhẫn nhân duyên, nhẫn vô sở trụ.

4. Làm mọi việc mà tâm không hề tán loạn.

Lại có bốn việc để chế ngự, chuyển hóa các thứ phiền não nơi trần cảnh. Những gì là bốn?

1. Suy nghĩ những điều thuận theo giáo pháp.

2. Giữ gìn giới cấm.

3. Hiểu rõ về năng lực của các pháp.

4. Thích ở nơi an ổn.

Lại có bốn việc để thể hiện các phương tiện thiện xảo trong chúng hội. Những gì là bốn?

1. Hiểu rõ ý nghĩa của các pháp.

2. Không tìm tòi lỗi lầm của người khác.

3. Luôn cung kính không hề kiêu mạn.

4. Mong cầu công đức, không phải vì cầu lợi cho mình mà bố thí khuyến khích mọi người tạo nguồn gốc công đức.

Lại có bốn việc để giảng nói rõ ràng và ban bố chánh pháp rộng khắp.

Bốn việc ấy là gì?

1. Luôn hộ trì chánh pháp.

2. Làm cho mình và người khác đạt được trí tuệ.

3. Tu tập theo hạnh nguyện của Bồ-tát.

4. Thị hiện các kết sử, sân hận, phiền não để giáo hóa.

Lại có bốn việc để biết được diệu lực của báo ứng và không làm mất nguồn gốc công đức. Những gì là bốn?

1. Không hề thấy xét về lỗi lầm của người khác.

2. Thực hành lòng Từ, diệt trừ tâm sân hận.

3. Giảng nói về nghiệp báo.

4. Đối với các pháp thường nhớ nghĩ về tâm Bồ-đề.

Lại có bốn việc để hiểu rõ nơi chúng sinh dùng trí tuệ vô sinh tu tập sáu pháp Ba-la-mật. Những gì là bốn?

1. Luôn xem việc bố thí giống như bạn bè thân thiết.

2. Giáo hóa mọi người, hiểu rõ bốn ân để chỉ dạy cho chúng sinh.

3. Ưa thích pháp sâu xa.

4. Thuận theo kinh điển.

Lại có bốn việc để thông đạt phương tiện tu tập thiền định. Những gì là bốn?

1. Hiểu rõ về tâm và nơi hướng đến của tội, phước.

2. Siêng năng tạo nguồn gốc công đức.

3. Không xa lìa chúng sinh.

4. Tu tập về trí tuệ phương tiện.

Lại có bốn việc để không thoái chuyển đối với Phật pháp. Những gì là bốn?

1. Cứu giúp vô lượng hoạn nạn trong sinh tử của chúng sinh.

2. Cúng dường và phụng sự vô số chư Phật.

3. Luôn tu tập theo vô lượng tâm Từ.

4. Hiểu rõ trí tuệ của chư Phật là không có giới hạn.

Lại có bốn việc làm cho Bồ-tát chưa từng nghi ngờ đối với lời Phật dạy. Những gì là bốn?

1. Không phân biệt về trí tuệ.

2. Lời nói luôn đi đôi với việc làm.

3. Trừ bỏ tham lam.

4. Kiến lập điều gì cũng nương nơi bản tánh.

Khi Đức Phật giảng nói về bốn sự việc này xong thì có vô số chư Thiên bằng số cát nơi hai sông Hằng đều phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, năm ngàn người đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Các vị Bồ-tát ấy đều từ vô số cõi Phật vân tập đến với chúng hội để cúng dường Đức Thế Tôn và chư Phật trong tam thiên đại thiên thế giới, cúng dường tung rải đầy khắp mọi nơi chốn.

-oOo-

Phẩm 3: Phân Biệt Lời Nói Pháp

Lúc ấy, Bồ-tát Minh Võng nói với Phạm thiên Trì Tâm:

–Chỉ Nhân giả mới có thể hiểu những điều luận bàn tôn quý, sâu xa, thấu tỏ ý nghĩa nơi các phương tiện của Bồ-tát. Đức Phật đã giảng nói rõ, vậy thế nào là Bồ-tát có điều muốn thưa hỏi ứng hợp với sự luận bàn vi diệu?

Phạm thiên Trì Tâm đáp:

–Người bình đẳng đối với ngã và ngã sở để hỏi, là hỏi thuận theo nghĩa lý; bình đẳng hỏi về sự giữ gìn các hạnh của người khác, đó là hỏi thích hợp; bình đẳng hỏi về hình tướng của các pháp, đó là hỏi thích hợp.

Lại nữa, này Bồ-tát Minh Võng! Không chấp về ngã, ngã sở, không chấp về người khác, không chấp vào pháp để hỏi, đó là hỏi thích hợp; hỏi về sự sinh khởi, hỏi về sự diệt tận, hoặc hỏi về nơi chốn, đó là hỏi thích hợp; giả sử có người hỏi về pháp không chỗ sinh khởi, không diệt tận, cũng không có nơi chốn, đó là hỏi thích hợp.

Nếu hỏi về các tham dục, phiền não của người khác, hoặc hỏi về sự tranh cãi điên đảo, đó là hỏi thích hợp; hỏi về sinh tử, sự vượt qua sinh tử, hỏi về vô vi, đó là hỏi thích hợp. Không hỏi về phiền não về sự không điên đảo, không sinh tử, không vượt qua sinh tử, cũng không có Niết-bàn, đó là hỏi thích hợp. Vì sao? Vì người quan sát các pháp cũng không tịch tĩnh, không bỏ tham dục, điên đảo, sinh tử, vô vi, đó là hỏi thích hợp. Điều mà người hỏi đạt được đó cũng là thích hợp. Giả sử lại hỏi có sự chứng đắc, đến lúc nào đó có sự đoạn trừ, hoặc có sự thực hành, đó là hỏi thích hợp.

Nếu có người không hỏi về sự chứng đắc, sự nhớ nghĩ về các tưởng, không giới hạn thời gian, không chấp giữ, không đoạn trừ các tưởng, cũng không thấy sự thực hành, đó là hỏi thích hợp. Vì tất cả chúng sinh mà thưa hỏi, tâm không vướng mắc, ý không nghĩ đến sự hỏi, đó là hỏi thích hợp.

Nếu hỏi về các căn lành, phước đức, đó là hỏi thích hợp với chân như. Nếu không hỏi về căn lành phước đức, đó là hỏi không thích hợp với chân như. Đây là việc thế tục, đây là việc vượt qua thế tục, đây là điều tội lỗi, đây là điều không tội lỗi, đây là các lậu, đây là chấp giữ, đây là không chấp giữ, nếu hỏi về hai việc như trên, chấp giữ những việc này là hỏi không thích hợp. Nếu không hỏi cũng không thấy có hai việc ấy, đó là hỏi thích hợp.

Nếu hỏi có bao nhiêu người nhìn thấy các Đức Phật, đó là hỏi thích hợp; hỏi có bao nhiêu pháp, đó là hỏi thích hợp với chân như; hỏi Thánh chúng có bao nhiêu, đó là hỏi thích hợp với chân như; hỏi chúng sinh có bao nhiêu, cõi nước có bao nhiêu, đó là hỏi thích hợp với chân như; hỏi về các thừa có bao nhiêu, chỗ dứt các tưởng có bao nhiêu, đó là hỏi thích hợp với chân như. Pháp không có liên quan, cũng không có bao nhiêu mà hỏi để luận bàn, đó là hỏi thích hợp với chân như. Tất cả các pháp đều thích hợp với chân như, tất cả các pháp cũng không thích hợp với chân như.

Bồ-tát Minh Võng hỏi Phạm thiên:

–Tất cả các pháp thích hợp với chân như và không thích hợp với chân như là thế nào?

Phạm thiên đáp:

–Người có thể hiểu rõ các pháp thì pháp ấy thích hợp với chân như. Nếu hỏi các pháp về tâm để làm cho tâm tinh tấn, đó là không thích hợp. Nếu cho rằng, tất cả các pháp và tướng của các pháp đều vắng lặng đều không và không phân biệt, đó là thích hợp. Người không vui thích trong pháp tịch tĩnh, đó là thích hợp. Người tinh tấn thực hành theo như vậy, dù có thực hành với tâm kiêu mạn thì cũng là thích hợp với chân như.

Bồ-tát Minh Võng lại hỏi:

–Thế nào là quán xét các pháp?

Phạm thiên đáp:

–Bản tánh tịch tĩnh, lìa hẳn tham dục, là quán xét các pháp.

Bồ-tát Minh Võng lại hỏi:

–Sao lại có rất ít người lãnh hội như vậy, mà chỉ hiểu điều không thích hợp với chân như, không lìa tham dục mà luận bàn đạo pháp?

Phạm thiên đáp:

–Có nhiều người không xa lìa hẳn tham dục mà thực hành và luận bàn các pháp hợp với chân như. Những người đã hiểu, vừa mới hiểu và sẽ hiểu, thì những người ấy cũng không hiểu các pháp, cũng không có chứng

đắc, cũng không có người và cũng không có điều để hiểu. Vì sao? Vì Đức Thế Tôn đại Bi đâu có nói gì. Mà họ lại nghe Đức Phật có thuyết pháp, rồi tu hành tinh tấn, làm theo lời dạy, trọn đời họ cũng không được trở về với bản tánh của mình. Nếu có đạt được điều gì, thì chẳng phải là chỗ quay về, là nơi hướng đến vì sự tu tập là không trở lại sinh tử, cũng không đạt đến Niết-bàn. Vì sao? Vì điều mà Đức Thế Tôn đã thông đạt thì không có sinh tử, cũng chẳng có Niết-bàn.

Bồ-tát lại hỏi:

–Đức Phật không vượt qua các nghiệp của sinh tử mà thuyết pháp sao?

Phạm thiên đáp:

–Đức Thế Tôn có tự nói: Ta đã vượt qua sinh tử hay không?

–Thưa không.

–Cho nên, thưa Nhân giả! Đức Phật Thế Tôn không bỏ sinh tử, không cầu Niết-bàn. Giả sử có các tưởng về sinh tử và Niết-bàn thì cũng không vượt qua cả hai, vì Ngài không có sinh tử. Người nào có chỗ để vượt qua thì không thể đạt được Niết-bàn. Vì sao? Vì sinh tử và Niết-bàn cũng đều bình đẳng. Vì không có sinh tử, cũng chẳng có Niết-bàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen Phạm thiên Trì Tâm:

–Lành thay, lành thay! Này Phạm thiên! Nếu muốn giảng nói điều gì thì phải giảng nói như vậy mới thật sự là nói.

Khi giảng nói lời ứng hợp này, có hai ngàn Tỳ-kheo đã đoạn trừ hết các phiền não, tâm đạt giải thoát.

Đức Phật nói với Phạm thiên:

–Như Lai không trở lại sinh tử, cũng không vào Niết-bàn. Tuy thị hiện nơi sinh tử nhưng không có lưu chuyển, cũng không diệt độ, không lo buồn, cũng không thấy có người và có sự diệt độ. Giả sử có Phạm thiên nào hiểu được ý nghĩa này, thì vị ấy không còn ở nơi sinh tử, cũng không thấy có pháp Niết-bàn.

Lúc này, trong chúng hội có năm trăm Tỳ-kheo, từ chỗ ngồi đứng dậy đi ra, liền nói như vầy: "Trong lúc tu tập phạm hạnh, chúng ta đều nghĩ là sẽ được diệt độ, nhưng nếu không có người được diệt độ, dù có dốc chí tu tập theo đạo này thì thật là uổng công, đâu có thể đạt được trí tuệ?"

Bấy giờ, Bồ-tát Minh Võng bạch Phật:

–Như vậy, bạch Thế Tôn! Giả sử có người muốn khiến cho pháp sinh khởi, đối với những hạng người ấy thì Đức Phật không ra đời, họ không thể

vượt qua các nạn khổ nơi sinh tử, vì họ quyết định cầu đạt Niết-bàn.

Bạch Đấng Thiên Trung Thiên! Niết-bàn là dứt bặt tất cả các niệm và tưởng, cũng không vọng động hư dối, đó là sự thông tuệ thù thắng, đặc biệt. Nếu các Tỳ-kheo này bằng lòng như vậy tức họ đã tự khinh khi với chính mình.

Thưa Đấng Thiên Trung Thiên! Các vị ấy đối với chánh pháp và luật của Phật, xuất gia tu hành mà nay bị rơi vào hàng ngoại đạo tà kiến, cho Niết-bàn là có xứ sở, giống như từ mè làm thành dầu, từ váng sữa làm đề hồ.

Bạch Thế Tôn! Người nào đối với tướng diệt tận của các pháp mà cầu đạt được Niết-bàn thì con cho rằng người ấy là kẻ tăng thượng mạn.

Thưa Đấng Thiên Trung Thiên! Người tu hành đúng nghĩa thì không có đối tượng để tu tập, người muốn đạt được bình đẳng, thì không bao giờ thọ lập dấy khởi chấp về pháp và thủ đắc về Niết-bàn, cũng không có sự mong cầu. Người muốn chứng đắc về pháp thì cũng không chấp nơi bình đẳng.

Bấy giờ, Bồ-tát Minh Võng nói với Phạm thiên Trì Tâm:

–Khi Nhân giả giảng nói những lời này, có năm trăm Tỳ-kheo nghe xong liền từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Nhân giả biết tâm niệm và sự hướng đến của những người ấy là có lòng tin, sao họ không hiểu được chánh pháp, phải nên cứu giúp họ thoát khỏi lưới tà kiến?

Phạm thiên Trì Tâm đáp:

–Thưa Đại sĩ! Giả sử họ có đi đến các cõi nước của chư Phật, với kiếp số nhiều như số cát nơi sông Hằng không thể tính kể, thì họ cũng không thể thoát khỏi pháp môn này. Giống như người ngu si, vì sợ hư không nên dong ruổi khắp nơi nhưng cũng không thể lìa khỏi hư không. Các Tỳ-kheo này cũng vậy, giả như họ có thể đi xa không thể hạn lượng, thì tướng Không, tướng Vô tướng, tướng Vô nguyện vẫn là thật tướng. Giống như có người thứ hai dốc tìm kiếm hư không khắp mười phương, muốn có được hư không, liền suy nghĩ: "Ta muốn có được hư không. Ta sẽ đạt được hư không và ở trong đó". Người này tự nói về hư không nhưng không hề biết hư không là gì. Tất cả lời nói và việc làm của người ấy đều ở trong hư không, nhưng không thấy hư không.

Như vậy, thưa Đại sĩ! Các Tỳ-kheo này vì cầu được diệt độ nên thực hành về Niết-bàn, vì cầu Niết-bàn nên không thể lãnh hội được chỗ hội nhập. Vì sao? Vì cho đạt được Niết-bàn thì đó chỉ là giả danh. Giống như hư không, nếu có đi qua hay ở trong hư không, thì lời nói về hư không cũng

gọi là không. Niết-bàn cũng vậy chỉ là giả danh mà thôi.

Khi ấy, nghe Phạm thiên Trì Tâm giảng nói như thế xong, có năm trăm Tỳ-kheo đoạn trừ hết các phiền não, đạt được thần thông liền khen ngợi:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp đều là Niết-bàn. Giả sử có người nào cầu đạt Niết-bàn, thì đối với người ấy Đức Phật không ra đời.

Kính bạch Đấng Đại Thánh! Chúng con hiện tại chẳng phải là phàm phu, không phải là hàng Hữu học cũng chẳng phải là bậc Vô học, không có sinh tử cũng chẳng có Niết-bàn, cũng không có pháp diệt độ. Vì sao? Vì đối với các thông tuệ, chúng con đã xa lìa sự hiểu biết vốn có, làm hưng khởi Phật pháp.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

–Các vị đã kiến lập, thông đạt đối với tuệ này và tự đạt được lợi ích chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Chúng tôi đã kiến lập và thông đạt đối với các phiền não không còn tạo tác.

–Vì sao các vị nói như vậy?

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì đoạn trừ phiền não, biết được thật tướng của phiền não, rõ tánh của Niết-bàn là không tạo tác. Do đó, chúng tôi mới nói là đã hội nhập vào thông tuệ, ở trong phiền não mà không hề tạo tác.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Lành thay, lành thay! Thưa các Nhân giả! Ta xin hỏi các vị, các vị đã kiến lập quả vị của Như Lai rồi sao?

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Đức Thế Tôn cũng còn là bậc Như Lai chưa hoàn toàn thanh tịnh, huống chi là chúng tôi mà đạt đến sự thanh tịnh rốt ráo.

Lại hỏi:

–Do đâu mà nói như thế?

–Đức Phật biết rõ về pháp giới vốn là thanh tịnh.

Lúc ấy, Phạm thiên Trì Tâm bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bậc Như Lai ứng hiện ở đời?

Đức Phật bảo Phạm thiên:

–Không bị mê hoặc theo pháp thế gian, cũng không chê bai pháp thế

gian.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là làm thanh tịnh hết các việc của Như Lai?

Phật dạy:

–Nếu đối với các pháp, không có đối tượng để thọ nhận.

–Bạch Thế Tôn! Ai là ruộng phước của thế gian?

Phật dạy:

–Là người không làm mất tâm Bồ-đề.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là bạn lành của chúng sinh?

Phật dạy:

–Không xa lìa tất cả chúng sinh.

–Bạch Thế Tôn! Người nào có sự báo đáp đối với Như Lai?

Phật dạy:

–Người không chống trái, nghi ngờ lời Phật dạy.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là phụng sự Như Lai?

Phật dạy:

–Là người hiểu rõ và đạt đến cảnh giới vô sinh.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là gần gũi với hạnh của Như Lai?

Phật dạy:

–Thà mất thân mạng, không bao giờ hủy bỏ giới cấm.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là người cung kính đối với Như Lai?

Phật dạy:

–Người tu hành luôn phòng hộ các căn.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là sự giàu có ở thế gian?

Phật dạy:

–Là đầy đủ bảy báu.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là người biết nhàm chán nơi thế gian?

Phật dạy:

–Là người đã đạt và vượt trên trí tuệ ở thế gian.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là hiểu rõ?

Phật dạy:

–Là đối với ba cõi, không có đối tượng để mong muốn.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là can ngăn và dẫn dắt thế gian?

Phật dạy:

–Đó là người không còn các kết sử, trói buộc.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là ở an ổn trong thế gian?

Phật dạy:

–Đó là người không tham lam, không nhận của cải.

–Thế nào là không tham lam?

Vì không có năm ấm ngăn che.

–Thế nào là xa lìa sự ngăn che của năm ấm?

Là xa lìa sáu nhập, cũng không có đối tượng để buông bỏ.

–Thế nào là luôn vượt hơn chính mình?

Là trí tuệ hiểu rõ về đạo.

–Thế nào là Bồ-tát làm chủ việc bố thí?

Là khuyến khích, giáo hóa tất cả chúng sinh khiến họ được nhập vào thông tuệ.

–Thế nào là giữ gìn giới cấm?

Là không bỏ tâm Bồ-đề.

–Thế nào là nhẫn nhục?

Là biết tâm đạt được sự diệt tận.

–Thế nào là tinh tấn?

Là tìm tâm mà không thủ đắc về nơi chốn.

–Thế nào là nhất tâm?

Là tâm hoàn toàn buông bỏ.

–Thế nào là trí tuệ?

Đối với tất cả pháp, không có sự hý luận.

–Thế nào là Bồ-tát thực hành tâm Từ?

Là không thực hành theo các tưởng chấp.

–Thế nào là Bồ-tát thực hành tâm Bi?

Là không nhớ nghĩ về các pháp.

–Thế nào là Bồ-tát thực hành về Hỷ?

Là không chấp vào ngã và ngã sở.

–Thế nào là Bồ-tát thực hành pháp Xả?

Là không chấp vào tưởng của mình hay tưởng của người.

–Thế nào là Bồ-tát kiến lập niềm tin vững chắc?

Là không lìa bỏ các pháp thanh tịnh.

–Thế nào là Bồ-tát học rộng nghe nhiều, an trụ vào không?

Là không nương tựa vào tất cả âm thanh ngôn ngữ.

Thế nào gọi là hổ?

Là hiểu rõ và đoạn trừ hết các pháp bên trong.

–Thế nào gọi là thẹn?

Không tập theo các pháp bên ngoài.

–Thế nào là Bồ-tát hội nhập vào khắp tất cả?

Lúc ấy, Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Nếu thân thanh tịnh
Không phạm điều ác
Lời nói thanh tịnh
Luôn nói thành thật,
Tâm ý thanh tịnh
Thực hành lòng Từ
Đây là Bồ-tát
Vào khắp tất cả.
Tu theo lòng Từ
Không còn phiền não
Luôn tu lòng Bi
Không hề sân hận,
Lại thêm tâm Xả
Nên chẳng ngu si
Đây là Bồ-tát
Vào khắp tất cả.
Nếu đến xóm làng
Hoặc nơi vắng vẻ
Thành ấp an ổn
Và trong chúng hội,
Chưa từng chống trái
Oai nghi lễ tiết
Đây là Bồ-tát
Vào khắp tất cả.
Lòng tin trùm khắp
Chánh pháp chư Phật
Lại thường vui thích
Kinh điển vô ngã,
Thánh chúng hoan hỷ

Không có luận bàn
Đây là Bồ-tát
Vào khắp tất cả.
Thoát khỏi sắc, dục
Chẳng đối tượng biết
Vượt qua sân hận
Không đối tượng vượt,
Hiểu rõ các hành
Là nơi hướng đến
Đây là Bồ-tát
Vào khắp tất cả.
Không hề trụ chấp
Đối với cõi Dục
Cũng không kiến chấp
Ở trong cõi Sắc,
Không còn đắm nhiễm
Trong cõi Vô sắc
Đây là Bồ-tát
Vào khắp tất cả.
Tin hiểu tất cả
Các pháp là không
Nhưng vì chúng sinh
Tư tưởng dong ruổi,
Do đó không thể
Sạch hết phiền não
Đây là Bồ-tát
Vào khắp tất cả.
Hiểu rõ hết thảy
Duyên giác, Thanh văn
Nhưng vì phương tiện
Khai thị người mê,
Nên dùng âm thanh
Giáo hóa cho họ
Đây là Bồ-tát
Vào khắp tất cả.
Hiểu rõ hết thảy
Các nẻo hướng đến
Chưa từng chống trái

Lời dạy Đạo sư,
Đối với ghét thương
Thực hành bình đẳng
Đây là Bồ-tát
Vào khắp tất cả.
Chưa từng nghĩ nhớ
Các pháp quá khứ
Hiện tại, vị lai
Cũng lại như vậy,
Không nương, chấp giữ
Tất cả nơi chốn
Đây là Bồ-tát
Vào khắp tất cả.

Bấy giờ, Phạm thiên Trì Tâm bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát vượt qua pháp thế gian, thông đạt pháp thế gian, hiện tại đi vào thế gian để cứu độ chúng sinh; thị hiện tâm bình đẳng đối với pháp thế gian, nương vào pháp thế gian để ở trong thế gian mà không hề hủy hoại pháp ấy, cũng chẳng làm mất tâm Bồ-đề?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Thế gian là năm ấm
Không vướng mắc thế gian
Cũng chẳng hề tham đắm
Không bỏ pháp thế gian,
Bồ-tát hiểu rõ ràng
Về thật tướng thế gian
Năm ấm không nguồn gốc
Không chấp pháp thế gian.
Lợi ích hay chẳng lợi
Khen ngợi hoặc chê bai
Danh tiếng, không danh tiếng
Hổ thẹn, khổ hoặc vui,
Bồ-tát có trí tuệ
Tuy ở trong thế gian
Không vướng vào tham dục
Tâm Bồ-đề chẳng động.
Lợi ích chẳng vui mừng
Tổn hao cũng không lo

Kiên cố như núi lớn
Không gì lay động được.
Khen ngợi hoặc chê bai
Tâm vị ấy bình đẳng
Danh tiếng, không danh tiếng
Khổ, vui, tâm bình đẳng.
Biết thật tướng thế gian
Đều khởi từ điên đảo
Thông đạt, ở trong đời
Chẳng lệ thuộc thế gian.
Nếu đi vào thế tục
Biết rõ nơi cần đến
Tùy theo nghiệp chúng sinh
Để cứu họ thoát khổ.
Dũng mãnh nơi thế gian
Vượt lên như hoa sen
Không hủy hoại thế gian
Do thông đạt pháp tánh.
Người đời ở thế gian
Không hiểu rõ các pháp
Bồ-tát ở thế gian
Tường tận tướng thế tục.
Thế gian, tướng hư không
Cũng không tướng hư không
Bồ-tát hiểu điều này
Nên chẳng nhiễm thế tục.
Tùy theo điều đã biết
Để giáo hóa chúng sinh
Thông suốt các thật tướng
Không hủy hoại thế gian.
Không chấp vào năm ấm
Là thật tướng thế gian
Vì không hiểu như vậy
Nên luôn vướng thế tục.
Nếu xa lìa năm ấm
Không khởi, không chấp giữ
Tuy vẫn ở trong đời
Nhưng chẳng hề vướng mắc.

Không hiểu pháp thế gian
Nên luôn thích tranh cãi
Do hư vọng, không thật
Nên kiến lập hai tướng.
Ta chưa từng can thiệp
Tranh cãi về thế gian
Do nhân duyên như vậy
Ta giảng thật tướng pháp.
Pháp là không tranh cãi
Lời dạy của chư Phật
Hiểu thế gian bình đẳng
Không giả, cũng chẳng thật.
Giả sử nói Phật pháp
Là giả dối, chân thật
Là lợi ích, tổn hại
Thì giống với ngoại đạo.
Thật nghĩa của các pháp
Không thật, không hư vọng
Nên Như Lai giảng nói
Pháp xuất thế không hai.
Ta đạt được trí tuệ
Thông đạt pháp thế gian
Không hư vọng, không thật
Thấy được mọi lỗi lầm.
Nên soi sáng thế gian
Thành bậc Đại Danh Văn
Ta đã hiểu rõ đời
Thanh tịnh, không nhơ uế.
Ai quan sát thế gian
Tự thân thấy thật tướng
Là thấy chư Như Lai
Hiện tại khắp mười phương.
Biết pháp từ duyên sinh
Các pháp không thật tướng
Nếu hiểu rõ nhân duyên
Thì thấu đạt pháp tánh.
Nếu thông đạt pháp tánh
Thì hiểu rõ về không

Nếu tường tận tướng không
Chắc chắn thấy Đạo sư.
Giả sử dùng âm thanh
Giảng nói về thế gian
Tuy làm việc thế gian
Nhưng không hề nương tựa.
Người rơi vào kiến chấp
Chẳng làm được điều này
Giả gọi ở trong đời
Không nhiễm việc thế tục.
Sau khi Phật diệt độ
Người nào thích pháp nhẫn
Hiện tại Phật vì họ
Mà hiện bày Pháp thân.
Nếu ai tu pháp này
Là đã cúng dường Phật
Nên biết là người ấy
Làm Đạo sư cho đời.
Cho dù ma Ba-tuần
Cũng không thể hại được
Nếu ở trong thế gian
Giảng nói về kinh này.
Là bậc đại trí tuệ
Bố thí tất cả pháp
Giữ tịnh giới hoàn hảo
Mau thành bậc Đạo sư.
Đạt đến nhẫn, dũng mãnh
Vị ấy luôn tinh tấn
Thông đạt, thích thiền định
Hiểu rõ về thế gian.
Giảng pháp không của Phật
Những ai nghe pháp này
Chắc chắn ở đạo tràng
Thành Đại sĩ hàng ma.

-oOo-

Phẩm 4: Hiểu rõ các pháp

Đức Phật bảo Phạm thiên Trì Tâm:

–Như Lai đã vượt qua cảnh giới của thế gian thị hiện ở đời để chỉ dạy cho chúng sinh đoạn trừ tập, đạt đến an lạc ở thế gian, muốn đạt đến an lạc phải diệt trừ tập, đó là năm ấm của thế gian. Người nào cho rằng: Ta đã vượt qua năm ấm, đạt được sự diệt tận ở thế gian, thành tựu được đạo, thì gọi là hai con đường diệt trừ tập.

Lại nữa, này Phạm thiên! Sao gọi là năm ấm?

Nói năm ấm tức là nói về tập, nếu muốn trừ các kiến chấp thì phải xả bỏ tập, người nào đoạn trừ các kiến chấp về tưởng nơi thật tướng các pháp thì người ấy đạt đến sự diệt tận. Diệt và đạo là không còn các kiến chấp, nên diệt trừ các kiến chấp ở thế gian thì đạt đến chánh đạo.

Do đấy, này Phạm thiên! Vì điều này, Như Lai nói ở thế gian có ba pháp phải giữ gìn và ba gánh nặng, diệt trừ tập ở thế gian, đạt đến sự diệt tận để cầu giải thoát.

Lúc ấy, Phạm thiên Trì Tâm bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai đã giảng nói về bốn Thánh đế. Thế nào là chỗ quy về của đế?

Đức Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Đó là nói về Khổ đế, Tập đế chẳng phải là Thánh đế; Diệt đế và Đạo đế cũng chẳng phải là Thánh đế. Vì sao? Vì giả sử các khổ đều là Thánh đế, thì tất cả các loài súc sinh như bò, ngựa, la, lừa, chó, heo… đều đạt được Thánh đế.

Nếu nói các tập là Thánh đế, thì tất cả chúng sinh trong năm cõi đều đạt được Thánh đế. Nếu nói diệt khổ là Thánh đế, thì tất cả các loài thấy sự đoạn diệt, liền cho là đoạn trừ hết khổ và đạt được Thánh đế. Nếu nói đạo là Thánh đế, thì tất cả các pháp hữu vi đều là đạo Thánh đế.

Này Phạm thiên! Do nhân duyên ấy, nên biết Thánh đế là quan sát về Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Thánh đế là biết rõ khổ vốn không có đối tượng được sinh khởi, đây gọi là Thánh đế. Người nào thực hành về tập đế thì không phải là Thánh đế, khi hiểu rõ pháp là không sinh, không diệt mới chính là Thánh đế. Nếu đối với tất cả pháp đều bình đẳng, đối với đạo cũng bình đẳng không hai, đây chính là Thánh đế.

Phật bảo Phạm thiên:

–Gọi là Thánh đế vì không có hư vọng. Sao gọi là hư vọng? Nghĩa là chấp có ngã, chấp có nhân, chấp có tuổi thọ, chấp có mạng sống, chấp vào

tướng nam, nữ, nương vào ba cõi, xa lìa cái vốn có, nương vào sinh, nhờ vào diệt, chấp nhận sinh tử, nương tựa Niết-bàn. Đó gọi là hư vọng. Đối với các điều này mà không nương tựa, cũng không mong cầu thì gọi là chân thật. Nếu muốn diệt trừ khổ nên là hư vọng, muốn diệt tập đế cũng là hư vọng, cho rằng ta sẽ chứng diệt đế cũng là hư vọng, tu hành về đạo đế cũng là hư vọng. Vì sao? Vì chấp giữ những lời Như Lai giảng nói về tám Thánh đạo hay bốn Niệm xứ cũng đều là hư vọng.

Phạm thiên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao phải tư duy về những lời dạy của Đức Phật?

Đức Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Không có tâm cũng không có niệm, đối với tất cả các pháp cũng vậy, đây mới thật sự là tư duy về những lời dạy của Như Lai. Đối với bốn Niệm xứ thì không có đối tượng để trụ, cũng chẳng chấp vào các tướng. Đã không trụ vào tất cả các tướng nên trụ vào cõi chân thật, trụ vào cõi chân thật thì không còn đối tượng trụ chấp. Nếu biết tâm không còn đối tượng để nương hay có đối tượng để trụ, thì không gọi là chân thật mà gọi là hư vọng. Do đó, nên biết quan sát về sự không chân thật cũng không hư vọng như vậy mới chính là Thánh đế, là quan sát về Thánh đế.

Thế nào là Thánh đế? Là không có đối tượng được sinh khởi, cũng không có đối tượng gọi là chân thật. Như Lai xuất hiện hay không xuất hiện thì Như Lai cũng chẳng trụ chấp vào pháp tánh và Niết-bàn, cũng không trụ nơi sinh tử, hay luôn quan sát về định chân thật. Vì sao? Vì Thánh đế là không có sinh tử, cũng chẳng có Niết-bàn.

Đức Phật bảo Phạm thiên:

–Nếu chứng biết về bốn Đế như vậy thì gọi là Thánh đế.

Này Phạm thiên! Đời sau sẽ có Tỳ-kheo không tu tập về thân, không giữ gìn giới cấm, không thể điều phục tâm, không siêng năng tu trí tuệ, liền giảng nói các tướng sinh tử là khổ đế, cho các duyên hòa hợp là tập đế, pháp được dứt trừ gọi là diệt đế, dùng hai pháp để cầu đạt về tướng là đạo đế. Đây là người ngu si, ta gọi người này là thuộc về ngoại đạo, không phải là hàng Thanh văn đệ tử của ta, là người bị rơi vào tà đạo, phá hoại chánh pháp, tự mình buông lung.

Này Phạm thiên! Lúc ngồi bên gốc cây nơi đạo tràng thành Phật, Như Lai không chứng đắc pháp chân thật, cũng chẳng có pháp hư vọng. Đối với các pháp, Như Lai không hề có nơi hướng đến. Do đó, đừng nên nói là có hai pháp môn quan sát để cầu chứng đắc pháp của Như Lai.

Phạm thiên bạch Phật:

–Thưa vâng, bạch Đấng Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Đó gọi là con đường điên đảo mê lầm, không thể diệt trừ hết tất cả các nơi hướng đến.

Bấy giờ, Phạm thiên Trì Tâm bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp của Như Lai không hề điên đảo, cũng không có đối tượng được chứng đắc. Vì sao khi thành Phật, Như Lai lại có danh hiệu là Bình Đẳng Giác. Ý nghĩa này là thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Như Lai đã giảng nói pháp là hữu vi hay vô vi, là chân thật hay hư vọng?

Phạm thiên đáp:

–Bạch Đấng Thiên Trung Thiên! Pháp ấy là hư vọng, không thật có, không trụ vào Thánh đạo.

Đức Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Pháp hư vọng, không thật ấy có chỗ trụ hay không có đối tượng để trụ?

Phạm thiên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp hư vọng, không thật ấy không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ.

–Này Phạm thiên! Sao gọi các pháp là không có chỗ trụ, cũng chẳng phải không có chỗ trụ? Thế nào là đắc đạo?

–Bạch Thế Tôn! Như Lai không có thủ đắc về đạo.

–Này Phạm thiên! Lúc ngồi ở đạo tràng nơi gốc cây Bồ-đề, Như Lai đã thông đạt các phiền não và hết thảy mọi điên đảo vốn luôn thanh tịnh, là tánh không, là thật tướng. Thông đạt như vậy, nhưng không có đối tượng để thông đạt, cũng chẳng phải không thông đạt. Vì sao? Vì Như Lai đã thấy suốt các pháp, thành Bậc Chánh Giác, sự thành tựu ấy là không thể thấy, không thể nghe, không thể nghĩ, không thể biết, không thể nhận, không thể chấp, cũng chẳng có nơi hướng đến, vượt qua tất cả các pháp tánh, không lời nói, không văn tự, không chữ nghĩa, không câu cú, cũng chẳng giảng nói. Như vậy, này Phạm thiên! Các pháp như hư không ông có muốn đạt được các pháp như thế chăng?

–Thưa không, bạch Đức Thế Tôn!

Phạm thiên lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai đã thành tựu đầy đủ pháp chân thật chưa từng có, thật không gì có thể sánh bằng. Chư Phật Thế Tôn đã có đủ lòng Từ bi rộng lớn, hiểu rõ tường tận các pháp là vắng lặng, dùng văn tự để giáo hóa cho mọi người. Những ai tin ưa pháp Như Lai thuyết giảng nên biết những người ấy đã tạo lập đầy đủ các cội gốc công đức. Những chúng sinh như vậy, thì đối với chư Phật không hề có lỗi lầm. Vì sao? Vì đối với pháp này, tất cả thế gian đều khó có thể tin nhận được.

Bạch Đấng Thiên Trung Thiên! Chúng sinh tin vào pháp, cho pháp chính là ngã sở. Họ nương tựa, chấp giữ nơi pháp nhưng pháp không thật có, không hư vọng, không có pháp cũng chẳng phải không có pháp. Chúng sinh nương tựa vào Niết-bàn, nhưng quan sát về Niết-bàn thì không có đầu tiên cũng chẳng có cuối cùng, cũng không có Niết-bàn. Họ nương vào pháp lành, nhưng không có pháp lành cũng chẳng phải không có pháp lành. Chúng sinh nương vào an lạc nhưng không có khổ, không có vui. Chúng sinh nương vào Phật, cho là Phật ra đời, nhưng Phật không ra đời, cũng chẳng diệt độ, lại vì sự quan sát chân lý của Thánh chúng mà xiển dương giáo pháp, dùng pháp vô vi để quan sát chân lý. Kinh điển như vậy thì thế gian có thể tin được. Ví như từ nước sinh ra lửa, từ lửa sinh ra nước đều là do nhân duyên hòa hợp.

Đức Phật dạy:

–Do nhân duyên này, Như Lai đã hiểu tường tận các phiền não, liền thành quả vị Phật. Vì sao? Vì Như Lai thông đạt về nhân duyên của các phiền não nên thành Bậc Chánh Giác, cũng chẳng thành Bậc Chánh Giác, tuy có thuyết pháp nhưng không thấy có sắc tướng, cũng chẳng có đối tượng để niệm, không tạo tác nhị biên, cũng không có đối tượng được chứng đắc, không thủ đắc Niết-bàn, cũng không hề vắng lặng.

Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nào có thể tin tưởng, hiểu rõ pháp này thì đoạn trừ hết tất cả các kiến chấp và được giải thoát, nên biết người ấy đã đảnh lễ quy y, cúng dường chư Như Lai ở quá khứ, đã được gần gũi bậc Thiện tri thức, được họ giúp đỡ nên đạt đến an lạc vi diệu, vun trồng các cội gốc công đức sâu dày, hiểu rõ và giữ gìn tạng pháp của chư Phật, diệt trừ mọi tội lỗi, kiến lập chánh đạo, sinh vào dòng dõi tôn quý, nắm giữ các tôn chỉ của Như Lai đã giảng nói, luôn thực hành bố thí, xả bỏ hết phiền não, đạt được diệu lực của giới, không còn tham dục nên đạt được năng lực của nhẫn, không còn sân hận nên được sức tinh tấn không hề nhàm chán, đạt được năng lực thiền định, diệt trừ mọi tội lỗi, có năng lực trí tuệ nên xa lìa tà kiến, tất cả các ma không thể lay chuyển, mọi thù địch oán hận

đều không thể phá hoại, không bị mê hoặc.

Đối với thế gian, người ấy dùng lời chân thật để giảng nói rõ ràng về các pháp vốn là thanh tịnh, là chân thật, giảng nói về pháp rốt ráo nên được sự hộ trì của Như Lai, luôn an lạc, hòa nhã ở nơi an ổn, gọi là người có tài sản của bậc Thánh, thường biết đủ đối với hạnh Hiền thánh, khéo léo biết được sự trưởng dưỡng và ân cần cúng dường nên có được lòng tin, đạt đến bờ bên kia, vì người có chí nguyện giải thoát nên khuyên họ nỗ lực để đạt được, vì người muốn được giải thoát nên khiến họ được giải thoát, làm chỗ nương tựa cho những ai không có nơi trở về, khiến cho người ưa thích pháp vô vi đạt được Niết-bàn, diễn nói pháp đầy đủ cho những ai ưa thích đạo pháp, thị hiện sự giải thoát đối với người ưa thích giải thoát, làm vị lương y biết rõ các phương pháp trị bệnh, vì tất cả những người bệnh mà trị cho họ được lành, dùng năng lực để dẫn dắt, khiến họ đạt được trí tuệ, có uy lực mạnh mẽ nên luôn vui vẻ, tự tại, không nương nhờ, không nhận bất cứ việc gì từ người khác, không sợ hãi, đến đâu cũng được thừa vi diệu như sư tử.

Tâm của người ấy an ổn như rồng thần, ở trong chúng tự tại như bậc điều tượng, có sức dũng mãnh như thần tiên, hàng phục oán thù như ở trong chúng hội, chí nguyện mạnh mẽ, tâm ý tự tại không hề lo lắng, thuyết giảng chánh pháp đều không có sự trở ngại, trừ sạch mọi phiền não cấu uế như ánh trăng rằm, ánh sáng trí tuệ như bó đuốc chiếu soi rộng rãi, như ánh mặt trời mọc tỏa sáng khắp nơi, diệt trừ tất cả tối tăm như đốt lửa giữa sân để soi sáng, xa lìa chấp giữ không hề tăng giảm, giữ gìn hành trì các pháp như đất, chúng sinh đều chiêm ngưỡng.

Người ấy như ruộng tốt để gieo trồng, phát triển trăm giống lúa, tẩy sạch tất cả các nhơ uế giống như nước, diệt trừ các tưởng giống như lửa, không chấp thủ tất cả các pháp giống như gió, không kề lay động như núi Tu-di, chí nguyện kiên cố như núi Kim cang, Thiết vi, các học phái ngoại đạo không thể so sánh, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể theo kịp. Người ấy dùng pháp vị nhiều như biển, làm bậc Thầy dẫn dắt, trừ sạch tất cả mọi thứ khao khát về ái dục nơi chúng sinh, mong cầu kinh pháp chưa từng nhàm chán, đối với trí tuệ thường không biết đủ, luôn vì Đức Phật mà chuyển pháp luân, dung mạo thù thắng như trời Đế Thích, tâm tự tại như Phạm thiên, giảng nói chánh pháp như sấm sét, rưới pháp cam lộ như mưa thấm nhuần đúng lúc, các căn, lực và giác ý đều được tăng trưởng, vượt qua hoạn nạn của sinh tử, nhập vào trí tuệ của bậc Thánh và chư Phật, gần gũi với sự giác ngộ của Phật, học rộng nghe nhiều không gì sánh bằng, vượt

qua lãnh vực lường xét nên không thể lường xét được, trí tuệ biện tài không ai sánh kịp, đạt được các pháp Đà-la-ni, chí nguyện bền vững, tâm ý sáng suốt, thấy rõ tất cả tâm tánh của chúng sinh, quan sát thông suốt nghĩa lý các pháp, luôn thực hành Từ bi đối với thế gian, vượt trên các pháp thế gian, không hề vướng mắc tham đắm giống như hoa sen, không bị nhiễm ô theo các pháp thế gian, được các bậc có trí tuệ kính mến, được những bậc học rộng nghe nhiều tin thuận, luôn được các hàng tu học cung kính thuận theo, được chư Thiên và loài người cúng dường, được các bậc Thiền định cung kính lễ bái, các bậc Hiền thánh đều tôn trọng gần gũi, hàng Thanh văn, Duyên giác đều khâm phục, thích xa lìa hạnh trụ chấp nơi các địa, không dua nịnh, phô trương, không tham lợi dưỡng, oai đức cao vời, làm sáng rõ dấu vết của Hiền thánh, tướng mạo đoan nghiêm, hòa nhã, oai nghi sáng rỡ không thể lường xét, dùng tướng tốt để tự trang nghiêm.

Người ấy có thể tu tập theo lời dạy của Phật giữ gìn giáo pháp, kinh điển, giúp đỡ chúng Hiền thánh, luôn được gặp chư Phật, nhờ điều này nên mau thành tựu Phật nhãn, được chư Phật thọ ký, đầy đủ ba nhẫn, sẽ được ngồi nơi đạo tràng của Phật, hàng phục các ma và quyến thuộc của chúng, thành tựu các thần thông, trí tuệ để chuyển pháp luân, thực hiện tất cả các Phật sự, hiểu được pháp sâu xa, không lo không sợ, không có hoạn nạn, không hề nghi ngờ.

Bạch Đấng Thiên Trung Thiên! Trong một kiếp hay trải qua nhiều kiếp, nếu con có nêu bày tán dương về công đức của vị ấy cũng chẳng thể cùng tận, vì vị ấy đã đạt được công đức, sự hành hóa không có giới hạn. Vì đạo của chư Phật vi diệu như thế, khó có thể thọ trì, khó lãnh hội, không thể thấy, khó thông đạt. Có người nào thọ trì, đọc tụng như lời dạy mà tu hành, hoặc vì người khác giảng nói pháp này thì người ấy đã kiến lập lòng tin bậc nhất.

Đức Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Công đức của vị ấy đạt được như ông đã nêu bày tán dương chỉ có Như Lai mới biết được tường tận, ông khó có thể thấu tỏ. Như Lai dùng trí vô ngại, biết rõ công đức của người ấy. Như Lai dùng câu cú nghĩa lý để thuyết giảng về công đức của người ấy thì ông mới có thể hiểu tường tận. Nếu người nào đã hiểu rõ ràng, luôn tùy thuận không hề chống trái, thành thật không bị mê lầm, hiểu rõ nghĩa lý chân chánh không bị tán loạn, thì hiểu rõ các tướng của sự việc như lời giải đáp, như pháp chân thật mà Như Lai đã giảng nói.

Lại nữa, giáo pháp Như Lai đã thuyết giảng, vượt qua các tướng của

văn chương, câu cú, không ai có thể hiểu rõ tường tận, không thuận hợp, không chống trái, không thực hành cũng chẳng thông đạt. Chỉ có ông mới có thể biết được nên không buông lung, đối với các tướng thì không nên nương theo lời nói mà hiểu được. Nếu lúc Như Lai không dùng lời nói thì chính là lúc Như Lai đang thuyết pháp. Như Lai chỉ dùng phương tiện giảng nói kinh điển vì lòng Từ bi thương xót chúng sinh nên Như Lai mới diễn thuyết chánh pháp.

Đức Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Bồ-tát nào hiểu rõ Như Lai nương vào năm lực để thuyết pháp, thì Bồ-tát ấy có thể kiến lập, thực hành các Phật sự.

Phạm thiên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai nương vào năm lực nào để thuyết pháp?

Đức Phật dạy:

1. Giảng nói pháp.

2. Dùng phương tiện thiện xảo để trả lời thích hợp.

3. Giảng nói pháp rõ ràng.

4. Không thiếu sót văn tự, nghĩa lý, nêu bày tường tận về đạo ly.

5. Nhập vào lòng Bi lớn.

Này Phạm thiên! Đó là năm lực mà Như Lai nương vào để thuyết pháp. Tất cả các hàng Thanh văn, Duyên giác đều không thể sánh bằng.

Phạm thiên lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai dùng ngôn từ nào để giảng nói chánh pháp?

Đức Thế Tôn bảo Phạm thiên:

–Như Lai thuyết giảng về quá khứ, hiện tại và vị lai, giảng nói về phiền não, điên đảo, pháp thế gian, xuất thế gian; pháp hữu lậu, vô lậu; pháp nhiễm ô, không nhiễm ô; pháp có tội, không có tội; pháp hữu vi, vô vi; pháp ngã, nhân, thọ mạng; pháp chứng đắc, giảng về luân hồi sinh tử và Niết-bàn.

Này Phạm thiên! Đối với các ngôn từ này nên quán như huyễn, không có gì chắc chắn; quán ngôn từ như mộng, thấy là không thật có; quán ngôn từ như tiếng vọng, do các duyên mà có âm thanh; quán ngôn từ như hình ảnh, do duyên hòa hợp tạo nên; quán ngôn từ như bóng, phản chiếu trong gương; quán ngôn từ như dấu ấn hiện ra, quán ngôn từ như dợn nắng, do nhận thức điên đảo; quán ngôn từ như hư không, sẽ có lúc chấm dứt; quán ngôn từ là không có lời lẽ, không thể nắm bắt.

Đức Phật bảo Phạm thiên:

–Bồ-tát nào có thể hiểu rõ về ngôn từ của các pháp như vậy, thì vị ấy có thể dùng ngôn từ để giảng nói các pháp. Đối với các pháp không hề nương tựa, vì không có đối tượng được duyên dựa nên có thể đạt được biện tài vô ngại, vì đạt được biện tài vô ngại nên có thể hiển bày các pháp bình đẳng không chướng ngại, giảng nói kinh pháp cho người ngang hàng cũng không hề trở ngại, đối với tất cả ngôn từ không làm hủy hoại pháp tánh, không chấp vào ngôn từ, không hủy hoại, cũng không duyên dựa.

Này Phạm thiên! Như Lai có thuyết pháp cũng chẳng dùng ngôn từ để giảng nói.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo để giảng nói chánh pháp như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Như Lai đối với các phiền não mà thị hiện sự trói buộc, lại ở nơi trói buộc mà thị hiện phiền não, Bồ-tát nên hiểu rõ điều này.

Này Phạm thiên! Như Lai đối với các phiền não mà thị hiện sự trói buộc như thế nào? Vì các phiền não là tự nhiên, bình đẳng không sai khác. Lại nữa, Như Lai đối với sự trói buộc mà thị hiện các phiền não, vì dựa nơi trói buộc mà thực hành bố thí nên đạt được Niết-bàn thanh tịnh, do ngu tối nên chúng sinh không thể hiểu rõ tai họa của các phiền não.

Bồ-tát nào hiểu rõ tất cả các pháp bố thí, thì đời sau vị ấy là của báu lớn ở thế gian. Vị ấy không còn có nơi hướng đến nên gọi là giới vô vi, là Niết-bàn, do không có đối tượng được chứng đắc nên cũng không có đối tượng để thực hành, do nhẫn nhục vô vi nên hư vọng, không thật có, do tinh tấn vô vi nên không có sự tu hành, do thiền định vô vi nên không có đối tượng được hoan hỷ, do trí tuệ vô vi nên thông đạt các tướng, bản tế của tướng là lìa dục nên pháp tánh là vô dục, bản tế của sân hận là suy xét về pháp tánh không trói buộc, bản tế của ngu si là suy xét về pháp tánh không ngu si, bản tế của sinh tử là vô vi nên không có đối tượng được sinh khởi, do vô vi nên vị ấy không còn sinh tử, thấy rõ ngôn từ là hư vọng, nếu cho rằng hư vọng là chân thì đó là tăng thượng mạn.

Lại nữa, này Phạm thiên! Như Lai tuần tự tùy theo các nhân duyên mà giảng nói pháp chân thật, tùy theo nhân duyên mà nói là thường, vì những người chấp vào ngã và ngã sở nên từ bỏ những sự bàn luận sai trái, vì những người tà kiến, không có lòng tin mà tạo lập chánh kiến, làm cho họ phát khởi lòng tin, không còn mong cầu, vì biết rõ những người tà kiến nên Như Lai giảng nói rõ ràng, đến khi họ có chánh kiến thì Như Lai lại

giảng nói về pháp chân thật. Chúng sinh nào từ bỏ cao ngạo ngã mạn, Như Lai vì họ mà giảng nói pháp chân thật.

Lại nữa, này Phạm thiên! Bồ-tát nào biết Như Lai là Bậc Chí Chân, nên hiểu rõ những lời dạy của Như Lai đều là phương tiện, nếu biết rõ Như Lai dùng phương tiện thiện xảo để giảng nói chánh pháp, thì người ấy đạt được giải thoát. Người nào tin tưởng vào những điều sai trái, thì Như Lai sẽ vì họ mà thị hiện các sự báo ứng của chúng sinh khiến họ được giác ngộ. Nếu người nào nghe giảng nói về Pháp thân, liền cho là ngôn từ chân thật của Như Lai, vì giải thoát tà kiến mà dốc lòng tin, do nương vào pháp nên tôn kính văn tự, những chúng sinh như vậy thì đừng giảng nói pháp này cho họ. Vì muốn giải thoát tà kiến nên người ấy chưa từng tin vào pháp ấy, cũng không có đối tượng được chứng đắc, cũng không có sự sai biệt, nếu cho là có Niết-bàn, đó là tin vào tà kiến, người ấy ở trong điên đảo phiền não mà cho là vô vi, thì không bao giờ đạt được Niết-bàn, vì những người có lòng tin như vậy muốn được giải thoát nên Như Lai giảng nói các pháp là không sinh cũng chưa từng diệt, nếu cho là đối tượng được diệt thì đó là tin theo tà kiến, khi được nhập vào pháp tịch tĩnh thì sẽ được giải thoát, liền biết là không có đối tượng, người tin theo tà kiến như vậy, liền được hiểu rõ các pháp chân thật.

Này Phạm thiên! Bồ-tát nào có thể hiểu rõ về phương tiện thiện xảo và ngôn từ nơi pháp chân thật, thì đối với tất cả âm thanh họ không hề sợ hãi, lại có thể mở bày dẫn dắt làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh.

Phạm thiên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai thực hành các phương tiện như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Như Lai vì chúng sinh mà giảng nói, nếu bố thí thì sẽ được phước báo giàu có, trì giới thì được sinh lên cõi trời, nhẫn nhục thì được thân đoan nghiêm, tinh tấn thì được trí sáng suốt, thiền định thì đạt được an lạc không tán loạn, học về trí tuệ thì diệt trừ phiền não, ái dục, học rộng nghe nhiều thì mau đạt được trí tuệ, thực hành mười điều lành thì được dự vào hàng tôn quý ở cõi trời và cõi người, thực hành về Từ, Bi, Hỷ, Xả thì được sinh lên cõi Phạm thiên, nếu quan sát về sự tịch tĩnh lặng lẽ thì đạt được học địa, địa Duyên giác, địa Vô học, địa Như Lai thanh tịnh. Như Lai thị hiện trí tuệ không có giới hạn, nếu chúng sinh đạt được giải thoát thì diệt trừ tất cả khổ.

Đức Phật bảo Phạm thiên:

–Như Lai dùng phương tiện thiện xảo, vì chúng sinh mà thị hiện, giảng nói chánh pháp đúng lúc như vậy, nhưng Như Lai chưa từng nghĩ

nhớ đến các tưởng về ngã, ngã sở, nhân và thọ mạng. Sự hành hóa của Như Lai cũng chẳng có đối tượng được chứng đắc, không tham tiếc cũng chẳng bố thí, không trì giới cũng chẳng phá giới, không nhẫn nhục cũng chẳng sân hận, không tinh tấn cũng không biếng nhác, không thiền định cũng không tán loạn, không trí tuệ cũng không ngu si, không có Bồ-đề cũng chẳng có Niết-bàn, không an lạc cũng chẳng có hoạn nạn.

Này Phạm thiên! Giáo hóa chúng sinh khiến họ siêng năng tu hành, nhờ siêng năng tu hành nên hiểu được pháp ấy như chí nguyện đã lập, hoặc đạt được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, hoặc A-la-hán, cho đến quả vị Duyên giác, hoặc chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến vượt qua pháp vô vi. Như vậy, này Phạm thiên! Như Lai dùng phương tiện thiện xảo vì chúng sinh mà giảng nói kinh điển. Hàng Bồ-tát cũng vì chúng sinh nên dùng phương tiện thiện xảo dấy khởi lòng Từ, thường giảng nói chánh pháp để cứu giúp họ.

Phạm thiên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giáo pháp Như Lai đã thuyết giảng là gì?

Đức Phật dạy:

–Pháp không có nơi mắt, cũng chẳng có giải thoát, cho đến tai, mũi, thân, miệng, ý cũng vậy. Vì sao? Vì mắt là không, nên không có ngã cũng chẳng có ngã sở, tất cả vốn là thanh tịnh, cho đến tai, mũi, lưỡi, thân, miệng, ý, ý cũng là không, nên không có ngã cũng chẳng có ngã sở, tất cả vốn là thanh tịnh.

Đức Phật bảo Phạm thiên:

–Đó gọi là tất cả các pháp đều quy về pháp môn giải thoát, nếu còn có nơi hướng đến thì gọi là huyễn hóa, sáu pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng vậy, tất cả các pháp thảy đều là không, vô tướng, vô nguyện, không sinh, không diệt, không trụ cũng chẳng phải không trụ. Gọi như vậy là vì ý không trụ cũng không sinh, vốn thanh tịnh, tịch tĩnh như nhiên.

Đức Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Như Lai dùng tất cả văn tự để diễn nói pháp môn giải thoát, dùng các câu cú để dẫn dắt người ngu si, khiến họ nương vào văn tự để quan sát về giáo pháp chân thật, nếu hiểu rõ tất cả từng lời dạy của Như Lai thì sẽ đạt được giải thoát, vì những điều Như Lai đã thuyết giảng đều là chân thật. Kinh điển mà Như Lai đã giảng nói không có phiền não, tất cả các pháp ấy đều là không, là giải thoát, Niết-bàn. Đây gọi là kinh điển do Như Lai giảng nói, Bồ-tát nên tu học nơi pháp như vậy.

Đức Phật lại bảo:

–Này Phạm thiên! Như Lai dùng phương tiện gì để phát khởi lòng Từ bi lớn, giảng nói chánh pháp cho chúng sinh?

Này Phạm thiên! Như Lai dùng ba mươi hai pháp để phát khởi lòng Từ bi lớn cứu giúp chúng sinh. Ba mươi hai pháp ấy là những gì?

1. Tất cả các pháp không có ngã, ngã sở nhưng chúng sinh tin là có ngã, ngã sở, Như Lai vì họ mà phát khởi lòng tin.

2. Tất cả các pháp không có nhân, nhưng chúng sinh chấp là có nhân, Như Lai vì họ mà phát khởi lòng Từ bi.

3. Tất cả các pháp không có mạng sống (chúng sinh), nhưng chúng sinh lại chấp là có mạng sống, Như Lai vì họ mà phát khởi lòng Từ bi.

4. Tất cả các pháp không có tuổi thọ, nhưng chúng sinh lại chấp là có tuổi thọ, Như Lai vì họ mà phát khởi lòng Từ bi.

5. Tất cả các pháp là không phân biệt, nhưng chúng sinh lại chấp là có phân biệt, Như Lai vì họ mà phát khởi lòng Từ bi.

6. Tất cả các pháp không có đối tượng được duyên dựa, nhưng chúng sinh lại chấp là có đối tượng nắm bắt.

7. Tất cả các pháp đều hư vọng mà chúng sinh lại cho là có sự an lạc.

8. Tất cả các pháp đều không có ngã, ngã sở mà chúng sinh lại cho là có ngã và ngã sở.

9. Tất cả các pháp đều không có chủ tể mà chúng sinh lại tham chấp.

10. Tất cả các pháp không thể giữ gìn, nhưng chúng sinh lại nương tựa vào thân sắc.

11. Tất cả các pháp đều không sinh, nhưng chúng sinh lại chấp là có phát sinh.

12. Tất cả các pháp đều không diệt, nhưng chúng sinh lại tham lam đối với sinh tử.

13. Tất cả các pháp đều không phiền não nhưng chúng sinh lại chìm đắm trong phiền não.

14. Tất cả các pháp là không tham dục nhưng chúng sinh lại bị nhiễm ô.

15. Tất cả các pháp không có sân hận, nhưng chúng sinh lại kết buộc giận dữ.

16. Tất cả các pháp đều không ngu si nhưng chúng sinh lại bị mê lầm.

17. Tất cả các pháp đều không từ đâu đến nhưng chúng sinh lại thích nương vào nơi hướng tới.

18. Tất cả các pháp đều không có nơi hướng đến nhưng chúng sinh lại cho là có đầu tiên và cuối cùng.

19. Tất cả các pháp là không tạo tác mà chúng sinh lại kiến lập sự tu tập.

20. Tất cả các pháp đều không buông lung, mà chúng sinh lại dong ruổi, phóng túng.

21. Tất cả các pháp đều tịch tĩnh, nhưng chúng sinh lại cho là có xứ sở, có đối tượng để thấy biết.

22. Tất cả các pháp là không có tưởng nhưng chúng sinh lại cho là có tưởng, hành là hơn hết.

23. Tất cả các pháp đều không tạo tác nhưng chúng sinh lại dốc mong cầu.

24. Thế gian ôm lòng giận dữ, trói buộc, luôn bị lo âu, chán nản, không cùng hội họp với thù địch, không nhu hòa đối với những điều khó nhẫn nại, Như Lai khiến cho họ trừ bỏ được tất cả những điều đã chấp giữ,

25. Thế gian tích tập làm theo tà kiến, điên đảo nên Như Lai vì họ mà diệt trừ tận gốc những điều ấy.

26. Chúng sinh không hướng đến đạo nên nương tựa vào phiền não và tài lợi ở thế gian, ưa chuộng tất cả tài sản, tham lam không hề nhàm chán, nên Như Lai vì họ mà kiến lập đầy đủ bảy loại báu của Hiền thánh là: Tín, giới, tàm quý, văn, thí và trí tuệ.

27. Chúng sinh là nô lệ của sự ái ân, cho điều không bền chắc là bền chắc, mà những niềm vui về của cải, nhà cửa, vợ con đều chẳng an ổn. Sở dĩ gọi là nô lệ của sự ái ân là vì các chúng sinh tưởng rằng điều không bền chắc là bền chắc, Như Lai sẽ giảng nói pháp vô thường đối với những điều mà họ cho là thường.

28. Chúng sinh mong cầu về tài sản, nhưng tài sản như thù địch, trái lại họ cho là bạn bè thân thiết, Như Lai vì họ mà hiển bày các hạnh như bạn bè thân thiết, làm cho họ dứt trừ được những hoạn nạn khổ sở, đạt đến Niết-bàn rốt ráo.

29. Vì các chúng sinh làm những nghề bất chánh, Như Lai sẽ giảng dạy rõ ràng cho họ về các nghề nghiệp thanh tịnh vi diệu, không còn tạo tác.

30. Vì chúng sinh bị phiền não xấu ác làm nhiễm ô, ở nơi gia đình tạo nhiều việc tai hại, rối rắm nên Như Lai thuyết pháp khiến họ thoát khỏi ba cõi.

31. Tất cả các pháp đều do tâm tham chấp, các tướng đều do duyên tạo thành, đối với những điều này chúng sinh rất biếng trễ, Như Lai giảng nói chánh pháp đưa đến giải thoát của bậc Thánh nhằm khuyến khích họ tinh tấn, kiên trì và đạt được an lạc.

32. Đối với những người bỏ trí tuệ vô ngại, Niết-bàn tối thượng mà hướng đến thừa Duyên giác, Thanh văn, vì để hiển bày các hạnh vi diệu, nên Như Lai vì họ mà khởi lòng đại Bi.

Đức Phật bảo Phạm thiên:

–Đó là ba mươi hai pháp, Như Lai dùng để phát khởi lòng đại Bi, giáo hóa chúng sinh, cho nên Như Lai là bậc thực hành lòng đại Bi. Bồ-tát nào thực hành theo ba mươi hai pháp này, thì được hội nhập vào lòng Từ bi lớn. Bồ-tát như vậy là bậc Đại sĩ, gọi là ruộng phước lớn, là bậc có đại oai thần, an lạc cao vời đạt đến quả vị không thoái chuyển, vì các chúng sinh mà tạo lập các hành.

Khi Đức Phật giảng nói pháp môn đại Bi này, có ba vạn hai ngàn hàng trời, người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ba vạn hai ngàn Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn vô sinh.

-oOo-

KINH TRÌ TÂM PHẠM THIÊN SỞ VẤN

QUYỂN 2

Phẩm 5: Nêu vấn nạn

Bấy giờ, Bồ-tát Minh Võng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phạm thiên Trì Tâm nghe Đức Như Lai giảng nói rõ ràng về pháp môn Đại Bi, sao lại không hoan hỷ cũng không lo buồn?

Phạm thiên Trì Tâm đáp:

–Thưa Đại sĩ! Người nào tu tập và nhận biết về hai hạnh thì người ấy còn có hoan hỷ và lo buồn, vì biết xứ sở của cõi chân thật là vĩnh viễn không còn hai hạnh, do điều ấy nên không hoan hỷ cũng không lo buồn. Như nhà ảo thuật làm các phép thuật kỳ lạ, huyễn hóa, tuy làm như vậy nhưng vị ấy không vui không buồn.

Thưa Đại sĩ! Nếu có thể nhập vào thật tướng của các pháp thì thấy được thật tướng và sự hiện bày, biến hóa của Như Lai nên không hoan hỷ cũng không lo buồn. Đối với sự hành hóa của Như Lai và nghe những biện tài nơi Đức Như Lai giảng nói thì không hoan hỷ cũng không lo buồn. Nếu hiểu rõ các pháp như vậy thì đối với tất cả sự việc như huyễn đều bình đẳng, không sai khác, nên không ân cần, hoan hỷ đối với Đức Như Lai, cũng không có tâm thấp kém đối với chúng sinh.

Bồ-tát Minh Võng lại hỏi:

–Thưa Nhân giả! Nhân giả đã hiểu rõ về tướng huyễn của các pháp chăng?

Phạm thiên đáp:

–Thưa Đại sĩ! Người nào thực hành và an trú trong các pháp mới có thể thưa hỏi điều này.

Bồ-tát Minh Võng lại hỏi:

–Nhân giả thực hành hạnh gì?

Phạm thiên đáp:

–Tất cả các hạnh phàm phu đã thực hành tôi cũng thực hành những hạnh ấy.

Bồ-tát Minh Võng hỏi:

–Phàm phu hành theo tham dục, sân hận, ngu si, chấp vào thân cho là có ngã, ngã sở và theo tà kiến. Sao Nhân giả lại thực hành những hạnh ấy?

Phạm thiên đáp:

–Chẳng phải Đại sĩ vì muốn cho hàng phàm phu không còn là phàm phu và thành tựu các pháp hay sao?

Bồ-tát Minh Võng nói:

–Tôi không ưa thích pháp của hàng phàm phu thì sao lại muốn thành tựu các pháp ấy!

Phạm thiên thưa:

–Thưa Đại sĩ! Tất cả các pháp đều không có đối tượng để thành tựu, pháp không có chỗ trụ, cũng không có nơi tích tập, không trói buộc, không chỗ quên mất, nên cũng không nghĩ đến sự báo ứng chăng?

Bồ-tát Minh Võng nói:

–Thưa Nhân giả! Xa lìa tham dục, giận dữ, ngu si, không thực hành các pháp thì gọi là hành theo tướng. Nếu ai thực hành theo hạnh của phàm phu như trên và hạnh của Hiền thánh thì người ấy đã khởi lên hai pháp.

Lại nữa, thưa Nhân giả! Tất cả sự thực hành là không có đối tượng để thực hành, tất cả sự giáo hóa là không có đối tượng để giáo hóa, tất cả các xứ sở là không có xứ sở, tất cả các nơi hướng đến là không có nơi để hướng đến.

Bồ-tát Minh Võng lại hỏi:

–Thưa Nhân giả! Tất cả sự thực hành là không có đối tượng để thực hành, nghĩa ấy là thế nào?

Phạm thiên đáp:

–Thưa Đại sĩ! Nếu tu hành trong trăm ngàn vạn ức kiếp cũng không thể biết được sự tăng, giảm của pháp tánh. Do đó, tất cả sự thực hành là không có đối tượng để thực hành.

Lại hỏi Phạm thiên:

–Thế nào là tất cả sự giáo hóa là không có đối tượng để giáo hóa, tất cả xứ sở là không có xứ sở?

Phạm thiên đáp:

–Tất cả các pháp đều là chỗ giáo hóa của Như Lai, là xứ sở của Như Lai. Do đó, tất cả sự giáo hóa là không có đối tượng để giáo hóa, tất cả xứ

sở là không có xứ sở.

Lại hỏi:

–Thế nào là tất cả các nơi hướng đến là không có nơi hướng đến?

Phạm thiên thưa:

–Suy xét là không có người và không có nơi hướng đến, do đó tất cả các nơi hướng đến là không có nơi nơi chốn để hướng đến.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Phạm thiên Trì Tâm:

–Lành thay, lành thay! Nếu muốn giảng nói thì nên giảng nói như vậy.

Khi ấy, Bồ-tát Minh Võng hỏi Phạm thiên Trì Tâm:

–Như lời Nhân giả vừa nói là Nhân giả đã tu hành theo tất cả các hạnh của phàm phu. Nếu như vậy thì những điều đạt được đều là điên đảo hay sao?

Phạm thiên đáp:

–Làm gì có sự sinh ra để dẫn đến chỗ hành hóa.

Bồ-tát Minh Võng lại hỏi:

–Nếu không sinh ra thì sao có thể giáo hóa chúng sinh?

Phạm thiên đáp:

–Cũng như Như Lai là hóa sinh nên tôi cũng hóa sinh như Ngài.

Bồ-tát Minh Võng hỏi:

–Như Lai là hóa sinh sao lại có sinh ra?

Phạm thiên đáp:

–Nếu cần có sự biến hiện thì Như Lai sẽ biến hiện, vì cảnh giới của Phật thì ai có thể tạo dựng được.

Bồ-tát Minh Võng hỏi:

–Nhân giả nói có sự biến hóa, sự thị hiện cùng với cảnh giới, tuy có chỗ hiện nhưng không có sự biến hiện chăng?

Phạm thiên thưa:

–Muốn biết về nơi sinh ra của tôi thì nên quan sát như vầy: Nơi sinh ra ấy cũng là cảnh giới do nhân duyên kiến lập.

Bồ-tát Minh Võng hỏi:

–Nhân giả chẳng phải vì nhân duyên sinh tử mà hành hóa sao?

Phạm thiên đáp:

–Tôi không vì nhân duyên sinh tử mà hành hóa.

Bồ-tát Minh Võng hỏi:

–Vậy thì sao lại có sự sợ hãi đối với cảnh giới?

Phạm thiên đáp:

–Giống như pháp nhân duyên, nguyên nhân sợ hãi về cảnh giới cũng vậy, biết rõ là không có nguồn gốc, cũng không có sự thoái lui.

Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có người nào hoặc các chúng trời, rồng… lãnh hội được ngôn từ này thì đạt được vô lượng phước đức. Vì sao? Vì hôm nay, được nghe Đức Thế Tôn nói về danh hiệu của các bậc Đại sĩ, chúng con rất ưa thích, huống nữa là được nghe Như Lai giảng nói về chánh pháp. Ví như cây không nương vào đất mà trụ trong hư không, lại hiện ra đủ thân, gốc, cành, lá, hoa quả.

Như vậy, thưa Bậc Đại Thánh, hành tướng của các bậc Đại sĩ ấy cũng nên quán xét như thế, các vị trụ nơi các pháp mà thị hiện thọ sinh, thị hiện có đầu, có cuối cùng, có tồn tại, có biến mất, có xoay vần, đến đi và hiện ra các cõi Phật, tuy dùng "trí tuệ đối chiếu" vi diệu như vậy, nhưng đã an trụ tự tại trong biện tài vô ngại. Thiện nam, thiện nữ nào thấy được sự biến hóa của trí tuệ như thế mà không phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sao?

Lúc này, trong chúng hội có Bồ-tát tên là Phổ Hoa hỏi Trưởng lão Xá-lợi-phất:

–Thưa Tôn giả! Chẳng phải Tôn giả đã đạt được pháp tánh rồi chăng? Đức Thế Tôn cũng nói Tôn giả là trí tuệ bậc nhất, sao Tôn giả không vận dụng oai lực ấy để biến hóa?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Đức Thế Tôn đã nói! Trong cảnh giới của hàng Thanh văn, tôi là trí tuệ bậc nhất.

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

–Thưa Tôn giả! Có nhiều cảnh giới để có thể giảng nói pháp chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Không có.

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

–Thưa Tôn giả! Có thể giảng nói về cảnh giới ấy không?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Cũng như cảnh giới đã hội nhập, sự giảng nói cũng vậy.

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

–Tôn giả đã hiểu được pháp tánh là không có giới hạn chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Đúng vậy!

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế nào là tùy theo cảnh giới đã hội nhập và sự giảng pháp cũng vậy? Thưa Tôn giả! Tùy theo giới hạn của cảnh giới đã hội nhập nên giới hạn của sự giảng nói cũng vậy, tức là giới hạn đó đã trói buộc pháp tánh mà pháp tánh ấy là không có giới hạn.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Pháp tánh ấy chẳng phải là nhập nơi tướng sao?

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu pháp tánh không nhập vào tướng thì ở nơi pháp tánh không có đối tượng để nhập vào tướng, do nhân duyên gì Tôn giả lại ân cần với pháp tánh để mong được giải thoát?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Không phải vậy.

Bồ-tát Phổ Hoa lại hỏi:

–Nếu bình đẳng thuận theo pháp thì cũng như được hội nhập nơi pháp tánh chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Tôi muốn được thấy, được nghe về điều ấy.

Bồ-tát Phổ Hoa nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Pháp tánh là có thể nhớ nghĩ, các pháp có thể giảng nói, có thể lãnh hội được không?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Không thể được.

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

–Thưa Tôn giả! Pháp có thể thuyết giảng, có thể thấy và nghe được chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Đức Thế Tôn đã nói! Có hai hạng người đạt được phước vô lượng, đó là chuyên cần giảng nói pháp và nhất tâm lắng nghe. Do vậy, khi Nhân giả giảng nói giáo pháp, tôi sẽ lắng nghe pháp ấy.

Phạm thiên Trì Tâm hỏi:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôn giả có thể bặt dứt tư tưởng, trụ trong định, tư duy để lắng nghe pháp sao?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Thưa Đại sĩ! Định ấy diệt tận, không có hai việc để lắng nghe về nghĩa lý của giáo pháp.

Phạm thiên hỏi:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôn giả đã đạt được sự an lạc và nguồn gốc tịch tĩnh của các pháp rồi chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Thưa Đại sĩ! Tất cả các pháp vốn là thanh tịnh và vắng lặng.

Phạm thiên nói:

–Thưa Tôn giả! Như vậy thì không thể luôn định tĩnh để lắng nghe chánh pháp. Vì sao? Vì tất cả các pháp vốn đều tịch tĩnh.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Này Thiện nam! Ông có thể không xuất định mà giảng nói chánh pháp chăng?

Phạm thiên đáp:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! quán xét về các pháp thì làm sao có thể đạt đến, mà Tôn giả cho là không xuất định có thể giảng nói chánh pháp?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Không phải vậy.

Phạm thiên lại hỏi:

–Thưa Tôn giả! Tất cả hàng phàm phu luôn trụ trong định chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Tất cả hàng phàm phu đạt được Tam-muội định ý gì?

Phạm thiên đáp:

–Tất cả các pháp không có nơi hướng đến nên gọi là luôn trụ trong định.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Như vậy, tất cả hàng phàm phu giống với Hiền thánh sao?

Phạm thiên đáp:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Đúng vậy, như sự quán xét của tôi thì không muốn có sự khác nhau giữa phàm phu và Hiền thánh. Vì sao? Vì pháp của Hiền thánh không có sự đoạn trừ, pháp của phàm phu cũng không có sự sinh khởi, các pháp đều bình đẳng. Do đó, không có người được giải

thoát.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Này Thiện nam! Các pháp không có nguồn gốc là thế nào?

Phạm thiên nói:

–Như Tôn giả biết rõ, có thể dấy khởi pháp của Hiền thánh chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Không thể được.

Phạm thiên hỏi:

–Tôn giả đã diệt trừ được pháp của phàm phu chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Không thể diệt trừ.

Phạm thiên hỏi:

–Tôn giả đã đạt được pháp Hiền thánh rồi chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Chưa đạt được.

Lại hỏi:

–Tôn giả đã hiểu rõ về pháp phàm phu sao?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Không thể hiểu.

Phạm thiên hỏi:

–Tôn giả biết thế nào là đúng thời?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Như pháp đã lãnh hội là xa lìa phàm phu cũng không có nguồn gốc, bình đẳng cũng là Như, nên không có giải thoát; diệt độ cũng là Như, nên không có nguồn gốc cũng là Như.

Phạm thiên nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Pháp ấy không có nguồn gốc, cũng không có sự sai khác. Pháp không có nguồn gốc là không có nơi hướng đến nên gọi là không có nguồn gốc. Như cũng không có nguồn gốc, vì tất cả các pháp đều hội nhập vào không.

Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thưa Đấng Thiên Trung Thiên! Ví như lửa lớn bừng cháy, thiêu rụi tất cả, các thiện nam cũng vậy, đối với các pháp đã giảng nói đều thông đạt tất cả pháp tánh.

Đức Thế Tôn đáp:

–Đúng vậy, này Xá-lợi-phất! Các thiện nam giảng nói về pháp tánh là đúng như lời Tôn giả nói.

Lúc ấy, Bồ-tát Minh Võng nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Đức Phật khen Tôn giả có trí tuệ bậc nhất, vậy trí tuệ của Tôn giả được thể hiện thế nào?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Thưa Bồ-tát Minh Võng! Hàng Thanh văn nương vào âm thanh, tự xem xét về thân mình mà đạt được giải thoát. Đức Phật khen tôi có trí tuệ bậc nhất là trong hàng Thanh văn chứ không phải là trí tuệ của hàng Bồ-tát.

Bồ-tát Minh Võng hỏi:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Xét về trí tuệ thì có thể nói về tướng không?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Không thể.

Bồ-tát Minh Võng hỏi:

–Chẳng phải trí tuệ ấy là cùng khắp, là bình đẳng sao?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Đúng vậy, như lời Nhân giả nói, trí tuệ là bình đẳng.

Bồ-tát Minh Võng hỏi:

–Vì sao biết các pháp là bình đẳng cùng khắp mới chính là trí tuệ; nhưng Tôn giả lại giảng nói về giới hạn của trí tuệ.

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Đúng vậy, thưa Nhân giả! Trí tuệ, pháp tánh là không có giới hạn, nhưng có giới hạn là tùy thuộc vào cảnh giới, nguồn gốc nơi trí tuệ và sự hành hóa mà vị ấy đã hội nhập.

Bồ-tát Minh Võng hỏi:

–Theo Nhân giả thì trí tuệ không có giới hạn hay có giới hạn?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Không có giới hạn.

Bồ-tát Minh Võng hỏi:

–Sao Nhân giả lại tự mình trói buộc và cho là trí tuệ có giới hạn?

Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng không trả lời.

Bấy giờ, Hiền giả Đại Ca-diếp nương nơi oai thần của Phật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Minh Võng vì sao có danh hiệu là Minh Võng?

Lúc này, Đức Thế Tôn biết được lời thỉnh cầu của Trưởng lão Đại Ca-diếp là muốn khiến cho chúng hội thấy rõ đầy đủ nguồn gốc của công đức, nên bảo Bồ-tát Minh Võng:

–Này Thiện nam! Ông hãy vì chư Thiên và loài người mà hiện bày ánh sáng rực rỡ, thanh tịnh về công đức đã tạo, khiến hàng Bồ-tát có cội gốc căn lành cùng những người có chí nguyện thuần thục đều phát tâm Bồ-đề và làm cho họ tinh tấn thêm.

Nghe lời Phật dạy, Bồ-tát Minh Võng sửa lại y phục, từ những đầu ngón tay, màn kết của cánh tay phải, Bồ-tát liền phóng ra ánh sáng, chiếu đến các cõi nước của chư Phật trong mười phương, thông suốt không có giới hạn. Ánh sáng ấy tỏa chiếu khắp tất cả các thế giới của vô lượng chư Phật, không thể lường xét. Chúng sinh nơi ba cõi ác: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, những chúng sinh bị đui, điếc, câm, ngọng, khập khiễng, tật bệnh, gầy yếu, điên cuồng, ngu tối, ôm lòng tham dục, sân hận, ngu si, không có y phục, bị đói khát, tù đày, bần cùng, xấu xí, già nua gần chết, keo kiệt, ganh ghét, phạm giới, giận dữ, biếng nhác, buông lung, có trí ác, không có niềm tin, không chịu học hỏi, không biết hổ thẹn, rơi vào sáu mươi hai kiến chấp điên đảo, sinh trong tám nạn, những nơi chốn không yên ổn… nhờ gặp ánh sáng này, lập tức tất cả đều được an lạc. Bấy giờ, các chúng sinh ấy liền không có tham dục, giận dữ, ngu si phiền não và cũng không còn bị bức não.

Lúc đó, ở trước Đức Thế Tôn, tất cả chúng hội gồm Bồ-tát, Thanh văn, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ nam nữ... đều hiện ra sắc vàng ròng giống nhau và đều có tướng tốt dung mạo như Đức Như Lai, cùng có tướng vô kiến đảnh, thân như kim cương. Tất cả chúng hội đều an tọa trên hoa sen tự nhiên hiện bày, châu ngọc kết thành màn, đủ loại báu làm lọng, hết thảy đều giống nhau, tự nhiên hiện ra thân như Đức Phật, cả chúng hội đều được an lạc giống như hàng Bồ-tát đã đạt được pháp Tam-muội phát khởi tâm hoan hỷ.

Khi ấy, tất cả chúng hội đều kinh ngạc, được điều chưa từng có, thảy đều nhìn thấy nhau giống Đức Như Lai, tự thấy thân mình không có lỗi lầm, lại phóng ra ánh sáng. Ngay lúc ấy, ở phương dưới có bốn vị Bồ-tát tự nhiên vụt lên, chắp tay an trụ đều suy nghĩ: “Ta nên đảnh lễ Đức Như Lai nào?”

Trong hư không liền có tiếng nói: "Do ánh sáng thù thắng của Bồ-tát Minh Võng nên khiến cho tất cả chúng hội đều có hình tướng giống như Đức Như Lai."

Bốn vị Bồ-tát nghe nói như vậy, cho là điều chưa từng có, nên đồng thanh thưa:

–Chúng con tha thiết muốn được thấy Đức Như Lai. Nhưng nay tất cả hình tướng trong chúng hội đều giống nhau, các pháp bình đẳng cũng không sai khác. Nếu đây là lời chân thật thì xin cho chúng con được thấy thân tướng trang nghiêm của Đức Như Lai và xin được cúng dường Ngài.

Tức thì bốn vị Bồ-tát thấy Đức Thế Tôn an tọa trên tòa sen báu sư tử, cách đất bảy thước, họ liền đảnh lễ dưới chân Phật, thưa:

–Bạch Đấng Thiên Trung Thiên! Thật là điều chưa từng có, trí tuệ của Đức Như Lai là không thể cùng tận, bản tánh thanh tịnh, công đức nguyện lực của Bồ-tát Minh Võng cũng vậy, Bồ-tát ấy đã phóng ra ánh sáng khiến cho ngần ấy chúng sinh hiện bày các thân tướng oai nghiêm.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Minh Võng:

–Này Thiện nam! Ông hãy thâu lại ánh sáng rực rỡ đã hiện bày. Ông đã thực hành Phật sự, đã kiến lập rất nhiều nhân duyên khiến cho vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề.

Vâng lời Phật dạy, Bồ-tát Minh Võng liền thâu lại ánh sáng. Ngay lúc ấy, tất cả oai nghi, hình thức của chúng hội đều trở lại như cũ, chỉ có Đức Như Lai vẫn an tọa một mình trên tòa Sư tử.

Trưởng lão Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn vị Bồ-tát này từ trú xứ nào đến đây?

Bốn vị Bồ-tát đáp:

–Chúng tôi từ phương dưới, ở thế giới của Đức Phật khác đến.

Lại hỏi:

–Thế giới ấy tên là gì?

Bốn vị Bồ-tát đáp:

–Thế giới ấy tên là Chúng bảo phổ hiện.

Lại hỏi:

–Đức Thế Tôn Chí Chân tôn hiệu là gì, hiện đang thuyết pháp chăng?

Bốn vị Bồ-tát đáp:

–Tôn hiệu của Đức Như Lai là Nhất Bảo Cái, hiện nay đang giảng nói chánh pháp.

Trưởng lão Ca-diếp hỏi:

–Thế giới ấy cách đây bao xa?

Bốn vị Bồ-tát đáp:

–Đức Thế Tôn biết rõ về khoảng cách ấy.

Trưởng lão Ca-diếp hỏi:

–Do nhân duyên gì mà các Nhân giả đến đây?

Bốn vị Bồ-tát đáp:

–Chúng tôi ở cõi Phật nơi phương dưới, thấy Bồ-tát Minh Võng phóng ánh sáng đến và nghe danh hiệu của Đức Thế Tôn Năng Nhân cùng Bồ-tát Minh Võng nên muốn đến cõi này để được gần gũi Đức Thế Tôn, lễ bái, cúng dường và muốn được yết kiến Bồ-tát Minh Võng.

Trưởng lão Đại Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế giới Chúng Bảo Phổ Hiện của Đức Phật Nhất Bảo Cái cách cõi này bao xa?

Đức Phật bảo Trưởng lão Đại Ca-diếp:

–Về phương dưới, cách đây ba mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Chúng bảo phổ hiện, là nơi an trụ của Đức Phật Nhất Bảo Cái, bốn vị Bồ-tát này đến từ cõi ấy.

Trưởng lão Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Từ cõi ấy đến cõi này mất bao lâu?

Đức Phật dạy:

–Trong khoảng một niệm liền đến cõi này.

Trưởng lão Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật khó sánh kịp với Bậc Đại Thánh, Bồ-tát Đại sĩ đã phóng ra ánh sáng, thần thông của các bậc Thánh thật cao vời, ánh sáng của Bồ-tát Minh Võng chiếu xa lìa không có giới hạn, khiến cho bốn vị Bồ-tát này lập tức đến đây. Những ai thấy được thần thông, oai lực và trí tuệ đã biến hiện như thế tất đều phát nguyện kiến lập Đại thừa.

Đức Thế Tôn bảo Trưởng lão Ca-diếp:

–Đúng như lời ông nói, nẻo đường hành hóa của hàng Bồ-tát thật không thể lường xét, hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng thể sánh kịp.

-oOo-

Phẩm 6: Thưa hỏi

Bấy giờ, Trưởng lão Đại Ca-diếp nói với Bồ-tát Minh Võng:

–Thưa Đại sĩ! Do nhân duyên gì mà Đại sĩ thị hiện ánh sáng khiến cho khắp chúng hội đều có thân tướng như vàng ròng, oai nghiêm, sáng rỡ giống như Đức Như Lai?

Bồ-tát Minh Võng đáp:

–Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Tôn giả nên thưa hỏi Đức Thế Tôn, Ngài sẽ vì Tôn giả mà giảng nói rõ.

Trưởng lão Đại Ca-diếp liền thưa hỏi Bậc Đại Thánh.

Đức Phật bảo Trưởng lão Đại Ca-diếp:

–Khi Bồ-tát Minh Võng thành Phật, thân tướng của tất cả chư vị nơi chúng hội sẽ như vàng ròng đều được an lạc, dốc lòng tin và đạt được các thông tuệ, không có tên Thanh văn, Duyên giác mà chỉ toàn là chúng Bồ-tát, Đại sĩ.

Trưởng lão Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Khi Bồ-tát Minh Võng hóa sinh ở cõi Phật kia, liền được thành Phật chăng?

Đức Thế Tôn đáp:

–Này Ca-diếp! Đúng như lời Tôn giả nói, Bồ-tát Minh Võng liền được thành Phật.

Khi ấy, bốn vạn bốn ngàn người đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nguyện sinh về cõi nước ấy, họ đồng thanh thưa:

–Lúc Bồ-tát Minh Võng thành Phật, chúng con nguyện sẽ sinh vào cõi nước của Đức Phật ấy.

Trưởng lão Đại Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sau bao nhiêu kiếp nữa, Bồ-tát Minh Võng sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật bảo Trưởng lão Đại Ca-diếp:

–Ông hãy hỏi Bồ-tát Minh Võng, Bồ-tát ấy sẽ nói cho ông biết là bao lâu nữa sẽ thành Phật.

Trưởng lão Đại Ca-diếp hỏi Bồ-tát Minh Võng:

–Thưa Đại sĩ! Bao lâu nữa thì Đại sĩ sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Bồ-tát Minh Võng đáp:

–Thưa Tôn giả Ca-diếp! Nếu có ai hỏi người do nhà ảo thuật hóa ra, bao lâu nữa sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì người ấy đáp thế nào?

Tôn giả Ca-diếp nói:

–Thưa Đại sĩ! Người do nhà ảo thuật hóa ra là hư giả, không thật có, nên không thể trả lời được.

Bồ-tát Minh Võng đáp:

–Đúng vậy! Tất cả các pháp giống như huyễn hóa, tự nhiên mà thành, thì sao Tôn giả lại hỏi tôi bao lâu nữa sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

–Thưa Đại sĩ! Ví như người do nhà ảo thuật biến hóa ra là tịch tĩnh, không thể phân biệt, không có tưởng niệm, cũng không có ngôn từ. Đại sĩ đối với các pháp cũng vậy chăng? Nếu như thế thì sao có thể dẫn dắt và tạo lợi ích cho chúng sinh?

Bồ-tát Minh Võng đáp:

–Đạo là thật tướng thì người cũng là thật tướng, nếu người là thật tướng thì huyễn cũng là thật tướng, huyễn là thật tướng thì chúng sinh cũng là thật tướng, chúng sinh là thật tướng thì các pháp cũng là thật tướng.

Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Do biết như vậy nên không thể quán xét là lợi ích hay không lợi ích, chẳng phải có lợi hay chẳng phải không lợi, không có sự vượt qua cũng chẳng phải không có sự vượt qua.

Trưởng lão Ca-diếp hỏi:

–Đại sĩ không dẫn dắt chúng sinh trụ nơi Phật đạo chăng?

Bồ-tát Minh Võng nói:

–Đạo của Như Lai có trụ nơi tướng không?

Trưởng lão Ca-diếp đáp:

–Không có trụ.

Bồ-tát Minh Võng nói:

–Do đó, tôi không kiến lập Phật đạo cho chúng sinh, cũng chẳng khiến họ trụ vào quả vị Thanh văn, Duyên giác.

Trưởng lão Ca-diếp hỏi:

–Thưa Đại sĩ! Vậy Đại sĩ kiến lập điều gì?

Bồ-tát Minh Võng đáp:

–Như không có nguồn gốc để kiến lập, thì chỗ kiến lập của tôi cũng

vậy.

Trưởng lão Ca-diếp hỏi:

–Như không có nguồn gốc thì không thể kiến lập cũng chẳng có thoái lui chăng?

Bồ-tát Minh Võng đáp:

–Đúng vậy! Do Như không có nguồn gốc thì không thể kiến lập, cũng chẳng thoái lui. Phật đạo không có nguồn gốc nên cũng lại như vậy, kiến lập nơi không chỗ kiến lập. Do đó, tôi nói các pháp không thể kiến lập, cũng không hề thoái chuyển.

Trưởng lão Ca-diếp hỏi:

–Thưa Đại sĩ! Nếu nói không kiến lập, không thoái lui thì làm thế nào để giáo hóa chúng sinh?

Bồ-tát Minh Võng đáp:

–Người nào cho là có sự thấu đạt, có chí nguyện và sự vi diệu thì không thể giáo hóa chúng sinh đối với các pháp cho là có thể thoái chuyển thì cũng không thể giáo hóa.

Trưởng lão Ca-diếp hỏi:

–Thưa Đại sĩ! Đại sĩ không cứu giúp chúng sinh thoát khỏi sinh tử chăng?

Bồ-tát Minh Võng đáp:

–Tôi không thủ đắc sinh tử, cũng không có đối tượng để nhận biết, huống nữa là cứu giúp chúng sinh.

Trưởng lão Ca-diếp hỏi:

–Đại sĩ không giáo hóa tất cả chúng sinh lần lượt đạt đến Niết-bàn chăng?

Bồ-tát Minh Võng đáp:

–Tôi không thủ đắc Niết-bàn cũng không có đối tượng để nhận thức thì lấy gì để giáo hóa chúng sinh?

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

–Thưa Đại sĩ! Giả sử chúng sinh hoàn toàn không đạt được diệt độ thì sao lại giáo hóa, dẫn dắt cho vô số người tu hành Phật đạo? Những chúng sinh ấy không cầu được diệt độ chăng?

Bồ-tát Minh Võng đáp:

–Bồ-tát nào cho là có sinh tử và Niết-bàn vì tưởng của chúng sinh mà nói có người thực hành Phật đạo, thì đó không gọi là Bồ-tát, chẳng phải là

người cầu Phật đạo.

Trưởng lão Ca-diếp hỏi:

–Thưa Đại sĩ! Đại sĩ thực hành như thế nào?

Bồ-tát Minh Võng đáp:

–Tôi không hành theo sinh tử, không hành theo diệt độ, cũng không theo tưởng của chúng sinh.

Thưa Tôn giả Ca-diếp! Vừa rồi Tôn giả hỏi tôi thực hành như thế nào, sự thực hành mà Đức Như Lai đã chỉ dạy thế nào thì tôi thực hành như vậy.

Trưởng lão Ca-diếp nói:

–Đức Như Lai chỉ dạy là không có chỗ thực hành.

Bồ-tát Minh Võng đáp:

–Tất cả các tưởng của chúng sinh cũng vậy, không nên cho là có chỗ thực hành.

Trưởng lão Ca-diếp hỏi:

–Thưa Đại sĩ! Quán xét hành tướng nơi chúng sinh cũng như vậy chăng? Sao chúng sinh lại hành theo tham, sân, si mà Đức Như Lai giáo hóa họ không hề bị nhiễm ô, không bị trói buộc, cũng chẳng quên mất?

Bồ-tát Minh Võng nói:

–Thưa Trưởng lão! Nếu muốn hỏi về tướng thì Trưởng lão hãy trả lời tôi theo sự hiểu biết của mình.

Thưa Trưởng lão! Trưởng lão có tham, sân, si không?

Trưởng lão Ca-diếp đáp:

–Không có.

Bồ-tát Minh Võng hỏi:

–Có thể diệt trừ tham, sân, si được chăng?

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Không thể được.

Bồ-tát Minh Võng hỏi:

–Nếu Trưởng lão không có tham, sân, si cũng không thể diệt trừ tham, sân, si vậy thì tham, sân, si ấy ở đâu?

Trưởng lão Ca-diếp đáp:

–Thưa Đại sĩ! Phàm phu do si mê nên ở trong điên đảo, tư tưởng và ý niệm luôn mong cầu, đối với những điều ứng hợp hoặc chẳng ứng hợp đều làm theo tham, sân, si. Còn các bậc Hiền thánh thì biết rõ các pháp là điên đảo, nên không làm theo tư tưởng và ý niệm, không điều gì mà chẳng

ứng hợp, lại cũng chẳng làm theo tham, sân, si.

Bồ-tát Minh Võng nói:

–Thưa Tôn giả! Ý Tôn giả thế nào? Các pháp do điên đảo mà sinh, đó là nhận biết tận cùng chăng? Là có sinh hay chẳng sinh ra?

Trưởng lão Ca-diếp đáp:

–Thưa Đại sĩ! Các pháp không sinh cũng chẳng phải không sinh.

Bồ-tát Minh Võng hỏi:

–Đúng vậy! Thưa Tôn giả Ca-diếp! Ý Tôn giả thế nào? Các pháp không sinh cũng chẳng thật có, như vậy các pháp có đối tượng được sinh chăng?

Trưởng lão Ca-diếp đáp:

–Các pháp là không có đối tượng được sinh.

Bồ-tát Minh Võng hỏi:

–Đúng vậy! Thưa Tôn giả Ca-diếp! Các pháp là không sinh muốn khiến cho chúng sinh khởi thì chúng sinh ra từ đâu?

Trưởng lão Ca-diếp đáp:

–Không phải vậy.

Bồ-tát Minh Võng hỏi:

–Vì mong cầu sinh ra nên các pháp nương vào tham, sân, si mà phát khởi chăng?

Trưởng lão Ca-diếp đáp:

–Không phải vậy.

Bồ-tát Minh Võng nói:

–Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Do đó, làm gì có tham, sân, si để chúng sinh lệ thuộc, đắm nhiễm rồi phát sinh phiền não.

Trưởng lão Ca-diếp đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy! Thưa Đại sĩ! Tất cả các pháp vốn là thanh tịnh, không hề có tham, sân, si.

Bồ-tát Minh Võng nói:

–Do vậy, tôi mới nói tất cả các pháp đều như huyễn hóa, là thật tướng của Như Lai.

Lúc giảng nói pháp này, có bốn vạn bốn ngàn Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn nhu thuận.

Bấy giờ, Trưởng lão Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những ai tận mắt được thấy Bồ-tát Minh Võng thì không bị đọa vào đường ác, các ma và quyến thuộc của chúng không thể làm hại. Người nào được nghe Bồ-tát Minh Võng thuyết pháp thì đó là hàng Bồ-tát, vĩnh viễn không rơi vào cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác, vì người ấy đã tiếp nhận được sự giảng dạy của Bồ-tát Minh Võng.

Đức Phật liền khen ngợi công đức nơi cõi nước của Bồ-tát Minh Võng. Ngài bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Tất cả cõi nước của chư Phật mà Bồ-tát Minh Võng đã đến, Bồ-tát ấy đều giáo hóa, cứu độ vô số chúng sinh. Này Tôn giả Ca-diếp! Ông đã thấy ánh sáng của Bồ-tát Minh Võng chưa?

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Bạch Thế Tôn, con đã thấy!

Đức Thế Tôn bảo:

–Giả sử số lượng hạt cải chứa đầy trong tam thiên đại thiên thế giới, còn có thể biết được là bao nhiêu, nhưng sự giáo hóa của Bồ-tát Minh Võng khiến cho chúng sinh an trụ vào Phật đạo thì không thể lường xét được.

Tôn giả Ca-diếp nên biết! Chúng sinh nào nhìn thấy ánh sáng của Bồ-tát Minh Võng thì đạt được lợi ích như thế, huống nữa là Bồ-tát ấy dùng phương tiện thiện xảo để giảng nói chánh pháp.

Lại nữa, này Ca-diếp! Hãy lắng nghe, ta sẽ giảng nói về cõi nước đặc thù, gọi là xứ sở đủ công đức trang nghiêm, thanh tịnh của Bồ-tát Minh Võng. Trải qua sáu trăm bảy mươi vạn a-tăng-kỳ kiếp, Bồ-tát Minh Võng sẽ thành Phật, hiệu là Phổ Minh Biến Động Quang Vương, gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, cõi nước tên là Đẳng tập thù thắng. Khi vừa đến đạo tràng, Bồ-tát ấy liền được thành Phật. Trong cõi nước của Đức Phật đó, không có các thứ ma và cảnh giới của ma, tất cả đều cầu đạt đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Cõi nước ấy, đất toàn bằng gỗ quý chiên-đàn, bằng phẳng như bàn tay, thân tướng của chúng sinh đều đẹp đẽ, đất đai an ổn, phì nhiêu. Cõi Phật đó do tất cả các loại báu làm thành, không có các sự uế tạp của cát, đá, gai góc; không có các tai họa như cõi ác, khổ đau, cũng không có tám nạn và những nơi không an ổn. Ở đấy lại có rất nhiều hoa sen báu, tỏa hương ngào ngạt gồm đủ màu sắc hiện bày nơi cảnh giới rộng lớn, bốn phía không có hạn lượng. Đức Như Lai Phổ Minh Biến Động Quang Vương có vô lượng chúng Bồ-tát. Thánh chúng ấy nương vào pháp của Phật mà tu

hành, gồm đủ oai thần biến hóa, dùng ánh sáng để trang nghiêm, đạt được kho tàng tổng trì, biện tài vô ngại, đầy đủ trí tuệ, oai đức thần thông lớn, hàng phục các ma nghĩ đến điều gì cũng luôn biết hổ thẹn, tinh tấn tu hành theo bậc Thánh, dùng trí tuệ để giáo hóa.

Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Lại nữa, cõi Phật ấy không có người nữ, tất cả hàng Bồ-tát đều từ hoa sen hóa sinh, tự nhiên lớn lên, dùng thiền định làm thức ăn, nhà cửa, nơi chốn kinh hành, giường chiếu, cung điện, ao tắm, vườn rừng và tất cả tài sản đều giống như ở cõi trời. Đức Như Lai Phổ Minh Biến Động Quang Vương không dùng văn tự để giảng nói chánh pháp, hàng Bồ-tát chỉ nhờ ánh sáng của Đức Phật chiếu vào thân thì liền đạt được pháp Nhẫn vô sinh.

Ánh sáng ấy làm tiêu sạch hết các thứ nhơ uế của tham, sân, si, soi tỏa đến các cõi Phật khác, khiến mọi chúng sinh ở những cõi ấy tiêu trừ hết các trần cấu nơi sắc dục, không còn tỳ vết đều thuận theo chánh pháp.

Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Trong ánh sáng của Đức Phật ấy tự nhiên diễn nói về ba mươi hai pháp môn. Những gì là ba mươi hai pháp môn?

1. Các pháp là không nên tất cả sự nhận thức đều thanh tịnh.

2. Các pháp là vô tướng nên xa lìa mọi tưởng và niệm.

3. Các pháp là vô nguyện nên vượt qua ba cõi.

4. Các pháp là không tham dục vì bản tánh thanh tịnh, vắng lặng.

5. Các pháp là không sân nên diệt trừ hết các tướng.

6. Các pháp là không si nên xa lìa hết tối tăm.

7. Các pháp là không đến nên không có sự sinh khởi.

8. Các pháp là sẽ đến nên thuận theo sự quán xét.

9. Các pháp là không trụ nên kiến lập nơi thật tướng.

10. Các pháp là hoàn toàn giải thoát nên không có quá khứ, vị lai, hiện tại.

11. Các pháp là không sai khác nên chính là thật tướng.

12. Các pháp là không sinh nên chẳng có báo ứng.

13. Các pháp là không dẫn đến quả báo nên không có chỗ sinh ra.

14. Các pháp là không tạo tác vì do nơi các hành mà dấy khởi.

15. Các pháp là không hình tướng, vì nương theo suy nghĩ mà có.

16. Các pháp là không dung mạo nên xa lìa các đối tượng phát sinh.

17. Các pháp là chắc thật nên biết rõ là chân thật.

18. Các pháp là chân thật nên đều bình đẳng.

19. Các pháp là không có người nên không thể nắm bắt được người.

20. Các pháp là không thọ mạng nên rốt ráo chân thật.

21. Các pháp là ngu muội nên không thể truyền trao.

22. Các pháp là xả bỏ nên diệt trừ hết các kết sử.

23. Các pháp là không đắm nhiễm, nên chẳng bị phiền não thiêu đốt.

24. Các pháp là không nhơ uế vì bản tánh thanh tịnh, không ô nhiễm.

25. Các pháp là nhất tướng vì cõi chân vốn tịch tĩnh.

26. Các pháp là vắng lặng vì cùng định bình đẳng.

27. Các pháp là trụ nơi nguồn gốc vì do duyên mà phát khởi.

28. Các pháp là không có gốc tạo tác nên không thể duyên dựa, hủy hoại.

29. Các pháp là an trụ nơi pháp tánh nên hội nhập khắp tất cả.

30. Các pháp là không duyên dựa, nên không cùng lầm lẫn.

31. Các pháp là giác ngộ nên hiện ra như thật.

32. Các pháp là vô vi nên không có các đối tượng.

Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Ánh sáng của Như Lai Phổ Minh Biến Động Quang Vương phát ra các âm thanh như vậy. Ánh sáng ấy chiếu đến các Bồ-tát khiến họ thực hiện các Phật sự. Cõi nước của Đức Phật ấy không có các việc ma nên cũng không bị trở ngại, bỏ phế.

Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Lại nữa, Đức Như Lai ấy thọ mạng không có giới hạn.

Bấy giờ, Hiền giả Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có người nào muốn sinh về cõi nước ấy thì nên làm thanh tịnh cảnh giới của Phật như Bồ-tát Minh Võng đã làm khiến cho người ấy liền được đầy đủ tất cả các công đức.

Đức Phật dạy:

–Đúng như lời ông nói! Bồ-tát Minh Võng đã hiện bày đầy đủ chí nguyện thanh tịnh nơi trăm ngàn ức chư Như Lai không thể tính kể.

Lúc ấy, Phạm thiên Trì Tâm hỏi Bồ-tát Minh Võng:

–Nay Nhân giả đã được Như Lai thọ ký rồi chăng?

Bồ-tát Minh Võng đáp:

–Này Phạm thiên! Tất cả chúng sinh đều được thọ ký từ Đức Như

Lai.

Phạm thiên thưa:

–Làm thế nào để được Phật thọ ký?

Bồ-tát Minh Võng đáp:

–Tùy theo sự tạo tác của mỗi người mà nhận lấy quả báo, cũng nhờ đó mà được thọ ký.

Phạm thiên hỏi:

–Do nhân gì mà được thọ ký, cũng như vì sao Nhân giả được thọ ký?

Bồ-tát Minh Võng đáp:

–Này Phạm thiên! Chỗ gọi là duyên, tức thân không tạo tác, miệng không phát ra ngôn từ, ý không thể nhận thức, như vậy có tạo ra tội, phước chăng?

Phạm thiên đáp:

–Không thể tạo ra.

Bồ-tát Minh Võng hỏi:

–Phật đạo ấy có hành tướng không?

Phạm thiên đáp:

–Không có! Đạo không có hình tướng cũng không phân biệt. Đạo không có tên gọi nên cũng chẳng có hành tướng.

Bồ-tát Minh Võng hỏi:

–Nếu không có sự tạo tác thì có thể khiến cho đạo phát khởi hình tướng để chứng đắc chăng?

Phạm thiên đáp:

–Không thể được.

Bồ-tát Minh Võng nói:

–Do vậy, Phạm thiên nên biết! Nếu không có tạo tác thì không có quả báo, không có hành tướng, cũng không có tánh của hành tướng, đó chính là đạo. Người đạt được đạo này cũng như được thọ ký, không thể dùng hình tướng mà thọ ký được.

Phạm thiên hỏi:

–Thưa Nhân giả! Không thực hành sáu pháp Ba-la-mật, mà được thọ ký ư?

Bồ-tát Minh Võng đáp:

–Như thế, này Phạm thiên! Thực hành sáu pháp Ba-la-mật, sau đó mới được thọ ký.

Lại nữa, hàng Thánh hiền phải xa lìa tất cả phiền não, đó gọi là Bố thí ba-la-mật. Không dấy khởi, cũng chẳng tạo tác, đó là Trì giới ba-la-mật. Chịu đựng được tất cả, gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật. Luôn vắng lặng an nhiên gọi là Tinh tấn ba-la-mật. Thuận theo Như mà an trụ gọi là Thiền định ba-la-mật. Hiểu rõ về hết thảy gọi là Trí tuệ ba-la-mật.

Này Phạm thiên! Bồ-tát nào tu hành theo sáu pháp Ba-la-mật này thì người ấy có hiện bày hành tướng không?

Phạm thiên đáp:

–Không có hiện bày hành tướng. Vì sao? Nếu người thực hành cho là mình có thực hành và có đối tượng để thực hành thì không gọi là thực hành. Người nào không có đối tượng để thực hành thì đấy mới đích thực là hành hóa.

Bồ-tát Minh Võng nói:

–Do vậy, này Phạm thiên! Đúng như lời ông nói, không có đối tượng để thực hành chính là thực hành Phật đạo.

Lại nữa, như lời ông hỏi, tôi đã được thọ ký thành Phật chăng? Nếu pháp tánh không có nguồn gốc, người nào thấy pháp tánh không có nguồn gốc thì được thọ ký nên việc thọ ký của tôi cũng vậy.

Phạm thiên thưa:

–Thưa Nhân giả! Pháp tánh không có nguồn gốc, nên tất cả pháp tánh không thể thọ ký.

Bồ-tát Minh Võng nói:

–Tướng của sự thọ ký cũng vậy, giống như chỗ không có nguồn gốc và pháp tánh đều là bình đẳng, không sai khác.

Bấy giờ, Phạm thiên Trì Tâm bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hàng Bồ-tát hành hóa thế nào để được thọ ký thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật bảo:

–Này Phạm thiên! Nẻo hành hóa của Bồ-tát là không hành theo pháp sinh, diệt, không hành theo thiện ác, không hành theo thế gian cũng chẳng theo xuất thế gian, không làm theo pháp có tội hay có phước, không làm theo điều lỗi lầm hay chẳng phải không lỗi lầm, không hành theo hữu lậu cũng chẳng phải vô lậu, không làm theo hữu vi cũng chẳng phải vô vi, không làm theo hữu cũng chẳng phải xa lìa hữu, không tu hành tinh tấn cũng chẳng phải xa lìa tinh tấn, không đoạn trừ cũng chẳng phải không đoạn trừ, không làm theo sinh tử cũng chẳng phải diệt độ, không hành theo

sự thấy cũng chẳng có đối tượng nghe, không làm theo ý niệm cũng chẳng có đối tượng nhận biết, không hành bố thí cũng không bỏn sẻn, không giữ gìn giới cấm cũng chẳng sai phạm, không hành nhẫn nhục cũng chẳng phải không nhẫn nhục, không hành tinh tấn cũng không biếng nhác, không tu tập thiền định cũng không có đối tượng để thiền định, cũng không có đối tượng để thiền định, không hành trí tuệ cũng chẳng phải không có trí tuệ, không có chứng đắc cũng không có đối tượng để hội nhập.

Đức Phật bảo Phạm thiên:

–Bồ-tát nào thực hành như vậy thì Như Lai sẽ thọ ký thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Này Phạm thiên! Ông nên ứng hợp với Như mà thực hành. Người nào có sự thực hành là có đối tượng tạo tác, hoặc tu hành Phật đạo nên khởi tưởng, hoặc chẳng khởi tưởng để tu hành Phật đạo, cho đến có sự tạo tác hay chẳng có tạo tác để tu hành Phật đạo, hoặc có sự buông lung hay không buông lung, có phiền não hoặc không còn phiền não, người thực hành đạo như vậy thì chẳng phải là thực hành Phật đạo. Do đó, Phạm thiên nên biết! Không nên quán xét như thế nếu vượt qua tất cả các đối tượng được tạo tác thì Bồ-tát ấy được thọ ký.

Phạm thiên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là thọ ký và được thọ ký?

Đức Phật bảo:

–Tất cả các pháp xa lìa hai tướng gọi là thọ ký, đối với tất cả các pháp mà không tạo tác hai tướng, gọi là thọ ký, đối với các đối tượng đã phát khởi mà bình đẳng với các sắc tướng gọi là thọ ký, thân, miệng, ý thanh tịnh, an nhiên gọi là thọ ký.

Đức Phật bảo:

–Này Phạm thiên! Như Lai nhớ lại nơi kiếp quá khứ, bấy giờ có kiếp tên là Hỷ kiến. Trong kiếp ấy ta đã cúng dường bảy mươi hai ức Đức Phật, nhưng ta không được chư Như Lai thọ ký.

Lại nữa, có kiếp tên là Thiện hóa, ở trong kiếp ấy, ta lại cúng dường thêm hai mươi hai ức Đức Phật, nhưng vẫn không được thọ ký.

Lại nữa, có kiếp tên là Phạm thán, trong kiếp ấy ta lại cúng dường một vạn tám ngàn Đức Phật, vẫn không được thọ ký.

Lại nữa, có kiếp tên là Hân lạc, trong kiếp ấy, ta lại cúng dường thêm ba trăm hai mươi vạn Đức Phật, nhưng vẫn không được chư Như Lai thọ ký. Trong kiếp quá khứ về sau, lại có kiếp tên là Đại diễn, trong kiếp ấy, có tám trăm bốn mươi vạn Đức Phật ra đời, ta lại cúng dường tất cả chư Như

Lai dùng đủ loại phẩm vật tùy lúc để dâng cúng, nhưng ta vẫn không được chư Như Lai thọ ký.

Đức Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Lại nữa, trong kiếp quá khứ, ta đã giảng nói về danh hiệu của chư Như Lai. Từ xưa, ta đã cúng dường rất nhiều chư Phật và ở nơi chư Phật ấy tu hành thanh tịnh, bố thí tất cả, có phẩm vật gì đều cúng dường hết, giữ gìn giới luật trọn vẹn, luôn nhẫn nhục, thực hành Từ bi, xa lìa phiền não, ân cần tinh tấn, thọ trì theo hết thảy những điều đã nghe, nhất tâm định ý thực hành thiền định, tịch tĩnh cũng giảng nói, thưa hỏi về trí tuệ, nhưng ta vẫn không được chư Như Lai thọ ký. Vì sao? Vì còn có đối tượng tạo tác và có sự lệ thuộc.

Phạm thiên nên biết! Phải vượt qua tất cả sự tạo tác, đấy mới gọi là Bồ-tát được thọ ký. Về sau, khi gặp Như Lai Định Quang, ta liền đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Đức Như Lai Định Quang thọ ký cho ta: "Vào đời vị lai, ông sẽ được thành Phật, hiệu là Năng Nhân, đầy đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Lúc ấy, ta mới vượt khỏi tất cả các sự tạo tác, đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì xả bỏ tất cả các tưởng gọi là Bố thí ba-la-mật. Diệt trừ hết các duyên gọi là Trì giới ba-la-mật. Nhẫn chịu đối với các cõi gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật. Đối với tất cả hành đều tịch tĩnh gọi là Tinh tấn ba-la-mật. Ở nơi hết thảy các niệm đều không dấy khởi gọi là Thiền định ba-la-mật. Biết rõ về bản tánh của pháp Nhẫn vô sinh là thanh tịnh gọi là Trí tuệ ba-la-mật.

Lúc gặp Đức Như Lai Định Quang, ta liền đạt đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Từ khi mới phát tâm đến nay, ta đã bố thí tất cả những gì có thể bố thí, nhưng chỉ công đức cúng dường năm cành hoa sen đã nhiều gấp trăm gấp ngàn lần, gấp vạn ức lần, hơn cả ức vạn lần, không thể so sánh, không thể ví dụ. Từ lúc mới phát tâm cho đến khi đầy đủ công hạnh bố thí, giữ gìn giới cấm, đối với các pháp luôn nhẫn nhục, nhu hòa, biết hổ thẹn, chịu đựng, tinh tấn ân cần, tu hành không hề mệt mỏi, luôn thiền định tịch tĩnh không đắm nhiễm. Từ khi mới phát tâm, ta luôn quan sát trí tuệ, không buông lung, kể cả Trí tuệ ba-la-mật và các Ba-la-mật khác. Ta đã tu tập nhiều gấp trăm, ngàn lần, gấp vạn ức lần, hơn cả ức vạn lần không thể so sánh, không thể ví dụ. Do vậy, Phạm thiên nên biết! Lúc ấy ta liền được đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật?

Đức Phật bảo Phạm thiên:

–Không nhớ nghĩ đến bố thí, không vướng mắc vào trì giới, không suy nghĩ về nhẫn nhục, không nắm giữ tinh tấn, không trụ vào thiền định, biết trí tuệ là không hai. Đấy gọi là đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Phạm thiên lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Nếu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật thì có thể đầy đủ thêm những gì?

Đức Thế Tôn đáp:

–Nếu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật thì sẽ đạt đầy đủ các thông tuệ.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật thì làm thế nào để đầy đủ các thông tuệ.

Đức Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Nếu bố thí bình đẳng thì các thông tuệ bình đẳng, nhờ trì giới bình đẳng nên các thông tuệ bình đẳng, nếu nhẫn nhục bình đẳng thì các thông tuệ bình đẳng, nếu tinh tấn bình đẳng thì các thông tuệ bình đẳng, khi thiền định bình đẳng nên các thông tuệ bình đẳng, trí tuệ bình đẳng thì các thông tuệ cũng bình đẳng, nhờ có thể bình đẳng như vậy nên các pháp đều bình đẳng, liền được bình đẳng đối với các thông tuệ.

Lại nữa, này Phạm thiên! Nhớ nghĩ đầy đủ về bố thí thì đầy đủ các thông tuệ, nhớ nghĩ về trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ đầy đủ thì các thông tuệ được đầy đủ, xa lìa ý niệm về các thông tuệ thì gọi là đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, cũng đầy đủ các thông tuệ. Như vậy, này Phạm thiên! Nếu có thể thực hành đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật thì đạt đầy đủ các thông tuệ.

Phạm thiên lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là đầy đủ các thông tuệ?

Đức Thế Tôn đáp:

–Nếu mắt không chấp vào sắc, tai không chấp vào tiếng, mũi không chấp nơi hương, miệng không chấp vào vị, thân không chấp vào xúc chạm, ý không nắm giữ các pháp. Các pháp không ở trong, chẳng ở ngoài, không có nguyên do, chẳng có đối tượng để nắm giữ, cũng chẳng tự nhớ nghĩ thì đạt đầy đủ hết thảy các thông tuệ, như vậy gọi là đầy đủ các thông tuệ. Nên mắt không chấp vào sắc, tai đối với thanh, mũi đối với hương, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc và ý đối với pháp đều không còn chấp thủ. Do đó, trí

tuệ của Như Lai không chướng ngại, sự thấy cũng không có giới hạn, đạt được các thông tuệ nhưng đối với chúng cũng không chấp giữ. Vì sao? Nếu muốn thành tựu các thông tuệ thì không nên dụng công mà cũng chẳng có sự dụng công, do không có sự dụng công nên gọi là hiển bày, do hiển bày các hành bình đẳng nên đối với các thông tuệ không có sự chấp giữ.

Này Phạm thiên! Ví như tất cả các pháp đều nương vào hư không, mà hư không chẳng có chỗ nương tựa. Biết rõ tất cả các pháp là như vậy, lại mong cầu nương vào các thông tuệ để đạt được mà các thông tuệ cũng chẳng có nơi để nương tựa, mong cầu.

Phạm thiên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các thông tuệ ấy gọi là gì? Sao lại gọi là các thông tuệ?

Đức Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Các thông tuệ chỉ là giả danh mà thôi, biết rõ tất cả các hành là không có đối tượng để chấp giữ, không phải là pháp của hàng Thanh văn, Duyên giác, gọi là các thông tuệ. Trừ bỏ tất cả các ý niệm gọi là các thông tuệ. Biết rõ về các nơi hướng đến gọi là các thông tuệ. Trí tuệ không có giới hạn, hiểu rõ mọi tạo tác của chúng sinh, gọi là các thông tuệ. Nhận biết về tất cả, tùy thời để thuận theo điều đã học, không tu tập theo trí tuệ của hàng Duyên giác, không có điều gì mà chẳng thông đạt, thị hiện giáo hóa đúng lúc gọi là các thông tuệ. Tùy theo bệnh của chúng sinh để bình đẳng chữa trị đúng lúc gọi là các thông tuệ. Diệt trừ các loại bệnh gọi là các thông tuệ. Phá bỏ hết các thứ chướng ngại, các gốc rễ nương tựa, đắm nhiễm gọi là các thông tuệ. Luôn trụ trong thiền định, gọi là các thông tuệ. Thông đạt về tất cả các pháp, không còn nghi ngờ, gọi là các thông tuệ. Hoàn toàn thấu suốt khắp nơi, không điều gì mà không biết, khai mở trí tuệ thế gian và xuất thế gian, phân biệt rõ ràng, giảng nói trọn vẹn, thông suốt tất cả gọi là các thông tuệ. Này Phạm thiên! Đó gọi là các thông tuệ.

Bấy giờ, Phạm thiên Trì Tâm bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là chưa từng có, tâm của chư Phật, Thế Tôn nhận nơi trí tuệ mà hiển bày, nhưng tâm ấy vốn thanh tịnh. Như Lai hiểu rõ tường tận mọi tạo tác của tâm chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Không có thiện nam, thiện nữ nào được nghe các thông tuệ này mà chẳng phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến đạt được vô lượng công đức thù thắng.

Bấy giờ, Bồ-tát Minh Võng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát mong cầu công đức mà phát tâm Bồ-đề

thì người ấy không phải là mến mộ Phật đạo, cũng chẳng phải là kiến lập Đại thừa. Vì sao? Vì tất cả các pháp không có công đức, cũng chẳng có sự đối đãi.

Bạch Đấng Thiên Trung Thiên! Đấy chẳng phải là công đức của Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Người nào không có sự duyên dựa mới gọi là kiến lập Phật đạo. Chỉ vì lòng Từ bi nhằm diệt trừ khổ não, hoạn nạn cho chúng sinh, tự mình nhẫn nhục, khổ nhọc nhưng không hề nhàm chán, do tâm vô lượng nên không sợ khởi đầu hay kết thúc, không quên mất lời Phật dạy, hộ trì chánh pháp, cung kính đối với các bậc Thánh, dùng pháp lành để diệt trừ pháp ác, đem các pháp môn giải thoát để cứu độ muôn loài, chữa trị các loại bệnh khiến diệt trừ tận gốc, cứu giúp hết thảy chúng sinh khiến họ được sinh vào cõi lành giúp đỡ tất cả, chẳng nghĩ đến yêu, ghét, không đắm nhiễm pháp thế gian, thoát khỏi hoạn nạn sinh tử, đạt đến vô vi, an ổn.

Thưa Đấng Thiên Trung Thiên! Lại nữa, các Bồ-tát không nên nghi ngờ, không vì sự tạo tác của chúng sinh mà mong cầu, cũng chẳng có đối tượng để nghi ngờ.

Bạch Thế Tôn! Hàng Bồ-tát không bị khổ, vui chi phối.

Thưa Đấng Thiên Trung Thiên! Thế nào là chủng tánh thanh tịnh của Bồ-tát?

Đức Thế Tôn dạy:

–Nếu Bồ-tát sinh vào dòng dõi Chuyển luân thánh vương, sinh vào cõi trời Đế Thích hay Phạm thiên và bất cứ nơi chốn nào đều chẳng phải là chủng tánh thanh tịnh. Bồ-tát nên tạo lập đầy đủ cội gốc của công đức, phát khởi nguồn gốc nơi pháp lành cho chúng sinh. Đó gọi là chủng tánh thanh tịnh của Bồ-tát.

Lại nữa, nếu ở trong loài súc sinh thì cũng xa lìa các kiến chấp, đầy đủ tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả, bình đẳng cùng pháp lạc, tâm ý không còn nhơ uế. Đó gọi là chủng tánh thanh tịnh của Bồ-tát. Bố thí là chủng tánh thanh tịnh vì không bỏn sẻn. Trì giới là chủng tánh thanh tịnh vì không bị phiền não thiêu đốt. Nhẫn nhục là chủng tánh thanh tịnh vì xa lìa sân hận. Tinh tấn là chủng tánh thanh tịnh vì không hề biếng nhác. Thiền định là chủng tánh thanh tịnh vì luôn nhất tâm định tĩnh. Trí tuệ là chủng tánh thanh tịnh vì không bị tối tăm che lấp. Đây gọi là Bồ-tát trừ bỏ các nhơ uế, không bỏ tâm Bồ-đề, chính là chủng tánh thanh tịnh của Bồ-tát vì không ưa thích thừa Thanh văn, Duyên giác.

-oOo-

Phẩm 7: Đàm luận

Bấy giờ, Phạm thiên Trì Tâm bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao Bồ-tát Phổ Thủ ngồi im lặng trong chúng hội, không giảng nói cũng chẳng bàn luận?

Đức Phật bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Bồ-tát có thể vì chúng hội mà thuyết pháp không? Nếu có điều gì chưa rõ thì hãy thưa hỏi.

Bồ-tát Phổ Thủ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có thể nương theo ý nghĩa của pháp mà đạt được Chánh giác không? Pháp ấy có thể giảng nói chăng?

Đức Phật dạy:

–Này Phổ Thủ! Pháp là không thể giảng nói được.

Bồ-tát Phổ Thủ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Pháp có ngôn từ, có thể tư duy và giảng nói được không?

Đức Phật dạy:

–Pháp không có ngôn từ, không thể tư duy, cũng chẳng thể giảng nói được.

Bồ-tát Phổ Thủ thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp không có ngôn từ, không thể tư duy cũng chẳng luận bàn thì không thể giảng nói.

Phạm thiên Trì Tâm thưa với Bồ-tát Phổ Thủ:

–Chẳng phải Nhân giả đã giảng nói chánh pháp cho chúng sinh sao?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Này Phạm thiên! Có thể giảng nói về pháp tánh, phân biệt làm hai chăng?

Phạm thiên đáp:

–Không thể được.

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi:

–Pháp tánh ấy có thể hội nhập vào tất cả các pháp chăng?

Phạm thiên đáp:

–Đúng vậy.

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

–Này Phạm thiên! Nếu như vậy thì pháp tánh vốn không hai, nhưng pháp tánh lại bao trùm tất cả các pháp, thế thì sao lại giảng nói pháp cho chúng sinh?

Phạm thiên hỏi:

–Người nào có thuyết pháp tức là còn chấp vào ngã, ngã sở, sao lại nói là không có hai tướng?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Này Phạm thiên! Nếu có sự chứng đắc thì có thể giảng nói, hoặc có người nghe chăng?

Phạm thiên hỏi:

–Đức Như Lai đã chẳng giảng nói chánh pháp đó sao?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Này Phạm thiên! Đức Như Lai tuy có giảng nói nhưng không có hai tướng. Vì sao? Vì Như Lai là không hai, không tạo tác hai tướng.

Phạm thiên hỏi:

–Nếu các pháp không có hai tướng thì ai tạo ra hai tướng ấy?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Chúng sinh nương vào danh mà chấp là có ngã và ngã sở, hàng phàm phu do mê mờ nên tạo ra hai tướng. Thật sự hai tướng ấy hoàn toàn chẳng khác, cho đến tạo ra vô số nhưng vẫn không khác, vì các pháp là chân thật nên không có hai tướng, cũng không thể tạo ra hai tướng.

Phạm thiên hỏi:

–Làm thế nào để biết pháp là không hai?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Này Phạm thiên! Nếu có thể biết thì gọi là có hai tướng, người nào có thể biết pháp là không hai thì người ấy hiểu được giáo pháp. Đức Như Lai tuy giảng nói có pháp chân thật, nhưng Như Lai không có đối tượng để thuyết pháp. Vì sao? Vì các pháp không có văn tự.

Phạm thiên hỏi:

–Đức Như Lai thuyết pháp có nơi hướng đến chăng?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Này Phạm thiên! Hướng đến nơi không có đối tượng để hướng đến, mới gọi là sự thuyết pháp của Đức Như Lai.

Phạm thiên hỏi:

–Đức Như Lai thuyết pháp lẽ nào không hướng đến Niết-bàn chăng?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Này Phạm thiên! Niết-bàn mà có xứ sở đi đến sao?

Phạm thiên thưa:

–Như vậy là Niết-bàn không có xứ sở đi, đến?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Đúng vậy, Như Lai thuyết pháp hướng đến nơi không có đối tượng để hướng đến.

Phạm thiên thưa:

–Ai có thể nghe pháp này?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Người có tâm bình đẳng.

Phạm thiên thưa:

–Thế nào là tâm bình đẳng?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Không có sự giáo hóa cũng chẳng có đối tượng được nghe.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể nghe pháp của Như Lai giảng nói?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Đối với pháp tánh thì chẳng có đối tượng nghe.

Phạm thiên hỏi:

–Nên nương vào điều gì để hiểu rõ pháp ấy?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Người có thể biết rõ nhưng không tranh luận.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là Tỳ-kheo ưa tranh luận?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Người cho là điều ấy ứng hợp với Như hay chẳng ứng hợp với Như, thì gọi là tranh luận. Điều ấy có nhân duyên hoặc không có nhân duyên, gọi là tranh luận. Đây là phiền não, là trói buộc, gọi là tranh luận. Pháp ấy là tốt, là xấu, gọi là tranh luận. Người hay giữ giới, phá giới gọi là tranh luận. Đây là giữ gìn hoặc xả bỏ, gọi là tranh luận. Cho là có sự chứng đắc, có thời gian gọi là tranh luận.

Lại nữa, này Phạm thiên! Cho là có tên gọi, không có tên gọi, hoặc khởi lên các pháp khác đều gọi là tranh luận. Đức Như Lai thuyết pháp

không có tranh luận, không có phiền não, không làm gì khác, không có các lý lẽ để tranh luận thì gọi là Sa-môn. Sa-môn là không tham dục, bình đẳng đối với các hình sắc.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là Tỳ-kheo hành trì theo lời Phật dạy?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Này Phạm thiên! Giả sử chịu các sự xua đuổi để được nghe giáo hóa mà vẫn không cho là bị hoạn nạn, gọi là thuận theo lời Phật dạy mà không hề buông lung. Không vướng mắc vào hai tuệ là thuận theo lời Phật dạy. Nếu mong cầu được hội nhập, không bị mê hoặc là thuận theo lời Phật dạy. Không tranh luận về chí nguyện là thuận theo lời Phật dạy. Hộ trì chánh pháp là thuận theo lời Phật dạy. Không hủy hoại chánh pháp là thuận theo lời Phật dạy.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là Tỳ-kheo hộ trì chánh pháp?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Nếu giữ gìn khắp tất cả, không hủy hoại, gọi là hộ trì chánh pháp, không trái với pháp tánh là hộ trì chánh pháp.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là Tỳ-kheo gần gũi Đức Như Lai, thuận theo giáo pháp để thực hành chân chánh?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Nếu Tỳ-kheo đối với các pháp mà không thấy có xa hoặc gần, cũng chẳng có đối tượng để thấy, đó gọi là Tỳ-kheo gần gũi với Đức Như Lai, cung kính thuận theo giáo pháp, gọi là thứ lớp thực hành.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là Tỳ-kheo hầu cận Đức Phật?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Này Phạm thiên! Nếu thân của Tỳ-kheo không tạo tác, cũng chẳng có đối tượng được tạo tác không ngôn từ, cũng chẳng có ý niệm, gọi là cúng dường, hầu cận Đức Phật.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là cúng dường Như Lai?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Không phải cúng dường y phục, thức ăn mà nên cung kính, thuận

theo Đức Phật.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể thấy Đức Như Lai?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Là người không chấp vào nhục nhãn, không chấp vào Thiên nhãn, không chấp vào Tuệ nhãn, cũng không thấy có đối tượng nào để chấp.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể thấy pháp?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Người nào không đoạn diệt pháp duyên khởi thì thấy pháp.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể thấy pháp duyên khởi?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Người không dấy khởi bình đẳng. Nếu bình đẳng không dấy khởi thì không có sự sinh khởi.

Phạm thiên hỏi:

–Ai đạt được thần thông?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Người không dấy khởi các lậu cũng chẳng có đối tượng để diệt trừ.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể theo học với Như Lai?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Người không tạo tác, không dấy khởi cũng chẳng xả bỏ.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là đạt được bình đẳng?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Đối với ba cõi đều chẳng có đối tượng đạt đến.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là khéo léo giáo hóa?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Đối với các pháp hiện có không còn lệ thuộc.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là an lạc?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Người không chấp vào ngã và ngã sở.

Phạm thiên hỏi:

–Ai là người đạt được giải thoát?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Không bị các kết sử trói buộc.

Phạm thiên hỏi:

–Ai là người được độ?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Không có nơi sinh tử, cũng chẳng được diệt độ.

Phạm thiên hỏi:

–Tỳ-kheo dứt sạch các lậu là dứt sạch điều gì?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Này Phạm thiên! Đối với các chỗ tận mà không thấy có đối tượng để dứt sạch, người biết các lậu là không có nguồn gốc, biết rõ như vậy gọi là dứt sạch các lậu.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là lời nói chân thật, dứt bặt các ngôn từ?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Người có thể phân biệt, nhận biết rõ các điều khó.

Phạm thiên hỏi:

–Ai là người chứng đạo?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Hàng phàm phu chứng đạo thì không nghĩ là đạt đến. Đối với pháp Hiền thánh cũng không có nơi hướng đến, nên hiểu rõ tường tận tất cả pháp.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể thấy Thánh đế?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Thánh đế là không thể thấy. Vì sao? Vì người nào cho là có thấy đều là hư vọng, nên không có sự quan sát gọi là thấy Thánh đế.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là quan sát để thấy Thánh đế?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Đối với tất cả sự thấy mà không có đối tượng để thấy thì gọi là thấy Thánh đế.

Phạm thiên hỏi:

–Nên cầu Thánh đế ở đâu?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Nên cầu trong bốn thứ điên đảo.

Phạm thiên hỏi:

–Tại sao nói như vậy?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Bốn thứ điên đảo là suy xét tận nguồn gốc của chúng nhưng hoàn toàn không có thường, không có lạc, cũng không có ngã và ngã sở; không có sự tịnh và pháp chân thật; vô thường ấy chính là chẳng phải thường, vô lạc ấy chính là chẳng phải lạc, vô ngã ấy chính là chẳng phải ngã, vô không ấy chính là chẳng phải không.

Lại nữa, này Phạm thiên! Đối với tất cả các pháp là không có lạc, là mong cầu Thánh đế. Người nào cầu Thánh đế thì không thấy có khổ, không đoạn tập, không chứng diệt, cũng không tu tập đạo.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là tu tập đạo?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Không nghĩ đến tạo tác cũng chẳng phải là không tạo tác, xa lìa hai tướng là đạo hay chẳng phải đạo để cầu đạo, không thủ đắc đối với tất cả pháp, đấy mới gọi là đạo. Nếu đối với đạo mà không dấy khởi cũng chẳng phải không dấy khởi, không có sự đoạn trừ cũng chẳng phải không đoạn trừ, không sinh tử cũng không diệt độ. Vì sao? Vì không dấy khởi cũng chẳng phải không có sự dấy khởi. Đó gọi là đạo của bậc Hiền thánh.

Bấy giờ, con của Phạm chí Đại Tánh tên là Phổ Hạnh thưa Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thế nào là Ưu-bà-tắc quy y Phật, quy Pháp, quy y Tăng?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Nếu Ưu-bà-tắc không dấy khởi hai kiến chấp thì Ưu-bà-tắc ấy quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Vị ấy không chấp vào ngã, không chấp vào người khác, không chấp vào Phật cũng không chấp nơi chính mình, không chấp vào Pháp cũng không chấp nơi chính mình, không chấp vào Tăng cũng không chấp nơi chính mình, không khởi các kiến chấp thì Ưu-bà-tắc ấy đã quy y Phật, quy Pháp và quy y Tăng.

Nếu Ưu-bà-tắc không dùng sắc để cầu thấy Phật, cũng không dùng thọ, tưởng, hành, thức để cầu thấy Phật, không tạo tác cũng chẳng mong

đạt được quả vị Phật, đó gọi là quy y Phật.

Nếu đối với các pháp không phân biệt, không cho là giống nhau cũng không có sự so sánh, đó gọi là quy y Pháp.

Nếu đối với các pháp hữu vi mà không có sự lệ thuộc, không mong cầu đạt được an lạc đối với pháp hữu vi, cũng chẳng mong cầu an lạc đối với pháp vô vi, đó gọi là quy y Tăng.

Nếu Ưu-bà-tắc không chấp nơi Phật, không chấp vào Pháp và Tăng thì gọi là quy y Phật, Pháp, Tăng.

Bồ-tát Phổ Hạnh hỏi:

–Nếu Bồ-tát cầu Phật đạo là cầu điều gì?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Đó là cầu nơi hư không. Vì sao? Vì đạo bình đẳng như hư không.

Bồ-tát Phổ Hạnh hỏi:

–Thế nào là Bồ-tát cầu Phật đạo?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Nếu Bồ-tát đối với tất cả sự mong cầu mà chẳng thấy có đối tượng để mong cầu, biết rõ về các pháp, do biết rõ các pháp nên hiểu rõ về chúng sinh, đó gọi là Bồ-tát cầu Phật đạo.

Bồ-tát Phổ Hạnh lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát được gọi là Bồ-tát?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện nam! Nếu Bồ-tát thấy chúng sinh tà kiến mà phát tâm Từ bi, khiến họ có được chánh kiến, dẫn dắt chúng sinh hội nhập vào đạo chân chánh thì Bồ-tát ấy được gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy không an trụ cũng chẳng phải không an trụ, chỉ vì chúng sinh mà phát nguyện, vì vô lượng chúng sinh bị rơi vào tà kiến nên tạo lập chí nguyện.

Do đó, này Thiện nam! Bồ-tát vì chúng sinh bị rơi vào tà kiến mà phát tâm Từ bi, tạo lập chí nguyện nơi đạo, cho nên gọi là Bồ-tát.

Bấy giờ, Bồ-tát Đạo Ý bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng muốn nói về việc làm thế nào để được gọi là Bồ-tát?

Đức Phật bảo:

–Nếu ông muốn nói thì hãy tùy ý.

Bồ-tát Đạo Ý bạch Phật:

–Ví như người nam, người nữ trong thế gian tinh tấn giữ tám giới

trong một ngày một đêm, không hủy phạm cũng chẳng thiếu sót.

Thưa Bậc Đại Thánh! Như vậy vị ấy thực hành hạnh Bồ-tát từ khi mới phát tâm chưa thành Phật, luôn giữ gìn tám giới, đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Kiên Ý nói:

–Nếu Bồ-tát tâm kiên cố, thực hành lòng từ đầy đủ thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Độ Nhân nói:

–Ví như thuyền, như cầu có đưa người qua sông nhưng không hề thấy khổ nhọc, cũng chẳng phân biệt, người tu hành có tâm như ví dụ này thì gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Khí Ác nói:

–Nếu Bồ-tát kiến lập được các cõi Phật thì có thể diệt trừ sạch tất cả các điều ác, đấy gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Quan Thế Âm nói:

–Nếu chúng sinh được thấy Bồ-tát thì sẽ lập chí nguyện hướng đến Phật đạo, chỉ quan sát về danh hiệu của Bồ-tát thì liền được giải thoát, đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Đắc Đại Thế nói:

–Người nào bước đi làm chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới cõi Phật và tất cả cung điện của ma thì gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Hoạn Yểm nói:

–Giả sử trong hằng hà sa kiếp, ngày đêm ân cần tinh tấn, hoặc tu tập liên tục trong nửa tháng, một tháng, mười hai tháng, mười năm hoặc một ngàn năm, ức trăm ngàn năm mới có Đức Phật ra đời. Hoặc lại cúng dường chư Như Lai nhiều như số cát sông Hằng, tu hành thanh tịnh, sau đó mới được thọ ký, lại vì chúng sinh mà phát tâm đại Bi, kiến lập Phật đạo, không hề nhớ nghĩ, không buông lung, tâm không nghi ngờ, cũng chẳng biếng nhác, đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Đạo Sư nói:

–Nếu vì những chúng sinh rơi vào đường tà mà phát tâm đại Bi khiến họ an trụ trong chánh đạo, không buông lung cũng chẳng mong cầu, đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Đại Sơn nói:

–Người nào đối với các pháp mà bình đẳng như núi lớn không phân biệt thì gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Câu Tiêu nói:

–Người nào không thấy có sự diệt trừ tất cả phiền não thì gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Dũng Tâm nói:

–Nếu dùng tâm suy nghĩ về tất cả các pháp mà phát khởi tâm nhẫn nhục, không hề tăng giảm, thì gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Dục Sư Tử Biến nói:

–Người nào không âu lo, không sợ hãi, đem pháp vi diệu để giáo hóa ngoại đạo thì gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Vô Niệm nói:

–Nếu dùng tâm để hội nhập tâm, không có suy nghĩ, cũng chẳng phải không suy nghĩ thì gọi là Bồ-tát.

Thiên tử Thiện Nhuận nói:

–Nếu sinh ra trong các cung điện của cõi trời mà không bị đắm nhiễm, cũng không chấp vào pháp lìa tham dục thì gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Thành Ngôn nói:

–Nếu luôn nói lời thành thật, lời nói của người ấy hợp với như và chân lý cũng chẳng phải không hợp với chân lý thì gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Ái Kính nói:

–Nếu thấy tất cả hình sắc đều là hình sắc của Phật thì gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Thường Thảm nói:

–Nếu thấy chúng sinh bị rơi vào nẻo luân hồi, đối với tất cả các niềm vui, vị ấy không vui mừng, chỉ nghĩ: "Ta sẽ cứu giúp tất cả chúng sinh". Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Mạc Năng Đương nói:

–Bạch Thế Tôn! Người nào không bị ma tham dục quấy phá thì gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Thường Tiếu Hỷ Căn nói:

–Người nào vui thích vô lượng, các căn hoan hỷ, viên mãn hạnh nguyện của mình, việc làm đã xong thì gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Hoại Chư Nghi Võng nói:

–Người nào không xa lìa tâm ý, cũng chẳng nghi ngờ đối với tất cả các pháp thì gọi là Bồ-tát.

Đồng nữ Sư Tử nói:

–Người nào không thấy có pháp của nữ, không có pháp của nam, có

thể thị hiện vô số thân tướng để giáo hóa chúng sinh. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Bảo Nữ nói:

–Người nào không ưa thích châu báu, chỉ ưa thích ba ngôi báu là Phật, Pháp và Tăng thì gọi là Bồ-tát.

Ưu-bà-tắc Ly Ưu Thí nói:

–Nếu không điên đảo, cũng chẳng mê lầm, Bồ-tát đối với đạo và tất cả các pháp mà không có thủ đắc, không sinh khởi cũng chẳng diệt trừ thì gọi là Bồ-tát.

Trưởng giả Hiền Hộ nói:

–Nếu Bồ-tát giả dùng danh hiệu để dẫn dắt chúng sinh đạt đến Phật đạo, thì gọi là Bồ-tát.

Đồng nữ Bảo Nguyệt nói:

–Nếu luôn tôn trọng, tu tập phạm hạnh, bố thí bình đẳng, không phân biệt cũng không tham dục, huống nữa là mong cầu của cải giàu có, đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Hương Hoa nói:

–Như chư Thiên cõi trời Đao-lợi dùng hương giới để xông ướp thân mình, Bồ-tát không tỏa ra hương khác mà chỉ dùng hương pháp của giới cấm, nên gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Tạo Lạc nói:

–Người nào không ưa thích các pháp khác, chỉ mong đạt được ba pháp là cúng dường Phật, giảng nói kinh pháp và giáo hóa chúng sinh, thì gọi là Bồ-tát.

Phạm thiên Trì Tâm nói:

–Giả sử Bồ-tát không mong cầu các pháp, cũng không mong muốn kinh điển của chư Phật, chỉ nương theo hào quang mà được giác ngộ, thì gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Từ Thị nói:

–Nếu chúng sinh nào nhìn thấy Bồ-tát thì chúng sinh ấy liền thực hành Tam-muội về lòng Từ, đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

–Nếu Bồ-tát giảng nói về tất cả các pháp nhưng không có đối tượng để giảng nói, không khởi tưởng về pháp, cũng chẳng nhớ nghĩ đến các pháp, đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Minh Võng nói:

–Giả sử hào quang hiện có của Bồ-tát có thể diệt trừ hết các phiền não, tham dục, thì gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Phổ Hoa nói:

–Nếu thấy chư Như Lai khắp mười phương cõi Phật như rừng hoa thì gọi là Bồ-tát.

Như vậy, hàng Bồ-tát mỗi vị đều nêu bày theo ý nguyện của mình.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Hạnh:

–Nếu Bồ-tát vì các chúng sinh mà nhận chịu các thứ khổ não nhưng không hề quên mất nguồn gốc của tất cả công đức, cũng không bỏ chúng sinh, đó gọi là Bồ-tát.

-oOo-

KINH TRÌ TÂM PHẠM THIÊN SỞ VẤN

QUYỂN 3

Phẩm 8: Luận tịch

Bấy giờ, Phạm thiên Trì Tâm hỏi Bồ-tát Phổ Hạnh:

–Thưa Nhân giả! Nhân giả dùng hạnh gì để thực hành?

Bồ-tát Phổ Hạnh đáp:

–Hạnh của tôi là đối với tất cả pháp hữu vi đều chẳng vướng mắc và luôn thuận theo hạnh của chúng sinh.

Phạm thiên hỏi:

–Tất cả chúng sinh đều vướng mắc vào pháp hữu vi, vậy hạnh của chúng sinh là gì?

Bồ-tát Phổ Hạnh đáp:

–Là thuận theo sự hành hóa của chư Như Lai.

Phạm thiên hỏi:

–Chư Như Lai dùng hạnh gì để hành hóa?

Bồ-tát Phổ Hạnh đáp:

–Chư Phật dùng "tất cả đều không" để làm hạnh.

Phạm thiên hỏi:

–Tất cả các hạnh của hàng phàm phu giống với hạnh của chư Như Lai chăng? Nếu như vậy thì thế nào là cảnh giới của chư Phật?

Bồ-tát Phổ Hạnh lại hỏi:

–Nhân giả muốn làm cho hư không có sự sai khác chăng?

Phạm thiên đáp:

–Không phải vậy.

Bồ-tát Phổ Hạnh hỏi:

–Đức Như Lai không giảng nói các pháp là không sao?

Phạm thiên đáp:

–Đúng vậy.

Bồ-tát Phổ Hạnh nói:

–Do đó, tất cả các pháp không có sai biệt.

Lại nữa, các hạnh ấy cũng chẳng có tướng. Phạm thiên nên biết! Như Lai không giảng nói các pháp có sự sai khác.

Lúc này, Phạm thiên Trì Tâm hỏi Bồ-tát Phổ Thủ:

–Đã giảng nói về hành, vậy hành là gì?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Thực hành bốn phạm hạnh gọi là hạnh.

Này Phạm thiên! Người thực hành bốn phạm hạnh, không những chỉ ở nơi tịch tĩnh mà ở bất cứ chốn nào cũng luôn tu tập bốn phạm hạnh, khi đầy đủ các hạnh mới gọi là ở nơi tịch tĩnh.

Này Phạm thiên! Nếu ở nơi yên tịnh hoặc ở chốn hoang vắng mà luôn đầy đủ bốn phạm hạnh, đó gọi là "Hành nơi tịch tĩnh". Nếu ở những nơi chốn giảng đường, lầu son, gác tía, giường vàng, chiếu ngọc đủ loại mà không tu theo bốn phạm hạnh thì không gọi là "hành nơi tịch tĩnh", cũng không thể biết rõ nơi đạt đến của hành.

Phạm thiên hỏi:

–Dùng những hành gì tạo nên trí tuệ để thấy rõ các hạnh?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Nếu biết được hành là không thì không thấy có ngã.

Phạm thiên hỏi:

–Người nào không thấy có ngã là có trí tuệ chăng?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Đúng vậy, này Phạm thiên! Người nào không thấy có ngã thì đạt được trí tuệ.

Này Phạm thiên! Như có vị vua sáng suốt thì quần thần cũng có trí tuệ, được vua luôn tôn trọng. Cũng vậy người nào không chấp ngã thì có trí tuệ thanh tịnh.

Phạm thiên hỏi:

–Ai không chấp ngã?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Pháp không có ngã và ngã sở. Những ai biết được như vậy là biết đầy đủ về ngã, người ấy gọi là thấy được ngã.

Phạm thiên hỏi:

–Như điều Nhân giả nói, nếu tôi quán xét về nghĩa ấy mà không thấy

có ngã thì được thấy Phật. Vì sao? Vì thật tánh của ngã và ngã sở cũng là thật tánh của Phật.

Thưa Nhân giả! Thế nào là thấy Như Lai?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Xa lìa sự thấy về ngã và ngã sở. Vì sao? Vì người nào không thấy có ngã tức là thấy pháp, ai thấy pháp tức là thấy Phật.

Phạm thiên hỏi:

–Nhờ vô ngã làm nhân duyên nên được thành tựu về bình đẳng chăng?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Này Phạm thiên! Giả sử thành tựu các pháp hữu vi thì đấy có thể gọi là đạt được bình đẳng.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là thành tựu về bình đẳng?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Không đoạn trừ, cũng chẳng chứng đắc. Người nào thực hành như vậy thì đạt được bình đẳng.

Phạm thiên hỏi:

–Người có Tuệ nhãn là thấy những gì?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Này Phạm thiên! Người có Tuệ nhãn thì không có đối tượng để thấy. Người có Tuệ nhãn không thấy hữu vi cũng chẳng thấy vô vi. Vì sao? Vì còn phân biệt là còn hữu vi. Người nào không còn phân biệt mới gọi là có Tuệ nhãn, thông đạt rõ ràng như vậy thì vượt qua sự nhận biết của mắt. Do đó, Tuệ nhãn là không có đối tượng để thấy.

Phạm thiên hỏi:

–Duyên theo ngã và ngã sở mà thành tựu bình đẳng thì Tỳ-kheo ấy có chứng quả không?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Này Phạm thiên! Người không có tâm bình đẳng thì có thể chứng quả chăng? Không thể được. Vì người có tâm bình đẳng nếu có tu tập thì cũng không được chứng quả, mà phải xa lìa tưởng và niệm mới chứng quả. Nếu người kiêu mạn, không có tâm bình đẳng, hoặc kiêu mạn hay không kiêu mạn đều không thể chứng đắc.

Phạm thiên hỏi:

–Chứng đắc pháp gì mới gọi là chứng đạo?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Pháp ấy không sinh khởi, hiện tại không sinh, vị lai cũng chẳng sinh, biết rõ các pháp như vậy gọi là chứng đạo. Tôi giảng nói về chứng đạo là ý nghĩa này.

Phạm thiên hỏi:

–Nếu pháp sinh khởi như vậy thì chứng đắc điều gì?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Chứng đắc như vậy thì không sinh, mới gọi là sinh khởi, vượt qua tất cả kiến chấp về các hành, đó gọi là bình đẳng.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là bình đẳng?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Ngã, ngã sở và diệt độ là bình đẳng, không hai, đó gọi là bình đẳng. Bình đẳng là không lệ thuộc, đó gọi là bình đẳng. Giảng nói bình đẳng, gọi là bình đẳng. Lợi ích hay không lợi ích, nghĩa hay chẳng phải nghĩa, đó gọi là bình đẳng. Dứt trừ hết tất cả suy nghĩ, gọi là bình đẳng.

Đức Thế Tôn khen ngợi Bồ-tát Phổ Thủ:

–Lành thay, lành thay! Thật đúng như lời ông nói.

Khi Bồ-tát Phổ Thủ thuyết giảng về pháp này, có bảy ngàn Tỳ-kheo dứt sạch các lậu hoặc, tâm đạt giải thoát, hai vạn hai ngàn Tỳ-kheo xa lìa mọi phiền não, được pháp nhẫn thanh tịnh, một vạn Tỳ-kheo đoạn trừ ái dục, hai trăm chư Thiên và loài người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, năm trăm Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn vô sinh.

Bấy giờ, Phạm thiên Trì Tâm bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Phổ Thủ đã thực hành các Phật sự.

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

–Này Phạm thiên! Đức Phật không xuất hiện thì làm gì có pháp. Nếu không có pháp thì có nơi chốn không?

Phạm thiên nói:

–Chẳng phải Đức Thế Tôn đã giáo hóa cho vô lượng chúng sinh đạt được diệt độ sao? Chẳng phải Nhân giả cũng đã tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh sao?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Này Phạm thiên! Không có chúng sinh nhưng lại cho là có chăng?

Phạm thiên đáp:

–Thưa không.

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

–Này Phạm thiên! Ông muốn cho nhiều chúng sinh được thành tựu chăng?

Phạm thiên đáp:

–Không phải vậy.

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

–Này Phạm thiên! Ông cho là Đức Như Lai hành hóa vô ngại, nếu ai không còn chấp thủ thì khiến cho họ chứng đắc chăng?

Phạm thiên đáp:

–Không phải vậy.

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

–Những chúng sinh nào được Đức Như Lai giáo hóa mà đạt giải thoát.

Phạm thiên đáp:

–Như lời Nhân giả vừa nói, các pháp là không phát khởi, không sinh tử, không diệt độ, cũng chẳng bị lệ thuộc.

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

–Đúng vậy, này Phạm thiên! Đức Như Lai Chí Chân không vướng mắc nơi sinh tử, cũng chẳng thủ đắc về diệt độ.

Lại nữa, này Phạm thiên! Đức Thế Tôn giáo hóa là muốn hàng Thanh văn được giải thoát, nhưng hàng đệ tử của Ngài không vướng mắc nơi sinh tử, cũng chẳng phải thủ đắc về diệt độ, mới chính là diệt độ.

Này Phạm thiên! Cho là diệt độ tức chỉ nói theo thế tục, là tên gọi giả tạm, gọi là sinh tử cũng vậy, không có đầu tiên, không có cuối cùng, chẳng có luân hồi, cũng chẳng có diệt độ.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể tin pháp này?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Người đối với các pháp không còn tham đắm.

Phạm thiên hỏi:

–Nếu người có sự lệ thuộc thì tham đắm điều gì?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Này Phạm thiên! Người có sự lệ thuộc là tham đắm vào hư vọng.

Này Phạm thiên! Nếu cho là chân thật thì chẳng phải tăng thượng mạn. Đối với điều này, người ấy cũng chẳng ưa thích, huống nữa là lệ thuộc, chấp vào không sao? Do thấy là chân thật nên không hề tham đắm, do không tham đắm nên không sinh tử, do không sinh tử nên chẳng xa lìa sinh tử, chẳng xa lìa sinh tử mới chính là diệt độ.

Phạm thiên hỏi:

–Người được diệt độ là cầu diệt độ điều gì?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Này Phạm thiên! Người được diệt độ thì gọi là chuyển các nhân của tướng, sự vận hành của thức và của tuệ đều vắng lặng, không có nguyên do cũng không có xứ sở. Người nào không còn thấy xứ sở thì gọi là được diệt độ. Hành không còn xứ sở thì được diệt độ hoàn toàn. Đây chính là chứng đạo, không có sự sinh khởi thì gọi là bốn Thánh đế.

Bấy giờ, Bồ-tát Phổ Hạnh nói với Bồ-tát Phổ Thủ:

–Những lời Đại sĩ vừa giảng nói đều là chân thật chăng?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Thưa Nhân giả! Tất cả những lời nói đó đều là chân thật.

Bồ-tát Phổ Hạnh hỏi:

–Như lời Đại sĩ nói, tiếng vọng và hình ảnh hư vọng đều chân thật chăng?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Đúng là chân thật. Vì sao? Vì những lời nói ấy đều không có xứ sở, không có sự kiến lập, đã được tự tại gọi là chân thật. Tất cả những lời nói này đều là chân thật. Lời nói của chư Thiên, loài người và Như Lai Chí Chân cũng vậy, tất cả các lời nói khác cũng không sai biệt, không khác nhau. Vì sao? Vì tất cả lời nói đều là lời nói của Như Lai, tất cả chư Như Lai không có sự hành hóa, cũng không có sự tiến tới hay thoái lui, nên lời nói và sự giáo hóa của các Ngài đều dùng lời nói chân thật. Do đó, tất cả lời nói đều là văn tự bình đẳng. Nhờ văn tự bình đẳng nên có thể bình đẳng đối với văn tự, có thể bình đẳng đối với tất cả văn tự, nên được tự tại và được tự tại đối với tất cả ngôn từ để hành hóa rộng rãi.

Bồ-tát Phổ Hạnh hỏi:

–Đức Như Lai lẽ nào không phân biệt ngôn ngữ của Hiền thánh là ngôn ngữ không phải của bậc Hiền thánh sao?

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

–Nhân giả cho là các bậc Hiền thánh dùng văn tự để giáo hóa mà cũng không dùng văn tự để giáo hóa chăng?

–Đúng vậy!

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi:

–Văn tự của Hiền thánh và văn tự không phải của Hiền thánh có phân biệt chăng?

Bồ-tát Phổ Hạnh đáp:

–Không phân biệt.

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

–Như vậy, văn tự là không có phân biệt. Nếu đoạn trừ tất cả sự phân biệt thì gọi là Hiền thánh, dứt bặt mọi ngôn từ. Bậc Hiền thánh không dùng văn tự để giảng nói, vì không có tướng về người và cũng không có tướng về pháp. Giống như tiết tấu của âm nhạc và tiếng trống, do nhân duyên nên có âm thanh nên cũng chẳng có sự phân biệt. Bậc Hiền thánh cũng vậy, do thị hiện có sự giảng nói mà có ngôn từ, nhưng không hề chấp thủ.

Bồ-tát Phổ Hạnh hỏi:

–Đức Phật dạy: "Nếu hội họp lại chư vị nên làm hai việc: bàn luận chánh pháp hoặc im lặng như bậc Thánh."

Thưa Bồ-tát Phổ Thủ! Thế nào là luận bàn chánh pháp? Thế nào là im lặng như bậc Thánh?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Nếu không tranh luận về Phật, không trái với kinh pháp, không làm tán loạn chúng Tăng thì gọi là giảng nói chánh pháp. Nếu tư duy về pháp thì nên lập chí nguyện nơi Phật, không đắm nhiễm theo sắc dục, vì pháp là không tạo tác, không hình tướng, đó gọi là im lặng như bậc Thánh.

Lại nữa, thưa Đại sĩ! Người nào siêng năng tu tập về bốn Niệm xứ, thông hiểu rõ ràng thì gọi là luận bàn chánh pháp. Tâm không nhớ nghĩ đối với tất cả pháp, đó gọi là im lặng như bậc Thánh.

Thưa Đại sĩ! Người nào siêng năng giảng nói rõ ràng về bốn Chánh cần thì gọi là luận bàn chánh pháp. Khi luận bàn chánh pháp hoặc đối với bình đẳng đều không cho là có bình đẳng, cũng chẳng tạo tác, đó gọi là im lặng như bậc Thánh. Nếu tu tập hoặc giảng nói về bốn Như ý túc thì gọi là luận bàn chánh pháp. Nếu không chấp vào thân, không chấp vào lời nói, không chấp vào tâm thì gọi là im lặng như bậc Thánh. Tu tập và giảng nói về năm Căn, năm Lực thì gọi là luận bàn chánh pháp.

Lại nữa, nếu không có sự giảng nói tức không thể tin vào chánh pháp thì không có Hiền thánh, cũng không thể lựa chọn các pháp. Người nào chuyên cần, nhất tâm thì được kiến lập nơi chánh pháp, thành tựu giải thoát căn bản, đối với các pháp đều có niềm tin, hiểu rõ tất cả những pháp đã giảng nói, thực hành theo trí tuệ, đó gọi là giải thoát như Hiền thánh.

Tu tập theo bảy Giác chi mà bậc Thánh đã giảng nói thì gọi là luận bàn chánh pháp. Xét về sắc dục không thấy có cao, thấp, thực hành như vậy gọi là im lặng như bậc Thánh. Tinh tấn tu tập theo tám Thánh đạo thì gọi là luận bàn chánh pháp. Nếu thấy được nơi sinh ra của chủng tánh, ví như thuyền bè, không chấp vào pháp cũng không chấp vào phi pháp, gọi là im lặng như bậc Thánh.

Thưa Đại sĩ! Người nào hiểu rõ ý nghĩa của ba mươi bảy phẩm trợ đạo thì gọi là luận bàn chánh pháp. Giả sử thân chứng được pháp này thì cũng không xa lìa thân, thấy các pháp cũng không xa lìa pháp. Nếu thấy mà không thấy có nguồn gốc hoặc không chấp vào hai tướng thì không thấy có hai tướng. Như vậy, mọi nhận thức hiện tiền và nhận thức về trí tuệ đều không chấp vào chỗ nhận thức. Người nào không chấp mới gọi là im lặng như bậc Thánh.

Lại nữa, thưa Đại sĩ! Người nào giảng nói rõ ràng về không có ngã giống nhau, không có ngã sở giống nhau, không có pháp giống nhau, đấy gọi là luận bàn chánh pháp. Nếu không đạt được các pháp mà bỏ tất cả lời dạy cùng văn tự về giáo pháp thì phải đoạn trừ tâm kiêu mạn ấy, mới phát khởi sự vắng lặng, tâm của vị ấy tịch tĩnh hoàn toàn đối với các hành, đó gọi là im lặng như bậc Thánh.

Lại nữa, thưa Đại sĩ! Nếu biết rõ tất cả căn cơ định tĩnh hay tán loạn của chúng sinh để giáo hóa họ, nhưng tâm mình vẫn luôn kiên cố không hề tán loạn, gọi là im lặng như bậc Thánh.

Bồ-tát Phổ Hạnh nói với Bồ-tát Phổ Thủ:

–Như tôi suy xét về lời Nhân giả đã giảng nói thì tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác không thuyết pháp cũng không im lặng như bậc Thánh. Vì sao? Vì những vị ấy không thể hiểu rõ về căn tánh của chúng sinh, cũng không có được sự bình đẳng rốt ráo.

Thưa Bồ-tát Phổ Thủ! Người nào thuyết pháp với tâm bình đẳng? Những ai thuận theo chánh pháp, an trụ trong sự im lặng như bậc Thánh? Nên biết, chỉ có Đức Như Lai là bình đẳng, chỉ có chư Phật, Thế Tôn mới có thể hiểu rõ về căn tánh của tất cả chúng sinh nhưng vẫn luôn trụ trong thiền định.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Thật đúng như lời Bồ-tát Phổ Hạnh nói, chỉ có chư Phật, Thế Tôn mới có thể hiểu rõ.

Lúc ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đích thân theo Đức Thế Tôn và được nghe Ngài dạy bảo các Tỳ-kheo: "Nếu các vị tập hợp thì nên làm hai việc: một là luận bàn kinh điển; hai là im lặng như bậc Thánh." Giả sử hàng Thanh văn không thể thực hành theo thì sao Đức Như Lai lại bảo các Tỳ-kheo nên phân biệt, giảng nói về kinh điển, hoặc không như vậy thì im lặng như bậc Thánh?

Đức Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Theo ý Tôn giả thì sao? Hàng Thanh văn không thể lãnh hội chánh pháp mà có thể giảng nói chánh pháp hoặc im lặng như bậc Thánh không?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn, không thể được!

Do vậy, này Tu-bồ-đề! Nên biết tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác không thuyết pháp cũng không im lặng như bậc Thánh.

Bồ-tát Phổ Thủ nói với Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Thưa Trưởng lão! Trưởng lão có biết Đức Như Lai đã hiểu rõ về căn tánh của chúng sinh có tám vạn bốn ngàn hạnh nên Ngài vì họ mà phân biệt, giảng nói chánh pháp. Đối với chúng sinh như thế Trưởng lão có thể dùng trí tuệ để quan sát và giảng nói pháp không?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Không thể được.

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi:

–Trưởng lão có được Tam-muội định ý tên là "Quán xét tâm của chúng sinh", khi an trụ vào định này liền có thể quan sát, biết được tâm của chúng sinh, tâm mình và tâm người khác không hề chướng ngại chăng?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Không thể được.

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi:

–Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Đức Như Lai nói chúng sinh có tám vạn bốn ngàn hạnh, tùy theo hạnh của họ mà Như Lai phân biệt giảng nói, hiểu rõ để cho thuốc, nhưng vẫn an trú trong Tam-muội chánh thọ, không hề lay động, biết khắp hết thảy tâm của chúng sinh. Vì thế, thưa Tôn giả Tu-bồ-

đề! Nên biết hàng Thanh văn, Duyên giác không thể sánh kịp.

Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Có người nặng về dâm dục, nhờ nương vào pháp không mà được giải thoát, Đức Như Lai biết rõ điều ấy, nếu không nương vào pháp không thì không thể giải thoát.

Hoặc có người nhiều sân hận nhờ thực hành pháp quán xét lỗi lầm nên được giải thoát khỏi sân hận, không phải nhờ vào pháp quán Từ bi, Đức Như Lai biết rõ điều ấy.

Hoặc có người ngu si, nhờ vào sự khen ngợi mà được giải thoát, chẳng phải dựa nơi thuyết giảng giáo pháp, Đức Như Lai biết rõ điều ấy.

Hoặc có người làm theo tham, sân, si, không nhờ vào sự quán xét mà được giải thoát, không nhờ nơi quán Từ bi, không nương vào sân hận, không nhờ vào sự khen ngợi, cũng không nương vào sự thuyết giảng chánh pháp mà được giải thoát.

Đức Như Lai tùy theo căn cơ nơi từng người mà thuyết pháp thích ứng, khiến họ nương vào đó mà được giải thoát, Đức Như Lai biết rõ điều ấy.

Do vậy, thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Nên biết, Đức Như Lai thiền định hay giảng nói chánh pháp đều gọi là im lặng như bậc Thánh.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề nói với Bồ-tát Phổ Thủ:

–Hàng Duyên giác không thể giảng nói chánh pháp, như vậy cũng không thể im lặng như bậc Thánh, chỉ có Bồ-tát đạt đầy đủ pháp này mới có thể giảng nói và im lặng như bậc Thánh chăng?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Đức Như Lai thông đạt những điều ấy.

Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Có Tam-muội tên là "Nhập nhất thiết âm" để điều phục tâm tán loạn, Bồ-tát thực hành Tam-muội chánh định này thì đạt đầy đủ các công đức và các hạnh.

Lúc này, Bồ-tát Phổ Thủ hỏi Bồ-tát Phổ Hạnh:

–Thưa Đại sĩ! Chúng sinh có tám vạn bốn ngàn hạnh, nên giảng nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, đó gọi là giảng nói kinh pháp. Diệt trừ tất cả các tưởng, đạt được định diệt tận, thì gọi là im lặng như bậc Thánh.

Thưa Đại sĩ! Trải qua một kiếp hay hơn một kiếp, Đức Phật phân biệt, giảng nói về ý nghĩa của pháp này, đây gọi là im lặng như bậc Thánh chăng?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Hạnh:

–Này Thiện nam! Về thời quá khứ với vô số kiếp không thể tính kể, không có giới hạn cũng chẳng thể suy lường, khi ấy có Đức Phật hiệu là Như Lai Phổ Quang xuất hiện ở đời, kiếp tên là Danh văn, nước tên là Ái kiến. Cõi nước của Đức Phật ấy giàu có, an ổn, thực phẩm dồi dào, không có hoạn nạn, hàng trời, người đông đúc, an lạc.

Thế giới của Đức Như Lai Phổ Quang do tất cả các loại báu trộn lẫn làm đất, xông các loại gỗ thơm, dùng đủ loại hoa sen báu, mềm mại, đẹp đẽ giống như y phục hảo hạng để trang nghiêm. Quốc độ Ái kiến ấy có bốn trăm ức bốn cõi thiên hạ, mỗi một cõi thiên hạ rộng ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, mỗi một thành rộng bốn mươi vạn dặm đều được trang hoàng tự nhiên bằng châu báu. Mỗi một thành lớn có hai mươi quận, mỗi quận chia thành nhiều huyện ấp, xóm làng; mỗi một thành lớn đều có một người đứng đầu, thống lĩnh vô lượng trăm ngàn người dân.

Lại nữa, mọi người dân đều thấy được những sự tốt đẹp như vậy, nên họ rất vui thích và khởi tâm cung kính, tất cả đều đạt được định của Tam-muội niệm Phật. Do đó, cõi nước của Đức Phật kia có tên là Ái kiến. Nếu hàng Bồ-tát từ cõi nước của chư Phật khác đến thì cũng có được mọi thứ diệu lạc mà các cõi nước khác không thể sánh bằng.

Đức Như Lai Phổ Quang dùng giáo pháp nơi ba thừa để giảng nói cho hàng Thanh văn, cũng lại giải thích rõ về nghĩa lý. Ngài dạy: "Các ông nên thực hành hai việc: hoặc giảng nói giáo pháp, hoặc im lặng như bậc Thánh."

Ở phương Đông, nơi cõi nước của Đức Như Lai Y Vương có hai vị Bồ-tát tên là Dục Tận và Trì Ý, hai vị này cùng đi đến chỗ Đức Như Lai Phổ Quang, cung kính đảnh lễ, đi quanh theo phía bên phải ba vòng rồi chắp tay an trụ. Quốc độ của Đức Phật Y Vương tên là Thanh Tịnh vì luôn giảng nói rộng khắp về Tam-muội, do chỉ hành hóa một việc ấy nên cõi nước gọi là thanh tịnh. Nếu các Bồ-tát đạt được định này thì đoạn trừ tất cả các tưởng và phiền não, liền được ánh sáng về pháp của Phật. Do đó, cõi nước ấy có tên là Thanh tịnh.

Các pháp quá khứ thảy đều thanh tịnh, các pháp vị lai thảy đều thanh tịnh, các pháp hiện tại cũng đều thanh tịnh, đây gọi là hai loại thanh tịnh. Vì sao gọi là thanh tịnh? Nghĩa là thanh tịnh chân thật. Thanh tịnh chân thật không có đối tượng được sinh khởi, cũng chẳng thanh tịnh, thanh tịnh như vậy gọi là bản tánh thanh tịnh. Thanh tịnh như thế là thanh tịnh nơi tất cả các pháp.

Thế nào là bản tánh các pháp thường thanh tịnh? Nghĩa là, không vốn

là thanh tịnh, nên lìa bỏ tất cả các pháp, vì tất cả đều là hư vọng. Vô tướng vốn là thanh tịnh, nên đoạn trừ sạch các tưởng chấp nơi tất cả các pháp, diệt trừ hết các tà niệm. Vô nguyện vốn là thanh tịnh nên, tất cả các pháp vốn không tạo tác, không có đối tượng được mong cầu, hoàn toàn rốt ráo, thật tánh vắng lặng nên vốn thanh tịnh. Đó gọi là bản tánh các pháp là thanh tịnh sáng rỡ, thanh tịnh vi diệu. Do sinh tử thanh tịnh nên bản tánh của Niết-bàn cũng thanh tịnh, do Niết-bàn thanh tịnh nên bản tánh của tất cả các pháp cũng thanh tịnh. Đây gọi là bản tánh thanh tịnh, sự sáng suốt của tâm cũng vậy.

Này Thiện nam! Ví như hư không không có xứ sở, không có mong cầu. Nếu tánh có thể đối trị tất cả phiền não nên tâm vốn thanh tịnh không có xứ sở, cũng không có mong cầu, như vậy mới có thể đoạn trừ tất cả các thứ phiền não, tham dục.

Này Thiện nam! Bản tánh của tâm là thanh tịnh, là sáng suốt, cũng giống như hư không, chẳng bị mây mù, khói bụi ngăn che, không thể bị hủy hoại, cũng không bị cấu nhiễm. Vì bản tánh của hư không là thanh tịnh, nên không bị cấu nhiễm, hoàn toàn rốt ráo như vậy nên gọi là hư không. Giả sử tư duy ứng hợp với Như thì hàng phàm phu tuy có phát sinh phiền não, nhưng bản tánh của tâm là thanh tịnh nên không thể bị cấu nhiễm, do không thể bị cấu nhiễm nên gọi là thanh tịnh hoàn toàn, do không bị cấu nhiễm nên gọi là bản tánh thanh tịnh, là giải thoát.

Này Thiện nam! Đó gọi là hội nhập vào cõi nước thanh tịnh. Khi ấy, nghe Đức Thế Tôn Y Vương giảng nói về pháp Tam-muội này xong, các vị Bồ-tát liền đạt được ánh sáng vi diệu của pháp.

Bấy giờ, hai vị Bồ-tát Dục Tận và Trì Ý thưa với Đức Như Lai Phổ Quang:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con được nghe Đức Thế Tôn Y Vương giảng nói và đã hội nhập vào tất cả những pháp ấy. Vậy nên dùng phương tiện gì để tu hành?

Đức Phật Phổ Quang bảo Bồ-tát Dục Tận và Trì Ý:

–Này Thiện nam! Các vị nên thực hành hai hạnh. Những gì là hai? Đó là hạnh phân biệt giảng nói chánh pháp và hạnh im lặng như bậc Thánh.

Lại nữa, này Thiện nam! Khi nghe Đức Thế Tôn dạy xong, hai vị Bồ-tát ấy liền đảnh lễ nơi chân Phật, nhiễu quanh theo phía bên phải ba vòng rồi lui ra. Chư vị liền đến nơi khác, hóa ra lầu đài để ở và quan sát tu tập.

Lúc ấy, có vị Phạm thiên tên Thiện Quang, cùng bảy vạn hai ngàn chư Thiên đến chỗ hai vị Bồ-tát, cung kính đảnh lễ nơi chân, diện kiến

xong, thưa:

–Thưa chư vị Đại sĩ! Đức Như Lai Phổ Quang đã dạy: "Khi các Tỳ-kheo nhóm họp để giảng nói kinh pháp thì nên thực hành hai việc: hoặc phân biệt giảng nói chánh pháp, hoặc im lặng như bậc Thánh, mà không có đối tượng để nhớ nghĩ."

Thưa chư vị Đại sĩ! Thế nào là giảng nói chánh pháp? Thế nào là im lặng như bậc Thánh?

Hai vị Bồ-tát nói với Phạm thiên Thiện Quang:

–Này chư vị Phạm thiên! Các ông hãy lắng nghe. Chúng tôi chỉ trả lời sơ lược về điều các ông thưa hỏi, vì chỉ có mắt của Như Lai thì mới thấy rõ và chỉ có Ngài mới phân biệt giảng nói rốt ráo mà thôi.

Này Thiện nam! Vì chúng hội kia nên hai vị Bồ-tát đã giảng nói rõ ràng về ý nghĩa của hai câu trên.

Khi ấy, bảy vạn hai ngàn chư Thiên đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đạt được pháp Nhẫn vô sinh, Phạm thiên Thiện Quang chứng đắc Tam-muội Phổ Minh.

Này Phạm thiên! Hai vị Bồ-tát ấy dùng biện tài vô ngại để giải đáp những câu hỏi của chư Thiên, không hề dừng nghỉ. Tuy giảng nói chánh pháp nhưng chư vị vẫn im lặng như bậc Thánh, tức là diễn nói chánh pháp. Trong bảy vạn sáu ngàn năm, hai vị Bồ-tát ấy giảng giải về ý nghĩa nơi hai câu trên cho chư Thiên lãnh hội, nhưng ý nghĩa cùng tận của một câu họ còn không hiểu hết, huống nữa là cả hai câu.

Lúc ấy, Đức Như Lai Phổ Quang an trụ giữa hư không nói như vầy:

–Này Thiện nam! Chớ nên đối với ngôn thuyết mà tranh luận. Hãy lắng nghe ta nói thí dụ về các ngôn thuyết. Ví như tiếng vang nương vào tiếng kêu mà phát ra, nếu thuận theo tiếng vang thì biết được tiếng kêu. Người nào có tài biện luận là có sự phân biệt, thực hành theo vô tận thì không thể rốt ráo, vì ý niệm của ta phát khởi trong khoảnh khắc, nhưng trong một kiếp hay hơn một kiếp nếu các ông có hỏi, đáp về nghĩa lý hoặc dùng tài biện luận của bậc Thánh để khen ngợi cũng không thể hoàn tất, không đạt được chỗ cùng tận.

Này chư vị! Không thể suy xét cùng tận về trí tuệ biện tài mà hãy yên lặng.

Đức Phật lại dạy:

–Im lặng, tịch tĩnh là không có văn tự, không có pháp để giảng nói, lại chẳng phải vì lợi dưỡng, như những lợi ích của sự cúng dường. Chỉ vì

biết rõ tâm của chúng sinh nên tùy nghi giảng nói để cứu độ họ.

Nghe Đức Như Lai giảng nói như thế, hai vị Bồ-tát liền im lặng.

–Này Thiện nam! Trong khoảng một niệm, hàng Bồ-tát có thể khen ngợi, giảng nói bằng biện tài đã giảng nói trong trăm ngàn kiếp.

Này Bồ-tát Phổ Hạnh! Phạm thiên Thiện Quang và hai vị Bồ-tát kia đều hội nhập vào quả vị của mình. Xét về thuở xa xưa đó, những vị ấy đâu phải là ai khác. Vì sao? Vì Bồ-tát Dục Tận lúc ấy nay là Bồ-tát Phổ Thủ, Bồ-tát Trì Ý nay chính là ông, Phạm thiên Thiện Quang nay chính là Phạm thiên Trì Tâm.

-oOo-

Phẩm 9: Lực hành

Bấy giờ, Bồ-tát Phổ Hạnh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là điều chưa từng có.

Bạch Đấng Thiên Trung Thiên! Oai đức của chư Như Lai thật cao vời. Chúng sinh nào muốn đạt được lợi ích như vậy thì phải duyên theo tinh tấn, dốc lòng tu tập. Những ai biếng nhác, tuy gặp hàng trăm ngàn ức Đức Phật cũng không thể thực hành được.

Bạch Thế Tôn! Người nào muốn chứng đắc đạo quả thì phải siêng năng tinh tấn.

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi Bồ-tát Phổ Hạnh:

–Thưa Nhân giả! Nhân giả có biết, Bồ-tát tu hành thế nào mới gọi là tinh tấn?

Bồ-tát Phổ Hạnh đáp:

–Nếu Bồ-tát tu hành được chứng đạo, dứt mọi nẻo tưởng niệm, không hề biếng trễ thì gọi là tinh tấn.

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi:

–Thế nào là tu hành tinh tấn để chứng đạo, cũng không có đối tượng được tưởng niệm?

Bồ-tát Phổ Hạnh đáp:

–Nếu đối với các pháp không có sự phân biệt thì hành giả được chứng đạo, là không còn đối tượng được tưởng niệm.

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi:

–Thế nào là đạt được đạo quả mà không có đối tượng để tưởng niệm?

Bồ-tát Phổ Hạnh đáp:

–Nếu đối với các pháp thực hành mà thấy tất cả đều bình đẳng thì gọi là chứng đạo, cũng chẳng có đối tượng để suy niệm.

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi:

–Có thể thấy được hạnh bình đẳng không?

Bồ-tát Phổ Hạnh đáp:

–Không thể thấy được, nếu bình đẳng mà có thể thấy thì rơi vào sáu mươi hai thứ kiến chấp, chẳng phải là bình đẳng.

Phạm thiên Trì Tâm nói với Bồ-tát Phổ Thủ:

–Người nào đối với bình đẳng mà không thấy các pháp thì gọi là bình đẳng.

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi:

–Này Phạm thiên! Thế nào là không thấy?

Phạm thiên đáp:

–Diệt trừ hai tướng nên chẳng thấy. Không có đối tượng để thấy thì gọi là thấy rõ về bình đẳng.

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi:

–Ở cõi Phạm thiên có thấy bình đẳng không? Những gì là thấy?

Phạm thiên đáp:

–Những ai thấy được Chân như của sắc là không nguồn gốc, không tạo tác, không sai biệt, như vậy thì gọi là thấy. Thọ, tưởng, hành, thức cũng không có nguồn gốc đều bình đẳng, không sai biệt.

Thưa Bồ-tát Phổ Thủ! Nếu thấy năm ấm không có nguồn gốc, chỉ là thị hiện đối với thế gian, thì gọi là thấy bình đẳng.

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi:

–Ở cõi Phạm thiên thực hành những hạnh gì?

Phạm thiên đáp:

–Diệt tận đối với các tướng, đó là thực hành.

Thưa Bồ-tát Phổ Thủ! Đó là thực hành theo thế tục.

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi:

–Nếu các tướng diệt tận là tâm tưởng của thế gian thì sao lại thực hành theo chỗ diệt tận đối với tâm tưởng ấy?

Phạm thiên đáp:

–Thưa Bồ-tát Phổ Thủ! Tướng thế gian là không thể diệt tận.

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi:

–Thế nào là phân biệt, thực hành theo các tướng là thực hành theo thế gian?

Phạm thiên đáp:

–Tướng diệt tận hoàn toàn thì không có đối tượng để diệt tận. Tướng diệt tận là không thể diệt tận.

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi:

–Này Phạm thiên! Đức Như Lai Chí Chân đã chẳng nói rằng tướng diệt tận của các pháp là pháp hữu vi sao?

Phạm thiên đáp:

–Tướng diệt tận của các pháp là chưa từng diệt tận, nên Đức Như Lai đã giảng nói: "Tướng diệt tận của các pháp là pháp hữu vi."

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi:

–Này Phạm thiên! Thế nào gọi là pháp hữu vi?

Phạm thiên đáp:

–Tướng diệt tận của các pháp gọi là pháp hữu vi.

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi:

–Này Phạm thiên! Làm thế nào để kiến lập pháp hữu vi?

Phạm thiên đáp:

–Trụ vào nẻo thật tánh của vô vi thì gọi là hữu vi.

Hỏi:

–Các pháp hữu vi và vô vi này có gì sai khác?

Đáp:

–Các pháp hữu vi và vô vi này, nếu nói theo pháp thế gian thì có sai khác. Thế gian cho rằng, đây chính là hữu vi, đây là vô vi. Nhưng thật tướng của pháp hữu vi và pháp vô vi thì không hề sai khác, vì các pháp vốn không có dị biệt.

–Thế nào gọi là pháp?

Đáp:

–Không có sự sai khác, đó gọi là pháp.

–Thế nào là ngôn thuyết?

Đáp:

–Có đối tượng để giao phó, có đối tượng để giảng nói, đó gọi là ngôn thuyết. Vì sao? Vì tất cả ngôn thuyết đều là tướng bình đẳng, do sự phân biệt của Như Lai là bình đẳng. Có đối tượng để giảng nói cũng không sai khác, đó gọi là ngôn thuyết.

Lại nữa, thưa Bồ-tát Phổ Thủ, tất cả đối tượng được giảng nói là không có đối tượng để giảng nói. Đó gọi là không có đối tượng để chứng đắc, vì pháp của Phật là giác ngộ bình đẳng, nên không có đối tượng để chứng đắc, cũng chẳng có đối tượng để giảng nói, thực hành.

Bồ-tát Phổ Thủ hỏi:

–Thế nào là giác ngộ bình đẳng mà chư Phật đã tư duy và thực hành?

Phạm thiên đáp:

–Không thực hành theo sắc, không thực hành theo các tướng và không thực hành theo pháp.

–Tướng khó có thể nắm bắt nên vượt trên các pháp mà tư duy và thực hành sao?

Đáp:

–Không phải vậy, tướng ấy là các pháp không có nguồn gốc, không chân thật cũng chẳng sai khác. Đây là tư duy và thực hành của Như Lai. Thực hành như vậy là không có đối tượng để thực hành, không có nguồn gốc, không có đối tượng được thuyết giảng cũng chẳng bị lỗi lầm.

–Này Phạm thiên! Đức Như Lai thành tựu sự giác ngộ bình đẳng như thế nào?

Đáp:

–Thưa Bồ-tát Phổ Thủ! Đức Như Lai hiểu rõ tất cả các pháp vốn là thanh tịnh, thật tánh không có nguồn gốc nên thành tựu sự giác ngộ bình đẳng. Do đó, danh hiệu của Ngài là Bình Đẳng Chánh Giác.

-oOo-

Phẩm 10: Chí nguyện Đại thừa

Bấy giờ, Bồ-tát Phổ Hạnh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát lập chí nguyện nơi Đại thừa thì nên quán xét điều gì?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Chí nguyện cầu Phật đạo
Chưa từng chấp giữ sắc
Đạo cũng giống như sắc
Đây là tâm cầu đạo.
Sắc và đạo chẳng khác
Thực hành cũng như vậy
Không hủy bỏ sở nguyện

Là đạo tuệ đệ nhất.
Chẳng hoại là nghĩa đạo
Đạo là nghĩa vô ngã
Người tu đệ nhất nghĩa
Là chí nguyện cầu đạo.
Đối với ấm, giới, nhập
Mà cầu được Phật đạo
Hiểu điều này chẳng khác
Đạo và giác bình đẳng.
Nếu không chấp các pháp
Không thấy thượng, trung, hạ
Cũng không hề xả bỏ
Đây chính là cầu đạo.
Chánh pháp hoặc phi pháp
Không phân biệt là hai
Chẳng thủ đắc hai pháp
Đây chính là cầu đạo.
Hữu vi tức hai pháp
Vô vi tức không hai
Xa lìa mọi phân biệt
Đây chính là cầu đạo.
Nếu vượt trên phàm phu
An trụ nơi tịch tĩnh
Chưa chứng quả Hiền thánh
Không nhiễm đắm thế gian.
Quán xét hết thảy pháp
Ở đời như hoa sen
Tu theo các diệu hạnh
Đây chính là cầu đạo.
Luôn ở trong thế gian
Mà tạo tác, hành hóa
Người đời bị trói buộc
Sáng suốt thì giải thoát.
Không sợ hãi sinh tử
Bồ-tát chí mạnh mẽ
Chẳng sợ, luôn kiên cố
Tu hành theo Phật đạo.
Giả sử hiểu rõ hết

Phân biệt về pháp giới
Nơi pháp cùng phi pháp
Đều không hề vướng mắc.
Không chọn lựa các pháp
Chuyên tu hành Phật đạo
Chưa từng bị đọa lạc
Đạo ấy không hình tướng.
Các pháp cũng không tướng
Ví như nơi hư không
Không tướng, chẳng không tướng
Người trì không khởi niệm.
Dùng phương tiện thiện xảo
Để thực hành giải thoát
Khiến tất cả chúng sinh
Được đầy đủ chí nguyện.
Thường hộ trì chánh pháp
Kiến lập nơi bình đẳng
Đây gọi là chánh pháp
An trụ, không khởi niệm.
Tuy chư Phật xuất hiện
Hoặc là chẳng xuất hiện
Luôn trụ nơi chánh pháp
Là hộ trì kinh điển.
Tất cả pháp hiện tại
Chánh pháp hay phi pháp
Có giảng nói cũng vậy
Vì chẳng có nguồn gốc.
Tu theo đạo vi diệu
Không rõ việc của ma
Đối với pháp cũng vậy
Không chấp giữ giáo pháp.
Chí nguyện nơi Phật đạo
Nếu làm theo kiêu mạn
Là không có trí tuệ
Giảng nói không kết quả.
Tuệ chư Phật vô lượng
Không đắm nhiễm các pháp
Chẳng đối tượng duyên dựa

Đấy là đạo giải thoát.
Bố thí, chí hướng đạo
Ưa thích cho hết thảy
Hàng phục tất cả hữu
Không chấp giữ Phật đạo.
Pháp là rất khó cho
Cũng rất khó nhận được
Các pháp khác cũng vậy
Không có tướng cho, nhận.
Đạt giải thoát hoàn toàn
Hiểu rõ hết mọi pháp
Tu tập trải tình thương
Không rơi vào kiến chấp.
Chấp ngã và ngã sở
Hai điều ấy vốn không
Không có tâm ngã mạn
Không tham tiếc sở hữu.
Tất cả đều bố thí
Đều hồi hướng Phật đạo
Bố thí và Bồ-đề
Không chấp hai tướng ấy.
Cũng không chấp trì giới
Luôn an trụ chánh đạo
Không suy nghĩ, cho rằng
Ta giữ gìn giới cấm.
Không tạo tác, phát sinh
Bậc Thánh thông đạt giới
Vì vậy giới thanh tịnh
Rỗng lặng tựa hư không.
Thân như ảnh trong gương
Lời nói như tiếng vọng
Biết rõ tâm như huyễn
Trì giới không ngã mạn.
Đây là theo lời Phật
Ưa thích cảnh tịch nhiên
Diệt trừ mọi điều ác
Được giải thoát, thanh tịnh.
Đều được gọi giới cấm

Là không phá, không giữ
Thấy rõ về pháp tánh
Đấy là giới vô lậu.
Nhẫn nhục ba-la-mật
Chịu được các điều ác
Đối tất cả chúng sinh
Tâm luôn xem bình đẳng.
Như pháp không nơi chốn
Không nương tựa hư không
Không thấy bị mắng nhiếc
Cũng chẳng được cung kính.
Thân bị chặt từng đoạn
Tâm vẫn không dao động
Tâm không có chốn trụ
Cũng chẳng ở trong, ngoài.
Quán dao nhọn, oán thù
Đều do bốn đại thành
Không bao giờ làm ác
Tâm nhẫn nhục như đất.
Thông đạt được như vậy
Mới gọi là nhẫn nhục
Giúp cho mọi chúng sinh
Không khởi tâm sân hận.
Khuyên họ thích Đại thừa
Tinh tấn không sợ hãi
Vận hành của tâm ý
Không bao giờ chấp giữ.
Đầu mối của sinh tử
Không thể nào biết được
Nguyện dù vì một người
Cũng mặc giáp Đại thừa.
Các pháp chưa từng sinh
Thì làm gì có diệt
Chỉ bằng sức điên đảo
Không thể rõ "bản tế".
Dù có được Thiên nhãn
Pháp tánh vẫn khó bàn
Hiểu biết rõ như vậy

Không khởi cũng không diệt.
Chúng sinh không biết được
Các pháp và phi pháp
Bồ-tát luôn tinh tấn
Khiến họ lìa điên đảo.
Chư Phật không chấp giữ
Hoàn toàn không phân biệt
Người tinh tấn riêng khác
Luôn mặc giáp đại nguyện.
Quán xét tất cả pháp
Như huyễn, như dợn nắng
Quán những gì bền chắc
Cũng đều như hư không.
Từ hư giả phân biệt
Nương tựa chẳng lợi ích
Vì vậy nói bình đẳng
Khiến đạt đến Niết-bàn.
Theo nghĩa tinh tấn ấy
Tu hành không chướng ngại
Hành, sở hành đều bỏ
Tu tinh tấn tối thượng.
Đạo vốn là tịch tĩnh
Tu tập nơi nghĩa không
Chớ tin theo hư dối
Luôn lo sợ sinh tử.
Dũng mãnh, thích tịch tĩnh
Rõ vực thẳm vô thường
Bậc trí ưa thiền định
Thần thông Ba-la-mật.
Chốn vắng vẻ, thanh tịnh
Tâm an trụ bình đẳng
Oai nghi dứt tưởng niệm
Tâm ý thường định tĩnh.
Pháp vốn tịnh, bình đẳng
Tịch tĩnh lìa các lậu
Tin ưa nẻo giải thoát
Nơi các độ luôn định.
Tâm bình đẳng dạy người

Khiến an trụ trong đó
Không trái với hạnh ấy
Mới gọi là bình đẳng.
Không có tâm kiến chấp
Tâm đạo tỏa khắp nơi
Giáo hóa mọi chúng sinh
Nên gọi là bình đẳng.
Thường nhớ nghĩ chư Phật
Như Lai tức Pháp thân
Không chấp thủ các sắc
Nên gọi là bình đẳng.
Luôn nhớ tu kinh điển
Hoặc pháp hoặc phi pháp
Tâm cũng đều nhớ nghĩ
Nên gọi là bình đẳng.
Tâm nhớ nghĩ Thánh chúng
Tăng chúng là vô vi
Lìa số lượng, vô số
Thông đạt nơi thiền định.
Thấy hết thảy chúng sinh
Nơi mười phương cõi Phật
Mắt cũng không chấp sắc
Không có tưởng và hành.
Hoặc nghe tất cả Phật
Diễn nói các kinh pháp
Âm thanh đã lãnh hội
Cũng không có hai tướng.
Trong một tâm thảy biết
Tâm tất cả chúng sinh
Tâm người khác, tâm mình
Cũng không hề phân biệt.
Nhớ các đời quá khứ
Ức vạn hằng hà sa
Cũng không có trước sau
Nhớ biết đều như thế.
Đến được ngàn ức cõi
Hiện thần thông vô cùng
Hiểu rõ được mọi điều

Ba nghiệp không loạn động.
Phân biệt nơi các pháp
Biện luận hay bậc nhất
Giảng nói ngàn ức kiếp
Không bỏ mất pháp tánh.
Trí tuệ ba-la-mật
Phương tiện rõ năm ấm
Tu hành không dừng nghỉ
Vì người giảng kinh pháp.
Thấu đạt pháp nhân duyên
Dứt trừ mọi phân biệt
Biết rõ các phiền não
Cũng chính là thanh tịnh.
Tin nhân duyên giải thoát
Không khởi các kiến chấp
Hiểu mọi việc như vậy
Các pháp không hình tướng.
Được nhìn thấy thân Phật
Nhập nơi pháp quán không
Thấy diệt độ hoàn toàn
Tất cả không thủ đắc.
Biết tuệ vốn thanh tịnh
Suy nghĩ nơi lưới đời
Nhằm lìa bỏ tối tăm
Nên tu tập đạo hạnh.
Đây chính là Đại thừa
Tuệ Phật khó nghĩ bàn
Vỗ về các chúng sinh
Khuyên dạy thừa vô thượng.
Trong tất cả các thừa
Đại thừa là tối thượng
Như vậy, một thừa ấy
Bao gồm tất cả thừa.
Nên hết thảy mọi người
Đều không thể suy lường
Pháp Đại thừa của ta
Cứu độ khắp muôn loài.
Người phát nguyện Đại thừa

Cũng giống như hư không
Chưa từng có tham dục
Đối chúng sinh không chấp.
Hư không, không giới hạn
Không sắc, không thể thấy
Đại thừa cũng như vậy
Vô hạn lượng, vô lậu.
Giả sử mọi chúng sinh
Đều nương học thừa ấy
Nơi thọ nhận cũng thế
Thừa ấy là thù thắng.
Ví nơi trăm ngàn kiếp
Tu tập theo thừa này
Khen ngợi công đức ấy
Cũng không thể cùng tận.
Được từ bỏ, vô ngại
Sáng suốt, đạt tự tại
Người giữ gìn, đọc tụng
Kinh điển tôn quý này.
Không bị đọa đường ác
Sau chắc đạt an ổn
Nơi cõi trời, cõi người
Kính kinh này cũng vậy.
Ta thọ ký cho ông
Tất thành tựu Phật đạo
Nếu được nghe kinh này
Sẽ hết mọi sợ hãi.
Được ở trong chánh pháp
Kiến lập kinh điển ấy
Vận chuyển bánh xe pháp
Trụ kinh này cũng vậy.
Tư duy về tất cả
Trong các kiếp sinh tử
Luôn gần Bậc Chánh Giác
Trì kinh này cũng vậy.
Người thọ trì kinh ấy
Sức dũng mãnh vô cùng
Hàng phục mọi quân ma

Tinh tấn, đạt trí tuệ.
Như Đức Phật Định Quang
Thọ ký, đạt pháp nhẫn
Người cung kính kinh này
Cũng được ta thọ ký.
Tuy Phật không ở đời
Dẫn dắt, độ thế gian
Người giảng nói kinh này
Vẫn hành hóa Phật sự.

Lúc Đức Phật nói kệ xong, chúng hội hiểu rõ về ý nghĩa của những lời dạy ấy, thì có mười ngàn vị Thiên tử phát tâm cầu đạo quả Chánh chân vô thượng, hai ngàn Bồ-tát đạt pháp Nhẫn vô sinh, một ngàn Tỳ-kheo diệt hết các lậu, tâm được giải thoát, ba vạn hai ngàn người dứt sạch các phiền não, đạt Pháp nhãn thanh tịnh.

-oOo-

Phẩm 11: Hành đạo

Bấy giờ, Bồ-tát Phổ Thủ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay, con được hiểu rõ ý nghĩa nơi lời dạy của bậc Đại thánh, nếu người nào có chí nguyện cầu Phật đạo thì đó là sự mong cầu tà kiến. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì nhân nơi tà kiến mà mong đạt đến Phật đạo. Vì muốn có chỗ chứng đắc nên phát nguyện thì đó là phương tiện đưa đến tà kiến. Vì sao?

Bạch Đấng Thiên Trung Thiên! Vì đạo không trụ ở cõi Dục, không trụ nơi cõi Sắc, không trụ nơi cõi Vô sắc, vì đạo là không có chỗ trụ nên không có sự phát nguyện. Ví như có người cho sắt vào lửa để nung, muốn lửa nung đỏ sắt nhưng không được đụng tay vào lửa. Vì sao? Vì nếu đụng vào thì tay sẽ bị bỏng. Lửa tự nó không thể thiêu được, chỉ có người chạm vào mới bị lửa thiêu bỏng. Người có chí nguyện cầu Phật đạo cũng giống như người cầm lửa mà tự làm cho bỏng tay vậy.

Bạch Thế Tôn! Đạo không có đối tượng để mong cầu, đã vượt qua đối đãi hai bên và không có nơi chốn để hướng đến. Ví như có người mong cầu có được hư không, muốn đi đứng trong hư không nhưng không thể thực hiện được.

Bồ-tát Phổ Thủ lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể đi đứng trong hư không, người có chí nguyện mong đạt đạo cũng giống như hư không. Đạo không có chỗ trụ nên đạo luôn vượt qua hai bên. Bồ-tát cần dứt bỏ tưởng chấp về hai bên thì mới có thể kiến lập chí nguyện về đạo. Còn nếu Bồ-tát khởi tưởng chấp có hai bên mà cầu Phật đạo, nhớ nghĩ đến Phật đạo từ đầu đến cuối thì cũng là niệm về tà kiến. Người chấp chỗ nhớ nghĩ về đạo, về diệt độ thì chẳng phải là Bồ-tát, chẳng phải là người hành đạo.

Khi ấy, Phạm thiên Trì Tâm hỏi Bồ-tát Phổ Thủ:

–Bồ-tát thực hành như thế nào mới là thực hành ứng hợp với đạo?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Nếu Bồ-tát tu tập tất cả các pháp mà hoàn toàn không thấy có đối tượng được thực hành, đó là Bồ-tát tôn sùng đạo hạnh, vượt thoát trên tất cả các pháp hành.

Này Phạm thiên! Đó mới là Bồ-tát thực hành với lòng tôn sùng và hướng đến đạo.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là Bồ-tát vượt thoát trên cảnh giới của các hạnh và tu tập theo đạo hạnh?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Tu hạnh xa lìa tất cả mọi chấp giữ về các tưởng, lại đặt để mắt, tai, mũi, thân, miệng và ý thích hợp. Hành hóa như thế mới là vượt thoát trên mọi nẻo thực hành.

Phạm thiên hỏi:

–Sự vượt thoát ấy là thế nào?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Bình đẳng đối với các thừa gọi là vượt thoát. Tất cả các pháp bình đẳng chính là đạo.

Phạm thiên hỏi:

–Phương tiện để thực hành nhằm an trụ nơi đạo là gì?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Cũng chính là đạo ấy.

Phạm thiên lại hỏi:

–Đạo ấy là gì?

–Đó là đạo không có quá khứ, hiện tại và vị lai. Cho nên, Bồ-tát làm thanh tịnh cả ba đời để an trú trong Phật đạo. Giả sử quá khứ, vị lai cũng

như hiện tại, các ý khởi lên đều không có niệm thực hành, an trú như vậy tức không có chỗ trụ mà ở khắp nơi. Người an trú như thế tức đạt được các thông tuệ.

Phạm thiên Trì Tâm hỏi:

–Thế nào gọi là các thông tuệ?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Thông đạt tất cả nhưng không cho đó là trí. Vì thế gọi là các thông tuệ.

Lại hỏi:

–Thế nào gọi là tuệ?

Đáp:

–Tuệ là không sai biệt, không có ý niệm khác nhau.

Lại nữa mọi sở hữu của chúng sinh cũng chẳng có gì khác biệt.

–Chúng sinh là gì?

Đáp:

–Chúng sinh là hoàn toàn thanh tịnh. Vì vậy gọi là sự thanh tịnh căn bản. Cho nên chúng sinh cũng bình đẳng, không sai khác. Giả sử có niệm khác nhau về đạo, cho rằng chúng sinh là không đồng thì điều ấy là không thuận theo đạo. Đạo là như vậy, chúng sinh cũng thế, không có gì sai khác nên không được cho là có sai khác.

Lại nữa, ngã và ngã sở cũng là đạo bình đẳng nên cũng không có gì khác biệt. Vì sao? Vì chúng sinh không có ngã cũng chẳng có thân nên cũng không có gì sai khác. Tất cả các pháp cũng như vậy.

Phạm thiên Trì Tâm lại hỏi:

–Lời dạy của Như Lai là hoàn toàn chân thật, Ngài đã phân biệt giảng nói về các pháp như thế nào?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Đức Như Lai chưa bao giờ phân biệt, giảng nói về các pháp. Vì sao? Vì Như Lai không hề thủ đắc đối với các pháp, huống hồ là phân biệt.

Phạm thiên hỏi:

–Đức Như Lai chẳng phải đã hiện bày, giảng dạy các pháp, nào là pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp thế gian, pháp xuất thế gian… đó sao?

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

–Theo ý ông thì sao? Ở đây có thể phân biệt được hành động của thân và lời dạy hay không?

–Thưa không thể được.

Bồ-tát Phổ Thủ lại hỏi:

–Như vậy, thân có sinh khởi giống diệt tận hay không?

–Thưa không.

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

–Như vậy, này Phạm thiên! Có thể nói, lời dạy về pháp cũng giống như hư không. Không có lời dạy cũng thế. Nếu các pháp có thể dạy được đi nữa thì cũng là pháp không sinh, không diệt. Không có lời dạy mới chính là lời dạy về pháp. Nếu như không có pháp, cũng không có lời dạy thì ở đây cũng không có ngôn thuyết. Vì sao? Vì các lời dạy về pháp và các lời dạy khác cũng đều như nhau. Vì thế gọi là không có lời dạy. Chỗ an trú của Như Lai tức là không có chỗ an trú. Vì không có chỗ an trú nên gọi là không có nguồn gốc.

-oOo-

Phẩm 12: Khen ngợi

Bấy giờ, trời Tứ Thiên vương, trời Đế Thích và trời Phạm Nhẫn Tích đều có mặt trong chúng hội, liền dùng các thứ hoa trời tung rải lên trên chỗ Đức Phật để cúng dường.

Cung kính cúng dường xong, chư vị thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào được nghe Bồ-tát Phổ Thủ giảng nói kinh pháp mà hoan hỷ, tin nhận thì những người ấy có thể hàng phục được các ma và ngoại đạo. Vì sao? Vì họ đã lìa bỏ tất cả các tưởng về kiến chấp.

Giả sử người nào được nghe thuyết giảng về pháp vi diệu này mà không kinh, không sợ, cũng chẳng lo âu, thì người ấy đã kiến lập niềm tin vững chắc nơi chư Phật. Nếu pháp này lưu truyền đến đâu thì ở đó có Đức Như Lai. Nếu nơi nào đang nghe pháp này thì nên biết nơi ấy chính là đang chuyển pháp luân. Nếu ở các cõi nước, xóm làng, thôn ấp, thành đô, nơi ở, chốn kinh hành nào có lưu truyền kinh này thì những nơi ấy không bị ma quấy nhiễu, không bị mê hoặc cũng chẳng bị tham chấp, vì từ xa xưa chắc chắn đã tạo nguyện lành. Người nào được nghe danh hiệu của kinh ấy mà không cầu diệt độ, không làm theo việc ma, thì có thể thọ trì kinh này.

Bạch Thế Tôn! Nhờ kinh điển ấy, chúng con đã đạt được ánh sáng của chánh pháp. Đối với lời giảng nói của Đức Như Lai, Bồ-tát Phổ Thủ và

Phạm thiên, chúng con đều dốc lòng tin, không hề chống trái. Nếu gặp vị Pháp sư nào, chúng con sẽ xem như gặp Đức Thế Tôn, luôn theo vị ấy để nghe nhận chánh pháp và phụng sự. Thiện nam này luôn được chư Thiên ủng hộ. Giả sử người nào kính nhận kinh điển này mà biên chép, đọc tụng, thọ trì thì vô số trăm ngàn chư Thiên đều đến trong chúng hội ấy để nghe, nhận chánh pháp.

-oOo-

Phẩm 13: Khen ngợi công đức

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi trời Đế Thích, Phạm thiên và đại chúng:

–Lành thay, lành thay! Như lời các ông nói, giả sử công đức đem bảy báu đầy khắp trong tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, so với công đức của người chỉ một lần được nghe kinh pháp này thì công đức sau nhiều hơn công đức kia.

Đức Phật lại dạy:

–Giả sử công đức dùng châu báu đầy khắp trong tam thiên đại thiên thế giới, hoặc công đức đem bảy báu nhiều như số cát sông Hằng để bố thí, so với công đức của người được nghe kinh pháp này lần thứ hai thì công đức này cũng nhiều hơn.

Này các thiện nam, thiện nữ! Người nào được nghe kinh này mà mong cầu lợi dưỡng, sắc đẹp, hoặc mong được tài sản, quyến thuộc, làm chủ các pháp, sinh lên cõi trời, hoặc mong được giàu có ở thế gian, hoặc để dứt trừ các pháp tà thuật, ngoại đạo, hoặc cầu tiếng khen, học rộng, hiểu nhiều, lại mong được tự tại, được tuệ kiên cố, gặp bạn lành, hoặc mong đạt được trí thông đạt tam đạt, muốn có tất cả các pháp lành công đức, hoặc muốn dùng giác ý để dẫn dắt chúng sinh khiến họ không còn hoạn nạn, đau khổ, hoặc cầu pháp vô vi… thì thiện nam, thiện nữ ấy nên lãnh hội, thọ trì, đọc tụng, vì người khác mà giảng nói kinh này. Như Lai chưa bao giờ thấy người chí tâm cung kính tu tập theo kinh này mà không được lợi ích.

Hôm nay, Như Lai ân cần giao phó lại cho các ông. Người nào được nghe kinh này từ các bậc Thầy, hoặc Hòa thượng mà thọ trì thì Như Lai không thấy có sự cúng dường nào nơi tất cả thế gian có thể báo đáp được ân đức của những vị ấy được. Vì sao? Vì pháp đó vượt khỏi thế gian nên không thể dùng sự cúng dường của thế gian mà báo đáp đủ. Pháp ấy vượt

trên thế gian nên sự cúng dường của thế gian là không thể so sánh. Pháp ấy đối với thế gian không bị cấu nhiễm, nhưng pháp thế gian là không thanh tịnh, chẳng phải pháp vi diệu nên không thể dùng pháp thế gian để cúng dường mà báo đáp đủ. Tất cả sự báo đáp mà có chỗ ứng hợp đều nương vào kinh điển này, không thể có việc khác.

Sự báo đáp như vậy là thế nào? Nghĩa là vượt trên mọi sự mong cầu, không có đối tượng để thực hành, đấy gọi là thực hành. Nếu ai cung kính Pháp sư thì người ấy đã báo ân hoàn toàn thanh tịnh. Nếu ở những nơi đô thị, xóm làng mà có đầy đủ những vật dụng sinh hoạt, được nhiều phước đức thì nên biết, chư vị ấy đã kính giữ giáo pháp của Như Lai, tu tập theo lời Phật dạy thì được giải thoát, dựng cờ chánh pháp để phá trừ tối tăm.

Chư vị luôn dũng mãnh chống cự khiến đối phương phải hàng phục, là bậc Sư tử vì không hề kinh sợ, gọi là bậc Tôn quý ở đời vì tự điều phục tâm, là vị thần tiên vì lời nói thành thật, vượt trên tất cả các tà kiến, ngoại đạo; là vị thầy thuốc trị lành tất cả các bệnh, vì không sợ hãi hoạn nạn nên giảng nói pháp vi diệu.

Chư vị xả bỏ tất cả phiền não nên giữ giới thanh tịnh, tịch tĩnh, an nhiên, đạt được Niết-bàn vì xa lìa ngã, ngã sở, không có kiến chấp về thân, là bậc luôn tinh tấn đạt đến vô vi, trong vô số kiếp không hề chán nản, ưa thích thiền định, hoàn toàn nhất tâm; là bậc đại trí tuệ vì có thể hiểu rõ về tất cả các chương, câu. Vì thông đạt và hiện bày ý nghĩa về các tuệ nên gọi là bậc có oai đức lớn, có vô số trăm ngàn phước đức không thể lường xét, các tướng tốt tự trang nghiêm, trí tuệ không thể cùng tận.

Là bậc có oai đức lớn, che lấp ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đối với mười diệu lực luôn giữ gìn diệu lực cốt yếu.

Là bậc tạo nên mây lớn, xiển dương tiếng sấm pháp, tuôn xuống mưa pháp lớn để diệt trừ tất cả phiền não cho chúng sinh.

Là bậc đạt được pháp vô vi, diệt độ bậc nhất, xa lìa sinh tử, trừ sạch sự lo sợ, làm bậc có ánh sáng rực rỡ chiếu đến các nơi tối tăm, sợ hãi, vì những người sợ hãi lưới ma mà cứu giúp khiến họ được tự tại.

Là bậc cứu độ cho tất cả chúng sinh trụ nơi đạo tràng của Phật, đạt được Pháp nhãn, thấy rõ các pháp không có nguồn gốc, thông đạt pháp không, kiến lập lòng Bi lớn, an trú nơi lòng từ không giới hạn, gần gũi với tất cả chúng sinh, không theo các pháp nhỏ, hướng đến Đại thừa, trừ bỏ hết các điên đảo, đạt được bình đẳng, vượt trên danh tự và tất cả đức hiệu. Là bậc kiến lập đạo tràng, hàng phục quân ma, được tự tại trong cảnh giới của các ma, triệu tập chư Hiền thánh để chuyển pháp luân.

Đức Phật dạy:

–Giả sử trong một kiếp hay hơn một kiếp, nếu có giảng nói, khen ngợi về sự hành hóa của các Bồ-tát ấy cũng không thể rốt ráo cùng tận, vì công đức của chư vị cao vời như vậy, chỉ có Như Lai gồm đủ các thứ biện tài mới có thể khen ngợi công đức của người kính giữ kinh này.

-oOo-

Phẩm 14: Đẳng hạnh

Bấy giờ, trong chúng hội có vị Thiên tử tên là Hiện Bất Thoái Chuyển bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là kính giữ chánh pháp, tôn trọng kinh điển?

Đức Phật dạy:

–Này Thiên tử! Muốn biết thế nào là kính giữ chánh pháp, tôn trọng kinh điển thì nên kính thuận các pháp, đó gọi là kính giữ, tôn trọng. Nếu kính thuận theo tất cả các pháp thì gọi là thực hành chánh pháp. Vì sao? Nếu kính thuận theo các pháp thì không thực hành các pháp cũng chẳng phải là không thực hành, vì có đối tượng để hành hóa là chẳng có đối tượng để hành hóa, đây gọi là tu tập chánh pháp.

Nếu không tu theo các nguồn gốc về căn lành, phước đức, cũng chẳng phải là không tu căn lành, đó gọi là tu tập chánh pháp. Pháp ấy không có hữu lậu cũng chẳng phải vô lậu, không có tội cũng chẳng phải không có tội, không phải thế gian cũng chẳng phải xuất thế gian, không có hình tướng cũng chẳng phải là không có hình tướng, không có sinh tử cũng chẳng có diệt độ, không có đối tượng thực hành cũng chẳng phải là không thực hành, đó gọi là tu tập chánh pháp.

Nếu có thể tu hành nơi tất cả các pháp thì gọi là tu tập chánh pháp. Không có tưởng về pháp mà thực hành pháp, đó gọi là tu tập chánh pháp. Nếu nghĩ rằng ta đang thực hành pháp này thì chẳng phải là thực hành. Người nào lãnh thọ các pháp mà xả bỏ tất cả các pháp thì gọi là người thực hành chánh pháp. Những ai ở nơi đối tượng thực hành mà không thấy có đối tượng thực hành các pháp, thì gọi là tu tập chánh pháp.

Thiên tử Hiện Bất Thoái Chuyển bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người nào đối với pháp này mà không thực hành chân chánh thì người ấy chẳng phải là kính giữ, tôn trọng và không thuận theo chánh pháp. Vì sao? Vì thực hành chân chánh là không bị luân hồi, chẳng lưu chuyển trong đường sinh tử.

Thế nào là thực hành? Là an trụ nơi nẻo bình đẳng mới gọi là thực hành.

Bạch Đấng Đại Thánh! Thực hành bình đẳng thì không có pháp tà. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều bình đẳng, không hề sai khác.

Phạm thiên Trì Tâm hỏi Thiên tử Hiện Bất Thoái Chuyển:

–Thưa Thiên tử! Thiên tử có thực hành theo hạnh này không?

Thiên tử Hiện Bất Thoái Chuyển đáp:

–Thưa Phạm thiên! Tôi sẽ thực hành. Giả sử Đức Thế Tôn giảng nói có hai nẻo, nhưng thực hành theo hai nẻo ấy là có đối tượng để thực hành. Nếu có đối tượng để thực hành là chẳng phải thực hành.

Lại nữa, thưa Phạm thiên! Tôi đã lìa bỏ hai nẻo để thực hành các pháp, đối với sự thực hành theo các pháp cũng vậy, sự tôn trọng các pháp cũng như đối tượng được tu hành cũng thế, đó là tu tập chánh pháp.

Phạm thiên hỏi:

–Thưa Thiên tử! Thiên tử chưa từng thấy cõi Phật này sao?

Thiên tử đáp:

–Tôi chưa từng thấy cõi Phật này.

Phạm thiên hỏi:

–Nếu không khởi tưởng đối với cõi Phật ấy thì không có điều ứng hợp nào mà chẳng ứng hợp, nơi đối tượng được thấy cũng chẳng có đối tượng để thấy chăng?

Thiên tử đáp:

–Thưa Phạm thiên! Nay tôi không khởi tưởng cũng chẳng phải là không khởi tưởng, không có điều ứng hợp nào mà chẳng ứng hợp tôi đã từng thấy cũng là chưa từng thấy.

Phạm thiên hỏi:

–Thưa Thiên tử! Thiên tử đã thấy được điều gì?

Thiên tử đáp:

–Tôi chưa từng thấy các bậc Hiền thánh và tất cả hàng phàm phu thoát khỏi các cõi ác cũng chẳng thấy được giải thoát.

Thưa Phạm thiên! Như vậy, người nào đạt được bình đẳng thì được giải thoát, gọi là chánh kiến, thấy điều chưa từng thấy, không có danh tự cũng không có nơi hướng đến, mắt không khác thức, cho đến tai, mũi, miệng, thân và ý cũng chẳng khác thức. Nếu thấy được Như là không có nguồn gốc thì mắt là Như, ngã và ngã sở cũng vậy. Do thấy không có nguồn

gốc nên chẳng có đối tượng được thấy, đấy gọi là sự thấy bình đẳng.

-oOo-

KINH TRÌ TÂM PHẠM THIÊN SỞ VẤN

QUYỂN 4

Phẩm 15: Thọ ký Thiên tử hiện bất thoái chuyển

Bấy giờ, trời Đế Thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như ở nơi nào có ngọc báu thì mọi người ở nơi ấy đều thấy được ánh sáng của nó.

Bạch Thế Tôn! Các bậc Chánh sĩ thực hành đầy đủ các pháp không thể nghĩ bàn cũng như vậy. Bất cứ ở đâu, chư vị cũng đều được tự tại, dùng ánh sáng quý báu của pháp để chiếu soi đầy đủ, ngay khi tu tập liền đạt được bản tế, luôn dùng biện tài tự tại để diễn nói pháp. Chư vị tự tại đối với các pháp nên không có đối tượng duyên dựa, không chấp vào ngã và ngã sở.

Chư vị được biện tài vô ngại nên không thể bị hỏi vặn cũng chẳng điên đảo, luôn được tự tại.

Người biện tài vô ngại nên thanh tịnh đối với quá khứ, không thủ đắc ở vị lai, cũng chẳng thấy có hiện tại.

Người biện tài vô ngại khiến cho người chưa từng có lòng tin phát khởi lòng tin, người chưa được giải thoát liền được giải thoát.

Người biện tài vô ngại phá trừ các kiêu mạn, giáo hóa cho những người ngã mạn, khiến họ trừ sạch tâm ấy.

Người biện tài vô ngại thì các ma không thể quấy phá, làm cho người nghe pháp tỉnh thức, thoát khỏi những việc của ma.

Người biện tài vô ngại khuyến khích cho người chưa phát khởi các pháp lành được sinh khởi, người đã sinh khởi pháp lành khiến được tăng trưởng, không hề bỏ mất; nếu có các phiền não thì khiến họ đoạn trừ sạch, phiền não chưa sinh khởi khiến không sinh khởi.

Người biện tài vô ngại làm cho hàng Bồ-tát chưa mặc áo giáp oai đức khiến được mặc, người đã mặc thì không hề thoái lui.

Người biện tài vô ngại không đoạn trừ chánh pháp mà luôn hộ trì chánh pháp.

Người nào được biện tài như vậy thì có thể hàng phục tất cả ngoại đạo. Vì sao? Vì các loài thú nhỏ không thể chịu nổi tiếng gầm của sư tử, thấy sư tử thì không dám bước tới huống nữa là dám vào hang hoặc ở dưới gốc cây.

Bạch Thế Tôn! Cũng vậy, tất cả các hàng ngoại đạo không thể chịu nổi tiếng gầm của bậc Sư tử vô thượng.

Bấy giờ, Thiên tử Hiện Bất Thoái Chuyển hỏi trời Đế Thích:

–Thưa Nhân giả Câu-dực! Vừa rồi Nhân giả nói về tiếng gầm ấy, vậy thế nào là tiếng gầm của sư tử?

Trời Đế Thích đáp:

–Nếu đối với các pháp mà không chấp giữ cũng chẳng có ngôn thuyết, đây gọi là tiếng gầm của sư tử, vì không có đối tượng duyên dựa nên gọi là tịch tĩnh. Nếu có sự chấp giữ để thực hành theo tịch tĩnh thì không phải là tiếng gầm của sư tử, mà là tiếng kêu của loài cáo, vì còn chấp vào nẻo bình đẳng và có đối tượng được thuyết pháp.

Này Thiên tử! Thiên tử nên nói lại, thế nào là tiếng gầm của sư tử?

Thiên tử đáp:

–Thưa Nhân giả Câu-dực! Nếu không tham chấp đối với Đức Như Lai, cũng chẳng có ngôn thuyết, huống nữa là các pháp khác, đó gọi là giảng pháp như tiếng gầm của sư tử. Thực hành theo lời dạy bình đẳng, gọi là tiếng gầm của sư tử. Giảng nói về nhất phẩm gọi là tiếng gầm của sư tử. Nghe những điều đã giảng nói mà không sợ hãi, gọi là tiếng gầm của sư tử. Nếu giảng nói kinh pháp mà không thấy có sinh khởi, hoại diệt, cũng chẳng chấp vào thật tánh, gọi là tiếng gầm của sư tử. Nếu ở trong phiền não mà không bị trói buộc, không có hòa hợp cũng chẳng tan hoại, người thuyết pháp như vậy gọi là tiếng gầm của sư tử.

Gọi là tiếng gầm của sư tử vì luôn chuyên chú, không chấp có người, chẳng có ngã và ngã sở, tất cả các pháp chỉ là tạm nêu bày. Gọi là tiếng gầm của sư tử vì dùng nhất tâm để xiển dương pháp không. Gọi là tiếng gầm của sư tử vì miệng thường giảng nói chánh pháp. Gọi là tiếng gầm của sư tử vì diệt trừ sạch tất cả khổ não cho chúng sinh, khiến họ sẽ thành tựu quả vị Phật và giảng nói giáo pháp. Gọi là tiếng gầm của sư tử vì đối với các tài sản luôn thanh tịnh hoàn toàn, thường biết đủ và khen ngợi giáo pháp. Gọi là tiếng gầm của sư tử vì luôn ở trụ xứ vắng lặng, không chọn lựa các pháp hành.

Bậc dẫn đầu về cội nguồn của hạnh bố thí gọi là tiếng gầm của sư tử. Không xả bỏ giới cấm là tiếng gầm của sư tử. Bình đẳng đối với kẻ oán

người thân là tiếng gầm của sư tử. Giảng nói không hề chọn lựa, không thấy có xa, gần gọi là tiếng gầm của sư tử. Đoạn trừ các phiền não là tiếng gầm của sư tử. Bình đẳng dùng trí tuệ quan sát là tiếng gầm của sư tử.

Khi Thiên tử thuyết giảng về tiếng gầm của sư tử, thì cả tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động sáu cách, trăm ngàn nhạc cụ không tấu mà tự kêu, ánh sáng lớn ấy chiếu khắp cả thế gian và cung điện của chư Thiên, trăm ngàn chư Thiên và loài người cùng thưa:

–Chúng con đã được nghe Thiên tử giảng pháp nói về tiếng gầm của sư tử, như ở cõi Diêm-phù-đề lại thấy chuyển pháp luân.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền mỉm cười. Theo pháp của chư Phật thì lúc Ngài mỉm cười, có vô số hào quang đủ màu sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, tía, hồng… từ nơi kim khẩu phát ra, chiếu soi khắp vô lượng thế giới của chư Phật không thể tính kể, trên thì đến tận cõi trời Phạm thiên, che khuất ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, trở lại nhiễu quanh thân Đức Phật ba vòng, rồi thu tướng ấy vào đỉnh đầu. Phạm thiên Trì Tâm liền đứng dậy, chắp tay hướng về Phật dùng kệ khen ngợi:

Bậc thông tuệ thù thắng
Biết rõ khắp các cõi
Phân biệt, thông đạt hết
Hành chúng sinh ba đời.
Tùy theo tâm tín kính
Dùng tuệ giải thoát họ
Tâm Ngài vượt mọi loài
Thọ ký khắp tất cả.
Chẳng phải là quả vị
Hàng Thanh văn, Duyên giác
Tuệ Phật là như vậy
Vô lượng, không giới hạn.
Hiểu rõ tâm chúng sinh
Nên giảng nói pháp gì
Để giải thoát cho họ
Bậc thù thắng khó sánh.
Tùy ý thường an lạc
Khéo léo trừ cấu uế
Hào quang Ngài phóng ra
Che nhật nguyệt, cõi trời.
Soi đến núi Thiết vi

Ức vạn núi Tu-di
Xin Ngài giảng nói nghĩa
Nhân duyên việc mỉm cười.
Bậc Năng Nhân tịch tĩnh
Trừ sạch mọi giận dữ
Từ bi quan sát khắp
Chư Thiên và thế gian.
Chiêm ngưỡng Ngài không chán
Thảy đều được an lạc
Xin giảng nhân mỉm cười
Hiểu rõ hết ý nghĩa.
Lựa chọn, quán các pháp
Tự tại như hư không
Mây, mù, điện, dợn nắng
Giả tạm như bọt, huyễn.
Thấy tất cả như mộng
Và như trăng đáy nước
Lành thay Ngài giảng nói
Nhân duyên gì mỉm cười?
Trừ hết thảy kiến chấp
Bậc Năng Nhân hiểu không
Các thông tuệ, trừ uế
Luôn lìa tưởng chấp giữ.
Chẳng có ba nẻo nguyện
Trụ thiền định, bình đẳng
Vì sao phóng hào quang
Xin thương phân biệt nói.
Chẳng văn tự, ngôn từ
Không chấp vào âm thanh
An trụ giảng nói kinh
Không thích pháp chúng sinh.
Hiểu rõ cả chúng hội
Khiến họ được tuệ Phật
Biết thần thông, căn, lực
Bậc tối thắng khéo giảng.
Phật là Bậc Y Vương
Trừ sạch tất cả khổ
Dũng mãnh đạt an lạc

Cứu chúng sinh buông lung.
Thoát khỏi mọi trói buộc
Khiến họ đều quy y
Xin Đấng Thần Tôn giảng
Nhân hào quang, mỉm cười?

Đức Phật bảo Phạm thiên Trì Tâm:

–Ông thấy Thiên tử Hiện Bất Thoái Chuyển chăng?

Phạm thiên Trì Tâm đáp:

–Bạch Thế Tôn, con đã thấy!

Đức Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Thiên tử Hiện Bất Thoái Chuyển này trong ba mươi hai a-tăng-kỳ kiếp không thể lường xét nữa sẽ được thành Phật, hiệu là Tu-di Đăng Vương đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, quốc độ tên là Thiện hóa, kiếp tên Tịnh thán. Cõi Phật đó dùng hai loại báu là lưu ly xanh biếc và vàng kim cương làm đất, toàn là chúng Bồ-tát, hàng phục hết các thứ ma oán; nhà cửa, y phục, thức ăn đều giống như cõi trời thứ sáu là Tha hóa tự tại. Đức Như Lai ấy luôn ân cần giáo hóa chúng sinh.

Bấy giờ, Phạm thiên Trì Tâm nói với Thiên tử Hiện Bất Thoái Chuyển:

–Thưa Nhân giả! Hôm nay, Đức Như Lai đã thọ ký cho Nhân giả.

Thiên tử nói:

–Đức Như Lai đã thọ ký cho tôi, giống với Như không có nguồn gốc thì việc thọ ký và pháp tánh cũng không có nguồn gốc, việc thọ ký cho tôi cũng vậy.

Phạm thiên nói:

–Do Như cùng với pháp tánh không có nguồn gốc nên không có sự thọ ký.

Thiên tử nói:

–Như không có nguồn gốc, pháp tánh cũng không có nguồn gốc, nếu cho là có thọ ký thì không thể có việc ấy, tất cả hàng Bồ-tát cũng vậy.

Phạm thiên hỏi:

–Nhân giả không an trụ nơi quả vị Chánh giác, tu phạm hạnh, phân biệt, hiểu rõ giống như Đức Phật đã thọ ký chăng?

Thiên tử đáp:

–Thưa Phạm thiên! Nếu không có đối tượng được tu tập, bình đẳng đối với tất cả, mới gọi là tu tập phạm hạnh.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là không có đối tượng được tu tập mới là tu phạm hạnh?

Thiên tử đáp:

–Những ai không tu tập nơi cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc thì những người ấy chính là tu phạm hạnh.

Lại nữa, thưa Phạm thiên! Không trụ nơi đối tượng được tu tập, không trụ vào ngã, không tu tập theo nhân, không tu tập theo tuổi thọ cũng không tu tập nơi mạng sống, đấy gọi là tu phạm hạnh. Nói tóm lại, nếu đối với các pháp mà không tu tập theo các pháp, đấy gọi là tu hành phạm hạnh.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là tu hành phạm hạnh?

Thiên tử đáp:

–Không trụ nơi nẻo nhị biên gọi là tu hành phạm hạnh.

Phạm thiên hỏi:

–Không trụ vào nẻo nhị biên thì kiến lập điều gì?

Thiên tử đáp:

–Không trụ vào nẻo nhị biên là kiến lập tất cả các pháp. Vì sao? Vì sự tu hành của bậc Hiền thánh mà không có đối tượng kiến lập thì được giải thoát.

Phạm thiên hỏi:

–Làm thế nào để tu đạo?

Phạm thiên đáp:

–Tu đạo là không chấp vào sự thực hành, cũng không bỏ sự thực hành, không thực hành các pháp cũng chẳng xa lìa các pháp, đó gọi là tu đạo, tinh tấn thuận hợp với Như.

Phạm thiên hỏi:

–Dùng những hạnh gì để tu đạo?

Phạm thiên đáp:

–Không thấy, không nghe, không nhớ, không biết, không giáo hóa, không thủ đắc, không chứng quả, đối với tất cả các pháp đều không thấy có đối tượng được thực hành, đó gọi là tu đạo.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là Bồ-tát tinh tấn vững mạnh?

Thiên tử đáp:

–Nếu Bồ-tát không thấy có một pháp để thực hành, cũng không thấy có nhiều pháp để thực hành, đó gọi là Bồ-tát tinh tấn vững mạnh, mặc áo giáp giới đức, đối với pháp tánh không hề hủy hoại, đã không hủy hoại nên cũng chẳng gần gũi, không xa lìa các pháp, cũng không chống trái, không thấy có phiền não, cũng không có kết sử. Đó gọi là Bồ-tát thực hành tinh tấn bậc nhất, đối với tất cả các pháp không thấy có cao, thấp mà luôn tu hành tinh tấn.

Thưa Phạm thiên! Không duyên theo thân, không duyên theo miệng, không duyên theo tâm, đó là thực hành tinh tấn bậc nhất.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Thiên tử Hiện Bất Thoái Chuyển:

–Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông nói.

Đức Phật lại bảo Phạm thiên Trì Tâm:

–Này Phạm thiên! Như lời Thiên tử vừa nói, Bồ-tát không thực hành nơi thân, không thực hành nơi miệng, không thực hành nơi tâm, đó là thực hành tinh tấn bậc nhất.

Này Phạm thiên! Nhớ lại thuở xưa, về thời quá khứ cách đây nhiều kiếp, Như Lai đối với tất cả các đức hạnh đều hoàn toàn tịch tĩnh, siêng tu tinh tấn, cung kính cúng dường, ở nơi vắng vẻ để học rộng nghe nhiều, thực hành Từ bi đối với tất cả chúng sinh, dù đã tu theo tất cả các hạnh, tinh tấn khổ nhọc nhưng Như Lai vẫn không được thọ ký thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì lúc nào cũng chấp nơi thân, miệng, ý.

Này Phạm thiên! Tu hành tinh tấn theo các hình sắc như vậy thì đầy đủ các hạnh này. Như lời Thiên tử vừa nói, về đời sau, Như Lai mới được Đức Phật Định Quang thọ ký: "Đời sau, ông sẽ thành Phật hiệu là Năng Nhân gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn." Vì thế, này Phạm thiên! Giả sử Bồ-tát muốn mau được thọ ký thì nên tu hành tinh tấn như vậy, nhận biết các pháp mà không có đối tượng được thực hành.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là không có đối tượng được thực hành?

Đức Thế Tôn đáp:

–Bình đẳng rốt ráo, thảy đều rỗng lặng gọi là tinh tấn.

Phạm thiên thưa:

–Thế nào là bình đẳng rốt ráo, thảy đều rỗng lặng mà gọi là tinh tấn?

Đức Thế Tôn đáp:

–Tâm quá khứ đã diệt, tâm vị lai chưa đến, tâm hiện tại không trụ, những gì diệt tận thì không phát sinh trở lại. Giả sử đạt được tướng không sinh khởi thì trụ như vậy gọi là thường, là không có chỗ trụ. Pháp ấy là chánh pháp đều bình đẳng nên không sinh khởi, vì không sinh khởi nên không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu không có quá khứ, vị lai, hiện tại thì vốn thanh tịnh, không sinh khởi.

Này Phạm thiên! Đó là bình đẳng rốt ráo, thảy đều rỗng lặng, gọi là tinh tấn. Như vậy, Bồ-tát muốn mau được thọ ký thì phải đạt được pháp nhẫn, đầy đủ các hạnh.

Này Phạm thiên! Nếu Bồ-tát đối với tất cả các pháp mà không thấy có đối tượng được tu tập thì gọi là bố thí, không chấp giữ tất cả các pháp gọi là trì giới, không nhớ nghĩ về tất cả các pháp gọi là nhẫn nhục, đối với các pháp không có đối tượng được duyên dựa gọi là tinh tấn, bình đẳng đối với tất cả các pháp gọi là thiền định, đối với tất cả các pháp không khởi tưởng gọi là trí tuệ. Đây gọi là không tăng thêm cũng không giảm bớt, không tạo tác cũng chẳng phải tạo tác, thường thực hành bố thí nhưng không mong cầu, hành trì giới cấm nhưng không chấp giữ, tu theo nhẫn nhục nhưng trong ngoài đều thanh tịnh, thực hành tinh tấn mà thành tựu trọn vẹn, nhất tâm thiền định hoàn toàn không vướng mắc, tôn dùng trí tuệ nhưng không khởi tưởng.

Bồ-tát thực hành đầy đủ các hạnh nhẫn nhục như vậy, tuy thực hành, thị hiện khắp tất cả các hạnh nhưng không hề chấp giữ, do không chấp giữ nên bình đẳng đối với pháp thế gian, được lợi không vui mừng, không lợi ích, cũng chẳng lo lắng, nếu gặp những sự bàn luận, chê bai, khen ngợi, hoan hỷ, khổ đau… đều không lay động, không tăng, không giảm, không thích, không lo, vì đã vượt trên pháp hữu vi của thế gian. Vì không còn khổ đau, không phiền não cũng không khiếp sợ, không nhớ nghĩ cũng chẳng phải không nhớ nghĩ nên không có hai tướng, xa lìa các duyên nên đạt được pháp bất nhị, vì chúng sinh bị rơi vào hai kiến chấp nên khởi tâm đại Bi, dấy khởi tâm của mình để giáo hóa họ.

Này Phạm thiên! Đó là tinh tấn bậc nhất, vì đạt được nhẫn vô ngã nên đối với chúng sinh mà khởi tâm đại Bi, dù ở nơi nào cũng đều dẫn dắt, cứu giúp họ.

Khi Đức Phật thuyết giảng về hạnh tinh tấn này, tám ngàn Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn vô sinh, Đức Phật thọ ký cho chư vị sẽ thành tựu đạo quả

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều đồng một danh hiệu là Kiên Cường Tinh Tấn, gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, mỗi vị đều ở nơi mỗi cõi Phật khác nhau.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như các đại Long vương, khi muốn tuôn mưa thì mưa xuống biển cả. Các Bồ-tát này cũng vậy, Đấng Thiên Trung Thiên giống như biển cả, hiện ra hình tượng này để tuôn mưa pháp lớn. Các Đại Bồ-tát cũng như biển cả, tâm của chư vị cũng như vậy, dùng tánh chân thật để tuôn mưa chánh pháp.

Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Như lời Tôn giả nói, các đại Long vương này không phải vì tham tiếc mà không rưới mưa xuống cõi Diêm-phù-đề, mà do đất ở cõi ấy không thể chịu nổi những trận mưa lớn như vậy.

Này Tôn giả Ca-diếp! Những vị đại Long vương này khi tuôn mưa xuống thiên hạ thì những cõi nước, thành ấp, núi non, khe suối… ở cõi Diêm-phù-đề đều bị cuốn sạch như cuốn trôi những chiếc lá cây. Do đó, những vị đại Long vương không tuôn cơn mưa lớn xuống cõi Diêm-phù-đề.

Này Tôn giả Ca-diếp! Các Bồ-tát ấy không vì tham tiếc mưa pháp mà không tuôn mưa pháp khiến cho tất cả chúng sinh được thấm nhuần.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Nếu chúng sinh có đủ khả năng để lãnh thọ Phật pháp thì các Bồ-tát sẽ biết rõ tâm ý của họ, sẽ rưới tuôn mưa pháp như tâm chúng sinh đang suy nghĩ, vì tâm của chư vị như biển cả.

Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như khi các Long vương trút các trận mưa dữ dội xuống thì biển cả đều chứa hết mà không cho là đủ, cũng chẳng tràn đầy. Các bậc Bồ-tát ấy cũng vậy. Nếu trong một kiếp hoặc trăm ngàn kiếp được nghe thuyết giảng về pháp này, lại đối với các pháp không đều tăng, không giảm, cũng chẳng cho là đủ.

Này Tôn giả Ca-diếp! Lại như biển cả, do các dòng sông khắp nơi đổ về, nhưng đều có một vị mặn như muối. Các Bồ-tát này cũng vậy, dù nghe vô số âm thanh, diễn nói những giáo pháp khác nhau nhưng khi nghe pháp, chư vị đều hiểu rõ tất cả đều quy về một nghĩa, đó là vị "giải thoát", là vị "không".

Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như trong biển cả, luôn trong sạch, không nhơ uế, dù có chứa bất cứ dòng nước nào cũng chẳng cấu bẩn. Các Bồ-tát

này cũng như vậy, chư vị luôn thanh tịnh, không cấu uế, không có các sự nhơ uế như: kết sử, biếng nhác, sân hận… Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như biển cả sâu thẳm không đáy, khó có thể biết được giới hạn. Các Bồ-tát này cũng như vậy, hiểu rõ về trí tuệ thâm diệu của bậc Thánh, tâm hội nhập vào pháp sâu xa uyên áo khó có thể lường xét, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể sánh bằng.

Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như trong biển cả chứa vô lượng vô số nước không thể lường tính. Các Bồ-tát này cũng vậy, chứa nhóm, gieo trồng các pháp Trí tuệ ba-la-mật không có giới hạn, nên dụ cho biển cả, chư vị đầy đủ các sắc tướng như vậy, nên gọi là Bồ-tát.

Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như trong biển cả chứa nhóm vô lượng các loại báu. Các Bồ-tát này cũng vậy, dùng vô lượng pháp để giáo hóa, nên vô số pháp báu tự nhiên tràn đầy.

Này Tôn giả Ca-diếp! Như trong biển cả có ba loại báu: báu chân thân, báu thanh thủy, báu tài nghiệp. Các Bồ-tát này cũng vậy, khi giảng nói kinh pháp đều theo căn cơ và sự ứng hợp của chúng sinh nhằm khiến họ được giải thoát, hoặc đạt được thừa Thanh văn, thừa Duyên giác, hay Đại thừa.

Này Tôn giả Ca-diếp! Như trong biển cả, các dòng nước lớn nhỏ đều đổ vào thì dần dần trở thành sâu rộng. Các Bồ-tát này cũng vậy, chí nguyện nơi các thông tuệ, thực hành các thông tuệ, dần dần thành tựu đạo quả của bậc Thánh.

Này Tôn giả Ca-diếp! Như trong biển cả, không chứa thây chết, các bậc Chánh sĩ này cũng vậy, không chấp nhận tâm Thanh văn, Duyên giác, cũng không cùng chí hướng với chư vị ấy, không chấp nhận tâm tham lam, ganh ghét, phá giới, kết sử, biếng nhác, sân hận; không chấp nhận tâm tán loạn và trí ác, không dung chứa ngã và ngã sở, nhân, thọ mạng và kiến chấp.

Này Tôn giả Ca-diếp! Nếu gặp vào thời kỳ tai nạn thiêu đốt thì các dòng sông, sông lớn, ao hồ… đều khô cạn trước, sau đó biển cả mới bị khô cạn.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát lưu truyền chánh pháp đến khắp các cõi cũng vậy, trước dùng hạnh bố thí để tu tập chánh pháp, sau đó mới ban khắp sự giác ngộ đến các biển tâm, rồi chánh pháp lại trở về nơi các bậc Chánh sĩ.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Các bậc Chánh sĩ ấy thà mất thân mạng chứ không xả bỏ chánh pháp. Tôn giả cho rằng các bậc Chánh sĩ này bỏ

mất chánh pháp chăng? Chớ nghĩ như vậy. Như trong biển lớn có ngọc như ý tên là Kim cang, là sự tích tập của các thứ báu, khi lửa nổi lên bảy ngày, trên lên tới cõi Phạm thiên thiêu hết các châu báu, cùng các cõi Phật trong tam thiên đại thiên thế giới, kể cả các phương khác cũng đều bị cháy rụi.

Này Tôn giả Ca-diếp! Ngọc báu như ý kia đi đến thế giới khác mà bị thiêu hủy thì không có điều ấy.

Này Tôn giả Ca-diếp! Các Bồ-tát ấy cũng vậy, khi tất cả các pháp diệt tận, thì bảy loại pháp xuất hiện, các Bồ-tát là chánh pháp cho thế gian nương tựa, lại có thể dời đến cõi Phật ở phương khác. Những gì là bảy? Đó là học thuyết ngoại đạo, gần gũi bạn ác, rơi vào tà kiến, luôn phá hoại nhau, hành theo các kiến chấp, hủy hoại các cội gốc công đức, không thể chứng đắc đạo. Đó là bảy loại pháp xuất hiện. Đối với bảy pháp này, các Bồ-tát đều biết rõ, thấy chúng sinh ở các cõi Phật khác không rời chư Phật, thường được giác ngộ, thích nghe kinh điển, chư vị liền giáo hóa cho họ, gieo trồng cội gốc công đức.

Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như vô số loài chúng sinh nương vào biển cả và ở trong ấy. Các Bồ-tát cũng vậy, vô số chúng sinh đều đến trong chúng hội để nương tựa nơi chư vị ấy, hết thảy đều ở và trở về ba nẻo. Những gì la ba? Đó là, được sinh lên cõi trời, ở cõi người giàu có và đạt được diệt độ.

Này Tôn giả Ca-diếp! Như trong biển cả, các loài rồng, A-tu-la đều tự tại, các Bồ-tát ấy cũng thế, hàng phục tất cả các ma.

Bấy giờ, Trưởng lão Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giới hạn của biển cả còn có thể lường xét được, còn các vị Bồ-tát này thì không thể lường xét được.

Đức Phật bảo:

–Này Tôn giả Ca-diếp! Nếu muốn biết số bụi trần trong tam thiên đại thiên thế giới thì còn có thể biết được, nhưng các hạnh chân thật và nơi hướng đến của các Bồ-tát này thì không thể biết.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Ví như biển cả
Dung nạp hết thảy
Tất cả dòng nước
Nhưng vẫn không đầy,
Người cầu chánh pháp
Cũng lại như vậy
Ưa thích chánh pháp

Không cho là đủ.
Giống như biển cả
Vô lượng dòng nước
Thảy đều đổ về
Biển đều chứa hết,
Bồ-tát thông đạt
Cũng lại như vậy
Không nương trí tuệ
Mà cho là đủ.
Biển cả không nhơ
Không ngập, ô nhiễm
Các dòng nước sạch
Cũng đều đổ về,
Hành giả tu tập
Cũng lại như vậy
Không nhận phiền não
Và các nhơ uế.
Giống như biển cả
Không thể lường xét
Rộng lớn không bờ
Chẳng thể biết được,
Biển đức trí tuệ
Cũng lại như vậy
Cứu giúp chúng sinh
Không thể tính kể.
Ở trong biển cả
Có vô số dòng
Hàng vạn con sông
Hợp làm một vị,
Vô số hạng người
Đồng đến nghe pháp
Đều về một thừa
Nghĩa lý kinh điển
Chẳng phải một loại
Nên gọi là biển.
Trước khi kiến lập
Thành biển cả đức
Không hề sợ hãi

Chí nguyện như vậy
Trùm khắp chúng sinh
Dấy khởi tâm đạo.
Ví như biển cả
Tích chứa các báu
Dù ở chỗ nào
Cũng không vướng mắc,
Các chúng Bồ-tát
Như chứa châu báu
Nhờ đó phát sinh
Thành ba loại báu.
Giống như sông, biển
Có ba loại báu
Như sông, biển ấy
Cũng không phân biệt,
Bậc Thánh thông tuệ
Thuyết pháp như vậy
Cũng dùng ba thừa
Dẫn dắt chúng sinh.
Giống như biển cả
Dần thành rộng lớn
Các dòng đổ về
Đều được tràn đầy,
Các chúng Bồ-tát
Đạt các thông tuệ
Độ khắp chúng sinh
Siêng năng tu hành.
Giống như biển cả
Không chứa thây chết
Pháp như biển ấy
Cũng lại như thế,
Bồ-tát lập chí
Cầu đạo cũng vậy
Không chấp nhận ngã
Cũng chẳng thuận dòng.
Giống như trong biển
Phát sinh các báu
Đều là quý báu

Ở nơi vững chắc,
Khi kiếp thiêu khởi
Không thể đốt cháy
Liền được đem đến
Nơi cõi Phật khác.
Lúc chánh pháp diệt
Cũng lại như vậy
Người luôn tinh tấn
Giữ gìn chánh pháp,
Nhờ quan sát thấy
Không thể giữ gìn
Lập tức đem đến
Cõi Phật phương khác.
Sông, suối, ao hồ
Thảy đều khô cạn
Sau đó nước biển
Mới dần cạn khô,
Lúc kiếp thiêu khởi
Cũng lại như vậy
Đại thiên thế giới
Đều bị hủy hoại.
Chúng sinh phàm phu
Ở trong cõi nước
Giả sử chánh pháp
Đều đã diệt hết,
Những người dũng mãnh
Giữ pháp cũng vậy
Xả bỏ thân mạng
Không hề tham tiếc.
Do biết chánh pháp
Sẽ bị tiêu diệt
Giác ngộ hiện tại
Hoặc sau diệt độ,
Những người chí nguyện
Thanh tịnh như vậy
Là kiến lập pháp
Vô số chúng sinh,
Đều nên tu theo

Nương nhờ nơi biển
Chẳng phải một loại
Làm được điều ấy,
Bậc đại danh xưng
Chí nguyện như vậy
Đến khắp chúng sinh
Đều được giải thoát.
Còn có giới hạn
Phân biệt biết rõ
Đối với cõi Phật
Và các biển cả,
Sự hành hóa ấy
Không thể biết được
Các chúng Duyên giác
Và hàng Thanh văn
Không ai sánh bằng
Huống lại hơn hẳn
Hạnh các Bồ-tát
Tinh tấn vững mạnh.
Tâm chư vị ấy
Phải nên đảnh lễ
Sẽ được thành Phật
Giáo hóa chúng sinh.
Chư vị là báu
Giống như biển cả
Hãy nên cúng dường
Luôn là ruộng phước,
Chính là đất tốt
Y vương tối thượng
Trị lành hết thảy
Mọi thứ bệnh tật.
Lại vì cứu giúp
Quay về giải thoát
Đem đèn đuốc sáng
Hiển hiện chiếu soi,
Thế gian tăm tối
Được mắt sáng tỏ
Người có mắt ấy

Mau được cam lồ.
Làm vị đế vương
Thường gọi vua pháp
Đây là vua trời
Tạo nhiều lợi ích,
Cũng là vua Phạm
Tư duy bốn Thiền
Liền vận chuyển được
Bánh xe chánh pháp.
Đây là Đạo sư
Mở bày đường lớn
Nơi chốn tranh cãi
Hiện rõ lối đi,
Là bậc dũng mãnh
Hàng phục tất cả
Trừ hết phiền não
Làm tịnh cõi nước.
Tu pháp thanh tịnh
Như ánh trăng rằm
Phóng ánh sáng khắp
Như mặt trời mọc,
Trí tuệ vượt bậc
Như núi Tu-di
Ở trong ba cõi
Rưới mưa cam lồ.
Chư vị khó sánh
Giống như sư tử
Tâm ấy nhu hòa
Giống như voi hiền,
Hoặc như đại địa
Chở các núi non
Hàng phục tất cả
Luận thuyết ngoại đạo.
Hạnh thường thanh khiết
Ví dụ như nước
Uy, sáng khó lường
Vị ấy như lửa
Không hề chướng ngại

Cũng giống như gió
Xa lìa biếng nhác
Lại giống như đất
Trừ hết kiêu mạn
Nhổ sạch sân hận.
Ví như cây thuốc
Không hề phân biệt
Giới tịnh, không chấp
Giống như hoa sen
Không hề nương tựa
Tám pháp ở đời.
Hành hóa ví như
Hoa Ưu-bát-la
Vô số ức kiếp
Âm thanh khó đạt,
Đối bậc Tôn kính
Thường hay báo ân
Theo lời Phật dạy
Không lìa chánh pháp.
Chí nguyện kiên cố
Có lòng Từ bi
Tâm từ vững chắc
Hỷ xả siêu tuyệt,
Cứu giúp chúng sinh
Đối với năm dục
Khéo biết duyên hợp
Tài sản quý báu
Thường đem bố thí
Giữ gìn giới cấm
Rất là thù thắng
Không ai sánh bằng.
Dùng lực nhẫn nhục
Giữ tâm dũng mãnh
Đạt đến tinh tấn
Thường không mệt mỏi,
Đủ các thiền định
Thần thông, trí tuệ
Đi đến vô lượng

Vô số cõi Phật
Được gặp chư Phật
Và nghe kinh điển
Như điều đã nghe
Mà tu tập theo.
Thảy đều thông đạt
Hạnh của chúng sinh
Tùy sự ứng hợp
Lòng tin, các căn,
An ổn, chân thật
Dùng phương tiện khéo
Vì các ngoại đạo
Hiển bày ánh sáng
Khiến họ thông đạt
Hết thảy các pháp
An nhiên, hòa đồng
Phân biệt báo ứng.
Thảy đều hiểu rõ
Nhân duyên pháp luật
Lìa ngã, ngã sở
Thường trụ bình đẳng,
Liền quán xét theo
Như pháp thích hợp
Chư vị đã từng
Xuất gia tu học.
Quá khứ thường gặp
Tất cả các pháp
Nhờ trụ nơi pháp
Mà rõ pháp giới,
Biết rõ thông tuệ
Chẳng có hình tướng
Có thể dấy khởi
Lòng thương thù thắng
Để cứu giúp khắp
Chúng sinh siêng năng
Tu tập giải thoát
Lại chấp vào pháp
Có ngã, ngã sở

Mà khởi vọng tưởng
Làm theo ngu si
Tà kiến, buông lung
Tu hành như vậy
Là pháp hư giả.
Chư vị giảng nói
Trừ hết kiến chấp
Vô thường là thường
Không, cho là thật,
Lấy khổ làm vui
Không thân chấp có
Phàm phu như vậy
Chấp giữ điên đảo,
Không phân biệt được
Giới hạn sinh tử
Nếu biết chánh lý
Trừ nguồn điên đảo.
Biết là không người
Không thọ, không mạng
Có thể tịnh tu
Theo hạnh bình đẳng
Hiểu rõ vô thường
Khổ, không, vô ngã.
Ca-diếp! Bậc ấy
Tiếng khen công đức
Từ nơi các cõi
Vang đến khắp chốn
Vô lượng người nghe
Tuệ không giới hạn
Có thể tu hành
Bồ-tát cũng vậy
Giả sử biến khắp
Ba ngàn thế giới
Thảy đều kính ngưỡng
Kiến lập Bồ-tát
Cúng dường La-hán
Gấp bội số ấy
Cũng không sánh bằng

Ta cũng kiến lập
Chí nguyện Bồ-tát
Hết thảy các bậc
Chánh giác quá khứ
Vị lai cũng vậy
Và ngay hiện tại
Thánh tôn mười phương
Thảy đều lập chí
Muốn được thành Phật.

-oOo-

Phẩm 16: Kiến lập pháp

Bấy giờ, Phạm thiên Trì Tâm nói với Bồ-tát Phổ Thủ:

–Cúi xin Nhân giả thỉnh Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, kiến lập, lưu truyền kinh này trong đời năm trược, mạt pháp.

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Ý ông nghĩ sao? Đức Như Lai đã chẳng tuyên nói pháp này đó sao? Ông muốn Đức Như Lai kiến lập pháp sao?

Phạm thiên đáp:

–Thưa không!

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

–Này Phạm thiên! Tất cả các pháp là không thể kiến lập, không thể nhớ nghĩ cũng chẳng có ngôn thuyết, cho nên không thể lưu truyền cũng không thể giữ gìn. Người nào muốn kiến lập kinh điển này tức là muốn tạo lập hư không. Nếu Bồ-tát muốn hội nhập vào kinh điển này thì chẳng phải là thuận theo pháp. Bồ-tát thể nhập vào tất cả kinh điển thì không còn tranh luận.

Lại nữa, đối với chúng hội, Bồ-tát chỉ tạm mượn danh dự mà thôi. Người giảng nói kinh pháp phải nên như vậy, chẳng phải vì nghe nhận kinh điển. Vì sao? Vì không có đối tượng để nghe mới chính là nghe nhận kinh điển.

Phạm thiên hỏi:

–Thưa Nhân giả! Thế nào gọi là không có đối tượng để nghe mới chính là nghe nhận kinh điển?

Bồ-tát Phổ Thủ đáp:

–Mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý không có đối tượng để nghe mới chính là nghe kinh. Người nào các căn nhiễm ô thì không gọi là nghe, nếu trụ chấp vào sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp thì người nghe kinh như vậy gọi là hư vọng.

Bấy giờ, trong chúng hội có các Thiên tử, ba vạn hai ngàn Tỳ-kheo, năm trăm Tỳ-kheo-ni, ba trăm Ưu-bà-tắc, tám trăm Ưu-bà-di… tất cả đều được nghe Bồ-tát Phổ Thủ thuyết pháp. Ngay lúc ấy, hết thảy đều chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh, cùng nói kệ khen ngợi:

Nhân giả Phổ Thủ!
Đúng như lời ấy
Không đối tượng nghe
Mới chính nghe kinh.

Phạm thiên Trì Tâm hỏi các Bồ-tát vừa chứng đắc pháp nhẫn:

–Thưa chư vị! Chư vị đã chẳng được nghe kinh này rồi sao?

–Thưa Phạm thiên! Chúng tôi đã nghe nhưng không có đối tượng để nghe.

Lại hỏi:

–Chư Hiền giả làm thế nào mà hiểu rõ kinh điển ấy?

Đáp:

–Nếu không thấy có đối tượng nhận biết thì biết tất cả.

Lại hỏi:

–Chư Hiền giả làm thế nào để đạt được pháp nhẫn?

Đáp:

–Là kiến lập tất cả các pháp.

Hỏi:

–Do nhân duyên gì để được hội nhập vào các pháp?

–Không có đối tượng đạt đến thì được hội nhập vào các pháp.

Hỏi:

–Hiện tại, chư Hiền giả thấy rõ các pháp không?

–Thưa Phạm thiên! Đối với tất cả các pháp trong hiện tại, thân mình, chúng sinh và chí nguyện vốn đều thanh tịnh.

Lúc ấy, trong chúng hội có một Thiên tử tên là Ly Cấu Anh nói với Phạm thiên Trì Tâm:

–Thưa Phạm thiên! Nếu lãnh hội kinh pháp này thì được Đức Như Lai thọ ký không?

Phạm thiên đáp:

–Chắc chắn sẽ được thọ ký và chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Thiên tử nói:

–Vì sao? Vì kinh này không diệt mất quả báo, tích chứa pháp công đức của hết thảy chúng sinh, hàng phục các ma và oán thù. Kinh điển này xa lìa hết thảy sự tranh luận về tham dục, giáo hóa tất cả khiến được hoan hỷ. Người nào tin ưa kinh điển này, tâm luôn vui mừng, nghe nhận, thọ trì thì đạt được sự bình đẳng rốt ráo của bậc Hiền thánh. Nếu thọ trì kinh điển này thì được chư Phật gia hộ. Nếu chư Thiên, loài người, A-tu-la chuyên nhớ nghĩ đến kinh ấy thì đạt được quả vị không thoái chuyển, không bị các thứ xấu ác phá hoại.

Lại nữa, nếu vì kinh ấy mà đến đạo tràng, bố thí, tu tập theo pháp Phật thì chấm dứt hẳn sự ít học, vận chuyển bánh xe chánh pháp.

Lại nữa, kinh pháp này khiến dứt hẳn nghi ngờ, đạt đến đạo của bậc Hiền thánh. Nhờ nghe kinh điển này nên đạt được giải thoát. Thọ trì kinh điển này là nhằm thành tựu đạo quả. Giảng nói kinh điển này là đồng với phước đức. Khéo giữ gìn kinh điển này là thích thuận theo pháp. Nhờ kinh điển này nên được an ổn, đạt được diệt độ. Không hủy hoại kinh điển nên phá trừ ma quân, ngoại đạo. Hiểu rõ kinh điển này nên là Bậc Chúng Hựu Vô Trước. Hoan hỷ với kinh điển ấy, nên thông đạt các pháp. Vui mừng đối với kinh điển ấy thì đạt được trí tuệ thông suốt. Kinh điển ấy giúp cho người thọ trì đạt được âm thanh trí tuệ, diệt trừ tất cả kiến chấp là nơi quay về.

Kinh điển ấy dẫn dắt đến nẻo trí tuệ, phá tan ngu si.

Kinh điển ấy có thể khéo ứng hợp, vì thuận theo sự thể nhập.

Kinh điển ấy khiến thành tựu rốt ráo về thứ lớp ngôn từ khéo léo.

Kinh điển ấy làm cho mọi người hiểu rõ nghĩa lý, giảng nói bậc nhất, không bỏ nghĩa lý của kinh, đạt được trí tuệ bậc Thánh.

Kinh điển ấy chính là kho tàng, ban phát hết thảy mà không hề phiền não, cứu giúp khắp chúng sinh, đem đến cho họ thức ăn bình đẳng, khiến họ tu theo tâm Từ, ưa thích thiền định, luôn tinh tấn, trừ mọi biếng nhác, nương vào thiền định để cứu giúp chúng sinh tán loạn, dùng ánh sáng rực rỡ chiếu đến các thứ trí tà.

Phạm thiên nên biết! Người nào thọ trì kinh điển ấy thì được hết thảy chư Phật che chở.

Khi Thiên tử giảng nói về công đức của kinh này xong, thì cả tam

thiên đại thiên thế giới đều chấn động. Đức Thế Tôn khen ngợi Thiên tử:

–Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông nói.

Bấy giờ, Phạm thiên Trì Tâm bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thuở xưa, vị Thiên tử này đã từng được nghe kinh điển ấy và đã được chư Phật thọ ký rồi chăng?

Đức Phật dạy:

–Thiên tử ấy đã được nghe kinh này từ sáu mươi bốn ức chư Phật. Thiên tử Ly Cấu Anh đó trải qua bốn mươi vạn kiếp nữa sẽ thành Phật, hiệu là Bảo Hiểm Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, thế giới tên là Bảo tích. Trong khoảng thời gian ấy có chư Phật xuất hiện, Thiên tử ấy đều cúng dường, lại được nghe kinh điển này.

Phạm thiên nên biết! Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà… nghe kinh điển này thì đạt được pháp nhẫn và được sinh về cõi nước Bảo hiểm của Đức Phật kia, ở thế giới Bảo tích.

Khi ấy, Thiên tử Ly Cấu Anh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay, con không mong cầu đạo quả xa vời, cũng không phát nguyện nơi đạo. Con không ưa thích quả vị Phật, không nương tựa, không muốn chứng đạo cũng không nhớ nghĩ đến thì sao Đức Thế Tôn lại thọ ký cho con?

Đức Phật dạy:

–Thiên tử nên biết! Như đem cỏ, cây, cành nhánh, hoa lá ném vào trong lửa rồi nói: "Đừng đốt cháy chúng! " mà khiến cho lửa không thể đốt cháy thì điều đó không thể có. Vì chẳng phải do lời nói của người ấy mà lửa không thể đốt cháy.

Cũng vậy, này Thiên tử! Nếu Bồ-tát không ưa thích đạo, không nương tựa, cũng chẳng kiến lập chí nguyện, không lập nguyện đối với tất cả chư Phật thì vị ấy được thọ ký.

Này Thiên tử! Nếu Bồ-tát không ưa thích đạo, không có đối tượng nương tựa, không có đối tượng để kiến lập, không có đối tượng mong cầu cũng chẳng thủ đắc, thì Bồ-tát ấy mới được Như Lai thọ ký sẽ chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ, trong chúng hội có năm trăm Bồ-tát cùng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con không kiến lập nơi đạo, không có chí nguyện, cũng chẳng thủ đắc, không vui mừng cũng chẳng nương tựa, không có đối tượng nhớ nghĩ, cũng chẳng chấp vào sự nhớ nghĩ.

Khi ấy, các Bồ-tát nương vào thần lực của Phật, liền nhìn khắp trong hư không, thấy tám vạn bốn ngàn Đức Phật ở phương trên thọ ký cho chư vị ấy sẽ đạt được đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Các Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là điều chưa từng có, sự thuyết pháp của Như Lai thật là hoàn hảo. Những ai đối với đạo pháp mà không có đối tượng để ưa thích, không có sự nương tựa, cũng chẳng kiến lập, không có chí nguyện cũng chẳng thủ đắc mới được Như Lai thọ ký.

Bạch Thế Tôn! Hôm nay, chúng con được tám vạn bốn ngàn chư Phật ở cõi nước phương trên thọ ký sẽ chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

-oOo-

Phẩm 17: Chư Thiên khen ngợi

Bấy giờ, Bồ-tát Phổ Thủ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Đức Như Lai hộ niệm pháp này, khiến vào đời năm trược về sau, kinh ấy sẽ được lưu truyền khắp thiên hạ ở cõi Diêm-phù-đề, khiến cho tất cả đều được mặc áo giáp công đức lớn, dùng ba phẩm để nghe pháp. Nếu thiện nam, thiện nữ nào khởi lên nhân duyên nơi ma, nhưng không theo lời sai khiến của ma thì người ấy không thể bị ma và quyến thuộc của chúng làm hại, vì có thể thọ trì kinh điển cốt yếu này nên không thoái chuyển đối với đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Đức Phật bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Hãy khéo tư duy về kinh điển ấy, thì kinh đó sẽ được tồn tại lâu dài, lại được các hàng trời, rồng, quỷ thần, Càn-thát-bà ủng hộ. Lại có thần chú tên là Tuyển Trạch, ta sẽ giảng nói rõ về ý nghĩa của thần chú này. Nhờ thần chú ấy nên các Pháp sư, thiện nam, thiện nữ đều được chư Thiên, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Chiên-đà-la, Ma-hầu-la-già hộ trì. Nếu chư vị ấy đang đi trên đường, ở chỗ vắng, ở trong nhà, hoặc ở trong phòng mà kinh hành tư duy, hoặc ở trong chúng hội thuận theo nghĩa lý mà quan sát, thì các vị thần sẽ hộ trì làm tăng thêm biện tài, tùy theo phương tiện, uy lực và sự dũng mãnh mà ủng hộ, khiến chư vị vượt qua các nạn oán thù, trộm cướp… Nhờ vậy, chư vị ấy mới kinh hành tịch tĩnh, nằm ngồi đều an ổn.

Này Bồ-tát Phổ Thủ! Thần chú ấy như vầy:

–Ưu đầu lê, đầu đầu lê, mạt tri, già tri, di ly thế ly thế, lệ di lệ hầu lâu,

hầu lâu âm, hầu lưu y bạt tri, vu bạt tri, khưu khưu ly khư la kỳ, a na đề, yết đề sơ vãng chí, ma ế lệ ma na di ma nhĩ, bão hiền đề, tát phi lâu, cách phi sa yết đề, tân đầu lệ, nam mô Phật-đàn già lật đề, nam mô đàm nật kệ, nam mô tăng phi ế đa thiện bạt phiến đà, tát phi ba phi, di đa la di phù đề thọ, tát già ni đà la, bạt la ma na ba thế đa, lê di ba, thế đa a trí thiền đề, tát đà phù đà, ca la ha, nam mô Phật-đà tất thiền đề mạn đà bát.

Phật nói chú này xong, bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Đây là văn tự của thần chú. Bồ-tát nào tu hành theo kinh điển ấy thì sẽ được an ổn và được hộ trì, không bị quấy nhiễu và loạn tâm, luôn thực hành thanh tịnh theo thứ lớp, luôn biết đủ, nằm ngồi yên lặng, ưa thích tịch tĩnh, không thích ồn ào, thân tâm thanh tịnh, hành theo Từ bi, dùng pháp làm niềm vui, kinh ấy chân lý, không bị phá hoại, thường ở chỗ vắng lặng, siêng năng giảng nói pháp, luôn tư duy về ý nghĩa của đạo, bỏ hết ý niệm phi nghĩa, lấy sự yên ổn làm niềm vui, đem sự hiểu biết của mình giảng nói cho người khác, tu tập theo pháp môn từ đầu đến cuối, tâm bình đẳng đối với kẻ oán người thân, bỏ hết nhớ nghĩ, không tiếc thân mạng, quán xét hết thảy các nghiệp, hành hóa đầy đủ, thích giữ gìn giới cấm, siêng tu lực nhẫn nhục, không nói lời thô, dung mạo tươi vui, hiền hòa, thân sắc đẹp đẽ, luôn thưa hỏi, cung kính mọi người, trừ bỏ ganh ghét, ưa thích dịu dàng, ở nơi an ổn. Ông đã thành tựu hạnh nguyện này. Thiện nam và Pháp sư nào đọc tụng thần chú ấy thì đời hiện tại được mười Lực. Những gì là mười?

1. Đạt được diệu lực nơi tâm không bao giờ quên mất.

2. Đạt được diệu lực của ý, hiểu rõ các ý niệm.

3. Đạt được năng lực thể nhập vào kinh điển, hiểu rõ tất cả.

4. Đạt được năng lực kiên cố, hành hóa trong sinh tử.

5. Đạt được năng lực của sự hổ thẹn, hộ trì tất cả mọi người.

6. Đạt được năng lực hiểu biết rộng, đầy đủ trí tuệ.

7. Đạt được năng lực của pháp Đà-la-ni, thông suốt hết những điều được nghe.

8. Đạt được năng lực biện tài, được chư Phật ủng hộ.

9. Đạt được diệu lực của pháp sâu xa, đạt được năm thần thông.

10. Thành tựu diệu lực của pháp Nhẫn vô sinh, đầy đủ các thông tuệ.

Này Bồ-tát Phổ Thủ! Pháp sư nào an trú, đọc tụng, hành trì theo pháp ấy thì sẽ đạt được mười năng lực này.

Khi Đức Phật giảng nói về diệu lực của thần chú này, bốn vị Thiên vương vô cùng kinh sợ, cùng với vô số trăm ngàn quyến thuộc, quỷ thần vây

quanh, đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ nơi chân, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con cùng quyến thuộc sẽ vâng theo lời Phật dạy, ủng hộ, lưu truyền kinh ấy. Nếu thiện nam, thiện nữ hoặc Pháp sư nào có giảng nói, thực hành, thọ trì, đọc tụng pháp ấy thì chúng con cùng quyến thuộc sẽ đến nơi đó để hộ trì, khiến chư vị luôn được thanh tịnh. Nếu ở thành ấp, cõi nước, đô thị có người tại gia hoặc xuất gia nào tu hành theo kinh này thì chúng con cùng quyến thuộc sẽ đến cúng dường, phụng sự, khiến chư vị ấy đều được an ổn, không bị nguy hiểm, mọi sự dò xét đều không thể được. Nếu kinh điển này được lưu truyền đến đâu thì chúng con sẽ bảo vệ cách bốn mươi dặm, chúng Trời, Rồng, Thần, Cưu-bàn-trà… và hết thảy quyến thuộc của họ đều không thể làm hại.

Bấy giờ, Đại thiên vương Duy-lâu-lặc-xoa Hộ Oán nói bài kệ:

Con và các quyến thuộc
Các con và thân tộc
Có thể đảm nhận được
Việc cúng dường kinh này.

Khi ấy, Đại thiên vương Duy-lâu-bác (Vô Oán) nói bài kệ:

Con là Pháp vương tử
Dùng pháp dạy cho người
Cúng dường các Phật tử
Tu hành theo tâm đạo.

Đại thiên vương Đề-đầu-lại (Kiên Quận) nói bài kệ:

Con sẽ luôn hộ trì
Khắp tất cả mười phương
Những ai trì kinh này
Phật Chánh giác đã nói.

Đại thiên vương Duy-sa-mạn (Tức Ý) nói bài kệ:

Nếu kiến lập tâm đạo
Cúng dường người tu học
Cúng dường cho chúng sinh
Không mong được báo đáp.

Bấy giờ, thái tử Đế Nhan, con của Đại thiên vương Tức Ý, cầm lọng bảy báu che trên Đức Như Lai, rồi nói bài kệ:

Nay con sẽ thọ trì
Kinh điển của Như Lai
Cũng vì người khác nói

Chí nguyện con như thế.
Thế Tôn biết tâm con
Hiểu hạnh nghiệp đời trước
Tâm con đã kiến lập
Cho đến khi thành Phật.
Dâng lọng lên Như Lai
Mong diện kiến tôn nhan
Nguyện con được giống như
Tướng Ngài - vô kiến đảnh.
Chiêm ngưỡng Bậc Chánh Giác
Thế Tôn rủ lòng thương
Mắt thanh tịnh quán xét
Mắt từ nhìn chúng sinh.
Thế Tôn thọ ký con
Có trí tuệ vượt bờ
Sau khi mạng chung rồi
Sẽ sinh trời Đâu-suất.
Từ Đâu-suất hạ sinh
Gặp Đức Phật Di-lặc
Trong khoảng hai vạn năm
Luôn cúng dường chư Phật.
Sau khi xuất gia rồi
Tu các hạnh thanh tịnh
Liền thấy khắp chư Phật
Trong tất cả Hiền kiếp.
Cúng dường hết thảy Phật
Siêng năng tu phạm hạnh
Trải sáu mươi ức kiếp
Sẽ thành Bậc Chánh Giác.
Tôn hiệu là Bảo Cái
Cõi Phật tên Trang Nghiêm
Toàn là chúng Bồ-tát
Luôn luôn giảng diệu pháp.
Thọ mạng trọn một kiếp
Sau khi Phật diệt độ
Chánh pháp trụ nửa kiếp
Vì thương tưởng chúng sinh.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân cùng với vô số trăm ngàn chư Thiên

quyến thuộc vây quanh, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con sẽ ủng hộ vị Pháp sư này. Những ai thọ trì kinh điển này thì con sẽ cúng dường, phụng sự thuận theo ý của vị ấy. Những ai đọc tụng, giảng nói kinh này thì con sẽ đến để thưa hỏi, lãnh thọ giáo pháp và giúp cho Pháp sư có uy lực mạnh mẽ, biện tài theo thứ lớp, giảng nói trôi chảy, không có các chướng ngại và không hề quên sót.

Khi ấy, thái tử Địch Hoặc, con của Thiên vương Thích Đề-hoàn Nhân, cầm chuỗi ngọc bảy báu đến cúng dường Đức Như Lai và nói kệ:

Thế Tôn! Con thấy rõ
Sự hành hóa của Ngài
Con cũng sẽ tu theo
Chí nguyện cầu tuệ Phật.
Hành hóa ở đời trước
Bố thí không mong cầu
Con sẽ học hạnh này
Bố thí mọi sở hữu.
Cũng thọ trì kinh ấy
Từ nơi đấng Pháp vương
Giảng thuyết khắp tất cả
Để báo ân Đạo sư.
Những ai muốn giải thoát
Cùng tu theo kinh này
Con sẽ dâng thực phẩm
Vì hộ trì Phật đạo.
Hàng Thanh văn không thể
Hộ trì kinh pháp này
Con sẽ hộ chánh pháp
Lưu truyền ở đời sau.
Thế Tôn an ủi con
Đoạn nghi của chư Thiên
Còn khoảng bao lâu nữa
Con được thành Chánh giác?
Phật đạt các thông tuệ
Liền thọ ký cho con:
Sau sẽ được thành Phật
Giống Như Lai hiện nay.
Hành hóa ức ngàn kiếp

Hoặc hơn trăm ức kiếp
Làm ánh sáng cho đời
Hiệu là Tuệ Thành Tựu.

Bấy giờ, trời Phạm Nhẫn bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con sẽ xả thiền định, đi đến nơi những thiện nam, thiện nữ nào có thể thuyết pháp để lắng nghe. Những ai giảng nói kinh này thì đều thu phụ được chư Thiên như Đế Thích, Phạm thiên…, con sẽ xin cúng dường phụng sự. Thiện nam này sẽ được chư Thiên và loài người cùng quy kính, cúng dường. Khi ấy, trời Phạm Nhẫn nói bài kệ:

Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Cùng nam, nữ cư sĩ
Nếu thọ trì kinh này
Tất sẽ cứu giúp đời.
Người tu theo kinh này
Hoặc khen ngợi, tôn kính
Con sẽ vì người ấy
Giảng nói về kinh này.
Trải tòa hoa cao vút
Lên đến trời Phạm thiên
Ngồi ở trên tòa ấy
Giảng kinh pháp cho họ.
Người nào giảng nói kinh
Nên khen ngợi: Lành thay!
Nếu người ở đời sau
Thọ trì kinh điển ấy.
Giả sử ức cõi nước
Chìm nhập trong biển lửa
Cũng nên đến chỗ ấy
Cầu xin nghe kinh này.
Chứa báu như Tu-di
Để cúng dường vị ấy
Mong được nghe kinh này
Nghiêm tịnh ngàn cõi Phật.

-oOo-

Phẩm 18: Chúc lụy

Bấy giờ, Đức Thế Tôn phát ra ánh sáng nơi đảnh đầu, thị hiện thần

thông khiến ma Ba-tuần cùng các binh chúng đều đến chỗ Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con và quyến thuộc ở trước Đức Như Lai xin phát nguyện: "Bất cứ chỗ nào có lưu truyền kinh này, hoặc có Pháp sư nào giảng nói kinh điển này ở pháp hội, chúng con sẽ phát nguyện bảo hộ, khiến chư vị giảng nói luôn thông suốt, không gặp phải nguy hiểm, bị hại".

Khi ấy, Đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng vàng ròng chiếu khắp cõi Phật, rồi bảo Bồ-tát Phổ Thủ:

–Như Lai sẽ kiến lập và hộ trì cho người giảng nói kinh pháp này, nhằm khiến chánh pháp được lưu truyền khắp thiên hạ nơi cõi Diêm-phù-đề, không bị hủy diệt.

Lúc này, chư vị trong chúng hội dùng tất cả loại hoa, tất cả hương thơm tung rải lên chỗ Đức Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xin Đức Thế Tôn khiến cho kinh này được trụ lâu ở cõi Diêm-phù-đề và được giảng thuyết, lưu truyền khắp nơi.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả nên thọ trì kinh này.

Tôn giả A-nan đáp:

–Bạch Thế Tôn! Con xin thọ trì.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan! Kinh này được lưu truyền lên đến cõi trời. Ông nên thọ trì, rồi giảng nói rõ ràng cho chúng hội.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu thọ trì, đọc tụng và giảng nói kinh này cho người khác thì phước đức đạt được như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Giả sử dùng bảy báu đầy khắp hư không để bố thí, so với việc dùng văn chương, câu cú đã giảng nói ở trong kinh này để cúng dường Như Lai Chí Chân và hết thảy Thánh chúng, thì phước đức của phần sau nhiều hơn. Nếu lại có người thọ trì kinh điển này, biên chép trên thẻ tre, trên lụa để cúng dường thì hiện tại, người ấy được mười kho tàng công đức. Những gì là mười?

1. Thấy được tạng Phật vì đạt được Thiên nhãn.

2. Nghe được tạng pháp vì đạt được Thiên nhĩ.

3. Gặp được tạng Thánh chúng vì không hề thoái chuyển.

4. Được tạng báu vô tận của Bồ-tát và Hiền thánh vì có được bàn tay

báu.

5. Được tạng sắc tượng vì đầy đủ tướng tốt.

6. Được tạng quyến thuộc vì quyến thuộc không thể tan lìa.

7. Được tạng chưa từng nghe vì được các pháp Đà-la-ni, có tạng nhớ nghĩ vì đạt được biện tài.

8. Được tạng không sợ hãi vì thâu tóm hết các luận thuyết ngoại đạo.

9. Có tạng công đức vì cứu giúp chúng sinh.

10. Đạt tạng trí tuệ bậc Thánh vì thấu tỏ được tất cả pháp của chư Phật.

Khi Đức Phật thuyết giảng kinh này, có bảy mươi hai ức chư Thiên đạt được pháp nhẫn, vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề, vô số chúng sinh dứt sạch mọi thứ lậu hoặc, được giải thoát.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gọi là gì và thọ trì như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Kinh này tên là Đẳng Ngự Chư Pháp, nên theo đó mà thọ trì. Lại gọi là Trang Nghiêm Phật Pháp, lại gọi là Trì Tâm Phạm Thiên Sở Vấn, Phổ Thủ Sở Sướng, nên theo đó mà phụng trì.

Khi Đức Phật giảng nói như vậy, Bồ-tát Phổ Thủ, Phạm thiên Trì Tâm, Bồ-tát Phổ Hạnh, Hiền giả Đại Ca-diếp, Hiền giả A-nan, chư Thiên, loài người, A-tu-la… nghe lời Phật dạy đều vô cùng hoan hỷ.

-oOo-

Số 586

KINH TƯ ÍCH PHẠM THIÊN SỞ VẤN

Hán dịch: Đời Dao tần, Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, người nước Quy Tư.

QUYỂN 1

Phẩm 1: Tựa

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ngụ tại vườn trúc Ca-lan-đà thuộc thành Xá-vệ, cùng với sáu vạn bốn ngàn vị đại Tỳ-kheo hội đủ, bảy vạn hai ngàn vị Đại Bồ-tát, hết thảy mọi người đều biết đến, tất cả đã chứng được Đà-la-ni, đạt biện tài vô ngại và các pháp Tam-muội, đối với các thần thông đều được tự tại, có khả năng hiểu rõ về thật tánh của các pháp, đạt đến quả vị pháp Nhẫn vô sinh.

Tên các vị ấy là: Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi, Pháp vương tử Bảo Thủ, Pháp vương tử Bảo Tích, Pháp vương tử Bảo Ấn Thủ, Pháp vương tử Bảo Đức, Pháp vương tử Hư Không Tạng, Pháp vương tử Phát Tâm Chuyển Pháp Luân, Pháp vương tử Võng Minh, Pháp vương tử Chướng Chư Phiền Não, Pháp vương tử Năng Xả Nhất Thiết Pháp, Pháp vương tử Đức Tạng, Pháp vương tử Hoa Nghiêm, Pháp vương tử Sư Tử, Pháp vương tử Nguyệt Quang, Pháp vương tử Tôn Ý, Pháp vương tử Thiện Trang Nghiêm… cùng với mười sáu vị Hiền sĩ thuộc nhóm Bạt-đà-đa-la: Bồ-tát Bạt-đà-bà-la, Bồ-tát Bảo Tích, Bồ-tát Tinh Đức, Bồ-tát Đế Thiên, Bồ-tát Thủy Thiên, Bồ-tát Thiện Lực, Bồ-tát Đại Ý, Bồ-tát Thù Thắng Ý, Bồ-tát Tăng Ý, Bồ-tát Thiện Phát Ý, Bồ-tát Bất Hư Kiến, Bồ-tát Bất Hưu Tức, Bồ-tát Bất Thiểu Ý, Bồ-tát Đạo Sư, Bồ-tát Nhật Tạng, Bồ-tát Trì Địa, đại thể là gồm bảy vạn hai ngàn vị Bồ-tát như thế, cùng với chư vị Tứ Thiên vương, Thích Đề-hoàn Nhân, chư Thiên các cõi trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, các vị Phạm vương, Phạm thiên và cùng với vô lượng chư Thiên, tám bộ chúng: Rồng, Quỷ thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Người và

Phi nhân đều cùng đến pháp hội.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn có đại chúng cung kính vây quanh, vì họ mà thuyết pháp. Khi ấy, Bồ-tát Võng Minh liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên phải, gối bên phải chạm sát đất, đầu mặt đảnh lễ ngang chân Phật, chắp tay hướng về Đức Phật, làm chấn động tam thiên đại thiên thế giới, thay mặt đại chúng, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con muốn thỉnh vấn Đức Phật đôi điều, nếu Đức Phật cho phép thì con mới dám thưa.

Phật bảo Bồ-tát Võng Minh:

–Cho phép ông hỏi, Như Lai sẽ vì ông mà nêu giảng, khiến được như ý, ông cứ thưa hỏi.

Khi ấy, Bồ-tát Võng Minh được Phật cho phép, tâm rất vui mừng, liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thân tướng của Như Lai siêu vượt hơn cả trăm ngàn vạn ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Con tự suy nghĩ: "Nếu chúng sinh nào có thể thấy được thân Phật thì thật là hy hữu." Con lại suy nghĩ: "Nếu các chúng sinh nào có thể thấy được thân Phật thì đều là nhờ diệu lực từ Như Lai."

Phật bảo Bồ-tát Võng Minh:

–Đúng vậy, đúng vậy! Như lời ông đã nói. Nếu không có sự gia hộ từ oai lực của Phật thì chúng sinh không thể thấy thân Phật, cũng không thể thưa hỏi được.

Bồ-tát Võng Minh nên biết! Như Lai có hào quang tên Tịch trang nghiêm, nếu chúng sinh nào gặp được hào quang này thì có thể thấy thân Phật mà nhãn căn không bị hư hoại.

Như Lai lại có hào quang tên Vô úy biện, nếu chúng sinh nào gặp được hào quang này thì có thể thưa hỏi Như Lai với biện tài vô tận.

Như Lai lại có hào quang tên Tập chư thiện căn, nếu chúng sinh nào gặp được hào quang này thì có thể thưa hỏi Như Lai về nhân duyên hành nghiệp của Chuyển luân thánh vương.

Như Lai lại có hào quang tên Tịnh trang nghiêm, nếu chúng sinh nào gặp được hào quang này thì có thể thưa hỏi Như Lai về nhân duyên hành nghiệp của Thiên đế Thích.

Như Lai lại có hào quang tên Đắc tự tại, nếu chúng sinh nào gặp được hào quang này thì có thể thưa hỏi Như Lai về nhân duyên hành nghiệp của Phạm thiên vương.

Như Lai lại có hào quang tên Ly phiền não, nếu chúng sinh nào gặp được hào quang này thì có thể thưa hỏi Như Lai về đạo quả theo nẻo hành hóa của thừa Thanh văn.

Như Lai lại có hào quang tên Thiện viễn ly, nếu chúng sinh nào gặp được hào quang này thì có thể thưa hỏi Như Lai về đạo quả theo nẻo hành hóa của Bích-chi-phật.

Như Lai lại có hào quang tên Ích nhất thiết trí, nếu chúng sinh nào gặp được hào quang này thì có thể thưa hỏi Như Lai về Phật sự của Đại thừa.

Như Lai lại có hào quang tên Vãng ích, khi Đức Phật bước đi thì dưới bàn chân phóng ra hào quang, chúng sinh nào gặp được hào quang này thì sau khi chết sẽ sinh lên cõi trời.

Như Lai lại có hào quang tên Nhất thiết trang nghiêm, nếu Đức Phật đi vào thành thì phóng ra hào quang này, chúng sinh nào gặp được sẽ có niềm hoan hỷ, đầy đủ tất cả đồ trang sức để trang nghiêm thành của mình, kho báu ở trong thành từ dưới đất vọt lên.

Như Lai lại có hào quang tên là Chấn động, Đức Phật dùng hào quang này có thể làm chuyển động cả vô lượng, vô biên thế giới.

Như Lai lại có hào quang tên là Sinh lạc, Đức Phật dùng hào quang này nên có thể diệt trừ những khổ não của chúng sinh ở địa ngục.

Như Lai lại có hào quang tên là Thường từ, Đức Phật dùng hào quang này nên có thể khiến cho loài súc sinh không còn bức hại nhau.

Như Lai lại có hào quang tên là Lương lạc, Đức Phật dùng hào quang này nên có thể diệt trừ sự nóng bức, đói khát của loài ngạ quỷ.

Như Lai lại có hào quang tên là Minh tịnh, Đức Phật dùng hào quang này làm cho người mù được nhìn thấy.

Như Lai lại có hào quang tên là Thông thính, Đức Phật dùng hào quang này, có thể khiến cho những chúng sinh bị điếc nghe được.

Như Lai lại có hào quang tên là Tàm quý, Đức Phật dùng hào quang này có thể khiến cho những chúng sinh bị cuồng điên được tỉnh táo.

Như Lai lại có hào quang tên là Chỉ túc, Đức Phật dùng hào quang này có thể khiến cho chúng sinh xả bỏ mười đường ác, an trụ trong mười đường thiện.

Như Lai lại có hào quang tên là Ly ác, Đức Phật dùng hào quang này có thể khiến cho những chúng sinh theo tà kiến đều đạt được chánh kiến.

Như Lai lại có hào quang tên là Năng xả, Đức Phật dùng hào quang

này có thể phá diệt tâm tham lam keo kiệt của chúng sinh, khiến họ thực hành bố thí.

Như Lai lại có hào quang tên Vô não nhiệt, Đức Phật dùng hào quang này nên có thể khiến cho những chúng sinh phá giới đều thực hiện trì giới.

Như Lai lại có hào quang tên là An lợi, Đức Phật dùng hào quang này có thể khiến cho chúng sinh sân hận đều thực hành nhẫn nhục.

Như Lai lại có hào quang tên là Cần tu, Đức Phật dùng hào quang này có thể khiến cho những chúng sinh lười biếng đều thực hành tinh tấn.

Như Lai lại có hào quang tên là Nhất tâm, Đức Phật dùng hào quang này có thể khiến cho những chúng sinh vọng niệm đều được thiền định.

Như Lai lại có hào quang tên là Năng giải, Đức Phật dùng hào quang này có thể khiến cho những chúng sinh ngu si đều được trí tuệ.

Như Lai lại có hào quang tên là Thanh tịnh, Đức Phật dùng hào quang này có thể khiến cho những chúng sinh không có lòng tin đều được lòng tin thanh tịnh.

Như Lai lại có hào quang tên là Năng trì, Đức Phật dùng hào quang này có thể khiến cho những chúng sinh ít hiểu biết đều đạt được hiểu biết rộng khắp.

Như Lai lại có hào quang tên là Oai nghi, Đức Phật dùng hào quang này có thể khiến cho chúng sinh không biết hổ thẹn đều được sự hổ thẹn.

Như Lai lại có hào quang tên là An ẩn, Đức Phật dùng hào quang này có thể khiến cho những chúng sinh nhiều tham dục đoạn trừ dâm dục.

Như Lai lại có hào quang tên là Hoan hỷ, Đức Phật dùng hào quang này có thể khiến cho những chúng sinh nhiều giận hờn, đoạn trừ sân hận.

Như Lai lại có hào quang tên là Chiếu minh, Đức Phật dùng hào quang này có thể khiến cho chúng sinh nhiều ngu si đoạn trừ ngu si.

Như Lai lại có hào quang tên là Biến hành, Đức Phật dùng hào quang này có thể khiến cho chúng sinh còn phân biệt, diệt trừ mọi sự phân biệt.

Như Lai lại có hào quang tên là Thị nhất thiết sắc, Đức Phật dùng hào quang này có thể khiến cho chúng sinh đều thấy được thân tướng của Phật với vô lượng hình sắc.

Bồ-tát Võng Minh nên biết! Nếu Như Lai dùng một kiếp hay ít hơn một kiếp để nói về danh hiệu và lực dụng của những hào quang này thì cũng không thể nói hết được.

Bấy giờ, Bồ-tát Võng Minh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là việc chưa từng có. Thân của Như Lai chính

là kho tàng hào quang vô lượng, vô biên, phương tiện thuyết pháp cũng không thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn! Con từ xưa đến nay chưa từng được nghe danh hiệu của những hào quang ấy. Như con hiểu về lời thuyết giảng của Phật, nếu Bồ-tát nào nghe được danh hiệu của những hào quang này mà có lòng tin thanh tịnh thì đạt được thần hào quang như vậy.

Bạch Thế Tôn! Hôm nay, kính xin Đức Thế Tôn phóng ra hào quang, hiện bày sự thưa thỉnh của các Bồ-tát, khiến cho những vị Bồ-tát ở các phương khác là những người hay vấn nạn thấy được hào quang ấy rồi, liền phát tâm đi đến thế giới Ta-bà này.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nhận lời cầu thỉnh của Bồ-tát Võng Minh, liền phóng hào quang chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới này và tỏa rộng đến vô lượng cõi Phật trong mười phương. Vô lượng trăm ngàn vạn ức Bồ-tát ở các phương thấy được hào quang ấy đều lần lượt đi đến thế giới Ta-bà này.

Khi đó, về phương Đông, trải qua bảy mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có cõi nước tên Thanh khiết, Đức Phật hiệu là Nhật Nguyệt Quang, Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri hiện đang trụ thế. Ở cõi Phật ấy, có vị Phạm thiên Bồ-tát tên là Tư Ích, trụ nơi quả vị không thoái chuyển, thấy hào quang này rồi, bèn đi đến chỗ Đức Phật Nhật Nguyệt Quang, cung kính đảnh lễ Đức Phật và thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con muốn đi đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ở thế giới Ta-bà để được chiêm ngưỡng, cúng dường, gần gũi và lãnh thọ giáo pháp. Đức Phật Thích-ca cũng muốn gặp chúng con.

Đức Phật Nhật Nguyệt Quang bảo:

–Này Phạm thiên! Ông nên đi đến thế giới ấy, nay thật là đúng lúc.

Ở thế giới Ta-bà kia có ngàn ức vị Bồ-tát đã vân tập tới. Ông nên dùng mười pháp này để đi đến thế giới kia. Những gì là mười?

1. Đối với sự khen, chê tâm không thêm, bớt.

2. Nghe điều thiện, ác tâm không phân biệt.

3. Đối với những bậc trí, kẻ ngu đều dùng tâm Bi.

4. Đối với những loài chúng sinh bậc cao, thấp, vừa thì tâm ý luôn bình đẳng.

5. Đối với sự khinh khi cúng dường thì tâm chẳng có hai.

6. Đối với người sai phạm, chớ xét tìm lỗi lầm của họ.

7. Thấy nhiều loại Thừa đều là một Thừa.

8. Nghe ba đường ác cũng đừng sợ hãi.

9. Đối với các bậc Bồ-tát sinh tưởng là Như Lai.

10. Đức Phật xuất hiện trong đời đủ năm thứ ô trược thì sinh tưởng là việc ít có.

Này Phạm thiên! Ông nên dùng mười pháp ấy để đi đến cõi kia.

Phạm thiên Tư Ích thưa Phật Nhật Nguyệt Quang:

–Bạch Thế Tôn! Con không dám ở trước Đức Như Lai gầm lên tiếng sư tử. Năng lực hành hóa của con thì Đức Phật đã nhận biết, nay con sẽ dùng mười pháp này để đi đến cõi kia, dốc lòng tu tập.

Bấy giờ, ở cõi nước của Đức Phật Nhật Nguyệt Quang có những Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con được lợi ích lớn, vì đã không sinh vào trong thế giới có những chúng sinh xấu ác như vậy.

Đức Phật Nhật Nguyệt Quang bảo:

–Này các thiện nam! Chớ nên nói như vậy. Vì sao? Nếu Bồ-tát ở cõi nước này tịnh tu phạm hạnh trong trăm ngàn vạn ức kiếp cũng không bằng ở cõi kia, từ sáng đến trưa không có tâm sân hận làm chướng ngại. Phước đức ấy còn hơn.

Tức thì, có một vạn hai ngàn Bồ-tát cùng Phạm thiên Tư Ích bạch Phật:

–Chúng con cũng muốn dùng mười pháp này đi đến cõi kia để gặp Đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Khi ấy, Phạm thiên Tư Ích cùng với một vạn hai ngàn Bồ-tát bỗng biến mất ở cõi nước của Đức Phật Nhật Nguyệt Quang và nhanh như khoảng thời gian tráng sĩ co, duỗi cánh tay, đã đến thế giới Ta-bà, chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tề tựu nghiêm chỉnh đứng sang một bên.

Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca bảo Bồ-tát Võng Minh:

–Ông có thấy Phạm thiên Tư Ích kia chăng?

–Bạch Thế Tôn, con đã thấy!

Phật bảo:

–Bồ-tát Võng Minh nên biết! Phạm thiên Tư Ích là vị đứng đầu trong các hàng Bồ-tát thưa hỏi chính đáng, nơi hàng Bồ-tát khéo phân biệt các pháp, hàng Bồ-tát thuận theo ý nghĩa của kinh, hàng Bồ-tát có tâm Từ, hàng Bồ-tát có tâm Bi, hàng Bồ-tát có tâm Hỷ, hàng Bồ-tát có tâm Xả, hàng Bồ-tát nói lời dịu dàng, hàng Bồ-tát không sân hận, hàng Bồ-tát luôn quan tâm thăm hỏi, hàng Bồ-tát dứt mọi nghi ngờ.

Bấy giờ, Phạm thiên Tư Ích cùng với một vạn hai ngàn Bồ-tát cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, đi quanh chỗ Phật theo phía bên phải ba vòng, chắp tay hướng về Đức Phật, dùng kệ tán thán:

Thế Tôn danh xưng lớn
Rộng nghe khắp mười phương
Nơi chốn của Như Lai
Mọi người luôn xưng tán.
Có các nước tịnh khác
Không tên ba đường ác
Bỏ cõi diệu như vậy
Từ bi, nên sinh đây.
Trí Phật không giảm ít
Cùng với chư Như Lai
Dùng bản nguyện đại Bi
Trụ cõi uế trược này.
Nếu người ở cõi tịnh
Trì giới trọn một kiếp
Cõi này trong sát-na
Hành từ là tối thắng.
Nếu người ở cõi này
Thân, khẩu, ý tạo tội
Đáng đọa ba đường ác
Hiện đời được dứt trừ.
Bồ-tát sinh cõi này
Chẳng nên khởi lo sợ
Ví có tội đường ác
Đau khổ liền được dứt.
Chư Bồ-tát cõi này
Nếu hay giữ gìn pháp
Đời đời sinh nơi nào
Đều không mất chánh niệm.
Người muốn dứt trói buộc
Diệt tội nghiệp, phiền não
Ở cõi này giữ pháp
Tăng trưởng Nhất thiết trí.
Cõi tịnh hơn ức kiếp
Thọ trì pháp giải thoát
Ở cõi Ta-bà này

Từ sáng đến giờ trưa.
Con thấy nước Hỷ lạc
Và thấy cõi An lạc
Trong đấy không khổ não
Cũng không tên khổ não.
Ở đó tạo công đức
Chưa đủ cho là lạ
Ở chốn phiền não này
Hay nhẫn mọi việc khó.
Dạy người khác pháp ấy
Phước đó là tối thắng
Con lễ Đấng Vô Thượng
Đại Bi cứu các khổ.
Hay vì chúng sinh ác
Thuyết pháp là rất khó
Phật nhóm vô lượng chúng
Trong thế giới mười phương.
Chư Bồ-tát tiếng tăm
Nghe pháp không chán đủ
Phật nhóm mười phương cõi
Chư Bồ-tát tiếng tăm.
Nghe pháp không chán đủ
Như biển chứa các sông
Vì những người như vậy
Giảng thuyết rộng Phật đạo.
Thích, Phạm, Tứ Thiên vương
Chư Thiên và rồng, thần
Vân tập, nhằm cầu pháp
Tùy chỗ tin, thuận nêu.
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Và thiện nam, thiện nữ
Bốn chúng này vân tập
Mong được nghe giảng nói.
Người ưa thích Phật thừa
Và Duyên giác, Thanh văn
Phật biết thâm tâm họ
Đều vì họ đoạn nghi.
Phật chủng không bị mất

Tam bảo được lưu truyền
Chính là các Bồ-tát
Con và các pháp vương.
Tên tuổi truyền rộng khắp
Bồ-tát mười phương nghe
Đều cùng vân tập đến
Vì nói đạo Vô thượng.
Pháp lớn vô thượng ấy
Hai thừa không sánh kịp
Sức tin của chúng con
Hội nhập pháp như vậy.
Tuệ không thể nghĩ bàn
Chẳng phải chỗ chúng con
Phật tuy chẳng mệt nhọc
Mà con có chỗ thưa.
Hối lỗi cùng Thế Tôn
Xin nói đạo Bồ-đề.

-oOo-

Phẩm 2: Bốn pháp

Bấy giờ, Phạm thiên Tư Ích nói kệ xong, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tâm kiên cố, không hề mệt mỏi của Bồ-tát?

Thế nào là Bồ-tát có lời nói chắc thật không hối tiếc?

Thế nào là Bồ-tát làm tăng trưởng các căn lành?

Thế nào là Bồ-tát không còn lo sợ, oai nghi chẳng động?

Thế nào là Bồ-tát thành tựu pháp thanh tịnh?

Thế nào là Bồ-tát khéo biết từ quả vị này đến quả vị khác?

Thế nào là Bồ-tát giỏi dùng phương tiện đối với chúng sinh?

Thế nào là Bồ-tát giáo hóa tất cả muôn loài?

Thế nào là Bồ-tát đời đời không mất tâm Bồ-đề?

Thế nào là Bồ-tát có thể thực hành nhất tâm mà không hề xen tạp?

Thế nào là Bồ-tát mong cầu tất cả pháp báu?

Thế nào là Bồ-tát khéo ra khỏi tội lỗi của sự hủy hoại giới cấm?

Thế nào là Bồ-tát kheo ngăn chận, diệt trừ phiền não?

Thế nào là Bồ-tát hoàn toàn hội nhập vào đại chúng?

Thế nào là Bồ-tát biết thực hành pháp thí?

Thế nào là Bồ-tát đạt đầy đủ năng lực mà không mất thiện căn?

Thế nào là Bồ-tát không do người khác giáo hóa mà tự mình có thể thực hành sáu pháp Ba-la-mật?

Thế nào là Bồ-tát có thể chuyển bỏ thiền định để sinh lại cõi Dục?

Thế nào là Bồ-tát ở trong pháp của Phật đạt được quả vị không thoái chuyển?

Thế nào là Bồ-tát không đoạn các chủng tử của Phật?

Khi ấy, Thế Tôn khen ngợi Phạm thiên Tư Ích:

–Lành thay, lành thay! Ông đã có thể thưa hỏi Như Lai về những việc như vậy, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ.

–Bạch Thế Tôn! Chúng con muốn được nghe.

Đức Phật bảo Phạm thiên Tư Ích:

–Bồ-tát có bốn pháp thực hành để tâm được kiên cố, không hề mệt mỏi. Những gì là bốn?

1. Đối với tất cả chúng sinh phát tâm đại Bi.

2. Siêng năng không lười biếng.

3. Tin hiểu về sinh tử như mộng, như huyễn.

4. Hiểu đúng trí tuệ của Phật. Bồ-tát có bốn pháp này, thì tâm được kiên cố, không hề mệt mỏi.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp thực hành khiến cho lời nói quyết định không hối tiếc. Những gì là bốn?

1. Quyết định giảng thuyết các pháp vô ngã.

2. Quyết định giảng thuyết về chỗ ở của chúng sinh là không thể an lạc.

3. Quyết định tán thán Đại thừa.

4. Quyết định giảng thuyết về nghiệp tạo của tội phước không hề mất.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp thực hành làm tăng trưởng thiện căn. Những gì là bốn?

1. Trì giới.

2. Học rộng.

3. Bố thí.

4. Xuất gia tu tập.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp thực hành sẽ không còn lo sợ, oai nghi luôn đĩnh đạc. Những gì là bốn?

1. Bị mất lợi dưỡng.

2. Bị tiếng xấu.

3. Bị hủy nhục tác động.

4. Bị khổ não giày vò.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp thực hành giúp mình thành tựu pháp thanh tịnh. Những gì là bốn?

1. Chỉ dạy người khiến họ tin theo tội phước.

2. Bố thí mà không cầu quả báo.

3. Giữ gìn chánh pháp.

4. Dùng trí tuệ để giáo hóa người khác.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp thực hành thì khéo nhận biết từ quả vị này đến quả vị khác. Những gì là bốn?

1. Đã từ lâu xa gieo trồng thiện căn.

2. Xa lìa những lỗi lầm.

3. Khéo biết dùng phương tiện để hồi hướng.

4. Siêng năng hành hóa tinh tấn.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp thực hành thì biết rõ hết thảy các phương tiện. Những gì là bốn?

1. Thuận theo tâm ý của chúng sinh.

2. Đối với công đức của người khác phát tâm tùy hỷ.

3. Sám hối để dứt trừ những lỗi lầm.

4. Hết lòng khuyến thỉnh chư Phật.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp thực hành để khéo giáo hóa chúng sinh. Những gì là bốn?

1. Thường mong cầu cho chúng sinh được lợi ích, an lạc.

2. Từ bỏ sở thích của mình.

3. Tâm hiền hòa, nhẫn nhục.

4. Dứt trừ kiêu mạn.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp thực hành để đời đời không mất tâm Bồ-đề. Những gì là bốn?

1. Thường nhớ nghĩ về chư Phật.

2. Công đức được tạo ra đều nhằm làm tăng trưởng tâm Bồ-đề.

3. Thân cận các bậc Thiện tri thức.

4. Tán thán pháp Đại thừa.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp có thể thực hành nhất tâm mà không bị xen tạp. Những gì là bốn?

1. Xa lìa tâm của hàng Thanh văn.

2. Xa lìa tâm của hàng Bích-chi-phật.

3. Cầu pháp không nhàm chán.

4. Đã nghe pháp rồi thì vì người khác mà giảng thuyết.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp thực hành đề cầu đạt tất cả pháp báu. Những gì là bốn?

1. Ở trong các pháp sinh trưởng là quý báu, vì khó đạt được.

2. Ở trong các pháp sinh trưởng về thuốc để trị bệnh cho chúng sinh.

3. Ở trong các pháp sinh trưởng về tài lợi do không để mất.

4. Ở trong các pháp sinh trưởng về diệt nhằm dứt trừ tất cả khổ, chứng đạt Niết-bàn.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp thực hành để hoàn toàn ra khỏi tội hủy phạm giới cấm. Những gì là bốn?

1. Chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh vì các pháp không đến.

2. Đắc pháp nhẫn vô diệt vì các pháp không đi.

3. Chứng pháp nhẫn nhân duyên vì biết các pháp đều do nhân duyên sinh.

4. Đắc pháp nhẫn vô trụ vì tâm tương tục không khác. Đó là bốn.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp thực hành để khéo ngăn chận các phiền não. Những gì là bốn?

1. Ức niệm chân chánh.

2. Giữ gìn các căn.

3. Đạt được diệu lực của pháp lành.

4. Ở một mình nơi chốn vắng lặng.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp thực hành khéo đi vào nơi đại chúng. Những gì là bốn?

1. Cầu pháp không phải cầu hơn thua.

2. Tâm cung kính không kiêu mạn.

3. Chỉ cầu pháp đem lại lợi ích mà không tự phô trương.

4. Chỉ dạy cho người pháp lành mà không mong lợi lạc.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp thực hành để khéo mở bày pháp thí. Thế nào là bốn?

1. Giữ gìn các pháp.

2. Dùng trí tuệ đem lại lợi ích cho mình và người.

3. Thực hành pháp của kẻ thiện.

4. Dạy bảo cho người về chỗ uế, tịnh.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp thực hành để trước hết có được sức mạnh của nhân mà không mất thiện căn. Những gì là bốn?

1. Thấy khuyết điểm của người khác mà không cho là lỗi lầm.

2. Đối với người sân giận thường tu tâm Từ.

3. Thường thuyết các pháp về nhân duyên.

4. Thường nhớ nghĩ về nẻo giác ngộ.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp thực hành để không cho người khác giáo hóa mà tự mình có thể tu tập sáu pháp Ba-la-mật. Những gì là bốn?

1. Dùng bố thí hướng dẫn người.

2. Không nêu ra tội phá giới của kẻ khác.

3. Khéo biết thâu tóm các pháp để giáo hóa chúng sinh.

4. Hiểu rõ về các pháp sâu xa.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp thực hành, để có thể ra khỏi thiền định, sinh lại cõi Dục. Những gì là bốn?

1. Tâm hòa nhã.

2. Đạt được các căn, lực.

3. Không lìa bỏ tất cả chúng sinh.

4. Khéo tu tập về diệu lực của phương tiện trí tuệ.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp thực hành để ở trong pháp của chư Phật đạt quả vị không thoái chuyển. Những gì là bốn?

1. Thọ nhận vô lượng sinh tử.

2. Cúng dường vô lượng chư Phật.

3. Tu tập vô lượng tâm Từ.

4. Tin hiểu về trí tuệ của vô lượng Phật.

Này Phạm thiên! Bồ-tát có bốn pháp thực hành để không đoạn các chủng tử của Phật. Những gì là bốn?

1. Sở nguyện không thoái chuyển.

2. Giảng thuyết về hạnh bố về hạnh bố thí.

3. Luôn tinh tấn.

4. Dốc tâm thực hành Phật đạo. Đó là Bồ-tát có bốn pháp thực hành để không làm mất hạt giống Phật.

Khi Đức Phật giảng nói về phẩm bốn pháp này, có hai vạn hai ngàn chư vị hàng trời, người đều phát tâm Bồ-đề, cầu đạt đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, năm ngàn người chứng được pháp Nhẫn vô sinh, các vị Bồ-tát từ mười phương đến đều tung hoa trời để cúng dường Phật, vô số các hoa hiện bày đầy khắp cả tam thiên đại thiên thế giới.

-oOo-

Phẩm 3: Phân biệt

Bấy giờ, Bồ-tát Võng Minh hỏi Phạm thiên Tư Ích:

–Đức Phật khen ông là người nêu những câu hỏi đúng đắn, đứng đầu trong hàng Bồ-tát. Vậy thế nào chỗ hỏi của Bồ-tát được xem là thưa hỏi đúng đắn.

Phạm thiên nói.

–Này Bồ-tát Võng Minh! Nếu Bồ-tát dùng sự phân biệt về người, ta để hỏi thì đó là câu hỏi sai lạc, phân biệt về pháp để hỏi gọi là hỏi sai lạc. Nếu không dùng sự phân biệt về ta, người để hỏi, thì gọi là hỏi đúng. Không phân biệt về pháp để hỏi thì gọi là hỏi đúng.

Lại nữa, Bồ-tát Võng Minh! Theo chỗ sinh để hỏi thì gọi là hỏi sai, theo nẻo diệt để hỏi thì gọi là hỏi sai, dùng nẻo trụ mà hỏi gọi là hỏi sai. Nếu không theo nẻo sinh để hỏi, không theo nẻo diệt để hỏi, không theo nẻo trụ để hỏi, thì gọi là hỏi đúng.

Lại nữa, Bồ-tát Võng Minh! Nếu Bồ-tát vì cấu uế mà hỏi gọi là hỏi sai. Vì tịnh để hỏi là hỏi sai. Cho là sinh tử để hỏi là hỏi sai. Cho là ra khỏi sinh tử để hỏi là hỏi sai. Cho là Niết-bàn để hỏi là hỏi sai. Nếu không vì cấu, tịnh để hỏi, không vì sinh tử và ra khỏi sinh tử để hỏi, không cho là Niết-bàn để hỏi, gọi là hỏi đúng. Vì sao? Vì ở trong quả vị của pháp thì không cấu, không tịnh, không sinh, không tử, không Niết-bàn.

Lại nữa, Bồ-tát Võng Minh! Nếu Bồ-tát vì nhận thức để hỏi, vì đoạn trừ để hỏi, vì chứng đắc để hỏi, vì tu tập để hỏi, vì đạt được để hỏi, vì quả vị để hỏi, gọi là hỏi sai. Nếu không nhận thấy, không đoạn, không chứng, không tu, không đắc, không quả để hỏi, gọi là hỏi đúng.

Lại nữa, Bồ-tát Võng Minh! Là thiện, là chẳng phải thiện để hỏi, gọi là hỏi sai; là pháp thế gian, là pháp xuất thế gian, là pháp có tội, là pháp vô tội, là pháp hữu lậu, là pháp vô lậu, là pháp hữu vi, là pháp vô vi, các pháp đối lập như vậy tùy theo chỗ nương tựa mà hỏi, gọi là hỏi sai. Nếu không thấy có hai, cũng không thấy không hai để hỏi, gọi là hỏi đúng.

Này Bồ-tát! Phân biệt về Phật mà hỏi gọi là hỏi sai, phân biệt về pháp, phân biệt về tăng, phân biệt về chúng sinh, phân biệt về cõi Phật, phân biệt về các thừa để hỏi gọi là hỏi sai. Nếu đối với pháp không cho là một, không cho là khác mà hỏi gọi là hỏi đúng.

Lại nữa, Bồ-tát Võng Minh! Tất cả pháp là đúng, tất cả pháp là sai chăng?

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Này Phạm thiên! Thế nào là tất cả các pháp là đúng, tất cả các pháp là sai?

Phạm thiên đáp:

–Đối với tánh của các pháp là vô tâm, nên tất cả các pháp gọi là đúng. Nếu ở trong vô tâm mà dùng tâm phân biệt để quán xét thì tất cả các pháp gọi là sai. Tất cả các pháp đều xa lìa tướng gọi là đúng. Nếu không tin hiểu, thấu đạt về chỗ lìa tướng ấy tức là phân biệt về các pháp. Nếu phân biệt về các pháp tức vướng vào tăng thượng mạn, tùy theo chỗ phân biệt đều gọi là sai lạc.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Thế nào là tánh đúng của các pháp?

Phạm thiên Tư Ích trả lời:

–Các pháp xa lìa tự tánh, rời xa lãnh vực tham dục gọi là tánh đúng đắn.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Ít người có thể lãnh hội về tánh đúng như vậy chăng?

Phạm thiên nói:

–Tánh đúng đó thì chẳng một chẳng nhiều.

Này Bồ-tát Võng Minh! Nếu có hàng thiện nam, thiện nữ nào có khả năng nhận biết được tánh đáng của các pháp như thế, nếu đã biết, đang biết hoặc sẽ biết thì người ấy không có pháp đã chứng đắc, hiện tại không có pháp để chứng đắc, vị lai cũng không có pháp để chứng đắc. Vì sao? Vì Phật dạy là không có pháp để thủ đắc, tức không phân biệt, gọi là việc làm đã xong. Nếu người lãnh hội về tánh đúng của các pháp ấy, siêng năng thực

hành, tinh tấn, gọi là đúng như lời dạy mà tu tập, không từ quả vị này đến quả vị khác. Nếu không từ quả vị này đến quả vị khác, thì người ấy không ở trong sinh tử, cũng không ở trong Niết-bàn. Vì sao? Vì chư Phật không thủ đắc trong sinh tử, cũng không thủ đắc trong Niết-bàn.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Đức Phật không vì vượt qua sinh tử mà giảng nói pháp sao?

Phạm thiên nói:

–Pháp mà Đức Phật đã chỉ dạy có vượt qua sinh tử chăng?

Bồ-tát Võng Minh trả lời:

–Không!

Phạm thiên Tư Ích nói:

–Do nhân duyên này nên biết Phật chẳng phải khiến cho chúng sinh ra khỏi sinh tử, vào Niết-bàn, mà chỉ vì hóa độ người có vọng tưởng phân biệt, chấp vào tướng nhị biên nơi sinh tử và Niết-bàn. Trong đấy, thật sự không có vượt qua sinh tử, đạt đến Niết-bàn. Vì sao? Vì các pháp bình đẳng, không có đến đi, không ra khỏi sinh tử, không vào Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Phạm thiên Tư Ích:

–Lành thay, lành thay! Tánh đúng của các pháp như lời ông đã nói.

Khi giảng nói tánh của các pháp này, có hai ngàn Tỳ-kheo không còn chấp vào pháp, dứt hết các lậu, tâm được giải thoát.

Phật bảo Phạm thiên:

–Như Lai chẳng ở trong sinh tử, cũng chẳng thủ đắc Niết-bàn. Như Lai tuy nói về sinh tử nhưng thật ra không có người đến đi trong sinh tử. Tuy nói về Niết-bàn nhưng thật không có người thủ đắc Niết-bàn. Nếu có người lãnh hội được pháp môn này thì người đó chẳng phải là tướng sinh tử, chẳng phải là tướng của Niết-bàn.

Bấy giờ, trong chúng hội có năm trăm Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, thưa Phật:

–Chúng con dốc sức tu tập về phạm hạnh nay thật thấy có diệt độ, mà Đức Thế Tôn nói là không diệt độ, thì làm sao chúng con tu tập để cầu được trí tuệ của đạo?

Khi đó, Bồ-tát Võng Minh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu đối với các pháp sinh khởi kiến chấp thì người ấy không thấy Phật xuất hiện ở đời.

Bạch Thế Tôn! Nếu có người quyết định thấy được Niết-bàn thì

người ấy không thoát khỏi sinh tử. Vì sao? Vì Niết-bàn gọi là diệt trừ các tướng, xa lìa các vọng niệm, hý luận.

Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo này ở trong chánh pháp của Phật xuất gia mà nay rơi vào nẻo tà kiến của ngoại đạo, thấy tướng quyết định của Niết-bàn. Ví như từ hạt mè mà có dầu, từ sữa đặc mà có váng sữa.

Bạch Thế Tôn! Nếu có người ở trong tướng diệt của các pháp mà cầu Niết-bàn, thì con nói hạng người này đều là tăng thượng mạn.

Bạch Thế Tôn! Người thực hành đúng về đạo, thì đối với pháp không dấy khởi sinh cũng không dấy khởi diệt, không thủ đắc, cũng không chứng quả.

Bồ-tát Võng Minh bảo Phạm thiên:

–Năm trăm vị Tỳ-kheo này đã từ chỗ ngồi đứng dậy, ông nên dùng phương tiện để dẫn dắt, khiến họ hội nhập nơi pháp môn này, có được chỗ tin hiểu để xa lìa các tà kiến.

Phạm thiên trả lời:

–Thưa Đại sĩ! Cho dù trải qua hằng hà sa số kiếp cũng không thể ra khỏi pháp môn như thế. Ví như người ngu sợ hư không, liền bỏ hư không mà đi, đến nơi khác cũng không lìa khỏi hư không. Các Tỳ-kheo này cũng như vậy, tuy đã rời bỏ nhưng chẳng ra khỏi tướng không, không ra khỏi tướng vô tướng, không ra khỏi tướng vô tác. Lại như có người mong cầu nắm bắt hư không, dong ruổi khắp nơi, nói: "Ta muốn được hư không", thì tuy người ấy nói về tên gọi của hư không mà không nắm bắt được hư không, đi trong hư không mà không thấy hư không. Các Tỳ-kheo này cũng lại như vậy. Muốn cầu Niết-bàn, thực hành Niết-bàn mà không thể đạt được Niết-bàn. Vì sao? Vì Niết-bàn chỉ có tên gọi, cũng như hư không chỉ có tên gọi, không thể nắm bắt. Bấy giờ, năm trăm Tỳ-kheo lãnh hội pháp ấy, không còn chấp vào các pháp dứt hết các lậu tâm được giải thoát, đắc quả A-la-hán, liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người ở trong tướng diệt rốt ráo của các pháp mà cầu Niết-bàn, thì đối với người ấy Phật không xuất hiện ở thế gian.

Bạch Thế Tôn! Chúng con nay chẳng phải là hàng phàm phu, chẳng phải là bậc Hữu học, chẳng phải là bậc Vô học, chẳng phải ở nơi sinh tử, chẳng phải trụ vào Niết-bàn. Vì sao? Vì Phật xuất hiện ở đời, gọi là xa lìa tất cả vọng niệm, hý luận.

Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

–Này các vị đã đạt được chánh trí tức cho mình đã được lợi ích

chăng?

Năm trăm Tỳ-kheo thưa:

–Thưa Trưởng lão Xá-lợi-phất! Nay chúng con có được các phiền não nên việc không thể làm mà làm được.

Trưởng lão Xá-lợi-phất bảo:

–Sao lại nói thế?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Biết rõ về thực tướng của các phiền não nên gọi là có được các phiền não. Tánh của Niết-bàn là không tạo tác, chúng con đã chứng đắc nên nói không thể làm mà làm được.

Trưởng lão Xá-lợi-phất nói:

–Lành thay, lành thay! Chư vị hôm nay trụ nơi ruộng phước có thể từ bỏ mọi sự cúng dường.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Thế Tôn là Bậc Đại Sư, hãy còn không thể từ bỏ các sự cúng dường, huống nữa là chúng con.

Trưởng lão Xá-lợi-phất bảo:

–Sao lại nói như thế?

Các Tỳ-kheo thưa:

–Đức Thế Tôn thấy biết về tánh của các pháp là thường thanh tịnh.

Phạm thiên Tư Ích bạch Thế Tôn:

–Ai có thể thọ nhận sự cúng dường?

Phật bảo Phạm thiên:

–Đó là người không bị pháp thế gian lôi cuốn.

–Bạch Thế Tôn! Ai có thể từ bỏ sự cúng dường?

Phật bảo:

–Là người đối với các pháp không còn chấp giữ.

–Bạch Thế Tôn! Ai được xem là phước điền của thế gian?

Phật bảo:

–Là người không hủy hoại tánh Bồ-đề.

–Bạch Thế Tôn! Ai là Thiện tri thức của chúng sinh?

Phật bảo:

–Là người đối với tất cả chúng sinh không lìa bỏ tâm Từ.

–Bạch Thế Tôn! Ai là người biết báo đáp ân Phật?

Phật bảo:

–Là người không đoạn chủng tánh của Phật.

–Bạch Thế Tôn! Ai là người có thể cúng dường Phật?

Phật bảo:

–Là người có thể thông đạt về lãnh vực vô sinh.

–Bạch Thế Tôn! Ai là người có thể thân cận Phật?

Phật bảo:

–Đó là người cho dù bị mất thân mạng cũng không hủy phạm giới cấm.

–Bạch Thế Tôn! Ai là người có thể cung kính Phật?

Phật bảo:

–Đó là người khéo giữ gìn sáu căn.

–Bạch Thế Tôn! Ai là người gọi là giàu có?

Phật bảo:

–Là người thành tựu được bảy Thánh tài.

–Bạch Thế Tôn! Ai là người gọi là biết đủ?

Phật bảo:

–Là người đạt được trí tuệ xuất thế gian.

–Bạch Thế Tôn! Ai là người được gọi là xa lìa?

Phật bảo:

–Là người đối với ba cõi không có sự mong cầu.

–Bạch Thế Tôn! Ai là người được xem là đầy đủ?

Phật bảo:

–Là người có thể đoạn trừ tất cả kết sử.

–Bạch Thế Tôn! Ai là người được gọi là an vui?

Phật bảo:

–Đó là người không còn tham đắm.

–Bạch Thế Tôn! Ai là người không còn tham đắm?

Phật bảo:

–Là người thấy biết rõ về năm ấm.

–Bạch Thế Tôn! Ai là người vượt qua sông ái dục?

Phật bảo:

–Là người có thể xả bỏ sáu nhập.

–Bạch Thế Tôn! Ai là người an trú nơi bờ bên kia?

Phật bảo:

–Là người có thể biết rõ về các nẻo bình đẳng.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát có thể làm vị thí chủ?

Phật bảo:

–Bồ-tát có thể giáo hóa chúng sinh với tâm của bậc Nhất thiết trí.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát có thể phụng trì giới cấm?

Phật bảo:

–Bồ-tát thường không xả bỏ tâm Bồ-đề.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát có thể thực hành nhẫn nhục?

Phật bảo:

–Bồ-tát thấy rõ tướng của tâm niệm niệm chuyển diệt.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát có thể thực hành tinh tấn?

Phật bảo:

–Là Bồ-tát cầu tâm không thể nắm bắt.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát thực hành thiền định?

Phật bảo:

–Bồ-tát có thể dứt trừ được tướng thô của thân tâm.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát có thể thực hành trí tuệ?

Phật bảo:

–Bồ-tát đối với tất cả các pháp không sinh hý luận.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát có thể thực hành tâm Từ?

Phật bảo:

–Bồ-tát không dấy khởi tưởng về chúng sinh.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát có thể thực hành tâm bi?

Phật bảo:

–Bồ-tát không sinh tưởng về pháp.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát có thể thực hành tâm hỷ?

Phật bảo:

–Bồ-tát không sinh tưởng về ngã.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát có thể thực hành tâm xả?

Phật bảo:

–Bồ-tát không sinh tưởng về ngã sở.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát an trú ở lòng tin?

Phật bảo:

–Bồ-tát tin hiểu về pháp không cấu uế.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát an trú nơi không?

Phật bảo:

–Bồ-tát không bị lệ thuộc vào ngôn từ.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát có sự xấu hổ?

Phật bảo:

–Bồ-tát biết rõ về các pháp bên trong.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát có sự thẹn?

Phật bảo:

–Bồ-tát xả bỏ các pháp bên ngoài.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát có thể thực hành cùng khắp?

Phật bảo:

–Bồ-tát có thể làm thanh tịnh ba nghiệp thân, khẩu, ý.

Bấy giờ, Thế Tôn nói bài kệ:

Thân tịnh, không làm ác
Khẩu tịnh, nói chân thật
Tâm tịnh, thường hành từ
Là Bồ-tát hành khắp.
Hành từ không tham chấp
Quán bất tịnh, không giận
Hành xả, không si mê
Là Bồ-tát hành khắp.
Nếu ở chỗ vắng vẻ
Hoặc ở nơi đông người
Oai nghi luôn đầy đủ
Là Bồ-tát hành khắp.
Biết pháp gọi là Phật
Biết lìa gọi là Pháp
Rõ không gọi là Tăng
Là Bồ-tát hành khắp.
Biết chỗ hành nhiều dục
Biết chỗ hành sân si
Khéo chuyển đổi hành ấy
Là Bồ-tát hành khắp.

Không nương tựa cõi Dục
Không trú Sắc, Vô sắc
Hành thiền định như vậy
Là Bồ-tát hành khắp.
Tin hiểu các pháp không
Vô tướng và vô tác
Mà không dứt các lậu
Là Bồ-tát hành khắp.
Khéo biết thừa Thanh văn
Và thừa Bích-chi-phật
Thông suốt rõ Phật thừa
Là Bồ-tát hành khắp.
Hiểu rõ trong các pháp
Không nghi đạo, phi đạo
Yêu, ghét tâm không khác
Là Bồ-tát hành khắp.
Ở trong đời quá khứ
Hiện tại và vị lai
Tất cả không phân biệt
Là Bồ-tát hành khắp.

Bấy giờ, Phạm thiên Tư Ích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát vượt qua pháp thế gian, thông suốt về pháp thế gian rồi mới độ thoát chúng sinh. Đối với pháp thế gian mà hành hóa nhưng không hủy hoại thế gian?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Nói năm ấm là đời
Chỗ nương tựa thế gian
Còn lệ thuộc năm ấm
Chẳng thoát pháp thế gian.
Bồ-tát có trí tuệ
Biết thật tướng thế gian
Như ở nơi năm ấm
Không nhiễm pháp thế gian.
Được mất và khen chê
Nêu hỏi và khổ vui
Tám pháp như thế này
Thường sinh khởi thế gian.

Bồ-tát trí tuệ lớn
Diệt trừ pháp thế gian
Thấy tướng thế gian diệt
Ở đó tâm không động.
Được lợi tâm không cao
Mất lợi tâm không thấp
Tâm kiên cố, không động
Ví như núi Tu-di.
Được mất và khen chê
Nêu hỏi và khổ vui
Đối với tám pháp ấy
Tâm Bồ-đề bình đẳng.
Biết thế gian hư vọng
Đều từ điên đảo sinh
Mọi người đều như thế
Chẳng hành theo thế gian.
Đạo ở nơi thế gian
Bồ-tát đều biết rõ
Nên ở trong thế gian
Độ chúng sinh khổ não.
Tuy hành nơi thế gian
Như hoa sen không nhiễm
Cũng không hủy hoại đời
Vì thấu rõ tánh pháp.
Thế gian hành thế gian
Chẳng biết là thế gian
Bồ-tát hành ở đời
Hiểu rõ tướng thế gian.
Thế gian tướng hư không
Hư không cũng không tướng
Bồ-tát biết như vậy
Không nhiễm nơi trần thế.
Như chỗ biết thế gian
Tùy theo đấy giảng nói
Biết tánh của thế gian
Không hủy hoại thế gian.
Năm ấm không tự tánh
Tức là tánh thế gian

Nếu người không biết vậy
Luôn chấp vào thế gian.
Nếu thấy biết năm ấm
Không sinh cũng không diệt
Người ấy hành thế gian
Không lệ thuộc thế gian.
Phàm phu không biết pháp
Ở đời sinh tranh cãi
Là thật, chẳng phải thật
Trú trong hai tướng này.
Ta chẳng cùng thế gian
Sinh khởi việc tranh chấp
Thật tướng của thế gian
Tất cả đều biết rõ.
Chư Phật đã thuyết pháp
Thảy đều dứt tranh chấp
Pháp thế gian bình đẳng
Chẳng thật, chẳng hư vọng.
Nếu quyết cho pháp Phật
Có thật, có hư vọng
Đó tức là tham vướng
Không khác gì ngoại đạo.
Nay nghĩa thực các pháp
Không thật, không hư vọng
Cho nên ta thường nói
Pháp xuất thế không hai.
Nếu nhận biết thế gian
Thật tánh là như vậy
Nơi thật nơi hư vọng
Không chấp lấy ác kiến.
Biết thế gian như thế
Thanh tịnh như hư không
Là bậc đại danh xưng
Mặt trời soi thế gian.
Nếu người thấy thế gian
Như chỗ thấy của ta
Tất cả các người ấy
Thấy được mười phương Phật.

Các pháp từ duyên sinh
Không có tánh cố định
Nếu rõ nhân duyên này
Tức đạt thật tánh pháp.
Nếu biết thật tướng pháp
Đó là biết tướng không
Nếu biết được tướng không
Tức biết vị dẫn đường.
Nếu có người được nghe
Tướng thế gian như vậy
Tuy hành ở thế gian
Mà không vướng thế tục.
Nương tựa các kiến chấp
Không thể thấu việc này
Làm sao hành thế gian
Mà không vướng thế gian?
Sau khi Phật diệt độ
Có người thích pháp này
Phật đối với người ấy
Thường thị hiện Pháp thân.
Người hiểu rõ như thế
Tức giữ gìn pháp ta
Cũng là cúng dường ta
Cũng là thầy thế gian.
Người nghe trong chốc lát
Tánh thế gian như thế
Người này trọn không bị
Ma ác sai khiến được.
Nếu rõ được nghĩa ấy
Là bậc trí tuệ lớn
Thí chủ của pháp tài
Cũng đầy đủ giới cấm.
Nếu biết đời như vậy
Sức nhẫn nhục mạnh mẽ
Đầy đủ các thiền định
Thông suốt mọi trí tuệ.
Được nghe các pháp này
Nơi đó tức có Phật

Các Bồ-tát như thế
Không lâu ngồi đạo tràng.
Nếu có nhiều ưa thích
Pháp thế gian như thế
Hàng phục các thứ ma
Mau chứng đạo Vô thượng.

-oOo-

Phẩm 4: Hiểu rõ các pháp (Phần 1)

Phật lại bảo Phạm thiên Tư Ích:

–Như Lai vượt khỏi thế gian cũng thuyết giảng về khổ, tập, diệt, đạo của thế gian.

Này Phạm thiên! Năm ấm gọi là khổ của thế gian, tham đắm vào năm ấm gọi là tập của thế gian. Năm ấm diệt gọi là diệt của thế gian. Dùng pháp không hai để cầu đạt về năm ấm gọi là diệt đạo của thế gian.

Này Phạm thiên! Nói về năm ấm chỉ là ngôn từ, ở trong đó giữ lấy tướng phân biệt, sinh kiến chấp, gọi là Khổ của thế gian. Không xả bỏ kiến chấp ấy gọi là Tập của thế gian. Thấy được tự tướng của kiến chấp ấy gọi là Diệt của thế gian. Tùy theo chỗ dùng con đường nào mà không giữ lấy kiến chấp ấy gọi là Diệt đạo của thế gian.

Này Phạm thiên! Do nhân duyên này, nên ta đã từng vì hàng Tiên nhân ngoại đạo mà giảng thuyết: Này Tiên nhân, trong thân của ông, ta đã nói có đủ khổ, tập, diệt, đạo của thế gian.

Khi ấy, Phạm thiên Tư Ích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn Thánh đế đã giảng nói, những gì là Thánh đế đích thật?

–Này Phạm thiên! Khổ chẳng gọi là Thánh đế, khổ tập chẳng gọi là Thánh đế, khổ diệt chẳng gọi là Thánh đế, khổ diệt đạo chẳng gọi là Thánh đế. Vì sao? Vì nếu khổ là Thánh đế thì tất cả những loài súc sinh như bò, lừa... đều phải có Khổ thánh đế. Nếu tập là Thánh đế thì tất cả chúng sinh được sinh ra ở chỗ nào đều phải có Tập thánh đế. Vì sao? Vì do tập cho nên sinh ra trong các đường. Nếu khổ diệt là Thánh đế thì quan sát diệt, nói về đoạn diệt đều phải có Diệt thánh đế. Nếu đạo là Thánh đế thì dựa vào tất cả pháp hữu vi đều phải có Đạo thánh đế.

Này Phạm thiên! Do nhân duyên này, ông nên biết Thánh đế chẳng phải là khổ, tập, diệt, đạo. Gọi Thánh đế là nhận biết về khổ không sinh, đó

là Khổ thánh đế. Biết về tập không hòa hợp, đó là Tập thánh đế. Ở trong pháp diệt hoàn toàn, nhận biết là không sinh, không diệt, đó là Diệt thánh đế. Đối với tất cả các pháp đều bình đẳng, dùng pháp không hai mà chứng đắc đạo, đó là Đạo thánh đế.

Này Phạm thiên! Thánh đế đích thực là không hư vọng, hư vọng là chấp vào ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, chấp vào sự nuôi dưỡng, chấp có, chấp không, chấp sinh, chấp diệt, chấp sinh tử, chấp Niết-bàn.

Này Phạm thiên! Nếu hành giả cho rằng: Ta thấy biết về khổ là hư vọng, ta đoạn được tập là hư vọng, ta chứng được diệt là hư vọng, ta tu được đạo là hư vọng. Vì sao? Vì người ấy đã bỏ mất sự hộ niệm của chư Phật, do đó gọi là hư vọng. Thế nào là được chư Phật hộ niệm? Đó là không nhớ nghĩ về tất cả các pháp. Nếu hành giả trụ trong niệm ấy thì không trụ trong tất cả tướng. Nếu không trụ trong tất cả tướng thì trụ nơi thật tế. Nếu trụ nơi thật tế gọi là chẳng trụ nơi tâm. Nếu chẳng trụ nơi tâm, người ấy gọi là người nói lời chân thật, chẳng phải nói lời dối vọng.

Này Phạm thiên! Như vậy ông nên biết, nếu chẳng phải là Phật, chẳng phải là hư vọng thì gọi là Thánh đế.

Này Phạm thiên! Thật là hoàn toàn chân thật, nếu có Phật hay không có Phật thì pháp tánh vẫn thường trụ, nghĩa là tánh của sinh tử, tánh của Niết-bàn thường chân thật. Vì sao? Vì chẳng phải lìa sinh tử mà đạt được Niết-bàn nên gọi là Thánh đế. Nếu người chứng đạt bốn Thánh đế như vậy thì gọi là lời nói chân thật của thế gian.

Này Phạm thiên! Ở đời vị lai, có Tỳ-kheo không tu thân, giới, tâm, trí tuệ, người ấy nói tướng sinh tử là khổ đế, các duyên hòa hợp là tập đế, nói pháp diệt là diệt đế, dùng hai pháp để cầu tướng là đạo đế, cho đó là Phật nói, thì Như Lai bảo rằng đó là kẻ ngu si, thuộc về bè đảng của ngoại đạo, Như Lai chẳng phải là thầy của người ấy. Người ấy chẳng phải là đệ tử của ta, đã rơi vào tà đạo, bỏ mất chánh pháp, nên nói là hữu đế.

Này Phạm thiên! Ông xem khi ta an tọa nơi đạo tràng không chứng đắc một pháp nào là thật hay hư vọng. Nếu ta không chứng đắc pháp thì có pháp nào để ở trong chúng hội có thể đem ra luận bàn, thuyết giảng, giáo hóa chăng?

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn, không!

–Này Phạm thiên! Vì các pháp không thủ đắc, nên các pháp lìa tự tánh. Và sự giác ngộ của Như Lai là tướng không tham ái.

Bấy giờ, Phạm thiên Tư Ích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Như Lai đối với pháp không thủ đắc thì có lợi ích gì để nói Như Lai đã chứng đắc Bồ-đề, gọi là Phật.

Phật bảo:

–Này Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao, về chỗ thuyết pháp của Như Lai, hoặc hữu vi hoặc vô vi, pháp ấy là chân thật hay là hư vọng?

Phạm thiên thưa:

–Pháp ấy là hư vọng, chẳng phải là thật.

Phật bảo:

–Này Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Nếu pháp là hư vọng, không thật thì pháp đó là có hay là không?

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu pháp là hư vọng, thì pháp đó chẳng nên nói là có, cũng chẳng nên nói là không.

Phật hỏi:

–Này Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Nếu pháp chẳng phải là có, chẳng phải là không thì pháp ấy có thể chứng đắc chăng?

Phạm thiên đáp:

–Không có người chứng đắc.

Phật bảo:

–Này Phạm thiên! Khi Như Lai an tọa nơi đạo tràng chỉ chứng đắc tánh không một cách trọn vẹn của phiền não phát khởi từ điên đảo, hư vọng. Dùng vô sở đắc để chứng đắc, do vô sở tri cho nên nhận biết. Vì sao? Vì pháp của ta chứng đắc không thể thấy, không thể nghe, không thể biết, không thể hiểu, không thể giữ lấy, không thể chấp trước, không thể nêu bày, không thể vấn nạn, vượt quá tất cả pháp tướng, không ngôn ngữ, không lời nói, không văn tự, cũng không có đạo để thuyết giảng.

Này Phạm thiên! Pháp ấy như vậy cũng như hư không, ông muốn ở nơi pháp như thế mà đạt được lợi ích chăng?

Phạm thiên nói:

–Thưa không, bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai thật là hy hữu, đã thành tựu pháp chưa từng có, hội nhập sâu xa nơi đại Từ, đại Bi, chứng được pháp với tướng tịch diệt như vậy, rồi dùng văn tự, ngôn ngữ dạy bảo cho người khác chứng đắc.

Bạch Thế Tôn! Nếu có người nghe pháp này mà có thể tin hiểu, nên biết người ấy không phải từ nơi công đức kém cõi mà đến.

Bạch Thế Tôn! Pháp ấy đối với tất cả thế gian đều là khó tin. Vì sao? Vì thế gian chấp vào thật có mà pháp ấy thì không thật, không giả dối. Thế gian tham chấp mà pháp ấy thì không phải pháp cũng không phải phi pháp. Thế gian chấp vào Niết-bàn mà pháp ấy thì không sinh tử, không Niết-bàn. Thế gian chấp vào pháp thiện mà pháp ấy thì không thiện cũng không phi thiện. Thế gian tham chấp vào pháp vui mà pháp ấy thì không khổ, không vui. Thế gian tham chấp vào Phật xuất hiện ở đời mà pháp ấy thì không có Phật ra đời, cũng không có Niết-bàn, tuy có thuyết pháp mà pháp ấy không có tướng để thuyết giảng, tuy có tán thán chỗ nói về Tăng mà Tăng tức là vô vi. Vì thế pháp ấy đối với tất cả thế gian là khó tin nhận.

Ví như trong nước hiện ra lửa, trong lửa hiện ra nước, khó có thể tin được. Như vậy trong phiền não có Bồ-đề, trong Bồ-đề có phiền não cũng là khó tin. Vì sao? Vì Như Lai đã đạt được tánh của phiền não hư vọng ấy, nên không có pháp nào là không chứng đắc. Pháp đã thuyết giảng cũng không có hình tướng, tuy có chỗ nhận biết cũng không phân biệt, tuy chứng đắc Niết-bàn mà cũng không diệt độ.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào có thể tin hiểu về nghĩa lý của pháp này, thì nên biết người ấy đã thoát khỏi các thứ kiến chấp.

Nên biết người ấy đã gần gũi với vô lượng chư Phật.

Nên biết người ấy đã từng cúng dường vô lượng chư Phật.

Nên biết người ấy được sự hộ niệm của bậc Thiện tri thức.

Nên biết người ấy ý chí rộng lớn.

Nên biết người ấy thiện căn sâu dày.

Nên biết người ấy đã giữ gìn tạng pháp của chư Phật.

Nên biết người ấy khéo tư duy để phát khởi nghiệp thiện.

Nên biết người ấy thuộc chủng tánh tôn quý, sinh vào nhà của Như Lai.

Nên biết người ấy thực hành đại xả, xả bỏ các thứ phiền não.

Nên biết người ấy đạt được diệu lực của việc trì giới, chẳng phải là sức mạnh của phiền não.

Nên biết người ấy đạt được diệu lực của nhẫn nhục, chẳng phải là sức mạnh hủy hoại của sân giận.

Nên biết người ấy đạt được diệu lực của tinh tấn, không còn biếng nhác.

Nên biết người ấy đạt được diệu lực của thiền định, dứt trừ các tâm xấu ác.

Nên biết người ấy đạt được diệu lực của trí tuệ, xa lìa mọi thứ tà kiến, ác kiến.

Nên biết người ấy không còn bị tất cả ma ác quấy nhiễu.

Nên biết người ấy không bị tất cả giặc oán phá hoại.

Nên biết người ấy không dối gạt thế gian.

Nên biết người ấy là người nói lời chân thật, khéo thuyết giảng về tướng của các pháp.

Nên biết người ấy là người nói lời chắc thật, khéo nêu giảng về đệ nhất nghĩa.

Nên biết người ấy luôn được chư Phật hộ niệm.

Nên biết người ấy luôn dịu dàng, hòa nhã, thể hiện mọi sự an lạc.

Nên biết người ấy gọi là bậc giàu sang có đủ Thánh tài.

Nên biết người ấy thường hay tri túc, thực hành để phát huy chủng tánh của Phật.

Nên biết người ấy dễ được đầy đủ, dễ nuôi dưỡng vì lìa mọi tham chấp.

Nên biết người ấy tâm được an ổn đến bờ bên kia.

Nên biết người ấy đã hóa độ người chưa được hóa độ.

Nên biết người ấy đã giảng giải cho người chưa hiểu biết.

Nên biết người ấy tạo mọi an lạc cho người chưa được an lạc.

Nên biết người ấy đã đem pháp tịch diệt chỉ dạy cho người chưa tịch diệt.

Nên biết người ấy có thể chỉ bày chánh đạo.

Nên biết người ấy có thể thuyết giảng về pháp giải thoát.

Nên biết người ấy là bậc Đại y vương, biết rõ tất cả các loại thuốc.

Nên biết người ấy giống như phương thuốc hay, giỏi điều trị các bệnh tật.

Nên biết người ấy có trí tuệ vững chắc.

Nên biết người ấy có diệu lực hoàn toàn kiên cố.

Nên biết người ấy có sức mạnh của tinh tấn, không tùy thuộc nơi lời chỉ dẫn của người khác.

Nên biết người ấy giống như sư tử, không hề sợ hãi.

Nên biết người ấy giống như voi chúa, tâm được điều phục.

Nên biết người ấy như voi từng trải tâm đã tùy thuận.

Nên biết người ấy như bò chúa có thể dẫn dắt đàn bò của mình.

Nên biết người ấy là bậc đạt được sức mạnh lớn, có thể phá trừ ma oán.

Nên biết người ấy là bậc Đại trượng phu, ở nơi đông đảo không hề sợ hãi.

Nên biết người ấy không sợ hoạn nạn, vì được pháp vô úy.

Nên biết người ấy không còn sợ nguy hiểm, thuyết giảng pháp chân đế.

Nên biết người ấy có đủ pháp bạch tịnh, như mặt trăng tròn đầy.

Nên biết người ấy đạt trí tuệ chiếu sáng như ánh mặt trời.

Nên biết người ấy trừ bỏ mọi tối tăm như người cầm đuốc sáng.

Nên biết người ấy thích thực hành tâm xả, xa lìa sự yêu ghét.

Nên biết người ấy nuôi dưỡng chúng sinh như đại địa.

Nên biết người ấy rửa sạch mọi thứ bụi bặm cấu uế, giống như nước.

Nên biết người ấy giống như lửa đốt cháy mọi động niệm.

Nên biết người ấy đối với pháp không bị chướng ngại cũng như gió thổi.

Nên biết người ấy tâm không lay động như núi Tu-di.

Nên biết người ấy tâm luôn kiên cố như núi Kim cang.

Nên biết người ấy tranh luận với ngoại đạo không gì có thể làm cho dao động.

Nên biết người ấy đối với hàng Thanh văn, Bích-chi-phật đều không thể sánh kịp.

Nên biết người ấy được nhiều pháp chân thật giống như biển lớn.

Nên biết người ấy phiền não không thể hiện bày như Ba-đà-la.

Nên biết người ấy cầu pháp không hề nhàm chán.

Nên biết người ấy dùng trí tuệ để biết đủ.

Nên biết người ấy có thể chuyển pháp luân như chuyển luân vương.

Nên biết người ấy sắc thân tốt đẹp như trời Đế Thích.

Nên biết người ấy tâm được tự tại như vua Phạm thiên.

Nên biết người ấy âm thanh thuyết pháp như tiếng sấm động.

Nên biết người ấy rưới pháp cam lộ giống như mưa tuôn.

Nên biết người ấy có thể tăng trưởng các pháp giác phần, căn, lực vô lậu.

Nên biết người ấy vượt qua cõi bùn nhơ sinh tử.

Nên biết người ấy đã hội nhập nơi trí tuệ của Phật.

Nên biết người ấy đã gần với chỗ giác ngộ của Phật.

Nên biết người ấy có thể học rộng biết nhiều không ai sánh bằng.

Nên biết người ấy không thể lường tính, do đã vượt quá số lượng.

Nên biết người ấy trí tuệ biện tài không có chướng ngại.

Nên biết người ấy đạt sự ức niệm kiên cố, được Đà-la-ni.

Nên biết người ấy biết được tâm hành sâu xa của chúng sinh.

Nên biết người ấy đạt được diệu lực của trí tuệ để quán xét đúng các pháp, thấu đạt nghĩa lý sâu xa.

Nên biết người ấy luôn chuyên cần tinh tấn, đem lại lợi ích an lạc cho thế gian.

Nên biết người ấy đã vượt khỏi thế gian.

Nên biết người ấy không hề bị cấu nhiễm như hoa sen.

Nên biết người ấy không bị pháp thế gian ngăn che.

Nên biết người ấy luôn được hàng lợi căn ưa thích.

Nên biết người ấy được bậc học rộng tôn kính.

Nên biết người ấy luôn được các bậc trí nhớ nghĩ đến.

Nên biết người ấy được hàng trời, người cúng dường.

Nên biết người ấy được người tọa thiền cung kính, đảnh lễ.

Nên biết người ấy được các bậc Hiền thiện quý trọng.

Nên biết người ấy được hàng Thanh văn, Bích-chi-phật hâm mộ.

Nên biết người ấy không ưa hạnh nhỏ.

Nên biết người ấy không che giấu tội, cũng không phô bày công đức.

Nên biết người ấy oai nghi luôn đầy đủ, làm cho người khác sinh tâm thanh tịnh.

Nên biết người ấy sắc thân đoan nghiêm, khiến mọi người đều ưa thích.

Nên biết người ấy có oai đức lớn được mọi người kính ngưỡng.

Nên biết người ấy dùng ba mươi hai tướng để trang nghiêm thân mình.

Nên biết người ấy có thể tiếp nối hạt giống Phật.

Nên biết người ấy có thể hộ trì Pháp bảo.

Nên biết người ấy có thể cúng dường chúng Tăng.

Nên biết người ấy được thấy chư Phật.

Nên biết người ấy chứng đắc pháp nhẫn.

Nên biết người ấy do đạt trí tuệ của Phật mà được thọ ký.

Nên biết người ấy đầy đủ ba nhẫn.

Nên biết người ấy được an trụ nơi đạo tràng.

Nên biết người ấy phá trừ được quân ma.

Nên biết người ấy chứng đắc nhất thiết chủng trí.

Nên biết người ấy chuyển được pháp luân.

Nên biết người ấy đã thực hành rất nhiều Phật sự.

Nếu người tin hiểu về nghĩa của pháp như vậy thì không sợ, không nghi, không lo, đạt được công đức như thế thì người ấy ở nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật, hết sức sâu xa, khó hiểu, khó tin, khó biết, khó hội nhập mà có thể tin tưởng thọ nhận, hành trì, đọc tụng, lãnh hội thông suốt, vì người mà giảng thuyết rộng khắp, theo đúng như lời nói để tu tập, cũng giáo hóa cho người khác tu tập như lời Phật dạy, đối với người như vậy, Như Lai dùng một kiếp hay ít hơn một kiếp để thuyết giảng về công đức của họ cũng không cùng tận.

-oOo-

KINH TƯ ÍCH PHẠM THIÊN SỞ VẤN

QUYỂN 2

Phẩm 4: Hiểu rõ các pháp (Phần 2)

Phật bảo Phạm thiên:

–Làm sao ông có thể nêu bày công đức của người ấy cũng như Như Lai dùng trí tuệ vô ngại để nhận biết? Công đức của người ấy có được còn hơn như vậy. Nếu người có thể đối với văn tự, ngôn ngữ, câu chữ của Như Lai đã giảng thuyết mà thông đạt, tùy thuận không trái nghịch, hòa hợp thành một, tùy theo nghĩa lý mà không tùy theo lời lẽ, văn tự để biết rõ về tướng thích ứng của ngôn từ, biết Như Lai dùng ngôn ngữ gì để thuyết pháp, tùy theo nghi thức nào để thuyết pháp, dùng phương tiện gì để thuyết pháp, dùng pháp môn nào để thuyết pháp, dùng tâm đại Bi ra sao để thuyết pháp.

Này Phạm thiên! Nếu Bồ-tát có thể biết rõ Như Lai dùng năm lực để thuyết giảng thì Bồ-tát ấy có thể thực hành các Phật sự.

Phạm thiên thưa:

–Năm lực được Như Lai sử dụng là gì?

Đức Phật bảo:

1. Ngôn thuyết.

2. Tùy nghi.

3. Phương tiện.

4. Pháp môn.

5. Đại Bi.

Đó là năm lực được Như Lai sử dụng, mà tất cả hàng Thanh văn, Bích-chi-phật không thể đạt tới.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là ngôn thuyết?

Đức Phật bảo:

–Này Phạm thiên! Như Lai thuyết giảng về pháp quá khứ, pháp hiện tại, pháp vị lai, pháp cấu, pháp tịnh, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp

có tội, pháp không có tội, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, pháp chứng đắc, pháp sinh tử, pháp Niết-bàn. Phạm thiên nên biết! Đó là những thứ ngôn thuyết. Giống như lời nói của người huyễn hóa không chắc chắn, lời nói trong mộng giả dối, lời nói như tiếng vang từ hư không phát ra, lời nói như ảnh do các duyên hợp thành, lời nói như bóng trong gương nhưng vật không thể vào gương; lời nói như dợn nắng, do nhận thức điên đảo; lời nói như hư không, không sinh diệt. Nên biết, lời nói ấy là không có đối tượng để nói, tướng của các pháp không thể nêu bày.

Này Phạm thiên! Nếu Bồ-tát có thể biết những ngôn thuyết như thế, thì tuy có tất cả ngôn thuyết mà đối với các pháp không tham chấp, do không tham chấp nên được biện tài vô ngại, dùng biện tài vô ngại này mà trải qua hằng hà sa số kiếp thuyết pháp không cùng tận, không ngăn ngại. Mọi ngôn thuyết sử dụng không hủy hoại pháp tánh, cũng không vướng chấp nơi pháp tánh.

Này Phạm thiên! Đó gọi là ngôn thuyết của Như Lai.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tùy nghi?

Đức Phật dạy:

–Như Lai đối với pháp cấu thì thuyết giảng về phần tịnh, đối với pháp tịnh thì thuyết giảng về phần cấu. Bồ-tát nên biết, Như Lai đã tùy nghi thuyết pháp như vậy.

Này Phạm thiên! Thế nào là pháp cấu mà thuyết giảng về phần tịnh? Vì chúng sinh không hiểu được tánh của các pháp là không hề cấu nhiễm. Thế nào là pháp tịnh mà thuyết giảng về phần cấu? Là giảng về phần tham chấp vào pháp tịnh.

Này Phạm thiên! Ta nói bố thí tức là Niết-bàn. Hàng phàm phu không trí tuệ không thể hiểu rõ về chỗ tùy nghi thuyết pháp. Bồ-tát nên suy nghĩ như vầy: Bố thí về sau sẽ được phước đức giàu sang. Ở trong đó không có pháp để có thể thủ đắc, vì chúng luôn luôn chuyển biến từ niệm này đến niệm khác. Nếu chẳng từ niệm này đến niệm khác tức là thật tướng của các pháp, thật tướng của các pháp tức là Niết-bàn. Trì giới là Niết-bàn vì không tạo tác, không sinh khởi. Nhẫn nhục là Niết-bàn, vì niệm niệm liền diệt. Tinh tấn là Niết-bàn, vì không có đối tượng được chấp giữ. Thiền định là Niết-bàn, vì không tham vướng nơi thiền vị. Trí tuệ là Niết-bàn vì không chấp tướng. Tham dục là thật tế, vì tánh của các pháp là không tham. Sân giận là thật tế, vì tánh của các pháp là không sân giận. Ngu si là thật tế, vì

tánh của các pháp là không si. Sinh tử là Niết-bàn, vì không thoái chuyển, không sinh khởi. Niết-bàn là sinh tử, vì do có tham chấp. Lời nói thật là hư vọng, vì phát sinh kiến chấp nơi ngôn ngữ. Hư vọng là thật ngữ, vì đó là kẻ tăng thượng mạn.

Lại nữa, này Phạm thiên! Như Lai vì tùy nghi nên hoặc tự nêu: Ta giảng nói về thường kiến, hoặc tự nêu: Ta giảng nói về đoạn kiến, hoặc tự nêu: Ta giảng nói về vô tác, hoặc tự nêu: Ta giảng nói về tà kiến, hoặc tự nêu: Ta giảng nói về bất tín, hoặc tự nêu: Ta giảng nói về chỗ không biết báo ân, hoặc tự nêu: Ta giảng nói về chỗ không dung nạp, hoặc tự nêu: Ta giảng nói về chỗ không thọ nhận. Như Lai thật sự không có các sự việc như vậy, nên biết đó là tùy nghi thích hợp để thuyết giảng pháp của Như Lai, nhằm khiến cho chúng sinh xả bỏ tăng thượng mạn. Nếu Bồ-tát khéo thông đạt về chỗ tùy nghi thuyết pháp của Như Lai, hoặc nghe Phật ra đời liền tin tưởng, thọ trì, chỉ dạy cho chúng sinh về quả báo của thân do nghiệp thiện. Hoặc nghe Phật không ra đời cũng tin tưởng thọ trì vì biết đó là thân pháp tánh của chư Phật. Hoặc nghe Phật thuyết pháp cũng tin tưởng thọ trì, vì ưa thích văn tự nơi chúng sinh. Hoặc nghe Phật không thuyết pháp cũng tin tưởng thọ trì, vì biết tánh của các pháp là không thể thuyết giảng. Hoặc nghe có Niết-bàn cũng tin tưởng thọ trì, vì diệt trừ mọi điên đảo do phiền não sinh ra. Hoặc nghe không có Niết-bàn cũng tin tưởng thọ trì vì các pháp không có tướng sinh diệt. Hoặc nghe có chúng sinh cũng tin tưởng thọ trì, vì hội nhập nơi lãnh vực thế đế. Hoặc nghe không có chúng sinh cũng tin tưởng thọ trì, vì hội nhập vào lãnh vực Đệ nhất nghĩa đế.

Này Phạm thiên! Bồ-tát khéo biết về chỗ tùy nghi thuyết pháp của Như Lai như vậy, đối với mọi âm thanh không còn nghi ngờ, không còn lo sợ, cũng có thể tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là phương tiện?

Đức Phật dạy:

–Như Lai vì chúng sinh mà thuyết giảng về bố thí sẽ đạt được phước đức giàu sang, thuyết giảng về trì giới được sinh nơi cõi trời, thuyết giảng về nhẫn nhục được thân tướng đoan nghiêm, thuyết giảng về tinh tấn được đầy đủ công đức, thuyết giảng về thiền định được pháp hỷ, thuyết giảng về trí tuệ tất xả bỏ được các phiền não, thuyết giảng về học rộng đạt được trí tuệ; thuyết giảng về việc thực hành mười điều thiện đạt được phước báo an lạc nơi cõi trời, người; thuyết giảng về Từ, Bi, Hỷ, Xả được sinh vào cõi Phạm thiên; thuyết giảng về thiền định đạt được trí tuệ như thật, có được

trí tuệ như thật thì chứng đắc đạo quả; thuyết giảng về bậc Hữu học thì đạt được bậc Vô học, thuyết giảng về quả vị Bích-chi-phật thì được các sự cúng dường, thuyết giảng về quả vị Phật thì có được trí tuệ vô lượng, thuyết giảng về Niết-bàn thì diệt trừ được tất cả khổ não.

Này Phạm thiên! Như Lai dùng phương tiện như vậy để thuyết giảng cho chúng sinh. Như Lai thật không chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, cũng không thủ đắc về bố thí, cũng không thủ đắc về keo kiệt, không chấp trì giới cũng không chấp phá giới, không chấp nhẫn nhục cũng không chấp sân giận, không chấp tinh tấn cũng không chấp lười biếng, không chấp thiền định cũng không chấp tâm tán loạn, không chấp trí tuệ cũng không chấp quả vị của trí tuệ, không chấp Bồ-đề cũng không chấp Niết-bàn, không chấp khổ cũng không chấp vui.

Này Phạm thiên! Nếu chúng sinh nào nghe pháp này mà chuyên cần thực hành tinh tấn thì người ấy đạt được lợi ích gì? Nếu siêng năng thực hành tinh tấn mà không chấp vào các pháp ấy, hoặc chấp nơi quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến Niết-bàn Vô dư cũng không chấp, không thủ đắc.

Này Phạm thiên! Đó gọi là phương tiện thuyết pháp của Như Lai. Bồ-tát đối với phương tiện thuyết pháp này, nên siêng năng tinh tấn khiến các chúng sinh đối với pháp ấy đạt được nhiều lợi ích.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là pháp môn của Như Lai?

Đức Phật dạy:

–Mắt là môn giải thoát, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là môn giải thoát. Vì sao? Vì mắt là không, không ngã, không ngã sở, tánh của nó là như nhiên. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng là không, không ngã, không ngã sở, tánh của chúng cũng là như nhiên.

Này Phạm thiên! Nên biết các nhập đều nhập vào môn giải thoát này, thực hành chân chánh thì không hư dối. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng lại như vậy, tất cả các pháp đều nhập vào pháp môn này. Đó là pháp môn không, vô tướng, vô tác, pháp môn không sinh, pháp môn không diệt, pháp môn không từ đâu đến, pháp môn không đi về đâu, pháp môn không thoái chuyển, pháp môn không dấy khởi, pháp môn tánh thường thanh tịnh, pháp môn xa lìa tự thể.

Này Phạm thiên! Như Lai ở nơi tất cả các thứ văn tự đã chỉ bày pháp môn giải thoát. Vì sao? Vì các thứ văn tự ngôn ngữ không hòa hợp, không

ứng dụng, tánh vốn sâu kín.

Này Phạm thiên! Nên biết Như Lai ở nơi tất cả các thứ văn tự đã giảng thuyết về bốn Thánh đế về pháp môn giải thoát. Như Lai đã thuyết giảng pháp không có cấu uế, tất cả các pháp đều hội nhập nơi giải thoát, khiến an trụ vào Niết-bàn. Đó gọi là sự thuyết pháp của Như Lai hội nhập nơi pháp môn. Bồ-tát đối với pháp môn này cần phải tu học.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là đại Bi?

Đức Phật dạy:

–Như Lai dùng ba mươi hai thứ đại Bi để cứu độ chúng sinh. Những gì là ba mươi hai?

1. Tất cả các pháp là vô ngã mà chúng sinh không tin không hiểu cho là có thật ngã. Như Lai đối với điều ấy nên dấy khởi đại Bi.

2. Tất cả các pháp là không chúng sinh, mà chúng sinh cho là có chúng sinh. Như Lai đối với điều ấy nên dấy khởi đại Bi.

3. Tất cả các pháp là không thọ mạng mà chúng sinh cho là có thọ mạng. Như Lai đối với điều ấy nên dấy khởi đại Bi.

4. Tất cả các pháp là không có người, mà chúng sinh cho rằng có người. Như Lai đối với điều ấy nên phát khởi đại Bi.

5. Tất cả các pháp là không thật có, mà chúng sinh cho là thật có. Như Lai đối với điều ấy nên phát khởi đại Bi.

6. Tất cả các pháp là vô trụ, mà chúng sinh cho rằng có trụ. Như Lai đối với điều ấy nên phát khởi đại Bi.

7. Tất cả các pháp là không có nơi quay về, mà chúng sinh ưa thích có chỗ quay về. Như Lai đối với điều ấy nên phát khởi đại Bi.

8. Tất cả các pháp là không có ngã sở, mà chúng sinh chấp có ngã sở. Như Lai đối với điều ấy nên phát khởi đại Bi.

9. Tất cả các pháp là không có ràng buộc, mà chúng sinh cho là có ràng buộc. Như Lai đối với điều ấy nên phát khởi đại Bi.

10. Tất cả các pháp là không có chấp giữ về tướng, mà chúng sinh cho rằng có chấp giữ lấy tướng. Như Lai đối với điều ấy nên dấy khởi đại Bi.

11. Tất cả các pháp là không sinh, mà chúng sinh cho rằng có sinh. Như Lai đối với điều ấy nên dấy khởi đại Bi.

12. Tất cả các pháp là không sinh trở lại, mà chúng sinh cho là có sinh trở lại. Như Lai đối với điều ấy nên dấy khởi đại Bi.

13. Tất cả các pháp là không cấu uế, mà chúng sinh cho rằng có cấu uế. Như Lai đối với điều ấy nên dấy khởi đại Bi.

14. Tất cả các pháp là xa lìa nhiễm ô, mà chúng sinh cho rằng có nhiễm ô. Như Lai đối với điều ấy nên phát khởi đại Bi.

15. Tất cả các pháp là xa lìa giận dữ, mà chúng sinh cho rằng có giận dữ. Như Lai đối với điều ấy nên dấy khởi đại Bi.

16. Tất cả các pháp là xa lìa ngu si, mà chúng sinh cho rằng có ngu si. Như Lai đối với điều ấy nên phát khởi đại Bi.

17. Tất cả các pháp là không từ đâu đến, mà chúng sinh cho rằng có nơi để đến. Như Lai đối với điều ấy nên dấy khởi đại Bi.

18. Tất cả các pháp là không đi về đâu, mà chúng sinh cho rằng có chỗ để về. Như Lai đối với điều ấy nên dấy khởi đại Bi.

19. Tất cả các pháp là không sinh khởi mà chúng sinh cho rằng có sinh khởi. Như Lai đối với điều ấy nên dấy khởi đại Bi.

20. Tất cả các pháp là không hý luận, mà chúng sinh cho rằng có hý luận. Như Lai đối với điều ấy nên phát khởi đại Bi.

21. Tất cả các pháp là không, mà chúng sinh cho rằng có. Như Lai đối với điều ấy nên phát khởi đại Bi.

22. Tất cả các pháp là vô tướng, mà chúng sinh cho rằng có tướng. Như Lai đối với điều ấy nên phát khởi đại Bi.

23. Tất cả các pháp là không tạo tác, mà chúng sinh cho rằng có tạo tác. Như Lai đối với điều ấy nên dấy khởi đại Bi.

24. Thế gian thường liên kết với giận dữ để tranh chấp. Như Lai đối với điều ấy nên dấy khởi đại Bi.

25. Thế gian do tà kiến, điên đảo mà thực hành theo đạo tà. Muốn khiến cho họ an trú nơi đạo chân chánh, nên Như Lai nhân đó mà phát khởi đại Bi.

26. Thế gian hung dữ, tham lam không biết đủ, nên chiếm đoạt lẫn nhau. Vì muốn cho chúng sinh an trú vào bảy Thánh tài: Tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ... Như Lai đối với điều ấy nên phát khởi đại Bi.

27. Chúng sinh luôn bị ràng buộc vào tài sản, gia đình, sự nghiệp, ân ái, đối với những vật mong manh dễ tan vỡ này mà sinh tưởng chắc chắn. Nhằm khiến cho chúng sinh nhận rõ tất cả đều là vô thường, Như Lai đối với điều ấy nên phát khởi đại Bi.

28. Thân của chúng sinh là oán thù mà lại tham đắm, nuôi dưỡng thân ấy, cho là bạn lành. Nhằm khiến cho chúng sinh có sự nhận thức đúng đắn

để diệt hết các khổ, đạt đến cứu cánh là Niết-bàn, Như Lai đối với điều ấy nên dấy khởi đại Bi.

29. Chúng sinh thích nói lừa dối, đời sống không chân chánh. Nhằm khiến cho chúng sinh thực hành đời sống chân chánh, Như Lai đối với điều ấy nên dấy khởi đại Bi.

30. Chúng sinh tham đắm nơi các khổ, ở nhà thế tục không thanh tịnh. Nhằm khiến cho chúng sinh ra khỏi ba cõi, Như Lai đối với điều ấy nên dấy khởi đại Bi.

31. Tất cả các pháp đều từ nhân duyên mà có, nhưng chúng sinh đối với pháp giải thoát của bậc Thánh lại sinh biếng nhác. Nhằm giảng thuyết pháp tinh tấn khiến cho họ ưa thích pháp giải thoát, Như Lai đối với điều ấy nên phát khởi đại Bi.

32. Chúng sinh xả bỏ trí tuệ vô ngại tối thượng, chỉ cầu pháp Nhị thừa. Nhằm dẫn dắt chúng sinh khiến họ phát tâm rộng lớn để duyên vào Phật pháp, Như Lai đối với điều ấy nên phát khởi đại Bi.

Này Phạm thiên! Như Lai đối với các chúng sinh này mà phát khởi ba mươi hai loại tâm đại Bi, cho nên gọi Như Lai là người thực hành đại Bi. Nếu Bồ-tát đối với muôn loài thường có thể tu tập tâm đại Bi ấy, tức là đã hội nhập vào quả vị không thoái chuyển, là ruộng phước lớn, đầy đủ oai đức, thường làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Khi giảng thuyết phẩm Pháp môn đại Bi này thì có ba vạn hai ngàn người đều phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tám ngàn Bồ-tát chứng được pháp Nhẫn vô sinh.

-oOo-

Phẩm 5: Nêu vấn nạn

Bấy giờ, Bồ-tát Võng Minh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Phạm thiên Tư Ích này nghe pháp đại Bi mà không vui mừng?

Phạm thiên nói:

–Thưa Bồ-tát Võng Minh! Nếu nhận thức ở nơi hai pháp tức là có vui mừng. Nếu cho rằng trong thật tế thật sự không có hai pháp tức không vui mừng. Ví như nhà ảo thuật thấy những việc huyễn hóa đều không có chỗ vui mừng. Bồ-tát biết rõ tướng của các pháp là như vậy thì đối với việc thuyết pháp hiện thần thông của Như Lai đều không vui mừng.

Lại nữa, thưa Đại sĩ! Như sự giáo hóa của Đức Phật, người được nghe Ngài thuyết pháp không vui, không mừng. Bồ-tát biết tướng của các pháp cùng với việc giáo hóa không khác, nên đối với việc thuyết pháp của Như Lai không làm tăng thêm sự vui mừng và đối với các chúng sinh không có tưởng cho là thấp kém.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Này Phạm thiên! Ông nay đã thấy rõ tướng của các pháp là như huyễn chăng?

Phạm thiên thưa:

–Nếu người nào phân biệt về các pháp thì Bồ-tát nên hỏi người đó.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Hiện nay ông đang hành đạo ở đâu?

Phạm thiên thưa:

–Nơi nào phàm phu sinh sống thì tôi hành đạo ở đó.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Nếu phàm phu thực hành theo các nẻo tà với những thứ tham lam, sân giận, si mê, thân kiến, lưới nghi chấp ngã và ngã sở, thì ông ở chỗ đó để hành theo các pháp ấy chăng?

Phạm thiên thưa:

–Thưa Đại sĩ! Đại sĩ muốn có được tướng quyết định của pháp phàm phu chăng?

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Tôi hãy còn không muốn có được tướng quyết định của hàng phàm phu huống nữa là pháp của phàm phu.

Phạm thiên nói:

–Thưa Đại sĩ! Nếu pháp là không quyết định thì có thể có pháp tham dục, sân giận, si mê chăng?

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Không thể có!

Phạm thiên thưa:

–Thưa Đại sĩ! Tất cả các pháp đều xa lìa tướng tham dục, sân giận, si mê, tướng của các hành cũng như vậy.

Thưa Đại sĩ! Nẻo hành của phàm phu và hành của bậc Hiền thánh đều không hai, không khác.

Thưa Đại sĩ! Tất cả hành chẳng phải là hành, tất cả sự thuyết giảng

chẳng phải là sự thuyết giảng, tất cả đạo chẳng phải là đạo.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Thế nào là tất cả hành chẳng phải là hành?

Phạm thiên thưa:

–Thưa Đại sĩ! Nếu có người hành đạo, trải qua ngàn vạn ức kiếp thì đối với tánh của pháp ấy cũng không tăng không giảm. Cho nên nói tất cả hành chẳng phải là hành.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Thế nào là sự thuyết giảng chẳng phải là thuyết giảng?

Phạm thiên thưa:

–Thưa Đại sĩ! Như Lai dùng tướng không thể thuyết giảng để giảng nói về tất cả các pháp. Cho nên nói tất cả sự thuyết giảng chẳng phải là thuyết giảng.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Thế nào là tất cả đạo chẳng phải là đạo?

Phạm thiên thưa:

–Vì không có đối tượng được đạt đến nên nói là tất cả đạo chẳng phải là đạo.

Bấy giờ, Thế Tôn khen ngợi Phạm thiên Tư Ích:

–Lành thay, lành thay! Khi giảng thuyết về tướng của các pháp phải nên thuyết giảng như vậy.

Bồ-tát Võng Minh nói với Phạm thiên:

–Ông giảng thuyết về các nẻo hành hóa của hàng phàm phu. Tôi đối với các nẻo hành hóa ấy tức có tướng trạng của hành.

Phạm thiên thưa:

–Nếu ngã có chỗ sinh ra, thì đúng là có tướng trạng của hành.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Nếu ông không sinh thì làm sao giáo hóa chúng sinh?

Phạm thiên thưa:

–Đức Phật hóa sinh ở đâu thì tôi cũng sinh ra ở đó.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Sự hóa sinh của Đức Phật thì không có nơi chốn sinh ra.

Phạm thiên hỏi:

–Làm sao có thể thấy được?

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Nhờ vào diệu lực của Phật mà có thể thấy được.

Phạm thiên thưa:

–Tôi sinh ra cũng như vậy đều do nghiệp lực.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Ông ở trong chỗ dấy khởi nghiệp mà hành hóa chăng?

Phạm thiên thưa:

–Tôi chẳng ở trong chỗ dấy khởi nghiệp mà hành hóa.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Vậy sao lại nói là do nghiệp lực?

Phạm thiên thưa:

–Như đối với tánh của nghiệp, nghiệp lực cũng lại như vậy, cả hai đều không ra ngoài Như.

Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Nếu người nào có thể hội nhập trong chỗ tùy nghi thuyết pháp của Bồ-tát thì sẽ đạt được công đức lớn. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì thậm chí chỉ nghe đến danh tự của bậc thượng nhân đó hãy còn được lợi ích lớn rồi, huống gì là nghe được chỗ thuyết giảng của vị ấy. Ví như có cây lớn chẳng nương vào đất, chỉ ở trong hư không mà sinh ra rễ, thân, nhánh, lá, hoa, quả thì thật là hy hữu. Hành tướng của người ấy cũng lại như vậy, không trú nơi tất cả các pháp mà ở trong mười phương thị hiện có hành tướng, có sinh tử, cũng có cả trí tuệ, biện tài như vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu có người thiện nam, thiện nữ nào nghe được diệu lực nơi trí tuệ tự tại ấy thì ai mà chẳng phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, có một vị Bồ-tát tên là Phổ Hoa, tại chỗ ngồi giữa chúng hội, nói với Trưởng lão Xá-lợi-phất:

–Thưa Nhân giả! Nhân giả đã chứng đắc tánh của các pháp. Đức Phật cũng khen ngợi Nhân giả là bậc trí tuệ đệ nhất trong những người trí tuệ. Cớ sao Nhân giả không thể hiện diệu lực nơi trí tuệ biện tài tự tại đó?

Trưởng lão Xá-lợi-phất thưa:

–Thưa Bồ-tát Phổ Hoa! Các đệ tử của Phật tùy theo năng lực nơi trí tuệ của mình mà có sự thuyết pháp.

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

–Thưa Nhân giả Xá-lợi-phất! Tánh của các pháp có nhiều, ít chăng?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Thưa không!

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

–Thế vì sao Nhân giả lại nói các đệ tử của Phật tùy theo năng lực nơi trí tuệ của mình mà có sự thuyết pháp?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Tùy theo pháp đã đạt được mà có sự thuyết giảng khác nhau.

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

–Nhân giả đã chứng đắc pháp tánh với vô lượng tướng rồi chăng?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Thưa vâng!

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

–Vì sao Nhân giả lại nói: Tùy theo pháp đã chứng đắc mà có sự thuyết giảng khác nhau. Như pháp tánh với vô lượng tướng, nên chỗ chứng đắc cũng như vậy và sự thuyết giảng cũng như vậy. Vì sao? Vì pháp tánh là vô lượng.

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Tánh của các pháp chẳng phải là tướng có thể nắm bắt, thủ đắc.

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

–Nếu tánh của các pháp chẳng phải là tướng có thể thủ đắc, thì khi Nhân giả ra khỏi pháp tánh, có đạt được giải thoát không?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Không thể được.

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

–Vì sao như vậy?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Nếu ra khỏi tánh của các pháp mà đạt được giải thoát thì hủy hoại pháp tánh.

Bồ-tát Phổ Hoa nói:

–Thưa Nhân giả! Vì thế cho nên Nhân giả chứng đắc đạo, thì pháp tánh cũng như vậy.

Trưởng lão Xá-lợi-phất thưa:

–Tôi là người đến để lãnh hội chứ chẳng phải là người thuyết giảng.

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

–Tất cả các pháp đều hội nhập nơi pháp tánh, ở trong ấy ắt hẳn có người giảng nói, người lãnh hội chăng?

Trưởng lão Xá-lợi-phất thưa:

–Chẳng phải vậy.

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

–Nếu như vậy thì tại sao Nhân giả nói: "Tôi là người đến để lãnh hội, chứ chẳng phải là người giảng nói?"

Trưởng lão Xá-lợi-phất thưa:

–Đức Phật dạy có hai loại người đạt được phước đức vô lượng:

1. Người luôn dốc sức thuyết pháp.

2. Người nhất tâm nghe nhận.

Vì vậy, hiện nay Bồ-tát có thể thuyết giảng, còn tôi thì sẽ nghe nhận.

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

–Khi Nhân giả nhập vào định Diệt tận thì có thể nghe pháp không?

Trưởng lão Xá-lợi-phất thưa:

–Khi vào định Diệt tận, thì không có hai hành để lãnh hội pháp.

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

–Nhân giả có tin Đức Phật nói: Tất cả các pháp là tướng diệt tận không?

Trưởng lão Xá-lợi-phất thưa:

–Đúng vậy, tất cả các pháp là tướng diệt tận. Tôi tin lời nói ấy.

Bồ-tát Phổ Hoa nói:

–Nếu đúng như vậy thì Tôn giả Xá-lợi-phất thường không thể lãnh hội pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp luôn là tướng diệt tận.

Trưởng lão Xá-lợi-phất thưa:

–Bồ-tát có thể chẳng ở trong định mà thuyết pháp được chăng?

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

–Chỉ có một pháp chẳng phải là định?

Trưởng lão Xá-lợi-phất thưa:

–Không phải!

Bồ-tát Phổ Hoa nói:

–Do đấy nên biết tất cả hàng phàm phu thường ở trong định.

Trưởng lão Xá-lợi-phất hỏi:

–Dùng định gì để tất cả hàng phàm phu luôn ở trong định?

Bồ-tát Phổ Hoa đáp:

–Dùng Tam-muội chẳng hủy hoại pháp tánh.

Trưởng lão Xá-lợi-phất hỏi:

–Nếu như vậy thì hàng phàm phu và Thánh nhân không có sai biệt sao?

Bồ-tát Phổ Hoa đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy! Tôi chẳng muốn khiến hàng phàm phu và Thánh nhân có sự sai biệt. Vì sao? Vì Thánh nhân không có chỗ đoạn trừ, hàng phàm phu không có chỗ sinh khởi. Cả hai đều không ra khỏi tướng bình đẳng của pháp tánh.

Trưởng lão Xá-lợi-phất thưa:

–Những gì là tướng bình đẳng của các pháp.

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

–Giống như những nhận biết của Tôn giả Xá-lợi-phất. Thưa Tôn giả! Tôn giả phát sinh pháp Hiền thánh chăng?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Không phải!

Bồ-tát Phổ Hoa hỏi:

Tôn giả đã dứt trừ pháp phàm phu chăng?

–Không phải!

–Tôn giả đã chứng đắc pháp Hiền thánh chăng?

–Không phải!

–Tôn giả đã thấy rõ pháp phàm phu chăng?

–Không thấy!

–Thưa Tôn giả! Do tri kiến nào của Tôn giả để cho là đã chứng đắc đạo?

Trưởng lão Xá-lợi-phất thưa:

–Bồ-tát không nghe tánh như của phàm phu tức là tánh như của bậc giải thoát dứt sạch các lậu. Tánh như của bậc giải thoát dứt hết các lậu tức là tánh như của Niết-bàn Vô dư.

Bồ-tát Phổ Hoa nói:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tên gọi của Như ấy chẳng khác Như, chẳng hủy hoại Như, nên dùng Như ấy để nhận biết về các pháp.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như đống lửa lớn, với tất cả các ngọn lửa cháy đều là tướng thiêu đốt, cũng như vậy, chỗ thuyết pháp đều hội nhập vào pháp tánh.

Đức Phật bảo với Xá-lợi-phất:

–Đúng như lời Tôn giả nói, chỗ thuyết pháp đều hội nhập nơi pháp tánh.

Khi ấy, Bồ-tát Võng Minh nói với Trưởng lão Xá-lợi-phất:

–Đức Phật đã nói Nhân giả là người có trí tuệ bậc nhất trong những người có trí tuệ. Vậy do trí tuệ gì để được gọi là bậc nhất?

Trưởng lão Xá-lợi-phất thưa:

–Gọi là Thanh văn tức nhờ vào âm thanh mà giác ngộ, nhân nơi trí tuệ này mà nói tôi là người trí tuệ bậc nhất trong những người có trí tuệ chứ không phải là Bồ-tát.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Trí tuệ là tướng hý luận chăng?

–Thưa không.

–Trí tuệ chẳng phải là tướng bình đẳng chăng?

–Đúng vậy.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Hôm nay Nhân giả đạt được trí tuệ bình đẳng, cớ sao lại nói: Trí tuệ có hạn lượng?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Thưa Bồ-tát! Do tướng của pháp tánh nên nói trí tuệ là vô lượng. Tùy theo chỗ hội nhập của pháp tánh nhiều hay ít nên nói trí tuệ có hạn lượng.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Pháp vô lượng hoàn toàn không tạo ra pháp hữu lượng, sao Nhân giả nói trí tuệ có hạn lượng?

Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng không trả lời.

Bấy giờ, Trưởng lão Đại Ca-diếp nương theo Thánh chỉ của Phật, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Võng Minh này do nhân duyên gì mà gọi là Võng Minh?

Đức Phật bảo Bồ-tát Võng Minh:

–Này Bồ-tát! Nhân nơi phước báo hiện có của Bồ-tát, khiến cho hàng

trời, người nơi tất cả thế gian đều vui mừng. Do nhân duyên có được phước đức ấy, ông nên phát tâm Bồ-đề.

Lúc này, Bồ-tát Võng Minh liền nhận lãnh lời dạy bảo của Phật, bày vai áo bên phải, từ khoảng giữa ngón tay màu đỏ nhạt rất trang nghiêm nơi cánh tay phải, Bồ-tát phóng ra hào quang lớn, chiếu sáng khắp cùng tận vô lượng, vô biên vô số cõi Phật trong mười phương.

Trong các cõi nước ấy, những chúng sinh bị đọa nơi ba đường dữ; những kẻ mù, điếc, câm, ngọng; tay chân co quắp; già bệnh, khổ não; tham, sân, si; lõa hình, xấu xí, bần cùng, đói khát; tù đày, bị trói buộc, giam giữ, khốn khổ, ách nạn, tự vẫn, keo kiệt, phá giới, hung dữ, lười biếng, vọng niệm, không trí tuệ, ít hiểu biết, không biết hổ thẹn, rơi vào lưới nghi sai lạc, những chúng sinh như vậy khi thấy được ánh sáng này đều hết sức vui mừng, không còn những chúng sinh bị tham, sân, si, kiêu mạn, lo buồn, thù hận, não hại. Còn ở nơi cõi Phật này, pháp hội gồm các chúng: Đại Bồ-tát, tám bộ chúng, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, những chúng sinh ấy đồng một sắc thân màu vàng ròng như Phật không khác, có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp kèm theo đều có tướng vô kiến đảnh đều an tọa nơi tòa sen báu, dùng các lọng báu đan xen che khắp bên trên, tất cả đều không sai khác. Chư vị trong chúng hội đều vui vẻ. Ví như Bồ-tát nhập Tam-muội Phát hỷ trang nghiêm, khi ấy, đại chúng cho là điều chưa từng có, mọi người đều nhìn thấy mình như Đức Phật không khác, không thấy thân Phật là lớn, thân mình là nhỏ. Lại nhờ diệu lực của hào quang ấy, tức thì ở phương Dưới có bốn vị Bồ-tát từ nơi đất vọt lên, đứng chắp tay, muốn cùng đảnh lễ Phật, suy nghĩ: "Đâu là Phật đích thực chúng tôi muốn đảnh lễ?" Họ liền nghe trong hư không có tiếng nói:

–Đó là thần lực từ hào quang của Bồ-tát Võng Minh, khiến cho tất cả đại chúng cùng một thân sắc vàng ròng giống như Đức Phật không khác.

Lúc này, bốn vị Bồ-tát đều khởi tâm cho là điều hy hữu, cùng nhau nói:

–Nay ở trong chúng hội này, thân sắc vàng của chư vị đều không khác nhau, tất cả các pháp cũng lại như vậy. Nếu lời nói này của chúng con là thành thật không hư dối, thì xin Đức Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn sẽ hiện tướng khác, khiến cho chúng con được đảnh lễ, cúng dường.

Khi ấy, Đức Phật ngồi nơi tòa Sư tử báu bằng hoa sen, bay vút lên hư không cao một cây đa-la. Bốn vị Bồ-tát đều đầu mặt lễ nơi chân Đức Phật và thưa:

–Trí tuệ của Như Lai thật không thể nghĩ bàn, nhưng bản nguyện nơi phước đức của Bồ-tát Võng Minh cũng không thể nghĩ bàn, nên có thể phóng ra ánh sáng vô lượng như vậy.

Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Võng Minh:

–Này Bồ-tát Võng Minh! Bồ-tát nay đã làm Phật sự, khiến cho vô lượng chúng sinh an trú trong Phật đạo, hiện tại có thể thâu tóm ánh sáng về.

Bồ-tát Võng Minh vâng theo lời dạy của Phật nên thâu lại ánh sáng ấy xong, tức thì sắc tướng oai nghi của chư vị trong chúng hội đều trở lại như cũ, mọi người đều thấy Đức Phật ngồi trên tòa Sư tử.

Khi ấy Trưởng lão Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn vị Bồ-tát này từ đâu đến?

Bốn vị thưa:

–Chúng tôi từ thế giới phương Dưới đến.

Trưởng lão Đại Ca-diếp hỏi:

–Cõi nước ấy tên gì? Danh hiệu của Phật ở thế giới ấy là gì?

Bốn vị Bồ-tát thưa:

–Cõi ấy tên Hiện chư bảo trang nghiêm, Phật hiệu là Nhất Bảo Cái, hiện đang thuyết pháp.

Trưởng lão Đại Ca-diếp hỏi:

–Cõi nước của Phật ấy cách đây bao xa?

Bốn vị Bồ-tát thưa:

–Đức Phật tự biết rõ về điều đó.

Trưởng lão Đại Ca-diếp hỏi:

–Chư vị vì sao đến đây?

Bốn vị Bồ-tát thưa:

–Vì ánh sáng của Bồ-tát Võng Minh đã chiếu đến cõi nước chúng tôi. Khi thấy ánh sáng này cùng nghe danh hiệu của Phật Thích-ca Mâu-ni và Bồ-tát Võng Minh cho nên chúng tôi đến đây để yết kiến Đức Phật và Bồ-tát Võng Minh.

Trưởng lão Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Phật Nhất Bảo Cái và thế giới Hiện chư bảo trang nghiêm cách đây bao xa?

Đức Phật nói:

–Cách đây bảy mươi hai hằng hà sa cõi Phật.

Đại Ca-diếp hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Bốn vị Bồ-tát này từ cõi ấy đến đây trong thời gian bao lâu?

Đức Phật dạy:

–Trong khoảng một niệm thì biến mất nơi cõi ấy mà xuất hiện ở cõi này.

Đại Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ánh sáng của các vị Bồ-tát này tỏa chiếu xa với sức thần thông mau chóng thật hết sức hy hữu. Hôm nay, ánh sáng chiếu xa của Bồ-tát Võng Minh đã khiến cho bốn vị Bồ-tát đến đây rất là mau chóng.

Phật bảo Ca-diếp:

–Đúng như lời Tôn giả nói, nẻo hành hóa của Đại Bồ-tát là không thể nghĩ bàn, tất cả hàng Nhị thừa đều không thể đạt tới.

Khi ấy, Trưởng lão Đại Ca-diếp nói với Bồ-tát Võng Minh:

–Thưa Bồ-tát! Bồ-tát thị hiện ánh sáng tỏa chiếu nơi đại hội này làm cho tất cả chư vị đều thành thân màu vàng ròng là do nhân duyên gì?

Bồ-tát Võng Minh đáp:

–Thưa Trưởng lão Đại Ca-diếp! Trưởng lão có thể hỏi Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn sẽ vì Trưởng lão mà nói rõ.

Ngay lúc ấy, Trưởng lão Đại Ca-diếp đem việc ấy bạch Phật, Phật bảo:

–Khi Bồ-tát Võng Minh này thành Phật, tất cả chúng hội của Phật đều cùng một thân sắc màu vàng ròng đều cùng tin hiểu và ưa thích tất cả trí tuệ, cõi nước của Đức Phật ấy thậm chí không có tên gọi của hai thừa, chỉ có chúng hội của các Đại Bồ-tát thanh tịnh.

Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát sinh vào cõi ấy nên biết là giống như Phật không khác chăng?

Đức Phật bảo:

–Đúng như lời Tôn giả nói, Bồ-tát sinh vào cõi ấy nên biết là giống như Phật vậy.

Khi ấy, trong chúng hội có bốn vạn bốn ngàn người đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề, nguyện sinh vào cõi nước kia. Họ cùng bạch Phật:

–Lúc Bồ-tát Võng Minh thành Phật, chúng con nguyện sinh vào cõi

nước ấy.

-oOo-

Phẩm 6: Vấn đàm

Bấy giờ, Trưởng lão Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Võng Minh bao lâu nữa sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

–Tôn giả nên đích thân hỏi Bồ-tát Võng Minh ấy.

Trưởng lão Ca-diếp liền hỏi Bồ-tát Võng Minh:

–Thưa Bồ-tát! Bao lâu nữa thì Bồ-tát sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Thưa Trưởng lão Đại Ca-diếp! Nếu có ai hỏi người được hóa hiện của nhà huyễn thuật rằng: "Bao lâu nữa ông sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác" thì người ấy sẽ trả lời như thế nào?

Trưởng lão Đại Ca-diếp thưa:

–Thưa Bồ-tát! Người được hóa hiện của nhà huyễn thuật không có tướng quyết định thì sẽ trả lời thế nào được.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Thưa Trưởng lão Đại Ca-diếp! Tất cả các pháp cũng như người huyễn hóa của nhà huyễn thuật, không có tướng quyết định, thì ai có thể hỏi: "Bao lâu ông sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?"

Trưởng lão Đại Ca-diếp thưa:

–Thưa Bồ-tát! Người huyễn hóa của nhà huyễn thuật lìa khỏi tự tướng, không sai khác, không phân biệt, không có chí nguyện, còn Bồ-tát cũng như vậy sao? Nếu cũng như vậy thì Bồ-tát làm sao có thể tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh?

Bồ-tát Võng Minh đáp:

–Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là tánh của tất cả chúng sinh. Tánh của tất cả chúng sinh là tánh của sự huyễn hóa, tánh của sự huyễn hóa tức là tánh của tất cả các pháp. Ở trong pháp ấy, tôi chẳng thấy có lợi ích, chẳng thấy không có lợi ích gì cả.

Trưởng lão Đại Ca-diếp thưa:

–Thưa Bồ-tát! Nay Bồ-tát không làm cho chúng sinh an trú nơi quả vị Bồ-đề sao?

Bồ-tát Võng Minh hỏi lại:

–Bồ-đề của chư Phật là có tướng trụ chăng?

Trưởng lão Đại Ca-diếp đáp:

–Thưa, không có.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Vậy thì nay tôi không làm cho chúng sinh an trú nơi quả Bồ-đề, mà cũng không khiến họ trụ vào quả Thanh văn hay Bích-chi-phật.

Trưởng lão Đại Ca-diếp thưa:

–Thưa Bồ-tát! Nay Bồ-tát muốn hướng chúng sinh đến cõi nào?

Bồ-tát Võng Minh đáp:

–Tôi muốn hướng họ đến cõi Như như.

Trưởng lão Đại Ca-diếp thưa:

–Cõi Như như ấy không có đối tượng được hướng đến, cũng không có sự chuyển hóa.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Như Như là không hướng đến, không chuyển hóa, tất cả các pháp trụ vào tướng Như ấy, nên tôi cũng không có đối tượng được hướng đến, cũng không có sự chuyển hóa.

Trưởng lão Đại Ca-diếp thưa:

–Nếu không có chỗ hướng đến, không chuyển hóa, thì Bồ-tát làm thế nào để giáo hóa chúng sinh?

Bồ-tát Võng Minh đáp:

–Nếu người có sự phát nguyện thì chẳng có thể giáo hóa chúng sinh. Nếu người đối với pháp có sự chuyển hóa thì cũng không thể giáo hóa chúng sinh.

Trưởng lão Đại Ca-diếp thưa:

–Thưa Bồ-tát! Bồ-tát không chuyển đổi sinh tử cho chúng sinh sao?

Bồ-tát Võng Minh đáp:

–Tôi hãy còn chưa thể thủ đắc về sinh tử huống gì là ở trong sinh tử mà chuyển đổi sinh tử cho chúng sinh.

Trưởng lão Đại Ca-diếp thưa:

–Bồ-tát không làm cho chúng sinh chứng đắc Niết-bàn sao?

Bồ-tát Võng Minh đáp:

–Tôi hãy còn không thấy Niết-bàn huống gì là giáo hóa chúng sinh khiến họ an trú vào Niết-bàn.

Trưởng lão Đại Ca-diếp thưa:

–Nếu Bồ-tát không thủ đắc sinh tử, không thấy có Niết-bàn, thì hiện tại do đâu mà Bồ-tát vì vô lượng chúng sinh hành theo đạo Bồ-đề, đây lẽ nào chẳng phải là vì chúng sinh mà tu tập giải thoát đó sao?

Bồ-tát Võng Minh đáp:

–Nếu Bồ-tát nào thủ đắc nơi sinh tử, phân biệt về Niết-bàn, nhân vì chúng sinh mà hành đạo Bồ-đề, thì vị ấy không nên gọi là Bồ-tát.

Trưởng lão Đại Ca-diếp thưa:

–Thưa Bồ-tát! Nay Bồ-tát ở nơi nào mà hành đạo?

Bồ-tát Võng Minh đáp:

–Tôi chẳng phải ở trong sinh tử mà hành đạo, chẳng phải ở trong Niết-bàn mà hành đạo, cũng chẳng phải dùng tướng của chúng sinh mà hành đạo.

Thưa Trưởng lão Đại Ca-diếp! Như lời Tôn giả hỏi: "Bồ-tát ở nơi nào mà hành đạo?" Vậy là nếu nơi nào có người huyễn hóa của Phật hành đạo thì nơi ấy là chỗ tôi hành đạo.

Trưởng lão Đại Ca-diếp thưa:

–Người được huyễn hóa của Phật đâu có nơi chốn hành đạo?

Bồ-tát Võng Minh đáp:

–Nên biết nơi chốn hành hóa của tất cả chúng sinh cũng có tướng như vậy.

Trưởng lão Đại Ca-diếp thưa:

–Người được huyễn hóa của Phật không có tham, không có sân, không có si. Nếu nẻo hành hóa của tất cả chúng sinh cũng có tướng như vậy thì tham, sân, si của chúng sinh từ đâu sinh ra?

Bồ-tát Võng Minh đáp:

–Nay tôi hỏi Trưởng lão, Trưởng lão cứ tùy ý trả lời. Thưa Trưởng lão! Trưởng lão còn có tham, sân, si không?

Trưởng lão Đại Ca-diếp thưa:

–Không còn.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Tham, sân, si đã diệt mất rồi sao?

Trưởng lão Đại Ca-diếp đáp:

–Chẳng phải vậy.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Nếu Trưởng lão không còn có tham, sân, si và cũng chẳng diệt mất chúng, vậy thì Trưởng lão đặt để tham, sân, si ở đâu?

Trưởng lão Đại Ca-diếp thưa:

–Thưa Bồ-tát! Kẻ phàm phu từ điên đảo khởi lên vọng tưởng phân biệt, rồi phát sinh tham, sân, si. Bậc Hiền thánh ở trong pháp hiểu rõ về thực tánh của điên đảo nên không còn vọng tưởng phân biệt, do đó không còn có tham, sân, si.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Trưởng lão Đại Ca-diếp! Ý của Trưởng lão thế nào? Nếu pháp từ điên đảo sinh ra thì pháp ấy là thật hay là hư vọng?

Trưởng lão Đại Ca-diếp đáp:

–Pháp ấy là hư vọng, chẳng phải là thật.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Nếu pháp là chẳng thật thì có thể làm cho thật được không?

Trưởng lão Đại Ca-diếp đáp:

–Thưa không thể được.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Nếu pháp chẳng phải thật, thì Trưởng lão đối với pháp ấy còn có tham, sân, si chăng?

Trưởng lão Đại Ca-diếp đáp:

–Thưa không.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Như vậy thì vì sao tham, sân, si có thể não hại chúng sinh?

Trưởng lão Đại Ca-diếp đáp:

–Thưa Bồ-tát! Nếu như vậy thì tất cả các pháp từ xưa đến nay luôn lìa khỏi tướng tham, sân, si.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Vì thế cho nên tôi nói: Tướng của tất cả các pháp giống như người được huyễn hóa của Phật.

Lúc thuyết giảng pháp này có bốn vạn bốn ngàn Bồ-tát đạt được pháp

Nhẫn nhu thuận.

Bấy giờ, Trưởng lão Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sinh nào thấy được Bồ-tát Võng Minh thì không còn lo sợ đọa vào ba đường ác. Nếu người nào được nghe Bồ-tát Võng Minh thuyết pháp thì các ma không thể quấy phá nữa. Nếu người nào được Bồ-tát Võng Minh giáo hóa thì chẳng còn lo sợ rơi vào hàng Nhị thừa.

Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Đức Thế Tôn thuyết giảng về cõi nước trang nghiêm và công đức của Bồ-tát Võng Minh.

Đức Phật bảo Trưởng lão Đại Ca-diếp:

–Bồ-tát Võng Minh ở trong cõi nước ấy du hóa khắp nơi, đem lại lợi ích cho vô lượng chúng sinh.

Này Tôn giả Ca-diếp! Tôn giả có thấy việc phóng hào quang của Bồ-tát Võng Minh không?

Trưởng lão Đại Ca-diếp thưa:

–Con đã thấy.

Đức Phật bảo:

–Như số lượng những hạt cải có đầy trong tam thiên đại thiên thế giới hãy còn có thể tính được, nhưng hôm nay, hào quang của Bồ-tát Võng Minh khiến cho số chúng sinh an trú nơi quả vị Bồ-đề thì không thể tính được.

Này Tôn giả Ca-diếp! Việc phóng hào quang của Bồ-tát Võng Minh để làm lợi ích cho chúng sinh còn nhiều như thế, huống nữa là việc thuyết pháp. Nay ông hãy lắng nghe, Như Lai sẽ nói tóm tắt về công đức ấy.

Này Ca-diếp! Bồ-tát Võng Minh đó trải qua bảy trăm sáu mươi vạn a-tăng-kỳ kiếp sẽ thành Phật hiệu là Phổ Quang Tự Tại Vương gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thế giới ấy tên là Tập diệu công đức. Khi Đức Phật ấy đi đến nơi cội Bồ-đề thì ở trong nước đó, các ma và quyến thuộc của chúng thảy đều ở trong chánh định nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cõi nước Phật ấy dùng vật báu chiên-đàn làm đất, đất đai đều bằng phẳng như bàn tay, êm dịu mềm mại như lụa Ca-lăng-già. Khắp nơi đều dùng đủ các thứ báu để tạo sự trang nghiêm, không có ba đường ác, cũng không có tám nạn. Khắp chiều rộng và dài của cõi nước ấy đều dùng hoa sen báu tốt đẹp với hương sắc thù thắng để tô điểm.

Đức Như Lai Phổ Quang Tự Tại Vương có vô lượng chúng Tăng là Bồ-tát tu tập hoàn hảo vô lượng pháp môn, đạt được vô lượng thần thông

tự tại đều dùng ánh sáng để trang nghiêm nơi thân mình, đạt các pháp tạng Đà-la-ni, biện tài vô ngại, khéo có thể thuyết pháp, thần thông, hào quang thảy đều thông đạt, có thể phá trừ ma oán, luôn gắn liền với trí tuệ, đầy đủ sự hổ thẹn dùng các công đức vi diệu để tu tập tâm. Cõi nước đó không có người nữ. Các Bồ-tát ấy đều ngồi kiết già trên tòa báu hoa sen tự nhiên hóa sinh, dùng niềm vui thiền định làm thức ăn. Những vật dụng cần thiết như: Chỗ đi kinh hành, phòng xá, giường nằm, vườn rừng, ao tắm đều ứng theo niệm liền hiện ra.

Này Tôn giả Ca-diếp! Đức Như Lai Phổ Quang Tự Tại Vương chẳng dùng văn tự để thuyết pháp, chỉ phóng hào quang chiếu soi các Bồ-tát. Hào quang tiếp xúc nơi thân thì liền chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh. Hào quang của Phật đó chiếu thông suốt khắp mười phương, khiến cho các chúng sinh xa lìa phiền não.

Lại nữa, hào quang ấy thường phát ra ba mươi hai loại pháp âm thanh tịnh. Những gì ba mươi hai?

1. Các pháp vốn không, không có kiến chấp của chúng sinh.

2. Các pháp là vô tướng, xa lìa mọi phân biệt.

3. Các pháp là không tạo tác đều vượt khỏi ba cõi.

4. Các pháp xa lìa tham dục, vì tánh luôn vắng lặng.

5. Các pháp lìa sân giận, vì không có trở ngại.

6. Các pháp lìa ngu si, vì không còn tối tăm.

7. Các pháp không từ đâu đến, vì vốn không sinh.

8. Các pháp không đi về đâu, nên không có chỗ đến.

9. Các pháp là không trụ, vì không có chỗ nương tựa.

10. Các pháp vượt quá ba đời, vì quá khứ, hiện tại, vị lai đều không thật có.

11. Các pháp là không khác, vì tánh của chúng vốn là một.

12. Các pháp là không sinh, vì xa lìa báo ứng.

13. Các pháp là không nghiệp và nghiệp báo, vì sự tạo tác chẳng thể thủ đắc.

14. Các pháp là không tạo tác nên không có sự sinh khởi.

15. Các pháp là không sinh khởi, vì tánh của chúng là vô vi.

16. Các pháp là vô vi, vì xa lìa sinh diệt.

17. Các pháp là chân, vì không từ nơi hòa hợp mà sinh.

18. Các pháp là thật vì từ một nẻo đạo.

19. Các pháp là không chúng sinh, vì chúng sinh là không thể nắm bắt.

20. Các pháp là vô ngã, vì đó là đệ nhất nghĩa.

21. Các pháp là ẩn mật,vì không có đối tượng được nhận biết.

22. Các pháp vốn xả bỏ, vì xa lìa mọi thương ghét.

23. Các pháp vốn xa lìa phiền não, vì không có sự bức bách.

24. Các pháp là không cấu uế, vì tánh không nhiễm ô.

25. Các pháp là một tướng, vì xa lìa lãnh vực tham dục.

26. Các pháp là xa lìa tướng, vì thường vắng lặng

27. Các pháp an trú nơi thật tế, vì tánh không bị hủy hoại.

28. Các pháp là Như vì tướng không phân biệt.

29. Các pháp vốn hội nhập vì pháp tánh hội nhập khắp nơi.

30. Các pháp không có duyên, do các duyên không hòa hợp.

31. Các pháp là Bồ-đề, vì thấy đúng như thật.

32. Các pháp là Niết-bàn, vì dứt mọi nhân duyên.

Này Ca-diếp! Hào quang của Đức Như Lai Phổ Quang Tự Tại Vương thường phát ra pháp âm thanh tịnh như vậy, có thể khiến cho các Bồ-tát thực hành các Phật sự. Cõi nước của Phật ấy không có các việc của ma, thọ mạng của Đức Phật là vô lượng a-tăng-kỳ kiếp.

Trưởng lão Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người nào muốn đạt được cõi Phật thanh tịnh, thì nên theo như sự tu tập của Bồ-tát Võng Minh, nơi cõi nước thanh tịnh, đầy đủ công đức.

Đức Phật bảo:

–Đúng vậy, này Ca-diếp! Bồ-tát Võng Minh ấy thường ở trong vô lượng a-tăng-kỳ trú xứ của Phật, tùy theo sở nguyện mà tu tập đầy đủ các công đức như thế.

Bấy giờ, Phạm thiên Tư Ích thưa Bồ-tát Võng Minh:

–Thưa Đại sĩ! Đại sĩ đã được Phật thọ ký chăng?

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Tất cả chúng sinh đều từ Phật mà được thọ ký.

Phạm thiên thưa:

–Ở trong sự việc nào mà được thọ ký?

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Tùy theo chỗ báo ứng của hành nghiệp mà được thọ ký.

Phạm thiên thưa:

–Đại sĩ đã tạo hạnh nghiệp gì mà được thọ ký?

Bồ-tát Võng Minh hỏi lại:

–Nếu nghiệp chẳng phải do thân tạo tác, chẳng phải do miệng tạo tác, cũng chẳng phải do ý tạo tác, thì nghiệp ấy có thể thành nghiệp không?

Phạm thiên thưa:

–Không thể thành nghiệp.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Bồ-đề là tướng sinh khởi tạo tác chăng?

Phạm thiên thưa:

–Chẳng phải tướng sinh khởi tạo tác. Vì sao? Vì Bồ-đề là vô vi, chẳng phải tướng sinh khởi, tạo tác.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Có thể dùng tướng sinh khởi, tạo tác để đạt được Bồ-đề vô vi không?

Phạm thiên thưa:

–Không thể.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Này Phạm thiên! Nên biết như vầy: Nếu không có nghiệp, không có nghiệp báo, không có các hành, không dấy khởi các hành, đó là Bồ-đề. Như tánh của Bồ-đề, sự chứng đắc cũng như vậy. Như tánh của sự chứng đắc, sự thọ ký cũng như vậy, nên không thể dùng pháp sinh khởi mà được thọ ký.

Phạm thiên thưa:

–Thưa Đại sĩ! Chẳng phải là Đại sĩ đã thực hành sáu pháp Ba-la-mật rồi sau mới được thọ ký sao?

Bồ-tát Võng Minh đáp:

–Đúng như lời ông nói, Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, sau đó mới được thọ ký.

Này Phạm thiên! Nếu Bồ-tát xả bỏ tất cả phiền não thì gọi là Bố thí ba-la-mật. Đối với các pháp mà không có chỗ sinh khởi thì gọi là Trì giới ba-la-mật. Đối với các pháp mà không làm tổn thương thì gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật. Đối với các pháp luôn xa lìa tướng thì gọi là Tinh tấn ba-la-mật. Đối với các pháp không có chỗ trụ thì gọi là Thiền định ba-la-mật. Đối với các pháp đều không hý luận, thì gọi là Trí tuệ ba-la-mật.

Này Phạm thiên! Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật như vậy thì nẻo hành hóa của Bồ-tát ở đâu?

Phạm thiên thưa:

–Không có nơi chốn hành hóa. Vì sao? Vì phàm có nơi chốn hành hóa thì đều là chẳng hành.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Nếu hành tức là chẳng hành, nếu chẳng hành tức là hành, thì này Phạm thiên! do vậy nên biết: Không có nơi chốn hành tức là Bồ-đề. Đúng như ông đã hỏi: Nếu Bồ-tát được thọ ký Bồ-đề thì tánh của pháp Như như cũng được thọ ký, sự thọ ký của tôi cũng lại như vậy.

Phạm thiên thưa:

–Thưa Đại sĩ! Tánh của pháp Như như, không có thọ ký.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Tướng thọ ký của các Bồ-tát đều cũng như thế, cũng giống như tánh của pháp Như như.

Bấy giờ Phạm thiên Tư Ích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đã tu tập hạnh gì mà được chư Phật thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật bảo:

–Nếu Bồ-tát không hành nơi pháp sinh, không hành nơi pháp diệt, không hành pháp thiện, không hành pháp bất thiện, không hành pháp thế gian, không hành pháp xuất thế gian, không hành pháp có tội, không hành pháp không có tội, không hành pháp hữu lậu, không hành pháp vô lậu, không hành pháp hữu vi, không hành pháp vô vi, không hành pháp tu đạo, không hành pháp đoạn trừ, không hành pháp sinh tử, không hành pháp Niết-bàn, không hành pháp thấy, không hành pháp nghe, không hành pháp hiểu, không hành pháp biết, không hành theo bố thí, không hành theo xả bỏ, không hành theo trì giới, không hành nơi che giấu, không hành nơi nhẫn nhục, không hành theo thiện, không hành theo phát khởi, không hành tinh tấn, không hành thiền định, không hành Tam-muội, không hành nơi trí tuệ, không hành theo hành, không hành theo nhận thức, không hành theo thủ đắc.

Này Phạm thiên! Nếu Bồ-tát thực hành như vậy thì được chư Phật thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì mọi nẻo hành hóa đều là tướng chấp giữ. Không tướng chấp giữ, không tướng phân biệt tức là Bồ-đề. Nếu có nơi chốn, đối tượng thì không phải Bồ-đề, không

có nơi chốn như vậy tức là Bồ-đề. Mọi nẻo hành hóa hiện có đều là phân biệt, không phân biệt là Bồ-đề. Mọi nẻo hành hóa đều là sinh khởi, không sinh khởi là Bồ-đề. Mọi nẻo hành hóa là hý luận, không hý luận là Bồ-đề. Vì vậy nên biết, nếu Bồ-tát vượt qua mọi nẻo hành hóa thì được thọ ký.

Phạm thiên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thọ ký có nghĩa gì?

Đức Phật bảo:

–Xa lìa hai tướng của các pháp là ý nghĩa của thọ ký. Không phân biệt nẻo sinh diệt là ý nghĩa của thọ ký. Lìa tướng của nghiệp nơi thân, khẩu, ý là ý nghĩa của thọ ký.

Này Phạm thiên! Ta nhớ về đời quá khứ, có kiếp tên Thiện kiến. Ta ở trong kiếp ấy cúng dường bảy mươi hai na-do-tha Phật, mà các Đức Như Lai chẳng thọ ký. Lại vượt hơn nữa, có kiếp tên là Thiện hóa. Ta ở trong kiếp ấy cúng dường hai mươi hai ức Đức Phật mà các Đức Như Lai đó cũng không thọ ký. Lại vượt hơn kiếp ấy, có kiếp tên là Phạm thán. Ta ở trong kiếp đó cúng dường một vạn tám ngàn Đức Phật, mà các vị Phật ấy cũng không thọ ký. Lại hơn kiếp ấy, có kiếp tên là Trang nghiêm. Ta ở trong kiếp đó cúng dường bốn trăm bốn mươi vạn Đức Phật, ta đều đem tất cả mọi vật dụng thích hợp để cúng dường các Đức Phật ấy, mà các Đức Như Lai đó cũng chẳng thọ ký.

Này Phạm thiên! Trước kia ta đã từng cúng dường chư Phật, cung kính tôn trọng, tán thán, tịnh tu phạm hạnh, bố thí, trì giới đầy đủ, hành hạnh Đầu-đà, xa lìa sân giận, thường nhẫn nhục, thực hành tâm Từ, theo như lời nói mà tu tập, siêng năng tinh tấn, tất cả những điều đã lãnh hội đều có thể thực hành, riêng ở một mình, xa lìa chốn ồn ào, vào các thiền định, tùy theo trí tuệ nghe hiểu mà khen ngợi, đọc tụng, suy nghĩ để thưa hỏi, nhưng các Đức Như Lai đó đều không thể hiện sự thọ ký cho ta. Vì sao? Vì còn nương tựa vào nẻo hành hóa. Do đó nên biết, nếu các Bồ-tát vượt qua sự vướng chấp vào tất cả các hành tức được thọ ký. Nếu ta ở trong một kiếp hoặc ít hơn một kiếp để nói về danh hiệu của các Đức Phật đó cũng chẳng thể nói hết.

Này Phạm thiên! Về sau, ta được gặp Phật Nhiên Đăng thì chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh. Bấy giờ Đức Phật ấy thọ ký cho ta rằng: "Ông đến đời vị lai sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Khi ấy, ta đã vượt qua tất cả các hành, thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-

la-mật. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát xả bỏ chỗ chấp vào các tướng, gọi là Bố thí ba-la-mật. Có thể diệt trừ các chỗ chấp về trì giới, gọi là Trì giới ba-la-mật. Không bị sáu trần lôi cuốn thì gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật. Xa lìa chỗ chấp vào các hành thì gọi là Tinh tấn ba-la-mật. Không nhớ nghĩ về tất cả các pháp gọi là Thiền định ba-la-mật. Có thể lãnh hội tánh vô sinh của các pháp, gọi là Trí tuệ ba-la-mật. Ta ở nơi Đức Phật Nhiên Đăng đã thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật như vậy.

Này Phạm thiên! Ta từ lúc mới phát tâm Bồ-đề đến nay, đã từng tu tập, thực hành bố thí, đối với việc cúng dường năm cành hoa ấy thì trăm phần chẳng bằng một, trăm ngàn phần, trăm ngàn vạn ức phần, cho đến dùng mọi toán số ví dụ cũng không thể diễn đạt được. Ta từ khi mới phát tâm đến nay, thọ trì giới luật, thực hành hạnh Đầu-đà, đối với việc không chấp vào chỗ diệt trừ giới, thì trăm phần chẳng bằng một, cho đến dùng toán số ví dụ cũng không thể diễn đạt được. Ta từ khi mới phát tâm đến nay, luôn nhẫn nhục, hòa thuận, đối với pháp nhẫn rốt ráo thì trăm phần chẳng bằng một, cho đến dùng toán số ví dụ cũng không thể diễn đạt được. Ta từ khi mới phát tâm đến nay, luôn siêng năng thực hành tinh tấn, đối với việc tinh tấn không chấp giữ cũng không xả bỏ ấy, thì trăm phần không bằng một, cho đến dùng toán số ví dụ cũng không thể diễn đạt được. Ta từ khi mới phát tâm đến nay, một mình ở nơi thiền định, đối với thiền định vô trụ này thì trăm phần chẳng bằng một, cho đến dùng toán số ví dụ cũng không thể diễn đạt được. Ta từ khi mới phát tâm đến nay, suy nghĩ lường xét về trí tuệ, đối với trí tuệ không hý luận này, thì trăm phần chẳng bằng một, trăm ngàn phần, trăm ngàn vạn ức phần, cho đến dùng toán số ví dụ cũng không thể sánh kịp.

Này Phạm thiên! Do vậy ông nên biết, khi ấy ta đã thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật?

Đức Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Nếu không nhớ nghĩ về Bố thí, không nương tựa vào nơi Giới luật, không phân biệt về Nhẫn nhục, không chấp vào Tinh tấn, không trú vào Thiền định, đối với Trí tuệ là không hai, thì gọi đó là thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Phạm thiên lại hỏi:

–Nếu thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật rồi, thì có thể làm đầy đủ những pháp gì nữa?

Đức Phật bảo:

–Nếu thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật rồi thì có thể đạt được đầy đủ Nhất thiết trí.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật rồi thì có thể đạt đầy đủ Nhất thiết trí?

Đức Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Bố thí bình đẳng tức là Nhất thiết trí bình đẳng. Trì giới bình đẳng tức là Nhất thiết trí bình đẳng. Nhẫn nhục bình đẳng tức là Nhất thiết trí bình đẳng. Tinh tấn bình đẳng tức là Nhất thiết trí bình đẳng. Thiền định bình đẳng tức là Nhất thiết trí bình đẳng. Trí tuệ bình đẳng tức là Nhất thiết trí bình đẳng. Do sự bình đẳng ấy bình đẳng với tất cả các pháp nên gọi là Nhất thiết trí.

Lại nữa, này Phạm thiên! Nếu đạt đầy đủ các tướng Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ thì gọi là Nhất thiết trí.

Này Phạm thiên! Như vậy thực hiện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật tức là có thể đạt đầy đủ Nhất thiết trí.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để nhận biết là đầy đủ Nhất thiết trí?

Đức Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Nếu không chấp vào mắt, không chấp vào sắc, không chấp vào tai, không chấp vào tiếng, không chấp vào mũi, không chấp vào hương, không chấp vào lưỡi, không chấp vào vị, không chấp vào thân, không chấp vào xúc, không chấp vào ý, không chấp vào pháp, hoặc không chấp vào mười hai nhập cả trong lẫn ngoài, thì gọi là đạt đầy đủ Nhất thiết trí. Ta đạt được đầy đủ Nhất thiết trí như vậy, nên đối với mắt - sắc không còn chấp trước, đối với tai - thanh, mũi - hương, lưỡi - vị, thân - xúc, ý - pháp đều không còn chấp trước. Do vậy, nên Như Lai được gọi là bậc đạt Nhất thiết trí với tri kiến vô ngại.

Này Phạm thiên! Nhất thiết trí đối với pháp không chấp giữ. Vì sao? Vì không có dụng công. Không dụng công tức là nghĩa không thật có. Nghĩa không thật có tức là nghĩa rỗng lặng như hư không, đồng với tướng hư không là Nhất thiết trí. Do đó, đối với các pháp không còn chấp giữ, thọ nhận.

Này Phạm thiên! Ví như tất cả sự tạo tác đều nhân nơi hư không, mà hư không thì không có chỗ nương tựa. Cũng vậy, các trí tuệ đều từ nơi Nhất

thiết trí mà sinh khởi, nhưng Nhất thiết trí thì không có chỗ nương tựa.

Phạm thiên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn đã giảng nói về Nhất thiết trí, thì Nhất thiết trí ấy gọi là gì?

Đức Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Tất cả nẻo hành là trí tuệ chân thật, chẳng phải là hàng Thanh văn, Bích-chi-phật có thể đạt đến, nên gọi là Nhất thiết trí. Như mọi nẻo hành hóa có thể thành tựu, thì gọi là Nhất thiết trí. Có khả năng trừ bỏ tất cả hý luận, động niệm, gọi là Nhất thiết trí. Những điều khuyên dạy, những sự phòng ngừa, cũng như các pháp được chúng sinh thi hành đều từ nơi ấy phát sinh nên gọi là Nhất thiết trí. Đạt được trí tuệ của bậc Thánh, hoặc trí tuệ của bậc Hữu học, bậc Vô học hay Bích-chi-phật đều từ nơi đó mà phát sinh, nên gọi là Nhất thiết trí. Hành chân chánh, gọi là Nhất thiết trí. Có khả phân biệt về tất cả các loại thuốc, gọi là Nhất thiết trí. Có khả diệt trừ các bệnh cho chúng sinh, gọi là Nhất thiết trí. Có khả năng diệt trừ tất cả phiền não, tập khí, gọi là Nhất thiết trí. Thường ở trong thiền định gọi là Nhất thiết trí. Mọi trí tuệ nơi thế gian và xuất thế gian đều từ đó phát sinh gọi là Nhất thiết trí. Biết hoàn toàn về tất cả tướng phương tiện của trí tuệ, gọi là Nhất thiết trí.

Bấy giờ, Phạm thiên Tư Ích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là chưa từng có, trí tuệ của chư Phật Như Lai là rất sâu xa, tâm không có chỗ duyên tựa mà biết được tâm và mọi nẻo hành hóa của tâm nơi tất cả chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Nhất thiết trí có được công đức vô lượng như vậy thì thiện nam, thiện nữ nào mà chẳng phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Võng Minh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có Bồ-tát mong cầu lợi ích về công đức mà phát tâm Bồ-đề thì không thể gọi là phát tâm Đại thừa. Vì sao? Vì tất cả các pháp không có lợi ích về công đức, do không có sự phân biệt, đối đãi.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát không nên vì lợi ích nơi công đức để phát tâm Bồ-đề, mà chỉ vì tâm đại Từ bi nhằm diệt trừ mọi khổ não của chúng sinh, nhưng không tự cho là cực nhọc, dốc phát sinh pháp thiện, giải thoát các kiến chấp sai lầm, diệt trừ các bệnh, xả bỏ chỗ tham đắm về ngã, không thấy có yêu ghét, không lệ thuộc vào pháp thế gian, chán ghét pháp hữu vi, an trú vào Niết-bàn để phát tâm Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không nên mong cầu sự báo đáp của chúng sinh, cũng không thấy có tạo tác và không tạo tác. Lại đối với sự khổ hay vui tâm đều không điên đảo, loạn động.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là nhà thanh tịnh của Bồ-tát?

Đức Phật dạy:

–Này Bồ-tát Võng Minh! Nếu Bồ-tát sinh vào nhà Chuyển luân thánh vương thì không gọi là nhà thanh tịnh. Nếu Bồ-tát sinh vào cõi trời Đế Thích hoặc Phạm vương, cũng không gọi là nhà thanh tịnh. Tại nơi chốn sinh ra, thậm chí trong loài súc sinh mà không tự mình làm mất thiện căn, cũng lại khiến cho chúng sinh phát khởi thiện căn, thì đó là nhà thanh tịnh của Bồ-tát.

Lại nữa, này Bồ-tát Võng Minh! Tâm Từ là nhà của Bồ-tát, vì tâm bình đẳng. Tâm Bi là nhà của Bồ-tát, vì tâm sâu xa luôn nhớ nghĩ. Tâm Hỷ là nhà của Bồ-tát, vì sinh pháp hỷ. Tâm Xả là nhà của Bồ-tát, vì xa lìa tham chấp. Không xả bỏ tâm Bồ-đề là nhà của Bồ-tát vì không chấp giữ vào quả vị Thanh văn hay Bích-chi-phật.

-oOo-

KINH TƯ ÍCH PHẠM THIÊN SỞ VẤN

QUYỂN 3

Phẩm 7: Đàm luận

Bấy giờ, Phạm thiên Tư Ích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi kia ở trong chúng hội lớn này mà không có điều gì để nói sao?

Đức Phật liền bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát ở trong chúng hội thuyết giảng pháp này có thể không nói gì sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp mà Đức Phật đã chứng đắc có thể nhận biết chăng?

Đức Phật bảo:

–Không thể nhận biết.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Pháp ấy có thể nói, có thể diễn giảng, có thể bàn luận chăng?

Đức Phật bảo:

–Không thể nói, không thể diễn thuyết, không thể bàn luận được.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu pháp ấy không thể nói, không thể diễn thuyết, không thể bàn luận thì không thể chỉ bày.

Lúc này, Phạm thiên Tư Ích nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đại sĩ không vì chúng sinh mà thuyết giảng pháp sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Trong pháp tánh có hai tướng chăng?

Phạm thiên nói:

–Không có.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Tất cả các pháp không nhập vào pháp tánh sao?

Phạm thiên thưa:

–Đúng như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Nếu pháp tánh không có hai tướng, tất cả các pháp đều nhập vào trong pháp tánh thì tại sao phải vì chúng sinh mà thuyết pháp?

Phạm thiên hỏi:

–Lại có thuyết pháp cũng không có hai tướng chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu quyết định có sự thuyết giảng và sự lãnh hội để có thể thuyết pháp thì cũng không có hai tướng.

Phạm thiên hỏi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như Lai không thuyết pháp sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Tuy Phật thuyết pháp nhưng không dùng hai tướng. Vì sao? Vì tánh của Như Lai là không có hai, tuy có sự thuyết giảng nhưng không có hai.

Phạm thiên hỏi:

–Nếu tất cả các pháp không có hai thì cái gì là hai tướng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Phàm khởi tham chấp về ngã nên phân biệt có hai tướng, không hai là pháp tánh, hoàn toàn chẳng là hai tướng. Tuy vô số phân biệt làm hai tướng nhưng thật tế là không có hai tướng.

Phạm thiên hỏi:

–Làm sao nhận biết pháp không hai?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu không hai có thể nhận biết thì chẳng phải là không hai. Vì sao? Vì tướng không hai là không thể nhận thức.

Này Phạm thiên! Hai tức là nghiệp của thức, không thể nhận biết về pháp của Đức Phật đã giảng nói. Pháp ấy không như chỗ đã giảng nói. Vì sao? Vì pháp ấy không có văn tự.

Phạm thiên thưa:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Chỗ thuyết pháp của Phật rốt cuộc đi về đâu?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Chỗ thuyết pháp của Phật là đi tới chỗ không có chỗ đến.

Phạm thiên hỏi:

–Chỗ thuyết pháp của Phật không đi đến Niết-bàn sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Trong Niết-bàn có thể đạt đến được chăng?

Phạm thiên thưa:

–Niết-bàn không có chỗ đến và không có chỗ đi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như vậy, chỗ thuyết pháp của Phật là đi đến chỗ không có đến.

Phạm thiên hỏi:

–Pháp này ai có thể nghe?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Như chỗ đã giảng nói.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là như chỗ đã giảng nói?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Như thì không thể nhận biết, không thể nghe.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể nghe pháp như vậy của Như Lai?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Người không bị lệ thuộc vào sáu trần.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể nhận biết về pháp ấy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Người không chấp vào chỗ nhận biết, không phân biệt, không tranh luận.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là Tỳ-kheo có nhiều tranh luận?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Phân biệt đây là tốt, đây là xấu, đó gọi là tranh luận. Đây là lý, đây là phi lý, đó gọi là tranh luận. Đây là nhơ, đây là sạch, đó gọi là tranh luận. Đây là thiện, đây là bất thiện, đó gọi là tranh luận. Đây là trì giới, đây là phá giới, đó gọi là tranh luận. Đây là nên làm, đây là không nên làm, đó gọi là tranh luận. Dùng pháp ấy để chứng đắc đạo, dùng

pháp ấy để đạt được quả vị, đó gọi là tranh luận.

Này Phạm thiên! Nếu ở trong pháp mà có tâm cao, thấp, tham chấp, nhận lấy thì đều là tranh luận. Pháp được Phật thuyết giảng thì không có tranh chấp. Người ưa thích tranh luận thì chẳng phải là pháp của Sa-môn. Người thích pháp Sa-môn thì dứt sạch mọi vọng tưởng, tham chấp.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là Tỳ-kheo thuận theo lời của Phật nói, thuận theo sự chỉ dạy của Phật?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu Tỳ-kheo được khen ngợi hay bị chê bai mà tâm của vị ấy không hề lay động, thì đó gọi là thuận theo sự chỉ dạy của Phật. Nếu Tỳ-kheo không lệ thuộc vào ngôn ngữ văn tự, thì đó là thuận theo lời nói của Phật.

Lại nữa, Tỳ-kheo diệt trừ tất cả các tướng, đó là thuận theo sự chỉ dạy của Phật. Không trái với nghĩa lý, đó là thuận theo lời Phật nói. Nếu Tỳ-kheo giữ gìn giáo pháp thì đó là thuận theo sự chỉ dạy của Phật. Không trái với lời Phật, đó gọi là thuận theo lời của Phật nói.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là Tỳ-kheo có thể giữ gìn giáo pháp?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu Tỳ-kheo không trái nghịch với sự bình đẳng, không hủy hoại pháp tánh thì đó gọi là có thể giữ gìn giáo pháp.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là Tỳ-kheo gần gũi nơi Đức Phật?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu Tỳ-kheo ở trong pháp mà không thấy có pháp gần hoặc xa thì đó gọi là gần gũi nơi Phật.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là Tỳ-kheo cúng dường, hầu cận Phật?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu thân, miệng, ý của Tỳ-kheo không có chỗ tạo tác thì đó gọi là cúng dường, hầu cận Đức Phật.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể cúng dường Phật?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Người không dấy khởi nghiệp về phước, không dấy khởi nghiệp

"chẳng động".

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể thấy Phật?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu không chấp vào nhục nhãn, không chấp vào Thiên nhãn, không chấp vào Tuệ nhãn, thì đó gọi là có thể thấy Phật.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể thấy pháp?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Người không trái với các pháp nhân duyên.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể nhận thấy các pháp nhân duyên?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Người không dấy khởi bình đẳng, không thấy tướng phát sinh của bình đẳng.

Phạm thiên hỏi:

–Ai đạt được trí chân thật?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Người thấy được các lậu không sinh, không diệt.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể theo học với Như Lai?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Người không dấy khởi, không thọ nhận, không tham chấp, không xả bỏ các pháp.

Phạm thiên hỏi:

–Ai gọi là hành chân chánh?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Người không còn lệ thuộc vào ba cõi.

Phạm thiên hỏi:

–Ai là hàng thiện nhân?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Người không còn thọ thân sau.

Phạm thiên hỏi:

–Ai là người an lạc?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Người không chấp vào ngã và ngã sở.

Phạm thiên hỏi:

–Ai là người được giải thoát?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Người không hủy hoại sự trói buộc.

Phạm thiên hỏi:

–Ai là người được độ?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Người không trụ ở sinh tử, không trụ nơi Niết-bàn.

Phạm thiên hỏi:

–Tỳ-kheo dứt sạch các lậu là dứt sạch cái gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu có chỗ dứt sạch thì không gọi là dứt sạch các lậu. Nhận biết tướng của các lậu là không, tùy theo đó để nhận biết thì gọi là dứt sạch các lậu.

Phạm thiên hỏi:

–Ai là người nói lời chân thật?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Người xa lìa các đường ngôn luận.

Phạm thiên hỏi:

–Ai là người hội nhập nơi đạo?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Hàng phàm phu có người hội nhập vào nẻo hành đạo của bậc Thánh, biết được tất cả pháp hữu vi không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, thì người ấy là người hội nhập nơi đạo.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể thấy Thánh đế?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Không có người thấy Thánh đế. Vì sao? Vì theo chỗ có thấy đều là hư vọng, người không có chỗ thấy mới gọi là thấy đế.

Phạm thiên hỏi:

–Không thấy pháp nào cả sao gọi là thấy đế?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Không thấy tất cả các thứ kiến chấp gọi là thấy đế.

Phạm thiên hỏi:

–Đế ấy, nên cầu tìm ở đâu?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nên cầu tìm trong bốn thứ điên đảo.

Phạm thiên hỏi:

–Tại sao nói như vậy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Cầu tìm nơi bốn thứ điên đảo tức là không chấp tịnh, không chấp thường, không chấp lạc, không chấp ngã. Nếu không chấp tịnh tức là bất tịnh, nếu không chấp thường tức là vô thường, nếu không chấp lạc tức là khổ, nếu không chấp ngã tức là vô ngã.

Này Phạm thiên! Tất cả các pháp là không, là vô ngã, đó là Thánh đế. Nếu có thể như vậy để cầu "đế" thì người ấy không thấy khổ, không đoạn tập, không chứng diệt, không tu đạo.

Phạm thiên hỏi:

–Sao gọi là tu tập đạo?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu không phân biệt đây là pháp, đây là phi pháp, xa lìa hai tướng thì gọi là tu tập đạo. Dùng đạo ấy để cầu đạt tất cả pháp không thể thủ đắc, đó gọi là đạo. Đạo ấy không làm cho con người xa lìa sinh tử đạt đến Niết-bàn. Vì sao? Vì không xa lìa, không đạt đến mới gọi là Thánh đạo.

Bấy giờ, có vị Phạm thiên Ma-ha-la tên Đẳng Hạnh hỏi Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi:

–Thế nào là Ưu-bà-tắc quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu Ưu-bà-tắc không dấy khởi hai kiến chấp là không dấy khởi kiến chấp về ngã, không khởi kiến chấp về ngã sở; không khởi kiến chấp về ngã, không khởi kiến chấp về Phật; không khởi kiến chấp về ngã, không khởi kiến chấp về Pháp; không khởi kiến chấp về ngã, không khởi kiến chấp về Tăng, thì đó gọi là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Lại nữa, Ưu-bà-tắc không dùng sắc để thấy Phật, không dùng thọ, tưởng, hành, thức để thấy Phật, đó gọi là quy y Phật. Nếu Ưu-bà-tắc đối với pháp không có chỗ phân biệt, cũng không thực hành phi pháp thì đó gọi là quy y Pháp. Nếu Ưu-bà-tắc không xa lìa pháp hữu vi để thấy pháp vô vi,

không xa lìa pháp vô vi để thấy pháp hữu vi thì đó gọi là quy y Tăng.

Lại nữa, Ưu-bà-tắc không chấp vào Phật, không chấp vào Pháp, không chấp vào Tăng, đó gọi là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Bấy giờ, Bồ-tát Đẳng Hạnh hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Những vị Bồ-tát này phát tâm Bồ-đề là hướng đến nơi nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Hướng đến hư không. Vì sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đồng với hư không.

Bồ-tát Đẳng Hạnh hỏi:

–Thế nào gọi là Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu Bồ-tát nhận biết tất cả sự phát tâm chẳng phải là phát tâm, tất cả các pháp chẳng phải là pháp, tất cả chúng sinh chẳng phải là chúng sinh, thì đó gọi là Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, Bồ-tát Đẳng Hạnh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Gọi là Bồ-tát thì Bồ-tát ấy là gì?

Phật dạy:

–Này Thiện nam! Nếu Bồ-tát đối với chúng sinh tà định mà phát tâm đại Bi thì đối với chúng sinh chánh định cũng không thấy có gì dị biệt sai khác, nên gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát không vì chúng sinh chánh định, không vì chúng sinh không có định mà phát tâm. Bồ-tát, chỉ vì nhằm hóa độ chúng sinh tà định mà dấy khởi đại Bi nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, do đấy gọi là Bồ-tát.

Bấy giờ, Bồ-tát Bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng muốn nói về việc do đâu được gọi là Bồ-tát.

Đức Phật bảo:

–Hãy tùy ý nêu bày.

Bồ-tát Bồ-đề nói:

–Ví như người nam, người nữ thọ trì giới trong một ngày không hủy phạm, không thiếu sót, nếu Bồ-tát như vậy từ khi mới phát tâm cho đến lúc thành Phật, trong khoảng thời gian ấy thường tu phạm hạnh thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Kiên Ý nói:

–Nếu Bồ-tát thành tựu tâm Từ sâu rộng, bền chắc, thì đó gọi là Bồ-

tát.

Bồ-tát Độ Chúng Sinh nói:

–Ví như cầu, thuyền đưa người không mệt mỏi, không phân biệt, nếu tâm như thế thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Đoạn Ác Đạo nói:

–Nếu Bồ-tát ở nơi quốc độ của chư Phật đặt chân đến chốn nào tức thì tất cả đường ác đều bị diệt trừ, thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Quan Thế Âm nói:

–Nếu chúng sinh thấy được Bồ-tát, tức thì chắc chắn ở trong đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại xưng danh hiệu của Bồ-tát ấy thì trừ diệt được các khổ. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Đắc Đại Thế nói:

–Nếu chỗ Bồ-tát đặt chân đến làm chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới và cung điện của ma, thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Vô Bì Quyện nói:

–Nếu lấy hằng hà sa kiếp làm một ngày một đêm, dùng ba mươi ngày ấy làm một tháng, mười hai tháng làm một năm, dùng số năm này nếu trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp gặp được một vị Phật, như vậy ở hằng hà sa chỗ Đức Phật thực hành các phạm hạnh, tu tập công đức, rồi sau đó được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm không dừng nghỉ, không có mệt mỏi, thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Đạo Sư nói:

–Nếu Bồ-tát đối với những chúng sinh rơi vào đường tà, sinh khởi tâm đại Bi khiến cho họ hội nhập vào chánh đạo mà không cầu báo ân thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Tu-di Sơn nói:

–Nếu Bồ-tát đối với tất cả các pháp không có chỗ phân biệt, như tất cả các sắc của núi Tu-di, thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Na-la-diên nói:

–Nếu Bồ-tát không bị tất cả các thứ phiền não hủy hoại, thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Tâm Lực nói:

–Nếu Bồ-tát dùng tâm suy nghĩ về tất cả các pháp không có lầm lỗi, thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Sư Tử Du Bộ Tự Tại nói:

–Nếu Bồ-tát ở trong các luận thuyết không sợ, không hãi, đạt được pháp nhẫn sâu xa, có thể khiến cho tất cả hàng ngoại đạo khiếp sợ, thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Bất Khả Tư Nghì nói:

–Nếu Bồ-tát biết tướng của tâm không thể nghĩ bàn, không có chỗ tư duy, phân biệt, thì đó gọi là Bồ-tát.

Thiên tử Thiện Tịch nói:

–Nếu Bồ-tát có thể sinh ra ở trong tất cả cung trời mà không bị đắm nhiễm, cũng không chấp nơi pháp vô nhiễm ấy, thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Thật Ngữ nói:

–Nếu Bồ-tát có nói ra điều gì thường dùng lời chân thật, cho đến trong giấc mộng cũng không nói dối, thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Hỷ Kiến nói:

–Nếu Bồ-tát có thể thấy tất cả hình sắc đều là hình sắc của Phật, thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Thường Thảm nói:

–Nếu Bồ-tát thấy chúng sinh bị rơi vào sinh tử, tâm vị ấy không vui thích với các niềm vui thế gian, muốn tự độ mình và độ chúng sinh, thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Tâm Vô Ngại nói:

–Nếu Bồ-tát đối với tất cả các phiền não, chúng ma mà không sân giận, ngăn ngại, thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Thường Hỷ Căn nói:

–Nếu Bồ-tát thường dùng căn lành tự làm viên mãn hạnh nguyện của mình, cũng làm viên mãn ý nguyện của người khác, mọi việc làm đều hoàn tất, thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Tán Nghi Hối nói:

–Nếu Bồ-tát ở trong tất cả các pháp không sinh nghi ngờ, hối tiếc thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Sư Tử Đồng Nữ nói:

–Nếu Bồ-tát nhận thấy không có pháp nam, không có pháp nữ, mà hiện vô số sắc thân vì để thành tựu cho chúng sinh, thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Bảo Nữ nói:

–Nếu Bồ-tát ở trong các vật báu mà không sinh ưa thích, chỉ thích Tam bảo, thì đó gọi là Bồ-tát.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư-đạt-đa nói:

–Nếu Bồ-tát có chỗ chứng đắc thì không có Bồ-đề. Nếu không nắm bắt tất cả pháp, không sinh tất cả pháp, không diệt tất cả pháp, thì đó gọi là Bồ-tát.

Cư sĩ Bạt-đà-bà-la nói:

–Nếu Bồ-tát nghe chúng sinh gọi tên mình thì chắc chắn ở trong đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì đó gọi là Bồ-tát.

Đồng tử Bảo Nguyệt nói:

–Nếu Bồ-tát thường tu tập phạm hạnh của đồng tử, cho đến không dùng tâm nhớ nghĩ về năm dục huống hồ là thân thọ năm dục, thì đó gọi là Bồ-tát.

Thiên tử Đao-lợi là Bồ-tát Mạn-đà-la Hoa Hương nói:

–Nếu Bồ-tát trì giới, huân tập nơi tâm, thường tỏa ra hương các pháp thiện, không tỏa ra hương khác, thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Tác Hỷ nói:

–Nếu Bồ-tát vui thích ba pháp là cúng dường Phật, diễn thuyết pháp và giáo hóa chúng sinh, thì đó gọi là Bồ-tát.

Phạm thiên Tư Ích nói:

–Nếu pháp mà Bồ-tát thấy đều là pháp Phật thì gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Di-lặc nói:

–Nếu chúng sinh nhìn thấy Bồ-tát liền chứng đắc Tam-muội từ tâm, thì đó gọi là Bồ-tát.

Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi nói:

–Nếu Bồ-tát giảng nói các pháp mà không dấy khởi tưởng về pháp, không dấy khởi tưởng về phi pháp, thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Nếu hào quang của Bồ-tát có thể diệt trừ tất cả phiền não của chúng sinh, thì đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Phổ Hoa nói:

–Nếu Bồ-tát thấy chư Như Lai đầy khắp cả mười phương thế giới như rừng hoa che phủ, thì đó gọi là Bồ-tát.

Như vậy, các vị Bồ-tát mỗi mỗi vị tùy theo sở thích của mình nói xong, Đức Phật bảo Bồ-tát Đẳng Hạnh:

–Nếu Bồ-tát có thể thay thế tất cả chúng sinh chịu các thứ khổ não, cũng lại có thể xả bỏ tất cả việc phước cho chúng sinh thì đó gọi là Bồ-tát.

-oOo-

Phẩm 8: Luận tịch

Bấy giờ, Phạm thiên Tư Ích hỏi Bồ-tát Đẳng Hạnh:

–Thưa Bồ-tát! Nay Bồ-tát dùng hành gì làm hạnh?

Bồ-tát Đẳng Hạnh trả lời:

–Tôi dùng hạnh thuận theo tất cả pháp hữu vi nơi chúng sinh làm hạnh.

Phạm thiên hỏi:

–Thuận theo tất cả pháp hữu vi nơi chúng sinh làm hạnh là hạnh như thế nào?

Bồ-tát đáp:

–Nẻo hành hóa của chư Phật là hạnh tùy theo tất cả pháp hữu vi nơi chúng sinh.

Lại hỏi:

–Chư Phật dùng gì làm hạnh?

Bồ-tát đáp:

–Chư Phật dùng Đệ nhất nghĩa không làm hạnh.

Lại hỏi:

–Nẻo hành hóa của hàng phàm phu, chư Phật cũng dùng đấy làm hạnh thì có gì sai khác?

Bồ-tát Đẳng Hạnh nói:

–Ông muốn khiến cho trong "không" có sai biệt chăng?

Phạm thiên đáp:

–Không.

Bồ-tát Đẳng Hạnh hỏi:

–Như Lai không giảng nói tất cả pháp là "không" sao?

Phạm thiên đáp:

–Đúng vậy!

Bồ-tát nói:

–Này Phạm thiên! Do đó, tất cả pháp không có sai biệt, các hành tướng ấy cũng lại như vậy. Vì sao? Vì Như Lai không giảng nói các pháp có sai biệt.

Bấy giờ, Phạm thiên Tư Ích hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đã giảng nói về hành thì hành là gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Ở trong các hành có bốn phạm hạnh gọi là "hành nơi hành". Nếu người xa lìa bốn phạm hạnh thì không gọi là "hành nơi hành". Có thể thực hành bốn phạm hạnh ấy thì gọi là "hành nơi hành".

Này Phạm thiên! Nếu người thành tựu bốn phạm hạnh thì tuy hành hóa ở nơi tịch tĩnh, vắng vẻ cũng gọi là "hành nơi hành". Nếu không thành tựu bốn phạm hạnh thì dù hành hóa ở những nơi lầu gác, cung điện, giường vàng, chiếu bạc, y phục tốt đẹp nhưng không gọi là "hành nơi hành", cũng lại không thể khéo nhận biết về tướng của hành.

Lại hỏi:

–Bồ-tát dùng hành gì để thấy biết thanh tịnh?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Ở trong các hành có thể làm thanh tịnh "ngã kiến".

Lại hỏi:

–Nếu chứng đắc thật tánh của ngã thì chứng được tri kiến chân thật chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu thấy được thật tánh của ngã tức là nhận thức chân thật. Ví như người giữ kho vàng của nhà vua nhân số vàng đã xuất ra chi dùng mà biết số còn lại. Như vậy nhận biết thật tánh của ngã nên đạt được nhận thức chân thật.

Phạm thiên lại hỏi:

–Thế nào là đạt được thật tánh của ngã?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu đạt được pháp vô ngã thì đạt được thật tánh. Vì sao? Vì ngã hoàn toàn không có nguồn gốc, không chắc chắn. Nếu người nào có thể nhận biết như vậy thì gọi là đạt được thật tánh của ngã.

Phạm thiên lại hỏi:

–Như tôi hiểu về nghĩa do Đại sĩ đã giảng, là nhờ thấy ngã nên liền thấy Phật. Vì sao? Vì tánh của ngã tức là Phật tánh. Thưa Đại sĩ! Ai có thể thấy Phật?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Người không hủy hoại ngã kiến. Vì sao? Vì ngã kiến tức là pháp

kiến, nhờ pháp kiến mà có thể thấy Phật.

Phạm thiên lại hỏi:

–Lại có không có đối tượng hành, gọi là chánh hành chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Có! Nếu không thực hành theo tất cả pháp hữu vi thì đó gọi là chánh hành.

Phạm thiên lại hỏi:

–Hành như thế nào gọi là chánh hành?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu không vì nhận thức mà thực hành, không vì đoạn trừ, không vì chứng đắc, không vì tu tập mà thực hành, thì đó gọi là chánh hành.

Phạm thiên lại hỏi:

–Tuệ nhãn là thấy rõ pháp gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu có đối tượng được thấy thì không gọi là Tuệ nhãn. Tuệ nhãn không thấy pháp hữu vi, không thấy pháp vô vi. Vì sao? Vì các pháp hữu vi đều là phân biệt hư vọng. Không phân biệt hư vọng đó gọi là Tuệ nhãn. Pháp vô vi là không, không thật có, vượt qua sự nhận biết của các mắt, cho nên Tuệ nhãn cũng không thấy pháp vô vi.

Phạm thiên lại hỏi:

–Như Lai lại có Tỳ-kheo nhân theo chánh hành mà không chứng đạo quả chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Có! Trong chánh hành không có đạo, không có quả, không có hành, không chứng đắc, không có quả chứng sai khác.

Này Phạm thiên! Vì không có đối tượng được chứng đắc nên mới gọi là chứng đắc. Nếu có đối tượng được chứng đắc thì nên biết đó là hạng tăng thượng mạn. Người chánh hành dứt mọi tăng thượng mạn. Không tăng thượng mạn tức là không hành, không thủ đắc.

Phạm thiên lại hỏi:

–Chứng đắc pháp gì để gọi là chứng đắc đạo?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu pháp không tự sinh, không do cái khác sinh, cũng không do các duyên sinh, từ xưa đến nay thường không có sinh, chứng đắc pháp ấy thì gọi là đạt đạo.

Phạm thiên hỏi:

–Nếu pháp không sinh thì lấy chỗ nào để chứng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu biết pháp không sinh tức gọi là chứng đắc. Cho nên, Đức Phật thuyết giảng: "Nếu thấy các pháp hữu vi không có tướng sinh tức hội nhập nơi quả vị chân chánh."

Phạm thiên hỏi:

–Những gì gọi là quả vị chân chánh?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Ngã và Niết-bàn bình đẳng không hai, đó gọi là quả vị chân chánh.

Lại nữa, vì thực hành bình đẳng nên gọi là quả vị chân chánh. Dùng sự bình đẳng để ra khỏi các khổ não nên gọi là quả vị chân chánh. Hội nhập trong ý nghĩa rốt ráo nên gọi là quả vị chân chánh. Dứt trừ tất cả mọi thứ nhớ nghĩ gọi là quả vị chân chánh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen ngợi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, lành thay! Đại sĩ đã thuyết giảng rất thú vị, đúng như lời ông đã nói.

Khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết giảng pháp này, có bảy ngàn Tỳ-kheo thấy rõ các pháp, dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát, ba vạn hai ngàn chư Thiên lìa mọi phiền não, rời cấu uế, chứng được Pháp nhãn thanh tịnh, mười ngàn người xa lìa tham dục được thiền định, hai trăm người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, năm trăm Bồ-tát chứng được pháp Nhẫn vô sinh.

Bấy giờ, Phạm thiên Tư Ích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi này có thể thực hiện Phật sự, tạo mọi lợi ích lớn cho chúng sinh.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Đức Phật xuất hiện thân ở đời không vì pháp lợi ích mà xuất hiện, không vì pháp tổn hại mà xuất hiện.

Phạm thiên nói:

–Đức Phật lẽ nào không tạo sự giải thoát cho vô lượng chúng sinh sao? Nhân giả cũng không phải đã tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Ông muốn ở trong chỗ không chúng sinh đạt được chúng sinh chăng?

Phạm thiên đáp:

–Thưa không.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Ông muốn đạt được tướng quyết định của chúng sinh chăng?

Phạm thiên đáp:

–Thưa không.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Ông muốn đạt được tướng của chư Phật xuất hiện ở thế gian sao?

Phạm thiên đáp:

–Thưa không.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Những gì là chúng sinh được chư Phật hóa độ đạt giải thoát?

Phạm thiên nói:

–Như theo nghĩa Đại sĩ đã giảng nói thì không sinh tử tức là không Niết-bàn.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Đúng vậy, chư Phật Thế Tôn không vướng mắc nơi sinh tử, cũng không thủ đắc Niết-bàn. Đệ tử của chư Phật đạt được giải thoát cũng không vướng mắc nơi sinh tử, không thủ đắc Niết-bàn. Vì sao? Vì Niết-bàn và sinh tử ấy chỉ là giả danh, nên có ngôn thuyết, thật ra không có sinh tử, luân hồi, nếu diệt tận tức chứng đắc Niết-bàn.

Phạm thiên lại hỏi:

–Ai có thể tin được pháp này?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Là người ở trong các pháp không có tham đắm.

Phạm thiên lại hỏi:

–Nếu tham đắm thì tham đắm cái gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Tham đắm sự giả dối. Này Phạm thiên! Nếu tham đắm là thật thì hoàn toàn không có người tăng thượng mạn. Vì tham đắm là hư vọng nên hành giả nhận biết rõ mà không tham cầu. Nếu không tham đắm thì không có dòng chảy sinh tử. Nếu không có dòng chảy sinh tử thì không có sinh tử

luân hồi. Nếu không có sinh tử luân hồi tức là giải thoát.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào gọi là giải thoát?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Giải thoát gọi là các duyên không hòa hợp. Nếu vô minh không hòa hợp với nhân duyên của các hành thì không khởi lên các hành. Nếu chẳng khởi lên các hành thì gọi là diệt, chẳng khởi lên tướng là giải thoát hoàn toàn. Chứng đắc đạo ấy tức là cõi Vô sinh. Như vậy gọi là bốn Thánh đế.

Bấy giờ, Bồ-tát Đẳng Hạnh nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Như những lời Đại sĩ đã giảng nói đều là chân thật chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Tất cả lời nói đều là chân thật.

Bồ-tát Đẳng Hạnh hỏi:

–Lời nói hư vọng cũng là chân thật sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Đúng vậy. Vì sao? Vì những lời nói đều là hư vọng, không nơi chốn, không phương hướng. Do pháp đều là hư vọng, không nơi chốn, không phương hướng nên tất cả lời nói đều là chân thật.

Này Đại sĩ! Lời nói của Đề-bà-đạt-đa và lời nói của Như Lai là không sai khác. Vì sao? Vì tất cả lời nói đều là lời nói của Như Lai chẳng ra ngoài Như. Tất cả lời nói có sự việc để thuyết giảng đều do không có chỗ giảng thuyết nên có thể giảng thuyết. Vì vậy tất cả lời nói đều là bình đẳng, văn tự giống nhau, văn tự không nhớ nghĩ, văn tự là không.

Bồ-tát Đẳng Hạnh hỏi:

–Như Lai chẳng giảng thuyết về ngôn ngữ của hàng phàm phu, ngôn ngữ của bậc Thánh hiền sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Đúng vậy. Như Lai dùng văn tự để giảng thuyết ngôn ngữ của phàm phu, cũng dùng văn tự để giảng thuyết ngôn ngữ của Thánh hiền. Như vậy, này Đại sĩ! Các văn tự có sự phân biệt đây là ngôn ngữ của phàm phu, đây là ngôn ngữ của Thánh hiền?

Bồ-tát Đẳng Hạnh đáp:

–Thưa không có.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như các văn tự không phân biệt, tất cả Hiền thánh cũng không phân

biệt. Cho nên, Hiền thánh không có ngôn thuyết. Vì sao? Vì Hiền thánh chẳng dùng tướng của văn tự, chẳng dùng tướng của chúng sinh, chẳng dùng tướng của pháp để làm đối tượng được thuyết giảng. Ví như chuông, trống do mọi duyên hòa hợp mà có âm thanh, những chuông trống đó cũng không phân biệt. Như vậy, chư Hiền thánh khéo nhận biết về mọi nhân duyên, nên đối với những ngôn thuyết không tham chấp, không ngăn ngại.

Bồ-tát Đẳng Hạnh hỏi:

–Như Đức Phật đã giảng nói: "Các ông tập hợp sẽ làm hai việc: Hoặc thuyết pháp, hoặc im lặng như bậc Thánh". Thế nào là thuyết pháp, thế nào là im lặng như bậc Thánh?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu thuyết pháp không trái với Phật, không trái với Pháp, không trái với Tăng thì gọi là thuyết pháp. Nếu biết pháp tức là Phật, xa lìa tướng tức là Pháp, vô vi tức là Tăng, đó gọi là im lặng như bậc Thánh.

Lại nữa, này Đại sĩ! Nương vào bốn Niệm xứ mà có đối tượng được thuyết giảng gọi là thuyết pháp. Đối với tất cả các pháp không có chỗ nhớ nghĩ, gọi là im lặng như bậc Thánh.

Nương vào bốn Chánh cần mà có đối tượng được thuyết giảng gọi là thuyết pháp. Do các pháp vốn bình đẳng, không tạo ra bình đẳng, chẳng tạo tác, chẳng bình đẳng, gọi là im lặng như bậc Thánh.

Nương vào bốn Như ý túc mà có đối tượng được thuyết giảng, gọi là thuyết pháp. Nếu thân tâm không dấy khởi thì gọi là im lặng như bậc Thánh.

Nương vào năm Căn, năm Lực mà có đối tượng được thuyết giảng, gọi là thuyết pháp. Nếu không theo lời nói của người khác để có lòng tin thì chẳng chọn lấy, chẳng xả bỏ, phân biệt các pháp dốc lòng an trú. Trong niệm, vô niệm, hiểu rõ tất cả các pháp, tánh luôn quyết định, đoạn trừ hết thảy mọi hý luận, gọi là im lặng như bậc Thánh.

Nương vào bảy Bồ-đề phần mà có đối tượng được thuyết giảng gọi là thuyết pháp. Nếu thường thực hành tâm Xả, không có sự phân biệt, không tăng không giảm, gọi là im lặng như bậc Thánh.

Nương vào tám Thánh đạo mà có đối tượng được thuyết giảng gọi là thuyết pháp. Nếu nhận biết tướng của việc thuyết pháp dụ như thuyền bè, chẳng dựa chấp vào pháp, chẳng nương chấp vào phi pháp, gọi là im lặng như bậc Thánh.

Đối với ba mươi bảy phẩm Trợ đạo ấy nếu có thể mở bày, giải thích, giảng thuyết, gọi là thuyết pháp. Nếu thân chứng được pháp ấy thì

cũng không lìa thân để thấy pháp, cũng không lìa pháp để thấy thân. Trong pháp quán ấy không thấy hai tướng, chẳng thấy không hai tướng. Như vậy, mọi nhận thức hiện tiền cũng không chấp nơi đó, gọi là im lặng như bậc Thánh.

Lại nữa, này Đại sĩ! Nếu không vọng tưởng chấp về ngã, không vọng tưởng chấp về ngã sở, không vọng tưởng chấp về pháp, có đối tượng được thuyết giảng thì gọi là thuyết pháp. Nếu đạt được tướng không thể thuyết giảng, có thể xa lìa tất cả âm thanh của lời nói, đạt được chốn không động, hội nhập nơi tâm lìa tướng thì gọi là im lặng như bậc Thánh.

Lại nữa, này Đại sĩ! Nếu nhận biết tất cả các căn lanh lợi, thấp kém của chúng sinh, theo đó mà giáo hóa họ, gọi là thuyết pháp. Thường hội nhập nơi thiền định, tâm không tán loạn gọi là im lặng như bậc Thánh.

Bồ-tát Đẳng Hạnh nói:

–Như tôi hiểu nghĩa của Đại sĩ đã giảng thuyết, là tất cả hàng Thanh văn, Bích-chi-phật không có thuyết pháp, cũng không có im lặng như bậc Thánh. Vì sao? Vì không hiểu rõ các căn lanh lợi hay thấp kém của tất cả chúng sinh, cũng lại không thể luôn ở trong thiền định.

Thưa Đại sĩ! Nếu có lời hỏi chân thật: Ai là người thuyết pháp ở thế gian, ai là người im lặng như bậc Thánh ở thế gian, thì phải nói chính là chư Phật. Vì sao? Vì chư Phật có thể phân biệt hoàn toàn các căn lanh lợi hay thấp kém của chúng sinh, cũng thường ở trong thiền định.

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng vậy, đúng vậy! Như lời Bồ-tát Đẳng Hạnh nói. Chỉ có chư Phật Như Lai mới có hai pháp này.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đích thân theo Phật, được nghe Phật nói: "Chư vị tập hợp nên làm hai việc, hoặc là thuyết pháp, hoặc là im lặng như bậc Thánh".

Bạch Thế Tôn! Nếu hàng Thanh văn không thể thực hành việc ấy thì tại sao Đức Như Lai lại bảo các Tỳ-kheo thực hành hai việc này?

Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Theo ý ông thì sao? Nếu hàng Thanh văn không lãnh hội sự thuyết giảng của người khác mà có thể thuyết pháp, có thể im lặng như bậc Thánh chăng?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa không.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Vì thế nên biết tất cả hàng Thanh văn, Bích-chi-phật không có thuyết pháp, không im lặng như bậc Thánh.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Thưa Trưởng lão Tu-bồ-đề! Như Lai hiểu rõ tám vạn bốn ngàn hành nghiệp của chúng sinh. Trưởng lão ở trong số này là người có trí tuệ, Trưởng lão có thể tùy theo căn cơ thích ứng của chúng sinh để thuyết pháp cho họ không?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa không được.

Bồ-tát hỏi:

–Này Trưởng lão Tu-bồ-đề! Hiện tại có thể nhập vào Tam-muội, xem xét tâm niệm của tất cả chúng sinh, an trú vào Tam-muội ấy để thấu rõ tâm và mọi nẻo hành hóa nơi tâm của hết thảy chúng sinh, tâm mình, tâm người không bị chướng ngại chăng?

Trưởng lão Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa không.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Tôn giả Tu-bồ-đề! Như Lai đối với tám vạn bốn ngàn hành nghiệp của chúng sinh, tùy theo căn cơ thích ứng của họ mà thuyết pháp, cho thuốc. Lại luôn an trú trong tướng bình đẳng của định, tâm không lay động mà thấu tỏ mọi tâm niệm và nẻo hành hóa nơi tâm của tất cả chúng sinh.

Này Trưởng lão Tu-bồ-đề! Như vậy, nên biết tất cả hàng Thanh văn, Bích-chi-phật không thể sánh kịp việc này.

Này Tôn giả Tu-bồ-đề! Hoặc có chúng sinh nhiều dâm dục dùng pháp quán thanh tịnh mà chứng đắc giải thoát, chứ chẳng phải do quán bất tịnh, chỉ có Phật mới có thể nhận biết. Hoặc có chúng sinh nhiều giận dữ, dùng pháp quán về lỗi lầm mà chứng đắc giải thoát, chứ chẳng phải do pháp quán tâm Từ bi, chỉ có Phật mới có thể nhận biết. Hoặc có chúng sinh nhiều ngu si dùng pháp "bất cộng ngữ" mà chứng đắc giải thoát, chứ chẳng phải dùng việc thuyết giảng pháp, chỉ có Phật mới có thể nhận biết. Hoặc có chúng sinh thực hành những pháp trên, chẳng dùng pháp quán thanh tịnh, chẳng dùng pháp quán bất tịnh, chẳng dùng pháp quán lỗi lầm, chẳng dùng pháp quán tâm Từ, chẳng dùng "bất cộng ngữ", chẳng dùng việc thuyết giảng pháp để được giải thoát, thuận theo căn tánh dùng các pháp bình đẳng để

thuyết giảng giáo pháp, khiến họ được giải thoát, chỉ có Đức Phật mới biết được. Cho nên, Đức Như Lai là vị thuyết pháp bậc nhất trong những người thuyết pháp, cũng là vị thiền định bậc nhất trong những người thiền định.

Bấy giờ, Trưởng lão Tu-bồ-đề hỏi Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu hàng Thanh văn, Bích-chi-phật không thể thuyết pháp như vậy, không thể im lặng như bậc Thánh như vậy, thì hàng Bồ-tát thành tựu công đức như vậy, có thể thuyết pháp, có thể im lặng như bậc Thánh không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Chỉ có Phật mới nhận biết được.

Đức Phật bảo Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Có Tam-muội tên là Nhập nhất thiết ngữ ngôn tâm bất tán loạn, nếu Bồ-tát thành tựu Tam-muội này thì đạt được công đức ấy.

Khi đó, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Bồ-tát Đẳng Hạnh:

–Thưa Đại sĩ! Vì chúng sinh có tám vạn bốn ngàn hành nghiệp nên Đức Phật thuyết giảng tám vạn bốn ngàn pháp môn gọi là thuyết pháp. Thường an trú trong hết thảy định diệt thọ, tưởng, hành, nên gọi là im lặng như bậc Thánh.

Thưa Đại sĩ! Tôi ở trong một kiếp, hoặc chưa đầy một kiếp, có thể thuyết giảng về nghĩa này, tức là tướng thuyết pháp, tướng im lặng như bậc Thánh, hãy còn chẳng thể kể hết.

Phật bảo Bồ-tát Đẳng Hạnh:

–Này Thiện nam! Về đời quá khứ trải qua vô lượng, vô biên, vô số kiếp không thể nghĩ bàn, khi ấy có Đức Phật xuất hiện ở đời hiệu là Phổ Quang, kiếp tên Danh văn, nước tên Hý kiến. Quốc độ kia trang nghiêm thanh tịnh, giàu có, an vui, trời người đông đúc. Cõi đất ấy đều dùng các thứ báu để trang nghiêm, mềm mại, êm dịu, sinh ra hoa sen báu và nhiều loại cây thơm, thường tỏa ra mùi hương vi diệu lan rộng khắp nơi.

Này Bồ-tát Đẳng Hạnh! Cõi nước Hý kiến có bốn trăm ức bốn cõi thiên hạ. Mỗi mỗi cõi thiên hạ dài rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, các thành trong cảnh giới đó dài rộng một do-tuần đều dùng các thứ báu trang hoàng, mỗi thành có một vạn năm ngàn thôn ấp, xóm làng vây quanh, mỗi mỗi làng xóm, thôn ấp có vô lượng trăm ngàn dân chúng sống đông đúc. Khi ấy, dân chúng nếu thấy được sắc màu, hình tượng thì tâm đều vui thích, không hề có khinh ghét, cũng đều đạt được pháp Tam-muội niệm Phật. Cho nên, cõi nước đó gọi là Hý kiến. Nếu có chư Bồ-tát từ thế giới khác đến thì cũng đều đạt được mọi diệu lạc, các cõi

khác thì không được như vậy.

Này Bồ-tát Đẳng Hạnh! Đức Phật Phổ Quang kia dùng pháp của ba thừa để thuyết pháp cho đệ tử, cũng thường ưa thích thuyết pháp âm như vầy: "Này các Tỳ-kheo nên thực hành hai việc, hoặc thuyết pháp, hoặc im lặng như bậc Thánh".

Này Bồ-tát Đẳng Hạnh! Bấy giờ, cõi nước của Đức Phật Y Vương ở phương Trên có hai vị Bồ-tát: Một tên là Vô Tận Ý, hai tên là Ích Ý, đi đến chỗ của Đức Phật Phổ Quang, đầu mặt đảnh lễ nơi chân Phật, nhiễu quanh theo phía bên phải ba vòng, cung kính chắp tay lui ra đứng một bên. Khi ấy, Đức Phật Phổ Quang vì hai vị Bồ-tát này mà thuyết giảng Tam-muội Tịnh minh. Sở dĩ gọi là Tam-muội Tịnh minh, vì nếu Bồ-tát hội nhập Tam-muội ấy liền được giải thoát khỏi tất cả các tướng và phiền não trói buộc, đối với tất cả pháp của Phật cũng đạt được ánh sáng thanh tịnh.

Lại nữa, hết thảy các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai đều thanh tịnh. Đó là ba đời hoàn toàn thanh tịnh, không thể khiến cho không thanh tịnh vì bản tánh của các pháp thường thanh tịnh, do đấy, nói tánh của tất cả các pháp luôn thanh tịnh.

Thế nào là tánh của các pháp thanh tịnh? Nghĩa là tướng của tất cả pháp là không, lìa mọi thủ đắc. Tướng của các pháp là không tướng, nên xa lìa mọi nhớ tưởng, phân biệt. Tướng của tất cả pháp là không tạo tác, nên không giữ lấy, không xả bỏ, không mong cầu, không chỗ nguyện, hoàn toàn xa lìa tự tánh. Đó gọi là tánh thường thanh tịnh. Do tướng thường thanh tịnh, nên biết tánh sinh tử tức là Niết-bàn, tánh Niết-bàn tức là tánh của tất cả pháp, vì vậy nói tâm tánh thường thanh tịnh.

Này Bồ-tát Đẳng Hạnh! Ví như hư không, nếu thọ nhận cấu uế thì không có điều đó. Tánh của tâm cũng như vậy, nếu có cấu uế thì không có điều ấy.

Lại như hư không, tuy bị khói bụi mây mù che phủ nên chẳng trong sáng, chẳng sạch sẽ, nhưng không thể làm ô nhiễm tánh của hư không. Giả sử tánh của hư không bị nhiễm ô thì không thể thanh tịnh trở lại. Do hư không thật sự không bị nhiễm ô cho nên thấy thanh tịnh trở lại. Tâm của hàng phàm phu cũng như vậy, tuy nhớ nghĩ sai lầm, phát sinh phiền não, nhưng tánh của tâm thì không hề ô nhiễm. Giả sử tánh của tâm bị cấu uế thì không thể trở lại thanh tịnh, do tánh của tâm thật sự không có cấu nhiễm, nên thường sáng tỏ, thanh tịnh, vì thế tâm được giải thoát.

Này Bồ-tát Đẳng Hạnh! Đó gọi là hội nhập pháp Tam-muội Tịnh minh. Hai vị Bồ-tát kia nghe giảng nói về Tam-muội ấy, ở trong các pháp

liền chứng đắc ánh sáng của pháp không thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Tận Ý bạch Phật Phổ Quang:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con đã lãnh hội pháp Tam-muội Tịnh minh thì nên hành trì thế nào để thực hành pháp môn này?

Đức Phật bảo Bồ-tát Vô Tận Ý:

–Này Bồ-tát! Các vị phải nên thực hành hai việc, hoặc thuyết pháp, hoặc im lặng như bậc Thánh.

Khi ấy, hai vị Bồ-tát nhận lãnh lời dạy của Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ nơi chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, rồi lui ra, đến một khu rừng, tự dùng thần lực hóa thành tòa lầu báu ở trong đó mà tu hành. Bấy giờ có Phạm thiên tên Diệu Quang cùng bảy vạn hai ngàn Phạm thiên đi đến khu rừng ấy, cung kính đảnh lễ hai vị Bồ-tát, thưa hỏi:

–Thưa hai vị Đại sĩ! Đức Phật Phổ Quang đã dạy: "Chư Tỳ-kheo nhóm họp nên làm hai việc, hoặc thuyết pháp, hoặc im lặng như bậc Thánh". Thưa Bồ-tát! Thế nào là thuyết pháp, thế nào là im lặng như bậc Thánh?

Hai vị Bồ-tát nói:

–Nay các ông hãy lắng nghe, chúng tôi sẽ nói một phần nhỏ, chỉ có Đức Như Lai mới thông đạt hết thảy.

Lúc này, hai vị Bồ-tát dùng nghĩa của hai câu vì các Phạm chúng mà phân biệt, thuyết giảng. Khi ấy, bảy vạn hai ngàn Phạm chúng đều chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh. Phạm thiên Diệu Quang chứng đắc Tam-muội Phổ quang minh. Hai vị Bồ-tát đó ở trong bảy vạn sáu ngàn năm, dùng diệu lực của biện tài vô ngại giải đáp những câu hỏi của những Phạm chúng kia mà chẳng hề biếng trễ, chẳng dừng nghỉ, phân biệt về nghĩa lý của hai câu, cùng nhau hỏi đáp không cùng tận. Lúc đó, Đức Phật Phổ Quang ở trong hư không nói như vầy:

–Này Bồ-tát! Chớ đối với văn tự, ngôn thuyết mà khởi lên sự tranh luận. Phàm các lời nói đều là không, như tiếng vang, sự hỏi, đáp này cũng như vậy. Hai vị đều đạt được biện tài vô ngại và Đà-la-ni vô tận, nếu ở trong một kiếp, hoặc trăm kiếp giảng nói về hai câu này thì biện luận cũng không thể hết.

Này hai vị! Pháp của Phật là nghĩa bậc nhất, là tướng vắng lặng, trong đó không có văn tự, chẳng thể thuyết giảng, những ngôn thuyết đều không có ý nghĩa, lợi ích. Cho nên, phải thuận theo diệu nghĩa ấy, chớ nên chấp theo văn tự.

Hai vị Bồ-tát nghe Đức Phật dạy rồi đều im lặng thọ nhận.

Đức Phật bảo Bồ-tát Đẳng Hạnh:

–Vì vậy nên biết, nếu Bồ-tát dùng biện tài để thuyết pháp thì trăm ngàn vạn kiếp, hoặc hơn trăm ngàn vạn kiếp cũng chẳng thể cùng tận.

Lại bảo Bồ-tát Đẳng Hạnh:

–Ý ông thế nào? Hai vị Bồ-tát ở thời ấy là người khác lạ chăng? Ông chớ suy nghĩ như thế. Bồ-tát Vô Tận Ý nay là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Bồ-tát Ích Ý nay chính là ông đó, còn Phạm thiên Diệu Quang nay là Phạm thiên Tư Ích.

-oOo-

Phẩm 9: Lực hạnh

Bấy giờ, Bồ-tát Đẳng Hạnh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là điều chưa từng có, chư Phật, Bồ-tát là những bậc đã tạo lợi ích lớn, khiến chúng sinh thực hành tinh tấn theo như chỗ thuyết giảng.

Bạch Thế Tôn! Đối với người biếng nhác thì không thể thực hành đúng như chỗ thuyết giảng, nên tuy gặp được trăm ngàn vạn Đức Phật, cũng không thể thực hiện được. Nên biết, từ sự siêng năng tinh tấn mới đạt đến giác ngộ giải thoát.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Bồ-tát Đẳng Hạnh:

–Này Bồ-tát! Ông biết Bồ-tát thực hành thế nào mới gọi là siêng năng tinh tấn?

Bồ-tát Đẳng Hạnh đáp:

–Nếu Bồ-tát có thể chứng đắc Thánh đạo thì gọi là siêng năng tinh tấn.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Thực hành như thế nào thì có thể chứng đắc Thánh đạo?

Bồ-tát Đẳng Hạnh đáp:

–Nếu đối với các pháp mà không có sự phân biệt, hành giả thực hành như vậy thì có thể đạt được Thánh đạo.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

–Thế nào gọi là đạt được Thánh đạo?

Bồ-tát Đẳng Hạnh đáp:

–Nếu hành giả ở trong bình đẳng thấy các pháp bình đẳng, đó gọi là chứng đắc Thánh đạo.

Lại hỏi:

–Bình đẳng có thể thấy được sao?

Bồ-tát Đẳng Hạnh đáp:

–Chẳng thấy! Vì sao? Vì nếu bình đẳng có thể thấy được thì chẳng phải là bình đẳng.

Phạm thiên Tư Ích nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu hành giả ở trong bình đẳng chẳng thấy các pháp thì đó gọi là chứng đắc Thánh đạo.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Vì sao chẳng thấy?

Phạm thiên Tư Ích đáp:

–Xa lìa hai tướng nên chẳng thấy, chẳng thấy tức là chánh kiến.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Ai có thể đạt được chánh kiến về thế gian?

Phạm thiên đáp:

–Người không hủy hoại tướng thế gian.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Thế nào là không hủy hoại tướng thế gian?

Phạm thiên đáp:

–"Như" của sắc không riêng, không khác. "Như" của thọ, tưởng, hành, thức cũng không riêng, không khác. Nếu hành giả thấy năm ấm bình đẳng với tướng "Như" thì đó gọi là chánh kiến về thế gian.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Những gì là tướng thế gian?

Phạm thiên đáp:

–Diệt tận là tướng thế gian.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Tướng diệt tận có thể tận chăng?

Phạm thiên đáp:

–Tướng diệt tận ấy không thể tận.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Vì sao nói tướng thế gian là tướng diệt tận?

Phạm thiên đáp:

–Tướng diệt tận hoàn toàn của thế gian là tướng không thể cùng tận. Vì sao? Vì đã diệt tận rồi thì chẳng còn tận nữa.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Đức Phật chẳng phải đã thuyết giảng tất cả pháp hữu vi là tướng diệt tận sao?

Phạm thiên đáp:

–Thế gian là tướng diệt tận mà hoàn toàn không thể diệt tận. Cho nên, Đức Phật giảng thuyết tất cả pháp hữu vi là tướng diệt tận.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Thế nào gọi là pháp hữu vi?

Phạm thiên đáp:

–Do tướng diệt tận nên gọi là pháp hữu vi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Pháp hữu vi trú ở chỗ nào?

Phạm thiên đáp:

–Trú trong tánh vô vi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Pháp hữu vi và pháp vô vi có gì sai khác?

Phạm thiên đáp:

–Văn tự, ngôn thuyết của pháp hữu vi và pháp vô vi thì có sự sai khác. Vì sao? Vì do văn tự, ngôn thuyết nêu lên đây là hữu vi, đây là vô vi. Nếu xét về thật tướng của pháp hữu vi và vô vi thì không có sự khác nhau, do thật tướng không sai biệt.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Những gì là nghĩa thật tướng của các pháp?

Phạm thiên đáp:

–Tất cả các pháp bình đẳng không có sự khác biệt, đó là nghĩa thật tướng của các pháp.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Những gì là nghĩa?

Phạm thiên đáp:

–Dùng văn tự để thuyết giảng khiến cho mọi người được hiểu rõ, nên gọi là nghĩa. Vì sao? Vì nghĩa của thật tướng thì không giống như văn tự

được nói ra. Tuy chư Phật dùng văn tự để có ngôn thuyết nhưng đối với nghĩa của thật tướng thì không có tăng giảm. Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tất cả ngôn thuyết đều chẳng phải là ngôn thuyết. Cho nên, lời nói của Đức Phật gọi là "không thể nêu bày". Chư Phật không thể dùng tướng của lời nói để thuyết giảng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Làm sao diễn tả được thật tướng của Đức Phật?

Phạm thiên đáp:

–Chư Phật Như Lai không thể dùng sắc thân để nói về tướng, không thể dùng ba mươi hai tướng để thuyết giảng về tướng, không thể dùng các pháp công đức để nói về tướng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Chư Phật có thể lìa ba mươi hai tướng của sắc thân và các pháp công đức để nói về tướng được chăng?

Phạm thiên đáp:

–Không thể. Vì sao? Vì sắc thân là "Như", ba mươi hai tướng là "Như", các pháp công đức là "Như". Chư Phật là "Không", là "Như", cũng chẳng phải lìa "Như". Như vậy có thể nói về thật tướng của Phật mà không làm mất "Như".

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Chư Phật Thế Tôn chứng được những pháp gì mà có danh hiệu là Phật?

Phạm thiên đáp:

–Chư Phật Thế Tôn thông suốt tánh tướng của các pháp là "Như" nên gọi là Như Lai, Chánh Biến Tri.

-oOo-

Phẩm 10: Chí Đại Thừa

Khi ấy, Bồ-tát Đẳng Hạnh thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát phát nguyện và thực hành về Đại thừa?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Bồ-tát không hoại sắc
Thực hành tâm Bồ-đề
Biết sắc là Bồ-đề

Gọi là hành Bồ-đề.
Biết sắc là Bồ-đề
Đều hội nhập tướng "như"
Chẳng hoại tánh các pháp
Gọi là hành Bồ-đề.
Chẳng hoại tánh các pháp
Tức là nghĩa Bồ-đề
Trong nghĩa Bồ-đề ấy
Cũng không có Bồ-đề
Chánh hạnh nghĩa đệ nhất
Gọi là hành Bồ-đề.
Đối với ấm, giới, nhập
Người ngu cầu Bồ-đề
Ấm, giới, nhập tức là
Lìa chúng, không Bồ-đề.
Nếu có các Bồ-tát
Đối pháp thượng, trung, hạ
Không chấp cũng không xả
Gọi là hành Bồ-đề.
Chánh pháp và phi pháp
Chẳng phân biệt làm hai
Cũng không chấp chẳng hai
Gọi là hành Bồ-đề.
Nếu hai tức hữu vi
Chẳng hai là vô vi
Lìa hai kiến chấp ấy
Gọi là hành Bồ-đề.
Bậc đó hơn phàm phu
Chẳng hội nhập pháp vị
Chưa chứng quả bậc Thánh
Là ruộng phước thế gian.
Thực hành pháp thế gian
Trong đó như hoa sen
Tuân tu đạo Vô thượng
Gọi là hành Bồ-đề.
Nẻo hành của thế gian
Đều ở trong đó hành
Thế gian chỗ tham đắm

Trong đó, được giải thoát
Bồ-tát không lo sợ
Chẳng chìm vực sinh tử
Không mệt mỏi, không lo
Mà hành đạo Bồ-đề.
Vị ấy khéo giỏi biết
Tướng chân thật tánh pháp
Nên chẳng còn phân biệt
Chánh pháp hay phi pháp,
Khi hành đạo Thế Tôn
Không có pháp lìa bỏ
Pháp được thọ cũng không
Đó là tướng Bồ-đề.
Tất cả pháp vô tướng
Giống như là hư không
Hoàn toàn không khởi niệm
Tướng ấy chính là tướng,
Biết nẻo hành thế gian
Thông suốt lực phương tiện
Hay đầy đủ tất cả
Sở nguyện của chúng sinh,
Thường trụ nơi bình đẳng
Hộ trì chánh Pháp Phật
Tất cả không khởi niệm
Đó là pháp Như Lai.
Hoặc có Phật, không Phật
Pháp đó thường trụ thế
Thông suốt các tướng này
Gọi là hộ trì pháp.
Thật tướng của các pháp
Hiểu rõ được nghĩa ấy
An trú ở trong đó
Mà vì người thuyết giảng,
Thực hành pháp sâu xa
Ma không thể quấy nhiễu
Vị ấy đối với pháp
Không còn bị lệ thuộc.
Cầu đạt trí tuệ Phật

Không chấp vào mong cầu
Tuệ ấy nơi mười phương
Cầu không thể nắm bắt,
Trí tuệ Phật vô ngại
Không chấp pháp, phi pháp
Nếu không chấp vào đó
Thì thành tựu Phật đạo.
Những người thích làm thiện
Bố thí thành cao quý
Bỏ hết mọi sở hữu
Mà tâm không lay động.
Các pháp không thể bỏ
Cũng không thể nắm giữ
Tất cả pháp thế gian
Vốn không thể nắm bắt.
Hiểu rõ tất cả pháp
Chẳng trí, chẳng bỏ tướng
Gọi là đại thí chủ
Không chấp vào các pháp.
Là các hàng Bồ-tát
Không chấp ngã, ngã sở
Nên khi hành bố thí
Tâm không sinh luyến tiếc.
Bố thí các sở hữu
Đều hồi hướng Phật đạo
Bố thí và Bồ-đề
Không trú nơi hai tướng.
Không sinh cũng không diệt
Thường trú ở trong ấy
Cũng không khởi các niệm
Ta an trú trì giới.
Người trú biết giới tướng
Không sinh, không tạo tác
Đó là giới thanh tịnh
Giống như là hư không.
Thân như ảnh trong gương
Lời nói như tiếng vang
Tâm thì như huyễn hóa

Chẳng vì giới cao ngạo.
Tâm ấy thường uyển chuyển
An trú tánh vắng lặng
Diệt trừ tất cả ác
Thông suốt các pháp thiện.
Trì giới và phá giới
Không chấp vào hai tướng
Như vậy thấy pháp tánh
Thì trì giới vô lậu.
Đã đến bờ nhẫn nhục
Nhẫn tất cả việc ác
Đối các loài chúng sinh
Tâm này thường bình đẳng.
Các pháp niệm niệm diệt
Tánh ấy thường chẳng trụ
Trong đó không nhục mạ
Cũng không có cung kính.
Nếu thân bị cắt, xả
Tâm ấy không hề động
Biết tâm không ở trong
Cũng không ở bên ngoài.
Oán, thân và đao gậy
Đều từ bốn đại khởi
Nơi đất, nước, gió, lửa
Chưa từng có thương tổn.
Thông suốt các việc này
Thường hành pháp nhẫn nhục
Bồ-tát hành như vậy
Chúng sinh chẳng sánh kịp.
Dũng mãnh, siêng tinh tấn
Trú vững pháp Đại thừa
Bậc này thân và tâm
Không có chỗ nương tựa.
Tuy biết gốc sinh tử
Cõi này không thể đạt
Vì tất cả chúng sinh
Trang nghiêm thệ nguyện lớn.
Pháp không quyết định sinh

Làm sao có tướng diệt
Bản tế không nắm bắt
Vì điên đảo nên thuyết.
Tánh pháp không thể bàn
Thường ở trong thế gian
Nếu biết được như vậy
Không sinh cũng không diệt.
Bồ-tát nghĩ chúng sinh
Không hiểu rõ pháp tướng
Vì họ nên tinh tấn
Khiến xa lìa điên đảo.
Chư Phật thường chẳng vướng
Tướng quyết định chúng sinh
Mà thệ nguyện rộng lớn
Quán xét lực tinh tấn.
Tư duy tất cả pháp
Biết hết thảy đều huyễn
Chẳng phải tướng kiên cố
Quán tưởng như hư không.
Phân biệt từ hư vọng
Tham đắm khổ não sinh
Vì đó mở bày pháp
Khiến được vào Niết-bàn.
Vì họ hành tinh tấn
Không hủy hoại các pháp
Lìa pháp và phi pháp
Hành tinh tấn chân chánh.
Xa lìa những hạnh đó
Hiểu rõ định không tranh
Một mình nơi thanh vắng
Thường sợ chốn sinh tử.
Thích sống nơi vắng lặng
Như tê giác một sừng
Tự tại nơi thiền định
Hiểu rõ các thần thông.
Tâm thường trú bình đẳng
Trụ ở nơi tịch tĩnh
Oai nghi không biến đổi

Thường vui trong thiền định.
Tin hiểu pháp thường định
Và vô lậu Niết-bàn
Tâm này được giải thoát
Nên gọi bậc thường định.
Tự trú pháp bình đẳng
Từ đấy dẫn chúng sinh
Không trái hạnh bình đẳng
Nên gọi bậc thường định.
Ý chí thường vững chắc
Không quên tâm Bồ-đề
Cũng giáo hóa chúng sinh
Nên gọi bậc thường định.
Luôn nhớ nghĩ chư Phật
Thân pháp tánh chân thật
Xa lìa tướng sắc thân
Nên gọi bậc thường định.
Thường tu niệm nơi pháp
Như thật tướng các pháp
Cũng không có nhớ nghĩ
Nên gọi bậc thường định.
Thường tu niệm với Tăng
Tăng tức là vô vi
Lìa số và phi số
Thường hội nhập định này.
Đều thấy Phật mười phương
Tất cả loài chúng sinh
Mà mắt đối với sắc
Trọn không sinh hai tướng.
Pháp chư Phật đã thuyết
Tất cả đều lãnh thọ
Mà tai đối với thanh
Cũng không sinh hai tướng.
Trong thiền định nhất tâm
Biết tâm các chúng sinh
Tâm mình và tâm người
Cả hai chẳng phân biệt.
Nhớ nghĩ đời quá khứ

Như hằng hà sa kiếp
Trước kia và sau này
Cũng không có phân biệt.
Đi khắp vô lượng cõi
Thị hiện sức thần thông
Mà ở trong thân tâm
Không có tưởng nhàm chán.
Phân biệt rõ các pháp
Thuyết biện tài vô tận
Trong vô lượng số kiếp
Tánh tướng pháp mở bày.
Trí tuệ đến bờ kia
Khéo hiểu ấm, giới, nhập
Thường thuyết cho chúng sinh
Không chấp, không hý luận.
Khéo biết pháp nhân duyên
Xa lìa tướng nhị biên
Biết là nhân phiền não
Cũng biết nhân thanh tịnh.
Tin hiểu pháp nhân duyên
Thì không có tà kiến
Pháp đều thuộc nhân duyên
Không có gốc quyết định.
Kiến chấp ngã và Phật
Kiến chấp không, sinh tử
Kiến chấp về Niết-bàn
Kiến chấp đều không đúng.
Ánh sáng trí vô lượng
Rõ thật tướng các pháp
Không tối, không chướng ngại
Là hành đạo Bồ-đề.
Thừa này gọi Đại thừa
Thừa chẳng thể nghĩ bàn
Đều dung nạp chúng sinh
Nên dung lượng vô tận.
Ở trong tất cả thừa
Thừa này là bậc nhất
Như vậy Đại thừa ấy

Sinh ra các thừa khác.
Thừa khác có hạn lượng
Không dung nạp tất cả
Chỉ thừa Vô thượng ấy
Mới độ hết chúng sinh.
Nếu hành Đại thừa này
Vô lượng như hư không
Thì tất cả chúng sinh
Không có tâm keo kiệt.
Hư không không giới hạn
Cũng không có hình sắc
Đại thừa cũng như vậy
Chẳng giới hạn ngăn ngại.
Nếu tất cả chúng sinh
Nương nơi Đại thừa ấy
Nên xem tướng thừa đó
Chỗ bao dung rộng lớn.
Vô lượng, vô số kiếp
Nêu công đức Đại thừa
Và người nương thừa đó
Cũng không thể cùng tận.
Nếu người nghe kinh này
Cho đến giữ một kệ
Vĩnh viễn thoát các nạn
Đạt đến chốn an ổn.
Người kính niệm kinh này
Sau khi bỏ thân mạng
Không đọa vào đường ác
Thường sinh trong trời, người.
Ở đời ác về sau
Nếu người nghe kinh ấy
Như Lai sẽ thọ ký
Rốt ráo thành Phật đạo.
Người thọ trì kinh này
Phật pháp ở người đó
Người ấy trụ pháp Phật
Có thể chuyển pháp luân.
Người thọ trì kinh này

Chuyển đổi vô lượng kiếp
Lưu chuyển trong sinh tử
Được gần gũi Phật đạo.
Người thọ trì kinh này
Đạt trí tuệ, tinh tấn
Gọi là đại dũng mãnh
Phá trừ các quân ma.
Ta thời Phật Nhiên Đăng
Trụ nhẫn, được thọ ký
Nếu người thích kinh này
Ta thọ ký cũng vậy.
Người sau đời Thế Tôn
Hay giảng rõ kinh này
Phật tuy không trụ thế
Có thể làm Phật sự.

Khi Đức Phật nói kệ này, có năm ngàn Thiên tử đều phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hai ngàn Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn vô sinh, mười ngàn Tỳ-kheo thông tỏ các pháp, dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát, ba vạn hai ngàn người xa lìa mọi cấu uế phiền não, ở trong các pháp chứng đắc Pháp nhãn thanh tịnh.

-oOo-

Phẩm 11: Hành đạo

Bấy giờ, Pháp vương tử Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như chỗ con hiểu về nghĩa lý mà Đức Phật đã giảng thuyết, nếu có người phát nguyện Bồ-đề, thì đó là tà nguyện. Vì sao? Vì mọi pháp có chỗ thủ đắc thảy đều là tà vạy. Nếu người nào cho là đạt được Bồ-đề mà phát nguyện thì mọi nơi thực hành của người ấy đều xem là tà vạy. Vì sao? Vì Bồ-đề không ở trong cõi Dục, không trụ ở cõi Sắc, cũng không an trú ở cõi Vô sắc. Do Bồ-đề không có trú xứ nên không phát nguyện.

Bạch Thế Tôn! Ví như có người nguyện được hư không thì có đạt được hư không chăng?

Đức Phật bảo:

–Không được.

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát cũng vậy, phát nguyện về Bồ-đề thì tướng

đồng như hư không, tức là phát nguyện như hư không. Bồ-đề vượt khỏi ba cõi, chẳng phải là tướng thọ nhận nên không thể phát nguyện. Nếu Bồ-tát dấy khởi hai tướng mà phát tâm Bồ-đề và cho rằng sinh tử khác với Bồ-đề, tà kiến khác với Bồ-đề, Niết-bàn khác với Bồ-đề, đó là chẳng thực hành đạo Bồ-đề.

Bấy giờ, Phạm thiên Tư Ích nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát thực hành như thế nào mới gọi là hành Bồ-đề?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu Bồ-tát thực hành tất cả pháp mà đối với các pháp không có chỗ thực hành thì gọi là thực hành hạnh Bồ-đề. Vì sao? Vì ra khỏi tất cả nẻo hành thì gọi là thực hành Bồ-đề.

Phạm thiên lại hỏi:

–Thế nào là ra khỏi tất cả nẻo hành là hành Bồ-đề?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Xa rời các tướng của duyên nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thì gọi là ra khỏi tất cả nẻo hành.

Lại hỏi:

–Ra khỏi có nghĩa thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Không ra khỏi bình đẳng. Vì sao? Vì tất cả pháp bình đẳng tức là Bồ-đề.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là phát nguyện Bồ-đề?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Phải như Bồ-đề.

Lại hỏi:

–Thế nào là Bồ-đề?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Bồ-đề chẳng phải là quá khứ, chẳng phải là vị lai, chẳng phải là hiện tại. Vì vậy, Bồ-tát nên dùng tâm thanh tịnh nơi ba đời để phát nguyện Bồ-đề.

Này Phạm thiên! Như pháp quá khứ, hiện tại, vị lai, từ xưa đến nay thường chẳng sinh, do không sinh nên không thể nêu bày. Phát nguyện như vậy mà không có đối tượng được phát nguyện là phát tất cả nguyện. Vì sao? Vì thực hành đạo như vậy nên chứng đắc Nhất thiết chủng trí.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào gọi là Nhất thiết chủng trí?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Vì biết tất cả trí tuệ chân thật nên gọi là Nhất thiết chủng trí.

Lại hỏi:

–Những gì là trí tuệ chân thật?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Tướng không biến đổi như tướng không biến đổi của chúng sinh, trí tuệ chân thật cũng không có tướng biến đổi.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là tướng của chúng sinh?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Xa lìa hoàn toàn văn tự giả danh là tướng của chúng sinh. Tướng như vậy tức là không biến đổi. Nếu cho chúng sinh khác với Bồ-đề thì đó là biến đổi. Như tướng của Bồ-đề, tướng của chúng sinh cũng vậy, cho nên không biến đổi. Bồ-đề không thể dùng đạo khác mà chứng đắc, chỉ do sự bình đẳng của ngã nên Bồ-đề bình đẳng, tánh chúng sinh bình đẳng vô ngã, như vậy nên có thể chứng đắc Bồ-đề. Vì thế, Bồ-đề không biến đổi. Vì sao? Vì như hư không chẳng có tướng biến đổi nên tướng của tất cả các pháp cũng không biến đổi.

Bấy giờ, Phạm thiên Tư Ích nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Lời nói chân thật của Như Lai có thể giảng thuyết về pháp như vậy chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như Lai đối với các pháp không có đối tượng được giảng thuyết. Vì sao? Vì Như Lai hãy còn không thủ đắc các pháp huống gì là thuyết pháp.

Phạm thiên Tư Ích hỏi:

–Như Lai đã chẳng giảng nói các pháp là thế gian, là xuất thế gian, là hữu vi, là vô vi sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Ý ông thế nào? Hư không ấy có thể nêu bày, có thể phân biệt được chăng?

Phạm thiên Tư Ích đáp:

–Chẳng được.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Nay nói về danh tự của hư không, do nói về nó nên có sinh, có diệt sao?

Phạm thiên Tư Ích đáp:

–Chẳng phải vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như Lai thuyết pháp cũng thế, chẳng do sự thuyết giảng mà các pháp có sinh, có diệt. Thuyết pháp như thế là không thể thuyết giảng về tướng, cũng do pháp này có chỗ chỉ dạy, là không có đối tượng được chỉ dạy. Vì sao? Vì như thuyết giảng về pháp tánh, không thuyết giảng về pháp tánh cũng lại như vậy. Cho nên giảng thuyết tất cả pháp an trú nơi "Như" mà "Như" đó cũng không chỗ trú.

-oOo-

KINH TƯ ÍCH PHẠM THIÊN SỞ VẤN

QUYỂN 4

Phẩm 12: Xưng tán

Bấy giờ, Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương đều ở trong chúng hội, liền dùng hoa trời tung rải lên trên chỗ Đức Phật và thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các thiện nam, thiện nữ nghe Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết giảng pháp như thế mà tin, hiểu thì nên biết người đó có thể phá trừ được các thứ ma oán. Vì sao? Vì sự thuyết pháp của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hôm nay có thể dứt trừ hết thảy những vọng tưởng, tà kiến.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nghe pháp này mà không sợ hãi, nên biết người đó chẳng phải từ công đức nhỏ mà đạt được. Nếu những nơi chốn có kinh này thì nên biết các chỗ ấy luôn có chư Phật hộ niệm và thọ dụng. Nếu nơi nào đang nghe kinh này thì nên biết đó cũng là nơi đang chuyển pháp luân. Những xóm làng, thôn ấp, núi rừng, đồng trống, chùa tháp, Tăng phường, nơi kinh hành… nào có cất giữ kinh này, thì các thứ ma, hàng ngoại đạo, những người tham chấp không thể phá hoại, nhiễu loạn.

Bạch Thế Tôn! Nếu người ở quá khứ đã từng cúng dường nhiều chư Phật thì mới có thể lãnh hội được kinh này.

Bạch Thế Tôn! Chúng con chính nhờ nơi kinh này mà đạt được ánh sáng trí tuệ nhưng không thể đền đáp ân đức của Phật, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và Phạm thiên Tư Ích.

Bạch Thế Tôn! Chúng con được nghe từ kinh này nên đối với các vị Pháp sư luôn sinh tưởng niệm về Đức Thế Tôn. Chúng con thường theo hầu người giảng thuyết kinh đó, bậc ấy thường được ủng hộ của chư Thiên. Nếu có người biên chép kinh ấy thành sách thì khi đọc tụng, giảng thuyết sẽ có vô lượng chư Thiên vì nghe pháp nên đến chỗ người ấy.

-oOo-

Phẩm 13: Ca ngợi công đức

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương và đại chúng:

–Lành thay, lành thay! Như lời các ông nói. Nếu trong tam thiên đại thiên thế giới đầy các thứ châu báu chọn làm một phần, công đức của người nghe kinh này đạt được chọn làm một phần, thì phước đức của người nghe kinh này hơn hẳn phước đức kia. Gác qua phần vừa nêu ấy. Nếu ở trong hằng hà sa số thế giới khắp mười phương cũng đầy các thứ châu báu, thì công đức đạt được của người nghe được kinh này vẫn hơn hẳn phước đức kia.

Này các thiện nam! Nếu người muốn được nhiều công đức thì nên lãnh hội kinh này. Nếu muốn có được sắc thân đoan nghiêm, của cải giàu có, nhiều quyến thuộc, tự tại, đầy đủ mọi sự an lạc của hàng trời, người, tiếng khen, học rộng, nhớ nhiều, chánh hạnh kiên cố, oai nghi, ba học giới, định, tuệ, thông suốt các kinh sách, muốn có được các bậc Thiện tri thức, muốn đạt được ba Minh, sáu Thông, tất cả pháp thiện, muốn đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn đem lại an vui cho tất cả chúng sinh, muốn Niết-bàn thì phải nên lãnh hội, thọ trì, đọc tụng kinh này, theo đúng như pháp mà tu tập, giảng thuyết cho mọi người.

Này Thiện nam! Nếu người thực hành kinh này Như Lai tất thấy người đó đạt được đầy đủ những diệu lạc như vậy.

Này các thiện nam! Nay ta nói rõ cho chư vị biết, nếu người nào được nghe kinh này, hoặc từ nơi các bậc Hòa thượng, A-xà-lê, thì ta không thấy có vật dụng cúng dường nào của thế gian có thể báo đáp ân đức của những vị đó được. Pháp ấy là vượt khỏi thế gian nên sự cúng dường của thế gian không thể báo đáp đủ. Pháp đó vượt qua thế gian, nên những tài vật của thế gian không thể báo đáp được. Pháp ấy là không cấu nhiễm nên các vật nhiễm ô không thể đền đáp được.

Này các thiện nam! Pháp đó thì không gì có thể báo đáp được, chỉ có một việc là đúng như lời dạy mà tu tập, hoặc người ở trong pháp ấy có theo đúng như lời dạy mà tu hành, thì đó gọi là báo đáp ân đức của Thầy, cũng là cung kính đối với Thầy, là sự báo ân hoàn toàn thanh tịnh.

Đó gọi là người xứng đáng nhận các vật cúng dường nơi tín thí.

Đó gọi là thuận theo lời nói của Như Lai, tùy thuận sự chỉ dạy của Như Lai.

Gọi là vượt qua các dòng sinh tử.

Gọi là thoát khỏi các đường nguy hiểm.

Gọi là dựng lập ngọn cờ pháp thù thắng.

Gọi là phá tan quân địch.

Gọi là sư tử chúa vì không còn lo sợ.

Gọi là bậc tượng vương vì tâm luôn hòa diệu.

Gọi là ngưu vương vì các luận sư ngoại đạo không thể hủy hoại được.

Gọi là bậc y vương vì có khả năng chữa trị các bệnh của chúng sinh.

Gọi là bậc không còn sợ hãi vì có thể giảng thuyết pháp thâm diệu.

Gọi là bậc đầy đủ hạnh xả vì xả bỏ các thứ phiền não.

Gọi là bậc trì giới thanh tịnh, vì thành tựu trọn vẹn các pháp thiện.

Gọi là bậc nhẫn nhục lớn, vì xa lìa ngã và ngã sở.

Gọi là bậc đạt được năng lực đại tinh tấn vì trong vô lượng kiếp tâm không hề mệt mỏi.

Gọi là bậc đầy đủ thiền định, vì thường giữ chánh niệm, trú tâm tại một chỗ.

Gọi là bậc có trí tuệ lớn vì thông hiểu hoàn toàn các câu, nghĩa ngôn thuyết.

Gọi là bậc có đủ công đức lớn, vì dùng vô lượng phước đức để trang nghiêm thân tướng.

Gọi là bậc có oai đức lớn vì có thể che khuất tất cả ánh sáng của mặt trời, mặt trăng.

Gọi là bậc đại lực vì có thể giữ gìn mười diệu lực của chư Phật.

Gọi là bậc mây lớn vì có thể làm chấn động với tiếng sấm pháp.

Gọi là bậc tạo nên mưa lớn vì có thể diệt trừ các thứ phiền não cấu nhiễm.

Gọi là bậc tạo nên nhà cửa vì có thể đưa đến Niết-bàn.

Gọi là bậc cứu giúp lớn, vì đã cứu độ mọi sự lo sợ về sinh tử.

Gọi là ánh sáng của đèn tỏ vì xa lìa mọi nẻo tối tăm của vô minh.

Gọi là nơi chốn quy về, vì là chỗ nương tựa khiến cho các ma sợ hãi.

Gọi là đạo rốt ráo của chúng sinh.

Gọi là bậc chứng đắc quả vị, vì an tọa nơi đạo tràng.

Gọi là bậc đã đạt được Pháp nhãn.

Gọi là bậc thấy rõ tánh như của các pháp.

Gọi là bậc nhận biết tướng của pháp không.

Gọi là bậc an trụ nơi đại Bi.

Gọi là bậc an lập đại Từ.

Gọi là bậc không từ bỏ tất cả chúng sinh.

Gọi là bậc không tu tập theo pháp nhỏ.

Gọi là bậc hướng đến Đại thừa.

Gọi là bậc trừ bỏ các thứ điên đảo.

Gọi là bậc đạt được bình đẳng trọn vẹn.

Gọi là bậc nhập vào pháp vị.

Gọi là bậc an trú nơi đạo tràng.

Gọi là bậc diệt trừ các ma.

Gọi là bậc chuyển pháp luân.

Các thiện nam! Như Lai nếu dùng một kiếp hoặc chưa được một kiếp để tán dương, khen ngợi về công đức của người theo đúng pháp tu tập cũng không thể cùng tận, dù biện tài của Như Lai là vô tận.

-oOo-

Phẩm 14: Đẳng hành

Bấy giờ, trong chúng hội có vị Thiên tử tên là Bất Thoái Chuyển, thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ngài đã thuyết giảng về Tùy pháp hành. Vậy thì ý nghĩa của Tùy pháp hành là thế nào?

Đức Phật bảo Thiên tử:

–Tùy pháp hành là không hành nơi tất cả các pháp. Vì sao? Nếu không hành nơi tất cả các pháp thì không phân biệt là chính hay tà. Hành như vậy thì không hành pháp thiện, không hành pháp bất thiện, không hành pháp hữu lậu, không hành pháp vô lậu, không hành pháp thế gian, không hành pháp xuất thế gian, không hành pháp hữu vi, không hành pháp vô vi, không hành pháp sinh tử, không hành pháp Niết-bàn. Đó gọi là Tùy pháp hành. Nếu dấy khởi tưởng nơi các pháp thì không gọi là Tùy pháp hành. Nếu nghĩ rằng ta thực hành pháp này thì đó là hý luận, chẳng phải là Tùy pháp hành. Nếu không lãnh thọ nơi tất cả pháp tức là Tùy pháp hành. Đối với hết thảy các pháp không nhớ nghĩ, không phân biệt, không có đối tượng để hành, đó gọi là Tùy pháp hành.

Thiên tử Bất Thoái Chuyển thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người có thể hành theo Tùy pháp hành như thế thì người đó hoàn toàn không rơi vào hành tà vạy. Vì sao? Vì người hành chân chánh gọi là hoàn toàn, rốt ráo. Người trú ở tà đạo thì không theo Tùy pháp hành. Người an trú vào chánh đạo thì hành theo Tùy pháp hành.

Bạch Thế Tôn! Người hành chánh hạnh thì không có pháp tà. Vì sao? Vì các pháp đều bình đẳng, không có sai khác.

Lúc này, Phạm thiên Tư Ích nói với Thiên tử Bất Thoái Chuyển:

–Nhân giả đang hành theo pháp Tùy pháp hành ấy chăng?

Thiên tử Bất Thoái Chuyển đáp:

–Nếu trong pháp của Thế Tôn giảng nói có hai tướng thì tôi sẽ hành theo Tùy pháp hành. Nay do không có hai tướng tức là Tùy pháp hành, nên trong ấy người hành và pháp được thực hành đều không thể thủ đắc.

Thưa Phạm thiên! Tôi dùng pháp bất nhị để hành theo Tùy pháp hành, xa lìa các phân biệt, nên đúng như các pháp mà hành. Đó gọi là Tùy pháp hành.

Phạm thiên Tư Ích hỏi:

–Nhân giả chưa từng thấy cõi Phật này sao?

Thiên tử đáp:

–Cõi Phật này cũng chưa từng thấy tôi.

Phạm thiên Tư Ích nói:

–Cõi Phật này không thể tư duy, phân biệt về thấy và chẳng thấy.

Thiên tử nói:

–Tôi cũng chẳng tự tư duy, phân biệt là đã từng ở trong cõi Phật để thấy và chẳng thấy.

Phạm thiên Tư Ích hỏi:

–Người nào chưa từng thấy mà có thể thấy?

Thiên tử đáp:

–Tất cả phàm phu chưa từng thấy Pháp vị của bậc Thánh. Nếu người nào có thể hội nhập vào đó thì trước kia chưa từng thấy, nay sẽ thấy được. Nhưng tướng của Pháp vị đó chẳng phải là mắt có thể thấy, chẳng phải là tai, mũi, lưỡi, thân, ý có thể biết được. Chúng chỉ ứng hợp với tướng như của nhận thức. Tướng như của nhãn thức cho đến tướng như của ý thức, tướng như của pháp vị cũng như vậy. Nếu người có thể nhận thấy như thế thì gọi là Chánh kiến.

-oOo-

Phẩm 15: Thọ ký Thiên tử bất thoái chuyển

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như vị khách buôn đến vùng đất chứa đầy châu báu thì chỗ thấy của người đó đều là vật báu. Người đã thành tựu công đức không thể nghĩ bàn như vậy, thì những điều ưa thích nói ra đều là pháp báu.

Những điều ưa thích nói ra đều là thật tế.

Những điều ưa thích nói ra đều ở trong các pháp không còn tham đắm, không còn chấp ngã và ngã sở.

Những điều ưa thích nói ra đều là chân thật, không điên đảo.

Những điều ưa thích nói ra về thời quá khứ đều là vắng lặng, vị lai là không thủ đắc và hiện tại thì không thể nhận thấy.

Những điều ưa thích nói ra đối với người chẳng tin hiểu khiến được tin hiểu, người tin hiểu rồi thì được giải thoát.

Những điều ưa thích nói ra phá trừ Tăng thượng mạn, người không còn Tăng thượng mạn thì tự nói là các việc làm đã hoàn tất.

Những điều ưa thích nói ra thì các ma không thể quấy phá, người nghe pháp đều vượt khỏi những việc làm của ma.

Những điều ưa thích nói ra người chưa sinh khởi pháp thiện làm cho sinh khởi, người đã phát sinh pháp thiện thì làm cho tăng trưởng.

Những điều ưa thích nói ra, người đã sinh các phiền não thì khiến đoạn trừ, nếu người chưa sinh các phiền não thì khiến chẳng sinh.

Những điều ưa thích nói ra, người chưa được trang nghiêm làm cho được đại trang nghiêm, người đã được đại trang nghiêm thì khiến không còn thoái chuyển.

Những điều ưa thích nói ra không đoạn trừ các pháp mà lại hộ trì pháp của Phật.

Bạch Thế Tôn! Do đấy những điều ưa thích nói ra có thể hàng phục hết thảy ngoại đạo. Vì sao? Vì tất cả loài dã can không thể ở trước sư tử chúa mà hiện bày thân mình, huống nữa là nghe tiếng gầm của sư tử.

Bạch Thế Tôn! Tất cả các luận sư ngoại đạo không thể chịu nổi tiếng gầm của bậc Sư tử vô thượng, cũng giống như thế.

Bấy giờ, Thiên tử Bất Thoái Chuyển nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Thưa Kiều-thi-ca! Nhân giả đã nói về tiếng gầm của sư tử, vậy tiếng gầm ấy là thế nào?

Kiều-thi-ca đáp:

–Nếu Hành giả thuyết pháp không còn tham chấp thì đó gọi là tiếng gầm của sư tử. Nếu Hành giả tham chấp về sự thấy biết để thuyết pháp, thì đó là tiếng kêu của loài dã can, không phải là tiếng gầm của sư tử, vì đã dấy khởi các tà kiến.

Này Thiên tử! Nhân giả nên nói lại, vì sao gọi là tiếng gầm của sư tử?

Thiên tử đáp:

–Thưa Nhân giả! Giảng thuyết các pháp cho đến đối với Đức Như Lai hãy còn không tham chấp, huống nữa là các pháp khác, đó gọi là tiếng gầm của sư tử.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Đúng như lời giảng nói mà tu tập, gọi là tiếng gầm của sư tử. Quyết định thuyết giảng pháp, gọi là tiếng gầm của sư tử. Thuyết pháp không sợ hãi là tiếng gầm của sư tử.

Lại nữa, thưa Nhân giả! Nếu hành giả xem các pháp không vì sinh, không vì diệt, không vì xuất để thuyết giảng thì gọi là tiếng gầm của sư tử. Nếu xem các pháp là không uế, không tịnh, không hợp, không tan để thuyết pháp thì gọi là tiếng gầm của sư tử.

Lại nữa, thưa Nhân giả! Tiếng gầm của sư tử gọi là quyết định thuyết giảng tất cả pháp là không ngã, không chúng sinh.

Tiếng gầm của sư tử là quyết định thuyết giảng các pháp là không.

Tiếng gầm của sư tử là giữ gìn các pháp nên có sự thuyết pháp.

Tiếng gầm của sư tử là phát nguyện rằng: “Ta sẽ thành Phật để diệt trừ hết mọi khổ não của tất cả chúng sinh.

Tiếng gầm của sư tử là ở trong các vật cần dùng thanh tịnh, luôn ít ham muốn, biết đủ.

Tiếng gầm của sư tử là thường không rời bỏ trụ xứ vắng lặng.

Tiếng gầm của sư tử là vị thầy dẫn đường của hạnh bố thí.

Tiếng gầm của sư tử là luôn hành trì giới luật.

Tiếng gầm của sư tử là tâm bình đẳng không còn kẻ oán người thân.

Tiếng gầm của sư tử là luôn hành tinh tấn không bỏ bản nguyện.

Tiếng gầm của sư tử là có thể đoạn trừ các phiền não.

Tiếng gầm của sư tử là dùng trí tuệ để khéo nhận biết về các nẻo hành.

Khi thuyết giảng pháp nói về tiếng gầm của sư tử, cả tam thiên đại thiên thế giới đều hiện đủ sáu thứ chấn động. Trăm ngàn loại nhạc hay

không hòa tấu mà tự vang lên. Ánh sáng lớn ấy chiếu soi khắp cả trời đất. Trăm ngàn chư Thiên vô cùng vui mừng, thưa:

–Chúng con đã nghe Thiên tử Bất Thoái Chuyển thuyết giảng pháp nói về tiếng gầm của sư tử, nơi cõi Diêm-phù-đề lại thấy chuyển pháp luân lần nữa!

Lúc này, Đức Phật mỉm cười. Theo pháp thường thì khi chư Phật mỉm cười tức có hàng trăm ngàn loại hào quang đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía từ nơi kim khẩu phát ra chiếu soi khắp vô lượng, vô biên thế giới, trên thì vượt quá cõi Phạm thế, che khuất cả ánh sáng mặt trời mặt trăng, trở lại nhiễu quanh thân Phật ba vòng rồi thu tướng vào đỉnh đầu. Khi ấy Phạm thiên Tư Ích chắp tay hướng về Phật, dùng kệ tán thán:

Bậc tuệ tối thắng độ tất cả
Biết rõ hành chúng sinh ba đời
Công đức trí tuệ và giải thoát
Nguyện xin thuyết giảng nhân duyên cười.
Tuệ Phật không lường, không ngăn ngại
Thanh văn, Duyên giác đâu sánh kịp
Biết tâm chúng sinh, tùy thuận nêu
Nguyện Đấng Tối Thượng nói duyên cười.
Hào quang của Phật tịnh, không uế
Chiếu khắp trời, người, che nhật, nguyệt
Các núi Tu-di và Thiết vi
Nguyện Đấng Vô Tỷ nói duyên cười.
Đại Thánh vắng lặng, lìa giận dữ
Trời, người chiêm ngưỡng không nhàm chán
Tất cả đều mong được an vui
Nguyện vì phân biệt nhân duyên cười.
Thông suốt các pháp không, vô ngã
Thấy bọt nước, mây mù, mộng huyễn
Như tướng hư không, trăng đáy nước
Nguyện dùng diệu âm nói duyên cười.
Lìa tưởng phân biệt, các tà kiến
Hiểu rõ Không, Vô tướng, Vô nguyện
Thường thích thiền định, pháp tịch tĩnh
Nguyện nói duyên phóng quang tịnh này.
Không chấp nơi văn tự, ngôn ngữ
Nêu giảng không dựa pháp chúng sinh

Chúng sinh đều cho vì mình nói
Nguyện trí thần thông nêu duyên cười.
Phật là Y vương chữa các bệnh
Sức Na-la-diên cứu giúp đời
Hướng chốn đèn sáng, đạo cứu cánh
Trời người cúng dường nói duyên cười.

Đức Phật bảo Phạm thiên Tư Ích:

–Ông thấy Thiên tử Bất Thoái Chuyển chăng?

–Thưa con đã thấy.

–Này Phạm thiên! Thiên tử Bất Thoái Chuyển ấy từ nay về sau trải qua ba trăm hai mươi vạn a-tăng-kỳ kiếp sẽ được thành Phật, hiệu là Tu-di Đăng Vương, gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thế giới tên là Diệu hóa, kiếp tên Phạm thán. Cõi Phật đó dùng thuần vàng Diêm-phù-đàn, lưu ly làm đất, chúng Tăng hoàn toàn là bậc Bồ-tát, không có các thứ ma oán, các vật cần dùng ứng hợp với niệm liền hiện ra. Thọ mạng của Đức Phật ấy là vô lượng, không thể tính kể.

Phạm thiên Tư Ích nói với Thiên tử Bất Thoái Chuyển:

–Hôm nay Như Lai đã thọ ký cho Nhân giả!

Thiên tử đáp:

–Thưa Nhân giả! Như cùng với pháp tánh của Như đã được thọ ký, nên việc thọ ký cho tôi cũng lại như vậy.

Phạm thiên Tư Ích nói:

–Pháp tánh của Như là không thể thọ ký.

Thiên tử đáp:

–Pháp tánh của Như là không thể thọ ký, thì nên biết tất cả Bồ-tát được thọ ký cũng lại như thế.

Phạm thiên Tư Ích nói:

–Nếu Như Lai không thọ ký cho Nhân giả thì Nhân giả đối với trú xứ của chư Phật thời quá khứ đã không trụ nơi phạm hạnh?

Thiên tử đáp:

–Nếu không có chỗ trụ tức là an trụ nơi phạm hạnh.

Phạm thiên Tư Ích hỏi:

–Thế nào là không trụ mà an trụ nơi phạm hạnh?

Thiên tử đáp:

–Nếu chẳng trụ nơi cõi Dục, không trụ nơi cõi Sắc, không trụ nơi cõi Vô sắc thì gọi là an trụ nơi phạm hạnh.

Lại nữa, thưa Phạm thiên! Nếu hành giả không trụ ở ngã, không trụ ở chúng sinh, không trụ ở thọ mạng, không trụ nơi người thì gọi là an trụ nơi phạm hạnh. Nói tóm lại, nếu chẳng trụ ở pháp, chẳng trụ ở phi pháp tức là an trụ nơi phạm hạnh.

Phạm thiên Tư Ích lại hỏi:

–Phạm hạnh có nghĩa thế nào?

Thiên tử đáp:

–Trụ nơi nẻo bất nhị tức là nghĩa của phạm hạnh.

Phạm thiên lại hỏi:

–Trụ nơi nẻo bất nhị thì trụ ở chỗ nào?

Thiên tử đáp:

–Trụ vào nẻo bất nhị tức là chẳng trú nơi tất cả các pháp. Vì sao? Vì các Thánh hiền đều không có chỗ trụ, cũng không chấp nơi pháp mà có thể vượt qua các dòng sinh tử.

Phạm thiên Tư Ích hỏi:

–Thế nào là tu đạo?

Thiên tử đáp:

–Chẳng chấp vào có, chẳng chấp vào không, cũng không phân biệt đây là có đây là không, người tu tập như vậy gọi là tu đạo.

Phạm thiên lại hỏi:

–Dùng pháp gì để tu đạo?

Thiên tử đáp:

–Chẳng phải dùng pháp thấy, nghe, hiểu, biết, chẳng dùng sự thủ đắc, chẳng dùng sự chứng đạt, đối với tất cả các pháp là không tướng, không biểu hiện, đó gọi là tu đạo.

Phạm thiên lại hỏi:

–Thế nào là Bồ-tát tinh tấn dũng mãnh?

Thiên tử đáp:

–Nếu Bồ-tát đối với các pháp không thấy một tướng, cũng chẳng thấy tướng khác, thì đó gọi là Bồ-tát tinh tấn dũng mãnh, đại trang nghiêm. Đối với các pháp không hủy hoại pháp tánh. Đối với các pháp không đắm nhiễm, không đoạn diệt, không tăng trưởng, không giảm đi, không thấy có

cấu uế, không thấy có trong sạch, vượt khỏi tánh của pháp. Đó gọi là Bồ-tát tinh tấn bậc nhất, nghĩa là thân không có cỗ sinh ra, tâm chẳng có sự phát khởi.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen ngợi Thiên tử Bất Thoái Chuyển:

–Lành thay, lành thay!

Khen ngợi rồi, Đức Phật bảo Phạm thiên Tư Ích:

–Như lời Thiên tử đã nói, thân không có chỗ sinh ra, tâm chẳng có sự phát khởi, đó gọi là tinh tấn dũng mãnh bậc nhất.

Này Phạm thiên! Như Lai nhớ lại tất cả chỗ hành hóa ở đời trước, luôn tinh tấn vững chắc, trì giới theo hạnh Đầu-đà, đối với các bậc sư trưởng thường cung kính cúng dường, ở nơi vắng lặng luôn tinh tấn hành đạo, đọc tụng, học nhiều, thương yêu chúng sinh, cung cấp những thứ cần dùng cho họ, siêng năng, ân cần làm tất cả những việc khổ cực khó khăn, nhưng chẳng được chư Phật thời quá khứ thọ ký thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì ở thân, khẩu, ý của Như Lai thường sinh khởi chấp nơi tướng tinh tấn.

Này Phạm thiên! Về sau, Như Lai có được sự tinh tấn dũng mãnh đúng như lời Thiên tử đã nói, nên được Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký: "Đời sau ông sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni". Vì thế, này Phạm thiên! Nếu Bồ-tát muốn mau được thọ ký thì phải tu tập tinh tấn dũng mãnh như vậy. Nghĩa là đối với các pháp không khởi chấp nơi tướng tinh tấn.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là không khởi chấp nơi tướng tinh tấn?

Phật dạy:

–Tinh tấn nơi ba đời đều là không. Đó gọi là tinh tấn không dấy khởi chấp nơi tướng.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tinh tấn nơi ba đời đều là không?

Đức Phật dạy:

–Tâm quá khứ đã diệt, tâm vị lai chưa đến, tâm hiện tại là không trụ. Nếu pháp diệt thì không sinh lại nữa. Nếu chưa đến tức là không có tướng sinh. Nếu không trụ tức là trụ vào thật tướng.

Lại nữa, thật tướng cũng không có sinh khởi. Nếu pháp không sinh thì không có quá khứ, hiện tại, vị lai. Nếu không có quá khứ, hiện tại, vị lai thì từ xưa đến nay tánh thường không sinh. Đó gọi là tinh tấn nơi ba đời đều là không, có thể khiến cho các Bồ-tát mau chóng được thọ ký.

Này Phạm thiên! Bồ-tát thành tựu được pháp nhẫn như vậy thì có thể hiểu rõ các pháp là không có chỗ xả bỏ, đó gọi là Bố thí ba-la-mật. Thông suốt tất cả các pháp là vô lậu, đó gọi là Trì giới ba-la-mật. Thấu tỏ hết các pháp là không bị thương tổn, đó gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật. Hiểu rõ tất cả pháp là không có chỗ dấy khởi, đó gọi là Tinh tấn ba-la-mật. Biết rõ các pháp là bình đẳng, đó gọi là Thiền định ba-la-mật. Nhận biết tất cả pháp là không có sự phân biệt, đó gọi là Trí tuệ ba-la-mật. Nếu Bồ-tát thông suốt được như vậy thì đối với các pháp không tăng không giảm, không chánh không tà, Bồ-tát đó tuy có bố thí mà không cầu quả báo. Tuy có trì giới nhưng không còn bị tham vướng. Tuy nhẫn nhục mà biết rõ trong ngoài đều không. Tuy tinh tấn nhưng hiểu thấu là không có tướng sinh khởi. Tuy hành thiền định mà không có nơi chốn nương tựa. Tuy hành hóa trí tuệ mà không còn chấp tướng.

Này Phạm thiên! Bồ-tát thành tựu pháp nhẫn như vậy thì tuy thị hiện khắp tất cả nơi chốn hành hóa mà không bị cấu nhiễm. Người ấy đạt được tướng bình đẳng của thế gian, không vì những sự được mất, khen chê, vinh nhục, khổ vui mà bị lay động, vượt khỏi tất cả pháp thế gian, không tự cao, không tự ti, không mừng, không buồn, không động, không buông lung. Tâm không hai, xa lìa các duyên đạt được pháp vô nhị. Vì những chúng sinh bị rơi vào nẻo nhị kiến mà khởi tâm đại Bi. Vì họ mà thọ thân để giáo hóa.

Này Phạm thiên! Đó gọi là tinh tấn dũng mãnh bậc nhất, là đạt được pháp nhẫn không, vô ngã, nên đối với chúng sinh khởi tâm đại Từ bi, vì họ mà thọ thân thuyết giảng về tướng tinh tấn dũng mãnh ấy. Lúc đó, có tám ngàn Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Đức Phật đã thọ ký cho chư vị đều sẽ đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở nơi mỗi quốc độ khác nhau đều thành tựu Phật đạo đều đồng một danh hiệu là Kiên Tinh Tấn.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như các vị đại Long vương, nếu khi muốn mưa thì mưa xuống nơi biển cả. Chư Bồ-tát này cũng lại như vậy, dùng mưa pháp lớn tuôn mưa nơi tâm Bồ-tát.

Đức Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Như lời ông đã nói, các vị đại Long vương sở dĩ không mưa xuống cõi Diêm-phù-đề, chẳng phải là do tâm keo kiệt, mà chỉ vì đất đai nơi cõi ấy chẳng thể chịu nổi. Vì sao? Vì lượng mưa của các vị đại Long vương tuôn xuống thật dữ dội. Nếu lượng mưa ấy trút xuống cõi Diêm-

phù-đề thì những thành ấp, xóm làng, núi rừng, ao hồ đều trôi dạt như những chiếc lá úa bị cuốn phăng đi. Vì thế các vị đại Long vương không tuôn mưa lớn xuống cõi Diêm-phù-đề.

Như vậy, này Ca-diếp! Các vị Bồ-tát sở dĩ không tuôn mưa pháp lớn xuống các chúng sinh khác cũng chẳng phải là do tâm keo kiệt mà vì căn cơ của họ không đủ sức để lãnh thọ các pháp như vậy. Cho nên, các vị Bồ-tát ấy đối với tâm Bồ-tát như biển cả vô lượng và trí tuệ thâm diệu mới tuôn xuống mưa pháp vô thượng, không thể nghĩ bàn như thế.

Này Ca-diếp! Lại như biển cả có thể nhận hết lượng mưa lớn dữ dội mà chẳng tăng thêm hay giảm bớt. Các vị Bồ-tát này cũng vậy, nếu ở trong một kiếp hay trăm kiếp, hoặc lãnh hội, hoặc thuyết giảng pháp ấy thì pháp này vẫn an nhiên, không tăng, không giảm.

Này Ca-diếp! Lại như biển cả tuy do trăm sông chảy vào nhưng nước trong biển đều đồng một vị mặn. Các Bồ-tát này cũng thế, dù nghe đủ các loại giáo pháp, đủ các loại luận nghị, nhưng đều có thể tin hiểu là một vị "không".

Này Ca-diếp! Lại như biển cả luôn lắng sạch, không cấu uế, mọi dòng nước đục đổ vào liền được trong lặng. Các vị Bồ-tát này cũng lại như vậy, luôn làm thanh tịnh bao thứ phiền não kết sử cấu uế.

Này Ca-diếp! Lại như biển cả sâu thẳm không đáy. Các vị Bồ-tát này cũng như vậy, có thể tư duy, hội nhập nơi vô lượng giáo pháp, nên gọi là thâm diệu. Tất cả hàng Thanh văn, Bích-chi-phật đều không thể lường tính được nên gọi là không đáy.

Này Ca-diếp! Lại như trong biển cả tích chứa vô lượng nước. Các vị Bồ-tát này cũng thế, đã tích tập vô lượng pháp, vô số trí tuệ, nên nói tâm của các Bồ-tát như biển cả.

Này Ca-diếp! Lại như biển cả tích tụ vô lượng đủ loại vật báu. Các vị Bồ-tát này cũng vậy, hội nhập vô số các pháp môn, tích chứa các pháp báu, đủ các loại đạo hạnh, nên phát sinh vô lượng pháp báu.

Này Ca-diếp! Lại như biển cả có ba loại báu: Một là ít giá trị; hai là có giá trị; ba là vô giá. Chỗ thuyết giảng giáo pháp của các vị Bồ-tát này cũng như vậy. Tùy theo căn cơ lanh lợi hay chậm kém của chúng sinh mà dẫn dắt khiến họ được giải thoát. Có hạng nên dùng pháp nhỏ mà được giải thoát. Có hạng nhờ dùng pháp vừa mà được giải thoát. Có hạng dùng pháp Đại thừa mà được giải thoát.

Này Ca-diếp! Lại như nơi biển cả dần dần chuyển thành sâu. Các vị Bồ-tát này cũng vậy, hướng về Nhất thiết trí càng ngày càng thâm diệu.

Này Ca-diếp! Lại như biển lớn không giữ lại thây chết. Các vị Bồ-tát này cũng thế, không thừa nhận tâm Thanh văn, Bích-chi-phật. Cũng không chấp nhận tâm ngu si, mê loạn, biếng nhác, sân giận, phá giới, tham lam keo kiệt. Cũng không chấp về ngã, nhân, chúng sinh.

Này Ca-diếp! Lại như khi đến kiếp thiêu đốt cháy hết, thì các ao hồ nhỏ, sông, khe, nguồn bị khô trước, sau đó biển lớn mới cạn kiệt. Lúc chánh pháp diệt cũng vậy, chánh pháp của nẻo hành hóa nhỏ bị diệt trước, sau đó, chánh pháp của Bồ-tát tâm như biển cả mới diệt tận.

Này Ca-diếp! Các vị Bồ-tát này dù mất thân mạng cũng không xả bỏ chánh pháp. Ông cho rằng Bồ-tát có thể làm mất chánh pháp chăng? Chớ nghĩ như vậy, này Ca-diếp! Như trong biển lớn kia có ngọc kim cương gọi là "Tập chư bảo". Khi lửa cháy trải qua bảy ngày vào thời kiếp thiêu, đến tận trời Phạm thế, mà ngọc báu đó cũng không bị cháy, không bị hư. Chuyển đến trong biển cả ở phương khác, nếu ngọc báu ấy ở thế giới đó mà bị thiêu đốt thì không thể có. Các vị Bồ-tát ấy cũng như thế. Khi chánh pháp diệt tận, bảy pháp tà xuất hiện, cho đến các thế giới nơi phương khác cũng bị như vậy. Những gì là bảy pháp tà?

1. Luận thuyết của ngoại đạo.
2. Tri thức xấu ác.
3. Đạo pháp bị sử dụng sai lạc.
4. Quấy phá lẫn nhau.
5. Lạc vào rừng rậm tà kiến.
6. Không tu tập phước đức.
7. Không chứng đắc đạo quả.

Khi bảy pháp ác này xuất hiện thì các Bồ-tát ấy biết chúng sinh không thể hóa độ được, cho đến nơi các cõi Phật ở phương khác cũng không xa lìa việc thấy Phật, nghe pháp, giáo hóa chúng sinh làm tăng trưởng căn lành.

Này Ca-diếp! Lại như biển cả là chỗ nương tựa của vô lượng chúng sinh. Các vị Bồ-tát này cũng như vậy, chúng sinh nương vào đấy để đạt được ba thứ an lạc: An lạc của hàng trời, an lạc của người và an lạc của Niết-bàn.

Này Ca-diếp! Lại như nước mặn trong biển cả không thể uống được. Các vị Bồ-tát này cũng như thế, các thứ ma, ngoại đạo không thể quấy phá, hủy hoại được.

Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Biển lớn tuy sâu rộng nhưng hãy còn có thể đo lường được, còn các vị Bồ-tát này thì không thể lường xét.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Vi trần trong tam thiên đại thiên thế giới còn có thể tính biết chứ vô lượng công đức của các vị Bồ-tát này thì không thể lường tính. Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ nhắc lại những điều đã giảng thuyết:

Ví như biển cả dung nạp hết
Tất cả dòng nước vẫn không đầy
Các Bồ-tát này cũng như vậy
Thường cầu pháp lợi không chán đủ.
Lại như biển lớn chứa các dòng
Tất cả chảy về không thêm bớt
Các Bồ-tát này cũng như vậy
Thọ pháp sâu xa không tăng giảm.
Lại như biển cả thường lắng trong
Nước đục chảy vào đều sạch trong
Các Bồ-tát này cũng như vậy
Không nhận mọi phiền não cấu uế.
Lại như biển cả không bến bờ
Các vị Bồ-tát này cũng vậy
Trí tuệ, công đức không hạn lượng
Tất cả chúng sinh chẳng thể xét.
Lại như biển lớn không sai biệt
Trăm sông hòa vào cùng một vị
Các vị Bồ-tát này cũng vậy
Chỗ lãnh hội pháp cùng một tướng.
Lại như biển cả sở dĩ thành
Chẳng phải chỉ vì một chúng sinh
Các vị Bồ-tát này cũng vậy
Khắp vì tất cả phát đạo tâm.
Như ngọc báu biển tên "Tập báu"
Nhờ báu đó nên càng thêm nhiều
Lượng báu Bồ-tát cũng như vậy
Từ báu Bồ-tát hiện các báu.
Như biển cả sinh ra ba báu
Mà biển lớn ấy không phân biệt
Bồ-tát thuyết pháp cũng như vậy

Ba thừa độ người không đây, kia.
Như biển lớn dần thành sâu thẳm
Các Bồ-tát này cũng như thế
Vì chúng sinh nên tu công đức
Hồi hướng Nhất thiết trí sâu xa.
Như biển lớn không chứa thây chết
Các vị Bồ-tát này cũng vậy
Phát tâm thanh tịnh nguyện Bồ-đề
Không giữ tâm phiền não Thanh văn.
Như biển cả có báu kiên cố
Báu đó gọi là "Tập chư bảo"
Khi kiếp thiêu hết, vẫn không cháy
Chuyển đến cõi Phật nơi phương khác.
Khi chánh pháp diệt cũng như vậy
Tinh tấn kiên trì giữ giới pháp
Biết các chúng sinh không thể độ
Chuyển đến cõi Phật nơi phương khác.
Ba ngàn thế giới sắp hủy hoại
Kiếp hỏa sắp thiêu cả trời đất
Trăm sông, mọi dòng khô cạn trước
Sau cùng biển cả mới cạn khô.
Thực hành đạo nhỏ cũng như vậy
Khi pháp sắp diệt liền hủy trước
Bồ-tát dũng mãnh không tiếc thân
Hộ trì chánh pháp sau mới diệt.
Hoặc Phật tại thế, sau diệt độ
Pháp báu trong tâm chẳng bị diệt
Tâm sâu thanh tịnh an trú pháp
Dùng pháp thiện này tu hành đạo.
Trăm ngàn chúng sinh nương tựa biển
Biển thành chẳng vì một chúng sinh
Bồ-tát phát tâm cũng như vậy
Vì cứu độ hết thảy muôn loài.
Biển lớn khắp mười phương thế giới
Hãy còn có thể đo lường được
Sự hành đạo của các Bồ-tát
Thanh văn, Duyên giác chẳng thể sánh.
Ca-diếp nên biết các Bồ-tát

Tâm tinh tấn dũng mãnh hồi hướng
Nguyện thành Phật cứu độ tất cả
Còn không bằng được, huống gì hơn.
Đức báu tích tụ như biển lớn
Có thể cúng dường ruộng phước lành
Là bậc Đại y vương tối thượng
Chữa trị mọi thứ bệnh chúng sinh.
Là chỗ quy y tạo cứu giúp
Đèn sáng chiếu soi khắp các nẻo
Cho bao kẻ vô minh ở đời
Được mắt sáng tiếp nhận cam lộ.
Đó là vua pháp ở thế gian
Là trí quyết đoán của Đế Thích
Đó là Phạm vương hành bốn Thiền
Là bậc Chuyển pháp luân thanh tịnh.
Bậc thầy nhiều trí tuệ dẫn dắt
Chỉ rõ nẻo tà và đường chánh
Là bậc Dũng mãnh diệt quân ma
Bậc Thanh tịnh trừ phiền não, uế.
Tu tập pháp thiện như trăng tròn
Ánh sáng tỏa khắp như mặt trời
Trí tuệ vượt hẳn như Tu-di
Như vầng mây quý tuôn cam lộ.
Như sư tử không hề sợ hãi
Tâm ý điều hòa như voi chúa
Đó chính ví như núi Kim cương
Tất cả ngoại đạo không thể hoại.
Đó là trong lành giống như nước
Có đủ uy, dũng như lửa lớn
Đó chính là gió không ngăn ngại
Như đại địa không thể lay động.
Nhổ sạch kiêu căng và ngã mạn
Như cây thuốc không có phân biệt
Trì giới thanh tịnh như hoa sen
Nơi pháp thế gian không hề nhiễm.
Như hoa quý Ưu-đàm-bát-la
Ngàn vạn ức kiếp hiện một lần
Đó là biết báo ân chư Phật

Là không đoạn mất chủng tánh Phật.
Là tinh tấn thực hành đại Bi
Dùng Từ, Hỷ mà vượt qua khỏi
Có thể xa lìa tâm năm dục
Thường cầu pháp Phật là của báu.
Thực hành Bố thí là trên hết
Trì giới thanh tịnh không ai sánh
Hành Nhẫn nhục mạnh không gì hơn
Siêng năng Tinh tấn không biếng trễ.
Thực hành Thiền định đủ thần thông
Có thể đến vô lượng cõi Phật
Luôn gặp chư Phật lãnh hội pháp
Đem điều nghe được dạy cho người.
Biết rõ nẻo hành của chúng sinh
Tùy nơi căn tánh nhanh hay chậm
Là diệu lực khéo biết phương tiện
Đèn Tuệ chiếu sáng cứu khắp nơi.
Thông tỏ trọn vẹn tất cả pháp
Đều từ nhân duyên hòa hợp sinh
Có thể thấu suốt tướng nhân duyên
Xa lìa ngã kiến thích bình đẳng.
Thực hành chánh quán nơi các pháp
Từ đâu đến và đi về đâu?
Hiểu rõ các pháp không đến đi
An trú pháp tánh, không lay động.
Thấy pháp hữu vi đều là không
Từ bi thêm lớn độ muôn loài
Hữu tình vọng tưởng khỏi các khổ
Vì muốn cứu độ tu tập đạo.
Phàm phu phân biệt ngã, ngã sở
Hành theo vô số các tà kiến
Có thể thấu đạt thực tướng pháp
Giảng thuyết pháp để diệt kiến chấp.
Vô thường cho thường, chẳng tịch tĩnh
Vô ngã cho ngã, khổ cho vui
Phàm phu điên đảo nên mê chấp
Đời trước sinh tử không thể biết.
Nhận biết rõ đấy từ điên đảo

Không ngã, không nhân, không chúng sinh
Ta nên như vậy tu đạo chánh
Vô thường, vô ngã và bất tịnh.
Ca-diếp nên biết! Bồ-tát ấy
Ta đã khen ngợi các công đức
Các nẻo hành hóa không thể tận
Như một hạt bụi nơi đại địa.
Phát tâm Bồ-đề không thoái chuyển
Cúng dường đủ tam thiên đại thiên
Nếu có cúng dường hơn thế nữa
Đều nên cúng dường bậc như vậy.
Nếu người phát tâm nguyện thành Phật
Chính là cung kính cúng dường ta
Phật quá khứ, hiện tại, vị lai
Tức đều đã cung kính cúng dường.

-oOo-

Phẩm 16: Kiến lập pháp

Bấy giờ, Phạm thiên Tư Ích nói với Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi:

–Đại sĩ nên cung thỉnh Đức Như Lai hộ niệm kinh này khiến cho đến năm trăm năm về sau vẫn được lưu truyền rộng khắp.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Ý ông nghĩ sao? Đức Phật đối với kinh này có giảng thuyết, có chỉ dạy và có thể hộ niệm được chăng?

Phạm thiên Tư Ích đáp:

–Thưa không!

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa Nhân giả! Vì vậy nên biết, tất cả các pháp là không thuyết giảng, không chỉ bày, không có hộ niệm. Pháp đó hoàn toàn là không thể hủy diệt, nên không thể hộ niệm. Nếu muốn giữ gìn pháp này là nhằm hộ niệm nơi hư không.

Thưa Nhân giả! Nếu Bồ-tát muốn có pháp để thọ nhận, tức là chẳng có pháp. Vì sao? Vì pháp luôn vượt khỏi tất cả các nẻo ngôn luận, đó gọi là Bồ-tát không ưa tranh chấp.

Thưa Nhân giả! Nếu có Bồ-tát ở trong chúng hội này suy nghĩ:

"Hôm nay thuyết pháp này" thì nên biết người đó chẳng phải là nghe pháp. Vì sao? Vì không nghe pháp mới gọi là nghe pháp.

Phạm thiên thưa:

–Vì sao nói không nghe pháp gọi là nghe pháp?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều thanh tịnh, gọi là nghe pháp. Vì sao? Vì nếu người nơi sáu căn bên trong hội nhập với sáu trần bên ngoài, không bị vướng mắc nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp thì mới gọi là nghe pháp.

Bấy giờ, trong chúng hội có ba vạn hai ngàn Thiên tử, năm trăm Tỳ-kheo, ba trăm Tỳ-kheo-ni, tám trăm Ưu-bà-tắc, tám trăm Ưu-bà-di, đã nghe Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết pháp đều chứng được pháp Nhẫn vô sinh, liền nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Thưa Tôn giả Văn-thù-sư-lợi! Như lời của Đại sĩ đã nói không chấp vào chỗ nghe pháp mới gọi là nghe pháp.

Lúc ấy, Phạm thiên Tư Ích hỏi các Bồ-tát đã chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh:

–Các vị đã chẳng nghe kinh này đó sao?

Đáp:

–Vâng, chúng tôi đã nghe, dùng không nghe để nghe!

Hỏi:

–Các vị làm thế nào để nhận biết pháp đó?

–Dùng chẳng biết để nhận biết.

Hỏi:

–Các vị đạt được cái gì gọi là chứng đắc?

–Vì tất cả pháp là không thể chứng đắc, nên chúng tôi gọi là đạt được pháp nhẫn.

Hỏi:

–Thế nào là thuận theo pháp để thực hành?

–Do chẳng thuận theo để hành nên gọi là tùy hành.

Hỏi:

–Các vị ở trong pháp này có thông đạt sáng tỏ chăng?

–Tất cả các pháp đều thông đạt, thấu tỏ, không có ta, tôi.

Bấy giờ, trong chúng hội có Thiên tử tên là Tịnh Tướng nói với Phạm thiên Tư Ích:

–Nếu có người chỉ nghe kinh này mà không được Phật thọ ký, thì ta

sẽ thọ ký người ấy chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì kinh này không phá bỏ nhân quả, có khả năng sinh các pháp thiện, có thể dứt trừ ma oán, lìa xa mọi thương ghét, có thể khiến cho tâm của chúng sinh được thanh tịnh, có thể làm cho người tin hiểu đều được vui mừng trừ hết mọi sân giận.

Kinh ấy là chỗ tu tập của tất cả các bậc Thiện nhân.

Kinh ấy được tất cả chư Phật hộ niệm.

Kinh ấy được tất cả hàng Trời, Người, A-tu-la trong thế gian cùng nhau giữ gìn.

Kinh ấy quyết định chứng đạt quả vị không thoái chuyển.

Kinh ấy chẳng hư dối, vì dẫn đến đạo tràng.

Kinh ấy chân thật vì có thể khiến cho chúng sinh đạt được pháp của chư Phật.

Kinh ấy có thể chuyển pháp luân.

Kinh ấy có thể diệt trừ mọi thứ nghi ngờ, do dự.

Kinh ấy có thể khai mở đạo của bậc Thánh.

Kinh ấy đối với người mong cầu sự giải thoát, rất nên lãnh hội.

Kinh ấy đối với người muốn đạt các pháp Đà-la-ni thì phải nên dốc sức giữ gìn.

Kinh ấy đối với người siêng cầu phước đức thì rất nên giảng thuyết.

Kinh ấy đối với người ưa thích giáo pháp, thì nên luôn nhớ nghĩ.

Kinh ấy có thể đem lại mọi an vui dẫn đến Niết-bàn.

Kinh ấy nếu các hàng ma, ngoại đạo đạt được thì không thể diệt trừ chúng.

Kinh ấy đối với người được thọ nhận sự cúng dường có thể thuận theo nghĩa lý.

Kinh ấy có thể khiến cho hàng lợi căn thêm hoan hỷ.

Kinh ấy có thể khiến cho người có trí tuệ càng vui thích.

Kinh ấy có thể giúp cho người trí tuệ xa lìa các kiến chấp.

Kinh ấy có thể đem lại cho kẻ trí tuệ phá trừ ngu tối.

Kinh ấy văn tự theo đúng thứ lớp vì khéo giảng nói.

Kinh ấy rốt ráo vì khéo tùy thuận theo nghĩa lý mà giảng dạy.

Kinh ấy tạo nhiều lợi ích vì đã giảng nói về đệ nhất nghĩa.

Kinh ấy đối với người ưa thích pháp là chốn tâm dốc cầu đạt.

Kinh ấy đối với người có trí tuệ là chốn không thể xa lìa.

Kinh ấy đối với người bố thí là kho tàng lớn.

Kinh ấy đối với người bị phiền não thiêu đốt là ao nước trong lành mát mẻ.

Kinh ấy có thể khiến cho người có tâm Từ đạt được tâm bình đẳng.

Kinh này có thể làm cho người biếng nhác trở thành siêng năng.

Kinh này có thể làm cho người vọng niệm được tâm định tĩnh.

Kinh ấy có thể khiến cho người ngu si có thể được trí tuệ sáng suốt.

Thưa Nhân giả! Kinh này là chỗ tôn quý của tất cả chư Phật.

Khi Thiên tử Tịnh Tướng giảng thuyết về pháp này thì tam thiên đại thiên thế giới hiện đủ các thứ chấn động. Đức Phật liền khen ngợi:

–Lành thay, lành thay! Này Thiên tử! Đúng như lời ông nói!

Bấy giờ, Phạm thiên Tư Ích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vị Thiên tử này từng ở trú xứ của chư Phật đời quá khứ đã được nghe kinh ấy rồi chăng?

Đức Phật dạy:

–Vị Thiên tử này từng ở nơi sáu mươi bốn ức trú xứ của chư Phật đã được nghe kinh này, trải qua bốn vạn hai ngàn kiếp sẽ được thành Phật hiệu là Bảo Trang Nghiêm, cõi nước tên Đa bảo. Trong khoảng thời gian ấy, có chư Phật xuất hiện ở đời vị đó cũng đều cúng dường và cũng được nghe kinh này.

Này Phạm thiên! Các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tám bộ chúng hộ pháp: Trời, rồng, quỷ thần… trong chúng hội này đã chứng đắc pháp nhẫn đều được sinh vào cõi nước Đa bảo kia.

Thiên tử Tịnh Tướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không mong cầu Bồ-đề, không phát nguyện Bồ-đề, không tham đắm Bồ-đề, không ưa thích Bồ-đề, không nhớ nghĩ về Bồ-đề, không phân biệt về Bồ-đề. Vì sao lại được Như Lai thọ ký?

Đức Phật bảo Thiên tử:

–Như đem cỏ, cây, thân, cành lá ném vào trong lửa mà nói: "Đừng cháy, đừng cháy! " Nếu cho lời nói này có thể khiến các thứ ấy không cháy thì không hề có.

Này Thiên tử! Bồ-tát cũng như vậy, tuy không ưa thích, tham đắm nơi Bồ-đề, nhưng nên biết vị ấy đã được tất cả chư Phật thọ ký. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát không vui mừng, không ưa thích, không tham chấp, không

đắm nhiễm, không thủ đắc về Bồ-đề thì nhất định được chư Phật thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc này, trong chúng hội có năm trăm Bồ-tát cùng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con không mong cầu Bồ-đề, không nguyện Bồ-đề, không ưa thích Bồ-đề, không tham đắm Bồ-đề, không nhớ nghĩ về Bồ-đề, không phân biệt về Bồ-đề. Chư vị cùng nói những lời ấy rồi, nhờ thần lực của Phật, liền được tám vạn bốn ngàn chư Phật ở phương trên thọ ký cho chư vị thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Năm trăm vị Bồ-tát lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là điều chưa từng có, sự thuyết pháp của Như Lai thật là nhiệm mầu. Đó là Bồ-tát chẳng mong cầu, chẳng phát nguyện, chẳng tham vướng, chẳng vui mừng, chẳng thủ đắc về quả vị Bồ-đề mà lại được chư Phật thọ ký.

Bạch Thế Tôn! Chúng con hôm nay được tám vạn bốn ngàn chư Phật ở phương trên đều thọ ký cho chúng con thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

-oOo-

Phẩm 17: Chư Thiên tán thán

Bấy giờ, Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Ngài hộ niệm kinh này, vào vị lai, sau năm trăm năm sẽ được lưu truyền rộng rãi khắp cõi Diêm-phù-đề, khiến cho pháp đó trụ lâu dài ở đời. Lại khiến cho pháp đại trang nghiêm ấy, đối với hàng thiện nam, thiện nữ đều được lãnh hội. Giả sử có vô số việc làm của ma cùng quyến thuộc của chúng thì cũng không thể quấy nhiễu. Do thọ trì kinh này nên không thoái chuyển nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng thế, đúng thế, nay Bồ-tát nên lắng nghe. Vì muốn cho kinh này tồn tại lâu dài ở thế gian, nên Như Lai vì Bồ-tát mà thuyết giảng về chú thuật, nhằm mời thỉnh tám bộ chúng hộ pháp: Chư Thiên, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Cưu-bàn-trà... Nếu vị Pháp sư nào trì tụng chú này thì được chư Thiên, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già… thường theo hộ trì Pháp sư đó. Nếu vị Pháp sư này hoặc đi đúng đường, hoặc lạc đường, hoặc ở xóm làng, hoặc ở chốn vắng vẻ, hoặc

tại tăng phòng, hoặc ở nhà tĩnh lặng, hoặc ở chốn kinh hành, hoặc tại chúng hội… thì các vị thần kia... sẽ luôn theo hầu cận, bảo vệ, giúp đỡ, làm cho vị đó tăng thêm biện tài thuyết pháp. Lại còn khiến tăng thêm nhân duyên của diệu lực nơi trí tuệ, nhớ nghĩ càng được kiên cố, không có các thứ giặc oán quấy phá, giúp cho vị Pháp sư đó đi, đứng, nằm, ngồi đều nhất tâm an ổn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đây là thứ tự của chú thuật:

1. Uất đầu lệ.
2. Đầu đầu lệ.
3. Ma lệ.
4. Già lệ.
5. Nghê lệ.
6. Thê lệ đề lệ.
7. Di lệ.
8. Hầu lâu.
9. Hầu lâu.
10. Hầu lâu.
11. Nhân bà lệ.
12. Vi đa lệ.
13. Khúc khâu lệ.
14. A na nhỉ.
15. Dà đế.
16. Ma ê lý.
17. Ma na tùng.
18. Ma nhĩ.
19. Bà hầu càn địa tát ba lâu đế.
20. La bà bà già đế.
21. Hạnh đầu lệ.
22. Nam-mô Phật-đà già lê đế lệ.
23. Nam-mô Đạt-ma bàn dà đà nhỉ.
24. Nam-mô Tăng-già hòa ế đà hòa ế đà.
25. Tỳ bà phiến đà nhĩ.
26. Tát bà ba ba nhĩ nghê đế lệ đi phù đề lý, tát già bàn đề xá phạm lam ma ba xá đa dư lợi sư tỳ ba xá đa a đá la đề sả đề tát bà phù đa dà la

ha. Nam-mô Phật-đà tất triền đấu mạn đa la.

Nơi tất cả chúng sinh với tâm Từ mà giảng thuyết về bốn Thánh đế, thì được sự khen ngợi của Phạm thiên và của các bậc Hiền thánh. Trong đó, thỉnh mời các vị thần linh, cung kính chư Phật sẽ thành tựu được chú ấy.

Này Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Đó là toàn bộ các câu thần chú. Nếu Đại Bồ-tát muốn hành trì kinh này, thì phải nên tụng đọc hết thảy chú ấy, phải nhất tâm thực hành nghiêm túc, không tán loạn, mọi hành động tới lui đều thanh tịnh. Không chứa thức ăn dư nên ít ham muốn biết đủ. Ở một mình xa lìa, chẳng ưa thích nơi chốn ồn náo, thân tâm tịch tĩnh, thường ham chuộng Từ bi, lấy pháp làm niềm vui, an trú trong lời nói chân thật, không lừa dối người khác, quý trọng việc ngồi thiền, vui thích việc giảng nói pháp, thực hành chánh niệm, xa lìa tà niệm, thường ưa hành pháp Đầu-đà, chứng đắc hay không chứng đắc đều không hề buồn, vui, hướng đến Niết-bàn, nhàm chán sinh tử, tâm bình đẳng đối với thương ghét, xa lìa tướng phân biệt, chẳng tiếc thân mạng cùng tất cả tài vật, không tham luyến, oai nghi đầy đủ, thường ưa trì giới, nhẫn nhục, nhu hòa, đối với mọi lời nói xấu ác đều có thể nhẫn được, dung mạo luôn tươi vui hiền dịu, luôn thăm hỏi để trừ bỏ cao ngạo, cùng trú nơi an lạc.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Những vị Pháp sư này, trụ nơi pháp ấy, đọc tụng chú thuật kia thì ở đời hiện tại đạt được mười thứ lực. Những gì là mười?

1. Được diệu lực về nghĩ nhớ không quên mất.

2. Được năng lực về trí tuệ khéo lựa chọn các pháp.

3. Có năng lực về thực hành, tùy theo ý nghĩa của kinh.

4. Được năng lực kiên cố hành hóa trong sinh tử.

5. Được năng lực của sự hổ thẹn để hộ trì người và ta.

6. Có năng lực về hiểu biết rộng, đầy đủ trí tuệ.

7. Được diệu lực về Đà-la-ni, tất cả mọi sự lãnh hội đều có thể thọ trì.

8. Có năng lực về biện tài, ưa thích thuyết pháp, được chư Phật ủng hộ.

9. Được diệu lực của pháp sâu xa, đạt đủ năm thông.

10. Thành tựu diệu lực của pháp Nhẫn vô sinh mau chóng chứng được Nhất thiết trí trọn vẹn.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu Pháp sư nào có thể an trú, thực hành, trì tụng chú này thì ở đời hiện tại thành tựu được mười diệu lực ấy.

Khi Đức Phật thuyết giảng về diệu lực của chú thuật này thì bốn vị Thiên vương hết sức kinh sợ, liền cùng với vô lượng quỷ thần và hàng quyến thuộc vây quanh đi đến trước Đức Phật, cung kính đảnh lễ và thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con là Tứ Thiên vương đã chứng quả vị Tu-đà-hoàn, thuận theo lời dạy của Phật, chúng con đều sẽ thống lĩnh hàng quyến thuộc cùng với đám tùy tùng luôn theo bảo vệ vị Pháp sư kia. Nếu các thiện nam, thiện nữ nào dốc giữ gìn pháp, có thể trì tụng, giảng thuyết kinh này, thì Tứ Thiên vương chúng con sẽ đi đến chỗ ở của những vị đó để ủng hộ. Những người ấy hoặc ở thành ấp, xóm làng, hoặc ở nơi vắng lặng, hoặc tại gia, hoặc xuất gia, chúng con và hàng quyến thuộc đều sẽ theo hầu hạ và cung cấp, khiến họ tâm luôn được an ổn, không có chán mệt, cũng khiến cho tất cả không gì có thể làm nhiễu loạn.

Bạch Thế Tôn! Lại nữa, trong khoảng năm mươi dặm, nếu có kinh này xuất hiện, thì hoặc chư Thiên, con của chư Thiên, Rồng, con của Rồng, hoặc Dạ-xoa, con của Dạ-xoa, hoặc Cưu-bàn-trà, con của Cưu-bàn-trà… đều không thể quấy phá được.

Bấy giờ, Hộ Thế Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca nói kệ:

Hàng quyến thuộc của con
Thân thích và dân chúng
Đều cùng nhau bảo vệ
Cúng dường vị Pháp sư.

Thiên vương Tỳ-lâu-bà-xoa nói kệ:

Con là con Pháp vương
Từ pháp mà hóa sinh
Cầu Bồ-đề, con Phật
Con đều sẽ cúng dường.

Thiên vương Kiền-đà-la-tra nói kệ:

Nếu có các Pháp sư
Thọ trì kinh như thế
Con thường sẽ ủng hộ
Ở khắp cả mười phương.

Thiên vương Tỳ-xa-bà-na nói:

Là người phát tâm đạo
Chỗ nên thọ cúng dường

Tất cả các chúng sinh
Không thể biện biệt được.

Con của Thiên vương Tỳ-xa-bà-na, tên là Thiện Bảo, cầm lọng bằng bảy báu dâng lên Đức Như Lai, nói kệ:

Thế Tôn, nay con sẽ
Thọ trì kinh như vậy
Cũng vì người khác nói
Con phát tâm như thế.
Thế Tôn biết tâm con
Và chỗ hành đời trước
Từ khi mới phát tâm
Chí thành cầu Phật đạo.
Đảnh vô kiến của Phật
Nay dâng lọng đẹp này
Nguyện con được như thế
Tưởng đảnh vô kiến ấy.
Con dùng tâm ái kính
Xin chiêm ngưỡng Thế Tôn
Nguyện được mắt thanh tịnh
Gặp được Phật Di-lặc.
Thế Tôn, bậc trí tuệ
Liền dùng kệ trả lời
Ông qua đời ở đây
Sẽ sinh trời Đâu-suất.
Từ Đâu-suất hạ sinh
Gặp được Phật Di-lặc
Hai vạn năm cúng dường
Mới xuất gia tu học.
Đã được xuất gia rồi
Tịnh tu các phạm hạnh
Chư Phật trong Hiền kiếp
Đều được thấy tất cả.
Cũng được cúng dường Phật
Ở đó tu phạm hạnh
Qua sáu mươi ức kiếp
Ông sẽ được thành Phật.
Danh hiệu là Bảo Cái
Cõi nước rất nghiêm tịnh

Chỉ có tăng Bồ-tát
Vì giảng thuyết diệu pháp.
Thọ mạng trọn một kiếp
Sau khi diệt độ rồi
Chánh pháp trụ nửa kiếp
Lợi ích cho muôn loài.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân cùng với vô số trăm ngàn chư Thiên vây quanh, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ bảo vệ cho chư vị Pháp sư có thể thọ trì kinh này và cúng dường, cung cấp cho chư vị ấy. Ở nơi chốn nào có kinh này, hoặc có người đọc tụng, giảng giải, chúng con sẽ đi đến các nơi chốn ấy để thọ trì giáo pháp, lại sẽ làm tăng thêm oai lực nơi vị Pháp sư, khiến cho thứ tự của câu, nghĩa không bị sót, mất.

Khi ấy, con của Thích Đề-hoàn Nhân, tên là Cù-bà-già, cầm lọng chân châu trang hoàng bằng bảy thứ báu, dâng lên Đức Như Lai, nói kệ:

Hiện nay con biết rõ
Chỗ thuyết pháp của Phật
Cũng sẽ hành như vậy
Cầu Nhất thiết trí Phật.
Thế Tôn ở đời trước
Bố thí hết mọi thứ
Con sẽ theo hạnh này
Xả bỏ các sở hữu.
Con ở trước Pháp vương
Xin thọ trì kinh này
Sẽ thuyết cho người khác
Để báo đáp ân Phật.
Người ưa thích kinh này
Tức là đồng với con
Con sẽ cúng dường họ
Vì chứng đắc Bồ-đề.
Thế Tôn, hàng Thanh văn
Không thể hộ trì pháp
Vào đời sau đáng sợ
Xin hộ trì kinh này.
Thế Tôn an ủi con
Đoạn nghi của chư Thiên

Nay con bao lâu nữa
Thành Phật như Thế Tôn?
Phật thông đạt trí tuệ
Tức thì thọ ký cho
Ông sau sẽ làm Phật
Giống Như Lai không khác.
Trải qua ngàn ức kiếp
Lại hơn trăm ức kiếp
Như thế mới thành Phật
Danh hiệu là Trí Vương.

Bấy giờ chủ cõi Ta-bà là Phạm thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con xả thiền định, vui thích đi đến nơi vị Pháp sư, hoặc nơi chốn các thiện nam, thiện nữ nào có thể thuyết giảng pháp này. Vì sao? Vì từ những kinh như vậy đã sinh ra Đế Thích, Phạm vương và những bậc tôn quý.

Bạch Thế Tôn! Chúng con sẽ cúng dường những vị thiện nam kia. Những thiện nam ấy xứng đáng thọ nhận tất cả sự cúng dường của các hàng Trời, Người, A-tu-la nơi thế gian.

Khi ấy, Thiên vương Diệu Phạm dùng kệ nói:

Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Các thiện nam, tín nữ
Có thể thọ kinh này
Chỗ cúng dường của đời.
Cho đến có một người
Dốc hành trì kinh này
Con sẽ phải vì họ
Diễn thuyết kinh như vậy.
Trải tòa các hoa đẹp
Cao đến trời Phạm thiên
An tọa nơi tòa ấy
Diễn thuyết kinh như vậy.
Nếu ở trong đời ác
Từ chỗ nghe kinh này
Nên phát tâm hy hữu
Vui mừng xưng lành thay!
Nếu vô lượng thế giới
Bị lửa lớn đầy khắp

Cần phải từ trong đó
Vượt đến nghe kinh này.
Kinh mở bày Phật đạo
Hoặc người muốn được nghe
Góp báu như Tu-di
Nên cúng dường người ấy.

-oOo-

Phẩm 18: Chúc lụy

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hiện bày diệu lực của thần thông, khiến cho ma Ba-tuần và các quân ma đều đi đến chỗ Phật và cùng thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con cùng với các quyến thuộc nay xin ở trước Đức Thế Tôn phát thệ nguyện: Nơi chốn nào lưu truyền rộng rãi kinh này, hoặc có người giảng nói pháp và người nghe pháp, cũng những cõi nước không dấy khởi các việc của ma, chúng con sẽ xin bảo vệ kinh ấy.

Lúc đó, Đức Thế Tôn phóng ra hào quang màu vàng ròng tỏa chiếu khắp thế giới này và bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nay Như Lai sẽ hộ niệm kinh này tạo lợi ích cho các vị Pháp sư. Kinh này ở nơi cõi Diêm-phù-đề được truyền bá và tồn tại thì Phật pháp không bị diệt mất.

Khi ấy, chư vị trong chúng hội dùng tất cả những loại hoa, tất cả các loại hương, hương bột, tung rải lên chỗ Đức Phật và thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Đức Thế Tôn làm cho kinh này được trụ lâu ở cõi Diêm-phù-đề và được giảng thuyết, lưu truyền rộng khắp.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông có thể thọ trì kinh này chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể thọ trì.

Phật bảo:

–Này A-nan! Nay Như Lai đem kinh này phó chúc cho ông. Ông hãy thọ trì, đọc tụng và thuyết giảng rộng cho người khác.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người thọ trì, đọc tụng và giảng thuyết kinh này thì đạt được công đức như thế nào?

Phật dạy:

–Này A-nan! Tùy theo số lượng câu chương, văn tự hiện có ở trong kinh, người suốt đời dùng tất cả vật dụng cần thiết cúng dường ngần ấy chư Phật và Tăng. Nếu có người cho dù chỉ cúng dường kinh này với sự cung kính, tôn trọng, khen ngợi, thì công đức của người ấy vượt hơn. Người ấy ở đời hiện tại đạt được mười một tạng công đức. Những gì là mười một?

1. Thấy rõ tạng Phật, vì đạt được Thiên nhãn.

2. Lãnh hội tạng Pháp, vì đạt được Thiên nhĩ.

3. Thấy được tạng Tăng, vì đạt được Tăng Bồ-tát không thoái chuyển.

4. Đạt được kho báu tài sản vô tận ,vì có được bàn tay quý giá.

5. Đạt được tạng sắc thân, vì đầy đủ ba mươi hai tướng.

6. Đạt được tạng quyến thuộc, vì có được quyến thuộc không thể bị hủy hoại.

7. Đạt được tạng pháp chưa từng nghe, vì có được các pháp Đà-la-ni.

8. Đạt được tạng ức niệm, vì có biện tài ưa thích thuyết giảng.

9. Đạt tạng vô sở úy, vì diệt trừ tất cả các luận thuyết của ngoại đạo.

10. Đạt được tạng phước đức, vì làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh.

11. Đạt tạng trí tuệ, vì có được tất cả pháp của Phật.

Khi Đức Phật thuyết giảng kinh này, có bảy mươi hai na-do-tha chúng sinh chứng được pháp Nhẫn vô sinh, vô lượng chúng sinh phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vô số chúng sinh không còn lệ thuộc nơi các pháp, dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên phải, cung kính đảnh lễ ngang chân Phật và thưa:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gọi là gì và phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Kinh này gọi là Thâu Tóm Tất Cả Các Pháp cũng gọi là Trang Nghiêm Các Pháp Của Chư Phật, lại gọi là Tư Ích Phạm Thiên Sở Vấn, còn gọi là Văn-thù-sư-lợi Luận Nghị nên theo đó mà phụng trì.

Đức Phật giảng thuyết kinh này xong, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi, Phạm thiên Tư Ích, Bồ-tát Đẳng Hạnh, Trưởng lão Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan và tất cả chư Thiên, người, thọ trì lời Phật dạy đều vô cùng vui mừng.

-oOo-

Số 587

KINH THẮNG TƯ DUY PHẠM THIÊN SỞ VẤN

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam tạng Bồ-đề Lưu Chi, người Thiên Trúc.

QUYỂN 1

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn trú nơi rừng Trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo tăng gồm sáu vạn bốn ngàn vị hội đủ, chúng Đại Bồ-tát gồm bảy vạn hai ngàn người, là những vị mà các bậc trí đều biết đến. Chư vị ấy đều chứng đạt đến đầy đủ Đà-la-ni, biện tài lưu loát không chướng ngại, được các pháp Tam-muội, thần thông tự tại vô ngại, rốt ráo không còn lo sợ, khéo nhận biết về thể tướng như thật của các pháp, chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh. Tên của chư vị là: Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi, Pháp vương tử Bảo Thủ, Pháp vương tử Bảo Ấn Thủ, Pháp vương tử Bảo Đức, Pháp vương tử Hư Không Tạng, Pháp vương tử Phát Tâm Chuyển Pháp Luân, Pháp vương tử Võng Minh, Pháp vương tử Phấn Tấn, Pháp vương tử Công Đức Tạng, Pháp vương tử Năng Xả Nhất Thiết Pháp, Pháp vương tử Bát-đầu-ma Trang Nghiêm, Pháp vương tử Sư Tử, Pháp vương tử Nguyệt Quang, Pháp vương tử Nguyệt Minh, Pháp vương tử Tối Thắng Ý, Pháp vương tử Nhất Thiết Trang Nghiêm.

Trong mười sáu vị Bồ-tát, thì Bồ-tát Bạt-đầu-bà-la là bậc thượng thủ. Những Bồ-tát ấy tên là: Bồ-tát Bạt-đầu-bà-la, Bồ-tát Bảo Tích, Bồ-tát Thiện Tướng Đạo, Bồ-tát Nhân Đức, Bồ-tát Thiện Hộ Đức, Bồ-tát Đại Hải Đức, Bồ-tát Đế Thích Vương Đức, Bồ-tát Thượng Ý, Bồ-tát Thắng Ý, Bồ-tát Tăng Thượng Ý, Bồ-tát Bất Không Kiến, Bồ-tát Thiện Trú, Bồ-tát Thiện Phấn Tấn, Bồ-tát Vô Lượng Ý, Bồ-tát Bất Hưu Tức, Bồ-tát Nhật Tạng, Bồ-tát Trì Địa… Những bậc Bồ-tát như vậy gồm đến bảy vạn hai ngàn người, cùng bốn vị Thiên vương, vua trời Đế Thích là thượng thủ, cùng chư Thiên các cõi trời Tam thập tam, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, Phạm vương và các Phạm thiên khác… và tám bộ chúng

gồm vô lượng hàng Trời, Rồng, Quỷ thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và Phi nhân, thảy đều vân tập đông đủ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn có trăm ngàn vạn đại chúng vây quanh cung kính nghe Phật thuyết pháp.

Khi ấy, Bồ-tát Võng Minh liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch vai bên phải, quỳ gối, đảnh lễ nơi chân Phật, rồi chắp tay, hướng về Phật, khiến tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động. Bồ-tát quan sát tất cả chúng sinh trong từng ấy thế giới, rồi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con có một ít điều muốn hỏi Đức Như Lai, nếu được cho phép thì con mới dám nêu bày.

Phật dạy:

–Này Bồ-tát Võng Minh! Ông muốn hỏi gì cứ việc nêu ra, Như Lai sẽ lần lượt giải thích cho.

Được Đức Phật cho phép, Bồ-tát Võng Minh rất vui mừng, liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thân tướng của Đức Như Lai vượt lên ánh sáng của mặt trời, mặt trăng đến trăm ngàn vạn lần. Con tự nghĩ: "Nếu có chúng sinh nào thấy được thân tướng ấy và suy nghĩ thì thật là ít có". Con lại nghĩ: "Nếu có chúng sinh nào thấy được thân tướng của Phật và suy nghĩ, thì họ đều nhờ diệu lực nơi oai thần của Đức Như Lai.

Phật dạy:

–Này Bồ-tát Võng Minh! Đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói. Nếu Phật, Như Lai không gia trì oai lực, thì không chúng sinh nào có thể thấy được thân tướng của Phật và suy xét, cũng không thể thỉnh vấn Đức Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai có ánh sáng tên là Tịch trang nghiêm, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì người bắt gặp sẽ được thấy thân Phật và suy nghĩ về thân Phật mà nhãn căn không bị hủy hoại.

Như Lai có ánh sáng tên là Vô úy biện, nếu đem ánh sáng này chiếu đến các chúng sinh, thì người bắt gặp sẽ thưa hỏi Như Lai về biện tài không cùng tận.

Như Lai có ánh sáng tên là Tập hợp tất cả cội nguồn thiện căn, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì người bắt gặp có thể thưa hỏi Đức Như Lai về nhân duyên hành nghiệp của Chuyển luân thánh vương.

Như Lai có ánh sáng tên là Tịch trang nghiêm, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì người bắt gặp có thể thưa hỏi Đức Như Lai

về nhân duyên hành nghiệp của vua trời Đế Thích.

Như Lai có ánh sáng tên là Tự tại, nếu đem ánh sáng này chiếu đến các chúng sinh, thì người bắt gặp có thể thưa hỏi Đức Như Lai về nhân duyên hành nghiệp của vua Đại Phạm thiên.

Như Lai có ánh sáng tên là Lìa phiền não, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì người bắt gặp có thể thưa hỏi Đức Như Lai về chỗ hành đạo của hàng Thanh văn.

Như Lai có ánh sáng tên là Khéo xa lìa, nếu đem ánh sáng này chiếu đến các chúng sinh, thì người bắt gặp có thể thưa hỏi Đức Như Lai về chỗ hành đạo của hàng Duyên giác.

Như Lai có ánh sáng tên là Tăng trưởng trí Nhất thiết trí, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì người bắt gặp có thể thưa hỏi Đức Như Lai về Đạo đức tối thượng của Phật.

Như Lai có ánh sáng tên là Trụ ích, lúc Phật bước đi thì từ dưới bàn chân phóng ra ánh sáng, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì người bắt gặp khi mạng chung được sinh lên cõi trời.

Như Lai có ánh sáng tên là Nhất thiết trang nghiêm. Lúc Phật vào thành thì phóng ra ánh sáng này, nếu chúng sinh nào bắt gặp tất có được lợi ích an vui, các vật trang nghiêm hiện bày khắp thành ấy.

Như Lai có ánh sáng tên là Phân tán, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các thế giới, thì vô lượng, vô biên thế giới đều chấn động.

Như Lai có ánh sáng tên là Sinh lạc, nếu đem ánh sáng này chiếu đến các chúng sinh, thì có thể diệt trừ mọi khổ não của chúng sinh nơi địa ngục.

Như Lai có ánh sáng tên là Thượng từ, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì có thể khiến cho các loại súc sinh không giết hại lẫn nhau.

Như Lai có ánh sáng tên là Lương lạc, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì có thể diệt trừ bao sự đói khát bức bách của hàng ngạ quỷ.

Như Lai có ánh sáng tên là Minh tịnh, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì có thể khiến cho người mù được sáng mắt.

Như Lai có ánh sáng tên là Thính thông, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì có thể làm cho người điếc được nghe rõ.

Như Lai có ánh sáng tên là Chỉ tức, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì người sống theo mười nghiệp ác có thể khiến họ an trụ trong mười nghiệp thiện.

Như Lai có ánh sáng tên là Tàm quý, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì có thể khiến cho người cuồng loạn đều được chánh niệm.

Như Lai có ánh sáng tên là Lìa ác, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì có thể làm cho người theo tà kiến đều đạt được chánh kiến.

Như Lai có ánh sáng tên là Năng xả, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì làm cho người keo kiệt dứt trừ được tâm tham lam, tu hành bố thí.

Như Lai có ánh sáng tên là Vô hối nhiệt, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì khiến cho người hủy giới đều được giữ giới.

Như Lai có ánh sáng tên là An lợi, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì khiến cho người giận dữ đều thực hành nhẫn nhục.

Như Lai có ánh sáng tên là Cần tu, nếu dùng ánh sáng ấy chiếu tỏa nơi các chúng sinh, thì khiến cho người biếng trễ đều hành tinh tấn.

Như Lai có ánh sáng tên là Nhất tâm, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì làm cho những người vọng niệm đều được thiền định.

Như Lai có ánh sáng tên là Năng giải, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì những người ngu si đều có được trí tuệ.

Như Lai có ánh sáng tên là Vô cấu tịnh, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì có thể khiến cho người bất tín đều được chánh tín.

Như Lai có ánh sáng tên là Năng trì, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, tất làm cho người ít hiểu biết đều được hiểu biết rộng.

Như Lai có ánh sáng tên là Oai nghi, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì khiến cho người không có hổ thẹn đều biết hổ thẹn.

Như Lai có ánh sáng tên là An ổn, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì làm cho những người nhiều dục đoạn trừ được dâm dục.

Như Lai có ánh sáng tên là Hoan hỷ, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, tất khiến cho người có nhiều phẫn nộ đoạn trừ sân hận.

Như Lai có ánh sáng tên là Chiếu minh, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì khiến cho người nhiều si mê quán chiếu mười hai nhân duyên, đoạn trừ được ngu tối.

Như Lai có ánh sáng tên là Biến hành, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, tất làm cho những người có các điều như trên đều được đoạn trừ hết thảy.

Này Bồ-tát Võng Minh! Như Lai có ánh sáng tên là Hiện bày tất cả

màu sắc, nếu đem ánh sáng ấy chiếu đến các chúng sinh, thì người bắt gặp được đều thấy thân Phật với vô số các màu sắc khác lạ, vô lượng trăm ngàn vạn thứ sắc màu vượt hơn.

Này Bồ-tát Võng Minh! Ông nên biết Như Lai nếu dùng một kiếp hoặc hơn kém một kiếp, dựa theo ánh sáng của Phật mà nêu bày cũng không thể cùng tận. Do đó, Như Lai là Chánh Biến Tri và công đức nơi ánh sáng của Như Lai cũng là vô lượng, vô biên không thể cùng tận.

Bấy giờ, Bồ-tát Võng Minh bạch Phật:

–Thật là hiếm có, bạch Thế Tôn! Đức Như Lai đã thị hiện vô lượng, vô biên ánh sáng nơi thân hết sức trang nghiêm không thể nghĩ bàn, khéo dùng phương tiện thiện xảo để thuyết pháp tương ứng.

Bạch Thế Tôn! Con chưa được nghe tên các thứ ánh sáng ấy.

Bạch Thế Tôn! Như con hiểu được ý nghĩa nơi pháp của Phật thuyết giảng, nếu có Bồ-tát nào nghe được tên các thứ ánh sáng kia, có thể sinh tâm tin tưởng thanh tịnh, cung kính, thì các Bồ-tát ấy nhất định sẽ đạt được thân ánh sáng của Đức Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Cúi xin Ngài phóng ánh sáng, khiến cho các Bồ-tát nơi những thế giới khác đều nhận biết, các vị ấy là những người khéo nêu vấn nạn, tất cả đều phát tâm đi đến thế giới Ta-bà này, cung kính, cúng dường, thỉnh vấn Đức Như Lai.

Khi ấy, Đức Thế Tôn đã nhận lời thỉnh cầu của Bồ-tát Võng Minh, liền phóng ra ánh sáng chiếu đến vô lượng, vô biên thế giới của chư Phật khác. Do vậy, vô lượng Bồ-tát ở các phương đều nương theo ánh sáng của Phật tỏa chiếu nơi thân mình để đi về thế giới Ta-bà.

Bấy giờ, về phương Đông, vượt hơn bảy mươi hai hằng hà sa quốc độ chư Phật, có một cõi Phật tên là Thanh khiết, Đức Phật ở đấy hiệu là Nguyệt Quang Minh Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, hiện đang thuyết giảng pháp thanh tịnh cho các Đại Bồ-tát. Cõi Phật ấy có vị Phạm thiên Bồ-tát tên là Thắng Tư Duy, an trú nơi quả vị không thoái chuyển, nhờ tiếp xúc ánh sáng của Phật Thích-ca Mâu-ni, nên liền đi đến chỗ Đức Phật Nguyệt Quang Minh đảnh lễ nơi chân Phật và thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì ở thế giới này xuất hiện ánh sáng lớn?

Đức Phật Nguyệt Quang Minh đáp:

–Này Phạm thiên! Về phương Tây cách đây hơn bảy mươi hai hằng hà sa cõi của chư Phật, có thế giới tên là Ta-bà, Đức Phật ở đấy hiệu là

Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, hiện đang thuyết pháp cho các chúng sinh. Ánh sáng kia là từ nơi thân Phật ấy phóng ra vì muốn tập hợp các Đại Bồ-tát trong mười phương.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nay con muốn đi đến thế giới Ta-bà để yết kiến, thân cận, lễ bái cúng dường và thỉnh vấn Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Đức Phật đó cũng muốn gặp con.

Phật Nguyệt Quang Minh đáp:

–Này Phạm thiên! Nay thật là đúng lúc, ông nên đi tới thế giới ấy, hiện đang có vô số trăm ngàn ức Đại Bồ-tát đang vân tập đến đông đủ.

Này Phạm thiên! Ông nay nên dùng mười thứ tâm thanh tịnh, kiên cố để đi đến thế giới Ta-bà. Đó là đối với các lời khen chê, tâm không tăng giảm. Dùng tâm Từ để nghe các điều thiện ác. Dùng tâm Bi đối với kẻ ngu, người trí. Đối với các loại chúng sinh thượng, trung, hạ, ý luôn bình đẳng. Đối với mọi sự khinh chê hay cúng dường, tâm không có hai. Không thấy công đức hay lỗi lầm của người khác. Thấy rõ các thừa đều là một đạo vị. Nghe về ba đường ác, tâm không kinh sợ. Đối với các Bồ-tát xem như là Đức Thế Tôn. Phật xuất hiện giữa cõi thế gian có năm thứ ô trược nên biết là rất hy hữu.

Này Phạm thiên! Ông nên nương vào mười thứ tâm thanh tịnh, kiên cố như thế để đến thế giới kia.

Phạm thiên Thắng Tư Duy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không dám ở trước Đức Như Lai gầm lên tiếng gầm của sư tử. Việc có thể làm được của con Phật đều biết rõ.

Khi ấy các vị Bồ-tát khác nơi cõi này cũng bạch Phật Nguyệt Quang Minh:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con đạt được lợi ích lớn nên không sinh vào quốc độ như thế, không làm chúng sinh xấu ác trong quốc độ ấy.

Phật Nguyệt Quang Minh bảo:

–Này các thiện nam! Chớ nên nói như vậy. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát ở trong thế giới này tịnh tu phạm hạnh, đầy đủ đến trăm ngàn kiếp, cũng không bằng phước đức của người không dấy khởi tâm sân hận chỉ trong chốc lát ở thế giới Ta-bà kia. Vì sao? Vì ở thế giới đó có nhiều cấu nhiễm, có nhiều chướng nạn, các chúng sinh ở cõi đó cũng có nhiều cấu nhiễm hay gây tranh chấp.

Ngay lúc này có một vạn hai ngàn vị Bồ-tát muốn cùng với Phạm

thiên Thắng Tư Duy phát tâm đi đến thế giới Ta-bà, nên cùng thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai biết rõ chúng con hành theo hạnh Bồ-tát. Chúng con cũng dốc đem mười thứ tâm kiên cố ấy một lòng đi đến thế giới Ta-bà để yết kiến, lễ bái, cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Khi ấy, Phạm thiên Thắng Tư Duy cùng với một vạn hai ngàn Bồ-tát cung kính đảnh lễ sát chân Phật Nguyệt Quang Minh, rồi hốt nhiên các vị ấy biến mất ở quốc độ mình và nhanh như khoảng thời gian lực sĩ co duỗi cánh tay, chư vị đã có mặt tại chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ở thế giới Ta-bà, cung kính đảnh lễ nơi chân Ngài, đi nhiễu quanh ba vòng rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Võng Minh:

–Này Bồ-tát Võng Minh! Ông có thấy Phạm thiên Thắng Tư Duy đi đến với chúng hội này không?

Bồ-tát Võng Minh đáp:

–Bạch Thế Tôn, con có thấy!

Phật dạy:

–Này Bồ-tát Võng Minh! Phạm thiên Thắng Tư Duy ấy là bậc nhất trong các vị Bồ-tát khéo thưa hỏi về các vấn đề chính đáng, là bậc nhất trong các vị Bồ-tát khéo dùng các phương tiện thiện xảo để tùy nghi thuyết pháp, là bậc nhất trong hàng Bồ-tát có âm thanh huyền diệu, là bậc nhất tong các Bồ-tát có ngôn ngữ hay đẹp, là bậc nhất trong số các Bồ-tát có ý thức khéo thăm hỏi, là bậc nhất trong các Bồ-tát dùng ngôn ngữ để cúng dường, là bậc nhất trong các Bồ-tát không hề bị chướng ngại về ngôn ngữ, là bậc nhất trong các Bồ-tát không bị chướng ngại đối với ngôn từ mật ý, là bậc nhất trong hàng Bồ-tát không có tâm sân hận, là bậc nhất trong các Bồ-tát luôn hành tâm Từ, là bậc nhất trong các Bồ-tát hành theo tâm Bi, là bậc nhất trong các Bồ-tát có đầy đủ tâm Hỷ, là bậc nhất trong các Bồ-tát không luôn hành tâm Xả, cũng là bậc nhất trong các Bồ-tát khéo thưa hỏi về các điều còn nghi ngờ.

Lúc này Phạm thiên Thắng Tư Duy cùng một vạn hai ngàn Bồ-tát, đảnh lễ nơi chân Phật, đi nhiễu quanh ba vòng rồi chắp tay hướng về Phật nói kệ để thưa hỏi:

Thế Tôn, bậc thù thắng
Tiếng tốt vang mười phương
Ở chỗ các Như Lai
Không ai không xưng tán.
Nơi các cõi tịnh khác

Không tên ba đường ác
Bỏ các cõi đẹp ấy
Từ bi nên sinh đây.
Trí Phật không giảm thiểu
Đồng các Đức Như Lai
Dùng bản nguyện đại Bi
Hành hóa cõi xấu ác.
Nếu người ở cõi tịnh
Phạm hạnh tròn một kiếp
Ở đây trong chốc lát
Hành Từ là tối thắng.
Nếu người ở cõi này
Thân, khẩu, ý tạo tội
Đáng đọa ba đường ác
Hiện đời được tiêu trừ.
Bồ-tát sinh cõi này
Không còn mang sầu não
Giả có tội cõi ác
Thống khổ được dứt bỏ.
Các Bồ-tát cõi này
Nếu thường hộ trì pháp
Đời đời sinh ở đâu
Cũng không mất chánh niệm.
Nếu người muốn giải thoát
Diệt tội nghiệp, phiền não
Nơi cõi này hộ pháp
Tăng trưởng Nhất thiết trí.
Ở cõi tịnh nhiều kiếp
Thọ trì giới thanh tịnh
Không bằng cõi Ta-bà
Giữ giới trong chốc lát.
Con thấy nước An lạc
Cõi Phật Vô Lượng Thọ
Không có khổ tên khổ
Tạo phước thật chẳng khó.
Ở cõi phiền não này
Nhẫn các điều khó nhẫn
Cũng dạy người pháp ấy

Phước đó là tối thắng.
Con lễ Đấng Vô Thượng
Bậc Đại Bi cứu khổ
Gắng nhẫn chúng sinh ác
Thuyết pháp thật là khó.
Phật tập hợp Bồ-tát
Danh tiếng khắp mười phương
Nghe pháp không nhàm chán
Thuyết rộng về Phật đạo.
Thích, Phạm, Tứ Thiên vương
Chúng trời, rồng, quỷ thần…
Thảy đều muốn cầu pháp
Nguyện tin theo vui giảng.
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Cùng nam nữ thanh tín
Bốn chúng này vân tập
Nguyện xin thuyết giảng pháp.
Có người ưa Phật thừa
Và Thanh văn, Duyên giác
Phật biết tâm ý ấy
Xin dứt trừ mọi nghi.
Người không đoạn Phật chủng
Khiến Tam bảo hưng thịnh
Vì các Bồ-tát ấy
Con cung thỉnh Pháp vương.
Tiếng thơm tỏa khắp nơi
Khiến Bồ-tát mười phương
Cùng nhau vân tập đến
Xin thuyết đạo Vô thượng.
Pháp chẳng thuộc Nhị thừa
Chúng con hết lòng tin
Tuệ chẳng thể nghĩ bàn
Chính là cảnh giới Phật.
Con nay có chỗ thưa
Xin sám hối Thế Tôn
Như Lai không mỏi mệt
Nguyện thuyết đạo Bồ-đề.

Sau khi dùng kệ khen ngợi Phật xong, Phạm thiên Thắng Tư Duy bèn

thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát làm thế nào để tâm mình luôn được kiên cố, không hề mệt mỏi?

Bồ-tát làm thế nào để lời nói của mình luôn chắc thật, không hối tiếc?

Bồ-tát làm thế nào để tăng trưởng các thiện căn?

Bồ-tát làm thế nào để không còn lo sợ, oai nghi không thoái chuyển?

Bồ-tát làm thế nào để tăng trưởng các pháp thiện?

Bồ-tát làm thế nào để khéo nhận biết từ quả vị này đến quả vị khác?

Bồ-tát làm thế nào để khéo biết về phương tiện nhằm giáo hóa chúng sinh?

Bồ-tát làm thế nào để tùy thuận chúng sinh?

Thế nào là Bồ-tát không làm mất tâm Bồ-đề?

Thế nào là Bồ-tát đạt được nhất tâm không bị tán loạn?

Thế nào là Bồ-tát khéo cầu pháp?

Thế nào là Bồ-tát khéo ra khỏi tội lỗi phá bỏ giới?

Bồ-tát làm thế nào để khéo đoạn trừ các phiền não?

Bồ-tát làm thế nào để khéo an trú trong đại chúng?

Bồ-tát làm thế nào để khéo mở bày việc pháp thí?

Bồ-tát làm thế nào để đạt được diệu lực của nhân duyên đời trước, mà không mất thiện căn?

Bồ-tát làm thế nào để tu hành sáu pháp Ba-la-mật mà không do người khác chỉ dạy?

Bồ-tát làm thế nào để có thể chuyển xả thiền định sinh trở lại cõi Dục?

Bồ-tát làm thế nào để đạt được không thoái chuyển nơi các pháp của chư Phật?

Bồ-tát làm thế nào để không làm mất hạt giống Phật mà tu hành đúng như thật?

Đức Thế Tôn khen ngợi Phạm thiên Thắng Tư Duy:

–Lành thay, lành thay! Này Phạm thiên! Nay ông đã khéo thưa hỏi Như Lai về các nghĩa như vậy.

Này Phạm thiên! Nay ông hãy chí tâm lắng nghe, Như Lai sẽ thuyết giảng.

Đại Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con xin lắng nghe.

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu rốt ráo bốn pháp thì tâm được kiên cố, không hề mệt mỏi. Những gì là bốn?

1. Khởi tâm đại Từ bi đối với chúng sinh.

2. Thường tinh tấn, không biếng trễ.

3. Tin hiểu về sinh tử như mộng huyễn.

4. Tư duy chân chánh về trí tuệ của Phật là không gì sánh bằng, không gì hơn.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu rốt ráo bốn pháp như vậy thì tâm được kiên cố, không hề biết mệt mỏi.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu đầy đủ bốn pháp thì lời nói của mình luôn chắc thật, không hề hối tiếc. Những gì là bốn?

1. Nói chắc chắn các pháp là vô ngã.

2. Nói chắc chắn các cảnh giới sinh tử là không có an vui.

3. Thường khen ngợi Đại thừa.

4. Nói nghiệp của tội phước là không hề mất.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu trọn vẹn bốn pháp như vậy, thì lời nói luôn được chắc thật, không hối tiếc.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu rốt ráo bốn pháp thì các thiện căn luôn được tăng trưởng. Những gì là bốn?

1. Giữ giới.

2. Hiểu biết rộng.

3. Bố thí.

4. Xuất gia tu tập.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu rốt ráo bốn pháp thì không còn lo sợ, oai nghi không hề thoái chuyển. Những gì là bốn?

1. Không sợ hãi khi chẳng được tài vật, lợi dưỡng.

2. Không sợ khi bị nhục mạ.

3. Không sợ tiếng xấu.

4. Không sợ mọi sự khổ não.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu đầy đủ bốn pháp thì các pháp thiện sẽ được tăng trưởng. Những gì là bốn?

1. Giáo hóa chúng sinh tu hành đạo Bồ-đề.

2. Bố thí mà không cầu phước báo.

3. Giữ gìn chánh pháp.

4. Dùng trí tuệ để chỉ dạy các Bồ-tát.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu trọn vẹn bốn pháp thì khéo nhận biết từ quả vị này đến quả vị khác. Những gì là bốn?

1. Tích tập các thiện căn.

2. Xa lìa các lỗi lầm.

3. Khéo biết về phương tiện hồi hướng.

4. Thường chuyên cần, tinh tấn.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu rốt ráo bốn pháp thì khéo biết rõ về phương tiện để giáo hóa chúng sinh. Những gì là bốn?

1. Thuận theo tâm, ý của chúng sinh.

2. Khởi tâm tùy hỷ đối với công đức của người khác.

3. Hối lỗi để diệt trừ tội.

4. Luôn khuyến thỉnh chư Phật.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu trọn vẹn bốn pháp thì lỗi lầm tùy thuận các chúng sinh. Những gì là bốn?

1. Thường cầu lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sinh.

2. Từ bỏ niềm vui riêng của mình.

3. Tâm luôn dịu dàng, nhẫn nhục.

4. Trừ bỏ mọi kiêu mạn.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu đầy đủ bốn pháp thì không làm mất tâm Bồ-đề. Những gì là bốn?

1. Thường nhớ nghĩ đến chư Phật.

2. Vun trồng thiện căn, không lìa tâm Bồ-đề.

3. Thân cận các bậc Thiện tri thức.

4. Khen ngợi pháp Đại thừa.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu trọn vẹn bốn pháp thì đạt được nhất tâm, không bị tán loạn. Những gì là bốn?

1. Xa lìa tâm cầu bậc Thanh văn.

2. Xả bỏ tâm niệm về bậc Bích-chi-phật.

3. Cầu pháp không hề chán đủ.

4. Giảng rộng cho mọi người về pháp mình đã nghe.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu rốt ráo bốn pháp thì khéo

cầu được pháp. Những gì là bốn?

1. Đối với pháp nên sinh tưởng quý báu vì khó được.

2. Đối với pháp nên sinh tưởng như thuốc hay vì trị được các bệnh.

3. Đối với pháp nên sinh tưởng như tài vật vì không bị mất.

4. Đối với pháp nên sinh tưởng như khổ được trừ diệt, đạt đến Niết-bàn.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu rốt ráo bốn pháp thì khéo ra khỏi tội lỗi phá giới. Những gì là bốn?

1. Được pháp Nhẫn vô sinh, do nội quán về các pháp.

2. Được pháp nhẫn vô diệt vì các pháp vốn không đi.

3. Được nhẫn nhân duyên, nhờ quán về nhân duyên của các pháp.

4. Được nhẫn vô trụ do không thấy có mới, cũ.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu trọn vẹn bốn pháp thì khéo đoạn trừ các phiền não. Những gì là bốn?

1. Quán xét chân chánh.

2. Xa lìa các chướng ngại chưa sinh, tăng trưởng các pháp thiện.

3. Được diệu lực của pháp thiện.

4. Ở riêng một mình, xa lìa tất cả.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu đầy đủ bốn pháp thì khéo an trụ nơi các đại chúng. Những gì là bốn?

1. Cầu pháp không mong hơn người.

2. Tâm cung kính, không kiêu mạn.

3. Chỉ cầu pháp, không tự khoe khoan.

4. Dạy người pháp thiện, không cầu danh lợi.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu rốt ráo bốn pháp thì khéo mở bày pháp thí. Những gì là bốn?

1. Giữ gìn chánh pháp.

2. Tự làm tăng trưởng trí tuệ và cũng làm tăng trưởng trí tuệ của người khác.

3. Thực hành pháp của bậc thiện nhân.

4. Chỉ bày về chỗ cấu, tịnh nơi con người.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu trọn vẹn bốn pháp thì được diệu lực nơi nhân từ đời trước mà không làm mất thiện căn. Những gì là bốn?

1. Không thấy khiếm khuyết, lỗi lầm nơi người khác.

2. Thường tu tâm Từ đối với kẻ giận dữ.

3. Thuyết giảng về nhân duyên của các pháp.

4. Luôn nhớ nghĩ về Bồ-đề.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu rốt ráo bốn pháp thì có thể hành hóa sáu pháp Ba-la-mật mà không do người khác chỉ dạy. Những gì là bốn?

1. Dùng bố thí để dẫn dắt cho người khác.

2. Không nói về tội phá giới của người khác.

3. Khéo biết thâu tóm giáo pháp để giáo hóa chúng sinh.

4. Thông đạt các pháp thâm diệu.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu đầy đủ bốn pháp thì có thể chuyển xả thiền định, sinh trở lại cõi Dục. Những gì là bốn?

1. Tâm luôn nhu hòa, dịu dàng.

2. Được diệu lực của các thiện căn.

3. Khéo tu tập về diệu lực nơi phương tiện trí tuệ.

4. Không hề lìa bỏ tất cả chúng sinh.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu trọn vẹn bốn pháp thì đối với pháp của chư Phật không hề thoái chuyển. Những gì là bốn?

1. Kham nhận vô lượng sinh tử.

2. Cúng dường vô lượng chư Phật.

3. Tu hành vô lượng pháp đại Từ.

4. Tu hành vô lượng pháp đại Bi.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu rốt ráo bốn pháp thì không làm mất hạt giống Phật, luôn tu hành chân thật. Những gì là bốn?

1. Bản nguyện không hề thoái chuyển.

2. Tu hành đúng như thật.

3. Luôn hết sức tinh tấn đối với pháp thiện.

4. Chí tâm thực hành Phật đạo.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát thành tựu trọn vẹn bốn pháp này thì không làm mất hạt giống Phật, luôn tu hành chân thật.

Khi Phật thuyết giảng các loại bốn pháp như vậy, thì có hai vạn hai ngàn chư Thiên và người đều phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, năm ngàn Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn vô sinh, các vị Bồ-tát từ khắp mười

phương thế giới đến chúng hội đã dùng hoa trời tung rải lên chỗ Đức Phật để cúng dường, hoa ấy được rải khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Khi đó Bồ-tát Võng Minh hỏi Phạm thiên Thắng Tư Duy:

–Này Phạm thiên! Phật nói ông là bậc nhất trong số các vị Bồ-tát thường thỉnh vấn một cách chính đáng. Vậy chỗ chánh vấn Bồ-tát là thế nào?

Phạm thiên đáp:

–Này Bồ-tát Võng Minh! Nếu Bồ-tát thấy có ngã nên hỏi thì đó là tà vấn, không phải là chánh vấn. Nếu thấy có người khác nên hỏi thì đó là tà vấn chứ không phải chánh vấn. Nếu hỏi bằng pháp phân biệt thì gọi là tà vấn, chẳng phải là chánh vấn.

Này Bồ-tát Võng Minh! Nếu Bồ-tát không vì ngã kiến, tha kiến, pháp kiến để hỏi thì đó gọi là chánh vấn, chớ không phải là tà vấn.

Lại nữa, này Bồ-tát Võng Minh! Nếu Bồ-tát do sinh mà hỏi, gọi là tà vấn, do diệt mà hỏi, gọi là tà vấn, do phải trái mà hỏi, gọi là tà vấn.

Này Bồ-tát Võng Minh! Nếu Bồ-tát không do sinh, không do diệt, không do phải trái mà hỏi, đó gọi là chánh vấn.

Lại nữa, này Bồ-tát Võng Minh! Nếu Bồ-tát vì nhiễm, vì tịnh, vì sinh tử, vì Niết-bàn mà hỏi, đó gọi là tà vấn.

Này Bồ-tát Võng Minh! Nếu Bồ-tát không vì nhiễm, tịnh, sinh tử, vượt ra sinh tử, Niết-bàn mà hỏi, đó gọi là chánh vấn. Vì sao? Vì tử ở trong quả vị của pháp không có nhiễm, tịnh, sinh tử, Niết-bàn.

Lại nữa, này Bồ-tát Võng Minh! Nếu Bồ-tát vì được, vì nắm giữ, vì chứng đắc, vì phân biệt, vì hiểu biết, vì nương tựa, vì tu tập, vì tu hành theo các kiến giải để hỏi, đó gọi là tà vấn.

Do vậy, này Bồ-tát Võng Minh! Nếu Bồ-tát không vì được, vì nắm giữ, vì chứng đắc, vì phân biệt, vì hiểu biết, vì nương tựa, vì tu tập, vì tu hành theo các kiến giải để hỏi, đó gọi là chánh vấn.

Này Bồ-tát Võng Minh! Nếu Bồ-tát thấy đây là pháp thiện, pháp bất thiện, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp có tội, pháp không có có tội, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, nương nơi hai pháp đối lập như vậy để hỏi, đó gọi là tà vấn.

Này Bồ-tát Võng Minh! Nếu Bồ-tát không thấy có hai, không thấy chẳng có hai, vì pháp đó là vô tướng, vô tướng bình đẳng để hỏi, đó gọi là chánh vấn.

Lại nữa, này Bồ-tát Võng Minh! Nếu Bồ-tát phân biệt về Phật, phân

biệt về Pháp, phân biệt về Tăng, phân biệt về quốc độ của Phật, phân biệt về chúng sinh, phân biệt về các thừa để hỏi, thì đó gọi là tà vấn.

Này Bồ-tát Võng Minh! Nếu Bồ-tát đối với pháp không cho là một, không cho là khác để hỏi, gọi là chánh vấn.

Này Bồ-tát Võng Minh! Tất cả các pháp đều là chánh, tất cả các pháp đều là tà.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Này Phạm thiên! Sao gọi là tất cả các pháp đều là chánh, tất cả các pháp đều là tà?

Phạm thiên đáp:

–Này Bồ-tát Võng Minh! Các pháp không thể nghĩ bàn, nên tất cả các pháp gọi là chánh. Nếu không thể nghĩ bàn mà nghĩ bàn nên tất cả các pháp gọi là tà. Biết tất cả pháp đều là vắng lặng, đó gọi là chánh tư duy. Nếu không tin, hiểu các pháp là vắng lặng, tức là phân biệt các pháp. Nếu phân biệt các pháp tức là rơi vào tăng thượng mạn, nếu đã rơi vào tăng thượng mạn thì sự phân biệt nào cũng đều là tà vấn.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Này Phạm thiên! Vì sao gọi các pháp là chánh tánh?

Phạm thiên đáp:

–Này Bồ-tát Võng Minh! Vì các pháp đều lìa tự tánh đều xa lìa biên vực của dục, đó gọi là chánh tánh.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Này Phạm thiên! Ít có chúng sinh có thể hiểu được về chánh tánh của các pháp như vậy.

Phạm thiên nêu:

–Chánh tánh của pháp ấy là không một, không nhiều.

Này Bồ-tát Võng Minh! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào có thể nhận biết về chánh tánh của các pháp như vậy, hoặc đã biết, đang biết, sẽ biết, thì người ấy không có pháp đã thủ đắc, đang thủ đắc, sẽ thủ đắc. Vì sao? Vì Phật đã nói là không có thủ đắc, không có phân biệt. Đó gọi là tướng của việc làm đã hoàn tất.

Này Bồ-tát Võng Minh! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào được lãnh hội về chánh tánh của các pháp như vậy mà siêng năng tinh tấn hành trì, thì đó gọi là tu tập đúng như thật. Người ấy không hý luận nơi các pháp, nếu không hý luận nơi các pháp thì không có pháp để thủ đắc. Nếu không có pháp để thủ đắc, thì người ấy không trụ ở thế gian, không trụ ở Niết-bàn.

Vì sao? Vì Phật không thủ đắc sinh tử, cũng không thủ đắc Niết-bàn.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Này Phạm thiên! Lẽ nào Như Lai không vượt qua sinh tử mà giảng nói pháp sao?

Phạm thiên lại hỏi:

–Pháp của Phật chỉ bày có vượt qua sinh tử chăng?

Bồ-tát Võng Minh đáp:

–Không. Như Lai chẳng khiến cho chúng sinh lìa khỏi thế gian, cũng chẳng khiến cho chúng sinh đạt được Niết-bàn.

Phạm thiên nói:

–Này Thiện nam! Vì nhân duyên ấy, nên biết Đức Như Lai chẳng khiến cho chúng sinh thoát khỏi sinh tử, đi vào Niết-bàn, chỉ vì nhằm hóa độ người vọng tưởng nên phân biệt ra hai tướng là sinh tử và Niết-bàn, nhưng trong đấy, thật sự không phải vượt ra sinh tử để đi đến Niết-bàn. Vì sao? Vì các pháp là bình đẳng, thật sự không có người qua lại nơi sinh tử, cũng không có người nhập nơi Niết-bàn, cũng không có nhiễm, cũng không có tịnh.

Đức Thế Tôn khen ngợi Phạm thiên Thắng Tư Duy:

–Lành thay, lành thay! Này Phạm thiên! Nếu có ai muốn giảng nói về chánh tánh của các pháp, thì nên giảng nói như những điều như ông đã nêu bày.

Lúc giảng pháp này xong, thì có hai ngàn Tỳ-kheo không còn bị các pháp chi phối, dứt hết các lậu, tâm được giải thoát.

Đức Như Lai lại bảo Phạm thiên:

–Này Phạm thiên! Như Lai chẳng thủ đắc nơi sinh tử, chẳng thủ đắc Niết-bàn. Vì sao? Vì Như Lai tuy nói về sinh tử, nhưng thật ra không có người trôi lăn trong sinh tử, tuy nói về Niết-bàn, nhưng thật ra không có người hội nhập Niết-bàn. Nếu có người thủ đắc cho là nhập vào pháp môn như vậy, nên biết người ấy không phải là tướng sinh tử, cũng không phải là tướng Niết-bàn.

Bấy giờ, có năm trăm Tỳ-kheo trong chúng hội, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, thưa:

–Nếu không có thế gian, không có Niết-bàn, thì hóa ra chúng con tu hành phạm hạnh chỉ là rỗng không, vì ý nghĩa gì mà tu hành các pháp thiền Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề của chánh đạo?

Bồ-tát Võng Minh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người đối với pháp mà dấy khởi kiến chấp về sinh, về diệt, thì người ấy không vượt qua sinh tử, đối với người đó Phật cũng không xuất hiện nơi thế gian.

Bạch Thế Tôn! Nếu có ai cho rằng mình thấy Niết-bàn, thì người ấy cũng không vượt ra sinh tử, cũng không chứng đắc Niết-bàn. Vì sao? Vì Phật đã dạy: Niết-bàn là diệt trừ các tướng, xa lìa tất cả động niệm, tất cả ngã tưởng, tất cả sự sinh khởi, tất cả hý luận.

Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo này đã xuất gia trong chánh pháp của Như Lai, mà nay lại rơi vào tà kiến của ngoại đạo, cầu tướng quyết định nơi Niết-bàn an lạc, ví như từ mè ép ra dầu, từ lạc tạo ra tô.

Bạch Thế Tôn! Nếu người nào ở trong tướng tịch diệt của các pháp mà cầu Niết-bàn, thì con nói những người ấy là tăng thượng mạn, là tà kiến, ngoại đạo.

Bạch Thế Tôn! Người hành đạo chân chánh, đối với pháp tịch diệt, thì không tạo tướng sinh diệt, không thủ đắc, không chấp nơi quả vị.

Bấy giờ, Bồ-tát Võng Minh hỏi Phạm thiên Thắng Tư Duy:

–Năm trăm Tỳ-kheo ấy rời chúng hội ra đi, nên dùng phương tiện gì để dẫn dắt họ hội nhập nơi pháp môn này, khiến họ tin hiểu, xa lìa tà kiến?

Phạm thiên đáp:

–Này Thiện nam! Dù họ có đi đến hằng hà sa cõi Phật, thì cũng không ra khỏi pháp môn này. Ví như người ngu sợ hư không nên bỏ hư không mà chạy trốn, thì dù đến đâu cũng không ra khỏi hư không. Các Tỳ-kheo ấy cũng lại như vậy. Tuy ra đi, nhưng không vượt ra khỏi tướng Không, tướng Vô tướng, tướng Vô nguyện. Ví như người muốn nắm bắt hư không, dong ruổi khắp đây đó nói: Tôi muốn được hư không, nhưng đi ở trong hư không mà chẳng thấy hư không. Các Tỳ-kheo kia cũng như vậy, muốn cầu Niết-bàn, sống trong Niết-bàn mà không cảm nhận được Niết-bàn. Vì sao? Vì gọi là Niết-bàn chỉ là danh tự, giống như hư không cũng chỉ là danh tự, không thể thủ đắc. Niết-bàn cũng vậy, chỉ có trên danh tự, không thể thủ đắc.

Khi ấy, năm trăm Tỳ-kheo nghe thuyết giảng như vậy, liền xả bỏ các pháp hữu lậu, tâm được giải thoát, chứng đắc thần thông, cùng nhau bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người nào đối với tướng tịch diệt rốt ráo của các pháp mà cầu Niết-bàn, thì người ấy chẳng thấy Phật xuất hiện giữa đời.

Bạch Thế Tôn! Chúng con hôm nay không phải là hàng phàm phu,

hàng Hữu học, Vô học A-la-hán, chẳng ở thế gian, chẳng trú Niết-bàn. Vì sao? Vì chúng con đã xa lìa tất cả động niệm, tất cả ngã tưởng, tất cả sự sinh khởi, tất cả hý luận. Đó gọi là chư Phật xuất hiện nơi thế gian.

Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất hỏi các Tỳ-kheo:

–Chư vị hôm nay đích thật là Sa-môn, vậy việc đáng làm đã hoàn tất chưa?

Các vị Tỳ-kheo đáp:

–Thưa Trưởng lão Xá-lợi-phất! Chúng tôi nay đã có được các phiền não cấu nhiễm, việc không nên làm mà làm.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Này các Tỳ-kheo! Vì ý gì mà các ông nói như vậy?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa Trưởng lão Xá-lợi-phất! Chúng tôi do nhận biết tướng của các phiền não, cho nên nói là chúng tôi có được các phiền não cấu nhiễm, việc không nên làm mà làm.

Thưa Trưởng lão Xá-lợi-phất! Ý của chúng tôi là ở chỗ đó, nên nói như thế đã được phiền não cấu nhiễm, việc không nên làm mà làm.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Lành thay, lành thay! Các ông nay đang ở trong ruộng phước, có thể lãnh thọ sự cúng dường.

Các Tỳ-kheo nói:

–Thưa Trưởng lão Xá-lợi-phất! Đức Thế Tôn là Bậc Đại Sư còn không thể trừ bỏ sự cúng dường, huống gì là chúng tôi có thể từ bỏ được.

Xá-lợi-phất nói:

–Các ông vì sao nói như vậy?

Các Tỳ-kheo đáp:

–Thưa Trưởng lão Xá-lợi-phất! Đức Thế Tôn Đại Sư thấy biết tánh của các pháp là thường, tịnh.

Bấy giờ, Phạm thiên Thắng Tư Duy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ai đáng thọ nhận sự cúng dường của thế gian.

Phật dạy:

–Đó là người không bị pháp thế gian trói buộc.

Phạm thiên Thắng Tư Duy thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ai có khả năng thọ nhận trọn vẹn các phẩm vật cúng dường?

Phật dạy:

–Đó là người không chấp thủ nơi các pháp.

Phạm thiên Thắng Tư Duy thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người thanh tịnh nào có thể làm ruộng phước để có thể lãnh thọ cúng dường?

Phật dạy:

–Đó là người không hủy hoại tâm Bồ-đề.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ai là hàng Thiện tri thức cho chúng sinh?

Phật dạy:

–Đó là người đối với tất cả chúng sinh không xả bỏ tâm Từ.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ai là người biết báo đáp ân Phật?

Phật dạy:

–Đó là người không đoạn trừ hạt giống Phật.

Phạm thiên thưa:

–Thế nào là cúng dường Phật?

Phật dạy:

–Là dùng sự thông tỏ về cảnh giới vô sinh.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ai có thể thân cận nơi Phật?

Phật dạy:

–Đó là người cho dù mất mạng cũng không phá bỏ giới cấm.

–Bạch Thế Tôn! Ai là người cung kính Phật?

Phật dạy:

–Đó là người khéo giữ gìn sáu căn.

–Bạch Thế Tôn! Ở trong thế gian, ai là người được gọi là giàu có?

Phật dạy:

–Đó là người thành tựu bảy Thánh tài.

–Bạch Thế Tôn! Ai được gọi là biết đủ?

Phật dạy:

–Đó là người vượt ra ngoài thế gian đạt được trí tuệ thù thắng.

–Bạch Thế Tôn! Ai là người xa lìa?

Phật dạy:

–Đó là người ở trong ba cõi không còn có sở nguyện.

–Bạch Thế Tôn! Ai ở trong thế gian mà không làm các việc ác?

Phật dạy:

–Đó là người đoạn trừ tất cả các kết sử.

–Bạch Thế Tôn! Ai được gọi là người an lạc?

Phật dạy:

–Đó là người không tham đắm nơi các pháp.

–Bạch Thế Tôn! Ai là người có thể đạt đến bờ giác ngộ?

Phật dạy:

–Đó là người có thể xả bỏ sáu pháp.

–Bạch Thế Tôn! Ai có thể an trú nơi bờ giác ngộ?

Phật dạy:

–Đó là người đạt đến đạo bình đẳng.

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát làm thế nào để tăng trưởng sự bố thí?

Phật dạy:

–Bồ-tát nên vì các chúng sinh mà thuyết giảng về tâm của Nhất thiết trí.

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát làm thế nào để giữ gìn giới cấm?

Phật dạy:

–Bồ-tát luôn giữ vững tâm Bồ-đề.

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát làm thế nào hành hạnh nhẫn nhục?

Phật dạy:

–Bồ-tát do thấy rõ tâm nơi Nhất thiết trí là vô tận.

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát làm thế nào để hành hạnh tinh tấn?

Phật dạy:

–Quan sát về tâm nơi Nhất thiết trí là không thể thủ đắc.

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát làm thế nào hành thiền định?

Phật dạy:

–Bồ-tát nên biết tự tánh nơi tâm của Nhất thiết trí là thanh tịnh.

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát làm thế nào để có thể hành Bát-nhã?

Phật dạy:

–Đối với tất cả các pháp dứt bỏ mọi hý luận.

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát làm thế nào để hành tâm Từ?

Phật dạy:

–Không sinh tưởng chấp về chúng sinh.

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát làm thế nào để hành tâm Bi?

Phật dạy:

–Không sinh tưởng chấp về pháp.

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát làm thế nào để hành tâm Hỷ?

Phật dạy:

–Không sinh tưởng chấp về ngã.

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát làm thế nào để hành tâm Xả?

Phật dạy:

–Không sinh tưởng chấp về ta, người.

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát làm thế nào an trú nơi sự tin tưởng?

Phật dạy:

–Tin nơi tất cả các pháp là không có ngôn ngữ.

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát làm thế nào trú nơi văn tuệ?

Phật dạy:

–Không chấp trước nơi tất cả tên gọi của các pháp.

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát làm thế nào để an trú nơi sự biết xấu hổ?

Phật dạy:

–Thấy, biết rõ về các pháp bên trong.

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát làm thế nào để an trú nơi sự biết thẹn?

Phật dạy:

–Xả bỏ các nhập từ bên ngoài.

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát làm thế nào để hành hóa khắp tất cả các nơi chốn công đức?

Phật dạy:

–Có thể làm thanh tịnh ba nghiệp thân, khẩu, ý.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Thân tịnh không làm ác
Khẩu tịnh không nói dối
Tâm tịnh lìa cấu nhiễm

Là việc làm Bồ-tát.
Quán bất tịnh không tham
Hành từ không sân hận
Hành trí nên không si
Là việc làm Bồ-tát.
Như ở nơi thanh vắng
Hoặc ở với đại chúng
Oai nghi không thay đổi
Là việc làm Bồ-tát.
Tin biết pháp là Phật
Tin lìa danh là pháp
Tin vô vi là Tăng
Là việc làm Bồ-tát.
Biết chỗ dục dấy khởi
Cùng sân hận, ngu si
Khéo chuyển hóa được chúng
Là việc làm Bồ-tát.
Không nương vào Dục giới
Không trú Sắc, Vô sắc
Hành thiền định như vậy
Là việc làm Bồ-tát.
Hiểu rõ các pháp Không
Cùng Vô tướng, Vô nguyện
Nhưng không dứt các lậu
Là việc làm Bồ-tát.
Khéo biết thừa Thanh văn
Cùng thừa Bích-chi-phật
Thông tỏ nơi Phật thừa
Là việc làm Bồ-tát.
Hiểu rõ tất cả pháp
Chẳng nghi đạo, phi đạo
Thương, ghét tâm bình đẳng
Là việc làm Bồ-tát.
Nơi quá khứ, vị lai
Cùng với đời hiện tại
Tất cả không phân biệt
Là việc làm Bồ-tát.

-oOo-

KINH THẮNG TƯ DUY PHẠM THIÊN SỞ VẤN

QUYỂN 2

Bấy giờ, Phạm thiên Thắng Tư Duy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát sống trong thế gian làm thế nào để vượt khỏi pháp thế gian và không bị pháp thế gian làm cấu nhiễm? Bồ-tát khéo nhận biết các pháp thế gian đúng như thật tùy thuận pháp thế gian mà không tham đắm, để giáo hóa chúng sinh khiến họ xa lìa mọi hệ lụy, được thấy các pháp thế gian một cách bình đẳng, hành hóa nơi thế gian mà không hủy hoại pháp thế gian?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Ta nói thân năm ấm
Nơi nương tựa chúng sinh
Không nương thân năm ấm
Thoát được pháp thế gian.
Bồ-tát có trí tuệ
Biết thật tánh thế gian
Tuy nương thân năm ấm
Mà không bị cấu nhiễm.
Được, mất và khen chê
Ca, trách cùng vui khổ
Đối với tám pháp ấy
Thường sai khiến người đời.
Bồ-tát bậc Đại trí
Biết đúng pháp thế gian
Tướng luôn bị hư hoại
Hành hóa không hề động.
Thắng lợi không tự cao
Thất bại không buồn chán
Tâm kiên trì bất động
Không vướng pháp thế gian.

Được mất và khen chê
Ca, trách cùng vui khổ
Đối với tám pháp ấy
Tâm luôn luôn bình đẳng.
Biết thế gian hư vọng
Nương hai điên đảo khởi
Bồ-tát hàng tuệ sáng
Không hành nẻo thế tục.
Đạo lý của thế gian
Bồ-tát đều biết rõ
Có thể ở thế gian
Độ chúng sinh dứt khổ.
Tuy sống trong cõi đời
Như hoa sen chẳng nhiễm
Không hủy hoại thế gian
Thông đạt tánh các pháp.
Phàm phu sống ở đời
Mà không biết thế gian
Bồ-tát hành chốn ấy
Biết rõ tướng thế gian.
Thế gian tướng hư không
Hư không cũng không tướng
Bồ-tát biết như vậy
Không nhiễm nơi thế tục.
Như những điều mình biết
Tùy theo đó diễn nêu
Biết thật tánh thế gian
Nên không làm tổn hại.
Năm ấm không tự tánh
Tức là tánh thế gian
Nếu ai không biết vậy
Luôn tự chấp thế gian.
Nếu thấy rõ năm ấm
Không sinh cũng không diệt
Người ấy hành theo đời
Không dựa nương thế tục.
Phàm phu không biết pháp
Ở đời dấy tranh cãi

Là thật hay không thật
Chấp vào hai tướng ấy.
Ta chẳng cùng với đời
Khởi mọi sự tranh chấp
Thật tướng của thế gian
Thảy đã nhận biết rõ.
Pháp chư Phật thuyết giảng
Hoàn toàn không tranh cãi
Biết thế gian bình đẳng
Không thật không hư vọng.
Nếu quyết định pháp Phật
Có thật, có hư vọng
Đó tức là tham đắm
Cùng ngoại đạo không khác.
Mà nay trong Phật pháp
Không thật, không hư vọng
Cho nên ta thường nói
Pháp xuất thế không hai.
Nếu người biết thế gian
Thật tánh là như vậy
Nơi thật, nơi hư vọng
Không chấp ác kiến ấy.
Như vậy biết thế gian
Thanh tịnh như hư không
Là bậc danh xưng lớn
Như mặt trời chiếu khắp.
Người nào thấy thế gian
Như những điều ta thấy
Những người đạt như vậy
Thấy được mười phương Phật.
Các pháp từ duyên sinh
Vốn không có định tánh
Nếu biết nhân duyên này
Tức đạt thật tướng pháp.
Nếu biết thật tướng pháp
Thì biết được tướng không
Nếu biết rõ tướng không
Tức là thấy Đạo Sư.

Nếu có người thấy được
Tướng thế gian như vậy
Tuy hành nơi thế gian
Mà chẳng trụ trong đó.
Nương chỗ thấy người thường
Việc này không thể rõ
Vì sao sống ở đời
Mà không dựa thế tục.
Sau khi Phật diệt độ
Ưa thích pháp nhẫn này
Phật đối với người ấy
Thường hiện nơi thế gian.
Ai thấu đạt pháp ấy
Tức hộ trì pháp ta
Cũng là cúng dường ta
Cũng là bậc dẫn đường.
Nếu người trong chốc lát
Rõ tánh thế gian ấy
Người này thường không bị
Những ma ác sai khiến.
Thấu đạt ý nghĩa ấy
Tức là đại trí tuệ
Người này là giàu có
Thí chủ về tài, pháp.
Biết thế gian như vậy
Là đầy đủ giới cấm
Là lực nhẫn dũng mãnh
Tiến đến đại tinh tấn.
Đầy đủ các thiền định
Chứng đắc thần thông lớn
Trí tuệ biết như thật
Tất cả nẻo thế gian.
Có thể hành như vậy
Được thành tựu Tam-muội
Vui nơi chốn tịch tĩnh
Tức phát khởi Bát-nhã.
Tùy chỗ nghe pháp ấy
Tức chắc chắn có Phật

Như vậy các Bồ-tát
Sẽ mau thành Chánh giác.
Nếu thấy biết sâu xa
Tánh thế gian như vậy
Có thể hàng phục ma
Chóng thành đạo Vô thượng.

Đức Như Lai lại bảo Phạm thiên Thắng Tư Duy:

–Này Phạm thiên! Như Lai vượt ra ngoài thế gian mà giảng nói về thế gian, về tập của thế gian, về diệt của thế gian, về diệt đạo của thế gian.

Này Phạm thiên! Nói về thế gian thì Như Lai giảng nói về năm ấm gọi là thế gian. Tham đắm nơi năm ấm gọi là tập của thế gian. Năm ấm diệt tận gọi là diệt của thế gian. Quan sát năm ấm không thấy có hai pháp gọi là diệt đạo của thế gian.

Lại nữa, này Phạm thiên! Gọi là năm ấm, thì năm ấm chỉ có nơi lời nói. Trong ấy, chấp giữ theo ngôn ngữ, tà kiến gọi là thế gian. Không xả bỏ kiến chấp ấy gọi là tập của thế gian. Thấy được tự tướng đó gọi là diệt của thế gian. Tùy chỗ theo con đường nào, không giữ lấy kiến chấp kia, gọi là diệt đạo của thế gian.

Này Phạm thiên! Ý của Như Lai là ở chỗ này. Vì thế Như Lai nay đối với thân tướng mà thuyết giảng về khổ của thế gian, về tập, diệt, diệt đạo của thế gian.

Phạm thiên Thắng Tư Duy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như điều Ngài giảng nói, về bốn Thánh đế con chưa rõ, có phải là Thánh đế đích thật không?

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Gọi là khổ đế, không phải là Thánh đế đích thật. Gọi là khổ tập đế, không phải là Thánh đế đích thật.

Này Phạm thiên! Gọi là khổ diệt đế, không phải là Thánh đế đích thật. Gọi là diệt khổ đạo đế cũng không phải là Thánh đế đích thật.

Này Phạm thiên! Nếu Khổ kia là Thánh đế đích thật, thì tất cả loài súc sinh như bò, heo... phải có thật đế. Vì sao? Vì các loại ấy đều chịu mọi sự thống khổ. Do ý nghĩa này mà nói khổ không phải là thật đế.

Nếu nói Tập kia là Thánh đế đích thật, thì chúng sinh trong sáu đường phải có thật đế. Vì sao? Vì nhân nơi tập ấy mà sinh ra các đường. Do ý nghĩa này nên tập không phải là thật đế.

Nếu cho là Diệt kia là Thánh đế đích thật, thì tất cả thế gian rơi vào

tà kiến, là chấp đoạn tức nói pháp diệt nên có thật đế. Vì sao? Vì các thuyết ấy nói pháp diệt là Niết-bàn. Do ý nghĩa này nên nói diệt không phải là thật đế.

Nếu cho Đạo kia là Thánh đế đích thật, thì nhân duyên nơi tất cả pháp hữu vi phải có thật đế. Vì sao? Vì do nương nơi pháp hữu vi mà cầu xa lìa pháp hữu vi. Do ý nghĩa này nên đạo không phải là thật đế.

Này Phạm thiên! Do đó nên biết: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế không phải là Thánh đế đích thật.

Này Phạm thiên! Thánh đế đích thật biết khổ là vô sinh, gọi là Khổ thánh đế đích thật. Biết tập là không hòa hợp, gọi là Tập thánh đế đích thật. Ở trong pháp diệt rốt ráo, nhận biết rõ là không sinh không diệt, gọi là Diệt thánh đế đích thật. Đối với tất cả các pháp bình đẳng, không dùng hai pháp mà chứng đạo, đó gọi là Đạo thánh đế đích thật.

Này Phạm thiên! Thánh đế đích thật không phải là vọng ngữ, không phải là thật ngữ.

Thế nào là vọng ngữ? Đó là chấp về ngã, chấp về chúng sinh, chấp về thọ mạng, chấp nơi trượng phu, chấp về người, chấp thường, chấp đoạn, chấp có, chấp lìa có, chấp sinh, chấp diệt, chấp về sinh tử, chấp về Niết-bàn. Đó gọi là vọng ngữ.

Nếu không chấp nơi các nhận thức như vậy, không tiếp xúc theo các kiến giải như vậy, không giữ lấy các kiến giải như vậy, thì đó gọi là thật ngữ.

Này Phạm thiên! Nếu hành giả nói Như Lai biết rõ khổ thì gọi là vọng ngữ. Nếu hành giả nói Như Lai đoạn trừ tập thì gọi là vọng ngữ. Nếu hành giả nói Như Lai chứng đắc diệt thì gọi là vọng ngữ. Nếu hành giả nói Như Lai tu tập đạo thì gọi là vọng ngữ. Vì sao? Vì đã không tùy thuận nơi chỗ nhớ nghĩ đúng về Như Lai, nên gọi là vọng ngữ.

Này Phạm thiên! Sao gọi là tùy thuận nơi chỗ nhớ nghĩ đúng về Như Lai?

Đó là không nhớ nghĩ về tất cả các pháp. Nếu không nhớ nghĩ về tất cả các pháp, thì gọi là tùy thuận nơi chỗ nhớ nghĩ đúng về Như Lai. Nếu hành giả an trụ trong sự nhớ nghĩ ấy, tức là không trụ nơi tất cả tướng. Nếu chẳng trụ nơi tất cả tướng, tức là trụ ở thật tế. Nếu trụ ở thật tế, gọi là chẳng trụ chấp nơi tâm. Nếu chẳng trụ chấp nơi tâm thì người ấy gọi là chẳng phải thật ngữ, chẳng phải vọng ngữ.

Này Phạm thiên! Do đó nên biết, nếu không phải là thật ngữ, không phải là vọng ngữ thì đấy gọi là Thánh đế đích thật của bậc Thánh.

Này Phạm thiên! Nói về điều chân thật thì xưa nay vốn là như thế, dù Phật ra đời hay không ra đời, thì pháp tánh vốn thường như vậy. Pháp giới cũng thường hằng như thế. Niết-bàn, thế gian cũng thường như vậy. Do đó, gọi là Thánh đế đích thật. Vì sao? Vì không phải xa lìa sinh tử gọi là Thánh đế, cũng không phải chấp thủ Niết-bàn gọi là Thánh đế.

Này Phạm thiên! Nếu người nào chứng ngộ về bốn Thánh đế như vậy thì gọi là thật ngữ.

Này Phạm thiên! Về đời vị lai có các Tỳ-kheo không tu tập về thân, không tu tập về giới, không tu tập về tâm, không tu tập về tuệ, những người ấy giảng nói tướng sinh là Khổ đế, các duyên hòa hợp là Tập đế, pháp diệt là Diệt đế, dùng hai pháp mà cầu tướng là Đạo đế.

Này Phạm thiên! Như Lai gọi những người ấy là kẻ ngu si, là hàng ngoại đạo, rơi vào đường ác, Như Lai không phải là thầy của họ, họ không phải là đệ tử Thanh văn của Như Lai. Những kẻ như vậy đã theo ngoại đạo, tà kiến, phá hoại chánh pháp nên nói là có thật đế.

Này Phạm thiên! Hãy quán xét lúc Như Lai thành tựu đạo quả, không thủ đắc một pháp nào gọi là thật ngữ, là vọng ngữ.

Nếu Phật không thủ đắc một pháp nào thì trong chúng hội đã chẳng có các pháp để Như Lai thuyết giảng, luận bàn, dạy bảo chăng?

Phạm thiên thưa:

–Dạ không, bạch Thế Tôn!

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Do các pháp không có đối tượng để thủ đắc, các pháp luôn lìa tự tánh, nên sự giác ngộ của Như Lai là không có tướng tham ái.

Phạm thiên Thắng Tư Duy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Như Lai đối với các pháp không có đối tượng để thủ đắc, vậy do ý nghĩa nào để nói Như Lai thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác, gọi là Phật? Chứng đạt pháp gì để nói Như Lai là Bậc Ứng Cúng Chánh Biến Tri?

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Pháp Như Lai giảng nói, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, pháp ấy là thật, là hư vọng chăng?

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Pháp ấy là hư vọng, không phải là thật, Tu-già-đà, pháp ấy là hư vọng, chẳng phải là thật.

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Nếu pháp là hư vọng, không thật, thì pháp ấy là có hay là không?

Phạm thiên đáp:

–Bạch Thế Tôn! Nếu pháp là hư vọng, thì pháp ấy không nên nói là có, không nên nói là không.

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Nếu pháp không phải là có, không phải là không, thì pháp ấy có chứng đắc chăng?

Phạm thiên đáp:

–Bạch Thế Tôn! Nếu pháp là không, thì pháp ấy không thể nói là có, không thể nói là không.

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Nếu pháp không phải là có, không phải là không, thì pháp ấy làm sao chứng đắc?

Phạm thiên đáp:

–Bạch Thế Tôn! Pháp ấy không thể chứng đắc.

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Lúc Như Lai thành tựu đạo quả chính là nhận biết về chỗ hư vọng điên đảo, dấy khởi các thứ phiền não, cấu nhiễm đều rốt ráo là không sinh, lấy chỗ không thủ đắc để chứng đắc, lấy chỗ không chấp về nhận biết để nhận biết. Vì sao? Này Phạm thiên! Vì pháp do Như Lai chứng đắc thì không thể thấy, không thể nghe, không thể giác ngộ, không thể nhận biết, không thể nhớ nghĩ, không thể nắm giữ, không thể chấp trước, không thể nêu bày, không thể vấn nạn, vượt ra ngoài tất cả cảnh giới, không ngôn từ, không giảng nói, không hành, không cầu, không có văn tự, không có đường ngôn ngữ, chẳng phải là cảnh giới của nhận thức không có văn tự, nên không phải là chỗ nêu giảng của ngôn ngữ.

Này Phạm thiên! Pháp ấy như thế là giống như hư không. Ông có muốn ở trong pháp như thế mà đạt được sự chứng đắc chăng?

Phạm thiên đáp:

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Các Đức Phật, Như Lai thật là hiếm có. Pháp mà các ngài thành tựu là chưa từng có, không thể nghĩ bàn, các ngài hội nhập sâu trong cõi đại Từ, đại Bi mà chứng đắc pháp tướng tịch diệt như vậy, rồi dùng ngôn ngữ, văn tự để chỉ dạy mọi người khiến họ cũng chứng đắc.

Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh nào nghe được pháp ấy mà có thể tin, hiểu, thì nên biết người này không phải từ chỗ ít công đức mà đạt được. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì pháp ấy đối với tất cả thế gian là chỗ khó tin. Vì sao? Vì thế gian không thể tin hiểu nổi pháp như vậy.

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Tại sao pháp ấy đối với tất cả thế gian là chỗ khó tin?

Phạm thiên đáp:

–Bạch Thế Tôn! Vì thế gian tham chấp nơi đế, mà pháp ấy thì không phải như vậy. Pháp ấy không phải là thật, không phải hư vọng. Vì thế gian tham chấp nơi pháp mà pháp đó không phải là pháp, không phải là phi pháp. Vì thế gian tham chấp nơi Niết-bàn, nhưng pháp đó không phải là sinh tử, không phải là Niết-bàn. Vì thế gian tham chấp nơi pháp thiện, nhưng pháp ấy không là thiện, cũng không phải là không thiện. Vì thế gian tham chấp nơi an lạc, mà pháp ấy không khổ não, không an lạc. Vì thế gian tham chấp nơi Phật ra đời, nhưng pháp đó không có Phật ra đời, cũng không có Niết-bàn, tuy có nói về pháp mà pháp đó không thể nói về tướng, tuy có tán thán về Tăng mà Tăng tức là vô vi, cho nên pháp ấy đối với tất cả thế gian là chỗ khó tin.

Bạch Thế Tôn! Ví như trong nước phát ra lửa, trong lửa phát ra nước, điều đó rất là khó tin. Như vậy, trong phiền não có Bồ-đề, trong Bồ-đề có phiền não, cũng là khó tin. Vì sao? Vì Đức Như Lai chứng đắc tánh của phiền não là hư vọng nên không có pháp nào để có thể chứng đắc. Tuy có giảng nói pháp mà không thể nhận thức. Tuy có chỗ biết mà không phân biệt. Tuy chứng đắc Niết-bàn mà không có đối tượng được nhận biết. Tuy tu tập các hành mà không tạo nên hai tướng. Tuy có pháp chứng đắc mà không có đối tượng được thủ đắc. Tuy diệt trừ các chướng ngại mà không có đối tượng được diệt trừ.

Bạch Thế Tôn! Nếu các thiện nam, thiện nữ nào có thể tin hiểu về ý nghĩa của pháp như thế, thì nên biết người ấy đã vượt khỏi các thứ kiến chấp.

Nên biết người ấy đã từng thân cận, cúng dường vô lượng chư Phật.

Nên biết người ấy được các bậc Thiện nhân hộ trì, vì được tất cả các hàng Thiện tri thức hộ niệm.

Nên biết người ấy tin tưởng nơi pháp Đại thừa vi diệu, do các thiện căn tốt đẹp luôn được tăng trưởng.

Nên biết người ấy khéo đạt được pháp tài nơi kho báu vi diệu lớn lao, do có thể giữ gìn pháp tạng của chư Phật.

Nên biết người ấy luôn tùy thuận chỗ tạo tác, hành hóa do có thể khéo tạo tác, thực hành các pháp.

Nên biết người ấy thuộc dòng họ tôn quý, do được sinh nơi nhà của Như Lai.

Nên biết người ấy có thể thực hành hạnh xả lớn, do dứt bỏ tất cả các thứ phiền não.

Nên biết người ấy đạt được diệu lực giữ giới, vì không khởi tâm phá hủy giới pháp.

Nên biết người ấy có được diệu lực nhẫn nhục, do có thể xả bỏ thân mạng.

Nên biết người ấy đạt được diệu lực tinh tấn, do không hề sinh tâm mỏi mệt.

Nên biết người ấy đạt được diệu lực thiền định, do đã thiêu đốt tất cả pháp bất thiện.

Nên biết người ấy có được diệu lực trí tuệ, do lìa bỏ tất cả các nẻo hành kiến.

Nên biết người ấy không bị người khác làm cho thất bại, do đã vượt qua mọi cảnh giới của ma.

Nên biết người ấy không bị kẻ oán thù chế ngự, do đã xa lìa bao thứ đối địch.

Nên biết người ấy không lừa dối thế gian, do không hề lừa dối Như Lai.

Nên biết người ấy luôn nói lời chân chánh, vì có thể khéo nói tự tánh của các pháp.

Nên biết người ấy luôn nói lời đúng thật, vì đã giảng nói về đệ nhất nghĩa với thật tướng của các pháp.

Nên biết người ấy được các bậc Thiện tri thức hộ niệm, do đã được sự hộ niệm của các Đức Như Lai.

Nên biết người ấy luôn hòa nhã hiền dịu, do cùng được an trụ nơi chốn an lạc, tốt đẹp.

Nên biết người ấy là hàng đại phú quý, do có được pháp tài của bậc Thánh.

Nên biết người ấy thường có thể biết đủ vì đã có đủ hạnh nơi Thánh chủng.

Nên biết người ấy dễ viên mãn, dễ nuôi dưỡng, do xa lìa mọi tham muốn về ăn uống.

Nên biết người ấy có được diệu lực an nhẫn, do đã đạt đến bến bờ giác ngộ.

Nên biết người ấy là bậc cứu độ, do có thể hóa độ những người chưa được hóa độ.

Nên biết người ấy là bậc thấu đạt, do có thể giảng giải cho những người chưa được hiểu biết.

Nên biết người ấy là bậc an lạc, do có thể tạo an lạc cho những người chưa được an ổn.

Nên biết người ấy là bậc vắng lặng, do có thể khiến những người chưa giải thoát đạt được giải thoát.

Nên biết người ấy là bậc chỉ bày, do có thể chỉ bày về chánh đạo.

Nên biết người ấy là bậc biết rõ về chánh đạo, do có thể độ thoát những người chưa được độ thoát.

Nên biết người ấy là bậc Đại y vương, do khéo nhận biết về các loại thuốc pháp.

Nên biết người ấy là loại thuốc hay, vì có thể chữa trị các bệnh phiền não của chúng sinh.

Nên biết người ấy có uy lực lớn, do có diệu lực về trí tuệ.

Nên biết người ấy có uy lực không thoái chuyển, do có được pháp kiên cố, rốt ráo.

Nên biết người ấy có sức mạnh tinh tấn, do thường tu tập, không nương tựa vào kẻ khác.

Nên biết người ấy như sư tử, do xa lìa mọi thứ sợ hãi.

Nên biết người ấy giống như rồng lớn, do tâm khéo điều phục, nhu hòa.

Nên biết người ấy như loài voi lớn, do khéo chế ngự tâm ý.

Nên biết người ấy như ngưu vương, do khéo dẫn đường cho đại chúng.

Nên biết người ấy là bậc dũng mãnh lớn, do có thể phá trừ các thứ ma oán.

Nên biết người ấy là bậc không còn sợ hãi, do đã xa lìa sự sợ hãi của đại chúng.

Nên biết người ấy không còn chỗ lo sợ, do đạt được pháp không sợ hãi.

Nên biết người ấy không hề ngại khó khăn, do có thể diễn bày về pháp thật.

Nên biết người ấy như mặt trăng sáng, do đạt đầy đủ các pháp thiện.

Nên biết người ấy như mặt trời tỏa chiếu, do có ánh sáng trí tuệ soi chiếu khắp.

Nên biết người ấy như ngọn đèn sáng, do xa lìa tất cả nơi chốn tối tăm.

Nên biết người ấy tâm kiên cố như đại địa, do đã xa lìa tâm yêu ghét.

Nên biết người ấy bình đẳng như đất, do có thể dung nạp tất cả chúng sinh.

Nên biết người ấy chẳng trú như gió, do không tham đắm các pháp.

Nên biết người ấy trong sạch như nước, do đã rửa sạch tất cả cấu bẩn của phiền não.

Nên biết người ấy như ngọn lửa mạnh, do đã thiêu đốt hết thảy mọi ý niệm loạn động.

Nên biết người ấy như núi Tu-di, do tâm được kiên cố không gì có thể lay động.

Nên biết người ấy bền chắc như kim cương, vì luôn vững chắc như núi Thiết vi, không thể hủy hoại.

Nên biết người ấy là không thể hàng phục, do tất cả mọi thứ oán thù đều không thể chế ngự được.

Nên biết người ấy là không thể định lượng, do không phải là chỗ định lượng của hàng Nhị thừa.

Nên biết người ấy có nhiều vật báu như biển, do tạo nhiều lợi ích quý giá cho chánh pháp.

Nên biết người ấy như biển lớn, do đã diệt tận hết thảy mọi phiền não.

Nên biết người ấy không hề chán đủ, do thường cầu pháp không chút nhàm chán.

Nên biết người ấy là bậc viên mãn, do có trí tuệ nhận biết đầy đủ các pháp.

Nên biết người ấy như bậc Chuyển luân vương, do có thể chuyển pháp luân.

Nên biết người ấy như vua Đế Thích, do có thể giữ gìn sắc thân.

Nên biết người ấy như vua Phạm thiên, do đạt được mọi tự tại.

Nên biết người ấy là bậc tuôn xuống mưa lớn, do có thể tuôn các trận mưa chánh pháp.

Nên biết người ấy là bậc tuôn mưa cam lồ, do mưa pháp cam lồ cho mọi chúng sinh.

Nên biết người ấy là bậc có thể tự tăng trưởng, do đạt được các Căn, Lực, Giác phần.

Nên biết người ấy đã đến bờ giác ngộ, do có thể vượt qua mọi nẻo chìm đắm của thế gian.

Nên biết người ấy đã hội nhập nơi bờ giải thoát, do có thể vào sâu nơi trí tuệ của Phật.

Nên biết người ấy đã gần đến đạo quả Vô thượng, do gần đến nẻo giác ngộ của Phật.

Nên biết người ấy không gì sánh bằng, do có được đầy đủ trí tuệ tăng trưởng viên mãn.

Nên biết người ấy không gì hơn, do có được văn tuệ không gì vượt hơn.

Nên biết người ấy là không thể lường tính, do vượt qua mọi lãnh vực đo lường.

Nên biết người ấy không có chướng ngại, do ưa thích biện thuyết không hề bị ngưng trệ.

Nên biết người ấy luôn nhớ nghĩ vững chắc, do có được đầy đủ diệu lực về nghe, giữ.

Nên biết người ấy là bậc có thể đi tới, do có thể tùy thuận theo nghĩa.

Nên biết người ấy đạt được thiện ý, vì có thể quan sát, thâm nhập nơi chánh pháp.

Nên biết người ấy nhận biết rõ về chúng sinh, do biết được tâm ý của chúng sinh.

Nên biết người ấy luôn siêng năng tinh tấn, do đã tạo mọi lợi ích, an lạc cho thế gian.

Nên biết người ấy đã vượt khỏi thế gian, do tâm người ấy đã vượt qua thế gian.

Nên biết người ấy không thể bị cấu nhiễm, vì tâm thanh tịnh như hoa sen.

Nên biết người ấy không hề bị che phủ, do không bị tám pháp thế gian che chắn.

Nên biết người ấy luôn được an vui, yêu quý, do được các bậc trí tuệ yêu quý.

Nên biết người ấy là bậc đáng quý trọng, do có trí tuệ hiểu biết rộng, đáng được quý trọng.

Nên biết người ấy được nhiều người khác cúng dường, do được các bậc trí tuệ nhận biết.

Nên biết người ấy là bậc được cúng dường, do đã được hàng trời, người cúng dường.

Nên biết người ấy có thể làm nơi quy mạng, do có thể làm chốn nương tựa cho các chúng sinh.

Nên biết người ấy được các bậc Thiện tri thức kính quý, do đã được các bậc Thánh quý kính.

Nên biết người ấy đang được thỉnh cầu, do đã được hàng Nhị thừa cúng dường.

Nên biết người ấy xa lìa mọi sự mong cầu, do đã xa lìa tất cả nẻo hành hóa của hàng Nhị thừa.

Nên biết người ấy không hề có dua nịnh, tà vạy, do không còn một chút pháp cấu uế, tà vạy.

Nên biết người ấy là bậc đoan nghiêm, do đã thành tựu đầy đủ mọi oai nghi.

Nên biết người ấy là bậc hết mực đáng yêu kính, do đã vượt khỏi hết thảy sắc tướng nơi thế gian.

Nên biết người ấy là bậc đáng nương tựa, do có đầy đủ oai đức.

Nên biết người ấy có đầy đủ mọi trang nghiêm, do thân có đủ các tướng trang nghiêm.

Nên biết người ấy là bậc thân tướng có nhiều màu sắc, do có đủ tám mươi vẻ đẹp kèm theo.

Nên biết người ấy là bậc có thể hộ trì, do có thể hộ trì chủng tánh của Phật.

Nên biết người ấy là bậc có thể thâu nhận, do chẳng đoạn trừ hạt giống của pháp Phật.

Nên biết người ấy có thể ngăn chận các điều ác, do luôn luôn hộ trì các hàng Thánh tăng. Người ấy được gặp chư Phật, đạt được Pháp nhẫn, được chư Phật thọ ký, đạt đầy đủ ba nhẫn, thành tựu trọn vẹn đạo quả, hàng các thứ ma, có được Nhất thiết trí, có thể chuyển pháp luân, thường thực hành các Phật sự.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe được pháp nghĩa hết sức sâu xa như vậy, nghe rồi không hề sợ hãi, thì người ấy đạt được các công đức lớn như vậy.

Bạch Thế Tôn! Con dùng một kiếp, hoặc hơn kém một kiếp để nói về công đức đã đạt được của các thiện nam, thiện nữ ấy cũng không thể hết. Như sự giác ngộ của Phật là khó nhận biết, khó thấy, không hiểu mà có thể tin tưởng nắm giữ, lãnh thọ, gìn giữ, đọc tụng, thuyết giảng các pháp như vậy cho người khác, tự mình đã có thể an trụ, lại khiến cho kẻ khác an trú trong pháp đó.

Bấy giờ, Đức Như Lai bảo Đại Phạm thiên Thắng Tư Duy:

–Này Phạm thiên! Ông chỉ nhận biết một ít về hình sắc, công đức của các Đại Bồ-tát và hết lòng ca ngợi, tán thán. Như tri kiến của Phật thì mới nhận thức trọn vẹn, do Như Lai có trí tuệ không hề bị chướng ngại.

Này Phạm thiên! Các thiện nam, thiện nữ ấy có được vô lượng công đức như vậy. Lại còn có vô lượng công đức hơn thế nữa. Nếu người có thể nhận biết pháp thâm diệu của Như Lai đã thuyết giảng, hiểu rõ về chữ, câu, nghĩa, thì có thể chứng biết về ý nghĩa sâu xa ấy, tùy thuận không trái ngược, tùy thuận tương ưng hoàn toàn thì có thể hiểu rõ về ý nghĩa, không lệ thuộc vào câu chữ. Như vậy, Bồ-tát nhận biết về chỗ thuyết pháp của Như Lai, đã dựa vào ngôn ngữ gì để thuyết giảng, nương vào ý nghĩa gì để thuyết pháp, nương vào phương tiện gì để thuyết giảng, nương vào những sự hội nhập gì để thuyết pháp, nương vào tâm đại Bi như thế nào để thuyết pháp?

Này Phạm thiên! Nếu có Bồ-tát nào biết rõ về năm lực nơi hành trí của Như Lai, thì Bồ-tát ấy đối với các chúng sinh có thể tạo được sự nghiệp an trụ duy trì chánh pháp.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những gì là năm Lực nơi hành trí của Như Lai?

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Đó là:

1. Ngôn ngữ dùng để thuyết pháp.
2. Ý nghĩa nơi việc thuyết pháp.
3. Phương tiện để thuyết pháp.
4. Sự chứng nhập để thuyết pháp.
5. Hội nhập nơi tâm đại Bi để thuyết pháp.

Này Phạm thiên! Như vậy gọi là Như Lai dùng năm Lực nơi hành trí

để thuyết pháp. Trong pháp sâu xa ấy, không phải là cảnh giới có thể nhận biết của hàng Thanh văn, Duyên giác.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát nhận biết về ngôn ngữ thuyết pháp của Như Lai?

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Như Lai giảng nói về pháp quá khứ, hiện tại, vị lai, giảng nói về pháp nhiễm, pháp tịnh, pháp thiện, pháp bất thiện, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp có tội, pháp không tội, pháp hữu vi, pháp vô vi, giảng nói về pháp ngã, chúng sinh, nhân, trượng phu, pháp chứng đắc, pháp sinh tử, pháp Niết-bàn...

Này Phạm thiên! Nên biết những ngôn thuyết này như nói về sự huyễn hóa. Nên biết do không có tướng quyết định nên ngôn thuyết như các việc trong mộng, vì mọi nhận thức đều hư vọng, như tiếng vang nên nói từ hư không phát ra. Ngôn thuyết như hình bóng, vì do nhân duyên hòa hợp, như dấu ấn, vì không chuyển nhập, như dợn nắng, vì kiến chấp điên đảo, như hư không, vì không sinh không diệt. Do không thuyết giảng mà có thể thuyết giảng, nên biết là đã dứt bặt mọi nẻo ngôn ngữ.

Này Phạm thiên! Nếu Bồ-tát có thể nhận biết về những sự thuyết pháp như vậy, thì Bồ-tát ấy tuy dùng tất cả ngôn ngữ để thuyết giảng, nhưng đối với các pháp đều không có đối tượng được ngôn thuyết, do không tham chấp nơi các pháp nên có được biện tài ưa thuyết giảng không chướng ngại. Do biện tài ấy nên ở trong hằng hà sa số kiếp thuyết giảng về vô số pháp không hề có chướng ngại, không cùng tận và mọi sự thuyết giảng đều không xa lìa pháp giới, nên không chấp trước nơi hình tướng sai biệt.

Này Phạm thiên! Đó gọi là ngôn ngữ thuyết pháp của Như Lai.

Này Phạm thiên! Thế nào là Bồ-tát nhận biết về ý lực sâu xa nơi phương tiện để thuyết pháp của Đức Như Lai?

Này Phạm thiên! Như Lai hoặc nơi pháp nhiễm giảng nói tịnh, hoặc nơi pháp tịnh nói nhiễm. Bồ-tát đối với ý sâu xa của Như Lai nên nhận biết như vậy.

Phạm thiên thưa:

–Thế nào là pháp nhiễm Như Lai giảng nói tịnh?

–Này Phạm thiên! Vì không thể nhận thấy thể của pháp nhiễm. Như vậy nên Như Lai đối với pháp nhiễm nói tịnh.

–Vì sao pháp tịnh Như Lai nói nhiễm?

–Vì không thấy thể tánh của pháp tịnh, do vậy nên Như Lai nơi pháp tịnh nói là nhiễm.

Lại nữa, này Phạm thiên! Như Lai nương nơi bố thí để chỉ bày về Niết-bàn. Hàng phàm phu ít hiểu biết nên không thể nhận rõ ngụ ý của Như Lai, chỉ có các Bồ-tát mới khéo nhận biết được ngụ ý ấy, nên tin như thế nơi pháp thiện sâu xa mà suy nghĩ: "Người hành bố thí thì vào đời sau sẽ được giàu sang lớn." Nhưng ở trong pháp ấy không một pháp nào có thể từ một niệm tới một niệm chuyển đến đời sau, vì Niết-bàn không phải là pháp chuyển biến. Nếu không một pháp nào có thể từ một niệm đến một niệm chuyển tới đời sau, thì đấy tức là thật tướng của tất cả các pháp. Thật tướng của các pháp tức là Niết-bàn. Như Lai giảng thuyết về trì giới là Niết-bàn, do không tạo tác, không sinh khởi. Nhẫn nhục là Niết-bàn, do niệm niệm được vắng lặng. Tinh tấn là Niết-bàn, do không có đối tượng được chọn lấy hay xả bỏ. Thiền định là Niết-bàn, do không tham chấp nơi thiền vị. Bát-nhã là Niết-bàn, do không thủ đắc về tướng. Tham dục là thật tế, vì tánh của các pháp không có tướng tham dục. Sân hận là thật tế, vì tánh của các pháp không có tướng sân hận. Ngu si là thật tế, vì pháp tánh không có tướng ngu si. Thế gian là Niết-bàn, vì không thoái chuyển, không sinh khởi. Niết-bàn là thế gian, vì do sự chấp trước. Thật ngữ là hư vọng, vì sinh ra các kiến chấp. Hư vọng là thật ngữ, vì do nơi người tăng thượng mạn.

Lại nữa, này Phạm thiên! Như Lai do tùy ý mà thuyết giảng. Hoặc tự thuyết ta là người nói về chấp thường. Hoặc tự thuyết ta là người nói về nhiễm. Hoặc tự thuyết ta là người nói về chấp đoạn. Hoặc tự thuyết ta là người nói không có nghiệp. Hoặc tự thuyết ta là người nói không có sự tạo tác nơi nghiệp. Hoặc tự thuyết ta là người nói về bất tín. Hoặc tự thuyết ta là người nói về việc không biết ân. Hoặc tự thuyết ta là người nói về trộm cướp. Hoặc tự thuyết ta là người nói về sự không dung nạp. Hoặc tự thuyết ta là người nói về sự chẳng thọ nhận. Nhưng Như Lai thật sự không có các sự việc như vậy.

Này Phạm thiên! Ông nên biết đây là chỗ tùy ý của Như Lai, do nương vào những ý nghĩa nào đấy để khiến cho chúng sinh kiêu mạn xả bỏ ngã mạn.

Này Phạm thiên! Như Lai đã nương vào những ý sâu xa như vậy để giảng nói pháp.

Nếu Bồ-tát nhận biết về phương tiện tùy hành của Như Lai để thuyết pháp, hoặc nghe Phật ra đời thì có thể tin tưởng, lãnh thọ, nhằm chỉ dẫn cho chúng sinh về nghiệp thiện, về quả báo nơi sắc thân. Hoặc nghe Phật không

ra đời cũng tin tưởng, lãnh thọ, vì cho đấy là thân pháp tánh của chư Phật. Hoặc nghe Phật thuyết pháp cũng tin tưởng, lãnh thọ, vì ưa thích văn tự nơi chúng sinh. Hoặc nghe Phật không thuyết pháp cũng tin tưởng, lãnh thọ, do pháp tánh của chư Phật là không thể nêu giảng được. Hoặc nghe có Niết-bàn cũng tin tưởng, lãnh thọ, vì nhằm diệt trừ điên đảo là chỗ dấy khởi các phiền não. Hoặc nghe không có Niết-bàn cũng tin tưởng, lãnh thọ, do tướng của các pháp là không sinh, không diệt. Hoặc nghe có chúng sinh cũng tin tưởng, lãnh thọ, do đã vào được cửa của thế đế. Hoặc nghe không có chúng sinh cũng tin tưởng, lãnh thọ, do đã hội nhập nơi nhất nghĩa đế.

Này Phạm thiên! Đại Bồ-tát khéo nhận biết về phương tiện tùy hành của Như Lai để giảng nói pháp như thế, đối với âm thanh của các lời giảng nói không hề sợ hãi, thì nên biết là cũng có thể tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh.

Này Phạm thiên! Thế nào là Bồ-tát nhận biết về phương tiện thuyết pháp của Như Lai?

Này Phạm thiên! Như Lai vì chúng sinh mà giảng nói về bố thí sẽ đạt được giàu sang, giảng nói về trì giới sẽ được sinh lên cõi trời, nhẫn nhục sẽ được thân tướng uy nghiêm, tinh tấn sẽ đạt được đầy đủ các trí, thiền định sẽ có được mọi sự tịch tĩnh, trí tuệ sẽ xả bỏ hết các phiền não, hiểu biết rộng sẽ có được trí tuệ. Hành mười nẻo nghiệp thiện sẽ thành tựu được mọi sự giàu có, an vui nơi hàng trời, người. Hành Từ, Bi, Hỷ, Xả sẽ được sinh lên cõi trời Phạm thế. Hành Xa-ma-tha sẽ đạt được Tỳ-bà-xá-na. Hành theo bậc Hữu học sẽ chứng được bậc Vô học. Hành hạnh Bích-chi-phật thanh tịnh thì có thể thọ nhận các sự cúng dường. Hành theo sự chỉ dạy của chư Phật sẽ đạt được vô lượng trí. Hành theo Niết-bàn sẽ diệt trừ tất cả mọi khổ não.

Này Phạm thiên! Như Lai dùng các phương tiện thiện xảo như vậy, vì những chúng sinh mà khen ngợi, thuyết giảng các pháp ấy, nhưng Như Lai thật sự chẳng thủ đắc về ngã, chúng sinh, thọ mạng, trượng phu... Nên biết là Như Lai cũng không thấy có Bố thí, cũng không thấy quả của Bố thí. Không thấy có keo kiệt, cũng không thấy quả của keo kiệt. Không thấy có Trì giới, cũng không thấy quả của Trì giới. Không thấy có hủy giới, cũng không thấy quả của hủy giới. Không thấy có Nhẫn nhục, cũng không thấy quả của Nhẫn nhục. Không thấy có giận dữ, cũng không thấy quả của giận dữ. Không thấy có Tinh tấn, cũng không thấy quả của Tinh tấn. Không thấy có biếng trễ, cũng không thấy quả của biếng trễ. Không thấy có Thiền định, cũng không thấy quả của Thiền định. Không thấy có tâm loạn, cũng không

thấy quả của tâm loạn. Không thấy có Bát-nhã, cũng không thấy quả của Bát-nhã. Không thấy có ngu si, cũng không thấy quả của ngu si. Không thấy có khổ vui, cũng không thấy quả của khổ vui. Không thấy có bậc Tu-đà-hoàn, cũng không thấy quả của Tu-đà-hoàn. Cho đến không thấy có Bồ-đề, không thấy quả của Niết-bàn.

Này Phạm thiên! Như Lai luôn vì chúng sinh mà thuyết giảng pháp, chúng sinh nương nơi những lời chỉ dạy như thật của Như Lai để tu hành, chuyên cần tu tập các hạnh, vì ý nghĩa gì chúng sinh chuyên cần tu tập các pháp hành ấy nhưng không thể chứng, không thể đắc từ quả vị Tu-đà-hoàn đến A-la-hán, Duyên giác, cho đến đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đạt tới Niết-bàn? Do vậy mà các chúng sinh ấy không chứng đắc Niết-bàn, không thấy Niết-bàn.

Này Phạm thiên! Đó gọi là phương tiện thuyết pháp của Như Lai.

Các Đại Bồ-tát phải nên tinh tấn tu tập nhằm khiến cho chúng sinh thâu giữ được diệu pháp.

Này Phạm thiên! Thế nào là Bồ-tát nhận biết về chỗ hội nhập để thuyết pháp của Như Lai?

Này Phạm thiên! Mắt là nhập nơi cửa giải thoát. Như vậy tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng là nhập nơi cửa giải thoát. Vì sao? Vì mắt là không, không ngã và ngã sở. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng là không, không ngã và ngã sở. Vì tự tánh của chúng là như thế.

Này Phạm thiên! Nên biết các nhập ấy đều là nhập nơi cửa giải thoát. Nên biết chánh hành thì chẳng lừa dối. Như vậy, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đều là nhập cửa giải thoát. Đó là cửa Không, cửa Vô tướng, cửa Vô nguyện, cửa chẳng hành, cửa chẳng sinh, chẳng diệt, cửa không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, cửa chẳng thoái lui, chẳng sinh, cửa tự tánh thanh tịnh, vắng lặng.

Lại nữa, này Phạm thiên! Như Lai đối với tất cả các danh tự nêu bày rõ về cửa giải thoát. Vì sao? Vì tất cả các danh tự đều không hòa hợp, không dụng công, vì tự tánh của chúng vốn sâu kín.

Này Phạm thiên! Nên biết Như Lai tức ở trong tất cả các thứ văn tự để giảng nói về Thánh đế. Nên biết Như Lai tức ở trong hết thảy pháp được nêu giảng đã thuyết giảng về cửa giải thoát.

Này Phạm thiên! Nếu không có danh tự, ngôn ngữ để thuyết pháp, thì chư Phật, Như Lai không giảng nói về thật đế.

Này Phạm thiên! Như Lai thuyết pháp không có pháp nhiễm, trong tất cả các pháp được thuyết giảng, Như Lai đa chỉ bày về cửa giải thoát

khiến mọi người chứng đắc được trí tuệ, hội nhập Niết-bàn.

Này Phạm thiên! Đó gọi là pháp môn hội nhập để thuyết pháp của Như Lai.

Này Phạm thiên! Các Đại Bồ-tát phải nên tu học pháp ấy.

Này Phạm thiên! Thế nào là Như Lai dùng tâm đại Bi, thuyết giảng pháp cho khắp tất cả chúng sinh?

Này Phạm thiên! Như Lai có đầy đủ ba mươi hai thứ tương ưng với đại Bi, vì tất cả chúng sinh mà thuyết pháp. Những gì gọi là ba mươi hai thứ tương ưng với đại Bi?

Này Phạm thiên! Vì tất cả các pháp là vô ngã, mà các chúng sinh chẳng tin, chẳng hiểu, cho là có ngã, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là không có chúng sinh, mà các chúng sinh cho là có chúng sinh, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là không thọ mạng, mà các chúng sinh cho là có thọ mạng, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là không có trượng phu, mà các chúng sinh cho là có trượng phu, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là không thật có, mà các chúng sinh chấp là có thật, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là không trụ, mà các chúng sinh cho là có trụ, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là không nơi chốn quy về, mà các chúng sinh ưa thích nơi chốn trở về, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là không có ngã sở, mà các chúng sinh chấp có ngã sở, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là không có chỗ lệ thuộc, mà các chúng sinh cho là có lệ thuộc, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là không có tướng chấp giữ, mà các chúng sinh đều chấp giữ nơi tướng, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là không sinh, mà các chúng sinh chấp là có sinh, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là không diệt, mà các chúng sinh chấp là có diệt, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là không cấu nhiễm, mà các chúng sinh cho là có cấu

nhiễm, tham đắm nơi đó, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là lìa tham dục, mà các chúng sinh đều có tham dục, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là lìa sân hận, mà các chúng sinh đều có sân hận, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là lìa ngu si, mà các chúng sinh đều có ngu si, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là không từ đâu đến, mà các chúng sinh đều chấp trước nơi chỗ đến, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là không đi về đâu, mà các chúng sinh tham đắm nơi đời sau, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là không tạo tác, mà các chúng sinh đều có tạo tác, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là không hý luận, mà các chúng sinh đều có các hý luận, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là Không, mà các chúng sinh lại rơi vào chỗ chấp có, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là Vô tướng, mà các chúng sinh lại chấp giữ nơi tướng, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp là Vô nguyện, mà các chúng sinh đều có nguyện, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả chúng sinh nơi thế gian thường giận dữ, tỵ hiềm, tranh chấp lẫn nhau, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả chúng sinh nơi thế gian rơi vào nẻo tà kiến, điên đảo, hành theo tà đạo, vì nhằm khiến họ an trụ trong chánh đạo, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả thế gian rơi vào chỗ điên đảo, hiểm nạn, trụ nơi chẳng phải đạo, vì nhằm khiến họ đi vào con đường chân thật, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả chúng sinh trong thế gian thường bị tham lam, keo kiệt trói buộc, không biết chán đủ, luôn chiếm đoạt tài vật nơi người khác, vì nhằm giáo hóa họ an trụ trong bảy thứ tài vật của bậc Thánh, là tín, giới, đa văn, xả, trí tuệ, hổ thẹn, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả chúng sinh trong thế gian thường vì các thứ của cải, nhà cửa, vợ con, tham ái mà làm tôi tớ cho chúng. Đối với các vật dễ tan vỡ, không

bền chắc mà tưởng là bền chắc, vì muốn khiến họ nhận biết rõ các sự vật đều là vô thường, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả chúng sinh phàm phu trong thế gian, không biết rõ thân là giặc oán, nên thường tham chấp, nuôi dưỡng, cung phụng, khen ngợi, làm bạn thân thiết, chúng sinh cho đó là Thiện tri thức, không biết đó chính là tri thức xấu ác. Vì muốn làm bạn thân, làm bậc Thiện tri thức đích thật cho họ, nhằm đoạn trừ rốt ráo các thứ khổ, hoàn toàn đạt được an lạc của Niết-bàn, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả chúng sinh trong thế gian đều ưa hành theo sự lừa dối nơi ruộng vườn, nhà cửa, hay sống theo tà mạng. Vì nhằm thuyết pháp, khiến họ thực hành theo chánh mạng, vượt khỏi ba cõi, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Tất cả các pháp đều do nhân duyên sinh, nên siêng năng tu tập theo các hạnh như thế mới được thành tựu, nhưng chúng sinh lại rơi vào chỗ lười biếng, do đấy không thể đạt được sự giải thoát của bậc Thánh. Vì muốn khiến họ siêng năng để đạt được pháp giải thoát chắc chắn, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Này Phạm thiên! Chúng sinh xả bỏ pháp lớn, thù thắng vô ngại, không gì hơn, là pháp Niết-bàn, lại mong cầu pháp nhỏ, thấp kém nơi hàng Nhị thừa, vì các chúng sinh như thế, Như Lai muốn họ yêu thích pháp lớn, đó là khiến họ khéo nhận biết, quán xét đúng về Phật thừa, Như Lai đối với các chúng sinh ấy nên khởi tâm đại Bi.

Này Phạm thiên! Như Lai đối với các chúng sinh như thế mà thực hành ba mươi hai tâm đại Bi. Như vậy, vì ý nghĩa ấy nên Như Lai được gọi là bậc hành đại Bi. Nếu Bồ-tát ở trong chúng sinh thường có thể tu tập ba mươi hai đại Bi tâm này, thì Đại Bồ-tát ấy sẽ được gọi là ruộng phước rộng lớn, đầy đủ oai đức lớn, đạt được bậc không thoái chuyển, vì các chúng sinh tạo mọi lợi ích.

Lúc Đức Thế Tôn thuyết giảng về pháp môn đại Bi này, thì có ba vạn hai ngàn người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tám ngàn Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn vô sinh, bảy vạn hai ngàn Thiên tử đạt được Pháp nhãn lìa mọi cấu uế.

Bấy giờ, Bồ-tát Võng Minh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phạm thiên Thắng Tư Duy vì sao nghe Đức Như Lai thuyết giảng pháp tương ưng với pháp môn Đại Bi mà không vui mừng?

Phạm thiên đáp:

–Này Thiện nam! Nếu nhận biết ở nơi hai pháp tức có sự vui mừng.

Nếu nhận biết ở trong thật tế không có hai pháp thì không có vui mừng.

Này Thiện nam! Ví như Đức Như Lai tạo ra người huyễn, lãnh hội các pháp được Như Lai thuyết giảng đều không vui, không mừng, do vậy, này Thiện nam! Nên biết tướng của tất cả các pháp đều như huyễn, nên đối với Như Lai không sinh tưởng thù thắng, đối với chúng sinh khác không sinh tưởng thấp kém.

Bồ-tát Võng Minh hỏi Phạm thiên:

–Này Thiện nam! Nhận biết tất cả các pháp, thế nào gọi là như tướng huyễn?

Phạm thiên đáp:

–Này Thiện nam! Nếu người phân biệt về tất cả các pháp là hành ở hai nơi, thì ông sẽ hỏi: Này Thiện nam! Ông hành ở nơi chốn nào? Xin thưa: Này Thiện nam! Tùy theo hàng phàm phu hành ở những nơi chốn nào thì tôi hành ở nơi đó.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Này Phạm thiên! Người phàm phu hành nơi tham, sân, si, thân kiến, biên kiến, giới cấm thủ, nghi ngờ ngã, ngã sở, cầu tà đạo… Này Thiện nam! Ông lẽ nào có thể hành ở các nơi chốn như vậy sao?

Phạm thiên hỏi lại:

–Này Thiện nam! Bồ-tát muốn đạt được tướng quyết định nơi pháp phàm phu chăng?

Bồ-tát Võng Minh đáp:

–Này Thiện nam! Tôi hãy còn chẳng thấy có các phàm phu, huống là pháp của họ.

Phạm thiên lại hỏi:

–Này Thiện nam! Nếu các pháp không có tướng quyết định, thì tâm ông vì sao có các pháp nhiễm như: Tham dục, giận dữ, ngu si?

Bồ-tát đáp:

–Không có.

Phạm thiên thưa:

–Này Thiện nam! Tất cả các pháp đều xa lìa tướng tham dục, giận dữ, si mê, hành tướng của chúng cũng như vậy.

Này Thiện nam! Hành của hàng phàm phu hiện có tức là hành của bậc Hiền thánh, không hai, không sai biệt. Tất cả các hành đều chẳng phải là hành, tất cả ngôn thuyết đều chẳng phải là ngôn thuyết, tất cả đạo đều

chẳng phải là đạo.

Thế nào gọi là tất cả các hành đều chẳng phải là hành?

–Này Thiện nam! Nếu người thực hành đạo trong ngàn vạn ức kiếp, nhưng đối với pháp tánh thì không hề tăng, giảm nên nói tất cả các hành đều chẳng phải là hành.

Thế nào là tất cả ngôn thuyết đều chẳng phải là ngôn thuyết?

–Này Thiện nam! Như Lai dùng tướng chẳng thể thuyết giảng để thuyết giảng về tất cả các pháp, nên tất cả các ngôn thuyết đều chẳng phải là ngôn thuyết.

Thế nào là tất cả đạo đều chẳng phải là đạo?

–Này Thiện nam! Do không có chỗ đạt đến, nên tất cả các đạo đều chẳng phải là đạo.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Phạm thiên Thắng Tư Duy:

–Lành thay, lành thay! Này Phạm thiên! Nếu muốn thuyết pháp thì nên thuyết giảng như vậy.

-oOo-

KINH THẮNG TƯ DUY PHẠM THIÊN
SỞ VẤN

QUYỂN 3

Bấy giờ, Bồ-tát Võng Minh nói với Phạm thiên Thắng Tư Duy:

–Thưa thiện nam! Ông nói hành xứ của tất cả hàng phàm phu là chỗ tôi hành ở đó, tức là thấy có tướng hành.

Phạm thiên thưa:

–Thưa thiện nam! Nếu tôi có chỗ sinh ra thì có tướng hành.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Thưa Phạm thiên! Nếu ông không sinh ra thì làm sao giáo hóa các chúng sinh?

Phạm thiên đáp:

–Đức Phật do hóa sinh, tôi cũng hóa sinh.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Đức Phật do hóa sinh nên không có chỗ sinh.

Phạm thiên hỏi:

–Nên có thể thấy chăng?

Bồ-tát Võng Minh đáp:

–Thưa Phạm thiên! Do Phật lực nên thấy.

Phạm thiên nói:

–Thưa thiện nam! Tôi sinh cũng như vậy, là do sức của nghiệp.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Phạm thiên! Ông ở trong chỗ tạo nghiệp mà hành sao?

Phạm thiên đáp:

–Tôi thật sự chẳng hành ở trong chỗ khởi nghiệp.

Bồ-tát Võng Minh hỏi:

–Thưa Phạm thiên! Tại sao không nghiệp mà nói do sức của nghiệp?

Phạm thiên đáp:

–Thưa thiện nam! Nghiệp lực của "Như" cũng như vậy. Hai sự kiện

đó chẳng xuất phát ở "Như".

Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có thể hội nhập vào trong chỗ thuyết pháp theo mật ý của Đại long ấy thì nên biết người đó đạt được công đức rất lớn. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì nghe được tên của thượng nhân ấy đã là rất khó, huống gì lại nghe được lời nói của vị ấy.

Bạch Thế Tôn! Ví như có cây không nương nơi đất mà sống, lại ở giữa hư không mà hiện bày rễ, thân, cành, lá, hoa, quả...

Bạch Thế Tôn! Hành tướng của vị đại nhân này cũng lại như thế. Chẳng trụ nơi tất cả pháp mà ở khắp mười phương thị hiện có hành, có sinh, có thoái chuyển, có chết. Quốc độ của chư Phật nơi nơi đều thấy, cũng lại có trí tuệ, biện tài, lạc thuyết như vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ trí tuệ nghe được lực tự tại của trí tuệ ấy, thì ai mà chẳng phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, trong chúng hội có một vị Đại Bồ-tát tên là Phổ Hoa, hỏi Trưởng lão Xá-lợi-phất:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức đã chứng đắc pháp tánh hay chưa chứng mà không dùng đại trí tuệ phấn tấn như vậy để nói pháp? Đức Phật nói Đại đức là bậc trí tuệ đệ nhất trong những vị trí tuệ. Đại đức tại sao không hiện bày lực tự tại của trí tuệ biện tài như thế?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Thưa thiện nam! Tùy diệu lực của trí tuệ. Đức Phật bảo tôi là người đạt trí tuệ đệ nhất trong hàng đệ tử Thanh văn nên nhân đấy có thể hiện bày.

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Cảnh giới của pháp tánh có nhiều ít chăng?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Không có.

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu cảnh giới của pháp tánh không có nhiều ít thì tại sao Trưởng lão nói tùy theo lực của trí tuệ? Phật bảo tôi là người đạt trí tuệ đệ nhất trong hàng đệ tử Thanh văn nên nhân đấy có thể nêu bày?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Thưa thiện nam! Ở trong hàng Thanh văn, tùy theo pháp chứng đắc

mà có thể giảng nói.

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức chứng đắc cảnh giới của pháp tánh có tướng của số lượng sao?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Không.

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu như vậy thì sao Đại đức nói tùy theo pháp chứng đắc mà có thể giảng nói? Thưa Đại đức Xá-lợi-phất, như pháp tánh không có tướng số lượng thì chứng đắc cũng như vậy. Như chứng đắc, giảng nói cũng như vậy. Vì sao? Vì pháp tánh không có tướng số lượng.

Trưởng lão Xá-lợi-phất nói:

–Thưa thiện nam! Pháp tánh chẳng phải là tướng chứng đắc.

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu pháp tánh đó chẳng phải là tướng chứng đắc thì Trưởng lão đã ra ngoài pháp tánh để chứng đắc giải thoát chăng?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Không.

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Vì sao như vậy?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Này Thiện nam! Nếu ra ngoài pháp tánh để chứng đắc giải thoát, tức là hủy hoại pháp tánh.

Bồ-tát Phổ Hoa nói:

–Do vậy, thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Như Đại đức chứng pháp thì pháp tánh cũng như vậy.

Trưởng lão Xá-lợi-phất nói:

–Thưa thiện nam! Tôi là người đến để nghe pháp không phải là người đến nói.

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Tất cả các pháp đều nhập nơi pháp tánh, trong pháp tánh này nên có người nói người nghe sao?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Không.

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu như vậy thì sao Đại đức nói tôi là người đến nghe, không phải là người đến nói?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Thưa thiện nam! Phật bảo có hai hạng người được phước báo vô lượng:

1. Hạng người tinh chuyên thuyết pháp.

2. Hạng người chuyên tâm lắng nghe và lãnh thọ.

Do ý nghĩa đó, thưa Bồ-tát Phổ Hoa! Bồ-tát nên thuyết giảng, còn tôi xin lắng nghe và lãnh thọ.

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức nhập định diệt tận mà có thể nghe pháp sao?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Thưa thiện nam! Vào định diệt tận không có hai hành để nghe pháp.

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Tôn giả tin các pháp mà tự tánh đều là tướng diệt tận chăng?

Đáp: Thưa thiện nam! Các pháp như vậy tự tánh đều là tướng diệt tận thì tôi tin lời nói đó.

Bồ-tát Phổ Hoa nói:

–Nếu như vậy, thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Thường tất cả thời đều không thể nghe pháp. Vì sao? Vì do tất cả pháp thường là tướng diệt tận của tự tánh.

Trưởng lão Xá-lợi-phất nói:

–Thưa thiện nam! Bồ-tát có thể không khởi từ nơi định mà giảng nói pháp sao? Phải chăng có một pháp chẳng phải là định chăng?

Đáp: Không. Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Do nghĩa này nên biết tất cả phàm phu ngu si thường ở nơi định.

Trưởng lão Xá-lợi-phất nói:

–Dùng định gì để tất cả phàm phu luôn ở tại định?

Đáp: Dùng Tam-muội không hoại pháp tánh.

Trưởng lão Xá-lợi-phất nói:

–Thưa thiện nam! Nếu như vậy thì phàm phu và Thánh nhân không có sai khác.

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Đúng vậy, đúng vậy, tôi không muốn khiến phàm phu, Thánh nhân có sai khác. Vì sao? Vì Thánh nhân không có một pháp nào chứng đắc, phàm phu không có một pháp nào sinh khởi. Hai hạng đó không vượt qua tướng bình đẳng của pháp tánh.

Trưởng lão Xá-lợi-phất nói:

–Thưa thiện nam! Theo Bồ-tát thì cái gì là tướng bình đẳng nơi tánh của các pháp?

Đáp: Như tri kiến đạt được của Đại đức Xá-lợi-phất. Thưa Đại đức

Xá-lợi-phất! Đại đức sinh ra pháp Hiền thánh sao?

Đáp: Không.

Hỏi: Thế Đại đức diệt pháp phàm phu sao?

Đáp: Không.

Hỏi: Thế Đại đức thấy pháp phàm phu sao?

Đáp: Không.

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Như vậy thì Đại đức dựa vào tri kiến gì để nói mình đạt được pháp?

Đáp: Thưa thiện nam! Không thể nghe "Như". Phàm phu không trí tuệ "Như", tức là lậu tận giải thoát "Như". Lậu tận giải thoát "Như" tức là Niết-bàn Vô dư "Như".

Bồ-tát Phổ Hoa nói:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Như không khác, Như không đổi, Như không biến, Như không hoại. Đại đức nên dùng Như đó để nhận biết tất cả pháp.

Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như ngọn lửa lớn đều có thể thiêu đốt hết tất cả mọi vật. Như vậy chỗ thuyết giảng về pháp tánh của các thiện nam này đều có thể thiêu đốt tất cả phiền não.

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Đúng như lời ông nói, chỗ thuyết về pháp tánh của các thiện nam ấy đều có thể thiêu đốt tất cả phiền não.

Bấy giờ, Đồng tử Bồ-tát Võng Minh hỏi Trưởng lão Xá-lợi-phất:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Phật bảo Đại đức là bậc trí tuệ đệ nhất trong chúng, vậy trí tuệ ấy là những gì mà Đại đức là người có được trí tuệ đệ nhất?

Đáp: Thưa thiện nam! Đó là hàng Thanh văn nhờ nơi âm thanh mà lãnh hội, rồi tự soi chiếu nơi thân tướng với phần ít trí tuệ. Do trí tuệ ấy, nên Đức Phật bảo tôi là người trí tuệ đệ nhất trong chúng đệ tử Thanh văn, không phải là trí tuệ bậc nhất trong chúng Bồ-tát.

Hỏi: Vậy trí tuệ là tướng hý luận sao?

Đáp: Không.

Hỏi: Vậy trí tuệ không phải là tướng bình đẳng sao?

Đáp: Đúng vậy!

Hỏi: Vậy nay Đại đức chứng đắc trí tuệ bình đẳng sao nói là trí tuệ

có giới hạn?

Đáp: Thưa thiện nam! Do tướng của pháp tánh nên trí tuệ vô lượng. Tùy sự thâm nhập pháp tánh nhiều hay ít nên trí tuệ có giới hạn.

Hỏi: Vậy từng có pháp vô lượng tướng tạo ra sự thuyết giảng có giới hạn sao?

Đáp: Không.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Nếu như vậy thì tại sao Đại đức Xá-lợi-phất nương vào lượng mà nói pháp?

Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất im lặng, không trả lời.

Khi ấy, Trưởng lão Đại Ca-diếp nương oai thần của Phật và bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đồng tử Bồ-tát Võng Minh do nhân duyên gì mà có tên là Võng Minh?

Bấy giờ, Phật bảo Đồng tử Bồ-tát Võng Minh:

–Này Thiện nam! Ông hãy hiện bày ánh sáng của công đức được thành tựu từ thiện căn nơi tự thân khiến cho hàng trời, người nơi tất cả thế gian tâm được hoan hỷ, trong ấy những ai thiện căn phước đức được thuần thục, thì sẽ phát tâm cầu đạt đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đồng tử Bồ-tát Võng Minh nghe Phật dạy xong, liền bạch Phật:

–Lành thay, bạch Thế Tôn! Con xin tuân theo lời dạy của Ngài.

Bồ-tát nói lời ấy xong, sửa lại y phục, trịch áo vai phải, gối phải quỳ sát đất. Liền khi ấy, giữa các ngón tay nơi cánh tay phải có màng lưới trăng trang nghiêm phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ thế giới trong mười phương. Ánh sáng ấy chiếu đến các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, những kẻ mù, điếc, gù, không tay, không chân... đủ các thứ bệnh, những chúng sinh tham ác, ngu si, lõa hình, những kẻ đói khát, hoặc bị trói buộc, hoặc bị giam cầm, bần cùng, xấu xí, già yếu, sắp chết... đủ các khổ não, các chúng sinh xan tham, phá giới, giận dữ, lười biếng, vọng niệm, không có trí tuệ, bất tín, ít nghe, ít biết, không hổ, không thẹn, rơi vào lưới nghi tà kiến… Các chúng sinh ấy, gặp ánh sáng này đều được an lạc, tất cả đều vui mừng, không còn một chúng sinh nào có tham dục, giận dữ, ngu si, kiêu mạn, buồn khổ... Còn đại chúng trong pháp hội ở trước Đức Phật, từ Đại Bồ-tát, Thanh văn đến các bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và phi nhân, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di... tất cả đều đồng một màu vàng ròng không khác, giống như màu sắc của Như Lai. Bấy giờ, tất

cả đại chúng thân tâm đều được an lạc hết sức vui mừng. Ví như vị Bồ-tát vào Tam-muội Hỷ lạc thực phát khởi trang nghiêm không khác. Lúc này, đại chúng đều được sự chưa từng có, mọi người đều cùng trông thấy nhau như Đức Phật không khác. Họ chẳng thấy thân Phật cao, thân mình thấp.

Lại nhờ diệu lực nơi ánh sáng của Bồ-tát Võng Minh, nên tức thời ở phương Dưới có bốn vị Bồ-tát từ dưới đất vọt lên, tên là Bồ-tát Nguyện Lực Khởi, Bồ-tát Thắng Hiền, Bồ-tát Trí Nguyệt Quang, Bồ-tát Bất Khả Hàng Phục. Bốn vị Bồ-tát này đứng chắp tay, suy nghĩ: "Trong đây ai là Phật để chúng ta lễ bái?"

Tức thì ở giữa hư không có âm thanh phát ra: "Do sức mầu nhiệm nơi ánh sáng của Bồ-tát Võng Minh mà tất cả đại chúng ở đây cùng một màu vàng ròng như Đức Phật."

Bốn vị Bồ-tát cùng nói:

–Chúng con hôm nay xin nói lời chân thật, như chúng hội này màu sắc giống nhau, thì tất cả các pháp cũng là như vậy.

Các vị Bồ-tát ấy liền phát lời thệ nguyện:

–Nếu lời nói của chúng con là thành thật, không hư vọng thì xin Đức Thích-ca Mâu-ni hiện ra tướng khác, khiến cho chúng con được thấy để cúng dường lễ bái.

Bấy giờ, Phật bảo Đồng tử Bồ-tát Võng Minh:

–Này Thiện nam! Ông nên dừng thần lực này lại. Hôm nay ông đã làm việc của Phật làm. Ông đã khiến cho vô lượng chúng sinh trụ vào Phật đạo.

Khi ấy, Đồng tử Bồ-tát Võng Minh vâng lời Đức Phật dạy, liền dừng thần lực, thu lại ánh sáng. Sau khi thu nhiếp ánh sáng rồi, thì nơi đại chúng tất cả sắc tướng, oai nghi đều trở lại như cũ, tức thì thân tướng của Đức Như Lai liền hiện giữa tòa Sư tử. Bốn vị Bồ-tát trông thấy Đức Như Lai, họ cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Cảnh giới trí tuệ của Ngài là không thể nghĩ bàn, cảnh giới nơi nguyện lực của thiện căn phước đức nơi Bồ-tát Võng Minh cũng không thể nghĩ bàn. Chúng sinh nương vào công đức ấy đều được hoan hỷ an lạc.

Bấy giờ, Trưởng lão Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn vị Bồ-tát này từ đâu đến?

Bốn vị Bồ-tát nói:

–Chúng tôi từ thế giới Phật ở phương dưới đến.

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Quốc độ ấy tên là gì? Đức Phật nơi quốc độ ấy hiệu là gì?

Bốn vị Bồ-tát đáp:

–Quốc độ tên là Hiện chư bảo trang nghiêm, Đức Phật hiệu là Nhất Bảo Cái, hiện đang giảng nói pháp.

Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi:

–Quốc độ Đức Phật ấy cách đây bao xa?

Bốn vị Bồ-tát đáp:

–Đức Phật tự nhiên biết.

Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi:

–Các Bồ-tát nay do duyên gì mà đến đây?

Bốn vị Bồ-tát đáp:

–Do ánh sáng của Đồng tử Bồ-tát Võng Minh chiếu tới cõi ấy, chúng tôi gặp được liền nghe danh hiệu Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và danh hiệu Đồng tử Bồ-tát Võng Minh, nên chúng tôi đến đây để yết kiến Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và Bồ-tát Võng Minh.

Tôn giả Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế giới Hiện chư bảo trang nghiêm của Phật Nhất Bảo Cái cách đây bao xa?

Đức Phật dạy Trưởng lão Đại Ca-diếp:

–Quốc độ ấy cách quốc độ của chư Phật ở đây hơn bảy mươi hai lần số cát sông Hằng.

Tôn giả Đại Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bốn vị Bồ-tát ở quốc độ đó từ khi phát xuất đến cõi này là bao lâu?

Phật dạy:

–Như khoảng một niệm, ở quốc độ ấy biến mất, bỗng nhiên hiện đến đây.

Tôn giả Đại Ca-diếp thưa:

–Thật hiếm có thay, bạch Thế Tôn! Ánh sáng của các vị Bồ-tát tỏa chiếu rất xa, thần thông hiện bày mau chóng, thật là hy hữu. Nay ánh sáng của Bồ-tát Võng Minh chiếu đi rất xa, nên bốn vị Bồ-tát ấy xuất phát đến đây mới có thể nhanh như vậy.

Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Như lời ông nói. Diệu lực thần thông của Đại Bồ-tát

phát đi nhanh chóng không thể nghĩ bàn, tất cả hàng Thanh văn, Bích-chi-phật... đều không thể sánh kịp.

Bấy giờ, Trưởng lão Đại Ca-diếp hỏi Bồ-tát Võng Minh:

–Thưa thiện nam! Bồ-tát hiện bày ánh sáng chiếu soi đại hội này đều tạo nên màu vàng ròng là do nhân duyên gì?

Đáp: Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Tôn giả nên hỏi Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn sẽ vì Tôn giả mà giải thích.

Tôn giả Đại Ca-diếp đem việc này bạch Phật.

Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Lúc Đồng tử Bồ-tát Võng Minh thành Phật, thì đại chúng trong hội ấy đồng một màu vàng ròng và ai cũng ưa thích Nhất thiết trí. Quốc độ của Phật ấy cho đến không có tên gọi về Thanh văn, Bích-chi-phật, chỉ có chúng Đại Bồ-tát thanh tịnh.

Trưởng lão Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát sinh vào cõi đó đều có sự hiểu biết như Phật chăng?

Phật dạy:

–Này Đại Ca-diếp! Như lời ông nói, Bồ-tát sinh vào cõi đó đều đạt được sự hiểu biết như Phật.

Lúc đó, trong chúng hội bốn vạn bốn ngàn người nghe xong đều phát tâm cầu đạt đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi phát tâm họ đều nguyện sinh về quốc độ kia và bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu lúc Bồ-tát Võng Minh thành Phật, chúng con đều sẽ vãng sinh về quốc độ ấy.

Bấy giờ, Trưởng lão Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Võng Minh này khi nào thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Ông tự đến hỏi Bồ-tát ấy.

Tôn giả Đại Ca-diếp liền hỏi Bồ-tát Võng Minh:

–Thưa thiện nam! Còn bao nhiêu lâu nữa sẽ đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Bồ-tát Võng Minh đáp:

–Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Nếu có ai hỏi người huyễn hóa: "Ông còn bao lâu nữa sẽ đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác",

thì người huyễn hóa ấy sẽ trả lời ra sao?

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Người huyễn hóa không có tướng quyết định thì ở đâu để trả lời?

Đáp: Tất cả các pháp đều cũng như vậy, tức không có tướng quyết định. Vậy tại sao lại hỏi đến lúc nào sẽ đạt được đạo quả Bồ-đề vô thượng?

–Người huyễn hóa lìa khỏi tự tướng, không có sai khác, không có phân biệt, không có chí nguyện, Bồ-tát cũng như vậy sao? Nếu giống như vậy thì sao có thể tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh?

Đáp: Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là tánh của tất cả chúng sinh. Tánh của tất cả chúng sinh tức là tánh huyễn. Tánh huyễn tức là tất cả pháp tánh. Ở trong pháp đó tôi chẳng thấy có lợi, chẳng thấy không lợi.

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Thưa Thiện nam! Hôm nay lẽ nào Bồ-tát có thể không khiến chúng sinh an trụ ở Bồ-đề?

Đáp: Bồ-đề của chư Phật có tướng trụ sao?

Đáp: Không có!

–Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Do vậy tôi không khiến cho chúng sinh trụ ở Bồ-đề, tôi cũng không khiến cho họ trụ ở đạo Thanh văn, Bích-chi-phật.

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Thưa Thiện nam! Hôm nay Bồ-tát hướng về đâu?

Đáp: Chỗ tôi hướng về đó là "Như". Như là không có chỗ hướng về, cũng không có chuyển biến. Tất cả các pháp đều trụ ở tướng Như. Do vậy, nên tôi không hướng về, không chuyển đổi.

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Nếu tất cả các pháp đều trụ nơi tướng Như, không hướng về, không chuyển đổi thì Bồ-tát làm sao giáo hóa chúng sinh?

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Nếu người phát nguyện thì tức là không thể giáo hóa chúng sinh. Nếu người đối với pháp có chuyển biến thì cũng không thể giáo hóa chúng sinh.

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Này Thiện nam! Bồ-tát có thể không chuyển đổi sinh tử của chúng sinh trong thế gian sao?

–Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Tôi hãy còn chẳng được thế gian, huống gì là ở trong thế gian mà chuyển đổi chúng sinh.

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Thưa Thiện nam! Bồ-tát không làm cho chúng sinh đạt được Niết-bàn sao?

–Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Tôi hãy còn chẳng thấy Niết-bàn, huống gì là giáo hóa chúng sinh đạt được Niết-bàn.

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Thưa Thiện nam! Như Bồ-tát nói không được thế gian không được Niết-bàn, thì cớ sao các vị Bồ-tát hành trì hạnh Bồ-tát? Vì cứu độ vô lượng chúng sinh nên hành đạo Bồ-đề. Đây không phải là nhằm diệt độ cho chúng sinh đó sao?

–Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Nếu Bồ-tát thấy nơi thế gian phân biệt với Niết-bàn, lấy tướng chúng sinh mà hành Bồ-đề, thì đấy không nên gọi là Bồ-tát.

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Thưa Thiện nam! Bồ-tát nay ở nơi chốn nào để hành?

–Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Tôi không hành trong thế gian, không hành trong Niết-bàn, lại cũng không hành theo tướng của chúng sinh.

Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Như điều Tôn giả hỏi, nay Bồ-tát hành ở đâu? Như hành xứ của người do Phật hóa ra hành ở đâu thì tôi hành ở đó.

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Người do Phật hóa ra không có hành xứ.

–Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Nên biết hành xứ của tất cả chúng sinh cũng theo tướng như thế.

Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

–Người do Phật hóa ra không tham, sân, si. Nếu bảo chỗ hành của tất cả chúng sinh, tướng là như vậy, thì tham dục, sân, si của tất cả chúng sinh hướng về đâu?

–Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Nay tôi hỏi, Tôn giả tùy ý trả lời. Tôn giả nay có tham, sân, si không?

Đáp: Không.

Hỏi: Vậy tham, sân, si, Tôn giả đã diệt tận sao?

Đáp: Không.

Hỏi: Nếu Tôn giả không tham, sân, si, cũng không diệt tận thì Tôn

giả để tham, sân, si ở chỗ nào?

Đáp: Thưa Thiện nam! Người phàm phu từ điên đảo khởi lên vọng tưởng phân biệt sinh ra tham, sân, si. Trong pháp của Hiền thánh khéo biết về thật tánh của điên đảo, nên không khởi vọng tưởng phân biệt. Vì vậy nên không có tham dục, điên đảo, ngu si.

–Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Ý Tôn giả nghĩ sao? Nếu pháp từ điên đảo khởi thì pháp đó thật hay là hư vọng?

Đáp: Thưa Thiện nam! Pháp đó là hư vọng, không phải là chân thật.

Hỏi: Nếu pháp không phải là chân thật, có thể khiến cho nó chân thật được chăng?

Đáp: Không.

Hỏi: Nếu pháp không chân thật, Tôn giả ở trong đó muốn có được tham, sân, si chăng?

Đáp: Không.

Hỏi: Nếu như vậy thì tham, sân, si ở đâu mà có thể nhiễm chúng sinh?

Đáp: Thưa Thiện nam! Nếu là như vậy thì tất cả các pháp từ xưa đến nay, tự tánh xa lìa tướng tham, sân, si.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Cho nên tôi nói, tướng của tất cả các pháp như sự biến hóa của Đức Phật.

Khi giảng nói pháp ấy xong, thì có bốn vạn bốn ngàn Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn nhu thuận.

Bấy giờ, Trưởng lão Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người nghe được danh hiệu của Bồ-tát Võng Minh thì họ không bị đọa vào ba đường ác. Nếu có ai thấy được tự thân của Bồ-tát Võng Minh nên biết người ấy tất cả ma nghiệp đều không thể làm chướng ngại. Nếu có ai được nghe Bồ-tát Võng Minh thuyết pháp, thì người đó không rơi vào hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Nếu chúng sinh nào nhờ ân dạy bảo của Bồ-tát Võng Minh thì các chúng sinh ấy đối với đại Bồ-đề hoàn toàn không thoái chuyển.

Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Ngài nói về căn lành công đức trang nghiêm nơi cõi Phật của Bồ-tát Võng Minh.

Phật dạy:

–Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát Võng Minh đó, tùy theo chỗ du hành nơi các quốc độ của chư Phật hiện trú đều có thể đem lợi ích cho vô lượng chúng sinh.

Này Đại Ca-diếp! Ánh sáng của Bồ-tát Võng Minh phóng ra như vậy, ông có thấy không?

Đáp: Dạ, có thấy.

Phật dạy:

–Này Đại Ca-diếp! Số lượng hạt cải đầy khắp trong tam thiên đại thiên thế giới hãy còn có thể đếm được, nhưng ánh sáng của Bồ-tát Võng Minh chiếu đến khiến các chúng sinh phát tâm an trụ nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì không thể tính đếm được.

Này Đại Ca-diếp! Ông nên biết ánh sáng của Bồ-tát Võng Minh phóng ra còn tạo nên vô số lợi ích như thế, huống chi là lợi ích do Bồ-tát ấy giảng nói pháp đem lại. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ giảng nói một phần nhỏ về căn lành công đức nơi quốc độ của Phật thanh tịnh trang nghiêm.

Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát Võng Minh này trải qua bảy trăm sáu mươi vạn a-tăng-kỳ kiếp sẽ làm Phật hiệu là Phổ Quang Tự Tại Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, thế giới tên là Tập diệu công đức.

Này Đại Ca-diếp! Khi Đức Phật ấy đi đến cây Bồ-đề thì các loại ma và quyến thuộc của chúng, chư Thiên, dân chúng trong quốc độ ấy đều an định nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Đại Ca-diếp! Mặt đất nơi quốc độ ấy bằng phẳng như bàn tay, mềm mịn như đất nơi xứ An lạc Ca-lăng-già được trang nghiêm bằng các thứ ngọc quý. Thế giới ấy không có tên gọi của ba đường ác, cũng không có tám nạn. Quốc độ của Phật ấy không có cao, thấp, không có các thứ sành, sỏi, gai nhọn, đất đá bẩn... vô số các loại hoa sen báu vi diệu làm tăng vẻ trang nghiêm cho cảnh giới. Những hoa sen đó đều là ngọc báu phát ra mùi hương thơm thượng diệu.

Này Đại Ca-diếp! Thế giới của Đức Phật ấy rất là rộng lớn, có những công đức thù thắng hội tụ như thế. Đức Như Lai Phổ Quang Tự Tại Vương có vô lượng những vị Bồ-tát tăng, khéo tu tập vô lượng pháp môn đều được thần thông tự tại vô lượng, dùng ánh sáng trang nghiêm tự thân, tất cả đều chứng được Đà-la-ni, Tam-muội thù thắng, biện tài vô ngại, khéo thuyết giảng pháp. Thần lực về ánh sáng của các vị Bồ-tát ấy không đâu là không thông đạt đều được các loại thần thông, biện tài vô úy có đủ khả năng hàng phục các loại ma oán, luôn dốc sức tu tập niệm tuệ, phát sinh hổ thẹn, hành trì trí tuệ tối thượng và các công đức thù thắng.

Này Đại Ca-diếp! Quốc độ của Đức Phật ấy không có tên gọi người nữ, các vị Bồ-tát ở cõi đó đều là hóa sinh, ngồi kiết già trong hoa sen báu, thức ăn là niềm an vui trong thiền định. Các vật cần dùng như nơi chốn

kinh hành, nhà cửa, giường chiếu, vườn rừng, ao tắm... nếu khởi tâm nghĩ đến liền xuất hiện ngay.

Này Đại Ca-diếp! Đức Như Lai Phổ Quang Tự Tại Vương đó không dùng văn tự để thuyết pháp, chỉ phóng ra ánh sáng đến các vị Bồ-tát, tức họ liền đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Ánh sáng ấy lại soi chiếu khắp mười phương, thông suốt vô ngại, khiến các chúng sinh đều được xa lìa mọi thứ phiền não.

Lại nữa, ánh sáng ấy thường phát ra biến hóa loại pháp âm tịnh diệu. Những gì là ba mươi hai loại?

1. Tất cả các pháp là Không vì lìa các tướng thanh tịnh.

2. Tất cả các pháp là Vô tướng vì lìa mọi sự phân biệt và đối tượng được phân biệt.

3. Tất cả các pháp là Vô nguyện vì ra khỏi ba cõi.

4. Tất cả các pháp là lìa dục vì tự tánh tịch diệt.

5. Tất cả các pháp là lìa sân vì không có ngăn ngại.

6. Tất cả các pháp là lìa si vì không có tối tăm.

7. Tất cả các pháp không từ đâu đến vì vốn không sinh.

8. Tất cả các pháp không đi về đâu vì không có chỗ đến.

9. Tất cả các pháp là không trụ vì không chỗ nương tựa.

10. Tất cả các pháp vượt xa ba đời vì quá khứ, vị lai và hiện tại không có sở hữu.

11. Tất cả các pháp là không khác vì tánh ấy là một.

12. Tất cả các pháp là không sinh vì xa lìa nghiệp báo.

13. Tất cả các pháp là không nghiệp báo vì không thấy có nhân.

14. Tất cả các pháp là không phải tạo tác vì không thể tạo tác.

15. Tất cả các pháp không có tên gọi vì không thể đặt tên.

16. Tất cả các pháp là không phát khởi vì không sinh không diệt.

17. Tất cả các pháp là không thật vì vốn không phát khởi.

18. Tất cả các pháp là thật vì vào một cửa đạo bình đẳng.

19. Tất cả các pháp là không chúng sinh vì không thấy có chúng sinh.

20. Tất cả các pháp là vô ngã vì được thâu tóm nơi Đệ nhất nghĩa đế.

21. Tất cả các pháp là ẩn mật, sâu kín vì không có đối tượng được nhận biết.

22. Tất cả các pháp là xả vì xa lìa yêu, ghét.

23. Tất cả các pháp là lìa phiền não vì không có nắm giữ.

24. Tất cả các pháp là không phiền não vì tự tánh không nhiễm.

25. Tất cả các pháp là một tướng vì thật tế bình đẳng.

26. Tất cả các pháp là lìa tướng vì thường tịnh định.

27. Tất cả các pháp là an trụ nơi thật tế vì tánh nó không hoại.

28. Tất cả các pháp là đúng như tướng vì vốn không hoại.

29. Tất cả các pháp đều nhập vào pháp tánh vì hội cùng khắp.

30. Tất cả các pháp là không duyên vì các duyên không hợp.

31. Tất cả các pháp là nhiều duyên sinh vì bình đẳng đầy đủ.

32. Tất cả các pháp là Bồ-đề vì thấy đúng như thật.

Tất cả các pháp là Niết-bàn vì không thành tựu.

Này Đại Ca-diếp! Ánh sáng của Đức Như Lai Phổ Quang Tự Tại Vương thường phát ra ba mươi hai pháp âm tịnh diệu như vậy.

Này Đại Ca-diếp! Nếu có chúng sinh nào sinh vào quốc độ ấy thì nên biết người đó có thể làm việc của Phật.

Này Đại Ca-diếp! Đức Phật ấy thọ mạng vô lượng.

Này Đại Ca-diếp! Quốc độ của Đức Phật ấy không có việc ma để có thể làm trở ngại các Bồ-tát.

Trưởng lão Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người muốn đạt được quốc độ của Phật thanh tịnh thì nên chọn lấy việc tu căn lành công đức trang nghiêm nơi Phật độ thanh tịnh như Bồ-tát Võng Minh.

Phật dạy:

–Này Đại Ca-diếp! Bồ-tát Võng Minh đã ở chỗ của vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha các Đức Như Lai, phát nguyện thanh tịnh, tu hành công đức trang nghiêm đầy đủ, nên được cõi Phật thanh tịnh như thế. Do vậy, này Tôn giả Đại Ca-diếp! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn đạt được quốc độ Phật thanh tịnh như vậy thì nên tu học theo hạnh nguyện của Bồ-tát Võng Minh.

Bấy giờ, Phạm thiên Thắng Tư Duy nói với Bồ-tát Võng Minh:

–Bồ-tát đã được Đức Phật thọ ký?

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Thưa Phạm thiên! Tất cả chúng sinh đều được Đức Như Lai thọ ký.

Hỏi: Vì sự việc gì mà được thọ ký?

Đáp: Tùy theo nghiệp thọ quả báo nên được thọ ký.

Hỏi: Bồ-tát tạo nghiệp gì mà được thọ ký?

Bồ-tát hỏi ngược lại:

–Thưa Phạm thiên! Nếu nghiệp không phải thân làm, không phải miệng nói, không phải ý tạo thì nghiệp ấy có thể hiển bày không?

Phạm thiên đáp:

–Không thể hiển bày được.

Hỏi: Thưa Phạm thiên! Vì sao Nhân giả nói như vậy? Thưa Phạm thiên! Có Bồ-tát tu hành mà có thể chấp tướng sao?

Đáp: Không, vì Bồ-đề không phải là các hành tướng.

Hỏi: Thưa Phạm thiên! Bồ-đề là tướng khởi tác chăng?

Đáp: Không, vì Bồ-đề là vô vi, không phải là tướng khởi tác.

Hỏi: Thưa Phạm thiên! Có thể dùng tướng khởi tác để đạt được Bồ-đề vô vi không?

Đáp: Không!

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Thưa Phạm thiên! Do vậy nên biết, dựa vào nghĩa này thì ý ở chỗ nào? Không nghiệp, không nghiệp quả, không tạo tác, không hành động, là Bồ-đề. Nếu nói Bồ-đề cũng như vậy, hoặc nói thọ ký cũng như vậy, thì không thể dùng pháp khởi tác mà được thọ ký.

Phạm thiên hỏi:

–Thưa Thiện nam! Bồ-tát không thực hành sáu pháp Ba-la-mật mà sau đó được thọ ký sao?

Đáp: Thưa Phạm thiên! Đúng như lời Nhân giả nói. Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật mà được thọ ký.

Thưa Phạm thiên! Nếu Bồ-tát xả bỏ tất cả phiền não thì gọi là Bố thí ba-la-mật. Đối với các pháp không có chỗ phát khởi gọi là Trì giới ba-la-mật. Đối với các pháp không làm tổn thương, gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật. Đối với các pháp xa lìa tướng gọi là Tinh tấn ba-la-mật. Đối với các pháp đều không chốn trụ gọi là Thiền định ba-la-mật. Đối với các pháp không hý luận, gọi là Trí tuệ ba-la-mật.

Thưa Phạm thiên! Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật như thế là hành ở chỗ nào?

Phạm thiên nói:

–Thưa Thiện nam! Không có hành xứ. Vì sao? Vì hễ có chỗ hành đều là không hành. Nếu hành tức là không hành, nếu không hành tức là hành.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Thưa Phạm thiên! Vì ý nghĩa này nên biết, không chốn hành là Bồ-đề. Đúng như lời hỏi của Nhân giả. Bồ-tát đã được Đức Phật thọ ký Bồ-đề. Như chân như, pháp tánh được thọ ký, tôi cũng được thọ ký như vậy. Thưa Phạm thiên! Y vào pháp này nên biết không hành là hạnh Bồ-tát.

Thưa Phạm thiên! Đúng như lời Nhân giả nói. Nhân giả được thọ ký giống như chân như, pháp giới thọ ký, tôi cũng được thọ ký như vậy.

Phạm thiên nói:

–Thưa Thiện nam! Không có chân như, pháp giới thọ ký.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Thưa Thiện nam! Như vậy, tướng thọ ký giống chân như pháp giới.

Bấy giờ, Phạm thiên Thắng Tư Duy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát hành trì hạnh gì mà được chư Phật thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Nếu Bồ-tát không hành pháp sinh, không hành pháp diệt, không hành pháp thiện, không hành pháp bất thiện, không hành pháp thế gian, không hành pháp xuất thế gian, không hành pháp hữu lậu, không hành pháp vô lậu, không hành pháp có tội, không hành pháp vô tội, không hành pháp hữu vi, không hành pháp vô vi, không hành tu đạo, không hành đoạn trừ, không hành thế gian, không hành Niết-bàn, không hành pháp thấy, không hành pháp nghe, không hành pháp hiểu, không hành pháp biết, không hành thí, không hành xả, không hành giới, không hành phú, không hành nhẫn, không hành thiện, không hành phát, không hành tinh tấn, không hành thiền, không hành Tam-muội, không hành tuệ, không hành hành, không hành tri, không hành đắc...

Này Phạm thiên! Nếu Bồ-tát hành như vậy thì chư Phật sẽ thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao?

Này Phạm thiên! Hễ có các chỗ hành thì đều có nơi chốn như vậy, không có nơi chốn hành như vậy là Bồ-đề. Hễ có các hành thì đều là phân biệt, không phân biệt là Bồ-đề. Hễ có các hành thì đều là khởi tác, không khởi tác là Bồ-đề. Hễ có các hành thì đều là hý luận, không hý luận tức là Bồ-đề.

Này Phạm thiên! Dựa nơi nghĩa này nên biết, nếu Bồ-tát vượt qua các chốn hành tức được thọ ký.

Bấy giờ, Phạm thiên Thắng Tư Duy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ngài nói về thọ ký. Vậy các pháp gì gọi là thọ ký?

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Lìa khỏi hai tướng của các pháp gọi là thọ ký. Không phân biệt sinh diệt gọi là thọ ký. Lìa khỏi nghiệp tướng của thân, khẩu, ý gọi là thọ ký.

Này Phạm thiên! Ta nhớ về đời quá khứ có một kiếp tên là Thiện kiến. Ở kiếp ấy ta cúng dường bảy mươi hai na-do-tha Đức Phật, nhưng các Đức Như Lai ấy đều không thọ ký cho ta.

Lại qua khỏi kiếp đó, có kiếp tên là Thiện hóa. Ở kiếp ấy, ta cũng cúng dường bảy mươi hai ức Đức Phật, nhưng các Như Lai ấy cũng không thọ ký cho ta.

Lại qua khỏi kiếp đó, có một kiếp tên là Phạm thán. Ở kiếp ấy ta cúng dường tám vạn tám ngàn Đức Phật, nhưng các Đức Như Lai ấy cũng không thọ ký cho ta.

Lại qua khỏi kiếp ấy, có kiếp tên là Vô cữu. Ở kiếp này ta cũng cúng dường ba vạn hai ngàn Đức Phật, nhưng các Đức Như Lai này cũng không thọ ký cho ta.

Lại qua khỏi kiếp đó, có một kiếp tên là Trang nghiêm. Ở kiếp ấy ta cúng dường tám vạn bốn ngàn Đức Phật, đem tất cả vật phẩm cúng dường đầy đủ lên các Đức Phật, nhưng các Đức Như Lai ấy cũng không thọ ký cho ta.

Này Phạm thiên! Ta ở đời quá khứ, đã từng một kiếp và gần một kiếp cúng dường chư Phật, hết lòng cung kính, tôn trọng, tán thán, tịnh tu phạm hạnh, bố thí tất cả, thảy đều trì giới, tu hạnh Đầu-đà, xa lìa sân hận, hành tâm Từ, luôn nhẫn nhục, theo như lời giảng nói mà làm, tinh tấn tu tập, những gì đã nghe đều có thể thọ trì, sống xa lìa một mình, nhập các thiền định, theo những gì đã lãnh hội đem ra đọc tụng, suy nghĩ, thỉnh vấn... nhưng các Đức Như Lai ấy cũng không thọ ký. Vì sao? Vì ta luôn dựa vào văn tự mà thưa hỏi các Đức Phật, vì vậy các Đức Phật không thọ ký. Vì sao? Vì ta luôn nương vào chỗ hành của mình, vì vậy ông nên biết. Nếu các vị Bồ-tát vượt khỏi các hành, tức sẽ được thọ ký.

Này Phạm thiên! Sau đó ta được gặp Phật Nhiên Đăng liền đạt pháp Nhẫn vô sinh. Khi ấy Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta, nói rõ: "Này Thiện nam! Ông vào đời vị lai sẽ thành Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Bấy giờ ta vượt khỏi các hành, gồm đủ sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bồ-tát có thể xả bỏ các tướng gọi là Bố thí ba-la-mật. Có thể diệt trừ các đối tượng thọ trì gọi là Trì giới ba-

la-mật. Không bị cảnh giới làm thương tổn gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật. Xa lìa các chốn hành gọi là Tinh tấn ba-la-mật. Không nhớ nghĩ các pháp gọi là Thiền định ba-la-mật. Có thể nhẫn như tánh vô sinh của các pháp gọi là Trí tuệ ba-la-mật."

Này Phạm thiên! Ta ở nơi Đức Phật Nhiên Đăng mà hành đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật như vậy.

Này Phạm thiên! Ta từ lúc mới phát tâm Bồ-đề đến nay đã làm bố thí, nhưng đối với việc xả bỏ hình tướng mà bố thí này thì mọi thứ bố thí trước kia so ra trăm phần không bằng một, trăm ngàn phần, trăm ngàn vạn ức phần, cho đến tính toán, thí dụ cũng không thể đạt tới, bằng được.

Này Phạm thiên! Ta từ lúc mới phát tâm đến nay, luôn trì giới hành hạnh Đầu-đà, nhưng đối với giới luôn vắng lặng này trăm phần trì giới trước không bằng một, cho đến dùng toán số thí dụ cũng không thể đạt tới.

Này Phạm thiên! Ta từ khi mới phát tâm đến nay luôn nhu hòa nhẫn nhục, nhưng đối với pháp nhẫn rốt ráo này thì sự nhẫn nhục trước so ra trăm phần không bằng một, cho đến tính toán, thí dụ cũng không thể sánh kịp.

Này Phạm thiên! Ta từ khi mới phát tâm đến nay luôn siêng năng tu hạnh tinh tấn, nhưng đối với hạnh tinh tấn không nắm giữ, không xả bỏ này, thì mọi tinh tấn trước so ra trăm phần không bằng một, cho đến tính toán, thí dụ cũng không thể sánh kịp.

Này Phạm thiên! Ta từ khi mới phát tâm đến nay luôn riêng một xứ thiền định, nhưng đối với thiền định không trụ này thì mọi thiền định trước so ra trăm phần không bằng một, cho đến tính toán, thí dụ cũng không thể sánh kịp.

Này Phạm thiên! Ta từ khi mới phát tâm đến nay trí tuệ luôn suy nghĩ trù lượng, nhưng đối với trí tuệ không hý luận thì trí tuệ kia so ra trăm phần không bằng một, trăm ngàn phần, trăm ngàn vạn ức phần, cho đến tính toán, thí dụ cũng không thể sánh kịp.

Này Phạm thiên! Vì thế ông nên biết, ta vào thời Đức Phật Nhiên Đăng đã đạt được đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật?

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Nếu không nhớ nghĩ về Bố thí, không y nơi Trì giới, không phân biệt Nhẫn nhục, không chấp thủ Tinh tấn, không trú nơi

Thiền định, luôn bất nhị đối với Trí tuệ.

Này Phạm thiên! Đó gọi là đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đã đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật rồi thì có thể đầy đủ pháp gì?

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Đã đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật rồi thì có thể đầy đủ Nhất thiết trí.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật rồi thì có thể đầy đủ Nhất thiết trí?

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Bố thí bình đẳng tức là Nhất thiết trí bình đẳng. Trì giới bình đẳng tức là Nhất thiết trí bình đẳng. Nhẫn nhục bình đẳng tức là Nhất thiết trí bình đẳng. Tinh tấn bình đẳng tức là Nhất thiết trí bình đẳng. Thiền định bình đẳng tức là Nhất thiết trí bình đẳng. Trí tuệ bình đẳng tức là Nhất thiết trí bình đẳng. Do vậy, tất cả các pháp bình đẳng gọi là Nhất thiết trí.

Lại nữa, này Phạm thiên! Đầy đủ tướng Bố thí, tướng Trì giới, tướng Nhẫn nhục, tướng Tinh tấn, tướng Thiền định, tướng Trí tuệ gọi là Nhất thiết trí.

Này Phạm thiên! Vì thế, hễ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật thì có thể đầy đủ Nhất thiết trí.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là đầy đủ Nhất thiết trí?

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Nếu mắt không nhìn thấy sắc, cho đến ý không biết về pháp.

Này Phạm thiên! Nếu quan sát sáu nhập trong ngoài như vậy thì gọi là đầy đủ Nhất thiết trí.

Này Phạm thiên! Do đó, đầy đủ Nhất thiết trí là không chấp trước nơi mắt, cho đến không chấp trước nơi ý. Vì ý nghĩa này nên gọi trí của Như Lai là trí Nhất thiết trí không chướng ngại.

Này Phạm thiên! Nhất thiết trí đối với các pháp không có đối tượng thọ nhận. Vì sao? Vì Nhất thiết trí không phải là pháp khí thọ nhận.

Này Phạm thiên! Nói không phải là pháp khí, ở đây gọi là không vật mà có thể thọ nhận đầy đủ. Nói không vật tức gọi là không. Không đồng với hư không, gọi là Nhất thiết trí. Vì ý nghĩa này nên không thể thọ nhận pháp.

Này Phạm thiên! Ví như tất cả chỗ tạo tác đều nương nơi hư không mà hư không ấy không nương vào đâu. Do vậy trí Nhất thiết trí đều từ Nhất thiết trí phát sinh, nhưng Nhất thiết trí không nương vào đâu cả.

Phạm thiên Thắng Tư Duy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nói Nhất thiết trí thì Nhất thiết trí ấy là gì? Vì nghĩa gì mà gọi là Nhất thiết trí?

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Tất cả các hành nơi trí Nhất thiết trí kia nhận biết đó là hàng Thanh văn, Bích-chi-phật và tất cả thế gian. Vì ý nghĩa đó, nên gọi là Nhất thiết trí.

Các trí bình đẳng có nẻo hành: Biết các tâm, biết các hành, biết các tâm Từ bi, biết các sở học, biết các sự phát khởi tu hành, gọi là Nhất thiết trí.

Có thể xa lìa các tướng, có thể phá bỏ tất cả tri giác, gọi là Nhất thiết trí.

Biết như thật cái gì đáng nói, cái gì không đáng nói, gọi là Nhất thiết trí.

Biết như thật về tâm hành của tất cả chúng sinh, gọi là Nhất thiết trí.

Biết như thật về tất cả trí chứng đắc, gọi là Nhất thiết trí.

Biết như thật về trí Vô học, trí của Thanh văn, trí của Bích-chi-phật, biết như thật về tất cả các loại trí đều từ trong Nhất thiết trí phát sinh ra. Do nghĩa đó nên gọi là Nhất thiết trí.

Biết như thật về chánh hạnh đều từ Nhất thiết trí phát sinh ra, nên gọi là Nhất thiết trí.

Biết như thật tất cả các thứ thuốc, gọi là Nhất thiết trí.

Có thể khiến tất cả đều dứt bệnh, gọi là Nhất thiết trí.

Có thể xa lìa tất cả sự trói buộc nên gọi là Nhất thiết trí.

Có thể diệt trừ tất cả tập khí phiền não, nên gọi là Nhất thiết trí.

Vì thường ở nơi tất cả định nên gọi là Nhất thiết trí.

Vì không chướng ngại đối với tất cả pháp nên gọi là Nhất thiết trí.

Vì từ Nhất thiết trí sinh ra tất cả trí tuệ thế gian và xuất thế gian nên

gọi là Nhất thiết trí.

Vì nhận biết tướng phương tiện của tất cả trí tuệ nên gọi là Nhất thiết trí.

Này Phạm thiên! Tất cả các pháp phương tiện đều từ pháp này phát sinh ra, nên gọi là Nhất thiết trí.

Bấy giờ, Phạm thiên Thắng Tư Duy bạch Phật:

–Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Trí tuệ của các Đức Phật, Như Lai là rất thâm diệu, tâm không có đối tượng duyên mà nhận biết hành tướng của tâm, tâm sở của tất cả chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Nhất thiết trí ấy có vô lượng công đức như vậy, thì thiện nam, thiện nữ nào có trí tuệ, nghe lãnh thọ về Nhất thiết trí mà chẳng phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

-oOo-

KINH THẮNG TƯ DUY PHẠM THIÊN SỞ VẤN

QUYỂN 4

Bấy giờ, Bồ-tát Võng Minh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có Bồ-tát nào đặt hy vọng về lợi ích của công đức mà phát tâm Bồ-đề thì sự phát tâm của vị ấy không phải là phát tâm của Đại thừa. Vì sao? Vì tất cả các pháp không có lợi ích của công đức, do không có chỗ đối trị.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát không nên vì lợi ích của công đức mà phát tâm Bồ-đề. Chỉ vì tâm đại Bi, vì diệt trừ khổ não của chúng sinh, vì sinh các pháp thiện, vì giải thoát các tà kiến, diệt trừ các bệnh, xả bỏ những sự tham đắm về ngã sở, không thấy chỗ yêu ghét, không làm mất pháp thế gian vì nhàm chán pháp hữu vi, vì an trú nơi Niết-bàn nên phát tâm Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không nên cầu sự báo ân của các chúng sinh, cũng không nên xem xét họ có làm hay không làm. Lại đối với đau khổ hay an lạc tâm đều không lay động.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát với các thiện căn thanh tịnh?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện nam! Bồ-tát gồm đủ thiện căn, nếu sinh vào nơi của Chuyển luân thánh vương không được gọi là thiện căn thanh tịnh. Nếu sinh vào nơi vua Đế Thích, vua Phạm thiên cũng không gọi là thiện căn thanh tịnh. Ở nơi chốn mình sinh cho dù là hàng súc sinh mà không đánh mất thiện căn cũng khiến cho chúng sinh tăng trưởng các thiện căn. Đó gọi là Bồ-tát với thiện căn thanh tịnh.

Lại nữa, này Bồ-tát Võng Minh! Thế nào là Bồ-tát với thiện căn thanh tịnh?

Này Thiện nam! Bố thí là thiện căn thanh tịnh, vì xả bỏ tất cả tài vật.

Trì giới là thiện căn thanh tịnh, vì diệt trừ khổ não, đạt được sự trong lành mát mẻ.

Nhẫn nhục là thiện căn thanh tịnh, vì tâm không còn phân biệt.

Tinh tấn là thiện căn thanh tịnh, vì xa lìa mọi sự biếng trễ.

Thiền định là thiện căn thanh tịnh, vì không có suy nghĩ đến các thừa khác.

Trí tuệ là thiện căn thanh tịnh, vì xa lìa các kiến chấp.

Tâm Từ là thiện căn thanh tịnh, vì nhận thức bình đẳng.

Tâm Bi là thiện căn thanh tịnh, vì chân tâm thanh tịnh.

Tâm Hỷ là thiện căn thanh tịnh, vì vui thích nơi các pháp mà không sinh ái nhiễm.

Tâm Xả là thiện căn thanh tịnh, vì xa lìa các tội lỗi.

Không bỏ tâm Bồ-đề là thiện căn thanh tịnh, vì không tham đắm quả vị Thanh văn và Bích-chi-phật.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trong đại chúng im lặng an trụ không có đàm luận. Phạm thiên Thắng Tư Duy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trong đại chúng vì sao không thuyết pháp, chỉ có im lặng?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hôm nay ở nơi pháp hội này, sao ông chỉ im lặng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp mà Ngài chứng đắc có các tướng chăng?

Đức Phật dạy:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Pháp mà Như Lai chứng đắc không có hình tướng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp ấy có thể giảng thuyết, trình bày và luận giải không?

Đức Phật dạy:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Pháp ấy không thể thuyết giảng, không thể diễn đạt, không thể luận giải.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu pháp ấy không thể giảng thuyết, diễn đạt và luận giải thì không thể hiển bày.

Bấy giờ, Phạm thiên Thắng Tư Duy thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát không vì chúng sinh mà thuyết giảng pháp sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Ở trong pháp tánh có thể có hai tướng chăng?

Phạm thiên đáp:

–Không.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Tất cả các pháp không nhập vào pháp tánh sao?

Phạm thiên đáp:

–Đúng vậy!

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Nếu pháp tánh ấy không có hai tướng, thì tất cả các pháp đều nhập trong pháp tánh. Vậy tại sao lại vì chúng sinh thuyết pháp?

Phạm thiên hỏi:

–Nếu như có giảng nói pháp cũng không có hai tướng sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Nếu quyết định có người thuyết pháp, có người nghe pháp thì có thể giảng nói pháp mà không có hai tướng.

Phạm thiên hỏi:

–Như Lai đã có thể không thuyết pháp sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Phật tuy giảng nói pháp nhưng không dùng hai tướng. Vì sao? Vì Như Lai thuyết pháp không có hai thuyết. Tuy có đối tượng được thuyết giảng mà không có hai tướng.

Phạm thiên hỏi:

–Nếu tất cả pháp là không hai, tại sao các hàng phàm phu không hai mà làm thành hai?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Người phàm phu tham chấp nơi ngã nên phân biệt làm hai. Nếu không phân biệt làm hai thì trọn không phải là hai. Tuy lại mỗi mỗi phân biệt làm hai, nhưng nơi thật tế thì không có hai tướng.

Phạm thiên hỏi:

–Làm sao nhận biết là không có hai pháp?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Nếu không có hai thì có thể nhận biết chẳng phải là không hai. Vì sao? Này Phạm thiên! Không có hai tướng thì không thể

nhận biết.

Này Phạm thiên! Như Lai nói pháp không có hai pháp. Pháp ấy nói như vậy mà không phải là như vậy. Vì sao? Vì pháp ấy không có tên gọi, không có chương cú.

Phạm thiên hỏi:

–Pháp Như Lai thuyết giảng có thủ chấp gì không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Pháp Như Lai thuyết giảng không có chỗ chấp thủ.

Phạm thiên hỏi:

–Phật thuyết pháp không giữ lấy về Niết-bàn sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Đối với Niết-bàn, trong Niết-bàn, có giữ lấy và xả bỏ sao?

Phạm thiên đáp:

–Niết-bàn luận là không đi, không đến.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Đúng vậy, này Phạm thiên! Pháp mà Phật thuyết giảng thì không đi, không đến.

Phạm thiên hỏi:

–Pháp này được lãnh hội như thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Lãnh hội đúng như chỗ Ngài thuyết giảng.

–Như chỗ đã thuyết giảng là thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Như là không biết, không nghe tức đúng như điều Ngài thuyết giảng.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể lãnh hội pháp của Như Lai như vậy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Người không tham chấp vướng mắc, không rơi vào các cảnh giới.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể nhận biết pháp ấy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Những người nào không tranh luận, không biết, không tùy hỷ.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào gọi là Tỳ-kheo nhiều tranh luận?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Nếu Tỳ-kheo cho thế này là tốt, thế này là xấu, thế này là tương ưng, thế này là không tương ưng, thì Tỳ-kheo ấy gọi là tranh luận. Cái này là đúng, cái này là không đúng; cái này là nhơ, cái này là sạch; cái này là thiện, cái này là không thiện; pháp này là đáng khiển trách, pháp này không đáng khiển trách; pháp này là hữu lậu, pháp này là vô lậu; pháp này là thế gian, pháp này là xuất thế gian; pháp này là hữu vi, pháp này là vô vi; đây là trì giới, đây là phá giới; đây là có thể tạo tác, đây là không thể tạo tác; đây có thể đạt được, đây có thể không đạt được. Này Phạm thiên! Tỳ-kheo ấy gọi là tranh luận.

Này Phạm thiên! Nếu đối với các pháp tâm luôn có sự cao thấp, tham vướng chấp chủ thọ nhận đều gọi là Tỳ-kheo tranh luận. Phật thuyết giảng pháp không có tranh luận. Này Phạm thiên! Người thích hý luận không gì là không tranh luận. Người ưa tranh luận không phải là pháp Sa-môn. Người ưa thích pháp Sa-môn thì không có vọng tưởng.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là Tỳ-kheo tùy thuận nơi Phật ngữ, tùy thuận nơi Phật giáo?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Nếu Tỳ-kheo đối với sự khen chê mà tâm không lay động thì gọi là tùy thuận nơi Phật giáo. Không dựa theo văn tự, lời nói thì gọi là tùy thuận nơi Phật ngữ.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo diệt trừ tướng nơi tất cả các pháp, thì gọi là tùy thuận nơi Phật giáo. Không trái đối với nghĩa lý thì gọi là tùy thuận nơi Phật ngữ.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo giữ gìn đối với pháp gọi là tùy thuận nơi Phật giáo. Không trái với lời Phật dạy gọi là tùy thuận nơi Phật ngữ.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là Tỳ-kheo có thể giữ gìn pháp?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Nếu Tỳ-kheo không trái với sự bình đẳng, không hủy hoại pháp tánh thì gọi là có thể giữ gìn pháp.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là Tỳ-kheo gần gũi Phật?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Nếu Tỳ-kheo đối với các pháp không thấy có pháp hoặc gần, hoặc xa. Đó là Tỳ-kheo thân cận nơi Phật.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là Tỳ-kheo hầu cận Phật?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Nếu Tỳ-kheo đối với thân, miệng, ý không có tạo tác. Đó gọi là Tỳ-kheo hầu cận Phật.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể cúng dường Phật?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Là người không tạo nghiệp tội, phước, không tạo nghiệp vô động.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể thấy Phật?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Là người không tham chấp nơi Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể thấy pháp?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Là người không trái nghịch với các pháp nhân duyên.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể thấy thuận với các pháp nhân duyên?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Là người không khởi ý niệm bình đẳng, không thấy bình đẳng, không sinh, không diệt.

Phạm thiên hỏi:

–Ai đạt được chân trí?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Là người không sinh, không diệt nơi các pháp hữu lậu.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể theo học hỏi giới của Như Lai?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Là người không tạo tác, không thọ nhận, không nắm giữ, không xả bỏ.

Phạm thiên hỏi:

–Ai gọi là chánh hạnh?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Là người không thuận theo ba cõi.

Phạm thiên hỏi:

–Ai là người hiền thiện?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Là người không thọ nhận thân sau.

Phạm thiên hỏi:

–Ai là người an lạc?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Là người không có ý niệm về ta và của ta.

Phạm thiên hỏi:

–Ai được giải thoát?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Là người không hủy hoại trói buộc.

Phạm thiên hỏi:

–Ai là người được độ?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Là người không trụ vào thế gian và Niết-bàn.

Phạm thiên hỏi:

–Tỳ-kheo lậu tận là tận về việc gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Nếu có chỗ để diệt tận thì không gọi là lậu tận. Biết các lậu là tướng không, biết như vậy gọi là lậu tận.

Phạm thiên hỏi:

–Ai là thật ngữ?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Là người lìa các nẻo ngôn luận.

Phạm thiên hỏi:

–Ai là người nhập đạo?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Hàng phàm phu là có nhập đạo. Bậc Thánh hạnh thì nhận biết tất cả pháp hữu vi không từ đâu đến cũng không đi về đâu, tức là không nhập đạo.

Phạm thiên hỏi:

–Ai có thể thấy Thánh đế?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Nếu đối với các pháp không có chỗ thấy thì thấy Thánh đế. Vì sao? Vì theo chỗ có thấy đều là hư vọng. Không có chỗ thấy mới gọi là thật.

Phạm thiên hỏi:

–Không thấy pháp nào gọi là thật đế?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Không thấy tất cả pháp gọi là thật đế.

Phạm thiên hỏi:

–Như vậy, thì thật pháp phải nên tìm cầu gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Nên tìm cầu nơi bốn điên đảo.

Phạm thiên hỏi:

–Ý Bồ-tát nghĩ thế nào mà nói như vậy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Cầu nơi bốn điên đảo là: Không được thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu không được thường thì thường là không, vậy là vô thường. Chỗ nào không được an vui tức là khổ, chỗ nào không ngã tức là vô ngã, chỗ nào không tịnh tức là bất tịnh.

Này Phạm thiên! Các pháp vô ngã đó là Thánh đế. Nếu người cầu thật đế thì người ấy không biết khổ. Nếu người đoạn trừ tập thì người ấy không biết tập. Nếu người thấy diệt thì người ấy không biết diệt. Nếu người cầu đạo thì người ấy không biết đạo.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là tu đạo?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Phạm thiên! Nếu không phân biệt đây là pháp, đây không phải

là pháp, xa lìa hai tướng, gọi là tu đạo. Do như vậy nên cầu tất cả các pháp là không thể thủ đắc. Đó gọi là đạo. Đạo như vậy là không trụ vào thế gian và Niết-bàn. Vì sao? Vì không xa lìa, không đạt đến, mới gọi là Thánh đạo.

Bấy giờ, Phạm thiên Bình Đẳng Hạnh Bà-la-môn Đại Bà-la Tử bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Ưu-bà-tắc quy y Phật, Pháp, Tăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiện nam! Nếu Ưu-bà-tắc không khởi lên hai kiến chấp. Sao gọi là không khởi lên hai kiến chấp? Là không khởi lên ngã kiến và tha kiến. Không khởi lên ngã kiến là không khởi lên Phật kiến. Không khởi lên ngã kiến là không khởi lên Pháp kiến. Không khởi lên ngã kiến là không khởi lên Tăng kiến. Đó gọi là Ưu-bà-tắc quy y Phật, Pháp, Tăng.

Lại nữa, này Thiện nam! Nếu Ưu-bà-tắc không dùng sắc để thấy Phật, không dùng thọ, tưởng, hành, thức để thấy Phật. Đó gọi là Ưu-bà-tắc quy y Phật.

Này Thiện nam! Nếu Ưu-bà-tắc không phân biệt các pháp, không hý luận nơi các pháp. Đó gọi là Ưu-bà-tắc quy y Pháp.

Này Thiện nam! Nếu Ưu-bà-tắc tin pháp vô vi nơi Tăng mà không xa lìa pháp hữu vi để tin pháp vô vi. Đó gọi là Ưu-bà-tắc quy y Tăng.

Lại nữa, này Thiện nam! Nếu Ưu-bà-tắc không kiến chấp nơi Phật, Pháp, Tăng. Đó gọi là Ưu-bà-tắc quy y Phật, Pháp, Tăng.

Bấy giờ, Phạm thiên Bình Đẳng Hạnh Bà-la-môn Đại Bà-la Tử bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Các vị Bồ-tát phát tâm Bồ-đề thì hướng đến nơi nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiện nam! Hướng đến hư không. Vì sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đồng với hư không.

Bình Đẳng Hành thưa với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thế nào là Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiện nam! Nếu Bồ-tát nhận biết tất cả sự phát tâm không phải là phát tâm, tất cả pháp không là pháp, tất cả chúng sinh không phải là chúng sinh. Đó gọi là Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Phạm thiên Bình Đẳng Hạnh Bà-la-môn Đại Bà-la Tử bạch

Phật:

–Bạch Thế Tôn! Gọi là Bồ-tát thì Bồ-tát là gì? Do ý nghĩa gì mà gọi là Bồ-tát?

Đức Phật dạy:

–Này Thiện nam! Nếu Bồ-tát đối với chúng sinh tà định khởi tâm đại Bi, đối với chúng sinh chánh định thấy không khác nhau. Đó gọi là Bồ-tát.

Vì sao? Này Thiện nam! Bồ-tát không vì chúng sinh chánh định, không vì chúng sinh không chánh định mà phát tâm, chỉ vì nhằm độ thoát chúng sinh tà định mà khởi tâm đại Bi, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên gọi là Bồ-tát.

Vì sao? Này Thiện nam! Bồ-tát đối với chúng sinh tà định khởi sinh tâm đại Bi, phát đại nguyện Bồ-đề. Đó gọi là Bồ-tát.

Bấy giờ, Bồ-tát Bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con cũng muốn nói do nghĩa gì mà gọi là Bồ-tát?

Đức Phật dạy:

–Ông cứ nêu bày.

Bồ-tát Bồ-đề nói:

–Ví như người nam hay người nữ thọ tám giới trong một ngày, không hủy phạm, không thiếu sót. Nếu Bồ-tát từ khi mới phát tâm đến khi thành Phật ở trong khoảng thời gian ấy thường tu tịnh hạnh. Đó gọi là Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến khi an tọa nơi đạo tràng tâm không lay động, đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Kiên Ý nói:

–Nếu Bồ-tát thành tựu rốt ráo tâm Từ, thường thương nhớ đến chúng sinh. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Độ Chúng Sinh nói:

–Ví như cầu cống, thuyền bè đưa người qua sông, không có phân biệt, không có mệt mỏi. Nếu Bồ-tát có tâm như vậy mà độ tất cả chúng sinh. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Đoạn Ác Đạo nói:

–Nếu Bồ-tát đối với quốc độ của chư Phật đều đặt chân tới, tức thì tất cả các đường ác đều bị tiêu diệt. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Quan Thế Tự Tại nói:

–Nếu Bồ-tát mà chúng sinh khi gặp tức thì phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại xưng niệm danh hiệu mình liền hết lo sợ. Đó gọi là

Bồ-tát.

Bồ-tát Đắc Thế Chí nói:

–Nếu Bồ-tát chân đi đến đâu đều làm chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới cùng cung điện của ma. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Vô Bì Quyện nói:

–Nếu Bồ-tát với số lượng các kiếp nhiều như cát của sông Hằng làm một ngày, ba mươi ngày như vậy làm một tháng, mười hai tháng như vậy làm một năm. Số năm như thế, nếu hơn trăm ngàn vạn ức kiếp được gặp một Đức Phật. Gặp như vậy cho đến hằng hà sa các Đức Như Lai ở nơi ấy thường thực hành phạm hạnh, tu tập công đức, rồi sau đó mới được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong thời gian ấy không có ngừng nghỉ, tâm không mỏi mệt. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Đạo Sư nói:

–Nếu Bồ-tát đối với các chúng sinh rơi vào tà đạo mà sinh khởi tâm Từ bi lớn, làm cho họ đi vào chánh đạo mà không cần báo đáp. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Đại Di Lâu Sơn nói:

–Nếu Bồ-tát đối với tất cả các pháp tâm không phân biệt, như núi Di Lâu chỉ một màu sắc. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Na-la-diên nói:

–Nếu Bồ-tát không bị tất cả các thứ phiền não phá hoại. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Tâm Lực nói:

–Nếu Bồ-tát suy nghĩ về tất cả các pháp mà thân tâm không bị thương tổn. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Sư Tử Du Bộ Tự Tại nói:

–Nếu Bồ-tát không có lo sợ đối với các luận thuyết, được pháp nhẫn thâm diệu, có thể khiến cho các loại ma, tất cả ngoại đạo đều phải sợ hãi. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Bất Khả Tư Nghì nói:

–Nếu Bồ-tát biết tâm và pháp không thể nghĩ bàn, không chỗ suy nghĩ, không nơi phân biệt. Đó gọi là Bồ-tát.

Thiên tử Thiện Tịch nói:

–Nếu Bồ-tát có thể sống trong tất cả các cung điện của trời mà không có tham nhiễm, cũng không thủ đắc nơi pháp không tham nhiễm. Đó gọi là

Bồ-tát.

Bồ-tát Thật Ngữ nói:

–Nếu Bồ-tát nói ra điều gì thường là chân thật, cho đến ở trong mộng cũng không nói dối. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Hỷ Kiến nói:

–Nếu Bồ-tát có thể thấy tất cả các sắc đều là màu sắc của Phật. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Thường Bi nói:

–Nếu Bồ-tát thấy chúng sinh bị rơi trong cõi sinh tử đau khổ, không vui thích đối với tất cả các điều an lạc của bản thân, chỉ trừ pháp lạc và thường giáo hóa chúng sinh. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Tâm Vô Ngại nói:

–Nếu Bồ-tát có thể đối với tất cả chúng ma phiền não mà không sân hận. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Thường Hỷ Căn nói:

–Nếu Bồ-tát thường dùng hỷ căn để tự thỏa mãn ước nguyện của mình và thỏa mãn ước nguyện của người khác, mọi điều đã làm xong. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Tám Nghi Hối nói:

–Nếu Bồ-tát đối với tất cả các pháp tâm không nghi ngờ. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Sư Tử Đồng Tử nói:

–Nếu Bồ-tát cũng không phải là pháp nam cũng không phải là pháp nữ, mà hiện ra đủ các loại sắc thân để thành tựu lợi ích cho các chúng sinh. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Bảo Nữ nói:

–Nếu Bồ-tát đối với các ngọc báu không sinh tâm tham nhiễm mà chỉ ưa thích Tam bảo. Đó gọi là Bồ-tát.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư-đạt-đa nói:

–Nếu Bồ-tát có sở đắc tức là không có Bồ-đề. Nếu không thủ đắc tất cả pháp, không sinh nơi tất cả pháp, không diệt nơi tất cả pháp. Đó gọi là Bồ-tát.

Đại Hiền sĩ Bạt-đà-ba-la nói:

–Nếu Bồ-tát có các chúng sinh nghe đến danh hiệu mình liền quyết định phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Đó gọi là Bồ-tát.

Đồng tử Bảo Nguyệt nói:

–Nếu Bồ-tát thường có thể tu hành phạm hạnh đồng tử, cho đến tâm không còn nhớ tới năm dục, huống gì là thân còn thọ hưởng. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Đao-lợi Thiên tử Mạn-đà-la Hoa Hương nói:

–Nếu Bồ-tát trì giới, tâm thường huân tập các hương của pháp thiện công đức, không lưu giữ các loại hương thơm khác. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Tác Hỷ nói:

–Nếu Bồ-tát vui thích nơi ba pháp. Đó là cúng dường Phật, giữ gìn chánh pháp, giáo hóa chúng sinh. Đó gọi là Bồ-tát.

Phạm thiên Thắng Tư Duy nói:

–Nếu Bồ-tát thấy tất cả pháp đều là Phật pháp. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Di-lặc nói:

–Nếu Bồ-tát khi chúng sinh nhìn thấy liền có thể nhập vào Tam-muội Đại Từ. Đó gọi là Bồ-tát.

Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi nói:

–Nếu Bồ-tát tuy thuyết giảng các pháp mà không dấy khởi tưởng về pháp, tưởng về ngã, tưởng về kẻ khác. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Võng Minh nói:

–Nếu Bồ-tát với ánh sáng có thể diệt trừ tất cả các phiền não tối tăm của hết thảy chúng sinh. Đó gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Phổ Hoa nói:

–Nếu Bồ-tát thấy khắp mười phương thế giới của chư Phật nở đầy các loài hoa tươi đẹp. Đó gọi là Bồ-tát.

Các vị Bồ-tát như thế là tùy theo chỗ ưa thích của mình mà nêu bày biện tài vừa xong.

Bấy giờ, Phật bảo Phạm thiên Bình Đẳng Hạnh Bà-la-môn Đại Bà-la Tử:

–Này Phạm thiên! Nếu Bồ-tát có thể đại diện cho các chúng sinh lãnh chịu các thứ khổ não, lại có thể xả bỏ tất cả phước báo, đem cho các chúng sinh. Đó gọi là Bồ-tát.

Phạm thiên Thắng Tư Duy hỏi Phạm thiên Bình Đẳng Hạnh Bà-la-môn Đại Bà-la Tử:

–Này Thiện nam! Nay ông thực hành pháp gì?

Đáp: Thưa Phạm thiên! Các chúng sinh hành theo tất cả pháp hữu vi

gì, thì tôi hành như vậy.

Phạm thiên hỏi:

–Các chúng sinh dùng gì để hành tất cả pháp hữu vi?

Đáp: Thưa Phạm thiên! Đó là chỗ hành của chư Phật, là tất cả pháp hữu vi mà các chúng sinh hành.

Phạm thiên hỏi:

–Chư Phật thực hành những gì?

Đáp: Thưa Phạm thiên! Chư Phật dùng Đệ nhất nghĩa không để hành.

Phạm thiên hỏi:

–Này Thiện nam! Nếu chỗ hành của tất cả phàm phu cũng là nẻo hành của chư Phật. Vậy Phật và chúng sinh không có khác nhau sao?

Phạm thiên Bình Đẳng Hạnh Bà-la-môn Đại Bà-la Tử thưa:

–Thưa Phạm thiên! Ông muốn khiến cho không trung có sự sai khác sao?

Phạm thiên đáp: Không.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi Phạm thiên Thắng Tư Duy:

–Này Phạm thiên! Như Lai lẽ nào đã không giảng nói tất cả pháp không sao?

Phạm thiên đáp:

–Đúng vậy!

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Phạm thiên! Vì thế tất cả các pháp không có sai khác và các hành tướng ấy cũng lại không có tướng sai biệt. Cho nên Như Lai không nói các pháp có nhiều hình tướng.

Phạm thiên Bình Đẳng Hạnh Bà-la-môn Đại Bà-la Tử hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như những lời của hành giả giảng nói thì những gì gọi là hành?

Đáp: Này Thiện nam! Người nào dù bất cứ ở đâu đều có bốn chánh hạnh, thì người đó gọi là hành xứ phạm hạnh.

Này Thiện nam! Những người nào hành bốn phạm hạnh, thì những người ấy gọi là thành tựu phạm hạnh.

Này Thiện nam! Tuy ở giữa đồng trống vắng vẻ mà xa lìa phạm hạnh thì người ấy không được gọi là thành tựu phạm hạnh và cũng không phải khéo nhận biết phạm hạnh.

Này Thiện nam! Nếu có người tuy ở lâu đài tốt đẹp, giường bằng vàng bạc, áo nệm sang trọng mà thành tựu được phạm hạnh, thì người ấy mới đích thật là thành tựu phạm hạnh, thật là khéo nhận biết phạm hạnh.

Phạm thiên hỏi:

–Nếu thấy rõ về ngã kiến thì không phải là trí kiến sao?

Đáp: Này Thiện nam! Đúng vậy, đúng vậy! Này Thiện nam! Nếu thấy rõ về ngã kiến thì người ấy không phải là trí kiến.

Này Thiện nam! Như người khéo nhận biết đúng như thật về tánh của vàng tức biết nó mềm mại hay không mềm mại. Cũng vậy, thấy ngã thì có thể là trí thanh tịnh.

Phạm thiên hỏi:

–Vì sao nói là ngã kiến:

Đáp: Này Thiện nam! Do vô ngã nên thể của pháp mới thường. Này Thiện nam! Ngã thường không có bản thể thì xưa nay không thành. Do ngã như vậy nên cuối cùng quyết định nói là ngã.

Hỏi: Như tôi hiểu về ý nghĩa của pháp mà Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giảng nói: Là thấy ngã tức thấy Phật. Vì sao? Vì thể của ngã và thể của Phật là không có sai khác.

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Những người nào có thể thấy được Như Lai?

Đáp: Này Thiện nam! Nếu có thể không cải đổi về tướng của ngã kiến. Vì sao? Vì ngã kiến, pháp kiến, Phật kiến đều là bình đẳng.

Hỏi: Phải chăng có chỗ vô sở hành mới được gọi là chánh hạnh chăng?

Đáp: Có. Này Thiện nam! Nếu không hành nơi tất cả pháp hữu vi thì đó gọi là chánh hạnh.

Hỏi: Hành như thế nào gọi là chánh hạnh?

Đáp: Này Thiện nam! Nếu chẳng vì nhận biết mà hành, không vì đoạn trừ mà hành, không vì chứng đắc mà hành, không vì tu tập mà hành, đó gọi là chánh hạnh.

Hỏi: Có người không gặp Phật mà có Tuệ nhãn thanh tịnh chăng?

Đáp: Có. Này Thiện nam! Chư Phật Như Lai không thấy hai tướng. Vậy người kia tức có Tuệ nhãn thanh tịnh.

Hỏi: Tuệ nhãn thấy được những pháp gì?

Đáp: Này Thiện nam! Nếu chỉ thấy một pháp thì không gọi là Tuệ

nhãn. Này Thiện nam! Tuệ nhãn không thấy các pháp hữu vi, cũng không thấy các pháp vô vi. Vì sao? Vì tuệ Bát-nhã không có phân biệt. Do ý nghĩa này nên Bát-nhã không thấy có các pháp hữu vi. Bát-nhã là pháp vô vi cũng vượt hơn Tuệ nhãn, cho nên không thấy.

Hỏi: Có Tỳ-kheo chánh hạnh mà không chứng đắc đạo quả chăng?

Đáp: Có.

Này Thiện nam! Ở trong chánh hạnh không có quả, không có chứng đắc cũng không có chánh hạnh, ở đó cũng không tu hành một pháp.

Này Thiện nam! Ở trong chánh hạnh cũng không có quả để có thể chứng đắc. Vì không có phân biệt.

Này Thiện nam! Không chứng đắc một pháp nào mới gọi là chứng đắc. Này Thiện nam! Nếu phân biệt mà nói ta có chỗ chứng đắc, thì người ấy là ngã mạn. Do trong chánh hạnh không có tăng thượng mạn. Do không có tăng thượng mạn nên không chứng, không đắc.

Hỏi: Vì đắc pháp gì mà gọi là đắc đạo?

Đáp: Này Thiện nam! Do những pháp gì không sinh, xưa nay không sinh và sau này cũng không sinh. Vì chứng đắc pháp ấy nên gọi là thật pháp.

Hỏi: Nếu pháp không sinh, sao có các pháp để chứng?

Đáp: Này Thiện nam! Nếu biết pháp không sinh, tức nói biết pháp ấy. Đó gọi là chứng pháp. Thấy các pháp hữu vi tất cả đều không sinh thì đấy gọi là chứng đắc chánh định.

Hỏi: Vì sao gọi là chứng đắc chánh định?

Đáp: Này Thiện nam! Ta và Niết-bàn bình đẳng không hai, không có sai biệt cho nên gọi là chứng đắc chánh định. Tùy theo chánh định mà gọi là chứng đắc chánh định. Do chứng đắc rốt ráo pháp bình đẳng nên nói là chánh định.

Lại nữa, do hiểu rõ được nghĩa lý nên nói là chánh định, do không hý luận nơi các Tam-muội nên nói là chánh định.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, lành thay! Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Như Lai rất vui với những lời giảng nói của ông.

Đúng vậy, đúng vậy! Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Lúc ông giảng nói pháp này có bảy ngàn Tỳ-kheo không thọ nhận các pháp, lậu hoặc đã diệt tận và tâm được giải thoát. Lại có ba vạn hai ngàn chư Thiên xa lìa trần cấu, ở trong các pháp đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Lại có mười ngàn

người lìa dục được định. Lại có hai trăm người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Phạm thiên Thắng Tư Duy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi này có thể làm nhiều việc Phật để tạo lợi ích cho chúng sinh, khiến vô lượng chúng sinh hội nhập trong Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện nam! Ông cũng làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh, khiến họ vào Niết-bàn.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Phạm thiên! Theo ông, chúng sinh có số lượng không?

Đáp: Không.

Hỏi: Này Phạm thiên! Như Lai có nói về chúng sinh không? Lại có chúng sinh, có thể tánh của chúng sinh không?

Đáp: Không.

Hỏi: Này Phạm thiên! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có sinh có diệt không?

Đáp: Không.

Hỏi: Này Phạm thiên! Nếu là như vậy thì các chúng sinh nào Đức Như Lai khiến họ nhập nơi Niết-bàn?

Đáp: Do các pháp tánh. Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thuyết pháp như vậy là không có thế gian, không có Niết-bàn.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Phạm thiên! Đúng vậy, đúng vậy, Đức Như Lai không thấy thế gian, không chấp nơi Niết-bàn.

Này Phạm thiên! Đức Như Lai giáo hóa các đệ tử Thanh văn, thì họ cũng không thấy thế gian, cũng không thấy Niết-bàn. Này Phạm thiên! Nói Niết-bàn chỉ là trên ngôn từ, thật ra không có người hành pháp thế gian, cũng không có người hành pháp Niết-bàn.

Phạm thiên hỏi:

–Các ngôn từ được nói ra là tranh luận, như những ngôn từ này nói về những pháp gì?

Đáp: Này Phạm thiên! Đó là hý luận và không nói đến chúng sinh. Này Phạm thiên! Nếu có hý luận, vậy là thường không ngã mạn. Do ý nghĩa ấy, nên ở trong chỗ không có vật mà hý luận. Do nhận biết không thật có

hý luận nên không thấy hý luận. Nếu không thấy hý luận thì biết là người ấy không hành theo pháp thế gian. Nếu không hành theo pháp thế gian tức là không dị kiến. Vì không dị kiến nên nói là Niết-bàn.

Phạm thiên hỏi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Gọi là nhập Niết-bàn thì do những đối trị gì mà gọi là Niết-bàn?

Đáp: Nhập Niết-bàn là nhân duyên này và nhân duyên khác không cùng hòa hợp, không vọng khởi vô minh, không hành pháp thế gian. Không khởi hành tức là không sinh. Nếu không sinh tức gọi là Niết-bàn. Nếu không dấy khởi các hành tức gọi là tịch tĩnh. Do vậy gọi là chứng đắc Thánh đạo. Do thường không sinh như thế gọi là thuyết giảng về bốn Thánh đế.

Bấy giờ, Phạm thiên Bình Đẳng Hạnh Bà-la-môn Đại Bà-la Tử thưa với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như những lời Bồ-tát giảng nói đều là chân thật chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Thiện nam! Tất cả ngôn từ thuyết giảng đều chân thật.

Phạm thiên hỏi:

–Vậy lời nói hư vọng cũng là chân thật sao?

Đáp: Đúng vậy, vì sao?

Này Thiện nam! Các ngôn từ thuyết giảng đều hư vọng, không có xứ sở, không có phương hướng. Nếu pháp hư vọng không có xứ sở, không có phương hướng, tức là chân thật. Vì ý nghĩa ấy nên tất cả ngôn thuyết đều là chân thật.

Này Thiện nam! Lời nói của Đề-bà-đạt-đa và lời nói của Như Lai không có khác nhau. Vì sao? Vì ngôn từ của các cõi, tất cả đều là lời nói của Như Lai. Nếu không phải như vậy thì ngôn từ của các cõi với những sự việc nói ra, tất cả đều không có đối tượng để giảng nói. Nếu có gì để giảng nói thì tất cả lời nói đều là giống nhau. Văn tự cũng đồng nên văn tự cũng rỗng lặng.

Hỏi: Như Lai có thể không nói ngôn ngữ phàm phu, ngôn ngữ Hiền thánh sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Đúng vậy! Này Thiện nam! Như Lai không thể dùng văn tự, lời nói của bậc thánh nhân để thuyết pháp.

–Vậy phàm phu cũng dùng văn tự, chương cú để giảng nói sao?

Đáp: Đúng vậy!

Hỏi:Đây là văn tự, ngôn ngữ của hàng phàm phu, đây là văn tự ngôn ngữ của thánh nhân. Vậy văn tự ngôn ngữ có phân biệt chăng?

–Không.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Thiện nam! Văn tự, ngôn ngữ như thế gọi là chữ, chương, câu, không có phân biệt, không có chỗ phân biệt. Do vậy, tất cả thánh nhân đều xa lìa phân biệt, cho nên Thánh nhân không có tên gọi. Những việc làm của bậc Thánh nhân ở ngoài tướng của ngôn từ, cũng ngoài tướng của pháp, ngoài tướng của chúng sinh. Giống như loa trống do các duyên hòa hợp mà có âm thanh, nên các âm thanh này không có phân biệt.

Này Thiện nam! Do vậy mà các bậc Thánh nhân khéo biết tất cả các nhân duyên, đối với các ngôn ngữ đều là bình đẳng không có phân biệt.

Bồ-tát Bình Đẳng Hạnh nói:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như điều Phật dạy là đại chúng vân tập lại nên làm hai việc: Một là thuyết pháp đúng như thật; hai là im lặng như bậc Thánh.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiện nam! Nếu thuyết pháp mà không trái với Phật, Pháp, Tăng thì gọi là thuyết pháp như thật. Nếu biết pháp tức là Phật, xa lìa tướng tức là Pháp, vô vi tức là Tăng. Đó gọi là im lặng như bậc Thánh.

Lại nữa, này Thiện nam! Nếu nương vào bốn Niệm xứ mà giảng nói thì gọi là thuyết pháp như thật. Nếu đối với tất cả các pháp không có chỗ nhớ nghĩ thì gọi là im lặng như bậc Thánh. Nếu nương vào bốn chánh cần mà giảng nói thì gọi là thuyết pháp như thật. Đối với bình đẳng mà không tạo bình đẳng, cũng không phải là không tạo bình đẳng thì gọi là im lặng như bậc Thánh. Nếu nương vào bốn Như ý túc mà giảng nói thì gọi là thuyết pháp như thật. Nếu không xả bỏ thân, khẩu, ý thì gọi là im lặng như bậc Thánh. Nếu nương vào năm Căn, năm Lực mà giảng nói thì gọi là thuyết pháp như thật. Nếu không tùy theo lời nói của người khác mà có sự tin tưởng không chấp thủ, không xả bỏ nên phân biệt rõ về các pháp nhất tâm an trú, không nhớ nghĩ trong từng niệm, nên tin các pháp tự tánh là thanh tịnh, xa lìa tất cả hý luận, các hành của nhân duyên thì gọi là im lặng như bậc Thánh. Nếu nương vào bảy Bồ-đề phần mà giảng nói thì gọi là thuyết pháp như thật. Thường hành tâm xả không có phân biệt, không tăng không giảm thì gọi là im lặng như bậc Thánh. Nếu nương vào tám Thánh đạo mà giảng nói thì gọi là thuyết pháp như thật. Nếu nhận biết tướng của các pháp

giống như chiếc bè, không nương vào pháp hành, không nương vào chẳng phải là pháp hành, thì gọi là im lặng như bậc Thánh.

Này Thiện nam! Ở trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo, có thể dùng ngôn ngữ để tạo lập trình bày, phân biệt, thuyết giảng thì gọi là thuyết pháp như thật. Do thuyết giảng đúng như thật nên được gọi là thuyết pháp như thật. Nếu thân chứng đắc pháp mà không xa lìa tự thân để thấy pháp, cũng không xa lìa pháp để thấy thân, quan sát như vậy mà không thấy hai tướng, không thấy không hai tướng. Cho nên hiện tiền thấy mà không thấy, thì gọi là im lặng như bậc Thánh.

Lại nữa, này Thiện nam! Nếu không vọng tưởng chấp vào ta, cũng không vọng tưởng chấp vào người, không vọng tưởng chấp vào pháp, phi pháp, không phải phi pháp mà giảng nói thì gọi là thuyết pháp như thật. Nếu chứng được cái gọi là không thể nói pháp, có thể xa lìa tất cả danh tự, ngôn ngữ, âm thanh, đạt tới chỗ bất động, xa lìa tâm hành thì gọi là im lặng như bậc Thánh.

Lại nữa, này Thiện nam! Nếu đối với tất cả chúng sinh mà biết các căn, các lực, theo như vậy mà thuyết pháp thì gọi là thuyết pháp như thật. Nếu thường ở trong tâm định không tán loạn, thì gọi là im lặng như bậc Thánh.

Bấy giờ, Phạm thiên Bình Đẳng Hạnh Bà-la-môn Đại Bà-la Tử bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như ý nghĩa thuyết pháp của Bồ-tát, theo tôi hiểu thì các Thanh văn, Bích-chi-phật… tất cả đều không có thuyết pháp như thật, không có im lặng như bậc Thánh. Vì sao? Vì không thể nhận biết rõ căn tánh lanh lợi và chậm chạp của tất cả chúng sinh, lại cũng không thường ở trong định.

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế gian nếu có dùng ngôn ngữ chân thật để thưa hỏi nêu bày. Vậy thì ai là thế gian thuyết pháp như thật? Ai là thế gian im lặng như bậc Thánh?

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Phải nên nói là của chư Phật, vì lời nói chân chánh là của chư Phật. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai đầy đủ các căn, các lực, khéo nhận biết căn tánh lanh lợi, chậm chạp của mọi chúng sinh thường an trụ trong định.

Đức Phật dạy:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đúng vậy, đúng vậy, như điều Phạm thiên Bình Đẳng Hạnh nói, Như Lai chỉ có hai pháp này.

Bấy giờ, Trưởng lão Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đã từng nghe từng thọ trì lời Phật dạy rằng: Các ông vân tập lại nên làm hai việc:

1. Thuyết pháp như thật.

2. Im lặng như bậc Thánh.

Bạch Thế Tôn! Nếu là hàng Thanh văn thì không thể thực hành. Tại sao Như Lai bảo các vị Tỳ-kheo hành thuyết pháp như thật? Hành Thánh mặc nhiên?

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu hàng Thanh văn không nghe từ người khác thì có thể thuyết pháp như thật, như Thánh mặc nhiên không?

Trưởng lão Tu-bồ-đề đáp:

–Dạ không.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Nên biết tất cả hàng Thanh văn, Bích-chi-phật thảy đều không có thuyết pháp như thật, không có Thánh mặc nhiên.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Thưa Trưởng lão Tu-bồ-đề! Đức Như Lai biết rõ tám vạn bốn ngàn nẻo tâm hành của chúng sinh. Vậy Trưởng lão có biết không? Ở trong đây Trưởng lão là người có trí tuệ, tùy chỗ ứng hợp mà thuyết giảng pháp chăng?

Đáp: Không thể.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Trưởng lão Tu-bồ-đề! Nay có thể nhập vào Tam-muội quan sát tâm của tất cả chúng sinh, có thể thông đạt tâm cùng tâm sở hành của hết thảy chúng sinh, tâm mình tâm người không hề bị chướng ngại chăng?

Đáp: Không thể.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Đức Như Lai hiểu rõ tám vạn bốn ngàn nẻo tâm hành của chúng sinh, tùy theo chỗ ứng hợp mà thuyết pháp dược, lại thường ở trong định với tướng bình đẳng, tâm không lay động, nên thường thông đạt tâm và tâm sở hành của tất cả chúng sinh. Không suy nghĩ, không có chướng ngại. Trưởng lão Tu-bồ-đề nay có thể như vậy được không?

Đáp: Không thể.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như Lai biết rõ tám vạn bốn ngàn nẻo tâm hành của chúng sinh mà

thuyết pháp dược đúng như thật, thường ở trong định với tướng bình đẳng, tâm không lay động, cũng thường thông đạt tâm và tâm sở hành của tất cả chúng sinh, không suy nghĩ, không có chướng ngại.

Này Trưởng lão Tu-bồ-đề! Vì thế nên biết, tất cả hàng Thanh văn, Bích-chi-phật không phải thuộc về cảnh giới ấy.

Thưa Trưởng lão Tu-bồ-đề! Hoặc có chúng sinh nhiều dâm dục, do quán tịnh nên được giải thoát, không dùng quán bất tịnh, chỉ Phật mới có thể nhận biết. Hoặc có chúng sinh nhiều sân hận, do quán tội lỗi mà được giải thoát, không dùng quán tâm Từ, chỉ Phật mới có thể nhận biết. Hoặc có chúng sinh nhiều ngu si, do không cộng ngữ mà được giải thoát, không dùng việc thuyết pháp, chỉ Phật mới có nhận biết. Hoặc có chúng sinh đủ cả tham, sân, si. Không dùng quán tịnh, không dùng quán bất tịnh, không quán tội lỗi, không dùng tâm Từ, không dùng bất cộng ngữ, không dùng thuyết pháp mà được giải thoát. Tùy theo căn tánh mà dùng các pháp bình đẳng để thuyết pháp làm cho họ được giải thoát, chỉ Phật mới có thể nhận biết.

Vì thế, thưa Trưởng lão Tu-bồ-đề! Phật là thuyết pháp như thật đệ nhất, như Thánh mặc nhiên đệ nhất.

Bấy giờ, Trưởng lão Tu-bồ-đề nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu các hàng Thanh văn, Bích-chi-phật không thể thuyết pháp như thật như vậy, không thể Thánh mặc nhiên như vậy thì các Đại Bồ-tát có thể thành tựu công đức thuyết pháp như thật, như Thánh mặc nhiên chăng?

Đáp: Chỉ Phật mới có thể nhận biết.

Phật bảo Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Có pháp Tam-muội tên là "Vào tất cả ngôn ngữ, tâm không tán loạn". Các vị Bồ-tát nếu có thể thành tựu được Tam-muội này, thì tất cả đều đạt được công đức như vậy.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Bồ-tát Bình Đẳng Hạnh:

–Này Thiện nam! Vì các chúng sinh có tám vạn bốn ngàn nẻo tâm hành, nên phải nói tám vạn bốn ngàn pháp tạng. Đó gọi là thuyết pháp như thật. Thường ở trong định diệt thọ, tưởng, hành nên gọi là Thánh mặc nhiên.

Này Thiện nam! Nếu tôi trọn một kiếp hoặc hơn một kiếp mà giảng nói về hai nghĩa lý của tướng thuyết pháp như thật và Thánh mặc nhiên thì cũng không thể hết, mà với biện tài thuyết pháp cũng không thể nào hết được.

Khi ấy, Phật bảo Bồ-tát Bình Đẳng Hạnh:

–Này Thiện nam! Trong thời quá khứ cách đây vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp, có Đức Phật ra đời, tên là Phổ Quang gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Kiếp ấy tên là Danh xưng, quốc độ tên Hỷ kiến. Trong quốc độ ấy được trang nghiêm bằng bảy thứ báu quý, hàng trời, người giàu có, an vui, đông đúc không có các thứ sợ hãi.

Này Thiện nam! Quốc độ Hỷ kiến của Phật Phổ Quang Như Lai có bốn trăm ức cõi bốn thiên hạ, mỗi mỗi cõi bốn thiên hạ rộng đến tám vạn bốn ngàn do-tuần, nơi đó có các thành ấp rộng lớn bằng phẳng một do-tuần đều dùng các thứ ngọc quý trang trí. Trong mỗi thành ấp đều có hai vạn năm ngàn thôn xóm bao quanh. Nơi mỗi thôn xóm lại có vô lượng trăm ngàn vạn dân chúng với đời sống giàu có, an lạc, mọi người thấy được màu sắc và hình tượng của quốc độ ấy, ai cũng vui mừng và được Tam-muội niệm Phật. Nên quốc độ ấy có tên là Hỷ kiến. Nếu các vị Bồ-tát của mười phương thế giới khác đến quốc độ này cũng đều được an vui, ở các quốc độ khác không thể sánh bằng nên có tên gọi là Hỷ kiến.

Này Thiện nam! Phật Phổ Quang dùng giáo pháp ba Thừa để giảng dạy cho đệ tử, cũng luôn giảng nói rộng giáo pháp như vậy, hoặc thuyết pháp như thật, hoặc Thánh mặc nhiên.

Này Thiện nam! Bấy giờ, quốc độ của Phật Dược Vương nơi phương trên có hai vị Bồ-tát tên là Vô Tận Ý và Ích Ý đi đến quốc độ Hỷ Kiến của Đức Phật Phổ Quang, cúi đầu đảnh lễ, nhiễu quanh theo bên phải ba vòng, rồi cung kính chắp tay đứng qua một bên. Khi ấy, Phật Phổ Quang phân biệt giảng nói rộng về Tam-muội Tịnh minh cho hai vị Bồ-tát như sau:

–Này Thiện nam! Vì sao gọi là Tam-muội Tịnh minh? Này Thiện nam! Nếu Bồ-tát nhập vào Tam-muội này tức thì có thể xa lìa các pháp phiền não ở trong pháp của chư Phật, đạt được ánh sáng thanh tịnh nên gọi là Tam-muội Tịnh minh.

Lại nữa, ở quá khứ tất cả pháp đều thanh tịnh, vị lai tất cả pháp đều thanh tịnh, hiện tại tất cả pháp đều thanh tịnh, ba đời các pháp đều thanh tịnh rốt ráo. Cho nên nói tất cả các pháp tự tánh thanh tịnh, thường thanh tịnh. Vì sao tự tánh của các pháp thanh tịnh? Vì tự tánh của tất cả các pháp là không, là xa lìa tất cả các pháp có chỗ chứng đắc. Vì tự tánh của tất cả các pháp là vô tướng, là xa lìa sự phân biệt của tất cả các pháp. Vì tự tánh của tất cả các pháp là vô nguyện, là do tất cả pháp không nắm giữ, không

xả bỏ, không cầu mong, không có tham muốn, vì các pháp tự tánh là rốt ráo xa lìa nên gọi các pháp tánh thường thanh tịnh. Tánh thế gian như thế nào thì tánh Niết-bàn cũng vậy đều cùng pháp tánh ấy. Tánh Niết-bàn như thế nào thì tất cả các pháp cũng đồng tánh như thế ấy. Cho nên nói tất cả các pháp tự tâm tánh thanh tịnh.

Này Thiện nam! Ví như hư không nếu thọ nhận sự cấu nhiễm là điều không thể có. Tâm tánh cũng như vậy, nếu bị cấu nhiễm là điều không thể có.

Này Thiện nam! Ví như hư không tuy bị khói, bụi, mây, sương che phủ, cho nên không được trong sáng, nhưng tánh của nó không bị ô nhiễm.

Này Thiện nam! Nếu tánh của hư không mà bị ô nhiễm thì rốt cuộc không gọi là thanh tịnh. Do không hề bị nhiễm nên mới gọi là hư không.

Này Thiện nam! Tuy các chúng sinh có các hành không chánh niệm mà khởi lên các phiền não, nhưng tự tánh của tâm là thường thanh tịnh, không có cấu nhiễm. Nếu người cấu nhiễm tâm thường uế bẩn không được thanh tịnh. Do không cấu nhiễm nên tự tánh thanh tịnh, tâm được giải thoát.

Này Thiện nam! Đó gọi là nhập vào Tam-muội Tịnh minh.

Phật Phổ Quang giảng nói cho hai vị Bồ-tát nghe rõ về pháp môn này. Hai vị Bồ-tát lãnh hội Tam-muội ấy liền ở trong các pháp chứng đắc Pháp quang minh không thể nghĩ bàn.

-oOo-

KINH THẮNG TƯ DUY PHẠM THIÊN
SỞ VẤN

QUYỂN 5

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Tận Ý bạch Đức Như Lai Phổ Quang:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con đã nghe pháp môn hội nhập Tam-muội Tịnh minh. Vậy chúng con nên thực hành pháp môn này như thế nào?

Khi ấy, Phật Phổ Quang bảo Bồ-tát Vô Tận Ý:

–Này Thiện nam! Có hai phương pháp các ông nên thực hành. Đó là: Thuyết pháp đúng như thật và Thánh mặc nhiên.

Bấy giờ, hai vị Bồ-tát vâng lời dạy bảo của Phật, cúi đầu đảnh lễ, đi nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi hướng đến cái hồ rất đẹp ở trong một vườn cây, tự dùng thần lực của mình hóa ra một tòa lâu đài bằng châu báu và ở đấy tu tập.

Lúc ấy, có Phạm thiên tên là Diệu Quang cùng bảy vạn hai ngàn Phạm thiên khác đến cúi đầu đảnh lễ hai vị Bồ-tát ấy rồi thưa:

–Thưa hai vị Bồ-tát: Đức Như Lai Phổ Quang dạy: "Đại chúng vân tập thì nên thực hành hai việc: Hoặc thuyết pháp đúng như thật, hoặc Thánh mặc nhiên".

Thưa hai vị Bồ-tát! Thế nào là thuyết pháp đúng như thật và thế nào là Thánh mặc nhiên?

Hai vị Bồ-tát dạy:

–Này Phạm thiên! Các ông hãy chú ý lắng nghe, ta sẽ giải thích cho: Như lời các ông vừa hỏi, thì chỉ có Phật mới thông suốt hết được. Tuy là như vậy nhưng hai vị Bồ-tát cũng lấy ý nghĩa của hai câu ấy để giải thích cho chúng Phạm thiên. Khi đó bảy vạn hai ngàn Phạm thiên đều được pháp Nhẫn vô sinh, còn Phạm thiên Diệu Quang chứng được Tam-muội Phổ quang.

Lúc này, hai vị Bồ-tát trải qua suốt bảy vạn sáu ngàn năm, dùng năng lực biện tài vô ngại để trả lời câu hỏi về thuyết pháp đúng như thật và Thánh mặc nhiên. Trong thời gian đó, hai vị Bồ-tát hỏi đáp, giải thích không hề

dừng nghỉ mà cũng không nêu bày hết nghĩa lý.

Bấy giờ, ở giữa không trung có tiếng dạy bảo của Đức Như Lai Phổ Quang:

–Này hai vị Bồ-tát! Các ông chớ nên dùng ngôn thuyết mà mãi luận bàn, vì các sự luận bàn đều như là tiếng vang, do vậy sự luận bàn ấy không có lợi ích gì. Cho dù các ông có được biện tài vô ngại và Đà-la-ni vô tận thì trong một kiếp, hoặc trăm kiếp luận bàn về hai câu ấy cũng không cùng tận.

Này hai vị Bồ-tát! Pháp của chư Phật là tướng tịch diệt, là đệ nhất nghĩa, ở trong tịch tĩnh mà tịch tĩnh rốt ráo, không văn tự, không nghĩa lý, không thể diễn bày. Hễ có diễn bày đều là vô nghĩa. Do đấy, hai vị hãy nương vào ý nghĩa ấy, chớ nương vào văn tự.

Bấy giờ, hai vị Bồ-tát nghe lời Đức Phật Phổ Quang chỉ dạy liền im lặng không còn luận bàn.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện nam! Vì ý nghĩa ấy, nên Bồ-tát phải biết: Nếu dùng biện tài để thuyết pháp thì trăm ngàn vạn kiếp, hoặc hơn trăm ngàn vạn kiếp cũng không thể cùng tận.

Này Thiện nam! Ý các ông thế nào? Hai vị Bồ-tát kia đâu phải là người xa lạ. Bồ-tát Vô Tận Ý nay là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, còn Bồ-tát Ích Ý nay chính là thân ông, Phạm thiên Diệu Quang Thắng Tư Duy đó.

Bấy giờ, Bồ-tát Bình Đẳng Hành bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hiếm có, sự giác ngộ của chư Phật là lợi ích lớn khiến cho chúng sinh theo lời chỉ dạy tinh tấn tu hành, chứng được Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn! Chúng sinh do lười biếng, không thể như lời chỉ dạy của Ngài mà tu hành, tuy gặp trăm ngàn vạn Đức Phật cũng không thu đạt lợi ích gì. Do vậy nên biết, nhờ sự siêng năng tinh tấn tu hành mới được giác ngộ.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi Phạm thiên Bình Đẳng Hạnh Bà-la-môn Đại Bà-la Tử:

–Này Thiện nam! Ông biết Bồ-tát tu tập như thế nào gọi là siêng năng tinh tấn?

Đáp: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu Bồ-tát có thể chứng đắc được Thánh đạo mới gọi là siêng năng tinh tấn chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Bồ-tát tu hành như thế nào để có thể chứng đắc Thánh đạo?

Đáp: Nếu đối với các pháp không có phân biệt hành hóa như thế thì Bồ-tát có thể chứng đắc Thánh đạo.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Thế nào gọi là chứng đắc Thánh đạo?

Đáp: Nếu Bồ-tát tu hành ở trong sự bình đẳng xem các pháp đều bình đẳng, tức gọi là đã chứng đắc Thánh đạo.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Thiện nam! Gọi là bình đẳng thì có thể thấy được sao?

Đáp: Không! Vì sao? Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu pháp bình đẳng có thể thấy được thì không phải là bình đẳng. Nếu có thể không thấy các pháp bình đẳng tức gọi là thấy được bình đẳng.

Bấy giờ, Phạm thiên Thắng Tư Duy hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Bồ-tát! Các pháp bình đẳng có thể thấy được không?

Đáp: Này Phạm thiên! Không thể thấy, nếu thấy bình đẳng tức là cái thấy không bình đẳng.

Phạm thiên hỏi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu Bồ-tát tu hành đối với tướng bình đẳng của tất cả các pháp mà không thấy các pháp, tức gọi là đã chứng đắc Thánh đạo.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Tại sao không thấy?

Đáp: Do xa lìa hai tướng nên không thấy. Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nhờ không thấy như vậy tức là chánh kiến.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Ở trong thế gian ai có thể có cái thấy bình đẳng?

Đáp: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đó là chư Phật Như Lai.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Làm sao có thể thấy?

Đáp: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như đối với chân như của sắc không khởi lên một tưởng nào khác, thì chân như của thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy, không khởi lên một tưởng nào khác. Như năm ấm bình đẳng nên gọi là thấy bình đẳng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Thế nào gọi là thế gian?

Đáp: Diệt tận là thế gian.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Nếu diệt tận là thế gian, thì tướng của thế gian là diệt tận sao?

Đáp: Tướng của thế gian thì không thể diệt tận.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Vì ý nghĩa gì mà nói thế gian là tướng diệt tận?

Đáp: Thế gian rốt ráo là tướng diệt tận. Do ý nghĩa ấy nên tướng là không thể diệt tận. Vì sao? Vì là diệt tận thì không thể lại diệt tận.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Phải chăng Phật đã không nói các pháp hữu vi là tướng diệt tận sao?

Đáp: Tận cùng nơi pháp tướng thì thường không diệt tận. Cho nên Phật dạy tướng của tất cả pháp hữu vi là không cùng tận.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Thế nào gọi là pháp hữu vi?

Đáp: Do tướng của chúng diệt tận nên gọi là pháp hữu vi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Các pháp hữu vi trú vào đâu?

Đáp: Pháp hữu vi trú trong thể tánh vô vi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Nếu vậy thì pháp hữu vi và pháp vô vi có gì sai khác?

Đáp: Pháp hữu vi và pháp vô vi về văn tự, cách diễn bày thì có sai khác. Vì sao? Vì văn tự ngôn thuyết tức là hữu vi, nên cũng là vô vi. Còn nói về pháp tướng thì pháp hữu vi và pháp vô vi không có sai khác, vì pháp tướng không có phân biệt.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Những pháp tăng thượng nào có được ngôn ngữ ấy?

Đáp: Chứng đắc pháp vô vi tức là không phân biệt pháp tăng thượng nơi ngôn ngữ ấy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Những ngôn ngữ nào gọi là có ý nghĩa?

Đáp: Làm cho tâm của người khác nắm giữ tướng mà dùng ngôn ngữ.

Vì sao? Vì tất cả văn tự đều là hý luận. Nhưng chư Phật không trụ nơi hý luận, không dựa vào ngôn ngữ, không có diễn nói.

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tất cả ngôn ngữ vốn không phải là ngôn ngữ. Do đó Phật dạy tất cả các pháp không thể diễn nói. Vì sao? Vì chư Phật, Như Lai không phải là do ngôn ngữ mà được tên gọi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Chư Phật Như Lai tại sao được tên gọi?

Đáp: Chư Phật Như Lai không phải sắc, không phải tướng, không phải pháp mà được tên gọi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Chư Phật Như Lai xa lìa sắc pháp mà được tên gọi chăng?

Đáp: Không, thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì sao? Vì sắc thân là như và pháp thể là như. Hai pháp như ấy không phải là một, không phải là khác, chư Phật Như Lai do vậy mà được tên gọi. Như Lai do nơi chân như như thật mà được tên gọi. Nếu Phật Như Lai do như thật mà được tên gọi thì không bao giờ mất.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Chư Phật Như Lai chứng đắc pháp gì mà có danh hiệu là Phật?

Đáp: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai đều thông đạt chân như thanh tịnh của tất cả pháp tánh. Do chân như ấy mà chứng đắc như thế nên được tên gọi là Chánh Biến Tri.

Bấy giờ, Phạm thiên Bình Đẳng Hạnh Bà-la-môn Đại Bà-la Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát trú nơi Đại thừa mà gọi là an trú?

Khi ấy Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Bồ-tát không hoại sắc
Trú nơi tâm Bồ-đề
Biết sắc như Bồ-đề
Là Bồ-tát tuệ sáng.
Do sắc là Bồ-đề
Bình đẳng vào tướng như
Không hoại tánh các pháp
Là Bồ-tát tuệ sáng.

Không hoại nghĩa Bồ-đề
Tức là nghĩa Bồ-đề
Trong nghĩa Bồ-đề ấy
Cũng không có Bồ-đề.
Chánh hạnh đệ nhất nghĩa
Là gọi trú Bồ-đề
Bồ-tát người tuệ sáng
Nên hiểu được Bồ-đề.
Ngu nơi ấm, giới, nhập
Mà muốn cầu Bồ-đề
Ấm, giới… là Bồ-đề
Không riêng có Bồ-đề.
Các Bồ-tát tuệ sáng
Đối pháp thượng, trung, hạ
Không thủ cũng không xả
Nên gọi trú Bồ-đề.
Tuệ sáng không phân biệt
Pháp, phi pháp là hai
Cũng không chấp chẳng hai
Gọi là hành Bồ-đề.
Nếu hai tức hữu vi
Chẳng hai tức vô vi
Lìa cả hai biên ấy
Gọi là hành Bồ-đề.
Người trên kẻ phàm phu
Cũng không vào pháp vị
Chưa chứng quả bậc Thánh
Là ruộng phước thế gian.
Quan sát pháp thế gian
Ở đấy như hoa sen
Tuân theo đạo tối thượng
Gọi là trú Bồ-đề.
Thế gian hành chốn nào
Bồ-tát hành ở đó
Tất cả các thế gian
Đều không có các pháp.
Tuệ sáng biết như thật
Trong đó được giải thoát

Tuệ sáng không sợ hãi
Rơi vào việc thế gian.
Tâm không sợ, không kém
Hành trì hạnh Bồ-tát
Bồ-tát người tuệ sáng
Khéo biết tướng pháp tánh.
Vì thế không phân biệt
Pháp hay là phi pháp
Bồ-tát trí tuệ sáng
Không xả bỏ pháp nào.
Cũng không pháp dấy khởi
Nên gọi tướng Bồ-đề
Tất cả pháp vô tướng
Giống như tướng hư không.
Người tuệ sáng không nghĩa
Là tướng là đúng tướng
Bồ-tát thường hộ pháp
An trú nơi bình đẳng.
Bình đẳng tức là pháp
Do không phân biệt pháp
Đời có Phật không Phật
Tất cả các pháp không.
Các Bồ-tát tuệ sáng
Không bỏ pháp thể kia
Gặp được pháp chư Phật
Có tướng của pháp thể.
Giảng nói cho chúng sinh
Do trú nơi chân như
Các ma không thể lường
Nơi các hành thâm diệu.
Tuệ sáng không chấp pháp
Biết khắp tất cả pháp
Cầu hiểu trí tuệ Phật
Mà không trụ vào đó.
Trú không có chỗ trú
Cũng chẳng trú nơi khác
Tuệ chư Phật vô ngại
Không chấp pháp, phi pháp.

Nếu không chấp như vậy
Rốt ráo đạt Bồ-đề
Người thích các điều thiện
Bố thí chuyển cao quý.
Bỏ những gì mình có
Mà tâm không lay động
Các pháp không thể bỏ
Cũng không thể nắm giữ.
Hết thảy pháp thế gian
Ta vốn không thủ đắc
Biết các pháp như thật
Chẳng buộc chẳng giải thoát.
Lời Phật là thí chủ
Không chỗ thấy các pháp
Vì vậy các Bồ-tát
Không chấp ngã, ngã sở.
Vì vậy khi hành thí
Không sinh tâm tham tiếc
Những gì đã Bố thí
Đều hồi hướng Phật đạo.
Bố thí và Bồ-đề
Không trụ vào hai tướng
Chẳng tạo chẳng khởi giới
Thường trú trong giới pháp.
Cũng không dấy khởi niệm
Ta đang giữ gìn giới
Tuệ sáng biết giới tướng
Không sinh không tạo tác.
Cho nên giới Bồ-tát
Thanh tịnh như hư không
Quán thân như hình ảo
Lời nói như tiếng vang.
Tâm tức như huyễn hóa
Không vì giới tự cao
Tâm thường luôn dịu dàng
An trú tánh tịch tĩnh.
Tất diệt hết thảy ác
Thông đạt các pháp thiện

Trì giới và phá giới
Không thủ đắc hai tướng.
Do vậy thấy pháp tánh
Tức trì giới vô lậu
Đã đến bờ nhẫn nhục
Nhẫn được các điều ác.
Đối với tất cả pháp
Tâm luôn luôn bình đẳng
Các pháp niệm niệm diệt
Tánh nó thường chẳng trú.
Trong đó không mạ nhục
Cũng không có cung kính
Nếu cắt xẻ trên thân
Giữ tâm không lay động.
Biết tâm không ở trong
Và cũng không ở ngoài
Thân oán và đao gậy
Đều từ tứ đại khởi.
Tuệ sáng tức thấy liền
Gọi là người nhẫn nhục
Nơi đất, nước, gió, lửa
Chưa từng làm thương tổn.
Thông đạt được việc ấy
Thường hành pháp nhẫn nhục
Bồ-tát hành như vậy
Chúng sinh chẳng thể động.
Dũng mãnh chuyên tinh tấn
Trú vững nơi Đại thừa
Người này nơi thân tâm
Dứt nơi chốn nương tựa.
Tuy biết gốc sinh tử
Cõi ấy không thể đạt
Nên vì một chúng sinh
Trang nghiêm thệ nguyện lớn.
Pháp vốn không sinh diệt
Nơi nào có tướng diệt
Bản tế không thủ đắc
Điên đảo thấy có diệt.

Pháp tánh luôn thường trụ
Nên không thể nghĩ bàn
Nếu biết được như thế
Không sinh cũng không diệt.
Bồ-tát thương chúng sinh
Không rõ được pháp tướng
Làm cho họ tinh tấn
Khiến xa lìa điên đảo.
Chư Phật thường không thấy
Tướng quyết định chúng sinh
Nhưng không bỏ phát tâm
Gọi là người tinh tấn.
Suy nghĩ tất cả pháp
Đều biết như huyễn hóa
Trí tuệ không thể vững
Quán pháp như hư không.
Từ phân biệt hư vọng
Tham chấp sinh cấu nhiễm
Nên mở bày pháp môn
Khiến được vào Niết-bàn.
Tu tập rất tinh tấn
Mà không tổn hại pháp
Lìa pháp và phi pháp
Thường hành chân tinh tấn.
Đó là hành xa lìa
Do được định không tranh
Tịnh động đều không trú
Mà thường sợ thế gian.
Ưa trú nơi thanh vắng
Như tê giác một sừng
Các thiền định tự tại
Thấu rõ các thần thông.
Tâm thường trú bình đẳng
Các thôn xóm vắng lặng
Bình đẳng không phân biệt
Thường gọi là tịch tĩnh.
Thường hiểu biết tịch tĩnh
Vô lậu không phân biệt

Tin pháp được giải thoát
Nên nói là tịch tĩnh.
Đến, đi đều bình đẳng
Thường trú nơi bình đẳng
Không diệt nơi bình đẳng
Nên nói trú bình đẳng.
Tự trụ pháp bình đẳng
Để dẫn dắt chúng sinh
Không trái hành bình đẳng
Nên nói thường trú định.
Chí niệm thường kiên cố
Không quên tâm Bồ-đề
Mà giáo hóa chúng sinh
Nên nói người luôn định.
Luôn nhớ nghĩ chư Phật
Thân pháp tánh chân thật
Lìa xa tướng sắc thân
Nên nói người luôn định.
Thường tu hành các pháp
Như pháp thể các pháp
Mà không có nhớ nghĩ
Nên nói người luôn định.
Thường không lìa niệm Tăng
Biết Tăng là vô vi
Lìa nơi luôn tịch tĩnh
Tuệ sáng khéo suy nghĩ.
Quốc độ Phật mười phương
Tất thấy các Đức Phật
Mắt đối với hình sắc
Mà không sinh hai tướng.
Pháp chư Phật nói ra
Tất cả đều lãnh thọ
Tai đối với âm thanh
Cũng không sinh hai tướng.
Ở được trong nhất tâm
Biết tâm các chúng sinh
Tâm mình và tâm người
Cả hai không phân biệt.

Nhớ nghĩ đời quá khứ
Kiếp như cát sông Hằng
Là trước hay là sau
Cũng lại không phân biệt.
Hiện biến đến cùng khắp
Chỗ Phật không nghĩ bàn
Mà ở trong thân tâm
Không có tướng mỏi mệt.
Phân biệt biết các pháp
Nhạo thuyết biện vô tận
Ở vô lượng số kiếp
Khai thị tướng pháp tánh.
Trí tuệ đến bờ giác
Hiểu rõ ấm, giới, nhập
Thường chỉ cho chúng sinh
Không chấp, không hý luận.
Khéo biết pháp nhân duyên
Xa lìa tướng nhị biên
Biết nhân của phiền não
Cũng biết nhân tịch tĩnh.
Tin hiểu pháp nhân duyên
Tức không các tà kiến
Pháp đều thuộc nhân duyên
Không có căn bản định.
Tuệ sáng không ngã kiến
Phật kiến và không kiến
Thế gian Niết-bàn kiến
Đều không nên kiến chấp.
Dùng trí tuệ sáng tỏ
Biết tất cả pháp tánh
Không mờ tối, chướng ngại
Là người trí hành đạo.
Đó gọi là Đại thừa
Phật thừa không nghĩ bàn
Đều dung nạp chúng sinh
Là Bồ-đề Đại thừa.
Tất cả trong các thừa
Thừa này là bậc nhất

Như vậy nơi Đại thừa
Phát sinh các thừa khác.
Thừa khác có giới hạn
Không dung nạp tất cả
Chỉ thừa này trên hết
Thâu nhận mọi chúng sinh.
Thực hành Đại thừa này
Vô lượng như hư không
Đối với các chúng sinh
Không có tâm tham tiếc.
Người trí trụ ở đấy
Đại thừa dứt cấu nhiễm
Thừa ấy như hư không
Không sắc, không thể thấy.
Nếu có các chúng sinh
Hành trì Đại thừa ấy
Nên quán tướng thừa này
Chốn dung nạp rộng lớn.
Vô lượng vô số kiếp
Nói công đức Đại thừa
Cùng hành hóa thừa ấy
Công đức không cùng tận.
Nếu trú vào Đại thừa
Người ấy lìa các nạn
Được gặp mọi an lành
Đấy là người trí tuệ.
Nghe kinh vi diệu này
Cho đến bốn câu kệ
Không đọa vào đường ác
Được đến nơi an ổn.
Yêu mến kinh điển này
Là trời cũng là người
Sau khi bỏ thân mạng
Thường sinh làm trời, người.
Ở đời ác sau này
Nếu được nghe kinh ấy
Ta đều sẽ thọ ký
Rốt ráo thành Phật đạo.

Nếu đời ác về sau
Tay cầm kinh điển diệu
Tức là trụ chân pháp
Có thể chuyển pháp luân.
Nếu người trì kinh này
Chuyển được vô lượng kiếp
Qua lại trong sinh tử
Được gần gũi Phật đạo.
Nếu trì tụng kinh ấy
Trí tuệ tinh tấn lớn
Là người rất dũng mãnh
Hàng phục được các ma.
Nhiên Đăng thọ ký ta
Khiến được Nhẫn vô sinh
Yêu thích kinh điển này
Ta thọ ký cũng thế.
Nếu Phật chẳng xuất thế
Thời không độ chúng sinh
Yêu thích kinh điển này
Làm việc của Phật làm.

Lúc Phật nói kệ trên, có hai ngàn Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh, mười ngàn Tỳ-kheo các lậu đã diệt tận, không thọ nhận các pháp, tâm được giải thoát, ba vạn hai ngàn người xa lìa mọi trần cấu, ở trong các pháp được Pháp nhãn thanh tịnh, năm ngàn Thiên tử đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như điều con hiểu nơi ý nghĩa của Phật giảng nói: Nếu có người phát nguyện Bồ-đề thì đó là tà nguyện. Vì sao? Vì hết thảy các pháp nếu có sở đắc thì đều là tà. Nếu người chấp có Bồ-đề mà phát nguyện, thì những việc làm của người này đều là tà hạnh. Vì sao? Vì Bồ-đề không ở trong Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Do Bồ-đề không trụ vào đâu nên không thể phát nguyện.

Bạch Thế Tôn! Ví như có người nguyện được hư không, thì người ấy được hư không chăng?

Phật dạy:

–Không.

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát cũng như vậy, phát nguyện Bồ-đề là tướng

hư không, nên biết đó là pháp nguyện hư không, là Bồ-đề vô nguyện, là vượt ra ba đời, chẳng phải là tướng lãnh thọ. Nếu Bồ-tát khởi lên hai tướng mà phát tâm Bồ-đề và suy nghĩ: "Ngoài sinh tử kia mà có Bồ-đề, ngoài Bồ-đề có Niết-bàn", thì sự phát tâm như vậy không phải là hạnh Bồ-đề.

Bấy giờ, Phạm thiên Thắng Tư Duy hỏi Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Đại Bồ-tát tu hành hạnh Bồ-đề?

Đáp: Này Phạm thiên! Nếu Bồ-tát hành tất cả pháp mà đối với các pháp không thấy mình có chỗ hành hóa là Bồ-tát tu hành hạnh Bồ-đề. Vì sao? Này Phạm thiên! Vượt qua các nẻo hành, đó gọi là Bồ-tát hành hạnh Bồ-đề.

Phạm thiên hỏi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát tu hành như thế nào gọi là vượt qua các nẻo hành hóa để thực hành hạnh Bồ-đề?

Đáp: Này Phạm thiên! Xa lìa hết thảy các tướng duyên dựa, tướng của các duyên nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là Bồ-tát hành hóa vượt ra ngoài các cảnh giới.

Phạm thiên hỏi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Do ý nghĩa gì mà nói vượt ra ngoài các cảnh giới?

Đáp: Này Phạm thiên! Không vượt qua bình đẳng. Vì sao? Vì các pháp bình đẳng tức là Bồ-đề.

Phạm thiên hỏi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát phát khởi Bồ-đề nguyện?

Đáp: Này Phạm thiên! Nên như Bồ-đề đã nói ấy.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào là Bồ-đề?

Đáp: Này Phạm thiên! Bồ-đề là không phải quá khứ, hiện tại, vị lai. Do vậy, Bồ-tát ở trong ba đời thanh tịnh, quan sát phát khởi về Bồ-đề nguyện. Này Phạm thiên! Các pháp ở trong ba đời xưa nay vốn không có sinh khởi, do vốn nó không sinh nên chẳng có gì để tu hành. Vì thế người phát nguyện không có chỗ để phát nguyện. Vì sao? Vì phát nguyện tu hành hạnh Bồ-đề như thế thì được trí Nhất thiết chủng Nhất thiết trí.

Phạm thiên hỏi:

–Những ý nghĩa nào là trí Nhất thiết trí?

Đáp: Tất cả thảy đều nhận biết. Do đấy gọi là trí Nhất thiết trí.

Hỏi: Do những pháp nào là trí Nhất thiết trí?

Đáp: Này Phạm thiên! Đó là tướng không sai khác. Do ở những nơi chốn không có tướng chúng sinh, như các chúng sinh ấy thế nào thì phải nhận biết đúng như thế đó. Do đấy gọi là không có tướng sai khác.

Phạm thiên hỏi:

–Thế nào gọi là không có chúng sinh?

Đáp: Này Phạm thiên! Nói chúng sinh chỉ có danh tự. Lìa tánh của danh tự tức là không có chúng sinh. Lìa chúng sinh ấy tức không có danh tự. Do vậy, danh tự và chúng sinh không khác. Tánh của chúng sinh và danh tự cũng không khác, nên Bồ-đề mà khác với chúng sinh thì có hai tướng. Do ý nghĩa này nên không ngoài chúng sinh mà có Bồ-đề vì không ngoài ấy nên Bồ-đề bình đẳng. Bồ-đề bình đẳng tức ngã bình đẳng. Bình đẳng như vậy mà đạt được Bồ-đề, thì pháp bình đẳng ấy không khác. Theo ý nghĩa đó nên Bồ-đề và bình đẳng không khác. Ngã thường bình đẳng như là vô ngã, cho nên vô ngã chẳng khác với ngã. Như hư không kia chẳng có tướng khác, vì vậy mà tất cả các pháp bình đẳng không có tướng khác.

Bấy giờ, Phạm thiên Thắng Tư Duy nói với Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nên biết lời nói của Như Lai là chân thật dùng chỗ như thật để lãnh hội về pháp như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Phạm thiên! Phật đối với các pháp không có chỗ tu hành. Vì sao? Vì Như Lai hãy còn chẳng chứng đắc các pháp huống gì là tu hành.

Phạm thiên hỏi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như Lai lẽ nào không biết các pháp là pháp hữu vi, pháp vô vi, là pháp thế gian, pháp xuất thế gian sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Phạm thiên! Ý ông thế nào? Như người có thể tu hành nơi hư không mà nhận biết hư không chăng?

Phạm thiên đáp: Không.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Phạm thiên! Gọi là hư không, thế thì hư không có sinh diệt chăng?

Phạm thiên đáp: Không.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Phạm thiên! Vì vậy, các pháp giống như hư không. Như hư không kia chẳng có sinh diệt thì tất cả các pháp cũng lại như vậy. Vì không lấy gì để nói nên nói là các pháp có sinh diệt.

Này Phạm thiên! Thuyết pháp như vậy thì không có đối tượng được thuyết giảng. Tất cả các pháp có thể giảng nói chăng? Do hết thảy các pháp ấy không sinh không diệt nên không thể thuyết giảng. Nếu pháp được thuyết không sinh, không diệt, không thể luận bàn thì sự thuyết pháp ấy cũng không có pháp để thuyết. Vì sao? Vì như pháp được thuyết giảng do những gì để nhận biết là đã nêu giảng các pháp ấy. Sự nhận biết kia cũng vậy. Do ý nghĩa đó nên nói các pháp là chân như, pháp trụ, nhưng không trú nơi chân như vì chân như là không trú.

Bấy giờ, Tứ Thiên vương, Thích Đề-hoàn Nhân, Đại phạm Thiên vương chủ thế giới Ta-bà vân tập ở trong chúng hội đều dùng hoa trời tung lên Đức Phật và bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết pháp như vậy đều tin hiểu thì biết người ấy có thể diệt trừ được các quân ma cùng các thứ oán địch. Vì sao? Vì nhờ Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử khéo giảng nói các pháp xa lìa tất cả tướng.

Nếu có thiện nam nào nghe được pháp môn sâu xa này mà không kinh không sợ, có thể tin hiểu nên biết những người ấy quyết định không từ chỗ công đức nhỏ mà đến. Nếu kinh điển này để ở đâu thì nơi đó là nơi Phật cư ngụ. Ai nghe được nơi chốn để pháp môn thâm diệu này, thì nên biết nơi ấy là chỗ Phật chuyển pháp luân. Kinh điển này được để ở nơi nào hoặc thôn xóm, thành ấp, núi rừng, đồng trống vắng, tháp, chùa, phòng Tăng ở, nơi kinh hành, thì các ma, ngoại đạo, người tham chấp không thể đi qua. Nhờ cúng dường rất nhiều các Đức Phật trong đời quá khứ mới có thể nghe được kinh này.

Chúng con nhờ nơi kinh điển này mà chứng đắc được trí tuệ quang minh. Đối với công đức của Như Lai, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Phạm thiên Thắng Tư Duy chúng con chưa báo đáp được. Cho dù chúng con thường ở nơi Pháp sư nghe thuyết pháp mà tưởng là Đức Thế Tôn, rồi có thể đem máu thịt dâng lên cúng dường, cũng không báo đáp ân đức rộng lớn của Đức Như Lai và các bậc kia. Chúng con đối với vị Pháp sư tưởng như Đức Thế Tôn nên luôn luôn theo hầu hạ. Nếu có người biên chép kinh này thì chư Thiên thường đến hộ vệ, còn khi đọc tụng, thuyết giảng thì có vô lượng

chư Thiên đến nghe.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tứ Thiên vương, Thích Đề-hoàn Nhân, Đại phạm Thiên vương và đại chúng:

–Lành thay, lành thay! Này các thiện nam! Đúng vậy, đúng vậy, như lời các ông nói! Nếu như có bảy loại báu chứa đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới được đem ra bố thí, thì công đức cũng không bằng người nghe pháp môn này. Nếu người khắp trong tam thiên đại thiên thế giới dùng bảy loại báu chứa đầy hằng hà sa mười phương thế giới đem ra bố thí, thì công đức cũng không bằng nghe pháp môn này.

Này các thiện nam! Nếu muốn được các công đức thì nên nghe kinh này. Nếu muốn thân hình tốt đẹp, giàu có, quyến thuộc, tự tại, đầy đủ sự an vui nơi hàng trời, người, tiếng khen, biết rộng, trí nhớ lâu dài, chánh hạnh oai nghi, giới, định, tuệ, thông hiểu các kinh sách, tri thức thiện, đạt nhạo thuyết biện tài, ba minh, sáu thông, tất cả pháp thiện, ban cho các chúng sinh hết thảy tài vật muốn đạt đến Niết-bàn, thì nên lắng nghe, tôn kính, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng kinh này, rồi theo đó tu hành diễn nói rộng khắp cho mọi người.

Này các thiện nam! Nếu có người thực hành theo kinh này, thì ta thấy người ấy đã thâu nhận và có đầy đủ hết thảy các uy lực.

Này các thiện nam! Nếu có người nào nghe kinh này, hoặc là Hòa thượng, A-xà-lê, thì ta thấy sự cúng dường tài vật của thế gian không làm sao báo đáp được ân đức của các vị Pháp sư. Vì pháp môn này vượt ra ngoài pháp thế gian, cho nên sự cúng dường của thế gian không thể báo đáp được. Pháp này không có nhiễm ô, mà tài vật thế gian là pháp nhiễm ô nên không thể báo đáp ân đức ấy được. Do vậy không thể dùng của cải, phẩm vật ăn uống, ngọa cụ… của thế gian mà báo đáp ân đức của vị Pháp sư được.

Này các thiện nam! Nếu có người nào tu hành theo đúng pháp môn này thì mới có thể báo đáp ân đức của Phật, ân đức của người thuyết pháp, ân đức của thầy. Người đó được gọi là chẳng ăn không phẩm vật của người dâng cúng, là người thuận theo lời chỉ dạy của Như Lai, là người vượt qua các dòng, là người ra ngoài các đường hiểm, là người kiến lập đạo tràng, là người có thể diệt trừ quân địch, là sư tử chúa không còn lo sợ, là voi chúa có thể hàng phục ma, là bò chúa, các luận sư ngoại đạo không thể phá hoại, là bậc y vương chữa trị các bệnh, là người không sợ hãi có thể thuyết pháp, là người có thể dùng đầy đủ tài vật đem ra bố thí, là người xả bỏ tất cả phiền não, là người trì giới thanh tịnh, rốt ráo các pháp thiện, là người được nhẫn nhục lớn, xa lìa ngã và ngã sở, là người

có đủ lực tinh tấn lớn, ở trong vô lượng kiếp không có mệt mỏi, là người đầy đủ thiền định, tâm thường trú một nơi, là người có trí tuệ lớn, hiểu rõ ngôn từ các chương cú, là người có công đức lớn, dùng vô lượng phước đức trang nghiêm nơi thân tướng, là người có oai đức lớn, có thể che ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, là người đại lực, nắm giữ mười lực của Phật, là người có đám mây lớn làm sấm chớp, mưa tuôn, diệt trừ phiền não, là người quay về nương tựa nơi chánh pháp để đi đến Niết-bàn, là người cứu độ được mọi sợ hãi nơi sinh tử, là người có ánh đèn sáng, xa lìa tối tăm vô minh, là người làm ma khiếp sợ khiến trở về quy phục, là người tạo đại đạo cứu cánh của chúng sinh, là người đạt được quả vị ngồi nơi đạo tràng, là người được Pháp nhãn, là người thấy chân như, là người biết rõ về không, là người an trú vào đại Bi, là người an lập đại Từ, là người không rời bỏ chúng sinh, là người từ bỏ Tiểu thừa, là người hướng đến Đại thừa, là người dứt trừ mọi điên đảo, là người đi đến bình đẳng, là người vào nơi pháp vị, là người an trú nơi đạo tràng, là người phá trừ các ma, là người trụ nơi Nhất thiết trí, là người có thể chuyển pháp luân, là người làm việc của Phật.

Này các thiện nam! Một kiếp hoặc hơn một kiếp, ta khen ngợi, tôn xưng người ấy, nói về công đức theo như nơi kinh này mà tu hành cũng không thể cùng tận. Dù là sự biện tài của Như Lai cũng không cùng tận. Bấy giờ, trong chúng hội có một vị Thiên tử tên là Bất Thoái Chuyển bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ngài dạy tùy pháp tu hành. Vậy thế nào là tùy theo pháp tu hành?

Phật dạy:

–Này Thiên tử! Người nghe ta thuyết pháp theo đó mà tu hành, nghĩa là không phải tu hành tất cả các pháp, nhưng đó gọi là tu hành các pháp. Vì sao? Vì người tu hành tất cả các pháp thì pháp ấy không tạo tác, cũng chẳng phải là không tạo tác. Nếu pháp không tạo tác, cũng chẳng phải là không tạo tác, đó gọi là tùy pháp tu hành. Hành như vậy nên là hành giả không hành thiện, không hành bất thiện, không hành hữu lậu, không hành vô lậu, không hành pháp thế gian, không hành pháp xuất thế gian, không hành hữu vi, không hành vô vi, không hành sinh tử và không hành Niết-bàn. Đó gọi là tùy pháp tu hành. Nếu không tu hành tất cả pháp thì gọi là tu hành. Vì người thế gian chấp có pháp tướng, không hành như thật. Nếu cho có pháp tướng, tức là người ấy không tu hành như thật. Người không thể trú trong các pháp, không hành như thật hết thảy các pháp, do

tất cả pháp không có đối lập. Đó gọi là tu hành như thật.

Bấy giờ, Thiên tử Bất Thoái Chuyển bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người có thể tu hành như thật như vậy, thì người ấy có thể tu hành như thật một cách rốt ráo. Vì sao? Vì hành pháp chân thật, nên gọi là rốt ráo. Người tu hành như thật không trụ nơi tà đạo mà trụ nơi chánh đạo, có tùy pháp hành.

Bạch Thế Tôn! Thực hành chánh đạo là không có pháp tà, vì các pháp bình đẳng không có sai khác.

Lúc này, Phạm thiên Thắng Tư Duy hỏi Thiên tử Bất Thoái Chuyển:

–Này Thiện nam! Ông trú trong chỗ tu hành như thật sao?

Đáp: Thưa Phạm thiên! Nếu trong sự thuyết pháp của Đức Thế Tôn có hai tướng, thì tôi trú nơi tu hành như thật. Nay các pháp không có hai tướng nên mới gọi là tu hành như thật.

Thưa Phạm thiên! Tôi trú trong pháp ấy không có tạo tác, không có hý luận như pháp chân như, theo các pháp như thật như vậy mà tu hành, cho nên tôi nói là an trú nơi ấy để tu hành.

Phạm thiên nói:

–Này Thiên tử! Tôi thường ở trong quốc độ của Phật này mà không biết ông.

Thiên tử thưa:

–Thưa Phạm thiên! Tôi cũng ở trong quốc độ của Phật này mà cũng chưa từng thấy biết tôi.

Phạm thiên nói:

–Này Thiên tử! Ở quốc độ của Phật này không có phân biệt, không có chỗ phân biệt về tôi thấy hay không thấy.

Thiên tử thưa:

–Thưa Phạm thiên! Tôi cũng như vậy, cũng không phân biệt, không có chỗ phân biệt, từng ở nơi cõi Phật này thấy cùng không thấy.

Phạm thiên hỏi:

–Này Thiên tử! Người như thế nào là có thể thấy và chưa từng thấy?

Đáp: Thưa Phạm thiên! Các phàm phu đều chưa thấy pháp của bậc Thánh. Nếu có thể hội nhập nơi pháp bậc Thánh, tức gọi là trước kia chưa thấy mà nay được thấy. Pháp này không phải nhờ nơi nhãn thức mà thấy được, cũng không nhờ nơi tỷ, thiệt, thân, ý thức mà biết được. Chỉ các bậc Thánh nhân đạt như chân như mới thấy đúng nhãn, nhĩ, ý và pháp vị. Cái

thấy ấy gọi là chánh kiến.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như thương chủ vào nơi đảo châu báu mắt thấy đều là bảo vật. Cũng vậy, thành tựu các công đức không thể nghĩ bàn, nên có chỗ ưa thích thuyết giảng đều là Pháp bảo đều là thật tế.

Này các thiện nam! Do không chấp vào ngã kiến, không chấp nơi chúng sinh kiến, có chỗ ưa thích giảng thuyết đều không điên đảo.

Này các thiện nam! Có chỗ ưa thích giảng thuyết đều đạt được thanh tịnh nơi đời trước, không thấy đời sau, không thấy đời hiện tại.

Này các thiện nam! Nếu có chỗ ưa thích giảng thuyết thì dù không có niềm tin khiến sinh niềm tin, nếu có niềm tin rồi thì khiến được giải thoát.

Này các thiện nam! Nếu có chỗ ưa thích thuyết giảng dù có kiêu mạn đều khiến được hàng phục, không có kiêu mạn thì khiến thấy biết đều đúng như thật.

Này các thiện nam! Nếu có chỗ ưa thích giảng thuyết thì tất cả các thứ ma không đến quấy rối. Nếu có người nghe thì được ra khỏi các nghiệp ma.

Này các thiện nam! Nếu có chỗ ưa thích giảng thuyết dù các pháp thiện chưa sinh thì có thể khiến phát sinh, nếu các pháp thiện đã sinh rồi thì khiến không bị tiêu diệt.

Này các thiện nam! Nếu có chỗ ưa thích giảng thuyết thì các phiền não hiện tại đã sinh có thể khiến đoạn trừ, các thứ phiền não chưa sinh thì khiến không phát sinh.

Này các thiện nam! Nếu có chỗ ưa thích giảng thuyết, nếu tâm Bồ-đề chưa phát thì khiến được phát, tâm Bồ-đề đã phát rồi thì khiến không bị thoái chuyển.

Này các thiện nam! Nếu có chỗ ưa thích giảng thuyết thì có thể làm cho các pháp không bị đoạn mất, thâu giữ các pháp khiến không bị tiêu diệt.

Này các thiện nam! Nếu có chỗ ưa thích giảng thuyết thì có thể khiến đạt đầy đủ tất cả pháp Phật.

Bạch Thế Tôn! Dùng sự ưa thích thuyết giảng ấy để khéo hàng phục tất cả ngoại đạo. Vì sao? Vì tất cả loài dã can đối trước sư tử chúa đều không dám phô bày thân huống gì là phát ra âm thanh.

Bạch Thế Tôn! Tất cả ngoại đạo với các luận nghị sư cũng lại như vậy, không thể kham nổi, không thể gầm lên tiếng gầm vô thượng của sư

tử chúa.

Bấy giờ, Thiên tử Bất Thoái Chuyển hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Thiên vương Kiều-thi-ca! Do ý nghĩa gì mà gọi là sư tử gầm?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu hành giả thuyết pháp mà không có tham chấp để nêu bày pháp, đó gọi là sư tử gầm. Nếu hành giả có tham chấp mà thuyết pháp thì đó là tiếng dã can kêu, không phải là sư tử gầm, vì đã khởi lên tất cả tà kiến.

Này Thiên tử! Ông nên nói rõ hơn thế nào là sư tử gầm?

Thiên tử đáp:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu hành giả thuyết pháp mà đến quả vị của Đức Như Lai cũng không tham chấp huống chi là các pháp khác, thì đó gọi là sư tử gầm.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu hành giả như pháp đã nêu giảng tu hành và theo như thế mà thuyết giảng pháp, thì đó gọi là sư tử gầm. Quyết định thuyết pháp gọi là sư tử gầm. Thuyết pháp không có lo sợ gọi là sư tử gầm.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu hành giả xem các pháp không sinh, không diệt, không vì pháp sinh, không vì pháp diệt theo đấy mà thuyết pháp, thì đó gọi là sư tử gầm.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu hành giả xem các pháp không có cấu bẩn, sạch sẽ, hội họp, phân tán mà thuyết giảng pháp, thì đó gọi là sư tử gầm.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Sư tử gầm gọi là quyết định thuyết giảng. Tất cả các pháp không có ngã, không có chúng sinh. Đó gọi là sư tử gầm. Do quyết định thuyết pháp là không, vô tướng, vô nguyện, đó gọi là sư tử gầm. Giữ gìn các pháp để thuyết giảng, gọi là sư tử gầm. Vì các chúng sinh khiến cho họ được giải thoát, phát tâm Bồ-đề và nói: Ta sẽ làm Phật thuyết pháp như vậy gọi là sư tử gầm. Nếu có thể đạt được thanh tịnh với đời sống biết đủ, thuyết pháp như vậy gọi là sư tử gầm. Thường ở chỗ thanh vắng, thuyết pháp như vậy gọi là sư tử gầm. Tự mình bố thí vào bảo người khác bố thí, thuyết pháp như vậy gọi là sư tử gầm. Giữ gìn các oai nghi đã thành tựu, thuyết pháp như vậy gọi là sư tử gầm. Xem mọi người bình đẳng không có người thân kẻ oán, thuyết pháp như vậy gọi là sư tử gầm. Thường tu tinh tấn, không xa lìa bản nguyện, thuyết pháp như vậy gọi là sư tử gầm. Có thể diệt trừ phiền não, thuyết pháp như vậy gọi là sư tử gầm. Dùng trí tuệ khéo biết các nẻo hành, thuyết pháp như vậy gọi là sư tử gầm.

Trong lúc Thiên tử giảng nói về ý nghĩa của sư tử gầm như vậy, thì tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động đủ sáu cách, trăm ngàn kỹ nhạc tự nhiên phát ra, có ánh sáng lớn chiếu khắp thiên địa, trăm ngàn chư Thiên hết sức vui mừng và thưa:

–Thiên tử Bất Thoái Chuyển thuyết giảng về Pháp sư tử gầm cho chúng tôi nghe, ở cõi Diêm-phù-đề lại thấy việc chuyển pháp luân.

Bấy giờ, Đức Phật mỉm cười.

Khi Đức Phật mỉm cười, thường thường từ trong miệng phóng ra trăm ngàn vạn loại ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tím chiếu khắp vô lượng, vô biên thế giới, lên đến cõi trời Phạm thiên che khuất cả ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Ánh sáng chiếu xong, quay vòng quanh nơi thân Phật ba vòng, rồi đi xuống nơi đỉnh đầu.

Khi ấy, Phạm thiên Thắng Tư Duy chắp tay hướng về Đức Phật dùng kệ để xưng tán Đức Thế Tôn:

Vượt qua hết thảy tuệ tối thắng
Đều biết ba đời hành chúng sinh
Trí tuệ, công đức và giải thoát
Xin nói nhân duyên của nụ cười.
Phật tuệ vô lượng không nghĩ bàn
Biết tâm chúng sinh không chướng ngại
Tùy đó nói pháp nêu căn tánh
Thanh văn, Duyên giác không bì kịp.
Cúi mong Bậc Tối Thắng Vô Thượng
Xin nói nhân duyên của nụ cười
Lưỡi sạch không dơ, trăng ánh sáng
Như vua Đế Thích, vua Phạm thiên.
Chiếu khắp trời, người, núi Tu-di
Thiết vi và cùng tất cả núi
Cúi mong Tối Thắng Vô Thượng Tôn
Xin nói nhân duyên của nụ cười.
Đại thánh vắng lặng, lìa sân giận
Trời, người chiêm ngưỡng không nhàm chán
Tất cả đều mong được an lạc
Xin nói nhân duyên của nụ cười.
Thông đạt các pháp như hư không
Bọt nước, ánh chớp, ảnh, huyễn, mộng
Ánh trăng đáy nước, tướng hư không

Xin nói nhân duyên của nụ cười.
Lìa tướng phân biệt, các tà kiến
Hiểu không, vô tướng và vô tác
Thường thích thiền định pháp tịch tĩnh
Xin nói nhân duyên ánh sáng này.
Không chấp văn tự, tiếng nói phô
Vì các chúng sinh thường thuyết pháp
Không chấp ngã, pháp, tuệ vô cấu
Mỗi mỗi câu pháp Như Lai nói.
Trí thông căn, lực đều đầy đủ
Hoa quang, trí tuệ vì con giảng
Như Lai Thế Tôn diệt trừ được
Sinh, già, bệnh, chết, tất cả khổ.
Lực Na-la-diên sức dũng mãnh
Hàng phục tất cả lực các ma
Và những chúng sinh chưa quay về
Làm cây đèn sáng họ nương tựa.
Xin Đấng Thiên Nhân Sư dũng mãnh
Vì con nói rõ duyên nụ cười.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Phạm thiên Thắng Tư Duy:

–Này Phạm thiên! Đây là Thiên tử Bất Thoái Chuyển, ông có thấy không?

Đại Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn, con đã thấy!

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Thiên tử Bất Thoái Chuyển này, từ nay trở về sau, trải qua hơn ba trăm hai mươi vạn a-tăng-kỳ kiếp sẽ được làm Phật hiệu là Tu-di Đăng Vương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, thế giới tên là Thiện hóa, kiếp tên là Phạm thán, quốc độ của Phật ấy dùng vàng Diêm-phù-đàn cùng ngọc lưu ly làm đất, trong ấy toàn là Bồ-tát tăng, dũng mãnh, hàng phục các ma oán, mọi vật cần dùng theo ý niệm đều hiện đến như ở cõi trời Đâu-suất. Tuổi thọ của Phật ấy là không thể tính kể được, thuyết giảng pháp không có lỗi lầm.

Khi ấy, Phạm thiên Thắng Tư Duy nói với Thiên tử Bất Thoái Chuyển:

–Này Thiên tử! Nay Như Lai đã thọ ký cho ông rồi chăng?

Thiên tử nói:

–Này Phạm thiên! Đức Như Lai thọ ký cho tôi cũng như thọ ký nơi pháp giới chân như.

Phạm thiên bảo:

–Pháp tánh, pháp giới là không thể thọ ký.

Thiên tử nói:

–Như pháp tánh, pháp giới là không thể thọ ký, vậy nên biết tất cả Bồ-tát được thọ ký cũng là như vậy.

Phạm thiên nói:

–Này Thiên tử! Nếu Phật Như Lai không thọ ký cho ông, vậy ông trong thời quá khứ đã ở chỗ các chư Phật tu hành phạm hạnh chăng?

Thiên tử đáp:

–Nếu không có chỗ trụ tức là trụ nơi phạm hạnh.

Phạm thiên hỏi:

–Này Thiên tử! Thế nào là không chỗ trú là trú nơi phạm hạnh?

Thiên tử đáp:

–Này Phạm thiên! Nếu không trú nơi Dục giới, không trú nơi Sắc giới, không trú nơi Vô sắc giới, đó là trú nơi phạm hạnh.

Lại nữa, này Phạm thiên! Nếu không trú nơi ngã, không trú ở chúng sinh, không trú ở thọ mạng, không trú ở nhân, không trú ở phạm hạnh. Tóm lại mà nói không trú vào pháp, không trú vào phi pháp, đó là trú nơi phạm hạnh.

Phạm thiên hỏi:

–Này Thiên tử! Phạm hạnh có ý nghĩa gì?

Thiên tử đáp:

–Này Phạm thiên! Trú nơi đạo lý không hai, đó gọi là nghĩa của phạm hạnh.

Phạm thiên hỏi:

–Này Thiên tử! Trú nơi đạo lý không hai là trú vào đâu?

Thiên tử đáp:

–Này Phạm thiên! Trú nơi đạo lý không hai tức là không trú nơi tất cả các pháp. Vì sao? Vì các Thánh hiền đều không có chỗ trú, không chấp vào các pháp, không vượt qua các dòng.

Phạm thiên hỏi:

–Này Thiên tử! Thế nào là tu đạo?

Thiên tử đáp:

–Này Phạm thiên! Không rơi vào nẻo có, không, nên không phân biệt là có, là không. Tu hành như thế gọi là tu đạo.

Phạm thiên hỏi:

–Này Thiên tử! Dùng pháp gì để tu đạo?

Thiên tử đáp:

–Này Phạm thiên! Không thấy, nghe, biết về các pháp, không đắc cũng không chứng. Đối với tất cả các pháp là vô tướng, chẳng hiển bày, đó gọi là tu đạo.

-oOo-

KINH THẮNG TƯ DUY PHẠM THIÊN SỞ VẤN

QUYỂN 6

Bấy giờ, Phạm thiên Thắng Tư Duy hỏi Thiên tử Bất Thoái Chuyển:

–Này Thiên tử! Thế nào là Bồ-tát đạt tinh tấn kiên cố?

Đáp:

–Này Phạm thiên! Bồ-tát đối với các pháp mà không thấy một tướng, không thấy khác tướng. Đó gọi là Bồ-tát đạt tinh tấn kiên cố. Bồ-tát đối với các pháp không hủy hoại pháp tánh, không chấp trước, không đoạn trừ, không tăng, không giảm, không thấy sự cấu, tịnh ra ngoài pháp tánh. Đó gọi là tinh tấn kiên cố bậc nhất, cho nên thân tâm Bồ-tát không có lay động.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền khen ngợi Thiên tử Bất Thoái Chuyển:

–Lành thay, lành thay!

Rồi Ngài nói với Phạm thiên Thắng Tư Duy:

–Như Thiên tử Bất Thoái Chuyển vừa nói về thân tâm không lay động là tinh tấn kiên cố bậc nhất.

Này Phạm thiên! Như Lai nhớ lại về thuở quá khứ đã từng thực hành tất cả mọi việc đều tinh tấn kiên cố, trì giới Đầu-đà, tôn trọng cúng dường các Đức Như Lai, nhưng chẳng được các Ngài thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, ta thường ở nơi thanh vắng, thiền tọa suy tư, tu tập đa văn, thương yêu chúng sinh, thường cung cấp mọi vật dụng cho họ, mọi việc khổ hạnh khó làm ta đều siêng năng tinh tấn thực hành, nhưng cũng không được các Đức Như Lai thọ ký, vì do bấy giờ ta trụ nơi thân, khẩu, ý để phát khởi tinh tấn.

Này Phạm thiên! Ta về sau này đã tạo được sự tinh tấn kiên cố như lời Thiên tử vừa nói, nên mới được Phật Nhiên Đăng Như Lai thọ ký về đời vị lai sẽ làm Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni.

Này Phạm thiên! Nếu có Bồ-tát nào muốn được Như Lai thọ ký cho, thì nên tu hành tinh tấn kiên cố như lời Thiên tử vừa nói, phải đối với các

pháp không dấy khởi sự vướng chấp nơi tinh tấn.

Phạm thiên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là ba đời bình đẳng tinh tấn?

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Tâm quá khứ đã diệt, tâm vị lai chưa đến, tâm hiện tại thì vô trụ. Nếu pháp đã diệt thì không còn phát khởi, nếu pháp chưa đến tức tướng không sinh, nếu pháp chẳng trụ tức trú nơi thật tướng. Hễ là như vậy, thì chẳng quá khứ, chẳng vị lai và chẳng hiện tại. Không quá khứ, vị lai và hiện tại, đó gọi là tự tánh. Mà tự tánh như vậy tức là không sinh.

Này Phạm thiên! Đấy tức là ba đời bình đẳng tinh tấn có thể khiến cho Bồ-tát mau được thọ ký.

Này Phạm thiên! Nếu Bồ-tát thành tựu pháp nhẫn nhục như vậy, tin tất cả các pháp không có chỗ xả bỏ, đó gọi là Bồ-tát tinh tấn Bố thí. Tin tất cả các pháp không có các lậu, đó gọi là Bồ-tát tinh tấn Trì giới. Tin tất cả các pháp không bị tổn hại, đó gọi là Bồ-tát tinh tấn Nhẫn nhục. Tin tất cả các pháp không có chỗ phát khởi, đó gọi là Bồ-tát tinh tấn Siêng năng hành hóa. Tin tất cả các pháp là bình đẳng, đó gọi là Bồ-tát tinh tấn Thiền định. Tin tất cả các pháp không có phân biệt, đó gọi là Bồ-tát tinh tấn Bát-nhã.

Này Phạm thiên! Bồ-tát tin nơi các pháp không tăng, không giảm, không tà, không chánh, thường xuyên bố thí mà không cầu báo ân, luôn giữ gìn giới cấm không có tham chấp, hành trì nhẫn nhục, biết rõ trong ngoài đều không, thực hành tinh tấn, biết rõ không có chốn phát khởi, tu tập thiền định, không có chỗ nương tựa, tu hành Bát-nhã, không có chỗ chấp thủ nơi tướng.

Này Phạm thiên! Bồ-tát thành tựu pháp nhẫn như vậy, tuy đối với tất cả các pháp có hiện bày sự tu hành, nhưng không hề cấu nhiễm, đó gọi là người được các pháp bình đẳng. Bồ-tát không bị các pháp thế gian, như được, mất; khen, chê; ca tụng, hủy báng; khổ, vui làm lay động. Bồ-tát phải vượt ra ngoài các pháp thế gian, cũng không nên tự cao và tự ti, không vui, không buồn, không vọng động, không phóng dật, không có hai tâm, xa lìa các kiến chấp, được pháp không hai, đối với chúng sinh chấp thuận hai kiến chấp thì khởi tâm thương yêu, tìm cách giáo hóa các chúng sinh ấy mà thọ nhận thân tướng. Đó gọi là tinh tấn kiên cố bậc nhất, là đắc nhẫn vô ngã. Nhẫn nhục đối với chúng sinh phát khởi tâm thương yêu để giáo hóa họ.

Lúc Đức Như Lai giảng nói về pháp đại tinh tấn như vậy, có tám ngàn Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh và đều được Ngài thọ ký thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tuy mỗi vị ở các cõi khác nhau, nhưng

đồng thành Phật đạo và cùng một danh hiệu là Tinh Tấn Kiên Cố.

Bấy giờ, Tuệ mạng Đại Ca-diếp ở trong chúng hội, liền đến bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như rồng lớn muốn làm mưa thì nó thường mưa ở những nơi biển rộng, ngoài ra nó không mưa các nơi khác. Các vị Bồ-tát cũng lại như vậy, thường đem mưa pháp lớn rưới lên những ai có tâm rộng lớn. Ngoài ra các vị không giảng nói cho người có tâm nhỏ hẹp.

Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông vừa nói! Các rồng chúa sở dĩ không mưa xuống cõi Diêm-phù-đề không phải là chúng ích kỷ, nhưng do nơi chốn đó không thể chứa hết lượng mưa lớn. Vì sao? Vì giọt mưa của rồng chúa lớn như trục xe, ở trong cõi Diêm-phù-đề không thể dung nạp hết. Nếu có mưa xuống cõi ấy thì nơi các thành ấp, xóm làng, rừng núi, ao hồ đều trôi nổi như chiếc lá táo. Cho nên rồng chúa không mưa xuống cõi Diêm-phù-đề.

Này Ca-diếp! Các vị Bồ-tát này không tuôn mưa pháp xuống nơi các chúng sinh khác, không phải vì tâm ích kỷ, mà do các chúng sinh ấy không có đủ khả năng để lãnh hội các pháp này. Do ý nghĩa đó các vị Bồ-tát thường đối với những ai có trí tuệ sâu rộng vô lượng, vô biên, với tâm rộng lớn như biển mới ban bố pháp vũ vô thượng không thể nghĩ bàn ấy.

Này Ca-diếp! Giống như biển lớn có thể chứa được lượng mưa hạt lớn như trục xe mà không có tăng không có giảm. Các vị Bồ-tát cũng lại như vậy, đối với một kiếp, hoặc trăm kiếp, hoặc nghe lãnh hội, hoặc giảng nói pháp môn an nhiên trong lặng không tăng, không giảm.

Này Ca-diếp! Ví như biển lớn chứa đựng được nước của hàng trăm con sông chảy vào, nhưng đều hòa chung thành một vị mặn. Các vị Bồ-tát cũng lại như vậy, dù nghe rất nhiều pháp, lãnh hội vô số luận nghị, nhưng đều tin hiểu chỉ có một vị, đó là vị không.

Này Ca-diếp! Ví như biển lớn thanh tịnh, không cấu uế, các dòng sông đục dơ đổ vào đều trở thành trong sạch. Các vị Bồ-tát ở đây cũng lại như vậy, có thể làm thanh tịnh tất cả các thứ phiền não, sân hận, oán hại, cấu bẩn.

Này Ca-diếp! Ví như biển lớn rất là sâu rộng không đáy, không thể đo lường được. Các vị Bồ-tát ấy cũng lại như vậy đều có thể đi vào pháp tướng thâm diệu. Tất cả hàng Thanh văn, Bích-chi-phật đều không có sánh được.

Này Ca-diếp! Ví như biển lớn chứa đựng được rất nhiều nước và có

nhiều ngọc quý. Các vị Bồ-tát ấy cũng lại như vậy đều đã tích tụ được vô lượng pháp, vô lượng trí tuệ, vô lượng pháp bảo. Do những ý nghĩa trên nên nói tâm của các vị Bồ-tát rộng lớn như biển cả.

Này Ca-diếp! Ví như biển lớn tích tụ vô lượng các loại ngọc báu. Các vị Bồ-tát cũng lại như vậy, tất cả đều thâm nhập vào vô số pháp môn để tu hành, tích tập các pháp bảo và làm phát sinh vô lượng tụ pháp bảo.

Này Ca-diếp! Ví như biển lớn sinh ra ba loại báu: Một là thiểu giá, hai là đại giá, ba là vô giá. Các vị Bồ-tát giảng nói pháp cũng lại như vậy, tùy theo chúng sinh có căn tánh lanh hay chậm để giáo hóa khiến chúng được giải thoát. Có khi dùng pháp Tiểu thừa khiến được giải thoát, có khi dùng pháp Trung thừa khiến được giải thoát, có khi dùng pháp Đại thừa khiến cho chúng sinh được giải thoát.

Này Ca-diếp! Ví như biển lớn trọn không thiên vị cho một chúng sinh nào mà có. Các vị Bồ-tát ấy cũng lại như vậy, không vì riêng một chúng sinh nào mà phát tâm Bồ-đề.

Này Ca-diếp! Ví như biển lớn dần dần chuyển thành sâu, dần dần hợp như ý muốn. Các vị Bồ-tát ấy cũng lại như vậy, dần dần hướng đến Nhất thiết trí thâm diệu, dần dần tùy thuận ý muốn.

Này Ca-diếp! Ví như biển lớn không dung chứa tử thi qua đêm. Các vị Bồ-tát ấy cũng lại như vậy, không dung chứa tâm của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, cũng không dung chứa những người có tâm tham lam, phá giới, điên cuồng, giận dữ, lười biếng, loạn động, ngu si, kiến chấp nơi ngã, nhân chúng sinh…

Này Ca-diếp! Ví như lúc kiếp tận thế giới này bị lửa thiêu đốt, thì các ao hồ, sông ngòi, khe suối đều khô cạn trước, sau đó, biển lớn mới khô cạn. Lúc chánh pháp bị hủy diệt cũng lại như vậy, những ai hành theo chánh pháp của đạo nhỏ thì bị diệt trước, sau đó mới hủy diệt chánh pháp của các vị Bồ-tát với tâm rộng lớn như biển.

Này Ca-diếp! Các vị Bồ-tát ấy thà bỏ thân mạng, chớ không xả bỏ chánh pháp.

Này Ca-diếp! Nước trong biển lớn có thể khô cạn, nhưng chánh pháp thâm diệu của các vị Đại Bồ-tát thì không bao giờ diệt tận.

Này Ca-diếp! Ông cho là các vị Bồ-tát làm mất chánh pháp chăng? Chớ nên nghĩ như vậy.

Này Ca-diếp! Giống như trong biển lớn kia có ngọc báu kim cang gọi là Tập chúng bảo. Ngọc báu này ở trong biển lớn của ngàn thế giới, khi nó chuyển thành ngọc báu kim cang ma-ni cho đến khi mặt trời thứ bảy hiện

ra, ngọn lửa dữ bùng cháy, trên đến cõi trời Phạm thế mà ngọc ma-ni ấy không bị cháy, không bị mất. Nếu đem châu báu này đến một biển lớn của thế giới khác mà làm cho thế giới ấy bị cháy, thì việc này không thể xảy ra. Các vị Bồ-tát cũng lại như vậy, khi chánh pháp bị hủy diệt, có bảy loại tà pháp xuất hiện. Bấy giờ, các vị Bồ-tát mới đi đến các phương khác. Bảy loại tà pháp ấy là:

1. Luận sư ngoại đạo.

2. Tri thức ác.

3. Hạng lạm dụng đạo pháp theo nẻo tà.

4. Não loạn lẫn nhau.

5. Vào rừng gai tà kiến.

6. Không thể phá trừ căn bất thiện.

7. Không có người chứng đắc pháp.

Khi bảy loại tà pháp này xuất hiện giữa đời, các vị Bồ-tát ấy biết các chúng sinh không thể độ được, lúc ấy mới sinh về quốc độ của các Đức Phật khác để thường được gặp Phật, nghe pháp và giáo hóa chúng sinh làm tăng trưởng thiện căn.

Này Ca-diếp! Ví như biển lớn làm nơi sinh sống của vô lượng chúng sinh, làm cho mọi người đều được an vui. Các vị Bồ-tát cũng lại như vậy, làm nơi nương tựa của chúng sinh, khiến họ đạt được an lạc nơi cõi trời, người và Niết-bàn.

Này Ca-diếp! Ví như nước trong biển lớn rất là mặn, các chúng sinh ở nơi khác đến không thể uống được. Các vị Bồ-tát cũng lại như vậy, các ma, ngoại đạo không làm hại được.

Này Ca-diếp! Ví như chúng sinh ở trong biển lớn không tìm nước ở nơi khác để uống, mà chỉ uống nước mặn của biển. Các vị Bồ-tát cũng lại như vậy, không cần tìm cầu pháp vị ở nơi khác để uống, mà chỉ tự uống pháp vị của chư Phật.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Biển lớn sâu rộng còn có thể đo lường được, nhưng các vị Bồ-tát, thì tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác không thể đo lường được. Do vậy nói tâm của các vị Bồ-tát giống như hư không.

Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Nước trong biển lớn nơi hằng hà sa số thế giới có thể đo lường được, nhưng trí tuệ rộng lớn của các vị Bồ-tát không thể đo lường được.

Lúc này, Đức Thế Tôn bèn dùng kệ để nhắc lại ý nghĩa trên:

Ví như biển lớn chứa tất cả
Nước khắp mọi nơi cũng chẳng đầy
Những vị Bồ-tát này cũng vậy
Thường cầu chánh pháp không chán đủ.
Ví như biển lớn nhận các sông
Tất cả chảy về không thừa thiếu
Những vị Bồ-tát cũng như vậy
Nghe pháp thâm diệu không tăng giảm.
Ví như biển lớn tánh không đục
Nước bẩn chảy vào đều lắng trong
Các vị Bồ-tát cũng như vậy
Làm tịnh tất cả phiền não cấu.
Ví như biển lớn sâu không đáy
Những vị Bồ-tát này cũng vậy
Trí tuệ, công đức không hạn lượng
Tất cả ngoại đạo chẳng thể biết.
Ví như biển lớn chỉ một vị
Trăm sông đổ vào chẳng đổi thay
Các vị Bồ-tát cũng như vậy
Nghe, thọ nhận pháp một vị không.
Ví như biển lớn trong thế giới
Không chỉ vì một chúng sinh nào
Các vị Bồ-tát cũng như vậy
Vì khắp tất cả phát tâm đạo.
Như biển châu báu gọi Tập bảo
Nhờ đấy mà có nhiều châu báu
Bảo tụ Bồ-tát cũng như vậy
Từ Bồ-tát bảo xuất Tam bảo.
Ví như biển lớn có ba báu
Mà biển lớn ấy không phân biệt
Bồ-tát thuyết pháp cũng như vậy
Ba thừa độ thoát không ta, người.
Ví như biển lớn dần dần sâu
Những Bồ-tát này cũng như vậy
Quyết tu công đức vì chúng sinh
Dần dần vào sâu pháp Đại thừa.
Biển lớn không dung chứa tử thi

Những Bồ-tát này cũng như vậy
Phát tâm thanh tịnh nguyện Bồ-đề
Không dung nạp Thanh văn, Duyên giác.
Ví như biển lớn có châu báu
Khi kiếp thiêu cháy ngọc không cháy
Bồ-tát trong khi pháp sắp diệt
Đạt trí hộ trì khiến không diệt.
Như châu báu kia không cháy mất
Chuyển đến biển lớn ở phương khác
Biết các chúng sinh không pháp khí
Bồ-tát tuệ sáng đến cõi khác.
Ba ngàn thế giới lúc sắp diệt
Lửa kiếp bốc lên đốt đất trời
Trăm sông ngàn suối đều khô trước
Sau đó đại dương mới cạn kiệt.
Người hành đạo nhỏ cũng như vậy
Lúc pháp sắp diệt thì diệt trước
Bồ-tát dũng mãnh không tiếc thân
Hộ trì chánh pháp không để diệt.
Phật còn tại thế hay diệt độ
Tam bảo trong tâm không thể diệt
Tâm sâu thanh tịnh trụ nơi pháp
Dùng pháp thiện ấy tu hành đạo.
Trăm ngàn chúng sinh sống trong biển
Biển có, không vì một loài nào
Bồ-tát phát tâm cũng như vậy
Vì độ tất cả các chúng sinh.
Mười phương thế giới các biển lớn
Lượng nước rất nhiều có thể lường
Nẻo hành đạo của các Bồ-tát
Thanh văn, Duyên giác không thể lường.
Mười phương thế giới cõi hư không
Hư không còn có thể lường tính
Bồ-tát hành trì hư không giới
Rộng lớn vô biên khó lường xét.
Ca-diếp nên biết các Bồ-tát
Tâm dũng mãnh, tinh tấn, kiên cố
Ước nguyện làm Phật độ chúng sinh

Chẳng thể bằng họ huống là hơn.
Khối báu công đức như biển lớn
Là ruộng phước tốt nên cúng dường
Cũng là đại y vương tối thượng
Chữa trị tất cả bệnh chúng sinh.
Là nơi nương tựa và cứu độ
Bến bãi, đèn sáng, đạo cứu cánh
Mắt thế gian nhìn rõ vô minh
Được mắt tức được uống cam lồ.
Là các pháp vương của thế gian
Là trí quyết đoán của Đế Thích
Là hành bốn Thiền của Đại phạm
Là chuyển pháp luân của Phạm thiên.
Là bậc dẫn đường, trí tuệ lớn
Chỉ rõ nẻo tà, đạo chân chánh
Dũng mãnh trú trong đại Bồ-đề
Trong lặng diệt trừ phiền não cấu.
Tịnh tu pháp thiện như trăng rằm
Ánh sáng tỏa khắp như mặt trời
Trí tuệ Bồ-tát luôn tăng trưởng
Như tiếng sấm lớn tuôn mưa pháp.
Như sư tử chúa không sợ hãi
Tâm thường điều phục như voi chúa
Bồ-tát kiên cố như Tu-di
Tất cả các ma không thể phá.
Xa lìa cấu bẩn, trong như nước
Có đủ uy mãnh là như lửa
Không có chướng ngại là như gió
Không thể lay động như mặt đất.
Bồ-tát xa lìa tâm hạn hẹp
Trừ gốc ngã mạn và tham, ganh
Như cây thuốc tốt không phân biệt
Tám pháp thế gian không cấu nhiễm.
Bồ-tát giống như hoa Ưu-đàm
Ngàn vạn ức kiếp không thể thấy
Biết báo ân sâu của chư Phật
Chủng tử Phật tánh không đoạn diệt.
Hành từ kiên cố tâm đại Bi

Dùng tâm hỷ xả để vượt qua
Lìa xa tâm ý về năm dục
Thường cầu tài bảo của pháp Phật.
Hành trì bố thí là hơn hết
Giữ gìn giới luật không người bằng
Khéo sống nhẫn nhục không gì hơn
Siêng năng tinh tấn không mệt mỏi.
Hành thiền đầy đủ các thần thông
Đi đến vô lượng quốc độ Phật
Thường gặp chư Phật và nghe pháp
Như điều nghe rồi nói cho người.
Khéo biết nẻo hành nơi chúng sinh
Tùy theo căn tánh lanh hay chậm
Gọi là khéo biết lực phương tiện
Là thắp đèn tuệ được cứu vớt.
Có thể hiểu biết tất cả pháp
Thấu rõ chúng sinh được giải thoát
Tu hành kiên cố biết như thật
Nhờ đấy nên biết rõ như thật.
Quan sát đúng đối với các pháp
Từ đâu đến và đi về đâu
Khéo biết các pháp không đến, đi
Thường trú pháp tánh, không hề động.
Thấy pháp hữu vi đều là không
Tăng trưởng đại Bi cứu muôn loài
Vọng tưởng phiền não nên chịu khổ
Vì nhằm cứu độ nên tu tập.
Phàm phu phân biệt ta, của ta
Nên phải sống trong các tà kiến
Bồ-tát hiểu thật tướng các pháp
Trừ các kiến chấp, thuyết giảng pháp.
Vô thường là thường, không tịnh, tịnh
Vô ngã cho ngã, khổ cho vui
Phàm phu điên đảo nên tham chấp
Sinh tử đời trước không biết được.
Biết rõ pháp điên đảo như vậy
Không ngã không nhân không chúng sinh
Như vậy Bồ-tát tu chánh đạo

Vô thường, không lạc, vô ngã tịnh.
Ca-diếp nên biết! Bồ-tát này
Ta thường khen ngợi các công đức
Nẻo hành hóa ấy không thể hết
Giống như hạt bụi giữa trái đất.
Phát tâm Bồ-đề không thoái chuyển
Ba ngàn đại thiên vật cúng dường
Có sự cúng dường hơn hiện tại
Người ấy đáng thọ cúng dường này.
Nếu người phát tâm nguyện làm Phật
Tức là cung kính cúng dường ta
Phật quá khứ, hiện tại, vị lai
Cũng đều đã cung kính cúng dường.

Bấy giờ, Phạm thiên Thắng Tư Duy thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát nên cung thỉnh Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri hộ trì pháp môn này, để chúng sinh đời sau nương vào oai lực của Đức Như Lai tu tập và phổ biến rộng khắp pháp môn ấy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Phạm thiên! Ý ông thế nào? Ông cho Đức Như Lai đối với pháp môn này có thật pháp, có giảng thuyết, có trình bày và có hộ trì chăng?

Phạm thiên đáp:

–Không.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Phạm thiên! Do đấy ông nên biết, tất cả các pháp không thể diễn nói, không thể trình bày, không có hủy diệt, không có hộ trì. Nếu có sự ủng hộ pháp môn này thì như ủng hộ hư không.

Này Phạm thiên! Nếu có Bồ-tát nói: "Ta ủng hộ pháp môn này", thì biết lời nói của vị Bồ-tát ấy là không đúng. Vì sao? Vì pháp môn này vượt ra ngoài tất cả mọi sự nói năng, nêu bày. Đó gọi là Bồ-tát ưa thích không tranh luận.

Này Phạm thiên! Nếu có Bồ-tát nào ở trong chúng hội này cho rằng: "Hôm nay ta được nghe pháp, thì biết Bồ-tát ấy tức chẳng phải là nghe pháp. Vì sao? Vì không chấp nơi sự nghe pháp mới gọi là nghe pháp."

Phạm thiên hỏi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát dựa vào ý nghĩa gì mà nói không

chấp vào chỗ nghe pháp mới gọi là nghe pháp?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Phạm thiên! Tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý không bị phiền não làm cấu nhiễm thì khi ấy mới gọi là nghe pháp. Vì sao? Vì khi ấy tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý sáu nhập ấy không bị đắm nhiễm theo sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp.

Bấy giờ, trong chúng hội có ba vạn hai ngàn Thiên tử, năm trăm Tỳ-kheo, ba trăm Tỳ-kheo-ni, tám trăm Ưu-bà-tắc, tám trăm Ưu-bà-di, nghe Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết pháp như vậy đều đạt được pháp Nhẫn vô sinh và cùng nhau nói:

–Đúng vậy, đúng vậy, thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đúng như lời Bồ-tát nói. Không chấp nơi sự nghe pháp mới gọi là nghe pháp.

Khi ấy, Phạm thiên Thắng Tư Duy hỏi các vị Bồ-tát đã chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh:

–Các vị nói như thế là không lãnh hội pháp môn này sao?

Các vị Bồ-tát trả lời:

–Đúng như điều chúng tôi nghe, thì không lãnh hội mới gọi là nghe.

Phạm thiên hỏi:

–Các vị làm thế nào để nhận biết pháp môn này?

Đáp: Này Phạm thiên! Do không nhận biết tức là nhận biết.

Phạm thiên hỏi:

–Các vị đã chứng đắc những pháp gì mà gọi là đạt được pháp Nhẫn vô sinh?

Đáp: Này Phạm thiên! Do tất cả các pháp đều không thể chứng đắc. Do vậy, chúng tôi đạt được pháp Nhẫn vô sinh.

Phạm thiên hỏi:

–Các vị cho thế nào là tùy pháp hành?

Đáp: Này Phạm thiên! Do chẳng tùy theo các hành tức là tùy pháp hành.

Phạm thiên hỏi:

–Chư vị có thể không thấu tỏ thông đạt pháp môn này chăng?

Đáp: Này Phạm thiên! Tất cả các pháp chúng tôi thảy đều thông đạt, thấu tỏ, không còn phân biệt bỉ, ngã.

Bấy giờ, trong chúng hội có một vị Thiên tử tên là Vô Cấu, nói với Phạm thiên Thắng Tư Duy:

–Này Phạm thiên! Nếu có người chịu nghe pháp môn của kinh này mà không được Đức Như Lai thọ ký, thì tôi sẽ xin thọ ký cho đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì pháp môn này không hề mất nhân quả, mà có thể sinh ra tất cả các pháp thiện, có thể phá trừ ma oán, xa lìa mọi thương ghét, có thể làm cho tâm của chúng sinh được thanh tịnh, có thể khiến người có tín tâm đều được an vui. Đó là nhờ pháp môn này diệt trừ mọi sân hận, là chỗ tu hành của những người chân thiện, là chỗ hộ niệm của tất cả chư Phật, là pháp của tất cả hàng Trời, Người, A-tu-la ở thế gian đều cùng giữ gìn, là pháp môn nếu ai quyết định thực hành thì đạt đến quả vị không thoái chuyển. Là pháp môn chân thật không hư dối nên đi đến đạo tràng. Là pháp môn chân thật không điên đảo, có thể làm cho chúng sinh hiểu được pháp của chư Phật. Nhờ pháp môn này nên chuyển được pháp luân, đoạn trừ mọi thứ nghi ngờ, có thể mở bày được Thánh đạo. Nhờ pháp môn này các người cầu giải thoát đều phải khéo lắng nghe lãnh hội. Nhờ pháp môn này mà những ai muốn được các pháp Đà-la-ni nên khéo thọ trì. Do nơi pháp môn này giúp cho người cầu phước đức phải nên thuyết giảng. Những người cầu pháp lạc phải nên hộ trì pháp môn này, vì pháp môn ấy có thể đem lại cho mọi người sự an lạc lớn để đạt đến Niết-bàn. Vì pháp môn này làm cho ma ác, ngoại đạo không thể phá hoại người tu tập, vì ai hành trì pháp môn này có thể nhận sự cúng dường. Do pháp môn này khiến người có căn tánh lanh lợi thực hành đều vui mừng. Vì pháp môn này làm cho người có trí chân thật đều được hoan hỷ. Vì pháp môn này có thể ban cho mọi người trí tuệ, xa lìa các tà kiến. Vì pháp môn này có thể đem lại cho người trí sáng phá trừ ngu si. Do pháp môn này văn từ có thứ lớp, giúp cho người khéo thuyết giảng. Vì pháp môn này rốt ráo, thiện xảo, tùy theo ý nghĩa mà thuyết giảng. Vì pháp môn này có nhiều lợi ích, giảng nói về Đệ nhất nghĩa đế. Vì pháp môn này là chỗ ham muốn của những người ưa thích đạo pháp. Vì pháp môn này khiến những người có trí tuệ không thể xa lìa. Vì pháp môn này là kho báu lớn của người hành trì bố thí. Vì pháp môn này là ao nước mát trong đối với những người nóng bức. Do pháp môn này có thể khiến đối với kẻ sân hận hay Từ bi, tâm đều bình đẳng. Do pháp môn này có thể làm cho người biếng nhác trở thành tinh tấn. Vì pháp môn này làm cho người vọng niệm đều đạt được thiền định. Vì pháp môn này đã ban cho người ngu si ánh sáng của Bát-nhã.

Này Phạm thiên! Vì pháp môn này luôn được tất cả chư Phật quý trọng.

Khi Thiên tử Vô Cấu thuyết giảng về pháp môn này thì khắp tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động sáu cách.

Bấy giờ, Phật khen ngợi Thiên tử Vô Cấu:

–Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông nói.

Khi đó, Phạm thiên Thắng Tư Duy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thiên tử Vô Cấu trong thời quá khứ đã ở nơi trú xứ của các Đức Như Lai nghe kinh này rồi sao?

Phật dạy:

–Này Phạm thiên! Thiên tử Vô Cấu này nơi đời quá khứ ở chỗ sáu mươi bốn ức chư Như Lai đã được nghe pháp môn ấy. Lại trải qua bốn vạn hai ngàn kiếp về sau, Thiên tử Vô Cấu sẽ thành Phật hiệu là Vô Cấu Trang Nghiêm, cõi nước tên là Bảo trang nghiêm. Từ đây đến khi thành Phật, có Đức Phật nào xuất hiện nơi thế gian Thiên tử đều đem tất cả vật dụng dâng lên cúng dường, cùng lắng nghe pháp môn này.

Này Phạm thiên! Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người, không phải người… ở nơi pháp hội này đạt được pháp Nhẫn vô sinh đều được sinh về cõi nước Bảo trang nghiêm.

Lúc ấy, Thiên tử Vô Cấu bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không cầu Bồ-đề, không nguyện Bồ-đề, không ham muốn Bồ-đề, không vui thích Bồ-đề, không suy nghĩ về Bồ-đề, không phân biệt về Bồ-đề, vậy tại sao Đức Như Lai thọ ký cho con?

Phật dạy:

–Này Thiên tử! Nếu lấy cỏ cây với thân, cành, lá ném vào trong lửa và nói: "Đừng cháy, đừng cháy! ". Nếu nói như vậy mà không cháy thì không bao giờ có.

Này Phạm thiên! Bồ-tát cũng lại như vậy. Tuy không cầu Bồ-đề, không nguyện Bồ-đề, không ham muốn Bồ-đề, không vui thích Bồ-đề, không suy nghĩ về Bồ-đề, không phân biệt về Bồ-đề, thì biết vị Bồ-tát ấy đã được tất cả chư Phật thọ ký. Vì sao? Vì chư Bồ-tát không cầu Bồ-đề, không nguyện Bồ-đề, không ham muốn Bồ-đề, không vui thích Bồ-đề, không suy nghĩ về Bồ-đề, không phân biệt về Bồ-đề, tức được chư Phật thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc này, trong chúng hội có năm trăm Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay chúng con không cầu Bồ-đề, không nguyện Bồ-đề, không ham muốn Bồ-đề, không vui thích Bồ-đề, không suy nghĩ về Bồ-đề, không phân biệt về Bồ-đề. Tất cả vừa bạch như vậy xong và nhờ thần lực của Phật, liền thấy ở phương trên có tám vạn bốn ngàn Đức Phật thọ ký

cho đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, năm trăm Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hiếm có, thật là hiếm có, Như Lai khéo thuyết giảng pháp. Nếu Bồ-tát không cầu Bồ-đề, không nguyện Bồ-đề, không ham muốn Bồ-đề, không vui thích Bồ-đề, không suy nghĩ về Bồ-đề, không phân biệt về Bồ-đề, thì biết Bồ-tát ấy đã được chư Phật thọ ký. Bạch Thế Tôn! Chúng con thấy nơi phương trên với tám vạn bốn ngàn Đức Phật đã thọ ký cho chúng con đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Cúi xin Đức Thế Tôn hộ trì cho pháp môn này được trang nghiêm và tồn tại mãi mãi trong cõi Diêm-phù-đề. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào được nghe pháp môn này, giả sử có vô số các thứ ma muốn phá hoại, thì cũng không thể phá hoại được. Nếu ai thọ trì pháp môn này, thì có thể phát tâm cầu đạt đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng vậy, đúng vậy! Ông nên lắng nghe, vì pháp môn này tồn tại lâu ở thế gian nên ta bảo ông hãy kêu gọi các bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Cưu-bàn-trà… nên đọc tụng thần chú và thường ủng hộ pháp môn ấy. Nếu có các Pháp sư, thiện nam, thiện nữ đọc tụng thần chú ấy thì chư Thiên, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Cưu-bàn-trà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già… thường theo hộ vệ. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đi trên đường bị lạc, hoặc ở nơi làng xóm, hoặc nơi đồng vắng, hoặc trong phòng tăng, hoặc nơi nhà yên vắng, hoặc nơi chốn kinh hành, hoặc trong chúng hội đọc câu thần chú này, thì các vị thần thường theo hộ vệ, tạo mọi diệu lực nơi nhân duyên cho vị Pháp sư giỏi thuyết giảng với biện tài vô ngại kiên cố, không bao giờ quên, khiến các thứ oán tặc không thể đến phá hoại, mọi sự sinh hoạt đi, đứng, nằm, ngồi của vị Pháp sư đều được an nhiên, tốt đẹp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thần chú ấy là:

–Đa dật tha, ưu đầu lệ, đầu đầu lệ, ma lệ, giá lệ, ma cù giá lệ, thất ly, di hy, sơ ly di ly, hầu lâu hầu lâu hầu lâu ác bà lệ, bi đa địa khư khư lệ, khư lệ khư lệ khư nê, a tăng nê, già đề ma tử lệ, ma na, sa bà nê, bạt đại kiền đại, tát bà lưu đế, bà la bà già đế, tân đầu lệ. Nam-mô Phật đề tỵ tà, giá ly đế lệ. Nam-mô Đạt ma da, ni già sa ni. Nam-mô Tăng già da, sa bà hệ, đa ba bế, tỵ dụ ba thiên đa ni, tát bà ba ba ni, mai đề ly mê, tát bà phù đề tỵ da, tát đa ni ly trì thứ, bà lam hồng ma ba đồ, ma hà ly sư tỵ, bát la xa đá, đa đa la chỉ sắt thiên đế, tát bà già la hạ. Nam-mô tát bà Phật đề tỵ da, tất triền

đố, mạn đá la, bát đại san bà hạ.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu có Đại Bồ-tát nào muốn tu hành pháp môn thù thắng này thì nên thọ trì, đọc tụng thần chú này, chớ nên đùa cợt, tán loạn, mọi sự cử động luôn giữ tâm thanh tịnh, không chứa thức ăn dư thừa, luôn luôn ít ham muốn biết đủ, ở riêng một mình, xa lìa nơi chốn ồn ào, náo nhiệt, thường hành Từ bi, luôn vui với pháp thiện, không nên lừa dối, nói lời chân thật, ưa thích tọa thiền và thuyết pháp. Sống trong chánh niệm, thường xa lìa tà niệm, thích tu hạnh Đầu-đà, đối với được, mất không còn vui buồn, hướng đến Niết-bàn, nhàm chán sinh tử, tâm giữ bình đẳng, không có thương ghét, hòa hợp ly biệt, không tham luyến tự thân và tất cả của cải. Thành tựu đầy đủ các oai nghi, thường trì giới luật, dịu dàng luôn nhẫn nhục với lời nói ác, luôn tươi vui, thường hành điều thiện, hễ gặp người nào đều chào đón hỏi thăm, xả bỏ ngã mạn, hòa đồng vui vẻ.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Các thiện nam đọc tụng thần chú, tu hành như vậy thì trong đời này bậc Pháp sư ấy đạt được mười thứ lực như sau:

1. Niệm lực: Tức là không quên các pháp.

2. Ý lực: Tức là phương tiện thiện xảo chọn lựa các pháp.

3. Pháp lực: Luôn tùy thuận kinh, hiểu rõ ý nghĩa.

4. Kiên cố lực: Thường giữ tâm Bồ-đề như pháp tu hành.

5. Tàm quý lực: Hộ trì ta và người khác.

6. Văn lực: Đầy đủ trí tuệ.

7. Đà-la-ni lực: Tất cả những gì nghe qua đều hành trì được.

8. Nhạo thuyết biện lực: Được các Đức Phật hộ niệm.

9. Thâm pháp lực: Đầy đủ năm thứ thần thông.

10. Pháp Nhẫn vô sinh lực: Mau được đầy đủ trí Nhất thiết trí.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu Pháp sư nào có thể đọc tụng thần chú này và thực hành như vậy, thì biết vị Pháp sư ấy trong đời hiện tại đạt được mười Lực.

Lúc Như Lai thuyết giảng về diệu lực của thần chú này, có bốn vị đại thần vương đều kinh sợ, lông tóc dựng ngược, bèn cùng vô lượng quỷ thần quyến thuộc vây quanh đều đến trước Phật, cúi đầu đảnh lễ và tác bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bốn thần vương chúng con đã chứng đắc được quả Tu-đà-hoàn. Nếu có vị Pháp sư nào theo lời Phật dạy tinh tấn tu hành, chúng con thường bảo quyến thuộc, từ vị quan quân cho tới thần dân đều đến hộ trì vị Pháp sư ấy. Nếu có các thiện nam, thiện nữ nào hộ niệm, thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng pháp môn này thì bốn thần vương chúng con thường đến

chỗ người ấy, hoặc ở thành ấp, thôn xóm đồng trống vắng, trong phòng, xuất gia, tại gia để hầu hạ cung cấp vật dụng, làm cho họ được an ổn, không có nhàm chán và khiến cho các Ma vương không thể đến quấy nhiễu.

Bạch Thế Tôn! Bất cứ ở nơi nào, bốn vị Thần vương chúng con đều thuận theo pháp môn ấy làm cho xung quanh nơi ấy cách trăm do-tuần hoặc là chư Thiên, con của chư Thiên; Rồng, con của Rồng; Dạ-xoa, con của Dạ-xoa; Cưu-bàn-trà, con của Cưu-bàn-trà hết thảy đều không thể đến quấy phá được.

Lúc ấy, Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa nói kệ:

Chúng quyến thuộc hiện có
Thân thích và thứ dân
Đều cùng nhau hộ vệ
Cúng dường Pháp sư ấy.

Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-xoa nói kệ:

Con là con Pháp vương
Từ pháp mà hóa sinh
Phật tử, người phát tâm
Con đều nên cúng dường.

Thiên vương Đề-đầu-lại-trá nói kệ:

Nếu có các Pháp sư
Trì kinh của chư Phật
Con thường theo hộ vệ
Rộng khắp cả mười phương.

Thiên vương Tỳ-sa-môn nói kệ:

Là người phát đạo tâm
Nên thọ sự cúng dường
Tất cả các chúng sinh
Đều không thể biết được.

Khi đó, con của Thiên vương Tỳ-sa-môn tên là Thiện Thật, dâng lọng quý bằng bảy báu lên Đức Như Lai và nói kệ:

Kính bạch Đức Thế Tôn
Con trì pháp môn này
Và rộng nói cho người
Tâm con luôn như vậy.
Đức Thế Tôn đều biết
Đời trước việc con làm

Mới đầu phát đạo tâm
Chí thành cầu Phật đạo.
Thế Tôn "Đảnh vô kiến"
Con dâng lọng quý này
Để mong được như vậy
Tướng tốt "Vô kiến đảnh".
Xin đem tâm ái kính
Chiêm ngưỡng Đức Như Lai
Mong Bậc Lưỡng Túc Tôn
Từ bi quan sát con,
Con cầu mắt Phật tịnh
Nguyện thấy A-dật-đa.
Thế Tôn bậc trí tuệ
Liền dùng kệ đáp lại:
Sau khi ông mạng chung
Liền sinh trời Đâu-suất
Từ cõi đó hạ sinh
Được thấy Phật Di-lặc.
Hai ngàn năm cúng dường
Mới được đi xuất gia
Đã được xuất gia rồi
Chuyên tịnh tu phạm hạnh.
Chư Phật trong Hiền kiếp
Tất cả đều được gặp
Cũng thảy đều cúng dường
Nương các Ngài tu hành.
Hơn sáu mươi ức kiếp
Ông thành tựu quả Phật
Danh hiệu là Bảo Cái
Quốc độ rất nghiêm tịnh.
Chỉ có Bồ-tát tăng
Thuyết giảng pháp vi diệu
Thọ mạng trọn một kiếp
Phật ấy diệt độ rồi.
Chánh pháp trụ một kiếp
Tượng pháp trụ nửa kiếp
Pháp thanh tịnh thù thắng
An ổn các chúng sinh.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân cùng vô số trăm ngàn chư Thiên vây quanh, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có vị Pháp sư nào thọ trì pháp môn này, thì chúng con đều theo hộ vệ, cúng dường. Ở chỗ nào có đọc tụng, thuyết giảng pháp môn ấy thì chúng con cùng hàng quyến thuộc đến nghe và làm tăng thêm uy lực, không có lo sợ của vị Pháp sư, đồng thời khiến cho ý nghĩa thứ lớp của pháp không bị tổn thất.

Lúc này, con của Thích Đề-hoàn Nhân tên là Thiện Hộ đem lọng báu quý có các vật báu đan xen dâng lên Đức Thế Tôn và nói kệ:

Con thường biết như thật
Việc đời trước Thế Tôn
Con cũng làm như vậy
Cầu Nhất thiết trí Phật.
Đức Thế Tôn xa xưa
Vật gì cũng bố thí
Con cũng làm như vậy
Xả bỏ vật mình có.
Con nay con Pháp Vương
Thọ trì pháp môn này
Nói rộng cho nhiều người
Báo ân Đức Như Lai.
Người thọ pháp môn ấy
Thì cũng giống như con
Con giúp đỡ người đó
Chứng đắc đạo Bồ-đề.
Thế Tôn, hàng Thanh văn
Không thể hộ trì pháp
Ở đời sau sợ hãi
Con hộ pháp môn này.
Thế Tôn an ủi con
Lại đoạn nghi chư Thiên
Con cũng muốn như vậy
Thành Phật như Thế Tôn.
Phật thông đạt trí tuệ
Thọ ký Nhất thiết trí:
Ông sau này thành Phật
Như ta nay không khác.

Hơn một ngàn ức kiếp
Lại trên trăm ức kiếp
Mới chứng đắc thành Phật
Danh hiệu là Trí Thành.

Bấy giờ, chủ thế giới Ta-bà là Đại phạm Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào có thể thuyết giảng pháp môn này, thì con xả bỏ niềm vui của thiền định đi đến cúng dường vị ấy. Vì sao? Vì pháp môn này phát sinh ra Đế Thích, Đại phạm Thiên vương và các bậc tôn quý.

Lại nữa, nếu có thiện nam, thiện nữ nào thuyết giảng pháp môn này thì sẽ được nhận sự cúng dường của Phạm thiên vương, tất cả hàng Trời, Người, A-tu-la ở thế gian.

Thiên vương Diệu Phạm nói kệ:

Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Thiện nam và thiện nữ
Thọ trì pháp môn này
Chỗ thế gian cúng dường.
Cho đến có một người
Thực hành pháp môn ấy
Con Thiên vương Diệu Phạm
Phải nên nêu bày rõ.
Trải nhiều tòa hoa đẹp
Cao đến trời Phạm thiên
Ngồi trên tòa báu ấy
Thuyết giảng pháp môn này.
Nếu trong đời xấu ác
Nghe được pháp môn ấy
Nên phát tâm hy hữu
Vui mừng nói lành thay!
Nếu vô lượng thế giới
Lửa lớn khắp mọi nơi
Cũng phải nên vượt qua
Đến nghe pháp môn này.
Nếu có ai muốn nghe
Pháp môn khai Phật đạo
Nên như báu Tu-di
Cúng dường người nghe pháp.

Khi đó, Đức Thế Tôn hiện bày diệu lực thần thông làm cho ma Ba-tuần và quân ma đều đến chỗ Phật bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con cùng quyến thuộc xin lập thệ nguyện: Nếu pháp môn này lưu hành đến nơi nào, thì người thuyết pháp, người nghe pháp và quốc độ ấy không có việc làm của ma, chúng con thường đến ủng hộ.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bèn phóng hào quang màu vàng ròng chiếu khắp thiên hạ này, bảo Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như Lai trú từ pháp môn như vậy, vì tạo lợi ích cho các vị Pháp sư, tùy theo pháp môn này tồn tại giữa cõi Diêm-phù-đề lâu hay mau thì pháp Phật cũng không diệt.

Bấy giờ, các chúng sinh trong chúng hội đem tất cả hoa, hương, hương bột tung lên cúng dường Phật và tác bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con nguyện pháp môn này lưu truyền rộng khắp và tồn tại mãi mãi nơi cõi Diêm-phù-đề.

Khi ấy, Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nên thọ trì pháp môn này.

Tôn giả A-nan thưa:

–Dạ, bạch Thế Tôn, con xin thọ trì!

Phật dạy:

–Này A-nan! Như Lai nay phó chúc pháp môn này cho ông, vậy ông nên thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng cho mọi người.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người nào thọ trì, biên chép, đọc tụng, thuyết giảng cho người khác về pháp môn này thì người ấy có được bao nhiêu công đức?

Phật dạy:

–Này A-nan! Tùy theo pháp môn này có bao nhiêu văn tự, chương cú mà vị này thọ trì. Nếu có người trọn đời đem tất cả các vật dụng tạo an lạc thù thắng vi diệu cúng dường chư Phật và chúng Tăng. Nếu có người chỉ cúng dường pháp môn này, cung kính tôn trọng, khen ngợi thì phước đức người ấy sẽ hơn người kia, vì đời hiện tại được mười một tạng công đức như sau:

1. Thấy Phật tạng: Được Thiên nhãn.

2. Nghe Pháp tạng: Được Thiên nhĩ.

3. Thấy Tăng tạng: Không thoái chuyển nơi Bồ-tát tăng.

4. Vô tận tài tạng: Đạt được tạng báu.

5. Sắc thân tạng: Được đầy đủ ba mươi hai tướng tốt.

6. Quyến thuộc tạng: Các quyến thuộc không thể bị hủy hoại.

7. Tạng nghe các pháp chưa được nghe: Được thọ trì các pháp Đà-la-ni.

8. Ức niệm tạng: Được nhạo thuyết biện tài vô ngại.

9. Vô úy tạng: Phá trừ tất cả luận sư ngoại đạo.

10. Phước đức tạng: Tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh.

11. Trí tuệ tạng: Được pháp của tất cả chư Phật.

Lúc Phật thuyết giảng kinh này, có bảy mươi hai na-do-tha Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn vô sinh, vô lượng chúng sinh phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vô số chúng sinh tâm diệt trừ được các pháp hữu lậu, chứng đắc giải thoát.

Bấy giờ, Tuệ mạng A-nan liền đứng dậy, sửa lại y phục, trịch vai bên phải, đảnh lễ nơi chân Phật và tác bạch:

–Bạch Thế Tôn! Pháp môn này gọi tên là gì và thọ trì như thế nào?

Phật dạy:

–Này A-nan! Pháp môn này tên là Bình Đẳng Thâu Giữ Tất Cả Pháp, theo như vậy mà hành trì. Còn có tên là Trang Nghiêm Tất Cả Pháp, cũng theo như vậy mà hành trì. Còn có tên là Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn, cũng như vậy mà hành trì. Còn có tên là Văn-thù-sư-lợi Luận Nghĩa, cũng như vậy mà hành trì.

Phật thuyết giảng pháp môn này xong, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Phạm thiên Thắng Tư Duy, Bình Đẳng Hành, Bồ-tát Võng Minh, Trưởng lão Đại Ca-diếp, Tuệ mạng A-nan và các vị Bồ-tát từ mười phương thế giới vân tập đến, tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà vương, A-tu-la… đều rất vui mừng, vâng lời Phật dạy.

-oOo-

Số 588

PHẬT THUYẾT TU CHÂN THIÊN TỬ KINH

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

QUYỂN 1

Phẩm 1: Thưa hỏi về bốn việc

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại tinh xá Kỳ hoàn, nơi khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc ở nước Xá-vệ, cùng đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị hội đủ, Bồ-tát gồm một vạn và các Thiên tử ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Các chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cùng với vô số trăm ngàn người trước sau vây quanh Đức Thế Tôn để nghe thuyết pháp.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và Thiên tử Tu Chân cũng ngồi trong chúng hội. Thiên tử Tu Chân quan sát đại chúng đang ngồi yên lặng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ gối, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn thưa hỏi, xin Đức Thế Tôn phân biệt giải thích rõ.

Đức Phật khen:

–Lành thay, lành thay! Thiên tử! Ông đã vì mọi thế gian mà cầu đạt tất cả nghĩa tối thượng, mới đem tâm niệm này thưa hỏi Như Lai. Theo chỗ hỏi của ông, Như Lai sẽ nói rõ để dứt mọi nghi ngờ.

Thiên tử Tu Chân hết sức vui mừng, liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát được lòng tin chân thật nơi pháp Đại thừa?

Thế nào là Bồ-tát được việc làm kiên cố, không hề khiếp sợ?

Thế nào là Bồ-tát được phước tối thắng không ai sánh bằng?

Thế nào là Bồ-tát có biết rõ về các hành không bị chướng ngại?

Thế nào là Bồ-tát xa lìa vô minh, phiền não, đạt được trí tuệ?

Thế nào là Bồ-tát hội nhập nơi các biện tài dũng mãnh không hề sợ sệt?

Thế nào là Bồ-tát nương vào ý nghĩa đã được lãnh hội mà có thể giữ gìn?

Thế nào là Bồ-tát dựa nơi pháp thâm diệu vượt hơn hẳn thế tục?

Thế nào là Bồ-tát cung kính, thực hành theo lời dạy của Thế Tôn?

Thế nào là Bồ-tát nương nơi pháp để giáo hóa, dẫn dắt, làm lợi ích cho tất cả muôn loài?

Thế nào là Bồ-tát được trí tuệ thần thông không ai sánh bằng?

Thế nào là Bồ-tát bị ma làm chướng ngại nhưng tâm không lay động?

Thế nào là Bồ-tát được trí sâu xa không ai bì kịp?

Thế nào là Bồ-tát không bị pháp thế tục làm nhiễm ô?

Thế nào là Bồ-tát một mình đi vào các hành thù thắng sâu xa?

Thế nào là Bồ-tát biết dùng phương tiện quyền xảo tùy theo căn cơ của chúng sinh để thuyết pháp?

Thế nào là Bồ-tát vào cửa giải thoát, ở trong sinh tử mà không bị sắc dục lôi cuốn?

Thế nào là Bồ-tát được phương tiện đặc biệt, chế ngự sự cao ngạo?

Thế nào là Bồ-tát có được phương tiện nhân duyên, biết các việc đã làm?

Thế nào là Bồ-tát có được phương tiện giới luật, xa lìa các kiến chấp?

Thế nào là Bồ-tát có được phương tiện thiện xảo, giáo hóa tất cả chúng sinh?

Thế nào là Bồ-tát được nguyện an lành, thân tâm thanh tịnh?

Thế nào là Bồ-tát được lực nhẫn nhục, tâm không sân giận?

Thế nào là Bồ-tát được các pháp Ba-la-mật, đạt tới bờ giác ngộ?

Thế nào là Bồ-tát cứu độ kẻ bần cùng làm lợi ích cho tất cả?

Thế nào là Bồ-tát được mọi người ở đời thương yêu cung kính?

Thế nào là Bồ-tát có trí tuệ sáng suốt, được mọi người tán thán?

Thế nào là Bồ-tát thực hành các công đức không cùng tận?

Thế nào là Bồ-tát lập thệ nguyện kiên cố, được đến cõi Phật?

Thế nào là Bồ-tát thường được tôn quý, nắm vững các pháp, mà được tự tại?

Thế nào là Bồ-tát đối với sự hành hóa của mình được mọi người tôn xưng là bậc Thầy?

Thế nào là Bồ-tát nắm vững các việc thấu rõ tất cả?

Thiên tử Tu Chân thưa hỏi rồi thì im lặng. Đức Phật khen:

–Lành thay, lành thay! Thiên tử Tu Chân! Chỗ thưa hỏi thật sâu xa, trí tuệ vượt hơn người đời, mới nghĩ ra các việc ấy để hỏi Như Lai. Ông là Bồ-tát đã phát tâm cứu giúp chúng sinh thoát khỏi sinh tử. Hãy lắng nghe và lãnh thọ, Như Lai sẽ vì ông mà giải, nói về ý nghĩa ấy vượt hơn chỗ đã hỏi để mau đạt được các sự việc như vậy.

Lúc đó, Thiên tử lắng nghe và lãnh thọ.

Đức Phật bảo Thiên tử:

–Bồ-tát có bốn việc thực hành để có được niềm tin chắc thật nơi Đại thừa. Những gì là bốn?

1. Dùng phương tiện thiện xảo để hội nhập vào trí tuệ không bị lay động.

2. Đứng vững với đại Bi, an trụ nơi lòng từ vô hạn.

3. Dùng ý nghĩa của giáo pháp tùy theo chỗ hỏi đến để giải đáp.

4. Xác lập vững nơi đạo, mau chứng thần thông được trí hiểu biết về mọi thứ hiện có.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để được niềm tin vững chắc nơi Đại thừa.

Đức Phật nói kệ:

An trụ phương tiện quyền xảo
Trí tuệ thấu tỏ không cùng
Nguyện hành đại Bi rộng khắp
Ban vui, giải thoát cho người.
Nhờ phương tiện rõ nghĩa pháp
Được kết quả không chướng ngại
Chứng thần thông giáo hóa người
Cho nên không thể hủy hoại.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc thực hành để chỗ tạo tác kiên cố, không khiếp sợ. Những gì là bốn?

1. Tinh tấn không thoái lui.

2. Làm thanh tịnh thân mình và khiến cho người khác được thanh tịnh.

3. Tâm ý hoàn toàn vắng lặng, đạt đến chỗ sâu xa của đạo.

4. Đối với pháp Phật không hề chán mệt nên đạt được mọi thành tựu.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để chỗ tạo tác luôn kiên cố, không khiếp sợ.

Đức Phật nói kệ:

An trụ vững nơi tinh tấn
Ở trung đạo, không nhị biên
Thanh tịnh không hề cấu uế
Thân, miệng, ý hành cũng vậy.
Tạo tác thường luôn vắng lặng
Do đó hợp nghĩa Phật thừa
Mong cầu lợi ích không chán
Thường nhớ nghĩ về pháp Phật.
Bốn sự việc ở trên đây
Vi diệu cần phải giữ gìn
Người nào an trụ pháp ấy
Sẽ được thẳng đến đạo quả.
Thông suốt hết thảy trong ngoài
Liền sớm được chứng đắc đạo
Hiện tại ở trong ba cõi
Không lâu sẽ làm Pháp vương.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc thực hành để được phước đức thù thắng, không ai sánh bằng. Những gì là bốn?

1. Dùng Bát-nhã Ba-la-mật chỉ dạy khắp các Bồ-tát.

2. Người chưa phát tâm Bồ-đề thì khuyến khích họ phát tâm.

3. Thường thực hành ba pháp nguyện: Một là giới; hai là trí tuệ; ba là bình đẳng. Ứng hợp với sự việc này để tạo công đức, không giận dữ.

4. Tâm luôn nhớ nghĩ về đạo, không hề buông thả.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để được phước đức thù thắng, không ai sánh bằng.

Đức Phật nói kệ:

Dùng Trí tuệ ba-la-mật
Chỉ dạy người được thông suốt
Đưa chúng sinh trụ vào đạo
Thường dùng tâm Bồ-đề ấy.
Khuyến khích người hãy gắng sức
Làm cho họ phát đạo tâm

Không thoái chuyển nơi ba phẩm
Nếu người tương ưng việc này.
Thì phù hợp với nghĩa đạo
Tất cả việc đã làm ấy
Là đã thành tựu công đức
Lần được tiếp cận nơi đạo.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc thực hành để nhận biết được các hành không còn bị ngăn ngại. Những gì là bốn?

1. Mọi sự tạo tác thường dùng trí tuệ, không nên tùy tiện.

2. Biết các pháp đều do nhân duyên sinh ra, nên xa lìa ngã, ngã sở, không sân giận.

3. Dùng pháp không để thâu giữ tất cả.

4. Xa lìa ái dục, hiểu rõ về sáu trần.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để nhận biết được các hành, không còn bị ngăn ngại.

Đức Phật nói kệ:

Tạo tác thường dùng tuệ
Không nghịch, không tùy tiện
Thường dùng sức phương tiện
Không chấp vào các kiến.
Pháp này là không tịch
Quyết không lìa bỏ người
Vượt qua các cõi Dục
Trong ngoài đều thanh tịnh.
Pháp tối thượng như thế
Đã an trụ bốn việc
Liền được trí vô ngại
Chứng Tuệ ba-la-mật.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc phải thực hành để xa lìa vô minh, phiền não, đạt được trí tuệ. Những gì là bốn?

1. Chỗ lãnh hội không nhàm chán.

2. Ứng hợp với sự mong muốn của người để thuyết pháp, thuyết pháp không có sự mong cầu.

3. Tất cả mọi sự tạo tác đều như huyễn, đối với pháp giới, trí tuệ không bị hủy hoại.

4. Ngay lúc phát tâm Bồ-đề là nhập vào thành chánh pháp.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để xa lìa vô minh, phiền não, đạt được trí tuệ.

Đức Phật nói kệ:

Thường cầu học rộng
Nghe không chán đủ
Quán sâu nghĩa pháp
Đáp ứng mong cầu.
Được tổng trì rồi
Tự mình nói ra
Không lệ thuộc người
Có người lãnh thọ.
Tạo tác như mộng
Như huyễn, dợn nắng
Thấy tất cả pháp
Tối tăm như vậy.
Giả bày tu tập
Không hoại chánh pháp
Phát tâm thanh tịnh
Xa lìa khổ thọ.
Các pháp như vậy
Rất là thù thắng
Kinh này tôn quý
Thường phải gần gũi.
Lìa bỏ vô minh
Được trí tuệ sáng
Ở trong ba đời
Như mặt trời soi.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc thực hành để hội nhập vào các biện tài dũng mãnh, không còn sợ hãi. Những gì là bốn?

1. Đạt được Đà-la-ni, ghi nhớ không quên.

2. Có khả năng giải đáp những điều thưa hỏi, để dứt trừ sự nghi ngờ của họ.

3. Dùng đại Bi giáo hóa tất cả chúng sinh hội nhập vào pháp không.

4. Mọi hành động đều xa lìa việc làm của ma, nên có được trí của thần thông.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để hội nhập vào các biện tài dũng mãnh, không còn sợ hãi.

Đức Phật nói kệ:

Đã được pháp Tổng trì
Nghe rồi thì không quên
Giải đáp các câu hỏi
Đoạn trừ mọi nghi ngờ.
Đại Bi giáo hóa khắp
Ở tất cả mọi nơi
Thần thông đã đạt được
Ma không thể quấy nhiễu.
Bốn sự việc như thế
Bồ-tát nên thực hành
Như vậy ở trong chúng
Dứt bặt mọi khiếp sợ.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để lãnh thọ nghĩa đã nghe thì giữ gìn. Những gì là bốn?

1. Đã lãnh thọ rồi đều có thể giữ gìn, đối với điều được lãnh hội hay không được lãnh hội cũng không chấp về sức lực, cũng không chấp sự giữ gìn, không chấp sự đạt đến.

2. Các âm thanh không phải là chánh hạnh đều nên xa lìa, các pháp đều bình đẳng, giải thoát. Nếu được khen ngợi về nghĩa thì xem như là âm vang.

3. Nếu nghe nơi phương khác có giảng nói kinh thâm diệu thì nên đích thân đến để cầu nghe.

4. Hội nhập vào nghĩa vắng lặng, dứt mọi loạn động.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành nhằm đạt được nghĩa đã lãnh hội để giữ gìn.

Đức Phật nói kệ:

Tuy muốn hiểu rộng pháp
Không chấp vào chỗ nghe
Không chấp vào năng lực
Do nghĩa được pháp yếu.
Âm thanh trong ba cõi
Không phải hạnh chánh đạo
Tiếng khen như âm vang
Biết nghĩa này cũng thế.
Đã lãnh hội như vậy
Quán thọ hành đúng nghĩa

Thực hành không tùy tiện
Người nghe nói vui mừng.
Nghĩa ấy là bậc nhất
Pháp tính không loạn động
Hành pháp thâm diệu này
Kính vâng theo người ấy.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc thực hành để nương theo pháp thâm diệu, siêu việt hơn hẳn thế gian. Những gì là bốn?

1. Tập hợp mọi người để giảng nói pháp.

2. Ở trong đại chúng hiện bày sự vô thường.

3. Khuyến khích người thực hiện đại Hỷ xả để đạt được giác ngộ theo ý nguyện.

4. Nhằm lìa bỏ những vật sở hữu, chỉ an trụ vào chốn vắng lặng.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để đạt đến chỗ dựa nơi pháp thâm diệu, siêu việt hơn thế tục.

Đức Phật nói kệ:

Tại nơi thành lớn
Thường ở trong ấy
Nhờ trí sáng suốt
Dùng để thuyết pháp.
Thân trụ trong hội
Chỉ dẫn mọi người
Dâm dục buông lung
Hiện bày vô thường.
Hợp nơi cúng dường
Ta người cùng nương
Khuyên giúp thực hiện
Nhờ đó giác ngộ.
Ở nơi có thể không
Thường niệm lìa bỏ
Tâm luôn nguyện cầu
Ở chốn thanh vắng.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để được sự cung kính, thuận theo giáo pháp của Thế Tôn.

Những gì là bốn?

1. Tâm thường ở nơi đạo, hoàn toàn không xa lìa.

2. Nghe rồi thì dốc thọ trì, nhớ nghĩa không hề quên.

3. Thuận theo lời dạy, có sự mong cầu thì luôn thuận hợp.

4. Tu tập pháp không, vô, hội nhập nơi tất cả pháp.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để được sự cung kính, thuận theo giáo pháp của Thế Tôn.

Đức Phật nói kệ:

Thân thọ nhận các khổ
Tâm Bồ-đề không chuyển
Được nghe pháp sâu diệu
Đó là Bậc Đạo Sư.
Tâm, miệng nói điều gì
Thân làm đúng như vậy
Tu tập các không tuệ
Hiểu rõ ràng các pháp.
Phụng hành lời đã dạy
Lìa tham dục, sân, si
Không trễ nải, biếng nhác
Không giận, không mong cầu.
Mười phương Phật khen ngợi
Tán thán công đức ấy
Nếu thuận theo lời này
Pháp tuệ không ai bằng.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc thực hành để nương theo giáo pháp nhằm dẫn dắt, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Những gì là bốn?

1. Thân an trụ nơi pháp không, nên có thể vì chúng hội thuyết giảng giáo pháp Đại thừa.

2. Tự mình điều phục tâm ý, xa lìa dâm dục mà được Niết-bàn, lại khiến chúng hội điều phục tâm ý, để nói pháp giải thoát.

3. Việc làm tự thân đã được đầy đủ nên đạt đến đạo quả, lại khiến cho tất cả chúng sinh an trụ vào pháp Đại thừa.

4. Tự thân cầu pháp, hiểu rõ các pháp thâm diệu, lại chỉ dạy người cầu pháp.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để nương theo giáo pháp nhằm dẫn dắt, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Đức Phật nói kệ:

Dạy dỗ mọi người

Lãnh thọ pháp không
Điều phục tâm tham
Được trụ Niết-bàn.
Đạo đức thù thắng
Và đại thần thông
Dùng pháp bố thí
Dạy người giác ngộ.
Việc làm đầy đủ
Được tâm Bồ-đề
Ở giữa mọi người
Khiến đến Đại thừa.
Thường cầu giáo pháp
Hội nhập diệu lực
Vì chúng thuyết giảng
Cũng không tăng giảm.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để được tuệ thần thông không gì sánh kịp. Những gì là bốn?

1. Thường xuyên tu tập bốn phạm hạnh thanh tịnh.

2. Luôn ở chỗ tịch tĩnh.

3. Hội nhập vào pháp nhẫn sâu xa.

4. Thân tâm dốc gắn liền với trí tuệ.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để được tuệ thần thông không gì sánh kịp.

Đức Phật nói kệ:

Thường tu phạm hạnh
Tự mình lập nguyện
Thường thích vắng lặng
Ở chỗ thanh tịnh.
Vào pháp sâu xa
Thẳng đến nơi đạo
Thân tâm bình đẳng
Đạt được trí tuệ.
Ứng hợp như vậy
Thực hành cũng thế
Với năm thần thông
Đã được thông đạt.
Tự tại mười phương

Ở trước chư Phật
Giáo hóa dẫn dắt
Tất cả chúng sinh.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành, dù bị ma quấy nhiễu tâm cũng không lay động. Những gì là bốn?

1. An trụ nơi thiền thứ tư khiến hội nhập vào pháp không.

2. Thường thể hiện tâm đại Bi, cứu giúp tất cả chúng sinh.

3. Siêng năng cúng dường Tam bảo, không biết chán đủ.

4. Dùng phương tiện quyền xảo để an trụ vững chắc nơi sáu pháp Ba-la-mật.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để đối trị với việc ma hiện các điều quái dị mà tâm không lay động.

Đức Phật nói kệ:

Trụ pháp không, dứt tưởng
An trụ nơi bốn Thiền
Tâm đại Bi rộng lớn
Khiến chúng sinh an vui.
Thông suốt nơi pháp báu
Không dứt, cũng không đoạn
Nên các Ba-la-mật
Là phương tiện dẫn dắt.
Tâm không gì hủy hoại
Trụ vững không lay động
Hết thảy bốn thứ ma
Thảy đều thu phục được.
Thấy tất cả mọi người
Ở trong lưới của ma
Thị hiện đạo Niết-bàn
Khiến họ phát Bồ-đề.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để đạt được trí tuệ sâu xa, không đâu sánh được. Những gì là bốn?

1. Thường suy nghĩ để hội nhập vào pháp thâm diệu.

2. Đối với việc xấu ác thường tránh xa.

3. Luôn lo nghĩ về tất cả chúng sinh khiến họ được ứng hợp với nghĩa của pháp.

4. Điều phục kẻ ương ngạnh, mở bày cho người tối tăm để họ đạt

được trí vô ngại của Phật.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để chứng được trí tuệ sâu xa, không đâu sánh được.

Đức Phật nói kệ:

Tâm thường suy nghĩ
Hội nhập pháp không
Xả bỏ điều quấy
Ứng hợp nghĩa chánh.
Nhập vào niệm này
Lo nghĩ chúng sinh
Được trí sâu xa
Làm tâm tối thắng.
Thu phục ương ngạnh
Mở bày kẻ tối
Khiến phát Bồ-đề
Trụ nơi Đại thừa.
Trí tuệ thần thông
Việc làm đã xong
Được trí sâu xa
Không đâu sánh kịp.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành thì không bị pháp thế gian làm cấu nhiễm. Những gì là bốn?

1. Nếu được lợi dưỡng, vui thích, danh tiếng, lời khen thì không lấy đó làm niềm vui.

2. Nếu không có lợi dưỡng, bị khổ đau, không danh tiếng, bị chê bai thì cũng không lấy đó làm buồn rầu.

3. Nương vào thân năm ấm để nuôi dưỡng tất cả.

4. Nếu thọ thân năm ấm thì thị hiện chỗ không tích tụ.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để pháp thế tục không thể làm cho cấu nhiễm.

Đức Phật nói kệ:

Nếu có lợi dưỡng, tiếng khen
Nên được tất cả niềm vui
Có người khen ngợi như vậy
Tâm cũng không lấy làm mừng.
Khổ đau, không lợi, không danh

Người trí không lấy làm buồn
Như hoa sen không nhiễm bùn
Việc làm ở đời cũng vậy.
Hoặc hiện thọ thân năm ấm
Dùng thân này giúp tất cả
Các ấm đã diệt tận rồi
Nghĩ thân này như huyễn hóa.
Thực hành theo pháp thế gian
Không bị đời làm cấu nhiễm
Khiến chúng sinh được an vui
Nhờ giới đức làm hương xoa.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để một mình hội nhập vào hạnh thù thắng, sâu xa. Những gì là bốn?

1. Thân này cũng chẳng phải thân này.

2. Người ấy cũng chẳng phải người ấy.

3. Các pháp đều vắng lặng.

4. Trí tuệ không hề chấp trước.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để một mình hội nhập vào hạnh thù thắng, sâu xa.

Đức Phật nói kệ:

Thân này chẳng phải thân
Người ấy chẳng phải người
Pháp vắng lặng cũng vậy
Tuệ cũng không chấp vướng.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để được trí phương tiện thiện xảo, tùy theo căn cơ của chúng sinh mà thuyết pháp. Những gì là bốn?

1. Chứng đắc thần thông.

2. Được trí tuệ không chướng ngại.

3. Đạt được trí biện tài.

4. Thệ nguyện luôn thanh tịnh.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để được trí phương tiện thiện xảo, tùy theo căn cơ của chúng sinh mà thuyết pháp.

Đức Phật nói kệ:

Đã đạt được thần thông
Trí tuệ không chướng ngại

Trí biện tài như vậy
Hạnh nguyện đều thanh tịnh.
Thấy biết căn cơ người
Ứng hợp mà thuyết pháp
Người nghe tự lãnh thọ
Không nghi ngờ giải thoát.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để hội nhập vào pháp môn giải thoát, ở trong sinh tử mà không bị sắc dục lôi cuốn. Những gì là bốn?

1. An trụ nơi pháp không. Nếu thấy người bị trói buộc liền độ thoát cho họ.

2. Đối với chỗ vướng mắc nơi các hành cũng dốc giúp họ giải thoát.

3. Đã đạt được vô nguyện, an ổn, khẳng định việc giáo hóa tất cả chúng sinh.

4. Với phương tiện thiện xảo, dùng trí tuệ thị hiện các pháp.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để hội nhập vào nẻo giải thoát, ở trong sinh tử mà không bị sắc dục lôi cuốn.

Đức Phật nói kệ:

Đã chứng đắc pháp Không
Thoát khỏi sự trói buộc
Vô tướng được thành lập
Vượt khỏi mọi chấp trước.
Đã chứng được Vô nguyện
An vui và quyết định
Tùy chỗ ở chúng sinh
Giáo hóa cho tất cả.
Dùng quyền tuệ dạy người
Trụ vào cửa giải thoát
Không dừng cõi Vô sắc
Vào thẳng nơi Niết-bàn.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để đạt được phương tiện thù thắng, chế ngự sự cao ngạo. Những gì là bốn?

1. Thấy biết khắp các pháp giới.

2. Hiểu rõ nguồn gốc của sinh tử, dùng pháp để độ thoát muôn loài.

3. Biết thân là nguồn gốc của tham dục.

4. Tu tập đạt đến giải thoát, không nghi ngờ các pháp.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để được phương tiện thù thắng, chế ngự sự cao ngạo.

Đức Phật nói kệ:

Quán khắp đều thấy biết
Tất cả các pháp giới
Tâm không có hạn lượng
Đã thấy sự bình đẳng.
Nếu nơi gốc của thân
Ở dục mà tự tại
Dùng phương tiện thù thắng
Ứng hợp để thuyết pháp.
Tất cả không chấp trước
Các pháp đều vắng lặng
Không sinh cũng không khởi
Mọi hiện hữu đều diệt.
Không kiêu mạn, tự đại
Chế ngự mọi cao ngạo
Dùng các trí phương tiện
Khiến nhập vào Niết-bàn.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để được phương tiện nhân duyên nhận biết các việc đã làm. Những gì là bốn?

1. Nhờ bố thí nên được phước đức là giàu sang.

2. Nhờ trì giới nên được sinh lên cõi trời.

3. Nhờ học rộng nên được trí tuệ lớn.

4. Nhờ tu chỉ quán nên xa lìa sinh tử.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để được phương tiện nhân duyên nhận biết các việc đã làm.

Đức Phật nói kệ:

Bố thí được giàu sang
Đó chính là phước báo
Trì giới được sinh Thiên
Đó chính là phước báo.
Học rộng không tham dục
Tuệ lớn là phước báo
Thiền định không chấp trước
Đó chính là phước báo.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để được phương tiện về giới luật, xa lìa các kiến chấp. Những gì là bốn?

1. Đối với pháp thường, tâm không chấp trước.

2. Đối với pháp vô thường, ý không thay đổi.

3. Thấy rõ pháp sinh khởi và nguồn gốc của sinh tử đều là do mười hai nhân duyên hòa hợp mà sinh ra. Đã thấy biết như vậy rồi nên không còn tạo tác về sinh tử.

4. Thấy các pháp sinh diệt và sinh tử diệt, hiểu rõ chính là do mười hai nhân duyên tan rã, hoại diệt. Đã thấy biết như vậy rồi thì ở trong ba cõi không còn tạo tác nghiệp hoại diệt.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để được phương tiện nơi giới luật, xa lìa các kiến chấp.

Đức Phật nói kệ:

Đối với kẻ chấp thường
Chỉ rõ việc vô thường
Ở trong nẻo vô thường
Mà hiện bày chánh pháp.
Hoặc vì hết thảy người
Giảng nói nghĩa nhân duyên
Người nghe mười hai pháp
Tâm đều được thanh tịnh.
Khắp tất cả mười phương
Thế Tôn đều thuyết giảng
Si là gốc sinh tử
Theo đó mà phát sinh.
Các pháp sinh khởi ấy
Cũng hoàn toàn không diệt
Nhân duyên đã dứt hết
Không còn mười hai duyên.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để đạt được phương tiện khéo léo, cứu giúp tất cả các loài. Những gì là bốn?

1. Xem tất cả chúng sinh đều là chỗ thân thuộc, nhằm để chỉ dạy đạo.

2. Công đức đã tạo nên phải luôn tinh tấn thực hiện.

3. Ở trong sinh tử mà cầu đạt Niết-bàn.

4. Tùy theo sự ưa thích của chúng sinh để độ thoát, thực hành theo phương tiện thiện xảo, không bị ái dục làm cấu uế.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để đạt được phương tiện khéo léo, cứu giúp tất cả chúng sinh.

Đức Phật nói kệ:

Khiến tất cả chúng sinh
Trụ vững đạo Bồ-đề
Những công đức đã tạo
Không có ý muốn dừng.
Ở trong chốn sinh tử
Mà cầu đạt Niết-bàn
Theo mong muốn của họ
Nhân đó mà cứu độ.
Tâm ý thường nhớ nghĩ
Gần gũi nơi pháp này
Nhờ phương tiện thiện xảo
Hiểu rõ hết tất cả.
Chí thường muốn cứu giúp
Vô số các quần sinh
Nắm vững Nhất thiết trí
Đều mau chóng chứng đắc.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để đạt được nguyện an lành, thân, ý luôn thanh tịnh. Những gì là bốn?

1. Không tham lam keo kiệt.

2. Khi bố thí không lựa chọn, phân biệt.

3. Kiên trì giữ giới.

4. Hành động của thân ý thường nguyện hợp với đạo.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để đạt được nguyện an lành, thân, ý luôn thanh tịnh.

Đức Phật nói kệ:

Chất phác không keo kiệt
Giữ giới tịnh, không lỗi
Trụ vững không lay động
Ví như núi Tu-di.
Hành động của thân ý
Thường nguyện ở nơi đạo
Nên được sự an lành
Không lâu sẽ chứng đắc.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để được diệu lực nhẫn nhục, tâm không còn sân giận. Những gì là bốn?

1. Đối xử với tất cả mọi người như cha mẹ thương con, cũng như thân mình không khác.

2. Nếu bị đánh, cắt, chích làm cho thân chịu đủ các thứ khổ thì xem như không có thân, không có lo buồn.

3. Đã hiểu rõ pháp không nên xa lìa các kiến chấp.

4. Thường tự ăn năn các việc làm ác của thân. Thấy lỗi lầm của người khác thì không luận bàn.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để được diệu lực nhẫn nhục, tâm không còn sân giận.

Đức Phật nói kệ:

Xem chúng sinh như mình
Như cha mẹ thương con
Thường dùng tâm đại Từ
Giáo hóa khắp muôn loài.
Nếu khởi tâm sân giận
Biết cách diệt trừ ngay
Đã hiểu rõ pháp không
Nên nhẫn nhục đệ nhất.
Nếu thân làm xấu ác
Thường phải tự ăn năn
Thấy lỗi lầm của người
Hoàn toàn không xen vào.
Với tất cả chúng sinh
Ta đều độ thoát hết
Ngay cả lúc trong mộng
Chưa từng khởi tâm sân.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để được các pháp Ba-la-mật, đạt tới bờ giải thoát. Những gì là bốn?

1. Tạo vô số phước đức.

2. Chỗ tạo tác nơi trí tuệ là không cùng tận.

3. Dùng một pháp Ba-la-mật để làm viên mãn các pháp Ba-la-mật khác.

4. Phát tâm tạo các công đức nhưng không mong cầu gì khác, chỉ cầu chứng đạt Nhất thiết trí.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để được các pháp Ba-la-mật, đạt tới bờ giải thoát.

Đức Phật nói kệ:

Tạo phước đức không chán đủ
Như các dòng chảy về biển
Tu tập trí tuệ vô cùng
Nên đã an trụ Phật thừa.
Chỉ dùng một Ba-la-mật
Viên mãn các Ba-la-mật
Phát tâm thực hành các việc
Thường mong cầu nơi chánh đạo.
Đã vượt sang bờ giải thoát
Các Ba-la-mật cũng vậy
Liền nhập vào thành Niết-bàn
Được như vậy chẳng gì khó.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh bị thiếu thốn. Những gì là bốn?

1. Có kho báu vô tận.

2. Có giáo pháp vô cùng.

3. Đạt được thần thông.

4. Tâm bình đẳng như đại địa.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh bị thiếu thốn.

Đức Phật nói kệ:

Kho phước đức là vô cùng
Pháp giáo hóa cũng vô tận
Đạt trí thần thông vô ngại
Tâm bình đẳng như đại địa.
Pháp ấy thật khó suy lường
Đã được an trụ nơi đạo
Người ấy tạo nhiều lợi ích
Liền mau chứng được Phật đạo.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để được mọi người trong thế gian cung kính. Những gì là bốn?

1. Tu tập bốn phạm hạnh.

2. Thực hành bốn ân để cứu giúp chúng sinh.

3. Đạt trí tuệ về bốn Đế.

4. Đạt được bốn Biện tài vô ngại: Một là Nghĩa vô ngại; hai là Pháp vô ngại; ba là Từ vô ngại; bốn là Nhạo thuyết vô ngại.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để được mọi người trong thế gian cung kính.

Đức Phật nói kệ:

Trụ bốn phạm hạnh thanh tịnh
Thường ưa thực hành bốn ân
Đạt trí tuệ về bốn Đế
Đem ban bố cho mọi người.
Do ân này được độ thoát
Nên tuyên giảng và trao truyền
Nhờ thực hành bốn ân ấy
Nên được mọi người cung kính.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để đạt trí tuệ sáng suốt, được mọi người khen ngợi. Những gì là bốn?

1. Hiểu biết tất cả, không phải phạm giới, không còn nghi ngờ.

2. Được an lạc nơi thiền định, không bị não hại.

3. Đạt thiền định, các căn vắng lặng.

4. Tự mình được an ổn không còn tham đắm, việc làm không tổn hại, chứng được trí tuệ.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để có trí tuệ sáng suốt, được mọi người khen ngợi.

Đức Phật nói kệ:

Nghe đầy đủ rồi thọ trì
Nhờ trì giới được giải thoát
Người như vậy không còn nghi
Được an vui nơi thiền định.
Tự mình ở chốn vắng lặng
Thì các căn được yên tĩnh
Thân an ổn không còn tham
Chứng trí tuệ, không tổn hại.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để đạt được công đức không cùng tận. Những gì là bốn?

1. Đức tin được đầy đủ.

2. Tinh tấn được đầy đủ.

3. Đại Bi được đầy đủ.

4. Công đức đã tạo chỉ dốc mong cầu Đại thừa.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để đạt được công đức không cùng tận.

Đức Phật nói kệ:

Dùng lòng tin kiên cố
Không gì làm lay động
Thường tu hành tinh tấn
Nên được năng lực lớn.
Đại Từ không cùng tận
Đại Bi vô cùng cực
Thường vì các chúng sinh
Thực hành đạo cao cả.
Nhờ như vậy cho nên
Được công đức vô tận
Dần dần được tăng trưởng
Đạt đến chỗ không lường.
Như lúc mặt trăng tròn
Sáng ngời không tỳ vết
Thường ở trong các sao
Ánh trăng không bị che.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để giữ vững pháp căn bản, đạt đến quả vị Phật.

Những gì là bốn?

1. Lời nói ra hợp với thân, ý.

2. Thọ trì pháp chính yếu

3. Tâm an ổn, được trụ nơi đạo.

4. Ý vững chắc như kim cang.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để giữ vững pháp căn bản, đạt đến quả vị Phật.

Đức Phật nói kệ:

Lời đã nói ra
Hợp ước việc làm
Đều được yêu kính
Phụng trì chánh pháp.
Tâm đã an trụ

Nơi đạo Bồ-đề
Thân được vững chắc
Giống như kim cương.
Như thế gọi là
Thực hành bốn việc
Bậc Trí sáng suốt
Thường tu pháp này.
Tâm không do dự
Vì đã đạt định
Trụ vững pháp yếu
Hội nhập cõi Phật.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để thường làm bậc tôn quý nắm vững các pháp mà được tự tại. Những gì là bốn?

1. Được năng lực của trí tuệ, không do sức của lực mà có.

2. Đạt được diệu lực của trí tuệ sáng suốt, lìa bỏ ngu si mê mờ.

3. Tâm được tự tại không bị ma dẫn dắt.

4. Đã đạt được các pháp Tổng trì, tùy theo sự ưa thích của mọi người để thuyết pháp.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành để thường làm bậc tôn quý nắm vững các pháp mà được tự tại.

Đức Phật nói kệ:

Đạt được trí tuệ dũng mãnh
Không lệ thuộc sự ham muốn
Trí tuệ sáng, diệt ngu si
Vượt thoát khỏi các kiến chấp.
Tâm tự tại, ma đều phục
Được tổng trì giỏi hỏi đáp
Dạy bảo người, không hại mình
Cho nên mau được đạo quả.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành với sự hành hóa liền được tôn xưng là bậc thầy. Những gì là bốn?

1. Không sân giận.

2. Thường cung kính mọi người.

3. Không dâm dật.

4. Ý thuần thục.

Đó là bốn việc Bồ-tát cần thực hành với sự hành hóa liền được tôn

xưng là bậc thầy.

Đức Phật nói kệ:

Tâm niệm không sân giận
Thường giữ sự cung kính
Thuần thục đạt đến đạo
Bậc thầy ban trí tuệ.
Khéo bày các phương tiện
Đời đời được tôn quý
Thế gian đều quy ngưỡng
Tất cả cung kính lễ.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát có bốn việc cần thực hành để nắm vững các việc, không việc gì là không tỏ rõ. Những gì là bốn?

1. Trí tuệ đã thông suốt, tự tại trong trí tuệ, không nơi chốn nào không đạt tới.

2. Âm thanh nói ra đều được chư Phật trong mười phương nghe và tán thán.

3. Xa lìa các pháp không có công đức.

4. Các chánh pháp có công đức đã đạt được Phật ấn chứng.

Đó là bốn pháp Bồ-tát cần thực hành để nắm vững các việc, không việc gì là không tỏ rõ.

Đức Phật nói kệ:

Thần thông đã đạt được
Tự tại trong mọi cảnh
Trí tuệ thật rộng lớn
Khắp cả như hư không.
Hết thảy các Như Lai
Đều nghe âm thanh ấy
Đáp lại thảy đầy đủ
Tiếng ấy không khuyết giảm.
Các việc không công đức
Thảy đều nên xa lìa
Vui mừng được an lành
Tạo nên mọi công đức.
Người an trụ như vậy
Làm rạng rỡ Phật pháp
Ở trong công đức ấy
Đều không tổn hại mình.

Lúc Đức Phật giảng nói bốn pháp này rồi thì có một vạn hai ngàn người phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, có năm ngàn Bồ-tát chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh. Bấy giờ, tam thiên đại thiên thế giới đều hiện đủ sáu cách chấn động, ánh sáng lớn ấy soi chiếu khắp tất cả.

-oOo-

PHẬT THUYẾT TU CHÂN THIÊN TỬ KINH

QUYỂN 2

Phẩm 2: Đáp về nghĩa pháp

Thiên tử Tu Chân hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Như Lai đã vì tôi mà nói về phần pháp gồm ba mươi hai sự việc, xin nguyện Bồ-tát giảng lại một lần nữa cho tôi được nghe, hiểu.

Thế nào là Bồ-tát đối với Đại thừa được tâm ý luôn tin tưởng không quên?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Tự mình xét kỹ để tin tưởng chứ không theo sự chỉ dẫn của người khác.

Thế nào là việc làm kiên cố của Bồ-tát?

–Chế ngự từ bỏ các dục.

Thế nào là Bồ-tát đạt được phước đức tối thắng?

–Biết rõ pháp giới không lay động.

Thế nào là Bồ-tát được các hành không chướng ngại?

–Không bị sự mê hoặc của các nhập.

Thế nào là Bồ-tát xa lìa vô minh, phiền não?

–Biết rõ nền tảng của pháp giới đều thanh tịnh.

Thế nào là Bồ-tát nhập vào biện tài dũng mãnh, xa lìa các sự sợ hãi?

–Mong cầu lựa chọn các pháp mà không chấp giữ nơi hình tướng.

Thế nào là Bồ-tát đạt được ý nghĩa đã lãnh hội, nương vào đấy mà giữ gìn?

–Nhận biết rõ các pháp vốn vắng lặng.

Thế nào là Bồ-tát được nương nơi pháp thâm diệu?

–Đã biết an trụ nơi pháp giới.

Thế nào là Bồ-tát được thuận theo giáo pháp của Thế Tôn?

–Không lệ thuộc vào âm thanh.

Thế nào là Bồ-tát luôn thuận hợp với giáo pháp?

–Đạt được các môn giải thoát.

Thế nào là Bồ-tát không còn lỗi lầm?

–Đối với các pháp môn chẳng lay động.

Thế nào là Bồ-tát hàng phục các ma?

–Dùng pháp không để thấu tỏ ái dục mà cầu đạo.

Thế nào là Bồ-tát được trí không ai sánh bằng?

–Đạt được pháp của chư Phật rồi thì thảy đều dốc sức thọ trì.

Thế nào là Bồ-tát không bị pháp thế gian làm cấu nhiễm?

–Tùy theo pháp thế gian mà hành hóa nhưng không hề đắm nhiễm.

Thế nào là Bồ-tát đạt được hành sâu xa?

–Đối với pháp không, chẳng hề sợ hãi.

Thế nào là Bồ-tát nhận biết được nguồn gốc của phương tiện thiện xảo?

–Đối với sáu trần đều thấy rõ nguồn gốc của chúng.

Thế nào là Bồ-tát đạt đến các môn giải thoát?

–Đối với tất cả pháp môn đều giảng nói về sự giải thoát.

Thế nào là Bồ-tát đạt được phương tiện đặc biệt?

–Ở trong sinh tử mà đạt được Niết-bàn. Ở trong Niết-bàn thấy rõ con đường sinh tử.

Thế nào là Bồ-tát đạt được phương tiện nhân duyên biết các việc làm?

–Trụ nơi vô số cõi, thảy đều thấy tất cả pháp.

Thế nào là Bồ-tát đạt được phương tiện nơi giới luật?

–Không còn lệ thuộc nơi tất cả pháp.

Thế nào là Bồ-tát đạt được phương tiện thiện xảo?

–Thuận theo việc làm của thế gian không xa lìa nhưng cũng không đắm nhiễm.

Thế nào là Bồ-tát được nguyện an lành?

–Chứng được đạo trí.

Thế nào là Bồ-tát đạt được diệu lực của nhẫn nhục?

–Từ xưa đến nay ở trong Niết-bàn đều nhận biết rõ các pháp.

Thế nào là Bồ-tát đạt đến bờ giải thoát?

–Nhận biết tất cả các pháp.

Thế nào là Bồ-tát làm lợi ích cho tất cả chúng sinh?

–Nhận biết rõ pháp giới là vô tận.

Thế nào là Bồ-tát được mọi người yêu mến?

–Thấy rõ cõi của chư Phật không có hình sắc.

Thế nào là Bồ-tát được mọi người khen ngợi?

–Đối với các pháp không cho đây là của ta, đây chẳng phải là của ta.

Thế nào là Bồ-tát đạt được công đức không cùng tận?

–Nhận biết rõ các pháp bình đẳng như hư không.

Thế nào là Bồ-tát đạt được pháp căn bản kiên cố?

–Đối với pháp giới không gì có thể hủy hoại được.

Thế nào là Bồ-tát được xem là bậc tôn quý?

–Vô tâm mà nhận biết tất cả tâm.

Thế nào là Bồ-tát được xem là bậc thầy?

–Đối với các pháp không nhớ nghĩ, cũng không có xả bỏ.

Thế nào là Bồ-tát có thể hiểu rõ các pháp?

–Nhận biết rõ các pháp là không nương, không tựa, không đến, không đi. Vì thế, này Thiên tử! Bồ-tát hiểu rõ được các pháp.

Lúc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giảng nói rõ việc như vậy, thì có tám vạn Bồ-tát chứng được pháp Nhẫn vô sinh. Đức Thế Tôn khen ngợi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, lành thay! Như chỗ ông đã giải thích, phân biệt các pháp thật là thích hợp.

-oOo-

Phẩm 3: Nói về pháp thuần thục

Bấy giờ, Thiên tử Tu Chân lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Nhân giả! Pháp của tôi thưa hỏi là thuần thục chăng?

–Đối với sự tham muốn không nhàm chán ở thế gian, tâm phải nên xa lìa, quán xét pháp sâu xa, đó là sự thấu tỏ tính chất thuần thục của các pháp. Theo chỗ hỏi của ông, tôi đã giải đáp, lẽ nào lại có pháp thuần thục sao?

Này Thiên tử! Pháp không thuần không thục. Vì sao? Vì pháp không có hình tướng.

Pháp không thể nắm bắt được. Vì sao? Vì sự thấy của mắt không đạt đến chỗ vi diệu tận cùng.

Pháp không có tác giả. Vì sao? Vì không có sinh khởi.

Pháp không có đường đi. Vì sao? Vì vô ngã và không có ngã sở.

Các pháp bình đẳng. Vì sao? Vì các pháp thảy đều như hư không.

Pháp không thể thủ đắc được. Vì sao? Vì không đối đãi.

Pháp là thường trụ, không đến, không đi, không ngữ, không ngôn, không khen, không chê, lìa mọi sự khen chê, không thêu dệt, không trang sức, không xấu, không thô, không rỉ, không chảy, không bù, không nạp. Vì sao? Vì vượt qua mọi nẻo hành của ma.

Pháp không nuôi, không lớn. Vì sao? Vì xa lìa mọi sự sinh diệt.

Pháp không xứ, không trụ. Vì sao? Vì gắn liền với pháp giới.

Pháp không còn sợ hãi. Vì sao? Vì không bị mê lầm.

Pháp dứt mọi sự ưa thích. Vì sao? Vì xa lìa mọi kiêu mạn.

Pháp dứt hết cao ngạo. Vì sao? Vì luôn dựa theo sự vắng lặng.

Pháp luôn dựa theo sự vắng lặng. Vì sao? Vì lìa mọi tưởng niệm.

Pháp dứt hết các niệm. Vì sao? Vì đã hàng phục ngoại đạo.

Pháp không còn cảnh giới luân hồi. Vì sao? Vì đã lìa bỏ dâm dục, sân giận, ngu si.

Pháp là Không. Vì sao? Vì xưa nay vốn thanh tịnh.

Pháp là Vô tướng. Vì sao? Vì không có âm thanh, tên gọi.

Pháp là Vô nguyện. Vì sao? Vì không do thức tạo lập.

Pháp không có tạo lập. Vì sao? Vì không có cảnh giới.

Pháp không có chỗ nương tựa. Vì sao? Vì không có đối lập.

Pháp không lay động. Vì sao? Vì luôn an trụ vững chắc.

Pháp vô ngã. Vì sao? Vì pháp là không diệt.

Pháp là không người. Vì sao? Vì xưa nay không có nơi chốn sinh ra.

Pháp là vô thường. Vì sao? Vì không có chỗ dấy khởi.

Pháp không có đối tượng được dấy khởi. Vì sao? Vì luôn gắn liền với không có chỗ phát sinh.

Pháp không có chỗ sinh. Vì sao? Vì dứt mọi tưởng về khổ.

Pháp không có tưởng. Vì sao? Vì xa lìa các tướng.

Như vậy, này Thiên tử! Đó là nghĩa thuần thục của pháp.

Thiên tử lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Pháp không thật có, cũng không có chỗ chính yếu, vì sao Nhân giả lại nói đến ý nghĩa của pháp thuần thục?

Đáp: Lành thay, lành thay! Như lời ông nói không khác, pháp không sở hữu chính là ý nghĩa thuần thục. Vì sao? Vì không có hành động của thân, miệng, ý. Đó là sự thuần thục của pháp. Vì sao? Này Thiên tử! Vì pháp không sinh diệt, có sinh diệt thì thân và ý khác nhau, tức là tâm hành động không đúng lúc.

Thiên tử lại hỏi:

–Làm sao biết được tâm hành động không đúng lúc?

Đáp: Này Thiên tử! Có thân là có sự ràng buộc của sáu trần, nên chấp có thường, tức là biết tâm hành động không đúng lúc. Biết pháp cầu tên gọi đó là chấp vào âm thanh tiếng vang, theo nẻo tà, tức là tâm hành động không đúng lúc. Biết Pháp và Tăng mà chấp vào quả chứng đắc, tức biết tâm hành động không đúng lúc. Biết gốc ái dục do tưởng tà tạo nên, đó là biết tâm hành động không đúng lúc. Biết giới mà xa lìa sự tịch tĩnh, tức biết tâm hành động không đúng lúc. Dứt bỏ ba đường ác để được ra khỏi, đạt được phước đức của hàng trời, người, tức biết tâm hành động không đúng lúc. Tâm chưa điều phục mà muốn bố thí, đó là biết tâm hành động không đúng lúc. Ý không vắng lặng mà muốn trì giới, đó là biết tâm hành động không đúng lúc. Ý còn nương tựa mà muốn nhẫn nhục, tức là tâm hành động không đúng lúc. Ý không thanh tịnh mà muốn tinh tấn, đó là biết tâm hành động không đúng lúc. Nhiều sự nhớ nghĩ, vui thích mà quên thiền định, tức là biết tâm hành động không đúng lúc. Tự đại, cao ngạo mà cầu trí tuệ, tức biết tâm hành động không đúng lúc. Còn chấp ngã sở mà muốn thực hành hạnh Từ, đó là tâm hành động không đúng lúc. Chí do dự mà muốn thực hành hạnh Bi, tức biết tâm hành động không đúng lúc. Rơi vào chỗ chứng đắc bốn quả, mà muốn thực hành hạnh Hỷ, đó là biết tâm hành động không đúng lúc. Chấp có thân, mà muốn thực hành hạnh Xả, tức biết tâm hành động không đúng lúc. Thân không thọ nạp, xúc chạm, mà ý muốn nhớ nghĩ đến các pháp không dừng, đó là biết tâm hành động không đúng lúc. Rõ các pháp sinh diệt, mà không đoạn trừ, tức biết tâm hành động không đúng lúc. Thân ý cùng nương tựa, không ứng hợp với Thần túc, đó là biết tâm hành động không đúng lúc. Dùng sáu trần nương vào năm Căn, tức biết tâm hành động không đúng lúc. Dùng lực của kiến chấp nương tựa vào năm Lực, đó là biết tâm hành động không đúng lúc. Không nhận biết về hủy báng Giác chi, tức biết tâm hành động không đúng lúc. Nhớ nghĩ về ái dục, tham muốn không tương ưng với tám Thánh đạo, tức biết tâm hành động không đúng lúc. Đối với Khổ trí mà có nghi ngờ, tức biết tâm hành động không đúng lúc. Đối với Tập mà còn nghi ngờ, tức biết tâm hành động

không đúng lúc. Đối với Diệt có nghi ngờ, đó là biết tâm hành động không đúng lúc. Còn ở thế tục mà muốn hội nhập nơi Đạo, tức biết tâm hành động không đúng lúc. Như vậy, này Thiên tử! Giữ gìn tâm thanh tịnh mà thường chấp trước thì biết đó là tâm hành động không đúng lúc.

Thiên tử lại hỏi:

–Thế nào là biết tâm hành động đúng lúc?

Đáp:–Này Thiên tử! Tâm bình đẳng như hư không. Đó là biết tâm hành động đúng lúc.

Lại hỏi: Thế nào là tâm như hư không?

Đáp: Như hư không không có tâm, tâm ấy cũng như vậy. Đó là tâm bình đẳng như hư không.

Hỏi: Ai có thể tin tâm đó bình đẳng như hư không?

Đáp: Này Thiên tử! Người chấp nơi ta và người thì người đó không tin.

Thiên tử lại hỏi: Chấp ngã và ngã sở là thế nào?

Đáp: Tâm bình đẳng như hư không mà muốn tăng trưởng, vượt qua tâm ấy.

Lại hỏi: Tăng trưởng, vượt qua là thế nào?

Đáp: Người chấp có thường nên muốn vượt hơn tâm ấy. Người chấp vô thường cũng muốn vượt hơn tâm ấy. Người chấp khổ muốn vượt hơn tâm ấy. Người chấp lạc muốn vượt hơn tâm ấy. Người chấp ưu sầu muốn vượt hơn tâm ấy. Người không chấp ưu sầu cũng muốn vượt hơn tâm ấy. Người chấp có thân muốn vượt hơn tâm ấy. Người chấp không có thân cũng muốn vượt hơn tâm ấy. Người chấp Không, Vô tướng, Vô nguyện cũng muốn vượt hơn tâm ấy. Tất cả các pháp là huyễn, mộng, như bóng trăng trong nước, tiếng vang. Những ví dụ như vậy đều muốn vượt qua tâm ấy.

Như cho pháp là có nơi chốn, liền có thể tăng trưởng thêm sự dâm dục, sân hận, ngu si mà lại muốn vượt hơn tâm ấy. Hiện bày rõ các việc khen ngợi về Niết-bàn, lại muốn vượt hơn tâm ấy. Như vậy, này Thiên tử! Đó là người chấp ngã và ngã sở.

Thiên tử lại hỏi: Thế nào là đạt được sự không giận dữ và không tham lam?

Đáp: Ra khỏi sinh tử, trụ nơi Niết-bàn rồi trở lại thế gian diệt trừ các ái dục mà hành hóa, thanh tịnh. Ở nơi diệt mà hoàn toàn không diệt hết. Đối với sự sinh chưa từng có chỗ sinh. Đối với các hình tướng, âm thanh

không lấy đó làm sự chướng ngại. Diệt được như vậy thì tập có chỗ giải thoát. Tập đã được giải thoát là vượt qua tất cả các pháp. Như thế thì công đức ấy không ai hơn được, sự việc không thể nêu bày hết. Đó là đạt được sự không giận dữ, không tham lam.

Khi giảng nói pháp này, có ba vạn hai ngàn Thiên tử đạt được Pháp nhãn thanh tịnh, năm ngàn Tỳ-kheo tâm đạt được giải thoát, một vạn hai ngàn Bồ-tát đạt được diệu lực của nhẫn nhục.

-oOo-

Phẩm 4: Nói về Thanh văn

Lúc ấy, Thiên tử Tu Chân nói với các đại đệ tử của Đức Phật:

–Này chư vị! Nếu có chỗ nghi ngờ nên thưa hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Trưởng lão Đại Ca-diếp liền đến trước hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát làm thế nào để thực hành tánh định giải thoát?

Đáp: Bồ-tát đối với các pháp thiền như tám định giải thoát, bốn Thiền về không, thiền không sân, các loại thiền ấy đều xem là vốn không. Đó là thiền của Bồ-tát.

Hỏi: Vì sao lại nói như vậy?

Đáp: Thưa Tôn giả Ca-diếp! Thân vốn là không, không tạo lập nơi ba cõi. Đã rõ chỗ sinh khởi của ái dục thì quyết lìa bỏ. Vì thế biết thân vốn không, nên ba cõi không có chỗ tạo lập, đối với dục không còn vọng tưởng, tức đã biết rõ lý không mà tạo lập thiền. Như vậy, thưa Tôn giả Ca-diếp! Những điều vừa nêu tám định giải thoát, thiền vốn không, thiền không sân đều là thiền của Bồ-tát.

Lúc đó Tôn giả Ca-diếp im lặng.

Hiền giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Bồ-tát làm thế nào đạt được trí tuệ vô ngại?

Đáp: Bồ-tát đối với những sự chướng ngại mà không sân giận, đối với các sự trở ngại mà không vướng mắc, đối với tất cả ái dục đều thấy biết rõ mà không xa lìa. Vì sao? Vì nhằm cứu giúp cho tất cả chúng sinh, do đó Bồ-tát được trí tuệ vô ngại.

Hiền giả Ma-ha Mục-kiền-liên lại hỏi:

–Bồ-tát làm thế nào đạt được Thần túc?

Đáp: Thưa Hiền giả Mục-kiền-liên! Bồ-tát đối với pháp vô vi không

chấp có sự thọ nhận, độ thoát điều phục tất cả. Bồ-tát chẳng ở nơi pháp hữu vi chấp có chỗ thọ nhận. Vì sao? Vì nhằm hộ trì cho hết thảy chúng sinh, do đấy Bồ-tát đạt được Đại thần túc.

Trưởng lão Tu-bồ-đề hỏi:

–Bồ-tát làm thế nào để biết được pháp hành của người khác?

Đáp: Thưa Trưởng lão Tu-bồ-đề! Bồ-tát đối với tất cả pháp hành của người khác thảy đều nhận biết rõ tâm đối với việc đạo không nhàm chán, thường ưa thích thiền định, không cho là đủ, luôn thị hiện để hành hóa. Đó là Bồ-tát biết được pháp hành của người khác.

Hiền giả Phân-nậu-văn-đà-ni Tử lại hỏi:

–Bồ-tát làm thế nào thu thập tất cả các nghĩa để thuyết giảng về trí tuệ sáng tỏ?

Đáp: Thưa Hiền giả Phân-nậu! Bồ-tát chỉ bày rõ tất cả các căn cơ, tùy sự ưa thích của chúng sinh mà giảng nói các đức, chỉ rõ nghĩa: vô thường, khổ, không, vô ngã, khiến cho họ biết được điều ấy. Lại cũng giảng nói về trăm ngàn vô số kiếp sinh tử, đem nghĩa đúng pháp ấy mà chỉ dạy, truyền trao khắp nơi, không để diệt tận khiến mọi người đạt được tuệ như vậy. Đó gọi là Bồ-tát thu thập tất cả các nghĩa, giảng nói rõ về pháp tuệ.

Hiền giả Ly Việt lại hỏi:

–Bồ-tát làm thế nào để thường ưa thích Thiền định?

Đáp: Thưa Hiền giả Ly Việt! Bồ-tát tu tập thiền định, thảy đều nhận biết rõ tất cả các pháp. Đối với người tâm tán loạn mà khởi đại Bi, khiến họ phát khởi vô số hành, hành theo thiền, đạt được an lạc. Đó là Bồ-tát đạt được pháp thiền.

Hiền giả Ưu-ba-ly hỏi:

–Bồ-tát làm thế nào để có thể thọ trì kho tàng giáo pháp?

Đáp: Thưa Hiền giả Ưu-ba-ly! Bồ-tát thảy đều nhận biết kho tàng giáo pháp là sâu xa, từ xưa đến nay Niết-bàn là lìa ái dục để chứng đắc, ứng hợp với kho tàng giáo pháp để hóa độ, trao truyền cho tất cả chúng sinh. Vì muốn họ biết được pháp đó nên chỉ rõ về ái dục, ở trong ái dục khiến họ phát tâm Bồ-đề. Đó là Bồ-tát được tạng pháp thâm diệu.

Hiền giả A-na-luật lại hỏi:

–Thế nào là Bồ-tát đạt được Thiên nhãn nhìn thấy thấu suốt?

Đáp: Thưa Hiền giả A-na-luật! Bồ-tát đối với các sắc trong mười phương đều nhìn thấy thông suốt, người có những vướng mắc về sắc thì vì họ thị hiện các pháp, mà không hề tham đắm, khiến họ đến với đạo pháp,

được giải thoát. Đó là Bồ-tát đạt được Thiên nhãn nhìn thấy thấu suốt.

Hiền giả Bạc-cưu-lô lại hỏi:

–Bồ-tát làm thế nào đạt được các căn tĩnh lặng?

–Đáp: Thưa Hiền giả Bạc-cưu-lô! Bồ-tát đối với tất cả các cảnh giới đều thấy như cảnh giới của Phật, ở nơi cảnh giới của Phật mà thấy các cảnh giới kia là không thật có. Vì thế Bồ-tát đạt được các căn tĩnh lặng.

Hiền giả Ương-quật-ma hỏi:

–Bồ-tát làm thế nào đạt được các căn thông lợi?

Đáp: Thưa Hiền giả Ương-quật-ma! Bồ-tát thấy những điều trái nghịch xấu ác đều xem như đạo pháp, đó là Bồ-tát đạt được các căn thông lợi.

Hiền giả Ma-ha Ca-chiên-diên lại hỏi:

–Bồ-tát làm thế nào có thể phân biệt nhận biết phương tiện của các kinh?

Đáp: Thưa Hiền giả Ca-chiên-diên! Bồ-tát đạt được bốn Vô ngại biện. Những gì là bốn?

1. Nghĩa.

2. Pháp.

3. Thứ lớp.

4. Giải đáp.

Đó là bốn Biện tài vô ngại. Dùng một đoạn kệ trong trăm ngàn kiếp, vì tất cả chúng sinh mà phân biệt, diễn nói giáo pháp. Sự giáo hóa như vậy luôn gắn liền với pháp vô vi, không nhiễm vướng, đã thanh tịnh rồi thì không còn thoái lui. Bồ-tát giáo hóa đối với các pháp giới không lay chuyển, đối với tất cả các thọ đều có thể thực hiện. Đó là Bồ-tát phân biệt, biết rõ phương tiện của các kinh.

Hiền giả Ma-ha Câu-hy lại hỏi:

–Thế nào là Bồ-tát đạt được bốn thứ biện tài vô ngại?

Đáp: Thưa Hiền giả Ma-ha Câu-hy! Bồ-tát đối với pháp tịch tĩnh, đạt được nghĩa ấy rồi, thì đem trao truyền, giáo hóa. Do an trụ nơi pháp nên dùng pháp để giáo hóa trao truyền. Đối với việc làm luôn hoan hỷ, không sân hận, thì dùng thứ lớp để giáo hóa chỉ dạy. Theo ảnh hưởng không thể giữ lại thì dùng giải đáp để giáo hóa trao truyền. Đó là Bồ-tát đạt được bốn biện tài vô ngại.

Hiền giả La-vân lại hỏi:

–Thế nào là Bồ-tát đạt được giới luật thanh tịnh?

Đáp: Thưa Hiền giả La-vân! Bồ-tát dùng thiền định của giới thanh tịnh để xả bỏ tất cả sự phạm giới, nhân đấy mà giáo hóa hết thảy chúng sinh. Đó là Bồ-tát có thể đạt được giới luật thanh tịnh.

Hiền giả A-nan hỏi:

–Thế nào là Bồ-tát đạt được sự hiểu biết rộng khắp?

Đáp: Thưa Hiền giả A-nan! Bồ-tát đối với tất cả lời dạy của chư Phật luôn ưa thích lắng nghe, lãnh hội, nghe rồi thì y theo nghĩa mà thọ trì, đem chỗ đã nghe chỉ dạy truyền bá. Đó là Bồ-tát đạt được sự hiểu biết rộng khắp.

Lúc ấy các đại đệ tử của Phật đều hoan hỷ, im lặng.

Thiên tử Tu Chân nói với các đại đệ tử của Phật:

–Các pháp do Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giảng nói, các vị đã lãnh hội như thế nào?

–Chúng tôi hãy còn không thể biết rõ về một pháp, huống nữa là lãnh hội ngần ấy pháp như thế.

–Này các Nhân giả! Có ngần ấy thân, mỗi mỗi đều sai khác, nhưng nghĩa của đạo thì chỉ là một.

Các vị đại đệ tử nói:

–Ví như nước chứa trong dấu chân bò, chỗ nhận biết của các đệ tử khác là như thế. Cũng như cái bầu bánh xe ấn xuống mặt đất, chỗ ấy chứa nước thì sự hiểu biết của chúng tôi chỉ là như vậy. So với nước trong biển cả mênh mông vô bờ bến, sâu thẳm không đáy. Đối với kiến thức của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật thì Bồ-tát là hơn hết.

Thiên tử Tu Chân khen ngợi:

–Hay thay, hay thay! Lời nói chí thành của chư vị biểu hiện sự khiêm tốn.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Đúng vậy, này Thiên tử! Lời nói của đệ tử Phật không hề kiêu mạn mà chỉ để khen ngợi các Bồ-tát, xét kỹ thật là đúng như thế.

Thiên tử hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Nhân giả! Vì sao nói như vậy?

–Này Thiên tử! Như thế là hàng Thanh văn, Bích-chi-phật dựa vào năng lực tự tin của mình để xa lìa sự kiêu mạn, còn Bồ-tát thì vượt hơn hẳn hai hạng trên. Bồ-tát luôn gắn liền với pháp Phật chính là nẻo hành hóa dũng mãnh của Bồ-tát.

–Năng lực tự tin của Bồ-tát là muốn người khác khen ngợi mình chăng?

–Này Thiên tử! Như thế là Bồ-tát nhằm dẫn dắt tất cả chúng sinh.

Này Thiên tử! Đúng như vậy!

–Tại sao cho là như thế?

–Này Thiên tử! Như thế tức là Bồ-tát dùng phương tiện để tán thán Phật thừa, chê bỏ thừa Thanh văn, ở trong đại chúng hiện thân tu tập và thuyết pháp giáo hóa. Vì muốn cho chúng sinh phát tâm Bồ-đề, không muốn họ dấy khởi tâm nhỏ hẹp. Vì sao? Vì hướng theo pháp nhỏ hẹp thì chủng tánh của Phật sẽ bị mai một, do đó giáo hóa tất cả chúng sinh nên xa lìa, không muốn cho mọi người ham thích nơi pháp nhỏ hẹp như vậy.

Này Thiên tử! Như thế là muốn cho chúng sinh đều phát tâm Bồ-tát, cầu pháp Đại thừa.

–Đạt được như vậy thì không có lỗi lầm gì chăng?

–Này Thiên tử! Khen ngợi các loại ngọc ma-ni, lưu ly, thủy tinh trong sáng không cấu bẩn là có lỗi lầm sao?

Thiên tử thưa:

–Không có lỗi lầm.

–Này Thiên tử! Như vậy thì Bồ-tát khen ngợi pháp Đại thừa, chê bỏ pháp Thanh văn cũng không có sự thêm, bớt. Này Thiên tử! Ví như con của vị trưởng giả khen ngợi công đức của Chuyển luân thánh vương, chê bai hạng người bần cùng thấp kém trong cõi nước, lẽ nào không được chăng?

–Đều có thể được. Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đúng như lời của ngài đã nói chăng?

–Đúng vậy, này Thiên tử! Bồ-tát khen ngợi pháp Đại thừa, chê bỏ pháp Thanh văn mà không bị tổn hại.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, lành thay! Đúng như lời của Bồ-tát đã nêu rất là thích hợp. Vì sao?

Này Văn-thù-sư-lợi! Khen ngợi pháp Đại thừa, chê bỏ pháp Thanh văn, tức là chê bỏ tất cả các thừa. Sở dĩ như thế là vì từ pháp Đại thừa sinh ra tất cả các thừa khác.

-oOo-

PHẬT THUYẾT TU CHÂN THIÊN TỬ KINH

QUYỂN 3

Phẩm 5: Nói về Vô úy

Bấy giờ, Thiên tử Tu Chân lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát căn cứ vào cái gì mà phát tâm Bồ-đề?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát dựa theo tất cả dục mà phát tâm Bồ-đề.

–Vì sao ngài nói như vậy?

–Này Thiên tử! Bồ-tát ở trong ái dục, luôn cùng với dục mà hành hóa nhưng không bị lệ thuộc nơi ái dục, nên mới thành tựu đạo quả, nếu không tùy thuận ái dục thì Bồ-tát duyên dựa vào gì để phát khởi tâm Bồ-đề?

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tâm nhờ vào đâu mà trụ vững nơi đạo?

–Này Thiên tử! Do ở trong các pháp của chư Phật mà giữ vững tâm Bồ-đề. Vì sao?

Này Thiên tử! Vì gốc của tâm Bồ-đề là từ nơi pháp của chư Phật mà phát sinh.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Các pháp của chư Phật từ đâu sinh ra?

–Này Thiên tử! Các pháp của chư Phật vốn là không, không có nơi chốn dấy khởi. Vì sao? Này Thiên tử! Như hư không vốn là không. Từ nơi gốc hư không sinh ra tất cả pháp của Phật.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp của Phật nhiều lắm chăng, có thể nhận biết được số lượng không?

–Này Thiên tử! Giống như tất cả các pháp, pháp của Phật cũng vậy. Vì sao? Vì Như Lai từ nơi các pháp mà có sự hiểu biết đúng đắn hơn hết.

Như thế, này Thiên tử! Cũng như các pháp, số lượng pháp của Phật cũng vậy.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì sao dâm dục, sân hận, ngu si lại là pháp của Phật?

–Đúng vậy, này Thiên tử! Tham dâm, giận dữ, ngu si chính là pháp

của Phật. Vì sao? Vì ái dục là không hiểu biết, do đó phải đem đạo để giáo hóa, trao truyền.

Thiên tử hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nắm giữ tánh không của tất cả các pháp thì sẽ được thành Phật chăng?

–Này Thiên tử! Tất cả chúng sinh đều sẽ được thành Phật, xét kỹ là như thế, ông chớ nghi ngờ. Vì sao? Này Thiên tử! Vì tất cả đều sẽ đạt được đạo quả của Như Lai.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì sao đều được thành Phật?

–Này Thiên tử! Vì đã hội nhập vào nẻo không và tịch tĩnh.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Làm thế nào để hiểu được tịch tĩnh và không?

–Này Thiên tử! Nếu không chứng đắc pháp không thì từ cái gì mà đạt được giác ngộ? Vì pháp không không có đối đãi, không mạnh, không yếu.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như Lai thấu tỏ pháp không nên đã chứng đắc đạo quả chăng?

–Đúng vậy, này Thiên tử! Đúng như lời ông nói. Pháp không tức là đạo. Phật dạy, hiểu rõ lý không tức là hội nhập nơi đạo.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Làm thế nào để hành theo pháp không?

–Này Thiên tử! Không tham muốn sắc là hành theo pháp không. Ở nơi cõi Dục không hành theo các trần, không hành theo hương, cũng không hành theo cõi Sắc, cõi Vô sắc, cũng không hành theo thân, cũng không hành theo tâm. Vì sao? Vì không hành là hành, đó cũng là không.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như Lai chẳng hành vốn là hành theo không chăng?

–Này Thiên tử! Pháp không của Như Lai cũng là không, pháp ấy không thật có, đối với ngã cũng vậy. Như không chỗ hành tức là hành của Như Lai.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đã không thật có thì làm sao để hành?

–Này Thiên tử! Như không thật có thì hành theo chỗ không thật có, chẳng hành theo người khác, cho đến đối với người khác cũng không thật có, hành như thế cũng không thật có.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Giả như không thật có thì giữ lại những gì?

–Này Thiên tử! Cho đến ở nơi dâm dục mà xa lìa dâm dục, gọi là không thật có. Ở trong dâm dục, "tập" không thật có. Tham, sân, si, dục,

vô dục đều gọi là không thật có. Đối với dục mà không dựa theo gọi là không thật có. Dùng thân ngã và ngã sở mà trụ nơi hành không thì gọi là không thật có. Noi theo cái không thật có ấy cũng là không thật có.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì sao chỗ noi theo là không thật có?

–Này Thiên tử! Noi theo chỗ tịch tĩnh tức là không thật có, là không, là vắng lặng, là không sinh, không có chỗ dấy khởi. Tịch tĩnh là chỗ noi theo không thật có.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì sao chỗ tạo tác mà gọi là noi theo?

–Này Thiên tử! Không có chỗ bị hủy hoại nên gọi là noi theo. Biết rõ các pháp thật có mà không bị cấu nhiễm, gọi là noi theo. Không có hạn lượng, bình đẳng như hư không, đó gọi là noi theo. Xa lìa kiêu mạn, thường soi sáng tất cả, đó gọi là noi theo. Không nhiều cũng không ít, đó gọi là noi theo.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là không hiểu rõ pháp cần noi theo?

–Này Thiên tử! Không nhận biết pháp cần học gọi là không hiểu rõ pháp cần noi theo.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào gọi là hiểu rõ pháp cần học hỏi?

–Này Thiên tử! Nhận biết được pháp cần học hỏi tức là hiểu pháp cần noi theo.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tâm ý không tin tưởng sai lạc thì tướng ấy như thế nào?

–Này Thiên tử! Các hành không bị ngăn ngại là tướng ấy.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tâm ý của Bồ-tát không tin tưởng sai lạc thì làm thế nào để báo đáp trọn vẹn ân đức của đàn-na tín thí?

–Này Thiên tử! Tâm ý của Bồ-tát không tin tưởng sai lạc thì gọi là mắt thấy rõ tất cả các pháp, không bị lệ thuộc vào lời dạy của người khác, để có sự tin theo. Tâm ý không tin tưởng sai lạc, cũng chẳng báo đáp ân đức của tín thí. Vì sao? Vì từ xưa đến nay thảy đều thanh tịnh.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Sao gọi là Bồ-tát cạo bỏ râu tóc, không chịu vào chúng, không nghe theo lời dạy của người khác. Đó gọi là gì? Sẽ ứng hợp với nghĩa gì?

–Này Thiên tử! Bồ-tát cạo bỏ râu tóc, không chịu vào chúng, không theo lời dạy của người khác, đó gọi là bậc cao cả nhất của thế gian. Vì sao? Này Thiên tử! Chỗ tạo tác nơi pháp vô vi gọi là chúng Tăng. Bồ-tát không

trụ nơi vô vi, cũng không dứt bỏ vô vi, cho nên gọi là bậc cao cả nhất của thế gian.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Giả sử Bồ-tát chỉ trụ ở vô vi thì có lỗi gì?

–Này Thiên tử! Nếu như Bồ-tát chỉ trụ nơi vô vi thì không tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, lại rơi vào thừa Thanh văn để chọn lấy sự diệt độ. Đó là lỗi lầm.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vô vi là thuộc về tám giải thoát, hữu vi là thuộc hàng phàm phu. Bồ-tát trụ nơi hàng phàm phu được xem là bậc cao cả nhất của thế gian chăng?

–Này Thiên tử! Không phải vậy. Vì Bồ-tát không an trụ nơi bậc vô vi, cũng không an trụ nơi bậc hữu vi, cho nên gọi là bậc cao cả nhất của thế gian. Vì sao? Vì Bồ-tát phát khởi các hành để hội nhập nơi hữu vi, không trụ nơi pháp vô vi, chẳng tạo ra pháp vô vi, do đó gọi là bậc cao cả nhất trong đời. Trụ nơi hữu vi thì nhận biết được nơi chốn xấu ác. Trụ nơi vô vi lại nhận biết nơi chốn phát sinh các tuệ. Đã nhận biết về pháp hữu vi có thể tạo những xấu ác nên trụ trong ấy. Đã nhận biết về pháp vô vi phát sinh trí tuệ thì không dừng lại nơi ấy.

Này Thiên tử! Ví như người nam có sức mạnh dồi dào, dương cung lắp tên bắn vào hư không, thì mũi tên không trụ giữa hư không, cũng không rơi xuống thấp.

Này Thiên tử! Việc ấy có khó không?

Đáp: Hết sức khó khăn.

–Này Thiên tử! Việc làm của Bồ-tát lại càng khó hơn. Vì sao? Vì Bồ-tát ở trong hữu vi mà không lìa bỏ, đạt được vô vi nhưng không an trụ nơi ấy, mà lại ở trong hữu vi để cứu giúp tất cả chúng sinh.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Sự sợ hãi của Bồ-tát từ pháp hữu vi mà có, hay từ pháp vô vi mà có?

–Này Thiên tử! Sự sợ hãi của Bồ-tát từ hai nhân duyên, đó là cũng từ hữu vi, cũng từ vô vi. Vì sao? Vì ở trong hữu vi thì lo sợ về ái dục, ở trong vô vi thì lo sợ về vô dục.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hầu như Bồ-tát không có ái dục, tại sao lại còn lo sợ?

–Này Thiên tử! Ở trong ba cõi mà không bị lệ thuộc là lo sợ, không gắn bó với ba cõi là rơi vào hàng Thanh văn.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát đạt được Vô sở úy?

–Này Thiên tử! Bồ-tát ở trong hữu vi thường hành theo trí tuệ, dùng trí tuệ thiện xảo nên không rơi vào vô vi. Đó là Bồ-tát đạt được Vô sở úy.

Lại nữa, này Thiên tử! Vì tất cả chúng sinh nên Bồ-tát không xa lìa nẻo hữu vi, nhưng do cầu đạt pháp Phật nên không trụ vào nẻo vô vi. Đó là Bồ-tát đạt được Vô sở úy.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát do nhân duyên tạo phước đức, bố thí nên gắn bó với pháp hữu vi, do cầu đạt trí tuệ của Phật nên không rơi vào pháp vô vi. Đó là Bồ-tát đạt được Vô sở úy.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát trụ nơi hữu vi là đã an trụ vững nơi thiền định. An trụ nơi trí tuệ thiện xảo vì từ thiền định xuất là dẫn dắt muôn loài. Đó là Bồ-tát đạt được Vô sở úy.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát do dùng tâm Bồ-đề để an trụ nên phát sinh công đức, dùng tâm đại Bi bền chắc để cứu giúp tất cả chúng sinh. Đó là Bồ-tát đạt được Vô sở úy.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát an trụ ở chỗ vắng lặng nên biết được việc làm của ma, do đó dùng phương tiện thiện xảo để hàng phục mọi thứ hành động của ma. Đó là Bồ-tát đạt được Vô sở úy.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát dùng đại Từ để an trụ nhằm thuyết pháp khắp nơi, dùng đại Bi để an trụ nhằm thực hiện các loại bố thí. Đó là Bồ-tát đạt được Vô sở úy.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát an trụ ở trong sinh tử để vun trồng gốc của Niết-bàn. Bồ-tát an trụ nơi Niết-bàn để nhận thấy rõ gốc của sinh tử. Đó là Bồ-tát đạt được Vô sở úy.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát ở trong chỗ chẳng sinh mà làm cho sinh khởi, ở trong pháp hữu vi mà sinh ra, đối với các pháp đều nhận biết được, không tán dương năm ấm và sáu trần, thảy đều thấy chỗ tịch tĩnh nên không có đối tượng được sinh ra, đã vắng lặng thì không sinh khởi và tăng trưởng nên ở trong sự sinh khởi và tăng trưởng mà thấu tỏ không sinh, nhận biết ái dục nên không bị chúng làm cấu nhiễm, hàng Hữu học, Vô học đều đã vượt hơn, không theo con đường giải thoát của hàng Thanh văn cho đó là kỳ lạ, hội nhập nơi thân người mà không từ bỏ Pháp thân, ở trong cảnh giới của ma mà hiện thân hành hóa nơi pháp giới, tinh tấn dùng tuệ để hội nhập vào vô vi, dùng trí tuệ thiện xảo để từ vô vi mà trở lại hữu vi, đối với những việc thuận hợp hay không thuận hợp đều nên nhẫn nhục, đối với sự thị hiện của Đức Phật thường nhớ nghĩ, mong muốn nhìn thấy, Đối với chỗ thị hiện của pháp thì không còn nghi ngờ. Đó là Bồ-tát đạt được Vô sở úy.

-oOo-

Phẩm 6: An trụ nơi đạo

Bấy giờ, Thiên tử Tu Chân hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát làm thế nào để an trụ nơi đạo?

–Này Thiên tử! Bồ-tát thuyết giảng pháp diệt tham, nhưng không ở nơi sự diệt trừ ấy để cầu chứng đắc. Bồ-tát thuyết giảng pháp diệt dâm, sân, si mê và các ái dục nhưng không ở trong chỗ dứt trừ đó để cầu chứng đắc. Vì thế, này Thiên tử! Đó là Bồ-tát an trụ nơi đạo.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát thuyết giảng Không, nhưng chẳng dùng pháp không đó để cầu chứng đắc; thuyết giảng Vô tướng, nhưng không dùng pháp ấy để cầu chứng đắc; thuyết giảng Vô nguyện, nhưng không dùng pháp ấy để cầu chứng đắc; thuyết giảng pháp chẳng hòa hợp, nhưng không dùng pháp ấy để cầu chứng đắc; thuyết giảng pháp vô sinh, nhưng không dùng pháp ấy để cầu chứng đắc; thuyết giảng không nơi chốn sinh khởi, nhưng không dùng pháp ấy để cầu chứng đắc; thuyết giảng không hạn lượng, nhưng không dùng pháp ấy để cầu chứng đắc; thuyết giảng pháp xa lìa tham, nhưng không dùng pháp ấy để cầu chứng đắc; thuyết giảng pháp lìa đối tượng tạo tác, nhưng không dùng pháp ấy để cầu chứng đắc; thuyết giảng về pháp diệt trừ các việc, nhưng không dùng pháp ấy để cầu chứng đắc. Đó là Bồ-tát an trụ nơi đạo.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát không bố thí là thực hiện đầy đủ Bố thí ba-la-mật. Bồ-tát không trì giới là thực hiện đầy đủ Trì giới ba-la-mật. Bồ-tát có giận dữ là thực hiện đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật. Tâm biếng nhác là thực hiện đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật. Tâm tán loạn là thực hiện đầy đủ Thiền định ba-la-mật. Tâm ý ngu si là thực hiện đầy đủ Trí tuệ ba-la-mật. Như vậy, này Thiên tử! Đó là Bồ-tát an trụ nơi đạo.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì sao lại nói như vậy?

–Này Thiên tử! Có bốn việc không bố thí. Những gì là bốn?

1. Không xả bỏ tất cả chúng sinh.

2. Không xả bỏ các pháp.

3. Không xa lìa tâm Bồ-đề.

4. Không xa lìa các công đức.

Đó là bốn pháp không xả bỏ, tức là thực hiện đầy đủ Bố thí ba-la-mật.

Này Thiên tử! Như thế trì giới là do tâm chưa điều phục. Tâm đã điều phục rồi thì xả giới, xả giới rồi thì ra khỏi sự tối tăm, ra khỏi tối tăm rồi thì được sáng suốt, đã sáng suốt rồi thì được bình đẳng, đã bình đẳng thì đạt được trí tuệ, đạt được trí tuệ rồi thì được trí tuệ giải thoát.

Này Thiên tử! Như vậy là dùng sự xả bỏ giới tức thực hiện đầy đủ Trì giới ba-la-mật. Chính là Bồ-tát hiện bày việc chê Tiểu thừa, khen Đại thừa. Đã khen ngợi Đại thừa là đạt đến Đại thừa, nên thực hiện đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật.

Này Thiên tử! Chính vì Bồ-tát đối với thân, miệng, ý không hề dối trá tức là không biếng trễ, đối với pháp ấy thực hiện đầy đủ là Tinh tấn ba-la-mật.

Này Thiên tử! Chính là Bồ-tát hoặc ngay ở trong mộng tâm cũng không nhớ nghĩ, chấp trước hai bên. Vì sao? Vì Bồ-tát không ưa thích thừa Thanh văn và thừa Bích-chi-phật. Đã không ưa thích hai thừa tức đạt đến Đại thừa. Đã đạt đến Đại thừa là thực hiện đầy đủ Thiền Ba-la-mật.

Này Thiên tử! Tất cả các pháp đều tối tăm, ví như cỏ, cây, tường, vách, ngói đá. Chỗ tối tăm như thế do nhận thức lâu dần mà thành nghĩa thấp kém, ngu si. Vì thế, gốc của tất cả các pháp tối tăm cần phải dùng trí tuệ để giác ngộ nên trí tuệ có đủ nơi đạo, là đã thực hiện đầy đủ Trí tuệ ba-la-mật.

Này Thiên tử! Những việc làm thuận hợp như vậy, là Bồ-tát an trụ nơi đạo.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát không lìa bỏ đường sinh tử, không cầu nẻo Niết-bàn, đối với nẻo Niết-bàn không đoạn dứt, đối với đường sinh tử không tạo tác, cũng không chỗ trụ, hội nhập vào nẻo tà để xác lập đạo chân chánh. Đó là Bồ-tát an trụ nơi đạo.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát cứu giúp tất cả chúng sinh nhằm để cầu đạt tất cả các pháp, nhưng cũng không thủ đắc nơi tất cả chúng sinh, cũng không thủ đắc nơi tất cả các pháp. Vì sao? Vì không xả bỏ con đường hành hóa của Bồ-tát, chỗ giảng nói luôn thành thật, có hiệu quả. Đó là Bồ-tát an trụ nơi đạo.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát biết rõ con đường tu tập của hai thừa không có sự mong cầu đạt đến đạo quả Vô thượng Bồ-đề. Biết rõ con đường tu tập của Bồ-tát là đầy đủ các căn, các công đức được viên mãn, sau đó mới tùy thuận để giáo hóa chúng sinh. Đó là Bồ-tát an trụ nơi đạo.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát tùy theo chốn sinh tử để tạo tác thuận hợp đều vì sinh tử nhưng không thọ nhận quả báo từ sinh tử. Bồ-tát hội

nhập với cả thân tâm nhưng không bị cấu nhiễm, tất cả công đức đều làm vì hạnh nguyện, không thấy có, cũng không bị thoái chuyển nơi đạo. Vì sao? Vì đã thực hiện đầy đủ hết thảy. Đó là Bồ-tát an trụ nơi đạo.

Lại nữa, này Thiên tử! Bồ-tát ở nơi đạo để cầu đạt đạo mà không chọn diệt độ. Đó là Bồ-tát an trụ nơi đạo.

Thiên tử lại hỏi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát ở nơi đạo mà lại cầu đạo?

–Này Thiên tử! Do sinh tử nên gọi là đạo. Bồ-tát cầu đạt đạo để giải thoát cho chúng sinh mà tất cả đều không thật có, cũng không có chỗ cầu, cũng không có chỗ độ.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tất cả chúng sinh ở thế gian đã hội nhập nơi đạo là hạnh của Bồ-tát chăng?

–Này Thiên tử! Đúng như vậy. Tất cả mọi người ở đời đã hội nhập nơi đạo thì gọi là hạnh của Bồ-tát. Vì sao? Này Thiên tử! Tuy Bồ-tát thực hành ở thế gian nhưng không bị pháp thế gian làm cấu nhiễm, thuận theo ái dục mà hiện sự vô dục, không lệ thuộc theo vô dục nên ở trong sinh tử để thị hiện, biết tất cả các pháp là không sinh, không diệt, là không có sự mong cầu tốt đẹp, đối với chỗ không tốt đẹp đó mà không cầu chứng đắc. Giữ gìn năm ấm, sáu trần, xa lìa năm ấm, sáu trần. Chẳng phải là đối tượng được nhận thức của ngã để biết rõ việc giữ gìn năm ấm, sáu trần, nên vì tất cả chúng sinh mà thuyết giảng pháp. Năm ấm, sáu trần đều là không, không thật có, cũng không thể nhận thức. Đã nhận biết là không thật có nên đạt đến Thiền giải thoát, Tam-muội, Tam-ma-địa, hợp lại một mối liền đạt được Như ý túc. Tâm được an trụ vững chắc rồi liền có thể hội nhập khắp tâm của tất cả chúng sinh. Tâm ấy không hề ngăn chận do ưa thích các việc làm của ma. Bồ-tát không bị các việc của ma làm cấu nhiễm, không bỏ cảnh giới của Phật. Đối với cảnh giới của ma thì tùy chỗ tạo tác mà hành hóa. Đối với pháp, giới, xứ thì không bị lay động, thoái chuyển. Đối với cảnh giới của con người thì bố thí giúp đỡ tất cả. Đó là Bồ-tát tinh tấn thực hành theo các pháp ở thế gian.

-oOo-

Phẩm 7: Hạnh Bồ-tát

Bấy giờ, Thiên tử Tu Chân lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thế nào là hạnh tinh tấn của Bồ-tát? Xin ngài vì chúng tôi mà giảng

nói?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Không có đối tượng hành chính là hạnh cung kính thanh tịnh sâu xa đều đã được an trụ là hạnh Bồ-tát. Đối với chỗ hiện có không bị giảm mất. Đối với sự vắng lặng, ý tạo được sự thuận hợp, ý giữ nơi đạo là hành không quên.

Tâm ý bình đẳng là hạnh bố thí. Tâm ý nhu hòa là hạnh trì giới. Tâm ý tịch tĩnh là hạnh nhẫn nhục. Tâm ý không biếng trễ là hạnh tinh tấn. Thân tâm vắng lặng là hạnh thiền định. Đối với pháp giới có thực hành mà không đắm nhiễm là hạnh trí tuệ.

Tâm không thiên lệch là hạnh Từ. Không lìa bỏ tất cả chúng sinh là hạnh đại Bi. Xem ái dục là vô ngã, chỗ thực hiện đều không, là hạnh Hỷ. An nhiên, vô niệm gọi là hạnh Xả.

Không nguyện sinh vào hàng trời, người là hạnh thiền định. Biết rõ các việc là hạnh khổ trí. Xem ấm như huyễn, nhận biết về duyên khởi, các loại vô minh, hành... là hạnh của diệt trí. Phân biệt sự tịch diệt là hạnh của đạo tuệ. Không ưa tích tụ là hạnh tạo nhân trí tuệ. Biết rõ về tịch nhiên là hạnh của duyên tuệ.

Đối với nghĩa lý luôn quyết đoán là hạnh kết hợp. Nghĩa không chấp ở nơi chốn, dứt bặt mọi ngôn ngữ, là hạnh dựa theo pháp. Pháp giới không bị hủy hoại là hạnh dựa theo tịch diệt. Danh sắc không thực có là hạnh của y báo. Xem các pháp như âm thanh, như tiếng vang là hạnh dựa theo nghĩa. Thị hiện đủ các tướng tốt là hạnh nương nơi thân tuệ. Thân trang nghiêm đầy đủ tướng tốt là hạnh nương theo giới.

Biết tâm người khác là hạnh của Thiên nhãn. Làm thanh tịnh các tội là hạnh của Thiên nhĩ. Giới thanh tịnh sâu xa là hạnh của Tha tâm thông. Các tội đã dứt trừ là hạnh của Túc mạng thông. Phân biệt ba đường dữ là hạnh của thần túc.

Tâm được tự tại là hạnh vững chắc. Tâm không bị hủy hoại là hạnh chính yếu. Tâm không động, không lay là hạnh an lập. Tâm không kinh, không sợ là hạnh bình đẳng.

Tâm thường nhớ nghĩ, không nương tựa là hạnh như hư không. Quan sát, nhận biết hết thảy là hạnh như huyễn. Tướng trang nghiêm là hạnh như mộng. Tướng tốt dưới lòng bàn chân là hạnh ánh sáng. Tướng không tích tụ là hạnh ảnh tượng. Tướng không tham đắm là hạnh âm vang. Tướng của nghĩa quyết định là hạnh dợn nắng.

Tướng tỉnh ngộ là hạnh Không. Tướng phân biệt về thân là hạnh Vô

tướng. Tướng phân biệt về ý là hạnh Vô nguyện. Tướng phân biệt ba cõi là hạnh không hội ngộ. Tướng phân biệt cùng gặp nhau là hạnh hàng phục ma. Tâm, ý, thức luôn tương quan với nhau là hạnh không đoạn mất ba ngôi báu bền chắc. Tất cả sự tăng trưởng là tướng của hành. Tâm luôn hành hóa như vậy, này Thiên tử! Đó là hạnh nơi con đường tu tập của Bồ-tát.

-oOo-

Phẩm 8: Phân biệt

Bấy giờ, Thiên tử Tu Chân hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát trụ nơi đạo, theo hạnh đó là đã vượt hơn hàng Thanh văn và Bích-chi-phật chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Đúng vậy, này Thiên tử! Đúng như lời ông nói. Hạnh của Bồ-tát thật sự vượt hơn các hàng Thanh văn và Bích-chi-phật. Vì sao? Vì không tin chấp vào chỗ chứng đắc, cũng không chấp giữ các pháp, cũng không hành theo tám bậc, cũng không chấp nơi quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích-chi-phật, cũng không chấp nơi Như Lai, không chấp nơi Chánh đẳng giác, không chấp nơi Thế Tôn.

Như vậy, này Thiên tử! Nếu không nhận biết điều ấy, không chấp đó là Bồ-tát thì chính là Bồ-tát. Không có pháp thế tục nên chẳng phải pháp dâm dục, pháp giận dữ, pháp ngu si, pháp sinh tử, pháp Niết-bàn. Nếu không nhận biết điều ấy mà không chấp đó là Bồ-tát thì chính là Bồ-tát.

Thiên tử lại hỏi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì sao nói như vậy? Do nhân duyên gì mà Bồ-tát tin chứng, đạt đến pháp Niết-bàn?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát tin hiểu các pháp, tất cả đều vắng lặng, ở trong dục không tham chấp, không tin theo đạo khác. Vì sao? Vì chỉ tin theo sáu pháp Ba-la-mật, tin rồi thọ trì, để giải thoát mọi người bị trói buộc, thường cầu đạt được trí tuệ, ở trong sinh tử không sợ, ở trong Niết-bàn không hãi. Đó là Bồ-tát hiểu pháp chính yếu.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát có thể thọ chánh pháp?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát đối với tất cả pháp mà chư Phật đã giảng dạy đều thọ trì, không bị pháp thế gian lôi cuốn, chỉ lấy đạo pháp làm lẽ sống, trụ vững nơi ý nghĩa pháp, không trụ nơi ái dục, tức đạt được diệu lực của giáo pháp, không phải là uy lực của thế tục, được ý nghĩa của giáo pháp, không chuộng nghĩa của thế gian, tôn trọng giáo pháp, không tôn trọng pháp thế gian, nương theo giáo pháp không dựa theo người, nói đúng chánh pháp, không nói lời phi pháp, trụ vào chỗ chánh pháp, không trụ vào chỗ phi pháp, nhờ pháp nên có được nhận thức thông suốt, xác đáng, không bị ngăn ngại, biết rõ các pháp, đạt được pháp Tổng trì, ghi nhớ không quên, dùng bảy thứ quý giá để thực hiện đầy đủ các việc, nương vào tất cả pháp để được an trụ nơi pháp tự tại.

Này Thiên tử! Vì thế Bồ-tát phải hết lòng phụng trì pháp chánh yếu.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát đạt được tám việc?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát ra khỏi tám nẻo tà, nhờ công đức thanh tịnh thực hành tám Chánh đạo, đầy đủ sở nguyện nên được hội nhập nơi đạo, tất cả người đời ở trong tám nạn đều được an trụ vào đạo, đối với những chúng sinh không ở trong tám nạn thì được làm thân nam, luôn nhớ nghĩ về tám điều giác ngộ, thường nguyện phát tâm Bồ-đề không xả bỏ, đạt được tám thiền giải thoát. Đó là Bồ-tát đạt được tám việc.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát chứng đắc quả Tu-đà-hoàn?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát xem tất cả mọi người đều trôi nổi theo dòng nước sinh tử vào trong biển cả, người có sức mạnh đi ngược dòng nước, đoạn trừ dòng chảy sinh tử, không hủy hoại bản nguyện, dứt trừ ba đường ác, khiến tất cả chúng sinh đều đạt được nơi chốn an ổn, xa lìa mọi nẻo do dự về chân lý, an trụ vào tạng pháp của Đức Phật, vượt hơn đường đi của hàng phàm phu, đứng vững nơi pháp Phật, biết rõ bờ sinh tử, hướng đến cửa Niết-bàn, đối với các thế giới là sâu xa đệ nhất, thường lập chí nguyện để hành theo đạo giải thoát, khiến mọi người hướng đến đạo pháp, có thể hội nhập nơi đạo tràng, xem xét hiện tại, chỉ dạy trao truyền cho mọi người xa lìa sinh tử, ở trong pháp hữu vi thị hiện và khen ngợi pháp vô vi, cùng vui thích bậc không thoái chuyển. Đó là Bồ-tát chứng đắc quả Tu-đà-hoàn.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát chứng đắc quả Tư-đà-hàm?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát nhận biết tất cả pháp trong đời vị lai chưa xảy ra đi vào trong sinh tử cứu giúp tất cả, vì họ thuyết giảng khiến đạt đến giác ngộ, không chấp nơi pháp hữu vi cũng không chấp nơi pháp vô vi, không thấy đến cũng không thấy đi, tuy có thị hiện đến mà dứt hết ái dục, tuy có thị hiện đi mà hoàn toàn không tạo tác. Đến không trái với chánh pháp, đến mà không theo chỗ dụ của ma, đến thì thẳng tới đạo tràng, đi thì giữ gìn lời dạy của Phật mà thị hiện, nương theo chánh pháp để cứu giúp tất cả chúng sinh, khiến họ vượt qua vực sâu sinh tử, được các pháp thần thông vững chắc, không gì có thể hủy hoại. Đó là Bồ-tát chứng đắc quả Tư-đà-hàm.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát chứng đắc quả A-na-hàm?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Tất cả đối tượng được nhận thức của Bồ-tát đều tiến triển, không bị các ấm ngăn che, không rơi vào chỗ điên đảo, đối với sự tiến triển ấy không đến cũng không đi, hướng tiến triển ấy cũng không theo chỗ phi pháp mà giáo hóa dứt mọi sợ hãi, không tham dục, giận dữ, si mê, mọi sự hành hóa thì luôn vượt hơn, viên mãn các pháp Phật, công đức xưa nay bình đẳng không khác, hết thảy các việc làm đều hoàn tất nên được thọ ký, chỗ có thể làm mà không làm được, chỗ không được tự tại, chỗ chúng sinh chưa đến với đạo thì dùng trí tuệ để độ thoát, ánh sáng giác ngộ không nhờ người khác mà có. Đó là Bồ-tát chứng đắc quả vị A-na-hàm.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát chứng đắc quả A-la-hán?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát dứt bỏ mọi thứ sở hữu, chế ngự tham dục, vì tất cả chúng sinh mà thuyết pháp. Đối với người nhiều giận dữ, dùng pháp giáo hóa để hàng phục, khiến trừ hết mọi biểu hiện xấu ác. Đối với hạng ngu si, dùng pháp chỉ dạy khiến trụ vào lý không, thảy đều thấy các pháp, luôn tinh tấn tu tập đối với pháp của chư Phật, tâm không ưa thích pháp thế gian, tất cả mọi hội họp đều là vô thường, đối với sự cúng dường là việc hơn hết, ví như hoa sen không nhiễm bùn. Các pháp là vô ngã nên không nắm giữ, cũng không thực có, luôn nhớ nghĩ điều ấy mà thọ trì tất cả pháp,

dùng trí tuệ phân biệt lý không, theo chỗ ưa thích của mọi người để khiến họ lập chí, chỗ nguyện từ đời trước đều được thực hiện đầy đủ, ý chí vững chắc không lệ thuộc nơi người khác, tất cả lời tốt xấu đều thọ nhận, hoan hỷ, nên luôn quyết định chuyển hóa để hóa độ hết thảy chúng sinh. Đó là Bồ-tát chứng đắc quả vị A-la-hán.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát hội nhập nơi hàng Thanh văn?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát đối với những người chưa được nghe pháp vì họ mà thuyết giảng, đó là Thanh văn. Ở nơi thừa Thanh văn không có lòng tin thì khiến tin tưởng. Đối với người chấp trước nơi các pháp thì dùng pháp không sinh không khởi giảng giải khiến cho người chưa nghe được nghe. Đối với những người duyên dựa về nhân duyên thì giảng giải về lý không ngã, không nhân, khiến họ lãnh hội tu tập. Ở trong pháp "Không" thì giáo hóa tính chất rộng lớn của pháp Phật, chỗ tạo ra pháp chính yếu ví như hư không, khiến người nghe pháp luôn tinh tấn không bị chướng ngại, không thực hành theo pháp người khác, tự mình thực hành thiền định, tất cả mọi âm thanh của quá khứ, vị lai, hiện tại đều hiểu biết rõ, đã dứt bỏ mọi chỗ tạo nghiệp nên công đức đầy đủ, đạt được chỗ dụ về nghĩa của pháp vô tận, biết hết ý nghĩa và mọi hành động của tất cả chúng sinh, dùng trí tuệ để thị hiện, dẫn dắt, tạo lợi ích, tùy theo sự ưa thích của họ để thuyết pháp, khiến họ thông tỏ, dứt mọi kiêu mạn, thường hành theo bản nguyện. Đó là Bồ-tát có thể hội nhập vào hàng Thanh văn.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát chứng đắc quả vị Bích-chi-phật?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát đạt được nhân duyên phương tiện, biết các pháp không có ngã, không nhân, không tuổi thọ, không mạng sống, không có chủ tể, mà tự trang nghiêm, các pháp là hư giả không thật có, không có lệ thuộc, tướng trạng của nhân duyên, thí dụ cũng như vậy. Thấy rõ các nhân duyên, lấy đạo làm sự sống, đối với giáo pháp luôn gắn bó cùng các pháp Ba-la-mật, cùng với mọi sự chứng đắc, đối với việc thực hành bốn ân nhằm dứt mọi kiêu ngạo, đó là thần thông diệu dụng. Biết pháp do nhân duyên nên không chấp đoạn, không tin vào nghiệp khác, giác ngộ đạo bình đẳng, chỗ tin thấy, nhận biết không trái

ý mình, không theo công đức của các pháp nhỏ, xác lập pháp lớn, nương theo nhân duyên để thực hành tất cả pháp. Đó là Bồ-tát chứng đắc quả vị Bích-chi-phật.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát làm thế nào để đạt đến quả vị Phật?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát hiểu biết hết thảy các pháp vốn vắng lặng, nhận biết tất cả vốn không thật có, biết rõ các việc làm xấu ác của cõi trời, người, tâm ý nhằm độ sinh nên xa lìa chỗ an vui của riêng mình. Vì sao? Vì Bồ-tát hiểu rõ các trí tuệ, tự mình biết rõ trí tuệ, hiểu các dục là không, tự thân cũng là không, chỉ trong một niệm thì được giác ngộ, ngoài ra không bị một thứ gì khác làm lay chuyển, thị hiện vô số các việc như trên. Đó là Bồ-tát chứng đắc đạt đến quả vị Phật.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát làm thế nào để đạt đến quả vị Như Lai?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát dùng con đường của Như Lai để chứng đắc. Vì Như là chắc thật không hề mất, Như là tạo lập, Như là bố thí, Như là trì giới, Như là nhẫn nhục, Như là tinh tấn, Như là thiền định, Như là trí tuệ, Như là phương tiện thiện xảo, Như là thông tuệ. Như là người, chẳng phải là người, hiện làm người lập hạnh tu tập, đoạn trừ sinh tử, ở trong các hạnh đều vượt hơn hết, vượt qua mọi sợ hãi, đến bờ giác ngộ. Đối tượng được vượt qua, không có bên kia, cũng không ở chỗ bên kia, cho đến bên này, cũng không ở chỗ bên này, vì xưa nay tánh vốn thanh tịnh nên vượt lên hai cõi, xa lìa chỗ tối tăm, thấy rõ bình đẳng, đối với chỗ tối sáng vượt khỏi chốn tăm tối. Như Lai từ không mà đến, dứt trừ mọi cấu uế thì trở về nơi không. Đó là Bồ-tát đạt đến quả vị Như Lai.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát đạt được quả vị Thế Tôn, dứt sạch chốn sinh tử?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát tiêu diệt hết ái dục, vượt khỏi sinh tử trong ba cõi, đối với chỗ có thị hiện chỗ không, cứu độ muôn loài, hàng phục các ma, đối với các nơi chốn vui thú dễ tham đắm thì nên xa lìa, khiến họ buông

bỏ gánh nặng, lìa hẳn khỏi những nơi chốn ấy, thấy khắp những chỗ sinh khởi các điều thiện ác, đã bỏ những chốn vui thích, bỏ tham dâm, dùng tâm nhu hòa tu tập các pháp thiền định, gắn liền với trì giới, thấy hết thảy chỗ ác nên không vướng mắc, nhập vào các thân, biết tất cả mọi hình tướng, ở chốn sinh tử dẫn dắt, bố thí, tạo mọi phước đức, thường vui thích cúng dường, lan tỏa khắp ba cõi chưa từng chán bỏ, được mọi người trong ba cõi kính ngưỡng. Đó là Bồ-tát đạt được quả vị Thế Tôn.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát đạt được quả vị Chánh đẳng Chánh giác?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát đối với năm tội ngũ nghịch cũng như đối với chánh đạo tâm đều bình đẳng, cho nên tất cả đều giác ngộ bình đẳng, bình đẳng đối với nhận thức và bốn thứ điên đảo, bình đẳng đối với các sự ngăn che của ấm, cái, bình đẳng đối với đạo không sai khác, cho nên đều giác ngộ bình đẳng. Bình đẳng đối với dâm dục, giận dữ, ngu si cùng với các dục, cũng bình đẳng đối với đạo, vì thế nên giác ngộ bình đẳng. Đối với pháp của phàm phu, pháp thích hợp tu tập, pháp không thích hợp tu tập, pháp của Bích-chi-phật, pháp của Bồ-tát đều bình đẳng đối với đạo, vì thế nên giác ngộ bình đẳng. Đó là Bồ-tát đạt đến quả vị Chánh đẳng Chánh giác.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát đạt đến quả vị Thế Tôn?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát dạy dỗ người đời, khiến họ dứt bỏ mọi thứ tham, sân, si, phát sinh công đức, vì họ chuyển pháp luân, đối với người nghe giáo pháp khiến đều phụng trì. Chỉ rõ chỗ phi pháp, vì họ chỉ dạy giáo pháp Giải thoát, giáo pháp Từ bi, giáo hóa khắp tam thiên đại thiên thế giới, giáo pháp được mọi người nơi thế gian tôn kính, làm chỗ quy về cho tất cả chúng sinh, làm đèn sáng cho tất cả mọi loài, làm ánh sáng tột bực trong tất cả mọi thứ ánh sáng, làm sự vắng lặng là hơn hết trong tất cả mọi sự vắng lặng, khiến tất cả mọi loài dứt hết tưởng chấp, dứt sạch mọi nghi ngờ chánh pháp, nuôi dưỡng, cứu giúp làm tăng trưởng các thứ công đức, được các hàng Chuyển luân, Tứ Thiên vương, Thích Đề-hoàn Nhân, Phạm vương lễ kính, dù bị người ngu coi thường mà không hề oán giận, được người trí khen ngợi không lấy làm vui mừng, tâm luôn bình đẳng như hư

không, Đức Thế Tôn là Bậc Tối Thắng trong thế gian. Đó là Bồ-tát đạt đến quả vị Thế Tôn.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát hội nhập vào pháp của hàng phàm phu?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát đối với chỗ hành của tất cả mọi người dùng phương tiện thiện xảo để thị hiện, tạo sự ứng hợp với họ mà biết rõ, không bị đắm nhiễm, vì thế Bồ-tát hội nhập vào pháp của hàng phàm phu.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát hội nhập vào pháp tham dục?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát luôn thao thức, dốc hết tâm lực nhằm đạt được pháp Phật, thường hết mực mong muốn để thành tựu tự thân như là thân Như Lai, đem tâm Từ hướng đến tất cả chúng sinh, ban bố không hề giận dữ, vì thế Bồ-tát hội nhập vào pháp tham dục.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát hội nhập vào pháp sân hận?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát đối với trong một việc mà thấy đủ mười tám việc, xem hai thừa chỉ là phương tiện, ở trong pháp hữu vi thị hiện ái dục, ở trong ái dục tâm không đắm nhiễm. Vì sao? Vì nhằm giáo hóa tất cả chúng sinh, vì thế nên Bồ-tát hội nhập vào pháp sân hận.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát hội nhập vào pháp ngu si?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Không có hiểu biết đúng đắn gọi là ngu si. Đối với các pháp giới, định, tuệ, chẳng biết cũng chẳng hiểu, không thực hành, cũng không tạo tác, cũng không bỏ rơi, vì thế nên Bồ-tát hội nhập vào pháp ngu si để giáo hóa họ.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát hội nhập vào pháp

sinh tử?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát đối với sinh tử không hề lay động.Vì sao? Vì cầu đạt Phật đạo cho nên an trụ vững chắc, không chuyển, tất cả các ma không thể tùy tiện quấy phá. Đối với tất cả các hành không còn vướng chấp, bình đẳng đối với sinh tử cũng như bình đẳng đối với pháp Phật, không ưa thích pháp nhỏ mà dốc cầu pháp lớn và luôn an trụ. Vì thế nên Bồ-tát nhập vào pháp sinh tử.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát nhập vào pháp Niết-bàn?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Bồ-tát noi theo các tập tục mà thị hiện con đường Niết-bàn, biết rõ về nguồn gốc của tất cả pháp mà diệt trừ, ở trong Niết-bàn hành hóa mà không trụ vào Niết-bàn, ở nơi Niết-bàn hành hóa nên không bỏ Niết-bàn. Do đó, Bồ-tát hội nhập vào pháp Niết-bàn.

-oOo-

PHẬT THUYẾT TU CHÂN THIÊN TỬ KINH

QUYỂN 4

Phẩm 9: Kệ tán

Thiên tử Tu Chân lại hỏi:

–Thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát làm thế nào đạt được trí tuệ thiện xảo, tự tại đi vào thế tục để giáo hóa chúng sinh?

Lúc ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vì Thiên tử Tu Chân mà nói kệ tán thán:

Tâm không vướng chấp ái dục
Chí luôn cầu đạo Vô thượng
Ý tu tập, mắt thấy rõ
Đó là tướng của trí tuệ.
Khiến hết thảy đều phát tâm
Thường lập chí nguyện nơi đạo
Tâm với đạo không xa lìa
Như vậy là tướng thiện xảo.
Tất cả người, cũng không người
Có trí tuệ hiểu biết rõ
Đã an tịnh chốn vắng lặng
Đó gọi là tướng trí tuệ.
Các chúng sinh do tụ họp
Thọ các thân đều chấp có
Dùng đạo đức giáo hóa họ
Đó chính là tướng thiện xảo.
Thân vốn không cũng như vậy
Nơi gốc không, chẳng còn chấp
Tu ba giải thoát thanh tịnh
Như vậy là tướng trí tuệ.
Mọi vật dụng đều ban cho
Đầu, mắt, thân và ngọc báu
Vì chúng sinh lập thệ nguyện

Đó gọi là tướng thiện xảo.
Thích ở chốn vắng, thanh tịnh
Đối với giới không kiêu mạn
Thân, miệng, ý cũng dứt bặt
Đó gọi là tướng trí tuệ.
Tự thân giới đều đầy đủ
Khuyên, tán thán người trì giới
Phật thành tựu đều từ giới
Đó gọi là tướng thiện xảo.
Không có ngã, đạt nhẫn nhục
Tất cả "đại" cũng đều không
Thân, miệng, ý không lỗi lầm
Đó chính là tướng trí tuệ.
Chẳng do thân, miệng tạo nghiệp
Tâm như thế không loạn động
Tất cả pháp đều tịch tĩnh
Như vậy là tướng thiện xảo.
Với mọi người thường nhẫn nhục
Dù nhục mạ hay đánh đập
Cứu tất cả, thương không bỏ
Đó chính là tướng trí tuệ.
Tin, hiểu về các phước đức
Đều khuyến khích cho mọi người
Thường xét kỹ hành đúng đạo
Như vậy là tướng thiện xảo.
Luôn thực hành pháp Tam-muội
Để diệt trừ mọi ái dục
Thường tu tập không đắm nhiễm
Đó gọi là tướng trí tuệ.
Bỏ tất cả để hành thiền
Khắp mọi nơi đều hành hóa
Thương, dẫn dắt cho muôn loài
Đó gọi là tướng thiện xảo.
Chẳng ở bên này, bên kia
Chỉ an trụ nơi trung đạo
Mọi kiến chấp nên xa lìa
Đó chính là tướng trí tuệ.
Đối với không chẳng chán đủ

Đó gọi là hiểu về không
Thương, cứu giúp hết mọi loài
Đó chính là tướng thiện xảo.
Pháp vô tướng mới thấy Phật
Thấy bình đẳng như hư không
Nơi sắc tướng không chỗ trụ
Đó gọi là tướng trí tuệ.
Đã cúng dường vạn ức Phật
Là cúng dường các Thế Tôn
Thảy đều được tướng tốt Phật
Đó gọi là tướng thiện xảo.
Pháp thanh tịnh không dâm dục
Thấy bình đẳng như hư không
Pháp như vậy không chấp giữ
Đó gọi là tướng trí tuệ.
Đã an trụ nơi pháp giới
Chỗ tạo lập luôn trọn vẹn
Ở nơi ấy không lay động
Đó gọi là tướng thiện xảo.
Các chúng sinh không thể biết
Nghĩa pháp ấy cũng như vậy
Xét cội nguồn thảy đều không
Đó gọi là tướng trí tuệ.
Không chỗ sinh, không chỗ diệt
Đều hiểu rõ tất cả pháp
Cũng không đến, cũng chẳng đi
Đó gọi là tướng thiện xảo.
Chỗ sinh ra thường an ổn
Không sắc dục nơi năm ấm
Thường cứu giúp các chúng sinh
Đó gọi là tướng trí tuệ.
Thường tu tập chốn vắng lặng
Không tạo nghiệp pháp vô ngã
Luôn tu tập pháp thiền định
Đó gọi là tướng thiện xảo.
Nơi xóm làng và thành thị
Lời dịu dàng để giáo hóa
Thuyết giảng pháp không mỏi mệt

Đó gọi là tướng trí tuệ.
Trong ba đời không khiếp sợ
Chốn khổ vui không chỗ trụ
Điều phục thân được thanh tịnh
Đó gọi là tướng thiện xảo.
Trong đại chúng tâm an định
Với lo buồn cũng như vậy
Đều hiện thân vào chỗ ấy
Đó gọi là tướng thiện xảo.
Đã thực hành tuệ vô ngại
Thường không chấp vào danh tự
Như hư không bặt ngôn ngữ
Đó gọi là tướng trí tuệ.
Trong ái dục thường hiện thân
Trao truyền pháp cho mọi người
Thường tán thán ngôi Tam bảo
Đó gọi là tướng thiện xảo.
Dùng thần thông tạo công đức
Tu Tam-muội, điều phục tâm
Mọi cư xử không phân biệt
Đó gọi là tướng trí tuệ.
Đủ thần thông hiện biến hóa
Liền đi đến ức cõi nước
Thường cúng dường ức Đức Phật
Đó gọi là tướng thiện xảo.
Xem ấm, cái như mộng huyễn
Nơi ái dục không đắm sắc
Diệt hết thảy các chúng ma
Đó gọi là tướng trí tuệ.
Nơi chốn ma mà thị hiện
Thị hiện rồi liền xả bỏ
Ở trong ấy độ chúng sinh
Đó gọi là tướng thiện xảo.
Thường gần gũi cửa giải thoát
Đạt Không, Vô tướng, Vô nguyện
Dốc bố thí chỗ cần trí
Đó gọi là tướng trí tuệ.
Với người dữ, không giận hại

Không ngu si được trí tuệ
Ngã vô sinh không tăng trưởng
Đó chính là tướng thiện xảo.
Mọi việc làm đã hoàn tất
Thường tu tập theo trí tuệ
Đạt được các Ba-la-mật
Đó gọi là tướng trí tuệ.
Tuy thị hiện tham dục, si
Dù trái nghịch với tuệ căn
Cũng nhằm cứu giúp tất cả
Đó gọi là tướng thiện xảo.
Được bình đẳng như Niết-bàn
Nên diệt trừ mọi tạp loạn
Đã hàng phục được ba cõi
Đó gọi là tướng trí tuệ.
Ở nơi đời sinh tử này
Mọi người đều là bè bạn
Tạo phước đức không chán đủ
Đó gọi là tướng thiện xảo.
Tám Thánh đạo được tịch tĩnh
Đó gọi là tuệ Bồ-tát
Trí tuệ cùng phương tiện khéo
Theo thừa này được thành Phật.
Hành đủ trí tuệ và phương tiện
Cũng không sinh, cũng chẳng có
Tướng trí tuệ và phương tiện
Được trí tuệ không kiêu mạn.
Trí tuệ, phương tiện thiện xảo
Luôn theo nhau cùng thực hành
Như một xe hai bò kéo
Hiểu rộng pháp, không gì hơn.

-oOo-

Phẩm 10: Nói về các thứ đạo

Thiên tử Tu Chân lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Những gì được gọi là con đường tu tập?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Nơi chốn của ta là con đường tu tập.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nơi chốn nào là nơi chốn của con đường tu tập?

Đáp: Này Thiên tử! Tịch tĩnh là nơi chốn của con đường tu tập.

Thiên tử hỏi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nơi chốn nào là tướng của con đường tu tập?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Hư không là tướng của con đường tu tập.

Thiên tử hỏi:

–Nơi chốn nào là chỗ dừng lại của con đường tu tập?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Hư không là chỗ dừng lại của con đường tu tập.

Hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Con đường tu tập do ai lập nên?

Đáp: Này Thiên tử! Con đường tu tập từ các pháp lập nên.

Hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nơi chốn nào là gốc của con đường tu tập?

Đáp: Này Thiên tử! Bình đẳng là gốc của con đường tu tập.

Hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thọ trì pháp gì gọi là con đường tu tập?

Đáp: Này Thiên tử! Thọ trì pháp vô ngã, pháp vô nhân, là con đường tu tập.

Hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nơi chốn nào bình đẳng với con đường tu tập?

Đáp: Này Thiên tử! Không có chỗ sinh, không có chỗ khởi, đó là nơi chốn bình đẳng với con đường tu tập.

Hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Con đường tu tập đi đến nơi chốn nào?

Đáp: Này Thiên tử! Con đường tu tập đi đến các hành trong tâm của tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì không có chỗ đi, cũng không có chỗ đến.

Hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Con đường tu tập từ nơi chốn nào phát sinh?

Đáp: Này Thiên tử! Đại Bi là nơi chốn phát sinh của con đường tu

tập.

Hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì sao tâm đại Bi là chỗ phát sinh của con đường tu tập?

Đáp: Này Thiên tử! Độ thoát cho tất cả gọi là đại Bi và là nơi phát sinh của con đường tu tập.

Hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Con đường tu tập từ cái gì để cầu đạt giải thoát?

Đáp: Này Thiên tử! Con đường tu tập từ nơi tất cả ái dục để cầu đạt giải thoát.

Hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là từ nơi ái dục, có thể sinh ra con đường tu tập?

Đáp: Này Thiên tử! Thực hành, làm thanh tịnh tám con đường chân chánh, nên phát sinh con đường tu tập.

Hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì sao thực hành tám con đường chân chánh là cùng hợp với ái dục?

Đáp: Này Thiên tử! Đúng vậy, tám con đường chân chánh đều cùng với ái dục. Thiên tử! Ông nên tán thán sự thanh tịnh của con đường tu tập, diệt trừ hết tham dâm, giận dữ, ngu si, gọi là đạo. Giống sự thực hành ái dục, sự thực hành đạo cũng như vậy.

Hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Trong sự thực hành ấy chỗ tạo tác như thế nào mới thuận hợp với đạo?

Đáp: Này Thiên tử! Ở trong chỗ thực hành ấy, không bị ái dục lôi cuốn, không gắn liền với sinh tử, không thủ đắc Niết-bàn. Chỗ thực hành của con đường tu tập luôn thuận hợp với đạo.

Hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là chỗ thực hành của Bồ-tát?

Đáp: Này Thiên tử! Đối với sáu mươi hai thứ kiến chấp, bốn thứ điên đảo, năm thứ ngăn che, hành giả không bị các thứ ấy chi phối, đó là chỗ thực hành của Bồ-tát.

Hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Sự việc đó là thế nào?

Đáp: Này Thiên tử! Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo, hội nhập khắp nơi chốn nhằm cứu độ tất cả chúng sinh. Hết thảy chỗ tìm cầu đều dựa theo các sự nhận biết về ái dục, về bốn điên đảo để cầu đạt. Vì sao? Vì tất cả đều từ trong đó mà phát sinh nên đối với sự cầu đạt hết thảy không bị vướng mắc nơi chủ thể nhận thức và đối tượng được nhận ái dục, bốn điên đảo cũng không bị vướng mắc. Chẳng phải là tất cả sự nhận biết, cũng là tất cả

sự nhận biết. Vì sao? Vì nhằm cứu giúp độ thoát hết thảy muôn loài. Như vậy, này Thiên tử! Nên biết con đường tu tập của Bồ-tát ở trong ái dục để cầu đạt.

Thiên tử lại hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát chẳng từ nơi ba cửa giải thoát mà cầu đạo sao?

Đáp: Này Thiên tử! Bồ-tát không thể từ nơi "Không" mà thành đạo, cũng không thể từ nơi "Vô tướng", "Vô nguyện" mà thành đạo. Vì sao? Vì ở trong đó không có tâm, ý, thức, mọi niệm đều vắng lặng. Không có tâm, ý, thức và niệm dấy khởi nên mới thành đạo.

Hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Chỗ thực hành như thế nào gọi là đạo?

Đáp: Này Thiên tử! Si mê cùng với đạo đều bình đẳng. Đạo cùng với si mê bình đẳng, thực hành sự bình đẳng, đó gọi là đạo bình đẳng. Chánh kiến bình đẳng với tà kiến, chánh niệm bình đẳng với tà niệm, chánh ngữ bình đẳng với tà ngữ, chánh mạng bình đẳng với tà mạng, chánh nghiệp bình đẳng với tà nghiệp, chánh phương tiện bình đẳng với tà phương tiện, chánh tư duy bình đẳng với tà tư duy, chánh định bình đẳng với tà định.

Hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là chánh kiến bình đẳng với tà kiến?

Đáp: Này Thiên tử! Tất cả đều bình đẳng như nơi hư không đều bình đẳng với tịch tĩnh.

Hỏi: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hư không cùng với tịch tĩnh có gì sai khác nhau?

Đáp: Này Thiên tử! Hư không không bình đẳng với hư không bình đẳng thật sự có gì khác nhau chăng?

Thiên tử nói: Hư không không bình đẳng với hư không bình đẳng, thật không có khác nhau.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Đúng vậy, Thiên tử! Hư không và tịch tĩnh bình đẳng cũng như vậy.

Thiên tử lại hỏi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là chỗ thuyết giảng về sự bình đẳng mà lại có tán thán về sự sai khác?

–Này Thiên tử! Dứt mọi tư tưởng, nhân nơi sự tạo tác mà sinh kiêu mạn nên dẫn đến sự khen ngợi, tán thán có sai khác. Giả sử tư tưởng đều dứt bặt, do nơi chỗ tạo tác mà sinh kiêu mạn, hiển tướng về nghĩa ấy là không sai khác. Ví như vạn dòng sông chảy trong thiên hạ có bốn con sông,

mỗi thứ đều có tên gọi, đồng đổ về biển cả thì hợp làm một vị. Vì sao? Vì không có sai khác. Như thế, này Thiên tử! Người không hiểu rõ pháp giới nên cho rằng có sai khác. Người hiểu rõ pháp giới nên không có sự sai khác.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Pháp giới ấy có thấy biết được chăng?

–Này Thiên tử! Pháp giới không thể thấy biết được. Vì sao? Vì là chỗ hợp tụ của tất cả các pháp, nên đối với pháp giới chẳng nhận biết về tướng. Đối với pháp giới ấy mà nhớ nghĩ bình đẳng thì đạt được trí tuệ trong ba đời. Đó là nơi chốn của pháp giới. Từ bỏ tâm phiền não, không do dự, đó là nhận biết về nơi chốn. Người nói lời tạp loạn thì không nhận biết về nơi chốn ấy.

Này Thiên tử! Nhờ vào các hình tượng vô sắc nên đều thấy các sắc. Sắc này cũng không, bình đẳng như hư không. Như thế, này Thiên tử! Đối với pháp giới đều hoàn toàn thanh tịnh, không chút cấu uế. Như tấm gương sáng thấy rõ diện mạo hình tướng, Bồ-tát đều thấy tất cả pháp. Các pháp này và pháp giới đều bình đẳng, thanh tịnh như hư không.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát làm thế nào để đạt được trí tuệ biện tài?

–Này Thiên tử! Bồ-tát dùng trí tuệ để quán xét thân không, không gián đoạn. Ở nơi các chỗ nhận biết tự hiện thân, vì tất cả mọi người để thuyết pháp vô thường, khiến họ xa lìa chỗ chấp nơi thân này. Đó là Bồ-tát đạt được trí tuệ biện tài, nhận biết mọi sự hiện có, không, đối với tất cả đều không thật có.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Làm thế nào Bồ-tát phân biệt được các pháp?

–Này Thiên tử! Nhận biết chỗ có thân, không thân, là vắng lặng, không sai khác. Như thế là Bồ-tát phân biệt được các pháp.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát được tôn xưng là bậc Đạo sư?

–Này Thiên tử! Bồ-tát đối với pháp thì không trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Này Thiên tử! Như thế, tức Bồ-tát được tôn xưng là bậc Đạo sư.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát biết một việc mà thấu rõ vô số việc?

–Này Thiên tử! Bồ-tát đối với chỗ không tư tưởng mà không hề dao động. Thế nên, Bồ-tát biết một việc mà thấu rõ vô số việc.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát có thể thị hiện, hội nhập vào ba

pháp chăng? Ba pháp ấy là: Bình đẳng nơi chánh pháp, hội nhập vào nơi chẳng phải chánh pháp, hội nhập vào tà pháp.

–Này Thiên tử! Bồ-tát đối với chánh pháp mà hội nhập vào pháp Phật, đối với nơi chẳng phải chánh pháp mà hội nhập vào quả vị Thanh văn và Bích-chi-phật, đối với tà pháp thì hội nhập vào đó để cứu độ chúng sinh.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát có thể an trụ ở chỗ vắng lặng, lại có thể an trụ nơi chỗ loạn động chăng?

–Này Thiên tử! Bồ-tát cần an trụ vào nơi vắng lặng.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Do đâu mà nói như thế? Cớ sao lại đi vào chỗ loạn động?

–Này Thiên tử! Do chỗ loạn động nên thị hiện an trụ để giáo hóa chúng sinh khiến họ đạt được sự vắng lặng.Vì sao? Vì thương yêu tất cả các loài.

Này Thiên tử! Vì sự giải thoát của hàng Thanh văn chỉ là tự mình, do đó, đạt đến chỗ vắng lặng, còn Bồ-tát thì không thị hiện vào trong đó nữa. Có sự loạn động đều là chưa đạt được đạo, nên Bồ-tát cần thị hiện nơi ấy để hóa độ họ.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nay Nhân giả đã đạt được vắng lặng hay vẫn còn loạn động?

–Này Thiên tử! Tôi không có loạn động, lại cũng không có vắng lặng.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì sao nói như thế?

–Này Thiên tử! Tôi chưa có chỗ đạt đến, cũng không có chỗ chứng đắc, nên chẳng vắng lặng đối với sự vắng lặng, không phải chốc lát, cũng không nhất thời, luôn dựa vào sinh tử để tu tập.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Giảng nói pháp này là nhằm hàng phục cảnh giới của ma chăng?

–Này Thiên tử! Đúng vậy, như lời Nhân giả đã nói: Thuyết giảng pháp này là nhằm hàng phục cảnh giới của các ma. Vì sao? Này Thiên tử! Giảng pháp như thế là không lìa năm ấm, cũng không bỏ ái dục, không dấy khởi sự phân biệt và chấp vào nẻo giải thoát để hàng phục các ngoại đạo. Vì sao? Này Thiên tử! Vì tất cả các hành của ngoại đạo không theo đúng như trên. Vì để đứng vững nơi chánh pháp. Vì nhằm đạt được trí tuệ sáng suốt để chuyển pháp luân. Vì để đoạn tất cả các thứ kiến chấp.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Giảng nói pháp này thì có bao nhiêu người nhận biết được pháp thế gian?

–Này Thiên tử! Không có thế gian nên không có sự tối tăm. Đó là

chỗ tạo tác của pháp thế gian.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Người đời lãnh hội pháp này mà được giải thoát, phải chăng là rất khó gặp?

–Này Thiên tử! Người không nhàm chán sự ràng buộc ở thế gian nên mới tin pháp này là giải thoát.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nhàm chán sự ràng buộc ở thế gian là gì?

–Này Thiên tử! Xa lìa tham dục, giận dữ, ngu si, từ bỏ ái dục, nhận biết khổ mà mong cầu giải thoát. Đó là nhàm chán sự ràng buộc ở thế gian.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Người nào không nhàm chán sự ràng buộc ở thế gian?

–Này Thiên tử! Bình đẳng đối với tham dục, giận dữ, ngu si; bình đẳng với ái dục, bình đẳng với giải thoát. Đó là không nhàm chán sự trói buộc ở thế gian.

Lúc đó, trong chúng hội nghe pháp này thảy đều rất vui mừng, ở giữa hư không mưa xuống hoa trời và hương chiên-đàn. Chư Thiên cũng lại đem y phục chứa đầy các thứ hương hoa, tung rải lên chỗ Phật và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, lại tấu nhạc đàn ca để cúng dường Phật. Trăm ngàn ức chư Thiên dùng âm thanh êm dịu để tán thán Đức Phật. Nơi hư không, họ sửa lại y phục, sự vui mừng càng tăng gấp bội, cho là hết sức may mắn mới được lãnh hội pháp này.

Bấy giờ, tất cả mọi người trong chúng hội thấy sự biến hóa này đều dùng hương hoa, y phục tung rải lên Đức Phật và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, rồi cùng thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người nghe pháp này mà không tin hiểu thì không gặp được Phật. Người cho rằng pháp này chẳng phải là lời Phật dạy thì chẳng phải là người xuất gia thọ đại giới. Người không thích đọc tụng, lại không tin ưa thì chẳng phải là Sa-môn tu phạm hạnh. Hạng người không tin pháp đó thì không có bốn đức, cũng không có danh xưng. Vì sao? Vì nơi tâm còn do dự, lo sợ. Người nghe pháp ấy là bậc Đại Bồ-tát có đức tin, đầy đủ công đức tối thượng của bậc Bồ-tát, vì đã đoạn hết sinh tử, bặt dứt các đường ác. Trong quá khứ, hiện tại, vị lai, ở chỗ Đức Phật Thế Tôn được thọ trì pháp này, an trụ kiên cố, nhờ nghe pháp ấy nên được giải thoát. Người nào thọ trì, đọc tụng, vì tất cả chúng sinh giải nói về nghĩa này thì đó là người trì giới thanh tịnh đầy đủ, được gặp Phật, là bậc chuyển pháp luân, là Sa-môn tu phạm hạnh, là người xuất gia thọ đại giới, là người chứng đắc, là người có danh xưng.

Bấy giờ, Thế Tôn ở trong chúng hội khen ngợi:

–Lành thay, lành thay!

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Ông nên đọc tụng, thọ trì pháp này, diễn giảng rộng cho tất cả chúng sinh.

Khi thuyết giảng kinh này, có sáu mươi hai na-do-tha người xa lìa mọi phiền não cấu uế, chứng đắc Pháp nhãn thanh tịnh. Tám ngàn Tỳ-kheo dứt hết các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Ba vạn Bồ-tát phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, năm vạn Bồ-tát chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh.

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Khi Nhân giả được thành Phật thì tất cả Bồ-tát cùng với chư vị trong chúng hội này đều sẽ cùng phụng trì pháp ấy. Người nghe, thọ trì kinh thâm diệu này thì Bồ-tát Di-lặc sẽ thọ ký cho họ.

Đức Thế Tôn lại bảo Hiền giả A-nan:

–Ông nên biên chép, thọ trì, đọc tụng pháp này và giảng thuyết rộng cho tất cả chúng sinh.

Hiền giả A-nan bạch Phật:

–Con xin thọ trì.

Rồi thưa Phật:

–Kinh này tên gọi là gì và phải phụng trì như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Kinh này tên là Sự Thưa Hỏi Của Thiên Tử Tu Chân, cũng gọi là Sự Trả Lời Của Bồ-tát Văn-thù, cũng gọi là Đoạn Trừ Tất Cả Các Pháp Nghi Ngờ, cũng gọi là Trí Tuệ Phương Tiện Đều Hội Nhập Vào Khắp Pháp Của Tất Cả Chư Phật. Ông nên phân biệt, soi sáng, trao truyền cho người, ghi nhớ kỹ để họ thọ trì.

Khi thuyết giảng pháp này thì vô số cõi nước không thể kể hết trong tam thiên đại thiên thế giới đều hiện đủ sáu cách chấn động.

Phật nói kinh này rồi, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Thiên tử Tu Chân, Bồ-tát Di-lặc, Hiền giả A-nan và đại chúng, chư Thiên, loài người các bộ chúng Kiền-đạp-hòa, A-tu-luân cùng quyến thuộc thảy đều rất hoan hỷ, ở trước Phật làm lễ mà lui ra.

-oOo-

Số 589

PHẬT THUYẾT MA NGHỊCH KINH

Hán dịch:
Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ cùng với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị hội đủ, chúng Đại Bồ-tát thì rất nhiều, không thể tính kể và chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc và chư Thiên cõi Tịnh cư.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn vì vô số chư vị trong chúng hội trước sau vây quanh mà giảng nói kinh pháp, có một vị Thiên tử tên là Đại Quang, vốn theo hầu cận Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, hiện đang an tọa nơi tòa ngồi, liền thưa hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Đại sĩ! Vì sao có thể cho rằng các Bồ-tát thực hành những việc của ma? Việc làm của ma là gì?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Đối với các nghiệp mà có tạo tác, đó là việc làm của ma. Đối với chí nguyện mà có chỗ thọ nhận, chấp giữ, có sự xâm đoạt, đó là việc làm của ma. Nếu tư tưởng có ham muốn, chấp trước, nhận thức nhớ nghĩ mong cầu, đó là việc làm của ma.

Lại nữa, này Nhân giả! Bồ-tát nương tựa tham chấp, chí mong cầu đạt đến đạo quả, đó là việc làm của ma. Tâm đối với sáu pháp Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ luôn dựa chấp, đó là việc làm của ma. Thức nghĩ về bố thí, vọng tưởng về trì giới, thọ chấp về nhẫn nhục, buông lung nơi tinh tấn, vướng mắc nơi thiền định, hạn hẹp về trí tuệ, đó là việc làm của ma.

Lại nữa, này Nhân giả! Tâm chỉ ưa thích ở chỗ vắng lặng, thực hành để đạt được các pháp quán cho riêng mình, đó là việc làm của ma.

Nếu khiến nhớ nghĩ về hạnh tri túc, chỉ tu tập đức hạnh cho riêng mình, đó là việc làm của ma. Nếu hành theo nẻo không, vô tướng, vô nguyện, tu tập không buông lung, trụ chấp nơi chỗ thuyết giảng, chỉ dạy của Như Lai, đó là việc làm của ma. Nhân giả, nếu mọi tư tưởng đều có chỗ chấp giữ, tâm ý cũng ở chỗ ứng hợp thì mọi thấy nghe, nhớ biết, phân biệt về kinh điển đều là việc làm của ma.

Thiên tử Đại Quang lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Việc làm cho ma trụ ở đâu?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Trụ ở sự tinh tấn.

Hỏi: Do những gì mà trụ nơi tinh tấn?

–Người thực hành tinh tấn nên mới bị các ma tìm cách quấy nhiễu. Người biếng trễ thì ma Ba-tuần đâu cần phải quấy nhiễu!

Hỏi: Thế nào gọi là Bồ-tát tinh tấn không bị ma quấy nhiễu?

–Nếu cho là thân ta tinh tấn tức là không phù hợp. Vì sao? Vì tự thân đã tinh tấn nên cho là có chỗ ứng hợp, tức dựa dẫm vào thế gian. Nhân gia! Muốn biết rõ tinh tấn, tức là cùng tuân theo chỗ tu tập, vì tinh tấn bình đẳng tức là bình đẳng không có đối tượng để tinh tấn, do không còn chỗ ứng hợp tức là không buông lung. Nhân giả! Nếu mắt không còn hướng đến để hành theo sắc thì đó gọi là tinh tấn bình đẳng; tai không còn hướng đến để hành theo âm thanh; mũi không còn hướng đến để hành theo các mùi hương; lưỡi không còn hướng đến để hành theo các vị; thân không còn lệ thuộc vào các xúc chạm; ý không còn chấp giữ để hành theo các pháp thì đó gọi là tinh tấn bình đẳng.

Lại nữa, Nhân giả! Nếu không hành theo các thứ phiền não, đoạn trừ mọi thứ cấu uế của ái dục cho chúng sinh, đó gọi là Bồ-tát thực hành tinh tấn bình đẳng. Nếu ở trong ba cõi mà không chấp chỗ thực hành, cứu giúp, diệt trừ các thứ não loạn, chấp trước của chúng sinh, đó là hạnh tinh tấn bình đẳng của Bồ-tát. Thực hành bố thí, dứt mọi sự phân biệt, nên dùng bốn ân để giáo hóa các loài tham lam, keo kiệt. Tu tập giới cấm mà không phân biệt, điều phục, chỉ dạy các hạng chúng sinh đang phạm phải những việc ác. Thực hành nhẫn nhục, dứt trừ mọi vọng tưởng để điều phục các hạng người giận dữ. Thực hành tinh tấn, dứt mọi tưởng niệm để thâu phục các sự biếng nhác. Tu tập thiền định, trừ mọi sự phân biệt để thâu giữ mọi nẻo tâm ý loạn động. Hành hóa theo trí tuệ diệt mọi đối tượng phân biệt để chuyển hóa các thứ trí xấu ác. Đó là hạnh tinh tấn bình đẳng của Bồ-tát.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bảo Thiên tử Đại Quang:

–Như có chỗ thấu tỏ lý không, là hành theo trí tuệ, thực hành lý không, chẳng tưởng chấp cái không đó là nhớ nghĩ. Tinh tấn thực hành theo không là tiếp cận với các thứ nhận thức mà không có đối tượng được nhận thức. Xét rõ các tà kiến mà chẳng xa lìa pháp không, đó là thực hành theo lý không. Gọi là không, tức các nhận thức đều là không. Do không, nên gọi là không không. Do không không ấy nên gọi là không. Từ nơi không này nên các pháp đều là không. Hoặc thấu hiểu trí tuệ này mà dứt trừ kiêu mạn. Đó là hạnh tinh tấn bình đẳng của Bồ-tát.

Lại nữa, Thiên tử! Tu tập như vậy mà dứt mọi tưởng chấp, cũng không nhớ nghĩ vô tưởng đều gắn liền với tất cả các thứ tưởng niệm, kết hợp các thứ tưởng niệm, không chấp vào chỗ tưởng niệm. Chỗ tưởng niệm là không tưởng niệm, cũng không tưởng chỗ tưởng niệm, bình đẳng đối với tất cả các tưởng, các niệm. Nếu có thể hiểu rõ tất cả các tưởng niệm như thế, thì dù có ở nơi trí tuệ ấy cũng không vì có trí tuệ mà kiêu mạn, cũng không ham thích buông lung. Đó là hạnh tinh tấn bình đẳng của Bồ-tát.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bảo Thiên tử Đại Quang:

–Hành theo vô nguyện chính là theo chỗ tâm hướng đến. Nếu được sự ái mộ, tâm không tham vướng. Chẳng hành theo chỗ nguyện để hướng tới đối tượng được phát sinh. Lìa các nhận thức về mọi thứ sinh diệt, vô thường, xả bỏ nhị biên, không chấp có thân, cũng không chấp ngã và ngã sở đều lìa bỏ hết mọi thứ chấp về vận hành, sinh tử, thực hành tinh tấn như thế, đó là hạnh tinh tấn bình đẳng của Bồ-tát.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bảo:

–Bồ-tát thường dùng sự bình đẳng để tu tập. Đối với chỗ có được trí tuệ sáng tỏ của bậc Thánh thì không còn chấp vào đối tượng để tu hành, hiểu rõ phương tiện thiện xảo, thâu tóm gốc của tất cả các thứ công đức, thấu đạt về tuệ, về không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ mạng. Dùng phương tiện thiện xảo nơi tinh tấn để mở bày, giáo hóa tất cả các loài chúng sinh. Đạt được trí tuệ của bậc Thánh, không đâu là không ứng hợp, không gì là không thanh tịnh. Người hiểu rõ phương tiện thiện xảo thì tinh tấn thâu tóm các chánh pháp.

Người có trí tuệ tinh tấn thì hiểu rõ tất cả chánh pháp, không hủy hoại pháp giới. Người thấu tỏ trí phương tiện thiện xảo thì cúng dường, phụng sự vô số chư Phật.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì phân biệt nẻo giác ngộ, giải thoát của bậc Thánh. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì nêu giảng thông suốt các thứ sai khác nơi văn tự của giáo pháp.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì tu tập theo thân Phật, dứt hết mọi lậu hoặc. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì dùng ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân để tự trang nghiêm.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì khiến cho mọi thứ sinh tử không còn nơi chốn để sinh. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì thường nhớ nghĩ đến chúng sinh.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì tu hành nơi pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì ban tuyên giáo pháp để đoạn trừ sáu mươi hai thứ tà kiến và các tưởng chấp trước, mong cầu.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì khuyến khích chúng sinh tu hành tinh tấn để đạt được sáu thứ thần thông. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì dùng thần thông biến hóa để cứu độ mọi loài.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì tinh tấn nên không bị các ấm, giới, nhập, các trần gây trở ngại. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì nắm giữ, phòng hộ các thứ ấm, nhập.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì tu tập theo bản tánh thanh tịnh của Niết-bàn. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì vì các chúng sinh mà mở bày, giáo hóa khiến họ tu hành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì chứng đắc Tuệ nhãn, thấy biết cùng khắp. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì đạt được Thiên nhãn, giáo hóa những hạng người còn tham chấp.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì tu tập tinh tấn, không vướng mắc vào các pháp. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì dùng văn tự để ghi chép, diễn tả, theo đó mà thuyết giảng chánh pháp.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì phân biệt được ý nghĩa sâu xa nơi các pháp. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì tuyên dương trí tuệ, biện tài thuận hợp.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì hiểu rõ các căn, mỗi mỗi đều sai khác, tâm niệm chẳng đồng. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì nhận biết mọi căn cơ của chúng sinh để thuyết pháp thuận hợp.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì thông tỏ tám vạn bốn ngàn pháp môn. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì có thể vì tất cả chúng sinh mà nêu bày, chỉ rõ tám vạn bốn ngàn pháp môn. Đó là Bồ-tát tu tập hạnh tinh tấn bình đẳng.

Lúc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết giảng về pháp tu tập tinh tấn bình đẳng này để mở bày cho chúng hội, thì có tám ngàn Thiên tử phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, năm trăm Thiên tử đạt được pháp Nhẫn vô sinh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, lành thay! Ông đã khéo giảng nói về pháp tu tập tinh tấn bình đẳng của Bồ-tát.

Thiên tử Đại Quang thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đức Như Lai đã khen ngợi Đại sĩ, thế Đại sĩ không vui mừng sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Ý Thiên tử nghĩ thế nào? Giả sử người làm ảo thuật khen ngợi người được biến hóa ra thì người được biến hóa ấy có nên vui mừng chăng?

–Thưa không! Người làm việc biến hóa không có chỗ lệ thuộc, cũng không có chỗ thọ nhận.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Đúng vậy, tướng của tất cả các pháp là như nhiên đều như huyễn hóa. Tướng của Như Lai cũng như vậy, nên do đâu mà tôi vui thích? Ví như âm vang của tiếng gọi, đối với tiếng hay, dở đều không tồn tại, cũng không có chỗ thọ nhận. Tất cả các pháp cũng như vậy, giống như âm vang của tiếng vốn đều thanh tịnh. Sự thanh tịnh của Đức Như Lai, của Văn-thù cũng như thế, thì tôi dựa vào cái gì để vui thích.

Thiên tử Đại Quang lại hỏi:

–Vì sao Như Lai khen ngợi Đại sĩ?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Do có chỗ tuyên dương về trí tuệ, dứt mọi duyên dựa, mới được sự khen ngợi của Như Lai. Đối với các lời nói thì không hề buồn, vui cũng chẳng thêm bớt. Đối với các chúng sinh thì không có tưởng chấp chúng sinh. Đối với tất cả các pháp thì không có tưởng chấp các pháp. Tu tập, đoạn dứt sinh tử để đạt đến Niết-bàn. Hiểu rõ việc làm của ma và con đường hành hóa của Phật. Do nơi việc làm của ma mà giác ngộ chân đế. Phân biệt, thấy rõ được pháp Phật và việc làm của ma. Không sợ việc ma, không nương vào pháp Phật, thực hành như vậy thì được Như Lai khen ngợi.

Thiên tử lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đại sĩ đã phụng hành theo đúng pháp như thế chăng, cho nên mới được Như Lai khen ngợi?

–Sự khen ngợi ấy là bình đẳng, không hề thiên lệch.

Hỏi: Sự bình đẳng ấy không có thiên lệch chăng?

–Gọi là bình đẳng tức là bình đẳng đối với các điều trái nghịch, cũng bình đẳng nơi ngã và ngã sở, bình đẳng nơi bốn đại, cũng bình đẳng nơi các nhận thức, sự bình đẳng của tôi cũng lại như vậy. Như các thứ ấy thì bốn điên đảo cũng bình đẳng, sự bình đẳng của tôi cũng như vậy. Như bình đẳng với những chuyển đổi chẳng thuận hợp và muốn được chứng đắc, sự bình đẳng của tôi cũng như vậy. Như bình đẳng nơi sinh tử cùng với Niết-bàn, như bình đẳng nơi hạnh nguyện, bình đẳng nơi gốc sinh tử và Niết-bàn. Do bình đẳng nơi gốc Niết-bàn với sinh tử nên gọi là bình đẳng của bản tế. Vì bình đẳng nơi bản tế nên bình đẳng nơi ngã và ngã sở. Do bình đẳng nơi ngã và ngã sở nên bình đẳng với vô minh, gốc của ái dục. Như bình đẳng nơi vô minh gốc của ái dục thì cũng bình đẳng với trí tuệ, gốc của giải thoát. Nếu đã bình đẳng với trí tuệ, gốc của giải thoát thì cũng bình đẳng với tham dục, giận dữ, ngu si. Do bình đẳng với ba cấu uế nên cũng bình đẳng với ba môn giải thoát: Không, Vô tướng, Vô nguyện. Đã bình đẳng với ba môn giải thoát thì cũng bình đẳng với gốc của các pháp hữu vi. Đã bình đẳng với gốc của các pháp hữu vi thì cũng bình đẳng với gốc của các pháp vô vi. Đã bình đẳng với gốc của các pháp vô vi nên sự bình đẳng của Văn-thù cũng vậy.

Vì thế, này Thiên tử Đại Quang! Do sự bình đẳng ấy nên các pháp đều bình đẳng. Do sự thuyết giảng ấy nên chỗ nêu bày, thuyết giảng hiện tại mới được khen ngợi. Tất cả các pháp đều bình đẳng như hư không. Hư không bình đẳng, không có thiên lệch. Hư không vô số cũng không có chỗ hiện bày. Nếu có chốn hướng đến mới có chỗ tu tập, hội nhập. Vì thế Như Lai khen ngợi pháp ấy.

Thiên tử Đại Quang hỏi:

–Nhân giả có thể nêu bày thông suốt về pháp được khen ngợi và pháp không được khen ngợi chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Khen ngợi Bồ-tát là từ nơi chí nguyện phát xuất. Dối trá, không thật, là chỗ hành theo buông lung, nên không được khen ngợi.

Cứu độ chúng sinh, không bỏ đại Bi là pháp được khen ngợi. Không có lòng nhân từ, nhớ nghĩ đến việc làm hại chúng sinh, đó chẳng phải là pháp được khen ngợi.

Từ bi, thương yêu tất cả chúng sinh, đó là pháp được khen ngợi. Giận dữ, kết buộc, xa lìa nhẫn nhục đó là pháp không được khen ngợi.

Không say loạn, thuận theo lời dạy của giới luật, có tội lỗi, tự thành

tâm hối cải, không che giấu đó là pháp được khen ngợi. Che giấu lỗi lầm, không chịu bày tỏ, ăn năn, đó là pháp không được khen ngợi.

Tự thấy thân làm việc ác có thể sửa đổi, dứt trừ, đó là pháp được khen ngợi. Tìm kiếm lỗi lầm của người khác, đó là pháp không được khen ngợi.

Nhận biết rõ ân đức để hành theo, không mang điều mưu hại, hiếu thuận nhân từ, đó là pháp được khen ngợi. Không thấy rõ pháp vô thượng, tâm thường mưu hại, gặp nguy hiểm chống trái không thuận theo đạo hiếu, không biết báo ân, đó là pháp không được khen ngợi.

Nghe giáo pháp của Phật, tìm cầu theo đó để tu tập, đó là pháp được khen ngợi. Nghe kinh điển không chịu kính thuận, đó là pháp không được khen ngợi.

Giữ gìn giới luật chưa từng thiếu sót, đó là pháp được khen ngợi. Đối với giới đã thọ mà không tuân theo, đó là pháp không được khen ngợi.

Thường ở chỗ thanh vắng, tâm ý tịch tĩnh, đó là pháp được khen ngợi. Thích ở chỗ ồn náo, tự buông lung, đó là pháp không được khen ngợi.

Ở chỗ thanh vắng tu tập, xả bỏ thân mạng cũng không luyến tiếc, đó là pháp được khen ngợi. Tham ái đối với thân mạng mình, đó là pháp không được khen ngợi.

Tu bốn pháp Như ý túc, tri túc của bậc Thánh, đó là pháp được khen ngợi. Không biết con đường tiến lùi, nhiều mong cầu, ưa thích các việc ác, đó là pháp không được khen ngợi.

Bị người khinh khi có thể nhẫn nhịn, đó là pháp được khen ngợi. Dùng tâm não hại hướng đến mọi người, đó là pháp không được khen ngợi.

Có khả năng ngăn chận các tham dục, đó là pháp được khen ngợi. Đối với người căn trí chậm kém, không thể chỉ dạy, giáo hóa, đó là pháp không được khen ngợi.

Đã quy y thì không quên mất, đó là pháp được khen ngợi. Vốn đã quy y mà lại trái bỏ, không nhớ nghĩ, đó là pháp không được khen ngợi.

Hiểu rõ oai nghi phép tắc chân chánh, chí thành thực hiện đúng như lời dạy, tâm khẩu tương ưng, đó là pháp được khen ngợi. Khinh khi, dối trá, mê hoặc tất cả thế gian, đó là pháp không được khen ngợi.

Hộ trì chánh pháp, không trái với kinh điển, đó là pháp được khen ngợi. Phỉ báng kinh pháp, trái với chánh đạo, đó là pháp không được khen ngợi.

Được nghe kinh điển mà không phỉ báng, tuy không có thầy dạy mà vẫn tuyên dương giáo pháp, không có sự mong cầu, đó là pháp được khen

ngợi. Tham tiếc kinh pháp, tự xưng là thầy, thuyết giảng kinh pháp thường theo vọng tưởng, đó là pháp không được khen ngợi.

Nắm giữ phương tiện thiện xảo, mở bày giáo hóa chúng sinh, đó là pháp được khen ngợi. Không cứu độ chúng sinh, không dùng phương tiện thiện xảo, không hành theo bốn ân, đó là pháp không được khen ngợi.

Có thể tu tập theo sáu pháp Ba-la-mật, ân cần siêng năng mến mộ tìm cầu, đó là pháp được khen ngợi. Xả bỏ sáu pháp Ba-la-mật là pháp không được khen ngợi.

Tạo lập, thực hành theo trí tuệ, đạt đến Thánh đạo là pháp được khen ngợi. Cao ngạo, buông lung, hành theo kiêu mạn là pháp không được khen ngợi.

Thực hành Từ bi vững bền, thương xót chúng sinh, đó là pháp được khen ngợi. Không mở rộng, phát huy hành theo hạnh từ là pháp không được khen ngợi.

Phụng hành mười điều thiện không trái với nguyện lớn, là pháp được khen ngợi. Tập theo thói quen tự buông lung làm mười điều ác, đó là pháp không được khen ngợi.

Có thể dứt bỏ mọi thứ xấu ác, đó là pháp được khen ngợi. Thuận theo các việc ác, trái với chánh pháp, đó là pháp không được khen ngợi.

Này Thiên tử Đại Quang! Nên biết, người xuất gia điên đảo, không thực hành theo chánh pháp, gọi là pháp không được khen ngợi. Ưa thích pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, thành tựu tất cả là pháp được khen ngợi.

Oai vệ ngồi trên tòa Sư tử cao, thuyết giảng mà xen luận bàn những chuyện của thế gian, thuận theo thế tục, gọi là pháp không được khen ngợi. Nếu đạt được kho tàng kinh điển Bồ-tát, tu tập thuận hợp, lên tòa Sư tử giảng diễn giáo pháp, đó là pháp được khen ngợi.

Thọ nhận thức ăn của tín thí mà hủy hoại giới cấm, đó là pháp không được khen ngợi. Thuận theo giới pháp thanh tịnh, trong lành, thọ nhận sự cúng dường, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, đó là pháp được khen ngợi.

Cao ngạo, tự đại, ganh ghét kinh pháp, gọi là pháp không được khen ngợi. Khiêm nhường, cung kính không kiêu mạn, buông lung, khen ngợi công đức của mọi người, là pháp được khen ngợi.

Đố kỵ với Bồ-tát, ghét bỏ những người có hạnh cao quý, là pháp không được khen ngợi. Thấy các Bồ-tát, luôn cung kính như Phật, đó là pháp được khen ngợi.

Như vậy, này Thiên tử Đại Quang! Như lời Phật dạy, người thực hành

theo pháp đó là pháp được khen ngợi. Không đạt được trí tuệ lớn, đó là pháp không được khen ngợi. Người thuận theo giáo pháp của Như Lai, gọi là pháp được khen ngợi.

Thiên tử Đại Quang hỏi:

–Dùng những thứ gì để tán thán pháp được khen ngợi và thấy rõ pháp không được khen ngợi?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Tôi đối với các pháp không hành theo khen ngợi cũng không hành theo không khen ngợi. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều có không chỗ ứng hợp, cũng không có ngã và ngã sở.

–Nhân giả không cùng với pháp thiện hòa hợp sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Tôi không cùng với pháp thiện hòa hợp, cũng không cùng với pháp ác hòa hợp. Vì sao? Vì nếu còn tham chấp, đó gọi là hữu vi, không còn tham chấp là vô vi. Chấp vô thường cũng là hữu vi. Chấp có thân, không rõ thân vốn là không.

–Nhân giả đã đạt được các đức cũng là hữu vi, tức là có ngã và ngã sở chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu tôi chấp thân hữu vi là ngã sở thì bị rơi vào sự sợ hãi.

–Nhân giả không sợ hãi đối với pháp hữu vi chăng?

Đáp: Nếu thấy pháp hữu vi vĩnh viễn tồn tại, thành tựu rốt ráo không diệt tận, thì tôi mới lo sợ.

–Nhân giả không thấy các pháp hữu vi được thành tựu sao?

Đáp: Tôi hãy còn chưa thấy các pháp vô vi được thành tựu, huống nữa lại thấy các pháp hữu vi được thành tựu.

–Nhân giả là hữu vi hay vô vi?

Đáp: Tôi không phải hữu vi, cũng chẳng phải vô vi. Vì sao? Nếu là pháp hữu vi thì cùng với hàng phàm phu ngu tối. Nếu là pháp vô vi thì cùng bình đẳng với Thanh văn, Duyên giác.

–Nếu Nhân giả cũng không hữu vi, cũng chẳng phải vô vi, thì nay tôi làm thế nào để giữ gìn, thọ trì lời dạy này?

Đáp: Ví như việc làm của người biến hóa, người muốn giữ gìn pháp ấy cũng như vậy. Này Thiên tử! Ý ông nghĩ sao? Thần thức của Như Lai an trụ ở đâu? An trụ ở nơi sắc chăng?

Đáp: Chẳng phải vậy.

–An trụ ở nơi thọ, tưởng, hành chăng?

Đáp: Chẳng phải vậy.

–An trụ nơi ba cõi chăng?

Đáp: Chẳng phải vậy.

–An trụ nơi hữu vi hay vô vi?

Đáp: Chẳng phải vậy.

–Thần thức của Như Lai an trụ ở đâu?

Đáp: Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thần thức của Như Lai hoàn toàn không có chỗ an trụ.

–Này Thiên tử! Thần thức của Như Lai dầu không có chỗ trụ, nhưng ông nên y theo chỗ trụ ấy mà giữ gìn.

–Thưa Bồ-tát! Văn-thù Nhân giả tức là Như Lai chăng?

–Như Lai không có nguồn gốc, không đến không đi, không có nơi chốn qua lại, chỗ đến của tôi cũng vậy. Do đó, tôi là Như Lai, chỗ đến cũng như vậy. Như chỗ đến của Phật, tôi cũng như thế. Do ý nghĩa ấy, tôi là Như Lai. Như chỗ trụ của Như Lai, chỗ trụ của tôi cũng vậy. Do đấy, tôi là Như Lai. Như Lai không có nguồn gốc, Văn-thù-sư-lợi cũng không có nguồn gốc, nên nói là không có nguồn gốc. Do đó, tôi là Như Lai.

–Như Lai không có nguồn gốc thì nên cầu từ đâu?

–Này Thiên tử! Như Lai không có nguồn gốc, thì phải ở trong sáu mươi hai thứ kiến chấp mà cầu đạt.

–Sáu mươi hai thứ kiến chấp ấy nên cầu như thế nào?

Đáp: Cầu ở trong nẻo giải thoát của Như Lai, không theo pháp giận dữ mà cầu.

–Sự giải thoát của Như Lai không theo pháp giận dữ, vậy nên cầu ở đâu?

Đáp: Nên ở trong hạnh nguyện của chúng sinh mà cầu đạt.

–Hạnh nguyện của chúng sinh cầu như thế nào?

Đáp: Nên cầu ở trong thánh tuệ của Như Lai.

–Cầu thánh tuệ của Như Lai như thế nào?

Đáp: Nên ở trong nguồn gốc các căn sai khác của chúng sinh mà cầu.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Chỗ thuyết giảng của Bồ-tát hiện tại tôi không thể lãnh hội. Do không hiểu rõ nên không thể phân biệt, khiến còn nghi ngờ.

Đáp: Trí tuệ của Như Lai thì không thể phân biệt.

–Vì sao?

Đáp: Vì trí tuệ của Như Lai không có chướng ngại, cũng không nhớ nghĩ, cũng không thể mau đạt được, không có ngôn từ, không có nơi chốn để hành hóa, không có tâm ý thức, xa lìa mọi lời dẫn dạy. Do đó, không thể biết, cũng không thể phân biệt.

–Trí tuệ của Như Lai không thể phân biệt thì các hàng Thanh văn làm sao hiểu rõ? Do đâu mà Bồ-tát được an trụ trong quả vị không thoái chuyển?

Đáp: Này Thiên tử! Đức Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác dùng phương tiện thiện xảo, thuận theo căn cơ, sử dụng văn tự để thuyết giảng.

Lại nữa, trí tuệ ấy thì không có văn tự. Ví như chẳng từ trong nước mà có lửa sinh ra. Do sử dụng vật dụng lấy lửa, nhận lấy ánh sáng mặt trời mới phát sinh ra lửa. Như Lai cũng vậy, có đủ oai thần, giáo pháp vi diệu, đạo tuệ vô biên, nên phân biệt rộng để giảng nói về trí tuệ gốc không, không ai có thể nhận biết hết. Thánh tuệ của Như Lai thiêu đốt mọi thứ cỏ cây ngu si tối tăm, khiến chúng không thể sinh trở lại.

–Trí tuệ ấy vì sao cho là thiêu đốt các thứ cỏ cây tối tắm?

Đáp: Vì trí tuệ ấy phân biệt các hành nơi tâm của chúng sinh, diễn nói ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu pháp Ba-la-mật.

–Không có cỏ cây, không sinh ra mọi thứ tạp uế, cũng không có bệnh tật. Vì sao nói như vậy?

Đáp: Lời giảng nói thông suốt ấy không phân biệt về duyên khởi, lời nói không chê bai, không hòa hợp, không ly tán. Chỗ thuyết giảng ấy cũng không nói về sinh tử, không dạy về Niết-bàn, chỗ đoạn trừ cũng không dứt bỏ, không có tạo ra sự chứng đắc, không tuân hành, không thủ đắc, không trở về. Ngôn từ ở đây chính là lời vắng lặng, chắc thật.

Thiên tử nói:

–Thật khó đạt được, thật chưa từng có! Nay Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết giảng về trí tuệ vi diệu rộng lớn, siêu việt như thế mà ma Ba-tuần không đến nơi đây để thực hiện các việc phá hoại, quấy nhiễu, chống đối chăng?

Vừa dứt lời ấy, trong chốc lát thì ma Ba-tuần ở giữa hư không nổi lên mây mưa dữ dội, phát ra âm thanh lớn vang khắp chúng hội, khiến mọi người đều suy nghĩ: "Đây là những âm thanh gì mà não động đến như thế".

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Ông có thấy ma đang nhiễu loạn chăng?

–Kính thưa Đức Thế Tôn, đúng vậy!

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền dùng pháp Tam-muội Như kỳ tượng để suy nghĩ khiến ma Ba-tuần tự nhiên bị trói buộc rồi rơi xuống đất, la hét, giận dữ:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Sao ông lại dùng thần lực trói buộc thân tôi?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này ma Ba-tuần! Lại có sự trói buộc chắc chắn khó cởi mở vượt hơn cả việc này. Nay bị trói buộc như thế mà ông không biết vì sao bị trói chặt? Đó là nhân duyên trói buộc của ngã, ngã sở, tham ái điên đảo, các tà kiến. Ông luôn bị các thứ xiềng xích ấy trói buộc mà không tự biết.

Ma Ba-tuần thưa:

–Xin Bồ-tát tha tội, cởi trói cho tôi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Ông nên dốc sức thực hành các Phật sự thì ta sẽ cởi trói, khiến được giải thoát.

Ma Ba-tuần thưa:

–Tôi nguyện đối với pháp Phật cũng không buông bỏ, cũng không phá hoại. Vậy nhờ vào nhân duyên nào mà làm Phật sự?

–Này ma Ba-tuần! Muốn biết thực hiện các Phật sự thì nên làm theo trí tuệ biến hóa của Bồ-tát. Nếu Như Lai làm Phật sự thì không cho đó là khó. Ma làm Phật sự thì đấy mới là đặc biệt.

Lúc đó, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền nương vào tướng Tam-muội như kỳ tượng để tư duy, khiến ma Ba-tuần biến thành hình tượng Phật, đủ ba mươi hai tướng tốt, thân oai nghiêm, ngồi trên tòa Sư tử, có trí tuệ, biện tài, mọi sự thuyết giảng giống như Phật, mà nói:

–Những ai muốn thưa hỏi về tất cả sự nghi ngờ thì tùy ý thưa hỏi, ta sẽ giải đáp cho.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi ma Ba-tuần:

–Tỳ-kheo tu hành do đâu bị trói buộc?

Ma đáp:

–Chấp nơi thiền định của mình cho là vắng lặng, tức là tưởng về có, tưởng về không, các thứ tưởng như thế cho là quan trọng, hủy hoại

các tưởng về nhận thức, cho tưởng kia là chính yếu, nên dấy khởi các niệm để ngăn chận tưởng về vô nguyện, chấp các nguyện cho là tưởng về Niết-bàn, ưa thích vô vi mà chê bai tưởng sinh tử.

Thưa Tôn giả Ca-diếp! Đó là Tỳ-kheo tu hành bị trói buộc. Vì sao? Tôn giả Ca-diếp nên biết! Chẳng hủy hoại các kiến thức đã có, nhân đó mà hành theo pháp Không. Gọi là không tức là các kiến giải đều là không, không nên hủy hoại các niệm để mong cầu Vô tướng. Vì sao? Đâu có thể cho các niệm thảy đều là Vô tướng. Chẳng nên hủy hoại các nguyện để mong cầu Vô nguyện. Vì chỗ nguyện ấy cũng là Vô nguyện. Chẳng nên hủy hoại sinh tử để cầu về Niết-bàn, biết rõ sinh tử là chỗ không thủ đắc, là Niết-bàn.

Tôn giả Ca-diếp nên biết! Thực hành Niết-bàn ấy là không khởi tư tưởng, nên đối với các sự chấp trước khiến không còn chỗ dấy khởi, cần phải hủy hoại, hoàn toàn diệt tận. Niết-bàn vốn là thanh tịnh không có chỗ sinh khởi, nên là vô vi.

Lúc giảng nói lời này, có năm trăm Tỳ-kheo tâm đạt được thanh tịnh.

Lúc này, Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi các Tỳ-kheo:

–Ai là người mở bày giáo hóa các bậc Hiền giả?

Năm trăm Tỳ-kheo thưa:

–Đó là từ chỗ không thủ đắc, không thành Chánh giác, mở bày giáo hóa chúng tôi.

–Dẫn dắt giáo hóa như thế nào?

–Hiểu rõ chỗ không đến, không đi, không sinh, không diệt, trí tuệ thường trụ.

Khi giảng nói lời này, có hai trăm Tỳ-kheo đạt được Pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi ma Ba-tuần:

–Thế nào là Tỳ-kheo được xem là bậc Thế Tôn?

Ma đáp:

–Nếu không có chỗ thọ nhận, hoàn toàn thanh tịnh, dốc lòng tin tưởng, yêu thích Phật pháp, thọ nhận pháp vị thâm diệu. Như vậy, này Tôn giả Tu-bồ-đề! Hoặc có Tỳ-kheo đối với sự cúng dường không nhận, không bỏ nên quán các Tỳ-kheo ấy như huyễn hóa. Đối với người thọ nhận sự cúng dường thì nên suy nghĩ như hình bóng, không có người bố thí, không có người thọ nhận, tâm không vướng mắc, tâm không dấy khởi, thì đó là bậc Thế Tôn ở trong thế giới ấy.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi ma Ba-tuần:

–Thế nào gọi là Tam-muội không loạn động, cấu uế?

Ma Ba-tuần đáp:

–Đối với chỗ cùng tận của Tam-muội cũng giống như chỗ không cùng tận, thảy đều khiến cho cùng tận, không sinh, không khởi, mà đốt cháy hết các dục, nên gốc ngọn đều thanh tịnh, khiến không còn chỗ sinh, không trở lại chỗ tối tăm, không chỗ trải qua, hiểu rõ tất cả các pháp đều thanh tịnh, chánh định bình đẳng, tu tập theo tịch diệt, quán xét các chỗ thọ, dùng Tam-muội diệt tận để thực hành thiền định, luôn quán xét mà không có đối tượng được thấy, Tam-muội như vậy mới không loạn động, cấu uế.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi ma Ba-tuần:

–Thế nào là Tỳ-kheo tâm đạt được tự tại?

Ma Ba-tuần đáp:

–Nếu các Tỳ-kheo hiểu rõ tâm của tất cả mọi người và tướng giải thoát nơi các pháp, giảng nói các pháp đều có tướng giải thoát, không có chốn nương tựa, không có chỗ lệ thuộc, không có chỗ giải thoát, cũng không chốn chấp giữ. Tâm không có sắc dục, thấy rõ tất cả là sắc, tâm không có chỗ chấp, hiểu biết rõ các pháp là không có nơi chốn. Tâm không thủ đắc, hiểu rõ các pháp là không thể nắm giữ. Tâm không thể nhận biết về tâm, tâm ấy như nhiên, thanh tịnh. Các pháp cũng vậy, như nhiên, thanh tịnh. Pháp giới thanh tịnh nên không động chuyển. Nhờ các nhân duyên khác hòa hợp nên hiện ra trước mắt đầy đủ sáu Thần thông, bốn Thần túc, thể hiện diệu dụng. Tỳ-kheo hành hóa như vậy là tâm được tự tại.

Tôn giả Phân-nậu-văn-đà-ni-phất hỏi ma Ba-tuần:

–Thế nào gọi là các Tỳ-kheo thuyết pháp thanh tịnh?

Ma Ba-tuần đáp:

–Nếu các Tỳ-kheo thấy tất cả các pháp đều là Ba-la-mật, thấy khắp các tâm đều sai biệt, hết thảy không còn chấp trước, tất cả chỗ nhớ nghĩ không giống với hình tượng, chỉ phân biệt để nêu bày, hiểu rõ hết tất cả. Thấy mọi thứ âm thanh, lời nói, đàm luận, biện giải giống như tiếng vang trong núi sâu, quán người giảng pháp cũng như huyễn, sự nhận thức của thân giống như trăng dưới nước, phân biệt các phiền não, tư tưởng, các niệm từ đó mà dấy khởi, không thọ các pháp cũng không xả bỏ mà được nhập vào Tam-muội. Nếu tuyên dương các pháp, chứng đắc giải thoát thì đạt được bốn biện tài, tâm không còn mong cầu, nên khen rằng "Lành thay! ", không còn nghi ngờ. Làm thanh tịnh tâm mình thì có thể làm thanh tịnh tất cả tâm của người khác. Hiểu rõ tâm vốn thanh tịnh, sáng suốt không cấu uế, biết rõ các phiền não thảy đều là lỗi lầm, thấy ngũ ấm ma thảy đều tịch

tĩnh, thấy tử ma trụ chỗ không có khởi đầu và kết cuộc, thấy rõ các Thiên ma dứt trừ tất cả sự chỉ dạy theo dựa chấp. Tất cả tâm chúng sinh đều thanh tịnh như vậy. Tỳ-kheo thực hành như thế mới gọi là thuyết pháp thanh tịnh, thấy khắp đạo pháp để diễn nói rộng kinh điển.

Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi ma Ba-tuần:

–Thế nào gọi là Tỳ-kheo phụng trì giới luật?

Ma Ba-tuần đáp:

–Tỳ-kheo ấy có hiểu rõ tất cả các pháp để mở bày giáo hóa đủ khắp, nhận biết các tội vốn là vắng lặng để trao truyền giới pháp cho người còn do dự. Nếu thấy người phỉ báng thì cũng không nghi ngờ, cũng không bị lệ thuộc. Người ấy đối với các pháp chưa từng sinh tâm ngăn chận, thường có thể hóa độ những kẻ chống đối, trái nghịch, huống chi là đối với những người chỉ phạm phải chút ít giới cấm. Hiểu rõ toàn bộ các phiền não, không gì là không phân biệt những thứ phiền não của các trần ấy chẳng cho là bền chắc, nêu giảng các ái dục không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa, thấu rõ các phiền não đều do từ vô minh nên không hủy hoại ái dục, cũng không hỗ trợ chúng, cho đến đối với vô dục cũng không dấy khởi tham chấp, xem mọi dục nơi các trần giống như gió mây, quán xét, hiểu rõ, tuyên dương Thánh tuệ, chỗ thuyết giảng ấy như gió xua tan mây, thảy đều không có chỗ dừng, xem phiền não như trăng trong nước, duyên theo tưởng niệm mà dấy khởi các dục, hiện bày các hình tượng đều từ tối tăm nên cầu đạt trí tuệ để soi sáng các dục. Giống như tấm gương sáng thấy được các hình tượng hiện ra, các sắc như hình tướng quỷ La-sát, đối với chỗ nhớ nghĩ thuận hợp thì quán xét không có đối tượng để nhận thấy, cầu bỏ các dục nơi trần, không còn cấu uế tức dùng trí tuệ nơi Không, Vô tướng, Vô nguyện, không chấp vào chỗ đã vượt qua. Tỳ-kheo hiểu rõ ái dục như thế mà lại còn tham đắm nơi ái dục tức là đối với chúng sinh không khởi lòng đại Bi. Chúng sinh không ngã, không chấp nơi thân, cũng không vọng tưởng nơi ngã và ngã sở, quán xét như thế thì đã phụng trì giới luật nghiêm túc.

Như vậy, năm trăm vị đệ tử của Thế Tôn, mỗi vị đều tự hỏi về chỗ nhận biết của chính mình.

Khi ấy, ma Ba-tuần đều phân biệt giải đáp đầy đủ.

Lúc ấy, trong số các chư Thiên, có một Thiên tử tên là Tu Thâm, hỏi ma Ba-tuần:

–Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã giao cho ông thuyết giảng về các việc làm của ma. Như vậy ông đã có thể nhận lấy việc giao phó ấy để giảng đúng

nghĩa lý. Xin hỏi:

–Thế nào là việc làm của ma nơi Bồ-tát?

Ma đáp:

–Thiên tử nên biết! Việc làm của mà nơi Bồ-tát có hai mươi thứ. Những gì là hai mươi thứ?

1. Sợ hãi sinh tử, muốn đạt được giải thoát, ưa thích tu tập thuận theo chánh pháp của Phật, cung kính quy mạng mà vọng tưởng mong cầu, đó là việc làm của ma.

2. Quán xét, chấp giữ nơi pháp không mà xem xét các chúng sinh, đó là việc làm của ma.

3. Quán xét nơi vô vi, chán bỏ hữu vi là gốc của các đức thiện, đó là việc làm của ma.

4. Thực hành thiền định mà không mong cầu nhất tâm, lại thoái lui, đó là việc làm của ma.

5. Giảng nói giáo pháp mà không vì người nghe để khởi tâm đại Bi, đó là việc làm của ma.

6. Mong cầu giữ gìn các giới cấm của Phật, mà lại giận dữ, chê bai, đó là việc làm của ma.

7. Giảng nói thông suốt các pháp Thanh văn, Duyên giác, xét hỏi pháp Đại thừa, không phân biệt lớn nhỏ, đó là việc làm của ma.

8. Nhận lãnh việc giảng nói giáo pháp thâm diệu, mà lại chê đạo nói sai, đó là việc làm của ma.

9. Cầu đạt các pháp Ba-la-mật, tự cho là Bồ-tát, đó là việc làm của ma.

10. Khen ngợi các pháp tịch diệt mà sợ việc ấy, giáo hóa chúng sinh mà không dùng phương tiện quyền xảo, đó là việc làm của ma.

11. Tích chứa các thứ công đức mà không gần gũi tâm Bồ-đề, đó là việc làm của ma.

12. Ân cần tu tập các pháp quán tịch tĩnh, theo chỗ quan sát mà còn chấp có chúng sinh, đó là việc làm của ma.

13. Mong cầu dứt mọi dục nơi trần, vượt qua sinh tử, ghét sợ ái dục, đó là việc làm của ma.

14. Tu hành trí tuệ, mà thường ưa thích mong cầu, dựa chấp nơi đại Bi, đó là việc làm của ma.

15. Không dùng phương tiện thiện xảo mà đã thấy tất cả các đức căn

bản, đó là việc làm của ma.

16. Không tinh tấn để cầu đạt pháp tạng của Bồ-tát, lại ưa thích nói lời thế tục, đó là việc làm của ma.

17. Mỗi mỗi bộ phận đều là giáo pháp của bậc thầy thông tuệ, mà lại bỏ đi, đó là việc làm của ma.

18. Nếu được giàu sang, nhiều của cải, có oai đức lớn mà tham đắm, không phụng sự bậc trí tuệ, đó là việc làm của ma.

19. Nếu ở ngôi vị cao quý như quân tử, trưởng giả, Phạm vương, Đế Thích… mà không tu tập pháp Đại thừa, đó là việc làm của ma.

20. Chẳng cùng với Bồ-tát, Pháp sư để thọ nhận giáo pháp được nghe, mà trở lại cùng với hàng Thanh văn, Duyên giác bàn luận, chẳng muốn nghe pháp, tu buông lung phóng dật, đó là việc làm của ma.

Đó là hai mươi thứ việc làm của ma nơi Bồ-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi ma Ba-tuần:

–Lành thay, lành thay! Ông đã thuyết giảng về việc làm của ma nơi Bồ-tát. Nếu có người bàn luận các pháp này, nghe rồi giác ngộ, phụng hành, không theo sự dẫn dắt của ma thì người ấy đạt được đạo pháp lớn của Phật, khi giảng thuyết kinh điển tức đạt được hai mươi việc:

1. Đại Từ.

2. Đại Bi.

3. Không nhàm chán sinh tử.

4. Thường gặp bạn lành.

5. Nơi chốn sinh ra liền được gặp Phật xuất hiện ở đời.

6. Có thể thọ nhận các pháp Ba-la-mật.

7. Được các Bồ-tát thâu nhận làm quyến thuộc.

8. Mau đạt được pháp Tổng trì.

9. Đầy đủ biện tài.

10. Đạt được trí tuệ của năm thứ thần thông.

11. Chưa gặp chánh pháp mà có thể lãnh hội.

12. Đời đời sinh ra luôn giữ gìn tâm Bồ-đề.

13. Sẽ được xuất gia làm Sa-môn.

14. Ở chỗ thanh vắng không ồn náo.

15. Nghe rộng, thông suốt.

16. Đạt được trí tuệ thiện xảo.

17. Mở bày, giáo hóa chúng sinh, chỉ dạy bốn ân.

18. Hộ trì chánh pháp.

19. Thường thực hành ngay thẳng, không quanh co, dua nịnh.

20. Đối với tất cả các thứ châu báu không luyến tiếc, không mang tâm não hại chúng sinh.

Đó là hai mươi việc đạt được do giảng thuyết kinh điển dẫn đến với đạo pháp lớn của Phật.

Lúc ấy Thiên tử Tu Thâm hỏi ma Ba-tuần:

–Hay thay, thật là lợi ích! Ông mới được Đức Như Lai khen ngợi.

Ma đáp:

–Xét ra tôi không xứng đáng để nhận lời khen ấy. Này Thiện nam! Ví như quỷ thần hiện bày rõ nên có thể cho chỗ nói ấy là thật, nhưng chẳng phải người kia nói mà là quỷ thần nói. Như vậy, này Nhân giả! Chỗ giảng nói của tôi là do Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tác động, chẳng phải là do tôi tự nói ra.

Thiên tử hỏi:

–Nay ông biến thành thân hình Phật, không lấy làm vui sao? Lại có đủ tướng tốt trang nghiêm nơi thân, ngồi trên tòa Sư tử, diễn nói kinh pháp, mà không lấy làm thích thú sao?

Ma đáp:

–Các ông thấy tướng tốt trang nghiêm nơi thân tôi. Còn tôi thì lại tự xem như xiềng xích trói buộc.

Thiên tử hỏi:

–Này ma Ba-tuần! Ông nên tự ăn năn sám hối các tội lỗi với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Nhờ oai thần của Bồ-tát sẽ tha tội cho.

Ma đáp:

–Chẳng phải sám hối, chỉ cầu học pháp Đại thừa nơi Bồ-tát. Vì sao? Vì hành theo Bồ-tát thì không còn thấy cảnh giới uế tạp, khiếm khuyết. Đối với kẻ phát khởi sân giận, ôm lòng oán hận thì mới cần sám hối, cung kính tự quy.

Thiên tử hỏi:

–Bồ-tát nhẫn nhục có bao nhiêu việc?

Ma đáp:

–Bồ-tát nhẫn nhục có mười hai việc. Những gì là mười hai việc?

1. Hết lòng nhẫn nhục, dứt mọi giận dữ.

2. Tâm ý nhẫn nhục, không có tâm mưu hại.

3. Nhẫn nhục không dua nịnh, không khinh khi chúng sinh.

4. Nhẫn nhục luôn thương xót tất cả những người thiếu kém trí tuệ, không hiểu đạo.

5. Tu hành nhẫn nhục, việc làm đúng như lời nói nên không thoái chuyển.

6. Ở nơi "không nhẫn", xa lìa tà kiến và mọi thứ do dự.

7. Chuyên tưởng nhớ đến pháp nhẫn, là pháp dẫn đầu của các pháp.

8. Đối với nhẫn thâm diệu là không chấp ngã, ngã sở.

9. Đối với Nhẫn nhu thuận thì luôn thuận theo tuệ của các bậc Hiền thánh.

10. Đối với nhẫn chân đế thì luôn thuận theo pháp duyên khởi.

11. Đối với nhẫn không tạp loạn thì luôn thuận theo tâm niệm của tất cả chúng sinh.

12. Đối với nhẫn "ý bất khởi", nhân đó mà đạt đến pháp Nhẫn vô sinh.

Đó là mười hai pháp nhẫn của Bồ-tát.

Bấy giờ Thiên tử Tu Thâm hỏi ma Ba-tuần:

–Ông vừa thuyết giảng về hai mươi việc làm của ma, tiếp đến nói về mười hai pháp nhẫn nhục của Bồ-tát, lẽ nào không hết sức vui mừng sao?

Ma đáp:

–Tôi rất hoan hỷ.

Thiên tử Tu Chân liền thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Xin Nhân giả tha tội cho ma Ba-tuần.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi ma:

–Ai trói buộc ông?

Ma đáp:

–Không rõ ai trói buộc tôi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Này ma Ba-tuần! Ông không bị trói buộc mà tự tưởng là bị trói. Tất cả hàng phàm phu, ngu si cũng như vậy. Tâm vốn thanh tịnh mà không suy nghĩ, lại vọng tưởng, chấp trước, không nhận biết vô thường lại tưởng chấp là thường, khổ tưởng là vui, không thân chấp là có thân, bất tịnh tưởng là tịnh, không sắc tưởng là sắc, không thọ, tưởng, hành, thức mà tưởng chấp năm ấm. Như hiện tại, ma Ba-tuần do ghét sợ trói buộc thì nhờ đâu mà

được giải thoát.

–Nay tôi chẳng được giải thoát sao?

–Này Ba-tuần! Ông đã được thoát ra, không còn giải thoát lần nữa thì do đâu mà được giải thoát. Do duyên theo vọng tưởng hư dối mà dẫn đến trói buộc, dứt trừ mọi cấu uế ấy thì gọi là giải thoát.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thu hồi thần lực, khiến ma Ba-tuần trở lại như cũ.

Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi ma Ba-tuần:

–Ma Ba-tuần do đâu mà làm Phật sự?

Ma đáp:

–Do tác động từ cảnh giới của Bồ-tát Văn-thù, nếu không xét kỹ thì tưởng là tôi làm.

Thiên tử Tu Thâm hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đối với các Phật sự ấy thì nên cầu ở đâu?

–Nên ở trong ái dục của chúng sinh mà cầu Phật sự.

–Vì sao mà nói như vậy?

–Do ở nơi phiền não của chúng sinh nên thọ nhận các ái dục. Nếu không ái dục thì không làm Phật sự. Ví như không bệnh thì không cần thầy thuốc. Như vậy nếu chúng sinh không có ái dục thì không cầu Phật.

–Do đâu Phật xuất hiện ở đời?

Đáp: Do hoạn nạn của sinh, già, bệnh, chết nên Phật xuất hiện ở đời. Vì sao? Vì ba cõi đều có sinh, già, bệnh, chết, nên Phật thị hiện ở thế gian.

–Như Lai đắc đạo để diễn nói pháp gì, diệt trừ cái gì?

Đáp: Pháp của Như Lai đắc đạo không có đối tượng được dấy khởi, cũng không diệt tận. Vì sao? Vì Phật xuất hiện ở đời tức không có chỗ sinh, cũng không có chỗ mất. Gọi là Phật xuất hiện ở đời nếu có biện luận thì cũng tùy theo thế tục mà hiện thân chứ thật tướng vốn thanh tịnh, nên gọi là bình đẳng không có chỗ sinh.

–Thế nào là Bồ-tát kiến lập tự tánh?

Đáp: Đối với tất cả các pháp không có thủ đắc, không rơi vào vùng lưới nghi trói buộc của sáu mươi hai thứ kiến chấp.

–Thế nào là thanh tịnh?

Đáp: Đối với pháp trong ngoài không còn chấp trước.

–Thế nào là Bồ-tát làm chủ bố thí?

Đáp: Bỏ thân phiền não, không rời tất cả sự ham muốn của chúng

sinh.

–Thế nào là Bồ-tát đầy đủ giới cấm?

Đáp: Phân biệt hiểu rõ cảnh giới vắng lặng, dứt trừ tất cả mọi thứ xấu ác của chúng sinh, không lìa bỏ tâm Bồ-đề.

–Thế nào là Bồ-tát hoàn toàn nhẫn nhục?

Đáp: Thông suốt, thấy rõ tất cả pháp, trừ bỏ các nạn tham, sân, si trói buộc của chúng sinh mà gắn liền với áo giáp công đức của bậc Nhất thiết trí.

–Thế nào là tinh tấn trọn vẹn?

Đáp: Bồ-tát nhờ nơi tinh tấn nên đều thấy rõ tất cả các pháp, để đạt đến đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dứt trừ các cấu uế, biếng nhác của chúng sinh, tinh tấn tu hành.

–Thế nào là rốt ráo thiền định?

Đáp: Thấy tất cả các pháp vốn đều thanh tịnh, nên thiền định bình đẳng. Tất cả chúng sinh do chấp trước mà sinh khởi, tạo tác.

–Thế nào là Bồ-tát thành tựu trí tuệ?

Đáp: Đối với mọi sự hành hóa đều không thủ đắc, không thấy có sự hành hóa, diệt trừ tất cả các pháp buông lung, dứt bỏ tà kiến chìm đắm của chúng sinh, tu tập Thánh đạo. Đó là Bồ-tát thành tựu trí tuệ.

–Thế nào là hành Từ?

Đáp: Thấy tất cả các pháp hoàn toàn diệt độ.

–Thế nào là hành Bi?

Đáp: Hiểu rõ tất cả các pháp là không tạo tác, không có báo ứng.

–Thế nào là hành Hỷ?

Đáp: Đối với các pháp không dấy khởi, ưa thích, càng chẳng dấy khởi mà cho là không hành.

–Thế nào là hành Xả?

Đáp: Đối với tất cả các pháp không chấp vào nhị biên.

–Thế nào là Bồ-tát đạt được chân đế?

Đáp: Phân biệt tất cả các pháp giống như huyễn hóa, đối với các chỗ sinh đều không có đối tượng được sinh, thảy đều không thật có.

–Thế nào là bậc Đại sĩ?

Đáp: Quán xét tất cả chúng sinh mà không có chúng sinh.

–Thế nào gọi là bậc tôn quý?

Đáp: Thấy tất cả các pháp là không thể thọ trì, chấp giữ, mà cũng

chẳng sợ hãi.

–Thế nào là Bồ-tát mặc áo giáp phước đức lớn?

Đáp: Quán tất cả các pháp bình đẳng như hư không, không bỏ thệ nguyện.

–Thế nào là nhân từ?

Đáp: Thực hành đại Bi, không xa lìa chúng sinh, cũng không gần gũi chúng sinh, mở bày, giáo hóa những người còn vướng mắc nơi phiền não, ái dục.

–Thế nào là đạt được sự an ổn?

Đáp: Không dùng thân, miệng, ý tạo sự quấy nhiễu đối với mọi người, không chấp ngã, ngã sở.

–Thế nào là thuận theo giáo pháp?

Đáp: Đối với giáo pháp đã nghe thì có thể phụng hành theo đúng lời dạy của Phật.

–Thế nào là được mọi người quy kính?

Đáp: Tùy thuận chúng sinh trong năm đường, có khả năng giáo hóa, không hủy hoại lời nói, thuận theo tâm mình, do đó mà thuận hợp để giáo hóa chúng sinh.

–Thế nào là nhận biết đầy đủ sự hổ thẹn?

Đáp: Bên trong tự làm thanh tịnh, bên ngoài thì dốc sức dẫn dắt chúng sinh.

–Thế nào là tin tưởng?

Đáp: Tiếp cận với các chướng ngại mà không bị vướng mắc.

–Thế nào là Bồ-tát hành từ kiên cố?

Đáp: Thuận theo lời Phật dạy, không có hủy hoại.

–Thế nào là đổi thay?

Đáp: Chỗ tạo gốc của công đức chưa từng chống trái, luôn ứng hợp với thường, lạc.

–Thế nào là nhận biết chỗ ít ham muốn.

Đáp: Tâm đối với các ái dục, phiền não không hề tham đắm.

–Thế nào là biết đủ?

Đáp: Mến mộ trí tuệ của bậc Thánh, không ưa thích các pháp khác.

–Thế nào là viên mãn?

Đáp: Trí tuệ đạt được đầy đủ, vượt qua thế gian nên đối với các pháp thế gian không sai phạm.

–Thế nào là phân biệt?

Đáp: Không thấy tất cả các dục của phiền não, trừ bỏ mọi thứ cấu uế của chúng sinh.

–Thế nào là Bồ-tát được tự tại?

Đáp: Thấy rõ sự thọ thân đều là vô tướng, đạt được trí tuệ tự tại, không theo ái dục.

–Thế nào là Bồ-tát hiểu biết rộng?

Đáp: Điều không thích ứng thì không lắng nghe.

–Thế nào là đạt được sự tịch tĩnh?

Đáp: Thấy tất cả sự tạo tác đều không thật có, cũng không xả bỏ, không ngăn chận các pháp, cũng không khởi niệm.

–Thế nào là an trụ nơi hành?

Đáp: Chẳng ở nơi không để thực hành, phân biệt mà giáo hóa, quan sát nẻo hành nơi tâm của chúng sinh, không khởi tưởng chấp về ta và người.

–Thế nào là Bồ-tát đạt được các pháp Tổng trì, đầy đủ biện tài?

Đáp: Tất cả sự lãnh hội thảy đều có thể nắm giữ, phân biệt căn cơ của chúng sinh, chỗ cội nguồn quy về, đến với các âm thanh đều không chấp trước. Này Thiên tử! Đó là Bồ-tát đạt được tổng trì, đầy đủ biện tài.

Lúc ấy, Thiên tử Đại Quang hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Ai sẽ lãnh hội những lời dạy này?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Bậc Thiện tri thức sẽ nhận biết để hộ trì và những người có đầy đủ công đức lành vi diệu từ đời trước, có thể nhận biết để làm tăng trưởng thì mới có thể hiểu ý nghĩa của những lời giảng nói ấy.

–Thế nào là chỗ an lạc hợp với tánh?

–Tâm tánh hòa nhã, không kiêu mạn ưa thích giáo pháp thâm diệu.

–Thế nào là Tỳ-kheo không có tâm kiêu mạn?

Đáp: Tỳ-kheo không chấp nơi tự thân, dốc tâm cầu pháp Đại thừa, biết rõ thật tướng của thân, không tham chấp nơi thân mình, không trụ ở hai nẻo. Đó là Tỳ-kheo không mang tâm tự đại, hoàn toàn dứt sạch vô minh, do vô minh ái dục nên không thấy rõ con đường giải thoát, thấu đạt vô minh là do ái, si, nhưng thảy đều không có nguồn gốc, đó là Tỳ-kheo không mang tâm tự đại.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Thiên tử:

–Tỳ-kheo lìa bỏ tham dâm, hiểu rõ gốc của tham dục, xa lìa tham dục

mà được thanh tịnh, hiểu rõ nẻo hành của tham dục, không có nguồn gốc, xa lìa gốc sân, hiểu rõ gốc sân, xa lìa gốc sân nên đều được thanh tịnh, hoàn toàn sáng suốt, xa lìa gốc si, hiểu rõ về gốc si, xả bỏ gốc si nên đều được thanh tịnh. Hiểu rõ gốc si vốn không có nguồn gốc. Đó là Tỳ-kheo không có tự đại.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại nói với Thiên tử:

–Nếu Tỳ-kheo không hiểu các khổ, không đoạn tập nên không chứng đắc, đối với các tập không hành theo nẻo hẹp, hiểu rõ các khổ không có chỗ sinh nên hội nhập vào bốn Đế. Nếu ở nơi khổ không có chỗ sinh thì không có tập, đã không có tập thì không có diệt tận. Nếu ở nơi khổ không có chỗ sinh thì người kia không đi vào con đường hẹp.

Lúc ấy, ma Ba-tuần buồn rầu, lo lắng, khóc lóc thở than:

–Nếu kinh này được lưu truyền khắp nơi thì chúng ma Ba-tuần không thể tùy tiện. Nếu kinh này có người thọ trì thì việc làm của ma sẽ bị dứt hẳn.

Nói xong liền ẩn mất.

Khi đó Thiên tử Đại Quang hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Hôm nay, chỗ thuyết giảng của Nhân giả, chúng tôi đã quán xét ý nghĩa để lãnh hội. Như có người không mang tâm tự đại, không hiểu rõ các phước của việc xuất gia, không sợ chỗ tạo tác để thực hành tinh tấn, nếu nghe pháp này mà sợ hãi thì không thể lãnh thọ được, không thể xem Như Lai là bậc thầy giác ngộ. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nghe pháp này mà hoan hỷ ưa thích thì nên biết người ấy đã được giải thoát.

Đức Phật khen:

–Đúng vậy, như lời ông nói! Bồ-tát do các điều ấy mà được các pháp nhẫn, nhờ pháp nhẫn này mà được sinh vào hàng Thanh văn, Duyên giác.

–Kính bạch Đức Thế Tôn! Kinh này đặt tên là gì? Làm thế nào để phụng hành?

Phật dạy:

–Kinh này tên là Ma Nghịch, nhằm để hàng phục ma Ba-tuần, nên phụng trì như vậy.

Phật thuyết giảng như vậy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Thiên tử Đại Quang và tất cả chúng hội, tám bộ chúng hộ pháp: Trời, Rồng, Quỷ Thần, A-tu-luân, Kiền-đạp-hòa… và người trong thế gian nghe kinh này xong đều hoan hỷ, đảnh lễ rồi lui ra.

-oOo-

Số 590

PHẬT THUYẾT TỨ THIÊN VƯƠNG KINH

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Sa-môn Trí Nghiêm và Bảo Vân.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các đệ tử:

–Hãy cẩn thận đối với tâm niệm của mình, không nên ưa thích sáu dục, dứt bỏ các thứ cấu nhiễm nơi trần, lấy vô cấu làm đầu, bên trong thanh tịnh, bên ngoài thì hết lòng hiếu kính, dùng bốn Tâm vô lượng để phụng dưỡng bậc sinh thành. Sáng sớm vào nơi tôn miếu làm lễ sám hối, buổi chiều đọc tụng, suy nghĩ ý nghĩa nơi diệu lý của kinh, dùng giới trọng của Phật để đối trị tâm bệnh cấu uế, nghiêm trú ở chỗ vắng lặng, tu thiền định, quán hơi thở ngược dòng đến nguồn gốc để cầu đạo giải thoát, mạng sống như ánh chớp, chỉ trong chốc lát liền diệt, ngày trai giới nên cẩn thận giữ gìn thân, miệng, ý. Ngày trai giới thì chư Thiên theo dõi việc thiện ác của con người.

Ở trên núi Tu-di, tức là cõi trời Đao-lợi thứ hai, vua cõi trời ấy là Thích Đề-hoàn Nhân, phước đức rộng lớn, cai quản bốn Thiên vương. Tứ Thiên vương ấy tức là bốn vị vua giữ bốn phương. Mỗi người canh giữ một phương, thường lấy ngày mồng tám trong tháng sai sứ đi tra xét thiên hạ, theo dõi quan sát tâm niệm, lời nói, hành động thiện ác của muôn dân, của Đế Thích, thần dân, rồng, quỷ, các loài côn trùng nhỏ bé.

Ngày mười bốn, thái tử xuống.

Ngày mười lăm, Tứ Thiên vương xuống.

Ngày hai mươi ba, sai sứ giả xuống.

Ngày hai mươi chín, thái tử lại xuống.

Ngày ba mươi, bốn Thiên vương đích thân xuống. Mặt trời, mặt trăng, năm sao lớn, hai mươi tám sao nhỏ, các chư Thiên trong đó đều theo xuống.

Bốn Thiên vương ra lệnh: Thường xuyên theo dõi việc làm tốt xấu của chúng sinh. Nếu ở những ngày này mà quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, tâm thanh tịnh, giữ gìn trai giới, bố thí cho người nghèo, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, đem kinh này thuyết giảng rộng, giáo hóa cho người tối tăm, hiếu thuận cha mẹ, phụng sự Tam bảo, cung kính thọ nhận pháp, thực hành bốn Tâm vô lượng, Từ bi cứu giúp các loài, phân biệt đầy đủ để thưa lại với Đế Thích. Nếu tu tập nhiều phước đức, tinh tấn không biếng nhác thì Đế Thích và ba mươi hai vị quan phụ tá thảy đều hoan hỷ.

Đế Thích ra lệnh tăng thêm tuổi thọ cho họ, sai các vị thiện thần ủng hộ những người đó, tùy theo những người ấy giữ giới nhiều hay ít. Nếu người giữ một giới thì có năm vị thần hộ trì. Người trì năm giới thì có hai mươi lăm vị thần cùng ủng hộ nhà cửa, các tai ương, âm mưu tà vạy đều bị tiêu diệt, ban đêm không có ác mộng, hàng quan lại hung bạo, giặc cướp, nạn khổ về nước, lửa, hoàn toàn không xâm hại, các thứ tai họa, quái ác được diệt trừ.

Nhờ bốn Tâm vô lượng, giữ năm giới, sáu ngày trai, giống như nước lớn diệt trừ lửa nhỏ, không có gì mà không diệt được sao? Lúc lâm chung thần thức của họ được đón rước sinh lên cõi trời, nơi cung điện bảy báu, mọi nguyện cầu đều đạt được. Nếu có người không cứu giúp mạng chúng sinh, ô trược, trộm cắp, dâm dật với vợ người, nói hai lưỡi, mắng chửi nói lời ác, nói dối, nói thêu dệt, dùng chú thuật nguyền rủa, ganh ghét, giận dữ, ngu si, trái nghịch với đạo, bất hiếu, trái với Phật, trái Pháp, chê bai Tỳ-kheo Tăng, luận bàn lẫn lộn việc thiện ác, người thực hành như vậy, Tứ Thiên vương tâu lại với Đế Thích, chư Thiên, khiến các vị ấy không vui. Các vị thiện thần không theo ủng hộ những hạng người ấy, liền khiến cho mặt trời, mặt trăng không còn ánh sáng, các tinh tú đều lặn mất, gió mưa trái thời, nhằm răn đời để sửa đổi tu tập. Cần tẩy tâm, giữ gìn thanh tịnh, thành khẩn ăn năn đối với Tam bảo, tu bốn Tâm vô lượng, phụng dưỡng cha mẹ, trung hiếu với vua, dùng tâm Từ ngăn cản mọi sự tranh chấp, thành thật không lừa dối, ngược lại những sai trái ở trước để tu tập, xả bỏ cấu uế, thành tựu đạo thanh tịnh.

Nếu có người cải bỏ tà hạnh, thành tựu đạo chân chánh thì Đế Thích và Tứ Thiên vương đều hoan hỷ, mặt trăng mặt trời liền chiếu sáng, tinh tú thường xuất hiện, mưa gió hợp thời, khí độc tiêu hết, trời mưa xuống cam lộ, đất sinh ra dòng suối mát, lúa nước nhiều hương vị, ăn vào ít bệnh, sắc hoa rực rỡ, mạng sống lâu dài, đời đời xa lìa lao ngục, chết được sinh lên cõi trời, phước đức như sở nguyện, đi lại an nhiên, được mất luôn tự tại,

thân có ánh sáng như mặt trời, ăn vào tự tiêu hóa, không có những lo lắng về sự dơ dáy, nơi thân, miệng trong sạch, thơm thơ. Mặt trời, mặt trăng, tinh tú tức là nhà cửa, cung điện của chư Thiên. Điện, đền đài bằng bảy báu hiện ra giữa hư không theo ý của mình. Khi tuổi thọ hết được sinh vào hàng vương tộc, dung mạo đẹp đẽ, người nhìn thấy đều ưa thích, được gặp Phật, gặp pháp, cùng sống chung với Thánh tăng, nhờ vào diệu lực tu tập không còn tội lỗi, chắc chắn đạt đến Niết-bàn, mỗi người thọ trì năm giới, mười điều thiện thì ngăn chận được sáu trần và các dục, sáu ngày trai giới cũng đạt được như vậy.

Vào thời Đức Phật Câu-lưu-tần, tuổi thọ của con người đến sáu vạn năm, tánh của họ thuần thiện, cứu giúp mọi người giống như nuôi dưỡng mình, bình đẳng không hai. Đức Phật ấy qua đời, chánh pháp suy kém, dân chúng hành động không chân chánh, dần dần làm ác, tuổi thọ của họ ngày càng giảm đi, chỉ còn trăm năm.

Sau khi Đức Như Lai nhập Niết-bàn, dân chúng trái với lời dạy của Phật, không còn hiếu kính, mạng sống, tuổi thọ giảm bớt, thiện thần chẳng hộ trì, bệnh dịch quỷ ác thường hay xâm hại, các thứ tai họa xuất hiện khắp nơi, sống thì bị vào lao tù của phép nước, chết bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu làm người chắc chắn bị nghèo cùng, sinh vào hàng hạ tiện. Thiện ác luôn gắn liền thân giống như năm thứ lúa thóc tùy theo chỗ gieo trồng mà thu hoạch được hạt quả. Cũng như ban đêm chép sách, lửa tắt chữ còn, thân chết, tên diệt, nhưng phước họa không hư mất.

Các ông nên thận trọng, giữ gìn thân, miệng, ý, thực hành theo năm giới mười điều thiện mới có thể đạt được đạo. Ta nay thành tựu đạo quả Phật chính là nhờ tích chứa các hạnh mà đạt được.

Các Tỳ-kheo nghe kinh này đều rất hoan hỷ, cung kính đảnh lễ Phật mà lui ra.

-oOo-

Số 591

KINH THƯƠNG CHỦ THIÊN TỬ SỞ VẤN

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Pháp sư Xà-na-quật-đa, người xứ Bắc An Độ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc đại thành Vương xá cùng với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người hội đủ. Lại có chúng Đại Bồ-tát, đó là Bồ-tát Di-lặc, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, các vị này đứng đầu trong chúng, số lượng không thể tính kể, từ các cõi nước Phật ở khắp các phương đều vân tập đến đông đủ nơi pháp hội.

Lúc ấy, Thiên tử Thương Chủ và vô lượng chư Thiên, trăm ngàn đại chúng vây quanh trước sau, cùng đi đến chỗ Phật, đảnh lễ nơi chân, nhiễu quanh theo hướng bên phải ba vòng, đem đủ thứ phẩm vật cúng dường Đức Như Lai, vì muốn nghe pháp nên họ ở trước Đức Thế Tôn và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, khi đó Thiên tử Thương Chủ chắp tay, hướng về phía Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin thỉnh Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử giảng nói chánh pháp. Hôm nay trong chúng hội này có các Thiên tử từ lâu đã được Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giáo hóa tạo sự thành tựu, những vị ấy nếu lãnh hội được trí tuệ, biện tài của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi sẽ phát tâm Vô thượng Bồ-đề, đã phát tâm rồi tất ở trong Phật pháp không còn thoái chuyển.

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Này Thiện nam! Ông nên vì Thiên tử Thương Chủ và chư Thiên khác mà giảng nói giáo pháp quan trọng.

Lúc ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vâng lời Phật dạy, bảo Thiên tử Thương Chủ:

–Ông nên nhất tâm lắng nghe, lãnh thọ, ghi nhớ kỹ, tôi sẽ vì ông phân biệt giảng nói rõ ràng. Như các Đại Bồ-tát hội nhập vào trí Nhất thiết trí,

đối với tất cả pháp đều thông đạt đến bờ bên kia, mau chóng thành tựu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, thì đối với Nhất thiết trí phải nên tu hành.

Này Thiện nam! Luận về trí của các Đại Bồ-tát, đó là trí nhận biết Khổ, trí thực hiện giải thoát, trí nhận biết Tập, trí tu tập căn lành, trí nhận biết Diệt, trí xuất sinh, trí nhận biết Đạo, trí chẳng phải là đạo, trí nhận biết nhân, trí không mất, trí nhận biết quả, trí thâu tóm chứng đắc các duyên, trí tích tập xét đoán, trí chân thật, trí Phật, trí tự tại, trí nhân duyên sinh, trí thị hiện thí dụ, trí nhận biết ấm, trí dứt trừ các nhiễm của dục, trí nhận biết cảnh giới, trí mở bày pháp giới, trí nhận biết nhập, trí quán xét không tụ, trí bố thí, trí không quá thời, trí nhận biết giới, trí thành tựu cho những chúng sinh không giữ giới, trí nhẫn nhục, trí tinh tấn, trí khéo làm các việc, trí thiền định, trí hồi chuyển thiền, trí nhận biết trí tuệ, trí nhận thức, trí phương tiện, trí thành tựu đầy đủ cho chúng sinh, trí Từ, trí nhận biết phàm phu thừa, trí Bi, trí không mệt mỏi, trí Hỷ, trí hoan hỷ ưa thích pháp, trí Xả, trí thành tựu pháp của chư Phật, trí hóa độ chúng sinh, trí quan sát, trí luôn phụng hành, trí không phải nơi chốn khiến an trụ, trí chánh cần, trí chánh giác, trí thần túc, trí quán xét các hành không tạo tác, trí nhận biết tín, căn, lực, trí Nhất thiết trí siêu việt, trí căn lực tinh tấn, trí không bị tất cả phiền não bức bách, trí niệm căn lực, trí không quên mất tất cả các pháp, trí Tam-muội căn lực, trí tất cả pháp bình đẳng trí, trí căn lực, trí các căn thù thắng, trí Bồ-đề phần, trí chứng đạo, trí vượt qua các thứ phi đạo, trí duyên dựa, trí nhận biết tận, trí nhận biết các căn lành không cùng tận, trí vô sinh, trí đạt được các pháp Nhẫn vô sinh, trí niệm Phật, trí thành tựu tự thân, trí niệm Pháp, trí chuyển pháp, trí niệm Tăng, trí hội nhập vào A-tỳ-bạt tăng bình đẳng, trí niệm thí, trí không bỏ chúng sinh, trí niệm giới, trí đầy đủ các nguyện, trí niệm không, trí không tạo các việc ác, trí không nhớ nghĩ các pháp, trí nhận biết các tâm Từ, trí viên mãn, trí thực hiện đầy đủ các việc không nhàm chán, trí nhận biết thuốc của các chúng sinh, trí phương tiện để thực hành như pháp, trí xứ phi xứ, trí phi xứ không tạo tác, trí mười lực, trí thuận theo hai thừa, trí không sợ hãi, trí nhận biết chỗ tạo sự chướng ngại và không chướng ngại đối với các pháp, trí không chấp vào thân quá khứ, trí không trụ vào thức, trí không chấp vào thân vị lai, trí chẳng hành theo các pháp, trí không chấp vào thân hiện tại, trí bất định chẳng trụ, trí nhận biết thân là tối thượng, trí nhận biết chúng sinh, trí khiến được độ thoát, trí nhận biết nghiệp là quan trọng, trí phân biệt tiếng của các chúng sinh, trí nhận biết tâm ý là quan trọng, trí nhận biết sự phát khởi tâm hành của các chúng sinh, trí không lầm lỗi, trí nhận chỗ lầm lỗi của chúng sinh, trí ưa thích và không ưa thích, trí diệt trừ

tranh chấp, trí không quên chánh niệm, trí khiến chúng sinh tâm loạn được an trụ, trí thâu tóm các thiền định, trí thâu tóm các chúng sinh biếng nhác không thực hiện pháp của chư Phật, trí biết thời để giáo hóa chúng sinh, trí phương tiện, trí Bát-nhã.

Này Thiên tử! Đây chính là trí của các Đại Bồ-tát, nhờ những trí như vậy, nên Bồ-tát đạt được trí vô ngại của chư Phật.

Bấy giờ, Thiên tử Thương Chủ thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thật là hy hữu, thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Trí của các Đại Bồ-tát đối với ba cõi thật là đặc biệt, không thể dùng các thứ trang nghiêm nhỏ mà thành tựu được.

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu có sinh ra trí tuệ như vậy thì đó là bậc đại thần thông.

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát có thể đạt đầy đủ sự trang nghiêm?

Đáp: Nếu các chúng sinh nghe giảng nói về bản tánh của Niết-bàn mà không sợ hãi.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Do nhân duyên gì được gọi là Bồ-tát?

Đáp: Này Thiên tử! Do an trụ, hội nhập, thọ trì nơi Bồ-đề phần nên gọi là Bồ-tát.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Do nhân duyên gì được gọi là Đại Bồ-tát?

Đáp: Này Thiên tử! Hội nhập nơi Đại thừa, đầy đủ trí tuệ lớn nên gọi là Đại Bồ-tát.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Do nhân duyên gì gọi là Bồ-tát hơn hết?

Đáp: Này Thiên tử! Đối với pháp trí không thể cầu mà đạt được, hội nhập, nên gọi là Bồ-tát hơn hết.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Do nghĩa gì gọi là Bồ-tát thanh tịnh?

Đáp: Này Thiên tử! Không cùng trụ với phiền não, vì các chúng sinh diệt trừ phiền não, phát khởi tinh tấn, nên gọi là Bồ-tát thanh tịnh.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Do ý nghĩa gì gọi là Bồ-tát hoàn toàn thanh tịnh?

Đáp: Này Thiên tử! Khiến các chúng sinh thực hành đạo thanh tịnh, do ý nghĩa này nên gọi là Bồ-tát hoàn toàn thanh tịnh.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Do ý nghĩa gì gọi là bậc Đạo sư?

Đáp: Này Thiên tử! An trụ nơi đạo này thì có thể khiến cho vô lượng vô số chúng sinh được thành tựu đầy đủ, nên gọi là bậc Đạo sư.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Do ý nghĩa gì gọi là bậc Thầy điều phục?

Đáp: Này Thiên tử! Vì điều phục chúng sinh rốt ráo không tranh chấp, nên gọi là bậc Thầy điều phục.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát thành tựu dũng mãnh?

Đáp: Này Thiên tử! Hàng phục các ma oán, vượt qua các thứ hiểm nạn, sau đó thọ nhận việc giáo hóa chúng sinh, nên gọi là Bồ-tát thành tựu được sự dũng mãnh.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát làm thế nào khiến người khác hoan hỷ?

Đáp: Này Thiên tử! Trước là phát thệ nguyện đạt được đầy đủ, không dựa theo hai thừa, Bồ-tát như vậy nên khiến người khác hoan hỷ.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát được gọi là bậc Tối thượng?

Đáp: Này Thiên tử! Khéo dùng phương tiện thiện xảo của bậc Thánh trí để thành tựu đầy đủ cho các chúng sinh khiến họ thâu nhận rõ ràng chánh pháp, Bồ-tát như vậy được gọi là bậc Tối thượng.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát được gọi là bậc Chuyển pháp luân?

Đáp: Này Thiên tử! Nương theo chư Phật, thâu tóm tất cả lời nói của chúng sinh mà không gì có thể làm chuyển đổi, Bồ-tát như vậy gọi là bậc Chuyển pháp luân.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát chuyển hóa điều phục?

Đáp: Này Thiên tử! Bồ-tát giữ giới, an trụ nơi giới, diệt trừ các lưới nghi cho chúng sinh, Bồ-tát như vậy gọi là chuyển hóa điều phục.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát đạt được ý nghĩa chuyển hóa?

Đáp: Này Thiên tử! Thực hành đúng như chỗ đã nghe, luôn chân thật đối với người khác, Bồ-tát như vậy gọi là đạt được nghĩa chuyển hóa.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát tạo lợi ích, thành tựu đầy đủ cho các chúng sinh?

Đáp: Này Thiên tử! Bồ-tát tu tập các pháp thiện, đem bố thí cho

chúng sinh, Bồ-tát như vậy gọi là thành tựu mọi lợi ích.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát có thể hiện bày tâm ngay thẳng?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu biết mình phạm tội mà không che giấu, Bồ-tát như vậy gọi là thể hiện tâm ngay thẳng.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát thể hiện tâm chân chánh?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu đối với các chúng sinh tham dục, sân giận, ngu si mà không quở trách nặng lời, Bồ-tát như vậy gọi là có tâm chân chánh.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát không dua nịnh?

Đáp: Này Thiên tử! Mọi lời nói và mọi việc làm đều đúng đắn, Bồ-tát như vậy gọi là không dua nịnh.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát không làm các việc huyễn hoặc?

Đáp: Này Thiên tử! Đúng như ý nghĩ nơi tâm, lời nói cũng lại như vậy, Bồ-tát như thế gọi là không làm các việc huyễn hoặc.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát tâm không kiêu mạn?

Đáp: Này Thiên tử! Hướng về các chúng sinh luôn thể hiện sự cung kính, không phạm các điều ác, Bồ-tát như vậy gọi là tâm không kiêu mạn.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát làm bậc Đại thí chủ?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu có thể thành tựu đạo quả Bồ-đề, thực hiện đại Xả, huống nữa là các vật khác, Bồ-tát như vậy gọi là bậc Đại thí chủ.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát làm thế nào để được gọi là bậc Trì giới?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu nhận biết những việc phá giới, thậm chí dù bị mất mạng cũng chẳng bỏ tâm Bồ-đề, Bồ-tát như thế gọi là bậc Trì giới.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát làm thế nào để thành tựu nhẫn nhục?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu chịu sự bức bách mà không tạo bức bách đối với người khác, Bồ-tát như vậy gọi là thành tựu nhẫn nhục.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát luôn phát khởi tinh tấn?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu phân biệt các pháp mà không pháp nào có thể thủ đắc, Bồ-tát như thế gọi là phát khởi tinh tấn.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát làm thế nào để được gọi là thiền định?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu có thể trở lại thị hiện việc thọ sinh trong cõi Dục, Bồ-tát như vậy gọi là thiền định.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát thành tựu được trí tuệ?

Đáp: Này Thiên tử! Đối với trí tuệ dứt bỏ mọi tạo tác, Bồ-tát như thế gọi là thành tựu được trí tuệ.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát thực hành tâm Từ?

Đáp: Này Thiên tử! Có thể quán xét cảnh giới của chúng sinh là không, Bồ-tát như vậy gọi là thực hành tâm Từ.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát làm thế nào để thực hành tâm Bi?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu nhận biết các pháp cùng với Bồ-đề giống như hư không mà chẳng xả bỏ tinh tấn, Bồ-tát như thế gọi là thành tựu tâm Bi.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát thực hành tâm Hỷ?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu đạt được sự vắng lặng và tịch tĩnh, luôn ưa thích cầu các pháp không hề chán đủ, Bồ-tát như vậy gọi là thực hành tâm Hỷ.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát có thể thực hành tâm Xả?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu không bị chìm đắm trong thế gian, hành hóa ở đấy để cứu độ muôn loài, Bồ-tát như vậy là có thể thực hành tâm Xả.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát đạt được thân thanh tịnh?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu dùng thân như huyễn hóa để thị hiện thân bình đẳng nơi chúng sinh, Bồ-tát như thế là có thể thành tựu thân thanh tịnh.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát đạt được khẩu thanh tịnh?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu có thể dùng đầy đủ âm thanh diễn nói chánh pháp cho chúng sinh mà không có lỗi lầm, Bồ-tát như vậy được gọi là thanh tịnh khẩu nghiệp.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát có thể đạt được tâm thanh tịnh?

Đáp: Này Thiên tử! Nhận biết các tâm đều là một tâm, Bồ-tát như thế gọi là đạt được tâm thanh tịnh.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát có thể đạt được Thiên nhãn?

Đáp: Này Thiên tử! Thấy các hình sắc xa lìa các sắc, thường quán xét các sắc mà lại xa lìa các sắc, Bồ-tát như thế gọi là đạt được Thiên nhãn.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát đạt được Thiên nhĩ?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu nghe các âm thanh nên quán xét về chúng và xa lìa tướng của các âm thanh, Bồ-tát như thế gọi là đạt được Thiên nhĩ.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát có thể biết được tâm người khác?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu nhận biết tâm hành là luôn lưu chuyển theo sinh diệt, Bồ-tát như vậy gọi là biết được tâm người khác.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát nhận biết thọ mạng đời trước?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu nhớ nghĩ nguồn gốc tức là thật tế mà không thấy có tăng trưởng, Bồ-tát như vậy gọi là biết được thọ mạng đời trước.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát có thể đạt được thần thông?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu hiện bày các thứ huyễn hóa mà không bị đắm nhiễm để tạo ra nghiệp huyễn hóa ấy, Bồ-tát như thế gọi là đạt được thần thông.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát đạt được sự rộng lớn?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu có thể giáo hóa vô biên chúng sinh, Bồ-tát như thế gọi là rộng lớn.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát được gọi là hành hóa riêng biệt?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu không cùng trụ chấp với các căn lực, Bồ-tát như vậy gọi là hành hóa riêng biệt.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát có thể tạo được sự chế ngự, giáo hóa?

Đáp: Này Thiên tử! Đạt được các pháp chẳng động, cũng không giận dữ, Bồ-tát như thế gọi là tạo được sự chế ngự, giáo hóa.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát có thể đạt được sự tịch tĩnh?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu ở trong phiền não mà không bị các thứ phiền não xấu ác thiêu đốt, vì các chúng sinh diệt trừ các phiền não, diễn nói giáo pháp, Bồ-tát như thế gọi là đạt được tịch tĩnh.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát có thể đạt được tâm tin tưởng?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu vào lúc thân Phật bị hại mà không thể hủy hoại được, Bồ-tát như thế là đạt được tâm tin tưởng.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát tạo các phương tiện thiện xảo?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu thấy tâm Bồ-đề cũng như thấy các chúng sinh, Bồ-tát như vậy gọi là tạo các phương tiện thiện xảo.

Khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giảng nói pháp này thì trong đại chúng có một vạn hai ngàn chúng sinh phát tâm Bồ-đề, năm trăm Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Lành thay, lành thay! Vì các Bồ-tát mà khéo giảng nói pháp này. Đúng vậy, đúng vậy, ông có thể vì các bậc trượng phu thiện thắng kia mà thuyết giảng các công đức lớn như thế, ngoài ra còn có vô lượng vô số các công đức khác.

Bấy giờ, Thiên tử Thương Chủ hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Từ xa xưa Bồ-tát đã từng cúng dường bao nhiêu Đức Phật mà đạt được biện tài như vậy?

Đáp: Này Thiên tử! Ví như tâm suy nghĩ của người biến hóa dứt trừ mọi hình tướng.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Biến hóa thì không có tâm suy nghĩ, huống nữa lại chẳng phải là biến hóa?

Đáp: Này Thiên tử! Thể tướng của các Đức Phật Như Lai là như vậy. Thể tướng ấy như thế thì sự cúng dường của tôi cũng như thế.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát đã thực hành Bố thí ba-la-mật trong bao lâu?

Đáp: Này Thiên tử! Cũng như chỗ biến hóa của Đức Như Lai.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tôi vừa hỏi Bồ-tát đã thực hành Bố thí ba-la-mật được bao lâu, vì sao hôm nay Bồ-tát lại đáp như vậy?

Đáp: Này Thiên tử! Điều đó không thể giải đáp, nên tôi trả lời như thế.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Tướng của sự biến hóa là như vậy thì làm sao có thể giải đáp là tôi đã thực hành Bố thí ba-la-mật trong bao lâu.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như vậy thì tôi sẽ nghĩ là ngài tham tiếc sao?

Đáp: Này Thiên tử! Tôi thật sự là tham tiếc.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Do nhân duyên gì mà ngài nói như thế?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu tâm không xả bỏ, đó gọi là tham tiếc.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì sao không xả bỏ được gọi là tham tiếc?

Đáp: Này Thiên tử! Tôi thường không xả bỏ Phật, Pháp, Tăng, cũng không xả bỏ tất cả chúng sinh. Do nghĩa này nên gọi tôi là tham tiếc.

–Như tôi suy nghĩ kỹ theo chỗ nói của ngài thì hiện tại đấy cũng là phá giới?

Đáp: Này Thiên tử! Tôi cũng là phá giới.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Do nhân duyên gì mà nói như thế?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu người phá giới thì lẽ nào không bị đọa vào ba đường ác sao?

Đáp: Đúng như lời Phật dạy.

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Thiên tử! Tôi luôn suy nghĩ nên đi vào ba đường ác để tạo sự thành tựu đầy đủ cho chúng sinh. Do nghĩa ấy nên gọi tôi là phá giới.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát đâu phải là không có tâm sân giận?

Đáp: Đúng vậy, Thiên tử.

–Do nhân duyên gì mà nói như thế?

Đáp: Lẽ nào không do tâm sân giận mà dứt mọi ái niệm sao?

Đáp: Đúng vậy!

Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Thiên tử! Vì thế tôi đối với các thứ phiền não, cũng như đối với hàng Nhị thừa không có ái niệm. Do ý nghĩa này nên tôi có giận dữ.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nay Bồ-tát thật sự có tâm biếng nhác chăng?

Đáp: Đúng vậy!

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì nhân duyên gì mà nói như thế?

Đáp: Này Thiên tử! Phàm là người biếng nhác thì không dùng thân,

miệng, ý để phát khởi, tu tập các hành. Nay tôi như thế là cũng không phế bỏ các hành, cũng không ham thích các hành, không bỏ, không chấp lấy. Do ý nghĩa này nên gọi tôi là biếng nhác.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát thật sự có tâm tán loạn chăng?

Đáp: Đúng thế!

–Vì nhân duyên gì mà nói như vậy?

Đáp: Này Thiên tử! Phàm là người biếng trễ thì không có nơi chốn an trụ, điều đó cũng có thể gọi là tâm tán loạn.

Này Thiên tử! Tôi ở trong cõi Thánh tâm đã được giải thoát, thành tựu đầy đủ cho tất cả chúng sinh, nên không có nơi chốn an trụ. Vì ý nghĩa ấy nên gọi tôi là tán loạn.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Theo như hiện tại thì Bồ-tát là không có trí sao?

Đáp: Đúng vậy, Thiên tử.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Do ý nghĩa gì mà Bồ-tát nói như thế?

Đáp: Này Thiên tử! Ông lẽ nào chẳng do không có trí tuệ, nên không sợ sinh tử, không sợ phiền não, cùng với chúng sinh mê lầm, tạo sự vui sướng sao?

Đáp: Đúng vậy, thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi!

Văn-thù-sư-lợi lại nói:

–Tôi ở trong sinh tử với các thứ phiền não mà không hề sợ hãi, cùng với chúng sinh mê lầm an trụ một chốn, cùng với họ vui thích, vì đạt được mọi thành tựu đầy đủ cho nên gọi tôi là không có trí tuệ.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hiện tại Bồ-tát là chẳng phải ruộng phước của thế gian sao?

Đáp: Đúng là ruộng phước giết hại.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Do nghĩa gì mà Nhân giả nói như vậy?

Đáp: Này Thiên tử! Phàm nên giết hại đó là tham dục, giận dữ, ngu si. Nếu có thể giết hại những thứ ấy thì đó chính là ruộng phước lớn.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Chúng sinh ở thế gian, nếu nghe những lời giảng nói của ngài sẽ sinh nhiều sợ hãi sao?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu sợ hãi thật tế, tức là cũng sinh ra sợ hãi thế gian. Vì sao? Vì tất cả thế gian không lìa thật tế mà trụ nơi thật tế.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu có người chê bai chỗ giảng nói của Bồ-tát thì họ sẽ hướng đến đâu?

Đáp: Này Thiên tử! Sẽ hướng đến Niết-bàn.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Do nhân duyên gì mà Nhân giả nói như thế?

Đáp: Này Thiên tử! Tất cả các pháp đều không thực có, nên lời nói hủy báng cũng không thực có, mà có thể đạt đến nẻo giải thoát của bậc Thánh. Vì sao? Vì trong Thánh đạo không có danh tự, câu chương, ngôn ngữ để có thể nêu bày, chỉ dẫn. Nếu người không tin thì không thể đạt được giải thoát.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Do nhân duyên gì mà Bồ-tát nói như thế?

Đáp: Này Thiên tử! Chẳng thể đã đạt được giải thoát lại được giải thoát lần nữa.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Người phỉ báng chánh pháp lẽ nào không bị đọa vào địa ngục sao?

Đáp: Này Thiên tử! Phàm là giải thoát thì tất cả đều không còn phiền não.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát đã giảng nói giáo pháp đều không có sự hỗ trợ chăng?

Đáp: Này Thiên tử! Đối với pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện thì đều không thể hỗ trợ.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Phàm là hành không thì phải hành ở chỗ nào?

Đáp: Này Thiên tử! Hành không tức là hành Từ bi đối với tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì hành không thì không xa lìa hết thảy các chúng sinh.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là Bồ-tát đạt đến biên giới tận cùng của các chúng sinh?

Đáp: Này Thiên tử! Nếu thấy rõ các pháp từ do nhân duyên sinh, cũng không rơi vào trong hai nẻo chấp thường, đoạn. Do vì nghĩa này, Bồ-tát được gọi là đạt đến biên giới tận cùng của chúng sinh.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Cảnh giới nào là cảnh giới của chúng sinh?

Đáp: Này Thiên tử! Pháp giới là cảnh giới của chúng sinh.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Pháp giới là cảnh giới như thế nào?

Đáp: Này Thiên tử! Cảnh giới của tánh hư không là pháp giới.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Cảnh giới của hư không ấy là cảnh giới gì?

Đáp: Này Thiên tử! Vượt hơn tất cả các cảnh giới, đó là cảnh giới hư không.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Cảnh giới của chư Phật là cảnh giới như thế nào?

Đáp: Này Thiên tử! Cảnh giới của mắt là cảnh giới của Phật, nhưng cảnh giới của Phật ấy không phải là cảnh giới của nhãn thức.

Cảnh giới của tai là cảnh giới của Phật, nhưng cảnh giới của Phật ấy cũng chẳng phải là cảnh giới của nhĩ thức.

Cảnh giới của mũi là cảnh giới của Phật, nhưng cảnh giới của Phật ấy cũng không phải là cảnh giới của tỷ thức.

Cảnh giới của lưỡi là cảnh giới của Phật, nhưng cảnh giới của Phật ấy cũng không phải là cảnh giới của thiệt thức.

Cảnh giới của thân là cảnh giới của Phật, nhưng cảnh giới của Phật ấy không phải là cảnh giới thân thức.

Cảnh giới của ý là cảnh giới của Phật, nhưng cảnh giới của Phật ấy cũng không phải là cảnh giới của ý thức.

Cảnh giới của sắc là cảnh giới của Phật, nhưng cảnh giới của Phật ấy cũng không phải là cảnh giới của sắc.

Cảnh giới của thọ là cảnh giới của Phật, nhưng cảnh giới của Phật ấy cũng không phải là cảnh giới của thọ.

Cảnh giới của tưởng là cảnh giới của Phật, nhưng cảnh giới của Phật ấy cũng không phải là cảnh giới của quán.

Cảnh giới của các hành là cảnh giới của Phật, nhưng cảnh giới của Phật ấy cũng không phải là cảnh giới của tạo tác.

Cảnh giới của các thức là cảnh giới của Phật, nhưng cảnh giới của Phật ấy cũng không phải là cảnh giới của nhận thức.

Cảnh giới của vô minh là cảnh giới của Phật, nhưng cảnh giới của Phật ấy cũng không phải là cảnh giới của nhân duyên… cho đến cảnh giới của lão tử là cảnh giới của Phật, nhưng cảnh giới của Phật ấy cũng không phải là những cảnh giới ấy.

Cảnh giới của dục hành là cảnh giới của Phật, nhưng cảnh giới của Phật ấy không phải là cảnh giới của dục hành.

Cảnh giới của cõi Sắc là cảnh giới của Phật, nhưng cảnh giới của Phật ấy cũng chẳng phải là cảnh giới của sắc hành.

Cảnh giới của cõi Vô sắc là cảnh giới của Phật, nhưng cảnh giới của Phật ấy cũng không phải là cảnh giới của kiến giới.

Cảnh giới của pháp hữu vi là cảnh giới của Phật, nhưng cảnh giới của Phật ấy cũng chẳng phải là hai cảnh giới.

Cảnh giới của pháp vô vi là cảnh giới của Phật, nhưng cảnh giới của Phật ấy cũng không xa lìa cảnh giới của ba tướng.

Này Thiên tử! Đấy là cảnh giới của chư Phật, cảnh giới hiện có, cảnh giới hội nhập vào tất cả, cảnh giới vô biên là cảnh giới của Phật.

Này Thiên tử! Đại Bồ-tát vào cảnh giới này rồi thì hành hóa tạo được sự lợi ích. Trong cảnh giới của tất cả chúng sinh cũng lại chẳng sinh. Trong cảnh giới của ma thì Bồ-tát phải nên nhận biết rõ. Cảnh giới của ma và cảnh giới của Phật là bình đẳng, không hai, không có phân chia cảnh giới khác.

Này Thiên tử! Đây chính là thần thông nơi đại trí của Bồ-tát. Nếu có thể vượt hơn cảnh giới bình đẳng thì đem cảnh giới bình đẳng ấy để tạo mọi thành tựu cho chúng sinh.

Này Thiên tử! Trong ấy những gì là bình đẳng, những gì là không bình đẳng.

Tất cả pháp là vắng lặng bình đẳng, nên gọi là bình đẳng. Bồ-tát nếu hội nhập vào pháp vắng lặng, bình đẳng thì trụ nơi pháp không bình đẳng. Nếu Bồ-tát đã thành tựu đầy đủ các pháp bình đẳng ấy thì ở trong pháp Không cũng chẳng dời chuyển.

Tất cả các pháp là vô tướng nên gọi là bình đẳng. Nếu Bồ-tát không hội nhập vào pháp vô tướng, bình đẳng thì trụ vào chỗ không bình đẳng. Nếu Bồ-tát thành tựu các pháp bình đẳng ấy rồi thì ở trong pháp Vô tướng không dời chuyển.

Tất cả các pháp là vô nguyện nên gọi là bình đẳng. Nếu Bồ-tát không hội nhập vào pháp vô nguyện, bình đẳng thì trụ vào chỗ không bình đẳng. Bồ-tát thành tựu đầy đủ các pháp bình đẳng ấy rồi thì ở trong pháp Vô nguyện cũng không dời chuyển.

Tất cả các pháp là vô tác nên bình đẳng, nếu Bồ-tát không hội nhập vào pháp vô tác, bình đẳng thì trụ vào chỗ không bình đẳng. Bồ-tát thành tựu đầy đủ các pháp bình đẳng ấy rồi thì ở trong pháp vô tác cũng không chuyển đổi.

Tất cả các pháp là chẳng sinh, chẳng phát sinh bình đẳng, nên gọi là bình đẳng. Xa lìa dục, riêng hành bình đẳng nên gọi là bình đẳng, không có vật nào có thể diệt.

Niết-bàn là bình đẳng nên gọi là bình đẳng. Nếu Bồ-tát không hội nhập vào nẻo bình đẳng ấy thì còn trụ nơi pháp không bình đẳng. Bồ-tát

thành tựu đầy đủ các pháp bình đẳng ấy thì ở trong pháp Niết-bàn cũng không dời chuyển.

Này Thiên tử! Hành bình đẳng, không bình đẳng như vậy mà Bồ-tát hội nhập vào đó, gọi là thực hành hạnh Bồ-tát.

Bấy giờ, Thiên tử Thương Chủ lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hôm nay ngài đã giảng, thế nào là hạnh của Bồ-tát?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Thiên tử! Hạnh của Bồ-tát là không thể nghĩ bàn.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là hạnh của Bồ-tát là không thể nghĩ bàn?

Đáp: Này Thiên tử! Tham dục là chẳng thể nghĩ bàn. Hạnh của Bồ-tát cũng không xa lìa hành tham dục. Hành theo sự giận dữ là không thể nghĩ bàn, hạnh của Bồ-tát cũng không xa lìa hành giận dữ. Hành theo ngu si là chẳng thể nghĩ bàn, nên hạnh của Bồ-tát cũng thực hành theo trí tuệ.

Hành chẳng ganh ghét là hạnh của Bồ-tát, cũng không nhớ nghĩ đến Bố thí. Hành xa lìa việc phá giới là hạnh của Bồ-tát, không nhớ nghĩ về hành Trì giới. Hành không giận dữ hạnh của Bồ-tát, cũng không nhớ nghĩ về hành Nhẫn nhục. Hành chẳng biếng nhác là hạnh của Bồ-tát, cũng chẳng nhớ nghĩ về hành Tinh tấn. Hành không tán loạn là hạnh của Bồ-tát, cũng không nhớ nghĩ về hành Thiền định. Hành chẳng phải là không có trí là hạnh của Bồ-tát, cũng không nhớ nghĩ về hành Trí tuệ.

Hành theo không não hại là hạnh của Bồ-tát, cũng không nhớ nghĩ về hành xa lìa phiền não.

Hành không Từ là hạnh của Bồ-tát, vì bố thí các sự vật bên trong.

Hành không Bi là hạnh của Bồ-tát, vì bố thí vợ con: nam, nữ.

Hành không vui thích là hạnh của Bồ-tát, vì tác động của các dục là không nhàm chán.

Hành thường không giận dữ là hạnh của Bồ-tát, vì tích tập các căn lành.

Hành không xả bỏ là hạnh của Bồ-tát, vì xả bỏ thân mạng.

Hành không luyến tiếc là hạnh của Bồ-tát, vì xả bỏ mọi sự thương ghét.

Hành không sợ hãi là hạnh của Bồ-tát, vì không gần gũi với hành phiền não, sinh tử.

Hành theo trách nhiệm lớn là hạnh của Bồ-tát, vì có trách nhiệm lớn

đối với tất cả chúng sinh.

Hành không bức bách là hạnh của Bồ-tát vì từ xa xưa đã phát nguyện cứu độ chúng sinh.

Hành không hối tiếc là hạnh của Bồ-tát, vì không hối hận thoái chuyển.

Hành tối thượng là hạnh của Bồ-tát, vì tất cả đều tối thượng, tối thắng.

Hành mặc áo giáp Kim cang là hạnh của Bồ-tát, vì khéo lập thệ nguyện luôn được đầy đủ.

Hành theo tự tâm vắng lặng là hạnh của Bồ-tát, vì tâm của tất cả chúng sinh đều vắng lặng.

Hành không lỗi lầm là hạnh của Bồ-tát, vì sự tạo nghiệp không lỗi lầm.

Hành không dấy khởi sự phân biệt là hạnh của Bồ-tát, vì tâm của hết thảy chúng sinh đều bình đẳng.

Hành dũng mãnh là hạnh của Bồ-tát, vì để hàng phục bao thứ oán địch.

Hành không xen tạp là hạnh của Bồ-tát, vì tùy thuận với bạn bè thiền định.

Hành vui vẻ là hạnh của Bồ-tát, vì đối với tất cả các việc xấu ác đều khiến hoan hỷ.

Hành hết sức vui mừng là hạnh của Bồ-tát, vì luôn được hoan hỷ thấy Phật, nghe pháp, phụng sự Tăng.

Hành trang nghiêm là hạnh của Bồ-tát, vì dùng thân, khẩu, ý để trang nghiêm cõi Phật.

Hành không bị hàng phục là hạnh của Bồ-tát, vì mọi lợi ích hỗ trợ đều bình đẳng.

Hành không chê bai là hạnh của Bồ-tát, vì được hàng trí thức khen ngợi.

Hành không bức bách là hạnh của Bồ-tát, vì quán xét đúng đắn các phiền não.

Hành theo hàng trượng phu hiền thiện là hạnh của Bồ-tát, vì gánh vác trọng trách, nhằm đạt đến giải thoát.

Hành tạo lợi ích là hạnh của Bồ-tát, vì luôn tinh tấn, vững chắc, không biếng nhác thoái lui.

Hành đúng theo pháp là hạnh của Bồ-tát, vì khéo tu tập các pháp trợ

đạo.

Hành biết ân và báo ân là hạnh của Bồ-tát, vì chẳng đoạn trừ chủng tánh của Phật.

Hành theo những điều quý báu là hạnh của Bồ-tát, vì luôn tán dương sự giảng nói về Tam bảo.

Hành theo phương tiện trí tuệ là hạnh của Bồ-tát, vì không đoạn trừ các nhiếp pháp.

Khi giảng nói hạnh của Bồ-tát thì có năm trăm Bồ-tát hội nhập vào hạnh của Bồ-tát, đạt được pháp Nhẫn vô sinh.

Bấy giờ, Thiên tử Thương Chủ lại bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ngài thật khéo giảng nói các hạnh của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát nào không xa lìa hạnh này thì các vị ấy được Đức Phật thọ ký.

Lúc ấy, Đức Phật bảo Thiên tử Thương Chủ:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Này Thiên tử! Như Lai vào thuở xa xưa đã không xa lìa những hạnh này, nên được Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lúc ấy, ta đã chứng được pháp Nhẫn vô sinh.

Này Thiên tử! Đây là hạnh thần thông đại trí của chư Phật và Bồ-tát.

Thiên tử Thương Chủ thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vô sinh là thế nào? Ở bên trong, bên ngoài của những pháp nào gọi là đạt được vô sinh?

Đáp: Này Thiên tử! Vô sinh là vốn tự chẳng sinh. Tướng của chỗ tận cùng chính là nghĩa vô sinh. Tướng ấy trước chẳng sinh thì sau cũng không sinh, mà đối với vô sinh thì vốn không có chỗ sinh. Nhưng vô sinh ấy, trước đã không có nơi sinh thì sau cũng chẳng có chỗ sinh. Vì tự tánh xưa nay vốn không có nơi chốn phát sinh. Do nghĩa này nên trước không có nơi sinh thì về sau cũng không có chốn dấy khởi. Vì tự tánh xưa nay là không có nơi chốn xuất sinh. Vô sinh ấy trước đã không thể tạo tác, do đó về sau cũng không thể tạo tác, vì tự tánh xưa nay là không thể tạo tác. Vô sinh ấy trước đã không có, nên đối với sau cũng lại không có, tức rốt ráo là không có. Vô sinh ấy từ trước đã không đi vào cõi luân hồi, do đó về sau cũng không bị lệ thuộc vào luân hồi, vì bản tánh là không. Vô sinh ấy trước là vô tướng, không thể nêu ra, không thể chỉ bày, vì thế về sau cũng không có tướng để có thể nêu bày, chỉ dẫn. Như vậy là các pháp vốn không có tướng. Nếu người hiểu biết được như vậy thì cũng không khởi tâm phá bỏ sự lãnh

hội kia, do ý nghĩa này nên gọi là vô sinh.

Thiên tử hỏi:

–Thế nào gọi là nhẫn?

–Vô sinh như thế, tất cả chúng sinh đều thọ nhận như thế nên gọi là nhẫn. Vô sinh như thế, đối với hết thảy các cõi đều thọ nhận như vậy, nên gọi là nhẫn. Vô sinh như thế, đối với các bậc Hữu học, Vô học, Bích-chi-phật đều có thể thọ nhận, nên gọi là nhẫn. Vô sinh như thế, đối với tất cả pháp Phật, tất cả hành của Bồ-tát, hết thảy chư Phật đều có thể thọ nhận, nên gọi là nhẫn. Vô sinh như vậy, đối với tất cả các pháp đều có thể thọ nhận, nên gọi là nhẫn.

Nhưng "vô" thì do đâu gọi là vô?

Vì vô của vô nên gọi là vô, là không của không nên gọi là vô. Là vô tướng của vô tướng nên gọi là vô. Như không, vô tướng, không tướng nên là vô. Nếu pháp là vô tức không duyên hợp, nếu không duyên hợp tức là vô dục, nếu vô dục tức là chân tánh, nếu là chân tánh tức gọi là vô tánh. Tất cả các pháp là vô, là không có duyên hợp, xa lìa hư vọng. Nếu đối với tất cả pháp mà thọ nhận như vậy thì gọi là nhẫn, nhẫn đó cũng là không. Do nhẫn là không nên, không có ngã bình đẳng như vậy nên Bồ-tát sẽ được thọ ký chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh. Như pháp nhẫn ấy cũng không thể nhận biết, thủ đắc.

Trong ấy, thủ đắc có nghĩa là gì? Hoặc là ngã, hoặc là nhẫn, cả hai đều thủ đắc, thì gọi là thủ đắc. Hoặc chúng sinh, hoặc thọ mạng, hoặc người được nuôi dưỡng, hoặc nhẫn, nếu nhận biết tất cả thì gọi là thủ đắc.

Thế nào là không thủ đắc về nhẫn, đạt được chỗ chân thật của tự tánh? Đối với chân tánh ấy của nhẫn, theo ý nghĩa đó, không chấp giữ chủ thể và đối tượng, cả hai đều chứng nhập, gọi là không thủ đắc. Lược nói về ấm, giới, các nhập, đối với tất cả các pháp hiện có nhận biết bản tánh nên gọi là tánh không. Nếu là tánh không tức là vô vi, như tánh của vô vi. Phàm có chỗ tạo tác thì cũng như tánh ấy. Nếu đối với bản tánh không thấy có chủ thể và đối tượng, thì chỗ chứng biết như vậy gọi là không thủ đắc.

Này Thiên tử! Đại Bồ-tát có thể thực hành nhẫn ấy thì ở trong a-tăng-kỳ kiếp sẽ thành tựu đầy đủ các nhẫn như vậy. Đó là hạnh thần thông đại trí của Bồ-tát.

Lúc nêu giảng pháp nhẫn này thì tam thiên đại thiên thế giới đều hiện đủ sáu cách chấn động, tất cả ánh sáng chiếu khắp thế gian, trăm ngàn thứ âm nhạc chẳng tấu mà tự vang lên, từ nơi hư không mưa xuống vô số các loại hoa, có bốn vạn chúng sinh phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả

Vô thượng Chánh giác, chín vạn sáu vạn chúng sinh đạt được pháp nhẫn tùy thuận. Do thần lực của Đức Phật và diệu lực của pháp nên khiến cho tất cả thế giới này hiển hiện giống như thuở xưa lúc Đức Phật Nhiên Đăng đi vào thành Liên hoa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền mỉm cười, như pháp của chư Phật có vô lượng trăm ngàn màu sắc ánh sáng từ kim khẩu của Đức Phật Thế Tôn phát ra, như các màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, tía, pha lê… chiếu đến vô lượng, vô biên thế giới, tỏa sáng khắp nơi, trở lại nhiễu quanh Đức Thế Tôn ba vòng rồi nhập vào nhục kế của Phật.

Khi ấy, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ gối sát đất, hướng đến Phật, chắp tay đúng như pháp, thưa hỏi:

Con hỏi Thế Tôn, bậc Đức lớn
Hỏi Phật, bậc ánh sáng trang nghiêm
Con hỏi bậc đã dứt phiền não
Vì sao Mâu-ni hiện mỉm cười?
Con hỏi Phật hàng phục ngoại đạo
Con hỏi Thế Tôn trừ các ma
Con hỏi Thế Tôn, bậc Mười lực
Vì sao Mâu-ni hiện mỉm cười?
Con hỏi Thế Tôn sắc thù thắng
Ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm
Khéo hay làm bậc Đại hoan hỷ
Nay Thế Tôn vì sao mỉm cười?
Con hỏi biển trí, cây giác ngộ
Được trí tuệ giáo hóa thế gian
Thị hiện vô biên pháp trí tuệ
Vì sao Thế Tôn nay mỉm cười?
Danh xưng ba cõi lưu truyền khắp
Tăng trưởng ba minh, trừ ba cấu
Được ba giải thoát, chủ ba cõi
Nay mỉm cười chắc có nhân duyên?
Bậc lương y giỏi trừ sinh tử
Ngón tay, chân xoay tròn màng báu
Thân kim cương hơn Na-la-diên
Mâu-ni thuyết giảng phóng hào quang.
Nay ai ở trong hạnh thanh tịnh
Hiện tại ai đầy đủ các nhẫn?

Ai sẽ tin đức của chư Phật?
Vì thế nay Mâu-ni mỉm cười.
Không ai sánh bằng thân Thế Tôn
Đạo sư khéo hiển bày ánh sáng
Lành thay, xin Đức Thế Tôn diễn nói
Chúng sinh nếu nghe sinh hoan hỷ.

Tôn giả A-nan nói kệ xong, Đức Phật bảo:

–Này A-nan! Lúc Như Lai thuyết giảng kinh pháp này là gốc của các kinh, ở trong chúng hội có bảy vạn hai ngàn chúng sinh phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có ba vạn hai ngàn Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh.

Này A-nan! Ông có thấy Thiên tử Thương Chủ này không?

–Bạch Thế Tôn, con đã thấy!

Phật lại bảo Tôn giả A-nan:

–Thiên tử Thương Chủ ấy từ xưa đã từng cúng dường vô số chư Phật, phụng hành, tôn kính, siêng cầu học, thưa hỏi nghĩa lý, khuyến thỉnh lại còn khuyến khích vô lượng chúng sinh thực hành theo đạo quả Vô thượng Bồ-đề, khiến được an trụ chỗ thích hợp.

Này A-nan! Thiên tử Thương Chủ ấy trải qua hai a-tăng-kỳ kiếp, sẽ chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề, hiệu là Phật Công Đức Vương Quang Minh, gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời. Thế giới của Đức Phật ấy tên là Thanh tịnh, kiếp tên là Vô cấu.

Này A-nan! Thế giới Thanh tịnh ấy do bảy báu hợp thành, cõi Phật ấy bằng phẳng như lòng bàn tay, có tám lớp lưới báu trang nghiêm rủ xuống khắp chốn. Cõi Phật đó không có tên gọi của hàng Nhị thừa, cũng không có các thứ ngoại đạo, các ma, không có người tạo năm thứ tội ngũ nghịch, không có người chê bai chánh pháp của Phật. Cõi nước của Phật ấy xa lìa tám thứ nạn, tùy theo ý nghĩa trong tâm mà mọi thứ ăn uống liền hiện ra, cũng không có âm thanh nói về phá giới, các khổ hoạn. Chúng sinh nơi thế giới ấy thọ nhận phước báo an lạc giống như ở cõi trời Tha hóa tự tại, thân tướng màu vàng ròng, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, hầu hết được an trụ nơi đạo quả Vô thượng Bồ-đề. Vì thế cõi ấy có tên là Thanh tịnh. Thọ mạng của Đức Phật Công Đức Vương Quang Minh là một ngàn bốn mươi kiếp. Các vị Bồ-tát nơi cõi nước của Đức Phật đó đều do nguyện lực, trong khoảng thời gian ấy, tùy theo tâm nguyện mà xả bỏ thọ mạng. Đức Như

Lai kia có sáu mươi hai ức chúng Đại Bồ-tát.

Này A-nan! Nay có Bồ-tát phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề và đạt được pháp Nhẫn vô sinh, tất cả các vị ấy đều được vãng sinh vào cõi nước Thanh tịnh kia và còn được Đức Như Lai Công Đức Vương Quang Minh thọ ký thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, trong chúng hội có một Thiên tử tên là Quán Tức dùng hoa trời Mạn-đà-la tung rải lên chỗ Đức Phật và thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu lúc Đức Phật Công Đức Vương Quang Minh chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề, con nguyện sẽ ở trong thế giới Thanh tịnh ấy làm vị Chuyển luân thánh vương, thường cúng dường Đức Phật và các vị Bồ-tát. Con nguyện sau đời Đức Phật ấy, sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Này A-nan! Thiên tử Quán Tức này vào thời Đức Phật Công Đức Vương Quang Minh chứng minh đạo quả Bồ-đề, thì ở trong thế giới đó, sẽ làm vị Chuyển luân thánh vương tên là Thiện Kiến, dùng vô lượng, vô biên, vô số phẩm vật để cúng dường Đức Phật ấy, thực hiện viên mãn pháp trợ Bồ-đề. Sau Đức Phật ấy, thì Thiên tử này sẽ xuất hiện ở đời, chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiệu là Phật Phổ Quang Minh, gồm đủ mười tôn hiệu.

Này A-nan! Vua Thiện Kiến ấy, làm lễ quán đảnh cho Thái tử xong, ở trong giáo pháp của Đức Phật kia một thời gian, rời bỏ ngôi vua, xuất gia học đạo. Khi Đức Như Lai kia sắp nhập Niết-bàn, thọ ký cho Bồ-tát ấy, rằng: Bồ-tát Thiện Kiến này tiếp theo sau đời ta, sẽ chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Thiên tử Thương Chủ:

–Này Thiên tử! Như Lai đã thọ ký cho ông chăng?

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Đức Phật thọ ký cho tôi giống như Đức Như Lai đã tạo ra người biến hóa và trao pháp thọ ký. Tánh như như nay cũng vậy, như như ở đời vị lai cũng vậy, ở hiện tại cũng thế, vì như như là không tăng giảm.

Đức Thế Tôn lại bảo Tôn giả A-nan:

–Này A-nan! Ông đã thọ lãnh pháp này, nên phụng trì giảng nói, đọc tụng, cần tăng thêm sự tu tập, vì người khác mà giảng nói rộng, để tạo nhiều lợi ích, an lạc cho họ. Cũng vì sự lợi ích an lạc của các Đại Bồ-tát ở đời hiện tại và vị lai mà thâu nhận rộng khắp.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thọ nhận kinh này. Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gọi là gì? Chúng con sẽ phụng trì như thế nào?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Kinh này tên là Thần Thông Ưu-ba-đề-xá, ông nên theo đó mà phụng trì. Kinh này gọi là Văn-thù-sư-lợi Đồng Chân Bồ-tát Sở Thuyết, ông nên theo đấy mà phụng trì. Cũng gọi là Thương Chủ Thiên Tử Sở Vấn, ông nên theo đấy mà thọ trì.

Đức Phật giảng nói kinh này rồi, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo khác, Thiên tử Thương Chủ và vô lượng, vô biên, vô số, cho đến hàng ức các Thiên tử khác, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và vô lượng a-tăng-kỳ Bồ-tát khác ở vô số thế giới khắp trong mười phương đã hội đủ, các Đại Bồ-tát và tất cả tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Nhân phi nhân, A-tu-la… nghe Phật giảng nói đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Số 592

KINH THIÊN THỈNH VẤN

Hán dịch: Đời Đại Đường, Tam tạng Pháp sư Huyền Tráng

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Thệ-đa Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc đó có một vị trời, dung mạo đẹp đẽ khác lạ, vào lúc hơn nửa đêm đến chỗ Phật cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, rồi đứng sang một bên, uy lực và ánh sáng của vị trời này tỏa chiếu rực rỡ khắp khu rừng Thệ-đa.

Bấy giờ vị trời ấy dùng kệ vi diệu mà thưa Phật:

Thế nào đao kiếm bén
Thế nào thuốc độc hại
Thế nào lửa cháy mạnh
Thế nào rất tối tăm?

Đức Thế Tôn cũng dùng kệ đáp:

Lời thô: đao kiếm bén
Tham dục: thuốc độc hại
Sân giận: lửa hừng hực
Vô minh rất tối tăm.

Vị trời hỏi:

Người nào gọi được lợi
Người nào gọi mất lợi
Áo giáp nào bền chắc
Đao kiếm nào là bén?

Đức Thế Tôn đáp:

Người thí gọi được lợi
Người nhận, gọi mất lợi
Nhẫn là áo giáp chắc
Tuệ là đao gậy bén.

Vị trời hỏi:

Thế nào là giặc cướp
Vật gì của bậc trí
Ai gọi là giặc cướp
Ở trời và thế gian?

Đức Phật bảo:

Nghĩa tà là giặc cướp
Giới là của bậc Trí
Phạm giới là giặc cướp
Ở trời và thế gian.

Vị trời hỏi:

Ai là an lạc nhất
Ai là rất giàu có
Ai là thường đoan nghiêm
Ai là luôn xấu xí?

Đức Thế Tôn đáp:

Ít dục, an lạc nhất
Biết đủ, giàu có lớn
Giữ giới thường đoan nghiêm
Phá giới thường xấu xí.

Vị trời hỏi:

Ai là quyến thuộc lành
Ai là tâm oán ghét
Thế nào là khổ lớn
Thế nào vui bậc nhất?

Đức Thế Tôn đáp:

Phước là quyến thuộc lành
Tội là tâm oán ghét
Địa ngục là khổ lớn
Vô sinh: vui tột cùng.

Vị trời hỏi:

Cái gì không nên thích
Cái gì đáng nên thích
Cái gì bệnh rất nóng
Ai là bậc Lương y?

Đức Thế Tôn đáp:

Ái dục không nên thích
Giải thoát phải nên thích
Tham là bệnh rất nóng
Phật là đại lương y.

Vị trời hỏi:

Ai hay chê thế gian
Ai lừa dối thế gian
Ai khiến bỏ bạn thân
Ai ngăn sinh cõi trời?

Đức Thế Tôn đáp:

Vô trí che thế gian
Si lừa dối thế gian
Xan tham bỏ bạn thân
Đắm nhiễm ngăn sinh Thiên.

Vị trời lại hỏi:

Vật gì lửa không thiêu
Gió cũng không thể tắt
Chẳng phải chỗ nước bỏng
Hay ủng hộ thế gian?
Ai cùng vua ngăn giặc
Chống địch rất dũng mãnh
Không bị sự xâm đoạt
Của người và phi nhân?

Đức Thế Tôn đáp:

Phước chẳng bị lửa thiêu
Gió cũng không thổi tắt
Phước, nước chẳng làm bỏng
Hay ủng hộ thế gian.
Phước cùng vua ngăn giặc
Chống địch rất dũng mãnh
Không bị sự xâm hại
Của người và phi nhân.

Trời lại hỏi:

Nay con còn nghi ngờ
Xin Phật dứt trừ nghi
Đời này và đời sau
Ai dám còn lừa dối?

Đức Phật dạy:

Nếu có nhiều tiền của
Không tu tạo phước báo
Đời này và đời sau
Người đó lừa dối mình.

Lúc ấy vị trời nghe Đức Phật giảng nói kinh này rồi thì rất vui mừng, tán thán là việc chưa từng có, đảnh lễ nơi chân Phật rồi ở trước Phật bỗng nhiên biến mất.

-oOo-

Số 593

KINH PHẬT VÌ THIÊN TỬ THẮNG QUANG THUYẾT VƯƠNG PHÁP

Hán dịch: Đời Đường, Sa-môn Nghĩa Tịnh.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại khu lâm viên Thệ-đa Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm trăm ngàn người hội đủ, chư vị đều là những bậc A-la-hán, các lậu đã dứt sạch. Lại có vô lượng Đại Bồ-tát đều là bậc tăm tiếng trong loài người đều là hàng Nhất sinh bổ xứ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi kiết già trên tòa Thắng diệu nơi gốc cây, ở giữa đại chúng vì khắp hàng trời, người diễn nói pháp sâu xa do chính mình đã chứng đắc. Đó là văn nghĩa vi diệu, phần đầu, phần giữa, phần cuối đều thiện thuần một tướng phạm hạnh thanh tịnh, viên mãn.

Lúc này, quốc vương nước Kiều-tát-la là Thiên tử Thắng Quang, xa giá nghiêm chỉnh, cùng với đám tùy tùng ra khỏi thành Thất-la-phiệt, đi đến rừng Thệ-đa nhằm ra mắt cung kính cúng dường, phụng sự, gần gũi Đức Thế Tôn. Đến nơi, nhà vua xuống xe, sửa lại y phục để tới chỗ Đức Thế Tôn. Từ xa nhà vua thấy Đức Như Lai đang an tọa bên cội cây, diễn nói giáo pháp cho đại chúng, tướng mạo oai nghiêm, các căn thuận hợp, tâm an lạc, tịch tĩnh trụ vào cõi định tăng thượng, là bậc Long tượng trong cõi người, như sư tử chúa, cũng như trâu chúa, như ngựa trí khéo léo, là bậc tôn quý nhất nơi loài người, như hoa sen trắng, như ao nước trong trẻo, vắng lặng, như núi Diệu cao trụ vững ở biển cả, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, như cờ vàng ròng tươi đẹp đủ các màu sắc, cũng như mặt trời tỏa rạng ngàn ánh sáng rực rỡ, như vầng trăng tròn với các ngôi sao vây quanh. Lúc vua nhìn thấy như vậy sinh tâm hoan hỷ, toàn thân xúc động, đạt được điều chưa từng có. Đại vương thọ pháp quán đảnh có đủ năm thứ: Là ngọc như ý, lọng trắng, phất trần trắng, giày báu, kiếm báu, tất cả những thứ ấy thảy đều bỏ lại, chỉ với y phục bình thường, dẫn theo các đại thần trụ vào chánh niệm, các căn tịch tĩnh, sửa lại áo mão, bày vai bên

phải, cúi đầu chắp tay hướng đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ nơi chân Phật, rải các thứ hoa vi diệu, đốt các thứ hương thơm để cúng dường, đi quanh bên phải ba vòng rồi lui ra ngồi một bên.

Bấy giờ, vua Thắng Quang từ chỗ ngồi đứng dậy, luôn giữ oai nghi, chắp tay hướng về Đức Phật thưa:

–Nguyện xin Đại Sư khai ngộ cho con, khéo chỉ dạy về pháp của bậc quốc vương, khiến cho đời hiện tại được an lạc, sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời, cho đến tâm Bồ-đề luôn được nối tiếp.

Phật bảo:

–Này đại vương! Lành thay, lành thay! Đại vương nên nhất tâm lắng nghe, đây là việc rất hiếm có, ai có thể thưa hỏi để cầu đạt những hành trang thù thắng thì nên thuận theo pháp mà hành hóa, dứt trừ việc ác. Vì sao? Này đại vương! Nếu vua và đại thần bỏ pháp lành, thực hành theo pháp ác thì ở đời hiện tại bị người khinh chê, không dám gần gũi đều sinh tâm nghi hoặc, thường thấy ác mộng có nhiều kẻ oán thù, lại sinh hối hận, sau khi chết đi bị đọa vào địa ngục.

Này đại vương! Nếu vua và đại thần xa lìa pháp ác, tu tập pháp lành thì ở trong đời hiện tại được người kính trọng đều đến thân cận, không sinh nghi ngờ, luôn thấy mộng lành, có thể trừ hết oán địch, không hề hối hận, sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời, cho đến chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề thường lạc.

Này đại vương! Ví như cha mẹ thương yêu con, thường mong muốn cho các con được an ổn, không bị não hại, ngăn việc làm ác của chúng, khuyên tu tập điều thiện.

Này đại vương! Làm Thiên tử cũng như vậy. Đối với quần thần cho đến người hầu, muôn dân trong nước đều dùng bốn Nhiếp pháp mà giáo hóa họ. Đó là Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự. Lúc đó, vị vua ấy ở trong cõi nước có thể tạo được nhiều lợi ích lớn như vậy, thì thành tựu hai việc. Những gì là hai?

1. Làm vua như cha mẹ thương con không khác.

2. Được muôn dân trong nước xem như con, hết lòng trung hiếu.

Lại nữa, này đại vương! Làm Thiên tử phải có ân tình, bao dung, giảm nhẹ thuế má, bớt phần siêu dịch, lập quân phân chức không cần số đông mà truất bỏ phạt người làm ác, tiến cử khen thưởng người hiền, kẻ không trung thành, lương thiện nên mau xa lìa, noi theo các bậc Thánh vương xưa, chớ hành hình, chém giết. Vì sao? Vì đạo đối với người sống nên dùng các duyên để cảm hóa là hơn hết, nếu đoạn dứt mạng sống thì

nhất định phải nhận lấy quả báo ác.

Này đại vương! Thường phải nhất tâm cung kính đối với Tam bảo, chớ sinh tà kiến, sau khi ta nhập Niết-bàn thì giáo pháp nên được quốc vương, đại thần, tể tướng hết lòng ủng hộ, chớ để suy tổn, các vị phải thắp sáng ngọn đuốc chánh pháp mà chuyển pháp luân, cho đến tận cùng đời vị lai luôn khiến không bị đoạn tuyệt, nếu có thể nương theo giáo pháp mà thực hành như vậy thì khiến cho trong nước được Long vương hoan hỷ, mưa thuận gió hòa, chư Thiên vui vẻ, khiến muôn dân được giàu có, an lạc, các thứ tai họa tiêu trừ, đất nước thái bình, thân vua có được diệu lạc, ngôi vị luôn được giữ vững, phước đức oai lực được lâu dài, không còn ưu sầu khổ não, tuổi thọ tăng trưởng, trong đời hiện tại danh tiếng vang khắp mười phương, các vua nước khác đều khen ngợi: "Thiên tử nước ấy nhân đức khiêm cung, trung hiếu, dùng chánh pháp giáo hóa cứu giúp thương xót muôn dân, là vị tối thắng bậc nhất trong các nước, hiện tại chúng ta đều nên quy phục vị đại Pháp vương này". Sau khi bỏ thân mạng được sinh lên cõi trời, thọ nhận những an lạc thắng diệu đạt đến đạo quả Bồ-đề.

Lại nữa, này đại vương! Tất cả các pháp thể tánh rỗng lặng, vô thường, hoại diệt. Ví như có người ban đêm nằm mộng thấy vườn hoa đẹp, núi sông, rừng rậm, suối trong, mọi người, nhà cửa, lầu gác, đối với những thứ ấy thảy đều ưa thích, đến khi thức dậy thì không còn thấy gì. Đại vương nên biết! Chỗ kế thừa vương vị và tuổi thọ, các thứ tốt đẹp tự tại tôn quý, vui thích nơi năm dục như voi ngựa, xe cộ, cha mẹ, anh em, nam nữ, hậu phi, muôn dân trong nước hiện có, rồi nào quần thần, thê thiếp, vàng bạc, châu báu, y phục, thức ăn uống và các kho báu, cho đến lúc chết đều xả bỏ hết, những thứ ấy đều là pháp vô thường, hoại diệt, khó giữ gìn, tướng của chúng luôn thay đổi, rốt cuộc đều ly tán, là chỗ đáng sợ hãi mới sinh ra khổ não, nên không có ngã và ngã sở, cũng không có chủ tể, nên thường quán xét chớ có buông lung.

Lại nữa, này đại vương! Ví như cây lớn, lúc đầu sinh lá trổ hoa, sau đó mới kết trái, đến khi trái chín lần lượt rơi rụng, lá xanh nối tiếp lá vàng, rốt cuộc thảy đều rụng hết, chỉ còn cây không, cây ấy héo khô, lại gặp lửa lớn thổi đến đốt cháy hừng hực, chốc lát thiêu sạch.

Lại nữa, này đại vương! Ví như mặt trăng, mặt trời có oai lực lớn, đầy đủ ánh sáng lớn, có thể xua tan chốn tối tăm, điều ấy cũng không lâu dài đều trở về sự hoại diệt. Đại vương nên quan sát những pháp vô thường, vô ngã, hoại diệt như vậy mà sinh lo sợ, làm vua của một nước nên lấy pháp

giáo hóa chớ thi hành theo phi pháp, thường tu các điều thiện, đừng theo điều ác.

Lại nữa, này đại vương! Ví như bốn phía, mỗi phía đều có núi lớn nối tiếp khắp bốn phương, toàn bộ đều vững chắc không bị lủng, hở, phía trên lên đến hư không, phía dưới sát mặt đất, ở giữa có cây cỏ, rừng rậm và các loài đang sinh sống, không một loài vật nào có thể thoát ra được, không một người mạnh mẽ nào có thể chống đỡ nổi, cũng không thể dùng chú thuật thuốc men, của cải có thể khiến nó xoay chuyển.

Này đại vương! Bốn núi của thế gian cũng như vậy. Đó là các thứ già bệnh chết cùng mất hết thế lực.

Này đại vương! Đến lúc già thì người suy yếu, tiều tụy, bệnh tật đến thì sinh khổ não, cái chết hiện tiền chắc chắn sẽ đoạn dứt mạng sống, lúc mất thế lực thì oai lực cũng diệt.

Lại nữa, này đại vương! Như sư tử chúa nhanh nhẹn có nhiều sức lực, nanh vuốt bén nhọn, đi vào đàn nai, tùy ý bắt lấy ăn, không ai có thể ngăn được. Các loại thú ấy bị loài khác uy hiếp nên không được tự do. Đại vương nên biết! Tất cả chúng sinh bị mũi tên chết bắn trúng, không có sức mạnh, không chốn trở về, không ai cứu giúp, khi mạng sống sắp hết thì xương đốt rã rời, máu thịt khô cạn, miệng không thể nói, tay chân quờ quạng, sức lực sắp hết, nước dãi trào ra, tiểu tiện làm bẩn cả thân, sáu căn như mắt, tai... thảy đều ngưng hoạt động, cổ họng ngột ngạt, hơi thở không thông, ăn uống không được, niệm niệm nối nhau, sau đó thần thức xa lìa, từ vô thỉ đến nay luôn sinh, già, bệnh, chết, lưu chuyển trong biển khổ, theo nghiệp mà đi thọ sinh, tức ở lúc này mạng căn vừa đoạn, tùy chỗ tạo nghiệp đều hiện ra trước mắt, sứ giả của Diêm vương hết sức đáng sợ, đêm dài tăm tối không thể chống lại, hơi thở ra vào bỗng nhiên dứt hẳn, một mình ra đi hướng đến chốn sợ hãi, bỏ đời này thọ thân đời sau, sẽ rơi vào hầm lớn, vực sâu tối tăm, chỉ đi qua đường hiểm nạn, không có hành trang, gió nghiệp thổi tới không biết đường phía trước. Bấy giờ, những thứ khổ nạn tai ách không rõ nẻo quy về, chỉ theo nghiệp mà nhận lấy quả báo.

Này đại vương! Có pháp Đà-la-ni tên là Thắng tràng, nếu người nào lúc trước đã thọ trì, thì ở trong cõi sinh tử có thể làm bạn lành, cùng nhau cứu giúp. Đại vương lắng nghe, ta sẽ nói chú cho ông:

–Nẵng mỗ Thích-ca Mâu-ni mại duệ. Đát tha yết đa dã, a la hiết đế tam miệu tam bột đà dã. Đát diệt tha án. Thiêm mê thiêm mê tát bà ba bả, bát la thiêm mạt nê tá ha.

Đức Phật bảo:

–Này đại vương! Pháp Đà-la-ni ấy là lời nói của chư Phật, ở trong mỗi ngày tắm rửa sạch sẽ, thường đọc bảy lần thì có oai lực lớn, có thể được cứu giúp, giống như vào lúc trời cực lạnh gặp đống lửa lớn, khi trời rất nóng gặp nước mát lạnh, vào mùa hạ nóng bức trên đường đi bỗng gặp bóng cây, như khát nước gặp dòng suối trong, như đói gặp thức ăn ngon, như bệnh mong có được thần chú, thuốc thang, lại gặp thầy thuốc giỏi, người sợ hãi gặp bạn khỏe mạnh.

Này đại vương! Người có phước như vậy khi sắp chết tất có điềm tướng tốt dẫn đường cho họ.

Này đại vương! Ngay trong lúc đó chỉ có pháp lành mới có thể cùng hộ niệm và làm chỗ nương tựa, chính pháp Đà-la-ni này khéo có thể cứu giúp. Vì thế, này đại vương! Ngày ngày nên đọc tụng thần chú ấy, thì có thể tiêu trừ tất cả tội chướng, lại có thể phát sinh nhiều phước đức, nên khéo quán xét các pháp vô thường, hoại diệt, hoàn toàn đều là không, ở trong cửa tử nên sinh tâm sợ hãi lớn, đem việc thiện giáo hóa cho thế gian, chớ làm điều ác, luôn tu phước nghiệp, khởi tâm Từ bi. Vì sao? Vì đối với thân này thường ưa thích giữ gìn, cung cấp cho nó những thức ăn ngon nhất, tùy lúc nghỉ ngơi tự tại, không lo buồn, tuy thọ nhận những thứ vui thắng diệu như vậy, cuối cùng cũng không tránh khỏi sự chết, lúc sắp bỏ mạng, bị lửa đói sẽ đến hành hạ, thiêu đốt mà chết.

Này đại vương! Mặc y phục đều là những thứ tốt đẹp, lụa trắng Ca-thi, gấm vóc lụa là khi mặc vào mát ấm, thỏa tình hưởng thọ sự vui thích, rốt cuộc cũng không tránh khỏi cái chết. Lúc sắp chết nằm yên trên giường chiếu, xoay chuyển theo do người khác, các thứ cấu bẩn hiện quanh thân, đồ chăn mền phủ quanh chỗ nằm, khiến người trông thấy sinh tâm chán ghét.

Lại nữa, này đại vương! Hàng ngày lúc còn sống, luôn tắm rửa sạch sẽ, dùng đủ các thứ hương bột, hương xoa, các thứ đồ trang sức, xông ướp thơm ngát, trên đầu cài vòng hoa, dù cho hưởng thọ những thứ vui thượng diệu như vậy, nhưng rốt cuộc cũng không tránh khỏi cái chết, dần dần biến hoại trở lại hình trạng hôi thối như cũ, tắm rửa xoa các thứ hương đều là tạm bợ.

Lại nữa, này đại vương! Ở trong đại cung có nhiều thể nữ vây quanh, đàn sáo thay nhau mặc sức múa hát, thỏa thích vui theo thời gian không còn nghĩ đến đau buồn, cuối cùng cũng không tránh khỏi sự khổ của cái chết đưa đến, bức bách khiến sợ hãi mà chết.

Lại nữa, này đại vương! Chỗ ở nơi cung điện với đủ thứ trang nghiêm,

các cửa thoáng mát thích hợp với thời tiết, vui thú trọn ngày thọ hưởng thâu đêm, nơi phòng thì đèn đuốc sáng rực, có nhiều thể nữ, hương thơm tỏa xa, hoa đẹp rải khắp, trang trí bảy thứ báu nơi giường nằm, nệm lót nhiều lớp và gối sắp ngay thẳng, mặc tình ngủ nghỉ không lo lắng mệt nhọc, đến khi nghiệp hết thì cũng không tránh khỏi cái chết, sau khi thân mất thì đưa đến nghĩa địa, vứt nơi đồng vắng, thi hài thối nát, máu huyết chảy tràn, xương thịt rã rời, người thấy nhờm gớm, làm thức ăn cho chim, thú, rừng như chồn, sói, diều, quạ, thương thay thân ấy đến nỗi như vậy.

Lại nữa, này đại vương! Một buổi sáng trời đẹp, khiến đám tùy tùng chuẩn bị xa giá ra khỏi thành, đi đến rừng thơm, mặc tình dạo chơi, thưởng thức, voi ngựa xe cộ trước sau đều sẵn, dong ruổi thỏa thích, các quan hầu hạ đứng quạt luôn trang nghiêm, màn trướng treo cao lại có lọng báu, trống, nhạc đủ loại vang lên, mọi người đều cung kính phụng hành như trời Đế Thích. Nếu phước mạng hết, sứ của Diêm-ma tìm đến bắt lấy thần hồn dẫn đến trước Diêm vương, tùy theo nghiệp phân định, phán xét, khó có thể tránh khỏi, chỉ còn lại hài cốt ở nơi mặt đất, cha mẹ, vợ con và muôn dân trong nước đều buồn khóc, kêu gào, đấm ngực thảy đều ảo não, xe tang đưa quan tài đến nghĩa địa, hoặc thiêu, hoặc chôn, hoặc thả xuống nước, các loại chim bay thú chạy, các loài cá, ba ba, rùa, ếch nhái nghe mùi thịt ấy tranh nhau đến ăn, nuốt, rúc rỉa, xương thành bụi bặm cùng đất không khác. Đại vương nên biết! Tất cả chúng sinh, loài thọ nhận thần thức đều như vậy cả, hoàn toàn chịu sự vô thường hoại diệt, thân thể khó bảo tồn, niệm niệm dời đổi, các phiền não nơi thân không thể yêu thích, ai là người có trí thì nên sinh tâm xa lìa.

Vì thế, này đại vương! Nên quán thân này là gốc của hoạn nạn, tùy thuộc nơi vô thường, luôn bị thần chết theo đuổi, bức bách, biết việc này rồi nên dùng chánh pháp để trị nước, không nên để tham, sân, si sai khiến mà làm các việc ác. Vì sao? Này đại vương! Ta không nói có kẻ phàm phu ngu si, đối với cảnh của năm dục là: sắc, thanh, hương, vị, xúc, luôn tích tụ nhiều, thường ưa thích gần gũi người như vậy mà có thể sinh tâm chán đủ.

Này đại vương! Người nào đối với cảnh của dục có thể dấy tâm nhàm chán, đó là bậc Hiền thánh, phát khởi trí tuệ thù thắng, ngay hiện tại mới có thể sinh tâm chán đủ, dần dần xa lìa, tu tập chứng đắc quả vị Niết-bàn vi diệu.

Bấy giờ, Thiên tử Thắng Quang nghe Đức Phật giảng nói về pháp tạo ra sự an ổn cho tự thân, pháp giữ nước lâu dài, làm lợi ích cho tất cả muôn loài, tiếng tốt vang khắp mười phương, khi qua đời sẽ được sinh lên cõi

trời, thọ nhận mọi thứ diệu lạc, thì thâm tâm rất vui mừng, đạt được điều chưa từng có, chắp tay cung kính, nhất tâm chiêm ngưỡng, bạch Đức Thế Tôn:

–Như Lai Đại Từ vì con mà giảng nói nghĩa pháp vi diệu như vậy, nay con hết sức tôn kính, nguyện sẽ lưu truyền khắp cả nước, để mọi người đọc tụng tu tập.

Đức Phật khen:

–Lành thay, lành thay! Này đại vương! Ông đời trước đã tu tập nhân nên đời này thọ nhận quả báo thù thắng, được làm Thiên tử đều theo sở nguyện của tâm, nên làm đúng như chỗ thuyết giảng, chớ có buông lung.

Lúc ấy Thiên tử Thắng Quang và đại chúng đều vui mừng tín thọ phụng hành, đảnh lễ mà lui ra.

-oOo-

Số 594

PHẬT THUYẾT ĐẠI TỰ TẠI THIÊN TỬ NHÂN ĐỊA KINH

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đúng thời khất thực, đắp y mang bát, dùng diệu lực tinh tấn, vận dụng thần thông lớn, phóng ra vô số ánh sáng màu vàng ròng, chiếu khắp hư không. Lại dùng thần lực biến hóa thân mình hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc một thân hay nhiều thân, sáng rực như ánh lửa, đi đến núi Côn lôn, đỉnh núi như tuyết. Nơi đỉnh núi ấy, đất được trang nghiêm bằng các thứ báu: vàng, bạc, lưu ly, chân châu, mã não, san hô, ma-ni, có các cung điện được trang hoàng bằng các thứ báu đẹp đẽ, đặc biệt. Ở khoảng giữa ấy có cung Đại tự tại, rộng hai do-tuần, cao năm do-tuần. Ánh sáng chiếu soi rực rỡ, có sáu mươi vị thần lớn thường bảo vệ, có trăm ngàn Thiên nữ vây quanh bốn phía, tấu lên bảy thứ âm nhạc. Nơi bốn mặt của cung điện có bảy điện rộng một câu-lô-xá đều dùng bảy thứ báu để trang hoàng. Bốn phía có ao tắm đầy tràn nước cam lồ thanh tịnh, trong ao đầy hoa sen trắng, hoa câu mẫu nại, như trăng sáng nơi bầu trời. Bên trên những hoa ấy đều trang nghiêm bằng các thứ vàng, bạc, ma-ni… Thiên tử Đại Tự Tại cùng với Thiên hậu Ô-ma đồng ngồi trên tòa Sư tử. Các Thiên chúng thường đến vây quanh, cung kính, cúng dường. Chư Thiên chợt nghe tiếng đàn, nhạc, âm thanh vi diệu, nghe rồi ưa thích, say đắm, khiến tâm mê loạn.

Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên tuy có nghe tiếng nhạc kia, nhưng dùng căn lành vô úy để điều phục tâm mình dứt mọi tham vướng, như núi Diệu cao hiện lên từ nơi biển cả, đứng vững không lay động. Tôn giả đã thực hành diệu hạnh tinh tấn, thọ nhận sự cúng dường của tất cả thế gian, thân tướng đoan nghiêm, oai nghi đầy đủ, tay bưng bình bát. Thiên hậu Ô-

ma bỗng nhiên thấy Tôn giả rồi sinh tâm nghi ngờ, tâu với Thiên tử:

–Đây là người gì mà thân mặc pháp phục đoan nghiêm, tịch tĩnh, các căn điều phục, đầy đủ oai nghi, có vòng ánh sáng chiếu rực rỡ như mặt trời mới mọc, an nhiên không động như núi Diệu cao?

Thiên tử nghe xong, bèn quan sát Tôn giả, rồi nói:

–Này Thiên hậu! Nàng nhận biết được chăng?

Thiên hậu đáp:

–Thiếp từ xưa chưa thấy, hôm nay cũng chẳng biết.

Thiên tử Đại Tự Tại bảo:

–Đây là đệ tử của Đức Phật có phước đức lớn, xa lìa tham dục, có thể dứt trừ các tội lỗi, giáo hóa chúng sinh và tạo mọi sự an lạc, nhân vì đi khất thực mà đến nơi này.

Thiên hậu Ô-ma nghe lời ấy rồi liền thưa với Thiên tử:

–Vị sư đó thế nào đầy đủ sắc tướng? Có đạo đức, oai lực và pháp hy hữu gì? Thiếp xin muốn được nghe về những điều ấy.

Thiên tử Đại Tự Tại đáp:

–Vị sư đó ở trong ba vô số kiếp cầu đạo Bồ-đề, rộng tu phước lực. Vị ấy ở trong thế gian làm những việc lớn khó làm, thực hành hạnh Bố thí ba-la-mật, bố thí các thứ thức ăn, y phục, nô tỳ, xe cộ, thành ấp, xóm làng, kho báu lớn và cả ngôi vua. Cũng từng bố thí cho các Bà-la-môn: vợ con nam nữ, mà tâm vị ấy không hề có chút tham tiếc, phiền não, cũng không có tên gọi về tham ái. Lại vì thương yêu tất cả chúng sinh mà xả bỏ đầu, mắt, tủy, não, mũi, lưỡi, thân, thịt mà không hề có tư tưởng thống khổ, cũng không có tên gọi là hư dối. Thực hành bố thí chân thật vì dốc cầu quả với oai lực lớn của đạo Bồ-đề, nên đạt đầy đủ Bố thí ba-la-mật. Lại ở trong ba vô số kiếp, đối với vô số cảnh giới thực hành Trì giới ba-la-mật, giữ vững giới cấm. Nhờ oai đức trì giới nên thường được hàng trời, người cúng dường. Lại vì kẻ oán người thân luôn bình đẳng, không chống đối. Thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật, dùng tám chánh đạo để điều phục tâm mình, thường hoan hỷ nhẫn nhục khiến tâm bình đẳng. Lại vì ba loại chúng sinh thượng, trung, hạ luôn thương yêu, tạo mọi lợi ích an lạc cho họ, nên hành Tinh tấn ba-la-mật, ngày đêm siêng năng tu tập. Lại sợ tâm ý tán loạn, duyên theo cảnh vọng, thoái chuyển nên thực hành Thiền định ba-la-mật, khiến tâm được hoàn toàn tịch tĩnh, khinh an. Lại nhằm để phát sinh trí tuệ, đọc tụng, phân biệt kinh điển vi diệu nên hành Trí tuệ ba-la-mật. Như vậy, trong ba vô số kiếp, thực hành đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật để cầu trí Nhất thiết trí. Ngày

nay được quả Phật viên mãn, hàng phục tất cả Ma vương, chứng lý tịch diệt, sắc tâm vi diệu, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, sắc vàng trang nghiêm, ánh sáng như mặt trời, ba cõi không ai bằng, ra khỏi nạn luân hồi, đạt được giải thoát an lạc.

Lúc Đại Tự Tại thiên nói lời ấy xong, Thiên hậu Ô-ma rất vui mừng, cho thực hành bố thí… đạt được quả báo lớn, hôm nay nghe có thể hiểu được.

Lại hỏi:

–Đối với Thiên tử thì trước đây đã từng tu tập, hành hóa nghiệp gì? Nguyện xin Thiên tử hoan hỷ vì tôi lược nói.

Thiên tử Đại Tự Tại bảo:

–Nàng hãy lắng nghe, ta sẽ vì nàng mà nêu rõ. Này Thiên hậu! Ta ở đời quá khứ, trong vô số kiếp nơi trụ xứ của Đức Phật Đại Mâu-ni bố thí cúng dường, tu phước, trì giới, huân tập trí tuệ, từ đó đến nay mới được phước báo tự tại, ở trong tám đời thọ sinh đạt được tám thứ tự tại. Ta đã đời đời từng bố thí, trì giới, tu tập khổ hạnh để cầu được làm bậc chủ tể tự tại, mến mộ sự giải thoát cho đến hoàn toàn vắng lặng an lạc. Do đó quán xét bố thí, trí tuệ phải nhất tâm gìn giữ, tu hành không gián đoạn.

Nói xong, Đại Tự Tại thiên ở trong nội cung dùng bát vàng đựng đầy trăm vị thức ăn, cơm thơm ngon đi đến trước Tôn giả Mục-kiền-liên, chí tâm dâng cúng. Tôn giả Mục-kiền-liên thọ nhận bát cơm rồi bay vọt lên hư không, muốn trở về.

Đại Tự Tại thiên vốn đầy đủ trí túc mạng nên thưa với Tôn giả Mục-kiền-liên:

–Xin Tôn giả hãy tạm dừng lại, lắng nghe tôi nói. Vào thuở rất xa xưa, lúc Đức Phật mới xuất hiện, tôi nhớ trong đời quá khứ đã làm chúa tể ở vùng đất này, làm thầy trong ba cõi, biết được sự sinh diệt của thế gian, không ai sánh bằng. Tôn giả lắng nghe lời này, nhất tâm đi đến núi Hương túy.

Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vận dụng diệu lực thần thông bay lên hư không, đến núi Hương túy. Một bên của núi ấy có ao là dấu vết của bậc Thánh tên là Thiên Thủy, liền vào trong ao ấy tắm gội, rồi ngồi nơi đỉnh núi mở bát vàng ra, cơm trong bát ấy thơm ngon, hương sắc đầy đủ, biến thành thức ăn của hàng trời. Tôn giả Mục-kiền-liên ăn xong chợt có Thiên nữ dâng lên nước sạch, Tôn giả thọ nhận rồi, năm phần thân thể đều sạch sẽ, an tọa trên núi ấy buộc ý chuyên tâm nhập định, quán xét, suy nghĩ

lời nói của Đại Tự Tại thiên: "Vào thuở rất lâu xa, Phật mới xuất hiện ở đời trải qua hàng ngàn đời không thể biết được, trong trăm ngàn đời cũng không thể biết được. Trải qua hàng ức trăm ngàn đời cũng không thể biết được."

Tôn giả bèn ra khỏi thiền định đứng dậy đi đến núi Ma-tư-ấn-nại-la vào định, suy nghĩ cũng chẳng có thể biết. Lại đi vào hang động của núi chúa Ma-tư-ấn-nại-la cũng nhập định, suy nghĩ nhưng cũng chẳng thể biết được. Từ đó, đi qua bảy mươi ngọn núi, nhập định quán xét, tư duy cũng không thể nhận biết. Lại đến ba mươi hai châu, ngồi yên lặng suy nghĩ, mà cũng không thể biết được.

Tôn giả Mục-kiền-liên nói:

–Trí tuệ của Đại Tự Tại thiên kia, dù trong lời nói, ý nghĩ nhỏ nhất mà hàng Thanh văn và Bích-chi-phật cũng không thể biết được.

Tôn giả Mục-kiền-liên bèn nhất tâm nói với Trưởng lão Xá-lợi-phất:

–Tôn giả hãy lắng nghe, tôi ở đỉnh núi Côn lôn, thấy Thiên tử Đại Tự Tại, vị ấy đã nói với tôi: "Vào thuở xa xưa, lúc Đức Phật mới xuất hiện ở đời", đối với tôi ý nghĩ này hoàn toàn không thể nhận biết. Nay Tôn giả là bậc đầy đủ trí tuệ lớn, sâu xa vi diệu, tinh tế, trí của Tôn giả có thể nhận biết về số giọt mưa trong ba năm ba tháng, biết được số giọt nước nơi bốn biển lớn, biết được nẻo hành nơi tâm của mọi người trong bốn châu lớn. Do trí tuệ lớn như vậy, nên Tôn giả đối với ý nghĩa của lời nói ấy có thể hiểu biết được, xin Tôn giả Từ bi lược giải chỉ bày.

Trưởng lão Xá-lợi-phất nghe rồi liền nhập định, trải qua trăm ngàn vạn ức đời, tư duy việc này mà không thể nhận biết.

Lúc ấy, Trưởng lão Đại Ca-diếp nói với Trưởng lão Xá-lợi-phất:

–Pháp được Thiên tử Đại Tự Tại nêu bày, ý nghĩa rất là sâu xa vi diệu khó lường. Nếu Tôn giả đạt được diệu lực của Phật thì mới có thể biết. Còn chỉ dùng tự lực để suy xét thì khác nào cầm một tấc cỏ đo lường núi Tu-di.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp tự suy nghĩ: "Trong khoảng sát-na nhanh như ánh chớp có thể quán xét sự việc trong thời quá khứ lâu xa như ở trong lòng bàn tay, thì chỉ có trí lớn của Đức Phật mới nhận biết được".

Trưởng lão Đại Ca-diếp phát ra âm thanh thanh tịnh nói với Tôn giả Mục-kiền-liên:

–Nếu Thiên tử Đại Tự Tại tự thể hiện phép tắc mẫu mực, thì ở thế gian, cõi trời không ai có thể nhận biết được, chỉ có trí tuệ của Bậc Nhất Thiết Trí, trong ba cõi không ai sánh bằng mới có thể chứng biết. Vì sao? Vì Đức Phật Thế Tôn đối với tâm hành của tất cả chúng sinh thuộc căn cơ

thượng, trung, hạ hiện có, nơi đời quá khứ, hiện tại trong trăm ngàn ức hằng hà sa thế giới thảy đều có thể nhận biết rõ như xem vật nơi lòng bàn tay. Như vậy nên gọi là trí Nhất thiết trí.

Lúc này, các Tôn giả Mục-kiền-liên, Xá-lợi-phất, Đại Ca-diếp cùng đi đến chỗ Phật, nhiễu quanh Đức Thế Tôn rồi năm vóc gieo sát đất, nhất tâm cung kính và lui ra ngồi qua một bên.

Khi ấy, Đức Thế Tôn biết được tâm niệm của các vị Tôn giả nên nhìn họ rồi mỉm cười. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên tán thán công đức của Phật, mặt Phật đoan nghiêm như hoa sen vàng nở, dung nhan từ hòa vui vẻ, phước tướng sâu dày, hàng răng bằng khít, thân tướng đẹp đẽ, phóng ra ánh sáng lớn đủ các màu sắc, tỏa chiếu khắp thế gian, núi sông, hang động không đâu là không được chiếu sáng. Giả sử ánh sáng của trăm ngàn ức mặt trời, mặt trăng tụ hội lại thì cũng không thể sánh bằng. Đức Thế Tôn tuyên thuyết pháp vị giải thoát thấm nhuần khắp ba cõi, tất cả chúng sinh đều được lợi ích.

Tán thán như vậy rồi cung kính đảnh lễ, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hôm đó con mang bình bát đến cung trời Đại Tự Tại khất thực, lúc ấy Thiên tử Đại Tự Tại trông thấy liền đúng như pháp cúng dường thức ăn và nói: "Thuở rất xa xưa lúc Đức Phật mới xuất hiện ở đời", con đối với lời nói ấy hoàn toàn không thể thông đạt. Đức Phật là bậc đầy đủ Nhất thiết trí thì đối với tâm hành sai biệt của chúng sinh trong trăm ngàn vạn ức hằng hà sa số thế giới hiện có trong thế gian đều nhận biết rõ như xem vật nơi lòng bàn tay. Lưỡi của Đức Thế Tôn dài rộng che khắp diện, luân. Nguyện xin Đấng Mâu-ni giải quyết tâm nghi ngờ cho con.

Đức Thế Tôn bèn dùng Phạm âm vi diệu bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Ông hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ, Như Lai sẽ vì ông mà phân biệt, giải thích.

Thời ấy, vào thuở quá khứ xa xưa cách đây tám vạn bốn ngàn kiếp, lúc đó Đức Phật là Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, hiệu là Công Đức Hải, có một thành lớn cũng tên là Công đức hải.

Nơi đại thành ấy có một vị Bà-la-môn tên là Tịch Tĩnh, có hai người con, một tên Thương-ca, hai là Lỗ-chi dần dần trưởng thành, thông minh đều do chán ghét sinh tử nên làm lễ thưa với cha mẹ:

–Chúng con muốn vào núi để tu tập.

Cha mẹ không đồng ý nên bảo họ không được đi. Lại thưa với cha:

–Con phải nên tu tập đạo.

Thưa như vậy ba lần liền rời cha mẹ vào nơi hang núi, dựng am tranh làm chỗ nương thân, cách am khoảng mười một bước bên ngoài có một Bà-la-môn già tu theo pháp của bậc Tiên nhân. Lại có một người cũng trú gần đấy, tự tu hành. Nhân ngày lễ, bốn người tụ hội cùng hỏi thăm nhau, mỗi người đều nói về chỗ mong cầu, ưa thích của mình. Lỗ-chi hỏi vị Bà-la-môn già:

–Ông tu tập theo hạnh gì, nhằm cầu quả báo gì?

Vị Bà-la-môn tuổi cao đáp:

–Ta tu hành là để cầu được thân tướng như Phạm thiên sống hàng ngàn năm ở cõi trời.

Lại hỏi người tu hành ở gần bên:

–Ông tu theo hạnh gì, nhằm cầu quả báo như thế nào?

Vị ấy đáp:

–Tôi cầu làm chủ nơi ba cõi, thọ mạng hàng ngàn năm nơi cõi trời.

Đại tiên Thương-ca thì tự nói:

–Tôi cầu sống hàng ngàn năm nơi cõi trời, lại được mọi người ở thế gian yêu kính.

Tiên nhân Lỗ-chi vốn đầy đủ trí tuệ nên nói với những người kia:

–Sự mong cầu của ba người các ông thành tựu được quả báo của thế gian, còn chỗ mong cầu của tôi hiện nay là vì tất cả chúng sinh: từ loài hai chân, bốn chân, nhiều chân, không chân, loài có hình sắc, không có hình sắc, cho đến hàng căn cơ thượng, trung, hạ đang bị luân hồi trong thế gian đều khiến được giải thoát.

Như vậy, qua thời gian sau, từ trên cõi trời, Đức Phật Công Đức Hải cùng với vô số trăm ngàn ức chúng, nào Đế Thích, Phạm vương, hàng trời, người, phàm, thánh tùy tùng đang vây quanh trước sau. Đức Phật ấy an tọa trên tòa sen vàng, thân khoác y đỏ, mặt như vầng trăng tròn, phóng ra ánh sáng an lành gồm đủ màu sắc xanh vàng đỏ trắng, tỏa chiếu xuống mặt đất, soi sáng các chúng sinh khiến cho tâm họ đều được thanh tịnh. Bốn người tu hành kia liền đến trước chỗ Phật.

Lúc này, vị Bà-la-môn lớn tuổi dùng hoa cỏ cát tường trắng cúng dường nơi Phật, làm lễ đi quanh chỗ Phật rồi phát nguyện:

–Nhờ việc lành này của con, xin được làm chủ cõi Phạm thế, năm mặt đoan nghiêm, ban cho vô số chúng sinh được viên mãn mọi sở nguyện.

Tiếp theo, một vị Tiên nhân đem một thanh sắt để cúng dường Phật,

rồi dùng dầu thơm xoa lên chân Phật, sau đấy phát nguyện:

–Nhờ việc thiện này mà con xin sẽ được thân trời Na-la-diên, làm chủ tể ba cõi.

Tiếp đến là Tiên nhân Thương-ca, thắp ba cây đèn, bày ra ba cây kim, chí tâm cúng dường, phát nguyện:

–Nhờ việc hiến cúng ba cây đèn và ba cây kim này, nguyện được đầy đủ ba mắt và tay cầm cây chĩa ba, đời đời nguyện thường thực hành bố thí, làm chủ tể thế gian, được tám thứ tự tại, thành tựu mọi điều mong muốn, tâm thức thông đạt.

Khi ấy, Tiên nhân Lỗ-chi với búi tóc dài màu đỏ nơi đầu rất đẹp, liền xõa ra, trải trên đường và thưa Đức Thế Tôn:

–Xin Phật Từ bi giẫm lên tóc con mà đi qua.

Hai chân của Phật ở trong ba cõi đạt được điều chưa từng có, tức bên dưới bàn chân có tướng Thiên bức luân gồm có dấu cờ, dấu phướn, dấu chày kim cang, các tướng như vậy đều có hình hoa văn giống như bức họa thêu trang hoàng đẹp đẽ. Đức Phật bèn giẫm lên tóc đi ngang qua. Vị ấy phát nguyện:

–Nhờ việc thiện này, con xin sẽ được thành Phật để cứu độ tất cả chúng sinh trong các nẻo luân hồi.

Sau khi bốn người đều phát nguyện như vậy, thì vị Bà-la-môn tuổi cao, nhờ tu tập các điều thiện nên được thân Phạm vương, đầy đủ năm đầu mặt, làm chủ ba cõi, do dùng hoa cỏ cát tường cúng dường, nên nhận lấy quả báo là tay cầm Thiên phất. Vị tu hành tiếp theo do tu tập căn lành nên tích tụ phước vô tận, được thân trời Na-la-diên, nhờ cúng dường thanh sắt nên tay cầm bánh xe báu tên là Diệu hiện, có thể phá trừ tất cả hàng A-tu-la. Vị thứ ba là Tiên nhân Thương-ca, nhờ cúng dường ba ngọn đèn nên mặt có ba mắt, do cúng dường ba cây kim nên tay cầm cây chĩa ba, nhờ đi quanh Thế Tôn nên được thế gian yêu kính, đạt tám thứ tự tại, làm chủ thế gian, có thể hiểu rõ sự sinh diệt ở đời. Vị thứ tư là Lỗ-chi, nhờ trải tóc cúng dường, do nguyện lực này nên được xa lìa tham dục, ra khỏi ba cõi, thành tựu trí Nhất thiết trí, hiệu là Thiên Trung Thiên.

Đức Thế Tôn muốn lập lại ý nghĩa trên nên nói kệ:

Hoa cát tường tối thượng
Cúng dường rồi nhiễu quanh
Sẽ được thân Phạm vương
Làm chủ cõi Ta-bà.
Tướng năm mặt trang nghiêm

Tay cầm cây Thiên phất
Cúng sắt, đạt công đức
Làm trời Na-la-diên
Tay cầm vàng Diệu Hiện
Có thể phá Tu la.
Vị thắp ba ngọn đèn
Cúng dường ba cây kim
Nên mặt sinh ba mắt
Tay cầm cây chĩa ba.
Đại Tiên nhân Lỗ-chi
Trải tóc để cúng dường
Nhờ điều diệu thiện này
Sẽ được thành quả Phật.
Trời Tự Tại nhớ lại
Vô số kiếp quá khứ
Các vị ấy tu hành
Về sau sẽ thành Phật,
Xuất hiện ở thế gian
Thanh văn chẳng biết được
Chỉ có Phật vô thượng
Thấu tỏ nên phân biệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Mục-kiền-liên:

–Thiên tử Đại Tự Tại ấy có được thân như vậy rất là hy hữu. Vị đó từ cõi Phạm thiên hạ sinh xuống cõi người, khi ấy trong nghĩa địa có một nữ quỷ đói tên là Huyễn Hóa. Quỷ nữ ấy giao hợp với quỷ liền có thai, vị trời kia liền thác sinh vào trong bụng quỷ, sau đó mới sinh ra, mặt có ba mắt, thân có ánh sáng. Quỷ mẹ thấy thế rất sợ hãi bèn bỏ chạy. Do phước đức của vị trời kia nên ánh sáng chiếu tỏa khắp nghĩa địa. Lúc này, tất cả đám quỷ trông thấy ánh sáng như mặt trời liền sinh lòng nghi ngờ, sợ hãi, bèn hỏi:

–Ngươi là người gì?

Vị trời ấy đáp:

–Ta là Đại Tự Tại thiên, tên là Tự Sinh.

Các quỷ nghe vậy, nên cung kính, lễ bái, khen ngợi diệu lực thù thắng, tinh tấn, sắc tướng đẹp đẽ. Lại có Thiên nữ và các Phạm thiên cùng đến chiêm ngưỡng, thấy vị Phạm thiên kia đầy đủ năm đầu, trong đó có một đầu rất xấu xí, mọi người đều kinh sợ, lòng sinh bực bội bèn nói với

Đại Tự Tại thiên:

–Xin hãy vì chúng tôi mà cắt bỏ cái đầu xấu ấy.

Đại Tự Tại thiên bảo:

–Nếu cắt bỏ đầu kia thì sẽ khiến cho ta phạm tội giết Phạm thiên.

Thiên chúng lại nói:

–Như có tội lỗi thì chúng tôi sẽ xin chịu gánh lấy.

Khi ấy, Đại Tự Tại thiên chấp thuận tự biến thành con chim ưng lớn, dùng móng tay của mình ngắt bỏ một cái đầu. Do đó Đại Tự Tại thiên nơi tay của mình đã cầm lấy đầu Phạm thiên, tất cả hàng trời, người, Bà-la-môn thảy đều thấy biết.

Khi Phật giảng nói về điều này rồi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên… đều nhất tâm lắng nghe và hết sức hoan hỷ.

-oOo-

Số 595

KINH TA-MIỆT-NẴNG-PHÁP THIÊN TỬ THỌ TAM QUY Y KHỎI SINH VÀO ÁC ĐẠO

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Đại sư Pháp Thiên.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với đại chúng Tỳ-kheo đông đủ.

Lúc ấy, có một Thiên tử tên là Ta-miệt-nẵng-pháp sắp hết phước báo của hàng trời, mạng sống chỉ còn hơn bảy ngày, hiện rõ trước năm tướng suy, thân không còn oai đức, cấu uế sinh trở lại, vòng hoa trên đầu héo úa, các chi phần trong thân thể phát ra mùi hôi, do đó Thiên tử Ta-miệt-nẵng-pháp chẳng thích tòa ngồi cũ, lăn lộn trên đất, khóc lóc bi thảm, than thở:

–Khổ thay, khổ thay! Ao tắm Mạn-na-cát-nhĩ. Khổ thay, khổ thay! Ao tắm gội. Khổ thay, khổ thay! Xe báu và rừng rậm hoan hỷ trở thành xấu xí… Các vườn tược như vậy chẳng còn dạo chơi được nữa. Khổ thay, khổ thay! Hoa Phả-lý-da-đa-la-ca mãi mãi không còn hái được, mặt đất đủ các thứ báu mềm dịu không còn được giẫm lên. Khổ thay, khổ thay! Các kỹ nữ ở cõi trời đoan trang, xinh đẹp, thường theo hầu hạ, nay đều xa lìa.

Lúc này, có vị Thiên tử khác thấy sự việc như vậy, bèn đi đến chỗ của Đế Thích thưa:

–Thưa Thiên chủ! Thiên tử Ta-miệt-nẵng-pháp hiện rõ năm tướng suy thoái, mạng sống chỉ còn bảy ngày nữa, đang lăn lộn trên đất, gào khóc bi thương, than rằng: Khổ thay, khổ thay!… Thưa Thiên chủ! Con thấy sự việc này rồi, lòng rất thương xót nên đến để thưa lại.

Khi ấy, Thiên chủ Đế Thích vì lòng thương cảm nên đi đến chỗ Thiên tử Ta-miệt-nẵng-pháp, bảo:

–Này Thiên tử! Vì sao mà ông lăn lộn trên đất, than khóc bi thảm, nói những việc khổ làm cho người thấy động lòng thương xót?

Thiên tử Ta-miệt-nẵng-pháp nghe lời hỏi ấy, liền đứng dậy sửa lại y

phục, cung kính chắp tay thưa:

–Thưa Thiên chủ Đế Thích! Hiện nay mạng sống của con chỉ còn bảy ngày, sau khi chết sẽ bị đọa vào cõi Diêm-phù-đề, ở thành Vương xá, do nghiệp tạo từ đời trước nên bị làm thân heo.

Thưa Thiên chủ! Khi đã thọ thân ấy thì ở trong nhiều năm phải ăn uống đồ dơ bẩn, con thấy khổ như vậy nên rất buồn lo.

Thiên chủ Đế Thích nghe rồi, rất thương xót nên bảo với Thiên tử Ta-miệt-nẵng-pháp:

–Này Thiên tử! Ông có thể thành tâm quy y Tam bảo, nên nói lời như vầy:

Quy y Phật, Đấng Lưỡng Túc.
Quy y Pháp, bậc lìa dục.
Quy y Tăng, chúng tôn quý.

Lúc đó, Thiên tử Ta-miệt-nẵng-pháp vì sợ chết phải bị đọa vào loài súc sinh nên thưa với Đế Thích:

–Thưa Kiều-thi-ca! Hôm nay con xin nguyện:

Quy y Phật, Đấng Lưỡng Túc.
Quy y Pháp, bậc lìa dục.
Quy y Tăng, chúng tôn quý.

Thiên tử thọ tam quy y rồi, tâm luôn nhớ nghĩ đến Tam bảo, cho tới lúc mạng chung. Đối với pháp của chư Thiên, hàng trí tuệ thấp kém còn bị kiến chấp, không thể quán xét được.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế Thích quán xét xem vị Thiên tử kia sinh vào nơi chốn nào. Sinh vào thành lớn Vương xá, thuộc cõi Nam Diêm-phù-đề thọ thân heo chăng, hay chẳng thọ thân heo?

Đế Thích vận dụng hết Thiên nhãn để quán xét mà chẳng thấy, lại quan sát nơi cõi ngạ quỷ, súc sinh cũng không thấy. Lại quan sát cõi người ở thế giới Ta-bà cũng lại chẳng thấy, cho đến chư Thiên của cõi Tứ Thiên vương và trời Đao-lợi, xem xét hết thảy cũng đều không thể thấy. Lúc này Thiên chủ Đế Thích do không thấy nên sinh tâm nghi ngờ, bèn đi đến chỗ Đức Phật nơi rừng cây Kỳ-đà, đảnh lễ sát chân Phật, lui ra ngồi một bên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thiên tử Ta-miệt-nẵng-pháp hiện tại với năm tướng suy bày rõ, mạng sống chỉ còn bảy ngày, nên lăn lộn trên đất, gào khóc bi thương, nói lên các sự thống khổ, khiến người trông thấy đều cảm động.

Khi con đến đó thấy sự việc như vậy bèn hỏi:

–Vì sao Thiên tử buồn bã khóc lóc thảm thiết, vóc dáng tiều tụy như thế?

Thiên tử Ta-miệt-nẵng-pháp nói:

–Nay mạng sống của tôi chỉ còn bảy ngày, sau khi chết sẽ sinh vào thành Vương xá ở cõi Diêm-phù-đề, đọa làm thân heo, trong nhiều năm phải ăn uống những thứ dơ bẩn.

Con nghe như vậy, lòng rất thương xót mới bảo:

–Nay Hiền giả muốn thoát khỏi khổ ấy thì nên quy y Tam bảo, đọc lời như vầy:

Quy y Phật, Đấng Lưỡng Túc.
Quy y Pháp, bậc lìa dục.
Quy y Tăng, chúng tôn quý.

Khi ấy, Thiên tử Ta-miệt-nẵng-pháp vì sợ chết bị đọa làm súc sinh nên thưa:

–Nay con xin nguyện:

Quy y Phật, Đấng Lưỡng Túc.
Quy y Pháp, bậc lìa dục.
Quy y Tăng, chúng tôn quý.

Thiên tử Ta-miệt-nẵng-pháp thọ tam quy rồi sau đấy thì mạng chung.

Đế Thích thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nay con không biết Thiên tử Ta-miệt-nẵng-pháp kia thác sinh vào nơi chốn nào?

Đức Thế Tôn dùng Chánh biến tri bảo Đế Thích:

–Này Kiều-thi-ca! Thiên tử Ta-miệt-nẵng-pháp đã được sinh lên cõi trời Đâu-suất, hưởng thọ năm thứ dục lạc.

Thiên chủ Đế Thích nghe Phật nói rõ như vậy liền hết sức vui mừng, tâm ý thư thái, các căn sung mãn, liền ở trước Phật nói kệ:

Nếu quy y Thế Tôn
Thì chẳng đọa đường ác
Xả bỏ thân người rồi
Sẽ được thọ thân trời.
Nếu quy y chánh pháp
Chẳng đọa vào đường ác
Xả bỏ thân người rồi
Sẽ được thọ thân trời.
Nếu quy y Thánh tăng

Không đọa vào đường ác
Xả bỏ thân người rồi
Sẽ được thọ thân trời.

Đế Thích lại nói kệ tiếp:

Thành tâm quy y Phật
Chỗ người ấy đạt được
Hoặc ngày hoặc là đêm
Tâm Phật thường nhớ nghĩ.
Chí tâm quy y Pháp
Người ấy sẽ đạt được
Hoặc ngày hoặc trong đêm
Pháp lực thường gia hộ.
Thành tâm quy y Tăng
Người ấy sẽ đạt được
Hoặc ngày hoặc là đêm
Oai lực Tăng che chở.

Đế Thích nói kệ xong, Thế Tôn liền bảo:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Quy y Phật, Pháp, Tăng
Chắc chắn khỏi đường ác
Xả bỏ thân người xong
Sẽ được làm thân trời.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Nếu hai chữ Phật-đà
Phát ra từ trên lưỡi
Thì những người quy y
Không uổng phí một đời.
Nếu hai chữ Đạt-ma
Phát ra ở trên lưỡi
Những người đã quy y
Không uổng phí một đời.
Nếu hai chữ Tăng-già
Phát ra từ trên lưỡi
Thì những người quy y
Không uổng phí một đời.

Lại nói kệ:

Không biết danh hiệu Phật, Pháp, Tăng

Người ấy cuối cùng chẳng được gì
Ở mãi chốn sinh tử luân hồi
Như hoa Ca-thi giữa hư không.

Phật nói kinh này rồi, các chúng Tỳ-kheo, trời Đế Thích... tất cả đại chúng đều vui mừng tin thọ, đảnh lễ và lui ra.

-oOo-

Số 596

PHẬT THUYẾT THIÊN VƯƠNG THÁI TỬ TÍCH-LA KINH

Hán dịch: Đời Tần, Tăng Hựu sao lục.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy Thái tử của Thiên vương tên là Tích-la, từ trên trời bay xuống chỗ Phật, cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, rồi đứng yên chắp tay thưa:

–Người khắp thế gian đều mong cầu thức ăn, y phục bảy thứ báu, các thứ vui thích, quan chức, đất nước, nhưng lẽ nào chẳng có người dốc cầu hạnh chân thật chăng?

Đức Thế Tôn khen:

–Ngươi hỏi thật có ý nghĩa.

Cũng có người mong cầu đất nước, châu báu lại cũng có người dốc lòng mong cầu các hạnh.

Tích-la lại hỏi:

–Người mong cầu các hạnh đạt được nguyện vừa ý, nghĩa ấy là thế nào?

Đức Phật dạy:

–Có hai hạnh: Hạnh lành thì có phước, hạnh ác thì tai ương, phước họa theo người như hình theo bóng.

Tích-la thưa:

–Lành thay, lành thay! Đúng như lời Phật dạy.

Nhớ lại đời trước của con làm vua ở đời, nghĩ xét mạng sống vô thường, tâm muốn bố thí nên tụ họp quần thần bảo:

–Ta muốn làm một cái trống lớn, khiến cho âm thanh truyền xa khắp trăm dặm, ai có thể làm được việc này?

Các quan đều thưa:

–Chúng thần không thể làm được.

Có một vị quan tên là Khuông Thượng, luôn trung thành với vua, thương yêu cứu giúp muôn dân, liền tâu:

–Thần có thể làm được việc đó, nhưng phải cần có tiền chi phí.

Vua bảo:

–Rất tốt.

Nhà vua liền mở kho tàng giao cho người ấy.

Khuông Thượng chở của báu đến cửa cung vua, đánh trống rao:

–Hôm nay đức vua nhân từ, thương xót bố thí, muốn cứu giúp cho dân chúng nghèo cùng, khổ cực và cúng dường các thứ y phục, thức ăn cho đạo sĩ. Nếu ai thiếu thốn nên đến cửa cung của vua.

Người nghèo thiếu khắp các nước cùng mang, cõng, giúp nhau đến đầy đường chật nẻo, ngửa mặt lên trời khen:

–Muôn dân bần cùng nay được sống lại!

Một năm sau nhà vua có chiếu:

–Trống đã làm xong chưa?

Quan Khuông Thượng đáp:

–Đã xong rồi.

Vua bảo:

–Vì sao không nghe tiếng trống ấy?

Vị quan thưa:

–Nguyện xin đấng Minh vương chịu hạ thánh thể ra khỏi cung, đi khắp trong nước để nghe tiếng trống Phật pháp, âm thanh vang động khắp mười phương.

Vua liền sửa soạn xa giá rồi đi khắp đất nước, gần gũi dân chúng.

Vua bảo:

–Dân chúng đông đúc chăng?

Vị quan tâu:

–Trước đây bệ hạ ra lệnh cho hạ thần làm trống lớn, khiến cho tiếng vang đến trăm dặm, là muốn để tuyên dương công đức, tiếng đồn khắp bốn phương xa. Thần nghĩ: "Cây khô da chết không thể tuyên dương vinh dự phước đức của vua, thần đã nhận của báu, đem y phục, thức ăn, cung cấp cho các Sa-môn, Phạm chí và cứu giúp dân chúng nghèo cùng, thiếu thốn trong cả nước, truyền rao khắp nơi, các nước lân cận đều quy thuận, hưởng nhờ, giống như đứa con đói khát gặp được mẹ hiền."

Vua hỏi dân chúng:

–Các ngươi từ đâu đến?

Muôn dân cúi đầu thưa:

–Từ một trăm dặm, hai trăm dặm… ngoài vạn dặm đến.

Tất cả đều tâu với vua:

–Thưa đấng Minh vương! Ân đức của nhà vua thấm nhuần khắp các cõi, do đó chúng con bỏ nước cũ đến đây sinh sống, ái mộ lòng từ của bệ hạ đã cứu giúp chúng con.

Vua nói:

–Hay thay, hay thay! Đây là mệnh lệnh của ta, sự bất an của đất nước giống như thân có bệnh, ta cứu họ bằng thuốc, quần thần nuôi họ bằng cháo.

Vua bảo:

–Theo nhu cầu của muôn dân thì cứ mặc tình cho họ, không cần tâu xin.

Sau khi nhà vua qua đời, thần thức sinh lên cõi trời làm Thiên Diệu vương. Khi tuổi thọ hết thì sinh xuống thế gian làm Chuyển luân thánh vương, chỗ ở ra vào an ổn, nhà vua có đầy đủ bảy báu. Hôm nay lại sinh lên trời làm thái tử của Thiên vương. Sở dĩ được như vậy là nhờ thân trì giới, cứu giúp chúng sinh, phụng hành giới pháp của Phật, hành động của thâm tâm đều đúng đắn, hoàn toàn đạt được phước ấy.

Đức Phật bảo Thái tử Tích-la:

–Phàm là người tạo tác hành động như bóng theo hình, như âm vang theo tiếng đều được đáp lại.

Thái tử Tích-la nghe lời Phật dạy rồi, hoan hỷ làm lễ và lui ra.

-oOo-

Số 597

KINH LONG VƯƠNG HUYNH ĐỆ

Hán dịch: Đời Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, có vô số Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán. Cư sĩ A-nan-bân-đê đi đến chỗ Đức Phật, làm lễ rồi lui ra ngồi một bên.

Đức Phật dạy:

–Làm người phải biết Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ.

A-nan-bân-đê nghe rồi hoan hỷ, liền đứng dậy bạch Phật:

–Sáng mai con xin thỉnh Đức Phật và chúng Tăng ban đức đến nhà của con dùng bữa cơm đạm bạc.

Đức Phật im lặng nhận lời. A-nan-bân-đê đi quanh chỗ Đức Phật ba vòng rồi lui ra.

Đức Phật bảo với chúng Tỳ-kheo:

–Sáng mai ta sẽ lên cõi trời, đến trưa mới về lại, hẹn gặp các ông ở tại nhà thí chủ A-nan-bân-đê. Chỉ trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, Đức Phật liền trụ giữa hư không.

Có vị A-la-hán tên là Tu-đàn, sửa lại y phục ngay thẳng, ở giữa hư không quỳ gối bạch Phật:

–Con thường lên xuống, nhưng chưa từng thấy tối tăm như ngày hôm nay?

Đức Phật dạy:

–Có hai Long vương, do giận dữ nên tạo mọi sự biến hóa, phun hơi làm mây.

Lại có La-hán tên Ái-ba bạch Phật:

–Con muốn đi ngăn việc đó lại.

Đức Phật dạy:

–Hai con rồng này có oai thần lớn, ông đi chắc sẽ khiến chúng khởi tâm ý xấu ác, dâng nước làm chết muôn dân trong thiên hạ.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền sửa lại y phục ngay thẳng, quỳ gối giữa hư không thưa Phật:

–Hôm nay vì sao trời đất tối tăm, không nhìn thấy núi Tu-di, cung điện Đế Thích và cây Viên sinh?

Đức Phật dạy:

–Có hai vua rồng, một tên là Nan-đầu, hai tên là Hòa-nan, vô cùng giận dữ nói rằng: "Những Sa-môn nào muốn bay qua chạm lên đầu của ta? Thân của rồng có thể quấn quanh núi Tu-di bảy vòng, dùng đầu che lên núi ấy rồi phun ra hơi, tạo thành mây mù, khiến trời đất tối tăm."

Tôn giả Mục-kiền-liên thưa Phật:

–Con muốn đến đó quở trách và ngăn việc ấy lại.

Đức Phật dạy:

–Rất tốt!

Tôn giả Mục-kiền-liên bèn đi nhiễu quanh chỗ Đức Phật ba vòng rồi bay đi. Thích Đề-hoàn Nhân cùng với tám vạn tám ngàn ngọc nữ, ở sau vườn hoa đang cùng nhau dạo chơi vui thích. Trước hết Tôn giả Mục-kiền-liên đi qua chỗ ấy, Đế Thích nghênh đón Tôn giả, cúi đầu làm lễ thăm hỏi xong, Tôn giả mới đi đến chỗ hai vua rồng.

Hai vua rồng thấy Tôn giả thì nổi giận, liền biến hóa ra khói, trong giây lát lại biến ra lửa. Tôn giả Mục-kiền-liên liền nhờ thần lực của Phật cũng biến hóa ra khói lửa quấn quanh thân hai rồng ba lớp. Trước tiên, Tôn giả Mục-kiền-liên phân thân nhập vào trong thân hai rồng, vào mắt bên phải thì ra mắt bên trái, vào mắt bên trái lại ra mắt bên phải, vào tai bên phải thì ra tai bên trái, vào tai bên trái lại ra tai bên phải, vào mũi bên phải thì ra mũi bên trái, vào mũi bên trái lại ra mũi bên phải, bay vào trong miệng của chúng. Hai con rồng là Tôn giả Mục-kiền-liên ở trong bụng của mình, Tôn giả Mục-kiền-liên cũng hóa làm thân rồng quấn quanh thân chúng đến mười bốn lớp, dùng đầu che phủ núi Tu-di và hai con rồng. Hai rồng run sợ động đến núi Tu-di, bèn dùng đuôi quạt tát nước biển, khiến cho trăm loài thú sợ hãi.

Đức Phật từ xa bảo Tôn giả Mục-kiền-liên:

–Hôm nay con rồng ấy có thể sẽ tuôn ra nước lớn làm chìm ngập thiên hạ, ông hãy nên dừng lại.

Tôn giả Mục-kiền-liên thưa:

–Con theo Đức Phật, đã nghe và biết rõ pháp ấy, con có bốn Thần túc, luôn tin giữ hành hóa, nên có thể bắt lấy hai con rồng này và núi Tu-di đặt trong lòng bàn tay, bay qua các cõi thiên hạ khác, cũng có thể chà nát núi Tu-di khiến cho vụn ra như bụi, lại có thể mài núi Tu-di bằng như mặt đất, mà muôn người chẳng hay biết.

Hai rồng sợ hãi, cúi đầu, Tôn giả Mục-kiền-liên hiện trở lại thân Sa-môn, hai con rồng thì hóa làm người, vì Tôn giả Mục-kiền-liên mà làm lễ sám hối, ăn năn. Tôn giả Mục-kiền-liên bèn đem chúng đến chỗ Đức Phật.

Hai rồng thưa:

–Chúng con vì ngông cuồng, mê lầm chẳng biết uy thần của bậc tôn thượng, xúc phạm, làm chấn động, hết sức buồn bã vì tội lỗi ban đầu của mình.

Chúng liền thọ lãnh năm giới rồi cáo từ ra đi.

Cư sĩ A-nan-bân-đê đi đến tinh xá tìm Đức Phật và chúng Tăng, nhưng không thấy một người nào, liền quỳ xuống bạch Phật:

–Thức ăn con đã bày biện trang nghiêm, Đức Thế Tôn có thể tự chứng biết.

Đức Phật từ nơi hư không hạ xuống, đi đến nhà ông ấy, thọ thực xong, A-nan-bân-đê thưa:

–Con tìm Đức Phật mà chẳng thấy, vậy Đức Thế Tôn từ nơi nào đến?

Đức Phật dạy:

–Tôn giả Mục-kiền-liên cùng hai vua rồng đánh nhau, ta vừa từ trên trời xuống.

A-nan-bân-đê hỏi:

–Ai thắng, thua Đức Thế Tôn?

Đức Phật đáp:

–Mục-kiền-liên.

A-nan-bân-đê khen:

–Lành thay, lành thay! Rồng này vốn trì giới kiên cố, về lỗi lầm ấy chỉ là rất nhỏ đối với rồng, nhờ oai thần tôn quý của Đức Thế Tôn mà Tôn giả Mục-kiền-liên mới hàng phục được chúng. Con từ ngày hôm nay xin cung thỉnh Đức Phật và chúng Tăng, tuyên dương công đức của Tôn giả Mục-kiền-liên.

Đức Phật chú nguyện cho thí chủ A-nan-bân-đê:

–Ông trước sau cúng dường cơm cho Phật và chúng Tăng thì đắc được đạo quả, sẽ được các thiện thần hộ trì cho gia đình ông luôn an ổn.

Cư sĩ A-nan-bân-đê nghe rồi thì rất hoan hỷ đảnh lễ và lui ra.

-oOo-

Số 598

PHẬT THUYẾT HẢI LONG VƯƠNG KINH

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

QUYỂN 1

Phẩm 1: Hạnh

Nghe như vầy:

Một thuở, Đức Phật ở trên núi Linh thứu tại thành Vương xá cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm tám ngàn vị, một vạn hai ngàn vị Bồ-tát và tất cả đại Thánh từ mười phương đến hội đủ. Các vị ấy đầy đủ cả đức, được các tổng trì, hiểu biết rộng rãi, biện tài chí chân, giải quyết được tất cả nghi ngờ, vào đại thần thông, phân biệt nghĩa tuệ các Độ vô cực, qua đến bờ kia, bậc Khai sĩ thông suốt, định ý chánh thọ, các Đức Phật ngợi khen, đi khắp mọi khu vực khác, đi bằng thần túc, hàng phục hóa độ chúng ma, phân biệt các pháp biết đúng như nguồn gốc chân thật, nhìn thấy căn nguyên của tất cả chúng sinh, tích lũy đạo phẩm, ở trong tám pháp của thế gian mà không chấp trước, dùng đại Từ bi trang nghiêm thân miệng ý, mặc áo giáp vô cực, vượt qua đại tinh tấn ở vô số kiếp mà chẳng chán mệt, làm tiếng gầm sư tử khai hóa ngoại đạo, dùng không thoái chuyển in dấu ấn chân như, hiểu rõ pháp tạng thâm yếu của chư Phật.

Những vị ấy tên là Bồ-tát Sơn Quang, Bồ-tát Tuệ Sơn, Bồ-tát Đại Minh, Bồ-tát Tổng Trì Sơn Cương, Bồ-tát Sơn Khải Vương, Bồ-tát Sơn Đỉnh, Bồ-tát Sơn Tràng, Bồ-tát Sơn Vương, Bồ-tát Thạch Ma Vương, Bồ-tát Lôi Âm, Bồ-tát Vũ Vương, Bồ-tát Bảo Vũ, Bồ-tát Bảo Anh, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Bảo Tạng, Bồ-tát Bảo Minh, Bồ-tát Bảo Tràng, Bồ-tát Bảo Đỉnh, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Bảo Xướng, Bồ-tát Bảo Nghiêm, Bồ-tát Bảo Thủy, Bồ-tát Bảo Quang, Bồ-tát Bảo Khải, Bồ-tát Bảo Hiện, Bồ-tát Bảo Tạo, Bồ-tát Lạc Nghiêm Pháp, Bồ-tát Tịnh Vương, Bồ-tát Nghiêm Đỉnh Tướng, Bồ-tát Kim Quang Sức, Bồ-tát Bảo Kế, Bồ-tát Thiên Quân, Bồ-tát Thiên Quang, Bồ-tát Nguyên Diệm, Bồ-tát Chiếu Muội, Bồ-tát

Nguyệt Biện, Bồ-tát Phát Ý Chuyển Pháp Luân, Bồ-tát Kim Quang Tịnh, Bồ-tát Thường Thí Vô Úy... một vạn hai ngàn vị Bồ-tát, công đức đều như vậy.

Ở trong kiếp Hiền, Đại sĩ Di-lặc với sáu mươi đại thánh như Nhuyễn Thủ... và mười sáu vị Chánh sĩ giải thoát phiền não chẳng thể nghĩ bàn... Đế Thích, Tứ Thiên vương cùng dân chúng cõi trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-thuật, trời Bất kiêu lạc, trời Hóa tự tại, Đạo sư Ma tử, vua trời Phạm, vua trời Phạm tịnh, vua trời Thiện phạm, vua trời Phạm cụ túc, trời Đại thần diệu, trời Tịnh cư, trời Ly cấu quang cho đến trời Nhất thiện, trời Yến cư, trời Vô thiện thần... Họ đều cùng với sáu vạn quyến thuộc, vua thần Sơn thọ với bốn vạn hai ngàn quyến thuộc, vua thần lực sĩ, còn tên là Trì Hoa với ba vạn hai ngàn quyến thuộc cùng với thần Hương âm, vua rồng Vô phần cùng với bảy vạn hai ngàn các rồng, vua chim cánh vàng bốn phương và tất cả các đại tôn thần khác...

Trời, rồng, quỷ thần, thần Vô thiện, vua thần Phượng hoàng, vua thần Sơn thọ, thần Điềm nhu... đều cùng với quyến thuộc đi đến chỗ Đức Phật cúi đầu lễ bái xong đứng sang một bên. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, thiện nam, tín nữ, làm lễ Đức Phật, rồi đều ngồi sang một bên.

Khi đó, Đức Phật cùng với ngần ấy trăm ngàn chúng theo hầu vây quanh. Đức Phật ngồi trên tòa Sư tử cao rộng mà chư Thiên đã nghiêm tịnh, vì bốn bộ chúng giảng nói pháp. Đức Phật ở giữa chúng như núi chúa sừng sững, rực sáng hiện lên ở biển cả, đức Ngài vượt chư Thiên, thế gian, không ai sánh nổi, ánh sáng lồng lộng không đâu chẳng soi đến. Khi uy lực của Đức Như Lai ứng biến thì ở không trung hóa ra lọng báu với mọi thứ báu trang sức xen nhau che khắp bốn phương, vô số trăm ngàn chuỗi ngọc buông xuống, ánh sáng ngọc báu xanh vàng đỏ trắng sáng sạch soi khắp hư không, ánh sáng của ngọc, từ ngọc phát ra, màu sắc của nó nhiều không lường, chẳng thể xưng kể, mưa xuống những hoa thơm, hoa ngập đến đầu gối, ở trong hư không phát ra tiếng sấm lớn, mưa xuống đủ loại hương quý. Đến đây, Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, nương Thánh chỉ Đức Phật, hỏi Đức Phật:

–Sự cảm động hôm nay con chưa từng nghe thấy! Đây là điềm lành gì?

Đức Phật dạy:

–Này Mục-liên! Hôm nay, Long vương muốn đến yết kiến Phật nên trước hiện điềm lành này.

Lời Đức Phật chưa xong, tức thời Long vương cùng bảy mươi hai ức

thể nữ, tám mươi tư ức quyến thuộc đều mang theo hoa thơm, cờ phướn, lọng, trăm ngàn nhạc cụ đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu xong, nhiễu quanh bảy vòng, đem đồ mang theo của từng người tung lên trên Đức Phật và tấu âm nhạc cúng dường, rồi cùng với quyến thuộc trong cung đều đứng trước Đức Phật, dùng kệ khen:

Thí từ xót thương đời
Cùng mắt đời thị hiện
Tuy sinh ở thế gian
Như hoa sen không đắm.
Thí yên ổn thế gian
Ở đời soi ba đời
Hiểu pháp như mặt trời
Cúi lạy Đấng Tối Thượng
Mười lực vượt thí, giới
Quyến thuộc tự điều phục
Thiêu trừ tối trần lao
Điều chúng như ngựa thuần.
Ban cho bảy của lớn
Chúng sinh thêm ân từ
Làm cha mẹ tất cả
Cúi lạy Đấng Phước Điền!
Tướng chặng mày sáng chói
Như mặt trời sáng trong
Người ở trên trời Phạm
Không thể nhìn đỉnh Ngài.
Mặt Phật phát hào quang
Nhờ ánh sáng được yên
Soi khắp trăm ngàn nước
Tận cùng ngục Vô gián
Lời êm dịu vô cực
Nghi kết giải quyết thông
Tiếng thanh tịnh vô cấu
Cùng khắp trời, thế gian
Trừ tham, sân, si tối
Soi bằng ánh trí tuệ
Cho an khiến hoan hỷ
Và thị hiện giải thoát.
Hiểu thông suốt ba đời

Sánh cầu không ai bằng
Người biết hạnh chúng sinh
Rõ con đường ác lành.
Quan sát căn nguyên người
Cùng lúc đều nhìn thông
Mở lòng khiến giải thoát
Cúi lạy Đấng Tuệ Thượng!
Các ma trăm ngàn ức
Đến cây, cầu Thế Tôn
Uy thần, nguyện công đức
Hàng phục, hóa tâm tà.
Chẳng sân, chẳng nhàm chán
Lực Từ bi dẫn đường
Cúng dường Đấng Tôn Quý
Ai dám lười, kiêu căng?
Quán pháp không thật có
Ví chúng như hư không
Như chớp, mù, bèo bọt
Huyễn hóa, cùng sóng nắng
Vốn không, duyên nhau có
Xé không ngã, ngã sở
Tuệ bày pháp sinh tử
Nên chớ chẳng cúng dường.
Sở dĩ vô số kiếp
Ức ức kiếp tu hành
Cúng dường hàng ức vạn
Chẳng thể kể Thế Tôn.
Bố thí, Trì giới, Nhẫn
Tinh tấn, Thiền định, Tuệ
Nguyện Ngài đã đầy đủ
Cúi lạy Đấng Đại Hùng.

Đến đây, vua rồng biển nói kệ khen Đức Phật này xong, ở trước Đức Phật bạch rằng:

–Con có điều muốn thưa hỏi! Nếu Ngài cho phép thì con mới dám trình bày!

Đức Phật nói:

–Điều ông hỏi, nếu có nghi ngờ thì Như Lai sẽ vì ông giảng nói đầy

đủ!

Long vương thấy Đức Phật cho phép thì mừng rỡ hỏi:

–Sao gọi là Bồ-tát trừ các đường ác?

Sao gọi là Bồ-tát vượt ra các nạn?

Sao gọi là Bồ-tát sinh chư Thiên, nhân gian?

Sao gọi là Bồ-tát chẳng lìa các Đức Phật?

Sao gọi là Bồ-tát được gặp bạn lành?

Sao gọi là Bồ-tát thường trụ yên ổn?

Sao gọi là Bồ-tát luôn dốc lòng tin?

Sao gọi là Bồ-tát nhiều hoan hỷ hộ trì?

Sao gọi là Bồ-tát tế độ mọi nhân duyên?

Sao gọi là Bồ-tát lớn thêm thiện pháp?

Sao gọi là Bồ-tát vui mừng tạo cội gốc đức?

Sao gọi là Bồ-tát luôn vui với nghĩa?

Sao gọi là Bồ-tát chẳng nhiễm trước năm ấm?

Sao gọi là Bồ-tát luôn ưa thích pháp?

Sao gọi là Bồ-tát vui với pháp lạc?

Sao gọi là Bồ-tát nghe không chán?

Sao gọi là Bồ-tát thưa thỉnh việc lợi ích quán sát nghĩa?

Sao gọi là Bồ-tát nghe có thể phụng hành?

Sao gọi là Bồ-tát đủ đức xuất gia?

Sao gọi là Bồ-tát lìa chỗ ở thuận với giới?

Sao gọi là Bồ-tát bỏ gánh nặng?

Sao gọi là Bồ-tát thường ở dưới gốc cây?

Sao gọi là Bồ-tát ưa chỗ nhàn tịnh?

Sao gọi là Bồ-tát ở chỗ yên một mình?

Sao gọi là Bồ-tát lìa các dua nịnh?

Sao gọi là Bồ-tát đủ tuệ xuất gia?

Sao gọi là Bồ-tát vào pháp thâm yếu?

Sao gọi là Bồ-tát quán pháp như huyễn?

Sao gọi là Bồ-tát chẳng rơi vào đoạn kiến?

Sao gọi là Bồ-tát chẳng rơi vào thường kiến?

Sao gọi là Bồ-tát vượt pháp nhân duyên?

Sao gọi là Bồ-tát vượt các tà kiến?

Sao gọi là Bồ-tát thần thông tự an lạc?

Sao gọi là Bồ-tát được sáu thông?

Sao gọi là Bồ-tát được tuệ thông?

Sao gọi là Bồ-tát lậu tận thần đạo?

Sao gọi là Bồ-tát hiện Từ bi không ngăn ngại?

Sao gọi là nhận thức của Bồ-tát không ngại?

Sao gọi là Bồ-tát hiểu rõ sự vận hạnh của tâm chúng sinh?

Sao gọi là Bồ-tát tạo tác không chán đủ?

Sao gọi là Bồ-tát phân biệt lời dạy bảo cho người giáo hóa?

Sao gọi là Bồ-tát hàng phục ma oán?

Sao gọi là Bồ-tát lìa khỏi các sợ sệt?

Sao gọi là Bồ-tát ngăn người thoái chuyển?

Sao gọi là Bồ-tát được không thoái chuyển?

Sao gọi là Bồ-tát chứng được Nhẫn bất khởi?

Sao gọi là Bồ-tát qua khỏi các tịnh?

Sao gọi là các hạnh Bồ-tát thanh tịnh?

Sao gọi là Bồ-tát được Đức Thế Tôn thọ ký?

Đức Phật khen:

–Hay thay, hay thay! Này Hải Long vương! Chỉ có ông mới hỏi Như Lai những nghĩa như thế này! Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ những vấn đề đó!

Long vương thưa:

–Thưa vâng, Đức Thế Tôn! Con nguyện ưa muốn nghe!

Đức Phật dạy rằng:

–Bồ-tát có bốn việc bỏ các đường ác! Những gì là bốn?

1. Bồ-tát, tâm không làm hại.

2. Đối với chúng sinh luôn hộ trì mười đức.

3. Chẳng nói sai sót của người cũng chẳng khinh mạn.

4. Tự xét lỗi mình chẳng nói cái xấu của kẻ khác.

Đó là bốn.

Lại có bốn việc vượt qua các nạn. Những gì là bốn?

1. Thường khen Tam bảo, Phật, Pháp, Thánh chúng.

2. Có người ưa pháp mà chẳng nhiễu loạn.

3. Chẳng tạo sự nghi ngờ cho người.

4. Có kẻ do dự thì mở đường dẫn lối cho họ.

Đó là bốn.

Lại có bốn việc sinh lên chư Thiên, nhân gian. Những gì là bốn?

1. Chẳng bỏ tâm đạo.

2. Lại dạy người khác cũng chẳng hủy giới.

3. Tâm nguyện thanh tịnh.

4. Vì người nói kinh mà phát tâm Từ bi lớn.

Đó là bốn.

Lại có tám việc chẳng lìa khỏi chư Phật. Những gì là tám?

1. Thường nhớ nghĩ chư Phật.

2. Cúng dường Như Lai.

3. Khen ngợi Thế Tôn.

4. Tạo hình tượng Đức Phật.

5. Khuyến hóa chúng sinh khiến cho họ thấy Như Lai.

6. Hướng về phương hướng nghe có danh hiệu Phật. Nguyện sinh về nước Phật đó.

7. Chí chẳng khiếp nhược.

8. Thường ưa chánh tuệ vi diệu của Phật.

Đó là tám việc.

Lại có bốn việc được gặp bạn lành. Những gì là bốn?

1. Chẳng kiêu mạn, không dua nịnh.

2. Thường thêm cung kính.

3. Lời nói thuận nhu hòa mà chẳng tự đại.

4. Thường nhận lấy lời dạy bảo.

Đó là bốn việc.

Lại có ba việc luôn ở chỗ yên ổn. Những gì là ba?

1. Chẳng cứng nhắc chẳng tạo tác mà chẳng dua nịnh.

2. Trừ các tham, ganh ghét.

3. Thấy người được cung cấp thay họ vui mừng.

Đó là ba việc.

Lại có năm việc thường dốc lòng tin. Những gì là năm?

1. Thông đạt ưa lực giải thoát.

2. Tích chứa lực công đức.
3. Nhập vào lực báo ứng.
4. Noi theo lực đạo tâm.
5. Đem theo lực ngự pháp.
Đó là năm việc.
Lại có hai việc nhiều chỗ hoan hỷ hộ trì. Những gì là hai?
1. Chẳng xả hoan hỷ.
2. Chẳng ở tại sân hận.
Đó là hai việc.
Lại có hai mươi việc hộ trì mọi nhân duyên. Những gì là hai mươi?
1. Luôn tin lời Phật dạy.
2. Chẳng chấp trước duyên khác.
3. Việc mình làm tự bảo hộ.
4. Người khác làm người khác chịu.
5. Pháp pháp tương ưng.
6. Pháp pháp soi nhau.
7. Thiện ác báo ứng.
8. Không loạn chẳng thuận.
9. Lòng không tưởng niệm.
10. Không ngã không nhân.
11. Đều không thật có.
12. Cũng không qua lại.
13. Không chỗ đi về.
14. Trừ nhân duyên quả báo.
15. Do tội phước an nguy.
16. Hộ trì các duyên.
17. 18. Các Đức Phật Thế Tôn đều do thanh tịnh mà thành đạo.
19. 20. Trừ mọi việc ác nên chúng ta tu hành gốc thiện.
Đó là hai mươi việc.
Lại có hai việc lớn thêm pháp lành. Những gì là hai?
1. Biết đến ba phẩm.
2. Tu hành không buông lung.
Đó là hai việc.

Lại có hai việc nữa. Những gì là hai?

1. Vui mừng tạo cội gốc đức.

2. Cũng chẳng tưởng đến báo đền.

Đó là hai việc.

Lại có năm việc thường vui với nghĩa. Những gì là năm?

–Chẳng đắm trước sắc, thanh, hương, vị, xúc. Đó là năm.

Lại có năm việc luôn ham thích pháp. Những gì là năm?

–Chẳng tham sắc, thọ cho đến được trí tuệ, ủng hộ tất cả. Đó là năm.

Lại có sáu việc luôn vui với pháp. Những gì là sáu?

1. Vui với năm căn, chẳng ưa năm dục.

2. Thường vui pháp hội, chẳng ưa bàn luận về thế gian.

3. Ưa giảng nói kinh, chẳng ưa ăn mặc.

4. Thường ưa quán pháp, chẳng ưa bất tịnh.

5. Ưa tu theo pháp, chẳng ưa văn tự.

6. Ưa pháp của Phật, chẳng ưa pháp của Thanh văn, Duyên giác.

Đó là sáu việc.

Lại có tám việc ưa thích pháp lạc. Những gì là tám?

1. Ưa giảng Phật đạo, chẳng ưa thấp hèn.

2. Ưa Độ vô cực, chẳng ưa đạo Thanh văn, Duyên giác.

3. Ưa khen bốn ân, chẳng ưa phi pháp.

4. Ưa đại Từ bi, chẳng ưa việc đời.

5. Ưa nói đại đạo, chẳng ưa pháp đầu tiên hay cuối cùng.

6. Ưa giảng gốc duyên khởi pháp sâu xa, chẳng ưa thường, vô thường, ngã, nhân, thọ mạng.

7. Ưa pháp chân đế Không, Vô tướng, Vô nguyện, chẳng ưa hý luận lìa tưởng phóng dật.

8. Ưa cõi nước Phật trang nghiêm, chẳng ưa quán đoạn diệt. Đó là tám việc.

Lại có năm việc để nghe không nhàm chán. Những gì là năm?

1. Học rộng lợi cho trí tuệ, đối với điều minh đạt nghe không nhàm chán.

2. Nghe khắp chẳng lười, giải quyết các hồ nghi nghe không nhàm chán.

3. Nhờ nghe lại hiểu rõ phiền não sân hận nên không nhàm chán.

4. Nhờ nghe đoạn trừ dục mà trừ tất cả những chấp trước cấu uế của chúng sinh nên không nhàm chán.

5. Nhờ nghe dũng mãnh, giải quyết tất cả nghi ngờ nên không nhàm chán.

Đó là năm việc.

Lại có hai việc quan sát nghĩa cầu nghe chẳng mệt? Những gì là hai?

1. Dấy khởi hạnh chánh kiến của Hiền thánh.

2. Được cốt yếu của Tổng trì vô ngại biện.

Đó là hai việc.

Lại có mười việc để nghe có thể phụng hành. Những gì là mười?

1. Lợi biết nhàm chán ở nơi nhàn nhã.

2. Thân miệng tâm tịch tĩnh, tiến dừng an tường.

3. Điều nghe được đều quán thanh tịnh.

4. Ở một mình ít việc, chẳng ưa sự huyên náo.

5. Đầu đêm cuối đêm thường quán tinh tấn.

6. Kính trọng bạn lành.

7. Để tâm đến điều xấu hổ.

8. Thường đem lòng thương bảo hộ cho tất cả.

9. Thiền định Hiền thánh bình đẳng, phước đức đầy đủ.

10. Dùng bố thí cứu hộ trên trời và thế gian.

Đó là mười việc.

Lại có năm việc để đủ đức xuất gia. Những gì là năm?

1. Việc làm đã thành chẳng quên mất nữa.

2. Diệt trừ kết sử phiền não.

3. Tâm ấy phải bỏ tất cả các chấp trước.

4. Đối với các Đức Phật Thế Tôn chẳng nói lỗi lầm.

5. Đã được giải thoát, thấy những người bị trói buộc vì họ nói pháp giải thoát.

Đó là năm việc.

Lại có năm việc để xuất gia thuận theo giới cấm. Những gì là năm?

1. Thuận theo giới pháp, cứu tế người hủy giới.

2. Thuận theo các điều đã nghe, cứu tế người ít nghe.

3. Thuận các định ý cứu tế người loạn tâm.

4. Thuận các trí tuệ cứu tế người ác trí.

5. Thuận kẻ được độ, an lập mọi người yên ổn vô vi.

Đó là năm việc.

Lại có năm việc nữa. Những gì là năm?

1. Bỏ gánh nặng mà trừ năm ấm.

2. Đoạn dứt kết sử ân ái và các sự tích tập.

3. Luôn dùng tịch định xả bỏ tịch diệt.

4. Vào với đạo đức phụng hành tám đạo.

5. Vào với Thánh đế, kiến lập tất cả mọi người ở pháp Chánh đế. Đó là năm.

Lại có bốn pháp thường ở dưới gốc cây. Những gì là bốn?

1. Chẳng tiếc thân mạng.

2. Phụng hành tất cả các pháp đức lành.

3. Phát tuệ thần thông.

4. Tu hành việc tịch nhiên người trời mừng vui.

Đó là bốn pháp.

Lại có bốn việc ưa ở nhàn nhã. Những gì là bốn?

1. Phát khởi đại Bi do ở nhàn nhã, được sự khen ngợi của chư Phật muốn cứu chúng sinh.

2. Không thiên về tà hạnh, khi ngồi thành Phật trang nghiêm tự tại, chẳng bị phiền não.

3. Học hạnh rốt ráo của Bồ-tát khác, tích lũy đức nhàn tịnh.

4. Vào đến nước thành, huyện ấp, xóm làng vì mọi người nói pháp.

Đó là bốn việc.

Lại có ba việc để ngồi yên tu tập công đức tối tôn vô thượng vi diệu, làm hạnh Hiền thánh. Những gì là ba?

1. Chẳng tích tập yêu ghét cũng không ham thích.

2. Tự tại ly dục lòng không bị trói buộc, bước đi tự do, lòng bình đẳng với tất cả.

3. Mau chóng được định ý.

Đó là ba việc.

Lại có ba việc:

1. Lìa khỏi các dua nịnh.

2. Lòng ngay thẳng không sân hận.

3. Đã trụ với hạnh mọi kết sử liền đoạn trừ.

Đó là ba việc.

Lại có tám việc để đủ đức xuất gia. Những gì là tám?

1. Hiền thánh biết đủ, ở chỗ riêng.

2. Biết được giới hạn.

3. Đạt được những điều biết rộng học nhiều.

4. Bỏ sân hận, luôn nhẫn nhục.

5. Chẳng xả đạo tâm, hành bốn Ý chỉ.

6. Chuyên tinh định ý.

7. Ứng hợp trí tuệ.

8. Tất cả việc dấy khởi lấy hạnh làm quan trọng.

Đó là tám.

Lại có mười việc vào pháp yếu sâu xa. Những gì là mười?

1. Thấy thân tự nhiên thì các pháp tự nhiên.

2. Thân tịnh thì tất cả pháp tịnh.

3. Thấy mình không ngã thì các pháp không ngã.

4. Tự quán thân không thì chẳng nghi pháp không.

5. Thân mình không tiếng thì các pháp như tiếng vang.

6. Xét thân tịch mịch thì các pháp tịch mặc.

7. Xét chân thật ngã thì quán thấy thật pháp.

8. Chí mình thâm diệu thì thấy pháp sâu xa.

9. Thân mình không nghe thì các pháp như điếc.

10. Ta không thọ nhận thì thấy tất cả pháp không thể nắm giữ.

Đó là mười việc.

Lại có mười việc:

1. Các pháp như huyễn dấy khởi tướng dối trá.

2. Các pháp như mộng, điều thấy không thật.

3. Các pháp như sóng nắng, khởi tưởng điên đảo, thấy chẳng chắc chắn.

4. Các pháp như bóng, nhân duyên tạo tác không cho là vui.

5. Các pháp như trăng đáy nước, bắt lấy chẳng thể được, tướng ấy lìa khỏi hành động.

6. Các pháp như tiếng vang, gốc ngọn đều rỗng không.

7. Các pháp như ánh chớp, sáng hiện rồi diệt theo.

8. Các pháp như bức tranh lìa khỏi tham, sân si.

9. Các pháp vốn tịnh chẳng bị sự nhiễm ô của khách trần ô nhiễm.

10. Các pháp như hư không vừa khởi lên liền diệt, không có xứ sở.

Đó là mười việc.

Lại có hai việc chẳng rơi vào đoạn kiến. Những gì là hai?

1. Tuệ tùy lúc nhập vào tội phước.

2. Phân biệt rõ sự sáng suốt của Thánh trí chư Phật.

Đó là hai việc.

Lại có hai việc chẳng rơi vào thường kiến. Những gì là hai?

1. Tất cả nói tuệ vô thường.

2. Ý vừa khởi liền diệt, không tồn tại mãi.

Đó là hai việc.

Lại có bốn việc vượt pháp nhân duyên. Những gì là bốn?

1. Tích tập không sáng suốt.

2. Tích tập vào sinh tử.

3. Không sáng suốt đã diệt thì sinh tử liền trừ.

4. Chẳng rơi vào đoạn kiến, chẳng trụ ở thường kiến.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc lìa các tà kiến. Những gì là bốn?

1. Hiểu tuệ rỗng không chẳng thấy bỉ ngã.

2. Hiểu được vô tướng chẳng thấy thọ mạng.

3. Rõ không, vô nguyện chẳng thấy ba xứ.

4. Phân biệt duyên khởi lìa khỏi thường và vô thường.

Đó là bốn việc.

Lại có sáu việc dùng các thần thông mà tự an vui. Những gì là sáu?

1. Chẳng dùng mắt ác nhìn chúng sinh thì được Thiên nhãn thanh tịnh.

2. Nghe âm thanh ác mà có thể nhẫn nhục thì đạt được Thiên nhĩ tịnh thanh tịnh.

3. Tâm ấy chẳng loạn thì nhìn thấy tâm người khác thanh tịnh.

4. Gieo trồng mọi cội gốc đức thì biết việc đã qua.

5. Hành động của thân cũng như lời nói thì được Thần túc thanh tịnh.

6. Tu hành các sự cung kính, chẳng dối Pháp sư thì hết các lậu, được thanh tịnh.

Đó là sáu việc.

Lại có sáu việc được sáu thông. Những gì là sáu?

1. Do thắp đèn nên được Thiên nhãn thanh tịnh.

2. Bố thí các âm nhạc nên được Thiên nhĩ thanh tịnh.

3. Bố thí không mong cầu nên rõ biết tâm chúng sinh.

4. Gieo trồng cội gốc mọi đức nên biết việc quá khứ.

5. Khước trừ các ấm cái, giải quyết mọi hồ nghi chứng được thần túc thanh tịnh.

6. Dùng pháp bố thí nên diệt trừ các lậu được thanh tịnh.

Đó là sáu việc.

Lại có sáu việc đạt được thông tuệ. Những gì là sáu?

1. Vừa thấy Như Lai thì được Thiên nhãn thanh tịnh.

2. Vào chúng hội nói pháp thì được Thiên nhĩ thanh tịnh.

3. Chế phục được tâm mình thì thấy ý của chúng sinh.

4. Thường tu tập sáu niệm thì được biết đời trước.

5. Bỏ các tham đắm thì chứng được thần túc, bay lên nhẹ nhàng.

6. Tu tập các pháp thì được diệt trừ các lậu.

Đó là sáu việc.

Đức Phật lại bảo Long vương:

–Những Thanh văn, Duyên giác và Thần tiên, ngoại đạo, trời, rồng, quỷ thần, thần Vô thiện, thần chúa phượng hoàng, vua thần núi, thần Điểm nhu, người cùng chẳng phải người mà có Thiên nhãn thì có thể dùng thần thông mà tự an vui. Xét về mắt, mắt Bồ-tát thì tối thượng vô cực thanh tịnh sáng suốt, ngoại trừ mắt của Như Lai, mắt của Bồ-tát không đâu chẳng thấy, màu sắc ánh sáng của trời, người, nguồn gốc của các pháp không gì ngăn ngại.

Lại Thanh văn, Duyên giác và trời, rồng, thần, người cùng chẳng phải người... Xét về tai của Bồ-tát thì tối thượng vô cực thanh tịnh sáng suốt, ngoại trừ tai của Như Lai, tai của Bồ-tát không gì chẳng nghe. Sự giảng nói các pháp và âm thanh trời người không gì ngăn ngại, nghe các âm thanh biết rõ ba đạt, rõ biết tâm của tất cả chúng sinh, việc làm tạo niệm nhân duyên báo ứng, ý tưởng qua lại, tịnh chẳng tịnh, trước chẳng trước... ngần ấy thứ tâm, hoặc tâm nghịch, hoặc tâm thuận, tâm trói, tâm mở, tâm nương, tâm chẳng nương, tâm mê hoặc, tâm định, tâm hữu xứ, tâm vô xứ, hoặc tâm hưng suy... đã hiểu rõ chúng, thấy hết căn cơ của người để theo đúng như sự ứng hợp mà nói pháp, đã rõ túc mạng, biết gốc bỉ ngã, sự khởi lên đầu

cuối (trọn vẹn) không gì chẳng thông đạt, chí thành chẳng hư dối, thần túc không nương cậy, không đâu chẳng thị hiện. Đó là năm thần thông của Bồ-tát.

Lại, tâm tự tại đầy đủ tạo tác, đó là an vui, thị hiện thân Phật mà vào Nê-hoàn, chẳng hoàn toàn diệt độ.

Sao gọi là Bồ-tát lậu tận thần thông?

1. Bồ-tát vượt qua Thanh văn, Duyên giác.

2. Chứng đắc giải thoát.

3. Nương vào Phật tuệ.

4. Hiểu rõ chúng sinh tất cả vốn tịnh.

5. Chẳng diệt tận các lậu mà chẳng thủ chấp chứng đắc.

6. Vì tất cả người, khen ngợi các lậu tận.

Đó là sáu thần thông.

Lại có bốn việc thấy tuệ không bị ngăn che. Những gì là bốn?

1. Tu theo tuệ đức đạt đến năm Thông này.

2. Hành đại Từ, đại Bi biết bốn hạnh giải thoát.

3. Giữ gìn phương tiện trí tuệ, đạt được bốn Vô ngại.

4. Định ý chánh thọ Không, Vô tướng, Vô nguyện đạt đến ba mươi bảy pháp đạo phẩm.

Đó là bốn việc.

Đức Phật lại bảo vua rồng:

–Sao gọi là sự thấy không bị ngăn che?

–Trừ tất cả dơ bẩn các phiền não hiện hữu và nếu có, ngăn ngại thị hiện ở gốc sinh tử, dẫn đường khiến ở Nê-hoàn, hiện thừa Thanh văn, Duyên giác giáo hóa đến đạo tràng, tùy theo tập tục khuyên người thực hành tịch tĩnh. Đó gọi là không ngăn che.

Lại có không ngăn che nữa. Hiện tất cả số đến không cùng tận, hiện diệt các số chứng không chấp trước, tuy các hạnh ở tại số lượng nhưng đối với pháp vô số không bị ngăn ngại, do không ấm cái được đến vô vi mà đối với pháp hữu vi cũng không ngăn ngại. Đó gọi là Bồ-tát hiện bày tuệ vô ngại.

Lại có bốn việc:

1. Hiểu rõ tâm hành chúng sinh.

2. Tùy theo tập tục được tuệ chánh thọ.

3. Biết việc làm của ý là phương tiện thiện xảo.

4. Tự tại đối với các pháp.

Đó là bốn việc.

Lại có năm việc hành hóa không nhàm chán. Những gì là năm?

1. Đã được an ổn thì làm cho chúng sinh được yên.

2. Đại Bi kiên cường.

3. Nhìn tất cả người biết cốt tủy của mình.

4. Theo hạnh nguyện của người mà thị hiện hạnh.

5. Đứng ở trên cùng đức đặc biệt kỳ lạ.

Đó là năm việc.

Lại có sáu việc phân biệt lời giáo hóa đã thọ nhận. Những gì là sáu?

1. Chứng được Tổng trì.

2. Tâm an lập tịch nhiên.

3. Nhập vào chân lý thanh tịnh.

4. Tâm vào các tuệ.

5. Biện tài không chấp trước không dừng.

6. Tuệ phương tiện theo thứ lớp giải nói.

Đó là sáu việc.

Lại có tám việc hàng phục ma oán. Những gì là tám?

1. Hiểu rõ năm ấm ví như huyễn, lìa tham kiến phiền não, làm việc không chấp trước.

2. Biết tất cả pháp đều không sinh ra, theo chỗ sinh ấy mà mở đường dẫn lối.

3. Chẳng bỏ tâm đạo, tinh tấn kiên cường.

4. Chẳng bỏ Phật đạo, chẳng sợ ba cõi.

5. Lìa bỏ sở hữu, quan sát người vật.

6. Tìm xét chân lý, quan sát tướng vô thường.

7. Tích chứa đức chẳng nhàm chán, tập hợp trí tuệ.

8. Chẳng ưa trí Thanh văn, Duyên giác.

Đó là tám việc.

Lại có mười việc lìa các sợ sệt, làm việc Bồ-tát. Những gì là mười?

1. Tu hành bố thí để tự trang nghiêm.

2. Trụ ở cấm giới đoạn dứt các đường ác.

3. Ở với nhẫn nhục các căn chẳng loạn.

4. Kiên cường tinh tấn, gieo trồng căn lành chẳng mỏi mệt.

5. Tu hành thiền định tâm chẳng hoảng sợ.

6. Thành được trí tuệ lìa khỏi phiền não.

7. Phương tiện thiện xảo hiểu rõ nguyện của Thánh trí vô biên, phân biệt được mọi việc.

8. Hiểu rõ nghĩa các pháp tùy thuận biện tài.

9. Chứng được tổng trì giải quyết, trừ khử các hồ nghi của chúng sinh.

10. Được trụ chỗ trụ của Phật hộ trì tất cả pháp.

Đó là mười việc.

Lại có tám việc chế ngự sự thoái chuyển. Những gì là tám?

1. Nói với làm tương ứng.

2. Tự xét lỗi mình, chẳng nói khuyết điểm người khác.

3. Thà mất thân mạng chẳng tạo sự khinh trọng.

4. Được lợi chẳng mừng, không lợi chẳng buồn.

5. Tâm chẳng mang ác hại, dẫn dụ tất cả dấy khởi ý tưởng hộ trì chúng sinh.

6. Giữ gìn tất cả cấm giới chẳng bỏ phép của thầy.

7. An vui cho mọi người, chẳng tự cầu yên vui cho mình.

8. Bố thí tất cả sự yêu thích mà chẳng hối tiếc.

Đó là tám việc.

Lại có năm việc được chẳng thoái chuyển đối với đạo Vô thượng chánh chân. Những gì là năm?

1. Phương tiện quyền xảo thành tựu vô ngại các Ba-la-mật.

2. Vào sâu diệu pháp, rõ nghĩa của chân lý.

3. Thần thông vô ngại thấy căn cơ của chúng sinh, phân biệt các tuệ.

4. Thực hành hạnh không chấp trước chẳng thể cùng tận.

5. Theo pháp duyên khởi chẳng cùng tận, chứng tất cả các lậu.

Đó là năm việc.

Lại có ba việc chứng Nhẫn bất khởi. Những gì là ba?

1. Quan sát nhân thanh tịnh không ngã, ngã sở.

2. Pháp tịch tĩnh.

3. Tuệ tịnh không chấp trước.

Đó là ba việc.

Lại có ba việc vượt qua các thanh tịnh:

1. Quá khứ thanh tịnh, các pháp thường chấm dứt.

2. Vị lai thanh tịnh, pháp không sinh khởi.

3. Hiện tại thanh tịnh, pháp không chỗ trụ.

Đó là ba.

Lại có ba việc:

1. Thân làm thanh tịnh công đức dồi dào.

2. Miệng nói thanh tịnh trí tuệ vòi vọi.

3. Ý niệm thanh tịnh định chẳng lay chuyển.

Đó là ba.

Lại có bốn việc được gặp Đức Phật Thế Tôn và được thọ ký. Những gì là bốn?

1. Tánh tình hòa thuận, tuân theo pháp.

2. Đầy đủ các hạnh, quán hạnh thanh bạch.

3. Chứng được tuệ lực, thông đạt tất cả tâm.

4. Rõ các pháp vốn tịnh, chẳng khởi, chẳng diệt, cũng chẳng loạn động.

Đức Phật bảo vua rồng:

–Đó là bốn pháp hành trì của Bồ-tát, được gặp Đức Phật Thế Tôn và được thọ ký.

-oOo-

Phẩm 2: Phân biệt

Đức Phật nói những điều đó rồi, mười hai ức trăm ngàn các trời, rồng, thần, thần Hương âm, người cùng chẳng phải người đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân, bảy vạn hai ngàn Bồ-tát được pháp Nhẫn bất khởi, một trăm bốn mươi vạn chúng được Pháp nhãn tịnh, xa lìa trần cấu, tám ngàn Tỳ-kheo lậu tận ý giải, năm ngàn Thiên tử được lìa ái dục, tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách. Ánh sáng lớn ấy soi khắp thế giới. Ở trong hư không tự nhiên mưa xuống hoa trời, chư Thiên ở bên trên tấu lên trăm ngàn âm nhạc, cùng nhau khen ngợi:

–Việc nói kinh pháp hôm nay của Đức Thế Tôn là một lần nữa ngài chuyển bánh xe pháp. Hôm nay, Ngài nói kinh này lại gia tăng bội phần việc chuyển bánh xe pháp tại thành Ba-la-nại. Vì sao? Đối với kinh này, vì vô ương số chẳng kể xiết người nghe mà mở đường dẫn lối đi đến lợi ích. Nếu người nghe kinh này thì cội gốc đức chẳng quên, huống là thọ trì, có

thể phụng hành thì khéo được thân người, thích thấy Như Lai, lắng nghe pháp này. Nghe pháp này rồi liền phát ý đạo Vô thượng chánh chân, đóng chặt đường ác, mở dấu trời người. Phải xem đây sánh như được diệt độ.

Đến đây, Đức Thế Tôn khen các Thiên tử:

–Hay thay, hay thay, lời nói này hay lắm! Người nghe kinh pháp này mà hoan hỷ tin theo là đã kiến lập sự khai hóa Đại thừa của Phật. Những người đó đã đạt được tuệ của Như Lai, dùng ấn không thoái chuyển mà ấn cho họ, Nhất định họ không đi con đường nào khác mà thuận đi đến Phật đạo, vượt khỏi các khổ nạn.

Bấy giờ, vua rồng nghe nói kinh này thì vui mừng hớn hở, lòng lành phát sinh, nên lấy ngọc Ma-ni tên là Lập hải thanh tịnh bảo nghiêm phổ minh giá trị bằng tam thiên đại thiên thế giới, đem dâng lên Đức Thế Tôn. Ánh sáng của viên ngọc ấy che mờ ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Tất cả chúng hội thấy được việc chưa từng có, lễ Phật rồi đứng lên đồng lời khen:

–Đức Phật ra đời khó gặp! Nay ngài đã xuất hiện ở thế gian nên mới thị hiện pháp chưa từng có như vậy.

Long vương hiến ngọc báu xong, bạch Đức Phật:

–Con dùng cội gốc đức đó để đạt được ánh sáng thân Phật vô ngại và khiến cho ánh sáng ấy soi khắp các đất nước Phật trong mười phương. Nếu người được nhờ ánh sáng đó thì tiêu trừ các phiền não như ánh sáng ở chặng mày của Đức Như Lai hôm nay đã khiến cho con tiêu trừ mọi tối tăm, chứng được bình đẳng giác như vậy. Kẻ vào lối tà thì khiến cho trụ ở chánh đạo.

-oOo-

Phẩm 3: Lục độ

Hải Long vương bạch Đức Phật:

–Sao gọi là Bồ-tát trừ bỏ mọi tối tăm?

Đức Phật nói với Long vương:

–Trí tuệ của Bồ-tát khác lạ: Tay cầm đèn tuệ để soi sáng trí tuệ thì trí tuệ tối thắng, tay nắm giữ kiếm trí tuệ mà có sự tạo lập thì đều dùng trí tuệ kiến lập trí tuệ. Bồ-tát dùng Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền tư, Trí tuệ để kiến lập trí tuệ. Tu hành đối với giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, quan sát khắp các pháp kiến lập trí tuệ, khai hóa chúng sinh.

Sao gọi là Bồ-tát kiến lập trí tuệ mà hành bố thí bình đẳng với bố thí?

–Bố thí đã bình đẳng thì bình đẳng với ngã, ngã sở. Ngã, ngã sở đã

bình đẳng thì bình đẳng với nhân. Đã bình đẳng với nhân thì các pháp được bình đẳng. Các pháp đã bình đẳng thì được sự bình đẳng của chư Phật. Tuy có bố thí nhưng chẳng bỏ bình đẳng đó. Đã bố thí thì chẳng theo phiền não vì khi bố thí là xả bỏ tất cả phiền não. Cũng lại như vậy, bỏ tất cả đời sống là bố thí tất cả. Lìa khỏi các kiến chấp, bỏ các sở hữu. Đó là Bồ-tát kiến lập trí tuệ mà dùng để bố thí vậy.

Sao gọi là Bồ-tát kiến lập trí tuệ mà phụng trì cấm giới?

–Thấy thân ý tịch tĩnh ấy là hộ trì cấm giới. Chẳng nương tựa thân miệng ý, chẳng dựa đời nay đời sau, cũng không trong ngoài, chẳng dựa ấm cái, bốn đại, các nhập, chẳng dựa giác ý, chẳng dựa diệt độ, đối với tất cả pháp, cũng không chỗ dựa thì đó là hộ trì giới. Chẳng dùng giới hý luận, cũng chẳng buông lung. Đó là Bồ-tát kiến lập tuệ giới.

Bồ-tát thực hành nhẫn nhục cũng chẳng được ngã, cũng chẳng được nhân, cũng chẳng được ngã nhân, chẳng trụ ở ngã sở, chẳng trụ ở ngã và ngã sở. Nhân thanh tịnh thì ngã tịnh, nhân thanh tịnh thì thấy thanh tịnh, tất cả pháp thanh tịnh. Đó là thực hành nhẫn.

Bồ-tát tuy thực hành nhẫn nhưng đối với pháp không tạo tác, đối với pháp chẳng khởi, chẳng diệt. Bồ-tát tuy tu hành nhẫn nhưng đối với các pháp, không tịch nào chẳng tịch. Bồ-tát tuy tu hành nhẫn nhưng thấy nhân rỗng không vắng lặng mà không ngã, ngã sở, cũng chẳng sợ hãi. Bồ-tát tuy tu hành nhẫn nhưng cũng chẳng được thân, miệng, ý. Bồ-tát tuy hủy hoại thân thể từng đoạn, từng đốt rời ra nhưng tự quán thân ấy như cỏ cây, tường vách. Đó là nhẫn nhục.

Bồ-tát nghe lời nói ác, lời nói mắng nhiếc, lời nói tự tại, lời nói chẳng thể chấp thủ, lời nói thanh tịnh không xứ sở, hiểu rõ lời nói thì đó là nhẫn nhục. Bồ-tát tuy loạn tâm nhưng tâm không oán kết, tâm vốn không, mỗi mỗi đều không thật, giây lát diệt hết. Quan sát như thế này thì gọi là nhẫn nhục. Đó là Bồ-tát kiến lập tuệ nhẫn.

Bồ-tát tu tinh tấn trưởng dưỡng các pháp thiện, quán pháp giới ấy chẳng tăng chẳng giảm bình đẳng ngự trị pháp giới, quan sát tất cả pháp chẳng thấy các pháp. Đó là người an lập thành tựu.

Người quan sát dựa vào đời thì do từ sự điên đảo chẳng thật khởi lên. Bồ-tát kia dùng ánh sáng của trí tuệ thanh tịnh quan sát tất cả pháp chẳng theo các pháp, chẳng bỏ các pháp, chẳng nhìn thấy sự tích tụ của các pháp, chẳng thấy sự đến đi, từ chỗ nào đến? Từ chỗ nào đi? Hiểu rõ các pháp. Tu theo pháp như vậy mà phân biệt sự điên đảo của khổ đế là người nói pháp tu hành tinh tấn. Những chúng sinh kia không thật, không chắc chắn. Nếu

nhân không thể nắm bắt thì tất cả các pháp cũng chẳng nắm bắt. Vì sao? Vì nhân chẳng lìa pháp, pháp chẳng lìa nhân. Như nhân mà tự nhiên thì ngã, ngã sở tự nhiên. Ngã, ngã sở tự nhiên thì các pháp tự nhiên. Các pháp tự nhiên thì Phật pháp tự nhiên. Bồ-tát ấy do vậy mà cầu các Phật pháp. Như tự nhiên là giải thoát tự nhiên rồi, liền chứng được Phật pháp. Bồ-tát ấy có mong cầu, hoặc đã cầu, hay sẽ cầu, cầu thế này rồi lại cầu vô sở đắc. Đó là Bồ-tát kiến lập hạnh tinh tấn trí tuệ.

Bồ-tát đối với thiền định mà dùng chánh thọ chẳng hủy hoại bình đẳng, cũng chẳng thành tựu. Bồ-tát đối với thiền định mà dùng chánh thọ, đối với các pháp không nghĩ ngợi, cũng không có gì xả bỏ, cũng chẳng hợp lại, đối với các cảnh giới tu hành không nương vào thiền để lập các pháp thiền, đối với các pháp... cũng không lẫn lộn, chẳng phải thân, chẳng phải tâm. Suy nghĩ về chí tánh của thiền định thì không có gì ứng với hạnh, chẳng dùng thiền hạnh, dùng bình đẳng với "bản vô" mà chánh thọ. Đối với pháp bản tịnh mà đạt đến bình đẳng. Bình đẳng với tất cả mọi người là đạt đến bình đẳng. Các pháp vốn tịnh, bình đẳng không có sắc, chẳng dùng Tam-muội, hành động luôn ứng hợp. Tâm chẳng trụ bên trong, cũng chẳng bên ngoài, "Thức" không chỗ trụ, qua khỏi tất cả những sự rơi vào điên đảo, vượt ngoài thiền định chánh thọ của bậc ngũ thông Thanh văn, Duyên giác. Bồ-tát đó dùng thiền định phát ra trí tuệ tối thượng để tiêu trừ phiền não kiến chấp. Bồ-tát đó dùng thiền định phát ra chí nguyện với đạo và khai hóa chúng sinh, tức là Như Lai luôn có một thiền định đến với Diệt độ. Đó là Bồ-tát kiến lập thiền định trí tuệ.

Bồ-tát quan sát các pháp bằng Tuệ nhãn, cũng chẳng phải Nhục nhãn, cũng chẳng phải Thiên nhãn. Quán các pháp rồi, thấy các pháp tịch, quán sát các pháp mặc. Các pháp tịch mịch không hành, không xứ. Các pháp điềm nhiên không thành tựu. Quan sát khắp các pháp đều đã như vậy cả. Người quan sát như vậy thì chính là pháp quán. Pháp quán như vậy thì chẳng thấy đường về của các pháp. Người ấy có thấy pháp mà chẳng quan sát, chẳng dùng thấy pháp mà thành tựu quan sát vậy. Không tìm, không hiểu, chẳng biết, chẳng thấy thì đó là thấy pháp. Không ngã, không nhân, không thọ mạng thì đó là thấy pháp. Giả sử Bồ-tát quan sát pháp như thế này, thấy người điên đảo, muốn giúp cho chúng sinh mà phát tâm đại Bi. Pháp thanh tịnh như vậy mọi người đều nhờ cậy. Đến đây, Bồ-tát phát chí rộng lớn muốn độ chúng sinh mà chúng sinh đó thì thường không mầm mống. Đó là Bồ-tát kiến lập tuệ pháp.

-oOo-

Phẩm 4: Vô tận tạng

Đức Phật bảo:

–Này Long vương, sao gọi là Bồ-tát kiến lập trí tuệ vì người nói pháp chẳng thấy có người?

–Người là không ngã, không nhân, chẳng phải thân. Người là tịch mịch, người không thật có. Người vốn thanh tịnh. Người là âm thanh. Người là cái tên gọi vậy. Người là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Người chẳng phải có số. Người như xét về chân lý. Người không sinh ra. Người chẳng sinh khởi. Vì người nói pháp là giảng nói người thanh tịnh, chẳng chấp ngã, ngã sở, không thọ, không mạng, chẳng diệt tự nhiên, chẳng diệt sở hữu. Theo hạnh vốn có của người mà vì họ nói pháp, huống là chúng sinh vốn tự nhiên tịnh, tự nhiên không ngã, tự nhiên không hình tức là người tự nhiên. Giả sử, người tự nhiên mà do đây tự nhiên thì các pháp tự nhiên. Giả sử các pháp tự nhiên thì tất cả Phật pháp cũng lại tự nhiên. Đó gọi là tất cả các pháp đều là Phật pháp.

Tất cả các pháp chỉ là giả danh vậy, do gọi mà có tên. Giả sử nói các pháp tức là giảng nói phi pháp. Vì sao? Vì lời nói đúng như pháp thì phi pháp cũng vậy. Như nói lên âm pháp tức là âm phi pháp. Vì sao? Vì pháp giới của các pháp vốn đều thanh tịnh, chẳng thể ngôn thuyết, cũng không sở đắc. Pháp giới vốn tịnh cũng không có cái để nắm giữ. Các pháp của tất cả pháp giới vốn tịnh, hủy hoại tất cả pháp thì thành tựu chỗ nào? Đó là các Đức Phật vì chúng sinh nói Kinh pháp. Do nhân duyên tịch mịch như vậy nên chẳng có sự giáo hóa hiểu biết của âm thanh các Phật pháp vậy. Phật pháp không giáo hóa mà chẳng thể ở hữu vi, vô vi. Vì sao? Vì chẳng lìa khỏi hữu vi, vô vi mà có giải thoát. Chắc có pháp khác có thể tính kể ư?

Long vương đáp:

–Bạch Thế Tôn! Chẳng có vậy! Vì các pháp vô số, Như Lai vô số!

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời nói của ông! Các pháp vô số, Như Lai vô số tức là không có hai. Này Long vương! Ý ông thế nào? Nói vô số là có xứ sở ư?

Đáp rằng:

–Bạch Thế Tôn, chẳng phải vậy!

Đức Phật dạy:

–Vì sao vậy? Ông nên biết! Ông phải khởi sự quan sát ấy! Phật pháp

không xứ, không lời! Như Phật pháp không xứ, không lời thì tất cả các pháp không xứ, không lời cũng lại như vậy.

Này Long vương! Ông hãy nhìn xem đại Bi của Như Lai vòi vọi! Nếu đem điều ấy khai hóa chúng sinh thì khiến cho họ an lập kiên cố. Lại tất cả pháp không xứ sở, không ngôn thuyết nên nói chỉ là lời dạy phương tiện: Đây là pháp hữu lậu, đó là pháp vô lậu, đây là việc thế gian, đó là việc xuất thế gian, chấp trước, vô trước, hữu số vô số, hữu vi vô vi, phiền não sân hận, là tích tập là xả bỏ, pháp của phàm phu pháp của Thánh hiền, pháp học, pháp chẳng học, pháp Thanh văn, pháp Duyên giác, pháp Bồ-tát, pháp của Phật...

Đức Phật dạy:

–Này Long vương! Như vậy, Như Lai vì người thuyết pháp giảng nói xứ sở ấy, cũng chẳng thấy pháp và không có các pháp tưởng. Ví như có người, đối với hư không không sắc, không thấy mà muốn dùng các sắc vẽ vào hư không. Họ vẽ tượng trời và tượng người, tượng voi, ngựa, tượng người đi bộ, kẻ ngồi xe... Người đó vẽ thế có khó không?

Đáp rằng:

–Rất khó, rất khó, thật chưa từng có! Thưa Đấng Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy rằng:

–Này Long vương! Việc làm của Như Lai là rất khó. Đối với các pháp đó không sắc, không chấp thủ mà chẳng thể thấy, cũng không văn tự, cũng không sở đắc mà vì tất cả giảng nói dạy bảo, thị hiện ra văn tự. Thiết lập bằng phương tiện này mới là rất khó. Nếu có người tin vào tượng pháp như vậy thì chính là những người phần lớn được thành tựu. Nếu người nhận nghĩa pháp thâm diệu này thì chẳng bị sự chi phối của các ma. Nhớ lại đời quá khứ của ta, này Long vương! Ta lại thấy cúng dường vô ương số Đức Phật, luôn sẵn sàng bỏ nhà, tịnh tu phạm hạnh. Nhưng những Đức Như Lai đó chưa từng vì ta nói pháp thâm diệu, ứng với bệnh mà giảng nói bố thí, trì giới, pháp học đạo, lắng nghe lời dạy nhẫn nhục, nhân ái, hòa thuận, ở yên nơi vắng lặng, công đức của chỉ túc. Vì sao? Vì đức tu hành chưa xong. Đức tu hành xong rồi, từ Đức Như Lai Đại Thù Diệu, ta liền được nghe pháp thâm diệu ấy, ngay tức thời chứng pháp Nhẫn nhu thuận. Cho ông nên biết ý nghĩa này, ông nên khởi sự quan sát này: Nghe pháp thâm diệu đó thì công đức đầy đủ. Từ đời quá khứ bậc chánh giác nhận Kinh thâm diệu này, không tưởng, không danh, mọi nhân duyên nhơ uế, không ngã, không nhân, không thọ mạng, tin ưa, thọ trì, phúng tụng vì người khác giảng nói thì phước ấy rất nhiều. Nếu có Bồ-tát thương xót tất cả muốn khiến cho yên

ổn, khiến cho mỗi một chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều được yên ổn, chư Thiên, nhân dân tập hợp công đức này thí cho một người.

Này Long vương! Ý ông thế nào? Bồ-tát ấy chắc đã vì chúng sinh gia tăng thêm yên ổn vô cực chăng?

Đáp rằng:

–Rất nhiều, rất nhiều, thưa Đấng Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy:

–Có Bồ-tát cho những chúng sinh ngần ấy yên ổn, nhưng nếu ông vì người nói một câu về nghĩa của vô thường, khổ, không, phi thân, về việc Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô ngã, vô nhân, vô thọ, vô mạng, chẳng sinh, chẳng khởi thì phước bố thí yên ổn đó khó xưng lường. Vì sao? Vì sự yên ổn hữu vi thì chúng sinh đều trải qua, còn sự yên ổn vô vi thì họ chưa từng trải vậy. Bồ-tát ấy dùng pháp thâm diệu này làm âm thanh, lấy yên ổn vô vi làm đồ ăn uống. Vậy nên, Bồ-tát muốn tự lập nghĩa, đủ nguyện cho thế gian thì phải học pháp thâm diệu.

Nếu có Bồ-tát đã ngồi tại pháp hội mà bỏ pháp thâm diệu, nói tạp cú, trau chuốt thì đó là người đoạn tuyệt sự giáo hóa của chánh pháp. Vì sao? Vì pháp thâm diệu đó ban bố khắp cõi Diêm-phù-lợi mà chẳng mất hết sự nghe nhận của con người. Người ưa thích pháp thì chẳng đủ để nói, còn chẳng phải người nghe pháp thì rất nhiều. Giả sử Pháp sư giấu pháp thâm diệu, đọc tụng tạp cú, là người chẳng ưa pháp sâu xa thì trời chẳng hoan hỷ. Thiện nam đó đã theo niềm vui của đời mà nói việc thế tục. Than ôi! Đau đớn thay!

Trong chúng hội này, người không nói pháp, lòng lo buồn mà lui ra, bỏ đi.

Hải Long vương bạch Đức Thế Tôn:

–Pháp học đạo bố thí, trì giới là việc thế tục sao? Bỏ nhà xuất gia học tịnh tu phạm hạnh chẳng phải là Phật pháp sao?

Đức Thế Tôn đáp:

–Các Đức Phật ra đời rồi khởi lên pháp vô khởi. Hành hóa ở ba cõi, có sự cứu hộ đều là việc thế tục, chẳng phải là lời nói của Phật. Những cái đó thì sao gọi là bốn Thiền, bốn Tâm bình đẳng, bốn Định vô sắc, năm Thông, mười Hạnh thiện, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ, sách sớ, tính toán, kinh quyển, y học, phương thuốc, nghề khéo, kỹ thuật, thân tưởng, y thực, tài vật, cái yêu thích, thiền định... hành động tại ba cõi đều là việc thế tục, chẳng phải là lời của Như Lai?

Đức Phật bảo Long vương:

–Phật xuất hiện ở thế gian chưa từng nghe khổ của phi thường, tịch của phi ngã, trừ tan nghĩa Khổ, đoạn dứt nghĩa Tập, chứng đến nghĩa Diệt, tuân tu nghĩa Đạo, vào đến nghĩa Không, qua khỏi Vô tướng, dẫn đến Vô nguyện, đối với các hạnh chẳng sinh, chẳng khởi, nghĩa Ý chỉ, Ý đoạn, Căn, Lực, Thần túc, Giác ý, quan sát tám đường tịch tĩnh, cầu chân đế bản tịnh, như không khởi lên ấm, gieo trồng các nhập là nghĩa không tịch, do các nghĩa chẳng hoại các pháp, chẳng hoại phi pháp, hiểu tất cả pháp chẳng sinh chẳng trưởng thì đều không có cái để khởi lên, chẳng chấp là có thường, không thường, do nhân duyên khởi nên không chỗ sinh ra. Trở lại với bản tịnh mà lìa khỏi sắc dục, hiện vô số pháp vào với đạo pháp. Ở trong đạo pháp không tưởng gì chẳng tưởng, không ứng gì chẳng ứng, xả bỏ tất cả niệm tưởng thanh tịnh, chẳng tịnh, không nâng lên không hạ xuống, cửa ấm tối tăm tự nhiên như không, được hạnh bình đẳng thì đối với tưởng bình đẳng với tưởng, vô tưởng, đối với tưởng lìa khỏi tưởng đồng đều với tất cả tưởng; lìa khỏi tất cả tưởng thì không quan sát thấy tịch nhiên, đối với các kiến chấp hiện lên các điên đảo, tất cả bình đẳng, nên gọi là được quả Tu-đà-hoàn đều là âm thanh vậy, cái đó không sở đắc, cũng không chẳng đắc, chẳng thọ, chẳng xả.

Đức Phật nói với Long vương:

–Những điều trước đó nói về sự ngự trị của các pháp. Sở đắc chẳng thể xưng nói, đến với Thanh văn thì được thừa Thanh văn, đến với Duyên giác được thừa Duyên giác, đến với Bồ-tát chứng được pháp Nhẫn bất khởi, thành đạo Như Lai Vô thượng Chánh chân, làm bậc Tối Chánh Giác. Ấy gọi là lời nói của Phật. Lời nói đó là lời dạy theo tập tục đều là pháp giáo của Phật đối với chân đế. Phật đạo không văn tự, lời Phật không lời, lời Phật không dấu vết, lời Phật không hình tướng, lời Phật không khen ngợi, lời Phật không giáo hóa, lời Phật không dừng lại, lời Phật không danh tự, lời Phật không suy nghĩ, lời Phật dạy không có tâm ý, thức, cũng không có điều để nghĩ. Đó gọi là lời Phật dạy mà chẳng thể nói, cũng không ngôn giáo, chẳng thể chỉ ra, hiện lên.

Đức Phật nói với Long vương:

–Lời dạy so sánh như vậy mới là lời nói của Phật. Như Lai chẳng dùng văn nghĩa nói pháp, lời dạy không văn tự mới là nói pháp. Vậy nên, không văn tự thì chính là lời Phật. Pháp của Đức Phật nói chẳng có cái để chứng. Diệt tất cả là được pháp của Đức Phật nói. Vậy nên, không được là lời nói của Đức Phật.

Kinh Phật đã nói từng không ngôn giáo, ngôn giáo tịch diệt. Do vậy nên nói rằng, vô giáo là Phật ngôn! Nói pháp không chấp thủ pháp, không nương cậy vào pháp, không buông lung pháp, chẳng tưởng đến pháp, không khởi lên pháp, không hủy hoại pháp, không rốt ráo pháp, không chứng đắc pháp, không chí nguyện pháp, không niệm pháp, không tu hành pháp, không phân biệt pháp, không tưởng đến pháp, không mong được pháp, không tư duy pháp.

Đức Phật nói với Long vương:

–Như Lai vì người nói pháp chưa từng có hành hóa, có sự chứng đắc. Lời nói của ta, tất cả vốn thanh tịnh, pháp không hình sắc. Vậy nên, này Long vương! Các pháp không hình dáng đó gọi là lời nói của Phật.

Lại nữa, sao gọi là lời nói của Phật?

–Hiểu rõ tất cả âm thanh không gì chẳng thấu đạt nên gọi là lời Phật nói. Quan sát quá khứ, vị lai và hiện tại không gì ngăn ngại nên gọi là lời Phật nói, hiểu hết mọi lời nói nên gọi là lời Phật nói, đáp lại được các vấn đề nên gọi là lời Phật nói.

Tất cả nhân duyên đã nói bằng lời nói không gì chẳng rộng rãi nên gọi là lời Phật nói, hiểu biết những lời nói như âm vang của tiếng kêu nên gọi là lời Phật nói, không văn tự, không lời nói nên gọi là lời Phật nói, những văn tự, ngôn thuyết Phật đã dùng cũng đều là lời Phật nói. Vì sao? Vì những văn tự đó là lời nói của Phật quá khứ, vị lai và hiện tại. Lời nói của Phật hôm nay đã nói và vị lai sẽ nói. Do đó tất cả văn tự, các sự ngôn giáo đều gọi là lời Phật nói. Vào được sự so sánh như thế này, hiểu rõ mọi tuệ đó gọi là Bồ-tát phân biệt đạo nghĩa. Vậy nên nói rằng văn tự, ngôn thuyết đều là lời Phật nói.

Chẳng hoại pháp giới, để tâm vào một vị tuệ đó gọi là Bồ-tát phân biệt kinh bản. Vậy nên nói rằng, văn tự ngôn thuyết đều là lời Phật nói. Nếu ứng hợp thuận với pháp tuệ thì đó gọi là Bồ-tát phân biệt thuận tịch. Vậy nên nói rằng, văn tự, ngôn thuyết đều là lời Phật nói. Người nào nói tuệ không xứ sở, không chấp trước thì đó gọi là Bồ-tát phân biệt hiểu rõ.

Vậy nên, này Long vương! Tất cả các pháp không gì chẳng trở về sự phân biệt bốn nghĩa này. Bồ-tát hiểu bốn nghĩa này thì văn tự, ngôn thuyết, các chỗ hướng đến, thân hiện tại không gì chẳng khuyên tiến tới đều hiểu lời Phật dạy. Vậy nên không chấp trước vốn không chỗ trụ. Ở trăm ngàn kiếp có ngôn thuyết không thể hạn chế. Vì sao? Vì đó gọi là Vô tận tạng Tổng trì môn.

Giả sử Bồ-tát chứng được Tổng trì ấy thì nói Vô tận cú, khéo thuận

với lời dạy, bỏ được lỗi lầm đến đi, luôn ứng hợp, không dựa vào sự trang nghiêm hay trăm ngàn lời lẽ vi diệu. Nhẫn với bản tịnh hỗ tương chẳng loạn, nghĩa tôn ty hiểu rõ bình đẳng, soi sáng phiền não sân nhuế, vào tất cả hạnh mà thuận giải thoát, tám muôn bốn ngàn các căn liền ứng hợp, khéo giảng bản tánh mà vì họ nói pháp, chẳng hết tám nạn, các pháp âm thanh cũng không hết và ví dụ tuệ ba đời không hết mà nguyện quả báo ứng có thể hết sao?

Kinh điển thuận khắp có thể hết sao?

Sở nhập của tâm có thể hết sao?

Dấu ngu của nhân duyên có thể hết sao?

Thuận tại ái dục có thể hết sao?

Phát khởi Tổng trì ấy có thể hết sao?

Nói chỗ của thừa có thể hết sao?

Phân biệt chỗ của pháp có thể hết sao?

Tạp cú thâm diệu có thể hết sao?

Đến với cứu cánh có thể hết sao?

Lời nói nghịch, thuận có thể hết sao?

Lời nói khuôn phép của văn tự có thể hết sao?

Khen ngợi Phật, Pháp, Tăng có thể hết sao?

Nói chánh đế có thể hết sao?

Phật đạo, Pháp phẩm có thể hết sao?

Sự đáp ứng tội, phước có thể hết sao?

Giảng Độ vô cực có thể hết sao?

Đức Phật nói với Long vương rằng:

–Đó gọi là giảng thuyết vô tận, hiệu là Pháp Tạng Vô Tận, là pháp môn Tổng trì vậy.

-oOo-

PHẬT THUYẾT HẢI LONG VƯƠNG KINH

QUYỂN 2

Phẩm 5: Tổng trì

Đức Phật bảo:

–Này Long vương! Có bốn việc là giáo pháp vô tận, Tạng vô tận là Tổng trì vậy. Những gì là bốn?

1. Phân biệt vô tận.

2. Tuệ sáng suốt vô tận.

3. Trí sáng suốt vô tận.

4. Biện tài Tổng trì vô tận.

Đó là bốn.

Lại có bốn Tạng khó nhiếp lấy vô tận là Tổng trì vậy. Những gì là bốn?

1. Tính ấy khó nhiếp lấy.

2. Tâm đạo khó nhiếp lấy.

3. Vào pháp khó nhiếp lấy.

4. Hạnh chúng sinh khó nhiếp lấy.

Đó là bốn.

Lại có bốn Tạng kiên cố cầu vô tận là Tổng trì vậy. Những gì là bốn?

1. Sở nguyện kiên cố.

2. Phụng hành kiên cố.

3. Lập nhẫn kiên cố.

4. Qua khỏi sự tạo tác nhân duyên kiên cố.

Đó là bốn.

Lại có bốn Tạng giảng nói vô tận là Tổng trì vậy. Những gì là bốn?

1. Giảng nói các chí thành.

2. Giảng nói các duyên khởi.

3. Giảng nói hạnh chúng sinh.

4. Giảng nói các thừa vốn không tuệ.

Đó là bốn.

Lại có bốn Tạng ánh sáng vô tận là Tổng trì vậy. Những gì là bốn?

1. Soi đến pháp giới.

2. Soi đến trí tuệ.

3. Soi đến tuệ minh.

4. Soi đến sự nói pháp ứng hợp.

Đó là bốn.

Lại có bốn Tạng ánh sáng tối thượng vô tận là Tổng trì vậy. Những gì là bốn?

1. Tinh tấn là tối thượng.

2. Sức siêng năng tu hành cấm giới là tối thượng.

3. Cầu tích lũy công đức là tối thượng.

4. Tụ hợp cầu tuệ là tối thượng.

Đó là bốn.

Lại có bốn Tạng vô cùng vô tận là Tổng trì vậy. Những gì là bốn?

1. Cầu các Độ vô cực không cùng cực.

2. Không nhàm chán sinh tử không cùng cực.

3. Khai hóa độ người không cùng cực.

4. Cầu các thông tuệ không cùng cực.

Đó là bốn.

Lại có bốn Tạng không nhàm chán vô tận là Tổng trì vậy. Những gì là bốn?

1. Trước Đức Phật nghe kinh không nhàm chán.

2. Vì người nói kinh không nhàm chán.

3. Cầu các cội gốc đức không nhàm chán.

4. Cúng dường Như Lai không nhàm chán.

Đó là bốn.

Lại có bốn Tạng không thể thắng vô tận là Tổng trì vậy. Những gì là bốn?

1. Tất cả phiền não cũng không thể thắng.

2. Tất cả những ma cũng chẳng thể thắng.

3. Các ngoại đạo cũng chẳng thể thắng.

4. Tất cả oán địch cũng không thể thắng.

Đó là bốn.

Lại có bốn Tạng không tụ tập vô tận là Tổng trì vậy. Những gì là bốn?

1. Chẳng tu tập thừa Thanh văn, Duyên giác.

2. Chẳng tu tập lợi ích của tất cả cúng dường.

3. Chẳng tu tập tất cả các mong cầu nhiễm trước.

4. Chẳng tu tập tất cả các hạnh phàm phu.

Đó là bốn.

Lại có bốn Tạng vô đắc vô tận là Tổng trì vậy. Những gì là bốn?

1. Chẳng được sinh ra.

2. Chẳng được khai hóa người ác giới.

3. Chẳng được nói kinh vô thượng Đại thừa tại nơi hữu vi.

4. Chẳng được cầu xin.

Đó là bốn.

Lại có bốn Tạng lực vô tận là Tổng trì. Những gì là bốn?

1. Sức nhẫn, chịu đựng tất cả mọi việc ác đã tạo.

2. Sức tuệ diệt trừ tất cả nghi kết của chúng sinh.

3. Sức thần thông thấy tất cả ý niệm trong tâm của chúng sinh.

4. Sức thiện xảo vì tất cả mọi người mà nói pháp cho ứng hợp.

Đó là bốn.

Lại có bốn Tạng đại tạng vô tận là Tổng trì. Những gì là bốn?

1. Chẳng tự lấn lướt lừa dối mà đoạn trừ Tam bảo, đó là Đại tạng.

2. Vào với pháp vô lượng, đó là Đại tạng.

3. Được tất cả tâm, tùy theo chí nguyện đó là Đại tạng.

4. Tuệ bình đẳng như hư không đó là Đại tạng.

Đó là bốn.

Lại có bốn Tạng vô cực vô tận là Tổng trì. Những gì là bốn?

1. Học rộng vô cực.

2. Trí tuệ vô cực.

3. Sở nguyện vô cực.

4. Thuận chúng sinh nói pháp vô cực.

Đó là bốn. Bồ-tát lại có bốn việc chẳng tự lấn lướt đến Tạng vô tận là Tổng trì. Những gì là bốn?

1. Nói pháp chẳng tự lấn lướt.

2. Nói chí thành chẳng tự lấn lướt.

3. Thuận pháp hạnh chẳng tự lấn lướt.

4. Được đến đạo cùng cực chẳng tự lấn lướt.

Đó là bốn.

Lại có bốn việc đạt được Tạng vô sở úy vô tận là Tổng trì. Những gì là bốn?

1. Chẳng sợ đường ác.

2. Chẳng sợ chúng hội.

3. Chẳng sợ quyết nghi.

4. Chẳng sợ mất Phật đạo.

Đó là bốn Tạng vô tận là Tổng trì vậy.

Đức Phật bảo Long vương:

–Tạng vô tận tổng trì đó nói lên đức không lường, vào Tuệ vô cực, chứa nhóm hạnh Bồ-tát, do trí tuệ, mong cầu ánh sáng trang nghiêm của Bồ-tát. Của báu của Bồ-tát đã vào pháp tạng, vào cửa Tổng trì, phân biệt ngôn giáo, trang nghiêm thân, miệng, ý, được các cõi nước thanh tịnh, tập hợp tự tại, hộ niệm chánh đạo, vào với chúng sinh, bày tuệ giáo hóa dẫn đường, lực chánh pháp tinh tấn, đủ các Độ vô cực, nghiêm tịnh đạo tràng, chứng được các Phật pháp. Đó gọi là Tạng vô tận là Tổng trì.

Tạng vô tận ấy có số văn tự danh hiệu và các số pháp đi với chánh pháp đều về lại Tạng vô tận là Tổng trì vậy. Bồ-tát vào Tạng vô tận ấy thì đối với các văn tự không có sự phân biệt.

Các pháp thanh bạch chẳng hoại bản tịnh, ưa tất cả pháp chẳng lấn lướt pháp lạc, rốt ráo các pháp, để tâm vào các pháp cũng không lấn lướt lừa dối.

Tất cả pháp của mắt chẳng lấn lướt sự sáng của các pháp.

Các pháp giả danh chẳng lấn lướt pháp nhóm họp. Đã đạt được các pháp chẳng lấn lướt nên hành tinh tấn.

Các pháp định với pháp nhu thuận không có sự lấn lướt.

Các pháp giảng nói không có ánh sáng lấn lướt thiêu đốt các pháp.

Ở trong pháp Vô khởi mà không lấn lướt.

Tin tất cả pháp mà đối với sự ưa thích pháp cũng chẳng lấn lướt.

Nói tất cả pháp mà đối với các ngôn giáo không có sự lấn lướt.

Các pháp vốn không mà đối với pháp không nơi hướng đến cũng không lấn lướt.

Các pháp chân đế ngang bằng với pháp ba đời cũng không lấn lướt.

Các pháp thường trụ mà đối với pháp chẳng động cũng không lấn lướt.

Các pháp có bi ai tùy theo niềm vui gốc mà vì hiện bày pháp.

Các pháp đều bình đẳng nên nói không sai khác.

Các pháp tìm cầu dấu vết thì thị hiện các pháp đều bình đẳng.

Các pháp đã đến thì thị hiện vào cửa đạo sâu xa.

Các pháp đưa đến lực thì hiện các pháp vô thượng.

Các pháp ngu tối thì hiện trí sáng.

Mang lại các pháp thì thị hiện các pháp không có gì quên mất.

Tổng trì (nắm giữ) các pháp thì thị hiện các pháp là vô tận.

Các pháp tịch nhiên thì hiện đạm bạc.

Các pháp hư không thì thị hiện pháp rộng khắp.

Các pháp vô minh thì hiện gốc si.

Các pháp đều trụ thì hiện chỗ đứng.

Các pháp vào tuệ thì hiện pháp lìa khỏi si.

Các pháp thể nhập nên thị hiện phân biệt các pháp.

Các pháp lìa "hữu" mà vì thị hiện pháp lìa sở hữu.

Các pháp có nạn mà vì thị hiện các pháp tỳ vết dơ bẩn.

Các pháp thường niệm mà vì thị hiện việc đời trước.

Các pháp có duyên thì thị hiện các pháp mà có lấn lướt.

Các pháp vào ý chí mà vì thị hiện tịch tĩnh các rối loạn.

Các pháp rất nặng mà vì thị hiện pháp không bị lay động.

Các pháp trụ xứ mà vì thị hiện mọi cõi pháp giới.

Các pháp Đạo sư mà vì thị hiện pháp Chân đế.

Các pháp đạt đến quả mà vì thị hiện chí không điều suy nghĩ.

Các pháp chỉ có ấm mà vì thị hiện diệt trừ năm ấm, các pháp khổ hoạn.

Các pháp sinh tử thì thị hiện các pháp không phiền não.

Các pháp tịch tĩnh thì thị hiện các pháp không chỗ nương tựa.

Các pháp như bền chắc thì thị hiện các pháp đoạn dứt mọi sự bền chắc.

Các pháp tịch diệt thì thị hiện các pháp đoạn dứt nhân duyên.

Đức Phật nói với Long vương:

–Đó gọi là văn tự duyên với Tạng vô tận tổng trì. Bồ-tát được sự hưng khởi phân biệt tất cả văn tự này. Ví như văn tự mà chẳng thể tận thì việc nói các pháp chẳng thể tận cũng lại như vậy. Ví như văn tự cũng chẳng từ thân sinh ra, chẳng từ tâm sinh ra, các pháp như vậy chẳng thể biết chỗ, chẳng trụ tại thân, chẳng trụ tại tâm. Ví như văn tự không chỗ nương tựa mà cầu việc giải thoát khỏi phiền não, cũng không có cái thanh tịnh.

Bồ-tát đã được Tạng vô tận tổng trì thì tuy nói về phiền não mà chẳng nhiễm trước bụi bẩn, rốt ráo thanh tịnh. Ví như văn tự chẳng hợp tại thân nhưng vì người khác có điều giải nói thì các pháp như vậy có sự phát khởi dạy bảo thanh tịnh. Như văn tự khi có điều nói thì không chỗ tụ họp, khi không có điều nói thì chẳng ở tại bên trong.

Các pháp như vậy, giả sử khi nói thì không chỗ đi đến, giả sử khi chẳng nói thì chẳng tích tụ ở bên trong. Như văn tự không sắc tướng, không nhìn thấy mà hiện ở bên ngoài.

Các sắc như vậy, không sắc, không thấy, do nhân duyên của tâm mà có thoái chuyển. Như văn tự rỗng không, tự tại, tịch mịch đều do hoảng hốt không tạo tác văn tự.

Các pháp như vậy rỗng không, tịch tĩnh, không có tạo tác. Như văn tự chẳng sinh ra nhiễm ô, sân hận, ngu si, lại nhờ văn tự mà có âm giáo.

Các pháp như vậy chẳng sinh ra nhiễm ô, tham dục, ngu si, mê hoặc mà do từ tưởng niệm khởi lên tham, sân, si. Như văn tự do các duyên tham mà nói được quả chứng thì văn tự không đạt được cũng không chứng đắc.

Các pháp như vậy, do duyên đối ấy mà nói có quả chứng thì xét đến bản pháp không quả, không chứng. Ví như các pháp vốn có chẳng nhờ văn tự, các hạnh như vậy thì các pháp sở hữu đều do Phật đạo.

-oOo-

Phẩm 6: Tổng trì thân

Đức Phật nói với Long vương:

–Bồ-tát đã trụ Tạng vô tận mà dùng văn tự cầu Phật đạo là năng lực văn tự của Tổng trì, thân là nơi văn tự quy thú, diệt hết sắc tượng, đỉnh thể nhập pháp môn, quan sát trán, mắt Tuệ nhãn, tai Thiên nhĩ, nói danh tự mũi, chế phục loạn ý bằng trán, chặn giữa chân mày, nhiếp lấy tất cả tâm bằng mặt, giảng nói, dẫn dắt tất cả tâm của chúng sinh bằng thiệt căn, điều phục tâm định ấy bằng răng, như sư tử xem bờm bước tới, lời nói che giấu rỗng không bằng môi, quan sát tất cả pháp bằng yết

hầu, gắng sức làm cho chúng sinh hoan hỷ bằng mi mắt, đoan nghiêm được gọi là lá lách, xem xét các pháp bình đẳng bằng bụng, vào đến cửa thâm sâu bằng rốn, vào đường phải, trái bằng bàn tay, tụ hội các pháp bằng vai, mười điều thiện là ngón tay cứu hộ khéo, pháp thanh tịnh là móng đồng, đạt đến niệm hư không bằng hông, theo thứ lớp giảng pháp bằng xương sống, khi nói chẳng lấn lướt, không có đối tượng làm là qua xương mông, đầy đủ tịch quán bằng xương đầu gối, hướng đến pháp chân đế bằng đầu gối, hiểu biết tất cả bằng ấn gót chân xuống đất, tâm ý tịch nhiên bằng mu bàn chân, đi đến mười phương bằng lòng bàn chân, theo thứ lớp nói pháp chân thật bằng bước chân, biết xấu hổ bằng y phục, trang nghiêm chuỗi hoa pháp giúp trang sức, hoa pháp là ngần ấy ngọa cụ, nói đủ thứ là gối pháp, chẳng sân chẳng tranh là hương xoa, việc làm ứng hợp không gì chẳng rõ là đủ loại hương, thể nhập sâu xa giới là hương nói, đối với các pháp tự tại là quyến thuộc, khen ngợi dấu Phạm là bạn thân, được yên ổn là các tri thức, đoạn trừ các oán kết khai hóa mọi người thì thân gần, hiểu rõ các việc là gia thất, tâm ấy thanh tịnh là mẹ; tất cả phương tiện khéo không chỗ nương; tin tuệ là cha, các tâm thông tuệ từ bình đẳng, Thí độ vô cực là nước uống cơm ăn, Giới độ vô cực là an lạc, Nhẫn độ vô cực là trang nghiêm, Tinh tấn độ vô cực là khắc phục bày biện, Nhất tâm độ vô cực là no đủ, Trí độ vô cực là tùy lúc thuận theo, thiện quyền độ vô cực hai câu hợp nghĩa, đạo phẩm là chi tiết của thân... Giảng nói chí thành chưa từng lấn lướt lừa dối, tất cả bậc tôn quý của thế gian là tự tại, đối với pháp tự buông thả.

Đức Phật nói với Long vương:

–Đó là Tạng vô tận tổng trì, thân không sắc tượng vậy. Nếu có Bồ-tát đối với tổng trì đó mà ưa thích niềm vui của pháp thì ví như quốc vương ở trong cung, như Thiên đế Thích ở đỉnh Tu-di, uy thần lồng lộng, như Phạm thiên tôn quý tự tại, như A-tu-luân ở yên khó có thể chế phục nắm giữ, như biển công đức vô biên siêu việt thù thắng, như núi báu lớn, niềm vui sướng của trời, như cha mẹ có đứa duy con độc nhất nên vô cùng thương yêu, như vầng trăng tròn đầy chiếu sáng mọi vì sao, không vị nào chẳng cúi đầu, như Đức Thế Tôn vì trời, người phóng ra ánh sáng lớn, như mặt trời mới mọc, ánh sáng nhu hòa, như chim khổng tước ở trong rừng cây phóng ra âm thanh vi diệu, như sư tử ở trong hang núi được đồ ăn thức uống ngon, như khi tâm ý của rồng điều hòa tuôn mưa xuống, như vua Chuyển luân mở đại pháp giáo hóa dân chúng, như các rồng múa phát ra sấm chớp, như vua rồng đã được tự tại tuôn xuống mưa đại pháp, như trời Đế Thích vỗ về giáo hóa tất cả các ngoại đạo, như

tướng dũng mãnh tiêu diệt hàng phục địch; trừ các cấu bẩn trần lao, hàng phục dung nạp các ma như nước làm tắt lửa, như gió thổi cỏ rạp; tâm như đất, khai hóa người mù, theo giáo hóa chúng sinh, như lửa đốt cỏ; đều nhịn chịu khổ vui như người nhũ mẫu nuôi con ông trưởng giả; trị liệu mọi bệnh, giữ tâm kiên cường, đủ ước nguyện cho mọi người như ngọc Như ý nắm giữ các báu.

Đức Phật nói với Long vương:

–Nếu có Bồ-tát trụ ở pháp môn Tạng vô tận tổng trì thì có thể gọi là vào đạo tràng của Đức Phật, như biển lớn đều nhận các báu, hòm, tủ chứa đồ trân quý. Tạng vô tận tổng trì như vậy, bao bọc rộng rãi các đạo pháp, là hòm chứa kho tàng báu như hòm chứa vô số hương khiến vô lượng người thỏa lòng ham muốn.

Bồ-tát đã trụ ở pháp môn Tạng vô tận tổng trì thì dùng lời nói chân diệu khai hóa tất cả khiến cho đều được Tổng trì này, vào tất cả âm thanh.

Đất này tên là Đạo tâm. Cõi nước của Đức Như Lai Nhất Bảo Cái trong thế giới Vô tận đó gọi là Mục tiền.

Đây tên là các Thông tuệ. Cõi nước của Đức Như Lai Đạo Long trong thế giới Siêu đắc độ đó gọi là Phổ đạt.

Đây tên là Thí độ vô cực. Cõi nước của Đức Như Lai Cát Tường trong thế giới Tịch định đó gọi là Tinh khí.

Đây tên là Giới độ vô cực. Cõi nước của Đức Như Lai Ly Ưu trong thế giới Vô ưu đó gọi là Đa an.

Đây tên là Nhẫn độ vô cực. Cõi nước của Đức Như Lai Ly Cấu trong thế giới Vô cấu đó gọi là Vô tận cú.

Đây tên là Tấn độ vô cực. Cõi nước của Đức Như Lai Vô Cấu Quang trong thế giới Phổ minh đó gọi là Thượng độ.

Đây tên là Thiền độ vô cực. Cõi nước của Đức Như Lai Kiên Yếu trong thế giới Đạo ngự gọi là Tịch hạnh.

Đây tên là Trí độ vô cực. Cõi nước của Đức Như Lai Vũ Vương trong thế giới Ấm vũ đó gọi là Thanh tịnh.

Đây tên là Thiện quyền phương tiện. Cõi nước của Đức Như Lai Ly Cấu Tích trong thế giới Tôn điều đó gọi là Tùy tập tục nghi.

Đây tên là Từ, Bi, Hỷ, Xả. Cõi nước của Đức Như Lai cát tường nghĩa trong thế giới Phong thịnh đó gọi là lòng nhân thương xót nhiếp lấy hai tịch tĩnh của ta và người.

Đây tên là Khổ, Tập, Tận, Đạo. Cõi nước của Đức Như Lai Thủ Tịch

trong thế giới Vô duyệt đó gọi là nguồn gốc bởi căn, căn diệt tận về gốc.

Đây tên là bốn Ý chỉ. Thế giới phương khác gọi là không dừng.

Đây tên là bốn Ý đoạn. Đó gọi là Thượng thắng.

Đây gọi là Thần túc. Đó gọi là Siêu bộ.

Đây tên là năm Căn. Đó gọi là Duyệt nguyên (nguồn vui).

Đây tên là năm Lực. Đó gọi là Kiên Cường.

Đây tên là Giác ý. Đó gọi là vô minh.

Đây tên là tám do. Đó gọi là sở độ.

Đây tên là Phân biệt. Đó gọi là mắt thấy.

Đây tên là Hộ ngưỡng. Đó gọi là tùy thuận.

Đây tên là Pháp thí. Đó gọi là thiện nhiếp.

Đây tên là Tịnh quán. Đó gọi là định sát.

Đây tên là Cửa giải thoát. Đó gọi là lìa si.

Đây tên là Công đức. Đó gọi là nghiêm biện.

Đây tên là Trí tuệ. Đó gọi liễu tiện.

Đây tên là bỏ nhà. Đó gọi là Tu hành.

Đây tên là Cụ giới. Đó gọi là không phạm.

Đây tên là Yên ổn Vô vi. Đó gọi là tịch diệt độ.

Đây tên là khen Phật vô lượng. Đó gọi là Phật, mắt Phật phóng ánh sáng.

Đức Phật bảo Long vương:

–Xét về âm thanh lời dạy trong cõi nước các Đức Phật thì lời dạy bảo nhiều vô ngần! Bồ-tát nếu chứng được Tạng vô tận thì đều biết lời dạy bảo bằng âm thanh văn tự của tất cả cõi nước các Đức Phật. Như Lai dù có dùng một kiếp hoặc hơn một kiếp để khen ngợi lời dạy bảo bằng lời nói chương cú hữu vi mà mười phương đã phát ra thì chẳng thể rốt ráo được ý nghĩa âm thanh của cõi nước các Đức Phật.

Khi Đức Phật nói pháp môn Tạng vô tận tổng trì này, sáu vạn vị Bồ-tát được nhập Tổng trì, tám ngàn Bồ-tát được pháp Nhẫn bất khởi, ba vạn hai ngàn người đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân.

-oOo-

Phẩm 7: Tổng trì môn

Bấy giờ, Đức Phật bảo:

–Này Long vương! Bồ-tát do đó nên lìa khỏi các đường tối tăm, hướng đến các thông tuệ. Trở về thuở xa xưa, chẳng thể kể vô ương số kiếp, chẳng thể nghĩ bàn, lúc đó có Đức Phật hiệu là Phạm Thủ Thiên vương Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Thế Tôn, có thế giới tên là Tập dị đức, kiếp tên là Tịnh trừ.

Lúc đó, thế giới Tập dị đức giàu có, thịnh vượng, yên ổn, năm giống lúa tự nhiên có, an lạc vô cùng, trời người đông đúc. Như trăm ức bốn châu ở cõi này của ta hợp lại làm một cõi Phật thì ở nước ấy chỉ là một cõi gồm bốn khu vực lớn. So sánh như vậy với trăm ức núi Tu-di. Thế giới Tập dị đức của Đức Như Lai Phạm Thủ Thiên vương này rộng lớn vô biên như thế. Thế giới ấy như viên ngọc báu kim cương Quang minh Ma-ni luôn tỏa sáng khắp nơi một cách tự nhiên, thế giới ấy có các thứ báu giăng mắc giáp vòng, che lọng báu, treo tràng phan bằng lụa ngũ sắc, trăm ngàn nhạc cụ ở trong hư không chẳng tấu mà tự kêu lên. Tiếng nhạc ấy nghe vang khắp cõi Phật. Âm thanh nhạc cụ đó chẳng phát ra âm thanh tham, sân, si, dục, chúng chỉ diễn xướng âm thanh tịch nhiên, đạm bạc, pháp lạc hoan hỷ. Chư Thiên, nhân dân nghe tiếng nhạc thì đạt được nhất tâm tịch định yên ổn, bình yên chẳng bị sự nguy hại của phiền não. Cõi ấy bằng phẳng như áo mềm mại, không có lời răn bảo của âm thanh đường ác, trời người thanh tịnh đều hiểu lý vi diệu, chí nguyện ở Đại thừa ít cầu thừa Thanh văn, Duyên giác, nếu có ý nghĩ về ăn mặc, nhà cửa... thì theo ý đều tự nhiên mà đến!

Trời người đồng đẳng không có người cùng khốn thiếu thốn, y phục, ẩm thực, như trên cõi trời Đâu-suất. Của cải trong dân chúng nước ấy bình đẳng không sai khác. Đức Như Lai ấy sống lâu tròn sáu mươi bảy vạn hai ngàn năm. Nhân dân cõi ấy sống lâu cũng lại như vậy, không có người chết yểu. Bồ-tát của cõi Phật ấy có đến bảy mươi hai ức còn Thanh văn rất ít.

Bấy giờ, có vị Chuyển luân thánh vương hiệu là Vô Tận Phước, làm chủ mười sáu cõi trong bốn thiên hạ. Vua Vô Tận Phước ấy có tám mươi tư ức phu nhân như ngọc nữ của trời, có bốn vị thái hậu: một tên là Ly Cấu, hai tên là Vô Cấu Quang, ba tên là Thanh Tịnh, bốn tên là Tịnh Cú Tử, có tám muôn bốn ngàn con trai thân tướng đều lớn và dũng mãnh, có tám con gái đoan chánh đẹp đẽ. Họ đều để tâm vào Đại thừa.

Lúc đó, vua Vô Tận Phước đang ở tại thành lớn tên là Cụ lạc. Chiều Đông tây của thành ấy dài hai ngàn bốn trăm bốn mươi dặm. Chiều Nam bắc cũng vậy. Đức Như Lai Phạm Thủ Thiên vương xuất hiện ở nước đó. Vua Vô Tận Phước kiến lập tinh xá, trồng rừng cây lớn tên là vườn Thượng

hương quang, để Đức Phật dừng nghỉ khi hành hóa. Chính giữa thành, cung điện của nhà vua được xây dựng bằng bảy báu hợp thành. Trong thành có tám muôn bốn ngàn đường lớn, hẻm nhỏ, tám muôn bốn ngàn lan can, bực cửa. Mỗi một đường lớn, hẻm nhỏ có tám muôn bốn ngàn nhà ở. Thành lớn ấy có bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp hàng cây, bảy lớp giao lộ. Bao quanh thành có một vạn vườn dạo chơi. Hào đào quanh thành ấy có bảy lớp chứa đầy nước tám vị, sinh ra hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng với mùi thơm sực nức. Uyên ương, le le, nhạn cùng nhau hót vang. Thành ấy như vậy, gọi là bình đẳng không lường chẳng thể nghĩ bàn.

Nhà vua cúng dường Đức Phật, dâng cúng sự yên ổn, mọi việc đầy đủ không gì thiếu thốn, ở hàng trăm ngàn năm chẳng thể giới hạn. Nhà vua ra lệnh cho con cháu, thân tộc, bạn bè, quyến thuộc và nhân dân trong nước đi đến tòng lâm Thượng hương quang, yết kiến Đức Như Lai Phạm Thủ Thiên vương. Họ cúi đầu dưới chân Đức Phật rồi lui về đứng một bên.

Đức Phật bảo vua:

–Có bốn việc làm đại quốc vương quân tử thánh chúa được tự tại cùng với những người bất đồng, tăng thêm pháp lành. Những gì là bốn?

1. Kiến lập niềm tin vững chắc, luôn đến với Hiền thánh, vui mừng thưa thỉnh, cầu đức, thích nghĩa lý.

2. Dùng pháp tự vui, thường quán pháp vô thường, khổ, không, phi thân, quan sát sự dơ bẩn của cõi hữu vi và cuộc đời hiện tại đều trở về với biệt ly.

3. Tự nhiếp lấy tâm mình, vào hạnh không buông lung, hiểu rõ dục lạc không ham muốn lợi lộc.

4. Chẳng hủy hoại phước đức đời trước, chẳng phế bỏ tâm đạo, chí ham tuệ vi diệu.

Đó là bốn việc Thánh chúa nước lớn còn được tự tại cùng với người bất đồng.

Vua Vô Tận Phước bạch Đức Thế Tôn:

–Bồ-tát có bao nhiêu pháp để được tự tại?

Đức Phật bảo vua:

–Bồ-tát có tám pháp để được tự tại. Những gì là tám?

1. Được năm thần thông để tự vui sướng chưa từng thoái lui, không gì ngăn ngại, cũng trừ sân hận mà tâm không hại.

2. Thỏa mãn Thánh tuệ, nhiếp lấy ánh sáng đạo, việc làm đã hoàn thành, hiện được thông đạt.

3. Thần túc thành tín bứng đi các sở hữu, dùng trí tuệ thánh để lìa bỏ tất cả tà kiến trần cấu.

4. Được bốn giải minh thì sự kiến lập chỗ Phật không đắm trước, chẳng trụ.

5. Đầy đủ lực hành xứ thì chứng được Tam-muội Vô tận phước hải ấn.

6. Có thể làm vui chúng sinh, thu tóm lời dạy của tất cả chư Phật để thành Tổng trì.

7. Tâm ấy thanh tịnh, điều nghe chẳng quên, đáp ứng như điều mong muốn mà vì người nói pháp.

8. Vào vị nhất nghĩa, trụ ở bản tế, chẳng chấp ngã, ngã sở, chẳng khởi pháp nhẫn.

Đó là tám việc được tự tại.

Đức Phật bảo vua:

–Lại có Tổng trì tên là Bảo sự. Bồ-tát được Tổng trì này thì được tự tại đối với các pháp.

Bấy giờ Đức Phật vì vua nói về tuệ của Tổng trì Bảo sự. Trọn trăm ngàn năm khắp phân biệt ý nghĩa, nhà vua bỏ việc nước, bỏ tất cả mọi duyên, chuyên tinh một lòng cùng với quyến thuộc nghe nhận giáo hóa. Trong trăm ngàn năm nhà vua chưa từng tưởng đến dục, không có ý sân hận, chẳng niệm tưởng đến hại, chẳng đoái hoài đến vợ con, đất nước, quyến thuộc, tất cả sở hữu mãi chẳng kể đến, chỉ nguyện cầu niềm vui pháp, lập chí theo Phật đạo, lòng đại Từ thanh tịnh, bình đẳng với tất cả mà thực hành đại Bi, mặc áo giáp đại đức mà nghe nhận pháp. Như vậy đủ trăm ngàn năm lãnh thọ giáo huấn của Đức Phật xong, do pháp cốt yếu của Tổng trì Bảo sự này mà việc làm hoàn thành, vượt khỏi hoạn nạn đầu tiên đến cuối cùng của bảy trăm vạn kiếp, tiêu trừ các tội lỗi đã tích chứa hàng mười vạn kiếp, gặp hàng ức trăm ngàn Đức Phật và theo thọ nhận gốc đức. Vua ấy, ở hằng hà sa số kiếp làm trời Đế Thích, hoặc làm Phạm thiên hay Chuyển luân thánh vương, đã tích lũy công đức, dùng tâm chí thanh tịnh ngự trị các pháp, dùng tâm chẳng loạn nghe trăm ngàn Đức Phật, lãnh thọ chẳng quên. Vua và các con đều chứng được pháp Nhẫn nhu thuận. Tám vạn bốn ngàn thể nữ trong cung đều phát ý học đạo Bồ-tát. Tám muôn bốn ngàn người chứng được pháp nhẫn, chín mươi ức chư Thiên, nhân dân đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân, ba mươi sáu ức người học thừa Thanh văn được Pháp nhãn tịnh, một vạn sáu ngàn Tỳ-kheo rõ hết ý giải. Vua Vô Tận Phước bỏ

nước, từ vương vị, chẳng ưa những niềm vui ở trên trời và thế gian, chỉ đặt chí nguyện vào đạo Vô thượng chánh chân. Hay tin vua xuất gia tu đạo làm Sa-môn nên các con cũng vậy đều làm Sa-môn. Nhân dân trong nước thấy nhà vua bỏ nước nên sáu vạn người đều làm Sa-môn; thể nữ, bốn đại phu nhân trong cung cũng làm Sa-môn. Lời Phật dạy thanh tịnh, khắp nơi nhờ ân yên ổn, gieo trồng các cội gốc đức, mọi hạnh đầy đủ.

Đức Phật nói:

–Này Long vương! Vua Vô Tận Phước, vị Thánh đế chuyển luân, bấy giờ chẳng phải là ai khác mà chính thân ta. Các con của vị Thánh đế chuyển luân bấy giờ thì hôm nay là các Bồ-tát Đại sĩ trong hội này; Tổng trì Bảo sự mà Đức Như Lai Phạm Thủ Thiên vương giảng nói cho vua Vô Tận Phước thì hôm nay Như Lai đang nói về tổng trì Vô tận tạng này vậy.

Đức Phật nói với Long vương:

–Hôm nay, Như Lai dùng tuệ vô trước quan sát các gốc của con người mà vì họ nói pháp. Ta từ vô ương số trăm ngàn ức ức các Đức Phật đã nghe Tạng tổng trì Vô tận. Do nhiều lần nghe kinh này nên hôm nay ta mới chí niệm dũng mãnh bước đi một mình không ngại như thế, biện tài khó bì kịp, chí mang trí tuệ. Nếu có Bồ-tát nghe tên của tổng trì Vô tận này, hoặc có người nói Tổng trì này thì đều sẽ chứng được biện tài Vô trước. Vì sao? Vì do Tổng trì này, về sau đời vị lai là chỗ lưu bố của Tổng trì Ly cấu đều chính là sự kiến lập tám muôn bốn ngàn Pháp tạng của Như Lai. Cửa Tổng trì đó là đầu mặt vậy. Tám muôn bốn ngàn hạnh đều trở về với Tổng trì, tám muôn bốn ngàn Tam-muội đều phát xuất từ Tổng trì, tám muôn bốn ngàn Tạng tổng trì thì Tổng trì Vô tận là nguồn gốc.

Đức Phật nói với Long vương:

–Giả sử Bồ-tát không trụ, không chấp trước, thì đối với bốn cách giải nghĩa sẽ tuông xuống như mưa đại pháp khiến đều nương cậy vào Tạng vô tận này. Tạng tổng trì Vô tận này thể nhập thuận theo thứ lớp từng câu từng chương. Các trời, rồng, thần, thần Hương âm, thần Vô thiện, thần Phượng hoàng, thần Điểm Nhu... đều cùng theo hộ trì.

"Duyên ứng hợp ý - Tùy thuận ý - Dấu an lạc - Ý ngay thẳng - Vượt qua - Vô tận cú - Thứ lớp - Mặt sáng - Mắt sáng - Sáng chói - Lập chí - Ý thanh tịnh - Bước đi vào - Sức dũng mãnh - Cứu tối tăm - Giữ gìn - Là trên hết - Pháp môn tịch tĩnh - Vào tịch tĩnh - Diệt trần - Lìa chỗ ở - An trú thiện - Tùy thuận - Lìa thứ lớp - Không chỗ đến - An trụ - Không chỗ trụ - Nơi đến - Không nơi đến - Trụ cốt lõi - Tuệ nhạy bén - Trí căn - Chuyển bản

căn - Ánh sáng mặt trăng - Mặt trời lửa sáng - Ánh sáng thiện lìa cấu - Vô cấu - Tịnh các cấu - Hiểu điều đã kiến lập - chư Thiên giúp đỡ - Hộ các quỷ mị - Dạy các Thừa - Phạm thiên biến hóa - Đế Thích khen - Tứ thiên hộ - Chúng thánh mến - Tiên nhân nương về - Các chủng tộc đều tu hành - Mở trói lao ngục - Hộ trì trời người - Xả các trần lao - Phá hoại chúng ma - Hàng phục ngoại đạo - Trừ dục trí sáng - Khai hóa tự đại - Chẳng xúc phạm Pháp sư - Chẳng loạn chúng hội - Vui ưa pháp lạc - Hộ trì được pháp âm - Chẳng đoạn trừ Tam bảo - Từ mẫn chúng sinh - Khen ngợi đức nghĩa *(sáu mươi hai việc)*."

Đức Phật bảo:

–Này Long vương! Những pháp cú đó là hộ trì Tạng tổng trì Vô tận. Nếu có Pháp sư nhận sáu mươi hai chương cú này mà phúng tụng thì được ba mươi hai điều không sợ hãi. Những gì là ba mươi hai?

1. Học rộng không sợ.
2. Khen ngợi người khác khắp nơi không sợ.
3. Lời nói không lỗi lầm đáp ứng đúng không sợ.
4. Ném bỏ, trịnh trọng mà không gì sợ.
5. Vào biện tài theo âm thanh không sợ.
6. Không gì ngăn ngại, tâm không sợ.
7. Giữ đạo tâm, chí ấy không sợ.
8. Vui vẻ với mọi người, bước đi không sợ.
9. Mau chóng giải quyết hồ nghi, giác ý không sợ.
10. Quan sát mọi người không khiếm khuyết không sợ.
11. Lời nói, việc làm tương ứng, không khuyết không sợ.
12. Giới cấm thanh tịnh, tâm mặt không sợ.
13. Nhẫn nhục thanh tịnh, kiên cường không sợ.
14. Đối với chân đế phát nguyện mà chẳng chuyển trở lại chỗ ở không sợ.
15. Tâm chẳng lầm lẫn tuệ biện tài không sợ.
16. Có thể vui trong chúng hội, trí tuệ không sợ.
17. Biết pháp thâm diệu, hàng phục giáo hóa không sợ.
18. Lìa khỏi hý luận, sư tử không sợ.
19. Hàng phục các ngoại đạo, không thọ nhận không sợ.
20. Không tham ăn mặc, vui không tỳ vết không sợ.
21. Hàng phục mọi giặc khiến cho chúng trụ ở chánh kiến, không

mắng không sợ.

22. Người trí chẳng hủy báng dẫn đường ngự trị không sợ.

23. Nói các kinh chẳng loạn... không sợ.

24. Tùy lúc mà dạy bảo không dua nịnh không sợ.

25. Nói và làm tương ứng, lìa kiêu mạn không sợ.

26. Thấy tất cả mọi người khiêm thuận không sợ.

27. Vô tận cú vốn tu thiện, thưa hỏi không sợ.

28. Khai hóa tất cả bằng vô lượng pháp tùy theo mọi người mà dạy bảo không sợ.

29. Thân mình thanh tịnh nên hàng phục ma không sợ.

30. Trừ các trần lao đại Từ không sợ.

31. Lòng chẳng ôm hại, đại Bi không sợ.

32. Hộ trì chúng sinh, trí tuệ không sợ, dùng pháp trị nước.

Đức Phật nói với Long vương:

–Bồ-tát nghe Tạng tổng trì Vô tận này hoan hỷ tin nhận liền được ba mươi hai vô úy. Giả sử Bồ-tát chẳng đoạn ba mươi hai vô úy này thì từng chút từng chút dần dần thành tựu bốn Vô sở úy của Như Lai, Vô sở úy của Phật. Những trời, người trước được nghe tiếng gầm sư tử thì mặc tình lắng nghe tất cả những điều đã hỏi. Họ đều không có người có thể đến được trí cùng cực của Như Lai, cũng chẳng dám đoạn dứt lời nói của Đức Phật. Vậy nên, Bồ-tát muốn đạt đến Vô sở úy đó thì phải học hành Tạng tổng trì Vô tận.

Việc học hành Tổng trì đó ra sao?

Hành không mắt, hành không sắc, hành không nhãn sắc thức.

Hành không tai, hành không tiếng, hành không nhĩ thanh, thức.

Hành không mũi, hành không hương, hành không thức hương, mũi.

Hành không lưỡi, hành không vị, hành không thiệt vị, thức.

Hành không thân, hành không xúc chạm, hành không thức, xúc chạm, thân.

Hành không tâm, hành không pháp, hành không thức, pháp, tâm.

Hành không sắc, hành không sắc sinh, hành không sắc diệt, hành không sắc xứ, hành không thống tưởng, hành không thức hành, hành không thức sinh, hành không thức diệt, hành không thức xứ. Tất cả không hành động, đó là ứng với hành Tổng trì.

Lại nữa, này Long vương! Hành sắc ấy rỗng không, tâm chẳng rỗng

không sắc. Đó là ứng hợp với hành Tổng trì. Thống, tưởng, hành, thức; hành thức ấy rỗng không, tâm chẳng rỗng không thức. Đó là ứng hợp với hành Tổng trì.

Lại nữa, hành vô tưởng sắc ấy chẳng nghĩ đến hành vô tưởng. Đó là ứng hợp với hành Tổng trì. Thống, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

Hành vô tưởng thức ấy chẳng nghĩ đến hành vô tưởng thức. Đó là ứng hợp với hành Tổng trì.

Lại nữa, hành chẳng đoạn sắc ấy là đối với sắc hành không hành, hành chẳng sắc sinh, hành chẳng sắc khởi, hành chẳng sắc tịch, hành sắc như chân đế, hành sắc như bản tịnh, hành cũng chẳng nghĩ sắc như chân đế, bản tịnh. Đó là ứng hợp với hành Tổng trì. Thống tưởng hành thức cũng lại như vậy.

Hành chẳng đoạn thức ấy là đối với thức hành không hành, hành chẳng thức sinh, hành chẳng thức khởi, hành chẳng thức tịch, hành thức như chân đế, hành thức như bản tịnh, hành cũng chẳng nghĩ thức như chân đế, bản tịnh. Đó là ứng với hành Tổng trì.

Lại nữa, hành đối với nguyên do thành pháp giới là hành chẳng tưởng pháp giới, hành chẳng tưởng các nhập vốn tịnh rỗng không của pháp giới, chẳng tưởng vốn tịnh rỗng không. Đó là ứng với hành Tổng trì. Nếu hành tất cả pháp duyên khởi mà chẳng tưởng duyên khởi thì đó ứng với hành Tổng trì.

Hành chẳng nương cậy các pháp, hành chẳng nương chẳng cậy thì đó ứng với hành Tổng trì.

Hành các pháp như vốn không là hành chẳng hoại các pháp vốn không. Nếu hành đối với các pháp trụ ở bản tế thì hành chẳng nghĩ bản tế trụ ở các pháp. Đó là ứng với hành Tổng trì.

Lại nữa, hành biết tham dục ấy là hành chẳng đối với pháp giới tưởng niệm đến tham dục. Đó là ứng với hành Tổng trì.

Hành biết sân hận ấy là hành chẳng đối với pháp giới tưởng niệm đến sân hận. Đó là ứng với hành Tổng trì.

Hành biết ngu si ấy là hành chẳng đối với pháp giới tưởng niệm đến ngu si. Đó là ứng với hành Tổng trì.

Hành đẳng phần ấy là hành chẳng đối với pháp giới có sự hủy hoại. Nếu đối với tám muôn bốn ngàn những điều tu hành mà vào đến pháp giới không có ngần ấy hành thì đó ứng với hành Tổng trì. Hoặc hành hoặc hợp hành, đối với hành, hợp hành mà không có cái để hành, cũng không gì

chẳng hành. Vì sao? Vì hành ấy không lường cũng không có sự vượt qua, cũng không nghĩ tưởng. Vậy nên, hành đó là hành bình đẳng.

Đối với hành bình đẳng cũng không gì hủy hoại, cũng chẳng hữu vi, cũng chẳng vô vi, cũng chẳng nhận, cũng không gì chẳng nhận, không xứ, không trụ nên gọi là hành bình đẳng. Bồ-tát hành như vậy thì được pháp môn Tạng tổng trì Vô tận vậy.

Đến đây, Đức Thế Tôn nói kệ tụng:

Tâm ý người ấy được thanh tịnh
Được Độ vô cực thông kinh điển
Âm thanh mọi người đều biết rõ
Khi được Tổng trì, thành như vậy.
Tâm hạnh chúng sinh quán biết hết
Ý nghĩ thiện, ác và trung gian
Phân biệt sự tạo lập bản tánh
Để vì nói pháp luôn ứng hợp.
Biết rõ hết nhân duyên báo ứng
Khiến chẳng thấy thường và vô thường
Đều do ném bỏ, rơi biên tế
Tùy thuận hóa, phân biệt Tổng trì.
Giải sáng tỏ phương tiện văn tự
Biết vô ương số những âm vang
Hiểu rõ nghĩa lý pháp vi diệu
Người được Tổng trì, thành như vậy.
Chứng được Thiên nhãn không cấu bẩn
Cũng như vậy, Thiên nhĩ sạch trong
Trí tuệ không lường, biết mọi hạnh
Nhớ việc ở ngàn kiếp xưa nay.
Được bốn Thần túc cũng như vậy
Giây lát đến nhiều nước không lường
Cúng dường Đạo sư nhiều vô số
Nghe giảng pháp, Tổng trì này xong,
Ngần ấy ma, đến trăm ngàn ức
Chẳng thể nhìn biết cảnh giới hành
Con người thanh tịnh không phiền não
Giảng nói kinh pháp vô số ngàn.
Ví như hoa sen không nhiễm ô
Cũng như vậy, chẳng nương thế pháp

Thường giải thoát các điều không, có
Đẳng tâm tất cả như hư không.
Nắm giữ sắc tướng mà dũng mãnh
Mọi người chiêm ngưỡng không nhàm chán
Tiến, dừng an tường, hành không khuyết
Ở đời vì thương xót quần sinh.
Trời Đế Thích, Phạm và Hộ thế
Cúi đầu lễ cung kính cúng dường
Lòng ấy chẳng do kiêu mạn nói
Cũng vậy khi được tổng trì xong.
Miệng nói nhu nhuyến như âm Phạm
Vì mọi người nói hợp với tâm
Lời thầm nhuần lưu loát phải lúc
Có thể giáo hóa không che ngăn.
Ở tại trong chúng không gì sợ
Làm sư tử gầm không gì khó
Hàng phục tất cả những dân chúng
Như vậy là thành tịnh Tổng trì.
Người dua nịnh kia khó điều hóa
Kiêu mạn tự đại hưng khởi lên
Nghe lời nói pháp thánh minh đó
Cúi đầu lễ, cống cao bỏ liền.
Vào với bản tịnh, pháp giới tịch
Hiểu rõ các pháp thông đạt nghĩa
Do vậy lời nói không cùng tận
Biết luật pháp, phân biệt văn tự.
Bản tánh con người pháp giới tịnh
Cũng như vậy hiểu chúng sinh tịnh
Biết rõ vốn không, người không gốc
Giảng nói kinh pháp không ngăn ngại.
Việc tận không tận chẳng thể biết
Việc không tận không thể tận cùng
Hiểu biết rõ đường đó tịch mịch
Thì nói không trụ ức quyển kinh.
Chẳng ở thân các văn tự ấy
Cũng chẳng tại ý, chẳng ở tâm
Bản tánh văn tự rỗng tịch mịch
Ví như trong núi tiếng hô vang.

Xét Tổng trì chẳng chấp trước chữ
Không âm, không ngôn, không lời lẽ
Do biết thú hướng của văn tự
Giả sử lời nói không ngại ngăn.
Không tâm, không ý cũng không tưởng
Giả sử có nói mà không niệm
Lại nữa biết xa lìa pháp tuệ
Giảng nói kinh thuận theo ứng hợp.
Để vào phân biệt nghĩa tứ cú
Hiểu nghĩa lý, pháp biết rõ ràng
Xét suốt âm thanh, thuận điều nghe
Nên giảng "vô trước" chẳng thể lường.
Tập quen nguồn gốc nương ở tuệ
Nên nói ngần ấy pháp thâm sâu
Tuệ hiểu rõ được thuận và nghịch
Pháp có đỉnh đến vượt bờ kia.
Nếu có phương tiện để cứu giúp
Các khiếp nhược lẫn điều hoảng hốt
Tạo ra trí sáng là giải thoát
Như vậy mới thành tựu Tổng trì.
Thân, miệng, ý đều đã tịch tĩnh
Chẳng chấp có, các tuệ phân rành
Giảng nói không chán, trừ sân hận
Được trụ tổng trì là dũng mãnh.
Pháp Tổng trì ấy, tâm nắm giữ
Ý đã hội nhập, trụ pháp tuệ
Người có nghe ấy chưa từng quên
Thuận đúng như nghe, chọn kinh điển.
Nghĩa Tổng trì ấy, pháp chẳng loạn
Xét ở pháp hành, không chỗ vào
Pháp bình đẳng nên nói bình đẳng
Ứng hợp bình đẳng thuận thanh tịnh.

-oOo-

Phẩm 8: Phân biệt danh

Khi Đức Phật nói bài kệ về chương cú này, quyến thuộc của Hải Long vương gồm một vạn ba ngàn rồng đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân.

Họ lại bạch rằng:

–Ngài tuyên nói rộng rãi lời nói này, kính Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ đạt được Tạng tổng trì Vô tận này. Chúng con sẽ vì tất cả mọi loài chúng sinh nói kinh pháp rộng nói.

Bấy giờ, Hiền giả Xá-lợi-phất bạch Đức Phật:

–Thật chưa từng có, bạch Thế Tôn! Nên mới khiến cho các rồng phát ý đạo Vô thượng chánh chân. Con người ngược lại chẳng thể phát khởi đại đạo vậy.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Một vạn ba ngàn rồng đó, vào thời Đức Phật Ca-diếp đều làm Sa-môn, theo Đức Như Lai Ca-diếp một lần nghe nói hạnh Bồ-tát, đồng thời vui mừng khen: "Hay thay, hay thay! Đức Phật nói việc Đại thừa chẳng thể nghĩ bàn! Chúng cùng với dòng họ, bạn bè đều đi khất thực nhưng vì tham lợi chẳng thận trọng, chẳng hộ trì cấm giới. Do đó sau khi mạng chung bị đọa vào trong loài rồng." Lúc đó, theo Đức Phật Ca-diếp nghe lời dạy Đại thừa, khen ngợi Đức Phật Ca-diếp. Do duyên của cội gốc đức báo ứng nên nay nghe ta nói, khen ngợi Đại thừa và giảng về Tạng tổng trì Vô tận, họ đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân.

Này Xá-lợi-phất! Ông hãy quan sát sự chí tâm đặc biệt kỳ lạ đó! Nay ta thọ ký cho họ rằng, hằng hà sa số kiếp cúng dường các Đức Phật, tích lũy đạo phẩm, tự thành đạo Vô thượng chánh chân hiệu là Tuệ Thượng, Trí Thượng, Pháp Thượng, Phạm Thượng. Khi được thành Phật, do bốn việc đó nên hiệu thế giới là Vô cấu tạng, kiếp tên là Đại hân. Các rồng ấy đều đồng một kiếp được thành đạo Vô thượng chánh chân Tối chánh giác, giống như ở kiếp Hiền sẽ có ngàn Đức Phật ra đời.

-oOo-

Phẩm 9: Thọ ký

Đến đây, Hải Long vương bạch Đức Phật:

–Con từ kiếp đầu tiên ở biển lớn, từ Đức Như Lai Câu-lâu-tần ra đời đến nay, quyến thuộc thê tử của các rồng trong biển lớn rất ít. Hôm nay thì vợ con, quyến thuộc xa gần của chúng rồng nhiều lắm, giả sử muốn tính toán cũng chẳng thể cùng tận. Bạch Thế Tôn! Việc này thế nào? Có gì biến đổi kỳ lạ?

Đức Phật bảo Long vương:

–Ấy là những người ở trong Phật pháp xuất gia giữ luật, hành giới

chẳng đủ, hiện tại thành tựu giới, vi phạm giới hạnh mà chẳng bỏ chân kiến, chẳng đọa địa ngục. Những loại người như thế, sau khi mạng chung rồi đều sinh trong loài rồng.

Đức Phật nói với Long vương:

–Thời Đức Phật Câu-lâu-tần có chín mươi tám ức người tại gia và xuất gia trái phạm cấm giới nên đều sinh trong loài rồng.

Thời Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni có tám mươi ức người tại gia và xuất gia hủy phạm cấm giới, buông thả tâm nên sau khi mạng chung đều sinh ra trong loài rồng.

Thời Đức Phật Ca-diếp có sáu mươi tư ức người tại gia và xuất gia phạm giới nên sau khi mạng chung đều sinh trong loài rồng.

Ở trong đời của ta có chín trăm chín mươi ức người tại gia và xuất gia với biết bao sự đấu tranh, quen biết bao hành động, bài báng kinh điển, giới luật nên sau khi mạng chung đều sinh trong loài rồng. Như hôm nay cũng có người sinh ra!

Đức Phật nói với Long vương:

–Do đó ở trong biển lớn của ông, vợ con quyến thuộc của các rồng nhiều chẳng thể tính kể. Sau khi ta vào Nê-hoàn có nhiều ác Tỳ-kheo, ác Ưu-bà-tắc trái phạm cấm giới sẽ sinh trong loài rồng, hoặc đọa vào địa ngục.

Hải Long vương bạch Đức Phật:

–Đến nay, Tỳ-kheo bỏ nhà tu đạo mà phạm giới bị đọa vào trong loài rồng thì có gì đặc thù?

Đức Phật dạy:

–Bỏ nhà tu hành, tới nay Tỳ-kheo phạm giới bị đọa vào trong loài rồng, họ tu hành với phương tiện chẳng thể thanh tịnh nhưng lại rất có lòng tin ở Phật pháp. Do sức chí tâm, họ ở trong loài rồng, sau khi mạng chung được sinh lên trời và nhân gian, sẽ gặp các Đức Phật ra đời của kiếp Hiền. Họ đều sẽ gặp! Giả sử có người chẳng được giải thoát thì đều ở trong kiếp Bạt-đà vào Nê-hoàn ngoại trừ người có chí nguyện Đại thừa. Này Long vương! Hãy xem sự rộng lớn của lời Phật dạy! Nhân duyên khác lạ xuất gia, bỏ các pháp ác được vượt qua các loài khác.

Bấy giờ, có con của Long vương hiệu là Uy Thủ bạch Đức Phật:

–Thật chưa từng có, bạch Thế Tôn! Loài rồng thân cận Đức Như Lai, thật khó gặp, khó nghe! Tuy có tạo tác mọi tội chướng nhưng nếu khởi lên một ý thiện, tâm nghĩ đến Phật pháp thì nhất định chẳng mất đức và nhờ

hạnh đó mà được diệt độ. Nay con nguyện phát ý đạo Vô thượng chánh chân! Do Đức Phật Thế Tôn khó gặp khó nghe nên khiến cho hành động Bồ-tát không có sai trái khuyết điểm, đi đến đạo tràng, không khiến trong lòng quên mất cội gốc đức, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả. Bất cứ ở đâu cũng thường gặp các Đức Phật, được nghe kinh pháp, cúng dường chúng Tăng và khai hóa chúng sinh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Long vương tử Uy Thủ:

–Hay thay, hay thay! Những điều ông hỏi là mới phát tâm cứu hộ tất cả. Hôm nay ông chí tâm khởi Bi vô cực mà dấy lên ý đạo. Nhờ cội gốc đức này, Như Lai khen ngợi ông! Bảy ngày, bảy tháng hoặc đến một năm làm công đức mà phước chẳng thể cùng tận, nhờ gieo trồng hạnh thiện mới như vậy.

Đức Phật thấy được ý nghĩ trong lòng của con vua rồng Uy Thủ, liền cười rạng rỡ. Phép cười của chư Phật có vô ương số màu sắc, mà từng sắc từng sắc đều khác. Ánh sáng từ miệng Đức Phật phát ra soi chiếu thế giới chư Phật nhiều chẳng thể kể xiết. Ánh sáng ấy nhiễu quanh thân Đức Phật ba vòng rồi theo đỉnh đầu mà vào.

Bấy giờ, Hiền giả A-nan dùng kệ khen Đức Phật:

Trăm phước công đức trang nghiêm thân
Thể đủ ba mươi hai tướng tốt
Trong sạch không bẩn như ánh trăng
Ngài cười hôm nay, vui điều gì?
Lìa ba cấu không bụi sạch trong
Như trăm lá hoa, hành không mệt
Được trời, người, thần rồng cung kính
An trụ, nay vì sao Ngài cười?
Hay thay! Răng đều bằng sạch trong
Mặt Đấng Thập Lực sáng thơm sạch
Do trừ căn nguyên của tử sinh
Nay Thế Tôn cười vì điều gì?
Không tỳ vết, tâm như hư không
Ý bình đẳng bạn lành, kẻ oán
Giữ chí như đất, không ghét thương
Nguyện Thế Tôn sao vui cười vậy?
Lời giảng âm thanh như Phạm thiên
Như sấm chim Ai loan vi diệu
Lời nói nhu nhuyến ai chẳng mừng

Sao Ngài cười? Nguyện Thế Tôn nói!
Tâm đối Thánh tuệ, không chấp trước
Biết vận hành tâm cả ba đời
Hiểu căn mọi người được vui mừng
Nay Đạo sư cười, cảm gì vậy?
Vì là thành Y vương
Trị liệu bệnh chúng sinh
Hay thí yên rốt ráo
Duyên gì cười? Thế Tôn!
Hộ đức vì con nói
Chư Thiên và nhân gian
Nghe đều sẽ vui sướng
Chí ở các thông tuệ!

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Ông có thấy con vua rồng Uy Thủ đứng ở trước Phật chí tâm phát ý đạo Vô thượng chánh chân chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

–Thưa vâng, con đã thấy!

Đức Phật dạy:

–Con vua rồng Uy Thủ đó, trải qua tám trăm lần chẳng thể kể vô ương số kiếp sẽ được làm Phật hiệu là Tuệ Kiến Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, thế giới tên là Tịnh trụ, kiếp tên là Minh sát. Con vua rồng đó chí thành phụng hành đạo Bồ-tát, gặp vô ương số các Đức Phật cúng dường phụng sự, thường tu phạm hạnh, khai hóa độ thoát vô lượng chúng sinh, khiến họ an trụ ba thừa.

Thế giới Tịnh trụ của Đức Như Lai Tuệ Kiến giàu có thuần thục, năm giống lúa dồi dào, an lạc không lường, trời người đông đúc, quần áo, đồ ăn thức uống giống như trên cõi trời Viêm. Đức Phật ấy sẽ sống lâu đến trăm vạn năm, có sáu mươi ức Hiền thánh chúng Tăng Thanh văn, một trăm hai mươi vạn ức Bồ-tát. Những vị thân cận Đức Như Lai Tuệ Kiến ấy đều được Tam-muội Từ hạnh. Đức Như Lai Tuệ Kiến nói kinh, nếu hành giả Thanh văn lần đầu thấy Phật thì được Đạo tích, thấy lần thứ hai thì được Vãng lai, thấy lần thứ ba thì được Bất hoàn, thấy lần thứ tư thì được Vô sở trước. Người có chí Đại thừa thì vừa đến hầu hạ Đức Như Lai Tuệ Kiến liền được Nhẫn nhu thuận, thấy lần nữa thì được thần thông, thấy lần thứ ba thì được Biện tài tổng trì, thấy lần thứ tư thì được pháp Nhẫn bất khởi. Thế giới Tịnh trụ không có người hủy phạm giới, ý thanh tịnh không tà đều trụ ở chánh

kiến. Người ở đó sau khi mạng chung không có đường ác đều sinh lên trời hay cõi Phật thanh tịnh...

Con vua rồng Uy Thủ nghe Đức Phật thọ ký rất đỗi vui mừng, lòng lành phát sinh. Ông dâng trăm ngàn chuỗi ngọc để tung lên trên Đức Phật, chắp tay nói kệ khen:

Nhân Tôn thanh tịnh như ánh trăng
Uy thần, vô lượng chúng tôn kính
Năng lực Tổng trì ấy không lường
Nguyện cúi lễ Đấng Vô Biên Tuệ!
Thánh từ chẳng thể hạn lường
Chẳng thể bàn trí sáng không vết
Cấm giới rộng, định trụ khắp cùng
Cúi đầu Nhân Tôn như hư không!
Không lường không hạn ức kiếp số
Không gì chẳng vào, hạnh rốt cùng
Do vậy hiểu biết những chúng sinh
Chỗ về tâm tánh các cội gốc.
Dung nhan Thế Tôn, người nhìn thấy
Một lòng quan sát không nhàm chán
Chẳng bị mê hoặc của trần tục
Bẩn dơ ái dục đều diệt tan.
Ai loan, Câu-di các thần, quỷ
Cũng như vậy, tiếng của Phạm thiên
Tiếng nghe mười phương rất vi diệu
Sánh tiếng Như Lai siêu việt hơn.
Giả như mặt trời rơi xuống đất
Nước biển phải khô, Tu-di tan
Hư không còn nát, đất lật ngược
Trọn không khác, lời nói Thế Tôn.
Thế Tôn chí thành nói chắc chắn
Đem Đại Thánh Tuệ trao cho con
Con không hồ nghi, trừ lưới kết
Được Phật tự tại làm Chúng Hựu.
Mười phương vô lượng ức vạn nước
Đầy trân bảo cúng thầy dẫn đường
Giả sử có người phát tâm đạo
So trồng đức trước thì đây hơn.
Cúng dường Chánh Giác, đức đệ nhất

Nếu người phát chí Đạo Phật Tôn
Là đã báo ân Đấng Thập Lực
Mạng Đạo Sư này chẳng đoạn tan.

Con vua rồng nói bài kệ khen Đức Phật này rồi, mười ngàn người đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân và đều nói lên:

–Khi Đức Như Lai Tuệ Kiến chứng được Tối chánh giác thì chúng con đồng lòng nguyện sinh về thế giới Tịnh trụ để phụng trì lời dạy chánh pháp của Đức Như Lai đó, đồng thời cúng dường Đức Phật đó. Sau khi Đức Phật diệt độ, chúng con lần lượt bổ xứ vào cõi ấy, được Tối chánh giác.

Đức Phật thọ ký cho họ đều sẽ sinh về thế giới Tịnh trụ.

-oOo-

PHẬT THUYẾT HẢI LONG VƯƠNG KINH

QUYỂN 3

Phẩm 10: Thỉnh Phật

Bấy giờ, Hải Long vương bạch Đức Thế Tôn:

–Nguyện xin Đức Phật gia thêm lòng thương xót các trời, rồng, thần và vô lượng người khiến cho được yên ổn, kính thỉnh Ngài vào biển cả, đi đến trong cung của con, hạ cố đến bữa ăn đạm bạc. Vì sao? Vì trong biển lớn có rồng, quỷ, thần, thần Hương âm và vô số loài chúng sinh khác. Thấy Đức Như Lai rồi, họ đều gieo trồng cội gốc đức đều sẽ đi đến pháp hội và do nghe pháp âm mà đoạn trừ nguồn gốc của sinh tử không đáy. Toàn cung rồng chúng con đều nhờ ân đức ấy, trên trời nhân gian nhờ đó mà được độ thoát. Đức Như Lai thị hiện lòng đại đạo của Phật khắp nơi khiến cho thân chúng con gần gũi với đạo phẩm pháp.

Đức Phật thương xót vua rồng, lặng yên nhận lời mời ấy để cho vô lượng người đều sẽ được gieo trồng rộng rãi mọi cội gốc đức. Vua rồng biển thấy Đức Phật nhận lời mời thì rất vui mừng, cúi đầu lễ dưới chân Đức Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng, rồi cùng với quyến thuộc bỗng nhiên biến mất. Vua rồng trở lại biển lớn, nhóm họp dân rồng mà bảo họ:

–Sáng ngày mai, ta sẽ thỉnh Đức Phật, Đức Phật rủ lòng thương đã hứa, các ngươi phải đồng lòng chuẩn bị vật phẩm cúng dường.

Vua rồng biển lại bảo Yến Cư, thần Vô Thiện, Cuống Hoặc Phược Bổ Ly Cấu Cẩm... rằng:

–Các ông nên biết! Đức Như Lai giáng thần, sẽ đi đến biển này. Các ông phải đích thân thống lãnh các quyến thuộc tập hợp đến cung của ta mà hiến dâng bữa ăn cho Đức Thế Tôn.

Vua rồng lại ra lệnh cho các Long vương tên là Chủ Độ vương, Hoan Vô Lượng vương, Ly Cấu vương, Diệm Quang vương, Hý Lạc vương, Thanh Tịnh vương, Diệu Diệu Ý vương, Hiện Chư Nan Vương và chúng trăm ngàn vua rồng khác đều phải đến hội tại nội cung của ông để phụng hầu Đức Như Lai. Vua rồng lại lệnh cho rồng con Uy Thủ:

–Con hãy đến kính cẩn tuyên đọc lệnh của ta cho vua rồng Vô Phần,

để vua ấy lệnh cho các hải cung đến cúng dường Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác.

Uy Thủ tức thời lãnh mạng. Long vương lại lệnh cho con là Cường Uy đi đến đỉnh núi An minh mời vua rồng Hoan Hỷ, vua rồng Ca Hoan Hỷ và Thiên đế Thích đi đến biển lớn, tụ họp ở nội cung của mình để cúng dường Đức Như Lai. Tức thời Cường Uy lãnh mệnh, tuyên lệnh như vậy.

Khi ấy, vua rồng biển hóa làm đại điện, được tạo thành bằng lưu ly xanh biếc, kim cương, vàng ròng xen lẫn nhau, dựng lên tràng phan, tạo giao lộ bằng vàng với chuỗi ngọc báu, lan can làm bằng bảy báu rất rộng lớn, với biết bao hương thơm dùng để đốt xông và tung lên hoa đủ màu bay lả tả như tuyết. Ở trong đại điện hóa lập nên tòa Sư tử cao bốn trăm tám mươi dặm, làm thành bằng mọi thứ báu, trải vô số trăm ngàn tấm lụa ngũ sắc của trời làm tua nơi tòa Sư tử để làm chỗ ngồi cho các Bồ-tát và chúng Tỳ-kheo, từng cái đều trang nghiêm mỹ lệ, thềm bực đặc biệt. Bữa ăn cúng Phật gồm không biết bao nhiêu món vị. Đồ ăn thức uống thiết lễ cúng dường thanh tịnh đã đủ. Bấy giờ, sáng sớm vua rồng biển cùng quyến thuộc sửa soạn kính cẩn đứng ở mười hai hộc núi của dãy núi An minh, từ xa thỉnh Đức Thế Tôn bằng kệ tụng:

Tuệ đặc thù không lường
Với pháp được tự tại
Trí biết rõ mọi việc
Như "không" Thánh vô hạn.
Lìa cấu mắt thanh tịnh
Ở đời là Tối thượng
Đến lúc mời Thế Tôn
Xin thương mà hứa khả.
Tiếng thanh tịnh như Phạm
Nhân hòa, lời nhu nhuyến
Như ai loan sấm vang
Vì chúng hiện cam lộ.
Trừ ngần ấy bụi trần
Vì chúng, thầy thuốc giỏi
Báu loài người, nguyện đến
Nay chính là đúng lúc.
Tâm điều nhu tịch nhiên
An hòa chí nhu nhuyến
Tự độ, cứu chúng sinh

Nhân dân, xin Ngài cứu!
Khai hóa mọi lê dân
Khiến vượt khỏi bốn dòng
Qua bờ kia được yên
Mời Ngài, đã đến lúc!
Ưa bố thí nhân từ
Học đạo giới thanh tịnh
Sức nhẫn nhục tối thượng
Đã được đại tinh tấn.
Diệt trừ thiền thoát môn
Trí tuệ khắp vô lượng
Lời dạy như ánh trăng
Thưa ngài đã đến lúc!
Dấu trí phân biệt đường
Lối tà mãi đã đoạn
Bảy Giác ý, lực, căn
Hóa hiện dùng bốn Đế.
Bình đẳng bốn Ý chỉ
Bốn Thần túc, ý định
Tổng trì thông suốt khắp
Thời đến, xin Ngài đến!
Ba mươi hai tướng tốt
Vi diệu trăm công đức
Vì bảo tồn đức nghĩa
Nên hiện ruộng phước lớn.
Được tôn xưng Chúng Hựu
Như mầm xuân tươi tốt
Thêm từ, xin xót thương
Đại Bi, xin Ngài đến!
Chí như núi Tu-di
Tâm bình đẳng như đất
Trừ ái và tối sân
Như giảng nói không.
Nhân Tôn chẳng tự ti
Cống cao chưa từng có
Về với không thoát môn
Kính thỉnh, nay là lúc!
Biết nghĩa phân biệt liền

Hiểu cốt yếu tùy thuận
Rõ kinh pháp suốt thông
Tâm, hành luôn như thế.
Thấu đạt bản tánh người
Quan sát các nghĩa tuệ
Lạy dưới chân Tối Thắng
Đến lúc, mời Ngài đến!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ xa nghe vua rồng khải bạch thời đã đến, Ngài bảo các Tỳ-kheo đắp y mang bát, đi đến biển lớn khai hóa chúng sinh và tề tựu về Long cung thọ thực. Tỳ-kheo ứng đáp:

–Thưa vâng!

Tức thời, Đức Thế Tôn cùng những vị Bồ-tát, chúng Tỳ-kheo và quyến thuộc vây quanh vọt lên hư không, thân phóng ánh sáng lớn, mưa xuống hoa trời, trăm ngàn nhạc cụ hòa nhau tấu lên, rồi tập họp ở bờ biển, đi đến vườn Hân lạc. Vườn ấy có loài hoa Tư-di tên là Ý lạc, Đức Phật dừng ở đó.

Vua rồng biển đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu dưới chân Đức Phật, kính cẩn trình bày xong rồi lui về đứng một bên. Vua rồng tự nghĩ rằng: "Ta muốn hóa làm thềm bậc báu từ bờ biển xuống đến đáy biển để cho Đức Phật, chúng Tỳ-kheo và các Bồ-tát theo đó xuống biển đến trong cung của ta như thuở xưa Đức Thế Tôn hóa làm thềm báu từ trời Đao-lợi xuống đến cõi Diêm-phù-lợi". Vừa khởi ý niệm này, ông liền từ bờ biển hóa làm ba thềm báu vàng, bạc và lưu ly xuống đến cung điện sâu vi diệu đẹp đẽ.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn dùng năng lực uy thần biến hóa nước trong biển lớn biến mất mà các loài sống trong biển chẳng bị hoạn nạn. Thân Đức Phật phóng ánh sáng soi đến biển lớn và đến khắp tam thiên đại thiên thế giới. Thân các loài sống trong biển ấy nhờ ánh sáng này đều có lòng từ mẫn nhu hòa nhân ái, chẳng nhiễu hại lẫn nhau, nhìn nhau như cha như mẹ, như anh, như em như con không khác. Bấy giờ, người trời cõi Dục, người trời cõi Sắc theo hầu Đức Thế Tôn, muốn nghe đạo hóa và còn muốn chiêm ngưỡng cung điện trang nghiêm của Long vương.

Đức Phật cùng các vị Bồ-tát và đại Thanh văn, chư Thiên, rồng, thần, thần Hương âm, thần núi Phượng hoàng, thần Điềm nhu, Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương từ cây hoa Tư di trong vườn Hân lạc muốn đi đến cung vua rồng. Đức Phật bước lên bậc thềm báu ở chính giữa, các chúng Bồ-tát trụ ở thềm bên phải, các đại Thanh văn trụ ở thềm bên trái, sáu mươi ức Đế Thích dẫn đường ở trước, sáu mươi ức Phạm thiên ở trên hư không

đều cầm lọng báu, sáu mươi ức trời ở phía sau Đức Phật mưa xuống hoa trời, sáu mươi ức người trời cõi Dục tấu các nhạc cũ cúng dường Đức Phật, sáu mươi ức chúng ma đều ở trước Đức Phật vẫy nước thơm tưới đất, sáu mươi ức hoàng hậu rồng ở giữa hư không đều hiện nửa thân mình, tay cầm chuỗi ngọc tung xuống Đức Phật, sáu mươi ức thần núi đều tấu nhạc cụ ca ngợi công đức của Đức Phật, sáu mươi ức thần Hương âm, tay cầm lọng hoa dâng lên trên Đức Phật, sáu mươi ức thần Vô thiện đều đem ngần ấy trăm ngàn loại áo để che lên trên Đức Phật, vua rồng Vô phần cùng hàng ức trăm ngàn quyến thuộc, ở trên hư không đều dùng hoa hương, tạp hương, bột thơm... trỗi mọi nhạc cụ trang nghiêm các rồng và đem các hoa trời để cúng dường Đức Phật... đủ loại như vậy, sáu vạn vua rồng đều cúng dường Đức Phật, muốn yết kiến Đức Thế Tôn và vua rồng biển.

Có hai vị Bồ-tát ở cõi Phật của Đức Như Lai Vô Lượng Thọ của thế giới An lạc hiệu là Quán Thế Âm, Đại Thế Chí đại sĩ đã cùng với vô ương số ức các Bồ-tát vì Đức Phật Thế Tôn mà thị hiện sự cúng dường trang nghiêm của mình làm cho vật phẩm cúng dường trang nghiêm trước đó bị che khuất biến mất, không ai có thể biết.

Có hai vị Bồ-tát ở cõi Phật của Đức Như Lai Nan Đãi của thế giới Diệm khí hiệu là Đại sĩ Pháp Anh, Pháp Đạo.

Có hai vị Bồ-tát ở cõi Phật của Đức Như Lai Vô Nộ của thế giới Diệu lạc hiệu là Đại sĩ Hương Thủ, Chúng Hương Thủ.

Có hai vị Bồ-tát ở cõi Phật của Đức Như Lai Nguyệt Biện của thế giới Chiếu minh hiệu là Đại sĩ Sư Tử, Sư Tử Âm.

Có hai vị Bồ-tát ở cõi Phật của Đức Như Lai Thiện Mục của thế giới Bất tuần hiệu là Đại sĩ Đạo Ngự, Chư Pháp Tự Tại.

Có hai vị Bồ-tát ở cõi Phật của Đức Như Lai Phổ Thế của thế giới Quang diệu hiệu là Bảo Trường, Bảo Diệm.

Có hai vị Bồ-tát ở cõi Phật của Đức Như Lai Bảo Thủ của thế giới Lạc ngự hiệu là Tuệ Bộ, Tuệ Kiến.

Có hai vị Bồ-tát ở cõi Phật của Đức Như Lai Phổ Quán của thế giới Quang sát hiệu là Vũ Vương, Pháp Vương.

Có hai vị Bồ-tát ở cõi Phật của Đức Như Lai Tôn Tự Tại của thế giới Ái kiến hiệu là Thoái Ma, Hậu Ma Vương...

Nói tóm lại, khắp mười phương đều có vô ương số ức những Bồ-tát như vậy đều đến khen ngợi vua rồng trong biển, muốn diện kiến Đức Như Lai để cúng dường phụng sự. Đến đây, Đức Thế Tôn dùng sức Đại đạo chư Phật cảm động để làm gương soi đạo đức, dùng uy lực rộng lớn của Phật

khuyến hóa không hý luận để cúng dường chư Phật. Đức Phật phóng ánh sáng lớn soi suốt mười phương vô lượng thế giới dùng "âm thanh của tiếng gầm đại sư tử" của Phật mà giảng nói giáo hóa. Hàng trăm ngàn chư Thiên đều tấu âm nhạc, mưa xuống hoa trời, diệt trừ các đường ác, bố thí cho tất cả sự yên ổn. Có Tam-muội tên là "Lập ư đại ai hoan duyệt quần manh", Đức Phật vào chánh thọ Tam-muội rồi, Ngài tạo tác ánh sáng trang nghiêm cho biển lớn chẳng thể nghĩ bàn.

Đức Phật từ thềm báu giáng thần xuống cung điện trong biển, tự nhiên âm nhạc vang khắp mười phương vô lượng thế giới. Uy thần của Đức Phật và sự cảm động của Như Lai đều có thể thấy khi Đấng Năng Nhân Như Lai xuống đến biển lớn. Lúc ấy, hàng ức trăm ngàn ngọc nữ, hoàng phi cùng thê thiếp của thần Vô thiện, thần Phượng hoàng, thần Sơn, thần Điềm nhu, thần khác... đều mang theo nhạc cụ đi nghênh đón Đức Phật. Họ điều hòa các âm nhạc mà ca tụng công đức của Đức Phật:

Bố thí, giới thanh tịnh
Sức nhẫn lòng từ tôn
Tinh tấn, nghĩa siêng năng
Lễ ưa thiền, giải thoát
Lòng tịnh tuệ trí sáng
Nghiêm minh hiển uy thần
Hiện tại bày giải thoát
Nên đến trừ cấu trần
Bố thí cam lộ an
Đạo ngự hết nhơ uế
Đức nhiều như hư không
Biển tuệ mời xuống biển!
Lời cốt yếu đầy đủ
Giảng khen Độ vô cực
Thí mắt sáng thanh tịnh
Người trên của tất cả!
Ngợi khen nghĩa sâu xa
Thương người, sáng không sánh
Thờ cúng, tuyên dương khắp
Hàng phục các ngoại đạo.
Thí pháp không keo kiệt
Giảng kinh sạch dục trần
Ngợi khen ánh tuệ thật
Đạo phô diễn trân quý báu

Thấy Đế, chớ chẳng nhận
Chánh quán đoạn kết sử
Như núi vững, chẳng động
Cúi đầu thầy dẫn đường!
Chư Thiên, Kim sí điểu
Chân-đà-la, Tu-luân
Ca-lưu, Cưu-bàn-trà
Nguyện cúi đầu dưới chân!
Ba mươi hai tôn tướng
Hiện vô tỷ diệu lành
Thể mềm sắc vàng tía
Móng dưới chân an bình
Tiếng hay như ai loan
Tiếng ấy vượt Phạm thiên
Âm vượt ba ngàn cõi
Cúi đầu Nhu nhuyến âm!
Căn điều, tâm tịch mịch
Giống như ánh chớp trăng
Nói thật, luôn bình đẳng
Xin cúi đầu ưa pháp!
Khổ già, bệnh, độ xong
Cứu tất cả giải thoát.
Mọi ma đều phục hàng
Diệt trừ sinh hiện tận
Vô trước, trần lao tan
Được chư Thiên tôn kính
Chí tôn, cứu hộ khắp!
Đạo sư khai hóa chúng!

-oOo-

Phẩm 11: Mười đức sáu độ

Lúc ấy, công chúa và các hoàng phi, hoàng hậu của vua và các hoàng hậu thần Vô thiện, thần Phượng hoàng, thần núi, thần Điểm nhu... cùng khen ngợi Đức Phật xong, tất cả đều phát ý đạo Vô thượng Chánh chân. Họ cởi chuỗi ngọc trên thân để tung lên trên Đức Phật. Đức Phật cùng đại chúng đều xuống đến biển lớn. Đến ngôi thành trong biển ấy, Đức Phật đi thẳng đến đại điện trang nghiêm của vua rồng biển, ngồi lên tòa Sư tử. Các

vị Bồ-tát và chúng Tỳ-kheo đều lần lượt ngồi vào tòa ngồi trong cung điện ấy.

Bấy giờ, vua rồng biển cùng quyến thuộc trong cung thấy Đức Phật đã an tọa xong thì tự tay dâng hiến thức ăn thức uống thanh tịnh. Họ đem vô ương số vị ngon cúng dường Đức Phật và Tỳ-kheo tăng. Chư vị ăn uống xong, mang nước rửa tay rồi, họ ngồi trước Đức Phật nghe kinh cùng với chư Thiên, rồng, thần, thần Hương âm, thần Vô thiện, thần Phượng hoàng, thần núi, thần Điểm nhu, Đế-thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương và các Bồ-tát từ mười phương đến trong hội.

Lúc ấy, Đức Phật thấy chúng hội ngồi đã yên định thì từ thân phóng ra ánh sáng. Ánh sáng tên là Thiện độ thuyết pháp nhu hòa, soi hết các loài sống trong biển lớn, từ hạng thượng, trung đến hạng dưới cùng đều chính mắt thấy Đức Phật nên vô cùng vui mừng, nguyện ưa nghe pháp. Họ đều cung kính từ xa cúi đầu làm lễ Đức Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo vua rồng biển rằng:

–Người nương vào thế gian, tạo tác ngần ấy duyên, sự vận hành của tâm chẳng đồng, tội phước đều khác, do đó sự sống khác biệt. Này Long vương! Vả lại quan sát chúng hội và biển cả thấy ngần ấy chủng loại hình mạo chẳng đồng. Các hình mạo đó đều là bức vẽ của tâm. Nhưng tâm không hình sắc, chẳng thể thấy. Tất cả các pháp dối trá như vậy, do mê hoặc khởi ra hình tướng đều không có chủ, tùy theo sự tạo tác ấy mà mỗi mỗi tự nhận lấy. Ví như vị họa sĩ vốn không tạo tượng, các pháp như vậy, chẳng thể bàn. Chúng tự nhiên như tướng huyễn hóa đều là sự tạo tác của tâm. Người sáng suốt thấy các pháp do mê hoặc khởi ra sắc tướng thì sẽ thực hành các thiện đức. Người ấy hiểu được tướng mê hoặc khởi ra thành các pháp, "ấm" là hạt giống của các "nhập" thì sẽ hoan hỷ vui lòng được đoan chánh đẹp đẽ.

Này Long vương! Vả lại quan sát thân của Như Lai, do trăm ngàn phước mà được hợp thành, vượt khỏi chúng hội, lồng lộng hiện khắp. Trăm ngàn đức ấy do được tự tại mà khiến cho Phạm vương, Đế Thích bị che mờ biến mất. Quan sát thân Như Lai, mắt chẳng dám nhìn thẳng vào uy quang ấy. Quan sát sắc thân của các đại sĩ, tướng tốt trang nghiêm đầy đủ đều dùng đức thiện trang sức thân mình.

Đức Phật nói với Long vương:

–Sự trang nghiêm thanh tịnh của ông đều do phước mà thành. Sự trang nghiêm của các Đế Thích, Phạm vương, trời, rồng, quỷ thần, thần Hương âm, thần Vô thiện, thần Phượng hoàng, thần núi, thần Điểm nhu...

đều do phước sinh ra. Hôm nay trong biển lớn này, có ngần ấy chủng loại thân thiện ác, lớn nhỏ, rộng hẹp, đẹp xấu, mạnh yếu, nhỏ nhoi đều từ tâm mình mà đạt được, vì ngần ấy hình mạo đều là hành vi tạo tác của thân, miệng, ý.

Vậy nên, này Long vương! Tự hộ trì hành động của thân là cứu tế tội phước. Hãy học như vậy! Các ông do hộ trì hành động của thân, cứu tế tội phước, thực hành các điều thiện mà được thành Phật đạo, diệt bỏ tà kiến, chẳng trụ ở kiến chấp hữu thường, vô thường, phải cầu quả vị Phật, gieo trồng cúng dường, do cúng dường nên được sự cung kính của chư Thiên và loài người.

Đức Phật nói với Long vương:

–Bồ-tát có một pháp đoạn dứt hết mọi tai nạn của tất cả đường ác. Những gì là một?

–Chuyên quan sát pháp vi diệu xem cái nào là chân lý nhập vào trong pháp là ưa quan sát nhiều pháp thiện, chẳng nghe các điều ác và mọi tư tưởng tà bậy, đã đoạn trừ ác pháp, phụng hành mọi điều thiện thì sinh ra nơi nào cũng cùng tánh hiền thiện với Phật và Bồ-tát.

Đức Phật dạy:

–Những việc thiện nào đã lập gốc đức để an ổn người trời? Chẳng vì gốc Thanh văn, Duyên giác? Lập gốc đạo thì chí đặt vào đạo Vô thượng chánh chân. Những gì gọi là kiến lập căn bản? Đó là làm mười việc. Những gì là mười?

–Thân chẳng sát sinh, trộm cắp, tà dâm.

–Miệng chẳng nói dối, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói thêu dệt.

–Ý chẳng ganh ghét, sân hận, ngu si.

Đó là kiến lập căn bản.

Đức Phật nói với Long vương:

–Người chẳng sát sinh được mười pháp thiện tịch tĩnh. Những gì là mười?

1. Thường bố thí yên ổn cho tất cả mọi người.

2. Thường ưa tâm Từ.

3. Đoạn dứt lòng sân hận.

4. Sinh ở chỗ nào cũng thường không tật bệnh.

5. Thường sống lâu.

6. Được sự hộ trì của loài chẳng phải người.

7. Nằm ngủ an vui chưa từng có ác mộng.

8. Chẳng ôm lòng oán kết.

9. Chẳng sợ đường ác.

10. Sau khi chết được sinh nơi yên ổn.

Người chẳng sát sinh được pháp tịch tĩnh ấy. Dùng đức của gốc thiện chẳng sát sinh để chí nguyện nơi đạo Vô thượng chánh chân, hoặc khi thành Phật được tự tại đối với tuổi thọ vậy.

Đức Phật bảo Long vương rằng:

–Người chẳng trộm cắp được năm pháp tin tưởng. Những gì là năm?

1. Được giàu to, không có vua quan, nước, lửa, trộm cắp, oán gia, con hư có thể trộm lấy.

2. Được sự ái kính của mọi người.

3. Đến chỗ tịch nhiên, không có tai nạn.

4. Hoạn nạn, sợ hãi mãi mãi tiêu trừ.

5. Do chẳng chấp thủ phước nên chí luôn bố thí tuệ.

Gieo trồng mọi gốc đức, chí nguyện đạo Vô thượng chánh chân, do nương theo tuệ Vô kiến của Như Lai thành Tối chánh giác, khiến kiến lập thần thông.

Đức Phật nói với Long vương rằng:

–Người chẳng phạm tà dâm được bốn đức an lạc của người trí sáng suốt. Những gì là bốn?

1. Hộ trì các căn.

2. Lìa các hý luận.

3. Tất cả thế gian đều khen ngợi.

4. Đã lìa khỏi tà dâm thì không dám xem thường thê thiếp của mình.

5. Đem gốc đức đó chí nguyện nơi đạo Vô thượng chánh chân, được tướng mã âm tàng của bậc Đại nhân.

Đức Phật nói với Long vương rằng:

–Người chẳng nói dối thì chư Thiên, loài người dùng tám pháp để khen ngợi. Những gì là tám?

1. Được diện mạo thanh tịnh.

2. Lời nói sẽ được sự tín nhiệm của tất cả mọi người.

3. Tự thành tựu sự chứng đắc, trời người kính trọng.

4. Tâm chí thành, không có tưởng tà vạy.

5. Tâm ý thanh tịnh, không dua nịnh.

6. Có nhiều vui vẻ, người không chán ghét.

7. Hay nhận lời răn cấm, không có lời thô tháo. Sinh lên cõi trời hay nhân gian riêng được tín nhiệm, không có người nghi ngờ.

8. Đem gốc đức lành của lời nói chí thành để chí nguyện nơi đạo Vô thượng chánh chân, do hạnh này nên thường được chí thành.

Đức Phật nói với Long vương rằng:

–Người chẳng nói hai lưỡi được năm sự chẳng biệt ly. Những gì là năm?

1. Thân chẳng biệt ly, không tán loạn.

2. Quyến thuộc chẳng ly tán, chẳng cao ngạo với người khác.

3. Được niềm tin không hoại, thấy duyên báo.

4. Pháp không phá hoại người khác, lấy hành động làm trọng yếu.

5. Được bạn bè hòa thuận do không lừa dối.

Dùng gốc đức đó để cầu Tối chánh giác thì được thành quyến thuộc không loạn của Như Lai. Tất cả mọi ma cùng với oán địch nhất định chẳng thể phá hoại quyến thuộc của Như Lai

Đức Phật nói với Long vương:

–Người không ác khẩu được tám quả báo của ngôn từ thanh tịnh, sau khi mạng chung được sinh lên trời. Những gì là tám?

1. Lời nói như thật.

2. Lời nói nhu nhuyến.

3. Lời nói ứng hợp.

4. Lời nói hòa thuận.

5. Lời nói có thể chấp nhận.

6. Lời nói rõ ràng.

7. Lời nói mà mọi người không ai chẳng tin theo, ưa thích.

8. Lời nói chẳng lừa dối mọi người.

Do gốc đức này mà chí nguyện nơi đạo Vô thượng chánh chân thì được thành tựu âm thanh vượt trời Phạm của Như Lai.

Đức Phật nói với Long vương:

–Người chẳng nói lời thêu dệt thì được ba hạnh chân chánh. Những gì là ba?

1. Thường làm cho mọi người hiểu rõ những sự kính yêu bình đẳng.

2. Lòng luôn chuyên nhất vào chí thành, chẳng dùng nhiều lời.

3. Ở trên trời và nhân gian luôn được tôn trọng chẳng bị phiền toái.

Dùng gốc đức đó chí nguyện nơi đạo Vô thượng chánh chân thì được sự thọ ký của Phật, được thành Như Lai, lời nói không sai khác.

Đức Phật nói với Long vương:

–Người chẳng ganh ghét được năm uy thần. Những gì là năm?

1. Thân, miệng, ý sáng suốt, các căn đầy đủ.

2. Được của cải giàu có cùng cực, tiêu dùng tùy thích.

3. Hàng phục các oán địch, ưa nghiệp sinh hoạt ăn uống vị ngon.

4. Phước đức lồng lộng, được sự cung kính của các quốc vương, nhờ che chở.

5. Có của báu vi diệu của riêng mình, nhờ gốc công đức thuở xưa nên sinh vào nhà thù thắng chẳng ganh ghét của cải người khác, do gốc đức đó, chí nguyện nơi đạo Vô thượng chánh chân, thành tựu ngang bằng Thế Tôn, ba cõi phụng thờ.

Đức Phật nói với Long vương:

–Người chẳng sân hận được tám pháp tâm hoan hỷ. Những gì là tám?

1. Không hại niềm vui chắc thật, diệt trừ sân hận.

2. Vui với tâm thành thật, chẳng ưa tâm tranh cãi.

3. Ưa ngay thẳng an tường mà nhu hòa.

4. Bình đẳng với Thánh hiền luôn mang tâm Từ.

5. Đầy đủ tâm Bi, thấy người an vui.

6. Đoan chánh đẹp đẽ, mọi người cung kính.

7. Sinh lên cõi trời Phạm chẳng lấy làm khó.

8. Tâm dùng phương tiện xót thương, nhu hòa với mọi người.

Đó là tám.

Do tám gốc đức đó, chí nguyện nơi đạo Vô thượng chánh chân thì được làm Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, người nhìn không chán.

Đức Phật nói với Long vương:

–Người chẳng tà kiến được mười pháp đức. Những gì là mười?

1. Chí tính chân thật, được gặp bạn lành.

2. Tin quả báo thiện ác, nếu có mất mạng, chẳng làm tổn thương, xâm phạm người.

3. Nghĩ, làm Phật đạo, tâm không sai khác.

4. Chẳng thờ trời, thần, chí luôn chất phác.

5. Xả bỏ dua nịnh, thuật thần chú.

6. Cùng những người trời kết làm bạn bè.

7. Chẳng cùng với địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh làm bạn lữ.

8. Cùng với mọi công đức thù thắng, đạo Thánh lồng lộng làm tối thượng.

9. Lìa khỏi tà kiến, lìa khỏi tham sân, lìa khỏi ác kiến đều không ngăn ngại.

10. Đối với Thánh bình đẳng, phút chốc sinh lên cõi trời và nhân gian.

Đó là mười pháp đức.

Dùng gốc đức lìa khỏi tà kiến để chí nguyện nơi đạo Vô thượng chánh chân thì được gần đạo pháp của chư Phật, mau chóng chứng được thần thông, thành Như Lai.

Đức Phật nói với Long vương:

–Bồ-tát lìa khỏi sát sinh, làm bố thí thường được giàu sang, sống lâu vô cùng.

Hành đạo Bồ-tát thì tất cả oán kết bên ngoài không thể đương đầu, đã lìa trộm cắp mà bố thí thì đã có nhiều của cải, người chẳng dám lấy.

Hành đạo Bồ-tát thì không thể phương hại, phế bỏ mà lại tụ họp tất cả pháp công đức, lìa khỏi tà dâm, bố thí thì đời sau thường giàu có, vợ không có tình trạng lỗi lầm. Ở tại nhân gian, không người dám xâm phạm, chẳng nhìn hình sắc con gái nhà khác. Người lìa khỏi vọng ngữ, bố thí thì thường giàu có lớn, chẳng bị bài báng, vì người thấp hèn đều nhờ ân ủng hộ.

Hành đạo Bồ-tát thì lời nói và việc làm tương ứng, chí nguyện kiên cường, lìa khỏi nói hai lưỡi, bố thí thì thường giàu có, quyến thuộc chẳng cách biệt.

Hành đạo Bồ-tát thì được tất cả quyến thuộc tánh ngay thẳng bình đẳng của Bồ-tát, đã không nói lời ác, bố thí thì thường giàu có lớn, lời nói ra có người thọ lãnh.

Hành đạo Bồ-tát vào với chúng hội không ai chẳng vui thích, không nói lời thêu dệt, bố thí thì thường giàu có lớn, lời nói luôn đi đôi với việc làm.

Hành đạo Bồ-tát đoạn dứt tất cả nghi ngờ, lìa khỏi ganh ghét, bố thí thì thường giàu có lớn, đầy ắp vui mừng tốt đẹp, áo quần, ăn uống, giường nằm đầy đủ.

Hành đạo Bồ-tát rồi, mừng vui, gia thêm bố thí thì được tôn quý, lìa khỏi lòng sân hận, bố thí thì thường giàu có lớn, uy nghi sáng ngời đoan chánh, lời đã nói ra thì mọi người yêu thích.

Hành đạo Bồ-tát, lòng không gia hại, các căn đầy đủ, lìa khỏi tà kiến, bố thí thì thường giàu có lớn trụ ở chánh kiến, sinh vào dòng họ danh tiếng, gặp được Phật Thế Tôn.

Hành đạo Bồ-tát chẳng lìa khỏi các Đức Phật, luôn được nghe pháp, phát tâm Bồ-tát.

Đức Phật nói với Long vương:

–Đó gọi là Thập thiện trang nghiêm bố thí rộng lớn. Những ai đối với, mười hạnh thiện này mà dùng giới trang nghiêm thì tự đủ nguyện, được các Phật pháp; dùng nhẫn trang nghiêm các tướng tốt, thành tựu âm thanh của Phật; dùng tinh tấn trang nghiêm thì hàng phục được ma oán; dùng đạo pháp của Phật trang nghiêm thì có sự giải thoát; dùng thiền trang nghiêm làm nơi hướng đến của tâm ý thì thanh tịnh; dùng trí tuệ trang nghiêm thì tiêu trừ các kiến chấp; hành Từ trang nghiêm thì phải dùng lòng nhân hòa chẳng hại chúng sinh; hành Bi trang nghiêm thì chẳng bỏ chúng sinh; hành Hỷ trang nghiêm thì không lòng lười chán; hành Xả trang nghiêm thì được không chấp trước, đoạn dứt các nghi kết; hành ân trang nghiêm thì khuyến hóa được chúng sinh, hành Ý chỉ trang nghiêm thì dừng các thọ của thân, tâm pháp đầy đủ; hành Ý đoạn trang nghiêm thì đoạn trừ các pháp ác, đầy đủ đức lành; Thần túc trang nghiêm thì được thần thông nhẹ nhàng; năm Căn trang nghiêm thì được hạnh kiên cố ấy, dùng tinh tấn tăng thượng mà không buông lung, dùng tâm sửa trị trừ các trần lao; năm Lực trang nghiêm thì dùng lòng chất trực hàng phục giáo hóa mọi oán địch; Giác ý trang nghiêm thì hiểu rõ các pháp do nơi gốc chân như. Tám đường trang nghiêm thì mang lại chánh tuệ tịch nhiên trang nghiêm, diệt trừ tất cả các cấu bẩn trần lao; dùng quán trang nghiêm thì quán các pháp, xét kỹ đều không; thiện xảo trang nghiêm thì có số không số, hữu vi, vô vi đầy đủ yên ổn.

Đức Phật nói với Long vương:

–Nói tóm lại, đức của Thập thiện đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy thì thành các Phật pháp. Do đầy đủ những điều đó nên đối với đức Thập thiện này trang nghiêm rộng khắp, thường phải tinh tấn. Ví như nước quận, huyện ấp, làng xóm, gò đống, trăm giống lúa, dược thảo, cây cối, hoa quả... gieo trồng, gặt hái đều do nơi đất mà tạo lập. Đức mười thiện cũng vậy, trên trời nhân gian đều nương nhờ vào đó. Những người học, chẳng học và được chứng quả, trụ ở đạo Duyên giác, đạo Bồ-tát mà hành đạo pháp của các

Đức Phật đều do từ đó mà ra.

Đến đây, Long vương bạch Đức Thế Tôn rằng:

–Sao gọi là thể nhập hạnh pháp môn Bồ-tát? Người vào pháp môn thì tiêu trừ tội của ấm cái đời trước. Đã trừ được phiền não thì đạt được siêu thoát.

Đức Phật nói với Long vương:

–Bồ-tát có một pháp trừ các tội lỗi. Những gì là một?

Luôn được sự ủng hộ, chẳng bỏ lời nói hối lỗi về những tội đứng đầu!

Lại có hai pháp trừ các tội lỗi. Những gì là hai?

1. Thường quán pháp thanh tịnh.

2. Chẳng tạo tội hiện tại.

Lại có ba pháp trừ các tội lỗi. Những gì là ba?

1. Vào tuệ nhân duyên.

2. Đầy đủ lòng vui vẻ.

3. Nương pháp bản tịnh rõ biết vốn không.

Lại có bốn pháp trừ các tội lỗi. Những gì là bốn?

1. Hiểu rõ đối với Không.

2. Chẳng trụ ở Vô tướng.

3. Hướng tới Vô nguyện.

4. Tuệ không tạo tác.

Lại có năm pháp trừ các tội lỗi. Những gì là năm?

1. Không ngã.

2. Không nhân.

3. Không thọ.

4. Không mạng.

5. Không thức.

Lại có sáu pháp trừ các tội lỗi. Những gì là sáu?

1. Hoan hỷ thuần tín.

2. Không có hoài nghi.

3. Qua lại tiến dừng.

4. Quan sát chân lý.

5. Việc làm chí thành.

6. Chẳng mất niềm tin chân chánh.

Đó là sáu pháp trừ các tội lỗi.

Long vương bạch Đức Phật rằng:

–Sao gọi là Bồ-tát đạt đến siêu thoát?

Đức Thế Tôn đáp:

–Bồ-tát có mười việc đạt đến siêu thoát. Những gì là mười?

1. Thường hoan hỷ.

2. Tâm tánh thanh tịnh.

3. Phương tiện thiện xảo.

4. Kiên cường tinh tấn.

5. Quan sát người vật.

6. Hành Bi vô cực.

7. Tu đức không chán.

8. Học rộng hiểu nhiều chẳng mệt.

9. Phụng trì không buông lung.

10. Nghĩ đến đạo tràng.

Những việc đó khiến Bồ-tát được Phật tuệ, chẳng bỏ đạo tâm. Đó là mười việc, Bồ-tát thực hành thì đạt đến siêu thoát.

-oOo-

Phẩm 12: A-tu-la Yến cư được thọ ký

Đến đây, thần Vô thiện Yến Cư bạch Đức Thế Tôn rằng:

–Sao gọi là Bồ-tát vượt lên trên các đức?

Đức Phật bảo thần Vô thiện rằng:

–Bồ-tát có tám pháp vượt lên trên các đức. Những gì là tám?

1. Ở đây, Bồ-tát lìa khỏi cống cao, vì tất cả mọi người, khiêm hạ cung kính nhận lời dạy bảo kính thuận, lời nói và hành động tương xứng, khiêm nhường thuận theo bậc tôn trưởng.

2. Tất cả đức hạnh, các pháp là gốc.

3. Các hạnh kiên cường, vượt các đức thiện.

4. Ưa thích ngần ấy sự bố thí vi diệu.

5. Thà mất thân mạng chẳng cầu tiện nghi của người khác.

6. Thấy có người nguy hiểm sợ sệt thì ban cho vô úy.

7. Người đến nương nhờ chẳng xả bỏ ai.

8. Cầu tất cả nghiệp phước tuệ chẳng cảm thấy chán, đủ.

Đó là tám pháp.

Thần Vô thiện lại hỏi Đức Phật rằng:

–Bồ-tát có bao nhiêu pháp hạnh để được thân to lớn? Gương mặt rộng đầy đặn? Quyến thuộc đông đúc? Ý nghĩ rộng vô cực?

Đức Phật bảo thần Vô thiện Yến Cư rằng:

–Bồ-tát có bốn việc được thân to lớn. Những gì là bốn?

1. Chẳng nói việc làm tham lam ganh ghét của người khác.

2. Tạo tác hình tượng của Đức Phật với căn tướng đầy đủ.

3. Hòa hợp, ly biệt khuyên bảo khiến cho chí nguyện ở đạo Vô thượng chánh chân.

4. Hướng đến chúng sinh, không làm tổn thương tướng mạo.

Đó là bốn việc được thân to lớn.

Bồ-tát có bốn việc để gương mặt rộng đầy đặn. Những gì là bốn?

1. Dùng ngần ấy chuỗi ngọc mà dùng bố thí.

2. Tất cả vật yêu thích đem bố thí mà chẳng tiếc.

3. Luôn dùng mắt Từ chiêm ngưỡng Như Lai.

4. Thấy người đoan chánh chẳng sinh lòng ganh ghét.

Đó là bốn việc được khuôn mặt rộng đầy đặn.

Bồ-tát có bốn việc được quyến thuộc đông đúc. Những gì là bốn?

1. Lìa khỏi lời nói hai lưỡi.

2. Chưa từng phá hoại quyến thuộc người khác.

3. Thấy bè bạn người khác thì thay họ vui mừng.

4. Chẳng bỏ tâm đạo, đồng thời giáo hóa người khác khiến họ phát ý đạo.

Đó là bốn việc.

Bồ-tát có bốn việc ý rộng vô cực. Những gì là bốn?

1. Tâm ấy thanh tịnh mà không dua nịnh.

2. Trừ ái dục cực nặng, ở chỗ trung gian mà không chán mệt.

3. Chí nguyện ở pháp yếu thậm thâm vi diệu.

4. Gốc ngọn của tất cả các pháp đều rỗng không.

Đó là bốn pháp Bồ-tát được ý rộng vô cực.

Đến đây, thần Vô thiện Yến Cư cùng ba vạn hai ngàn quyến thuộc đều dùng vô số chủng loại, tám ngàn hoa trời tung lên trên Đức Thế Tôn, dùng kệ khen rằng:

Loài người ở mười phương
Chẳng có thể lường xét
Khoảng thời gian giây lát
Cúng dường Đức Thế Tôn.
Giả sử người mười phương
Cúng dường tất cả đức
Ở tại trăm ngàn kiếp
Bố thí tâm bình đẳng.
Lòng từ chẳng thể sánh
Thực hành phước thương xót
Tịch nhiên rất ứng hợp
Đâu cúng dường báo đáp?
Đó là những phụng sự
Cúng dường Phật mười phương
Phát tâm không đồng đẳng
Trụ Chánh đế ứng hợp.
Ở đây con tự tại
Lập chí, không dua nịnh
Bản vô đã hiểu rõ
Phật đạo, tự được thành.
Đấng Nhân Tôn thương xót
Ba cõi, chứng ngã không
Mười lực thông đạt ngã
Hiểu tâm tánh hạnh con.
Nhu nhuyến không khiếp nhược
Lìa khỏi các kinh sợ
Bố thí giới thù thắng
Trì giới và nhẫn nhục
Tinh tấn với ý thiền
Vì ứng trụ trí tuệ
Thuận theo tâm từ mẫn
Thường giữ chí thành kính.
Chẳng vì con, thêm thương
Chẳng nhận sự thọ ký
Nhân Tôn! Con đảm đương
Riêng được Phật thọ ký!
Chí con chẳng nghi ngờ
Là chẳng thành tự tại

Con rõ hết, rốt cùng
Ở đạo chí thanh tịnh.
Khi Đấng Nhân Tôn cười
Nguyệt Anh liền hỏi rằng:
Nay sao cười rạng rỡ?
Xin bậc Thánh giảng nói!
Khi hóa độ, bảo rằng:
Nguyệt Anh lắng nghe kỹ
Ta sở dĩ hiện lên
Phóng ra ánh sáng lớn
Vì Tu-la Yến Cư
Chí nguyện tôn Đại đạo
Ba vạn hai ngàn người
Tùy tùng và quyến thuộc.
Trong số kiếp trăm ngàn
Thường hành đạo Bồ-tát
Tất cả chí tương đồng
Sẽ được đạo Thánh Phật
Sẽ cúng dường Thế Tôn
Nhiều như cát sông Hằng
Nhân dân được khai hóa
Số ấy lại nhiều hơn.
Kiếp ấy tên Hoan hỷ
Danh hiệu Tịnh Phục Tịnh,
Được Phật Ly Tịch Trần
Hiểu rõ không lo ngại
Yến Cư Quảng Phổ này
Sẽ được làm Pháp vương
Vượt trên lực tinh tấn
Hiệu là Đế Phiến Tràng.
Thế giới ấy tên gọi
Hân lạc nhân trang nghiêm
Nhật thực nhiều thừa thải
Ví như trời Đâu-suất
Tuổi thọ Đức Phật ấy
Bảy mươi ức vạn năm
Đầy đủ sáu mươi ức
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni

Còn các chúng Bồ-tát
Số hơn tám trăm ức
Trụ vững ở Tổng trì
Đã nghe đều thông suốt.
Kia ở kiếp Hoan hỷ
Hiệu là Tịnh Phục Tịnh
Đều do sánh như vậy
Sẽ thành Phật đạo tôn
Khai hóa trăm ngàn người
Khiến trụ đạo Thế Tôn
Quán đủ đức thù thắng
Là đạo tâm Bồ-tát.
Yến Cư Vô thiện thần
Nghe Đức Phật thọ ký,
Đại chúng bốn ngàn muôn
Đều phát tâm Bồ-tát
Chấn động ba ngàn cõi
Hoa trời liền mưa xuống
Hay thay! Nắm giữ đức
Giữ gìn ý và tâm.

-oOo-

Phẩm 13: Vue Rồng vô phần được thọ ký

Bấy giờ, vua rồng Vô Phần bạch Đức Phật rằng:

–Tất cả các pháp đều không chỗ trụ, cũng không có người thì sao có thọ ký? Ai sẽ thành tựu đạo Vô thượng chánh chân làm Tối chánh giác?

Đức Phật đáp:

–Đúng vậy! Đúng như lời nói của ông! Tất cả các pháp đều không chỗ trụ, cũng không có người. Tất cả các pháp cũng như vậy. Kẻ phàm phu ngu muội trụ nơi điên đảo, ngã, ngã sở, nhân, vô nhân, khởi lên tưởng về nhân.

Bồ-tát phát lòng đại Bi vì muốn trừ điên đảo, khử bỏ ngã, ngã sở, nhân nên mặc áo giáp giác đức. Những vị Chánh sĩ này hiểu rõ các pháp không ngã, ngã sở, nhân, nhưng vì khai hóa dẫn dụ nên trụ ở ngã, ngã sở, nhân, mạng, liên hệ đến lời nói của ông, ai được thọ ký? Các ông lý giải được con người rỗng không, vô ngã thì đã được thọ ký, quán tất cả các pháp

bình đẳng... tịch tĩnh tức là thọ ký. Các cõi Phật bình đẳng... mà không chấp thủ, lòng thanh tịnh không cấu bẩn tức là thọ ký. Trí tuệ quan sát các Đức Phật... đạo của chư Phật chẳng hoại pháp giới tức là thọ ký. Đối với các ma... tất cả ma đối với trần hay vô trần hiểu rõ gốc của tâm rồi tức là thọ ký. Không danh, không tướng, không có sự ứng hợp nào chẳng ứng hợp, không niệm gì chẳng niệm, chẳng thọ, chẳng xả tức là thọ ký.

Đức Phật nói với Long vương:

–Ý thức của tâm ấy không chỗ trụ lập tức là thọ ký. Các pháp như vậy do không nhân duyên, các pháp vốn chân thật. Hiểu rõ các pháp bình đẳng không khác thì thành đạo Vô thượng chánh chân. Tìm cầu rốt ráo vốn không có thọ ký và thành Phật đạo, hoặc đang thọ ký hoặc thọ quyết rồi. Vì sao? Vì các pháp không hình dáng, gốc ngọn đều đoạn dứt hết đều không có chủ. Tất cả các pháp theo nhân duyên chuyển biến.

Các pháp như hư không, không từ tướng sinh vậy.

Các pháp không từ tướng sinh, không chỗ tướng đến.

Các pháp không từ đâu đến, suy xét thì vốn rỗng không vậy.

Các pháp không chỗ đến do chưa phát khởi vậy.

Các pháp không chỗ trụ, chẳng có xứ sở vậy.

Các pháp đều rỗng không do không thân.

Các pháp không chấp trước do không nương tựa.

Các pháp không chỗ nương tựa nên chẳng động.

Các pháp chẳng thể động vì không xứ sở.

Các pháp đều như vì tự nhiên.

Các pháp tự nhiên không ngôn giáo.

Các pháp không ngôn giáo vì không sắc tượng.

Các pháp không sắc tượng vì không ý nghĩ.

Các pháp không niệm vì không nhân duyên.

Các pháp không nhân duyên nên không vận hành.

Các pháp không vận hành do tịch nhiên.

Các pháp tịch nhiên nên không chấp ấm.

Các pháp không chấp ấm vì vốn thanh tịnh rỗng không.

Các pháp thoát khỏi tướng vì không hai.

Các pháp không hai.

Các pháp là không hai vì vốn là một.

Các pháp vốn là một nên lìa khỏi số lượng.

Các pháp bình đẳng không sai khác vì giác ngộ bình đẳng.

Đức Phật nói với Long vương:

–Hiểu các pháp... không thọ ký thì chẳng thành Đẳng giác. Vả lại, quan sát như vậy thì Như Lai hưng khởi Từ bi vô cực kiên cố và sức khuyến hóa các Bồ-tát. Như vậy, các pháp dùng vô ương số là vì người giải nói, nhóm họp nên có số, đối với các pháp quán, không có pháp giải thoát người, cũng chẳng độ. Người như pháp thì người cũng "Như", đạo cũng "Như", Phật cũng "Như", thọ ký cũng "Như", các pháp cũng "Như", vậy nên nói rằng Như Lai thấu rõ đến bản vô, trụ ở bản vô mà chẳng thể động nên nói rằng, bản vô vốn không hình tượng, vốn không hoại.

Hiểu rõ bản vô nên nói rằng Như Lai. Vì là Như Lai nên trụ bình đẳng với bản vô. Các pháp trụ bình đẳng như bản vô. Đó là địa vị trụ bình đẳng của Như Lai. Nếu Bồ-tát nghe lời nói đó chẳng sợ chẳng kinh, chẳng cho là khó mà nên đem địa vị trụ bình đẳng của Như Lai vì người giải nói.

Khi Đức Phật nói điều đó, ba ngàn Bồ-tát đều được pháp nhẫn, vua rồng A-nậu-đạt rất vui mừng, dùng chuỗi ngọc trắng giá trị tương đương cả cõi đời này dâng lên Đức Phật.

-oOo-

Phẩm 14: Nữ Bảo Cẩm được thọ ký

Bấy giờ, Long vương có công chúa tên là Bảo Cẩm Ly Cấu Cẩm, đoan chánh đẹp đẽ, dung nhan tinh anh diễm lệ cùng với hàng vạn phu nhân của loài rồng đều dùng tay phải cầm chuỗi ngọc, một lòng chiêm ngưỡng Đức Phật chưa hề chớp mắt, lễ Đức Phật rồi an trụ.

Công chúa Bảo Cẩm và hàng vạn phu nhân đem chuỗi ngọc dâng lên Đức Phật Thế Tôn, đồng thanh khen rằng:

–Hôm nay, chúng con đều đồng tâm phát ý đạo Vô thượng chánh chân. Đời sau chúng con được làm Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, chúng con sẽ nói kinh pháp, hộ trì chúng Tăng như Đức Như Lai hôm nay.

Đến đây, Hiền giả Đại Ca-diếp nói với công chúa và các phu nhân rằng:

–Vô thượng Chánh giác rất khó đạt được, thân nữ thì không thể được thành Phật đạo!

Long nữ Bảo Cẩm nói với Tôn giả Đại Ca-diếp rằng:

–Tâm chí vốn tịnh, hành đạo Bồ-tát thì được làm Phật không khó! Việc phát tâm đạo thành Phật đó như quan sát lòng bàn tay! Vừa dùng khả

năng phát khởi những tâm thông tuệ thì liền nhiếp lấy tất cả Phật pháp.

Long nữ Bảo Cẩm nói với Tôn giả Ca-diếp:

–Lại như điều Tôn giả nói, chẳng thể bằng thân nữ mà được thành Phật đạo, thì thân con trai cũng chẳng thể được. Vì sao? Vì tâm đạo ấy thì không nam không nữ. Như Đức Phật đã nói, suy xét đối với mắt thì không nam, không nữ, tai, mũi, miệng, thân, tâm cũng như vậy không nam, không nữ. Vì sao?

Thưa Tôn giả! Vì mắt rỗng không, xét mắt đã rỗng không thì không nam, không nữ. Tai, mũi, miệng, thân, tâm đều rỗng không. Như vậy hư không và tịch tĩnh không nam, không nữ. Nếu có thể hiểu rõ, phân biệt cái gốc của mắt thì gọi là đạo. Tai, mũi, miệng, thân tâm cũng lại như vậy, suy xét đối với đạo thì không có pháp nam, nữ. Vậy nên, thưa Tôn giả Ca-diếp! Lại như các pháp đều ở tại tự nhiên, đạo cũng tự nhiên, tôi cũng tự nhiên.

Tôn giả Ca-diếp hỏi Long nữ:

–Nàng chính là đạo sao?

Long nữ đáp rằng:

–Thưa Tôn giả! Tôn giả cho là tôi chẳng phải là đạo ư?

Tôn giả Ca-diếp đáp rằng:

–Tôi chẳng phải Phật đạo mà chính là Thanh văn vậy!

Long nữ lại hỏi rằng:

–Ai khai hóa cho ngài?

Đáp rằng:

–Đức Như Lai!

Long nữ nói rằng:

–Giả sử Đức Như Lai chẳng thành Chánh giác thì có thể khai hóa cho Trưởng lão chăng?

Đáp rằng:

–Chẳng thể vậy!

–Vậy nên, Tôn giả nên biết rằng, ngay đó tức là đạo, không gì chẳng giác ngộ đạo!

Tôn giả Ca-diếp hỏi Long nữ rằng:

–Ngược lại là đạo ư?

Đáp rằng:

–Vâng, thưa Tôn giả Ca-diếp! Trái ngược tức là Đạo! Tại sao? Vì khác bản tịnh có thể hiểu rõ! Đạo thì không hiểu trái ngược. Trái ngược

bản tịnh thì gọi là Đạo. Rỗng không là vốn không, phân biệt các trái ngược thì gọi là đạo. Giả sử các pháp có hợp có tan thì chẳng phải đạo vậy. Tất cả pháp bình đẳng thuận theo, ứng hợp thì mới là đạo.

Tôn giả Ca-diếp hỏi Long nữ rằng:

–Ai đem biện tài như thế này cho nhau?

Long nữ đáp rằng:

–Tôn giả Ca-diếp cho tôi biện tài! Vì giả sử Tôn giả chẳng hỏi đến tôi thì tôi nương vào cái gì mà phát khởi biện tài? Ví như Tôn giả Ca-diếp không có kêu lên thì nhờ vào đâu có tiếng vang đáp lại. Giả sử Tôn giả không hỏi về nghĩa Bồ-tát thì không có nhân duyên phát khởi biện tài.

Tôn giả Ca-diếp hỏi Long nữ:

–Nhân giả cúng dường được bao nhiêu Đức Phật?

Long nữ đáp rằng:

–Như Tôn giả đã đoạn trần lao rồi chứ?

Tôn giả Ca-diếp đáp:

–Tôi chẳng đoạn trần lao!

Long nữ lại hỏi:

–Tôn giả vẫn có trần lao như uế sao?

Tôn giả Ca-diếp đáp rằng:

–Tôi không có trần lao, cũng chẳng đoạn vậy.

Long nữ lại hỏi rằng:

–Các trần lao đặt ở đâu?

Đáp rằng:

–Chẳng khởi, chẳng diệt, cũng không chỗ đặt! Hiểu được như đây là như bản vô vậy!

Lại hỏi:

–Bản vô chắc có thể biết sao?

Đáp rằng:

–Chẳng biết vậy!

Lại hỏi:

–Vì sao Tôn giả nói rằng, tuệ ấy như đạo, như sở tri, sáng tỏ vô vi, biết như đây là như hiểu được bản vô. Vậy nên gọi là tuệ cùng phàm phu bình đẳng.

Lại hỏi Long nữ rằng:

–Biện luận của Nhân giả là đoạn dứt tất cả lời nói?

Đáp rằng:

–Tôi không có cái để đoạn, cũng không có lời nói! Vì sao? Vì pháp giới không có cái để đoạn. Tất cả điều nói ra đều ứng với pháp giới.

Tôn giả Ca-diếp lại hỏi Long nữ rằng:

–Chúng ta đối với pháp phàm phu chắc chẳng có gì nghi ngờ ư?

Long nữ đáp rằng:

–Giả sử lập pháp tuệ phàm phu của Tôn giả đều khác thì tôi sẽ có nghi ngờ. Tôi gọi Tôn giả là phàm phu không khác, do vậy không nghi ngờ. Các pháp đều bình đẳng, không có nhiều nên đó gọi là bình đẳng. Như hư không thì đó gọi là bình đẳng.

Lại hỏi Long nữ rằng:

–Nàng đối với phàm phu ngang bằng Hiền thánh sao?

Đáp rằng:

–Tôi chẳng phàm phu, cũng chẳng phải Thánh hiền. Vì sao? Vì giả sử thân chúng tôi bình đẳng với phàm phu, chẳng hành đạo Bồ-tát mà giả sử bình đẳng Hiền thánh thì đoạn dứt Phật pháp.

Lại hỏi Long nữ rằng:

–Giả sử nàng chẳng bình đẳng như phàm phu, cũng chẳng bình đẳng Thánh hiền thì chắc bình đẳng với Đức Phật ư?

Long nữ đáp rằng:

–Chẳng như vậy! Vì sao? Vì thân tôi vốn chẳng bình đẳng đối với Phật pháp.

Lại hỏi Long nữ rằng:

–Giả sử nàng bình đẳng đối với Phật pháp thì chắc nàng đạt được Phật pháp rồi ư?

Long nữ đáp rằng:

–Tôn giả là bậc Trưởng lão, chắc Tôn giả tin Phật pháp có duyên quá khứ, vị lai và hiện tại sao? Có phương tiện ư? Có chỗ ở xanh vàng, đỏ, trắng, đen chăng?

Đáp rằng:

–Pháp của các Đức Phật không có hình mạo!

Long nữ đáp rằng:

–Giả sử pháp của chư Phật không có hình mạo thì sao theo tôi mong cầu?

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

–Phật pháp phải cầu ở đâu?

Đáp rằng:

–Phải ở trong sáu mươi hai kiến mà cầu?

Lại hỏi:

–Sáu mươi hai kiến phải cầu ở đâu?

Đáp rằng:

–Phải ở trong giải thoát của Như Lai mà cầu!

Lại hỏi:

–Giải thoát của Như Lai phải cầu ở đâu?

Đáp rằng:

–Phải ở trong ngũ nghịch mà cầu!

Lại hỏi:

–Ngũ nghịch phải cầu ở đâu?

Đáp rằng:

–Phải ở độ tri kiến mà cầu!

Lại hỏi:

–Lời nói này nghĩa là sao?

Long nữ đáp rằng:

–Không trói, không mở, không chấp thủ, không xả bỏ... đây là căn bản thanh tịnh. Đó là lời dạy sâu sắc của các pháp, chẳng phải ngần ấy lời nói.

Lại hỏi Long nữ rằng:

–Lời dạy đó chẳng trái lời nói của Đức Như Lai ư?

Long nữ đáp rằng:

–Đó là lời nói chân thật, chẳng bị trái lỗi với lời dạy của Đức Như Lai. Vì sao? Vì đạo của Như Lai không có chứng đắc, cũng không thể nắm giữ, cũng không lời nói. Tất cả lời nói ra đều là âm thanh vậy. Hiểu rõ gốc đạo cũng không âm thanh.

Thưa Tôn giả! Hiểu thấu đạo tịch nhiên không dấu tích. Vì gọi là dấu tích mà tự vướng vào dấu tích.

Tôn giả Ca-diếp lại hỏi:

–Giả sử đạo không dấu tích, như vậy so sánh với nhau sao gọi là thành Tối chánh giác?

Đáp rằng:

–Cũng chẳng từ thân, cũng chẳng từ ý mà được thành Tối chánh giác! Vì sao? Vì thân tâm tự nhiên mới thành đạo vậy. Tự nhiên ấy thì đều không giác ngộ. Tôi tức là đạo, chẳng vì là đạo mà thành Tối chánh giác.

Tôn giả Ca-diếp hỏi Long nữ rằng:

–Nhân giả thiết lập đạo này, sao chẳng chuyển bánh xe pháp?

Long nữ đáp rằng:

–Tôi chuyển bánh xe pháp vậy!

Tôn giả Ca-diếp hỏi rằng:

–Nhân giả chuyển bánh xe pháp thuộc loại nào?

Long nữ đáp rằng:

–Bánh xe không động, xa lìa tất cả những sự nương trụ. Pháp luân ấy gọi là Pháp giới trụ. Cái vốn không pháp luân là thuận với bản vô vậy.

Không đoạn dứt pháp luân là như vốn trụ thanh tịnh vậy.

Không chấp trước pháp luân là hiểu rõ tất cả các pháp, không chấp trước vậy.

Không có hai pháp luân là bình đẳng với tất cả pháp.

Không ngần ấy pháp luân là nhẫn một hạnh.

Pháp luân vô ngôn là hóa hiện các âm thanh đều không có tưởng, vào một vị.

Pháp luân thanh tịnh là tất cả không trần cấu.

Đoạn dứt các "pháp luân bất điều" là chẳng còn hữu thường, vô thường.

Pháp luân không loạn là giỏi quan sát báo ứng.

Pháp luân chí thành là không khởi, không diệt.

Pháp luân không vô là vô tướng, vô nguyện vậy.

Thưa Tôn giả Ca-diếp! Pháp luân đã như vậy thì chuyển chỗ nào?

Tôn giả Đại Ca-diếp nói rằng:

–Như biện tài của Nhân giả thì chẳng bao lâu sẽ thành đạo Vô thượng chánh chân làm Tối chánh giác!

Long nữ đáp rằng:

–Giả sử khi ngài Ca-diếp thành Tối chánh giác thì tôi cũng sẽ thành Tối chánh giác.

Tôn giả Ca-diếp đáp rằng:

–Tôi nhất định chẳng được thành Tối chánh giác!

Long nữ đáp rằng:

–Rõ Pháp thân như vậy thì đạo trụ ở không chỗ trụ, không thể được đạt thành Tối chánh giác!

Khi Long nữ nói lời đó, năm trăm vị Bồ-tát chứng được Pháp nhẫn, đồng thời được Đức Phật khen rằng:

–Hay thay, hay thay! Ngươi nói pháp này hay lắm!

Bấy giờ, trong chúng hội trời, rồng, quỷ thần, thần Vô thiện, thần Hương âm thần... tự nghĩ: "Long nữ Bảo Cẩm đó khi nào sẽ thành đạo Vô thượng chánh chân làm Tối chánh giác?"

Đức Phật biết ý nghĩ của các trời, rồng, thần, thần Hương âm... nên bảo các vị Tỳ-kheo rằng:

–Long nữ Bảo Cẩm này sau ba trăm lần chẳng thể kể kiếp sẽ được làm Phật hiệu là Phổ Thế Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, thế giới tên là Quang minh, kiếp là Thanh tịnh. Ánh hào quang của Đức Như Lai ở thế giới Quang minh ấy luôn rất sáng. Đức Phật có chín mươi hai ức Bồ-tát và Ngài sống lâu mười tiểu kiếp.

Đến đây, một vạn hoàng hậu của vua rồng bạch Đức Phật rằng:

–Khi Đức Như Lai Phổ Thế được làm Phật thì chúng con nguyện vãng sinh về nước đó.

Đức Phật liền thọ ký cho họ sẽ vãng sinh về nước ấy.

-oOo-

Phẩm 15: Trời Đế Thích

Bấy giờ, trời Đế Thích bạch Đức Thế Tôn rằng:

–Trời Đao-lợi này thường ôm nạn sợ sệt thần Vô thiện. Khi trời cùng với thần Vô thiện chiến đấu, tranh nhau mang sự oán kết ấy đều có mầm độc sân hận. Nguyện xin Đức Thế Tôn thương xót chúng sinh! Nhân các thần Vô thiện đều đến trong hội với chư Thiên của cõi Đao-lợi, xin Ngài khiến cho họ hòa thuận với nhau!

Đức Phật bảo thần Vô thiện Yến Cư, thần Vô thiện Cuống Trá Siêu Độ Ly Cấu Cẩm rằng:

–Này các ông! Lòng nhân từ ấy các Đức Phật đã ngợi khen! Người hay làm nhân từ thì đời này và đời sau được đầy đủ lợi ích. Thân mạng ấy rất ngắn, rồi sẽ đến đời sau, hội hợp thì có chia ly, đất nước giàu sang đều

về với vô thường, thân của các ông cũng chẳng khỏi hoạn nạn này!

Phải quán sát đến đời sau mà hòa thuận đồng lòng, không được ôm sân hận! Tạo tội phước là sự đáp lại của nhân duyên.

Đến đây, Đức Thế Tôn vì họ nói lên lời Từ bi thắm thiết khiến cho thần Vô thiện và trời Đao-lợi đều hòa giải với nhau. Họ đều tự nói rằng:

–Bắt đầu từ hôm nay, chúng con sẽ là thân hữu hòa thuận với hành động bình đẳng đều mang lòng từ xót thương, không có ý sân nhuế!

Đức Phật dạy rằng:

–Hay thay, hay thay! Hành động các ông chính là cúng dường Như Lai bậc nhất! Vì các ông thực hành lòng từ vậy!

Khi Đức Phật nói lời nói đó là đã dạy họ tạo ra phước hòa thuận, chẳng tranh cãi. Đó gọi là Tam-muội Từ tâm. Có bốn việc tôn kính Như Lai? Những gì là bốn?

1. Chẳng trái phạm giới.

2. Thân, miệng, ý Bi.

3. Chẳng đoạn dứt Tam bảo, chí nguyện ở Phật đạo.

4. Theo đúng như pháp đã nghe mà vì người giảng nói.

Đó là bốn việc tôn kính Như Lai, là cúng dường vậy.

Đến đây, hai vạn ba ngàn chư Thiên, thần Vô thiện ở trong hội, nghe nói lời này đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân.

-oOo-

PHẬT THUYẾT HẢI LONG VƯƠNG KINH

QUYỂN 4

Phẩm 16: Kim-sí-điểu (Chim cánh vàng)

Bấy giờ, có các vua rồng, một tên Hấp Khí, hai tên là Đại Hấp Khí, ba tên là Hùng Bi, bốn tên là Vô Lượng Sắc, bạch Đức Thế Tôn rằng:

–Vô số loài rồng ở trong biển này, với ngần ấy chủng loại do quả báo của nhân duyên hành động mà lại sinh đến đây. Hoặc có loài lớn, hoặc có loài nhỏ, hoặc có loài ốm yếu... nhìn thấy đã khinh nhờn. Có bốn giống chim cánh vàng thường ăn thịt loài rồng ấy và vợ con của loài rồng. Các chủng loại rồng trong biển sợ sệt, nguyện xin Đức Phật ủng hộ, khiến cho các rồng biển được yên ổn, chẳng sợ sệt.

Đến đây, Đức Thế Tôn cởi y trên người và bảo vua rồng biển rằng:

–Ông hãy lấy y của Như Lai phân chia cho các vua rồng, làm sao cho đều cùng khắp. Vì sao? Vì ở trong biển lớn này chỉ đặt một sợi của y này thì vua chim cánh vàng cũng chẳng thể xúc phạm. Vì sở nguyện của người trì cấm giới thì nhất định phải được.

Lúc ấy, các vua rồng lớn đều ôm lòng lo sợ. Họ đều nghĩ rằng: "Y của Đức Phật rất nhỏ nhoi mà chia khắp hết các rồng trong biển lớn thì đâu có được?"

Đức Phật biết được sự hoài nghi lo sợ của các vua rồng nên bảo vua rồng biển rằng:

–Giả sử nhân dân trong tam thiên đại thiên thế giới đều được chia phần y của Như Lai thì nhất định y ấy chẳng giảm, chẳng hết. Họ muốn lấy y thì ví như hư không, tùy theo ước muốn của họ mà tự nhiên sinh ra. Sự kiến lập của Phật chẳng thể nghĩ bàn! Công đức lồng lộng, y ấy như việc này vậy.

Vua rồng biển liền nhận lấy y của Đức Phật mà tự chia làm vô ương số trăm ngàn mảnh. Mỗi một phần đều chia cho các vua rồng. Cung vua rồng tùy theo nơi ấy rộng hẹp, lớn nhỏ tự nhiên cấp cho mà y ấy vẫn như cũ, nhất định chẳng hết. Đến đây, vua rồng biển bảo các vua rồng rằng:

–Các ông phải kính y này như kính Đức Thế Tôn, như kính tháp,

chùa. Vì sao? Vì hôm nay, y này là đồ mặc của Đức Như Lai. Do đó, nên nói là như kính tháp chùa vậy. Giả sử, tất cả cúng dường Đức Như Lai so với việc phụng thờ y này thì ngang bằng, không sai khác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo vua rồng biển rằng:

–Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời nói của ông! Người phụng thờ y này tức là cúng dường Như Lai! Ông hãy xem các rồng và vợ con loài rồng, tất cả đều có được phần y của Như Lai không?

Đáp lại rằng:

–Thưa vâng, con đã thấy!

Đức Phật dạy rằng:

–Ta đều thọ ký thì họ liền thoát khỏi thân rồng. Ở kiếp Hiền này, trừ người có chí Đại thừa, còn các rồng khác đều không vướng mắc sẽ vào Niết bàn. Như vậy, này Long vương! Như Lai còn tại thế thì tất cả chúng sinh phát một tâm thiện, nhân duyên sẽ đạt đến quả Phật, chưa từng có mất đi.

Bấy giờ, các rồng và vợ con loài rồng ở trong biển hớn hở vui mừng, kính lễ trước Đức Phật đồng thanh nói rằng:

–Lời nói của Đức Như Lai không có hai, rất thành thật, chẳng hư dối! Ngài đã thọ ký cho chúng con, đạt đến giải thoát vô vi. Chúng con hôm nay ở biển lớn, quy y Phật, Pháp và các Thánh chúng, thọ trì cấm giới, kính thuận Đức Như Lai, là ý nghĩa của sự quay về.

Đức Như Lai còn ở đời, chúng con luôn luôn đi đến yết kiến Đức Phật, cúi đầu, lắng nghe, thâu nhận nghĩa pháp. Sau khi Đức Phật vào Nê-hoàn thì chúng con cúng dường xá-lợi. Chúng con đem tất cả mọi thứ để phụng sự xá-lợi của Đức Thế Tôn!

Đến đây, vua bốn loài chim cánh vàng nghe sự kiến lập của Đức Phật, sợ hãi mau chóng đi đến trước chỗ Đức Phật, cúi đầu dưới chân kêu rằng:

–Tại sao Đức Thế Tôn đoạt mất phần ăn của chúng con?

Đức Phật dạy rằng:

–Tóm lại có bốn thứ ăn buộc phải đến ba nơi. Những gì là bốn?

1. Chăng lưới săn cầm thú, tàn hại bầy vật nuôi, sát sinh hại mạng dùng làm đồ ăn thức uống thì đó là đến chỗ ác.

2. Cầm đeo gậy gộc, dao, xà mâu... chặt đâm, bức bách, xô xát bắn giết để cướp đoạt của cải người khác mà ăn uống thì đó là đến chỗ ác.

3. Tham tiếc, dua nịnh, rối loạn, phạm cấm giới, tà kiến, khéo lừa dối để được ăn thì đó là đến chỗ ác.

4. Chẳng phải thầy xưng là thầy, chẳng phải Thế Tôn xưng là Thế

Tôn, rơi vào tà xưng là chánh, chẳng phải tịch tĩnh xưng là tịch tĩnh, chẳng phải thanh tịnh xưng là thanh tịnh, chẳng phải phạm hạnh xưng là phạm hạnh... Tự xưng dối trá để cầu mà được ăn.

Đó là bốn thứ ăn buộc phải đến ba chỗ ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Lời nói pháp của ta là trừ diệt bốn thứ ăn này. Chẳng phải vì nuôi dưỡng tấm thân này mà hại mạng của chúng sinh. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều tự yêu thân mạng, không ai tự ghét. Cho nên, muốn tự hộ trì thân thì phải hộ trì người khác, làm yên ổn chúng sinh. Như vậy, người thông minh chẳng dùng nguy hại bức bách người, điều chẳng nên làm, thận trọng chớ làm vậy.

Bấy giờ, vua của bốn loài chim cánh vàng đều cùng với hàng ngàn quyến thuộc, bạch Đức Phật rằng:

–Hôm nay chúng con tự quy y Phật, Pháp và Tăng chúng. Bắt đầu từ đây, chúng con sám hối tội lỗi đã phạm từ trước và phụng trì cấm giới. Bắt đầu từ hôm nay, chúng con thường dùng vô úy bố thí cho tất cả rồng, ủng hộ chánh pháp đến chừng nào Phật pháp còn trụ, tương thuận đạo pháp cho đến diệt tận, chẳng trái lời dạy của Đức Phật.

Đức Phật bảo bốn vua chim cánh vàng rằng:

–Thân các ông, thời Đức Phật Kim Nhân là bốn Tỳ-kheo tên là Hân Lạc, Đại Hân Lạc, Thượng Thắng, Thượng Hữu. Bốn vị Tỳ-kheo đó trái phạm giới pháp, tham đồ cúng dường, chí say mê hoặc, theo thân hữu trục lợi giàu sang, ý loạn ngã, ngã sở, rơi vào tà kiến, khinh các Tỳ-kheo, bức bách não hại họ, chẳng hộ trì thân, miệng, ý, làm nhiều việc ác. Nhưng các ông cúng dường Đức Phật Kim Nhân cũng nhiều chẳng thể kể. Do đó, nên các ông chẳng bị đọa vào địa ngục mà đọa vào loài cầm thú này. Trước sau, các ông sát sinh nhiều chẳng thể kể xiết, bị nhiều sự sợ hãi vì chẳng tự hộ trì.

Ngay tức thời, Đức Thế Tôn liền như hình dáng ấy mà hiện thần túc khiến cho bốn vua chim cánh vàng biết được đời trước mà họ đã cúng dường Đức Phật Kim Nhân và các đệ tử, việc làm phước tội đều nhớ ra được hết, mắt nhìn đều thấy việc làm của đời trước, họ bạch Đức Thế Tôn rằng:

–Tâm ấy cứng cỏi khó có thể điều phục, buộc lòng tham lam ghen ghét tạo nhiều điều nguy hại trái lời dạy tôn quý của Đức Phật Kim Nhân. Chúng con hôm nay bắt đầu nguyện, thà mất thân mạng chẳng dám phạm điều ác!

Đức Phật vì họ nói Kinh và thọ ký cho họ rằng:

–Thời Đức Phật Di-lặc, các ông đều sẽ được độ tại pháp hội thứ nhất.

-oOo-

Phẩm 17: Xá-Lợi

Bấy giờ, vua rồng biển và tất cả rồng bạch Đức Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn, thật chưa từng có! Những điều thuyết giảng của Đức Như Lai làm yên ổn khắp tất cả, Ngài đã thọ ký cho các rồng và khai hóa quyến thuộc đều phát ý đạo. Ngài lại gia ân bố thí y cho các rồng. Các rồng đều đem đồ cúng dường cúi đầu phụng sự. Nhờ đó được hộ trì, rồi nhân đó phát ý đạo, thương xót chúng sinh, tu theo bốn Đẳng tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả, hưng long bốn ân, bố thí, nhân ái, lợi người lợi cho tất cả, cứu tế tụ hợp. Do hạnh đức này mà cát chẳng trút xuống thân, lìa khỏi mọi hoạn nạn.

Lại khi ý tịch tĩnh chẳng mất thân trời, biến làm loài rắn, đến bữa ăn sau cùng, chẳng gặp được ễnh ương, vua chim cánh vàng chẳng bắt ăn thịt. Đức Phật giáo hóa bốn loài chim đều hiểu biết đời trước.

Thời Đức Phật Kim Nhân làm bốn Tỳ-kheo, hành động hung bạo, chẳng thuận chánh pháp, bức bách người đồng học, nên đọa làm chim cánh vàng, tự bắt đầu hối lỗi, đổi lòng, thay hạnh, phát ý đạo lớn, hành bốn Đẳng tâm, chẳng hại quần sinh. Do được hộ trì tốt nên chúng con mãi được yên ổn, chẳng bị ăn thịt nữa, chí chẳng mang lo sợ, đêm dài không nạn đều là nhờ ân Đức Phật.

Hôm nay Đức Như Lai nhận lời mời của vua rồng, đã diễn bày sự che chở rộng rãi. Ví như hư không, không đâu chẳng che. Đến đây, Đức Thế Tôn trở lại cõi Diêm-phù-lợi thì các rồng ở trong biển không nơi quy ngưỡng. Kính xin Ngài gia thêm đại Bi, sau khi Đức Phật diệt độ, xin Ngài lưu lại toàn thân xá-lợi ở tại biển này để cho tất cả mọi loài đều được cúng dường hoa hương, âm nhạc, quần áo, cờ phướn... mà chuyển thêm công đức, mau thoát khỏi thân rồng, chóng được đạo Vô thượng chánh chân, tiếp tục được cứu tế.

Xin Đức Phật rủ lòng ban ân, tăng thêm uy đức để ước nguyện chúng con được kết quả!

Đức Phật dạy rằng:

–Hay thay! Ta theo chí nguyện của các ngươi!

Lúc ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề nói với các con của rồng:

–Này các ông! Các ông chớ kiến lập tấm lòng này! Nó làm phương hại, phế bỏ tất cả mọi đức! Vì sao? Vì sau khi Đức Phật vào Nê-hoàn thì xá-lợi được phân bố cho tám phương và phương trên phương dưới. Trời,

rồng, quỷ, thần, tất cả nhân dân... những loài người, vật đi, bò, hít thở đều sẽ cúng dường hương hoa, âm nhạc, cúi đầu tự quy y. Xá-lợi ấy biến hóa hiện ánh hào quang người nhìn thấy vui mừng, biết được uy thần Đức Phật lồng lộng vô cực. Nhờ lòng tin đó, họ đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân. Rồi hoặc thành Duyên giác, hoặc thành Thanh văn, hoặc sinh lên cõi trời hay trở lại được làm thân người, họ cùng với pháp gặp nhau, đời đời được độ. Xét như vậy thì khắp nơi nhờ được cứu tế.

Hôm nay, các ông đều tự cầu nguyện khiến Đức Thế Tôn ở tại biển cả mà diệt độ, cung cấp cho các ông toàn thân xá-lợi để độc quyền phụng hầu, thỏa lòng mong muốn, còn tất cả chúng sinh thì nhờ vào đâu mà được độ? Họ vĩnh viễn bị khốn cùng ách nạn, không một lần cứu hộ. Vì vậy ta nói rằng, chớ phát tấm lòng này, khiến Đức Phật Thế Tôn ở trong biển diệt độ để độc quyền phụng sự toàn thân xá-lợi mà cúng dường ư?

Các rồng đáp rằng:

–Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Tôn giả chớ nói lên lời nói ấy! Không lấy cái trí giới hạn ngăn ngại của thân mình để giới hạn trí vô cực của Như Lai. Đạo Thánh công đức Như Lai tự tại, không gì chẳng biến hiện, không xa, không gần, không đó, không đây, đi khắp mười phương.

Đạo thánh ấy như hư không. Trong khoảnh khắc phát ý có thể khiến cho cung điện của các rồng thần trong biển, khu vực, quận nước, huyện ấp, gò đống, trong loài người, đồng trống, trên trời, thế gian của tam thiên đại thiên thế giới, mỗi mỗi đều hóa hiện ra toàn thân xá-lợi của Đức Phật cho tất cả được cúng dường mà ở thân thể Đức Phật chẳng tăng chẳng giảm. Đức Phật phân thân ở vô số cõi Phật trong mười phương mà cũng không phân thân, hiện khắp tất cả mà chẳng đi chẳng lại. Ví như bóng mặt trời hiện ở trong nước, Đức Phật cũng chẳng sinh ra, cũng chẳng diệt độ thì làm sao muốn giới hạn tuệ của Như Lai ư? Muốn giới hạn tuệ của Như Lai là giới hạn hư không?

Tôn giả Tu-bồ-đề nghe các Long tử khen ngợi đức của Như Lai vô cùng vô cực, chẳng thể ví dụ, lặng thinh không nói.

Các rồng trong biển, chư Thiên trên hư không và các quỷ thần rất đỗi vui mừng đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân.

Đức Phật khen ngợi các rồng con rằng:

–Hay thay, hay thay! Các ông là gương soi sáng! Thật đúng như lời nói không có khác vậy. Phật đạo cao diệu không bờ không cõi, không vuông không tròn, không rộng không hẹp, không xa không gần... ví như hư không không thể làm ví dụ.

-oOo-

Phẩm 18: Pháp cúng dường

Đến đây, Đức Thế Tôn bảo vua rồng biển rằng:

–Việc giáo hóa ở biển lớn của ta đều đã chu tất, ta muốn trở về tinh xá.

Đức Phật liền đứng dậy cùng với đại chúng, theo thềm báu ra khỏi biển lớn. Ngài dùng trang nghiêm vô cực, uy thần rộng khắp trụ ở bờ biển. Lúc ấy, thần biển lớn tên là Quang Diệu liền dùng kệ khen ngợi rằng:

Thân ba mươi hai tướng
Được trời người cung kính
Thần Vô thiện phụng kính
Cúi đầu Đấng Nhân Tôn.
Sáng như hoa trăm cánh
Giống như vầng trăng tròn
Đức thanh tịnh siêu tuyệt
Cúi đầu xin ban an.
Dung nhan đẹp thù diệu
Tướng trăm phước công đức
Tuệ đức Độ vô cực
Cúi đầu Thầy dẫn đường!
Bố thí cho điều thuận
Tích lũy giới sạch trong
Sức nhẫn nhục tối thắng
Cúi đầu Đấng Thế Tôn!
Vượt khỏi sức tinh tấn
Thiền định nghĩ thanh tịnh
Trí tuệ như hư không,
Cúi đầu xin về nương!
Hành Từ tâm bình đẳng
Tu Bi nhiếp chúng sinh
Tâm Hỷ, thầy dẫn đường
Hộ trì qua bờ kia!
Tiếng hay như ai loan
Lời nói hơn tiếng Phạm
Âm vang ấy nhu nhuyến
Nguyện cúi đầu kính lễ!

Hàng phục được ma oán
Sức ấy không ai bằng
Tuân tu nguyện đạo pháp
Ba cõi thờ cúng dường!
Tịnh trừ được ba cấu
Giảng ba pháp giải thoát
Danh vang ba ngàn cõi
Nên cúi đầu kính lễ!
Thiện nguyện rất thành thật
Các pháp vượt lên trên
Hơn hẳn vua các nước
Của cải thường ban phát
Đã lìa bụi dua nịnh
Uy thần cao lồng lộng
Mặt sáng rất thù diệu
Nên con cúi lễ mừng!
Tâm bền như kim cang
Ví như núi Tu-di
Ý chí giống như đất
Cúi đầu Đức như biển!
Vì người nói nghĩa Không
Thường tịnh Độ vô cực
Lòng bình đẳng sáng rực
Con nguyện tự về nương!
Khai diễn như cam lộ
Không đường đoạn dứt đường
Được người trời tôn kính
Cúi đầu Tối Thắng Tôn!
Nghe trên trời, nhân gian
Danh xưng không thể sánh
Đức khắp chẳng thể lường
Cúi đầu Đấng Biển Đức!
Lời nói như việc làm
Vì người nói bản hạnh
Vì mọi người giảng nói
Cúi đầu Đấng Điều Ngự!
Vượt khỏi già bệnh chết
Chúng Hiền thánh cúng dường,

Diễn nói câu giải thoát
Cúi đầu nương theo Phật!
Phân biệt tội phước ứng
Trừ tan tối, tà kiến
Vì hiện hạnh chánh đạo
Nương theo Đấng Tối thắng!
Đem kinh báu bố thí
Pháp lạc xét suốt thông
Lòng bình đẳng bạn, oán
Xin quy y Thế Tôn!
Đạo sư! Con ngợi khen
Với đức Độ vô cực,
Sở dĩ khen ngợi phước
Nguyện sau như Thế Tôn!

Đến đây, thần biển Quang Diệu nói bài kệ khen Phật này xong, hiển dương biển lớn, Đức Như Lai ra khỏi biển. Thần biển Vô Uy nguyện Đức Phật rủ lòng ra ân ban lời pháp giáo, khiến cho trong biển này, nhờ sự trang nghiêm ấy mà được độ thoát.

Đức Phật bảo thần biển rằng:

–Có mười pháp hạnh được đến trang nghiêm. Những gì là mười?

1. Hộ trì các căn được mười điều thiện thanh tịnh.

2. Chí ở tâm Từ chẳng hại chúng sinh.

3. Ý kiến lập đại Bi, phát khởi đạo Vô thượng chánh chân.

4. Tất cả bố thí dùng ngần ấy hạnh trang nghiêm nguyện của mình.

5. Dùng đại tinh tấn đầy đủ thiện pháp, lòng thường tịch nhiên.

6. Chẳng trái gốc đức, ưa thích kinh pháp.

7. Trí tuệ thanh tịnh, dùng hạnh từ mẫn.

8. Khai hóa chúng sinh, kiến lập ở đức chân chánh.

9. Vào đến thù thắng đạt được an lạc.

10. Chứng được ý Phật, dẫn đường bằng lời Phật dạy.

Đó là mười pháp đạt đến trang nghiêm.

Thần biển lớn Quang Diệu cùng với hai vạn thiên thần phát ý đạo Vô thượng chánh chân đều cùng khen rằng:

–Hôm nay, Đức Phật đã đem trang nghiêm đến biển lớn này! Vì sao? Vì nếu phát khởi ý đạo tức là trang nghiêm ba ngàn thế giới, huống gì là biển ư? Chúng con đã phát những tâm thông tuệ, tất cả công đức trang

nghiêm. Chúng con ở tại biển này, Đức Như Lai hiện tại hoặc sau khi diệt độ, chúng con cũng ủng hộ Phật pháp khiến cho pháp ấy được lưu truyền.

Đức Như Lai vào thành, thị hiện mọi trang nghiêm, dùng ân pháp hóa làm giảng đường.

Đức Phật bảo thần biển Quang Diệu rằng:

–Ông trước sau đã cúng dường hàng vạn Đức Phật và lập đại điện khắp nơi, lại còn ủng hộ chánh pháp. Ông, tiếp theo sẽ cúng dường các Đức Phật ra đời ở kiếp Hiền, sẽ dẫn đường Chánh pháp. Cuối kiếp Hiền rồi, ông sẽ sinh ra ở thế giới Diệu lạc, nước của Đức Phật Vô Nộ, chuyển thân nữ nhân được làm thân nam. Đức Như Lai Vô Nộ sẽ thọ ký cho ông thành đạo Vô thượng chánh chân.

Thần biển Quang Diệu nghe Đức Phật thọ ký, rất vui mừng, liền lấy chuỗi ngọc giá trị hơn cả báu của biển, tung lên trên Đức Phật mà khen rằng:

Phật dùng tiếng Thánh đế
Năng Nhân thọ ký con
Con do dự chẳng mang
Sau sẽ thành Phật chăng?
Dù khiến ba ngàn cõi
Kia dù có nát tan
Khiến trăng rơi xuống đất,
Lời Phật nói chẳng quên.
Quán cảnh giới từ chí
Tinh tấn, lòng sạch trong,
Nay xét ta trang nghiêm
Cung kính nghĩa tuệ pháp.
Nhìn các hạnh an trụ
Giải quyết nghi bằng tuệ
Rõ lòng như sóng nắng
Lời nói rất thành thật,
Trừ mọi khổ, ban an
Mất mạng cứu lo sợ
Trị liệu không khó thêm
Cúi đầu Tối chánh giác!
Độ thoát các đường ác
Quy mạng chiếu Thế Gian!
Đạo sư sáng vô cùng

Cúi đầu đạo Phật nói!
Nếu có nghe tiếng Phật
Các trời, người lợi ích.
Phật Pháp, hạnh sạch trong
Chí ở tại Phật đạo
Đường ác chẳng nương theo
Liền bỏ được tám nạn.
Sinh lên trời, nhân gian
Sau được dấu Tịch Nhiên.

Đến đây, con vua rồng tên là Thọ Hiện bạch Đức Phật rằng:

–Vô số trời, rồng, quỷ, thần, thần Hương âm, thần Vô thiện, thần Phượng hoàng, thần núi, thần Điểm nhu... cúng dường Đức Phật, đích thân con cũng sẽ cúng dường chút ít Đức Như Lai Chánh giác! Giả sử Đức Thế Tôn thương xót cho phép thì con sẽ hóa làm đại điện ví như cung điện tối thượng của trời Đao-lợi để Đức Phật và đệ tử đều ở trên điện ấy mà tiễn đưa đến núi Linh thứu.

Đức Thế Tôn nói rằng:

–Ông nên biết! Nguyện của ông thật đúng lúc!

Rồng con Thọ Hiện tự dùng thần lực, nương Thánh chỉ Phật hóa làm đại điện như cung điện của trời Đao-lợi.

Đức Phật và chúng hội đều ở trên điện ấy, ở giữa hư không, cùng với tám muôn bốn ngàn vua rồng, các hoàng hậu, tấu lên đàn cầm sắt, mưa xuống mọi loại hoa và tất cả các hương thơm, tiễn đưa Đức Thế Tôn đi đến núi Linh thứu. Con vua rồng biển cùng với mọi người trong cung, ở trước Đức Thế Tôn, cúi đầu quy y nguyện chu cấp chẳng sánh kịp. Vì sao? Vì sự hưng khởi cúng dường phải như báu ấy. Đức Phật là ruộng phước vô thượng của tất cả, Đức Thế Tôn là báu lớn. Giả sử A-la-hán đầy trong tam thiên đại thiên thế giới đều cúng dường họ đến trăm ngàn kiếp thì chẳng bằng phụng sự hầu hạ Đức Như Lai Thế Tôn. Con vua rồng biển lại hỏi Đức Thế Tôn:

–Sao gọi là Bồ-tát cúng dường Như Lai?

Đức Phật dạy rằng:

–Hãy lắng nghe! Hạnh Bồ-tát cúng dường Như Lai là lòng họ thanh tịnh, trừ diệt các lầm lỗi mà không dua nịnh, bản tánh tự nhiên, chẳng chấp trước tất cả các gốc thiện, không có lòng tổn hại, bình đẳng quan sát chúng sinh, trừ diệt lòng yêu tà, hành động tinh khiết, lời nói hành động tương ứng, chẳng lấn lướt, lừa dối đời, đủ trí Hiền thánh, uy nghi đức độ, bình

đẳng với tất cả mà chẳng trái bỏ, đại nguyện Hiền thánh, ưa thích nơi thanh vắng, xả bỏ mọi não, tự điều phục lòng mình, nghe pháp tư duy, hiểu rõ chân lý.

Không ngã, không nhân không thọ, không mạng, thể nhập nghĩa không, vào khắp tịch diệt, quán không, không tướng, không nguyện, đạt đến ba pháp giải thoát. Pháp như vậy điều phục các tà, bỏ thường, vô thường, chẳng khởi chẳng diệt, chứng được pháp nhẫn, vốn thanh tịnh không nhân, không thân miệng ý, chí hành nhân duyên. Đó là đúng pháp cúng dường Như Lai.

Tạo tác thân, miệng, ý thì chẳng cúng dường, không có tạo tác, chẳng tiến chẳng lùi, thanh tịnh ba đạo tràng, bình đẳng với ba đời, trừ khử ba cấu, chẳng đắm trước ba cõi, vào ba cửa giải thoát, được ba đạt trí thì đó gọi là cúng dường Như Lai.

Vua rồng biển hỏi Đức Như Lai rằng:

–Nếu có người dùng hương hoa, hương trộn lẫn, hương bột, lọng báu, cờ phướn bằng lụa ngũ sắc, âm nhạc, y phục, các thức ăn uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh... để cúng dường Như Lai thì có đúng pháp cúng dường không?

Đức Phật dạy rằng:

–Này Long vương! Tùy theo sự gieo trồng nào thì đều được những loại ấy. Sự cúng dường này chẳng làm cứu cánh! Lìa khỏi phiền não, gieo trồng gốc đức, đạt đến sự giải thoát của tâm Hiền thánh, chẳng làm điều không có đức thì chẳng đến được vô thượng. Bồ-tát có bốn việc đúng pháp cúng dường Như Lai. Những gì là bốn?

1. Chẳng bỏ tâm đạo, gieo trồng các gốc đức.

2. Tâm kiến lập đại Bi, tập hợp tuệ phẩm.

3. Kiến lập đại tinh tấn, nghiêm tịnh cõi Phật.

4. Vào pháp thâm diệu, tâm được pháp nhẫn.

Đó là bốn việc tôn kính Như Lai làm sự cúng dường vậy.

Bấy giờ, trong thành Vương-xá, từ Phạm chí, Trưởng giả và vô số nhân dân, Tôn giả, đại thần... lên đến vua A-xà-thế của nước Ma-kiệt nghe Đức Phật ở cung vua rồng biển lớn, được thỉnh trở lại núi Linh thứu thì bảy vạn hai ngàn người đều đi đến chỗ Đức Phật.

Vua A-xà-thế cùng với quan lại, quyến thuộc gồm ba vạn hai ngàn người ra khỏi thành Vương-xá, đi đến núi Linh thứu, cúi đầu dưới chân Đức Phật, nhiễu quanh Ngài ba vòng, rồi lui về đứng một bên, bạch trước

Đức Phật rằng:

–Đức Phật vào biển lớn thì nước đi đến đâu?

Đức Phật dạy rằng:

–Này đại vương! Nếu có uy quang của tâm Tỳ-kheo định ý chánh thọ thì dù khắp nơi thấy đầy lửa thì nước chỗ ấy vẫn an trụ!

Nhà vua thưa:

–Là sự đạt đến của Tam-muội tự tại! Thưa Đấng Thiên Trung Thiên! Là sự tạo tác của tâm chí vậy!

Đức Phật nói rằng:

–Chắc nhà vua được sự hưng khởi Tam-muội tự tại của Thanh văn rồi sao? Vận hành của tâm ư? Như Lai luôn định, bình đẳng với tất cả pháp, hiểu rõ ngồi, đứng dậy mà được tự tại, đối với pháp vẫn tôn trọng mà tâm không gì ngăn ngại. Phật vào biển lớn mà những loài sống ở nước biển ấy tiếp tục thấy như cũ. Người sống trên đất nhìn đến biển lớn thấy nước biển ấy khô ráo, chỉ thấy mọi thứ báu trang nghiêm ở đó ví như cung điện được trang nghiêm của chư Thiên ở cõi trời thứ sáu Tha hóa tự tại vậy. Ánh sáng của Phật soi khắp cung điện của các rồng, cung điện của thần Hương âm, cung điện của thần Vô thiện... những loài có máu sống trong biển lớn ấy đều tu hành lòng từ, ý nhân, hòa hướng đến nhau không ôm lòng độc hại.

Vua A-xà-thế bạch Đức Phật rằng:

–Vua rồng biển ấy đã phát ý đạo Vô thượng chánh chân bao lâu rồi? Phụng sự bao nhiêu Đức Phật? Khi nào sẽ chứng được Tối chánh giác? Hiệu của ngài là gì?

Đức Phật bảo nhà vua rằng:

–Thuở xa xưa, vô số kiếp nhiều chẳng thể nghĩ bàn, lúc đó có Đức Phật hiệu là Quang Tịnh Chiếu Diệu Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư hiệu Phật Thế Tôn. Ở phương Đông có thế giới gọi là Thiện tịnh hiện, kiếp tên là Khả ý tịch. Thế giới Thiện tịnh hiện bằng phẳng, thảy đều trang nghiêm. Giả sử dùng cả một kiếp để khen ngợi công đức của thế giới ấy cũng chẳng thể rốt ráo. Có vị Chuyển luân thánh vương hiệu là Hộ Thiên thường cúng dường Đức Như Lai Quang Tịnh Chiếu Diệu, suốt bốn trăm hai mươi vạn năm đều bố thí tất cả.

Cuối số năm này, ông nằm ngủ, trong mơ tự nhiên ứng điềm nghe bài kệ này:

Vua đã cúng dường bậc Đại Thánh
Rất nhiều vô lượng khó nghĩ bàn.
Thường khởi Từ bi với chúng sinh,
Sẽ phát tâm tối thượng Bồ đề.
Cúng dường đó tôn diệu đệ nhất
Đây là cung kính các Thế Tôn.
Nếu có thể phát chí Bồ-tát
Tức là đức uy thần độ thế.

Đức Phật bảo vua A-xà-thế rằng:

–Chuyển luân thánh vương Hộ Thiên ấy nằm mơ nghe bài kệ này rồi, thức dậy tự lấy làm kinh sợ quái lạ: "Ta cúng dường Đức Phật suốt bốn trăm hai mươi vạn năm, Đức Phật nói kinh pháp, chương cú đều khác mà ta chưa từng nghe như bài kệ kinh này. Là lời nói của Phật hay lời tà ma?"

Vua liền chú giải văn kệ mà đọc tụng. Đức Như Lai Quang Tịnh Chiếu Diệu du hành đến các nước. Vị Thánh vương cùng với tám muôn bốn ngàn vị vua và tám muôn bốn ngàn hoàng hậu, thần dân trong nước, những vị vua đến ấy đều có tám muôn bốn ngàn người đi theo... tất cả đều đi theo Đức Phật, muốn ngài giải thích sự nghi ngờ ấy. Họ liền theo kịp Đức Phật, cúi đầu dưới chân Ngài, kính hỏi không lường, bạch Đức Phật rằng:

–Con cúng dường Đức Phật suốt bốn trăm hai mươi vạn năm, nghe Đức Phật nói kinh pháp ngần ấy nghĩa. Đêm qua con nằm mơ, trong mơ thấy Đức Phật nói hai bài kệ này. Thức dậy con kinh hoàng quái lạ vì con chưa nghe bài kệ này từ Đức Như Lai nên chẳng biết là lời khen của Đức Phật hay là lời nói của ma? Hôm nay, từ xa đến muốn Đức Phật giải thích sự nghi ngờ này! Nguyện xin Đức Thế Tôn phân biệt giải nói cho.

Đức Phật bảo vua Hộ Thiên rằng:

–Đó là lời khen ngợi của ta, chẳng phải là lời nói của ma.

Nhà vua lại bạch Đức Phật rằng:

–Con phụng sự Đức Thế Tôn ngần ấy ức năm, cúng dường y phục, vật thực không hề thiếu thốn, Ngài vì con nói kinh, chương cú đều khác. Lúc ấy, sao Ngài chẳng khen nghĩa này?

Đức Phật dùng kệ đáp:

Tâm người hèn yếu chưa thể biết
Chưa thấy sâu việc phước mới quen
Chẳng thể vì nói pháp vi diệu
Trong lòng nghi sợ hoặc từ chối.

Đã hiểu tội phước, tin Phật pháp
Chẳng lay động, lòng chắc ý bền
Mới nên vì nói việc Bồ-tát
Mới hiểu đến Vô cực tuệ thông.

Lúc ấy, nhà vua và quần thần, phi hậu, nhân dân... trong lòng rất mừng đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân và an trụ nơi địa không thoái chuyển.

Họ liền dùng kệ khen ngợi Đức Thế Tôn rằng:

Chẳng do tham các sắc
Cũng chẳng dựa âm thanh
Hương xông, vật dụng đẹp...
Đó chẳng thể được quả Phật
Lìa giải đãi, khiếp nhược
Lánh phạm pháp, ghét ghen
Trừ sân hận rối loạn
Mới được thành Chánh giác.
Xả thân vì yên ổn
Chịu khổ thay chúng sinh
Tinh tấn luôn ưa pháp
Như vậy mới thành Phật.
Con nay nguyện đạo lớn
Phật, trời chứng cho con
Xin Đạo Sư tạo hạnh
Khiến lời không thể khác.
Trong mơ nghe tâm đạo
Chí Đại thừa học xong
Tạo tác tuệ vô ngại
Được đến Phật Pháp Vương!

Đức Phật Thích-ca bảo vua A-xà-thế rằng:

–Ông muốn biết Chuyển luân thánh vương Hộ Thiên lúc ấy là ai không?

Ông ấy nay là vua rồng biển đó! Lúc đó, ông mới bắt đầu phát ý đạo Vô thượng chánh chân. Lại còn câu hỏi của nhà vua, khi nào thành Phật? Thì vua hãy lắng nghe!

Qua hai trăm lần vô số kiếp thì sẽ thành Phật hiệu là Vô Cấu Tịnh Vô Lượng Đức Siêu Sở Hữu Vương Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, thế giới tên là Pháp âm thanh, kiếp tên là Thủ hoa.

Thế giới Pháp âm thanh ấy do mọi thứ báu hợp thành ngần ấy chủng loại sắc hình. Đất bằng phẳng như bàn tay. Đất cõi ấy mềm mại như dải lụa trời, có hàng vạn ức núi An minh rộng lớn khó lường, yên ổn, giàu có, thuần thục, ngũ cốc dư thừa, người trời đông đúc, áo quần ăn uống như cuộc sống của người trên cõi trời thứ sáu.

Ở thế giới Pháp âm thanh, những cây, rễ, lá, thân, đốt, hoa, quả đều bằng bảy báu đều phát ra vô số ngần ấy trăm ngàn âm thanh đạo pháp. Nhân dân cõi ấy giống như chư Thiên. Lời nói biến hóa, âm thanh nhu nhuyến đều nương theo pháp âm tịch nhiên đạm bạc và lời dạy bốn ân, trí độ vô cực của Phật pháp, phương tiện thiện xảo, diệt định, ly dục, Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô vi, vô số... Vì vậy nên cõi ấy có tên là Pháp âm thanh. Như có người trời ở cõi ấy ưa pháp hoan hỷ thì đều sẽ vào hàng Đại thánh, phân biệt các tuệ, xét biết chân thật rốt ráo, phát ý đạo Vô thượng chánh chân.

Khi Đức Phật ấy muốn nói pháp thì thân Ngài phóng ra ánh sáng lớn soi khắp cõi Phật. Trong ánh sáng ấy phát ra hàng ức tiếng giảng nói pháp của Phật. Các trời, người thấy ánh sáng nghe lời pháp đều rất hớn hở vui mừng đi đến tự quy y, cúng dường Đức Như Lai.

Vô số người ấy dùng sức thần túc bay đi trên hư không, hóa làm hoa sen báu mà ngồi lên. Đức Như Lai ngay lúc đó cũng ngồi trên tòa Sư tử ở trong hư không vì các Bồ-tát giảng nói kinh đạo. Vô số trăm ngàn những Bồ-tát ở khắp mười phương đều sẽ đến trong hội, nghe nhận kinh pháp. Nhân dân nước ấy đều ưa kinh pháp, cũng không có sự nhiễu hại của các ma, cũng không theo những đạo khác, cũng không bị chết oan uổng.

Đức Phật ấy sống lâu mười hai kiếp. Các hạnh Bồ-tát vượt qua khỏi hư không. Nước ấy trang nghiêm không lường như vậy. Đức Phật nói pháp không giới hạn, Bồ-tát nhiều vô số.

-oOo-

Phẩm 19: Không tịnh

Vua A-xà-thế bạch Đức Phật rằng:

–Kính thưa Đức Thế Tôn! Ngài thường đối với các pháp có lòng xót thương lớn! Nhưng các pháp dối trá mê hoặc, khởi lên tưởng, rồi tùy theo tham dục ấy đắp đổi mê hoặc nhau. Hạnh Bồ-tát chẳng thể kể lường. Đó là vì Bồ-tát phải tu đạo hạnh để đến cõi Phật trang nghiêm đầy đủ kia. Hạnh tu của các Bồ-tát đều phải học hỏi hộ trì cõi Phật, như đất nước nghiêm tịnh

của vua rồng biển.

Đức Phật dạy rằng:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này đại vương! Tất cả các pháp đều từ ý niệm dấy khởi, rồi tùy theo tạo tác ấy mà đều thành tựu. Các pháp không trụ cũng không có xứ sở.

Lúc ấy, vua A-xà-thế nói với vua rồng biển rằng:

–Hay thay! Vì ông được lợi ích nên mới khiến cho Đức Như Lai thọ ký cho ông. Ông sẽ thành Phật, có đất nước thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Vua rồng đáp rằng:

–Pháp không có thọ ký! Vì sao? Vì các pháp đều tịnh, do gieo trồng "ấm", "nhập" mà giả danh gọi "người". Sự thọ ký ấy không ấm, không nhập. Do có danh sắc mà giả danh gọi là người. Người thọ ký ấy không danh không sắc. Nhân duyên báo ứng nên thấy, nghĩ, tưởng niệm mà giả danh gọi là người. Người thọ ký ấy không có báo ứng, không thấy, không nghĩ, không tưởng, không niệm. Giả sử Bồ-tát bình đẳng tu hành gốc đức thì gốc đức đó cũng không thọ ký vậy. Tướng của các pháp rỗng không, không thọ ký. Tất cả các pháp vô tướng, vô nguyện, vô vi, vô số nên chẳng thọ ký vô tướng, vô nguyện, vô vi, vô số vậy.

Vua rồng lại nói với vua A-xà-thế rằng:

–Đại bi của chư Phật thật chẳng thể nghĩ bàn! Các kinh không tên, không có tư tưởng mà nói có tên có tư tưởng! Các Đức Phật Thế Tôn không tên, tướng, thức mà nhân theo thế gian thị hiện có thọ ký vậy. Sự thọ ký đó cũng không có pháp nhận thọ ký, cũng không có trong ngoài sẽ nhận thọ ký!

Vua A-xà-thế lại hỏi vua rồng rằng:

–Đã được Pháp nhẫn, chứng hạnh bình đẳng, Bồ-tát như vậy mới được thọ ký ư?

Vua rồng biển đáp rằng:

–Nhẫn ấy đều không, tưởng chẳng thể tận, hiểu rõ rốt ráo đến với bản tế, bản tế của bình đẳng, bản tế của vô tận, bản tế của vô ngã, bản tế của ngã, ngã sở, bản tế của chân lý, đến với rốt ráo, không thành tựu bản tế.

Bản tế ấy đã rỗng không đến với bản tế giải thoát, bản tế của tham sân si. Có rõ bản tế đó thì không chỗ tựa. Không chỗ tựa thì giả sử đối với âm thanh không hội hợp. Không hội hợp thì chẳng chấp trước, không giải thoát. Không giải thoát, không hạnh thì hành không chỗ hành, cũng không gì chẳng hành, cũng không chỗ lo. Đã không chỗ lo thì đối với Bồ-tát ấy

nhìn tất cả các hạnh tạo tác, đối tượng thấy đều không thấy. Giả sử không có đối tượng thấy, chẳng tạo tác chân lý mà đã vào bình đẳng, đã có chỗ trụ, đã vượt bình đẳng thì chẳng tàn, chẳng loạn, chẳng mất đi, chẳng bộc lộ ra. Do bình đẳng với các pháp, sau đạt được nhẫn. Cái gọi là nhẫn và sự thọ ký đó là nếu thọ ký rồi và người được thọ ký thì đó là tất cả pháp đều là pháp bình đẳng. Các pháp giới rốt ráo không pháp giới, chẳng dùng thọ ký để quyết định, cũng không có cái để thành.

Quan sát pháp này rồi, xem xét nghĩa lý ấy thì các pháp không thể kể xiết. Ví như hư không chẳng thể kể số lượng, vượt qua các số lượng. Các pháp là như vậy!

Khi vua rồng biển nói lời nói đó, thì hai vạn vị Bồ-tát được pháp Nhẫn bất khởi, hàng trăm vị Tỳ-kheo hết, lậu hoặc, được giác ngộ.

Bấy giờ, vua A-xà-thế bạch Đức Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Biện tài của Long vương thật chưa từng có.

Đức Phật nói rằng:

–Chưa thật kỳ lạ, chẳng lấy làm khó! Người mới phát ý nghe pháp đó mà chẳng lo, chẳng khó, chẳng sợ thì đó mới là khó. Vì sao? Vì đó là đạo pháp gốc của các Đức Phật Thế Tôn. Khó bì kịp như vậy nên ít có người tin. Trên trời, người thế gian chẳng thể nhận, chẳng vào, chẳng tin, chẳng ưa thích. Vì vậy, ông nên biết, nếu có người nghe kinh pháp thâm diệu đó chẳng sợ sệt thì đây mới là điều khó. Đời trước cúng dường vô số Đức Phật đâu có gì khó. Ví như có người, hư không không có hình mà họ hiện ra hình tượng thì đó là khó chăng?

Đáp rằng:

–Rất khó, thưa Đấng Thiên Trung Thiên!

Đức Phật dạy rằng:

–Nếu có người nghe nghĩa thâm áo của kinh này, tin ưa tất cả đều biết là không ngã, không nhân, không thọ, không mạng, có người đã tin, có người sẽ tin, thì những người này chính là hạng người bình đẳng sáng suốt thuận theo Như Lai, là bạn thân, thầy tốt. Họ có thể đủ sức tin ưa, diệt trừ phiền não, vì tất cả mọi người giảng nói kinh pháp, có thể đi đến đạo tràng dùng tâm Từ hàng phục trăm ngàn ức ma và vua quan khác. Vì đối với các pháp được tự tại nên lòng họ thanh tịnh, các tuệ thông đạt gần ở trước mắt. Trong khoảnh khắc phát ý, họ thành tựu trí tuệ sáng suốt, chứng Tối chánh giác, khuyên bảo chúng sinh, biết tất cả tâm và các căn của mà chuyển bánh xe Vô thượng đại pháp, trị liệu tất cả bệnh, khai hóa ngoại đạo, phá tan thù oán, thổi loa Đại pháp.

Đến đây, vua rồng biển đạt hết ước nguyện, chẳng mất chí hướng, nghe được sự thọ ký hớn hở vui mừng, lòng thiện phát sinh. Vua rồng vọt lên hư không dùng kệ khen Đức Phật rằng:

Vốn thanh tịnh như hư không
Không sắc không thọ không số
Như vậy nói pháp an trụ
Hư không tự nhiên trùm khắp.
Danh chẳng có mà chẳng không
Tạo nhân duyên và báo ứng
An trụ giảng nói, chẳng tranh
Không nhân, mạng, không thọ, thức.
Tất cả pháp rất sạch trong
Ngã, ngã sở tịnh, bình đẳng
Ngã, ngã sở và pháp thanh tịnh
Hiểu vậy tức được thọ ký.
Xét pháp giới vốn sạch trong
Cõi người tịnh cũng như vậy
Như cõi chúng sinh lặng yên
Phật pháp lặng cũng như vậy.
Nếu pháp của Phật thanh tịnh
Cũng bằng các cõi Phật tịnh
Giả sử cõi Phật sạch trong
Các tuệ tịnh không sai khác.
Các pháp tịnh do số, tên
Vì kể số, tên chẳng được
Do tưởng số, tên vốn không
Các danh số ấy không ngại.
Ý niệm của các chúng sinh
Không kiến, không sắc, không thành
Như không thành tâm ý thức
Các pháp rỗng ấy không tâm.
Hoặc tạo tác, không tạo tác
Có tội duyên, không người nhận
Không kẻ lầm lỗi xưa nay
Gọi Vô tịch nhiên, Nê-hoàn.
Vào nguồn bản tế không ngại
Vô ngã tế vốn hư không
Chọn các tế, được bình đẳng

Biết chúng sinh vốn chân thật.
Bản tế khứ, lai, hiện tại
Trí thông đạt các tế ấy
Tuệ ngang bằng vô tế môn
Xét pháp giới chủng tánh Phật.
Chẳng khởi diệt Tối Thắng Tràng
Không, vô tướng, nguyện vốn tịnh
Không tiếng nói pháp chân thật
Là Địa tịch tĩnh các Thánh.
Các pháp tịch tĩnh nếu thông
Tự vui như nắm hư không
Không ngã, ngã sở tịch tĩnh
Giả như đây ưa pháp Thánh
Pháp, Phật mười phương đã nói
Phật vị lai sẽ tuyên dương
Tiếng vị lai bình đẳng cả
Theo tiếng hiện vào vô thanh.
Tiếng rỗng tự nhiên như vang
Các pháp không, như niệm rỗng
Vô pháp, phi pháp dạy răn
Thật vốn không, chẳng thể được.
Tất cả pháp, vô chủ tên
Ngần ấy tưởng niệm chẳng sáng
Chẳng thể được người thanh tịnh
Các pháp vốn tịnh như vậy.

-oOo-

Phẩm 20: Chúc lụy thọ trì

Đến đây, Đức Thế Tôn bảo các vị Đại sĩ rằng:

–Các ông phải giữ gìn đạo Vô thượng chánh chân của Như Lai nói này, khiến được tồn tại lâu dài. Ai có thể đủ sức thọ trì đọc tụng, giảng nói đúng như kinh này?

Tức thời, hai vạn Bồ-tát, một vạn Thiên tử đứng dậy ở trước Đức Phật, đồng thanh bạch Đức Thế Tôn rằng:

–Chúng con sẽ thọ trì đúng như kinh này! Sẽ khiến lưu bố cùng khắp xa gần!

Đức Phật lại hỏi rằng:

–Các ông làm sao mà ngự trị pháp, giữ gìn đạo Vô thượng chánh chân của Như Lai?

Trong số đó có một vị Bồ-tát tên là Tuệ Anh Tràng, bạch Đức Phật rằng:

–Kính thưa Đức Thế Tôn! Xét kỹ các pháp đều không có cái để giữ gìn. Đâu có thể gìn giữ Phật đạo một cách mơ hồ được ư?

Đức Thế Tôn đáp rằng:

–Này Thiện nam! Như thế là phù hợp gìn giữ Phật đạo!

Bồ-tát Đẳng Kiến bạch Đức Phật rằng:

–Đo lường xem xét Phật đạo thì bằng với tội năm nghịch, hiểu chút ít lờ mờ giữ gìn Phật đạo được ư?

Đức Thế Tôn dạy rằng:

–Này Thiện nam! Vậy nên ông là người ứng hợp giữ gìn đạo lớn của Như Lai.

Bồ-tát Vô Kiến thưa rằng:

–Kính thưa Đức Thế Tôn! Con chẳng thấy pháp phàm phu, cũng chẳng thấy pháp học và chẳng học, chẳng thấy pháp Duyên giác và Bồ-tát, cũng chẳng thấy pháp Phật. Con có thọ trì được pháp của Như Lai ư?

Đức Thế Tôn dạy rằng:

–Này Thiện nam! Do sự tịch tĩnh đó nên ứng hợp giữ gìn đạo lớn của Như Lai vậy.

Bồ-tát Chư Pháp Vô Sở Nguyện thưa rằng:

–Bạch Thế Tôn! Con vĩnh viễn chẳng biết cái phải giữ gìn của tất cả các pháp, chắc có thể được giữ gìn pháp của Như Lai ư?

Đức Thế Tôn dạy rằng:

–Này Thiện nam! Do sự tịch tĩnh đó nên ứng hợp giữ gìn đạo lớn của Như Lai!

Bồ-tát Bất Tuần thưa rằng:

–Bạch Thế Tôn! Con tự chẳng làm, cũng chẳng điều khiển tâm, cũng chẳng phát ý. Con chắc được trì pháp của Đức Như Lai ư?

Đức Thế Tôn dạy rằng:

–Này Thiện nam! Do sự tịch tĩnh đó nên ứng hợp giữ gìn đạo lớn của Như Lai!

Bồ-tát Vô Đắc bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng nói pháp và phi pháp, chẳng diễn nói pháp trừ các tưởng về pháp thì hành giả như vậy là hộ trì tất cả pháp ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nam! Đó là ứng với tịch nhiên.

Bồ-tát Vô Tại bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng nghe nhận pháp ứng hợp chẳng ứng hợp là hộ trì chánh pháp ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nam! Đó là ứng với tịch nhiên.

Bồ-tát Hư Không Tạng bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Nếu quan sát các pháp bình đẳng như hư không, chẳng thấy pháp đó có sự giữ gìn là hộ trì tất cả pháp ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nam! Đó là ứng với tịch nhiên.

Bồ-tát Độ Kim Cương Tác bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Chẳng hoại pháp giới, vào với cõi người và cùng pháp giới là trì chánh pháp ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nam! Đó là ứng với tịch nhiên.

Bồ-tát Độ Bất Động Tích bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Nếu đối với pháp không gì động chuyển, chẳng dựa pháp và phi pháp là hộ trì chánh pháp ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nam! Đó là ứng với tịch nhiên.

Bồ-tát Trào Ma bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Nếu đến cõi ma, cõi Phật thì đối với cõi Phật và cùng với cõi ma đều cho là vào cảnh giới các pháp. Đó là hộ trì chánh pháp ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nam! Đó là ứng với tịch nhiên.

Bồ-tát Vô Trước bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Nếu đối với các pháp đều không nắm giữ mà tất cả lỗ chân lông đều phát ra âm thanh pháp là hộ trì chánh pháp ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nam! Đó là ứng với tịch nhiên.

Bồ-tát Phổ Tịch bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Chẳng ủng hộ các ma, tu hành đạo Bồ-tát là hộ trì chánh pháp ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nam! Đó là ứng với tịch nhiên.

Bồ-tát Hải Ý bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Nếu dùng hải ấn bình đẳng với tất cả pháp, tu tất cả vị giải thoát mà biết tự nhiên là hộ trì pháp ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nam! Đó là ứng với tịch nhiên.

Thiên tử Tu Thâm bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chỗ sinh, chẳng khởi chẳng sinh các ấm, chủng, nhập, không tâm ý thức là hộ trì chánh pháp ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nam! Đó là ứng với tịch nhiên.

Thiên tử Vô Cấu Quang bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Nếu thấy các pháp không phiền não, không tỳ vết, giải thoát các thọ là hộ trì pháp ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nam! Đó là ứng với tịch nhiên.

Thiên tử Độ Nhân bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Nếu độ chúng sinh chẳng biết có chúng sinh, độ không chỗ độ, đã có chỗ độ thì thị hiện quay trở lại, chẳng trụ đó, đây. Đó là thọ trì pháp ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nam! Đó là ứng với tịch nhiên.

Thiên tử Hiền vương bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Nếu đối với chúng sinh mà bình đẳng tất cả, các pháp đã bình đẳng, bình đẳng các cõi nước, bình đẳng các Phật đạo là thọ trì chánh pháp ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nam! Đó là ứng với tịch nhiên.

Thiên tử Tự Tại bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Nếu đối với các pháp mà được tự tại, đối với khắp

các pháp chẳng khởi chẳng diệt là thọ trì chánh pháp ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nam! Đó là ứng với tịch nhiên.

Thiên tử Thiện Niệm bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Con chẳng nghĩ pháp cũng không nắm bắt, cũng chẳng có tưởng là thọ trì chánh pháp ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nam! Đó là ứng với tịch nhiên.

Thiên nữ Liên Hoa bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Biết tất cả pháp đều là Phật pháp, chẳng thành Chánh giác mà không gì chẳng giác là thọ trì chánh pháp ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nữ! Đó là ứng với tịch nhiên.

Thiên nữ Ma Du Thượng bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Con chẳng chấp nữ, cũng chẳng chấp nam. Như tưởng Phật pháp và pháp tưởng giới nữ cũng lại đồng đẳng. Các pháp tưởng này tức là chẳng phải pháp, cũng chẳng phải không pháp, không hai không một cũng không chỗ đến. Con được thọ trì pháp ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nữ! Đó là ứng với tịch nhiên.

Bảo nữ bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Con chẳng thấy Phật đạo của Đức Phật, nhìn thấy hạnh Bồ-tát, được mặc áo giáp tất cả chí đức, chẳng xét đến gốc ngọn là thọ trì pháp ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nữ! Đó là ứng với tịch nhiên.

Thiện nữ Vô Cấu Quang bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Đối với tất cả pháp chẳng khởi tưởng về pháp, đối với tất cả người chẳng khởi tưởng về nhân, cũng chẳng tưởng nghĩ đến pháp nhân pháp Phật, nhìn thấy các Phật pháp nhập vào tất cả pháp, chẳng thấy gốc ngọn. Con được thọ trì chánh pháp của Đức Phật ư?

Đáp rằng:

–Này Thiện nữ! Đó là ứng với tịch nhiên. Kiến lập hạnh như vậy chính là thọ trì Phật pháp.

Đến đây, trời Đế Thích bạch Đức Phật rằng:

–Thật chưa từng có, thưa Đức Thế Tôn! Lời nói biện tài của những thiện nữ này chẳng thể nghĩ bàn! Họ dùng phương tiện phân biệt, tổng hợp ngần ấy âm thanh, lời nói văn tự giảng về pháp giới chẳng rối loạn các pháp, các pháp bình đẳng, như diễn nói đạo bình đẳng chẳng sai khác.

Đức Phật dạy rằng:

–Đúng vậy, này Câu-dực! Những thiện nữ đó phân biệt vô lượng pháp, chẳng thể nghĩ bàn, cúng dường phụng sự Phật nhiều chẳng thể kể, đã được pháp nhẫn. Lại, này Câu-dực! Kinh này hiệu là Bất Khởi Nhẫn Trì Vô Sở Ngự, ta sẽ vì chúng hội giảng nói rộng rãi ý nghĩa ấy. Sau khi Như Lai diệt độ, người thọ trì pháp này là bậc hộ trì thành lũy của pháp, tức là đã cúng dường Phật Thế Tôn!

Trời Đế Thích bạch Đức Phật rằng:

–Con đã phụng trì bản kinh này! Sự kiến lập của Đức Phật sẽ khiến cho rộng khắp. Con sẽ vì các Đại sĩ vị lai mà phân biệt giảng nói pháp này. Con nhất định chẳng mê lầm sai sót lời dạy của Đức Phật. Sở dĩ vì sao? Vì Đức Như Lai ủng hộ và thọ ký pháp nhẫn cho con. Đức Phật sẽ kiến lập kinh điển này khiến cho chúng ma bị hàng phục! Chí hạnh của con là ở chỗ ấy.

Đức Phật dạy rằng:

–Này Câu-dực! Có thần chú tên là Già Chư Phương Ngại. Ông hãy lắng nghe. Nay ta sẽ vì ông nói lời cốt yếu của thần chú khiến cho tất cả ma, các ngoại đạo và các quyến thuộc của chúng tự nhiên hàng phục, khiến cho ánh sáng pháp của Như Lai đứng vững lâu dài.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói thần chú rằng:

Vô úy ly úy - Tịnh chư khủng cụ - Thí vô úy - Độ ư diệt độ - Vô sở loạn - Tịnh sở loạn - Vô sở tranh - Bất đấu tụng - Vô hoài sân - Vô dĩ một - Tịnh uy thần - Uy thần tích - Đại uy thần tịch diệt - Thú từ tâm - Trừ ư hà - Thị hiện đế - Vô sai thố - Kỳ đồng nghĩa - Cát tường nghĩa - Cam lộ cú- Kiến ư yếu - Dĩ đạo ngự - Vô sở hoài - Hành thứ đệ - Vô sở tận - Quang vô sinh - Thanh tịnh sinh - Tiên khiết quang chiếu cú - Đẳng thuận ư đẳng tâm - Chí vô thượng - Phật sở kiến lập giới thanh tịnh - Vô sở phạm - Vô sở đảm - Chế ma trường - Hàng ngoại kính - Quang diệu pháp minh - Nhiếp dĩ pháp thí - Khai pháp tạng.

Các Đức Phật quá khứ, vị lai và hiện tại đã nói thần chú này để ủng hộ pháp mà thuận nghĩa lý. Dùng thần chú này tổng nhiếp, hàng phục dấu vết trần lao của tất cả các ma vậy.

Đến đây, trời Phổ Thủ bạch Đức Phật rằng:

–Con sẽ nhận lấy chỗ trọng yếu của kinh điển này, tinh tấn phúng tụng và sẽ phổ biến rộng rãi. Vì sao? Vì đối với pháp của Đức Như Lai thì có sự quay trở lại, thêm lớn pháp luật, tuyên bố giáo điển thanh tịnh. Còn tu hành quay trở lại ủng hộ hành trang mắt pháp của Đức Như Lai.

Có vị Thiên tử tên là Đức Siêu bạch Đức Phật rằng:

–Nếu có người thọ trì pháp của Đức Như Lai này thì phước ấy ra sao?

Đức Thế Tôn liền nói kệ tụng rằng:

Nay ta thấy cõi nước
Mắt Phật nhìn mười phương
Bên trong đầy trân bảo
Đều dùng đem bố thí
Phước người ấy thu được
Sẽ hơn phước thí trên
Chí tâm giữ kinh pháp
Như lời dạy Thế Tôn
Tập hợp các thí dụ
Giảng nói mọi lời khen
Trọn chẳng thể rốt ráo
Nắm giữ đức chánh pháp.

Khi Đức Phật nói kinh này thì bảy mươi sáu ức người đều phát ý đạo Vô thượng chánh chân, sáu vạn Bồ-tát được pháp Nhẫn bất khởi, tam thiên đại thiên thế giới chấn động, sáu cách ánh sáng lớn chiếu soi khắp thế gian, trời mưa xuống hoa trời, trăm ngàn nhạc cụ chẳng tấu mà tự nhiên vang. Các nhạc cụ phát ra những âm thanh như vầy: "Đấng Như Lai kiến lập kinh này, hàng phục chúng ma, giáo hóa các ngoại đạo. Đức Như Lai dùng ấn ấn chứng kinh này rồi thì thuận mà chẳng quên."

Bấy giờ, vua rồng biển mưa xuống chuỗi ngọc lớn để cúng dường kinh này, biến khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan rằng:

–Ta đem kinh này giao phó cho ông. Ông hãy thọ trì đọc tụng khiến cho kinh này lưu bố khắp nơi! Ông hãy vì người mà giảng nói kinh này!

Tôn giả A-nan bạch rằng:

–Thưa vâng, thưa Đức Thế Tôn! Con đã kính nhận kinh này! Thưa kinh tên là gì? Phụng trì ra sao?

Đức Phật dạy rằng:

–Kinh này tên là Hải Long Vương Vấn Long Tổng Trì Phẩm, lại còn

tên là Tập Chư Pháp Bảo Tịnh Pháp Môn Phẩm. Ông hãy khéo léo phụng trì!

Đức Phật nói như vậy rồi, vua rồng biển và các con vua rồng, chư Thiên, nhân dân, các vị Bồ-tát ở mười phương đến trong hội, các đại Thanh văn, Đế Thích, Phạm Vương, Tứ Thiên vương, Hiền giả A-nan, tất cả chúng ma, trời, rồng, thần, thần Hương âm, thần Vô thiện, thần Phượng hoàng, thần núi, thần Điềm nhu và người thế gian... không ai chẳng vui mừng làm lễ phụng hành.

-oOo-

Số 599

KINH PHẬT VỊ HẢI LONG VƯƠNG THUYẾT PHÁP ẤN

Hán dịch: Đời Đại Đường,
Pháp sư Nghĩa Tịnh.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ngụ ở cung điện của vua rồng trong biển, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Lại cùng với nhiều chúng Đại Bồ-tát đều vân tập đến.

Bấy giờ, Long vương Ta-kiệt-la liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến phía trước, đảnh lễ nơi chân Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử có người chỉ thọ trì ít pháp thì đạt được phước đức nhiều chăng?

Phật bảo Hải Long vương:

–Có bốn pháp thù thắng, nếu người nào thọ trì, đọc tụng, hiểu rõ ràng về ý nghĩa ấy thì tuy dụng công ít nhưng đạt được phước rất nhiều, công đức ấy cùng với người đọc tụng tám vạn bốn ngàn tạng pháp là giống nhau. Những gì là bốn pháp? Đó là nhớ nghĩ, đọc tụng:

Các hành vô thường
Tất cả đều khổ
Các pháp vô ngã
Niết-bàn an vui.

Long vương nên biết! Đó gọi là bốn pháp thù thắng, là pháp trí vô tận của Đại Bồ-tát giúp họ sớm chứng được pháp vô sinh mau đạt đến Niết-bàn. Vì thế, nên các ông thường phải nên nhớ nghĩ, đọc tụng.

Lúc Thế Tôn giảng kinh Bốn Câu Pháp Ấn này thì các hàng Thanh văn, chúng Đại Bồ-tát cùng tám bộ chúng Trời, Rồng, A-tu-la, Kiền-đạt-bà… nghe lời Phật dạy đều rất hoan hỷ, tin tưởng lãnh thọ vâng theo.

-oOo-

số 600

KINH THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO

Hán dịch: Đời Đại Đường, Tam tạng Thật-xoa-nan-đà, người nước Vu Điền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ngụ ở cung điện của Long vương Ta-kiệt-la, cùng với chúng đại Tỳ-kheo tám ngàn vị và ba vạn hai ngàn Đại Bồ-tát đều vân tập đến đông đủ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Long vương:

–Vì tâm tưởng của tất cả chúng sinh sai khác nên tạo nghiệp cũng khác nhau. Do đấy, cho nên có sự lưu chuyển trong các đường.

Này Long vương! Ông có thấy các thứ hình sắc chủng loại đều khác nhau ở trong hội này và trong biển cả chăng? Tất cả như vậy đều do tâm tạo ra nghiệp của thân, nghiệp của miệng, nghiệp của ý hoặc thiện hoặc ác mà thành. Nhưng tâm thì không có hình sắc, chẳng có thể nhận thấy được, chỉ là hư vọng, do các pháp tập hợp lại mà phát sinh, hoàn toàn không có chủ tể, không có ngã và ngã sở đều tùy theo nghiệp nên hiện ra khác nhau, nhưng thật sự trong đó không có chủ thể tạo tác. Do vậy, tất cả các pháp đều chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh như huyễn.

Người có trí tuệ biết như vậy phải nên tu tập nghiệp lành. Do đấy, nên sinh ra các uẩn, xứ, giới, thảy đều đẹp đẽ, người nhìn không nhàm chán.

Này Long vương! Ông hãy nhìn sắc thân của Như Lai! Thân này do trăm ngàn ức phước đức sinh ra. Các tướng trang nghiêm, ánh sáng chiếu rực rỡ che khắp các đại chúng. Dù cho vô lượng ức ánh sáng của trời Tự tại và Phạm vương cũng chẳng hiện rõ ra được. Người nào chiêm ngưỡng thân ấy của Như Lai cũng đều chói mắt.

Ông lại nhìn hình sắc vi diệu trang nghiêm thanh tịnh của các Đại Bồ-tát này. Tất cả đều do phước đức tu tập nghiệp thiện mà sinh ra.

Lại nữa, tám bộ chúng trời, rồng… có oai lực lớn cũng do phước đức nghiệp lành sinh ra. Nay có các hình sắc xấu xí, hoặc lớn hoặc nhỏ của các

chúng sinh trong biển cả đều do đủ loại tư tưởng của tự tâm, thân miệng ý tạo ra các nghiệp bất thiện. Vì thế, nên tùy theo nghiệp mà đều tự nhận lấy kết quả. Nay ông phải nên tu học như vậy, cũng làm cho chúng sinh thấu tỏ nguyên lý nhân quả, cùng nhau tu tập nghiệp thiện.

Đối với điều ấy, ông nên chánh kiến bất động, chớ để rơi vào nẻo đoạn kiến hay thường kiến. Đối với các ruộng phước nên hoan hỷ cúng dường. Do vậy, các ông cũng được người và trời tôn kính, cúng dường.

Này Long vương! Ông nên biết Bồ-tát có một pháp để có thể cắt đứt sự khổ trong tất cả các đường ác. Pháp ấy là gì? Nghĩa là suốt ngày đêm thường nhớ nghĩ, tư duy quán xét pháp lành, làm cho các pháp lành tăng lên trong mỗi ý nghĩ, chẳng cho chút nghiệp ác nào xen vào.

Đây có thể làm cho các ác dứt hẳn, pháp thiện tròn đầy, thường được gần gũi chư Phật, Bồ-tát cùng các Thánh chúng khác. Gọi là pháp lành ấy tức các hàng trời, người, Bồ-tát Thanh văn, Bồ-đề Độc giác, Bồ-đề Phật-đà. Tất cả đều nương nơi pháp này làm căn bản mà được thành tựu, cho nên gọi là pháp lành. Pháp này chính là mười nghiệp thiện. Những gì là mười nghiệp thiện? Đó là hoàn toàn xa lìa sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, nói dối, nói hai chiều, nói lời thô ác, nói lời thêu dệt, tham dục, giận dữ và tà kiến.

Này Long vương! Nếu xa lìa sát sinh thì liền được thành tựu mười pháp xa lìa phiền não. Những gì là mười pháp?

1. Đối với các chúng sinh ban cho sự không sợ hãi.
2. Thường khởi tâm Từ rộng lớn đối với chúng sinh.
3. Dứt hẳn tập khí giận dữ.
4. Thân thể thường không bệnh tật.
5. Mạng sống lâu dài.
6. Thường được loài phi nhân bảo vệ.
7. Thường không có mộng ác, ngủ hay thức đều yên vui.
8. Diệt trừ thù oán trói buộc, các thù oán tự giải tỏa.
9. Không sợ hãi về đường ác.
10. Khi chết được sinh lên cõi trời.

Đó là mười pháp. Nếu đem hồi hướng lên quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật, sẽ được mạng sống tự tại theo tâm của Phật.

Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa trộm cắp thì được mười pháp đáng tin cậy. Những gì là mười pháp?

1. Tài sản dồn đầy, vua, giặc, nước, lửa, con hư, không thể hủy hoại.

2. Nhiều người thương mến.

3. Không ai lừa gạt.

4. Mười phương tán thán.

5. Chẳng lo sợ tổn hại.

6. Tiếng tốt lan khắp.

7. Ở trong chúng không khiếp sợ.

8. Của cải, mạng sống, sắc đẹp, sức khỏe yên vui, đầy đủ biện tài không khiếm khuyết.

9. Thường mang tâm bố thí.

10. Khi chết được sinh lên cõi trời.

Đây là mười pháp. Nếu đem hồi hướng lên quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật tất chứng được Bồ-đề rộng lớn thanh tịnh.

Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa hạnh tà thì đạt bốn loại pháp được người trí khen ngợi. Những gì là bốn pháp?

1. Các căn điều hòa.

2. Dứt hẳn sự loạn động.

3. Được thế gian khen ngợi.

4. Vợ không thể bị xâm phạm.

Đó là bốn pháp. Nếu có thể đem hồi hướng lên quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật sẽ được tướng trượng phu, tạng bí mật của Phật.

Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa lời nói dối thì liền đạt tám loại pháp được chư Thiên khen ngợi. Những gì là tám pháp?

1. Miệng thường sạch sẽ với mùi thơm của hoa sen xanh.

2. Được người đời tin phục.

3. Lời nói ra luôn có chứng cứ, được hàng trời, người kính mến.

4. Thường đem lời ái ngữ an ủi mọi người.

5. Được tâm an vui thù thắng, ba nghiệp thanh tịnh.

6. Lời nói không lầm lỗi, tâm thường vui vẻ.

7. Nói năng trang trọng, hàng trời, người phụng hành.

8. Trí tuệ thù thắng, không ai chế ngự được.

Đây là tám pháp, nếu đem hồi hướng lên quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật, sẽ được lời nói chân thật của Như Lai.

Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa lời nói hai chiều thì liền được

năm loại pháp chẳng thể hư hoại. Những gì là năm pháp?

1. Được thân bất hoại vì không ai hại được.

2. Được quyến thuộc bất hoại vì không ai phá được.

3. Được tín tâm bất hoại vì thuận theo nghiệp đã có.

4. Được pháp hạnh bất hoại vì sự tu tập kiên cố.

5. Được Thiện tri thức bất hoại vì không hề lừa dối.

Đây là năm pháp, nếu có thể đem hồi hướng lên quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật, được quyến thuộc chân chánh, các ma, ngoại đạo chẳng thể phá hoại.

Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa lời nói thô ác thì liền thành tựu được tám việc làm trong sáng. Những gì là tám việc?

1. Nói năng luôn chừng mực.

2. Nói ra đều lợi ích.

3. Nói điều chắc chắn hợp lý.

4. Nói lời hay ho.

5. Nói ra người khéo có thể tiếp nhận được.

6. Lời nói luôn được tin theo.

7. Lời nói không ai có thể chê trách.

8. Nói ra người rất ưa thích.

Đây là tám việc, nếu có thể đem hồi hướng lên quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật, sẽ được tướng của tiếng Phạm âm nơi Như Lai.

Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa lời nói thêu dệt thì liền thành tựu được ba pháp chắc chắn. Những gì là ba pháp?

1. Chắc chắn được bậc trí thương mến.

2. Chắc chắn có thể dùng trí tuệ giải đáp mọi câu hỏi đúng sự thật.

3. Chắc chắn có được oai đức hơn hết, không hư dối đối với hàng trời, người.

Đây là ba pháp, nếu có thể đem hồi hướng lên quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật, sẽ đạt các chỗ được thọ ký của Như Lai luôn đích thật.

Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa tham dục thì thành tựu được năm pháp tự tại. Những gì là năm?

1. Ba nghiệp tự tại vì các căn đầy đủ.

2. Của cải tự tại vì những kẻ oán tặc không thể chiếm đoạt.

3. Phước đức tự tại vì tùy theo ý muốn của mình mọi của cải đều có đầy đủ.

4. Ngôi vua tự tại vì những vật quý lạ đều được phụng hiến.

5. Của cải có được hơn cả năm lần mong ước vì do xưa kia đã không bỏn sẻn, ganh ghét.

Đây là năm pháp, nếu có thể đem hồi hướng lên quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật sẽ được ngôi vị đặc biệt tôn quý trong ba cõi, mọi người đều cung kính, cúng dường.

Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa giận dữ thì tâm liền đạt được tám pháp vui vẻ. Những gì là tám pháp?

1. Tâm không bị phiền não tổn hại.

2. Tâm không giận dữ.

3. Không có tâm tranh chấp.

4. Tâm nhu hòa, ngay thẳng.

5. Đạt được tâm Từ của bậc Thánh.

6. Tâm thường đem lại lợi ích, an vui cho chúng sinh.

7. Thân tướng đẹp đẽ, trang nghiêm, mọi người đều tôn kính.

8. Vì từ hòa, nhẫn nhục nên sớm được sinh lên cõi trời Phạm thiên.

Đây là tám pháp, nếu có thể hồi hướng đến quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật, sẽ được tâm vô ngại, người nhìn thấy không nhàm chán.

Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa tà kiến thì liền thành tựu được mười pháp công đức. Những gì là mười pháp?

1. Được tâm ý ưa thích chân thật, bạn bè cũng chân thật.

2. Tin tưởng sâu xa vào nhân quả, nên thà chết chứ không làm việc ác.

3. Chỉ quy y Phật, chẳng theo vị trời nào khác.

4. Tâm chánh kiến, ngay thẳng, dứt hẳn tất cả lưới nghi về lý số tốt xấu.

5. Thường được sinh trong hàng trời, người chẳng còn rơi vào đường ác.

6. Vô lượng phước đức và trí tuệ dần dần tăng thêm.

7. Hoàn toàn xa lìa nẻo tà, đi theo con đường của bậc Thánh.

8. Không dấy khởi thân kiến, xả bỏ các nghiệp ác.

9. An trụ trong sự nhận biết không chướng ngại.

10. Chẳng rơi vào các hoạn nạn.

Đây là mười pháp, nếu có thể đem hồi hướng đến quả vị Bồ-đề vô thượng, thì sau khi thành Phật sẽ sớm đạt được pháp của tất cả Phật, thành tựu thần thông tự tại.

Khi ấy, Đức Thế Tôn lại bảo Long vương:

–Nếu Bồ-tát nào nương theo nghiệp thiện này thì trong lúc tu đạo, do có thể xa lìa sự sát sinh mà thực hành bố thí nên thường được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt được, sống lâu không chết yểu, chẳng bị tất cả kẻ oán thù làm tổn hại.

Do xa lìa việc trộm cướp mà thực hành bố thí, nên thường được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt được, có thể chứa nhóm đầy đủ tạng pháp của chư Phật hơn hết không ai sánh bằng.

Do xa lìa việc làm tà mà thực hành bố thí, nên thường được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt được, gia đình trinh thuận, mẹ và vợ con, không ai có thể nhìn ngắm họ bằng tâm dâm dục.

Do xa lìa lời nói dối trá mà thực hành bố thí, nên thường được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt được, xa lìa các sự hủy báng, giữ gìn chánh pháp, làm gì cũng chắc chắn, đạt được kết quả giống như nguyện ước.

Vì xa lìa lời nói ly gián mà thực hành bố thí, nên thường được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt, quyến thuộc hòa thuận, cùng một chí hướng, thường vui vẻ không chống trái, tranh chấp.

Vì xa lìa lời nói thô ác mà thường thực hành bố thí nên thường được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt, tất cả chúng hội đều vui vẻ quy ngưỡng, nói ra điều gì cũng được tin tưởng, tiếp nhận, không ai chống cự.

Do xa lìa lời nói vô nghĩa mà thực hành bố thí nên thường được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt, lời nói luôn không dối gạt, mọi người đều kính trọng, tiếp nhận, có thể dùng phương tiện khéo léo để dứt hẳn các sự nghi ngờ lầm lạc.

Do xa lìa tâm tham muốn mà thực hành bố thí nên thường được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt, có tất cả vật gì cũng đều đem bố thí, xả bỏ, có sự tin hiểu vững chắc, đầy đủ oai lực lớn.

Vì xa lìa tâm giận dữ mà thực hành bố thí, nên thường được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt, sớm tự thành tựu tâm trí vô ngại, các căn trang nghiêm, đẹp đẽ, ai thấy cũng kính mến.

Vì xa lìa tâm tà kiến điên đảo mà thực hành bố thí, nên thường có được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt, luôn được sinh vào trong nhà chánh kiến và chánh tín, gặp Phật, nghe pháp, cúng dường chúng Tăng, thường không quên tâm đại Bồ-đề.

Đó là lúc tu đạo Bồ-tát, Đại sĩ thực hành mười nghiệp thiện, bằng việc bố thí trang nghiêm mà được lợi ích lớn như vậy.

Này Long vương! Lấy phần cốt yếu mà nói, làm mười nghiệp thiện mà dùng giới để trang nghiêm thì có năng lực sinh khởi tất cả lợi ích chân thật trong Phật pháp, đầy đủ nguyện rộng lớn.

Vì trang nghiêm bằng Nhẫn nhục, nên được âm thanh viên mãn của Phật, đầy đủ các tướng tốt.

Vì trang nghiêm bằng Tinh tấn nên có thể phá trừ ma oán, nhập vào tạng pháp của Phật.

Vì trang nghiêm bằng Thiền định nên có thể sinh khởi niệm, tuệ, hổ thẹn và khinh an.

Vì trang nghiêm bằng Trí tuệ nên có thể dứt hẳn tất cả vọng kiến phân biệt.

Vì trang nghiêm bằng tâm Từ nên đối với các chúng sinh chẳng khởi phiền não, làm hại.

Vì trang nghiêm bằng tâm Bi nên thương yêu các chúng sinh, thường chẳng nhàm chán xả bỏ.

Vì trang nghiêm bằng tâm Hỷ nên thấy người tu tập nghiệp thiện tâm không ganh ghét.

Vì trang nghiêm bằng tâm Xả nên đối với cảnh thuận hay nghịch tâm không yêu thích hoặc bực tức.

Vì trang nghiêm bằng bốn Nhiếp pháp nên luôn siêng năng giáo hóa tất cả chúng sinh.

Vì trang nghiêm bằng bốn Niệm xứ nên khéo có thể tu tập pháp quán bốn Niệm xứ.

Vì trang nghiêm bằng bốn Chánh cần nên đều có thể đoạn trừ tất cả pháp bất thiện, thành tựu tất cả pháp thiện.

Vì trang nghiêm bằng bốn Thần túc, nên thường làm cho thân tâm nhẹ nhàng, thư thái.

Vì trang nghiêm bằng năm Căn nên lòng tin vững chắc sâu xa, siêng năng chẳng biếng trễ, thường không mê mờ, vọng động, luôn tĩnh lặng, thuần hòa dứt các phiền não.

Vì trang nghiêm bằng năm Lực nên mọi thứ thù địch đều diệt hết, không ai có thể phá hoại được.

Vì trang nghiêm bằng bảy Giác chi nên thường khéo giác ngộ tất cả các pháp.

Vì trang nghiêm bằng tám Thánh đạo nên đạt được trí tuệ chân chánh, luôn hiện ra ở trước.

Vì trang nghiêm bằng pháp Chỉ nên có năng lực trừ bỏ tất cả kết sử.

Vì trang nghiêm bằng pháp Quán nên có thể nhận biết tự tánh của các pháp đúng như thật.

Vì trang nghiêm bằng Phương tiện nên sớm thành tựu đầy đủ cái vui của hữu vi và cái vui của vô vi.

Này Long vương, ông nên biết mười nghiệp thiện này hoàn toàn có đủ năng lực làm cho mười Trí lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng và tất cả pháp Phật đều được viên mãn. Vì thế, nên các ông phải nên siêng năng tu học.

Này Long vương! Ví như tất cả thành ấp, xóm làng đều nương nơi mặt đất mà được đứng vững. Tất cả cỏ thuốc, cây cối, rừng rậm cũng đều nương vào đất mà được sinh trưởng. Mười nghiệp thiện này cũng như thế, là chỗ nương tựa vững chắc cho hàng trời, người. Tất cả hàng Thanh văn, Bồ-đề Độc giác, hạnh nguyện của các Bồ-tát và tất cả pháp Phật cũng đều nương nơi mặt đất mười nghiệp thiện này mà được thành tựu.

Lúc Đức Phật giảng nói kinh này xong, Long vương Ta-kiệt-la cùng các đại chúng bao gồm tất cả hàng trời, người, A-tu-la… đều rất hoan hỷ, tin tưởng, lãnh thọ làm theo.

-oOo-

Số 601

KINH PHẬT VÌ TA-GIÀ-LA LONG VƯƠNG SỞ THUYẾT ĐẠI THỪA

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ngụ nơi đạo tràng Trang nghiêm ở cung điện Long vương Ta-già-la trong biển cả cùng với chúng đại Tỳ-kheo bảy ngàn năm trăm vị và các Đại Bồ-tát đạt được đại trí tuệ từ các thế giới trong mười phương đều vân tập đến.

Lại có trăm, ngàn, ức, triệu trời Phạm vương, Đế Thích và các vị thần hộ thế, tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Nga-lỗ-nỗ, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già… cũng đều có mặt nơi pháp hội.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thấy tất cả đại chúng ấy đã tựu đông đủ nơi pháp hội, liền bảo Long vương Ta-già-la:

–Này Long vương! Ông hãy nhìn xem đủ loại hành nghiệp trong thế gian này thảy đều sinh khởi từ nơi hư vọng, vô số các loại tâm pháp cũng sẽ chiêu cảm lấy đủ thứ quả báo. Nếu chẳng hiểu rõ ràng về những sự việc ấy thì sẽ sinh vào trong vô số các nẻo.

Này Long chủ! Ông nên nhìn xem các chúng trong biển cả này, thấy các chúng sinh tạo tác đủ loại sắc tướng.

Này Long chủ! Tất cả các sắc tướng kia đều do tất cả nghiệp thiện, ác nơi thân, miệng, ý, tâm của mỗi loài biến hóa đủ loại. Tâm pháp này tuy gọi là sắc tướng, nhưng cũng giống như huyễn hóa, không có thể giữ lấy.

Này Long chủ! Sắc tướng ấy của tất cả các pháp vốn không có nơi chốn sinh, cũng không có chủ tể, không có ngã, cũng không có ngăn ngại. Chúng sinh tạo tác đủ loại nghiệp như vậy, nhưng tự tánh của các pháp đều như tướng huyễn hóa, chẳng thể nghĩ bàn.

Này Long chủ! Nếu Bồ-tát nào nhận biết tất cả các pháp không sinh, không diệt, không có màu sắc, không có hình tướng, nhận biết đúng như thật vậy rồi thì dù có tạo tác, có tu tập tất cả nghiệp thiện, cũng là không tu

tập, tạo tác. Chỗ có sắc tướng và uẩn, xứ, giới, tất cả pháp sinh cũng đều không có chỗ thấy. Nếu thấy được đúng như thật điều kia rồi thì phải nên quan sát sắc tướng thù thắng, vi diệu.

Này Long chủ! Sắc tướng thù thắng vi diệu này làm thế nào mà quan sát? Phải nên quán thân tướng của Như Lai. Thân tướng ấy của Như Lai đều từ trăm, ngàn, ức, triệu phước đức sinh ra. Lại nữa, tướng như vậy làm sao để trang nghiêm, giữ gìn, làm sao cung kính tin tưởng nhằm đạt được? Lại đạt được tướng không già, không chết của hàng trời, người. Lại đạt được mười, trăm, ngàn thân của trời Tha hóa tự tại, cho đến thân của trời Đại phạm. Do tâm này chẳng tán loạn, quán tưởng chuyên chú, chiêm ngưỡng thân tối thắng vi diệu của Như Lai, nhận biết đúng như thật tất cả sắc tướng thù thắng, vi diệu, trang nghiêm của thân này đều từ nghiệp thiện nhóm họp mà được.

Này Long chủ! Tất cả sự trang nghiêm cũng như phước đức sinh ra trong cung điện của ông ở, đến trong cõi trời Phạm vương, Đế Thích và những vị thần hộ thế, cho đến hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người cùng loại phi nhân, có các sự trang nghiêm đều từ nơi phước mà sinh ra.

Này Long chủ! Có đủ loại chúng sinh ở trong biển cả này, hoặc có chúng sinh thây to lớn, hoặc lại nhỏ bé, hoặc rất xấu xí. Tất cả thân kia đều do tâm hóa hiện đủ loại.

Này Long chủ! Do đây, cho nên nói tùy theo nghiệp của thân, miệng, ý mà đạt được.

Này Long chủ! Kết quả như vậy đều lấy nghiệp làm nhân, nghiệp làm chủ tể, ông nên khiến cho các chúng sinh phát khởi tâm trí tuệ. Tùy theo chỗ tạo tác, chỗ tu học nghiệp thiện, đối với các kiến chấp tà chẳng tạo tác, chẳng an trụ, nhận biết các kiến chấp tà kia chẳng phải là rốt ráo. Nhận biết như vậy xong thì tất cả chúng sinh sẽ cầu làm thầy, cùng nhau đến cúng dường và được chư Thiên, người trong thế gian quy kính, tin tưởng, cúng dường.

Này Long chủ! Có một pháp có thể làm cho chúng sinh dứt hẳn nghiệp ở trong tất cả nẻo xấu ác. Pháp ấy là gì?

Đó là quan sát pháp thiện, nhưng pháp thiện kia làm thế nào để quan sát? Phải nên quan sát thân mình. Trong ngày đêm, ta đi, đứng, nằm, ngồi, sinh khởi tâm ý đều là lỗi lầm. Quan sát nhận biết rõ như vậy sẽ làm cho các pháp ác trong bốn oai nghi chẳng được phát sinh. Đoạn tận các pháp bất thiện như vậy sẽ làm cho pháp thiện được đầy đủ. Lại khiến cho tất cả

chúng sinh cùng đạt được pháp thiện, thảy đều đạt được quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát, cho đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Long chủ! Thế nào là pháp thiện?

Nay ta giảng nói pháp thiện nghĩa là mười nghiệp thiện. Đó là chỗ an trụ căn bản cho tất cả, là chỗ an trụ căn bản được sinh vào hàng chư Thiên và loài người trong thế gian, là chỗ an trụ căn bản của pháp thiện thù thắng nơi thế gian và xuất thế gian, là chỗ an trụ căn bản của Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. An trụ căn bản ấy là những gì? Đó là mười nẻo nghiệp thiện. Nếu có thể xa lìa giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời thêu dệt, nói lời thô ác, nói hai chiều, cho đến tham dục, giận dữ, tà kiến thì đó là mười nẻo nghiệp thiện, chính là chỗ an trụ căn bản của thế gian và xuất thế gian.

Này Long chủ! Nếu chúng sinh nào xa lìa việc giết hại thì đạt được mười loại pháp thiện. Những gì là mười loại?

Đó là đạt được sự bố thí không sợ hãi làm cho tất cả chúng sinh khác được an trụ nơi tâm Từ, được hạnh chân chánh, không nghĩ đến các lỗi lầm của tất cả chúng sinh, được ít bệnh, an vui, được mạng sống lâu dài, được vô số loài phi nhân ủng hộ, trong lúc ngủ hay khi thức thảy đều an ổn, lại được bậc Hiền thánh bảo hộ chẳng nhàm chán xả bỏ, khi ở trong mộng chẳng thấy tạo tác nghiệp ác phiền não, tự đạt được sự chẳng sợ hãi đối với tất cả nẻo xấu ác, sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời.

Này Long chủ! Nếu chúng sinh đạt được mười loại pháp thiện như vậy, thực hành đạo Bồ-tát, tâm được an nơi pháp thiện, thành tựu đầy đủ căn lành thì sẽ đạt được quả vị Bồ-đề vô thượng.

Này Long chủ! Nếu chúng sinh nào xa lìa trộm cắp thì sẽ đạt được mười pháp nương tựa. Những gì là mười pháp? Đó là:

1. Được rất giàu có tự tại.

2. Tránh được các hoạn nạn của vua, nước, lửa, giặc cướp, oan gia.

3. Được nhiều quyến thuộc tùy thuận, hòa nhã.

4. Được nhiều người thương mến chẳng làm cho khổ não, có nói ra điều gì thì tất cả đều lắng nghe và tin nhận.

5. Được đầy đủ vô lượng của báu.

6. Được mọi người khắp nơi tán thán.

7. Đối với tất cả chỗ đi lại không sợ không hãi.

8. Được người khác khen ngợi là bậc trí tuệ.

9. Được sắc đẹp sức lực, mạng sống, biện tài lưu loát, tâm không

phân biệt người thân kẻ sơ, không còn phiền não.

10. Sau khi mạng chung, được sinh lên cõi trời.

Này Long chủ! Chúng sinh nào xa lìa việc trộm cắp thì sẽ được mười pháp nương tựa như vậy, đem căn lành ấy hồi hướng đến quả vị Bồ-đề vô thượng, sẽ đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Long chủ! Chúng sinh nào xa lìa tà dâm thì sẽ được bốn pháp trí thiện. Những gì là bốn pháp? Đó là:

1. Thu phục các căn.

2. Xa lìa tán loạn.

3. Được tất cả thế gian tán thán.

4. Lại được giàu sang vô lượng.

Này Long chủ! Chúng sinh nào xa lìa tà dâm thì sẽ đạt được bốn pháp trí thiện như vậy, nhờ căn lành này nên đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chứng đắc tướng mã âm tàng của bậc Đại trượng phu.

Này Long chủ! Chúng sinh nào xa lìa lời nói hư dối thì sẽ đạt được tám loại pháp lành của hàng trời, người. Những gì là tám? Đó là:

1. Miệng được thơm sạch như hương hoa sen xanh.

2. Lại được tất cả chánh kiến của thế gian.

3. Được tất cả sự ưa thích của hàng trời, người.

4. Được thân, miệng, ý thanh tịnh.

5. Hóa độ tất cả hữu tình làm cho ba nghiệp an trụ nơi hạnh thanh tịnh.

6. Được thanh tịnh rồi thì đều vui vẻ.

7. Được lời nói chân thật, thành tín, chắc chắn.

8. Được biện tài hơn người, ngôn từ nói ra đều có phương tiện, lìa xa tất cả lỗi lầm nơi hàng trời, người.

Này Long chủ! Chúng sinh nào xa lìa lời nói hư dối thì sẽ đạt được tám loại pháp lành của hàng trời, người như vậy. Nhờ căn lành ấy nên nghiệp khẩu thanh tịnh, hạnh chân chánh thành thật, sẽ đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Long chủ! Chúng sinh nào xa lìa lời nói thêu dệt thì sẽ đạt được ba loại pháp nhất hướng. Đó là đạt được pháp hiểu biết luôn hướng đến sự ái lạc, luôn hướng đến sự chân thật, luôn hướng đến con đường sinh trí tuệ; làm thầy hàng trời, người; được tất cả hàng trời, người ưa thích, tin theo.

Này Long chủ! Chúng sinh nào xa lìa lời nói thêu dệt thì sẽ đạt được

ba loại pháp nhất hướng như vậy, nếu đem căn lành này hồi hướng đến quả vị Bồ-đề sẽ được tất cả Đức Như Lai thọ ký, sẽ chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Long chủ! Chúng sinh nào xa lìa lời nói thô ác thì sẽ đạt được tám loại pháp thiện thanh tịnh. Đó là lời nói chân thật, lời nói hòa dịu, lời nói có ý nghĩa, lời nói nhỏ nhẹ, lời nói lìa chấp thủ, lời nói ai cũng ưa thích, lời nói hiền thiện, lời nói có lợi ích.

Này Long chủ! Chúng sinh nào xa lìa lời nói thô ác thì sẽ đạt được tám loại nghiệp của miệng thanh tịnh như vậy, đem căn lành này hồi hướng đến quả vị Bồ-đề thì sẽ chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và được Phạm âm thanh tịnh tối thượng.

Này Long chủ! Chúng sinh nào xa lìa lời nói hai chiều thì sẽ đạt được năm loại kiên cố. Đó là được thân kiên cố, được xa lìa tất cả sự sợ hãi, được quyến thuộc không ly tán, không bị người khác chiếm đoạt, được đức tin kiên cố, được phước báo tín nghiệp, được pháp kiên cố, được chứng quả không thoái chuyển, được bạn lành kiên cố, thường luôn theo nhận lời nói dịu hòa.

Này Long chủ! Chúng sinh nào xa lìa lời nói hai chiều thì sẽ đạt được năm loại kiên cố như vậy, đem căn lành ấy hồi hướng đến quả vị Bồ-đề sẽ chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khiến tất cả các ngoại đạo, ma vương… đều không thể phá hoại.

Này Long chủ! Chúng sinh nào xa lìa tham độc thì sẽ đạt được tám loại pháp thiện. Đó là tâm tham tiêu trừ, tâm giết hại không sinh, tâm ganh ghét không sinh, thích sinh tâm dòng thánh, được thánh nhân tôn trọng, dùng nghiệp thiện tâm Từ làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, được thân tươi đẹp, được nhiều người tôn quý, được sinh ở cõi trời Phạm thiên.

Này Long chủ! Chúng sinh nào xa lìa tham độc thì sẽ đạt được tám loại pháp thiện như vậy, đem pháp thiện này hồi hướng đến quả vị Bồ-đề với tâm không thoái chuyển sẽ chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Long chủ! Chúng sinh nào xa lìa sân độc thì sẽ đạt được năm loại nguyện thù thắng viên mãn. Đó là được tu thân, miệng, ý không thoái chuyển, được các căn không tán loạn, được tất cả sự giàu sang rộng lớn viên mãn, được kẻ cừu thù quy phục, được tất cả phước đức rộng lớn viên mãn, tâm thọ dụng mong muốn điều gì cũng được viên mãn, như là phát trăm ngàn nguyện thù thắng tối thượng muốn giàu sang thì đều được viên mãn như ý nguyện.

Này Long chủ! Chúng sinh nào xa lìa sân độc thì sẽ được năm loại nguyện viên mãn như vậy, đem căn lành ấy hồi hướng lên quả vị Bồ-đề vô thượng, sẽ chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được chúng sinh trong ba cõi tôn kính.

Này Long chủ! Chúng sinh nào xa lìa tà kiến thì sẽ được mười loại pháp công đức. Đó là:

1. Được tự tâm an lành cùng với bạn lành đồng hành tin sâu nhân quả.

2. Không vì thân mạng mà gây nghiệp tội.

3. Sớm chứng được quả vị Thánh hiền.

4. Không mê chấp nơi pháp thiện.

5. Tu hạnh trời, người, không rơi vào cõi Diệm-ma và bàng sinh.

6. Hành đạo của bậc thánh được phước tối thượng.

7. Lìa xa tất cả pháp tà.

8. Lìa xa kiến chấp về thân.

9. Thấy được tánh của tất cả tội đều không.

10. Được đầy đủ hạnh chân chánh của hàng trời, người.

Này Long chủ! Chúng sinh nào xa lìa tà kiến thì sẽ được mười loại công đức như vậy, đem căn lành ấy hồi hướng lên quả vị Bồ-đề, sẽ sớm thông tỏ tất cả Phật pháp và chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Long chủ! Ta thấy chúng sinh tạo mười pháp bất thiện vi tế, phần nhiều đều đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Này Long chủ! Nếu những chúng sinh đó tạo nghiệp sát sinh thì sẽ rơi vào cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, Diệm-ma…, sau khi tái sinh ở nhân gian, vì còn nghiệp cũ nên phải mang hai loại quả báo:

1. Thọ mạng ngắn ngủi.

2. Khổ não.

Nếu chúng sinh nào trộm cắp thì sẽ bị đọa vào cõi địa ngục, súc sinh, Diệm-ma…, sau khi tái sinh ở nhân gian, vì còn nghiệp cũ nên phải mang hai loại quả báo:

1. Sống trong cảnh bần cùng.

2. Không được người khác giúp đỡ cho tiền bạc.

Nếu chúng sinh nào tà dâm thì sẽ bị đọa vào cõi địa ngục, súc sinh, Diệm-ma…, sau khi tái sinh ở nhân gian, vì còn nghiệp cũ nên phải mang

hai loại quả báo:

1. Ngu si.

2. Vợ không trinh tiết, trong trắng.

Nếu chúng sinh nào nói lời hư dối thì sẽ bị đọa vào cõi địa ngục, súc sinh, Diệm-ma…, sau khi tái sinh ở nhân gian, vì còn nghiệp cũ nên phải mang hai loại quả báo:

1. Nói lời không thành thật.

2. Người khác không tin theo.

Nếu chúng sinh nào nói lời thêu dệt thì sẽ bị đọa vào cõi địa ngục, súc sinh, Diệm-ma…, sau khi tái sinh ở nhân gian, vì còn nghiệp cũ nên phải mang hai loại quả báo:

1. Lời nói không chân chánh.

2. Luôn thay đổi những điều đã nói.

Nếu chúng sinh nào nói lời hung ác thì sẽ bị đọa vào cõi địa ngục, súc sinh, Diệm-ma…, sau khi tái sinh ở nhân gian, vì còn nghiệp cũ nên phải mang hai loại quả báo:

1. Thường ưa tranh cãi.

2. Người nghe không kính trọng.

Nếu chúng sinh nào nói lời đâm thọc thì sẽ bị đọa vào cõi địa ngục, súc sinh, Diệm-ma…, sau khi tái sinh ở nhân gian, vì còn nghiệp cũ nên phải mang hai loại quả báo:

1. Quyến thuộc đều thấp hèn.

2. Tình cảm trong thân quyến bị chia rẽ.

Nếu chúng sinh nào tham nhiều thì sẽ bị đọa vào cõi địa ngục, súc sinh, Diệm-ma…, sau khi tái sinh ở nhân gian, vì còn nghiệp cũ nên phải mang hai loại quả báo:

1. Không được lợi ích như người khác.

2. Thường bị người khác chiếm đoạt, gây hại.

Nếu chúng sinh nào nhiều sân hận thì sẽ bị đọa vào cõi địa ngục, súc sinh, Diệm-ma…, sau khi tái sinh ở nhân gian, vì còn nghiệp cũ nên phải mang hai loại quả báo:

1. Tâm thường không vui.

2. Không vừa ý việc gì cả.

Nếu chúng sinh nào tà kiến thì sẽ bị đọa vào cõi địa ngục, súc sinh, Diệm-ma…, sau khi tái sinh ở nhân gian, vì còn nghiệp cũ nên phải mang

hai loại quả báo:

1. Tà kiến.

2. Biếng nhác.

Này Long chủ! Nếu chúng sinh nào tạo mười việc bất thiện như vậy thì chắc chắn sẽ chịu quả báo như thế và còn phải nhận bao nỗi khổ lớn vô biên khác.

Này Long chủ! Nếu Bồ-tát nào lìa xa việc sát sinh, tu đạo Bồ-tát, thực hành bố thí thì sẽ được giàu sang, sống lâu, phước báo vô lượng, không còn bị kẻ khác chiếm đoạt, làm cho lo sợ.

Này Long chủ! Nếu Bồ-tát nào lìa xa việc trộm cắp, tu đạo Bồ-tát, thực hành bố thí thì sẽ được giàu sang, phước báo vô lượng, tâm không bủn xỉn đối với tất cả mọi người, chứng đắc pháp nghĩa vô thượng của chư Phật giảng dạy bằng trí tuệ sâu xa.

Này Long chủ! Nếu Bồ-tát nào lìa xa việc tà dâm, tu đạo Bồ-tát, thực hành bố thí thì sẽ được giàu sang, phước báo vô lượng, được cha mẹ, vợ con quyến thuộc thương yêu, không có ác kiến.

Này Long chủ! Nếu Bồ-tát nào lìa xa lời nói hư dối, tu đạo Bồ-tát, thực hành bố thí thì sẽ được giàu sang, phước báo vô lượng, được lời nói nhỏ nhẹ, hiền thiện, một khi phát nguyện chân thành thì được vững chắc, không thay đổi.

Này Long chủ! Nếu Bồ-tát nào lìa xa lời nói thêu dệt, tu đạo Bồ-tát, thực hành bố thí thì sẽ được giàu sang, phước báo vô lượng, nói lời chân thật được người nghe tin nhận, một khi nói lời gì ra là dứt trừ sự nghi ngờ cho người khác.

Này Long chủ! Nếu Bồ-tát nào lìa xa lời nói hung ác, tu đạo Bồ-tát, thực hành bố thí thì sẽ được giàu sang, phước báo vô lượng, nói ra điều gì cũng được mọi người tin nhận, không chối bỏ, không có lỗi lầm ở nơi các chúng.

Này Long chủ! Nếu Bồ-tát nào lìa xa lời nói đâm thọc, tu đạo Bồ-tát, thực hành bố thí thì sẽ được giàu sang, phước báo vô lượng, tâm trụ bình đẳng đối với các quyến thuộc, thương họ như nhau, không bị ly tán.

Này Long chủ! Nếu Bồ-tát nào lìa xa tham độc, tu đạo Bồ-tát, thực hành bố thí thì sẽ được giàu sang, phước báo vô lượng, được thân tướng đẹp đẽ, các căn đầy đủ, ai thấy cũng yêu mến, không nhàm chán.

Này Long chủ! Nếu Bồ-tát nào lìa xa sân độc, tu đạo Bồ-tát, thực hành bố thí thì sẽ được giàu sang, phước báo vô lượng, không có tâm thù

hằn dấy khởi, được nghe pháp chính yếu của Phật, có thể sinh niềm tin sâu xa.

Này Long chủ! Nếu Bồ-tát nào lìa xa tà kiến, tu đạo Bồ-tát, thực hành bố thí thì sẽ được giàu sang, phước báo vô lượng, đầy đủ chánh kiến đối với Tam bảo, thường gần gũi Phật, được nghe pháp vi diệu, không biếng nhác bỏ bê sự cúng dường cho chúng Tăng, giáo hóa chúng sinh làm cho họ đều phát tâm Bồ-đề.

Này Long chủ! Nếu ai khéo tu mười nghiệp thiện này, hành đạo Bồ-tát, dùng sự Bố thí để trang nghiêm thì sẽ được giàu sang, phú quý, phước báo viên mãn.

Nếu dùng sự Trì giới để trang nghiêm thì sẽ được tất cả pháp Phật, ý nguyện đầy đủ, phước báo viên mãn.

Nếu dùng sự Nhẫn nhục để trang nghiêm thì sẽ được phước báo tròn đầy, được trí tuệ Phật, được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp và được đầy đủ Phạm âm.

Nếu dùng sự Tinh tấn để trang nghiêm thì sẽ được phước báo viên mãn, có khả năng hàng phục Thiên ma, ngoại đạo, rồi đem pháp của chư Phật cứu độ cho họ.

Nếu dùng sự Thiền định để trang nghiêm thì sẽ được phước báo viên mãn, đầy đủ chánh niệm, pháp hành thanh tịnh.

Nếu dùng Trí tuệ để trang nghiêm thì sẽ được phước báo viên mãn, trừ sạch tất cả tà kiến.

Nếu dùng đại Từ để trang nghiêm thì sẽ được phước báo viên mãn, có khả năng làm cho tất cả chúng sinh hàng phục tất cả phiền não vi tế.

Nếu dùng đại Bi để trang nghiêm thì sẽ được phước báo viên mãn, tất cả chúng sinh luôn gần gũi.

Nếu dùng tâm đại Hỷ để trang nghiêm thì sẽ được phước báo viên mãn, nhất tâm không tán loạn.

Nếu dùng tâm đại Xả để trang nghiêm thì sẽ được phước báo viên mãn, phiền não vi tế thảy đều tiêu trừ.

Này Long chủ! Cho đến dùng bốn Nhiếp pháp để trang nghiêm thì sẽ được phước báo viên mãn, được tất cả chúng sinh thuận theo sự giáo hóa.

Nếu dùng bốn Niệm xứ để trang nghiêm thì có thể hiểu rõ về thân, thọ, tâm, pháp.

Nếu dùng bốn Chánh đoạn để trang nghiêm thì có khả năng làm cho tất cả pháp bất thiện đều diệt mất, được tất cả pháp thiện viên mãn.

Nếu dùng bốn Thần túc để trang nghiêm thì có khả năng làm cho thân tâm đều được nhẹ nhàng, lợi ích.

Nếu dùng năm Căn để trang nghiêm thì sẽ được tín, tấn không thoái chuyển, tâm không mê hoặc, thấu rõ các nghiệp nhân, dứt hẳn phiền não.

Nếu dùng năm Lực để trang nghiêm thì sẽ được hiểu rõ tất cả pháp một cách như thật.

Nếu dùng tám Chánh đạo để trang nghiêm thì sẽ chứng đắc trí chân chánh.

Nếu dùng thiền định để trang nghiêm thì sẽ đoạn trừ được tất cả phiền não.

Nếu dùng thiền quán để trang nghiêm thì sẽ được trí tuệ thấu rõ tất cả pháp.

Nếu dùng chánh đạo để trang nghiêm thì sẽ rõ biết tất cả pháp phương tiện, hữu vi và vô vi.

Này Long chủ! Nay ta đã giảng nói tóm lược về mười điều thiện để trang nghiêm, cho đến nói về mười Lực, bốn Trí, mười tám pháp Bất cộng và tất cả pháp phần của Như Lai đều được viên mãn.

Này Long chủ! Ông phải nên tu học, cho đến giảng nói rộng rãi mười nghiệp đạo thiện và công việc trang nghiêm ấy.

Này Long chủ! Ví như đại địa có khả năng làm cho con người, thế giới cùng tất cả cõi nước, thành ấp, xóm làng, cho đến cỏ cây, vườn rừng đều được an trụ.

Lại nữa, các nghiệp đều có hạt giống. Hạt giống thành cây đều nhờ vào bốn đại. Ví như hạt lúa, từ khi nẩy mầm cho đến lúc chín đều nương vào đất. Này Long chủ! Mười nghiệp đạo thiện này có khả năng làm cho chư Thiên, loài người, tất cả hữu tình đều được an trụ nơi chốn thù thắng vi diệu, làm cho tất cả hành hữu vi, vô vi đều được phước báo trí tuệ, tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật cho đến Bồ-tát và Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đều được an trụ. An trụ như vậy cũng tức là an trụ nơi tất cả pháp Phật.

Này Long chủ! Những lời của ta dạy đây các ông nên đem tâm chân chánh để hết lòng tin hiểu.

Bấy giờ, trong chúng hội, Long vương Ta-già-la cùng các Đại Bồ-tát, tất cả hàng Thanh văn, chư Thiên, loài người, A-tu-la, Càn-thát-bà… tất cả đại chúng nghe Phật chỉ dạy rồi đều vui vẻ phụng hành.

-oOo-

số 602

PHẬT THUYẾT ĐẠI AN BAN THỦ Ý KINH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao, người nước An Tức.

Bài tựa của ngài Khương Tăng Hội

Phàm An ban là Đại thừa của các Đức Phật, dùng cứu tế sự trôi dạt của chúng sinh. Việc ấy có sáu để trị sáu tình. Tình có trong và ngoài. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý gọi là nội tình. Sắc thanh, hương, vị, xúc, tà niệm gọi là ngoại tình. Kinh nói rằng, các biển có mười hai việc là gọi sự thọ tà hạnh của sáu tình trong và ngoài, giống như biển thọ nhận các dòng chảy, người đói mơ ăn cơm dường như không đầy đủ. Đồ chứa tâm tràn đầy, không vật nhỏ nào chẳng thấm, hoảng hốt, phảng phất, ra vào không gián đoạn, nhìn không thấy hình, nghe không có tiếng, ngược về trước không có, tìm về sau cũng không, vi tế thâm diệu hình thể không sợi tơ, cọng tóc, Phạm thiên, Đế Thích, Tiên thánh đã chẳng soi sáng, giống lặng yên đến đây hóa sinh ra ư? Đó chẳng phải là cái nhìn thấy của phàm phu gọi là ấm. Giống như người gieo giống âm thầm kín đáo mở tay đổ hạt giống, chúng sinh sôi có đến hàng vạn ức mà người bên cạnh chẳng nhìn thấy hình dạng chúng, người gieo giống chẳng biết số lượng của chúng, một cái nát rơi xuống thì vạn cái mọc lên. Trong khoảnh khắc gảy móng tay, tâm có chín trăm sáu mươi là chuyển, một ngày một đêm có mười ba ức ý. Ý có một mà thân tâm chẳng tự biết, giống như người gieo giống kia vậy. Do đó dùng hạnh tịch tĩnh ràng buộc ý vào hơi thở đếm từ một đến mười. Đến số mười chẳng lầm lẫn ý định tại đó. Tiểu định ba ngày, đại định bảy ngày, tịch tĩnh không ý niệm khác ngây ra như chết gọi là Nhất thiền. Thiền là bỏ vậy! Bỏ mười ba ức ý niệm dơ bẩn. Đã thu hoạch số định rồi thì chuyển niệm trước theo trừ sạch tám ý ấy mà chính có hai ý là ý định ở chỗ dựa theo, do ở pháp tính vậy. Cặn đục tiêu diệt, tâm hơi trong sạch thì gọi đó là Nhị thiền. Lại trừ đi sự chú ý vào đầu mũi ấy thì gọi là Chỉ. Được hạnh Chỉ thì ba độc chạy tứ tán, năm ấm, sáu tối, các bẩn diệt hết. Đuốc tâm thắp sáng vượt qua

ngọc Minh nguyệt, lòng dâm tà bẩn giống như gương soi ở dưới bùn dơ lấm bẩn vậy. Ngửa lên dùng soi trời, úp xuống dùng thấu đất, sáng suốt thánh đạt vạn cõi soi thấu, tuy có cái lớn của trời đất, nhưng không một người mà có thể nhìn thấy. Sở dĩ vậy là do sự vẩn đục ấy. Mọi tâm cấu bẩn có thể vượt qua gương soi kia nếu được thầy giỏi nạo vót, mài dũa cho bụi mỏng, tối mờ quét sạch không còn. Đem tâm đó chiếu soi thì sợi lông, cọng tóc nhỏ nhặt mà không cái nhỏ nào chẳng rõ rệt. Bẩn lui đi, sáng còn lại khiến cho tâm ấy hiển nhiên vậy. Tình tràn đầy, ý tán loạn thì nghĩ muôn điều chẳng biết một vậy. Giống như ở chợ buông thả lòng nghe ngóng, rộng tiếp nhận mọi âm thanh, lui về ở yên, nghĩ suy chẳng nhận biết tiếng nói một người. Lòng buông ý thả, vẩn đục che sự thông suốt ấy. Còn như tự ở chỗ nhàn, tâm tư tịch mịch, chỉ không tà dục, kề tai lắng nghe thì vạn câu chẳng mất. Nửa lời nói ra ấy là do lòng lắng, ý trong vậy. Hành tịch, chỉ ý treo ở đầu mũi gọi là Tam thiền vậy. Trở lại quan sát thân ấy, từ đầu đến chân, ngược lại xét kỹ nước bẩn của nội thể, lông dựng đứng rậm rạp, còn nhìn thấy máu mũ, nước miếng, nước mũi. Đối với tâm ấy đủ chiếu soi trời, đất, người, vật. Những thứ ấy thịnh hoặc suy, không còn cũng chẳng mất, tin Phật, Tam bảo, mọi tối đều sáng... Đó gọi là Tứ thiền. Nhiếp lấy tâm trở lại nghĩ các ấm đều diệt. Đó gọi là trở lại. Uế dục lặng hết, tâm ấy vô tưởng. Đó gọi là tịnh. Người được hạnh An ban thì lòng phát lạnh liền sáng. Dùng ánh sáng này quan sát thì không chỗ tối nào chẳng nhìn thấy, việc từ vô số kiếp, việc mới đến, sự đổi thay nhân vật, các cõi hiện tại. Trong đó sẵn có pháp hóa của Thế Tôn, việc tụng tập của đệ tử, không gì xa chẳng thấy, không tiếng gì chẳng nghe, hoảng hốt phảng phất, còn mất tự do, lớn khắp tám cực, nhỏ suốt mao ly, chế trời đất trụ mạng sống, thần đức mạnh hoại bệnh trời, khuấy động ba ngàn - di dời các cõi. Tám bất tư nghị chẳng phải chỗ Phạm thăm dò, thần đức vô hạn là do sáu hạnh. Khi Đức Thế Tôn bắt đầu muốn nói kinh ấy thì lớn đến chấn động, người trời đổi sắc, ba ngàn An ban, người không thể tin. Đến đây, Đức Thế Tôn hóa làm hai thân, một là Hà Đẳng, một là Tôn Chủ, diễn cho nghĩa ấy xuất hiện vậy. Đại sĩ, Thượng nhân sáu đôi, mười hai nhóm không ai chẳng chấp hành. Có vị Bồ-tát tên là An Thanh tự là Thế Cao, con của chính hậu vua nước An Tức, nhường nước cho chú đi lánh vào bản thổ, ngao du khắp nơi, sau cùng liền vào ở kinh sư. Ngài ấy là người học rộng, hiểu nhiều, thông suốt như thần, bảy chính đầy vơi, phong khí tốt xấu, núi lở đất động, châm cứu.... các thuật, nhìn sắc diện biết bệnh, chim thú hót kêu không âm thanh nào chẳng soi thấu, ôm sự rộng rãi của hai nghi thức. Thương xót sự ngu tối của lê dân, ngài trước móc tai họ, rồi mở mắt họ, muốn cho họ nhìn sáng, nghe

thông. Rồi từ từ mới diễn bày Lục độ chánh chân, ngài dịch kinh An ban bí mật thâm áo này. Người học mà bụi trần dấy lên thì không gì chẳng trừ khử, gặp uế trược thì giữ gìn đạo đức thanh bạch vậy. Tôi sinh ra muộn màng, bắt đầu có thể vác củi thì cha mẹ chết mất, ba thầy vĩnh biệt, ngước nhìn mây bay, buồn không tín thọ, nói lời thương nhớ, nước mắt thầm rơi. Phước xưa chưa hết nên tôi được hội kiến với ngài Hàng Lâm ở Nam Dương, ngài Bì Nghiệp ở Dĩnh Xuyên và ngài Trần Tuệ ở Cối Kê. Ba vị Hiền giả này hết lòng tin đạo, chấp trì đức hạnh, hoằng dương chánh pháp, hăng hái tiến tới, chí đạo chẳng mệt mỏi. Tôi theo những vị ấy thỉnh vấn thì khuôn đồng phép hợp, nghĩa không sai khác. Ngài Trần Tuệ chú nghĩa, tôi giúp châm chước, chẳng phải sự truyền dạy của thầy nên chẳng dám tự do. Lời nói của kẻ hèn nhiều vụng về, chẳng thấy ý Phật! Nguyện xin những vị Hiền minh Thánh triết cùng chung thẩm xét. Nghĩa cú thêm sự san định của bậc Thánh triết, chung hiến hiện thần dung.

-oOo-

PHẬT THUYẾT ĐẠI AN BAN THỦ Ý KINH

QUYỂN THƯỢNG

Đức Phật ở tại nước Việt kỳ, là nước Xá-kỳ-sấu cũng còn một tên là nước Già-nặc-ca-la.

Bấy giờ, Ngài ngồi thực hành An ban Thủ ý chín mươi ngày. Ngồi một mình chín mươi ngày là để suy nghĩ tính toán, muốn độ thoát con người và những loài biết cử động khắp mười phương. Ngài lại nói rằng:

–Ta hành An ban Thủ ý chín mươi ngày thì An ban Thủ ý được ý từ niệm tự tại. Rồi trở lại thực hành An ban Thủ ý, lại thu ý, thực hành niệm.

An là thân, Ban là hơi thở, Thủ ý là đạo. Thủ tức là cấm, cũng gọi là chẳng phạm giới. Cấm cũng là giữ, giữ là giữ khắp tất cả, không phạm điều gì. Ý là hơi thở, ý cũng là đạo vậy.

An là sinh, Ban là diệt, Ý là nhân duyên, Thủ tức là đạo vậy.

An là đếm, Ban là theo dõi, Thủ ý là dừng vậy.

An là niệm đạo, Ban là giải kết, Thủ ý là chẳng rơi vào tội lỗi.

An là tránh tội, Ban là chẳng mắc tội, Thủ ý là đạo.

An là định, Ban là không làm cho lay động, Thủ ý là không loạn ý.

An ban Thủ ý gọi là chế ngự ý, đến được vô vi.

An là có, Ban là không. Ý niệm có chẳng được đạo, ý niệm không thì chẳng được đạo, cũng chẳng nghĩ có, cũng chẳng nghĩ không, chính là ứng với định không, ý theo đạo mà làm. Có thì gọi là muôn vật, không thì gọi là nghi, cũng gọi là trống rỗng vậy.

An là nhân duyên gốc, Ban là không xứ sở. Đạo nhân biết vốn không từ đâu đến, cũng biết diệt không đi về đâu. Đó là Thủ ý vậy.

An là thanh, Ban là tịnh, Thủ là vô, Ý là vi. Đó là thanh tịnh vô vi. Vô là sống, vi là sinh, chẳng bị khổ nữa nên gọi là sống vậy.

An là chưa, Ban là khởi, do chưa khởi nên liền thủ ý. Nếu đã khởi ý thì thủ ý. Nếu ý đã khởi thì chạy đi, vì chẳng thủ nên phải làm cho nó trở lại. Vậy nên Đức Phật nói An ban Thủ ý vậy.

An là thọ năm ấm, Ban là trừ năm ấm, Thủ ý là hiểu biết nhân duyên, chẳng theo thân, miệng, ý. Thủ ý thì không vướng mắc vào đâu là thủ ý, có chỗ vướng mắc là chẳng thủ ý. Vì sao? Vì ý khởi rồi lại diệt. Ý chẳng khởi lên lại là đạo. Đó là thủ ý. Thủ ý là không khiến cho ý sinh. Làm phát sinh nhân có chết là chẳng thủ ý, không khiến cho ý chết; có chết nhân có sinh, ý cũng chẳng chết thì đó gọi là đạo.

An ban Thủ ý có mười thông tuệ là Sổ tức, Tương tùy, Chỉ Quán, Hoàn, Tịnh, Tứ đế. Đó là mười trí thành tựu; nếu hợp với kinh ba mươi bảy phẩm thì hạnh thành tựu.

Thủ ý ví như lửa đèn có hai công dụng: Một là phá trừ tối, hai là chiếu sáng, còn Thủ ý thì một là phá hoại si, hai là thấy tuệ.

Thủ ý thì ý từ nhân duyên sinh, sẽ duyên theo nhân duyên không chấp trước. Đó là Thủ ý.

Thủ ý có ba nhóm:

1. Giữ khiến cho chẳng được sinh.

2. Đã sinh thì phải mau chóng diệt.

3. Việc đã làm thì phải từ đây về sau kể hàng ức vạn kiếp, hối hận chẳng làm lại nữa.

Thủ cùng ý đều khác nhau, giữ cho tất cả mười phương, biết đối pháp chẳng phạm thì đó là Thủ; biết đó là vô vi thì đó là ý. Đó là sự khác nhau của Thủ và Ý. Trong Thủ ý có bốn niềm vui:

1. Biết cái vui cần thiết.

2. Biết cái vui pháp.

3. Biết cái vui cao thượng.

4. Biết có vui thích đúng.

Pháp là hạnh, đắc là đạo. Sáu việc Thủ ý có trong, có ngoài. Sổ, Tùy, Chỉ đó là ngoài, Quán, Hoàn, Tịnh đó là trong là tùy theo đạo vậy. Vì sao? Vì niệm tức, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh là muốn tu tập ý gần đạo. Lìa khỏi sáu việc này là theo thế gian. Sổ tức là ngăn chận ý, tương tùy là thâu ý, chỉ là định ý, quán là lìa ý, hoàn là nhất ý, tịnh là giữ ý. Do con người chẳng thể chế ngự ý nên hành sáu việc này. Vì sao sổ tức? Do loạn ý vậy. Vì sao chẳng được? Do chẳng biết. Vì sao chẳng được thiền? Do chẳng bỏ tập để chứng diệt, thực hành đạo vậy!

Sổ tức là đất, tương tùy là cày, chỉ là cái ách, quán là hạt giống, hoàn là mưa, tịnh là làm việc. Sáu việc như vậy mới theo đạo được. Sổ tức cắt đứt bên ngoài, tương tùy cắt đứt bên trong, chỉ là dừng tội, hành quán từ bỏ ý, chẳng thọ thế gian là hoàn, niệm đứt là tịnh. Ý loạn phải sổ tức, ý định phải tương tùy, ý dứt phải hành chỉ, muốn đắc đạo phải quán, chẳng hướng ngũ ấm nên hoàn, không có sở hữu là tịnh. Nhiều việc phải sổ tức, ít việc phải tương tùy, ý bên trong hết phải hành chỉ, sợ thế gian phải quán, chẳng muốn thế gian là hoàn, niệm dứt là tịnh vậy. Vì sao sổ tức? Vì chẳng muốn theo năm ấm. Vì sao tương tùy? Vì muốn biết năm ấm. Vì sao Chỉ? Vì muốn quán sát năm ấm. Vì sao quán ấm? Vì muốn biết gốc của thân. Vì sao muốn biết gốc của thân? Vì muốn bỏ khổ. Vì sao hoàn? Vì chán sinh tử. Vì sao tịnh? Vì phân biệt năm ấm chẳng thọ nhận, rồi theo tám con đường trí tuệ mà để được hiểu biết, mà đạt sở nguyện. Khí hành tức là tùy theo đếm, khi tương tùy là theo niệm, khi Chỉ là theo định, khi quán là theo tịnh, khi hoàn là theo ý, khi tịnh là theo đạo, cũng là theo hành vậy.

Sổ tức là bốn Ý chỉ, Tương tùy là bốn Ý đoạn, Chỉ là niệm bốn Thần túc, Quán là năm căn và năm Lực, Hoàn là bảy Giác ý, Tịnh là tám Chánh đạo vậy. Được Tức mà chẳng Tương tùy thì chẳng phải là Thủ ý. Được Tương tùy mà chẳng Chỉ thì chẳng phải là Thủ ý. Được Chỉ mà chẳng quán thì chẳng phải là Thủ ý. Được Quán mà chẳng Hoàn thì chẳng phải là Thủ ý. Được Hoàn mà chẳng Tịnh thì chẳng phải là Thủ ý. Được Tịnh mà lại Tịnh mới là Thủ ý. Đã niệm Tức thì ác chẳng sinh. Lại thêm sổ là cùng ngăn chận ý, chẳng theo sáu suy. Hành Tương tùy là muốn lìa sáu suy; hành Chỉ là muốn khước trừ sáu suy; hành Quán là muốn đoạn trừ sáu suy; hành Hoàn là muốn chẳng thọ sáu suy; hành Tịnh là muốn diệt sáu suy; đã diệt hết thì theo đạo.

Sổ tức là muốn ngăn chận ý. Hơi thở có dài có ngắn nên phải lại ngăn

chận ý dài ý ngắn. Vì sao Thủ ý? Vì muốn dừng ác. Ác cũng có thể giữ, cũng chẳng thể giữ. Vì sao? Vì ác đã hết thì chẳng phải giữ vậy.

Sổ tức có ba việc:

1. Phải ngồi mà thực hành.

2. Thấy sắc phải nghĩ là vô thường bất tịnh.

3. Phải hiểu sân nhuế, ngu si, tật đố khiến cho qua đi.

Sổ tức loạn thì phải biết nhân duyên phát khởi, phải biết chính là nội ý.

Hơi thở thứ nhất loạn thì chính là lỗi của ngoại ý. Vì hơi thở từ bên ngoài vào.

Hơi thở thứ hai loạn thì chính là lỗi của nội ý vì hơi thở từ trong ra.

Hơi thở ba, năm, bảy, chín... thuộc về ngoại ý.

Hơi thở bốn, sáu, tám, mười... thuộc về nội ý.

Tật đố, sân nhuế, ngu si là ba ý ở bên trong. Sát, đạo, dâm, hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, thêu dệt là bảy ý và các việc còn lại thuộc về bên ngoài. Được hơi thở là ngoài, chẳng được hơi thở là trong.

Hơi thở từ ý sinh ra, ý niệm, hơi thở hợp làm một lần đếm. Hơi thở hết thì đếm là một cũng chẳng phải là một vì ý ở ngoài, hơi thở chưa hết vậy. Ví như đếm tiền, ý ở số năm đếm là một. Sổ tức sở dĩ trước đếm hơi thở vào là vì bên ngoài có bảy ác, bên trong có ba ác. Do ít chẳng thể thắng nhiều nên trước đếm hơi thở vào. Sổ tức chẳng được thì mất ý căn bản. Ý căn bản gọi là phi thường, khổ, không, phi thân. Mất ý này thì rơi vào điên đảo cũng là mất thầy. Thầy là khi bắt đầu ngồi, hơi thở hít vào thứ nhất mà được thân an thì liền theo thứ lớp tiến hành. Vì mất ý căn bản ấy nên chẳng được hơi thở. Khi Sổ tức, ý thường phải nghĩ về phi thường, khổ, không, phi thân, đếm là hơi thở ra cũng diệt, hít vào cũng diệt. Biết được thế rồi thì được đạo mau chóng, phải giữ gìn ý sợ phi thường. Được ý này tức là được hơi thở vậy.

Hơi thở vào, hơi thở ra sở dĩ khác là vì hơi thở ra là sinh tử ấm, hơi thở vào là tưởng ấm. Có lúc hơi thở ra là thống dương ấm, hơi thở vào là thức ấm. Do đó nên là khác. Đạo nhân phải phân biệt ý này.

Hơi thở vào là chẳng thọ tội, hơi thở ra là trừ tội, thủ ý là lìa khỏi tội.

Hơi thở vào là thọ nhân duyên, hơi thở ra là đến với nhân duyên, thủ ý là chẳng lìa khỏi nhân duyên.

Sổ tức chẳng được có ba lý do:

1. Tội đến.

2. Hành chẳng đắp đổi nhau.

3. Chẳng tinh tấn.

Hơi thở vào ngắn, hơi thở ra dài, không có cái để nghĩ đến là ý đạo. Có cái để nghĩ là tội. Tội cốt ở ngoài chẳng ở trong. Khi sổ tức, có lìa khỏi ý là hơi thở nhanh dài, đạt được thở là hơi thở nhanh ngắn. Chẳng an mà thở là dài, an định mà thở là ngắn. Nghĩ đến muôn vật thì thở dài, không nghĩ gì là thở ngắn. Chưa đến mười hơi thở mà quên đi rồi đếm lại thì hơi thở dài, được mười hơi thở thì hơi thở ngắn. Đạt được hơi thở là ngắn. Vì sao? Vì dừng chẳng đếm lại. Đạt được hơi thở cũng là dài. Vì sao? Vì hơi thở chẳng ngưng nên là dài. Thở nhanh dài tự biết, thở nhanh ngắn tự biết thì đó gọi là ý có mặt tự biết dài ngắn. Ý biết dài ngắn là tự biết. Ý chẳng biết dài ngắn là chẳng tự biết vậy.

Đạo nhân hành An ban Thủ ý muốn dừng ý thì phải có nhân duyên gì mới được dừng ý? Phải nghe nói về An ban Thủ ý!

Thế nào là An? Thế nào là Ban? An là hơi thở vào, Ban là hơi thở ra. Niệm hơi thở chẳng lìa thì gọi là An ban. Thủ ý là muốn được dừng Ý. Đối với người tu hành mới học thì có bốn thứ hành An ban Thủ ý; diệt trừ hai ác, mười sáu thắng, tức thời tự biết đến hạnh An ban Thủ ý, khiến cho họ được dừng ý.

Những gì là bốn thứ?

1. Đếm.

2. Tương tùy.

3. Dừng.

4. Quán.

Những gì là hai ác?

1. Không quá mười hơi thở.

2. Không giảm mười số.

Những gì mười sáu thắng?

Tức thời tự biết thở nhanh dài, tức tự biết thở nhanh ngắn, tức tự biết thở nhanh động thân, tức tự biết thở nhanh yếu, tức tự biết thở nhanh an ổn, tức tự biết thở nhanh chẳng an ổn, tức tự biết thở nhanh dừng, tức tự biết thở nhanh chẳng dừng, tức tự biết thở nhanh lòng hoan lạc, tức tự biết thở nhanh lòng chẳng hoan lạc, tức tự biết nội tâm nghĩ vạn vật đã qua đi chẳng thể trở lại, tự biết đạt được hơi thở nhanh, tự biết bên trong không nghĩ gì, tự biết nghĩ hơi thở nhanh, tự biết ném bỏ việc suy nghĩ hơi thở nhanh, tự biết chẳng ném bỏ sự suy nghĩ hơi thở nhanh, tự biết buông bỏ thân mạng

hơi thở nhanh, tự biết chẳng buông bỏ thân mạng hơi thở nhanh tự biết. Đó là mười sáu thứ tức thời tự biết.

Hỏi:

–Những gì là Không quá mười số? Không dưới mười số?

Đáp:

–Hơi thở đã hết mà chưa đếm thì đó là quá. Hơi thở chưa hết mà đếm thì đó là dưới. Mất đếm cũng xấu, chẳng đếm kịp cũng xấu. Đó là hai thứ ác. Đến hơi thở thứ hai mà loạn là hơi thở ngắn. Đến hơi thở thứ chín mà loạn là hơi thở dài. Được mười hơi thở là hơi thở an ổn. Tương tùy là nhỏ. Ý tại hơi thở dài liền chuyển ý: vì sao ta nghĩ dài? Ý tại hơi thở ngắn thì tức thời hiểu chẳng được khiến cho ý dừng. Dừng là chấp trước. Buông bỏ thân mạng thì gọi là hành tức. Được ý đạo liền buông bỏ thân mạng, chưa được ý đạo thường yêu thích thân nên chẳng buông bỏ thân mạng.

Hơi thở vi tế là đạo, hơi thở dài là sinh tử. Hơi thở ngắn động là sinh tử. Dài đối với đạo là ngắn. Vì sao? Vì chẳng được ý đạo, không tri kiến nên là ngắn vậy. Sổ tức là đơn, tương tùy là kép, chỉ là một ý, quán là biết ý, hoàn là làm đạo, tịnh là vào đạo.

Khi đếm là niệm đến hơi thở thứ mười là giữ lại. Đó là thiền bên ngoài.

Nghĩ thân bất tịnh, theo sự trống rỗng thì đó là thiền bên trong.

Khi thiền mà ác pháp đến chẳng thọ thì đó gọi là bỏ. Ngậm miệng đếm hơi thở, theo luồng hơi ra vào, biết hơi phát ra ở đâu, diệt đi ở chỗ nào, Ý có điều nghĩ nhớ thì chẳng đếm hơi thở được. Ý có chậm nhanh, lớn nhỏ cũng chẳng đếm hơi thở được. Tai nghe thanh âm hỗn loạn cũng chẳng đếm hơi thở được vậy. Đếm hơi thở mà ý ở tại số hơi thở là chẳng khéo. Hành ý ở tại ý thì là dừng, đếm hơi thở mà ý chỉ ở tại hơi thở thì đó là chẳng khéo. Phải biết rằng, ý từ đâu khởi thì hơi theo đó diệt. Đó mới ứng hợp với nhân duyên đếm hết thì liền được định ý.

Thủ ý là nghĩ hơi thở ra, vào. Đã nghĩ đến hơi thở thì chẳng sinh ra ác nên gọi là thủ ý.

Hơi thở thấy nhân duyên sinh, không nhân duyên diệt nhân duyên đoạn thì hơi thở dừng vậy.

Đếm hơi thở là chí thành, hơi thở chẳng loạn là nhẫn nhục. Đếm hơi thở vi tế, lại chẳng biết ra hay vào thì như vậy phải giữ một niệm là Chỉ vậy.

Hơi thở ở tại thân cũng ở bên ngoài. Được nhân duyên thì hơi thở

sinh ra. Tội chưa hết nên có hơi thở. Đoạn dứt nhân duyên thì hơi thở chẳng sinh ra nữa.

Đếm hơi thở dùng làm thiền thứ hai. Vì sao? Vì do chẳng đợi niệm nên làm theo thiền thứ hai. Đếm hơi thở là chẳng thủ ý, niệm hơi thở mới là thủ ý. Hơi thở từ ngoài vào mà hơi thở chưa hết thì hơi thở ở tại nhập, ý ở tại tận, thức ở tại số vậy. Mười hơi thở có mười ý là mười bó buộc. Tương tùy có hai ý là hai bó buộc. Chỉ là một ý là một bó buộc, chẳng đếm được hơi thở là ác, vì ý chẳng thể bó buộc. Ác ý dừng thì mới đếm được. Đó là điều hòa có thể buộc ý được. Đã được hơi thở, bỏ hơi thở; đã được tương tùy, bỏ tương tùy; đã được chỉ, bỏ chỉ; đã được quán, bỏ quán, không trở lại. Không trở lại là không đếm hơi thở.

Hơi thở cũng sai khiến ý, ý cũng sai khiến hơi thở. Hơi thở có sở niệm là hơi thở sai khiến ý, không sở niệm là ý sai khiến hơi thở vậy. Hơi thở có bốn việc:

1. Gió.

2. Hơi.

3. Tức.

4. Suyển.

Có tiếng là gió, không tiếng là khí, ra vào là tức, hơi ra vào bất tận là suyển vậy. Sổ tức cắt đứt bên ngoài, tương tùy cắt đứt bên trong.

Đếm từ ngoài vào là cắt đứt bên ngoài, cũng muốn lìa nhân duyên bên ngoài. Đếm từ trong ra là muốn lìa nhân duyên bên trong. Ngoài là ly thân, trong là ly ý. Ly thân, ly ý đó là tương tùy; hơi thở ra vào đó là hai việc vậy. Sổ tức là muốn cắt đứt nhân duyên trong ngoài.

Những gì là trong ngoài?

Đó là nhãn, nhĩ, tỷ khẩu, thân, ý là bên trong. Sắc, thanh, hương, vị, tế hoạt niệm là bên ngoài. Hành hơi thở là khiến cho ý hướng về không, chỉ muốn dừng những ý còn lại.

Thế nào là hướng về không?

Trong hơi thở không gì vậy!

Đếm hơi thở ý có rong ruỗi không?

Tức thời biết là tội nặng, ý nhẹ, tội dẫn ý đi nhanh chóng nên chẳng biết vậy. Hành đạo rồi được hơi thở, tự chán hơi thở thì ý muốn chuyển chẳng muốn đếm. Như vậy là được hơi thở. Tương tùy, chỉ, quán cũng vậy. Biết hơi thở ra vào diệt mà diệt là được tướng của hơi thở và biết sinh tử, chẳng cho là được tướng sinh tử, rồi được Tứ Thiền mà chỉ niệm "không"

là trồng cây đạo.

Hành hơi thở rồi được định, lại chẳng lại hay biết hơi ra vào thì liền có thể quán.

1. Phải quan sát năm mươi lăm việc.

2. Phải quan sát mười hai nhân duyên trong thân.

Hỏi: Hơi thở ra vào chắc có chỗ không?

Đáp: Khi hơi thở vào chính là chỗ ấy, khi hơi thở ra chính là chỗ ấy! Khi sổ tức, thân ngồi, thống dương, tư tưởng, sinh tử thức dừng lại chẳng hành. Đó là ngồi. Niệm hơi thở được đạo, lại tính toán thì hơi thở không biết gì.

Hỏi: Niệm tức được đạo vì sao là không biết gì?

Đáp: Ý biết hơi thở, hơi thở không biết ý. Đó là không biết gì! Con người chẳng thể tính toán được ý, liền điều khiển đếm hơi thở là muốn khiến cho ý định. Tuy đếm hơi thở chỉ chẳng sinh ra ác nhưng không có thông tuệ. Phải hành những gì thì được thông tuệ? Phải đếm hơi thở từ một đến mười, phân biệt định loạn, hiểu biết phương cách đối trị. Đã được định ý thì liền theo thông tuệ. Nếu được tính toán là rơi vào quán vậy.

Hỏi: Những gì là đếm?

Đáp: Đếm thì gọi là sự việc. Ví như người có việc lại còn cầu tìm. Đó là tánh tội, còn đạo nhân thì tính phước. Vì sao chính là số mười. Một ý khởi lên tính là một, hai ý khởi lên tính là hai... cuối cùng tính đến mười mà đến mười là hết nên nói rằng số mười là phước. Lại người có tội thì do chẳng thể hủy hoại hơi thở nên là tội, cũng gọi là sinh tử của ý chẳng diệt. Rơi vào thế gian rồi chẳng cắt đứt việc thế gian là tội vậy. Sáu tình là sáu việc cùng thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức hợp làm mười việc để ứng với mười hơi thở bên trong. Sát sinh, trộm cắp, dâm dật, lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ, tật đố, sân nhuế, ngu si ứng với mười hơi thở bên ngoài. Đó gọi là dừng chẳng hành vậy.

Hỏi: Những gì là mười sáu việc?

Đáp: Mười sáu việc là đếm đến mười sáu thì gọi là sổ tức, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh. Đó là mười sáu việc, là hành động chẳng rời khỏi, là theo đạo vậy.

Hỏi: Sổ tức nghĩ đến gió là theo sắc, thì vì sao ứng với đạo?

Đáp: Hành ý tại đạo, đếm chẳng nghĩ đến sắc, hơi hết liền diệt. Rơi vào vô thường mà biết vô thường là đạo vậy. Đạo nhân muốn đạt đạo thì cần phải biết hai việc ngồi, hành: một là ngồi, hai là hành.

Hỏi: Ngồi cùng hành là đồng hay chẳng đồng?

Đáp: Có lúc đồng có lúc chẳng đồng. Sổ tức, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh, sáu việc này có khi là ngồi, có khi là hành. Vì sao? Vì sổ tức định ý đó là ngồi, ý theo pháp đó là hành. Đã khởi lên ý chẳng rời khỏi là hành, cũng là ngồi vậy. Pháp tọa thiền thì một chẳng tính hai, hai chẳng tính một. Một mà tính hai là đếm một hơi thở chưa hết liền nói rằng hai thì đó là một tính ra hai. Như vậy là vượt qua. Hai tính một là hơi thở đã vào là hai. Mà nói là một. Đó là hai tính một. Như vậy là đếm chẳng kịp. Từ ba đến bốn, năm đến sáu, bảy đến tám, chín đến mười đều tự có phân biệt sắp xếp, phải phân biệt sự tùy thuộc, ở một tính một, ở hai tính hai. Đó pháp thực hành theo trình tự đi lên. Có ba cách ngồi tùy theo đạo:

1. Ngồi đếm hơi thở.

2. Ngồi tụng kinh.

3. Ngồi hoan hỷ nghe kinh.

Đó là ba vậy.

Ngồi có ba thứ:

1. Ngồi vị hợp.

2. Ngồi tịnh.

3. Ngồi không có kết.

Thế nào là ngồi vị hợp? Đó là ý đặt vào hành động chẳng rời, gọi là ngồi vị hợp.

Sao gọi là ngồi tịnh? Gọi ngồi chẳng niệm là ngồi tịnh.

Sao gọi là ngồi không có kết? Đó là kết sử đã hết, gọi là ngồi không có kết vậy.

Hơi thở có ba nhóm:

1. Hơi thở tạp.

2. Hơi thở tịnh.

3. Hơi thở đạo.

Chẳng làm đạo đó là hơi thở tạp. Đếm đến mười hơi thở chẳng loạn thì đó là hơi thở tịnh. Đã được đạo thì đó là hơi thở đạo vậy. Hơi thở lại có ba nhóm, có hơi thở lớn, có hơi thở trung, có hơi thở vi tế. Miệng có nói gọi là hơi thở lớn, dừng, niệm đạo là hơi thở trung dừng, được Tứ thiền là hơi thở vi tế dừng vậy.

Hỏi: Vì sao Đức Phật dạy người đếm hơi thở để Thủ ý?

Đáp: Có bốn nhân duyên:

1. Do chẳng muốn đau.

2. Do tránh loạn ý.

3. Do đóng lại, chẳng muốn gặp gỡ sinh tử.

4. Muốn được đạo Nê-hoàn.

Ví như nói mặt trời không ánh sáng thì có bốn nhân duyên:

1. Do có mây.

2. Do có bụi.

3. Do có gió lớn.

4. Do có khói.

Đếm hơi thở chẳng được cũng có bốn nhân duyên:

1. Do niệm sinh tử tính toán.

2. Do ăn uống nhiều.

3. Do mệt mỏi cực nhọc.

4. Do ngồi chẳng được lại thêm gốc tội lỗi.

Bốn việc này đến đều có tướng. Ngồi đếm hơi thở mà bỗng nhiên nghĩ đến việc khác thì làm mất đi ý của hơi thở, đó là tướng của niệm tính toán. Xương cốt đau hết chẳng thể ngồi lâu. Đó là tướng của ăn nhiều. Thân nặng nề, ý mơ màng chỉ muốn ngủ nghỉ, đó là tướng mệt mỏi. Ngồi mãi mà chẳng đếm được một hơi thở thì đó là tướng của gốc tội lỗi. Do biết tội phải kinh hành. Hoặc ngồi đọc kinh văn, ý chẳng tập quen tội thì họa cũng tiêu tan vậy. Đạo nhân hành đạo phải nghĩ đến gốc. Những gì là gốc? Tâm, ý, thức, chính là gốc. Ba cái này đều chẳng thấy, sinh ra rồi liền diệt, ý gốc chẳng sinh ra lại, được ý này là đạo. Ý gốc của ý đã diệt thì không có đau, lại thêm nhân duyên sinh liền cắt đứt vậy. Định ý càng ngày càng tiến bộ hơn. Vì định ý có lúc từ đếm hơi thở được, có lúc từ tương tùy được, có lúc từ chỉ được, có lúc từ quán được. Tùy theo nhân duyên được định ý mà trực tiếp tu hành. Hành hơi thở cũng rơi vào tham. Vì sao? Vì ý đã định thì liền vui mừng nên liền chấp hơi thở ra, hơi thở vào. Khi niệm diệt, hơi thở sinh ra thì thân sinh ra, hơi thở diệt thì thân diệt, còn chưa thoát khỏi khổ sinh tử. Vì sao? Vì vui mừng rồi thì cho là như vậy nên liền tham mà dừng lại vậy.

Đếm hơi thở muốn mau, tương tùy muốn chậm, có lúc đếm hơi thở phải chậm rãi, có lúc tương tùy phải nhanh chóng. Vì sao? Vì đếm hơi thở mà ý chẳng loạn thì phải chậm rãi, đếm hơi thở mà ý loạn thì phải là nhanh chóng. Tương tùy cũng đồng như vậy.

Đếm lần thứ nhất cũng khác với sở niệm của tương tùy! Tuy đếm hơi

thở phải biết hơi ra vào, nhưng ý đặt ở tại số vậy.

Đếm hơi thở lại đi với tương tùy. Chỉ, quán là chẳng đếm được hơi thở vì đời trước có tập quen tương tùy. Chỉ, quán tuy được tương tùy nhưng chỉ, quán phải trở lại từ việc đếm hơi thở mà khởi lên vậy.

Đếm hơi thở mà ý chẳng lìa thì đó là lìa pháp, chẳng phải pháp. Đếm hơi thở thì ý chẳng tùy theo tội. Ý ở tại thế gian thì liền rơi vào tội lỗi vậy.

Đếm hơi thở là chẳng muốn ý loạn. Ý do chẳng loạn lại hành tương tùy thì chứng tiếp ý cao hơn và biết là chỉ. Chỉ cùng quán đồng, hoàn cùng tịnh đồng vậy. Hành đạo được ý vi tế thì phải đảo ý là phải trở lại đếm hơi thở.

Nếu đọc kinh rồi mới lại hành thiền mà ý vi tế thì chẳng đếm hơi thở và hành tương tùy vậy.

Đức Phật có sáu ý thanh khiết là: Đếm hơi thở, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh. Đó là sáu việc có thể chế ngự vô hình vậy. Hơi thở cũng là ý, cũng chẳng phải là ý. Vì sao? Vì khi đếm ý ở ngay tại hơi thở. Khi chẳng đếm thì ý và hơi thở đều tự hoạt động. Đó là chẳng phải ý từ hơi thở sinh ra. Chỉ thì không có ý vậy.

Có người chẳng sai khiến ý mà ý sai khiến con người. Người sai khiến ý là đếm hơi thở, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh, niệm kinh ba mươi bảy phẩm, đó là sai khiến ý. Có người chẳng hành đạo, tham cầu theo dục thì đó là ý sai khiến con người vậy. Hơi thở có hơi thở bẩn mà bẩn chẳng khử trừ thì chẳng được hơi thở.

Những gì là dơ bẩn của hơi thở? Đó là ba thứ tối kịch liệt trong các tối, là cấu bẩn của hơi thở.

Những gì là ba tối? Đó chính là sự tối tăm trong thân khi ba độc khởi lên nên nói ba tối. Ba độc:

1. Tham dâm.

2. Sân nhuế.

3. Ngu si.

Con người đều vì ba việc này mà chết nên nói là độc vậy.

Khi đếm hơi thở ý ở tại đếm; khi hơi thở chưa đếm thì có ba ý: Có ý thiện, có ý ác, có ý chẳng thiện chẳng ác. Người muốn biết đắc tướng hơi thở thì phải quan sát muôn vật và những sắc đẹp, ý chẳng lại chấp trước thì đó là đắc tướng hơi thở, còn ý lại chấp trước thì đó là chưa đắc, phải lại tinh tấn.

Hành giả muốn trừ hết ý thì phải biết là gọi sáu tình là nhà của ý,

tham ái muôn vật đều là nhà của ý vậy. Tương tùy là gọi việc làm pháp thiện mà từ đó được giải thoát. Phải cùng với tương tùy, cũng gọi là chẳng theo năm ấm, sáu nhập. Hơi thở cùng ý theo nhau vậy.

Hỏi: Thứ ba là Chỉ vì sao dừng ở đầu mũi?

Đáp: Do đếm hơi thở, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh đều từ mũi ra vào. Ý quen chỗ cũ, cũng là dễ nhận biết. Do đó nên đặt ở đầu mũi vậy. Ác ý đến thì cắt đứt là Thiền. Có lúc dừng lại ở đầu mũi, có lúc dừng lại ở trong tâm. Ở tại chỗ dừng lại là chỉ. Khi tà đến làm loạn ý người thì Quán thẳng vào một việc, các ác đến tâm sẽ không động, vì tâm chẳng sợ! Chỉ có bốn:

1. Số đếm.

2. Chỉ tương tùy.

2. Chỉ đầu mũi.

4. Chỉ dứt tâm.

Chỉ nghĩa là phải chế ngự làm dừng lại năm lạc, sáu nhập vậy.

Hơi thở vào đến hết, dừng ở đầu mũi, nghĩa là ác chẳng vào nữa, đến đầu mũi dừng lại.

Hơi thở ra đến hết thì đặt ở đầu mũi, nghĩa là ý chẳng lìa khỏi thân hành hướng theo ác nên đặt ở đầu mũi. Cũng có nghĩa là hơi thở khi mới vào, liền nhất niệm hướng về chẳng chuyển đổi, hơi thở ra vào cũng chẳng biết thì đó là Chỉ vậy.

Chỉ là như hơi thở ra, hơi thở vào ý biết trước khi ra, chẳng biết sau khi ra. Hay biết trước là ý quan sát lẫn nhau, tức là xem xét hơi thở ra vào thấy suy bại, tức là thọ tướng sợ sinh tử, tức là khước từ ý, theo tướng đạo ý vậy.

Không tương tùy là chỉ đặt niệm ở đầu mũi, chẳng nghĩ đến nhân duyên năm ấm. Tội đoạn, ý diệt cũng chẳng thở mau. Đó là Chỉ vậy.

Không tương tùy nghĩa là không có ý niệm ra vào nữa, theo nhân duyên năm ấm, lại chẳng thở mau.

Thứ tư là Quán, khi quán hơi thở hoại cùng quán thân thể khác với hơi thở thì thấy nhân duyên sinh, không có nhân duyên diệt. Tâm ý thọ tướng là ý muốn có sở đắc. Tâm cho là nhân duyên hội tụ thì phải diệt vong, liền cắt đứt ý muốn, chẳng hướng đến nữa. Đó gọi là tâm ý thọ tướng.

Do nhận thức được nhân duyên mà cùng quan sát lẫn nhau, nghĩa là biết được nhân duyên năm ấm. Hơi thở ra cũng quán, hơi thở vào cũng quán mà quán nghĩa là quan sát năm ấm. Đó gọi là cùng quán, cũng ứng

với ý và ý quan sát lẫn nhau, là nhân duyên đôi, ở bên trong cắt đứt ác mà niệm đạo vậy.

Quán hơi thở ra khác, hơi thở vào khác, nghĩa là hơi thở ra là sinh tử ấm, hơi thở vào là tư tưởng ấm. Có lúc hơi thở ra là thống dương ấm, hơi thở vào là thức ấm. Tùy theo nhân duyên khởi lên là thọ ấm. Chỗ hướng về của ý không có thường dùng, cho nên là khác. Đạo nhân nên phân biệt để biết, cũng gọi là hơi thở ra diệt, hơi thở vào sinh, hơi thở vào diệt, hơi thở ra sinh vậy. Không có nghĩa là ý người và ý vạn vật khởi lên rồi diệt, vật sống lại chết. Đó là không có vậy.

Chẳng phải hơi thở ra là hơi thở vào, chẳng phải hơi thở vào là hơi thở ra. Chẳng phải nghĩa là khi hơi thở ra thì ý chẳng niệm hơi thở vào, khi hơi thở vào ý chẳng niệm hơi thở ra. Do sở niệm khác nên nói là chẳng phải vậy. Trung tín nghĩa là vào trong đạo thấy nhân duyên của đạo mà tin đạo. Đó là trung tín vậy.

Thứ năm là Hoàn bỏ kết, nghĩa là bỏ bảy ác của thân. Thứ sáu là Tịnh bỏ kết, nghĩa là bỏ ba ác của ý. Đó gọi là hoàn. Hoàn tức là ý chẳng khởi ác nữa. Ác là chẳng hoàn; Hoàn thân nghĩa là hoàn ác. Đạt được thứ năm là hoàn thì còn có thân mà cũng không thân. Vì sao? Vì có ý thì có thân, không ý thì không thân. Ý là hạt giống của người. Đó gọi là hoàn.

Hoàn nghĩa là ý chẳng khởi ác. Khởi ác thì đó là chẳng hoàn, cũng gọi là trước giúp thân, sau giúp ý. Chẳng sát, đạo, dâm, hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, đó là giúp thân. Chẳng tật đố, sân nhuế, ngu si, đó là giúp ý.

Hoàn ngũ ấm thì ví như mua vàng mà được đá liền ném bỏ xuống đất chẳng dùng. Con người tham ái năm ấm bị thống khổ liền chẳng muốn. Đó là hoàn ngũ ấm vậy.

Thế nào là thấy chỗ diệt tận?

Đó là không sở hữu. Đó là chỗ diệt.

Hỏi: Đã không sở hữu thì vì sao gọi là chỗ?

Đáp: Chỗ không sở hữu có bốn chỗ:

1. Loài chim lấy không trung làm chỗ.

2. La-hán lấy Nê-hoàn làm chỗ.

3. Đạo lấy không có làm chỗ.

4. Pháp ở tại chỗ quan sát vậy.

Hơi thở ra, hơi thở vào thọ tướng của năm ấm nghĩa là ý tà niệm mau chóng chuyển trở lại chánh niệm do sinh tỉnh giác mà cắt đứt thọ tướng

năm ấm. Nói rằng thọ nghĩa là thọ tướng chẳng thọ vậy. Do thọ tướng năm ấm nên biết khởi ở đâu và diệt ở đâu.

Diệt là thọ mười hai nhân duyên. Con người từ mười hai nhân duyên sinh ra, cũng từ mười hai nhân duyên chết đi. Chẳng niệm là chẳng niệm năm ấm vậy. Biết khởi ở đâu, diệt ở đâu nghĩa là nhân duyên thiện ác khởi lên liền lại diệt đi, cũng gọi là thân, cũng gọi là hơi sinh diệt.

Niệm thì sinh, chẳng niệm thì diệt, ý cùng thân đồng đẳng nhau. Đó là cắt đứt đường sinh tử. Tại vòng sinh tử này, tất cả việc ác đều từ ý đến vậy. Hôm nay chẳng trước kia, trước kia chẳng là hôm nay nghĩa là niệm trước đã diệt thì niệm bấy giờ chẳng phải là niệm trước đó. Cũng có nghĩa là việc làm đời trước và việc làm đời nay đều tự được phước riêng. Cũng có nghĩa là việc làm thiện hôm nay chẳng phải là việc làm ác trước kia. Cũng nghĩa là hơi thở bây giờ chẳng phải là hơi thở trước đó, hơi thở trước đó chẳng phải hơi thở bây giờ vậy. Vì sinh tử phân biệt tức là ý niệm sinh thì liền sinh ra, ý niệm diệt thì liền diệt đi nên nói rằng sinh tử. Phải phân biệt vạn vật và thân, phước quá khứ, vị lai đã hết.

Vì sao vậy? Vì hết là do sinh ra liền diệt mà diệt thì liền hết. Đã biết hết thì phải tận lực cầu vậy. Nhìn lên đầu không sở tùng lai nghĩa là người không từ đâu đến mà ý khởi lên là người. Cũng nghĩa là người chẳng tự làm người đến, tức là có chỗ từ đó đến, người tự làm tự được, đó là vô sở tùng lai vậy. Sinh tử phải phân biệt, nghĩa là biết phân biệt năm ấm. Cũng nghĩa là biết phân biệt sinh tử của ý, ý của người là thường. Biết không có thường cũng là phân biệt vậy.

Nhìn sau không xứ sở là hiện tại hôm nay chẳng thấy tội vì ở hội sinh tử sẽ bị tội, không có ai thoát khỏi tội. Nên nói rằng, nhìn sau không có xứ sở chưa được Đạo tích thì không chết giữa chừng nghĩa là phải được mười lăm ý, thì chẳng chết nửa chừng. Cần phải được mười lăm ý mới vào Đạo, cũng chuyển lên đến A-la-hán vậy. Được đạo nửa chừng cũng chẳng được nửa chừng mạng tận là hơi thở, ý, thân gồm ba việc. Đó là, ý thiện ác cần phải được Đạo tích *(dấu đạo)*, nhưng cũng lại nửa chừng bị hủy hoại. Hơi thở chết lại sinh, ý thiện khởi lại diệt. Thân cũng chẳng bị chết nửa chừng.

Những gì là tịnh? Gọi những sự tham dục là chẳng tịnh, trừ khử tham dục thì đó là tịnh.

Những gì là tướng của năm ấm? Ví như lửa là ấm thì củi là tướng vậy. Từ hơi thở đến tịnh đó đều là quán, nghĩa là quán thân tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh vốn là không có. Ý bên trong đếm hơi thở, ý bên ngoài cắt đứt nhân duyên ác. Đó là hai ý vậy.

Hỏi: Vì sao chẳng quan sát thân thể trong ngoài trước mà ngược lại quán sổ tức, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh trước?

Đáp: Do ý bất tịnh nên chẳng thấy thân, ý tịnh rồi liền thấy hết trong ngoài thân. Đạo có mười chín hạnh; do người có mười chín bệnh nên cũng có mười chín thứ thuốc: Quán thân nghĩ chất dơ, đó là thuốc ngừng tham dâm; nghĩ bốn Đẳng tâm đó là thuốc dừng sân nhuế. Tự kể vốn do nhân duyên gì mà có, đó là thuốc dừng ngu si.

An ban Thủ ý, đó là thuốc trị nghĩ nhiều. Tự quan sát thân thể trong ngoài: Gì là thân, gì là thể? Xương thịt là thân! Sáu tình hợp làm thể! Những gì là sáu tình? Đó là mắt hợp với sắc, tai nhân lấy tiếng, mũi tìm về hương, miệng muốn nếm vị, thân ưa mịn láng, ý là hạt giống, là si... là vật có sinh.

Thân thể trong ngoài, sở dĩ xuất hiện lại là ở đâu? Đó là con người tham cầu có lớn nhỏ, có trước sau. Nghĩa là cái muốn được phải phân biệt quán. Quán mà thấy là niệm. Niệm mà nhân quán thấy thì tức là biết. Thân thể chỉ nghĩa là ngồi thì niệm khởi mà niệm khởi thì ý chẳng rời. Chỗ mà đặt ý bám vào là thức. Đó là thân quán dừng vậy.

Lúc hơi thở ra, hơi thở vào mà niệm diệt thì niệm diệt cái gì? Đó là khi niệm hơi ra vào hết, ý, hơi thở diệt là khi niệm hơi thở ra, hơi thở vào diệt. Ví như vẽ vào hư không thì không có; ý sinh tử, ý đạo đều vậy cả. Khi niệm hơi thở ra, hơi thở vào diệt thì cũng chẳng nói hơi thở và ý đã đến lúc diệt. Khi niệm hơi thở ra, hơi thở vào diệt thì vật từ nhân duyên sinh ra mà chặt đứt gốc là lúc diệt vậy. Thống dương trong ngoài quan sát thấy tức là thấy chỗ khởi lên của thống dương. Đó là quan sát thấy vậy. Thống dương trong ngoài là: vật đẹp bên ngoài là ngoại dương, vật xấu bên ngoài là ngoại thống. Ý vừa lòng bên trong là nội dương, ý chẳng vừa lòng bên trong là nội thống. Ở bên trong là nội pháp, ở nhân duyên bên ngoài là ngoại pháp. Cũng gọi mắt là nội và sắc là ngoại, tai là nội và tiếng là ngoại, mũi là nội và hương là ngoại, miệng là nội và vị là ngoại, tâm là nội và niệm là ngoại. Thấy sắc đẹp mịn màng ý muốn được thì đó là dương, thấy thô xấu ý chẳng thích dụng thì đó là thống đều rơi vào tội lỗi vậy. Thống dương quán chỉ là, như người đau tay, ý chẳng nghĩ đau mà ngược lại nghĩ cái đau của tất cả thân khác. Như vậy do ý chẳng ở tại chỗ đau, là ngưng đau. Cũng có thể nghĩ, cũng chẳng thể nghĩ, nghĩ đau không chỗ bám. Tự yêu thân thì phải quan sát thân người khác. Ý yêu thân người khác thì phải tự quan sát thân cũng là chỉ vậy.

Thống dương trong ngoài sở dĩ xuất hiện lại là tại sao? Đó là người thấy sắc yêu thích có mỏng có dày. Ý họ chẳng xem ngang bằng nhau,

nhiều với ít có khác, lại phân biệt, quán đạo thì nên quan sát bên trong; có sự si mê thì phải quan sát bên ngoài để tự chứng nghiệm vậy. Thân, tâm, thống dương đều tự khác. Bị lạnh, nóng, dao, gậy làm cho đau thì đó là thân thống. Được cơm ăn ngon, xe chở, áo đẹp... những tiện nghi của thân thì đó là thân dương. Tâm Thống là thân tự lo, lại lo cho người khác và muôn việc thì đó là tâm thống. Lòng được sự tốt đẹp và những điều hoan hỷ thì đó là tâm dương vậy. Quán tướng của ý thì có hai nhân duyên: ở bên trong cắt đứt ác niệm đạo.

Một là năm dục, sáu suy phải chế ngự và cắt đứt. Quán là tự quan sát thân mà thân chẳng biết to nhỏ. Do biết được mới hiểu, đó là Ý Ý quan sát nhau. Ý Ý quan sát nhau thì hơi thở cũng là ý đếm cũng là ý. Khi đếm quan sát hơi thở là Ý Ý quan sát nhau vậy. Ý quán chỉ là, muốn chế ngự dâm chẳng làm, muốn chế ngự sân nhuế chẳng nổi giận, muốn chế ngự ngu si chẳng tạo tác, muốn chế ngự tham chẳng cho cầu các việc ác, tất cả chẳng hướng đến. Đó là quán Chỉ. Cũng nghĩa là do biết kinh Ba mươi bảy phẩm thường niệm chẳng rời là Chỉ vậy. Hơi thở ra, hơi thở vào hết định liền quán là, hết nghĩa là tội hết, định nghĩa là hơi thở dừng. Định, quán nghĩa là quán chỉ, hoàn, tịnh vậy. Tận chỉ nghĩa là ta có thể nói là hiểu, là khắp cùng, là đổi. Đó là tận chỉ vậy. Hơi thở khởi lên như bố thí, làm phước, tất cả thiện pháp đã khởi rồi liền diệt. Lại ý nghĩ tà, hướng đến thói quen gây tội cũng vô số; ý đời xưa, đời nay chẳng tương tùy như vậy và người khác cũng vậy, đã hay biết thì phải cắt đứt. Đã cắt đứt thì tức là ý trong ngoài, ý quán dừng.

Pháp trong ngoài, pháp trong gọi thân, pháp ngoài là người khác, có pháp trì giới, có pháp chẳng trì giới. Đó là pháp trong và ngoài vậy. Pháp trong nghĩa là tu hành thông suốt chẳng rời kinh Ba mươi bảy phẩm, tất cả việc còn lại, ý chẳng vướng vào trong đó.

Làm đạo đạt được đạo. Đó là nội pháp. Ngoại pháp là rơi vào sinh tử, là tạo sinh tử nên bị sinh tử chẳng thoát khỏi. Tất cả phải cắt đứt, mà cắt đứt rồi là quán nội ngoại pháp. Pháp Quán dừng là, mọi người đều cho tự thân là thân, nhưng suy tính kỹ càng thì chẳng phải là thân của ta. Vì sao? Vì thân có mắt, có hình sắc mà mắt cũng chẳng phải là thân, sắc cũng chẳng phải là thân. Vì sao? Vì người đã chết dù có mắt cũng không thấy gì, cũng có hình sắc nhưng không phản ứng gì.

Thân như vậy chỉ có thức mà thức cũng chẳng phải là thân. Vì sao? Vì thức không có hình sắc, cũng không có sự ngưng nhẹ, như vậy kể về mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy. Được vậy là pháp quán ngưng, cũng

gọi chẳng nghĩ ác là ngưng, còn niệm ác là chẳng ngưng. Vì sao? Vì ý tạo tác vậy.

-oOo-

PHẬT THUYẾT ĐẠI AN BAN THỦ Ý KINH

QUYỂN HẠ

Hơi thở ra, hơi thở vào tự hiểu, hơi thở ra, hơi thở vào tự biết. Đang lúc ấy là hiểu, về sau là biết. Hiểu là hiểu hơi thở dài, ngắn. Biết là biết hơi thở sinh, diệt, thô, tế, chậm, mau. Hơi thở ra, hơi thở vào hiểu hết tâm là hay biết hơi thở ra vào lúc muốn báo là hết, cũng cho là thân, muôn vật sinh lại diệt. Tâm là tâm Ý. Thấy quán rỗng không là, hành đạo được quán, chẳng còn thấy thân thì liền rơi vào trống rỗng. Không sở hữu là ý không có chỗ bám. Ý có chỗ bám là do có chỗ. Cắt đứt sáu nhập liền được hiền minh. Hiền gọi là thân, minh gọi là đạo vậy. Biết chỗ nào ra, chỗ nào diệt là ví như nghĩ về đá, đá ra, gỗ vào thì đá liền diệt. Năm ấm cũng vậy, sắc ra thống dương vào, thống dương ra tư tưởng vào, tư tưởng ra sinh tử vào, sinh tử ra thức vào. Đã phân biệt thế mới theo kinh Ba mươi bảy phẩm.

Hỏi:

–Thế nào là tư duy đạo vô vi?

Đáp:

–Tư là tính toán, duy là nghe. Vô là chẳng nghĩ đến muôn vật, vi là đúng như lời nói làm, đạo là được, nên nói rằng, tư duy đạo vô vi vậy. Tư là nghĩ, Duy là phân biệt trắng đen. Đen là sinh tử, trắng là đạo. Đạo không sở hữu mà đã phân biệt không sở hữu thì không làm gì, nên nói rằng tư duy đạo vô vi. Nếu chấp có việc làm, chỗ bám víu là chẳng phải tư duy. Tư cũng là vật, duy là hiểu ý; hiểu ý thì liền biết mười hai việc nhân duyên. Cũng gọi tư là nghĩ, duy là suy xét vậy. Cắt đứt sinh tử được thần túc, nghĩa là ý có nghĩ là sinh, không nghĩ là chết. Được thần túc thì có thể bay đi nên nói rằng sinh tử phải cắt đứt.

Được thần túc có năm ý:

1. Hỷ.
2. Tin.
3. Tinh tấn.
4. Định.
5. Thông.

Niệm bốn Thần túc chẳng tận lực thì được năm thông, niệm tận lực thì tự tại hướng đến sáu thông. Làm đạo nhân bốn Thần túc được năm thông nếu tận ý có thể được sáu thông. Tận ý nghĩa là ý muôn vật chẳng muốn vậy.

1. Tín.

2. Tinh tấn.

3. Ý.

4. Định.

5. Thông tuệ.

Năm việc này là bốn Thần túc. Niệm là lực gồm có sáu việc. Theo Tín là thuộc về niệm bốn Thần túc. Theo Hỷ, theo Niệm, theo Tinh tấn, theo Định, theo Tuệ thì thuộc năm căn vậy. Theo Hỷ định gọi là Tín đạo, theo Lực định gọi là Tinh tấn, theo Ý định gọi là Ý niệm định, theo Thí định gọi là hành đạo vậy. Vì gieo trồng nên có gốc, việc hữu vi đều là ác, sinh ra tư tưởng chẳng thể thắng được, nghĩa là đắc thiền thì nhận chính là lực, cũng nghĩa là ác chẳng thể thắng thiện. Vì diệt lại khởi lên nên là lực. Lực định thì ác ý muốn đến chẳng thể hoại được thiện ý nên là lực định vậy.

Đạo nhân hành đạo chưa đắc Quán thì phải nỗ lực đắc quán. Đối với đối tượng quán, mà ý chẳng chuyển là đắc quán. Dừng ác là một pháp, ngồi thiền quán hai pháp, có khi quán thân, có khi quán ý, có khi quán hơi thở, có khi quán có, có khi quán không... tại nơi nhân duyên nên phân biệt quán. Dừng một pháp ác, quán hai pháp ác cho đến hết - Chỉ quán là quán đạo. Ác chưa hết chẳng thấy đạo, ác đã hết rồi mới được nhìn thấy đạo vậy. Dừng một pháp ác là biết có thể ngăn chặn tất cả ác; chẳng chấp trước ý là Chỉ, cũng là được sổ tức, tương tùy, chỉ. Được sổ tức, tương tùy, chỉ tức là dừng một pháp ác, mà ác đã dừng thì liền được quán, là quán hai pháp, là được bốn Đế, là hành tịnh. Sẽ lại tác tịnh là biết khổ thì bỏ tập, biết tận thì hành đạo, như khi mặt trời mọc thì tịnh chuyển ra mười hai cửa.

Kinh nói rằng, theo đạo thì được giải thoát, trừ tối thấy sáng như khi mặt trời mọc. Ví như mặt trời mọc thấy được nhiều nơi vì loại bỏ bóng tối, mà tối là khổ. Vì sao biết nó là khổ? Vì có nhiều sự ngăn ngại nên biết là khổ.

Thế nào là bỏ tập? Đó là chẳng tạo tác sự việc.

Thế nào là chứng tận? Đó là không sở hữu. Đạo là nhận thức rõ Khổ, cắt đứt Tập, chứng Tận và niệm Đạo. Bất từ khổ sinh, chẳng bị khổ thì cũng không có thức. Đó là Khổ. Chứng tận là biết người đều phải già, bệnh, chết.

Chứng là biết vạn vật đều phải diệt. Đó là chứng tận. Ví như mặt trời mọc làm bốn việc:

1. Trừ tối như là trí tuệ có thể hoại ngu si.

2. Chiếu sáng, nghĩa là ngu si trừ rồi chỉ còn trí tuệ.

3. Thấy sắc muôn vật là thấy những chất dơ bẩn của thân.

4. Thành thục muôn vật.

Giả sử không có mặt trời, mặt trăng thì vạn vật chẳng thành thục. Con người không có trí tuệ thì ý ngu si chẳng bị nấu chín. Phần làm đầu tiên trên đều làm là, việc làm khi đã làm thì chẳng phân biệt nói. Nghĩa là hành năm điều đúng. Niệm, thân, tâm đều làm. Theo Đế niệm pháp, ý bám vào trong pháp, theo Đế niệm pháp mà ý bám vào sở niệm phát sinh thì cầu sinh tử, được sinh tử, cầu Đạo được đạo, trong ngoài tùy theo sự sinh khởi của ý. Đó là Niệm pháp.

Ý bám vào pháp là, từ bốn Đế tự biết ý sinh ra là sẽ được, chẳng sinh là chẳng được, liền khước từ ý, sợ chẳng dám phạm. Sở hành, sở niệm luôn ở tại đạo. Đó là ý bám trong pháp vậy. Đó gọi là pháp chính từ đế khởi lên, vốn bám vào ý. Pháp chính thì gọi là Đạo pháp. Từ đế tức là bốn Đế. Vốn khởi bám vào ý, nghĩa là vạn sự hướng về sinh tử đều vốn từ ý khởi lên, liền bám vào ý, liền có ý do năm ấm khởi lên cần phải cắt đứt mà gốc cắt đứt thì năm ấm liền cắt đứt. Có lúc tự cắt đứt chẳng niệm, ý tự khởi lên là tội lỗi.

Lại nữa, chẳng định tại đạo là tội chưa hết vậy. Ý bám vào pháp nghĩa là sự thật ý niệm muôn vật là nằm ngoài pháp, trong ý chẳng niệm muôn vật là đưa đến đạo pháp. Năm ấm là pháp sinh tử, kinh Ba mươi bảy phẩm là đạo pháp. Ý bám vào trong pháp nghĩa là chế ngự năm ấm chẳng phạm, cũng nghĩa là thường niệm đạo chẳng rời. Đó là ý bám vào trong pháp. Cái gốc chính là, cái ở bên ngoài là vật, gốc là phước ở bên trong, gồm lại là kinh Ba mươi bảy phẩm. Hành đạo chẳng phải là đầu mối nhất thời nên nói đến cái gốc, nghĩa là tu hành kinh pháp Ba mươi bảy phẩm. Như theo thứ lớp mà hành, ý chẳng vào tà là chính nên gọi là cái gốc chính. Cái gốc chính đều tự hành khác, dùng vô vi đối với gốc, dùng chẳng cầu là đối với chính, dùng vô vi là đối với vô vi, dùng chẳng thường là đối với đạo, dùng không có là đối với cái không có, cũng không có gốc, cũng không có chính, là không sở hữu. Định Giác thọ thân! Như vậy pháp nói đạo nghĩa là pháp định. Nói đạo nghĩa là nói từ nhân duyên được đạo. Thấy ấm thọ tức là thọ năm ấm. Có vào tức là vào trong năm ấm. Nhân có sinh tử ấm tức là thọ chính. Chính là đạo tự chính, chỉ phải tự chính tâm vậy. Người hành An

ban Thủ ý được sổ tức, được tương tùy, được chỉ thì liền hoan hỷ. Bốn thứ này ví như dùi lửa thấy khói thì chẳng thể làm chín được vật. Được những vui gì cho là chưa được xuất yếu?

An ban Thủ ý có mười tám phiền não khiến cho người chẳng theo đạo:

1. Ái dục.
2. Sân nhuế.
3. Si.
4. Hý lạc.
5. Mạn.
6. Nghi.
7. Chẳng thọ hành tướng.
8. Thọ tướng người khác.
9. Chẳng niệm.
10. Niệm khác.
11. Niệm chẳng đầy.
12. Quá tinh tấn.
13. Tinh tấn bất cập.
14. Kinh sợ.
15. Ý cưỡng chế.
16. Lo.
17. Vội vàng.
18. Ý hành ái chẳng điều độ.

Đó là mười tám phiền não. Chẳng hộ mười tám nhân duyên này thì chẳng được đạo, nếu hộ thì liền được đạo vậy.

Chẳng thọ hành tướng nghĩa là chẳng quan sát ba mươi sáu vật, chẳng niệm ba mươi bảy phẩm. Đó là chẳng thọ hành tướng. Thọ tướng người khác nghĩa là chưa được mười hơi thở liền hành tương tùy. Đó là thọ tướng người khác. Niệm khác là khi hơi thở vào nghĩ hơi thở ra, khi hơi thở ra nghĩ hơi thở vào. Đó là niệm khác. Niệm chẳng đầy nghĩa là chưa được nhất thiền liền nghĩ nhị thiền. Đó là niệm chẳng đầy. Ý cưỡng chế nghĩa là ngồi mà loạn ý chẳng được hơi thở thì phải kinh hành, đọc kinh để loạn chẳng khởi. Đó là cưỡng chế ý. Tinh tấn là vì trí tuệ mà theo sáu việc này, đó là sổ tức, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh. Đó là sáu vậy.

Cái gì là thở? Cái gì là hơi thở? Cái gì là hơi? Cái gì là lực? Cái gì là

gió?

Chế tức là ý, hơi thở là mạng, thủ là hơi, là thấy nghe gió, là lực có thể nói năng co duỗi theo đạo, là có thể cử động sân nhuế nặng. Cốt yếu là từ thủ ý được đạo.

Do duyên gì được thủ ý? Do từ đếm, chuyển được hơi thở; hơi thở chuyển thì tương tùy. Chỉ, quán, hoàn, tịnh cũng lại như vậy.

Hành đạo muốn được chỉ ý phải biết ba việc:

1. Trước quán niệm thân vốn từ đâu lại? Nếu nó chỉ từ năm hành ấm mà có thì chặt đứt năm ấm, nó chẳng sinh lại. Ví như ký thác giây lát vậy. Ý chẳng hiểu thì niệm chín đường để tự chứng.

2. Tự phải nhìn thấy bên trong tâm theo hơi thở ra vào trong tâm.

3. Khi hơi thở ra, hơi thở vào mà niệm diệt thì hơi thở ra nhỏ và nhẹ. Khi niệm diệt thì những gì là biết không sở hữu? Ý định tức thời biết rỗng không, mà biết rỗng không thì liền biết không sở hữu. Vì sao? Vì hơi thở chẳng đáp lại là liền chết. Biết thân chỉ là sở tác của khí hơi, mà khí hơi diệt là rỗng không. Biết rỗng không là đưa vào đạo. Vậy nên hành đạo có ba việc:

1. Quán thân.

2. Niệm nhất tâm.

3. Niệm hơi thở ra vào.

Lại có ba việc nữa:

1. Ngưng thống dương của thân.

2. Ngưng âm thanh của miệng.

3. Ngưng niệm hành của ý.

Sáu việc này mau chóng được hơi thở vậy.

Kinh cốt yếu nói nhất niệm nghĩa là nhất tâm, cận niệm nghĩa là xét thân, đa niệm nghĩa là nhất tâm, chẳng lìa niệm nghĩa là chẳng lìa niệm. Thân làm bốn việc này liền mau chóng được hơi thở vậy.

Ngồi thiền đếm hơi thở tức thời định ý, đó là phước hiện nay; yên ổn chẳng loạn, đó là phước vị lai; càng lâu càng thêm an định, đó là phước quá khứ.

Ngồi thiền đếm hơi thở mà chẳng được định ý, đó là tội hiện nay; chẳng yên ổn, ý loạn đang khởi lên, đó là tội đương lai.

Ngồi thiền càng lâu mà chẳng an định thì đó là tội quá khứ vậy. Đó cũng có lỗi của thân, có lỗi của ý.

Thân đếm hơi thở đúng mà chẳng được thì đó là lỗi của ý.

Thân đếm hơi thở quanh co chẳng được thì đó là lỗi của thân. Tọa thiền tự giác được định ý, ý vui mừng là ý loạn, chẳng vui mừng là ý đạo.

Ngồi thiền niệm hơi thở đã dừng liền quán, quán dừng lại hành hơi thở. Người hành đạo phải lấy đó làm thường pháp vậy.

Đức Phật nói có năm niềm tin:

1. Tin có Phật có kinh.

2. Bỏ nhà, xuống tóc cầu đạo.

3. Ngồi hành đạo.

4. Được hơi thở.

5. Định ý.

Cái niệm chẳng niệm là không, khó chẳng niệm là không thì vì sao niệm hơi thở?

Đáp rằng:

–Vì trong hơi thở không có năm sắc: Tham, dâm, sân nhuế, ngu si, ái dục. Đó cũng là rỗng không. Có thể thủ ý trong thân nghĩa là quan sát ý tại thân. Đó là ý trong thân. Người chẳng thể chế ngự ý nên phải đếm hơi thở. Do thông tuệ có thể chế ngự ý thì chẳng đếm hơi thở.

Hỏi: Thế nào là tự biết? Thế nào là tự chứng?

Đáp: Có thể phân biệt năm ấm thì đó là tự biết. Chẳng nghi ngờ đạo, đó là tự chứng.

Hỏi rằng:

–Những gì là vô vi?

Đáp: Vô vi có hai nhóm, có ngoại vô vi, có nội vô vi. Mắt chẳng xem sắc, tai chẳng nghe tiếng, mũi chẳng thọ hương, miệng chẳng nếm vị, thân chẳng tham trơn mịn, ý chẳng vọng niệm, đó là ngoại vô vi. Đếm hơi thở, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh đó là nội vô vi.

Hỏi: Hiện có sở niệm thì vì sao là vô vi?

Đáp: Thân, miệng là giới, ý hướng về đạo. Tuy có sở niệm nhưng vốn hướng đến vô vi.

Hỏi: Những gì là vô? Những gì là vi?

Đáp: Vô, nghĩa là chẳng niệm muôn vật, vi là theo sự hành chỉ của kinh mà xưng danh nên gọi là Vô vi vậy.

Hỏi: Giả sử quả báo đời trước đến phải lấy gì trừ?

Đáp: Hành đếm hơi thở, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh hay niệm

kinh Ba mươi bảy phẩm thì có thể trừ nạn.

Hỏi: Quả báo đời trước chẳng thể trừ bằng cách đếm hơi thở, hành kinh Ba mươi bảy phẩm thì lấy gì có thể trừ?

Đáp: Dùng niệm đạo nên tiêu ác. Giả sử đếm hơi thở, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh chẳng thể diệt ác thì người thế gian chẳng đắc đạo. Do tiêu ác nên đắc đạo. Đếm hơi thở, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh, hành kinh Ba mươi bảy phẩm còn được thành Phật huống gì là quả báo của tội. Cho dù tại mười phương chứa tội như núi mà tinh tấn hành đạo thì chẳng bị tội nữa.

Hỏi rằng: Kinh nói rằng, làm thế thì vì sao chẳng bị tội?

Đáp: Do làm như thế nên? Sổ tức rơi vào mười hai phẩm. Những gì là mười hai phẩm? Khi sổ tức thì đạt đến bốn Ý chỉ. Khi hơi thở chẳng loạn thì đạt đến bốn Ý đoạn, có khi được mười hơi thở thì đạt được bốn Thần túc. Đó là đạt đến mười hai phẩm.

Hỏi: Những gì là niệm kinh Ba mươi bảy phẩm?

Đáp: Sổ tức, tương tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh, sáu việc này chính là niệm kinh Ba mươi bảy phẩm vậy. Hành sổ tức cũng là hành kinh Ba mươi bảy phẩm.

Hỏi: Vì sao hành kinh Ba mươi bảy phẩm?

Đáp: Đếm hơi thở thì đạt đến bốn Ý chỉ. Vì sao đạt đến bốn Ý chỉ, cũng đạt đến bốn Ý đoạn? Vì chẳng đợi niệm, vì sao bốn Ý đoạn cũng đạt đến bốn Thần túc? Vì từ Tín nên là thần túc.

Đếm hơi thở là để đạt đến tín căn, do tin Phật, ý vui mừng nên sinh ra tín căn. Nó cũng lọt vào năng căn, vì ngồi tu hành căn nên lọt vào năng căn. Nó cũng đưa đến thức căn, do biết Đế nên là thức căn. Nó cũng đưa đến định căn, do ý an nên là định căn. Nó cũng đưa đến căn thông tuệ, do lìa khỏi ý si, giải được kết sử nên là căn thông tuệ vậy. Sổ tức cũng đưa đến tín lực, do chẳng si nên là tín lực. Nó cũng đưa đến tiến lực, do tinh tiến nên là tiến lực. Nó cũng đưa đến niệm lực, do những ý khác chẳng thể làm rối loạn nên là niệm lực. Nó cũng đưa đến định lực, do nhất tâm nên là định lực. Nó cũng đưa đến trí tuệ lực, do trước phân biệt bốn Ý chỉ, đoạn, thần túc nên là lực thông tuệ.

Đếm hơi thở cũng đưa đến giác ý, do biết khổ nên là giác ý. Nó cũng đưa đến pháp thức giác ý, do biết nhân duyên đạo nên là pháp thức giác ý. Nó cũng đưa đến lực giác ý, do bỏ ác nên là lực giác ý. Nó cũng đưa đến ái giác ý, do ham thích đạo nên là ái giác ý. Nó cũng đưa đến tức giác ý, do ý chỉ nên là tức giác ý. Nó cũng đưa đến định giác ý, do chẳng niệm nên là

định giác ý. Nó cũng đưa đến thủ giác ý, do hành chẳng rời khỏi nên là thủ giác ý.

Sổ tức cũng đưa đến tám hạnh, do ý chính nên vào tám hạnh: Định ý, từ tâm, niệm tịnh pháp thì đó là thân ngay thẳng. Lời chí thành, lời mềm mỏng, lời ngay thẳng, lời chẳng nói lại thì đó là lời ngay thẳng. Tuệ tại ý, tin tại ý, nhẫn nhục tại ý thì đó là tâm ngay thẳng. Đó gọi là dùng hơi thở của tiếng, thân, tâm. Đó là mười việc lành đưa đến hạnh lành.

Sổ tức cũng đưa đến thấy đúng đắn, do quan sát Đế nên thấy đúng đắn. Nó cũng đưa đến hành đúng đắn, do hướng về đạo nên hành đúng đắn. Nó cũng đưa đến sửa trị đúng đắn do hành kinh Ba mươi bảy phẩm nên sửa trị đúng đắn. Nó cũng đưa đến ý ngay thẳng do niệm đế nên ý ngay thẳng đúng đắn. Nó cũng đưa đến định đúng đắn, do ý trắng trong phá hoại ma binh nên định đúng đắn. Đó là tám hạnh.

Những gì là ma binh? Sắc, thanh, hương, vị, xúc, đó là ma binh. Chẳng nhận những thứ đó là hoại ma binh. Ba mươi bảy phẩm nên thu lấy. Tự quán thân, quán thân người khác dừng dâm, chẳng loạn ý, dừng những ý khác. Tự quán thống dương, quán thống dương người khác dừng sân nhuế. Tự quán ý, quán ý người khác dừng ngu si. Tự quán pháp, quán pháp người khác được đạo. Đó gọi là bốn Ý chỉ.

Tránh thân là tránh sắc, tránh thống dương là tránh năm dục, tránh ý là tránh niệm, tránh pháp, chẳng rơi vào việc mưu sinh. Đó gọi là bốn ý niệm đoạn vậy.

Nhận thức khổ vốn là khổ; khổ là do có thân, từ khổ làm nhân duyên sinh khởi muôn vật. Khổ tập vốn là khổ, từ khổ làm nhân duyên sinh ra. Tận là muôn vật đều phải bại hoại, là tăng thêm khổ tập, lại đưa đến tám đường. Đạo nhân phải niệm tám đường này, đó gọi là bốn, vì thu bốn khổ, nên được bốn Thần túc.

Tin Phật, ý vui mừng thì đó gọi là tín căn, vì tự thủ hành pháp. Từ Đế thọ thân ý, đó gọi là năm căn, vì tinh tấn. Từ Đế niệm theo Đế thì đó gọi là Thức căn, vì thủ ý. Nhất ý theo Đế, nhất ý theo Đế dừng lại thì đó gọi là Định căn, vì chính ý. Từ Đế quan sát Đế thì đó gọi là tuệ căn, vì đạo ý. Đó gọi là năm căn.

Từ Đế tin chẳng nghi nữa thì gọi là Tín lực, bỏ tham hành đạo. Từ Đế tự tinh tấn, ác ý chẳng thể bại hoại tinh tấn thì đó gọi là Tấn lực, ác ý muốn khởi tức thời diệt. Từ Đế ý này không có khả năng hoại ý thì đó gọi là Niệm lực. Từ Đế quan sát trong ngoài để định thì ác ý chẳng thể hoại thiện ý, đó gọi là Định lực.

Từ Đế niệm bốn Thiền được tuệ, ác ý chẳng thể hoại ý tuệ thì gọi là lực tuệ, niệm ra vào hết lại sinh ra. Đó gọi là năm Lực vậy.

Từ Đế niệm Đế thì gọi là Giác ý, được ý đạo. Từ Đế quan sát Đế gọi là pháp thức giác ý, được sinh tử ý. Từ Đế giữ thân ý thì gọi là Lực giác ý, giữ đạo chẳng mất là lực. Từ Đế đủ hỷ Đế thì gọi là Ái giác ý, tham hạnh đạo pháp, làm đạo pháp. Từ Đế mà ý được ngưng nghỉ thì đó gọi là Tức giác ý, đã nghỉ rồi là yên ổn. Từ Đế mà ý nhất niệm thì gọi là Định giác ý, tự biết ý đã an định. Từ Đế ý tự tại sở hành theo quán thì gọi là Thủ giác ý. Từ bốn Đế quan sát ý thì đó là bảy Giác ý. Từ Đế thủ Đế thì gọi là trực tín đạo. Từ Đế theo thẳng hành Đế thì đó gọi là trực tùng hành niệm đạo. Từ Đế giữ thân ý thì gọi là trực trị pháp. Chẳng muốn rơi vào bốn ác. Bốn ác nghĩa là bốn điên đảo. Từ Đế niệm Đế thì gọi là trực ý, chẳng loạn ý. Từ Đế mà ý nhất tâm thì gọi là trực định, là nhất tâm làm đầu, là ba hạnh pháp ý đều hành bằng âm thanh, thân, tâm giống như tám hạnh của đệ tử Đức Phật. Đó gọi là bốn Thiền, là bốn Ý đoạn vậy. Tám hạnh là:

1. Trực niệm thuộc về tâm, thường niệm đạo.

2. Trực ngữ thuộc về miệng, đoạn bốn ý.

3. Trực quán thuộc về thân, quan sát trong ngoài thân.

4. Trực kiến, tin đạo.

5. Trực hành, chẳng theo bốn ác là bốn điên đảo.

6. Trực trị, đoạn trừ ý.

7. Trực ý, chẳng rơi vào tham dục.

8. Trực định, chính tâm.

Đó là tám hạnh mà Phật, Bích-chi-phật, A-la-hán chẳng hành vậy.

Hạnh thứ nhất là trực niệm. Thế nào là trực niệm? Nghĩa là chẳng niệm muôn vật, ý chẳng rơi vào trong đó. Đó là trực niệm. Niệm vạn vật mà ý rơi vào trong đó là chẳng trực niệm vậy. Bốn Ý chỉ:

1. Ý dừng, thân niệm hơi thở

2. Ý dừng, niệm thống dương.

3. Ý dừng niệm hơi thở vào ra.

4. Ý dừng, niệm pháp nhân duyên.

Đó là bốn Ý chỉ.

Đạo nhân phải niệm bốn Ý chỉ này.

1. Ta đời trước ái thân nên chẳng được giải thoát.

2. Nay có oán gia kịch liệt. Vì sao? Vì có sở dục nên ái sinh, nên phải

đoạn dứt mà đoạn rồi là bên ngoài thân quán chỉ vậy.

Bốn Ý chỉ:

1. Ý chỉ là ý chẳng tại thân là chỉ.

2. Ý chẳng tại thống dương là chỉ.

3. Ý chẳng phải tại ý là chỉ.

4. Ý chẳng tại pháp là chỉ.

Ý theo sắc thì thức liền sinh ra thì đó là chẳng chỉ.

Hỏi: Người vì sao chẳng đạt được bốn Ý chỉ?

Đáp: Do người chẳng niệm khổ, không, phi thân, bất tịnh nên chẳng đạt bốn Ý chỉ. Nếu ý người thường niệm khổ, không, phi thân, bất tịnh mà thường niệm bốn việc này chẳng rời khỏi, thì liền mau chóng được bốn Ý chỉ vậy.

Hỏi: Thế nào là ý chỉ của thân?

Đáp: Niệm bệnh, già, chết là ý chỉ của thân.

Thế nào là ý chỉ của thống dương? Điều chẳng vừa ý chính là ý chỉ của thống dương.

Thế nào là ý chỉ của ý? Niệm rồi lại niệm là ý chỉ của ý.

Thế nào là ý chỉ của pháp? Đó là thời gian qua làm, báo trở lại là pháp, cũng gọi làm điều đó, được điều đó, đó là pháp ý chỉ.

Bốn Ý chỉ có bốn nhóm:

1. Niệm phi thường ý chỉ.

2. Niệm thân khổ ý chỉ.

3. Niệm "hữu" "không" ý chỉ.

4. Niệm bất tịnh lạc ý chỉ.

Tất cả việc thiên hạ đều đưa đến sự thống dương của thân tùy theo pháp đều chẳng qua khỏi bốn việc này.

Bốn Ý chỉ:

1. Chỉ có niệm hơi thở, chẳng tà niệm.

2. Chỉ niệm thiện chẳng niệm ác.

3. Tự niệm thân chẳng phải ngã, vạn vật đều chẳng phải ngã sở nên chẳng hướng theo nữa.

4. Mắt chẳng nhìn mà ý ở tại trong pháp.

Đó gọi là bốn Ý chỉ vậy.

Đạo nhân phải hành bốn Ý chỉ:

1. Nhãn sắc phải xem là đồ bất tịnh trong thân.

2. Khi ý vui mừng niệm lạc thì phải niệm cái khổ cảm thọ.

3. Ý ta sân thì ý người khác cũng sân, ý ta chuyển thì ý người khác cũng chuyển nên liền chẳng chuyển ý.

4. Ý ta ganh ghét thì ý người khác cũng ganh ghét, ta nghĩ người khác xấu thì người khác cũng nghĩ ta xấu nên liền chẳng nghĩ.

Đó là pháp vậy.

Thân ý chỉ là tự quan sát thân, quan sát thân người khác. Cái gì là thân? Muốn nói thống dương là thân thì thống không có số (tính). Muốn nói ý là thân thì lại chẳng phải thân có ý quá khứ, ý vị lai. Muốn nói pháp là thân thì lại chẳng phải thân có pháp quá khứ, pháp vị lai. Muốn nói hành là thân mà hành không có hình thì biết là chẳng phải thân. Đạt được sự suy nghĩ này là bốn Ý chỉ vậy. Ý chẳng theo sắc thì niệm thức cũng chẳng sinh. Tai, mũi, miệng, thân cũng vậy. Ý chẳng tại thân là chỉ. Ý chẳng tại thống dương, ý chẳng tại niệm, ý chẳng tại pháp là chỉ vậy.

Hỏi: Ai là người chủ biết thống dương của thân ý?

Đáp: Có thân, ý của thân biết, thống dương ý của thống dương biết, ý của ý biết như có đói, ý của đói biết, có khát ý của khát biết, có lạnh, ý của lạnh biết, có nóng, ý của nóng biết... do sự phân biệt này mà biết. Ý thân khởi ý thân, ý thống dương khởi ý thống dương, Ý của ý khởi Ý của ý, ý của pháp khởi ý của pháp. Bốn Ý chỉ nghĩa là chế ngự ý ác khiến cho nó chẳng khởi lên. Đó là Chỉ vậy. Bốn Ý chỉ cũng theo bốn Thiền, bốn Thiền cũng theo bốn Ý chỉ mà theo bốn Ý chỉ là gần đạo. Chẳng đắm trước ác thì thiện liền sinh. Bốn Thiền là bốn ý định, là dừng ý vậy.

Hành đạo có bốn nhân duyên:

1. Dừng thân.

2. Dừng thống dương.

3. Dừng ý.

4. Dừng pháp.

Dừng thân nghĩa là thấy sắc nghĩ là bất tịnh. Dừng thống dương nghĩa là chẳng tự cống cao. Dừng ý nghĩa là chẳng sân nhuế. Dừng pháp nghĩa là chẳng nghi ngờ. Đạo nhân hành bốn Ý chỉ thì khi ý khởi, niệm sinh thì tức thời biết thuốc đối trị. Đã được một ý chỉ thì liền được bốn Ý chỉ vậy.

Bốn ý định:

1. Tự quán thân mình cũng lại quán thân người khác.

2. Tự quán thống dương của mình cũng lại quán thống dương người

khác.

3. Tự quán tâm của mình cũng lại quán tâm người khác.

4. Tự quán nhân duyên pháp của mình cũng lại quán nhân duyên pháp người khác. Quán tất cả việc nhân duyên thành bại trong ngoài, như thế nào thì phải nghĩ thân ta cũng phải thành bại như vậy.

Đó là bốn ý định vậy.

Người muốn dừng bốn ý thì bỏ là ngoài, nhiếp lấy là trong. Đã nhiếp ý là ngoài, bỏ ý là trong vậy. Quan sát thân người khác nghĩa là tự quan sát thân mà chẳng lìa bỏ người khác tức là quan sát cái khổ của thân người khác. Quán thân người khác là chẳng phải. Thống dương, ý, pháp cũng vậy. Tự tham thân thì phải quan sát thân người khác, nghĩ đến thân người khác tức là tự quan sát thân. Như vậy là ý chỉ.

Hỏi: Ý thấy hành vì sao là chỉ?

Đáp: Ý do tự quan sát tham của thân liền khiến quan sát thân người khác. Vì ý từ tham chuyển nên phải dừng. Nếu ý tham thân người khác thì phải trở lại tự quán thân vậy.

Có lúc tự quán thân, chẳng quán thân người khác. Có lúc phải quán thân người khác, chẳng nên tự quán thân. Có lúc có thể tự quán thân, cũng có thể quán thân người khác. Có lúc chẳng thể tự quán thân, cũng chẳng thể quán thân người khác. Tự quán thân là tính toán để quán thân người khác. Nếu ý chẳng dừng thì cần phải tự niệm thân là đắm trước rồi liền chuyển việc đám trước qua thân người khác. Quan sát thân người thấy sắc trắng trẻo no tròn, mày đen, môi đỏ. Như thấy béo tốt thì phải nghĩ đến người chết trương phình; thấy trắng trẻo phải nghĩ đến xương người chết; thấy mày đen phải nghĩ đến sắc sạm đen của người chết, thấy môi đỏ phải nghĩ đến màu đỏ của máu. So tính các sở hữu của bản thân để được những ý đó, rồi liền chuyển đổi, chẳng yêu thân nữa vậy. Quán có trong ngoài: Tật đố, sân nhuế, ngu si thì phải quan sát bên trong, còn tham dâm thì phải quan sát bên ngoài. Tham thì phải nghĩ đến sự phi thường, bại hoại. Dâm thì phải nghĩ đến bất tịnh của đối tượng. Như tự quan sát dâm của thân thì phải nghĩ đến bốn Ý đoạn. Quán có hai nhóm, một là quán ngoại, hai là quán nội. Quan sát thân có ba mươi sáu vật mà tất cả có đối tượng đều thuộc về ngoại quán. Quán vô sở hữu là đạo thì đó là nội quán vậy.

Quán có ba việc:

1. Quán thân có bốn sắc là đen, xanh, đỏ, trắng.

2. Quán sinh tử.

3. Quán chín đường: Quán trắng thấy đen là bất tịnh. Phải trước nghe để học rồi sau đắc đạo. Chưa đắc đạo là vì nghe còn phân biệt là chứng được, là biết vậy.

Quán có bốn:

1. Thân quán.

2. Ý quán.

3. Hành quán.

4. Đạo quán.

Đó là bốn quán.

Ví như người giữ đồ vật, kẻ trộm đến liền bỏ vật. Nhìn thấy kẻ trộm rồi được quán, liền bỏ thân quán vật.

Quán có hai việc:

1. Quan sát những sắc sở hữu ở bên ngoài.

2. Quán cái không sở hữu bên trong.

Quán "không" rồi thì được bốn Thiền. Quán "không" không sở hữu, có ý, không ý đều không sở hữu đó là không, cũng gọi là bốn bỏ được bốn Thiền. Muốn dứt việc thế gian thì nên quán bốn Ý chỉ. Muốn trừ bốn Ý chỉ thì nên hành bốn Ý đoạn. Người trừ tham mà tham thì thực hành bốn Thần túc bay. Chỉ có năm căn, không có năm Lực thì không thể chế ngự chỉ có năm Lực, không có năm căn thì không thể phát sinh bốn Thần túc. Còn chuyển năm Lực có thể chế ngự mười hai phẩm trên.

Bốn Ý đoạn không gây tội hiện tại chỉ trả tội cũ. Đó là bốn Ý đoạn.

Hết cũ chẳng nhận mới là bốn Ý chỉ. Cũ hết, mới dừng là bốn Ý đoạn. Cũ hết, mới đoạn là bốn Thần túc. Biết đủ chẳng cầu nữa là thủ ý. Ý là hết, sinh là mới, già là cũ. Chết là thân thể, hoại bại là hết. Bốn Ý đoạn nghĩa là thường nghĩ đến đạo. Niệm thiện sinh ra liền bị niệm ác cắt đứt là đoạn dứt Đạo. Niệm thiện dừng liền sinh niệm ác là chẳng đoạn vậy.

Bốn Ý đoạn là ý tự chẳng muốn hướng đến điều ác là đoạn. Cũng có nghĩa là chẳng niệm tội là đoạn.

Bốn Thần túc:

1. Thần túc thân.

2. Thần túc miệng.

3. Thần túc ý.

4. Thần túc đạo.

Nghĩ bay mà niệm chẳng muốn diệt là chẳng theo đạo vậy.

Bốn Y-đề-bát: Bốn là số lượng, Y-đề là dừng, Bát là thần túc. Muốn bay liền bay được, có khi tinh tấn ngồi bảy ngày liền được, hoặc có khi đến bảy tháng hay bảy năm. Được thần túc có thể ở tại thế gian lâu chẳng chết nhờ có thuốc:

1. Ý chẳng chuyển.

2. Tín.

3. Niệm.

4. Có đế.

5. Có tuệ.

Đó là thuốc thần túc.

Được bốn Thần túc chẳng ở tại thế gian lâu là do có ba nhân duyên:

1. Tự chán thân xấu xí ấy nên bỏ.

2. Không có người có thể theo thính thọ kinh đạo nên bỏ.

3. Sợ kẻ oán ác bài báng bị tội nên bỏ.

Thần túc có chín nhóm là: Cỡi xe, ngựa, đi nhanh, chạy cũng là thần túc. Cấm giới bên ngoài kiên cố cũng là thần túc. Chí thành cũng là thần túc. Nhẫn nhục cũng là thần túc. Hành thần túc thì ý sẽ bay.

Hỏi: Sao gọi là ý bay?

Đáp: Có bốn nhân duyên:

1. Tín.

2. Tinh tấn.

3. Định.

4. Chẳng chuyển ý.

Tín gì? Tín phi hành.

Tinh tấn gì? Phi hành.

Định gì? Phi hành.

Thế nào là chẳng chuyển ý? Nghĩa là chấp trước phi hành chẳng chuyển ý. Thân chẳng muốn đi mà ý muốn đi liền đi. Thần túc như vậy là ý muốn bay thì liền có thể bay.

Năm Căn ví như trồng vật bền vững mới sinh ra gốc, chẳng bền thì không có gốc rễ. Tín là nước mưa, chẳng chuyển ý là lực. Muôn vật được thấy là căn, chế ngự ý là lực. Trong Tín căn có ba ấm: Một là thống dương, hai là tư tưởng, ba là thức ấm. Trong Định căn có một ấm là thức ấm.

Năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý cho dù ở trong có một ấm, trong có hai ấm, trong có ba ấm, trong có bốn ấm thì cũng đều có ấm.

Hỏi: Đạo hạnh này vì duyên gì mà có ấm?

Đáp: Do Nê-hoàn không có ấm nên còn lại đều có ấm. Trong bảy Giác ý, ba giác trên thuộc về miệng, ba giác giữa thuộc về thân, một giác cuối thuộc về ý. Thế nào là giác? Niệm niệm là giác, niệm niệm là được. Hiểu được ý này thì liền theo đạo. Bảy Giác ý ngoài là theo sinh tử. Bảy Giác ý trong là theo đạo. Bảy Giác ý trong là kinh Ba mươi bảy phẩm. Bảy Giác ý ngoài là muôn vật. Giác là nhận biết sự việc, liền theo giác ý. Có giác ý liền theo đạo. Có giác ý rơi vào tội. Giác kinh Ba mươi bảy phẩm liền chánh ý, đó là theo đạo. Giác thiện ác, đó là rơi vào tội.

Hỏi: Từ Đế thân ý giữ gì?

Đáp: Thân giữ bảy giới, ý giữ ba giới. Đó là thân, ý giữ. Từ Đế ý được dừng nghĩ là từ bốn Đế nhân duyên của ý dừng nghỉ. Hưu là dừng, tức là suy nghĩ, đắc đạo là nhận suy nghĩ. Ham thích đạo pháp sẽ hành đạo là Ái giác ý. Giữ đạo chẳng mất là Lực giác ý. Đã được mười hơi thở, thân yên ổn là Tức giác ý. Tự biết đã an là Định giác ý. Thân giữ ý, ý chẳng tẩu tán là trì. Từ Đế tự tại, ý ở tại sở hành, nghĩa là được bốn Đế, cũng có thể niệm bốn Ý chỉ, cũng có thể niệm bốn Ý đoạn, cũng có thể niệm bốn Thần túc, cũng có thể niệm năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Hạnh. Đó là ý tự tại.

Tại sở hành theo Đế quán tức là quán cốt yếu của kinh Ba mươi bảy phẩm. Đó là Thủ ý. Giác nghĩa là Giác đế, chẳng thọ tội nữa. Tám hạnh có trong có ngoài. Thân là giết, trộm, dâm. Miệng là hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt. Ý là ganh ghét, sân nhuế, ngu si. Ba pháp đầu trên đây là mười việc ở ngoài, còn năm đạo ở tại bên trong. Từ Đế Thủ Đế: Từ là thần, thủ là hộ, nghĩa là hộ pháp chẳng phạm tội, Đế là Đạo. Biết phi thường, khổ, không, phi thân, bất tịnh là thấy đúng. Người chẳng phải thường cho là thường, nghĩ khổ là vui, không cho là có, chẳng phải thân lấy làm thân, bất tịnh cho là tịnh đó là chẳng thấy đúng.

Thế nào thấy đúng?

–Tin nhân duyên xưa, biết từ đời trước mà có, đó là thấy đúng.

Thế nào là xử lý đúng?

–Suy nghĩ phân biệt mà có thể đến thiện ý, đó là xử lý đúng.

Thế nào là nói đúng?

–Giữ lời nói thiện, chẳng phạm pháp, nói lời thích hợp đó gọi là nói đúng.

Thế nào là làm đúng?

–Thân làm việc thích hợp không sai phạm, đó là làm đúng.

Thế nào là sống đúng?

–Theo giới hạnh mà người đắc đạo, đó là sống đúng.

Thế nào là tinh tấn đúng?

–Tu hành hạnh vô vi, ngày đêm chẳng dừng giữa chừng, chẳng bỏ phương tiện, đó gọi là tinh tấn phương tiện đúng.

Thế nào là niệm đúng?

–Luôn hướng về kinh giới, đó gọi là niệm đúng.

Thế nào là định đúng?

–Ý chẳng mê hoặc, cũng chẳng bỏ hạnh, đó là định đúng.

Tu hành như vậy khiến cho tám nghiệp hạnh của bậc Hiền giả đầy đủ.

Đã tu hành đầy đủ thì liền hành Đạo. Tám đúng, có sống, có làm, mà hành tám đúng thì mới được giải thoát thân chẳng phạm giới, đó là sống đúng. Tuệ, tín, nhẫn nhục là hạnh của thân; ý giữ gìn là sống đúng. Nghĩa là không sở niệm là đúng, có sở niệm là chẳng đúng. Mười hai bộ loại kinh đều nằm trong kinh Ba mươi bảy phẩm. Ví như muôn sông, bốn dòng chảy đều về với biển cả.

Kinh Ba mươi bảy phẩm là ngoài, tư duy là trong. Tư duy phát sinh Đạo nên là trong. Đạo nhân hành đạo phân biệt kinh Ba mươi bảy phẩm, đó là lạy Phật. Kinh Ba mươi bảy phẩm cũng thuộc về thế gian, cũng thuộc về đạo. Khi tụng kinh, miệng nói, đó là thế gian, ý nghĩ về kinh, đó là hợp với đạo. Trì giới là chế ngự thân, Thiền là làm tan ý. Hạnh từ nguyện, nguyện cũng từ hạnh, sở hướng của việc hành đạo là chẳng rời ý, ý đến Phật, ý chẳng trở lại. Cũng có người theo thứ lớp tu hành được đạo, cũng có người chẳng theo thứ lớp tu hành được đạo. Nghĩa là hành bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Hạnh, đó là theo thứ lớp. Sợ thế gian, ghét thân mạng, liền từ một niệm mà đắc đạo thì gọi là chẳng theo thứ lớp.

Đạo nhân có thể được ba mươi bảy phẩm mà hành ý, có thể chẳng thuận theo sổ tức, tương tùy, chỉ vậy. Thân, miệng có bảy việc; tâm, ý, thức mỗi thứ có mười việc nên trong ba mươi bảy phẩm, bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc thuộc về ngoài; năm Căn, năm Lực thuộc về nội. Bảy Giác ý, tám Hạnh được Đạo. Nê-hoàn có bốn mươi việc là kinh Ba mươi bảy phẩm cùng với ba không. Phàm bốn mươi việc đều là Nê-hoàn.

Hỏi: Sổ tức là Nê-hoàn hay chẳng phải?

Đáp: Sổ tức, tương tùy, đầu mũi dừng ý mà có sở trước thì chẳng là Nê-hoàn.

Hỏi: Nê-hoàn là có chăng?

Đáp: Nê-hoàn là không có mà chỉ là khổ diệt, một tên là Ý tận.

Hỏi: iết-bàn là Diệt?

Đáp: Chỉ là thiện, ác diệt! Tri hành là có lúc có thể hành bốn Ý chỉ, có lúc có thể hành bốn Ý đoạn, có lúc có thể hành bốn Thần túc, có lúc có thể hành năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Hạnh. Đế tức là biết định loạn. Định là biết hành, loạn là chẳng biết hành.

Hỏi: Vì sao có năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Hạnh?

Đáp: Người có năm Căn nên đạo có năm Căn, người có năm Lực nên đạo có năm Lực, người có bảy kết sử nên đạo có bảy Giác ý, hành có tám đúng nên đạo có tám thứ. Tùy bệnh cho thuốc nhân duyên tương ứng.

Mắt thọ sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, miệng nếm vị, thân tham mịn láng, đó là năm Căn.

Vì sao gọi là căn? Đã thọ sẽ lại sinh nên gọi là căn. Chẳng thọ sắc, thanh, hương, vị, trơn mịn, đó là lực. Chẳng rơi vào bảy sử là giác ý. Đã là tám đúng là thích hợp đạo hạnh.

Năm Căn là bền ý, năm Lực làm chẳng chuyển ý. Bảy giác là ý chánh. Tám Hạnh là ý đúng.

Hỏi: Những gì là ý thiện? Những gì là ý đạo?

Đáp: Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, đó là ý thiện. Bảy Giác ý, tám Hạnh, đó là ý đạo. Có thiện đạo, có thiện thế gian: Từ bốn Ý chỉ đến năm Căn, năm Lực, đó là đạo thiện. Chẳng dâm, hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, thêu dệt, tham, sân, si, đó là thế gian thiện. Thấy Đế là biết muôn vật đều phải diệt, đó là thấy Đế. Muôn vật hư rã, thân phải chết, nên chẳng lấy làm lo, đó là quán Đế. Ý ngang, ý chạy, liền quở trách chế ngự được, đó là trừ tội. Các ác đến chẳng thọ là Thiền. Nhất tâm nội ý, mười hai việc là trí tuệ.

Bảy là sổ tức, tám là tương tùy, chín là chỉ, mười là quán, mười một là hoàn, mười hai là tịnh. Đó là mười hai việc bên trong.

Mười hai việc ở ngoài nữa là:

1. Mắt.

2. Sắc.

3. Tai.

4. Thanh.

5. Mũi.

6. Hương.

7. Miệng.

8. Vị.

9. Thân.

10. Trơn mịn.

11. Ý.

12. Thọ dục.

Đó là mười hai việc bên ngoài.

Thuật-xà tức là trí. Gồm có ba trí:

1. Trí biết cha mẹ, anh em, vợ con của vô số đời.

2. Trí biết trắng đen, dài ngắn của vô số đời, biết điều suy nghĩ trong lòng của người khác.

3. Trí độc hại đã cắt đứt.

Đó là ba vậy.

Sa-la-nọa-đãi là sáu thông trí:

1. Thần túc.

2. Nghe thông suốt.

3. Biết ý người khác.

4. Biết vốn từ đâu đến.

5. Biết vãng sinh về chỗ nào.

6. Biết lậu tận.

Đó là sáu vậy.

Ghi chú: *Kinh này căn cứ vào bài tựa đầu quyển kinh và xem kinh văn, tựa như người chép. Lẫn lộn giữa kinh và chú thích chẳng phân biệt mà chép liền với nhau. Đáng lẽ phải phân ra mà chú giải. Nhưng thường thường có nhiều chỗ chẳng thể phân ra được, nên chẳng dám tự chuyên phân tiết mà để lại cho bậc hậu hiền vậy.*

-oOo-

số 603

KINH ẤM TRÌ NHẬP

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao, người nước An Tức.

QUYỂN THƯỢNG

Sự thực hành kinh Phật cũng như sự giáo hóa khuyên bảo đều ở tại ba bộ phận cùng hợp tác. Những gì là ba?

1. Năm ấm.
2. Sáu gốc.
3. Chỗ vào.

Năm ấm là những gì?

1. Sắc.
2. Thống dương.
3. Tưởng.
4. Hành.
5. Thức.

Đó là năm ấm.

Sắc ấm gọi là mười hiện sắc nhập. Mười hiện sắc nhập là?

1. Mắt.
2. Sắc.
3. Tai.
4. Âm thanh.
5. Mũi.
6. Hương.
7. Lưỡi.
8. Vị.
9. Thân.

10. vui.

Đó là mười hiện sắc nhập. Đó gọi là sắc chủng.

Thống chủng là những gì?

Thống chủng là sáu sự đau đớn của thân:

1. Mắt biết đau.
2. Tai biết đau.
3. Mũi biết đau.
4. Lưỡi biết đau.
5. Thân biết đau.
6. Tâm biết đau.

Đó là sáu sự đau của thân, gọi là thống chủng.

Tư tưởng chủng là những gì?

Tư tưởng chủng là sáu tư tưởng của thân:

1. Tưởng sắc.
2. Tưởng thanh.
3. Tưởng hương.
4. Tưởng vị.
5. Tưởng cánh xúc.
6. Tưởng pháp.

Đó là sáu tư tưởng của thân, gọi là tư tưởng chủng.

Hành chủng là những gì?

Hành chủng gọi là sáu cảm xúc của thân:

1. Tiếp xúc sắc.
2. Tiếp xúc thanh.
3. Tiếp xúc hương.
4. Tiếp xúc vị vị.
5. Tiếp xúc sự láng mịn xúc.
6. Tiếp xúc pháp pháp.

Đó là sáu cảm xúc của thân. Đó gọi là hành chủng.

Thức chủng là những gì?

Thức chủng là sáu thức của thân: nhãn thức, nhĩ thức, tỵ thức, thiệt thức, thân thức, tâm thức. Đó là sáu thức của thân, gọi là thức chủng. Đó gọi là năm thứ ấm. Phải biết năm ấm đó từ đâu mà biết là phi thường, khổ, không, phi thân? Từ sự biết này cũng có hai, một là tuệ biết, hai là đoạn

biết.

Từ tuệ biết là những gì? Là chẳng phải thường, khổ, không, phi thân. Đó là từ tuệ biết.

Từ đoạn biết là những gì? Ái dục đã đoạn thì đó là từ đoạn biết.

Dáng mạo của ấm là những gì? Tích chứa là dáng mạo của ấm, túc là dáng mạo của ấm. Ví như loài vật gọi là loài vật, loài cây gọi là loài cây, loài lửa gọi là loài lửa, loại nước gọi là loại nước... Tất cả năm ấm cũng như vậy.

Có mười tám bản trì. Mười tám bản trì là những gì?

1. Mắt.
2. Sắc.
3. Thức.
4. Tai.
5. Thanh.
6. Thức.
7. Mũi.
8. Hương.
9. Thức.
10. Lưỡi.
11. Vị.
12. Thức.
13. Thân.
14. Cánh.
15. Thức.
16. Tâm.
17. Pháp.
18. Thức.

Đó gọi là mười tám bản trì. Đã biết những bản trì đó rồi từ đâu mà biết là phi thường, khổ, không, phi thân, đó là biết. Từ sự biết này cũng có hai biết: một là từ tuệ biết, hai là từ đã đoạn biết.

Từ Tuệ biết là những gì? Là phi thường, khổ, không, phi thân. Đó là tự Tuệ biết.

Từ đoạn biết là những gì? Ái dục đã chặt đứt, đó là từ đoạn biết. Sự biết đó đầy đủ. Đầy đủ là những gì? Hoặc nói rằng, không còn nữa là đầy

đủ. Đã không còn nữa thì khiến cho mắt sáng nhìn thấy ánh sáng.

Một là hành giả nói thế rồi thì đoạn dứt gốc của mắt, gốc của tai. Nói khắp cùng như vậy là bản trì. Ví như người này bị nóng nhiều, như vậy gọi là cùng khắp. Thí dụ, đó là đầy đủ.

Cũng có mười hai nhập. Những gì là mười hai? Tự thân có sáu và bên ngoài có sáu.

Tự thân có sáu là những gì? Là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó là sáu nhập của tự thân.

Bên ngoài có sáu là những gì? Là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đó là mười hai nhập.

Tất cả từ đâu mà biết là phi thường, khổ, không, phi thân?

–Chính là sự biết này mà cũng có hai biết, một là từ tuệ biết, hai là từ đoạn biết.

Từ tuệ hiểu biết là những gì? Là phi thường, khổ, không, phi thân thân. Đó là từ tuệ biết.

Từ đoạn biết là gì? Ái dục đã đoạn thì đó là từ đoạn biết.

Nhập là gì? Biết rõ từ đó mà đến thì gọi là nhập. Từ nhập đến biết. Ví như từ chỗ vàng nhập gọi là kim địa, từ chỗ bạc nhập gọi là ngân địa. Như vậy mỗi mỗi đều ứng với sở tùng, sở nhập như thí dụ này. Từ như vậy có như vậy. Như vậy là từ chỗ ý niệm mà có việc gây nên tội khổ. Như vậy từ chỗ đạt đến, đó là từ những nhập này, cũng có từ những nhập này. Ví như vị vua có chỗ nhập, có tên thì cũng như vậy. Vì có bốn Đế: Khổ, Tập, Tận, Đạo nên Khổ là quan trọng vì thân ngữ cũng nghĩ đến, Tập gọi là quan trọng vì si là sự yêu thích thế gian. Tận gọi là quan trọng vì tuệ cũng giải thoát. Đạo gọi là quan trọng vì chỉ cũng là quán.

Đạo cũng có pháp kinh Ba mươi bảy phẩm: Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám thứ Đạo hạnh của bậc Hiền giả, là pháp kinh Ba mươi bảy phẩm mà chư Phật quá khứ cũng có, chư Phật vị lai cũng có. Bích-chi-phật cũng từ đó mà được đạo độ thế. Đệ tử của chư Phật cũng từ đó mà được đạo vô vi độ thế.

Bốn Ý chỉ là những gì?

Hoặc thấy Tỳ-kheo tự quán thân và tướng của thân mà hành chỉ. Hoặc quán ngoại thân và tướng của thân mà hành chỉ. Hoặc quán nội ngoại thân và tưởng của thân mà hành chỉ. Đoạn hết ý niệm để khước từ tâm si của thế gian.

Phương tiện quán thống và tướng của thống mà hành chỉ. Quán ngoại

thống và tướng của thống mà hành chỉ. Quán nội ngoại thống và tướng của thống mà hành chỉ. Đoạn hết ý niệm để khước từ tâm si của thế gian.

Phương tiện tự quán và tướng của ý, ý mà hành chỉ. Quán ngoại ý và tướng của ý mà hành chỉ. Quán nội ngoại ý và tướng của ý mà hành chỉ. Đoạn hết ý niệm để khước từ tâm si của thế gian.

Phương tiện tự quán pháp và tướng của pháp mà hành chỉ. Quán ngoại pháp và tướng của pháp mà hành chỉ. Quán nội ngoại pháp và tướng của pháp mà hành chỉ. Đoạn hết ý niệm để khước từ tâm si của thế gian.

Những gì là theo bốn Ý chánh đoạn?

Hoặc có Tỳ-kheo chưa sinh ra tệ ác thì ý pháp phát khởi phương tiện khiến cho chẳng sinh, khuyên ý chẳng bỏ hạnh phương tiện, tinh tấn nhiếp chế ý, xả tan ác ý. Đó là ý đoạn thứ nhất.

Tỳ-kheo đã sinh ra tệ ác thì ý phát khởi pháp thanh tịnh muốn chặt đứt, khuyên ý cầu hạnh phương tiện, tinh tấn nhiếp chế ý, xả tán ác ý. Đó là ý đoạn thứ hai.

Tỳ-kheo chưa sinh ra pháp thanh tịnh thì khuyến ý phát khởi phương tiện khiến cho sinh ra hạnh, tinh tấn nhiếp chế ý, xả tán ác ý. Đó là ý đoạn thứ ba.

Tỳ-kheo đã sinh pháp thanh tịnh thì khiến ghi nhớ chẳng quên, khiến cho chẳng giảm; chẳng những khiến cho hành đủ mà còn phát khởi hạnh phương tiện, tinh tấn nhiếp chế ý, xả tán ác ý. Đó là ý chánh đoạn thứ tư.

Những gì là bốn Thần túc?

Đó là:

Dục định đoạn sinh tử tùy hành tăng thần túc: Ghét nương cậy sinh tử, khước từ nương cậy dục, nương cậy hết. Đó là thần túc thứ nhất.

Tinh tấn định đoạn sinh tử tùy hành tăng thần túc: Ghét nương cậy sinh tử, khước từ nương cậy dục, nương cậy hết. Do bất tiện ý sinh khiến lìa bỏ. Đó là thần túc thứ hai.

Ý định đoạn sinh tử tùy hành tăng thần túc: Ghét nương cậy sinh tử, khước từ nương cậy dục, nương cậy hết. Do bất tiện ý sinh khiến lìa bỏ. Đó là thần túc thứ ba.

Giới định đoạn sinh tử tùy hành tăng thần túc: ghét nương cậy sinh tử, khước từ nương cậy dục, nương cậy hết. Do bất tiện, ý sinh khiến lìa bỏ. Đó là thần túc thứ tư.

Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc là đã nói đủ rồi.

Những gì là năm căn? Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn,

Tuệ căn. Đó là năm Căn. Căn đó ứng với nghĩa nào? Căn là nghĩa của căn? Thuộc là nghĩa của Căn? Có thể vui là nghĩa của Căn! Chẳng làm đồng việc là nghĩa của Căn. Đó gọi là nghĩa của Căn.

Những gì là năm Lực? Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực. Đó gọi là năm Lực. Lực đó ứng với nghĩa nào? Không có gì có thể hoại được là nghĩa của Lực, có sự ích lợi là nghĩa của Lực, có gan góc là nghĩa của Lực, có thể được nương nhờ là nghĩa của Lực. Đó gọi là nghĩa của Lực.

Có bảy Giác ý. Những gọi là bảy Giác ý?

1. Niệm giác ý.
2. Pháp phân biệt quán giác ý.
3. Tinh tấn giác ý.
4. Ái khả giác ý.
5. Ỷ giác ý.
6. Định giác ý.
7. Hộ giác ý.

Đó gọi là bảy Giác ý.

Có sự đắc đạo là do tám thứ đạo hạnh. Những gì là tám?

1. Thấy đúng.
2. Hành đúng.
3. Nói đúng.
4. Việc làm đúng.
5. Sinh sống đúng.
6. Phương tiện đúng.
7. Ý nghĩ đúng.
8. Định tâm đúng.

Tám thứ đạo hạnh hợp làm ba loại:

1. Giới.
2. Định.
3. Tuệ chủng.

Nói đúng, làm đúng, sinh sống đúng, đó gọi là Giới. Phương tiện đúng, Nghĩ đúng, định đúng đó gọi là Định. Thấy đúng, hành đúng, đó gọi là Tuệ.

Tất cả đều từ những sự dạy răn đó, khiến cho chẳng những dạy giới, khiến cho chẳng những dạy ý, khiến cho chẳng những dạy tuệ. Mà với định

chủng đó, Tỳ-kheo làm bật gốc ác sân nhuế, lành tan kết sử sân nhuế, làm lành ghẻ lở giận dữ, làm biết khổ đau, làm qua khỏi Dục giới. Với Định chủng đó, Tỳ-kheo làm bật gốc ác sân nhuế, làm tan dục kết, làm lành ghẻ lở dục, làm biết vui, khổ, làm qua khỏi sắc giới.

Tuệ chủng đó, Tỳ-kheo làm bật gốc ác ngu si, làm tan kết ngu si, làm lành ghẻ lở kiêu mạn, làm biết chẳng vui, chẳng khổ, làm qua được cõi Vô sắc. Đó là ba thứ mà Tỳ-kheo làm bật tung ba gốc ác, làm tan rã ba sử ác, làm lành bốn thứ ghẻ lở, biết ba nỗi đau, qua ba cõi.

Những gì là mười hai thứ? Từ cầu đúng như cầu v.v... sinh ra. Từ si nhân duyên khiến cho có hành, từ hành khiến cho có thức, từ thức khiến cho có danh tự, từ danh tự khiến cho có lục nhập, từ lục nhập khiến cho có trí, từ trí khiến cho có thống dương, từ thống dương khiến cho có ái, từ ái khiến cho có thọ, từ thọ khiến cho có hữu, từ hữu khiến cho có sinh, từ sinh khiến cho có lão tử, ưu bi khổ chẳng thể hết. Đầy đủ, Khổ chủng như vậy là trở thành Tập.

Si đã hết thì hành liền hết. Hành đã hết thì thức liền hết. Thức đã hết thì danh tự liền hết. Danh tự đã hết thì lục nhập liền hết. Lục nhập đã hết thì trí hết. Trí đã hết thì thống dương liền hết. Thống dương đã hết thì ái liền hết. Ái đã hết thì thọ liền hết. Thọ đã hết thì hữu liền hết. Hữu đã hết thì sinh liền hết. Sinh đã hết thì lão tử liền hết. Lão tử đã hết thì ưu, bi, khổ, si chẳng thể hết liền hết. Như vậy Khổ chủng đầy đủ liền được hết.

Si đó gọi là chẳng biết bốn Đế đúng như nó có, chẳng hiểu, chẳng thấy, chẳng tương ứng, chẳng thọ, chẳng hiểu, chẳng hiểu nguồn gốc. Đó gọi là si.

Si đó duyên với hành là những gì? Là sáu vọng thọ. Những gì là sáu? Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đó là sáu vọng thọ của thân. Đó gọi là hành.

Hành đó duyên với thức là sáu thức của thân: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm, đó gọi là sáu thức của thân.

Thức đó duyên với danh tự. Tự là sắc, danh là bốn thứ chẳng phải sắc ấm: Thống, tưởng, hành, thức, đó là danh. Sắc là gốc của bốn đại: Đất, nước, lửa, gió đó. Trên là danh, bốn thứ này là sắc. Hai cái này chung liền nhau là danh tự.

Danh tự đó duyên với sáu nhập của thân là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm. Đó gọi là thân thọ lục nhập.

Lục nhập đó nhân duyên với sáu tư vọng của thân: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm. Đó gọi là sáu tư vọng của thân.

Tư vọng đó duyên với sáu thống dương của thân: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm. Đó gọi là sáu thống của thân.

Thống đó duyên với sáu ái của thân: Sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Đó là sáu ái của thân.

Ái đó duyên với thọ tức là bốn thọ:

1. Dục thọ.

2. Kiến kết thọ.

3. Giới nguyện thọ.

4. Thân kết hành thọ.

Đó gọi là bốn thọ.

Thọ đó duyên với hữu, tức là ba hữu:

1. Dục giới.

2. Sắc giới.

3. Vô sắc giới.

Đó gọi là ba hữu.

Hữu đó duyên với sinh tức là năm ấm, sáu trì, sáu nhập ở trên, đã có đúng như có sinh tụ, đã đến mà rơi vào phân biệt căn thì đã nhập vào hữu. Đó gọi là sinh tử. Vì những gì gọi là người? Có sự tồn tại của con người, tồn tại rồi qua đi, đã qua đi thì tan hoại! Khi chết thì sáu căn của thân mạng này đã bế tắc. Đó là chết. Trước vốn là già, thì sau tất nhiên là chết. Vậy nên gọi là lão tử.

Tướng si là gì? Là trong tối thấy tối, như có mà chẳng hiểu được khiến cho từ đó rơi vào chỗ tướng hành.

Tướng hành là gì? Là cái khiến cho về sau lại có, đó là tướng hành. Trên từ đó phát khởi khiến cho từ đó rơi vào thức xứ.

Tướng thức là gì? Là nhận thức vật, nhận thức việc, đó là tướng của thức. Làm cho từ đó rơi vào danh tự xứ.

Tướng danh tự là gì? Là đều nhờ cậy, đó gọi là tướng danh tự. Làm cho từ đó rơi vào lục nhập xứ.

Tướng của lục nhập là gì? Là phân biệt căn, đó là tướng của lục nhập. Làm cho từ đó rơi vào tư vọng xứ.

Tướng của tư vọng là gì? Là tụ hội nhau lại sinh. Đó là tướng của tư vọng. Làm cho từ đó rơi vào thống dương xứ.

Tướng của thống dương là gì? Là trở nên giác. Đó là tướng Thống dương. Làm cho từ đó rơi vào ái xứ.

Tướng của ái là gì? Là phát khởi và đi đến, đó là tướng của ái. Làm cho từ đó rơi vào thọ xứ.

Tướng của thọ là gì? Là thọ trì. Đó là tướng của thọ. Làm cho từ đó rơi vào hữu xứ.

Tướng của hữu là gì? Làm cho rơi vào ngần ấy chỗ. Đó là tướng của hữu. Làm cho từ đó rơi vào sinh xứ.

Tướng của sinh là gì? Là đã có năm ấm. Đó là tướng của sinh. Làm cho từ đó rơi vào lão xứ.

Tướng của lão là gì? Là làm cho trở nên chín muồi. Đó là tướng của lão. Làm cho từ đó rơi vào tử xứ.

Tướng của tử là gì? Là mạng căn hết. Đó là tướng tử. Làm cho từ đó rơi vào khổ xứ.

Tướng của khổ là gì? Là thân qua mau. Đó là tướng khổ. Làm cho từ đó rơi vào "bất khả xứ".

Tướng của "bất khả" là gì? Là tâm ý qua nhanh. Đó là tướng bất khả. Làm cho từ đó rơi vào lo âu áy náy.

Tướng của lo âu là gì? Là lo cho năm ấm. Làm cho từ đó đến rơi vào chỗ buồn rầu.

Tướng sầu bi là gì? Là miệng phát ra tiếng nói khiến cho trở nên sầu bi buồn bã. Buồn bã là sầu bi, sầu bi cũng là buồn bã.

Chín tuyệt xứ là tất cả hạnh ác hợp làm một nhóm. Từ đó lưu hành có hai gốc, từ đó có tội kết là ba gốc ác, cũng có bốn điên đảo. Tội kết hai gốc đó là những gì?

1. Si.

2. Đọa.

Nếu có ái thì gọi là hai gốc. Ba gốc ác là những gì?

1. Tham dục.

2. Sân nhuế.

3. Si hoặc.

Đó gọi là ba gốc ác.

Có bốn điên đảo. Những gì là bốn điên đảo? Chẳng phải thường nghĩ là thường. Đó là tư tưởng đảo, là ý đảo, là kiến đảo. Đó là một điên đảo. Cho khổ là vui; chẳng phải thân là thân; bất tịnh là tịnh là tư tưởng, ý, kiến điên đảo như trên đã nói. Đó là bốn điên đảo.

Si đó gọi là chẳng hiểu biết bốn Đế, chẳng tuệ, chẳng thấy, chẳng

tương ứng, chẳng nhận biết là ác. Đó là si.

Hữu ái kia là gì? Bi dục của thế gian dẫn đi chẳng bỏ. Đó là hữu ái. Đó gọi là hai gốc.

Gốc của tham dục kia là gì? Là những loại tham vốn có như là trân bảo kỳ lạ, của cải kỳ lạ, việc trang nghiêm kỳ lạ, là có sự ganh ghét đối với những thứ kỳ lạ đó. Tham có thể tham dục, có thể đến tướng ái, tướng bi ai của ái đến chẳng bỏ. Đó là gốc tham ác. Gốc này là ai? Là sở hữu tham, là thân chẳng phải pháp hành, miệng chẳng phải pháp hành, tâm chẳng phải pháp hành, cũng là những thứ còn lại liền qua đến việc làm ác. Ý niệm là gốc pháp. Vậy nên gọi gốc tham ác.

Sân nhuế kia chẳng phải gốc pháp là những gì? Là ở tại con người, là ở tại hành động. Tướng của nhuế là nổi giận chẳng nhẫn nhịn, chẳng hay biết. Nhân duyên sân làm sân nhuế phát khởi lời phê bình mà nghĩ chẳng được, nói chẳng được. Việc nghĩ, nói chẳng tốt khiến cho ý khước từ. Đó là sân nhuế chẳng phải là gốc pháp. Gốc đó là gì mà chẳng phải là gốc pháp? Là tội của thân, tội của lời nói, tội của tâm; cũng còn cái khác liên quan với ý niệm là gốc pháp này. Vậy nên sân chẳng phải gốc pháp.

Si hoặc chẳng phải gốc pháp kia là những gì? Chẳng biết bốn Thánh đế đúng như nó có, chẳng hiểu, chẳng thấy, chẳng tương ưng, chẳng biết nhận, cho là phi pháp; hoặc theo, hoặc thọ nhận, hoặc tại, hoặc chẳng hiểu biết, hoặc si tối ở tại tối, che phủ khiến cho tối, khiến cho không có mắt, khiến cho tuệ hoại, biết tận, chẳng thể đạt đến vô vi độ thế, đó là si hoặc chẳng phải gốc pháp hành. Gốc đó là gì? Là hoặc chẳng phải pháp, việc làm của thân, việc làm của khẩu, việc làm của tâm, cũng cùng tương trợ cho phi pháp. Điều mà ý nghĩ chẳng phải là gốc pháp. Đó gọi là gốc phi pháp của si hoặc.

Si kia phải biết. Đảo cũng phải biết. Sở đảo phải biết. Do sở đảo phải biết! Si có một đảo, từ một đảo thành bốn đảo và từ sở hữu thành ba đảo. Một đảo là gì? Là đối hay thọ, phi thường cho là thường, khổ cho là vui, chẳng phải thân cho là thân, chẳng tịnh cho là tịnh. Đó là một đảo.

Những gì là bốn đảo? Đó là thân, thống, ý, pháp. Đó là bốn đảo.

Những gì là ba đảo?

1. Tưởng.

2. Ý.

3. Kiến.

Đó là ba đảo khiến cho ý căn dính mắc với hoặc sắc hoặc tượng

làm thọ tưởng. Đó là dục tưởng. Do vì có dục tưởng theo nhau lâu chẳng đoạn, nên ở ý niệm thì gọi là dục niệm chủng. Nếu sở tưởng kia phân biệt thọ thì đó gọi là tưởng đảo. Ý si hoặc kia như chẳng có thọ thì sở tùng chẳng tương ứng với sự nhận biết, đó gọi là ý đảo. Cho nên thọ chẳng bỏ ý niệm về sắc, bất tịnh mà ý cho là tịnh, nghe vừa ý rồi thì đến nhanh để được thấy. Đó gọi là kiến đảo.

Cái đã thấy đó là tướng phân biệt thì phải là mười hai đảo. Những gì là mười hai? Tại thân có ba, tại thống dương có ba, tại ý có ba, tại pháp có ba. Tưởng đảo có bốn, ý đảo cũng có bốn, kiến đảo cũng có bốn, cũng là ở tại nhân duyên tương hội với sắc tại nhập khiến cho trở thành mười hai đảo. Thân ba, thống dương ba, ý ba, pháp ba hợp làm mười hai đảo. Vì sáu lần như vậy là bảy mươi hai đảo. Từ gốc được nhân duyên, khởi dậy theo nhân duyên, nhiều ít không có lường, chẳng thể tính. Ở tại con người không có số, không có số đảo. Năm ấm đó là bốn cái có của thân. Do có sắc ấm là thuộc về thân. Do có thống dương ấm là thuộc về thống thân. Do có thức ấm là thuộc về ý thân. Do có tưởng ấm, cũng như hành ấm là thuộc về Pháp thân. Do có năm ấm này nên khiến cho thọ bốn cái có của thân nhân duyên.

Thân kia chẳng tịnh mà cho là tịnh thì đó là thân điên đảo. Thống khổ kia mà cho là vui thì đó là thống đảo. Ý kia chẳng phải thường mà cho là thường thì đó là ý đảo. Pháp kia chẳng là thân mà cho là thân thì đó là pháp đảo. Vì muốn làm chính bốn điên đảo nên Đức Phật hiện bày bốn Ý chỉ, giảng nói, phân biệt.

Đó là hành chỉ quán thân và tướng của thân bất tịnh thì biết được ý niệm tịnh là điên đảo. Đó là quán thống và tướng thống khổ thì biết được việc cho là vui là điên đảo. Đó là quán ý và tướng của ý phi thường thì biết được việc cho là thường là điên đảo. Đó là quán pháp và tướng của pháp phi thân thì biết được việc cho là thân là điên đảo. Tối trong tối mà chẳng biết được thì đó là tướng của si. Nó khiến cho rơi vào chỗ điên đảo. Muốn được đến thì đó là tướng của ái. Nó khiến cho từ đó thọ lấy sắc làm thân, cho nên khiến cho bị lừa dối. Đó là tướng của tham. Nó khiến cho rơi vào tình trạng chẳng cho, mà lấy. Điều có thể chẳng như ý, đó là tướng của sân nhuế. Nó khiến cho rơi vào chỗ giết hại. Việc chẳng biết được, đó là tướng của si hoặc. Nó khiến cho thọ lấy tà và rơi vào chỗ tà. Pháp sở hành kia chẳng khước từ tướng thọ, đó là rơi vào tưởng hữu thường, chẳng biết thân, thể, vật là tướng thay đổi, tướng tụ hội mà cho là tưởng vui thì rơi vào chỗ thân. Vì chẳng biết được tướng của sở pháp là tưởng là thân nên khiến cho rơi vào chỗ ngã sở. Vì rơi

vào tướng thọ sắc tượng nên cho đó là tịnh tưởng, khiến cho từ đó rơi vào chỗ chẳng nhiếp giữ căn. Đó là chín phẩm đã phân biệt, là tất cả nhóm phi pháp chẳng thể làm, đã nói xong. Điều đó người đa văn có thể biết còn kẻ chẳng đa văn rốt cuộc chẳng biết được. Đó là người trí tuệ có thể biết còn kẻ chẳng tuệ thì rốt cuộc chẳng biết được. Đó là người hành có thể biết còn kẻ chẳng hành theo thì không biết được.

Có chín tuyệt xứ khiến cho tất cả tịnh pháp đều theo tụ hợp. Những gì là chín?

1. Chỉ.
2. Quán.
3. Chẳng tham.
4. Chẳng sân nhuế.
5. Chẳng si.
6. Phi thường.
7. Khổ.
8. Phi thân.
9. Tịnh.

Đó là chín.

Chỉ là ý dừng. Tại chỗ có thể dừng, đã dừng, chính ý dừng, nhiếp ý dừng, chẳng mất niệm dừng. Chí tâm tịch nhiên một hướng niệm thì đó gọi là chỉ.

Những gì là quán? Quán là rõ ấm, là rõ trì, là rõ nhập, rõ danh tự, rõ do gốc sinh, rõ gốc pháp đã sinh, rõ khổ, rõ tập, rõ tận, rõ đạo hành, rõ do thiện ác mà từ đó pháp sinh, rõ tăng lại tăng, rõ trắng đen, rõ đó có thể theo, chẳng thể theo... Như có phân biệt là lôi kéo, chẳng lôi kéo, là thấp lại thấp, là niệm lại niệm, là tư quán, là thức, là tuệ, là mắt, là mưu, là mãn, là giải, là tuệ, là minh, là dục, là quang, là cảm chẳng lìa, là quán pháp, là giác ý, là trực kiến, là đạo chủng... Đó gọi là quán. Cũng lại có mười tám quán:

1. Quán tịnh.
2. Quán bất tịnh.
3. Quán thanh tịnh.
4. Quán chẳng thanh tịnh.
5. Quán hắc.
6. Quán bạch.
7. Quán có thể hành.

8. Quán chẳng thể hành.

9. Quán tội hành.

10. Quán ương phược.

11. Quán trói buộc.

12. Quán giải thoát.

13. Quán hữu sở ích.

14. Quán mất vô ích.

15. Quán vãng.

16. Quán hoàn.

17. Quán thọ tội.

18. Quán trừ tội.

Vậy nên gọi là Quán. Cũng vì hai nhân duyên nên khiến cho Đức Phật nói lên Chỉ này. Tất cả người trong thiên hạ có hai bệnh. Những gì là hai? Một là si; hai là ái. Vì hai bệnh này nên Đức Phật hiện bày hai thứ thuốc. Những gì là hai? Một là Chỉ; hai là Quán. Nếu dùng hai thứ thuốc này thì khỏi hai bệnh, khiến cho tự chứng, tham ái dục thì chẳng tham nữa, niệm ý được giải thoát. Si đã giải thì khiến cho tuệ được giải thoát.

-oOo-

KINH ẤM TRÌ NHẬP

QUYỂN HẠ

Thuốc tri ái dục kia là những gì? Là Chỉ. Ái đã giải thoát rồi thì ý cũng giải thoát mà ý đã giải thoát thì bệnh liền khỏi. Thuốc trị si kia là những gì? Là quán. Si đã lui thì được giải thoát; do tuệ giải thoát là bệnh khỏi. Đức Phật nói hai pháp như vậy thì phải biết:

1. Tự.

2. Sắc.

Hai pháp phải xả:

1. Si.

2. Ái.

Hai pháp phải tự biết:

1. Tuệ.

2. Giải thoát.

Hai pháp có thể hành:

1. Chỉ.

2. Quán.

Chỉ kia đã hành thì khiến biết sắc: Đã biết rồi thì khiến xả được ái. Ái đã giải thì ý liền được giải thoát và tự chứng biết. Chỉ đã hành đủ đầy thì liền xả bỏ được si. Si đã được xả bỏ thì do đó tuệ được giải thoát và tự chứng biết. Nếu Tỳ-kheo dùng hai pháp để tự biết "tự" cũng như sắc, dùng hai pháp xả bỏ si cũng như ái. Như vậy là hoàn toàn không chấp trước, hành si hết, muốn qua khỏi thế gian nhưng vẫn còn vô vi hữu dư chưa qua được. Vô vi đã rốt ráo, mạng đã rốt ráo thì liền hết khổ, khiến cho về sau rồi thì không khổ. Khổ kia sở dĩ có là do ấm, cũng do trì, cũng do nhập. Đã hết chỉ, tịch nhiên; từ đó về sau không có ấm cũng như trì, cũng như nhập không nối liền nhau, chẳng khởi lên nữa. Đó là vô dư, đã được vô vi rốt ráo vượt khỏi thế gian. Đó là hai thứ vô vi. Gốc thanh tịnh chẳng tham kia là những gì? Là ở trong ba cõi chẳng đắc, chẳng vọng, chẳng cầu. Đó gọi là gốc thanh tịnh chẳng tham. Gốc này là gì? Là chẳng tham thân thanh tịnh,

lời nói thanh tịnh cũng như các pháp thanh tịnh liên quan khác mà ý nghĩ đến làm gốc. Đó là gốc thanh tịnh chẳng tham. Cũng có gốc thanh tịnh mà Đức Phật nói là tám thứ hạnh. Đó là gốc thanh tịnh. Gốc thanh tịnh kia cũng là ba thứ đạo thanh tịnh: Đó là gốc chẳng tham. Những gì là ba?

1. Phương tiện sinh sống chính đáng.

2. Suy nghĩ đúng đắn.

3. Định đúng đắn.

Đó là ba loại gốc đạo thanh tịnh. Vậy nên gọi là gốc thanh tịnh chẳng tham. Gốc pháp không sân nhuế chẳng phạm kia là những gì? Nếu hành nhẫn thì đời vị lai chẳng sinh ra sân nhuế. Nhân duyên của nhẫn là chẳng sân nhuế, mà chẳng sân nhuế thì chẳng thọ tai ương. Không nhuế, không sân cũng chẳng sân, không oán cũng chẳng tưởng oán thì đó là gốc pháp không sân nhuế chẳng phạm. Vậy nên gọi là gốc pháp không sân nhuế chẳng phạm.

Cũng có ba thứ đạo thanh tịnh là gốc pháp không sân nhuế chẳng phạm:

1. Chánh ngữ.

2. Chánh nghiệp.

3. Chánh trí lợi.

Đó là ba thứ đạo thanh tịnh. Vậy nên gọi là gốc pháp không sân nhuế chẳng phạm.

Gốc thanh tịnh không mê hoặc kia là những gì? Là từ tuệ thấy bốn Đế như thật. Ứng thọ thanh tịnh, chẳng ngu, chẳng hoặc, chẳng theo hoặc, cũng chẳng rơi vào hoặc, tướng sáng của tuệ minh thấy từ pháp thanh tịnh. Đó là gốc thanh tịnh không mê hoặc. Gốc này là gì? Là chẳng hoặc thanh tịnh. Hành động của thân, hành động của lời nói, hành động của tâm cũng đều tương quan với pháp thanh tịnh. Nó là tướng tư duy của ý, là gốc của pháp sở niệm, cũng là từ hai thứ đạo thanh tịnh, là gốc bất hoặc:

1. Thấy đúng.

2. Làm đúng.

Đó là từ hai gốc đạo chủng thanh tịnh. Vậy nên gọi là gốc thanh tịnh không mê hoặc. Đó là ba thanh tịnh, tám thứ đạo đã phân rành thích ứng, vô thường là như vậy.

Tưởng vô thường kia là những gì? Tưởng tất cả sở hành là phi thường. Suy biết đó sở tưởng là thọ, đó gọi là tưởng phi thường. Cũng từ đó có tám pháp của thế gian. Những gì là tám? Là có lợi, không lợi, danh tiếng, chẳng

danh tiếng, có luận nghị, không luận nghị, hoặc khổ, hoặc vui, ý chẳng rơi vào, chẳng thọ nhận. Từ ngần ấy tư duy chẳng thọ, hộ chỉ, tư duy quán thì ác được dừng. Đó gọi là phi thường tưởng.

Khổ tưởng kia là những gì? Là tưởng, biết thọ tất cả hành của thế gian là khổ. Đó gọi là khổ tưởng. Từ đó cần phải làm gì? Nhìn khổ tưởng đến tập mà làm tăng thêm là tham; đã biết đủ thì chẳng rơi vào tham, là ý chẳng thọ, chẳng theo, dẫn dắt nhau chẳng đọa, chẳng niệm. Ngần ấy ý hộ trì quán là đã đạt được sự dừng nghỉ (chỉ). Từ cái nhìn đó đạt đến sự cốt yếu này.

Tưởng phi thân kia là những gì? Là tất cả pháp chẳng cho là thân, chẳng rơi vào thân, là tưởng biết tưởng thọ. Đó gọi là tưởng phi thân. Từ đó là gì? Mong đạt đến tưởng phi thân rồi niệm, rồi suy nghĩ, rồi làm tăng trưởng, khiến tự cho thân này là ngã. Đó là vì ý chẳng thọ sự xả bỏ ngần ấy trạng thái. Chẳng thọ thì quán bất tịnh mới được dừng. Đó là từ sự cốt yếu mà đạt đến.

Tưởng bất tịnh kia là những gì? Là tất cả hành của thế gian đều tưởng là bất tịnh, tự biết thọ. Đó gọi là tưởng bất tịnh. Từ tưởng này làm những gì? Mong đạt đến tưởng bất tịnh rồi niệm, rồi tư, rồi làm tăng trưởng khiến cho năm niềm vui của thế gian từ bỏ ý, chẳng dắt dẫn, chẳng thọ, chẳng lại rơi. Ngần ấy niệm nếu được hộ trì thì bất tịnh được dừng. Đó là từ sự cốt yếu mà đạt đến. Đó là bốn tư tưởng niệm hành. Vì sao? Vì nó làm cho biết năm ấm nên Đức Phật nói sự phân biệt này thấy hành tưởng bất tịnh kia, khiến cho sắc ấm từ đó được giải thoát, hành tưởng khổ kia khiến cho thống ấm từ đó được giải thoát, thấy hành tưởng phi thân kia, khiến cho tư tưởng ấm cũng như hành ấm từ đó được giải thoát. Thấy hành tưởng phi thường kia khiến cho thức ấm từ đó được giải thoát, từ hành chỉ kia khiến cho ái từ đó được giải thoát, từ hạnh quán kia, khiến cho si từ đó được giải, từ chẳng tham kia mà bỏ tham, từ chẳng, sân nhuế kia mà là bỏ sân nhuế, từ chẳng hoặc kia mà bỏ si, từ tưởng phi thường kia khiến cho giải thoát được hữu thường, từ tưởng khổ, kia giải thoát được tưởng lạc, từ tưởng phi thân mà giải thoát được tưởng thân, từ tưởng bất tịnh kia mà giải thoát được tưởng tịnh, từ chỉ mà nhiếp ý thì có thể được hoàn. Đó là tưởng chỉ mà khiến cho từ đó được thiền chỉ.

Từ đó tất cả pháp tịch nhiên có thể được giải thoát thọ. Đó là quán tưởng khiến cho dừng lại tất cả biết.

Từ dục có thể được tưởng hoàn. Đó là tướng chẳng tham khiến cho hoàn chẳng cùng "thủ" dừng và về sau chẳng lại sinh ra si. Đó là không có

tướng sân nhuế, khiến cho từ giết hại trở lại được dừng; biết việc cũng như vật, đó là tướng bất hoặc, là khiến cho được dừng ở chỗ dừng. Sở hành của thế gian là pháp có thể thọ tưởng. Đó là tưởng phi thường. Nó khiến cho biết từ đâu sinh ra, cũng biết từ đâu diệt đi. Thức là chỗ này, là hành của thế gian, tạo sự đổi thay của thế gian. Cái mà thức tưởng, đó là khổ, là đối tượng nghĩ tưởng. Đó là thống chủng xứ. Tất cả sở pháp chẳng trụ ở tưởng. Đó là tưởng phi thân, đó là tư tưởng đã thấy thây chết đã tan hoại, sình thối xanh bầm. Vì thọ nhận tướng này nên đó là tưởng nghĩ bất tịnh. Từ đó vì hối hận, khước từ khiến cho tịch nhiên, dừng lại. Đó là chỗ chín phẩm đã phân biệt nói lên cho thấy biết mà vì tất cả, không vì một bộ phận nào. Nói đầy đủ đó là gì? Là biết nghe nhiều, nghe ít, chẳng là người trí tuệ. Chẳng trí tuệ thì chẳng thường đặt ý tại kinh, ý liên tục sinh ra, từ đó chẳng phân biệt quán, khiến cho chẳng được tưởng phi thường, chẳng thọ tưởng phi thường, khiến cho từ đó rơi vào năm dục lạc khiến cho năm dục lạc che phủ. Từ đó mất đi sở hành thích hợp, khiến cho chẳng giải thoát được tưởng khổ, khiến cho rơi vào năm ấm mà thọ lấy nhập, khiến cho ý chấp có thân này. Ngần ấy gốc, chẳng phải một gốc, chẳng xả bỏ, chẳng quan sát khiến cho chẳng đạt được tưởng phi thân. Vì ý ở tại niềm vui nhan sắc chấp là thân, là tịnh, chẳng kể đến lớp da che phủ, khiến cho chẳng đạt được tưởng bất tịnh. Chẳng trụ ở thọ chỉ, tưởng này chẳng tin khiến cho không có tưởng, chẳng thọ hỷ. Vì từ bốn thứ này đã trừ rồi thì đạt được chỗ vô vi. Đức Phật nói tín căn mà Tỳ-kheo muốn tri kiến thì phải cầu ở tại bốn thứ Câu cảng là pháp thanh tịnh, chẳng bỏ tướng phương tiện, khiến đạt đến thanh tịnh, từ thanh tịnh phát khởi khiến đạt được vào bốn Ý chỉ.

Đức Phật nói tinh tấn căn mà Tỳ-kheo muốn thấy biết thì phải ở tại bốn Ý đoạn, sở cánh của quá khứ, nghĩ nhau chẳng quên, vì từ chẳng quên mà phát sinh đạt được bốn Ý chỉ.

Đức Phật nói niệm căn mà Tỳ-kheo muốn thấy biết thì phải quan sát ở tại bốn Ý chỉ là một ý căn, đó là định từ bất hoặc khởi lên, khiến đạt được bốn Thiền.

Đức Phật nói, Tỳ-kheo muốn biết định căn thì phải biết ở tại bốn Thiền. Từ gốc suy tính là tuệ. Như cái có có thể được giữ gìn thì từ đó phát khởi khiến cho đạt được bốn Đế.

Đức Phật nói tuệ căn mà Tỳ-kheo muốn thấy thì phải ở tại bốn Đế. Vì có bốn luân là chỗ ở tốt, nương người có trí tuệ, tự mình có nguyện chính, trước có phước. Tỳ-kheo đó được tướng đạo đức ở chung, đó là chỗ ở tốt, khiến được chỗ y chỉ của bậc Hiền giả, vì được nương tựa tướng đạo

đức, đó là nương tựa người trí. Từ đó đạt đến chỗ có chính nguyện; vì được tướng chính nguyện, đó là Thân chính nguyện khiến đạt đến chỗ phước. Từ hạnh thanh tịnh có tướng sở nhập thì đó gọi là phước, khiến đạt đến năm chỗ vui.

Đó là giới pháp mười một điều:

1. Sắc trì giới không hối.
2. Đã chẳng hối thì khiến cho ý được hoan hỷ.
3. Đã có hoan hỷ thì khiến cho ái sinh.
4. Ý đã được ái thì thân được cậy nhờ.
5. Thân đã được cậy nhờ thì liền được an lạc.
6. Ý được an lạc rồi thì liền được chính chỉ.
7. Ý được chính chỉ rồi thì liền biết chân như có.
8. Đã biết chân như có rồi liền tịch nhiên.
9. Đã tịch nhiên rồi thì liền được ly.
10. Được ly rồi thì liền được giải thoát.
11. Đã được giải thoát thì liền thấy tuệ.

Có tuệ thì liền biết sinh tử đã dứt, đạo hạnh đã xong, việc làm đã hết chẳng trở lại thọ khổ nữa.

Tướng của giới là những gì? Trì giới đến trọn đời khiến cho từ đó đạt đến không hối hận, thân chẳng tăng tướng tội là không hối. Từ đó đạt đến hỷ, khiến cho được hỷ xứ. Tướng vừa ý là hỷ, khiến cho đạt đến ái xứ. Tướng hỷ túc là xứ, khiến đạt đến có chỗ nương cậy. Từ hành vi đó mà được tướng nương cậy khiến cho đạt đến lạc xứ. Đã không phiền não là tướng của lạc khiến cho từ đó đạt đến định xứ. Ý theo sự sai khiến chẳng quên là tướng của định, khiến cho đạt đến "Như" có tuệ xứ, chẳng mê hoặc. "Như" có tướng tương tùy đó là tịch nhiên xứ. Nếu biết phi thân thì đó là tướng tịch nhiên, khiến cho từ đó đạt đến chỗ ly biệt nhau. Chẳng thân cận, gặp gỡ là ly biệt nhau thì từ đó đạt đến giải thoát. Đã là chẳng phải pháp hành, chẳng thọ tai ương thì đó là tướng của giải thoát, khiến cho đạt đến giải thoát tuệ kiến.

Có bốn bậc đạo đức. Những gì là bốn? Là phước của bốn hành giả. Tỳ-kheo kia nếu như có trí biết thì đó là bậc kiến, là được dấu vết đạo. Đó là được phước đạo. Tỳ-kheo kia như có biết thì đó là lìa khỏi ác. Đó gọi là bậc Bạc, là có phước vãng lai. Tỳ-kheo kia do khước từ ác chẳng dùng nên gọi là bậc Tương ly. Tỳ-kheo kia đã được bậc Tương ly thì chẳng trở lại với phước nữa. Đó gọi là bậc Dục cánh không chấp trước. Phước của hành

giả là nghĩa gì? Là đệ tử của đạo có tám thứ đạo hạnh. Đó gọi là hành giả. Đó chính là phước. Vậy nên gọi là phước của hành giả. Vì sao? Vì hành thanh tịnh là tên. Đó là phước thanh tịnh. Đó là Đạo đức có tám thứ đạo hạnh thanh tịnh. Đó là phước này. Vậy nên gọi là phước thanh tịnh. Tỳ-kheo kia ứng hợp được Đạo tích. Sao gọi là đã chắc chắn tương ứng với đạo? Đệ tử cắt đứt ba phược kết, ba phược kết kia là những gì?

1. Biết thân chẳng phải là thân.

2. Không nghi hoặc.

3. Hành giới chẳng trao đổi.

Đã đoạn ba phược kết này thì đệ tử của đạo liền đạt đến Đạo tích, chẳng rơi vào đường ác nữa, đạt được đạo rốt ráo, bảy lần lên trời, cũng như lui tới nhân gian, liền đoạn dứt khổ và từ khổ được giải thoát. Đó gọi là bậc Kiến đạo, là được phước của Đạo tích Tỳ-kheo kia đã làm những gì khiến cho ý rơi vào thân này, cũng như biết thân này? Ngu si là do chẳng nghe. Vì người thế gian chẳng gặp bậc Giác ngộ, cũng chẳng theo nghe thọ giáo giới cũng chưa phân biệt rõ, chánh pháp. Vì ý niệm của họ cho sắc này là thân, nhìn thấy khắp sắc là thân. Sắc này cũng là thân, sắc cũng chính là thân của ngã. Thống tưởng, hành, thức cũng như trên đã nói. Đã quán như vậy rồi thì liền thọ năm niềm vui khiến cho thọ thân này, bị rơi vào thân, khiến cho ý nghĩ ngã là như vậy. Vì ngã này là do sự chấp trước liên tục nên chẳng được tự tại, dẫn dắt theo nhau. Như vậy, có sự chịu đựng, sự vừa ý nên ý có thể thọ nhận. Đã thọ nhận kiến theo hành thì đó là tà kiến, đưa đến sự thọ nhận thân này.

Tỳ-kheo kia bị cái thấy năm tà khiến cho rơi vào sự nghi hoặc không có. Những gì là năm? Nếu cho sắc là đối tượng để thấy thì thân này so sánh trước. Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Đó là năm tà kiến khiến cho rơi vào không có.

Về sau còn có mười lăm tà kiến nữa khiến cho rơi vào thường kiến. Tà kiến như vậy, thân này đoạn rồi liền xả bỏ sáu mươi hai tà kiến, khiến cho chẳng rơi vào kiến thường, phi thường. Đã xả bỏ thường và phi thường rồi tức là đệ tử của đạo không đảo kiến, tà kiến mà chỉ vì độ thế. Trực kiến là những gì khiến cho chẳng rơi vào thân tà kiến? Nếu đệ tử của đạo được nghe, được trực kiến thì thấy thông suốt kinh điển là đã thọ vô vi độ thế, là đã giải thoát được pháp thế gian. Họ chẳng lại thấy: sắc này là thân, nhìn thấy khắp sắc là thân, sắc này cũng là sắc của thân, sắc cũng là thân của ta. Thống, tưởng, hành, thức họ cũng đã chẳng thấy như vậy. Họ liền giải thoát được ba kết sử. Những gì là ba?

1. Chẳng thấy thân này.

2. Chẳng sân nhuế.

3. Chẳng nghi hoặc.

Đệ tử của đạo đã như vậy là không nghi hoặc, đối với Đức Phật cũng không nghi hoặc mà là tin tưởng, là hoan hỷ, Phật. Là Như Lai Vô Sở Trước Chánh Giác, tuệ hạnh đã đủ làm niềm vui, thế gian mà giải thoát, không có ai vượt qua. Pháp này là pháp chế ngự theo pháp, là thầy, là dạy pháp bảo trên trời dưới trời, là Phật tối thượng. Được niềm tin chẳng nghi này là theo pháp hạnh này, là ở tại pháp. Không kết sử, không nghi hoặc là tín là hỷ. Đức Phật nói pháp này hiện có thể học, có thể đạt đến, hiện tự thay đổi sở kiến mà đã giải thoát được là tuệ vì sự đói khát tương cận của tham này đã đoạn. Tương tùy đã đoạn thì rỗng không không sự ứng đắc. Ái đã hoại, đã lìa, đã tận là vô vi. Đó là thứ hai. Không kết, không nghi, được pháp tùy pháp hành là đồng học tụ tập, là không kết không nghi, đã có thọ có hỷ, thọ như vậy thì được đệ tử của đạo, là đồng học tụ tập hạnh chánh thọ là thích thọ. Giới đã lập, định đã định, tuệ đã được giải thoát, đã thành tuệ giải thoát đã hiện hữu đã đạt đến. Đó là hành giả đệ tử của Phật. Tụ tập là bốn người. Do tu hành mà bốn đôi được gọi tám hạng người đạo hạnh, được thế gian tôn trọng, là không gì so sánh, đáng cúng dường, đáng phụng sự, đáng cung kính, là đất phước không gì hơn, là chỗ phụng sự của trời cũng như của người. Đó là thứ ba. Đã là pháp vô nghi mà theo pháp hành thì tất cả hành là khổ. Đã không nghi kết, đã thọ, đã hỷ mà theo ái là tập, khổ cũng từ tập ái. Đã không nghi kết, đã thọ, đã giải, đã hỷ, đã ái mà hết thì đó là khổ tận, không nghi, không kết. Đã được sự thọ này liền được hỷ rồi thì ái hết. Đó là khổ tận, không nghi, không kết. Đã giải thoát được thọ liền được hỷ là tám đạo hành. Từ sự thọ hành này khiến cho khổ tận, chẳng nghi, chẳng kết nữa. Đạt đến sự hiểu biết được hỷ, nếu vốn có nghi chẳng hiểu thì đối với Phật chẳng hiểu, đối với pháp chẳng hiểu, đối với hành giả thì trở ngại. Nếu có nghi thì đối với Khổ, đối với Tập, đối với Tận, đối với Đạo, sự thực hành bị nghi hoặc chẳng hiểu. Theo sự nghi hoặc của chí thì như vậy sao gọi là ghẻ lở? Vì điều đó đã hiểu, gốc đã đoạn, cây chẳng trụ nữa. Đã tan thì chẳng lại hiện, từ đó gốc pháp chẳng lại sinh ra.

Tỳ-kheo kia trì hành giới chuyển đổi làm hai loại:

1. Rơi vào khát ái.

2. Chẳng biết xa lánh.

Trì hành giới chuyển đổi là ý hướng từ đó hành giới nhiếp lấy, giữ gìn. Từ đó sẽ được làm trời, cũng như sánh ngang với trời, sẽ được lên trời.

Người đó sẽ ở chung với ngọc nữ cùng nhau hưởng lạc. Nguyện vọng như vậy, có thể như vậy, kết chặt tư tưởng như vậy, hướng đến tương kiến thì đó là khát ái. Tuy trì hành giới nhưng bị rơi vào đổi chác thì kẻ đó chẳng hiểu được việc trì hành giới. Chuyển đổi những gì? Người hành giới chuyển đổi giới, chuyển đổi là gì? Là ý sinh ra: từ giới được tịnh, từ giới được giải thoát, từ giới được sự cốt yếu, là từ khổ lạc được độ. Hoặc ý sinh ra: Từ nguyện được độ. Đó là chẳng hiểu được sự trì hành giới mà trở thành đổi chác. Vì nhân duyên gì chẳng hiểu để chuyển thành sự đổi chác? Vì ý sinh ra: Từ cách ăn mặc, cũng từ nguyện mà được độ thế, từ khổ vui mà được lìa khỏi. Dùng hai nghiệp này là cách ăn mặc, cũng như nguyện làm khuôn mẫu.

Những gì là mô phỏng theo? Là hai giới, cách ăn mặc và nguyện ý mà cho là từ đó được giải thoát, từ đó được điều cốt yếu, từ đó được qua khỏi khổ vui. Từ khổ vui đó mà được vô vi. Từ sự bất chính đó cho là pháp. Từ sự chẳng giải thoát đó mà ý cho là giải thoát, chẳng chính mà cho là chính. Theo hành này mà có yên trí, vừa ý như vậy mà vọng kết thấy đó là giải. Như vậy là chẳng hiểu trì giới mà chuyển thành đổi chác. Đó là hai kết. Đệ tử của đạo đắc đạo rời xa là không có, gốc đã đoạn, cây đã nhổ thì chẳng mọc lại, từ đó về sau chẳng lại sinh ra. Pháp này là đã tịnh, giới như là đắc đạo giới, theo hành chẳng bị phá, chẳng bị xuyên thủng, chẳng bị mất, chẳng bị hối mà chỉ có tăng thêm. Như kẻ tuệ có thể không ai có thể đoạt lấy, vì được như vậy là đạt đến định ba phược kết đó. Đệ tử của đạo đã cắt đứt, đã đạt đến Đạo tích, chẳng lại rơi vào ác pháp nữa, nhất định vượt khỏi thế gian ở lần vãng lai thứ bảy. Ở trên trời cũng như trong loài người, hết kỳ hạn vãng lai thì người đó liền được ra khỏi khổ yếu.

Có bốn sự tương ứng. Sao gọi là bốn tương ứng?

1. Tương ứng đã hiểu.

2. Tương ứng đoạn xả.

3. Tương ứng tự chứng.

4. Tương ứng tăng mãn.

Đệ tử đạo đức kia từ Khổ là đã tương ứng sự hiểu biết, từ Tập là đã tương ứng đoạn xả, từ Tận là tương ứng tự chứng, từ Đạo là tương ứng tăng mãn. Đó là chỉ quán đều tùy hành một chỗ, một lúc, một ý. Từ xưa đến nay cái có chính là có ý khiến cho tạo tác bốn việc. Những gì là bốn?

1. Khổ, từ Khổ đã hiểu là tương ứng Khổ.

2. Tập, từ Tập đã đoạn xả là tương ứng Tập.

3. Tận, từ Tận tự chứng là tương ứng Tận.

4. Đạo, từ Đạo tăng mãn khiến cho tương ứng Đạo.

Vì sao? Vì từ Khổ đã tương ứng với sự hiểu biết. Vì sao? Vì từ Tập đã tương ứng đoạn xả. Vì sao? Vì từ Tận đã tương ứng tự chứng. Vì sao? Vì từ Đạo đã tương ứng tăng mãn. Có thí dụ như bọt nước vận hành trong nước, lên đến cùng là có bốn hành. Từ bờ này qua đến bờ kia, qua đến nơi thì cắt đứt liên lạc. Đây cũng như vậy, chỉ quán cùng song hành một chỗ, một lúc, một ý, lên đến rốt cùng là thành bốn việc. Ví như mặt trời mọc, lên đến rốt cùng là hiện làm bốn việc: Chiếu sáng trừ tối, hiện sắc, hiện hết. Ví như thuyền đi qua, bỏ bờ này qua đến bờ kia, đạt đến sự cắt đứt liên lạc của sự vật. Chỉ quán cũng như vậy, cùng phát đi một chỗ, một lúc, một ý, lên đến rốt cùng là làm bốn việc: Vì hiểu Khổ như ứng tương ứng; vì đoạn Tập như ứng tương ưng; vì tự chứng Tận như ứng tương ưng; vì hành Đạo yếu như ứng tương ưng. Vì sao vậy? Là vì Khổ tương ứng biết xúc Tập giải tương ưng với sự biết đoạn Tận tương ưng biết chứng, Đạo tương ứng với sự biết sự xuất yếu. Chỉ quán cũng như vậy, cùng nhau hành một chỗ, một lúc, một ý, lên đến rốt cùng là hành xong bốn việc là xúc Khổ, là đoạn Tập, là tự chứng Tận, là hành Đạo viên mãn. Ví như thắp đèn, đuốc, lên đến rốt cùng là làm được bốn việc: Tạo ánh sáng, trừ bóng tối, hiện hình sắc, bỏ nghi hoặc. Chỉ quán cũng như vậy, vì bốn việc: Biết Khổ, đoạn Tập, tự chứng Tận, hành Đạo viên mãn. Ví như thắp đèn lên đến rốt cùng là có bốn nghĩa: Là hiện sáng, trừ tối, hiện sắc, hết dầu mỡ tim bấc. Chỉ quán cũng như vậy, cùng tùy hành một chỗ, một lúc, một ý, lên đến rốt cùng là tạo ra bốn việc: Biết Khổ, tương ứng Khổ, đoạn Tập, tương ứng Tập, tự chứng Tận, tương ứng Tận, hành Đạo viên mãn, tương ứng Đạo. Vì sao? Vì biết Khổ thì tương ứng Khổ. Vì sao? Vì đoạn Tập thì tương ứng Tập. Vì sao? Vì tự chứng Tận thì tương ứng Tận. Vì sao? Vì hành Đạo viên mãn thì tương ứng Đạo. Do đâu mà ứng? Là từ Chỉ quán. Những gì là ứng? Ứng sao gọi là trì? Là buộc ý quán. Ý đã buộc ý quán thì liền thấy năm ấm khổ. Sự ràng buộc ý đó chính là chỉ. Đã thấy năm ấm là khổ thì đó là quán, thấy chỗ mà năm ấm gần nhau có thể phát sinh trước dục, mong được đến với nhau, chẳng bỏ chỗ Tập thì chính là đã đoạn đã hết. Đạo Chỉ quán cũng như vậy, khiến cho bốn Đế đạo đức này một chỗ, một lúc, một ý lên đến rốt cùng là làm cho tương ứng bốn Đế. Như vậy đệ tử đạo đức của đạo chính là pháp tướng. Đã ứng pháp thì đó gọi là Kiến địa, đã được mạch đạo, đến được Đạo tích. Lại Chỉ quán, khiến cho ái dục, sân nhuế, sử phược bị diệt trừ, được là đệ tử của đạo chịu sự vãng lai. Do hành này đầy đủ nên đã từ chỗ vãng lai liền hủy hoại gốc khổ. Đó là Bạc địa. Đã rốt cùng phước vãng lai thì được dừng nơi đức. Lại tăng thêm chỉ quán khiến cho sự sai

khiến của ái dục, sân nhuế còn lại được bỏ hết. Ái dục, sân nhuế chưa bỏ hết kết sử thì khiến cho hết. Khi đã hết rồi là được đệ tử của đạo thì liền giải thoát được năm kết ở dưới. Những gì là năm?

1. Thấy thân là khổ.

2. Giải thoát nghi.

3. Chẳng hoặc, chẳng đổi chác giới.

4. Chẳng tham cầu.

5. Chẳng sân nhuế.

Đó là năm kết sử đã hết, được đệ tử của đạo, chẳng trở lại thế gian nữa. Vị ấy vượt qua khỏi thế gian, chẳng trở lại thế gian này nữa. Đó gọi là Khước địa. Đó là phước bất hoàn. Đã đạt đến được Phước bất hoàn mà lại tăng thêm chỉ quán thì khiến cho được giải bỏ năm kết ở trên. Những gì là năm?

1. Tham muốn cõi Sắc.

2. Tham muốn cõi Vô sắc.

3. Si.

4. Kiêu mạn.

5. Ngu si.

Đã đủ năm hạnh trên là đã bỏ được năm kết, liền không có sở trước, đã vượt qua thế gian không còn phiền não, đã rốt cùng từ chánh đạo được giải thoát. Đó là Tất địa. Không còn đắm trước chỉ còn có vô vi mầu nhiệm là đã xả hết rồi, mạng căn của thế gian hết, khổ của thế gian cũng hết, chẳng sinh ra khổ nữa. Đệ tử kia do vì "ấm trì nhập" này đã hết, tịch nhiên nên chẳng có "ấm trì nhập", chẳng kết nhau, chẳng phát sinh nữa. Đó gọi là đã rốt cùng vô vi. Đức Phật vì đệ tử đã nói Đế tương ứng, cũng nói từng phần tương ứng, cũng nói về Địa, cũng nói về phước, nói về Đoạn, nói về Tội, nói về Ly, nói về hai vô vi... Vì tất cả mà nói như vậy, Đức Phật đã độ thế xong. Nếu người muốn vượt khỏi thế gian thì phải hành những pháp đó. Những gì là chín chánh định theo thứ lớp tư duy? Đó là bốn Thiền cùng bốn Định vô sắc và định đã tận cùng. Đó là chín Chánh định theo thứ lớp. Thiền thứ nhất kia đã xả năm thứ, theo năm thứ chính. Đã xả năm thứ gì? Đó là năm cái:

1. Ái dục.

2. Sân nhuế.

3. Thụy miên.

4. Bất liễu hối.

5. Nghi.

Đó là năm thứ.

Thiền ở trên đã xả bỏ ái dục cái kia là vì sao? Ái dục gọi là hành vi ái trước năm dục lạc mà phát ra sự mong cầu, theo sự mong cầu đã phát ra đó chẳng bỏ, khiến cho chúng phát khởi. Đó gọi là ái dục cái.

Sân nhuế cái kia là những gì? Là nếu có người phát ra hành vi sân nhuế mà sân nhuế đó gốc là do sự phi pháp phát sinh thì đó gọi là sân nhuế cái.

Thụy miên cái kia là những gì? Thụy là thân dừng, là ý dừng, là thân chỉ, là ý chỉ, là thân si, là ý si, là thân nặng, là ý nặng, là thân bất tiện, là ý bất tiện, là thân chẳng sử, là ý chẳng sử. Đó là thụy miên. Là những gì? Là ý theo nhau khiến cho mắt nhắm lại, động chẳng động, khiến cho chẳng làm việc. Đó là miên. Đầu trên là thụy, phần sau là miên, cộng hai cái này lại thì gọi là thụy miên cái.

Bất liễu hối cái kia là những gì? Là thân chẳng dừng. Hối là gì? Là những ý niệm có thể, chẳng thể, chẳng được là hối. Đầu trên đó là bất liễu, phần sau là hối. Cộng hai cái đó lại thì gọi là Bất liễu hối cái.

Nghi cái kia là những gì? Nếu chẳng tin Phật, chẳng tin Pháp, chẳng tin các bậc hành giả, chẳng giải được Khổ, Tập, Tận, Đạo, kết sử này cũng từ đó phát khởi thì đó gọi là Nghi cái. Cũng có năm nghi: Có huyền tụ nghi, có phát giáo nghi, có đạo phân biệt nghi, có dục hành định nghi, có đắc đạo phước nghi. Như vậy, đó là nói về định nghi. Đó là năm cái. Cái là nói những gì? Cái là khước từ đối trị, là khước từ tất cả pháp thanh tịnh. Khước từ là sao? Ái dục là khước từ thanh tịnh, sân nhuế là khước từ ý bình đẳng, thụy là khước từ chỉ, miên là khước từ tinh tấn, ngũ lạc là khước từ hành, chỉ kết là khước từ bất hối, nghi là khước từ tuệ, chẳng biết vốn từ đâu khởi là khước từ sự hiểu rõ.

-oOo-

ĐỨC PHẬT NÓI TUỆ ẤN MỘT TRĂM SÁU MƯƠI BA ĐỊNH GIẢI

Ông phải biết, này Xá-lợi-phất! thân Như Lai là không thân, không tác, không khởi, không diệt, không từ cái có, chưa từng tạo ra, không hợp, không đi, không đến, không biết, không tập đều thanh tịnh, không nuôi, không ghét, không đi, không dừng, không sinh, không báo, không thấy, không gián đoạn, không mùi hơi, không thưởng thức, không canh, không thức, không hiểu, không dụ, không biết nhẫn, không sân nhuế, không tư tưởng, chẳng phải ý, lìa khỏi ý, ý bình đẳng, không bình đẳng, khử bỏ ý,

không cái cho, không năm đường, năm đường cắt đứt, dụng cụ trọng yếu, không cửa, không não, không có, không sợ, không có thể, không chẳng thể, không nghiệp, không thành, không lời nói, không mềm, chẳng hiện, chẳng phải sáng, chẳng phải tối, chẳng phải diệt, chẳng diệt, lìa khỏi diệt, đã diệt là tịnh, cực tịnh, tịnh đó chẳng dùng, chẳng phải duyệt, chẳng phải ái, chẳng phải gánh vác, lìa khỏi gánh vác, đã trụ thì ứng với không chỗ, chẳng phải ra đi, chẳng phải mất, chẳng phải chìm mất, chẳng phải pháp, chẳng phải không pháp, chẳng phải cõi, chẳng phải không cõi, chẳng phải tận, không có tận, xả bỏ tận, không nộ, lìa khỏi trời, lìa khỏi âm hưởng, lìa khỏi lời nói, lìa khỏi tư tưởng, chẳng phải hợp, chẳng phải chẳng hợp, chẳng phải cực, chẳng phải chẳng cực, chẳng phải đi, chẳng phải chẳng đi, chẳng phải hai, chẳng phải chẳng vui, không thọ kia, không cái nhìn thấy, không tướng, lìa khỏi tướng, chẳng cầu tướng, sáng an từ từ, không chấp trước, lìa khỏi chấp trước, tạo niềm tin, cũng không hai, xưng Như, là thẩm xét Như, thẩm xét nghĩa Như, chẳng phụ độ người, không độ, trừ không trừ, cứu không cứu, nói không nói hai, không có ngang bằng, không sánh bằng, cùng hư không ngang bằng, không chỗ ngang bằng, không sinh ngang bằng, không được ngang bằng, không ngưng nghỉ, lìa khỏi ngưng nghỉ, đã tịch mà tịch đầy, tịch tan, giải thoát tâm, hạnh thiện chuyển đến trọng yếu, tất cả báo đoạn dứt, thành tựu đầy đủ, rất chân thật, thân sáng, chất tịnh, không tự tư duy, không sở hạnh, hạnh giải, không giải, không ứng, chẳng bằng, chẳng dài, chẳng tròn, chẳng vuông, chẳng khen ấm, chẳng xưng chủng, chẳng ca ngợi nhập, chẳng là số, chẳng đạt đến số, chẳng lại sinh, chẳng thể thấy, chẳng có biết, cũng chẳng chết, chẳng nhân duyên của thế gian, không thân chẳng nhân duyên nhưng chẳng té ngã, không có chỗ ở, chẳng phải chung, chẳng phải thỉ, chẳng phải niệm, chẳng phải ưu, chẳng phải việc, chẳng phải tranh cãi, chẳng phải tướng ác, chẳng phải diệt độ, chẳng phải diệt xong, chẳng phải sự tạo tác, chẳng phải chẳng tạo tác.

-oOo-

Số 604

PHẬT THUYẾT THIỀN HÀNH TAM THẬP THẤT PHẨM KINH

Hán dịch: Đời Hậu Hán,
Tam tạng An Thế Cao.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu trong một khoảnh khắc, hành giả tư duy quán tưởng về thân mình hành thân chỉ quán, ở bên ngoài thân hành thân chỉ quán, bên trong bên ngoài thân hành thân chỉ quán, nhớ nghĩ phân biệt rõ ràng những si mê não loạn của thế gian, đây là tinh tấn, thực hành đúng như lời Phật dạy, chẳng phải là kẻ ngu si chỉ biết nhận thức ăn của người bố thí, huống gì là hành giả có nhiều khả năng hành trì nhiều pháp. Nói tóm lại, nếu trong một khoảnh khắc mà hành chỉ quán thọ hoặc chỉ quán tâm và chỉ quán pháp trong, ngoài đều phân biệt hiểu rõ sự ngu si não loạn của thế gian, tất cả đều như đã nói ở trên, huống gì là hành giả có thể hành trì nhiều, cho nên cần niệm hành bốn Ý chỉ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu trong một khoảnh khắc, hành giả tư duy các pháp ác chưa sinh khiến cho không sinh, hành giả sửa đổi ý, tinh tấn thâu giữ tâm, đây là hành thiền tinh tấn, làm đúng như lời Phật dạy, không phải là kẻ ngu si chỉ biết ăn thức ăn của người bố thí, huống gì là thực hành nhiều. Nói tóm lại: Nếu trong một khoảnh khắc, hành giả tư duy về các pháp ác đã sinh liền trừ diệt, các pháp thiện chưa sinh làm cho phát sinh, pháp thiện đã sinh khiến cho tăng trưởng, làm cho viên mãn, hành giả sửa đổi ý, tinh tấn thâu giữ tâm đều đã trình bày như trên, huống chi là thực hành nhiều. Cho nên có thể thực hành bốn Ý đoạn.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu trong một khoảnh khắc, hành giả tư duy hành thiền định đoạn

trừ sinh tử, tư duy về thần túc, đó là hành thiền hết sức tinh tấn, thực hành đúng như lời Phật dạy, không phải là kẻ ngu si chỉ biết nhận thức ăn của người bố thí, huống nữa là thực hành nhiều. Nói tóm lại, nếu trong một khoảnh khắc, hành giả tư duy thực hành tinh tấn thiền định, hoặc tư duy thực hành ý định và giới định đoạn trừ sinh tử, tư duy về thần túc đều như đã nói ở trên, huống gì là thực hành nhiều, cho nên có thể niệm hành bốn Thần túc.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu trong một khoảnh khắc, hành giả tư duy thực hành Tín căn. Do chứng được sự việc của bốn hỷ, không lìa bỏ Phật, Pháp, Tăng và giới, gọi là tinh tấn thực hành thiền định, làm đúng như lời Phật dạy, không phải là kẻ ngu si chỉ biết nhận thức ăn của người bố thí, huống nữa là thực hành nhiều. Nói tóm lại: Nếu chỉ trong một khoảnh khắc, tư duy thực hành Tinh tấn căn, do thấy được bốn Ý đoạn. Hoặc tư duy thực hành Niệm căn, do thấy được bốn Ý chỉ. Hoặc tư duy thực hành Định căn do thấy được bốn Thiền. Hoặc tư duy thực hành Tuệ căn do thấy được bốn Đế đều như đã nói ở trên, huống nữa là thực hành nhiều, cho nên có thể thực hành năm căn.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu trong một khoảnh khắc, hành giả tư duy thực hành Tín lực thì được sự việc của bốn hỷ, khiến không gì có thể phá hoại, gọi là tinh tấn thực hành thiền định. Làm đúng như lời Phật dạy, chẳng phải là kẻ ngu si chỉ biết nhận thức ăn của người bố thí, huống nữa là thực hành nhiều. Nếu chỉ trong một khoảnh khắc, hành giả tư duy thực hành Tinh tấn lực, hoặc Niệm lực, hoặc Định lực, hoặc Tuệ lực đều như đã trình bày ở trên, huống nữa là thực hành nhiều, cho nên có thể thực hành năm Lực.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu trong một khoảnh khắc, hành giả tư duy thực hành Niệm giác ý, vì nhớ nghĩ điều đáng niệm, vì ưa thích niệm, vì chánh niệm nên nhớ nghĩ pháp lành, được tất cả, không quên mất, đó là tinh tấn thực hành thiền định. Làm đúng như lời Phật dạy, không phải là kẻ ngu si chỉ biết nhận thức ăn của người bố thí, huống nữa là thực hành nhiều. Nói tóm lại: Nếu trong một khoảnh khắc, hành giả tư duy thực hành pháp giải giác ý, phân biệt hiểu rõ ý nghĩa của kinh, tùy thuận lãnh hội. Nếu tư duy thực hành tinh tấn giác ý, thân của vị ấy tinh tấn, ý cũng tinh tấn. Nếu tư duy thực hành ái giác ý, biết được điều đáng ưa thích khiến cho tâm ý vui vẻ. Nếu tư duy thực hành chỉ giác ý, khiến thân được nghỉ ngơi, ý cũng thư thái. Nếu tư duy thực hành định giác ý, làm cho ý an trú, niệm cũng an trú, chí không loạn

động, không tà niệm. Nếu tư duy thực hành hộ giác ý, khiến hành trì hộ biết được đối tượng niệm, thân an ổn, khiến thấy đạo, trừ bỏ điều ác, nhớ nghĩ đến sự an ổn đều đúng như đã nói ở trên, huống nữa là thực hành nhiều, cho nên có thể niệm hành bảy Giác ý.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu chỉ trong một khoảnh khắc, tinh tấn thực hành chánh kiến, do từ xưa biết sự khởi đầu chung cuộc, biết trong ngoài, biết Khổ, biết Tập, biết Diệt, biết Đạo, biết Phật, biết Pháp, biết chúng Tỳ-kheo, biết học, biết làm các việc, chỗ tập hợp và chỗ nắm giữ của sáu căn và sáu trần, biết chỗ biến mất cùng chỗ hướng tới của chúng, biết rõ đức của không tham, gọi là Chánh kiến. Tinh tấn hành thiền định, làm đúng lời dạy của Phật, không phải là kẻ ngu si chỉ biết nhận thức ăn của người bố thí, huống nữa là thực hành nhiều. Nói tóm lại: Nếu chỉ trong một khoảnh khắc, thực hành Chánh tư duy, là suy nghĩ về xuất gia, suy nghĩ về sự không tranh cãi, suy nghĩ về không sát sinh. Hoặc tư duy thực hành Chánh ngữ, không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói lời thô ác, không nói thêu dệt. Hoặc tư duy thực hành Chánh mạng, không vì tham cầu sự sống, không sân giận trong đời sống, không vì si mê trong cuộc sống. Hoặc tư duy thực hành Chánh nghiệp, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm. Hoặc tư duy thực hành Chánh trị, do tu tập tinh tấn bốn Ý đoạn. Hoặc tư duy thực hành Chánh niệm, do thực hành bốn Ý chỉ, tư duy thực hành chánh định, do suy nghĩ các việc của bốn Thiền đều như đã trình bày ở trên. Vị ấy, trong một khoảnh khắc, công đức đạt được như vậy, huống nữa là thực hành nhiều, cho nên có thể nhớ nghĩ thực hành bát chánh đạo.

Phật thuyết giảng kinh này xong, tất cả Tỳ-kheo đều hoan hỷ thọ trì.

-oOo-

Số 605

KINH THIỀN HÀNH PHÁP TƯỞNG

Hán dịch: Đời Hậu Hán,
Tam tạng An Thế Cao.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Phật bảo các Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo đều lắng nghe lời dạy của Đức Phật. Phật dạy:

–Nếu chỉ trong một khoảnh khắc, quán xét về tưởng chết, suy nghĩ tất cả nếu có thân đều phải chết, gọi là tinh tấn thực hành thiền định. Làm đúng như lời Đức Phật dạy, không phải là kẻ ngu si chỉ biết nhận thức ăn của người trong nước bố thí, huống nữa là thực hành nhiều.

Nói tóm lại, nếu nhớ nghĩ về tưởng bất tịnh, dơ uế, tưởng ăn uống, tưởng tất cả thế gian không có gì an vui, tưởng về vô thường, tưởng vô thường là khổ, tưởng về khổ chẳng phải là thân, tưởng chẳng phải thân là không, tưởng xa lìa, tưởng từ bỏ dâm, tưởng diệt hết, tưởng vô ngã.

Quán tưởng thây chết là thức ăn của các loài trùng.

Quán tưởng máu huyết chảy ra.

Quán tưởng thây chết sình trướng.

Quán tưởng thây bầm tím hư nát.

Quán tưởng mùi hôi của thịt bị thối rữa.

Quán tưởng về tóc rụng, thịt tan.

Quán tưởng tất cả trói buộc đều được mở ra.

Quán tưởng đốt xương tan hoại.

Quán tưởng xương biến thành màu đỏ, trắng, khô đen cũng như màu chim cưu.

Quán tưởng về xương mục nát làm tro.

Quán tưởng về thế gian không có chỗ hướng về.

Quán tưởng về thế gian không bền chắc.

Quán tưởng về thế gian là xa lìa.

Quán tưởng về thế gian là tối tăm.

Quán tưởng về thế gian khó nhẫn chịu.

Quán tưởng đời là uổng phí không thuận hợp.

Quán tưởng đời là tai họa đáng lo sợ nên nhàm chán.

Quán tưởng Niết-bàn là chỗ quay về của tất cả thế gian.

Này các Tỳ-kheo! Nếu trong một khoảnh khắc, tư duy nhớ nghĩ về những việc của các tưởng này đều là tinh tấn thực hành, làm đúng lời dạy của Đức Phật, không phải là kẻ ngu si chỉ biết nhận thức ăn của người bố thí, huống nữa là có khả năng thực hành nhiều, cho nên có thể nhớ nghĩ thực hành tưởng về các pháp.

Phật thuyết giảng kinh này xong, tất cả Tỳ-kheo đều hoan hỷ thọ trì.

-oOo-